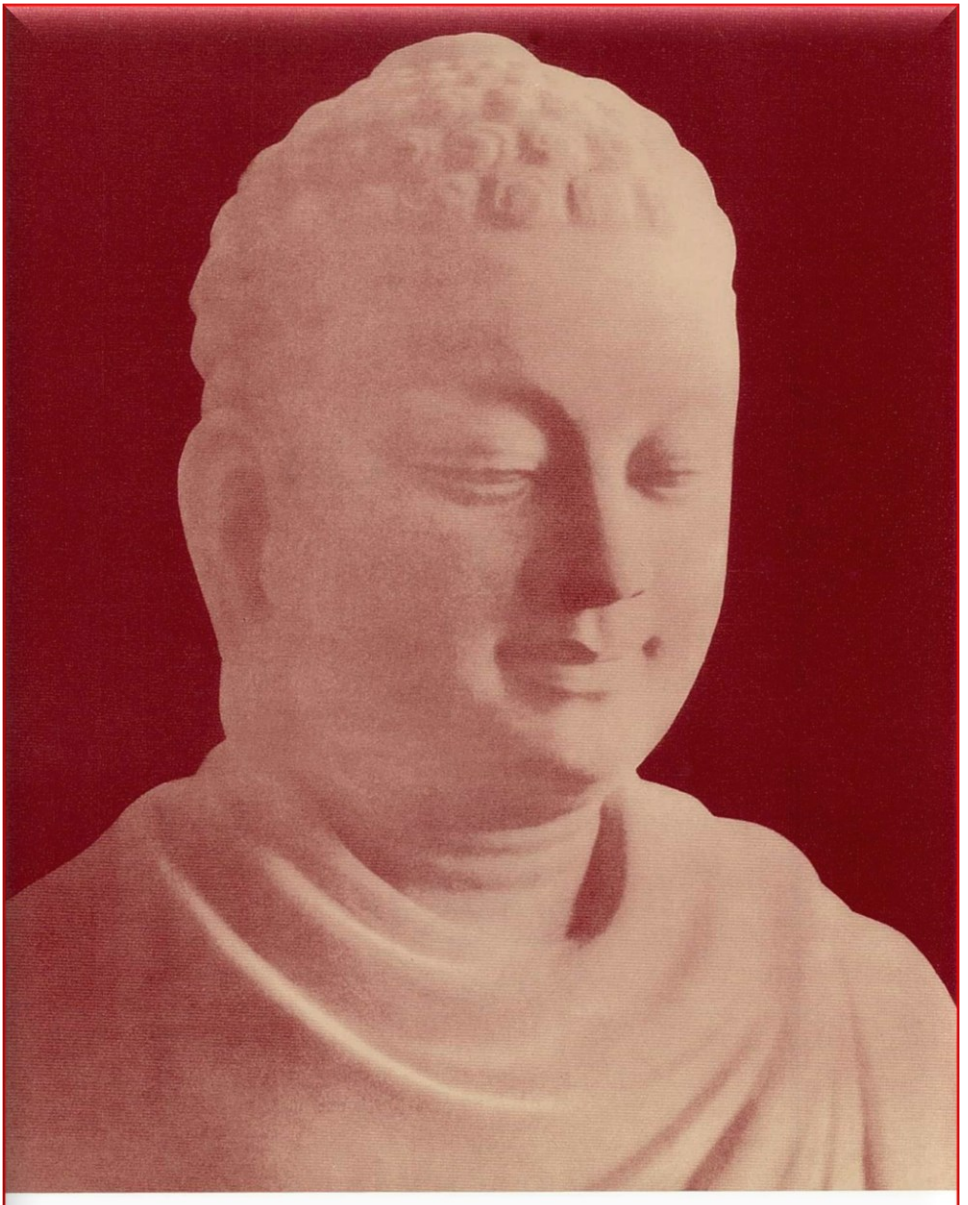


BỘ ĐẠI TẬP 1 – T050

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 50

BỘ ĐẠI TẬP

I

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

Lời Giới Thiệu

Ngày nay, có thể nói, đại đa số Tăng Ni và Phật tử Việt Nam đều nhận thấy, một bộ Đại Tạng Kinh bằng chữ Việt là nhu cầu hết sức bức thiết, vì hai lý do:

Thứ nhất, hầu hết các nước Phật giáo châu Á, kể cả Lào và Campuchia, đều đã có Đại Tạng Kinh riêng của họ, lẽ ra Phật giáo Việt Nam cũng đã phải có từ lâu rồi, nhưng cho đến nay vẫn chưa: điều này chứng tỏ Phật giáo Việt Nam đã thua kém Phật giáo các nước bạn rất xa. Đó là điều mà giới Phật giáo Việt Nam, đặc biệt giới xuất gia, cần quan tâm suy nghĩ.

Thứ hai, khả năng học tập, nghiên cứu Phật giáo trực tiếp qua Đại Tạng Kinh chữ Hán, có thể sẽ mỗi ngày một sút giảm dần; như vậy, nếu không có được bộ Đại Tạng Kinh chữ Việt hoàn chỉnh và gấp rút, thì e các thế hệ học Phật tương lai sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc nghiên cứu, học hỏi; và về lâu về dài, sự phát huy tinh thần Phật pháp ở Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng, nếu không nói bị hạn chế.

Chúng tôi nhấn mạnh, "Đại Tạng Kinh chữ Việt hoàn chỉnh", có nghĩa là trước nay ở Việt Nam tuy cũng đã có một số lớn kinh điển Hán văn được dịch sang chữ Việt rồi, nhưng số đó còn rời rạc, lẻ tẻ, chứ chưa được tổ chức thành hệ thống hẳn hoi cho đúng với danh nghĩa Đại Tạng Kinh như tạng chữ Hán, để truyền trì cho đời sau. Hơn nữa, "hoàn chỉnh" còn có nghĩa là Đại Tạng Kinh chữ Việt phải gồm đủ Kinh, Luật, Luận và những tác phẩm chú thích, sớ giải v.v... của các bậc Tổ sư tiền bối cũng như của các học giả cận đại.

Nay, chúng tôi được biết, Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh –Tiến sĩ Triết học– hiện đang ở bên Đài Loan, phát nguyện đứng ra tổ chức phiên dịch và ấn hành Đại Tạng Kinh chữ Việt. Hòa thượng đã hoạch định một chương trình phiên dịch và ấn loát quy mô, công việc đang được tiến hành một cách thuận lợi và đều đặn. Chúng tôi vô cùng hân hoan và xin nhất tâm tùy hỷ.

Nhưng đây là sự nghiệp lớn lao, công đức cũng vô lượng, không phải sức của một người có thể chu toàn được, mà phải cần sự hỗ trợ của nhiều người. Cái khó trước kia là ở chỗ đã chưa có ai đề xướng và đứng ra gánh vác trách nhiệm, cho nên dù có người muốn hỗ trợ cũng không biết hướng về đâu. Thì nay đã có Hòa thượng Tịnh Hạnh, tương đối đủ năng lực và điều kiện, đứng ra cán đáng công việc to lớn này, nên chúng

tôi chí thành tha thiết thỉnh cầu chư tôn Hòa thượng, chư Đại đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, hãy phát đại tâm hộ trì Phật pháp, giúp đỡ Hòa thượng Tịnh Hạnh bằng hai cách:

– Tích cực tham gia công trình phiên dịch, hiệu đính, chứng nghĩa, góp ý v.v...

–Hỗ trợ tài chính, tùy theo khả năng, cho công trình ấn loát, xuất bản v.v...

Đây là việc chung, có ảnh hưởng rất lớn đối với tiền đồ Phật giáo Việt Nam, chúng tôi ước mong quí vị sốt sắng tham gia, để phúc quả to tát này mau được viên mãn.

Sự nghiệp phiên dịch và xuất bản Đại Tạng Kinh chữ Việt, khi được hoàn thành, sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển nền văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời, giúp nâng cao địa vị của Phật giáo Việt Nam lên ngang tầm địa vị của các nước Phật giáo trên thế giới.

Nguyện cầu chư Phật, Bồ-tát, Thánh tăng, Hộ pháp thiện thần gia bị cho Hòa thượng Tịnh Hạnh và toàn thể quí vị Mạnh thường quân hộ trì Chánh pháp mau thành tựu đại nguyện.

Nam mô Hộ Pháp Chư Thiên Bồ-tát tác đại chứng minh.

Sài Gòn ngày 16 - 12 - 1998

Hội đồng Chứng minh

Lời Nói Đầu

Ba tạng giáo điển là kho tàng của trí tuệ Bát-nhã, là chìa khóa của sự thành tựu đạo nghiệp. Hơn mười ba thế kỷ trước, thấu triệt lẽ này, Đại sư Huyền Tráng đã phát đại hùng tâm phiên dịch kiện toàn ba tạng giáo điển, giúp Trung Quốc hồng phước sở hữu Trung văn Đại Tạng Kinh.

Trải năm mươi năm ấp ủ một hoài bão tương tự, mãi đến ngày nay, chúng tôi, mới tạm hội đủ nhân duyên để thực hiện bộ Việt tạng; thành tựu ấy chẳng thể, chẳng phải do một cá nhân: nó là thành quả của một công đức cộng đồng, do nhiều trái tim, bộ óc hợp lại.

Xưa kia, sự hiện diện của Hán tạng đã góp phần to lớn vào sự nghiệp nâng cao đời sống văn hóa, tâm linh của Trung Hoa, giúp nước này đủ sức mạnh gốc rễ để đứng vững trước bao phong ba, thử thách. Nhận định về điều này, ông Phùng Hữu Lan, giáo sư Viện đại học Bắc kinh đã viết:

"Vào thời đại Nam Bắc triều, giới tư tưởng Trung Quốc lại có sự chuyển mình lớn lao. Bởi vì lúc đó tư tưởng Phật giáo truyền vào Trung Quốc có hệ thống, người Trung Quốc đối với Phật giáo cũng thâm nhập hiểu được những huyền diệu sâu xa. Từ đó cho đến thời sơ diệp nhà Tống, những người có tư tưởng lỗi lạc nhất của Trung Quốc đều là những người nghiên cứu tư tưởng đạo Phật (khoảng năm sáu trăm năm). Tư tưởng Phật giáo vốn là sản vật của Ấn Độ nhưng được người Trung Quốc giảng giải, phần nhiều đem tư tưởng đó thâm nhập vào khuynh hướng tư tưởng người Trung Quốc, biến thành tư tưởng Phật giáo của Trung Quốc." *

Sự hiện diện của Việt tạng đối với dân tộc ta đương nhiên cũng là như thế.

Về mặt nội dung, Việt tạng tiếp nạp cả Đại tạng Bắc truyền và Đại tạng Nam truyền. Về phần Đại tạng Bắc truyền, quan trọng nhất được chọn từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Tục Tạng Kinh...; thêm vào những sắc thái đặc biệt của Đại tạng Tây Tạng, Nhật Bổn; những văn bản tư tưởng Phật giáo của các vị Cao tăng học giả Đông, Tây cận đại và hiện

---

* Trung Quốc Triết Học Sử, trang 661, xb. 1970 tại Đài loan:

"Nam Bắc triều thời, Trung Quốc tư tưởng giới hựu hữu đại biến động. Cái ư thị thời Phật giáo tư tưởng hữu hệ thống đích du nhập, nhi Trung Quốc nhơn đối chi diệc năng hữu thậm thâm liễu giải. Tự thử dĩ hậu, dĩ chí Tống sơ Trung Quốc chi đệ nhất lưu tư tưởng gia, giai vi Phật học gia. Phật học bổn vi Ấn Độ chi sản vật, đản Trung Quốc nhơn giảng chi, đa tương kỳ gia nhập Trung Quốc tư tưởng chi khuynh hướng, dĩ sử thành vi Trung Quốc chi Phật học."

đại: tất cả vào khoảng một ngàn tập, mỗi tập dày một ngàn trang khổ 17 x 24 cm, như qúy vị đang có trước mắt.

Chỉ nói sơ qua, đã mường tượng được công việc thực hiện Việt tạng là khó khăn như thế nào. Thử liếc nhìn qua nước Nhật Bổn chẳng hạn: chỉ mỗi phần việc biên tập tu đính dành cho bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (vì toàn bộ Đại Tạng Trung văn và Đại Tạng Nhật Bổn đã hoàn thành từ lâu), do hai học giả Phật giáo lỗi lạc của Nhật Bản là Cao Nam Thuận Thứ Lang (Junjiro Takakusu) và Độ Biên Hải Húc (Watanabe) chủ trì, cùng với sự cộng tác của nhiều học giả Phật giáo và Đông phương học mà phải cống hiến ròng rã mười ba năm trí tuệ tâm huyết, mới tạm gọi là hoàn chỉnh.

Việc đã đành là khó, ngàn khó vạn khó, nhưng lẽ nào thấy khó mà không làm. Tự lượng sức mình có hạn, nhưng vì mỗi chút lòng thao thức cho sinh mệnh, tiền đồ của Phật giáo và dân tộc Việt Nam, chúng tôi đã mạo muội đứng lên khởi xướng, những mong một gọi nghìn thưa: mỗi Phật tử người Việt, xin ý thức trách nhiệm của mình, tự nguyện góp phần công đức vào sự nghiệp thực hiện bộ Việt tạng này, chẳng những là một phương tiện thù thắng để hoằng dương Chánh pháp, mà còn là đối với nền văn hóa dân tộc được cống hiến vô cùng sâu rộng, cũng xứng đáng là một tôn giáo đã có mặt trên đất nước Việt Nam ngót hai ngàn năm lịch sử.

Hôm nay Việt tạng bắt đầu xuất bản, vì là lần đầu, mặc dầu chúng tôi cố gắng đến mức tối đa, nhưng chắc cũng khó tránh khỏi những khuyết điểm về hình thức lẫn nội dung; hy vọng những vị cao kiến chỉ dạy để kịp thời sửa lại trong những tập sau cũng như lần tái bản. Ở đây chúng tôi xin ghi ơn những vị tiền bối đã âm thầm góp sức, cũng như nhiều vị phụng hiến trí tuệ và mồ hôi qua sáu năm và những ngày sắp tới vào công việc gian lao này. Sau hết, không quên cảm ơn Chính phủ Việt Nam trong thời gian qua, đã dành cho chúng tôi nhiều sự dễ dàng trong khi thực hiện Đại Tạng Kinh chữ Việt.

Kính chúc Quý vị vô lượng cát tường.

Viết tại chùa Pháp Bảo Quận THỦ ĐỨC
Ngày 06 tháng giêng năm Canh thìn
P.L: 2544 (2000)
Sa môn THÍCH TỊNH HẠNH

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. Tên người: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm…

2. Tên nước: Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...

3. Tôn xưng danh hiệu Phật: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác…

4. Tác phẩm, kinh sách: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm…

II- <u>Viết hoa chữ đầu</u>:

1. Địa danh: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi…

2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế…

3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả…

4. Chủng loại: chư Thiên

5. Phương hướng: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá…

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāḷī)

1. Nhân danh: Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất…

2. Địa danh: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề…

3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa…

4. Phẩm bậc, quả vị: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán…

5. Chủng loại: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà…

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāḷī)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần…

V- Số:

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số) ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)…

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 …

VI- Đặc biệt:

Âm "y" và "i": dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ…

梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ ĐẠI TẬP 1 – T050

SỐ 397 3
KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP 3
QUYỂN 1 3
Phẩm 1: ANH LẠC 3
Phẩm 2: BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI TỰ TẠI VƯƠNG (Phần 1) 24
QUYỂN 2 39
Phẩm 2: BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI TỰ TẠI VƯƠNG (Phần 2) 39
QUYỂN 3 65
Phẩm 2: BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI TỰ TẠI VƯƠNG (Phần 3) 65
QUYỂN 4 103
Phẩm 2: BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI TỰ TẠI VƯƠNG (Phần 4) 103
QUYỂN 5 135
Phẩm 3: BẢO NỮ (Phần 1) 135
QUYỂN 6 160
Phẩm 3: BẢO NỮ (Phần 2) 160
QUYỂN 7 192
Phẩm 4: BỒ-TÁT BẤT THUẦN 192
QUYỂN 8 224
Phẩm 5: BỒ-TÁT HẢI TuỆ (Phần 1) 224
QUYỂN 9 257
Phẩm 5: BỒ-TÁT HẢI TUỆ (Phần 2) 257
QUYỂN 10 298
Phẩm 5: BỒ-TÁT HẢI TUỆ (Phần 3) 298
QUYỂN 11 326
Phẩm 5: BỒ-TÁT HẢI TUỆ (Phần 4) 326
QUYỂN 12 363
Phẩm 6: BỒ-TÁT VÔ NGÔN 363
QUYỂN 13 409
Phẩm 7: BỒ-TÁT BẤT KHẢ THUYẾT 409
QUYỂN 14 453
Phẩm 8: BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG (Phần 1) 453
QUYỂN 15 486
Phẩm 8: BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG (Phần 2) 486
QUYỂN 16 517
Phẩm 8: BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG (Phần 3) 517
QUYỂN 17 547

Phẩm 8: BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG (Phần 4) 547
QUYỂN 18 579
Phẩm 8: BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG (Phần 5) 579
QUYỂN 19 611
Phẩm 9: BẢO TRÀNG 611
Phần 1: KHỔ NÃO CỦA MA VƯƠNG 611
Phần 2: TÍCH XƯA 625
Phần 3: ĐIỀU PHỤC MA 637
QUYỂN 20 652
Phẩm 9: BẢO TRÀNG (2) 652
Phần 4: THẦN TÚC TAM-MUỘI 652
Phần 5: NÊU TƯỚNG 669
QUYỂN 21 683
Phẩm 9: BẢO TRÀNG (3) 683
Phần 6: ĐÀ-LA-NI 683
Phần 7: HỘ TRÌ 699
Phần 8: THỌ KÝ 701
Phần 9: HẠNH BI 707
Phần 10: HỘ PHÁP 709
Phần 11: TỨ THIÊN VƯƠNG HỘ PHÁP 712
Phần 12: QUỶ KHOÁNG GIẢ 718
Phần 13: TRỞ VỀ NƠI GỐC 722
QUYỂN 22 724
Phẩm 10: HƯ KHÔNG MỤC 724
Phần 1: THANH VĂN 724
QUYỂN 23 759
Phẩm 10: HƯ KHÔNG MỤC 759
Phần 2: THẾ GIAN MỤC (đôi mắt của thế gian) 759
Phần 3: DI-LẶC 764
Phần 4: TÂM VÔ LƯỢNG 769
Phần 5: TỊNH MỤC 773
QUYỂN 24 786
Phẩm 10: HƯ KHÔNG MỤC 786
Phần 6: THÁNH MỤC 786
Phần 7: PHÁP BÍCH-CHI-PHẬT 793
Phần 8: TRÍ VÔ NGẠI CỦA PHẬT 794
Phần 9: HỘ PHÁP 799
Phần 10: ĐẠI CHÚNG TRỞ VỀ 805
QUYỂN 25 807

Phẩm 11: BỒ-TÁT BẢO KẾ (Phần 1) 807
QUYỂN 26 828
Phẩm 11: BỒ-TÁT BẢO KẾ (Phần 2) 828
QUYỂN 27 850
Phẩm 12: BỒ-TÁT VÔ TẬN Ý (Phần 1) 850
QUYỂN 28 879
Phẩm 12: BỒ-TÁT VÔ TẬN Ý (Phần 2) 879
QUYỂN 29 901
Phẩm 12: BỒ-TÁT VÔ TẬN Ý (Phần 3) 901
QUYỂN 30 922
Phẩm 12: BỒ-TÁT VÔ TẬN Ý (Phần 4) 922
QUYỂN 31 947
Phẩm 13: NHẬt MẬT 947
Phần 1: HỘ PHÁP 947
Phần 2: BỒ-TÁT KHẮP NƠI TẬP HỢP (1) 960
QUYỂN 32 974
Phẩm 13: NHẬt MẬT 974
Phần 2: BỒ-TÁT KHẮP NƠI TẬP HỢP (2) 974
Phần 3: PHÂN BIỆT NÓI VỀ DỤC 984
Phần 4: PHÂN BIỆT (1) 986
QUYỂN 33 997
Phẩm 13: NHẬt MẬT 997
Phần 4: PHÂN BIỆT (2) 997
Phẩm CỨU RỒNG (thứ sáu) 1023
QUYỂN 34 1029
Phẩm 14: NHẬT TẠNG 1029
Phần 1: HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP 1029
QUYỂN 35 1053
Phẩm 14: NHẬY TẠNG 1053
Phần 2: ĐÀ-LA-NI (1) 1053
QUYỂN 36 1073
Phẩm 14: NHẬT TẠNG 1073
Phần 2: ĐÀ-LA-NI (2) 1073
QUYỂN 37 1091
Phẩm 14: NHẬT TẠNG 1091
Phần 3: CÁC BỒ-TÁT SỨ GIẢ 1091
QUYỂN 38 1104
Phẩm 14: NHẬT TẠNG 1104
Phần 4: ĐỊNH 1104

QUYỂN 39 1129
Phẩm 14: NHẬT TẠNG 1129
Phần 5: TÍCH TẬP NGHIỆP ÁC 1129
QUYỂN 40 1146
Phẩm 14: NHẬT TẠNG 1146
Phần 6: HỘ TRÌ 1146
Phần 7: PHẬT HIỆN THẦN THÔNG 1153
QUYỂN 41 1161
Phẩm 14: NHẬT TẠNG 1161
Phần 8: TINH TÚ (1) 1161
QUYỂN 42 1183
Phẩm 14: NHẬT TẠNG 1183
Phần 8: TINH TÚ (2) 1183
QUYỂN 43 1194
Phẩm 14: NHẬT TẠNG 1194
Phần 9: ĐƯA SỨ GIẢ 1194
Phần 10: TAM-MUỘI NIỆM PHẬT 1200
Phần 11: LÊN ĐỈNH TU-DI 1209
QUYỂN 44 1219
Phẩm 14: NHẬT TẠNG 1219
Phần 12: TAM QUY CỨU RỒNG 1219
QUYỂN 45 1237
Phẩm 14: NHẬT TẠNG 1237
Phần 13: BẢO VỆ THÁP 1237
QUYỂN 46 1253
Phẩm 15: NGUYỆT TẠNG 1253
Phần 1: THẦN CHỦ NGUYỆT TRÀNG 1253
QUYỂN 47 1291
Phẩm 15: NGUYỆT TẠNG 1291
Phần 2: MA VƯƠNG BA TUẦN ĐI ĐẾN CHỖ PHẬT 1291
Phần 3: CHÚNG A TU LA ĐẾN CHỖ PHẬT 1306
QUYỂN 48 1343
Phẩm 15: NGUYỆT TẠNG 1343
Phần 4: NÓI VỀ SỰ VIỆC ĐỜI TRƯỚC CỦA CÁC VỊ ĐỆ TỬ PHẬT . 1343
Phần 5: CHÂN ĐẾ ĐỆ NHẤT NGHĨA 1357

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 50

BỘ ĐẠI TẬP 1 SỐ 397 (QUYỂN 1 → 48)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 397

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam tạng Đàm-vô-sấm, người nước Thiên Trúc.

QUYỂN 1

Phẩm 1: ANH LẠC

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngụ trong đại tháp nơi núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá. Đó là nơi an trụ của các Đức Phật thời xa xưa, chư Bồ-tát luôn tán thán. Nơi ấy đất đai sạch sẽ, có pháp tòa vi diệu tối thắng của các Đức Phật, Trời, Rồng, Quỷ thần thường ngợi khen, nuôi lớn số căn lành, ánh sáng mầu nhiệm của chư Phật thường chiếu đến, thành tựu vô lượng, vô biên công đức, đầy đủ hạnh độ sinh của chư Như Lai. Sau khi thành đạo Bồ-đề, Đức Thích-ca chuyển bánh xe pháp, giáo hóa mọi loài, tự tại trong các pháp. Lúc này, Phật cùng đi với sáu vạn tám ngàn Tỳ-kheo tăng, những người đã đoạn trừ tập khí của phiền não, đều là đệ tử Phật, hiểu nghĩa sâu xa vi diệu, là ruộng phước, diệt hết nẻo sinh tử, đủ giới thanh tịnh, đạt quả

không sinh diệt, vô số Bồ-tát xuất gia, đủ trí vô ngại, trí sâu mầu, trí thông đạt tất cả, đại Từ, đại Bi, mưa pháp diệu. Các Bồ-tát này thường bố thí pháp vị cam lồ, đối với chúng sinh tâm luôn bình đẳng như đại địa, thành tựu phát triển pháp trợ đạo, đủ trí sáng xua tan tăm tối, soi rọi đường lành dữ, nở đóa sen lành, thành thục căn lành của chúng sinh, nuôi lớn mầm tốt, làm khô cạn biển phiền não, đủ cánh trí tuệ tự tại bay đi khắp mọi nơi. Các Bồ-tát ấy như mặt trời vì tăng trưởng pháp lành, đoạn trừ pháp ác cho chúng sinh; như mặt trăng vì kiên định pháp lành như núi Tu-di, tâm tịch tĩnh, tu tập hạnh thanh tịnh, không dao động trước các học thuyết thế gian, an trụ trong pháp xuất thế vô thượng, thấy các Đức Phật ở tất cả cõi nước, chứa nhóm pháp lành như biển lớn, thành tựu viên mãn các pháp Đà-la-ni, trọn tâm đại Từ bi, tịch tĩnh hạnh Bồ-tát trang nghiêm mắt định tuệ, từ lâu đã không còn sợ hãi pháp mầu nhiệm, vô số kiếp tu tập pháp giác ngộ. Chưa trọn vẹn thì tu tập mãi, thành tựu công đức của hàng Bồ-tát. Đó là các Đại Bồ-tát: Tuệ Quang Vô Ngại Nhãn; Kiến Nhất Thiết Điền Trang Nghiêm Anh Lạc; Bất Đoạn Như Lai Tánh Xuất Thế Ý; Vị Chư Chúng Sinh Thị Hiện Tế Hạnh Thần Túc; Vô Lượng Nhạo Thuyết Vô Ngại Thần Túc Tràng Danh Xưng; Tịnh Chúng Quang Tự Tại Vương; Thiện Năng Luận Giải Tự Nghĩa Quảng Thuyết Luận Nghĩa

Thần Túc; Vô Lượng Công Đức Trí Tuệ Trang Nghiêm Trụ. Các Bồ-tát ấy luôn gần gũi Đức Thế Tôn, được nghe Phật giảng nói pháp hạnh của Bồ-tát.

Lúc ấy, mười sáu năm kể từ khi thành đạo, Đức Như Lai tập hợp đại chúng, những người tu tập phạm hạnh, đủ khả năng thọ trì tạng pháp của Bồ-tát. Đức Phật nghĩ: Trước khi thuyết giảng pháp hạnh Bồ-tát cho chúng cốt cán này ta nên thị hiện sức thần thông vi diệu của chư Phật để chúng biết cảnh giới sâu mầu của các Đức Như Lai. Thế rồi Đức Thích-ca nhập định "Phật cảnh thần thông thật kiến chúng sinh". Nhờ công đức và thần lực nơi trí tuệ của Phật, giữa hai cõi trời Dục, Sắc hiện ra một cõi nước rộng lớn như tam thiên đại thiên thế giới. Đức Phật đi lại dừng nghỉ ở đó. Phật lại phóng ánh sáng thanh tịnh chiếu soi các cõi Như Lai nơi mười phương, khiến chúng sinh thành tựu tâm biết đủ, đối với các cung điện cõi trời ánh sáng ấy hơn hẳn, có thể nhắc răn các Bồ-tát bị phóng dật lôi cuốn trong mọi cảnh giới. Bao quanh vùng đất ấy là bốn vòng cây lưu ly trắng và tường vàng ròng, nhà báu công đức, mái nhà rũ bằng mã não; lan can là các loại báu, lưới châu trắng phủ bên trên, trang nghiêm bằng cờ phướn, lọng báu, trên mặt đất xông rải các loại hương thơm. Ở đó đủ tất cả mọi vật trang trí đẹp nhất của chúng sinh nơi mười phương, đặt trăm ngàn vạn ức pháp tòa Sư

tử, mỗi tòa đều trải nệm mềm mại đủ sắc màu rực rỡ, xung quanh có bốn bậc thềm thang bày bảy báu. Bậc thềm thang bằng kim cương rộng mười do-tuần. Khi đi trên đó phát ra âm thanh rất hay. Như bốn cõi thiên hạ, tam thiên đại thiên cõi nước đều thế.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xuất định, tam thiên cõi nước chấn động sáu cách, hào quang của Phật sáng soi rực rỡ. Các Bồ-tát, Thanh văn vây quanh cùng đi đến cõi ấy. Chư Thiên cung kính tán thán, trỗi nhạc, rải các loại hương thơm, hoa đẹp như hoa Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa để cúng dường, làm vang động vô số cõi nước với ánh sáng rực chiếu, hiện phước đức thần thông của chư Phật.

Lúc ấy, ở núi Kỳ-xà-quật đại chúng bỗng nhiên biến mất, từ các bậc thềm họ bay vụt lên hư không. Vô số trời, rồng, các quỷ thần: Bất hộ, Kỹ nhạc, Phi thiên, Kim sí điểu vũ, Phúc hành, Thị nhục, Thiện ngạ quỷ, Úng nhĩ, La-sát Trụ xí, quỷ Yếm nhân, quỷ Năng cuồng, quỷ Ảnh, La-sát Sản nhũ, quỷ Trì phát, quỷ Thường túy đều theo hộ vệ Phật, cúng dường hương, hoa, kỹ nhạc vi diệu lên Phật. Khi ấy, bốn Thiên vương quỳ gối, chắp tay nói kệ khen Phật:

Ánh sáng Như Lai hơn tất cả
Xua tan đen tối ba đường ác
Hôm nay con xin về nương tựa

Tát-bà Tất-đạt Bậc Vô Thượng.

Nói xong, bốn Thiên vương và chư Thiên nhân đi theo hầu Phật. Lúc ấy, Đế Thích và chư Thiên cõi trời Đao-lợi đều thấy Phật từ chỗ ở của mình. Họ trỗi nhạc, rải hoa, đốt hương cúng dường Phật, nói kệ tán thán Phật:

Như Lai đầy đủ sáu Thần thông
Đại Bi tối thượng không ai hơn
Trang nghiêm mười phương bằng công đức
Con xin kính lễ Đấng Tối Thượng.

Nói xong, họ vẫn theo hầu Phật. Thiên vương và Thiên tử cõi trời Dạ-ma cũng thấy Phật, trỗi nhạc, rải hoa, đốt hương cúng Phật, nói kệ khen Phật:

Đấng trí tuệ vô ngại vô biên
Hiểu việc ba đời của chúng sinh
Một tâm biết rõ vô số tâm
Vì thế kính lễ Bậc Vô Thượng.

Nói xong, họ vẫn theo hầu Phật. Thiên vương và Thiên tử cõi trời Đâu-suất thấy Phật, trỗi nhạc, rải hoa, đốt hương cúng Phật, nói kệ:

Phật biết các pháp như lửa huyễn
Không nhận không làm không giảng nói
Thương chúng nói pháp không thể nói
Chỉ dạy vô ngã biết pháp tánh.

Nói xong, họ vẫn theo hầu Phật. Thiên vương và Thiên tử cõi trời Hóa lạc thấy Phật, trỗi nhạc, rải hoa, đốt hương cúng Phật, nói kệ:

Như Lai trọn vẹn mười Lực lớn
Biết rõ pháp giới như hư không
Thương xót, không hình, hiện hình sắc
Bình đẳng thương yêu cả mọi loài
Như Lai thường hành Thế Tôn hành
Vì chúng sinh nên hành thế gian
Mở các pháp giới không phân biệt
Con nên kính lễ Phi Thiên Nhân.

Nói xong, họ vẫn theo hầu Phật. Thiên vương và Thiên tử cõi trời Tha hóa tự tại thấy Phật, trỗi nhạc, rải hoa, đốt hương cúng Phật, nói kệ:

Như giới an trụ nơi tịch tĩnh
Tu tập các pháp thiền vô thượng
Trí tuệ rộng lớn không chướng ngại
Con xin kính lễ Đấng Giải Thoát.
Pháp âm vi diệu đại Từ bi
Thật biết mọi pháp đạo phi đạo
Dũng mãnh, siêng năng không ai vượt
Con xin kính lễ Bậc Kiên Định.
Luôn luôn tu tập ba giải thoát
Không ai nói hết đức của Phật
Chim nhỏ không sánh bằng đại bàng
Nhưng cũng gắng sức bay khắp nơi.
Con như chim nhỏ gắng sức mình
Tán thán Đức Phật xin thương nhận

Không gieo hạt giống sao có quả
Không ngợi khen Phật sao giải thoát.
Thương yêu là lá, trí là hoa
Tam-muội là tua đài giải thoát
Bồ-tát ong chúa hút mật ngọt
Con xin lạy pháp Phật vi diệu.
Từ bi trí tuệ đều viên mãn
Xua tan tăm tối của chúng sinh
Giới đức thanh tịnh chúng thích nhìn
Con xin kính lễ trăng Phật pháp.
Tâm Phật bình đẳng như hư không
Giới đức thanh tịnh tâm không hai
Trừ sạch nhơ uế của chúng sinh
Con xin kính lễ sông Phật pháp.

Nói kệ rồi, họ theo hầu Phật. Chư Thiên khen ngợi xong, Như Lai hiện vô lượng thần thông oai lực, dần đến cõi bảy báu kia. Như bốn thiên hạ thấy Phật bay lên hư không, tam thiên đại thiên cõi nước đều thấy như vậy. Đến nơi Phật an tọa nơi tòa Sư tử, Thanh văn, Bồ-tát an tọa nơi tòa báu.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nhập định Vô ngại giải thoát. Trên mỗi lỗ chân lông phóng ra vô số ánh sáng như cát sông Hằng, chiếu soi vô lượng cõi nước nơi các phương Đông, Nam, Tây, Bắc và bốn góc. Nhờ ánh sáng ấy, chúng sinh ở địa ngục ngừng khổ, chúng sinh ở cõi khác trừ hết tham, sân, si, hướng đến nhau bằng tâm Từ như cha và con. Bấy giờ, nhờ sức công đức của Phật, trong

ánh sáng ấy rền vang tiếng kệ khuyên nhắc các Bồ-tát buông lung:

Oai lực tinh tấn của Như Lai
Trải khắp không gian suốt thời gian
Làm sao khen ngợi đức sáng Phật
Chỉ có Như Lai ở mười phương.
Vì để răn nhắc các Bồ-tát
Những người buông lung không tu thiền
Đức Phật Thích-ca phóng ánh sáng
Triệu tập Bồ-tát về cõi này.
Thành tựu trọn vẹn mười Lực Phật
Diệt trừ Ma vương khắp thế gian
Pháp Phật thanh tịnh như hoa sen
Ánh sáng chiếu soi không giới hạn.
Đức Phật thuyết giảng pháp vô thượng
Trời người tất cả không làm được.
Vì thương chúng sinh Phật diễn giảng
Pháp mầu như Phật ở mười phương:
Hôm nay Như Lai tập hợp chúng
Hy hữu khó gặp như hoa Đàm
Người nào thành tựu tâm thành tín
Đến chỗ Đức Phật để nghe pháp.

Trong ánh sáng ấy, vang ra tiếng kệ nêu bày khắp mười phương, khuyến dụ các Bồ-tát, chấn động khắp nơi, đem đến niềm vui cho chúng sinh làm thanh tịnh các phiền não của mọi loại, xua tan bóng tối vô minh của quần mê, che lấp cung điện

của trời ma. Sau khi chiếu soi khắp mười phương, ánh sáng lại nhập vào đỉnh đầu Phật. Bấy giờ, ở phương Đông có cõi Phật tên Vô lượng công đức bảo tụ thần thông, Đức Như Lai hiệu Tịnh Đại Tịnh Quang Thất Bồ-đề Phần Bảo Hoa Vô Đoạn Quang Vương, có một Bồ-tát tên Chư Pháp Tự Tại Công Đức Hoa Tử. Thấy ánh sáng, Bồ-tát này liền cùng vô số Bồ-tát như cát trong mười sông Hằng đến cõi báu thuộc thế giới Ta-bà.

Đến nơi các Bồ-tát thấy Đức Thích-ca Mâu-ni, cúi đầu lạy Phật, đi quanh Phật, cúng dường hoa thơm, nói kệ:

Trọn vẹn công đức được giải thoát
Được Phật mười phương luôn ca ngợi
Danh xưng vang khắp mười phương cõi
Đại Từ, đại Bi Đức Thích Tôn.
Pháp giới Như Lai không sai khác
Vì chúng ngu si phân biệt giảng
Một pháp chính là vô số pháp
Như nhà ảo thuật hóa các huyễn.

Nói kệ, lạy Phật xong, các Bồ-tát dùng sức thần hiện bày pháp tòa ở phía Đông, tuần tự an tọa.

Ở phương Nam có cõi nước tên Phật quang, Đức Phật nơi cõi ấy Vô Lượng Công Đức Bảo, có Bồ-tát tên Bảo Trượng; thấy ánh sáng Bồ-tát liền cùng mười hằng hà sa Bồ-tát đến cõi báu thuộc thế giới Ta-bà. Gặp Đức Thích-ca, các Bồ-tát cúi lạy,

đi quanh Phật, cúng dường hoa thơm, nói kệ:

Mây pháp đại Từ tuôn mưa pháp
Giảng pháp vô thường, không, vô ngã
Dùng nước Bát chánh dập lửa phiền
Nuôi lớn căn lành của chúng sinh.
Hào quang Đức Phật xua màn tối
Khuyên dạy Bồ-tát kẻ buông lung
Diệt trừ giống ác của ba nẻo
Chỉ rõ các pháp đạo, phi đạo.

Nói kệ, lạy Phật xong, các Bồ-tát dùng sức thần hiện pháp tòa ở phía Nam, tuần tự an tọa.

Ở phương Tây có cõi Phật tên Quang minh, Đức Phật hiệu Phổ Quang, Bồ-tát tên Lực Vương. Thấy ánh sáng, Bồ-tát cùng mười hằng hà sa số Bồ-tát đến cõi báu thuộc Ta-bà. Gặp Đức Thích-ca, các Bồ-tát cúi lạy, đi quanh Phật, cúng dường hoa thơm, nói kệ:

Trải vô số kiếp phát nguyện lành
Đạt thân thanh tịnh không lậu hoặc
Hạnh nghiệp Thế Tôn như hư không
Âm thanh vô ngại vang mười phương.
Phạm âm Như Lai tựa tiếng sấm,
Phải có nguyên nhân mới phát ra
Không nghe, không nhận, không chúng sinh
Đại Bi do đâu âm thanh nói.

Nói kệ, lạy Phật xong, các Bồ-tát dùng sức

thần hiện pháp tòa ở phía Tây, tuần tự an tọa.

Ở phương Bắc có cõi Phật tên Bảo trang nghiêm, Đức Phật hiệu Vô Lượng Công Đức Trang Nghiêm, Bồ-tát tên Đại Hải Trí. Thấy ánh sáng, Bồ-tát này cùng vô số Bồ-tát đến cõi báu thuộc Ta-bà. Gặp Đức Thích-ca, các Bồ-tát cúi lạy, đi quanh Phật, cúng dường hoa thơm, nói kệ:

Hào quang vô thượng của Như Lai
Xua tan bóng tối của thế gian
Chúng sinh được thấy ánh sáng này
Trừ sạch tất cả mọi phiền não.
Thân lớn vượt ngoài ba ngàn cõi
Thần thông đạo lực thật vô biên
Như Lai đỉnh tướng làm sao thấy
Đại Bi nhiều kiếp tu hạnh gì?

Nói kệ lạy Phật xong, các Bồ-tát dùng sức thần hiện pháp tòa ở phía Bắc, tuần tự an tọa.

Phương Đông nam có cõi Phật tên Vô ưu, Đức Phật hiệu Năng Hoại Nhất Thiết Ám, Bồ-tát tên Vô Thắng Quang. Thấy ánh sáng, Bồ-tát này cùng mười hằng hà sa Bồ-tát đến cõi báu thuộc Ta-bà. Gặp Đức Thích-ca, các Bồ-tát cúi lạy, đi quanh Phật, cúng dường hoa thơm, nói kệ:

Một lỗ chân lông vô số cõi
Không hề tổn hại các chúng sinh
Cảnh giới Như Lai không ai biết
Thần thông của Phật khó suy lường.

Từ một thân Phật hiện nhiều thân
Nhưng thân chân thật không thêm bớt
Tuy hiện thần thông vì chúng sinh
Tâm Phật tịch tĩnh không kiêu mạn.

Nói kệ, lạy Phật xong, các Bồ-tát dùng sức thần hiện pháp tòa ở phía Đông nam, tuần tự an tọa.

Phương Tây nam có cõi nước tên Thiện kiến, Phật hiệu Tâm Bình Đẳng, Bồ-tát tên Đại Bi Tâm. Thấy ánh sáng, Bồ-tát cùng vô số Bồ-tát bạn đến cõi báu thuộc Ta-bà. Gặp Đức Thích-ca, các Bồ-tát cúi lạy, đi quanh Phật, cúng dường hoa thơm, nói kệ:

Trải vô số kiếp giữ tịnh giới
Như trâu chăm giữ đuôi của nó
Thương xót những ai phá hủy giới
Không hề kiêu mạn tự khoe mình.
Tâm của Như Lai tựa Tu-di
Tà kiến mười phương không lay động
Trí tuệ thâm diệu như biển rộng
Nào dễ đo lường đáy biển khơi.
Phật tự thoát khỏi nghiệp sinh tử
Lại giúp chúng sinh lìa khổ não
Giải thoát đạt được không sai khác

Tùy khi hành đạo có khác sai.

Nói kệ, lạy Phật xong, các Bồ-tát dùng sức thần hiện pháp tòa ở phía Tây nam, tuần tự an tọa.

Phương Tây bắc có cõi nước tên Hoại ám, Đức Phật hiệu Đại Thần Thông Vương, Bồ-tát tên Bảo Võng. Thấy ánh sáng, Bồ-tát Bảo Võng liền cùng mười hằng sa Bồ-tát bạn đến cõi báu thuộc Ta-bà. Gặp Đức Thích-ca, các Bồ-tát cúi lạy, đi quanh Phật, cúng dường hoa thơm, nói kệ:

Như Lai Thế Tôn còn như huyễn
Giảng mọi việc huyễn cho chúng sinh
Báu vật không thật nên như huyễn
Không có chúng sinh nêu chúng sinh.
Như mọi cảnh sắc trong giấc mộng
Tỉnh ra nào thấy sắc tướng đâu
Vì độ chúng sinh hiện việc đời
Như Lai chân thật không hạnh ấy.

Nói kệ lạy Phật xong, các Bồ-tát dùng sức thần hiện pháp tòa ở phía Tây bắc, tuần tự an tọa.

Phương Đông bắc có cõi Phật tên Tịnh trụ, Đức Phật hiệu Tâm Đồng Hư Không, Bồ-tát tên Vô Biên Tịnh Ý. Thấy ánh sáng Phật, Bồ-tát liền cùng vô số Bồ-tát bạn đến cõi báu thuộc Ta-bà. Gặp Đức Thích-ca, các Bồ-tát cúi lạy, đi quanh Phật, cúng dường hoa thơm, nói kệ:

Phật biết pháp giới rất sâu xa
Thường ưa tịch tĩnh không vọng tưởng
Hiểu rõ tâm tánh của chúng sinh
Giảng thuyết các pháp như hư không.
An trụ một tâm tỏ ba đời

Thấu hiểu tất cả các hành nghiệp
Không có tưởng tâm, tưởng chúng sinh

Trải vô số kiếp tu không tướng.

Nói kệ lạy Phật xong, các Bồ-tát dùng sức thần hiện pháp tòa ở phía Đông bắc, tuần tự an tọa.

Phương dưới có cõi Phật tên Lạc quang, Đức Phật hiệu Bảo Ưu Bát Hoa, Bồ-tát tên Trang Nghiêm Nhạo Thuyết. Thấy ánh sáng, Bồ-tát liền cùng mười hằng sa Bồ-tát bạn đến cõi báu thuộc Ta-bà. Gặp Đức Thích-ca, các Bồ-tát cúi lạy, đi quanh Phật, cúng dường hoa thơm, nói kệ:

Vô số bậc trí đệ tử Phật
Nhiều như bụi nhỏ khắp mười phương
Trải vô số kiếp cầu học Phật
Vẫn chưa tỏ hết pháp Như Lai.
Vì thế trí Phật thật vô biên
Công đức Tổng trì cũng như vậy
Danh xưng thế lực không giới hạn
Như biển mười phương chẳng bến bờ.

Nói kệ lạy Phật xong, các Bồ-tát dùng sức thần hiện pháp tòa ở phía dưới, tuần tự an tọa.

Phương trên có cõi Phật tên Anh lạc trang nghiêm, Đức Phật hiệu Đại Danh Xưng, Bồ-tát tên Nhất Thiết Pháp Thần Thông Vương. Thấy ánh sáng, Bồ-tát cùng vô số Bồ-tát bạn đến cõi báu thuộc Ta-bà. Gặp Đức Thích-ca, các Bồ-tát cúi lạy, đi quanh Phật, cúng dường hoa thơm, nói kệ:

Thân nghiệp của Phật thật vô biên
Ý nghiệp, khẩu nghiệp cũng như thế
Chỉ Phật biết rõ ba nghiệp Phật
Ngoài ra mờ mịt như hư không.
Như Lai không thầy không người dạy
Vì thế chúng sinh tên Đại sư
Pháp giới chư Phật khó nghĩ lường
Thành đạo, chuyển pháp, nhập Niết-bàn.

Nói kệ lạy Phật xong, các Bồ-tát dùng sức thần hiện pháp tòa ở phía trên, tuần tự an tọa.

Khi ấy, chỉ trong tích tắc, vô số Bồ-tát ở mười phương đều tập hợp về cõi báu này. Lúc đó, Đức Thích-ca xuất định, âm thanh đẳng hắng của Phật vang khắp mười phương, tất cả chúng sinh đều nghe thấy, phát tâm tin kính Tam bảo. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, Nhân phi nhân mười phương nghe tiếng Phật, thân tâm tịch tĩnh. Nhờ sức thần thông và công đức của Phật, ai nấy đều thấy thang báu, chỉ trong nháy mắt tất cả vút lên không đến cõi báu, tuần tự an tọa. Chư Thiên các cõi trời Phạm thiên, Đại phạm, Phạm sư, Phạm chúng, Quang thiên, Thiểu quang, Vô lượng quang, Tịnh thiên, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Vô vân, Phước đức, Quảng quả, Vô cuống, Vô nhiệt, Thiện kiến, Nhạo kiến, A-ca-ni-trá cũng nghe tiếng Phật, thoáng chốc đều đến cõi báu, gặp Phật,

chư Thiên cúi lạy, tuần tự an tọa. Thấy đại chúng đã tập hợp, từ giữa chặng mày Đức Thích Tôn phóng ra ánh sáng Thị Bồ-tát lực, vòng quanh các Bồ-tát bảy vòng, nhập vào nhục kế các Bồ-tát.

Lúc ấy, trong hội chúng có một Bồ-tát tên Chư Pháp Tự Tại Công Đức Hoa Tử, nhập định Anh lạc trang nghiêm. Nhờ sức của định nên hiện ra tòa Sư tử ở cõi báu này. Tòa cao bằng tám vạn ức cây Đa-la, trang nghiêm bằng bảy báu, kết vô số hoa thơm, chúng sinh thích nhìn, có thể làm cho tâm chúng sinh an tịnh. Hiện ra pháp tòa này, Bồ-tát Chư Pháp Tự Tại Công Đức Hoa Tử nhẹ nhàng xuất định, chắp tay lạy Phật, nói kệ:

Ánh nhật nguyệt xua tối hiện ra
Hào quang Đức Phật rọi ba đời
Như Lai trọn vẹn sức thần thông
Hơn hẳn ánh sáng của chư Thiên.
Phật hiểu pháp giới không tri giác
Như trăng dưới nước chẳng đến đi
Không sinh không thọ không người tạo
Tỏ ngộ chân thật dạy chúng sinh.
Ở trong tâm sắc không sắc tâm
Phương tiện thuyết giảng tâm và sắc
Thần thông Như Lai tựa huyễn hóa
Pháp giới cũng thế nào khác gì.
Tâm tánh chúng sinh luôn thanh tịnh
Khách trần phiền não làm ô nhiễm

Chư Phật Như Lai đạt giải thoát
Thị hiện thần thông lại như huyễn.
Hư không không đất trụ vào đâu
Tâm của Như Lai cũng như vậy
Vì chúng an tọa tòa Sư tử
Thuyết pháp cam lồ như chư Phật.
Tất cả đại chúng không đến đi
Chẳng nghe, chẳng giảng, không thọ học
Hết thảy các pháp như hư không
Cúi xin chỉ rõ cõi chân thật.
Xin Đức Thế Tôn nhận tòa báu
Gầm tiếng sư tử vì chúng sinh
Thương xót mọi loài vang tiếng Phạm
Đốt sáng đèn trí xua màn đêm.
Đại chúng mười phương đều tập hợp
Về đây nghe Phật thuyết pháp mầu
Xin Phật ban bố pháp vi diệu
Trừ hết tham si cho mọi loài.

Khi ấy, vì thương Đại Bồ-tát Chư Pháp Tự Tại Công Đức Hoa Tử, Đức Thế Tôn lên tòa Sư tử, nhằm giảng nói tất cả pháp vô ngại của Bồ-tát, đầy đủ pháp Phật, mười Lực, bốn Vô úy, nhập tất cả pháp Tổng trì tự tại, bốn Trí vô ngại, đại thần thông, pháp luân không thoái chuyển, an trụ không thoái lui, bao quát tất cả các thừa, khắp pháp giới, không phân biệt, biết căn tánh của chúng sinh,

pháp giới chân thật, kiên cố, không trở ngại, diệt sạch oán địch nơi bốn ma, đoạn trừ mọi phiền não ác kiến, đạt phương tiện quyền biến tối thượng, tâm bình đẳng không hai, vào các cõi Phật không ngăn ngại, thuyết pháp chân thật, không phải giác, không phải không phải giác, quán tướng bình đẳng của mười hai nhân duyên, trọn vẹn trí tuệ trang nghiêm, thân Phật, âm thanh Phật, trí tuệ không cùng tận. Giảng bốn Thánh đế để Thanh văn thanh tịnh thân tâm, Bích-chi-phật bước lên Thánh vị, Bồ-tát Đại thừa đạt pháp tự tại, trình bày công đức và pháp của chư Phật, công đức của Bồ-tát, phá tan lưới nghi cho chúng sinh, đánh bại tất cả tà thuyết, tăng trưởng chánh pháp của Như Lai, hiển thần lực của Phật cho chúng sinh. Với mục đích đó, Như Lai lên tòa Sư tử.

Lúc này, Bồ-tát Bảo Trượng nương thần lực Phật, nhập định Anh lạc trang nghiêm. Nhờ sức của định, tất cả đại chúng đều trang nghiêm bằng các báu vật; Bồ-tát Xứng Lực Vương, nương nơi thần lực Phật, nhập định Liên hoa, làm cho đại chúng đều được hoa thơm để cúng Phật và các Bồ-tát. Bồ-tát Đại Hải Trí Tuệ nương vào thần lực Phật nhập định Diệu hướng làm cho đại chúng được hương thơm để cúng Phật và các Bồ-tát; Bồ-tát Bảo Võng nương nơi thần lực Phật nhập định Quang minh, làm cho thân đại chúng đều rực sáng; Bồ-tát Bi Tâm nương nơi thần lực Phật nhập định

Vô thuấn, làm cho đại chúng chiêm ngưỡng mãi kim dung của Phật; Bồ-tát Vô Biên Tịnh Ý nương nơi thần lực Phật nhập định Hỷ, giúp đại chúng vui thích nghe pháp; Bồ-tát Trang Nghiêm Nhạo Thuyết nương nơi thần lực Phật nhập định Tịch tĩnh ý, giúp đại chúng trừ chấp năm ấm; Bồ-tát Nhất Thiết Pháp Thần Túc Vương nương nơi thần lực Phật nhập định Bất vong, khiến đại chúng chuyên niệm về tâm Bồ-đề không quên; Bồ-tát Dũng Kiện nương nơi thần lực Phật nhập định Vô thắng giúp đại chúng hàng phục các ma; Bồ-tát Phá Ma nương nơi thần lực Phật nhập định Hoại ma, nhờ sức của định nên tập hợp một ức Ma vương ở tam thiên đại thiên thế giới về cõi báu này.

Đến nơi chúng lạy Phật, chắp tay, cung kính bạch Phật:

–Xin Đức Thế Tôn thuyết pháp cam lồ cho chúng sinh. Chúng con nhờ thần lực của Bồ-tát Phá Ma mà trừ hết nghiệp ma, không tổn hại đại chúng.

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Ngày nay các ngươi đã lìa bỏ nghiệp ma, nhờ vậy đời sau cũng sẽ trừ hết nghiệp ma.

Thiện nam! Như một căn phòng tối tăm hơn trăm năm, nay được một ngọn đèn chiếu sáng,

bóng tối được xua tan. Các ngươi cũng vậy, vô số kiếp tối tăm ngu si, nay được diệt trừ như mặt trời, mặt trăng soi sáng. Người an trụ tín, giới, thí, tuệ, định cũng thế.

Thiện nam! Ngày nay các ngươi nhờ duyên thỉnh Phật thuyết pháp mà trừ hết vô minh ngu tối, làm gương trí cho chúng sinh.

Khi ấy, trong chúng có một Bồ-tát tên Pháp Tự Tại Vương, thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cảnh giới của Như Lai không thể suy lường. Vì sao? Vì Như Lai phát tâm sẽ thuyết pháp để tập hợp đại chúng. Vì trí giác trang nghiêm pháp lớn, thần thông, được vô lượng chúng sinh tán thán, thân tâm tịch tĩnh, giải thoát, và được các Đức Phật nơi mười phương ngợi khen, trọn vẹn mười Ba-la-mật, thành tựu phương tiện thần biến, phá tan nghi của chúng sinh, đánh bại tà thuyết thế gian, phân biệt rõ pháp giới, đạt trí vô ngại, đủ trí niệm, dũng mãnh, thành tựu bốn Trí vô ngại, biết căn tánh lợi độn của chúng sinh, thuyết pháp tùy sở thích, giảng pháp thanh tịnh, hiểu các loại ngôn ngữ, đạt Phạm âm thanh tịnh, thành tựu trọn vẹn tâm Từ bi, không dao động trước tà luận, kiên định, vững chãi như núi Kim cang, tu ba tướng, dựng cờ pháp, vượt sông sâu mười hai nhân duyên, dứt bỏ chấp thường, đoạn, điều phục đại chúng, vô số kiếp đạt pháp tối thượng, trị mọi bệnh tật như thầy thuốc giỏi,

không kinh sợ khi nghe pháp mầu nhiệm, trang nghiêm thân bằng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và tám Giải thoát; ba nghiệp thân, khẩu, ý thuần tịnh không tạp uế, khiến tất cả chúng sinh đến nghe pháp; không bị cấu do nhiễm bởi pháp thế gian, luôn an lạc, tu tập pháp giới, bố thí pháp mầu, không chán ghét, không tham đắm pháp hữu vi, đủ tánh Tam bảo, thâu phục chúng sinh, mở tạng pháp Phật, hộ trì pháp Phật, đủ vô số trí tuệ công đức, suốt vô lượng kiếp tu tập trang nghiêm công đức, mong đạt một hành, một tâm, một sắc, một xứ. Các Bồ-tát công đức như thế đều tập hợp về đây. Cúi xin Đức Như Lai thuyết pháp vô ngại của Bồ-tát, lợi ích cho Bồ-tát ba đời, giúp người mới phát tâm đạt bất thoái; người đã phát tâm từ lâu được tăng trưởng, hành đạo Bồ-đề, đạt ý tịnh; Bồ-tát bất thoái pháp Phật; Bồ-tát một đời thành Phật trang nghiêm anh lạc; Bồ-tát hậu thân đạt Bồ-đề vô thượng; chúng sinh định tánh thêm nhân duyên lành; người chưa định tánh thì tạo nhân duyên, người chưa nhập pháp Phật được nhập; người đã nhập pháp Phật càng kính pháp; người thích ba thừa lại nói pháp Nhất thừa, đem an lạc cho hàng trời người.

Bạch Thế Tôn! Như Lai ra đời là vì các việc không thể nghĩ bàn đó.

Thế Tôn! Hiện nay các Bồ-tát trong đại chúng

ở đây đều đủ khả năng hiện thông lớn. Như vậy, chư Phật và chư Bồ-tát là không thể nghĩ bàn.

Thế Tôn! Vì sao chúng sinh càng bị vô minh che lấp càng nặng, tuy thấy thần thông của Bồ-tát như thế nhưng vẫn khởi tâm thấp kém của hàng Thanh văn, Duyên giác.

Thế Tôn! Ngay lúc phát tâm Bồ-đề, Bồ-tát đã hơn hẳn Thanh văn, Duyên giác.

Thế Tôn! Như người bỏ lưu ly lấy thủy tinh, chúng sinh cũng thế, bỏ Đại thừa, thích Thanh văn, Duyên giác thừa. Nếu có chúng sinh đã phát hoặc sắp phát tâm Bồ-đề vô thượng thì sẽ đạt công đức như vậy. Lúc ấy ba mươi ức na-do-tha trăm ngàn vạn ức chúng sinh, trời, người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

M

Phẩm 2: BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI TỰ TẠI VƯƠNG (Phần 1)

Bấy giờ, biết các Bồ-tát đã tập hợp, Đức Thích-ca nghĩ: "Hôm nay, những thiện trượng phu này đều muốn biết thật nghĩa của các pháp, có thể hộ trì tạng pháp sâu xa của Như Lai, muốn được nghe nhận pháp vô ngại của Bồ-tát." Nghĩ thế, Phật phóng ra ánh sáng Vô sở úy từ giữa chân mày, vòng quanh các Bồ-tát bảy vòng, nhập vào đỉnh đầu của Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương.

Lúc này, Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương nương nơi thần lực Phật hóa hiện lọng bảy báu rộng bằng tam thiên đại thiên cõi nước, che trên tòa báu của Như Lai. Bồ-tát cúi lạy Phật, quỳ gối, chắp tay, nói kệ:

Như Lai tự tại trong các pháp
Hào quang của Phật xua màn tối
Mắt Phật thấy rõ không chướng ngại
Thấy nghĩa chân thật của các pháp.
Đầy đủ vô lượng, vô biên đức
Không thầy, riêng tỏ mọi pháp giới
Vì các chúng sinh Phật phóng quang
Cớ sao lại nhập vào thân con?
Ý niệm của con vốn không tỏ
Mắt Đà-la-ni cũng như vậy
Hào quang của Phật vào thân con
Khiến con tỏ ngộ mọi pháp giới.
Thân tâm hết thảy đều thanh tịnh
Thành tựu vô thượng vô biên lạc
Con nay đã biết cảnh giới Phật
Biện tài vô ngại thuyết giảng pháp.
Khó được gần gũi chư Như Lai
Kẻ ngu khó được phụng sự Phật
Con nay nương nhờ thần lực Phật
Xin hỏi vài câu lợi chúng sinh.
Làm sao phát khởi tâm Bồ-đề
Vì nhân duyên gì Phật xuất thế
Cớ sao ánh sáng chiếu mười phương

Vì mục đích gì hiện thần thông.
Vì sao đại chúng được thọ ký
Xin Phật giảng thuyết cho đại chúng
Đại chúng ở đây đều tối thượng
Có thể thọ trì pháp Như Lai.
Ở đây không ma, không nghiệp ma
Xin Phật chỉ rõ tạng pháp Phật
Trí tuệ của con thật cạn cợt
Làm sao hỏi được Đấng Vô Thượng.
Xin hỏi Như Lai trí vô biên
Làm sao biết được pháp phương tiện
Ngưỡng mong chỉ dạy cho chúng con
Chúng con đã đạt pháp tự tại.
Đầy đủ khả năng tuôn mưa pháp
Đền đáp ân Phật khắp mười phương.

Thế Tôn! Chư Phật Như Lai là không thể nghĩ bàn. Hạnh của Bồ-tát thật vô biên. Con xin hỏi Đấng Vô Thượng Pháp Vương đại Từ bi về thật nghĩa các pháp để tạo lợi ích cho mọi loài. Thế nào là hạnh của Bồ-tát? Trang nghiêm bằng pháp gì để làm thanh tịnh hạnh Bồ-tát? Làm sao trừ diệt si ám? Làm sao cắt đứt lưới nghi nơi tâm. Vì sao Bồ-tát tu tâm Từ bi vì chúng sinh? Thế nào là Bồ-tát bảo hộ chúng sinh? Thế nào là Bồ-tát thật tu nghiệp Bồ-tát, nghiệp thiện, nghiệp bất hối? Xin Phật thương xót giảng thuyết. Hơn nữa đại chúng đây đều là bậc trí tuệ lợi căn, hiểu lời Phật, biết pháp giới, có thể đạt pháp vô ngại của Bồ-tát, trừ

diệt ma và nghiệp ma, đoạn tâm nghi, hiểu cảnh giới thâm diệu của Phật, biết cõi và tâm của chúng sinh, thấy vô số cõi Phật, hộ trì chánh pháp vô thượng của Như Lai, tự tại trong các pháp.

Lúc ấy, Đức Thích-ca ngợi khen Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Có thể hỏi Như Lai về nghĩa vi diệu. Người tu tập vô số hạnh Phật mới có thể hỏi như thế. Ông hãy nhất tâm lắng nghe, Như Lai sẽ giảng thuyết.

Bồ-tát thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu công đức như vậy, tự tại trong các pháp. Nay là thời gian thích hợp nhất, xin Phật giảng thuyết.

Phật nói:

–Thiện nam! Bồ-tát trang nghiêm bốn pháp: Giới, Định, Tuệ, Đà-la-ni. Giới trang nghiêm Anh lạc có một là không có tâm tổn hại chúng sinh. Nếu Bồ-tát không có tâm xấu ác thì chúng sinh thích gặp. Lại có hai giới: lấp đường ác, mở đường lành. Lại có ba giới: thân, khẩu, ý thanh tịnh. Lại có bốn giới: hễ cầu là được, viên mãn ý nguyện, thành tựu như nguyện, làm những gì muốn làm. Lại có năm: tín, giới, niệm, định, tuệ. Lại có sáu: không phá giới, không khiếm khuyết, không xen tạp, không hối hận, tự tại, không sở hữu. Lại có bảy: chính là bảy sự thanh tịnh: thí, nhẫn, tinh tấn,

thiền định, trí tuệ, phương tiện, phương tiện thiện xảo. Lại có tám tức là tám điều đầy đủ: vô tác, kiên định, không quên, siêng năng, trọn vẹn các căn, Phật ở đời, thoát nạn, bạn lành. Lại có chín: không lay động, không sợ, trí kiên định, tịch tĩnh, chí tâm, thanh tịnh, thư thái, điều phục tâm, ở nơi an định. Lại có mười: thân thanh tịnh đủ ba mươi hai tướng; khẩu thanh tịnh giữ lời; ý thanh tịnh là đạt giải thoát; là ruộng phước thanh tịnh nuôi lớn phước đức cho chúng sinh; tâm thanh tịnh khiến chúng sinh nhu thuận; nghiệp thanh tịnh vì giáo hóa chúng sinh; danh xưng Bồ-tát thanh tịnh vì được công đức của Như Lai; tuệ thanh tịnh đủ thần thông; phương tiện thanh tịnh trừ dẹp các ma; giới thanh tịnh vì pháp Bất cộng.

Thiện nam! Đó là giới trang nghiêm Anh lạc. Trang nghiêm định Anh lạc có một: tu tập tâm Từ vì mọi loài. Lại có hai: chánh trực, nhu thuận. Lại có ba: không hư dối, không thô bạo, không tà vạy. Lại có bốn: không tham ái, không giận, không sợ, không ngu si. Lại có năm: trừ năm cái (năm thứ che lấp). Lại có sáu: tu tập sáu Niệm. Lại có bảy: tu tập bảy Phần giác. Lại có tám: thực hành tám Chánh đạo. Lại có chín: Bồ-tát tu tập tâm Bồ-đề và tâm đại Từ bi, tu tập tâm nghĩ đến mọi loài, đoạn trừ dục vọng và pháp ác, có giác, có quán, tịch tĩnh hỷ lạc đạt Sơ thiền; vượt trên giác quán, nội tâm vui vẻ, chuyên tâm suy xét, không giác,

không quán, định sinh hỷ lạc, đạt thiền thứ hai; lìa hỷ tu xả, đầy đủ tâm niệm, không buông lung, thân an lạc, chứng Thiền thứ ba; trừ khổ vui, dứt tâm mừng lo, không khổ không vui, xả niệm tịch tĩnh, chứng thiền thứ bốn; vượt trên sắc tướng, tu tập vô lượng tướng không; vượt tướng không tu tập vô số tướng thức; vượt tướng thức tu tập tướng không sở hữu; vượt tướng không sở hữu tu tướng phi tưởng phi phi tưởng; tuy chưa thành tựu trí phương tiện thiện xảo, nhưng luôn giáo hóa chúng sinh bằng sức định. Lại có mười: quán pháp không nhầm lẫn; thành tựu đầy đủ Xa-ma-tha; siêng năng không ngừng nghỉ; biết rõ thời tiết; chuyên tâm thọ trì pháp lành; tâm tịch tĩnh; quán thân; thường quán pháp giới; tâm tự tại; đạt tánh thánh. Đó là trang nghiêm chánh định anh lạc.

Thiện nam! Trang nghiêm trí tuệ anh lạc có một: tâm không nghi. Lại có hai: trừ tâm nghi, đoạn tâm giận. Lại có ba: diệt vô minh, xua tan bóng tối ngu si, làm ánh sáng lớn. Lại có bốn: biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo. Lại có năm: thanh tịnh các giới, thanh tịnh các định, thanh tịnh trí tuệ, thanh tịnh giải thoát, thanh tịnh giải thoát tri kiến. Lại có sáu: thanh tịnh Thí ba-la-mật *(có ba: nội tịnh: quán pháp như huyễn, chúng sinh tịnh: quán pháp như một, Bồ-đề tịnh: không mong đền đáp)*; thanh tịnh Giới ba-la-mật *(có ba: quán thân như bóng, quán âm thanh như tiếng vang,*

quán tâm như huyễn); thanh tịnh Nhẫn ba-la-mật *(có ba: nghe lời hủy báng không nổi giận; không vui thích khi nghe lời tán thưởng; quán pháp giới nếu bị đánh, giết)*; thanh tịnh Tinh tấn ba-la-mật *(có ba: không vọng tưởng, kiên định, không thấy tướng pháp)*; thanh tịnh Thiền ba-la-mật *(có ba: không chấp pháp, tâm không lay chuyển, pháp duyên thanh tịnh)*; thanh tịnh Phương tiện ba-la-mật *(có ba: giáo hóa chúng sinh vì giải thoát; thanh tịnh Đà-la-ni để hộ trì pháp; thanh tịnh tâm nguyện để trang nghiêm cõi Phật)*; lại có bảy: tu bốn Niệm xứ không chấp giữ; tu bốn Chánh cần không sinh diệt; tu bốn Thần túc thân tâm thanh tịnh; tu năm Căn biết căn, không căn; tu năm Lực diệt trừ phiền não; tu bảy Giác phần biết pháp giới chân thật; tu tám Thánh đạo không đến đi. Lại có tám: tu định để thanh tịnh viên mãn; tu trí diệt trừ hôn ám; tu trí biết năm ấm vì rõ các pháp; tu trí biết cõi nước vì hiểu pháp giới như hư không; tu trí biết nhập vì hiểu pháp tánh bình đẳng; tu trí biết mười hai nhân duyên quán không ngã, không sở hữu của ngã, tu trí quán bốn Đế diệt bốn điên đảo; tu trí phân biệt biết pháp giới vì hiểu thật pháp. Lại có chín: quán tưởng vô thường; quán tưởng khổ vô thường; quán tưởng khổ vô ngã; quán tưởng thức ăn bất tịnh; quán tưởng thế gian không vui; quán tưởng sinh tử tội lỗi; quán tưởng giải thoát; quán tưởng trừ tham; quán tưởng cùng

tận. Lại có mười quán pháp như huyễn; như mộng, như sóng nắng, như tiếng vang, như cây chuối, như trăng dưới nước, như bóng, như pháp giới không thêm bớt; quán pháp giới không đi dừng, quán pháp vô vi không sinh diệt. Đó là trang nghiêm trí tuệ anh lạc.

Thiện nam! Trang nghiêm Đà-la-ni anh lạc có một: tâm niệm không mất. Lại có hai: thọ trì, giữ gìn trọn vẹn. Lại có ba: biết nghĩa, biết văn tự, biết thuyết giảng. Lại có bốn: lời đúng, lời rõ ràng, lời không trở ngại, lời không sai. Lại có năm: tức năm y nương tựa: y nghĩa không y ngữ, y trí không y thức, y kinh liễu nghĩa không y kinh không liễu nghĩa, y pháp không y nhân, y xuất thế không y thế gian. Lại có sáu: thọ trì như lời dạy; nói năng thành thật; nói lời người thích nghe; lời thương yêu; lời phát sinh mầm lành; lời thông suốt; lời lưu loát; không hai lời; biết mới nói; lời rõ ràng. Lại có tám: biết các ngôn ngữ, biết quỷ thần, biết chư Thiên, biết loài Rồng, biết Càn-thát-bà, biết A-tu-la, biết Kim sí điểu, biết súc sinh. Lại có chín: không sợ, không hạn chế, không khó, lời giải thoát, đáp lời đúng pháp, trình bày rõ ràng, trình bày có thứ lớp, vô thường, không cùng tận. Lại có mười: diệt nghi, mở bày, dạy pháp, hiểu từng chữ từng lời, tán thán Phật, chê trách phiền não, phân biệt căn lợi, độn; nêu công đức vi diệu của Phật.

Thiện nam! Đó là trang nghiêm Đà-la-ni Anh lạc.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ nhắc lại ý trên:

Bốn trang nghiêm anh lạc
Thanh tịnh pháp Đại thừa
Đó là giới, định, tuệ
Đà-la-ni vô thượng.
Thanh tịnh cả ba nghiệp
Mọi người đều yêu thích
Đoạn trừ ba đường ác
Đó là giới anh lạc.
Thành tựu như ý nguyện
Được thọ thân trời người
Nên tu tập tinh tấn
Đó là giới anh lạc.
Tu tập định tối thượng
Đạt hai pháp giải thoát
Biết Niết-bàn vô thượng
Đó là giới anh lạc.
Không hủy giới thiếu giới
Giới thuần tịnh không tạp
Tự tại trong các pháp
Là trang nghiêm anh lạc.
Giới tịnh thanh tịnh thí
Giới tịnh thanh tịnh nhẫn
Giới tịch tĩnh năm độ
Trang nghiêm giới anh lạc.
Giới tịnh thanh tịnh nghiệp

Thanh tịnh không buông lung
Không sợ không hối hận
Đó là giới anh lạc.
Tịnh giới đạt tánh Thánh
Thanh tịnh cả thân tâm
Đạt vô lượng chánh định
Đó là giới anh lạc.
Không sợ chẳng lay động
Kiên định, nghiệp thanh tịnh
Cắt đứt dây phiền não
Đó là giới anh lạc.
Thuần phục kẻ ương ngạnh
Đạt danh xưng Bồ-tát
Trang nghiêm tâm tự tại
Đó là giới anh lạc.
Thực hành đúng lời dạy
Khẩu nghiệp bốn thanh tịnh
Đoạn trừ mọi phiền não
Là trang nghiêm anh lạc.
Thanh tịnh cõi Phật mình
Giáo hóa mọi quần mê
Tu tập đại Từ bi
Là trang nghiêm anh lạc.
Không tạo các nghiệp ác
Tu tập hạnh Bồ-tát
Đạt mười Lực, không sợ
Là trang nghiêm anh lạc.
Nghiêm tịnh đại Niết-bàn

Đạt nhân quả tối thượng
Tâm từ thương chúng sinh
Là trang nghiêm anh lạc.
Trừ tâm dối, keo kiệt
Tu bốn Nhiếp thuận hợp
Đoạn tham, giận, sợ, si
Là trang nghiêm anh lạc.
Phá trừ năm triền cái
Tu tập mười niệm tâm
Trợ đạo, không buông lung
Là trang nghiêm anh lạc.
Đầy đủ cả hai cánh
Tư duy nghĩa đúng pháp
Ưa thích nơi nhàn tịnh
Là trang nghiêm anh lạc.
Không nghi ngờ các pháp
Tâm không si loạn động
Chân thật hiểu bốn Đế
Là trang nghiêm anh lạc.
Giữ giới tâm không chấp
Không kiêu mạn, ngã mạn
Không chấp chặt các giới
Là trang nghiêm anh lạc.
Tuệ vô thượng tịnh định
Đủ hai tuệ thanh tịnh
Thông tỏ cả ba cõi
Là trang nghiêm anh lạc.
Ý tịnh không kiêu mạn

Không khinh pháp bất tịnh
Biết pháp không thể nói
Là trang nghiêm anh lạc.
Tuệ trang nghiêm cho trí
Trí cũng trang nghiêm tuệ
Tự tha đều thanh tịnh
Là trang nghiêm anh lạc.
Biết pháp như mộng ảo
Không nói pháp là không
Tùy thuận thế gian giảng
Là trang nghiêm anh lạc.
Tuệ trang nghiêm các giới
Giới cũng trang nghiêm tuệ
Thân khẩu đều thanh tịnh
Là trang nghiêm anh lạc.
Pháp như trăng dưới nước
Như sóng nắng trưa hè
Pháp như là tiếng vang
Tựa thành Càn-thát-bà
Không pháp không tạo pháp
Là trang nghiêm anh lạc.
Tuệ trang nghiêm cho nhẫn
Nhẫn cũng trang nghiêm tuệ.
Thân khẩu nghiệp thanh tịnh
Là trang nghiêm anh lạc.
Tùy pháp không thêm bớt
Tự hiểu dạy chúng sinh.
Chuyên tâm quán Pháp thân

Là trang nghiêm anh lạc.
Tuệ trang nghiêm tinh tấn
Tinh tấn trang nghiêm tuệ
Tâm tịnh không hối động
Là trang nghiêm anh lạc.
Tuệ trang nghiêm chánh định
Chánh định trang nghiêm tuệ
Giảng pháp giới thâm diệu
Đạt thần thông thù thắng
Biết phương tiện quyền biến
Thành tựu pháp Tổng trì.
Cõi pháp chúng sinh tịnh
Là trang nghiêm anh lạc.
Biết căn tánh lợi độn
Diệt phiền não ma chướng.
Thân tâm đều tự tại
Là trang nghiêm anh lạc.
Đạo không có đến đi
Cũng không người đi đến.
Chẳng quá khứ, vị lai
Không hiện tại không tu
Pháp giới không phân biệt
Thanh tịnh viên mãn định.
Biết ấm, nhập và giới
Là trang nghiêm anh lạc.
Ấm, nhập, giới như không
Không ngã, sở hữu ngã.
Mười hai nhân sinh diệt

Là thanh tịnh trí tuệ
Thật biết Đệ nhất nghĩa
Lại hiểu ấm, nhập, giới.
Không tranh cãi các pháp
Thông tỏ cả ba đời
Phân biệt ba tụ chúng
Thuyết giảng pháp ba thừa.
Dạy kính ba ngôi báu
Tu ba định vô tướng
Không tướng, biết một tướng
Phi huyễn biết như huyễn.
Không thuyết nhưng giảng thuyết
Không nêu nơi chẳng không
Các pháp không thường đoạn
Không hủy hoại pháp giới.
Vì nhân duyên hòa hợp
Lưu chuyển trong pháp giới
Đó gọi là chân trí
Không phân biệt pháp giới
Thông hiểu động, không động
Biết hai pháp sâu cạn
Thường và pháp vô thường
Là trí lớn thanh tịnh.
Luôn giữ tâm chánh niệm
Thông tỏ cả pháp giới
Hiểu ngôn ngữ nghĩa lý
Phân biệt thế tục đế.
Thọ trì pháp đã nghe

Hiểu rõ lời chúng sinh
Dẹp tan các tà đạo
Tu tập trí vô thượng.
Nương tựa bốn y lớn
Là chánh định an lạc
Thuyết tràng hoa công đức
Trang nghiêm tâm Bồ-đề.
Giảng thuyết không lo sợ
Hiểu ngôn ngữ trời thần
Phá tan lưới nghi ngờ
Chỉ dạy cho tất cả.
Tán thán ba ngôi báu
Khuyến khích người cúng dường
Gần gũi Phật, chúng Tăng
Tu tập trí vô thượng.
Chư Phật và Bồ-tát
Trang nghiêm bốn anh lạc
Ai thành tâm tin kính
Là tự trang nghiêm mình.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 2

Phẩm 2: BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI TỰ TẠI VƯƠNG (Phần 2)

Đức Phật lại dạy Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương:

–Thiện nam! Đại Bồ-tát có tám ánh sáng xua tan u tối, thanh tịnh hạnh Bồ-tát. Tám ánh sáng đó là: niệm, ý, hạnh, pháp, trí, thật, thần thông, trí vô ngại. Niệm có tám: không mất pháp lành quá khứ; tu pháp lành vị lai; nghe nhớ pháp; suy xét thật nghĩa; không bị sáu trần hủy hoại; luôn ngăn chặn pháp ác như người canh cửa, làm lành, giữ cửa thành pháp lành; không bị mê hoặc nơi tà đạo; phát triển pháp thuần thiện. Ý có tám: là nghĩa lý không phải văn tự; là trí tuệ không phải thức; là pháp không phải là nhân; là thật không phải lui; là Bồ-tát không phải Thanh văn; là cao không phải thấp; là Phật không phải kẻ thoái chuyển; là thương yêu không phải tổn hại. Hạnh có tám: pháp, tất cả hạnh, chúng sinh, tâm chúng sinh, mười hai nhân duyên, giảng thuyết, hạnh; hết thảy

Phật. Pháp có tám: pháp thế gian, pháp xuất thế, pháp vô lậu, pháp vô vi, pháp giải thoát, pháp giải thoát tâm, pháp giải thoát rốt ráo; trí tuệ phá vô minh. Trí có tám: tám chánh trí; trí Tu-đà-hoàn; trí Tư-đà-hàm; trí A-na-hàm; trí A-la-hán; trí Bích-chi-phật; trí Bồ-tát; trí Chánh giác. Thật có tám: hạnh chánh định; quả Tu-đà-hoàn; quả Tư-đà-hàm; quả A-na-hàm; quả A-la-hán; quả Bích-chi-phật; Bồ-tát; Phật giác. Thần thông có tám: mắt thấy sắc thật; tai nghe tiếng thật; niệm: nghĩ đến chúng sinh trong vô số kiếp thời quá khứ; tánh: quán tánh thanh tịnh, tịnh tâm mọi loài; hư không: thần thông hiện khắp cõi nước nơi mười phương; phương tiện: đủ trí vô lậu; công đức trang nghiêm: tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Trí vô ngại có tám: trí, ý, tuệ, Phật, chánh kiến, thanh tịnh tâm chúng sinh, giải thoát, viên mãn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ nhắc lại nghĩa trên:

Tu tập tâm chánh niệm
Không quên nghiệp thiện ác
Thích nghe tụng kinh Phật
Siêng tu, không buông lung.
Khéo điều phục các căn
An trụ nơi tịch tĩnh
Phát triển các pháp lành
Tu tập tâm chánh niệm.
Ngăn chặn mọi pháp ác

Như người canh giữ cửa
Bảo vệ thành pháp thiện
Không để bốn ma vào
Không theo lời ngon ngọt
Suy xét nghĩa chân thật
Gần gũi Thiện tri thức
An vui sống đúng pháp.
Ý thù thắng vô biên
Vĩnh viễn đoạn phiền não
Kiên định trước pháp tà
Không hủy báng kẻ ác.
Thành tâm niệm chánh giác
Không thuyết pháp Tiểu thừa
Luôn thích pháp Vô thượng
Diệt bỏ tâm thấp kém.
Không sợ ma phiền não
Tu tập đại Từ bi
Không não hại chúng sinh
Đạt trí lớn thanh tịnh.
Trừ tâm nghi mọi loài
Hiểu rõ nghĩa vi diệu
Biết phương tiện chân thật
Tu bốn Trí vô ngại.
Quán mười hai nhân duyên
Nhân tạo nên mọi nẻo
Biết không người làm, nhận
Tu tập các pháp lớn.
Hiểu rõ pháp chư Phật

Hành hạnh thế, xuất thế
Đi lại khắp mười phương
Biết nghiệp của trời người.
Tu tập trí vô thượng
Đưa ba thừa về một
Thực hành tám Chánh đạo
Hủy hoại pháp ba đời.
Như thật biết tất cả
Pháp hữu lậu vô lậu
Hóa độ khắp trời, người
Đoạn trừ pháp hữu lậu.
Như thật biết tất cả
Pháp hữu vi, vô vi
Tịch tĩnh không si ám
Không chấp tướng hữu vi.
Biết nhân duyên xuất nhập
Biết tánh tịnh mọi loài
Với chánh định Đại thừa
Biết các pháp như thế.
Thích vào dòng vô lậu
Hiểu bốn quả Sa-môn
Tỏ đạo hạnh Bồ-đề
Nên tu trí vô ngại.
Trừ tà pháp tu thật
An nhiên vào trong chúng
Thuyết giảng nghĩa chân thật
Đoạn trừ pháp sinh tử
Mắt tai tịnh, không ngại

Nghe, thấy mọi tiếng, sắc
Nhớ rõ pháp quá khứ
Hiểu tâm của chúng sinh.
Tự tại đến mười phương
Biết pháp như hư không
Đạt trí tuệ vô lậu
Để giáo hóa muôn loài.
Đủ công đức trí tuệ
Lợi ích cho mọi người
Trải qua vô số kiếp
Trang nghiêm phước và tuệ.
Vui thọ trì tịnh giới
Hộ trì pháp chư Phật
Tu tập nghĩa chân thật
An trụ trong chánh pháp.
Ta giảng các pháp trên
Để chúng sinh tu đạt
Ai tin kính kinh này
Thành tựu pháp vừa giảng.

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương:

–Thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập mười sáu việc của tâm đại Bi. Mười sáu việc đó là: Vì thấy chúng sinh tham chấp sự hiểu biết của mình, từ đó tăng thêm các kiến chấp, bị trói buộc trong sinh tử nên Bồ-tát tu tâm đại Bi. Vì tâm đại Bi Bồ-tát thuyết pháp độ sinh, diệt trừ vọng chấp của mọi loài; vì thấy chúng sinh luôn điên đảo, thường cho là vô

thường, vô thường cho là thường, khổ thấy là vui, vui thấy là khổ, sạch cho là nhơ, nhơ cho là sạch, có ngã cho là không ngã, không ngã cho là ngã, nên Bồ-tát tu tập tâm Bi, thuyết giảng chánh pháp từ bốn điên đảo của chúng sinh; vì thấy chúng sinh kiêu mạn, không có pháp cho là có pháp, không có việc cho là có việc và vì thế tạo nên bảy loại mạn, tăng pháp ác, nên Bồ-tát tu tâm Bi, thuyết giảng giáo pháp đoạn trừ kiêu mạn của chúng sinh. Vì thấy chúng sinh bị năm cái che lấp, luôn nghi ngờ không hiểu thật nghĩa, nên Bồ-tát tu tâm Bi, thuyết giảng giáo pháp giúp chúng sinh diệt năm cái; vì thấy chúng sinh chìm trong biển sáu nhập, mắt thấy sắc, tai chấp tiếng, nên Bồ-tát tu tập tâm Bi, thuyết giảng giáo pháp cứu chúng sinh thoát biển ấy. Vì thấy chúng sinh đủ bảy mạn: Mạn, đại mạn, mạn mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, hạ mạn, tà mạn. Với kẻ hạ mạn Đại Bồ-tát tự hiện sắc tướng khiêm tốn, chánh trực cho đến… thức đều hơn chúng, với kẻ tăng thượng mạn Bồ-tát bảo: Ngươi thật không phải là Thánh, không nên tưởng mình là Thánh với kẻ tà mạn Bồ-tát giảng về chánh kiến… vì chúng sinh đó Bồ-tát tu tâm Bi, thuyết giảng chánh pháp, đoạn trừ kiêu mạn của mọi loài; thấy chúng sinh xa lánh đạo Thánh, thích hành đạo thế gian và đạo tà ác, Bồ-tát tu tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp diệt trừ đạo ác, đạo thế gian; thấy chúng sinh tạo nghiệp theo cõi ác; bị

ràng buộc trong vô minh tham ái, không tự tại, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, cắt đứt sợi dây ràng buộc, giúp chúng sinh thoát cõi ác; thấy chúng sinh gần gũi bạn xấu, xa lánh bạn tốt, cam tâm làm việc ác, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, đoạn nghiệp ác của mọi loài, giúp chúng xa bạn xấu, gần bạn tốt; thấy chúng sinh đủ tham, sân, si, ái, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, giúp chúng sinh trừ tham, sân, si; thấy chúng sinh chấp ngã, chấp đoạn, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, trình bày mười hai nhân duyên, trí tuệ giúp chúng trừ chấp ngã, chấp đoạn; thấy chúng sinh ngu si chấp ngã, chúng sinh, mạng, sĩ phu, biệt dị, tà vạy, tham đắm, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, ban trí sáng, giúp chúng sinh đoạn trừ các chấp; thấy chúng sinh vui thích trong sinh tử, chấp năm ấm, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, trừ nghiệp ba cõi cho chúng sinh; thấy chúng sinh bị ma chướng trói buộc, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, chặt đứt lưới ma cho mọi loài; thấy chúng sinh ham thích dục lạc, không biết pháp lạc chân thật, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, dạy nhân đạt pháp lạc chân thật cho chúng; thấy chúng sinh cầu Niết-bàn nhưng không biết cách, Bồ-tát tu tập tâm Bi; thuyết giảng chánh pháp, mở cửa Niết-bàn cho chúng.

Thiện nam! Đó là mười sáu nhân duyên để Bồ-tát tu tâm Bi.

Thiện nam! Chúng sinh có ba mươi hai nghiệp ác, Bồ-tát tu tập nghiệp lành để đoạn ác cho chúng sinh. Ba mươi hai nghiệp ác: Chúng sinh ngu si mê muội, Bồ-tát tu tập trí tuệ, thức tỉnh kẻ mê, chúng sinh hiểu pháp nhỏ, tham dục lạc, Bồ-tát tu tập pháp lớn, thích pháp lạc, giáo hóa chúng bằng pháp Đại thừa; chúng sinh thích hành phi pháp, Bồ-tát tu chánh pháp giúp chúng sinh tự tại trong các pháp; chúng sinh nuôi sống bằng pháp tà vạy, Bồ-tát làm việc hợp chánh pháp, giúp chúng bỏ việc sai, chúng sinh chìm trong tà luận, Bồ-tát tu chánh kiến, cứu thoát chúng sinh; chúng sinh thích buông lung, Bồ-tát không buông lung để độ chúng; chúng sinh thô bạo độc ác Bồ-tát an trụ nơi chánh pháp để cứu giúp chúng sinh; chúng sinh tham lam keo kiệt, Bồ-tát tu hạnh bố thí để trừ xan tham kia; chúng sinh hủy phạm giới cấm, Bồ-tát giữ giới thanh tịnh, đoạn tâm hủy giới của chúng; chúng sinh luôn sân hận, Bồ-tát Từ bi, nhẫn nhục để độ chúng đó; chúng sinh lười biếng, Bồ-tát tu pháp siêng năng tinh tấn để trừ tâm lười biếng đó; chúng sinh cuồng loạn, Bồ-tát tu tâm định để độ chúng sinh; chúng sinh bị che lấp trong trí tà vạy, Bồ-tát tu chánh trí để trừ tà trí; chúng sinh điên đảo, Bồ-tát tu chánh tư duy để độ chúng; chúng sinh thích tạo nghiệp thế gian, Bồ-tát tu tập

phương tiện quyền biến để đoạn nghiệp thế gian; chúng sinh bị phiền não trói buộc, Bồ-tát tự đoạn phiền não để giúp chúng đoạn trừ phiền não; chúng sinh bị trói buộc trong tham chấp sự hiểu biết của mình, Bồ-tát tự trừ ngã kiến để độ mọi loài; chúng sinh không điều phục các căn, Bồ-tát tự điều phục căn mình để cứu chúng sinh; chúng sinh tự cho không tạo tác, không thọ nhận, Bồ-tát giảng có tạo tác, có thọ nhận để độ chúng; chúng sinh không biết ân nghĩa, Bồ-tát giảng pháp ân nghĩa để độ sinh; chúng sinh chưa đạt đã cho là đạt, Bồ-tát tu tập chánh pháp để trừ tâm tăng thượng mạn của chúng; chúng sinh thô bạo, nói lời hung ác Bồ-tát nói lời lành để cứu chúng; chúng sinh mãi tham lam, Bồ-tát tu pháp biết đủ để độ sinh; chúng sinh không cung kính cha mẹ, bậc trưởng thượng, Bồ-tát tu pháp không buông lung để chúng sinh cung phụng tôn kính cha mẹ, bậc trưởng thượng; chúng sinh nghèo cùng khốn khổ, Bồ-tát tu bảy pháp tài để cứu chúng; chúng sinh bị bốn rắn độc não hại, Bồ-tát tu Pháp thân niệm xứ để độ sinh; chúng sinh bị vô minh ngu muội, Bồ-tát tu trí tuệ giúp chúng sinh đốt đèn trí sáng; chúng sinh thích giam mình trong ba cõi, Bồ-tát tu đạo giải thoát giúp chúng sinh ra khỏi ba cõi; chúng sinh thích hành tà đạo, Bồ-tát tu pháp chánh đạo để độ chúng; chúng sinh tham chấp thân mạng, Bồ-tát tu pháp không tham chấp để

cứu chúng; chúng sinh không cung kính cúng dường Tam bảo, Bồ-tát tu pháp tín kính để giúp chúng sinh tin kính Tam bảo; chúng sinh chưa là Phật lại tự cho là Phật, Bồ-tát tu sáu niệm, giúp chúng sinh biết pháp chân thật.

Thiện nam! Đó là ba mươi hai nghiệp của chúng sinh. Thấy thế Bồ-tát tự tu, làm thanh tịnh tất cả pháp lành để trừ các nghiệp ác, giúp chúng sinh làm lành.

Thiện nam! Đại Bồ-tát có vô số hạnh. Vì sao? Vì phiền não của chúng sinh là vô kể nên Bồ-tát tu vô lượng hạnh lành để độ chúng.

Thiện nam! Hằng hà sa chúng sinh dù đều an trụ Thanh văn và Bích-chi-phật thừa vẫn không sinh được với Bồ-tát vừa phát tâm, dù là một phần trăm một phần ngàn vẫn không sánh nổi. Vì sao? Vì hàng Nhị thừa quán sát phiền não là để giải thoát chính mình. Bồ-tát không như vậy, quán phiền não là để giải thoát tất cả chúng sinh.

Thiện nam! Hạnh nghiệp của Đại Bồ-tát vượt trên nghiệp hạnh của phàm phu, Nhị thừa. Vì sao? Vì tánh nghiệp của chúng sinh là điên đảo; hạnh nghiệp của Nhị thừa lại hạn hẹp. Hạnh nguyện của Bồ-tát rộng lớn vô biên. Vì thế Bồ-tát hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác.

Sau khi nghe pháp ấy, Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương hết sức vui mừng, thưa Phật:

–Thế Tôn! Thật kỳ diệu! Thật là pháp không thể nghĩ bàn! Như Lai đã giảng nói về anh lạc trang nghiêm, sự sáng soi, tâm đại Bi của Bồ-tát, nghiệp thiện của Bồ-tát. Kính xin Thế Tôn giảng nói thế nào là tâm đại Bi của Phật đối với chúng sinh. Thế nào là Bi? Bi có những hạnh gì? Hình tướng ra sao? Vì sao có? Thế nào là hạnh nghiệp của Phật? Hạnh tướng ra sao? Nguyên nhân của nghiệp ấy? Thật hy hữu thay Thế Tôn! Bậc thấy biết tất cả. Xin giảng thuyết cho chúng con.

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Tâm đại Bi của Như Lai không xuất không hành. Vì sao? Vì thường hằng, không biến đổi, thành tựu được từ sự tu tập trong vô lượng kiếp. Vì vậy tâm đại Bi đó không hành, không chuyển, không tu, không xả, hiện hữu trong tất cả chúng sinh.

Thiện nam! Tâm đại Bi của chư Phật vô lượng, vô biên, tâm đó bình đẳng, từ xưa đến nay không bút mực nào kể hết.

Thiện nam! Chư Phật Thế Tôn luôn sống trong đại Bi và trí giác. Hai pháp ấy không sai khác. Pháp Bồ-đề vô thượng của Như Lai không căn không trụ. Căn là ngã kiến, trụ là bốn đảo. Như Lai biết rõ căn, trụ nên trí giác đó không căn, trụ. Chúng sinh không có không căn không trụ nên Như Lai khởi tâm đại Bi ban cho chúng sinh

không căn không trụ. Như Lai thuyết giảng chánh pháp để mọi loài biết rõ.

Thiện nam! Bồ-đề là thanh tịnh, tịch tĩnh. Thế nào là thanh tịnh, tịch tĩnh? Tịnh là bên trong; tịch là bên ngoài. Bên trong là mắt không, không nên không ngã, không sở hữu của ngã. Vì sao? Vì tánh là một. Ý cũng thế. Vì sao? Vì tánh là một nên khi biết mắt không thì không chấp nơi sắc, sắc tâm nên là tịch tĩnh. Cho đến ý pháp cũng thế. Chúng sinh không biết Bồ-đề thanh tịnh tịch tĩnh nên Như Lai khởi tâm đại Bi, diễn thuyết chánh pháp cho chúng biết.

Thiện nam! Tánh tâm của chúng sinh vốn tịnh. Tánh vốn tịnh nên không bị phiền não làm nhiễm ô, như hư không không bị ô nhiễm. Tánh tâm và tánh hư không bình đẳng không hai. Chúng sinh không biết tánh tâm thanh tịnh, bị phiền não ràng buộc nên Như Lai khởi tâm đại Bi, diễn thuyết chánh pháp để chúng hiểu.

Thiện nam! Bồ-đề là không lấy không bỏ. Thế nào là không lấy? Như Lai không thấy pháp mê, giác. Vì sao? Vì các pháp không kia, đây. Như Lai thật biết như thế nên là không lấy. Thế nào là không bỏ? Chúng sinh không biết pháp giới, Như Lai giảng dạy để chúng biết rõ. Đó là không bỏ. Vì vậy Như Lai khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng sinh biết hai pháp trên.

Thiện nam! Bồ-đề là không tưởng, không duyên. Thế nào là không tưởng, không duyên? Không thấy nhãn thức… ý thức, không thấy sắc tướng…. Pháp tướng, không biết, không thấy, không chấp giữ các pháp ấy là không tưởng không duyên. Không tưởng không duyên là hạnh Thánh. Thế nào là hạnh Thánh? Đó là không hành hạnh ba cõi.

Thiện nam! Như vậy không làm là hạnh Thánh. Hết thảy Thánh nhân không hành nơi hành. Chúng sinh không hành hạnh Thánh nên Như Lai khởi tâm đại Bi, diễn thuyết chánh pháp để chúng biết.

Thiện nam! Bồ-đề không thuộc ba đời, không thuộc ba đời là ba đẳng. Ý quá khứ, thức vị lai, tham hiện tại là ba phần. Biết rõ ba phần nên ý, thức, tham không còn chỗ dựa. Vì thế không tiếc quá khứ, không mong cầu vị lai, không tham ái hiện tại. Biết ba đời bình đẳng là biết đúng. Vì muốn chúng sinh đủ chánh biến bình đẳng đó nên Như Lai khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp. Thiện nam! Bồ-đề là không thân, không tạo tác, không thuộc sự hiểu biết của nhãn thức cho đến không phải là cảnh giới của ý thức gọi là không thân, không sinh, không diệt, không tận, không trụ, không có ba tướng là không tạo tác.

Thiện nam! Tánh của tất cả pháp là không tánh. Đã là không tánh nên là không hai. Vì thế

Bồ-đề không thân, không tạo tác, chúng sinh không hiểu như thế. Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp.

Thiện nam! Bồ-đề không có phân biệt, không có cú nghĩa. Nghĩa ấy ra sao? Không nơi trụ là không phân biệt; không thuộc ngôn tự là không cú nghĩa. Không hai là không phân biệt, không nhập pháp giới là không cú nghĩa. Không dao động là không phân biệt, không đổi khác là không cú nghĩa. Không thể giảng nói là không cú nghĩa, rỗng lặng là không phân biệt. Không giác, quán là không phân biệt, không tướng là không cú nghĩa. Không phát khởi là không phân biệt, không nguyện là không cú nghĩa. Biết cõi chúng sinh như hư không là không phân biệt, không có cõi chúng sinh là không cú nghĩa. Không diệt là không phân biệt, không làm là không cú nghĩa. Không hành là không phân biệt, bình đẳng là không cú nghĩa. Biết bình đẳng là không phân biệt, tịch tĩnh là không cú nghĩa. Chúng sinh không hiểu các nghĩa ấy. Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp cho chúng sinh.

Thiện nam! Bồ-đề không thể chứng đạt bằng thân, bằng tâm. Vì sao? Vì thân tâm như huyễn. Nếu hiểu biết một cách chân thật về thân tâm là đạt Bồ-đề. Vì truyền bá nên nói là Bồ-đề, nhưng tánh của tướng Bồ-đề thật không thể thuyết giảng. Không thể nói là pháp, là phi pháp. Không thể nói

là có, là không. Không thể nói là thật, là hư. Vì sao? Vì tánh không thể nói. Bồ-đề không có nơi dừng, không thể thuyết giảng như hư không. Vì thật biết các pháp là không thể giảng thuyết, trong ngôn tự không có pháp, trong pháp không có ngôn tự. Vì lưu truyền nên thuyết giảng. Phàm phu không hiểu ý ấy, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp.

Thiện nam! Bồ-đề là không chấp giữ, không duyên. Nghĩa ấy thế nào? Thật biết về nhãn (mắt) là không chấp giữ; biết mắt không cảnh giới là không duyên… thật biết về ý là không chấp giữ, biết ý không cảnh giới là không duyên. Như Lai biết Bồ-đề không thể nắm bắt là không chấp giữ, không nhà cửa là không duyên. Nhãn thức không trụ trong sắc là không nhà cửa… ý thức cũng thế. Tâm của tất cả chúng sinh không nơi dừng. Như Lai thật biết tâm không trụ xứ. Không trụ xứ là không có bốn pháp sắc, thọ, tưởng, hành. Tâm không trụ trong bốn pháp ấy nên tâm không nơi dừng. Vì thế tất cả các pháp đều không nơi dừng. Như Lai thật biết nghĩa ấy, chúng sinh không hiểu, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp.

Thiện nam! Bồ-đề tuy được gọi là không nhưng trong Bồ-đề không có tướng không, nên là không. Tất cả các pháp là không, Bồ-đề cũng vậy. Như Lai thật biết như vậy nên được tên là Bậc biết

không. Chư Phật biết các pháp nhưng thật không có pháp biết, không trong không cũng thế. Bồ-đề vô thượng là không và Bồ-đề là một, không và Bồ-đề là một không phải hai. Nếu ngoài không Bồ-đề mà có pháp thì có thể nói là hai. Vì không hai nên là không. Không danh tự nên là không. Không tướng mạo nên là không. Không oai nghi, không tu hành, không giảng thuyết nên là không.

Thiện nam! Đệ nhất nghĩa là không có các pháp. Nếu không có các pháp vì sao nói là không? Thiện nam! Ví như hư không không ngôn ngữ không thuyết giảng. Vì không ngôn thuyết nên gọi là hư không. Trong không ngôn thuyết, không có ngôn thuyết nên là không. Các pháp cũng thế, không danh tự nói là danh tự. Danh tự ấy không có nơi dừng. Nếu thế, pháp của danh tự ấy cũng vậy. Như Lai thật biết các pháp không sinh diệt nên gọi là đạt giải thoát, không bị trói buộc. Vì sao gọi là đạt giải thoát? Như Lai không trói buộc không giải thoát. Tất cả phàm phu không biết pháp ấy, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng hiểu.

Thiện nam! Bồ-đề như hư không. Tánh của hư không không bằng, phẳng không cao thấp. Bồ-đề cũng thế. Nếu các pháp là không tánh thì không thể nói là bằng phẳng, cao thấp. Như Lai biết các pháp không cao thấp bằng phẳng, cho đến hạt bụi cũng không cao thấp bằng phẳng. Nếu pháp có

tánh tức là trí như thật. Trí như thật biết các pháp vốn không nay có, nhưng tuy có vẫn trở về không. Lúc sinh lúc diệt đều không ràng buộc, từ duyên sinh, từ duyên diệt. Đó là đạo. Quyết đoán về đạo ấy là Bồ-đề. Chúng sinh không biết đạo chân thật, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng biết.

Thiện nam! Bồ-đề là pháp chân thật. Sắc cũng thế, bình đẳng không sai khác. Thọ, tưởng, hành, thức, đất, nước, lửa, gió, nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới cũng như thế. Đó là pháp được lưu hành. Thật biết về ấm, nhập, giới, pháp không có điên đảo. Không điên đảo là nhận biết pháp quá khứ, vị lai, hiện tại đều không sinh không diệt. Đó là không điên đảo, là pháp chân thật. Một pháp là tất cả pháp, tất cả pháp là một pháp. Đó là pháp chân thật. Phàm phu không hiểu, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng biết.

Thiện nam! Bồ-đề không phải trong, không phải ngoài không phải trong: không tạo tác. Không phải ngoài: là không giác biết. Trong là tạo tác, ngoài là tướng. Thể của Bồ-đề không phải tạo tác, không phải tướng. Đó là không phải trong, không phải ngoài. Không phải trong: không phải nghiệp thân, khẩu, ý. Không phải ngoài: không phải duyên của ba nghiệp. Không phải trong: không tướng, giải thoát. Không phải ngoài: là

không, giải thoát. Phàm phu không hiểu các nghĩa ấy, Như Lai biết rõ nên khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng biết.

Thiện nam! Bồ-đề là vô lậu, vô thủ. Nghĩa ấy thế nào. Vô lậu là xa lìa bốn giòng: Dục, hữu, vô minh, kiến. Vô thủ là trừ bốn sự chấp giữ: dục, hữu, kiến, giới. Chúng sinh bị vô minh che lấp, sống trong bốn sự chấp giữ đó. Vì tham ái nên chấp ta, sở hữu của ta. Như Lai biết rõ nguồn gốc của chấp ngã nên làm thanh tịnh ngã, thanh tịnh chúng sinh. Làm thanh tịnh ngã nên không thấy, chấp các pháp, cũng không suy xét phi pháp, không vô minh và vì thế không có mười hai nhân duyên. Không có mười hai nhân duyên thì không sinh; không sinh là nhập quyết định tụ. Nhập quyết định tụ là hiểu rõ nghĩa. Hiểu rõ nghĩa là Đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là không chúng sinh, không chúng sinh là không thể nói, không thể nói là mười hai nhân duyên, mười hai nhân duyên là pháp. Pháp chính là Như Lai, vì thế trong kinh ta dạy: Ai thấy mười hai nhân duyên là thấy pháp. Thấy pháp là thấy Như Lai. Thấy Như Lai là không gì để thấy, có đối tượng thấy là thấy sai lầm. Thấy sai lầm là thấy tưởng và số của tưởng. Như Lai không tưởng, không số tưởng, nên thấy Như Lai là không có đối tượng thấy. Thấy Như Lai là không tưởng, không tạo tác, không giác, không biết là thật thấy Như Lai. Như Lai cũng thế giác

biết tất cả pháp bình đẳng như pháp giới, không chấp giữ. Phàm phu không biết nên Như Lai khởi tâm đại Bi, thuyết giảng chánh pháp để chúng rõ.

Thiện nam! Bồ-đề là thanh tịnh tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp. Nghĩa ấy thế nào? Không xen lẫn phiền não là thanh tịnh; là không, giải thoát là tịch tĩnh; không tướng, không nguyện là sáng suốt; không sinh không diệt là không tranh chấp. Không sinh là tịnh, không diệt là vắng lặng; chấp nắm bắt là sáng suốt, không phát khởi là không tranh chấp. Tánh là tịnh, không phiền não là tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp. Pháp giới là tịnh, tánh chân thật là tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp. Tánh hư không là tịnh, không phân biệt pháp giới là tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp. Trong ngoài thanh tịnh là tịch; không nắm bắt, không chấp chặt các pháp là tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp. Thật biết năm ấm là tịnh, thật biết giới là tịch tĩnh, sáng suốt, trừ các nhập là không tranh chấp. Biết quá khứ đã hết là tịnh, biết vị lai không sinh là tịch tĩnh, biết hiện tại ở trong pháp giới, không chuyển động là sáng suốt, không tranh chấp. Bốn pháp thanh tịnh, tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp nhập trong một giới, một pháp, một cú, ba pháp đó là Niết-bàn, trừ phiền não là tịnh. Trọn vẹn là tịch tĩnh, không ngu tối là sáng suốt, không thể nói là không tranh chấp. Vì thế có câu. Đức Thích-ca lặng im, chẳng nói

câu nào.

Thiện nam! Bồ-đề là hư không. Hư không là pháp. Chúng sinh như pháp; ruộng phước như chúng sinh; Niết-bàn như ruộng phước, vì vậy tất cả các pháp đều là Niết-bàn. Hiểu pháp giới như thế nên Như Lai được tôn là Phật. Tu tập bốn pháp thanh tịnh, tịch tĩnh, sáng suốt, không tranh chấp là Phật. Như Lai biết phương tiện quyền biến nên khi đạt Bồ-đề, Phật yên lặng, không giảng thuyết cho đến khi Phạm vương thỉnh Phật. Khi ấy Phạm vương Thi-khí cùng sáu vạn tám ngàn Phạm thiên đến chỗ Phật, cúi lạy, chắp tay, thưa: "Cúi xin Như Lai thương xót chúng sinh, thuyết giảng chánh pháp."

Phạm vương nói kệ:

Chư Phật Như Lai tịnh, vắng lặng
Sáng suốt, không ngại, không tranh chấp
Không chữ, không tiếng, không thuyết giảng
Thật biết tất cả như pháp giới.
Trải vô số kiếp vì chúng sinh
Khổ luyện, thọ trì giới thế gian
Giác ngộ chúng sinh kẻ mê ngủ
Không hiểu thật nghĩa, mãi buông lung.
Trong đại hội này vô số chúng
Từng tu pháp lành với chư Phật

Hiểu nghĩa chân thật pháp sâu xa
Xin Phật xót thương giảng chánh pháp.
Hội chúng đã trừ mọi ma chướng
Mở cửa cam lồ cứu chúng sinh
Như Lai được tôn: Chân Đạo Sư
Chỉ dạy pháp mầu cho tất cả.
Như Lai tuy đủ đại Từ bi
Thương yêu chúng sinh như con đỏ
Nhưng pháp vốn vậy bạch Thế Tôn
Xin vì chúng sinh giảng chánh pháp.
Ba đời chư Phật xoay xe pháp
Ngưỡng mong Như Lai cũng làm thế
Đạo sư tối thượng không thoái chuyển
Chỉ dạy mọi loài một đạo mầu.
Như mưa thấm khắp muôn cây cỏ
Như Lai trừ khát cho chúng sinh
Phật tuôn mưa pháp cho đại chúng
Chứng đạt vô số quả vô thượng.
Lúc mới thọ sinh Phật phát nguyện
Cứu thoát khổ đau cho tất cả
Chúng sinh khát ngưỡng vị cam lồ
Xin Bậc Đại Thí tuôn mưa pháp.

Nhận lời của Phạm vương, Như Lai liền đến vườn Nai, trụ xứ của Tiên nhân, thuyết giảng chánh pháp. Pháp ấy Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, không thể thuyết giảng. Lúc đó, Phật giảng pháp bốn Đế, Tỳ-kheo Kiều-trần-như đạt

Pháp nhãn tịnh, tiếng Phật vang khắp tam thiên đại thiên cõi nước.

Khi ấy Đức Phật nói kệ:

Pháp nghĩa thâm diệu không thể nói
Đệ nhất thật nghĩa không ngôn tự
Tỳ-kheo Kiều-trần-như biết pháp
Chứng quả Bồ-đề đạo Vô thượng
Vô lượng, vô số kiếp quá khứ
Ta đã đạt được, nay ông đạt.

Lúc Phật nêu giảng pháp này, vô số chúng sinh đều điều phục thân tâm. Phật thị hiện thần thông đại Bi như thế, a-tăng-kỳ người thấy được, phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Thiện nam! Vì chúng sinh, Như Lai khởi mười sáu pháp đại Bi. Và vì thế trải qua hằng hà sa số kiếp, Phật vào địa ngục chịu khổ thay cho chúng sinh, không hề hối hận, nhưng tâm Bi của Phật không tổn giảm. Do ý nghĩa ấy, nên tâm đại Bi của Như Lai là không thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Tâm Bi của hàng Thanh văn như sạch ngoài da. Tâm đại Bi của Bồ-tát như xả về thịt. Tâm đại Bi của Như Lai như đập vỡ xương để lấy được tủy. Vì thể của tâm Bi nơi Phật như khắc sâu vào cốt tủy. Tâm Bi của Thanh văn là tán thán tri kiến của Phật. Tâm Bi của Bồ-tát là khuyên chúng sinh tu hành. Tâm Bi của Phật là thọ ký chúng sinh đạt quả Bồ-đề vô thượng. Tâm Bi của Thanh văn là

nhân duyên Từ. Tâm Bi của Bồ-tát là điều phục chúng sinh. Tâm Bi của Như Lai là độ chúng sinh giải thoát. Tâm Bi của Thanh văn có từ sợ khổ; Tâm Bi của Bồ-tát khởi phát trừ đoạn khổ; Tâm Bi của Phật có từ sự đoạn trừ tất cả nhân duyên.

Thiện nam! Như Lai tu tập tâm Bi như thế. Dù chỉ vì một chúng sinh Như Lai cũng trụ đời suốt trăm ngàn vạn kiếp, vô số kiếp, không nhập Niết-bàn.

Thiện nam! Đại Bi của Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Thiện nam! Về vô lượng, vô số a-tăng-kỳ kiếp thời quá khứ, có Đức Phật ra đời, hiệu là Chiên-đàn-quật, nước tên Đại hương, kiếp tên Thượng hương. Đức Phật Chiên-đàn-quật thuyết giảng chánh pháp cho chúng Thanh văn suốt ba trăm ba mươi hai vạn kiếp. Suốt thời gian ấy từ mỗi mỗi lỗ chân lông trên thân Phật đều thoảng một mùi hương thơm khắp tam thiên đại thiên thế giới. Đất nước ấy không có mùi hôi thối, cây cỏ sông núi đều thoảng hương chiên-đàn. Mùi thơm trên thân của chúng sinh cũng thế, chúng không có ba nghiệp ác. Đệ tử Phật ngửi hương này liền đạt bốn Thiền. Thời ấy, có mười ngàn Đức Phật tuần tự xuất thế, đều cùng một hiệu: Chiên-đàn-quật, do đó kiếp số tên Thượng hương. Làm mọi việc xong, Như Lai định nhập Niết-bàn. Đức Phật lại quán chúng sinh, ai chưa điều phục thì đến điều

phục. Với Thiên nhãn thanh tịnh, Phật thấy ở cõi Phi hữu tưởng phi vô tưởng có một người đã từng trồng căn lành với các Đức Như Lai, nay phải nhờ Phật mới được độ thoát, Thanh văn không thể hóa độ người này. Sáu tám vạn bốn ngàn kiếp, người này thọ sinh, hưởng thụ năm dục, sẽ được nghe kinh Đại thừa, phát tâm Bồ-đề vô thượng, an trụ không thoái chuyển.

Lúc này, Phật khởi phương tiện bằng tâm Bi, bảo các Tỳ-kheo:

–Giờ đã đến, Như Lai nhập Niết-bàn.

Nói xong, Như Lai nhập định Bất hối, thị hiện để chúng sinh biết Như Lai đã Niết-bàn, khiến đại chúng thiết lễ cúng dường. Trải qua hết sáu mươi tám vạn bốn ngàn năm thời chánh pháp, đệ tử Phật không một ai nghĩ đến pháp tà vạy. Với sức định Đức Phật Chiên-đàn-quật ẩn thân suốt tám vạn bốn ngàn kiếp. Về sau người kia sinh trong nhà một trưởng giả ở cõi người. Tám mươi năm sau Phật xuất định, đến nhà trưởng giả. Người trong nhà từ lớn đến nhỏ không ai thấy Phật, chỉ mỗi người kia thấy Phật. Để người kia chán ghét năm dục, Đức Phật thuyết pháp cho, nghe xong, người kia đạt tâm Bồ-đề vô thượng. Biết vậy Như Lai thọ ký cho người kia:

–Thiện nam! Bảy vạn hai ngàn a-tăng-kỳ trăm ngàn kiếp thời vị lai, ông sẽ thành tựu đạo quả Bồ-

đề vô thượng, thành Phật hiệu Bảo Thượng.

Những lời ấy mọi người ở đó không ai nghe được, riêng một vạn hai ngàn thiên nhân được nghe, nên họ phát tâm Bồ-đề vô thượng, đồng thanh nói:

–Mong khi Đức Bảo Thượng thành Phật, chúng ta được làm đệ tử, được học hỏi chánh pháp.

Biết vậy, Đức Như Lai thọ ký cho họ:

–Khi Đức Bảo Thượng Như Lai thành Phật, các vị sẽ làm đệ tử thọ pháp Đức Phật ấy cũng sẽ thọ ký cho các vị thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Thọ ký xong Đức Chiên-đàn-quật hoàn toàn vào Niết-bàn. Tất cả chư Thiên đều thiết lễ cúng dường.

Thiện nam! Tâm đại Bi viên mãn của Như Lai hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được.

Thiện nam! Lúc đó, Đức Phật không làm mất giống Phật. Chúng sinh cúng dường Tam bảo cũng thế.

Lúc Đức Phật Thích-ca giảng nói pháp Đại bi, ba hằng hà sa chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng. Một nửa đại chúng thành tựu pháp nhẫn. Một nửa trong số một nửa chúng ấy đạt trọn vẹn mười sáu pháp Đại bi. Số còn lại đạt pháp nhẫn của Phật. Khi đó, tất cả hàng trời, người nghe pháp, vui vẻ, cùng tán thán Phật:

–Hy hữu thay! Kỳ diệu thay! Như Lai thuyết

pháp đại Bi như thế.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 3

Phẩm 2: BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI TỰ TẠI VƯƠNG (Phần 3)

Thiện nam! Như Lai lại có ba mươi hai hạnh. Ba mươi hai hạnh đó là gì?

Thiện nam! Như Lai biết rõ thị xứ, phi xứ. Nghĩa ấy ra sao?

Thiện nam! Không bao giờ có việc chúng sinh tạo ba nghiệp ác mà lại an hưởng an lạc. Đó là phi xứ (việc không xảy ra). Chúng sinh tạo ba nghiệp lành được hưởng quả vui. Đó là thị xứ (việc có thể xảy ra). Không thể có việc tham lam keo kiệt được giàu có. Chúng sinh hành bố thí mới được giàu có. Không có việc kẻ hủy phá giới cấm lại được thân trời. Chúng sinh hộ trì tịnh giới được thọ thân trời. Không có việc kẻ sân hận được thân đoan nghiêm. Người tu hạnh nhẫn mới đạt thân tướng đẹp đẽ đoan chánh. Kẻ lười biếng không bao giờ được thần thông lớn. Người siêng năng tu tập mới đạt đại thần thông. Không có việc kẻ buông lung tán loạn lại đạt định. Người chuyên tâm không loạn

mới đạt chánh định. Kẻ ngu si không thể đoạn trừ tập khí phiền não. Người tu trí mới đoạn được tập khí phiền não. Không có việc tạo năm tội nghịch lại đạt vô lậu. Người không tạo năm tội nghịch mới thành tựu vô lậu. Người nữ không thể làm vua Chuyển luân. Người nam mới có thể làm vua Chuyển luân. Đế Thích, Phạm vương, Phật cũng vậy. Không có việc Chuyển luân vương cai trị đất nước bằng pháp tà vạy. Chuyển luân thánh vương cai trị đất nước bằng chánh pháp. Không có việc người cõi Uất-đơn-việt đọa vào ba đường ác. Người cõi Uất-đơn-việt mạng chung sinh lên các cõi trời. Kẻ sát sinh không thể sống lâu. Kẻ sát sinh mạng sống ngắn ngủi. Không có việc kẻ tà kiến đạt Thánh đạo. Người chánh kiến mới đạt Thánh đạo. Tu-đà-hoàn không thể đạt hữu thứ tám. Tu-đà-hoàn không thể đạt Niết-bàn. Không có việc hàng A-na-hàm thọ thân cõi Dục. Không có việc A-la-hán thọ thân hậu hữu. Hiền thánh không học pháp ngoại đạo. Người đạt bất thoái không thể thoái tâm Bồ-đề. Không có việc Bồ-tát an tọa nơi cội Bồ-đề, chưa thành đạo đã rời tòa. Như Lai không thể có tập khí phiền não. Trí của chư Phật không bị chướng ngại. Không có việc chúng sinh thấy được tướng kim đỉnh của Phật. Chúng sinh không thể biết cảnh giới Như Lai, không có việc tâm Như Lai không thường định. Không có việc chư Phật Thế Tôn có hai lời. Không

có việc chư Phật có lỗi lầm.

Thiện nam! Đó là hạnh thứ nhất của Phật.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Đại địa có thể có tướng động
Gió lớn có lúc có tướng dừng
Hư không có thể có sắc tướng
Phật không nói xứ là phi xứ.
Hư không có thể có cảnh tượng
Phật không nói xứ là phi xứ
Như Lai thuyết giảng xứ, phi xứ
Thượng, trung, hạ phần đều chân thật.
Không nói thị xứ phi xứ một
Hai xứ như vậy đều không hai
Như Lai tuy nói thượng trung hạ
Nhưng chẳng bao giờ có ba tướng.
Đức Phật đã biết xứ, phi xứ
Nên Phật thuyết giảng pháp vô thượng
Thế Tôn hiểu rõ tâm chúng sinh
Khéo léo phân biệt tướng vi tế.
Sa-môn, Phạm chí đều không rõ
Đâu là nhân duyên xứ, phi xứ
Chúng sinh không tỏ xứ, phi xứ
Nên không chứng đạt pháp giải thoát.
Như Lai thông đạt xứ, phi xứ
Nên được gọi là Bậc Vô Thượng
Nếu thấy chúng sinh không pháp khí
Như Lai tu tập tâm xả bỏ.
Tìm mọi phương tiện đợi thời cơ

Chỉ dạy chúng sinh đạt giải thoát
Như Lai - Thế Tôn trí vô thượng
Nên được gọi là Pháp bậc nhất
Đó là hạnh nghiệp tịnh thứ nhất.
Để giúp chúng sinh điều phục mình
Như Lai thuyết giảng Lực thứ nhất
Sâu xa vi diệu khó lường biết,
Pháp mầu như thế không thể giảng
Vì trừ tà kiến Phật thương giảng.

Thiện nam! Như Lai biết rõ các nghiệp, báo, ân, xứ của chúng sinh trong ba đời. Nếu quá khứ chúng tạo nghiệp nhân ác, Như Lai biết vị lai chúng sẽ chịu quả chẳng lành. Nếu vị lai có nghiệp nhân thoái chuyển Như Lai biết rõ là nhân thoái chuyển. Nếu vị lai có nhân tăng trưởng pháp, Như Lai hiểu nhân đó sẽ tăng trưởng pháp. Nếu hiện tại có nhân tiến, thoái, Thế Tôn biết rõ vì nhân đó mà có tiến thoái. Nếu chúng sinh tạo nhân Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật Như Lai đều biết rõ. Đó là hạnh nghiệp thứ hai của Như Lai.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai chứng đạt trí vô thượng
Vì thế biết được nhân quả nghiệp
Hiểu rõ ba đời không phải ba
Biết nghiệp ba đời của chúng sinh.
Thông đạt nhân duyên của an lạc
Biết được nhân duyên tạo khổ đau
Như Lai diệt chấp không nhân quả

Vì thế tu tập nghiệp thứ hai.
Biết nhân hai pháp tiến và thoái
Nghiệp quả thiện ác cũng tỏ thông
Trí tuệ Như Lai không chướng ngại
Nhìn rõ mọi vật trái trong tay.
Biết tướng chân thật thượng trung hạ
Nhân pháp ba thừa rõ tất cả
Như Lai biết mọi nghiệp chúng sinh
Hiểu hết quả báo nghiệp thiện ác
Nghiệp quả chúng sinh thuộc ba đời
Thông đạt chân thật là chánh giác.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai, Thế Tôn biết mọi dục, giải của chúng sinh: tham dục, sân hận, ngu si. Tham của đời hiện tại dẫn sinh tham, sân, si đời vị lai. Như Lai biết rõ hiện tại có dục lành, vị lai lại có dục ác; hiện tại thích làm ác, đời sau lại thích làm lành. Như Lai biết rõ, hiện tại thích dục bậc hạ, vị lai lại có dục bậc hạ, trung, thượng. Hiện tại hưởng dục bậc trung, vị lai lại đủ ba dục thượng, trung, hạ. Hiện tại thọ thượng dục, vị lai có đủ ba dục, thượng, trung, hạ. Như Lai hiểu chúng sinh từ tà tụ có thể trở thành chúng sinh chánh tụ; chúng sinh tán loạn an tọa trong chánh định. Phật biết dục của chúng sinh cõi Dục, Sắc, Vô sắc, biết Thanh văn có tâm và sự hiểu biết của Duyên giác, của Phật. Như Lai thông đạt tất cả nên thuyết pháp tùy căn cơ. Đó là hạnh nghiệp thứ ba của Phật.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Dục giải chúng sinh nhiều vô kể
Ý muốn của chúng không phải một
Như Lai thật biết tất cả dục
Tùy thuận căn cơ giảng chánh pháp
Nào là tham dục nào sân si
Tùy tướng biết rõ không điên đảo
Hạng thượng trung hạ cũng như vậy
Nhân quả thiện ác đều thật biết
Biết rõ ba tụ không tánh định
Hết thảy ba thừa cũng như thế
Hiểu thông ba đời không thuộc ba
Thuyết giảng ba lực cho chúng sinh.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai biết rõ vô lượng cõi nước, pháp lành, pháp ác, pháp không ngại. Thế nào là biết? Trong không, ngoài không, trong ngoài không. Như Lai biết mắt, sắc, nhãn thức như hư không; ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc như giác, quán; hành như tánh hành; phiền não và tánh của khách trần; không ô nhiễm vì tánh của các pháp vốn tịnh; sinh tử do duyên sinh vô minh; biết Niết-bàn vì tư duy chân thật; biết trụ, ái, sân, si, tịnh, tịnh tâm giới của thế gian. Vì biết rõ nên có thể tùy căn cơ thuyết giảng pháp. Đó là hạnh nghiệp thứ tư của Như Lai.

Khi ấy Đức Phật nói kệ:

Như Lai - Sư Tử Chúa cõi người
Thật biết tất cả cõi chúng sinh
Trí tuệ Thế Tôn không giới hạn

Rõ biết vô số, vô biên cõi.
Biết nghiệp thiện ác, hạnh giải thoát
Thông hiểu mắt, sắc và nhãn thức
Tỏ thông vô lượng, vô số pháp
Tánh pháp xưa nay vốn thanh tịnh.
Bên trong bên ngoài không sở hữu
Năm ấm sáu nhập mười tám giới
Nghiệp thân, khẩu, ý và bốn đại
Tất cả các pháp đều không thật.
Thông tỏ tất cả cõi chúng sinh
Hết thảy đều như cảnh hư không
Tánh tướng ba cõi không chân thật
Các cõi phiền não cũng như thế.
Tánh tướng phiền não không bền chắc
Giải thoát vô lậu nào khác gì
Như Lai tùy biết cõi chân thật
Nhưng không nói ra, không kiêu mạn.
Hư không rộng lớn không biên giới
Cõi nước chúng sinh cũng như vậy
Trí tuệ Như Lai vượt giới hạn
Đoạn trừ ba chấp tướng hữu vi.
Vô thượng sâu xa ấy trí Phật
Hết thảy chúng sinh không biết được
Đức Phật thương xót mọi quần mê
Thuyết giảng hạnh nguyện thứ tư này.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai biết rõ căn tánh ngu trí của chúng sinh; biết thuộc bậc thượng, trung, hạ; biết tăng giảm; biết tham, sân, si đều có

ngàn ức loại; biết tham, sân, si nhiều hay ít; biết một loại căn làm tăng sinh tử, một loại căn làm giảm sinh tử; biết căn lành, căn không lành, không phải căn lành, không phải căn không lành, căn giải thoát, căn sáu tình, căn nam, căn nữ, mệnh căn, căn khổ, căn vui, căn lo, căn mừng, xả căn, tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn; căn chưa biết muốn biết, căn đã biết, biết nhân của nhãn căn cho đến nhãn của ý căn căn, nhân nhĩ căn làm duyên nhãn căn, nhân tỷ căn làm duyên thiệt căn, nhân thiệt căn làm duyên thân căn; biết nhờ giới tu thí, nhờ thí tu giới. Như Lai biết dạy pháp bố thí cho ai, ai giữ giới được trí tuệ cũng thế; Phật hiểu cần dạy pháp bốn Niệm xứ cho ai, ai tu được tám Thánh đạo, chúng sinh nào học pháp Thanh văn, Bích-chi-phật hoặc Phật thừa vô thượng; biết căn Duyên giác học pháp Thanh văn, chánh giác học pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, biết người căn thấp có thể tu pháp cao, biết người căn cao lại thích pháp thấp; biết chúng sinh nào chưa thể điều phục thì đợi cơ duyên, chúng sinh nào điều phục được thì giảng chánh pháp. Như Lai biết rõ tướng thuần thục không thuần thục, tướng không thuần thục thuần thục, tướng không thuần thục không thuần thục, tướng thuần thục thuần thục; biết căn sinh tử, giải thoát, trang nghiêm, trọn vẹn. Tất cả căn tánh, nhân duyên, quả báo Như Lai đều biết rõ. Đó là hạnh nghiệp thứ năm của Như Lai.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai biết căn đạt giải thoát
Nên biết mọi giải của chúng sinh
Hiểu rõ căn tánh thượng, trung, hạ
Tất cả các nghiệp cũng như thế.
Biết tướng nhẹ nặng của phiền não
Lại hiểu căn tánh khó điều phục
Căn thích sinh tử căn giải thoát
Nhãn căn, nhĩ căn và ý căn.
Hiểu rõ hành xứ diệt xứ căn
Căn tánh tất cả hàng Tam thừa
Những ai chuyển được không chuyển được
Biết căn thuần thục không thuần thục.
Tùy thuận sở thích giảng pháp mầu
Kẻ cần la mắng cần xoa dịu
Kẻ nào chưa thể điều phục được
Như Lai đợi lúc hợp cơ duyên.
Thế Tôn có đủ phương tiện khéo
Diệt trừ phiền não trang nghiêm trí
Để trừ phiền não nơi chúng sinh
Như Lai thuyết giảng hạnh thứ năm.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai thật biết đạo xứ, đâu là chánh định, tà định, bất định, hiểu sức của nhân, sức của quả báo, biết nhân duyên phước đức thời quá khứ, nhân duyên hiện tại khó điều phục hay dễ điều phục, nói ít hiểu nhiều, nói nhiều hiểu ít, biết chúng sinh này đạt hay không đạt giải thoát,

biết người tu bất định tu gặp Thiện tri thức sẽ tu chánh định, không gặp bạn lành sẽ không giải thoát. Vì biết rõ nên Phật tùy sở thích của chúng sinh thuyết giảng chánh pháp. Nghe được, chúng chuyên niệm suy xét, đạt quả lành. Như Lai ra đời là vì chúng sinh bất định, không thuyết pháp cho chúng tà định. Vì sao? Vì chúng không phải là pháp khí, không thể đạt giải thoát chân thật. Đó là tâm Xả của Phật đối với chúng sinh. Đại Bồ-tát thật biết tự tu trang nghiêm để diệt trừ chúng sinh tà định nên phát tâm Bồ-đề vô thượng. Như Lai biết tham có ba: Nhân thấy tịnh, nhân duyên thọ nhận, nhân duyên vốn có. Sân có ba: Nhân duyên sân, nhân duyên thọ nhận, nhân duyên vốn có. Si cũng có ba: Nhân duyên vô minh, nhân duyên chấp ngã, nhân duyên nghi. Như Lai lại biết chúng sinh có khổ đến chậm, khổ đến nhanh. Khổ đến chậm, niềm vui sớm đến; niềm vui đến nhanh thì khổ đến chậm. Niềm vui đến chậm có thể sẽ đến nhanh; biết có sức tu, có trí lực, có người đủ sức tu không đủ trí lực, có trí lực nhưng không đủ sức tu; người đủ trí lực và sức tu, không đủ sức tu không có trí lực. Người có thể thanh tịnh tâm nhưng không thể trang nghiêm, trang nghiêm được nhưng không thể tịnh tâm, người vừa thanh tịnh tâm vừa trang nghiêm, người không tịnh tâm cũng chẳng trang nghiêm. Người thanh tịnh thân nhưng không tịnh khẩu, ý. Tịnh khẩu, ý nhưng

không tịnh thân; người thanh tịnh thân, khẩu, ý, kẻ không thanh tịnh cả ba. Đó là hạnh nghiệp thứ sáu của Như Lai.

Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Như Lai biết rõ nơi chúng đến
Cũng hiểu nhân duyên của mọi loài
Thông hiểu chúng sinh định, bất định
Kẻ điều phục được, không điều phục.
Không giảng chánh pháp kẻ tà định
Cũng chẳng điều phục căn thấp kém
Biết tham, sân, si đều có ba
Biết tướng nặng nhẹ của kết sử.
Hiểu rõ không chuyển, chuyển bốn đạo
Thế nên Thế Tôn hiểu hết đạo
Sức tu trí lực đều thật biết
Lực thượng trung hạ cũng như thế.
Biết thân, khẩu, ý tịnh không tịnh
Tâm và trang nghiêm đều rõ cả
Căn căn chúng sinh thuộc phiền não
Biết thế Như Lai diệt trừ sạch.
Chúng sinh mê muội không tỏ biết
Như Lai nói hạnh thứ sáu này.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai biết thiền, giải thoát, Tam-muội, phiền não giải thoát. Nghĩa là biết chúng sinh vì nhân duyên ham thích sinh tử, vì nhân duyên ưa thích Niết-bàn. Thế nào là nhân duyên? Chúng sinh suy nghĩ chẳng lành là nhân duyên sinh tử, vì suy nghĩ chẳng lành nên nuôi lớn

vô minh. Vô minh là nhân, các hành là duyên. Từ thức có danh sắc nên thức là nhân, danh sắc là duyên. Từ danh sắc có lục nhập nên danh sắc là nhân, lục nhập là duyên. Từ lục nhập có xúc nên lục nhập là nhân, xúc là duyên. Từ xúc có thọ nên xúc là nhân thọ là duyên. Từ thọ có ái nên thọ là nhân ái là duyên. Từ ái có thủ nên ái là nhân thủ là duyên. Từ thủ có hữu nên thủ là nhân hữu là duyên. Từ hữu có sinh nên hữu là nhân sinh là duyên. Từ sinh có khổ già chết nên sinh là nhân, già chết là duyên. Phiền não là nhân, nghiệp là duyên. Kiến chấp là nhân, ái kết là duyên. Phiền não là nhân, năm cái là duyên. Đó là nhân, duyên, vì những duyên đó chúng sinh ham thích sinh tử. Vì nhân duyên gì chúng sinh ưa thích Niết-bàn? Có hai nhân hai duyên để chúng sinh ưa thích Niết-bàn: Vui thích nghe pháp, thích suy nghĩ đúng. Lại có hai: Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Lại có hai: Trí không đi, trí không đến. Lại có hai: Quán sinh tử, quán Niết-bàn. Lại có hai: Thọ trì đúng pháp, chứng đạt. Lại có hai: Tu pháp giải thoát, đạt quả giải thoát. Lại có hai: Tận trí, vô sinh trí. Lại có hai: Đế trí, quán mười hai nhân duyên. Đó là nhân, duyên để chúng sinh ưa thích Niết-bàn. Như Lai biết rõ thiền, Tam-muội, giải thoát nên đoạn dục ác và pháp không lành, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc nhập Thiền thứ nhất; nhập Sơ thiền, xuất diệt định; nhập diệt định, xuất Sơ thiền…

nhập giải thoát cũng thế. Hết thảy chúng sinh không thể biết nơi xuất nhập của Như Lai. Phật biết trụ nơi định bình đẳng. Chúng sinh cho Phật nhập một Tam-muội kỳ thật Phật nhập tất cả Tam-muội. Chúng sinh thấy Phật xuất từ tất cả định, kỳ thật Phật chỉ nhập một định. Tam-muội của Như Lai không có thứ tự nhưng không phải là bất định. Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều không thể biết. Như Lai biết giảng pháp đạt định Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Vì thế nên Phật tùy thuận thuyết pháp. Đó là hạnh nghiệp thứ bảy của Phật.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Như Lai biết rõ nhân sinh tử
Cũng lại thông đạt nhân giải thoát
Nhờ biết nên tùy thuận giảng pháp
Diệt hết sinh tử nhân chẳng lành.
Suy nghĩ chẳng lành nhân vô minh
Vô minh làm nhân tạo sinh tử
Nhân duyên phiền não chịu nghiệp quả
Kiến chấp làm nhân tăng ái kết.
Chúng sinh gần gũi Thiện tri thức
Chuyên tâm nghe nhận pháp vô thượng
Tam-muội quán sát trong ngoài không
Là tự vượt qua biển sinh tử.
Tu tập trí tuệ định vô thượng

Quán pháp bình đẳng không đến đi
Những ái quán thấy không sinh diệt
Đạt mắt tịch tĩnh thấy tất cả.
Tu ba giải thoát pháp vô thượng
Đầy đủ tận trí, vô sinh trí
Đã tự đạt được trí vô ngại
Vì mọi chúng sinh thuyết chánh pháp.
Nhập thiền thứ nhất, xuất diệt định
Nhập định diệt tận, tùy ý xuất
Tam-muội Như Lai không thứ lớp
Vì thế gọi là ở trong định.
Tất cả các định Như Lai nhập
Đều như pháp giới không sai khác
Nhị thừa không biết trụ xứ Phật
Bồ-tát nào hay định thâm diệu
Chúng sinh luôn bị vô minh ám
Không biết nơi nào Phật nhập, xuất
Thế Tôn - vô thượng thương chúng sinh
Thuyết giảng hạnh nghiệp thứ bảy này.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai biết rõ nghiệp quá khứ của mình từ một đời, hai đời, vô số đời, một tai nạn, hai tai nạn, vô lượng tai nạn, một kiếp, hai kiếp, vô lượng kiếp. Nhớ rõ tên, họ, đời sống hình tướng, bản chất, niềm vui, nỗi buồn, tuổi thọ. Như Lai biết chúng sinh tạo nghiệp nhân gì, thọ thân như thế nào; biết chúng sinh cũng như mình có sinh, có diệt. Biết nghiệp nhân của chúng sinh,

chúng sinh tạo nhân sẽ thọ thân như nghiệp; biết tâm và nhân duyên của tâm, tâm này diệt, tâm khác sinh. Các việc đó hằng hà sa chúng sinh không tự biết. Với Túc mạng trí Như Lai biết ba đời không đầu cuối. Trí tuệ Phật không thể suy lường được. Chúng sinh các ngươi nên suy xét. Nhờ lực Phật, chúng sinh nhớ rõ nghiệp thiện ác trong quá khứ; biết mình đã từng trồng căn lành với Phật, Thanh văn, Duyên giác. Biết chúng sinh nhớ rõ, Phật tùy thuận thuyết pháp để chúng sinh không thoái chuyển. Đó là hạnh nghiệp thứ tám của Phật.

Bây giờ Thế Tôn nói kệ:

Như Lai nhớ rõ vô số kiếp
Các nghiệp thiện ác mình, chúng sinh
Thấy biết mọi việc vô lượng kiếp
Rõ như nhìn ngắm quả trong tay.
Hiểu thông tên tuổi cùng dòng họ
Hình sắc tánh chất cũng như vậy
Thọ mạng, nơi sinh đều biết rõ
Nghiệp nhân thiện ác không sai sót.
Vô số tâm tánh của chúng sinh
Nhân duyên của tâm, nơi sinh diệt
Biết rõ tử sinh vô lượng kiếp
Vẫn không tổn giảm trí vô ngại.
Trí Phật khôn lường vượt ngôn ngữ
Nhị thừa không biết cảnh giới trí
Để giúp chúng sinh nhớ quá khứ

Phật tùy thuận giảng hạnh thứ tám.

Lại nữa, thiện nam! Thiên nhãn của Như Lai thanh tịnh vi diệu, thấy sự sinh diệt đọa lạc của chúng sinh, hoặc thọ thân đẹp, hoặc thọ thân xấu, sinh ở cõi lành, sinh ở cõi ác; biết rõ nghiệp nhân, thân, khẩu, ý của chúng sinh tạo tác, hủy báng Thánh nhân, thêm nhiều tà kiến. Vì nghiệp ác, sau khi chết bị đọa vào địa ngục. Biết chúng sinh ba nghiệp đều lành, không hủy báng Thánh nhân, nuôi lớn chánh kiến. Vì thế sau khi bỏ thân này, sinh trong cõi lành. Với Thiên nhãn, Như Lai thấy hết cõi nước của chư Phật nơi mười phương, không giới hạn như hư không, không hạn lượng như pháp giới. Biết lúc sinh, lúc diệt của chúng sinh, thời gian thành, hoại của thế giới, biết thời gian sinh diệt của chúng sinh, phát tâm Bồ-đề, thời gian chư Phật thành chánh giác, thuyết pháp, nhập Niết-bàn. Biết Thanh văn đạt giải thoát, chấp trong Niết-bàn. Duyên giác dùng sức thần thông đền ân tín thí. Mọi việc đó Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát năm thông không biết được. Thiên nhãn của Như Lai thành tựu vô lượng công đức như thế. Với Thiên nhãn, Như Lai quán biết chúng sinh nào được Phật hóa độ, Phật liền hiện thân. Chúng sinh khác không thấy được. Đó là hạnh nghiệp thứ chín của Phật.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Trải vô lượng kiếp tu nghiệp lành

Chứng đạt Thiên nhãn thật thanh tịnh
Thấy rõ chúng sinh ở mười phương
Thọ đủ hình tướng nghiệp thiện ác.
Chúng sinh thuộc hạng thượng trung hạ
Sinh vào cõi lành đọa cõi ác
Với thân, khẩu, ý tạo nghiệp lành
Sẽ đạt quả báo tương xứng nhân.
Như Lai biết rõ cảnh giới lành
Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát
Chư Phật mười phương diệt quân ma
Thuyết giảng chánh pháp, nhập Niết-bàn.
Thấy biết Thanh văn chứng giải thoát
Vì chấp Niết-bàn chẳng độ sinh
Hàng Bích-chi-phật dùng thần thông
Đáp đền ân đức của thí chủ.
Như Lai thuyết giảng pháp chân thật
Ai nghe sẽ vượt biển sinh tử
Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát
Không ai hiểu được cảnh giới Phật.
Như Lai thấy rõ từng hạt bụi
Vô lượng, vô biên các cõi nước
Vì độ chúng sinh đủ căn lành
Đức Phật thuyết giảng hạnh thứ chín.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai tự biết lậu hoặc đã hết, viên mãn giải thoát, không còn thọ sinh, thành tựu phạm hạnh, mọi việc đã làm, không còn

sinh tử. Trí lậu tận của Phật thanh tịnh vi diệu. Thanh tịnh là vì không còn tập khí. Trí Thanh văn còn hạn hẹp. Vì sao? Vì còn tập khí. Trí Duyên giác cũng vậy. Vì sao? Vì không có đại Bi. Trí lậu tận của Phật vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì biết tất cả hành, thành tựu trọn vẹn Nhất thiết trí, vĩnh viễn đoạn trừ tập khí, thâu nhận bằng tâm đại Từ bi, trang nghiêm bằng bốn Vô sở úy, không chấp giữ pháp thế gian, không ai hơn, đi đứng nằm ngồi không lỗi lầm, như hư không trong sạch sáng rõ, không mây mờ, trí lậu tận của Phật cũng thế, không xen lẫn tạp khí phiền não. Như Lai thành tựu trọn vẹn trí vô lậu này, thuyết pháp độ sinh, để chúng đoạn trừ phiền não. Bồ-tát nghe pháp phát tâm trang nghiêm, đoạn phiền não. Đó là hạnh nghiệp thứ mười của Phật.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Đức Phật thành tựu trí lậu tận
Thanh tịnh không xen tập, phiền não
Thanh văn, Duyên giác còn tập khí
Nên trí lậu tận chưa thanh tịnh.
Như Lai đầy đủ đại Từ bi
Vì thế trí Phật không giới hạn
Thành tựu trọn vẹn tất cả hạnh
Biết rõ chúng sinh còn lậu hoặc.
Diễn thuyết vô thường, không ngã, sở
Để chúng biết không, không niềm vui
Khéo léo suy xét đạt mắt tịnh

Biết không chúng sinh, không sĩ phu.
Đại Bi thương xót mọi quần mê
Đầy đủ mười Lực, bốn Vô úy
Đoạn trừ phiền não, trí không ngại
Như Lai thuyết giảng hạnh thứ mười.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai đầy đủ bốn Vô úy, thành tựu hạnh Phật. Hạnh Phật là biết rõ tất cả pháp Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn. Không thể nói là Như Lai không hay biết các pháp. Vì sao? Vì Như Lai được tôn là Bậc Chánh Giác biết pháp bình đẳng, nào là pháp phàm phu, nào là pháp Thánh nhân, pháp Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật, Hữu học, Vô học, thế gian, xuất thế gian, pháp lành, pháp chẳng lành, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi. Bình đẳng biết tất cả pháp ấy được gọi là chánh giác. Bình đẳng: Tức không vì pháp chân thật. Không tướng vì trừ tất cả tướng, không nguyện vì không chấp ba cõi, không sinh vì tánh không sinh, không hành vì tánh không hành, không xuất vì tánh không xuất, không đến vì tánh không có nơi đến, chân thật vì tánh không có ba đời, trí giải thoát vì tánh không vô minh, Niết-bàn vì tánh không sinh tử. Biết tất cả các pháp đều bình đẳng nên Như Lai được tôn là Bậc Chánh Giác. Quán sát xong, với tâm đại Từ bi, Như Lai thuyết giảng chánh pháp. Nếu không là Thế Tôn mà nghĩ là Thế Tôn, không là Chánh giác lại nghĩ là Chánh giác, chưa đạt lậu tận lại nghĩ là đã đạt thì với bốn

Vô úy Như Lai diệt trừ các ý nghĩ xấu ác ấy. Đó là hạnh nghiệp mười một của Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Phật biết tất cả pháp bình đẳng
Nên được tôn là Nhất thiết trí
Phàm, Thánh, Bồ-tát và hạnh Phật
Thế gian, xuất thế, nghiệp lành dữ.
Không, Vô tướng, Nguyện, không sinh diệt
Tất cả Như Lai đều thấy biết
Vì thấy hết thảy đều bình đẳng
Diễn nói pháp hạnh thứ mười một.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai chân thật đoạn trừ hẳn các lậu hoặc nên nói: Ta đoạn trừ hết lậu hoặc, ta đều không không thấy Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn chân thật mà nói Phật chưa đoạn hết lậu hoặc. Thế nào là Như Lai đoạn hết lậu hoặc? Với dục lậu Như Lai đạt tâm giải thoát. Với hữu lậu, vô minh lậu, tất cả tập khí, hết thảy hoặc lậu, tâm Phật đạt giải thoát nên Như Lai được gọi là lậu tận. Trong Đệ nhất nghĩa, chân trí của Phật không giác, không đoạn, không chứng, không tu. Vì thuyết giảng nên nói là lậu tận. Vì sao? Tận là không sinh, không diệt, vô tận là không thể nói. Không thể nói là vô vi. Vô vi là không xuất, diệt, trụ. Phật xuất thế nhưng không xuất thế vì tánh của pháp là thường trụ. Như Lai không thấy ngã và đoạn ngã. Như Lai an trụ trong

đại Từ bi. Vì chúng sinh Phật nêu đoạn ngã. Đó là hạnh nghiệp thứ mười hai của Phật.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai vĩnh viễn đoạn lậu hoặc
Vô số tập khí cũng đã trừ
Các pháp thế gian không thể nhiễm
Hoa sen trong bùn không dây bùn.
Phật sư tử chúa trong cõi người
Vì độ chúng sinh Phật thuyết giảng
Kỳ thật chư Phật không xuất, diệt
Không hề chấp ngã, sở hữu ngã.
Tất cả các pháp không tăng giảm
Tùy thuận tánh tướng Phật thuyết giảng
Như Lai trọn vẹn sức tự tại
Giảng hạnh mười hai cho chúng sinh.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai nói pháp ngăn đạo, ta không thấy Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, nói pháp ấy không thể ngăn đạo. Thế nào là ngăn, không ngăn? Có một pháp có thể ngăn đạo. Đó là buông lung. Lại có hai: không hổ, không thẹn. Lại có ba pháp: thân, khẩu, ý ác. Lại có bốn: dục, sân, sợ, si. Lại có năm: sát sinh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ, uống rượu. Lại có sáu: không kính: Phật, Pháp, Tăng, Giới, Tam-muội, không buông lung. Lại có bảy: mạn, đại mạn, mạn mạn, tà mạn, lời sai, nghề xấu ác, nghĩ sai. Lại có tám: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà mạng, tà nghiệp,

tà phương tiện, tà niệm, tà định. Lại có chín: sắp làm ác, hiện làm ác, đã làm ác, dùng thiện báo oán, dùng ác giữ thân. Lại có mười (chính là mười ác): sát sinh, trộm cướp, dâm dật, vọng ngữ, lời hai lưỡi, lời ác, lời không nghĩa, tham ghét, sân hại, tà kiến. Tỳ-kheo vì suy nghĩ ác nên không biết pháp hữu vi nhiều lỗi lầm, tâm điên đảo, vì điên đảo nên tăng thêm năm cái. Vì năm cái tăng nên để phiền não làm chướng ngại pháp lành. Phiền não làm nhân duyên thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác. Như Lai thật biết các pháp ngăn đạo, nên giảng thuyết chánh pháp để trừ các pháp ấy. Đó là hạnh nghiệp mười ba của Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Những ai luôn sống trong buông lung
Hoàn toàn không thể đạt giải thoát
Thân, khẩu, ý nghiệp thường làm ác
Không hổ, không thẹn luôn phiền não
Tạo nhiều pháp ác ngăn trở đạo
Biết pháp đối trị không đối trị
Để diệt phiền não Phật thuyết giảng
Hạnh thứ mười ba đại Từ bi.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai thuyết giảng chánh pháp rốt ráo, chúng sinh nào tùy xét, thực hành sẽ đạt giải thoát. Ta không thấy Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn chân thật lại nói người tu đạo không đạt giải thoát viên mãn, vô thượng. Thế nào là chánh pháp. Có một: một thừa.

Lại có hai: Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Lại có ba: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Lại có bốn: bốn Niệm xứ. Lại có năm: năm Căn. Lại có sáu: sáu Niệm xứ. Lại có bảy: bảy Giác phần. Lại có tám: tám Thánh đạo. Lại có chín: từ Sơ thiền đến định diệt tận. Lại có mười: mười pháp lành. Đó là chánh pháp viên mãn, chân thật. Chánh pháp ấy không thể thêm, bớt, lấy, bỏ, chấp, thả. Không phải chánh, tà; không phải một, hai. Vì thương xót chúng sinh nên Phật thuyết giảng chánh pháp ấy. Đó là hạnh nghiệp thứ mười bốn của Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai thật biết pháp tịch tĩnh
Những ai tu học đạt giải thoát
Thế Tôn không thầy không người dạy
Tự tại trọn vẹn vị cam lồ.
Người tu ba bảy phẩm Trợ đạo
Diệt trừ phiền não được giải thoát.
Suy xét biết rõ pháp chân thật
Không chấp tánh pháp: Thật giải thoát
Như Lai thấy pháp tựa hư không
Như huyễn, như hóa, là sóng nắng
Đầy đủ mười Lực thân rộng lớn
Thuyết hạnh mười bốn cho chúng sinh.

Lại nữa, thiện nam! Thân nghiệp của Như Lai không lỗi lầm. Kẻ ngu người trí đều không thể thấy lỗi của Phật. Vì sao? Vì dù là đi, ngồi, dừng, đắp y, mang bát, nhận vật cúng, thấy, nghe, thuyết

giảng, ra vào xóm làng, thành ấp, chân Phật không đạp đất, luôn có hoa sen ngàn cánh nâng chân Phật. Nếu chúng sinh thấy bóng Phật sẽ được an vui trong bảy ngày không cần ăn uống, sau khi chết sinh vào cõi lành. Y phục của Như Lai cách thân bốn tấc, gió mạnh không thể lay động bóng Phật. Tuy đạt các pháp ấy, nội tâm Phật luôn an định. Vì thế thân nghiệp của Phật không lỗi lầm.

Thiện nam! Khẩu nghiệp của Phật không lỗi lầm. Vì sao? Vì Như Lai nói: Lời đúng lúc, lời chân thật, lời đúng, lời hợp thời, lời có ý nghĩa, không nhiều lời, nói làm hợp nhau, lời thanh tịnh, lời biết tất cả, lời vi diệu, lời không khác, một âm thanh. Ý nghiệp của Như Lai không lỗi lầm. Vì sao? Vì tuy làm tất cả việc Phật nhưng nội tâm của Như Lai không kiêu mạn. Trí biết tất cả pháp nhưng không cần suy nghĩ, vận trí. Đó là trí không ngại của Như Lai. Vì trừ diệt lỗi lầm của chúng sinh nên Phật giảng chánh pháp. Đó là hạnh nghiệp mười lăm của Phật.

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ:

Thân, khẩu, ý Như Lai tịch tĩnh
Vì thế không ai thấy lỗi lầm
Không gì để nói nhưng lại nói
Là nghiệp không nghiệp để lưu truyền.

Lại nữa, thiện nam, Như Lai không tranh cãi với Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn.

Vì sao? Vì không tham ái. Tất cả thế gian tôn kính cúng dường, Phật không kiêu mạn, không thích thú, chúng sinh hủy báng khinh thường Phật không buồn khổ, thành tựu mọi việc lành, không làm ác. Như Lai không tranh cãi, luôn tu định không tranh chấp, không chấp ngã và sở hữu của ngã. Để dẹp trừ sự tranh chấp của chúng sinh, Phật nêu giảng các nghiệp. Đó là hạnh nghiệp mười sáu của Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai tu tập định không tranh
Vì thế tâm Phật không giận vui
Đoạn trừ phiền não của chúng sinh
Như Lai thuyết giảng hạnh mười sáu.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai nhớ rõ tất cả, tâm luôn an trụ trong tám Giải thoát, thường quán ý hạnh của chúng sinh để tùy thuận thuyết giảng. Nhớ rõ bốn Vô ngại, việc trong ba đời, vì chúng sinh giảng pháp chánh niệm. Đó là hạnh nghiệp mười bảy của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai tu tập tám Giải thoát
Vì thế nhớ kỹ tất cả pháp
Biết tâm chúng sinh tùy thuận dạy
Giảng thuyết hạnh này cho chúng sinh.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai luôn sống trong

định dù là đi, đứng, nằm, ngồi, biết nghĩa vi diệu sâu xa của các pháp. Chúng sinh dù nhập định không nhập định đều không thể biết tâm của Như Lai. Riêng Phật với sức định, làm cho tất cả chúng sinh luôn sống trong định nên thuyết chánh pháp. Đó là hạnh nghiệp mười tám của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai Chánh giác sống trong định
Làm mọi việc Phật không tán loạn
Chúng sinh nhập định không thể biết
Vì thế Như Lai thuyết hạnh này.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai không vọng tưởng: không phân biệt ruộng phước, không phải ruộng phước, chúng sinh, pháp, chánh giác, pháp giới, giữ giới, hủy giới, kẻ oán, người thân, thọ, không thọ, chánh kiến, tà kiến. Để trừ các vọng tưởng của chúng sinh Như Lai nêu giảng hạnh này. Đó là hạnh nghiệp mười chín của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai đoạn trừ tất cả tưởng
Vì thế biết rõ các pháp giới
Để giúp chúng sinh trừ vọng tưởng
Thuyết hạnh mười chín của Phật-đà.

Lại nữa, thiện nam! Với trí tuệ, Phật biết mọi pháp Xả bỏ. Vì sao? Vì tu thân, giới, tâm, tuệ, đoạn si. Tâm Xả của Như Lai vượt trên thế gian, là tâm Xả của Thánh nhân, rốt ráo, chuyển pháp

luân, đại Bi, tạo lợi ích cho chúng sinh, biết đối trị. Tâm Xả đó không thêm, bớt, cao, thấp, không xen phiền não, không một, không hai, vượt thời gian, không gian, không thể đối chiếu, không trụ, không động, không ẩn, không hiển, chân thật, không hư dối. Như Lai thành tựu đại Xả, thuyết giảng chánh pháp cho chúng sinh. Đó là hạnh nghiệp hai mươi của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai tu thân, giới, tâm, tuệ
Tu tâm xả bỏ bằng trí tuệ
Không tâm tham ái mọi chúng sinh
Không động không trụ, xả chân thật.
Đại Từ, đại Bi, Bậc Vô Thượng
Đầy đủ hạnh đại Xả như vậy
Trí tuệ không ngại độ quần mê
Giảng thuyết hạnh này hạnh thanh tịnh.

Lại nữa, thiện nam! Lòng mong mỏi của Như Lai không thêm không bớt. Đó là gì? Lòng mong mỏi pháp lành, nghĩa là đại Từ, đại Bi thuyết pháp độ sinh, an trụ nơi tịch tĩnh, khuyên Bồ-tát học đạo Bồ-đề để hạt giống ba thừa không diệt. Lòng mong mỏi ấy không xuất phát từ dục vọng mà là từ trí tuệ. Vì muốn tất cả chúng sinh thành tựu Bồ-đề vô thượng, Phật giảng nói chánh pháp. Đó là hạnh nghiệp hai mươi một của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ý muốn Như Lai không thêm bớt
Đại Từ, đại Bi giảng chánh pháp
Hạt giống ba Thừa luôn phát triển
Như Lai giảng hạnh hai mươi mốt.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai luôn siêng năng, không ngừng nghỉ. Nghĩa là luôn thuyết pháp hóa độ chúng sinh. Nếu chúng sinh nào có thể nghe pháp trong vô số kiếp, Như Lai sẽ thuyết giảng, không nghỉ. Nếu Đức Phật nào thuyết giảng chánh pháp suốt vô lượng kiếp, Như Lai sẽ chuyên tâm nghe nhận, không biếng nhác. Cách vô lượng hằng hà sa cõi nước có chúng sinh đáng được độ, Như Lai sẽ tùy thuận đến đó. Như Lai không bỏ chúng sinh, không ngừng nghỉ, không mỏi mệt, không hối hận. Khuyên dạy chúng sinh để chúng siêng tu. Đó là hạnh nghiệp hai mươi hai của Phật.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Đủ đức siêng năng sư tử chúa
Ở trong đại chúng khen tinh tấn
Siêng năng thuyết giảng, không ngừng nghỉ
Đó là hạnh nghiệp hai mươi hai.

Lại nữa, thiện nam! Tâm niệm của Như Lai không thêm bớt. Vì sao? Vì lúc thành đạo Bồ-đề vô thượng Như Lai quán sát tâm của chúng sinh suốt ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Về sau lúc

thuyết pháp Phật vẫn nhớ rõ, hết ba tụ, ba căn, thuyết pháp trong chánh niệm. Đó là hạnh nghiệp hai mươi ba của Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Khi Đức Như Lai đạt Bồ-đề
Quán sát tất cả tâm chúng sinh
Thuyết giảng giáo pháp trong chánh niệm
Đó là hạnh nghiệp hai mươi ba.

Lại nữa, thiện nam! Chánh định của Như Lai bình đẳng trước tất cả. Đối với một ức tham, sân, si và một ức không tham, sân, si tâm Như Lai bình đẳng không sai khác. Với hữu vi, vô vi, sinh tử, Niết-bàn đều thế, Tam-muội bình đẳng trọn vẹn như vậy, không phải mắt tai mũi lưỡi thân ý, bốn đại, ba cõi, không phải đây kia, một, tất cả, thêm, bớt. Để chúng sinh đạt Tam-muội đó, Như Lai thuyết giảng chánh pháp. Đó là hạnh nghiệp hai mươi bốn của Phật.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai quán sát tất cả pháp
Tâm thường tịch định không tán loạn
Không bị cuốn trôi trong ba cõi
Các căn bốn đại cũng như thế.
Hết thảy các pháp không sai khác
Bình đẳng quán sát thiện, không thiện
Như Lai thuyết giảng hạnh nghiệp này

Để các chúng sinh đạt chánh định.

Lại nữa, thiện nam! Trí tuệ của Như Lai không tổn giảm, với trí lực ấy Như Lai biết tất cả pháp, tùy thuận sở thích của chúng sinh, thuyết giảng chánh pháp để khiến họ đạt trí vô ngại. Biết nghĩa lý, văn tự, câu cú, trải qua vô số kiếp thuyết giảng một câu với vô số nghĩa, giải trừ mọi nghi ngờ. Như Lai thuyết giảng pháp ba thừa và tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp tu. Đó là trí tuệ vô lượng, vô biên. Để chúng sinh đạt trí này, Như Lai thuyết giảng chánh pháp. Đó là hạnh nghiệp hai mươi lăm của Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Trí Phật vô ngại không giới hạn
Thuyết giảng vô số pháp vi diệu
Một chữ trở thành vô số câu
Một câu hàm chứa vô số nghĩa.
Thuyết giảng tám vạn bốn ngàn pháp
Và cũng ngần ấy các pháp tụ
Để chúng thành tựu trí vô ngại
Như Lai thuyết hạnh hai mươi lăm.

Lại nữa, thiện nam! Sự giải thoát của Như Lai không giảm. Hàng Thanh văn nghe pháp đạt giải thoát, Duyên giác quán nhân duyên đạt giải thoát. Như Lai không có thầy, tự mình giác ngộ, đoạn trừ hẳn phiền não và tập khí. Không đoạn quá khứ, không chấp vị lai, không trụ hiện tại, không tham

chấp hai pháp mắt, sắc ý, pháp cũng thế, biết tánh tâm thanh tịnh. Vì thế Như Lai một niệm thành tựu Bồ-đề vô thượng. Để chúng sinh thành tựu pháp ấy, nên Phật thuyết giảng pháp. Đó là hạnh nghiệp thứ hai mươi sáu của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Thanh văn nghe pháp đạt giải thoát
Duyên giác quán duyên tự giác ngộ
Như Lai giải thoát không chấp có
Không tham ba đời, tánh tâm tịnh.
Thuyết giảng chánh pháp vì giải thoát
Để chúng thành tựu đạo vô thượng
Hạnh hai mươi sáu không phải nghiệp
Đại Từ, đại Bi giảng cho chúng.

Lại nữa, thiện nam! Thân nghiệp của Như Lai hành theo trí tuệ, mọi việc làm đều bằng trí. Chúng sinh nghe hoặc thấy Phật thuyết giảng, im lặng, đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, ra, vào xóm làng thành ấp, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đều được độ thoát. Đó là hạnh nghiệp thứ hai mươi bảy của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Thân nghiệp Như Lai vì chúng sinh
Thị hiện vô số tướng đại nhân
Mọi việc của Phật đều độ sinh
Đại Bi thuyết giảng hạnh nghiệp này.

Lại nữa, thiện nam! Khẩu nghiệp của Như Lai

cũng bằng trí tuệ. Vì sao? Vì thuyết pháp thanh tịnh, không lỗi lầm, nói lời chân chánh, lời dễ hiểu, lời dễ biết, lời không cao, không thấp, lời không quanh co, lời không thô, lời lành, lời rõ ràng, lời nhẹ nhàng, lời không khinh thường, lời không ganh ghét, lời không lo sợ, lời rõ nghĩa, lời dễ nghe, lời thong thả, lời hay, lời thích nghe, lời có mạch lạc, lời trang nghiêm, lời cung kính, lời yêu thương, lời không tham, không cấu nhiễm, thanh tịnh, rốt ráo, không hư dối, không si, không ngăn ngại, rộng lớn, chân thật, không tạo tác, không cùng tận, an lạc, tâm thanh tịnh, tâm tịch tĩnh, diệt tham, trừ sân, đoạn si, trừ ma, phá luận tà. Tiếng Phật là tiếng Phạm thiên, Ca-lăng-tần-già, Đức thích, Hải triều, Câu-lôn-xà, Thu nguyệt, Khổng tước, Câu-chỉ-la, Mạng mạng, Thiên nga, hươu chúa, tiếng đàn, tiếng trống, trọn vẹn, tiếng nhạc, thích nghe, vui tai, tăng pháp lành, cú nghĩa không cùng tận, hợp tự cú nghĩa, đúng thời, tóm lược, biết đủ, điều phục các căn, thí trang nghiêm, thanh tịnh giới, cùng hạnh nhẫn, thần thông tinh tấn, xa lìa cõi Dục, đầy đủ trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả, ba thừa, không đoạn Tam bảo, hiểu ba trí, rõ ba đời, hiểu ba giải thoát, phân biệt bốn Đế, tu tập, tán thán, lời Phật, lời Thánh, lời rộng lớn, lời không hành.

Thiện nam! Như Lai thành tựu những lời như thế nên khẩu nghiệp luôn tùy trí tuệ. Đó là hạnh nghiệp hai mươi tám của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Lời nói của Phật như ngọc sáng
Thành tựu vô lượng, vô biên đức
Tiếng phát vang khắp cõi mười phương
Cùng một âm thanh chúng đều hiểu.
Như Lai thuyết giảng không phân biệt
Cũng không quán sát cảnh giới, tâm
Tiếng nói của Phật tựa tiếng vang
Không nói không nghe cũng như thế.
Đại Từ, đại Bi lời thanh tịnh
Vì chúng sinh giải vô số pháp
Do đó nêu hạnh nghiệp Như Lai
Hạnh nghiệp hai tám như Phật trước.

Lại nữa, thiện nam! Ý nghiệp của Như Lai sống trong trí tuệ. Vì sao? Vì Như Lai biết rõ tâm, ý, thức của tất cả chúng sinh, không tùy thuận ý, duyên, tham, sân, si; đoạn trừ hoặc chướng dối trá, ngã, sở hữu ngã, vô minh tăm tối. Ý nghiệp của Phật thanh tịnh, bình đẳng, rộng lớn như hư không. Vì thế ý nghiệp Phật luôn sống trong trí tuệ. Đó là hạnh nghiệp thứ hai mươi chín của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Tâm của Như Lai không thể lường
Như dùng sợi lông nâng Tu-di
Thường quán cảnh duyên tâm chúng sinh

Diệt trừ các ma, cõi phiền não.
Voi chúa trong đời giảng nghiệp lành
Đoạn dứt nghiệp ác cho mọi loài
Tịnh thân, khẩu, ý của chúng sinh
Như Lai thuyết giảng hạnh hai chín.

Lại nữa, thiện nam! Trí tuệ của Như Lai thông tỏ quá khứ, không chướng ngại. Trí đó ra sao? Trí biết vô lượng, vô số Phật quá khứ, cây cỏ, chúng sinh trong cõi Phật, đối tượng duyên, âm thanh, ngôn ngữ, biết pháp Phật giảng, số chúng sinh đạt Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, biết cõi nước, tuổi thọ, số lượng chúng sinh, tên họ, không khí, thức ăn uống, căn, ý, pháp, tâm, hành, sự sinh diệt, hiện, mất của tâm. Sự hiểu biết đó vượt ngoài trí hiểu biết thông thường. Đó là hạnh nghiệp thứ ba mươi của Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Trí Phật không ngại, không hoặc chướng
Vì thế biết rõ vô số cõi
Thông hiểu mọi việc của chư Phật
Căn tánh, pháp giới của chúng sinh.
Biết rõ quá khứ sự tử chúa
Tựa như nhìn ngắm trái trong tay
Thế Tôn thuyết giảng hạnh ba mươi
Để chúng sinh biết đời quá khứ.

Lại nữa, thiện nam! Trí tuệ của Như Lai biết

đời vị lai. Trí đó không chướng ngại. Vì sao? Vì biết sự thành hoại của vị lai, biết kiếp số bị ba tai: nước, lửa, gió; số lần nơi sự thành hoại của cõi nước, biết số lượng cõi Phật, số Phật ra đời, số bụi trong cõi nước, số Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, thời gian ăn nghỉ của Phật, việc đi đứng, nằm, ngồi của Phật, số người đạt sự giải thoát của Thanh văn, Bích-chi, Bồ-tát, số người tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả, sự sinh diệt của tâm chúng sinh. Sự hiểu biết đó không gì sánh được. Đó là hạnh nghiệp thứ ba mươi mốt của Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai biết rõ đời vị lai
Việc thành việc hoại của các pháp
Biết số cõi nước, số Thế Tôn
Số lần sinh diệt tâm chúng sinh
Tuy biết tất cả không kiêu mạn
Là hạnh ba mốt của Như Lai.

Lại nữa, thiện nam! Trí tuệ của Như Lai biết đời hiện tại. Trí đó không chướng ngại. Vì sao? Như Lai biết rõ cõi nước hiện tại trong mười phương, số Phật, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, biết rõ mặt trăng, mặt trời, sao, cỏ, cây, bụi, đất, nước, lửa, gió, nước biển, lông, tóc, hình tướng, sự sinh diệt của tâm chúng sinh, biết nghiệp báo hiện tại của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thời gian ở đời, thời gian giải thoát, biết phiền não, căn tánh, ý, pháp giới. Tuy biết rõ nhưng Phật không kiêu

mạn, không nói hai lời. Đó là hạnh nghiệp thứ ba mươi hai của Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai Vô Thượng chẳng nghĩ bàn
Không ai biết được cảnh giới Phật
Trí tuệ Như Lai tựa hư không
Rộng lớn vô biên khó lường tính.
Đức Phật thuyết giảng nghĩa Đệ nhất
Là để chúng sinh đạt nghiệp này
Tổng Trì Tự Tại thưa hỏi Phật
Vô thượng Thế Tôn tùy ý đáp.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai thành tựu đầy đủ ba mươi hai hạnh đó có thể điều phục vô số chúng sinh.

Thiện nam! Vì chúng sinh, Thế Tôn nói các hạnh ấy, kỳ thật hạnh Phật không thể suy lường, tất cả chúng sinh không thể tư duy, nói giảng, biết rõ về hạnh ấy. Hạnh đó biết tất cả cõi nước như hư không. Vì sao? Vì chư Phật nơi mười phương đều bình đẳng. Sự thuyết giảng, quán sát chúng sinh, cõi nước, sự giải thoát cõi Phật một vị, chư Phật thuyết giảng pháp không thể nói.

Thiện nam! Như người thợ luyện kim giỏi, tìm được một hạt châu trong núi báu, sau khi ngâm nước, người ấy lại đem ngâm vào nước giấm, sau đó lại ngâm trong nước cốt đậu, rồi đến rượu đắng, cuối cùng ngâm trong thuốc. Sau khi mài giũa

xong, hạt châu đó mới thật là hạt lưu ly xanh. Cũng thế, Như Lai biết cõi của chúng sinh không sáng sạch nên thuyết vô thường, khổ, không sạch để trừ tâm tham sinh tử của chúng. Như Lai siêng năng không ngừng, thuyết pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện để chúng hiểu chánh pháp của Phật. Lại thuyết giúp người thoái tâm Bồ-đề biết pháp ba đời, thành tựu đạo Bồ-đề, đó là châu báu lớn, vì ruộng phước lành. Vì vậy hạnh nghiệp của Phật là không thể tư duy, lường tính, giảng thuyết được. Như Lai hành trì trọn vẹn ba mươi hai hạnh, tuy biết thân mình tựa hư không, nhưng hiện thân ở các cõi nước, thuyết pháp không thể nêu giảng, đoạn hẳn nhân duyên của tâm, biết cảnh giới của tâm chúng sinh, cảnh giới của Bồ-tát.

Thiện nam! Hạnh chân thật của Như Lai là luôn thọ ký cho Bồ-tát.

Lúc Đức Phật nêu giảng ba mươi hai hạnh này, mười phương thế giới đều chấn động sáu cách, ánh sáng soi khắp, mưa vô số hoa thơm, ở cõi báu này, Trời, Người, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Phi nhân nghe hạnh nghiệp của Như Lai đều vui mừng, trỗi nhạc, rải hoa, treo cờ phướn lọng báu cúng dường Phật. Trong đó có chúng cúng các báu vật như châu la bảo, đỉnh bảo, xuyến tay, anh lạc, tạp bảo, châu mặt trời, châu mặt trăng, nhẫn tay, khoen tai, dây đai báu, ngọc bội, lưu ly xanh, châu liên hoa, châu kim sí điểu, châu Diêm-

phù, châu Đế Thích, hỏa châu, quang châu, vô lượng quang châu, châu vô lượng sắc, châu mềm mại xinh đẹp, kim cương, kim sa, tạp Chiên-đàn, Đa-già-la, trầm thủy, Di-khư-đa-ma-la-bạt; hoặc rải các loại hoa: Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa, Câu-tỳ-đà-la, Ba-lợi-chất-đa-la, Lạc-hoa, Sa-la, Đại Sa-la, Bách diệp, Thiên diệp, Nhiễu diệp, Đại quang, Hương diệp, Lạc hương, Lạc kiến, Vô lượng sắc, Vô định sắc. Thủy sinh, Ưu-ba-la, Ba-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, Lục sinh, Bà-lợi-sư, Ma-lê, Tu-mạn-na, Dục để, Đàn-nội-già-lê, A-đề mục-đa-già, Chiêm-bà, A-thúc-ca. Bồ-tát đến từ mười phương bay lên hư không, buông mình để cúng dường Phật. Sau đó, hóa hiện lưới báu che trên Phật, lại hiện mình trong lưới báu. Chư Phật nơi mười phương đều hiện một cây Ba-lợi để cúng dường Đức Phật Thích-ca. Nhờ Phật lực, những cây ấy bay đến cõi báu, trang nghiêm cõi này. Vô số chúng trong pháp hội phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô lượng chúng đạt pháp Nhẫn vô sinh.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 4

Phẩm 2: BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI TỰ TẠI VƯƠNG (Phần 4)

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nhấc thân, nhìn ngắm đại chúng, như voi chúa xoay mình, Đức Phật nói:

–Các thiện nam! Ai có thể lấy giữ vật cúng và cõi báu này nguyên vẹn không tổn giảm, đợi đến năm thứ mười sáu sau khi Đức Di-lặc thành Chánh giác, dâng cúng Phật và năm trăm Đức Như Lai trong Hiền kiếp?

Lúc ấy, trong chúng hội có một Bồ-tát tên Chư Pháp Thần Thông Tự Tại Vương, rời tòa ngồi, quỳ gối chắp tay, thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể làm việc đó.

Lúc này, Ma vương Thần Thông, cai trị bốn cõi thiên hạ, nói với Bồ-tát Chư Pháp Thần Thông Tự Tại Vương:

–Thiện nam! Ông đặt các vật cúng và cõi báu này vào đâu để có thể nguyên vẹn không tổn giảm?

Bồ-tát đáp:

–Thiện nam! Các đồ vật, tánh vốn vô thường. Riêng thân ta thì thường còn không thay đổi.

Thiện nam! Ông nên quán sát kỹ thân ta.

Nghe vậy, Ma vương nhìn kỹ thân Bồ-tát, trong ấy có cõi nước tên Thủy vương quang, Đức Phật cõi ấy hiệu Bảo Ưu-bát-la. Nơi cõi đó có núi tên Đại bảo. Như Lai an tọa ở đấy, thuyết pháp cho các Bồ-tát. Thấy vậy Ma vương rất kinh ngạc, lạy Bồ-tát Chư Pháp Thần Thông Tự Tại Vương, khen:

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! Đại sĩ! Nay tôi mới biết ông có vật chứa vi diệu để cất giữ vật cúng và cõi báu này mà không hư hoại.

Ma vương lại thưa Phật:

–Thế Tôn! Từ xưa đến nay con chưa từng thấy Bồ-tát như vậy, chưa từng nghe pháp vi diệu này nên con muốn học pháp Thanh văn, nhập Niết-bàn. Nay thấy sức thần thông của Bồ-tát Chư Pháp Thần Thông Tự Tại Vương nên con phát tâm Bồ-đề vô thượng. Thế Tôn! Dù con phải chịu khổ nơi địa ngục suốt hằng hà sa kiếp mới được thành đạo vô thượng con vẫn không bỏ tâm Bồ-đề.

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Ngươi có thể phát tâm Bồ-đề vô thượng như thế tức sẽ thành tựu sức thần thông ấy.

Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên Sư Tử Tràng, nói với Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương :

–Thiện nam! Đại Bồ-tát đạt pháp Đà-la-ni nào để có thể thọ trì tất cả lời Phật và giảng thuyết vô số pháp nghĩa không cùng?

Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương đáp:

–Thiện nam! Bồ-tát thành tựu tám Đà-la-ni sau sẽ làm được việc đó. Tám Đà-la-ni: Tịnh thanh quang minh; Vô tận khí; Vô lượng tế; Đại hải; Liên hoa; Nhập vô ngại môn; Tứ vô ngại trí; Phật trang nghiêm anh lạc.

Bồ-tát Sư Tử Tràng thưa:

–Hay thay! Đại sĩ! Xin giảng nói để Bồ-tát đạt được.

Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương nói:

–Thiện nam! Hãy lắng nghe, tôi sẽ nói. Đại Bồ-tát an trụ nơi Đà-la-ni Tịnh thinh quang minh, có thể ở chỗ vô lượng, vô biên Phật, thành tựu trọn vẹn vô lượng công đức, bốn đại thanh tịnh. Nhờ thế tiếng nói vi diệu, khi thuyết pháp, âm thanh ấy vang khắp một cõi Phật, hai cõi Phật, năm, mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, một trăm, một ngàn, vạn, trăm ngàn vạn ức cõi Phật. Lúc thuyết pháp, vị ấy sẽ ngồi tòa Sư tử lớn bằng một do-tuần hoặc bằng núi Tu-di, cõi Phạm thiên và từ đó vị này có thể nghe nhớ thọ trì vô lượng pháp của chư Phật giảng, hiểu câu cú,

nghĩa lý, việc thuyết pháp và nghe pháp ấy không trở ngại nhau. Từ một chữ "A" thuyết vô số pháp. "A": chữ đầu trong các chữ. Khi Đại Bồ-tát giảng chữ "A" là có thể giảng vô số pháp. "A" là không, các pháp không căn, không sinh, không bắt đầu, không biên giới, không cùng tận, không tạo tác, không đến, không đi, không trụ, không xuất, không hành, không cao, không thêm, không bớt. Các pháp không chủ, không dụng, không nguyện, không đùa bỡn, không giác quán, không thuyết, không nghe, không ở, không nhập. Các pháp không: Ngã, chúng sinh, tịnh, mạng, tên, chủ tể, sĩ phu, trong, ngoài, thường trụ, tướng nghĩ nhớ, suy lường, vô vi, vết tích, câu, chữ, ngại, cộng, tùy cái khác, tùy mình, chấp, buông, nắm, bỏ, đếm, thân, sạch, nhơ, chuyển, đổi, nhận, âm thanh, kết, nhiễm, dỗi, lậu hoặc, hữu vi, che, nhớp, đối, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhân quả, ấm nhập giới, nhân duyên, cảnh giới, thọ, dục, sắc, vô sắc, chỉ dạy, đen, trắng, lọc, tư duy, thời gian, nguồn gốc, tịnh, tạp, đốt, tập, nhà, nhánh, động, trụ, kiên cố, yếu mềm, thấy, chạm, ánh sáng, bóng tối, cong quẹo, tội lỗi, thật, hư, si, quán, chứng, tu, thấy, nghe, giác, trí, biết.

Thiện nam! Khi thành tựu Đà-la-ni thứ nhất này, Đại Bồ-tát có thể từ một chữ giảng tất cả pháp. Trong một chữ có vô số nghĩa, không nhầm lẫn, không hoại pháp giới, không mất chữ nghĩa.

Nhờ đạt Đà-la-ni, thân, khẩu, ý của Bồ-tát thanh tịnh, đi, dừng chúng sinh đều thích nhìn là thân tịnh; chúng sinh thích nghe lời của Bồ-tát: Khẩu tịnh; tu tập tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả là ý tịnh. Nhờ đạt Đà-la-ni, Bồ-tát hàng thanh tịnh hai pháp thí: Tài, pháp, thanh tịnh giới; không có tâm ác với người hủy giới; thanh tịnh nhẫn: Không giận ghét kẻ tổn hại chúng sinh; thanh tịnh tinh tấn: luôn tu các pháp lành; thanh tịnh thiền định: trừ kiêu mạn; thanh tịnh trí tuệ: đoạn vô minh; thanh tịnh nghiệp: Trừ nhân ác; thanh tịnh mắt: Đạt ba mắt; thanh tịnh tai: Đạt Thiên nhĩ nghe pháp Phật; thanh tịnh mũi: Ngửi được hương giới thanh tịnh của Phật; thanh tịnh lưỡi: không tham vị cam lồ; thanh tịnh thân: Đạt hóa thân; thanh tịnh ý: khéo tư duy; thanh tịnh sắc: Có ba mươi hai tướng; thanh tịnh tiếng: Thuyết pháp vi diệu; thanh tịnh hương: giới thí… đều thanh tịnh; thanh tịnh vị: Đạt vị vô thượng; thanh tịnh xúc: Tu tập Tam-muội vô thượng; thanh tịnh pháp: Quán pháp giới, không phân biệt; thanh tịnh niệm: Nhớ rõ pháp đã nghe; thanh tịnh ý: Không lệ thuộc quân ma; thanh tịnh hạnh: Quán pháp giới sâu rộng.

Thiện nam! Bồ-tát đạt Đà-la-ni này, tiếng nói vang đến đâu ánh sáng trên thân sẽ chiếu đến đó.

Thiện nam! Đà-la-ni này thành tựu vô lượng công đức như thế. Đà-la-ni Vô tận khí: Đại Bồ-tát đạt Đà-la-ni này, thuyết giảng mãi: Sắc là vô

thường, khổ, vô ngã, như bọt nước, như huyễn ảo, trăng dưới nước, là mộng, tiếng vang bóng, sóng nắng; sắc không tánh, không tướng, là không, không nguyện, không tạo tác, không sinh, không diệt, không phải quá khứ, vị lai, hiện tại, không trong ngoài sạch nhơ, không ngã, không ngã sở, không đến đi, không đối sánh, không ngăn ngại, không một hai, không là chúng sinh, thọ mạng, không là trượng phu, không tham, sân, si, không có, không, lậu, vô lậu, không phải hữu vi, vô vi, không đui, điếc, què quặt, không dối, loại, không phải cây, cỏ, đá, không đất, nước, lửa, gió, không nhà cửa thành quách, không thôn xóm làng núi, không tròn vuông, không do bốn đại tạo, không gây tạo, thọ nhận, không âm thanh nghe nói; mười hai duyên không dừng, không phải thường đoạn, không nghiệp quả, ấm, nhập, giới, không trụ cõi Dục, Sắc, Vô sắc, không giống, khác, không phiền não, sạch, nhơ, bằng, phẳng, lồi lõm. Đại Bồ-tát nói về sắc như thế, không cùng tận.

Thiện nam! Đà-la-ni Vô tận khí có vô lượng, vô biên phần không thể nói. Giả sử phân thành ngàn phần, ta chỉ nói một phần cũng không thể nói hết. Đà-la-ni Vô lượng tế. Tế: Chấp thường, chấp đoạn. Vô lượng: mười hai nhân duyên. Tế: Vô minh, hành, thức, già, khổ, tập. Vô lượng: sinh tử. Tế: không đầu cuối, không lấy bỏ, không sinh diệt, không sạch nhơ vì tánh tịnh, không thể thấy,

không danh sắc, là hữu vi, vô vi, là nghiệp quả trong ngoài ba đời, là không nghiệp quả, thiện, ác, hữu lậu, vô lậu, phiền não, ngã, vô ngã, sinh tử, Niết-bàn.

Thiện nam! Vô lượng: vi trần. Tế: đất, nước, lửa, gió. Bồ-tát an trụ nơi Đà-la-ni này, suốt vô số kiếp thuyết giảng chánh pháp nhưng nghĩa lý, câu chữ không bao giờ cùng tận. Đà-la-ni này thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Thiện nam! Đà-la-ni Đại hải như biển lớn, tất cả sắc, chúng sinh, cây thuốc, ngũ cốc, trăng, trời, sao, mây, khí, sấm, điện, xóm, làng, thành ấp, đất nước, cung điện, ao, vườn, núi, sông của bốn thiên hạ đều ấn hiện ở đó. Cũng thế, Đại Bồ-tát thành tựu Đà-la-ni này, tất cả nghiệp thân, khẩu, ý của chúng sinh đều ấn hiện rõ trong thân Bồ-tát. Khẩu nghiệp của chúng sinh nơi mười phương đều ấn hiện rõ trong kim khẩu của Bồ-tát, lời nói của Bồ-tát đều thật. Ấn là không sở hữu. Nghĩa là các pháp không giác, quán, thuyết giảng, biên giới, tạo tác, tham. Đó là nghĩa chân thật đệ nhất. Lại có Già ấn, già là nói về mắt, mắt là vô thường, có thể thanh tịnh, có thể thấy. Lại có Na ấn, na là nói về tên, vì hết thảy các pháp truyền bá nên tên gọi chân thật, là không tên. Lại có La ấn, La là nói về đời, tất cả thế gian đều thuộc ái, vô minh. Lại có Đà ấn, đà là nói về mười, Phật đủ mười Lực hóa độ chúng sinh. Lại có Ba ấn, Ba là nói về năm: Như Lai xa lìa trừ

diệt năm dục; thành tựu vô thượng Bồ-đề. Lại có Sát ấn, sát là nói về sáu: Như Lai thật biết về sáu nhập, điều phục tất cả chúng sinh Như Lai hành trì trọn vẹn sáu niệm xứ, tự tại; đầy đủ sáu Thần thông, giáo hóa chúng sinh bằng thần thông. Lại có Bà ấn, bà là nói về Tà, Như Lai đoạn trừ tà đạo, thành được Bồ-đề vô thượng. Lại có Đa ấn, đa là nói về thật, Như Lai khéo biết tánh chân thật nên được gọi là Chánh giác. Lại có Da ấn, da là nói về kia, Như Lai biết rõ kia đây đều bình đẳng. Lai có Bà ấn, bà là nói về kết, Như Lai xa lìa phiền não, nên được gọi là A-lê-ha. Lại có Xà ấn, xà là nói về sinh lão, Như Lai đã vượt ngoài sinh lão, nên được gọi là Thế Tôn. Lại có Đàm ấn, đàm là nói về pháp, Như Lai thuyết pháp thanh tịnh không nhơ. Lại có Xa-ấn, xa là nói về, Xa-ma-tha; Như Lai tu tập thành tựu Xa-ma-tha. Lại có Khư ấn, khư là nói về hư không, Như Lai nhận biết về tất cả các nghiệp đồng nơi hư không. Lại có Ca ấn, Ca là nói về khổ hạnh Như Lai đã xa lìa mọi khổ hạnh. Lại có Bà ấn, ba là nói về thật, bốn Đế do Như Lai thuyết giảng là chân thật. Lại có Ma ấn, ma là nói về đạo, Như Lai thuyết giảng về tám Thánh đạo. Lại có Già ấn, già là nói về, sâu xa; nghĩa, pháp Như Lai nêu giảng là rất sâu xa. Lại có Sàm ấn, sàm là nói về nhẫn, Như Lai hành trọn vẹn Nhẫn ba-la-mật. Lại có Hô ấn, hô là nói về tán thán, Như Lai thường ca ngợi chư Phật khắp

mười phương. Lại có Nhã ấn. Nhã là nói về biến khắp, Như Lai thành tựu Nhất thiết trí. Lại có Bà ấn, bà là nói về cõi, Như Lai giải thoát khỏi các cõi. Lại có Xa ấn, xa là nói về dục, Như Lai muốn đạt hết mọi pháp lành. Lại có Ba ấn, ba là nói về trước, Như Lai luôn hiện thân thuyết pháp cho các chúng sinh. Lại có Pha ấn, pha là nói về quả: Như Lai thường giảng nói về bốn quả Sa-môn.

Thiện nam! Từ các chữ đó, thuyết giảng giáo pháp, các chữ ấy hiện rõ trong kim khẩu của Bồ-tát. Đó là Đà-la-ni Đại hải. Đà-la-ni Liên hoa Đà-la-ni: Bồ-tát thành tựu Đà-la-ni này, nơi Bồ-tát thuyết pháp đều hiện pháp tòa hoa sen bằng bảy báu vi diệu, Bồ-tát an tọa nơi tòa này, thuyết pháp độ sinh, tự nhiên mưa xuống vô lượng hoa sen. Các hoa sen này đều phát ra vô số pháp âm sâu rộng vô số ngôn ngữ như tiếng mười hai bộ, tiếng thanh tịnh, tiếng đoạn phiền não. Lúc ấy, Bồ-tát im lặng, các hoa sen đó vang ra tiếng pháp, tỏa vô số ánh sáng, chúng sinh đều thấy Bồ-tát ngồi trên đài hoa làm việc Phật. Đà-la-ni Nhập vô ngại môn: Đại Bồ-tát giảng một pháp không chướng ngại, giảng hai pháp, ba pháp, bốn pháp, trăm ngàn, vô số hằng hà sa pháp, số pháp bằng số bụi trong bốn thiên hạ, số pháp bằng số bụi trong tam thiên đại thiên cõi nước, số pháp bằng số bụi của hằng hà sa cõi Phật, vẫn không trở ngại một chữ, một nghĩa. Đà-la-ni Tứ vô ngại trí: Đó là bốn Vô ngại

trí: pháp, nghĩa, từ, nhạo thuyết. Vô số chúng sinh nơi phương Đông hỏi pháp, Bồ-tát đều giải đáp rõ ràng, không trở ngại, vô số chúng sinh nơi phương Nam hỏi nghĩa, Bồ-tát giải đáp nghĩa không trở ngại; vô lượng chúng sinh nơi phương Tây hỏi từ, Bồ-tát đáp từ không trở ngại, vô lượng chúng sinh nơi phương Bắc hỏi về nhạo thuyết Bồ-tát đáp nhạo thuyết không trở ngại. Đà-la-ni Phật anh lạc trang nghiêm: Bồ-tát thành tựu bảy Đà-la-ni trên, thì nơi đỉnh đầu Bồ-tát xuất hiện tượng Phật, sắc vàng sáng rực, với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Lúc ấy thân, khẩu, ý của Bồ-tát đều làm việc Phật, biết tâm của đại chúng, tùy cơ thuyết pháp, dù là một ngày, hai ngày, trăm ngàn vạn năm pháp Bồ-tát giảng vẫn không hết. Bồ-tát đủ bốn trí: Biết tâm chúng sinh, biết câu chữ, biết pháp không cùng, biết sự thật, thành tựu bốn trí nên Bồ-tát có thể điều phục chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng. Đó là Đà-la-ni thứ tám.

Thiện nam! Dù phân tám Đà-la-ni này thành vô số phần, trong một phần lại phân thành ngàn phần nhỏ, chỉ thuyết giảng một phần ngàn phần ấy vẫn không thể hết. Đà-la-ni đó thành tựu vô lượng, vô biên công đức như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương nói kệ:

Như Lai giảng tám Đà-la-ni
Nếu có Bồ-tát đạt trọn vẹn
Hiểu rõ nghĩa lý của các kinh

Ngôn ngữ, câu chữ không cùng tận.
Đầy đủ nghiệp lành, tiếng vi diệu
Tiếng ấy vang rền khắp các cõi
Chúng sinh nghe được, tu pháp lành
Tất cả đều chứng pháp giải thoát.
Trải vô số kiếp giảng pháp không
Chỉ từ một pháp thuyết giảng mãi
Lại từ một chữ hiểu nhiều nghĩa
Đó là tế, trì Như Lai dạy.
Trâu chúa cõi người, trừ hai cõi
Thuyết nghĩa trung đạo không biên vực
Đầy đủ trí tuệ, quán bình đẳng
Tuy thành tựu pháp nhưng không chấp.
Hình sắc bốn phương hiện trong biển
Tất cả chữ Ấn, Ấn Bồ-tát
Giảng thuyết chánh pháp không chướng ngại
Thanh tựu Đà-la-ni Đại hải.
Ngồi tòa sen báu nói pháp mầu
Lại rải hoa sen cúng đại chúng
Hoa sen cũng vang ra tiếng pháp
Đó là tịch tĩnh Liên hoa trì.
Thuyết giảng một chữ không trở ngại
Vô số chữ nghĩa cũng như thế
Làm thông vô lượng, vô số nghĩa
Thành tựu trọn vẹn Vô ngại trì

Chứng đạt nghĩa, pháp không cùng tận
Từ và nhạo thuyết cũng như vậy
Phá tan lưới nghi của quần mê
Thành tựu Tổng trì vô thượng trí.
Đỉnh đầu luôn hiện tượng Như Lai
Thân, khẩu, ý nghiệp đều như Phật
Nếu gồm đủ tám trì như thế
Trọn kiếp tán thán cũng không hết.
Thành tựu tám pháp Đà-la-ni
Không nhiễm thế gian tựa hoa sen
Cao lớn vững chãi tựa Tu-di
Không ai suy xét tính lường được.
Tà pháp thế gian không lay động
Người ấy đầy đủ trì như vậy
Phá trừ mọi tà kiến ở đời
Như Sư tử gầm giữa muôn thú.
Thành tựu Đà-la-ni vô thượng
Trừ pháp thế gian, hạnh thanh tịnh
Tăng trưởng vô lượng các pháp lành
Giáo hóa độ thoát vô số chúng.
Thành tựu các pháp Tổng trì này
Diệt trừ vô minh cho chúng sinh
Phóng ánh sáng lớn như nắng mai
Xua tan bóng tối của đêm đen.
Thuyết pháp không ngại tựa hư không
Đến khắp các cõi như gió lớn
Bố thí thuốc pháp trừ phiền não
Như thầy thuốc giỏi chữa lành bệnh.

Thành tựu trọn vẹn vô thượng từ
Công đức vô lượng không nói hết
Đem lại gió mát trăng mùa Thu
Tăng trưởng pháp lành cũng như thế.
Bồ-tát thành tựu Đà-la-ni
Hóa độ vô số loài quần mê
Trọn vẹn tám pháp Đà-la-ni
Sẽ đạt tự tại tựa như vua.
Hóa độ chúng sinh vào Đại thừa
Bố thí tài pháp trừ nghèo cùng
Tuôn mưa pháp lớn như rồng chúa
Xua tan phiền não tựa mưa đá.
Những ai thành tựu Đà-la-ni
Hóa độ chúng sinh chứng Bồ-đề
Không có lỗi lầm như Đế Thích
Chữ nghĩa không cùng tựa hư không.
Thành tựu trọn vẹn Đà-la-ni
Tất cả chúng sinh thích nghe, nhìn
Tâm không tán loạn sống trong định
Tu tập vô lượng tâm Từ bi.
Phạm hạnh thanh tịnh đủ thần thông
Hết thảy đều như Đại Phạm thiên
Thành tựu đầy đủ Đà-la-ni
Đi lại cúng dường mười phương Phật.
Quán thấy rõ ràng cõi mười phương
Hóa độ chúng sinh nơi các cõi
Thành tựu viên mãn Đà-la-ni
Chứng đạt trọn vẹn công đức Phật.

Chư Phật mười phương luôn nghĩ đến
Tựa như cha mẹ nhớ con yêu
Bồ-tát thành tựu pháp Tổng trì
Vô lượng hoa tuôn khen công đức.
Chứng đạt trọn vẹn giới niệm tuệ
Hiểu rõ tâm hành của chúng sinh
Thành tựu đầy đủ Đà-la-ni
Tâm không kiêu mạn, không xan tham.
Khéo biết phương tiện điều phục chúng
Tu tập Từ bi đoạn phiền não
Thành tựu các pháp Đà-la-ni
Phiền não không nhiễm tựa hư không
Biết rõ chúng sinh tùy ý thích
Tùy thuận giảng pháp cho mọi loài
Chứng đạt đầy đủ Đà-la-ni
Sẽ biết tất cả căn chúng sinh.
Hiểu mọi ý nghĩa của chúng sinh
Tùy thuận khả năng để thuyết pháp
Giảng ba mươi bảy phẩm trợ Bồ-đề
Tùy thuận điều phục mọi quần mê.
Những ai thành tựu Đà-la-ni
Tu tập vô lượng Xa-ma-tha
Chứng đạt tám pháp Đà-la-ni
Đầy đủ sáu Độ như chư Phật.
Biết rõ cảnh giới của phiền não
Tịch tĩnh thông đạt trừ diệt chúng
Thân, khẩu, ý nghiệp đều vắng lặng

Đi đứng nằm ngồi nào khác chi.
Thành tựu trọn vẹn đại Tổng trì
Không còn tập khí của phiền não
Đạt Pháp thân tịnh không giới hạn
Không sinh, bị sinh thường hóa sinh.
Thân, khẩu, ý nghiệp đều tùy trí
Tất cả định niệm cũng như vậy
Không ai có thể khen ngợi hết
Bồ-tát thành tựu Đà-la-ni.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Từ lâu ông đã thành tựu Đà-la-ni nên khéo phân biệt giảng nói về vô lượng công đức, không phải chỉ có hôm nay mà ở thời quá khứ, nơi vô số Phật ông cũng đã phân biệt giảng nói như thế.

Thiện nam! Vô lượng a-tăng-kỳ kiếp thời quá khứ có Đức Phật hiệu Tịnh Quang Minh, cõi nước tên Tịnh kiếp (hoặc Tịnh thuần) được làm bằng lưu ly như gương sáng, mặt đất bằng phẳng như bàn tay cây cối đều bằng bảy báu, hoa sen báu to bằng bánh xe lớn, thanh tịnh tươi đẹp, ai cũng thích nhìn. Người ở đó sống trong lầu gác bằng bảy báu như cõi trời, trừ hết tham, sân, si, cõi ấy không có mặt trời, mặt trăng, chỉ có hào quang của Phật. Hoa sen xanh nở là ban đêm, hoa sen đỏ nở là ban ngày. Đức Phật có sáu trăm vạn ức Bồ-tát xuất gia, vô số chúng xuất gia thích tu pháp Đại

thừa vô thượng, không có hàng Nhị thừa, tất cả đều là Bồ-tát bất thoái chuyển. Tuổi thọ của Phật tròn nửa kiếp. Người ở đó như cõi trời, dưới đất là người, trên không là trời, không có vua, chỉ có Phật là Đấng Pháp Vương. Người ở cõi ấy, không tôn phụng trời thần, không có tên người nữ, kẻ phá giới, trọn vẹn ba giới: giới, tâm, tuệ. Phát tâm Bồ-đề, chán ghét sinh tử là giới giới. Tu tuệ Tam-muội là tâm giới, tu tập trí đạt trí lớn là tuệ giới.

Bấy giờ, ở cõi đó có một Bồ-tát tên Quang Đỉnh. Bồ-tát rời chỗ ngồi, lạy sát chân Phật, đi quanh Phật, cung kính, quỳ gối, chắp tay thưa với Phật:

–Thế Tôn! Thế nào là Đà-la-ni? Bồ-tát an trụ nơi Đà-la-ni nào để nhớ rõ pháp Phật, giảng thuyết cho tất cả chúng sinh?

Phật nói:

–Thiện nam! Có Đà-la-ni tên Bảo cự. Bồ-tát an trụ nơi Đà-la-ni này sẽ làm được việc đó.

Bồ-tát Quang Đỉnh lại thưa:

–Xin Thế Tôn phân biệt giảng nói, chúng con nghe xong sẽ tu tập.

Phật nói:

–Lành thay! Thiện nam! Hãy lắng nghe. Ta sẽ phân tích giải thích cho ông rõ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Đoạn trừ hết thảy mọi phiền não

Thanh tịnh không nhơ tựa báu thật
Tâm tánh thành tựu pháp sáng lớn
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Thân, khẩu, ý nghiệp đều tịch tĩnh
Sáng trong tựa ánh trăng mùa Thu
Tu tập đại Bi tâm bình đẳng
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Không giác, không quán: tâm người ấy
Nên đã đoạn trừ cả hai kiến
Không phải hữu tưởng chẳng vô tưởng
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Thành tựu trọn vẹn niệm, ý, tuệ
Chứng nhập vô lượng đại pháp môn
Thanh tịnh không nhơ tựa hư không
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Đoạn trừ ba loại cấu trần lao
Thành tựu ba pháp tuệ thanh tịnh
Chứng đạt giải thoát ở ba cõi
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Diệt trừ tất cả tham, sân, si
Xa lìa hết thảy mọi phiền não
Trừ sạch vô minh các tà chấp
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Hiểu rõ hết thảy mọi âm thanh
Thượng trung và hạ của chúng sinh
Tùy thuận sở thích giảng chánh pháp
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.

Đầy đủ vô lượng nghĩa thâm diệu
Trọn vẹn vô số câu và chữ
Xa lìa chấp ngã, sở hữu ngã
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Thành tựu viên mãn bốn pháp y
Trọn vẹn bốn pháp Trí vô ngại
Tâm luôn an trụ bốn pháp Thiền
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Phân biệt diễn giảng nghĩa đệ nhất
Thành tựu đầy đủ bốn phạm hạnh
Tu tập viên mãn năm Thần thông
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Thọ trì chuyên tâm bốn Niệm xứ
Siêng năng thành tựu bốn Chánh cần
Trang nghiêm đủ bốn Như ý túc
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Thành tựu năm Căn và năm Lực
Tất cả gió tà không lay động
Tu tập bảy Giác phần vô thượng
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Đầy đủ hai cánh định và tuệ
Bình thản bay trong đường tám Chánh
Hướng đến giải thoát trí vô thượng
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Đi trên con đường của Bồ-tát
An trụ giải thoát đạo tối thượng
Đoạn trừ hết thảy tập phiền não
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.

Phóng ra vô số ánh sáng lớn
Tựa mặt trăng, trời ở thế gian
Thành tựu ba pháp mắt thanh tịnh
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Thanh tịnh hết thảy mọi phiền não
Xa lìa tất cả nghiệp của ma
Quán sát năm ấm đầy lỗi lầm
Đó là Đà-la-ni Bảo cự
Khéo biết điều phục các chúng sinh
Trừ hết nhân duyên của sáu căn
Thuyết giảng chánh pháp để chúng tu
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
An trụ các pháp Đà-la-ni
Đi lại mười phương nước cõi Phật
Gặp Phật chuyên tâm nghe thọ trì
Lại đủ khả năng thuyết pháp ấy.
Chuyên tâm thọ trì pháp đã nghe
Lại vì chúng sinh giảng nghĩa lý
Thành tựu đầy đủ sức niệm lớn
Hiểu lời vi diệu của chư Phật.
Thuyết pháp vô thường, khổ, vô ngã
Các pháp từ nhân tạo nên quả
Quán sát kỹ lưỡng mọi cõi nước
Đó là Đà-la-ni Bảo cự.
Thành tựu "nhạo thuyết", trí vô ngại
Trọn vẹn ba minh cùng ba tuệ
Những ai an trụ pháp Tổng trì
Chứng đạt đầy đủ tám Giải thoát.

Phật giảng vô số Đà-la-ni
Đều bao hàm trong pháp Tổng trì
Những ai thành tựu Đà-la-ni
Chứng đạt trọn vẹn vô lượng trì.
An nhập vô số pháp thiền định
Thành tựu vô lượng pháp thần thông
Đều là nhờ sức Tổng trì này
Đây pháp tối thượng trong các trì.
Như bốn biển lớn không chướng ngại
Tất cả sông suối đều đổ về
Cũng thế hết thảy các pháp Phật
Đều được quy về biển Tổng trì.
Đạt thân vô biên ý vô tận
Phân tích rõ ràng giảng mọi pháp
Những ai thành tựu vô lượng đức
Chứng đạt trọn vẹn Đà-la-ni.
Thành tựu Tổng trì vi diệu ấy
Ba hai tướng tốt trang nghiêm thân
Thân tướng đẹp đẽ dòng quý tộc
Vô số báu vật, luôn tự tại.
Không còn thọ sinh trong các cõi
Phân biệt giảng thuyết nghĩa các pháp
An trụ địa pháp không thoái, động
Đều là nhờ đạt Đà-la-ni.
Bồ-tát muốn tu pháp Bồ-đề
Trước phải tu tập Đà-la-ni
Đạt pháp Tổng trì dễ tu đạo
Thuyết giảng chánh pháp, điều phục

chúng.
Trải vô số kiếp chỉ thuyết giảng
hai pháp tự nghĩa vẫn không hết
Thanh tịnh phiền não của chúng sinh
Vì đã thành tựu Đà-la-ni.
Thuyết giảng các pháp đều vi diệu
Để giúp chúng sinh thoát khổ đau
Đưa chúng sinh vào đạo Vô thượng
Vì đã thành tựu Đà-la-ni.
Giả sử một người trăm ngàn miệng
Một miệng có trăm ngàn vạn lưỡi
Vẫn không thể nào thuyết giảng được
Vô lượng công đức của Tổng trì.

Thiện nam! Lúc Đức Phật Tịnh Quang Minh thuyết giảng pháp Tổng trì, Bồ-tát Quang Đỉnh và ba vạn hai ngàn Bồ-tát đều thành tựu được Đà-la-ni đó.

Thiện nam! Ông biết không, Bồ-tát Quang Đỉnh thời ấy nào phải là người khác mà chính là ông đó. Vì thế hôm nay ông đã phân biệt thuyết giảng pháp Đà-la-ni này, ông là người tối thượng trong chúng đạt Đà-la-ni.

Lúc này trong chúng hội có một Bồ-tát tên Tuệ Tụ, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát thành tựu Đà-la-ni Bảo cự này lại có thể điều phục chúng sinh?

–Thiện nam! Bồ-tát an trụ nơi tuệ căn, tạo

nghiệp bằng trí tuệ, sẽ đạt Đà-la-ni này và đủ khả năng điều phục chúng sinh.

Bồ-tát Tuệ Tụ lại thưa:

–Hy hữu thay! Thế Tôn! Xin giảng thuyết về tuệ căn, tuệ nghiệp.

Phật nói:

–Lành thay! Thiện nam! Hãy lắng nghe, ta sẽ giảng rõ.

Thiện nam! Nếu có người nam, người nữ nào chưa từng nghe về trí tuệ, hôm nay lại được nghe thì đó là căn. Nghe xong, giảng thuyết cho mọi loài là nghiệp. Bắt đầu quán pháp là căn. Quán xong, thuyết giảng là nghiệp. Bắt đầu quán căn lành là căn, sau hóa độ mọi người là nghiệp. Điều phục tự tâm là căn, điều phục tâm chúng sinh là nghiệp. An trụ nơi tịch tĩnh là căn, làm thanh tịnh thân, khẩu, ý là nghiệp. Biết Nhất thừa là căn, thuyết giảng cho chúng sinh là nghiệp. Tu Xa-ma-tha là căn, trọn vẹn ba tuệ là nghiệp. Tu ba giải thoát là căn, chứng ba tuệ là nghiệp. Tu bốn Niệm xứ là căn, không chấp niệm là nghiệp. Tu bốn Chánh cần là căn, trừ tánh phiền não là nghiệp. Tu bốn Như ý là căn, biết như ý không là nghiệp. Tu tín tâm là căn, xả bỏ tất cả là nghiệp. Tu bốn Vô úy là căn, giảng thuyết là nghiệp. Tu Tam-muội là căn, biết thứ lớp của định là nghiệp. Tu trí tuệ là căn, biết tất cả pháp là nghiệp. Trang nghiêm Bồ-

đề là căn, đạt Bồ-đề là nghiệp. Chứng khổ tập đạo là căn, chứng tận diệt là nghiệp. Không dựa nơi không liễu nghĩa là căn, dựa nơi liễu nghĩa là nghiệp. Nghe thọ pháp là căn, nương tu nghĩa pháp là nghiệp. Không dựa nơi người là căn, dựa nơi pháp là nghiệp. Biết pháp vô thường là căn, biết pháp không sinh diệt là nghiệp. Biết các pháp khổ là căn, biết pháp không tạo tác là nghiệp. Biết pháp vô ngã là căn, biết tánh của pháp thanh tịnh là nghiệp. Biết Niết-bàn thanh tịnh là căn, biết pháp vốn tịnh là nghiệp. Nghe nghĩa pháp không sợ là căn, an trụ nghĩa lý là nghiệp. Nghe pháp chân thật không sợ là căn, an trụ nơi thật pháp là nghiệp. Không sợ khi biết chữ pháp là căn, thuyết giảng là nghiệp. Không sợ khi nghe về oai lực nơi trí vô ngại của Phật là căn, dựa vào lực nơi Trí vô ngại của Như Lai là nghiệp. Hai duyên sinh pháp là căn, tâm Từ không duyên là nghiệp. Thương yêu chúng sinh là căn, đoạn khổ cho chúng là nghiệp. Suy xét về pháp lành được vui vẻ là căn, tâm không chấp pháp là nghiệp. Không ái, sân, xả là căn, không một không hai là nghiệp. Niệm Phật là căn, niệm pháp là nghiệp. Niệm Pháp là căn, biết tánh của Pháp thanh tịnh là nghiệp. Niệm Tăng là căn, biết Tăng không tạo tác là nghiệp. Niệm giới là căn, biết không thọ trì là nghiệp. Niệm thí là căn, xả bỏ phiền não là nghiệp. Niệm trời là căn, làm thanh tịnh cõi trời là nghiệp. Nghe

và suy xét là căn, không chấp thế gian là nghiệp. An trụ vào Niết-bàn là căn, đạt giải thoát là nghiệp. Tự lợi là căn, tự lợi lợi tha là nghiệp. Thọ trì tám vạn bốn ngàn pháp tụ là căn, thông đạt nghĩa lý là nghiệp. Khuyên chúng sinh sống trong đạo Bồ-đề là căn, khuyên tu trí tuệ phương tiện không thoái chuyển là nghiệp. Không sợ sinh tử là căn, nguyện vào các cõi là nghiệp. Từ nghe đạt nhẫn là căn, tư duy về đạt nhẫn là nghiệp. Tùy ý đạt nhẫn là căn, nhân nơi không sinh mà đạt là nghiệp. Một đời thành Phật là căn, đạt thân tối hậu là nghiệp. An tọa nơi cội Bồ-đề là căn, biết rõ các pháp là nghiệp.

Lúc Phật giảng về tuệ căn, tuệ nghiệp, cõi nước của tất cả chư Phật nơi mười phương và cõi báu này đều chấn động sáu cách. Lúc ấy, Bồ-tát Tuệ Tụ thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao cõi nước nơi mười phương và cõi báu này chấn động?

–Thiện nam! Vì tuệ căn tuệ nghiệp này là pháp mà các Đức Phật quá khứ cũng từng thuyết giảng nên đại địa chấn động.

Khi ấy Bồ-tát Cụ Túc Tứ Vô Ngại Trí thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bốn duyên gì mà Bồ-tát Tuệ Tụ được gọi là Tụ?

Phật nói:

–Thiện nam! Vô lượng a-tăng-kỳ kiếp trong

thời quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là: Đức Tạng gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, cõi nước tên Thiện sinh, kiếp tên Vô cấu. Chúng sinh ở đó đều thuần thiện. Đức Phật Đức Tạng có ba vạn hai ngàn Đại Bồ-tát, tám vạn bốn ngàn Thanh văn.

Bấy giờ, vì muốn thử các Bồ-tát Đức Phật Đức Tạng đưa ra trăm ức việc để hỏi các Bồ-tát:

–Các thiện nam! Ai có thể giải thích nghĩa của các pháp ấy? Trong chúng có người hứa một tháng trả lời, người hứa nửa tháng, người hứa bảy ngày, người hứa một ngày một đêm.

Song có một Bồ-tát tên Niệm Ý, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con giải thích ngay.

Sau khi Bồ-tát gầm lên tiếng sư tử, đại địa chấn động sáu cách, phóng ra ánh sáng lớn khuyên các Địa thần cho đến chư Thiên cõi A-ca-ni-trá đều đến chỗ của Như Lai. Khi ấy, giảng đường của đại chúng tự nhiên rộng ra đến trăm vạn do-tuần. Biết đại chúng đã tập hợp, Bồ-tát Niệm Ý dùng sức thần thông, trí tuệ, Đà-la-ni Vô ngại, bốn Vô úy và thần lực của Phật để giải thích trăm ức nghĩa lý về các việc Phật nêu, không cần tư duy, không ngưng trệ, lúc này, có sáu vạn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, bốn vạn

chúng sinh đạt Nhẫn vô sinh. Từ mặt đất đến cõi trời tất cả đều được nghe pháp.

Thiện nam! Ông nên biết! Bồ-tát Niệm Ý thời ấy đâu phải là người khác, mà chính là Bồ-tát Tuệ Tụ, vì nhân duyên đó nên Bồ-tát có tên là Tuệ Tụ.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nghe thuyết chánh pháp gọi là căn
Diễn giảng pháp mầu gọi là nghiệp
Suy xét pháp lành gọi là căn
Giảng nghĩa sâu xa gọi là nghiệp.
An trụ như pháp gọi là căn
Tùy cơ thuyết giảng gọi là nghiệp
Tu Xa-ma-tha gọi là căn
Đủ ba trí tuệ gọi là nghiệp.
Bốn pháp Niệm xứ gọi là căn
Bốn pháp Chánh cần gọi là nghiệp
Tín, tấn năm Căn gọi là căn
Tín, tấn năm Lực gọi là nghiệp.
Bảy phần Bồ-đề gọi là căn
Tám con đường Chánh gọi là nghiệp.
Không y câu chữ gọi là căn
Nương tựa nghĩa lý gọi là nghiệp
Chẳng tựa nơi người gọi là căn
Nương tựa nơi pháp gọi là nghiệp
Không y "bất liễu" gọi là căn
Y chỉ "liễu nghĩa" gọi là nghiệp.
Không nương tựa thức gọi là căn
Nương tựa trí tuệ gọi là nghiệp.

Hiểu pháp không làm gọi là căn
Thông đạt không sinh gọi là nghiệp.
Từ bi có duyên gọi là căn
Từ bi không duyên gọi là nghiệp
Không hề lo sợ gọi là căn
Thuyết giảng chánh pháp gọi là nghiệp.
Sáu pháp niệm xứ gọi là căn
Nghĩa lý sáu niệm gọi là nghiệp
Tự lợi cho mình gọi là căn
Tự lợi lợi tha gọi là nghiệp.
Thọ trì chánh pháp gọi là căn
Thuyết giảng cho người gọi là nghiệp
Một đời thành Phật gọi là căn
Đạt thân tối hậu gọi là nghiệp.
Bồ-tát thành tựu tâm bất thoái
Hiểu rõ tuệ căn và tuệ nghiệp
Chứng đạt thượng pháp Nhẫn vô sinh
Mở cửa Bồ-đề đạo Vô thượng.

Lúc ấy, Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp Phật nêu giảng là không thể nghĩ bàn, Bồ-đề vô thượng cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì vượt ngoài ngôn ngữ nghĩa lý. Pháp Phật thuyết giảng vô lượng, vô biên, nhập vô lượng, vô biên pháp môn, mười hai nhân duyên sâu xa khó lãnh hội, ai chấp nơi hai pháp thì không thể biết. Bậc trí tuệ dần hiểu, vượt ngoài sự hiểu

biết của sáu tình (Căn), không phải là cảnh giới của hàng Nhị thừa.

Thế Tôn! Bồ-đề đó ấn định tất cả các pháp, không thể tạo tác, tựa hư không; không phải là nhà cửa, biết rõ nhân quả của chúng sinh, trí rộng lớn vô biên, trang nghiêm vô lượng pháp lành, tùy cơ hiện pháp, tùy chúng hiện thần thông. Ai chấp nơi hai đạo thì hiện không hai, thị hiện tất cả Phật bình đẳng không sai khác, không chữ nghĩa, không giảng nghe, thị hiện ba ngôi báu và ba pháp giải thoát vượt khỏi ba cõi, thị hiện ba tuệ là nhân của định Kim cang, an trụ trong chánh pháp của tất cả Phật, nghe biết trí tuệ lợi sinh của Phật, thuyết pháp Phật.

Thế Tôn! Thiện nam, tín nữ nào khen ngợi công đức vô lượng của Bồ-đề, nghe kinh điển Đại thừa, thọ trì, đọc tụng, biên chép, thuyết giảng thì báo đền được ân Phật.

Phật nói:

–Đúng thế, đúng thế! Thiện nam! Ông đã thành tựu vô lượng công đức.

Thiện nam! Chúng sinh cúng dường bảy báu nhiều như mười phương cõi Phật lên Như Lai và chúng sinh thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết kinh này đều đạt phước đức như nhau.

Khi ấy, Đức Phật bảo các Bồ-tát:

–Thiện nam! Sau khi Như Lai diệt độ, người

nào có thể hộ trì pháp Bồ-đề vô thượng này, thuyết giảng nghĩa lý để chánh pháp tồn tại trong đời?

Lúc ấy, sáu vạn ức Bồ-tát và chúng trời, người đồng thanh thưa:

–Chúng con có thể làm được việc ấy. Xin Thế Tôn dùng sức nguyện gia hộ cho chúng con.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai cũng như mười phương Phật
Vượt qua biển khổ của sinh tử
Thành tựu công đức pháp vô thượng
Nên lưu truyền mãi không hoại diệt.
Trải vô số kiếp tu Từ bi
Chân thật thuyết giảng cho chúng sinh
Quán chúng bình đẳng không hai pháp
Nhờ thế chánh pháp mãi trụ đời.
Thành tựu trọn vẹn hai trang nghiêm
Trải bao kiếp số độ chúng sinh
Giáo hóa mọi loài bằng hai pháp
Nhờ thế chánh pháp mãi trụ đời.
Những ai đoạn trừ mọi phiền não
Và trừ diệt hết các tà chấp
Đầy đủ tất cả các pháp lành
Mới đủ khả năng phát nguyện lớn.

Thiện nam! Không chỉ các ông mà tất cả hàng trời, người, ma, phạm, sau khi Như Lai diệt độ đều có thể hộ trì chánh pháp.

Thiện nam! Hư không có thể có hình sắc, sắc

có thể như hư không, thần thông nguyện lực của Như Lai không thể biến khác.

Lúc ấy, bốn Thiên vương thưa:

–Sau khi Như Lai diệt độ, những ai thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói, chúng con sẽ luôn bảo vệ người ấy.

Các Phạm thiên thưa:

–Chúng con sẽ bỏ mọi diệu lạc nơi thiền định để bảo vệ người ấy.

Trời Đâu-suất thưa:

–Chúng con cũng bảo hộ người ấy.

Ma Ba-tuần thưa:

–Thế Tôn! Người nào thọ trì kinh này, chúng con sẽ không quấy nhiễu người ấy.

Thiên tử Công Đức Tạng thưa:

–Thế Tôn! Chư Phật đều nhờ kinh này thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Thế Tôn! Con sẽ giảng thuyết kinh này ở cõi trời Đâu-suất.

Đại đức Ca-diếp thưa:

–Thế Tôn! Thanh văn chúng con tuy trí kém nhưng cũng sẽ cố gắng thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết kinh này.

Tôn giả A-nan thưa:

–Thế Tôn! Con đã nhớ rõ từng chữ, từng câu

kinh này như Phật giảng. Chúng sinh nào phát tâm Bồ-đề, con sẽ giảng nói.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Các thiện nam! Sau khi Như Lai diệt độ, các ông có thể bảo vệ chánh pháp để được trường tồn.

Thiện nam! Chúng sinh nào cầu pháp Đại thừa nhưng chưa đạt pháp nhẫn, nếu thọ trì kinh này thì sau bảy đời Phật người ấy sẽ được thọ ký. Nếu Thanh văn thọ trì kinh này sẽ được ở trong pháp hội đầu của Phật Di-lặc. Nếu Duyên giác thọ trì kinh ấy, sau khi Như Lai diệt độ sẽ chứng đạo.

Khi thuyết giảng pháp này, vô số chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô lượng chúng sinh thành tựu nhẫn nhục, vô số chúng sinh đạt tâm không thoái chuyển, vô số cõi nước chấn động sáu cách, Bồ-tát khắp mười phương rải hương hoa, trỗi nhạc, treo cờ phướn, lọng báu cúng Phật, đồng thanh thưa:

–Chúng con đến đây đạt được lợi ích lớn, dù sức phước đức của chúng con ít nhưng nguyện dùng sức mình cầu Phật Thích-ca trụ mãi ở đời, chánh pháp được lưu truyền khắp mười phương. Chúng sinh nào thọ trì kinh này chúng con sẽ giúp họ trừ lo, sầu, sợ, khổ, không bệnh hoạn.

Lúc ấy, Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương thưa:

–Thế Tôn! Pháp Phật vô lượng, vô biên, không

thể nghĩ bàn, tà pháp không thể làm khuynh động được, đó là nguồn gốc của pháp lành, căn nguyên của ba thừa. Nếu có người hỏi tên pháp và cách thọ trì, chúng con sẽ đáp ra sao? Xin Thế Tôn dạy cho.

Đức Phật nói:

–Thiện nam! Đó gọi là Bậc Đại Bi Thuyết Pháp Đại Bi, là Như Lai Thọ Ký Nghiệp Phật Cho Bồ-tát, các ông nên thọ trì như thế.

Lúc Phật giảng nói xong, hàng trời, người, đại chúng đều vui vẻ, tin phụng vâng làm.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 5

Phẩm 3: BẢO NỮ (Phần 1)

Lúc ấy, Đức Thế Tôn an tọa nơi tòa Sư tử trong cõi báu giữa hai cõi Dục, Sắc, thuyết pháp cho đại chúng. Trong chúng hội đó có một đồng nữ nên Bảo Nữ, rời chỗ ngồi, tay phải cầm chuỗi trân châu trắng, thưa:

–Nếu con đủ khả năng ở trong vô lượng cõi nước nơi mười phương thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết kinh này, thì nguyện cho chuỗi trân châu này sẽ được đính trên nhục kế Phật và Bồ-tát.

Nói xong, đồng nữ liền tung chuỗi trân châu lên, nhờ thần lực của Phật và lòng thành kính, chuỗi trân châu tự nhiên đính trên nhục kế Phật và trên đầu tất cả các Bồ-tát. Từ chuỗi trân châu trên đầu mình, các Bồ-tát thấy rõ mọi việc ở đời sau như thời gian thành Phật, cây Bồ-đề, chúng sinh được độ và nguyện lực ngày xưa. Thấy vậy ai nấy đều ngạc nhiên, thưa Phật:

–Thế Tôn! Vì sao Bảo Nữ lại thành tựu vô

lượng công đức như vậy? Tất cả nguyện hạnh trong vô số a-tăng-kỳ kiếp của chúng con chỉ trong khoảnh khắc đều hiện rõ.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Như lời ông nói, Bảo Nữ này đã trồng căn lành ở chín vạn sáu ức na-do-tha Phật thời quá khứ, phát nguyện lớn, hiểu một cách chân thật về tất cả. Vì vậy tư duy trong tam thiên đại thiên cõi nước thì lập tức được như lời. Nếu muốn hương thơm thoảng khắp tam thiên đại thiên cõi nước thì trong tích tắc được như lời. Nếu muốn hiện các loại thân hình như Chuyển luân vương, Tứ Thiên vương, Đế Thích, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ thảy đều được như nguyện. Nếu muốn tai nạn gió chuyển thành tai nạn lửa, tai nạn lửa chuyển thành tai nạn nước, tai nạn nước chuyển thành tai nạn gió thì lập tức tất cả đều chuyển. Nếu muốn biến quân ma với cung tên giáo mác thành hoa báu thì tức khắc biến thành. Nếu thấy ở đồng trống không có nước liền nguyện có đủ xóm làng thành ấp, mọi người đều mang nước đến thì được như nguyện. Nếu muốn tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều biến thành Như Lai thì lập tức được như nguyện. Nếu muốn tất cả mọi người trụ giữa hư không thì lập tức tất cả đều lơ lửng trong không.

Thiện nam! Nếu Bảo Nữ muốn ở trong không

của cõi này mà có thể nghe pháp của tất cả Phật thì tức khắc như nguyện.

Thiện nam! Đồng nữ Bảo Nữ thành tựu vô lượng vô biên công đức lớn như vậy.

Bây giờ, Bảo Nữ nói kệ:

Nay con thành tựu đại bảo tụ
Khen ngợi Thế Tôn, Đấng Vô Thượng
Đoạn trừ tất cả mọi phiền não
Trọn vẹn các pháp trợ Bồ-đề.
Như Lai đầy đủ báu vô thượng
Ánh sáng chiếu khắp vô số cõi
Cờ báu vô thượng Phật Thế Tôn
Con nay hiến báu để cúng dường
Xa cừ, mã não lưu ly xanh
Kim cương, trân châu, báu nhật nguyệt
Cúng dường Như Lai các báu đó
Để giúp chúng sinh thành Bồ-đề.
Hào quang thân Phật hơn các báu
Chúng sinh nhìn ngắm không hề chán
An trụ một phương thấy mười phương
Giúp cho chúng sinh đều thấy Phật.
Ai thấy Như Lai đi hoặc đứng
Ngồi, nằm hoặc thuyết pháp sâu xa
Im lặng tĩnh tại không giảng nói
Nhập định tu tập các trí tuệ.
Hào quang trên thân của Thế Tôn
Chiếu sáng cõi nước ở mười phương

Thanh tịnh sáng suốt thật vô thượng
Tựa trăng mùa thu hoa sen đẹp.

Nói kệ xong, Bảo Nữ lại thưa:

–Thế Tôn! Con muốn hỏi vài nghĩa trong kinh Đại Tập, Như Lai cho phép con mới dám.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Bảo Nữ, tùy ý hỏi. Nếu có nghi ngờ Như Lai sẽ giúp trừ nghi.

Bảo Nữ bạch Phật:

–Thế Tôn! Thế nào là thật ngữ, là thật? Là pháp ngữ? Là pháp?

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Hãy chí tâm nghe kỹ, ta sẽ giảng nói. Bảo Nữ! Đại Bồ-tát có ba pháp thật: Không dối chư Phật, không tự dối mình, không dối chúng sinh. Nghĩa ấy thế nào?

Bảo Nữ! Bồ-tát phát tâm Bồ-đề vô thượng lại tham chấp thừa Thanh văn, Bích-chi-phật là dối Phật, dối mình, dối chúng sinh. Thế nào là không dối?

Bảo Nữ! Bồ-tát phát tâm Bồ-đề vô thượng dù vào địa ngục chịu khổ não, sống chung với ma, sinh vào cõi ác, khởi phiền não, thân bị chặt, đánh, thiêu, đốt vẫn không bỏ tâm Bồ-đề, không ngừng nghỉ, sợ sệt, hối hận, luôn tăng trưởng tâm Bồ-đề, chịu khổ thay chúng sinh, thương chúng khổ đau, siêng năng tu tập mong đạt chánh giác, không bị

lời xấu mê hoặc, gió tà không lay động. Đó là Bồ-tát không dối Phật, dối mình, dối chúng sinh. Đó là pháp thật của Bồ-tát.

Bảo Nữ! Không dối Phật có bốn: Tâm kiên cố, an trụ nơi rốt ráo, đầy đủ oai lực, siêng năng tu tập. Không dối mình có bốn: Tịnh tâm, chí tâm, không dối gạt, không tà vạy. Không dối chúng sinh có bốn: Trang nghiêm, tu tâm Từ, tu tâm Bi, giữ gìn.

Bảo Nữ! Đó là pháp thật thứ nhất của Bồ-tát. Thật của Bồ-tát là khi mới phát nguyện không bỏ chúng sinh, không nhiều lời, cẩn thận khi phát ngôn, không nói lời thô ác, nói lời chân thật. Dù ở một mình hay trong đại chúng, nơi cung đình, đều nói lời thành thật, không vì tài vật mà nói dối, không vì được tự tại mà nói dối, dù có bảy báu đầy đủ cả tam thiên đại thiên cõi nước vẫn không vì thế mà nói dối huống gì là vì việc nhỏ.

Bảo Nữ! Có ba mươi hai pháp thật: Lời hổ, lời công đức, lời thẹn, lời nhu thuận, lời không hư dối, lời không chê trách, lời không tham chấp, lời không sợ, lời lấp đường ác, lời mở đường lành, lời thánh hạnh, lời tuệ hạnh, lời thanh tịnh bên trong, lời thanh tịnh bên ngoài, lời thích nghe, lời không khúc mắc, lời thích ghi nhận, lời vi diệu, lời rõ ràng, lời hay, lời thuần thiện, lời không dối, lời không não hại, lời vui vẻ, lời tự khuyên, lời khuyên người, lời không lỗi, lời an ổn, lời phước

đức, lời như Phật, lời thật, lời thanh tịnh.

Bảo Nữ! Pháp thật của Bồ-tát là khi giảng nói, lời tâm tương hợp. Thế nào? Tu tập pháp thí thành tựu Bồ-đề, không phải tham lam mà đạt Bồ-đề *(bố thí tất cả)* tu tập tịnh giới chứng Bồ-đề, hủy giới không đạt Bồ-đề *(an trụ trong giới)*; tu nhẫn đạt Bồ-đề, sân giận không đạt được *(trọn vẹn pháp nhẫn)*; hành pháp tinh tấn đạt Bồ-đề, lười biếng không đạt được *(tu tinh tấn)*; tu thiền định đạt Bồ-đề, tán loạn không chứng được; tu trí tuệ đạt Bồ-đề, ngu si không đạt được. Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Tâm vô lượng cũng như thế.

Lại nữa Bảo Nữ! Chân thật là hạnh Thánh. Hạnh Thánh là hạnh khổ, vô thường, là biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo. Biết năm ấm không có tướng sinh là biết khổ. Biết sáu ấm nên đoạn trừ ái, không tham chấp, không khen ngợi, mong cầu, không đến đi. Đó là đoạn tập. Diệt tất cả tướng, nhưng lúc diệt không thấy một pháp nào bị diệt, thấy tất cả pháp bình đẳng là chứng diệt. Quán tưởng Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na bình đẳng, không giác quán, không có bình đẳng, không buộc lấy, không tạo tác, không biến đổi. Đó là tu đạo. Bồ-tát còn đủ khả năng phân biệt thuyết giảng nghĩa pháp. Đó là pháp thật của Đại Bồ-tát. Khi ấy mười ngàn Bồ-tát đều thành tựu nhẫn chân thật.

Bảo Nữ! Về pháp ngữ: Bồ-tát căn cứ nơi pháp để thuyết giảng. Đó là các pháp quán, niệm phụng

hành, cầu, muốn, thích, tu, tràng, trượng, trang nghiêm, khí, đăng, minh, niệm, ý, hữu, sở, anh lạc, sàng, nghi, hộ, tài, vô cùng tận, rộng lớn vô biên, sự, thân, khẩu, ý. Đại Bồ-tát thành tựu các pháp đó, gọi là pháp ngữ. Pháp ngữ là lời chân thật. Người hành pháp ngữ là dạy chúng sinh cúng dường cha mẹ, bậc kỳ đức, tán thán Bồ-đề và đạo Bồ-đề, khiến mọi người không bỏ tâm Bồ-đề, chuyên tâm buộc niệm, không quên Bồ-đề, luôn trang nghiêm tu tập pháp Bồ-đề, gần gũi Hiền thánh, Thiện tri thức, tu tập tâm tín, chuyên tâm nghe pháp, siêng cầu chánh pháp, không tham chấp pháp, biết ân, đền ân, thích nhàn tịnh, không đoạn giống Thánh. Giáo hóa mọi người siêng tu mười pháp lành, khen ngợi bố thí pháp lành, nguyện hướng đến Bồ-đề, chí tâm thọ trì, làm thanh tịnh giới luật, tu tập nhẫn nhục, trừ tính lười biếng, tu thiền định, trí tuệ, phương tiện, Từ, Bi, Hỷ, Xả, tu bốn Chân đế, hướng thật tế, tu bốn Trí vô ngại đạt thần thông lớn, tùy thuận bố thí pháp, tu bốn Niệm xứ, tu tám Thánh đạo, phân biệt hai pháp định tuệ, đạt trí giải thoát, giải thoát Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, các thừa đúng pháp, tán thán thuyết giảng phước đức, quán mười hai pháp nhân duyên sâu xa, phân biệt các môn Không, Vô tướng, Vô nguyện, không sợ, chỉ rõ năm ấm như huyễn hóa, mười tám giới như tướng hư không, các tánh nhập như tánh hư không, dạy bảy pháp

tài, sáu niệm, sáu kính, sáu pháp Ba-la-mật, sáu hạnh thường, sáu Thần thông trọn vẹn năm nhãn, giảng nghĩa Đệ nhất, lưu truyền ở thế gian, thành tựu ngữ nghiệp, bình đẳng với tất cả chúng sinh, khen ngợi pháp Phật.

Bảo Nữ! Bồ-tát thành tựu pháp ngữ không bao giờ nói những lời về ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, đoạn, thường, có thấy, không thấy, đoạn cả hai, chấp giữ, tu, diệt, tranh cãi, thiên lệch, không hay biết, điên đảo, tăng lòng nghi, pháp nghịch. Nói lời quán pháp giới, trừ kiêu mạn, pháp Bồ-tát, an trụ đúng pháp, nói lời thật, pháp, không đoạn, không quanh co, pháp Bồ-tát, thế gian không bàn được, kính sợ Bồ-tát, thành tựu pháp ngữ giảng về Không, Vô tướng, Vô nguyện, không tham ba cõi, không chạy theo các cõi, không tâm, ý, thức, không nhơ cấu, vô minh, đen tối, không ràng buộc mình người, không phân biệt cao thấp, phân biệt rõ nhân duyên các cõi, thanh tịnh, vắng lặng, không thầy bạn, khó biết, khó hay, không thể suy lường, chỉ có bậc trí thanh tịnh mới biết được, không thọ, người thọ nhận, đoạn trừ các thọ, vượt tướng diệt không diệt, sinh không sinh của ba đời. Không: Giàu, nghèo, sinh, đoạn, thêm, bớt, đang có, sẽ có; không phải: tu, thấy, thấy ma, thấy chân thật. Không phải tướng, không phải phi tướng, không phải một tướng mà cũng là một tướng; không có nhà cửa, xa lánh nhà cửa; không: Gần

gũi, xa lánh, tách rời, phân biệt, trói, mở, hữu lậu, vô lậu, tương tợ, khổ, vui, đầy đủ, thiếu thốn, danh, sắc, chấp, thoát, phá, thành. Tuy không phải là kim cang nhưng không thể hoại tướng chân thật; không: Gần, xa, sắc, nhân, đùa bỡn, đây, kia, trong, ngoài, tự, tha, thấy, nghe, nhớ, quên, thức, tri, cảnh giới thức, cảnh giới tri.

Bảo Nữ! Đó là pháp. Giảng các pháp đó là pháp ngữ.

Lại nữa, Bảo Nữ! Bồ-tát thành tựu pháp ngữ không tranh cãi với thế gian, không khinh thường, ngã mạn, không chê cười người chưa học, không có tâm cao ngạo, không tự khen, không hủy báng học thuyết của người, thuyết pháp không vì cầu ăn uống, không ngăn pháp lành của người, không làm cho chúng nghi hoặc, không chỉ trích lỗi người, không xem thường pháp của người, không cản trở người tu tập. Thường giảng về Không, Vô tướng, Vô nguyện, không phân biệt các cõi, không động pháp giới, không động thật tánh, không y chỉ nơi "chữ, thức, người, không liễu nghĩa", tuy không y chỉ cũng không hủy báng, không phân biệt mình người, không hủy báng mười hai nhân duyên, không thuộc thế gian, làm thanh tịnh thế gian, không chấp pháp, làm thanh tịnh pháp, không tham tiếc, không hủy giới, không lánh người phá giới; không: giận, ganh ghét, lười biếng, không mất tâm đạo, không quên

Bồ-đề, không đố kỵ pháp người, không chấp kinh, không hủy báng kinh, luật, luận cũng thế, không thấy lỗi của chánh pháp, không tăng tâm mạn, không hủy báng nhân quả nghiệp báo, không thoái lui trong chánh pháp, biết ân, giữ ân, đền ân, không tâm sân hận, không chấp ngã kiến, không ganh ghét trước lợi ích của người, không phân biệt kẻ oán người thân, không báo thù khi bị chê cười, không nói hai lưỡi để chia rẽ người, không dua nịnh dối chúng, không thọ giới Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ vì người khác, sống nơi thanh vắng, lắng lòng suy xét, siêng năng đọc tụng mười hai bộ kinh, không giữ giới vì để hơn người, không hành hạnh biết đủ vì sự cúng dường, không tu pháp biết đủ vì để chỉ rõ người khác không biết đủ, không nói pháp Bồ-đề vô thượng của Phật, không làm vì người, không tạo nghiệp ác, tà mạng, không bỏ bảy tài, không tham ăn, không đoạn giống Thánh, không chê người khen mình, không đếm tính pháp Phật, luôn tán thán pháp Đại thừa. Đó là pháp ngữ.

Khi ấy, Thế Tôn lại bảo:

–Bảo Nữ! Bồ-tát thành tựu nghĩa. Thế nào là nghĩa? Đó là khi tin tưởng tu tập trang nghiêm không hư dối, trang nghiêm tất cả căn lành, chí tâm chuyên niệm tu hành pháp lành, trừ nghi cho chúng sinh không mong đền ân, đem đến sự an

ổn, diệu cho chúng sinh, giữ gìn giới cấm, không mất tâm nhẫn, siêng năng tu tập tăng trưởng pháp lành, tu định đề trừ loạn, đủ trí vô thượng, phá vô minh tăm tối, tu tâm Từ, bình đẳng với chúng sinh, tu tâm Bi, tùy thuận độ sinh, tu tâm Hỷ bố thí pháp Hỷ, tu tâm Xả không chấp khổ vui, bố thí tài pháp, tâm không hối tiếc, nói lời êm dịu, trừ tâm ác, tạo lợi ích cho mọi loài, đủ pháp sâu xa, cùng sống với chúng sinh để khuyên phát Đại thừa, dùng bốn Nhiếp pháp điều phục chúng sinh, thấy tất cả hành đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, thanh tịnh, phiền não, y chỉ nghĩa, không y chỉ chữ, y chỉ pháp không y chỉ người, thuyết giảng "nghĩa vô ngại", đạt giải thoát; thuyết đúng pháp về "nhạo thuyết vô ngại". Luôn trang nghiêm bằng "pháp thí", trang nghiêm "giới", mong thành tựu, trang nghiêm "đa văn" hành đúng pháp, trang nghiêm công đức, đầy đủ tướng tốt, trang nghiêm trí tuệ, biết tướng căn thượng, trung, hạ của chúng sinh, trang nghiêm bằng định, tâm thanh tịnh; trang nghiêm bằng tuệ đạt ba tuệ; tu bốn Niệm xứ, tâm không tán loạn; tu bốn Chánh cần được căn lành; tu bốn Như ý đi lại các nơi; tu năm Căn phân biệt câu chữ; tu năm Lực trừ phiền não; tu bảy Giác phần biết các pháp; tu tám Thánh đạo, kiên định trước đạo ác; tu thần thông không thoái chuyển. Đại Bồ-tát hiểu các nghĩa đó là nghĩa. Bồ-tát giảng nghĩa này được

gọi là thuyết nghĩa.

Lại nữa, Bảo Nữ! Còn có "nghĩa": Tu tập vô nguyện không cầu ba cõi thuyết giảng ba không là thuyết nghĩa. "Nghĩa" là tất cả các hành không thể tu. Bồ-tát giảng các hành không thể tu là thuyết nghĩa. Đoạn hết sinh tử là nghĩa, Bồ-tát giảng các pháp không sinh là thuyết nghĩa. Các cõi không xuất là nghĩa, Bồ-tát giảng như vậy là thuyết nghĩa. Bốn Chân đế là nghĩa, giảng như thế là thuyết nghĩa. Chữ không thể nói là nghĩa, giảng như thế là thuyết nghĩa. Nghĩa chân thật là nghĩa, giảng như thế là thuyết nghĩa. Hết thảy pháp Bồ-đề không thể tính kể là nghĩa, Bồ-tát giảng như vậy là thuyết nghĩa. Trong các thừa, Đại thừa là trên hết là nghĩa, giảng như thế là thuyết nghĩa.

Bảo Nữ! Không phân biệt là nghĩa, không chúng sinh, không thọ mạng, một vị, không động, không cùng tận, một việc không sinh không xuất, không đến không đi, không diệt không hai, không thể quán thấy, không tạo tác, vô vi, vô tác, tâm không dua nịnh, ba cõi bình đẳng, ba phần không khác, không được mất, không lạnh nóng, không sạch nhơ, không như thế, không lấy bỏ, không đạo, phi đạo, không thường đoạn, không trung đạo, không giận, không nhơ, không quán pháp phi pháp, không âm thanh ngôn ngữ chữ nghĩa, không tâm ý thức, không phân biệt tham, sân, si, tất cả các pháp có tướng không tướng đều thuộc Không,

Vô tướng, Vô nguyện, chân thật trước các pháp bình đẳng, không bình đẳng, nhờ trí tuệ đạt giải thoát.

Bảo Nữ! Bồ-tát đầy đủ nghĩa đó là nghĩa, giảng như thế là thuyết nghĩa.

Bảo Nữ! Về luật Bồ-tát giảng như thế nào? Phật dạy Tỳ-ni có hai: Phạm, phiền não. Thế nào là Tỳ-ni phạm? Phạm là suy xét biết thiện, vì vô minh, điên đảo, hư vọng, khi dối, phiền não, hối hận, kiêu mạn, buông lung, ít học. Đó là phạm. Nếu trừ tâm nghi sẽ đạt giải thoát. Đạt giải thoát nên thấy nơi phạm không phải là xứ, không phải là phi xứ, không phải thân, khẩu, ý, không lấy bỏ, không thể nhìn thấy, không phải thân, khẩu, ý làm nên, nếu có làm thì thuộc pháp diệt. Nếu là pháp diệt, ai làm ai phạm. Tất cả các pháp đều như thế, không căn, không tạo tác, không nơi chốn. Phá trừ tất cả nghi ngờ ấy được gọi là tịnh, không nóng, làm theo lời thầy là có tín, có định là Tỳ-ni. Thế nào là Tỳ-ni phiền não? Mười hai chi trừ vô minh đến già chết là tánh phiền não, điều phục tất cả phiền não là Tỳ-ni. Vì sao? Vì Không, Vô tướng, Vô nguyện có thể điều phục các pháp. Nếu pháp là không, không có tánh tướng, không thể mong cầu thì làm sao có tham, sân, si. Không tạo tác nên điều phục được các pháp. Nếu các pháp không tạo tác làm sao có phiền não kết sử? Các pháp do duyên sinh. Đã là duyên sinh làm sao thấy được.

Thấy mười hai chi là biết được phiền não và tướng phiền não. Quán các pháp bình đẳng như thế là Tỳ-ni. Diễn giảng các nghĩa như thế gọi là Bồ-tát thuyết Tỳ-ni. Từ Tỳ-ni biết được ngã tức là biết được Tỳ-ni phiền não. Thế nào là tri ngã Tỳ-ni? Quán vô ngã, quán tánh ngã, biết ngã tịnh, ngã thật, ngã phân biệt, ngã không, ngã tu. Biết ngã không động, không nói, không chấp, không sinh không diệt. Biết như thế về ngã là biết phiền não Tỳ-ni. Nếu thật không ngã mà nghĩ là có ngã, cũng thế không phiền não mà nghĩ là có phiền não, ngã vốn không phiền não. Ai đầy đủ Tỳ-bà-xá-na thì có thể quán sát biết được. Đó là tri ngã phiền não Tỳ-ni. Phiền não không phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Như tâm không phải sắc, không phải trong, ngoài, giữa. Phiền não cũng thế, không phải sắc, không phải trong, ngoài, giữa. Vì sao? Vì không hay biết, không tranh giành, không thanh tịnh, không tạo tác. Nếu biết phiền não không sinh diệt như thế được gọi là biết Tỳ-ni phiền não.

Bảo Nữ! Bồ-tát biết như thế về Tỳ-ni phiền não và giảng dạy cho chúng sinh biết được gọi là Bồ-tát diễn thuyết Tỳ-ni.

Lúc Phật giảng nói pháp này có mười ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh. Khi ấy, Bảo Nữ vui mừng, thưa Phật:

–Thế Tôn! Pháp nghĩa chân thật và Tỳ-ni Như Lai giảng nói thật không thể nghĩ bàn. Bồ-tát nào

có thể thuyết giảng như thế là người biết thật, thấy thật.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Bảo Nữ:

–Cô đã đầy các pháp đó, có thể giảng thuyết không?

Bảo Nữ đáp:

–Đại đức Xá-lợi-phất là người không tham, không tham tức là nghĩa. Nghĩa đó không thể nói. Không thể nói tức là Tỳ-ni. Đại đức! Nếu đã thế làm sao thuyết giảng được.

Hơn nữa, thưa Đại đức! Thật là diệt, diệt là pháp, pháp là tịnh, tịnh là nghĩa, nghĩa là Tỳ-ni. Các pháp đó không có văn tự. Đã không văn tự làm sao thuyết giảng?

Đại đức! Thật là như, như là pháp, pháp là không hai, không hai là nghĩa. Không hai cũng không thể điều phục. Đã không thể điều phục làm sao gọi là điều phục. Các pháp đó không sở hữu, đã không sở hữu làm sao giảng nói.

Xá-lợi-phất nói:

–Do thành tựu bảo vật gì mà có tên là Bảo Nữ?

Bảo Nữ đáp:

–Có ba mươi hai tâm báu của Bồ-tát. Trong các tâm đó không có tâm Thanh văn và Bích-chi-phật. Ba mươi hai tâm: Phát tâm độ tất cả chúng sinh; phát tâm để hạt giống Phật không đoạn hết; phát tâm để hộ trì pháp Phật mãi trường tồn; phát

tâm bảo vệ Tăng bảo; phát tâm để đem pháp lạc đến cho chúng sinh; phát tâm tu đại Từ để độ thoát khổ phiền não; phát tâm tu đại Bi, bỏ mọi vật trong ngoài; phát tâm giữ gìn giới cấm để điều phục kẻ hủy giới; phát tâm tu nhẫn trừ bất nhẫn, kiêu mạn, ác độc, điên đảo, si mê, dối gạt, buông lung, phóng túng; phát tâm siêng năng trừ tâm biếng nhác, lo sợ, thoái chuyển, hối hận, điều phục chúng sinh biếng lười; phát tâm tu định đoạn trừ tâm loạn, dối lừa, quên, giúp chúng sinh đạt bốn Thiền và tám Giải thoát, điều phục chúng sinh cõi Dục; phát tâm tu trí phá trừ ngu tối, thấy biết chân thật, nhập pháp giới; phát tâm vì biết chúng sinh bình đẳng, không hai, chỉ có một vị; phát tâm vì không còn tham, sân, si, lợi, suy, chê khen, tâm không hai, an trụ nơi pháp lành, không bị dao động trước khổ vui; phát tâm vì không kinh, sợ, muốn hiểu sâu về mười hai nhân duyên, trừ kiến chấp; phát tâm vì luôn trang nghiêm bằng trí tuệ và công đức; phát tâm vì muốn luôn được gặp Phật nghe pháp; phát tâm để thuyết giảng pháp đã nghe; phát tâm vì đạt pháp tụ lớn, không tham tiếc; phát tâm để khen ngợi tịnh giới, sống đúng pháp, giáo hóa, dẫn dắt kẻ hủy giới; phát tâm để trừ bảy loại mạn của chúng sinh; phát tâm để trừ nghiệp ác ma; phát tâm để đem lại niềm vui cho chúng sinh; phát tâm để trừ khổ cho chúng sinh, tâm không hối hận; phát tâm mong thành tựu trọn vẹn pháp Phật; phát

tâm vì biết tất cả pháp hữu vi là vô thường, vô ngã, tâm không chán ghét; phát tâm vì thích tu các pháp trợ đạo; phát tâm vì biết tất cả là Không, Vô tướng, Vô nguyện vì chúng sinh nên không thủ chứng; phát tâm tuy sợ các cõi nhưng luôn hộ trì các cõi; phát tâm để thấy tội lỗi sinh tử nhưng không hối hận chán ghét; phát tâm vì nếu gần Bồ-đề, hưởng pháp lạc tối thượng thì vẫn bỏ pháp lạc ấy để chịu khổ não vì chúng sinh.

Đại đức! Đó là ba mươi hai báu phát tâm, trong đó không có tâm Thanh văn và Bích-chi-phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn khen Bảo Nữ:

–Hay thay, hay thay! Ngươi đã nói đúng về sự phát tâm Bồ-đề của Đại Bồ-tát. Tâm Bồ-đề ấy thành tựu vô lượng, vô biên công đức, không thể nói là ba mươi hai việc. Vì sao? Không phải là báu Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát mà là báu Phật. Khi đã đạt báu Phật sẽ có được báu Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Vì thế Bồ-tát được gọi là "Khối báu".

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế Tôn! Lời Bảo Nữ nói thật không thể nghĩ bàn. Qua lời ấy con biết Bảo Nữ dường như đã đạt bốn Trí vô ngại.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Ông có thể nói Bảo Nữ chưa đạt bốn Trí vô ngại sao? Bảo Nữ từ lâu đã đạt trọn vẹn

bốn trí đó. Bảo Nữ thuyết giảng lời lẽ không cùng tận, nghĩa lý cũng không cùng tận.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Bảo Nữ:

–Hiền giả! Xin phân biệt giảng thuyết bốn Trí vô ngại, vì tất cả pháp đều có từ đó.

–Đại đức! Tâm Bồ-đề là cú vô ngại. Vì sao? Vì trong tâm Bồ-đề bao hàm các nghĩa, đó là Trí vô ngại nghĩa. Tất cả pháp giới đều ở trong tâm Bồ-đề là Trí vô ngại pháp thật không văn tự mà nêu văn tự là Trí vô ngại từ; không thể giảng thuyết nhưng thuyết giảng không cùng là Trí vô ngại nhạo thuyết.

Nghĩa không thể ngôn thuyết là Nghĩa vô ngại. Tất cả các pháp đều như tướng huyễn là Pháp vô ngại. Không ngôn thuyết là Từ vô ngại. Trong sáu nhập giới không chướng ngại là Nhạo thuyết vô ngại.

Tỏ đạt nơi nghĩa là Nghĩa vô ngại. Thích tịch tĩnh là Pháp vô ngại. Chữ không hợp với pháp, pháp không hợp với nghĩa là Từ vô ngại. Giảng thuyết âm thanh là Nhạo thuyết vô ngại.

Như Lai chánh giác tức nghĩa Bồ-đề là Nghĩa vô ngại. Nghĩa Bồ-đề có từ pháp là Pháp vô ngại. Pháp tạo nên câu là Từ vô ngại. Thuyết nghĩa là Nhạo thuyết vô ngại.

Nghĩa pháp là Nghĩa vô ngại; giải thoát là Pháp vô ngại, nêu tướng pháp không có tánh pháp là Từ

vô ngại; phân biệt pháp giới và phi pháp giới là Nhạo thuyết vô ngại.

Tăng là vô vi là Nghĩa vô ngại; chư Tăng một vị là Pháp vô ngại; hòa hợp Tăng là Từ vô ngại; công đức của chư Tăng là Nhạo thuyết vô ngại.

Đại đức! Bốn vô ngại đó bao hàm tất cả pháp.

Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Thế Tôn! Thời gian phát tâm của Bảo Nữ là bao lâu? Gieo căn lành ở Đức Phật nào?

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Vô lượng a-tăng-kỳ kiếp ở thời quá khứ, có Đức Phật hiệu Phân Biệt Kiến, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi nước tên Đại tịnh, như cõi trời Đâu-suất, bảy vạn sáu ngàn Bồ-tát xuất gia đều là bậc Phạm hạnh thanh tịnh, đạt Đà-la-ni không thoái chuyển. Lúc đó, có Chuyển luân thánh vương tên Tịnh Đức Báo, là vua của ngàn cõi nước, có tám vạn bốn ngàn thể nữ, ngàn người con, khỏe mạnh như lực sĩ Liên Hoa. Vua Tịnh Đức Báo trải qua ba vạn sáu ngàn ức năm cúng dường Phật và Bồ-tát bằng mọi vật cúng như phòng nhà, giường nằm, y phục, thức ăn, thuốc men.

Xá-lợi-phất thưa:

–Thế Tôn! Không biết tuổi thọ của Đức Phật

Phân Biệt Kiến là bao nhiêu?

–Xá-lợi-phất! Tuổi thọ của Đức Phật đó là mười trung kiếp.

Bấy giờ, Chuyển luân vương cùng thể nữ, dân chúng… cả thảy chín vạn hai ngàn ức na-do-tha người, mang theo vô lượng, vô số vật cúng, đến chỗ Phật, rải cúng Phật tám ngàn ức châu báu thượng diệu, cúi đầu lạy Phật, quỳ gối, chắp tay, thưa:

–Thế Tôn! Như vật cúng của con có vật cúng của ai hơn không?

Đức Phật đáp:

–Đại vương! Có một vật cúng hơn tất cả các vật cúng. Các vật cúng không bằng một phần trong trăm ngàn vạn phần.

Nhà vua thưa:

–Thế Tôn! Đó là vật cúng gì? Xin Phật dạy cho.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Bố thí vô lượng, vô số báu
Như cát vô số sông Hằng lớn
Tuy được vô lượng phước như vậy
Không như thương xót phát Bồ-đề.
Vô lượng ức hằng hà sa Phật
Hoa hương định diệu để cúng dường
Phước đức có được vẫn không bằng
Phát tâm Bồ-đề, bảy không thoái.

Phát tâm như thế là Bố thí
Nhẫn, Giới, Tinh tấn, Thiền, Trí tuệ
Nếu vì thương yêu phát tâm lớn
Thành tựu vô lượng phước không cùng.
Xinh đẹp, giàu có, thuộc quý tộc
Lại còn phát khởi tâm Bồ-đề
Cai trị ngàn cõi đến Phạm thiên
Thành tựu tự tại nên phát khởi.
Những ai thích phát tâm Bồ-đề
Xa lìa tất cả các cõi ác
Mở đường chân chánh cho trời người
Bít lấp hết thảy nẻo tà vạy.
Đầy đủ các căn, không đui điếc
Đều nhờ chí tâm phát Bồ-đề
Gặp vô số Phật mười phương cõi
Được vị cam lồ của cõi trời.
Nếu ai thành tâm phát Bồ-đề
Sẽ trừ diệt hết nghi, kiêu mạn
Vô lượng trí tuệ, đạt tự tại
Thuyết giảng pháp giới cho chúng sinh.
Chúng sinh tôn trọng như cha mẹ
Như thầy thuốc giỏi, người bạn tốt
Trừ sạch bệnh khổ của mọi loài
Chỉ dạy đưa về đạo Bồ-đề.

Vô lượng của việc phát tâm Bồ-đề, nghe Phật giảng về công đức Thánh vương rất vui mừng,

cùng quyến thuộc dân chúng phát tâm Bồ-đề vô thượng, ở trước Phật, nhà vua nói kệ:

Nay con thương yêu hết mọi loài
Vì thế phát khởi tâm Bồ-đề
Những ai thành tựu đại tự tại
Không nên thoái chuyển tâm Bồ-đề.
Mãi chịu sinh tử nhiều khổ não
Cũng chẳng lợi ích cho mình người
Thà phát Bồ-đề chịu khổ não
Còn hơn an lạc chẳng phát tâm.
Chúng sinh phát khởi tâm Bồ-đề
Được hưởng diệu lạc trời, người, vua
Thành tựu pháp lạc tịnh, vô lậu
Pháp lạc vô thượng của Bồ-đề.
Chứng đạt định tuệ nhẫn tối thượng
Bốn Tâm vô lượng và sáu Độ
Ba Pháp tuệ tịnh sáu Thần thông
Bốn Trí vô ngại, luôn tự tại.
Mười Lực vô thượng, bốn Vô úy
Ba Pháp niệm xứ và đại Bi
Thành tựu trọn vẹn mười tám pháp
Tất cả đều do phát Bồ-đề.
Lay động cõi nước ở mười phương
Biết rõ tâm tánh của mọi loài
Độ thoát vô lượng, vô số chúng
Đều nhờ phát khởi tâm Bồ-đề.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Khi Thánh vương nói kệ này, có bốn vạn trời hàng người, vô lượng

chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng. Bấy giờ, Thánh vương lại cúng dường Phật suốt vạn ức năm. Sau đó, vua xuất gia luôn suy nghĩ về bốn cú: Thật, pháp, nghĩa, điều phục, suốt một ức năm.

Xá-lợi-phất! Ông biết không, Chuyển luân thánh vương thời đó đâu phải người nào lạ, chính là Bảo Nữ đấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Thế Tôn! Vì nghiệp duyên gì lại thọ Thiên nữ?

Phật nói:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tất cả Bồ-tát không vì nghiệp mà thọ thân nữ, mà là dùng sức thần thông trí tuệ thị hiện thân nữ, để điều phục chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Ông cho Bồ-tát Bảo Nữ là người nữ? Chớ suy nghĩ như vậy. Vì sao? Vì thân nữ đó là sức thần thông, sức trí tuệ.

Xá-lợi-phất! Từ vô lượng kiếp, người này không còn thọ thân nam, nữ. Thân đó không phải ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Thân ấy là thân phương tiện, là thân hóa độ cõi này, vì giúp chín vạn hai ngàn người nữ phát tâm Bồ-đề vô thượng nên hiện thân phương tiện ấy.

Lúc ấy, Bảo Nữ nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đại đức! Đại đức có thể dùng thân nữ thuyết giảng chánh pháp không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Với thân nam ta còn chán ghét huống gì là thân nữ.

–Xá-lợi-phất! Đại đức chán ghét thân nam?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Đúng thế, đúng thế! Đại đức! Chính vì thế mà Bồ-tát hơn hàng Thanh văn và Bích-chi-phật. Vì sao? Vì nơi mà Thanh văn các vị chán ghét thì Bồ-tát lại hưởng pháp lạc ở đó. Thanh văn không thích sinh vào các cõi, Bồ-tát lại thích thọ sinh. Thanh văn biết đủ về công đức, Bồ-tát đối với công đức không bao giờ thấy đủ. Thanh văn chán ghét phiền não, Bồ-tát lại sống trong phiền não mà không lo sợ.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Bảo Nữ! Bồ-tát có lực gì? Vì sao lại không chán ghét?

Bảo Nữ đáp:

–Đại đức! Đại Bồ-tát có tám lực, vì thế không chán ghét. Tám lực: Từ, vì tâm không ngại; Bi vì điều phục; Thật vì không dối Phật dối mình dối chúng sinh; Tuệ vì đoạn phiền não; Phương tiện vì tâm không hối hận; Công đức vì không lo sợ; Trí vì phá trừ vô minh; Tinh tấn vì không buông lung; Bồ-tát thành tựu tám lực đó nên tâm không hối hận.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Bảo Nữ! Cô đã đủ tám lực chưa?

Đáp:

–Đại đức! Nói đầy đủ tức là điên đảo, điên đảo là hai tướng, hai tướng là hữu vi, hữu vi là không sở hữu, không sở hữu là bình đẳng.

Đại đức! Đã bình đẳng thì làm gì có lực, không lực, làm sao nói là một, là hai…

Đại đức! Tất cả các pháp như hư không. Đã là hư không, không thể nói là trong là ngoài, là sáng, là tối. Tất cả các pháp cũng thế. Nếu các pháp như hư không làm sao có thể nói là có lực, không lực, là một, là hai.

Đại đức! Đại Bồ-tát cũng có lực, không lực. Nghĩa ấy ra sao? Không lực phiền não, có lực trí tuệ; không xan tham, có bố thí, không phá giới, có giữ giới; không sân hận, có nhẫn nhục; không lười biếng, có siêng năng; không tán loạn, có thiền định; không vô minh, có trí tuệ. Vì thế Bồ-tát đoạn trừ pháp ác, tu tập pháp lành, không có lực pháp ác, có lực pháp lành.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Bảo Nữ:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam, tín nữ nào thuyết giảng như thế tức là thật thuyết.

Khi Bảo Nữ thuyết giảng pháp này có năm trăm Bồ-tát thành tựu pháp nhẫn.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 6

Phẩm 3: BẢO NỮ (Phần 2)

Bấy giờ, Bảo Nữ lại thưa Phật:

–Thế Tôn! Trong kinh dạy: Như Lai đủ mười Thần lực. Như vậy mười Lực là Thế Tôn sao? Hay ngoài mười Lực có Thế Tôn? Nếu mười Lực là Thế Tôn thì là hai pháp. Nếu là hai thì thuộc vô thường. Nếu ngoài mười Lực có Thế Tôn, làm sao Như Lai giảng chánh pháp?

Thế Tôn! Nếu trong một lực đủ mười Lực, vì sao Như Lai không nói là trăm lực? Nếu đã không là một trăm thì một lực không phải là mười, là một trăm.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Bảo Nữ:

–Hay thay, hay thay! Như Lai - Thế Tôn không phải một, hai. Nếu không phải là một, hai làm sao là mười, là trăm? Đại Bồ-tát trừ chấp một, hai, thành tựu Bồ-đề vô thượng. Thế Tôn không phải là mười Lực, không phải ngoài mười Lực. Vì dạy mười việc nên nói Như Lai đủ mười Lực. Như Lai tuy nói mười Lực nhưng trong một lực đủ vô số

lực. Vì nêu bày lưu truyền nên nói mười Lực.

Bảo Nữ lại thưa:

–Hy hữu thay! Thế Tôn! Xin giảng về mười Lực.

Phật bảo:

–Bảo Nữ! Lắng lòng nghe kỹ, Như Lai sẽ giải thích rõ!

Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề thì không bao giờ cầu pháp Thanh văn và tạo nghiệp ác. Với tâm kiên định, khi đạt Bồ-đề, thành tựu Lực thứ nhất. Như Lai thành tựu lực đó nên gầm tiếng sư tử, thuyết pháp cho đại chúng. Pháp đó, Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn không thể thuyết giảng.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu đạo Bồ-đề, hiểu các nghiệp là một nghiệp. Với lực đó, biết rõ tất cả nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại, nhân duyên, xứ, phi xứ, khi thành Bồ-đề thành tựu Lực thứ hai.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, hiểu rõ căn tâm tánh chúng sinh, thuyết giảng giáo pháp. Với lực đó, khi đạt Bồ-đề, thành tựu Lực thứ ba.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu đạo Bồ-đề, quán sát cõi chúng sinh, thuyết giảng giáo pháp, vì thế khi đạt Bồ-đề, thành tựu Lực thứ bốn.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu đạo Bồ-đề quán căn tánh thượng trung hạ của chúng sinh, tùy

thuận thuyết pháp. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề thành tựu Lực thứ năm.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, quán đạo rốt ráo như hữu vi, vô vi, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề thành tựu Lực thứ sáu.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, cung kính, tôn trọng, tu tập thiền định, thuyết giảng chánh pháp điều phục chúng sinh. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề thành tựu Lực thứ bảy.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, không hủy báng căn lành thời quá khứ, thành tựu tâm niệm, không buông lung. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, thành tựu Lực thứ tám.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, thấy người chưa học, không khinh thường. Riêng mình tuy học hiểu nhưng không kiêu mạn, đem ánh sáng trí tuệ đến cho chúng sinh. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, thành tựu Lực thứ chín.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, giáo hóa chúng sinh diệt trừ lậu hoặc, không để chúng thêm nhiều, khen ngợi pháp giải thoát, tu đạo vô lậu, thuyết giảng cho chúng sinh. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề thành tựu Lực thứ mười.

Bảo Nữ! Bồ-tát tu tập mười Lực đó, đầy đủ mười Lực của Như Lai.

Bảo Nữ lại thưa:

–Thế Tôn! Đại Bồ-tát tu tập pháp gì để đạt bốn Vô úy và mười tám pháp?

Phật nói:

–Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, không tham tiếc pháp đã chứng đạt, không nghĩ: Nếu ta dạy cho người, người sẽ hơn ta, bình đẳng với chúng sinh, bố thí tất cả tài pháp, quán sát vô số tướng của pháp giới. Nhờ thế, khi đạt Bồ-đề, thành tựu vô úy thứ nhất.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, biết rõ pháp ngăn đạo. Nhờ thế, khi đạt Bồ-đề, thành tựu vô úy thứ hai.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, thường tu đạo thanh tịnh, thường thuyết pháp thanh tịnh, tu tập pháp trang nghiêm, tự độ, độ sinh. Nhờ thế, khi đạt Bồ-đề thành tựu pháp vô úy thứ ba.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, không hề sinh tâm kiêu mạn, không tự nói mình thấy mình biết, che lấp công đức, bày lỗi xấu. Nhờ thế, khi đạt Bồ-đề thành tựu pháp vô úy thứ bốn.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, chỉ đường chánh cho chúng sinh lạc đường, trừ bỏ gai gốc gạch ngói bên đường, bắt cầu nơi đường hiểm, đem đèn sáng tới nơi tối, điều phục kẻ phạm tội, trừ nghi ngờ, hối hận của chúng sinh,

không phạm thì không vu khống, đoạn tâm nghi pháp của chúng, ban ánh sáng pháp, khuyên thỉnh thuyết pháp, thấy ai thuyết pháp luôn khen ngợi, cung kính, tôn trọng, không khinh thường, hiểu rõ ngôn ngữ của chúng sinh, không khinh kẻ nói lời sai. Nhờ thế, khi đạt Bồ-đề thành tựu pháp không quên.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, luôn nói những lời thật, chánh pháp, có nghĩa, đúng thời, điều phục, không sai, đoạn ác, lời của Thánh. Thuyết giảng cho người những pháp đã nghe vì tự lợi lợi tha nên không khinh khi, không tranh tụng, tin Phật, Pháp, Tăng, giúp chúng sinh tin Tam bảo, biết pháp giới không thể thuyết giảng. Nhờ thế, khi đạt Bồ-đề, biết tất cả ngôn ngữ, đạt vô lượng pháp Tổng trì. Vì thế nơi mỗi lỗ chân lông trên thân đủ tướng tốt đó đều phát ra tiếng vi diệu của Phật.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề thường tự tu và giáo hóa chúng sinh tu sáu niệm. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, không mất tâm niệm, thành tựu phương tiện đầy đủ Tổng trì chứng pháp. Vô số chúng sinh tư duy pháp sâu từ vô lượng kiếp cùng lúc đều đến hỏi pháp. Không cần suy xét, Như Lai cùng lúc trả lời tất cả.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, thường bảo vệ chúng sinh không tạo nhân tán loạn, khổ não cho chúng sinh. Không ngăn trở,

nhiễu loạn khi thấy chúng sinh làm lành, biết rõ các pháp như tướng huyễn, bình đẳng với tất cả chúng sinh, biết pháp giới có cùng một vị. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, tâm luôn định, đạt phương tiện Tổng trì nghe tất cả, và vì thế luôn sống trong định, làm việc Phật.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, tâm không điên đảo. Vì thế trong vô ngã không nghĩ có ngã, không chấp có chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, nam, nữ, kiêu mạn, phiền não, thường, đoạn, hữu vi, thiện, ác, nhơ, sạch, hữu lậu, vô lậu, thế gian, xuất thế gian, sinh tử, Niết-bàn. Chúng sinh vì điên đảo nên chấp như thế. Nếu không có điên đảo sẽ không chấp như vậy, thực hành trung đạo. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, thành tựu một tưởng, không có hai tưởng, tu định, chứng phương tiện Tổng trì vô tận khí. Nhờ diệu lực của Tổng trì, thường tu Tam-muội Vô tưởng, thương yêu chúng sinh, tu tập đại Bi, luôn thuyết giảng chánh pháp.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, tu tập tâm Xả. Bỏ khổ vui; không khổ vui, không thích, lo; không yêu ghét. Nhờ thế không phân biệt lợi ích, suy kém, hủy báng, khen ngợi, thường quán vô thường, khổ vô ngã, dạy chúng sinh tu tâm Xả như mình. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, thành tựu đại Xả, đạt phương tiện Tổng trì đại hải ấn. Nhờ sức của Tổng trì nên không vui mừng khi được Người, Trời, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la,

Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Đế Thích, Phạm thiên ca ngợi, không buồn đau khi bị kẻ ác, tà kiến khinh khi, mắng nhiếc, tâm bình đẳng như đất nước lửa gió, không cao, thấp, động, nhơ, tu đại Bi.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, chí tâm tu tập pháp lành của Bồ-đề, không cầu học pháp Thanh văn, tu tập đại Bi, không thoái tâm. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, thành Phật, không thêm không bớt, đạt phương tiện Tổng trì Kim cang tràng, tự tại biết cách thuyết giảng.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, luôn siêng năng tu tập pháp lành, cung kính, cúng dường các bậc Hòa thượng, Thiện tri thức, thích gần gũi, nghe pháp, thọ trì, điều phục chúng sinh, để cúng dường vô lượng Phật, giúp chúng sinh đạt đạo Vô thượng, siêng năng đạt pháp. Nhờ thế đạt được phương tiện Tổng trì căn Phật pháp. Khi đạt Bồ-đề thành tựu pháp tinh tấn, không giảm sút. Nhờ tinh tấn nên thành tựu trọn vẹn thần thông.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, đầy đủ tâm niệm, tu bốn Niệm xứ, quán thân trong ngoài là vô thường, khổ, vô ngã; thọ, tâm, pháp, niệm cũng thế, tu Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện, là thân Như Lai, quán thân niệm xứ không, chứng giải thoát. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, thành tựu tâm niệm không giảm của Như Lai, đạt trí tâm thông biết căn tánh của chúng sinh,

hiểu rõ về phiền não nghiệp, hành tập tâm xứ, biết căn lành, căn ác, quả báo, sinh diệt, thứ lớp các cõi, cõi Phật, đại chúng các thừa, hạnh nguyện đạt thọ ký của Bồ-tát, cha mẹ, thân tộc, thầy bạn, Hòa thượng.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, thường tu các tuệ: trí, lợi, tật, vô biên, thậm thâm, giải, tịnh, không động, vô ngại, vô thắng, biết thừa Thanh văn, Duyên giác, vô thượng, không biết đủ. Trọn vẹn các tuệ, cầu trí tuệ và chánh pháp, thọ trì pháp, thuyết pháp, vui thích pháp. Nhờ thích pháp nên không tham chấp các vật trong ngoài, chịu thiếu thốn để cúng dường các bậc Hòa thượng cầu nghe một chữ, một câu, một nghĩa pháp, cúng dường châu báu trong mười phương lên pháp chủ. Vì một câu kệ có thể xả bỏ thân mạng. Người dù tu pháp bố thí trong vô số kiếp vẫn không bằng nghe pháp Bồ-đề, vui vẻ nghe, thích nghe thích giảng chánh pháp, luôn được trời, Phật che chở. Nhờ sức niệm, thông đạt tất cả kinh sách học thuyết thế gian. Nhờ vậy khi đạt Bồ-đề, thành tựu trí tuệ không tăng giảm của Phật. Trí đó là trí vô ngại, biết tâm chúng sinh, thiện, ác, vô ký, hữu lậu, vô lậu, thế gian, xuất thế gian, pháp sạch nhơ, sinh tử, Niết-bàn, biết tất cả pháp môn, việc Bồ-đề, đạo Bồ-đề, cõi nước, kiếp, vi trần, quá khứ, vị lai, hiện tại. Thông suốt tất cả, thuyết giảng không cùng. Nhờ thế, từ một pháp

Như Lai giảng vô số pháp.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, không thích ở nhà hưởng thụ năm dục, thích ở nơi nhàn tịnh, tu pháp xuất gia, tu nghĩa sâu xa và ba cửa giải thoát. Nhờ sức tu tập đạt pháp vô ngại, trí vô ngại, vượt cõi ma, trang nghiêm phước tuệ, trừ phiền não, ác kiến, thuyết giảng nghĩa sâu xa, trừ tâm nghi, đoạn giác, quán ác, xa lìa ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc, giảng pháp để giúp chúng sinh trừ tham, giảng pháp để đoạn trừ sân của chúng; giảng mười hai nhân duyên để trừ vô minh cho chúng sinh, giảng pháp Bố thí ba-la-mật cho kẻ tham tiếc, giảng Giới ba-la-mật cho kẻ phá giới, giảng Nhẫn ba-la-mật cho kẻ sân hận, giảng Thiền ba-la-mật cho kẻ tán loạn, giảng Trí ba-la-mật cho kẻ không trí, giảng bốn Đế cho phàm phu, giảng các pháp Không, Thường, Tịnh, Lạc, Ngã cho kẻ điên đảo, giảng ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho kẻ bị trói buộc. Bồ-tát thành tựu các pháp như vậy, nhờ thế khi đạt Bồ-đề, thành tựu giải thoát không thêm bớt, không ai lay động, thanh tịnh rốt ráo, giải thoát cứu cánh, thấy biết pháp Thanh văn, Duyên giác, đạt phương tiện Tổng trì thanh tịnh. Nhờ sức của Tổng trì, thuyết pháp giải thoát, tự tại trong tất cả pháp.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, cung kính trí tuệ, đủ lực trí, đạt trí sáng, biết quyến thuộc, biết các tâm: Không tham, không

sân, không si, không tham ái, không nhơ uế, không tranh chấp, không tham ăn, không tham ái, vô thượng, vô ngại, vô ký, thiện, bất thiện, ác, tịnh, bất tịnh, lớn, nhỏ, hẹp, rộng, biết hết, không biết hết, tham, xả, giữ giới, phá giới, nhẫn, không nhẫn, lười biếng, siêng năng, định, loạn, ngu, trí, phàm, thánh, tu chánh định, tu tà định, tu bất định, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Tuy biết tất cả tâm nhưng không chứng, điều phục chúng sinh, thuyết giảng chánh pháp như bốn Chân đế, mười hai Nhân duyên, trừ các chấp đoạn, ngã, giảng quả sinh từ nhân, không phải từ ngã, chúng sinh, thọ mạng, hiểu rõ vô minh là nhân của hành, hành là nhân của thức, thức là nhân của danh sắc, danh sắc là nhân của sáu nhập, sáu nhập là nhân của xúc, xúc là nhân của thọ, thọ là nhân của thủ, thủ là nhân của ái, ái là nhân của hữu, hữu là nhân của sinh, sinh là nhân của già, chết, lo, buồn, khổ não. Biết vô minh diệt là hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì ái diệt, ái diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh, già, chết, lo, buồn, khổ não diệt, tất cả khổ đều diệt. Quán sát như thế lại nghĩ: Các pháp đó không do ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu làm nên, không phải thường, không phải đoạn. Nếu không phải do chúng sinh, sĩ phu làm

nên thì được gọi là không. Đã là không thì không có ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu. Không thường đoạn thì không sinh diệt. Không sinh diệt thì không thuộc ba đời. Không thuộc ba đời là không "không" không thể tính đếm. Không thể tính đếm là nghĩa đệ nhất. Nghĩa đệ nhất là lời Như Lai. Lời Như Lai thì không tranh chấp. Không tranh chấp là pháp Sa-môn. Pháp Sa-môn là hư không. Biết các pháp như vậy được gọi là thật biết. Nếu quán sát suy xét các duyên ác thì khởi vô minh… khổ não. Suy xét ác không còn thì vô minh diệt khổ não diệt. Quán sát như thế, không chấp thường đoạn, biết các pháp do duyên sinh, do duyên diệt, các pháp không có ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, không kia, đây, giữa. Vì sao? Nếu không kia, đây làm sao có giữa? Bồ-tát thuyết giảng như vậy, khi đạt Bồ-đề, thành tựu trí giải thoát, không thêm bớt, đạt vô biên Tổng trì phương tiện. Nhờ sức của Tổng trì quán cõi hư không từ pháp giới, giảng về xứ, phi xứ, sức lậu tận, không lo sợ, đại Từ, đại Bi và tạng bí mật sâu xa, giáo hóa chúng sinh bằng chánh pháp. Đó là không cùng với Nhị thừa, thân, khẩu, ý đầy đủ thần thông.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, thân nghiệp được hành theo trí tuệ, không khinh khi, cản trở chúng sinh, không tham, tiếc, không tổn hại, hành phạm hạnh thanh tịnh, siêng

năng tu tập pháp trợ đạo, không tiếc thân mạng, vì chúng sinh khởi tâm đại Từ bi. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề được gọi là Như Lai. Tất cả hành động của thân đều bằng trí tuệ, đạt phương tiện Tổng trì Nhất thiết quang. Nhờ sức của Tổng trì nên hiện vô số thân phương tiện như Trời, Rồng, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Phạm thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ. Hiện vô số thân như thế, tùy thuận mọi loài, thuyết giảng chánh pháp. Giảng xong thì ẩn thân, khiến cho tất cả đều không biết nơi ở, hoặc thị hiện nhập diệt để dạy pháp. Chúng sinh vì sáu tình nên luôn tham đắm. Khi không còn thấy nữa thì sẽ nhớ nghĩ.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, khẩu nghiệp sống trong trí tuệ, không khinh khi chúng sinh, không nói những lời: Dối gạt, hai lưỡi, thô ác, không nghĩa; luôn nói những lời: An ổn, pháp, Tỳ-ni, không não hại, Phật, có nghĩa, thích nghe, thích nhìn. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, thành tựu khẩu nghiệp tùy trí tuệ của Như Lai, đạt phương tiện Tổng trì tam phần. Nhờ sức của Tổng trì, hiểu rõ ngôn ngữ của tất cả chúng sinh, giảng về nghiệp của chúng sinh. Lời của Phật là lời: Chân thật, mười hai nhân duyên, tùy thuận giải thoát, không tham, tịch tĩnh, nhân duyên.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-

đề, ý nghiệp luôn sống trong trí tuệ, không dối chúng sinh, không ganh ghét, không tổn hại, không tà chấp, tu tập chánh kiến, khởi tâm đại Từ bi, bình đẳng với tất cả chúng sinh không quên mất tâm Bồ-đề, đầy đủ trí tuệ, trừ bỏ kiêu mạn. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, thành tựu ý nghiệp tùy trí tuệ của Như Lai, đạt phương tiện Tổng trì Vô cấu. Nhờ sức của Tổng trì dù chỉ an trụ một tâm vẫn biết tất cả tâm của chúng sinh, quán tâm chúng sinh đều bình đẳng, như tướng huyễn hóa, bản tánh thanh tịnh. Quán thân nghiệp của chúng sinh bình đẳng, như trăng dưới nước tất cả chúng sinh đều hiện từ thân mình, thân mình cũng ở trong thân chúng sinh, như bóng hiện, khiến chúng sinh thành thân Phật. Khiến thân mình thành thân chúng sinh, tất cả không lay động được.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, tin trí tuệ của chư Phật thời quá khứ, nghiệp thân, khẩu, ý đều thiện, không nghi ngờ, không kinh sợ khi nghe việc Phật không thể nghĩ bàn, tin chúng sinh nơi cõi Phật đời quá khứ đã được điều phục, tin thân Như Lai hiện hữu trong tất cả cõi nước khắp mười phương, không chướng ngại, hiểu ngôn ngữ của hết thảy chúng sinh, tùy thuận giảng pháp, trí tuệ thông hiểu ba đời, biết pháp giới, các thức pháp, thần thông, nghiệp quả, chúng sinh thời quá khứ, tin sức hiểu biết của Tha tâm trí, dạy chúng sinh cũng tin như vậy. Nhờ thế

khi đạt Bồ-đề, thành tựu trí vô ngại biết rõ quá khứ của Như Lai. Nhờ nhân tu tập Tam-muội dũng kiện đời xưa nên đạt phương tiện Tổng trì kiện hành. Nhờ sức của Tổng trì biết rõ dòng họ, tuổi thọ của chư Phật thời quá khứ, cũng biết rõ Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát quá khứ, thần thông nghiệp quả của tất cả chúng sinh, biết thời gian nào trong quá khứ có Phật ra đời, không có Phật ra đời, biết tên họ, tịnh, không tịnh, rộng, hẹp, thô, tế, vi trần, nghịch, thuận. Rõ biết tất cả nhìn trái cây trong bàn tay.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, tin trí tuệ của chư Phật thời vị lai, thân, khẩu, ý, nghiệp đều thiện, không nghi ngờ, không kinh sợ khi nghe sự không thể nghĩ bàn của việc Phật, tin chúng sinh ở đời vị lai sẽ được điều phục, tin Như Lai đi lại trong mười phương không trở ngại, hiểu ngôn ngữ của tất cả chúng sinh, tùy thuận thuyết pháp, trí tuệ hiểu rõ ba đời không ngại, biết cõi nước, các thừa pháp, thần thông, nghiệp quả, chúng sinh thời vị lai, tin sức hiểu biết của Tha tâm trí, dạy chúng sinh cũng tin như vậy. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, thành tựu trí vô ngại biết rõ thời vị lai của Phật. Nhờ tu định Bi đạt phương tiện Tổng trì Sư tử hống. Nhờ sức của Tổng trì biết rõ dòng họ, tuổi thọ của chư Phật thời vị lai, biết Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát vị lai, biết thần thông, nghiệp quả, chúng sinh, biết thời gian nào trong

thời vị lai có Phật ra đời, không có Phật ra đời, biết tên, họ, tịnh, không tịnh, rộng hẹp, thô, tế, vi trần, nghịch, thuận. Biết rõ mọi việc như thế tựa nhìn trái cây trong bàn tay.

Lại nữa, Bảo Nữ! Khi Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề, tin trí tuệ của chư Phật thời hiện tại, nghiệp thân, khẩu, ý đều thiện, không nghi ngờ, không kinh sợ khi nghe sự không thể nghĩ bàn của việc Phật, tin chúng sinh nơi cõi Phật hiện tại được điều phục, tin Như Lai đi lại khắp mười phương không ngại, hiểu ngôn ngữ của chúng sinh, tùy thuận thuyết pháp, trí tuệ thông hiểu ba đời, biết pháp giới, các thừa pháp, thần thông, nghiệp quả, chúng sinh hiện tại, tin sức hiểu biết của Tha tâm trí, dạy chúng sinh tin như vật. Nhờ thế khi đạt Bồ-đề, thành tựu trí vô ngại biết hiện tại của chư Phật. Nhờ tu định tịnh đạt phương tiện Tổng trì kim cang. Nhờ sức của Tổng trì, biết dòng họ, tuổi thọ của chư Phật hiện tại, biết Thanh văn, Duyên giác, Bích-chi-phật thời hiện tại, biết thần thông, nghiệp quả, chúng sinh, biết thời gian nào trong hiện tại có Phật ra đời, không có Phật ra đời, biết tên họ, tịnh, không tịnh, rộng, hẹp, thô, tế, vi trần, thuận, nghịch. Biết rõ mọi việc như thế như nhìn trái cây trong bàn tay.

Bảo Nữ! Đó là mười tám pháp Bất cộng. Như Lai lại có các pháp Bất cộng khác như Không thấy kim đỉnh Phật. Vì sao? Vì thân vô biên. Không ai

hơn. Vì sao? Vì đủ tất cả mọi việc: Người thấy được trừ hết phiền não. Vì sao? Vì thân như cây thuốc. Ở trong chúng không kinh sợ. Vì sao? Vì làm thanh tịnh tất cả: Không khiếp nhược trước đại chúng. Vì sao? Vì đủ bốn Vô úy. Biết tâm chúng sinh. Vì sao? Vì tùy thuận thuyết giảng: Đệ tử thanh tịnh. Vì sao? Vì không nói lời vô nghĩa. Giảng pháp làm người nghe vui thích. Vì sao? Vì trừ chấp oán thân. Tiếng pháp vang xa ai cũng nghe được. Vì sao? Vì không tạo lợi ích khác. Tất cả chúng sinh đều thấy Phật ở trước mình, chăm chú nhìn ngắm. Vì sao? Vì thân Phật không thể nghĩ bàn: Nghe pháp Phật phát mầm lành. Vì sao? Vì thành tựu vô lượng công đức: Chúng sinh thích nhìn. Vì sao? Vì hiểu tất cả pháp: Đi lại, xoay người như tướng voi chúa. Vì sao? Vì oai nghi thanh tịnh: Tiếng như tiếng gầm sư tử. Vì sao? Đầy đủ oai lực: Oai nghi thuần thiện. Vì sao? Vì thân nghiệp sống trong trí tuệ: Khẩu nghiệp thuần thiện. Vì sao? Vì khẩu nghiệp sống trong trí tuệ: Thấy tất cả. Vì sao? Vì ý nghiệp sống trong trí tuệ: Chúng sinh thích nghe pháp. Vì sao? Vì lời nói vi diệu: Được sự cúng dường bậc thượng. Vì sao? Là ruộng phước tối thượng: Công đức không cùng tận. Vì sao? Vì không mong quả báo: Không ai hoại được. Vì sao? Vì cơ thể đủ sức Na-la-diên: Đoán đúng mọi việc. Vì sao? Vì biết căn tánh: Là bậc thầy của tất cả. Vì sao? Vì đạt Pháp thân: Ai

gần gũi sẽ được lợi ích. Vì sao? Vì biết tánh ba đời vốn tịnh: Ai làm tổn thương thân Phật sẽ bị tội ngũ nghịch. Vì sao? Vì thành tựu căn lành: Đoạn hết tập phiền não. Vì sao? Vì thông biết nhân phiền não: Hiểu biết tất cả hành. Vì sao? Vì biết hết thảy các pháp.

Bảo Nữ! Đó là pháp Bất cộng của Như Lai.

Lúc ấy, Bảo Nữ bạch Phật:

–Thế Tôn! Nhờ nghiệp nhân nào Như Lai thành tựu ba mươi hai tướng tốt?

Phật nói:

–Bảo Nữ! Như Lai thành tựu vô lượng công đức nên có ba mươi hai tướng tốt. Như Lai sẽ lược nêu vài việc trong vô số việc. Như Lai chuyên tâm giữ gìn tịnh giới nên bàn chân bằng phẳng; tu tập vô số pháp thí nên bàn chân có tướng bánh xe ngàn căm; không khinh chúng sinh nên gót chân thẳng đầy; hộ trì chánh pháp nên ngón tay thon dài; không hại chúng khác nên nghĩa các ngón tay có màng; bố thí y phục đẹp nên tay chân mềm mại; cúng thức ăn ngon nên bảy nơi đầy đủ; thích nghe pháp Phật nên có gót chân nai chúa; không có lỗi với người nên có tướng âm tàng; tu pháp lành nên thân trên như sư tử; giáo hóa chúng sinh bằng pháp lành nên xương cốt đầy đặn; cứu kẻ kinh sợ nên có tướng khủy tay ngay thẳng; thích giúp đỡ sự nghiệp của người nên tay dài chấm

gối; thường tu mười pháp lành nên thân thanh tịnh; thường ban thuốc lành nên được thức ăn ngon; trang nghiêm pháp lành nên có tướng má sư tử; bình đẳng với tất cả chúng sinh nên có bốn mươi chiếc răng; giảng hòa mọi tranh chấp nên răng khít kín; bố thí châu báu nên răng đều; thân, khẩu, ý thanh tịnh nên có hai răng trắng như ngà; không có bốn lỗi của khẩu nghiệp nên tướng lưỡi rộng dài; thành tựu vô lượng công đức nên mọi thức ăn đều ngon; nói lời êm dịu với chúng sinh nên được tiếng nói như Phạm thiên; tu tập tâm Từ nên mắt xanh biếc; chuyên tâm cầu đạo nên lông mi như lông mi trâu chúa; khen ngợi công đức của người nên có tướng bạch hào; cung kính cha mẹ, thầy, Hòa thượng, nên có tướng nhục kế; thuyết giảng pháp mầu nhiệm nên thân mềm mại; bố thí tọa cụ nên có tướng kim quang; không làm việc thế gian nên mỗi lỗ chân lông chỉ có một lông; thích nghe lời dạy của bạn lành thầy tốt nên có tướng lông đẹp; không đem việc ác cho người nên có tướng tóc vàng óng; khuyên chúng sinh tu Tam-muội nên thân tròn đầy như Ni-câu-đà; đời đời tạo tượng Phật nên có sức mạnh Na-la-diên.

Bảo Nữ! Bồ-tát thành tựu vô lượng công đức nên có được ba mươi hai tướng tốt như thế.

Bảo Nữ lại thưa:

–Thế Tôn! Đại Bồ-tát thật không thể nghĩ bàn. Hay thay! Như Lai! Khéo thuyết pháp Phật.

Khi ấy, Phật khen bảo Nữ:

–Lành thay, lành thay! Như lời ngươi nói. Chúng sinh nghe pháp này sẽ được vô lượng công đức; tin pháp đã nghe cũng đạt vô lượng công đức.

Lúc Phật thuyết giảng pháp này, vô số cõi nước trong mười phương đều chấn động sáu cách, vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề, năm ngàn Bồ-tát đạt Nhẫn vô sinh. Chư Thiên trên không rải hoa, trỗi nhạc cúng dường Phật. Chúng sinh nào đã từng trồng căn lành nơi vô số Phật, được nghe mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng và ba mươi hai tướng của Phật, tin pháp đã nghe và có thể thuyết giảng cho chúng. Vì sao? Vì hạng yếu kém không thể nghe được pháp này. Dù có nghe cũng không tin được. Người thượng căn giữ gìn tịnh giới, đủ trí tuệ mới có thể nghe và kính tin, không bao lâu sẽ thành Chánh giác.

Bảo Nữ lại thưa:

–Thế Tôn! Phật thật không thể nghĩ bàn, Pháp, Tăng cũng thế. Người nghe, tin kinh này cũng không thể nghĩ bàn. Ai tin sẽ thành Bồ-đề vô thượng.

Thế Tôn! Thế nào là pháp lành của Bồ-tát?

–Bảo Nữ! Đại Bồ-tát không bỏ cũ, mới, biết ân, đền ân, thương yêu tất cả, không bỏ kẻ nương tựa mình, chuyên tâm nghĩ đạo Bồ-đề, tu pháp nhẫn nhục, cho những gì khó cho, bảo hộ chúng

sinh, hiện từ tâm, giữ giới, giữ pháp, thích nhàn tịnh, ở nơi vắng vẻ, tâm không hối hận, che chở chúng sinh, thanh tịnh thân, khẩu, ý, trang nghiêm bốn Tâm vô lượng, khuyên chúng sinh tu đạo Bồ-đề, khi giảng thuyết thường khen pháp Đại thừa, không hối hận khi đã hứa điều gì, thanh tịnh, biết đủ, ít muốn, không tham tiếc, không ganh ghét, không đoạn giống Phật, không tranh chấp, biết nhân quả, tín văn, giới, thí, hổ thẹn, trí tuệ, gần gũi bạn lành, học theo lời thầy, không kiêu mạn, cung kính lễ bái bậc đủ đức, trưởng lão, trừ tham, sân, si, ngã, ngã sở, thường siêng tu sáu pháp Ba-la-mật và các phương tiện Không, Vô tướng, Vô nguyện, không thấy tướng ngã, thường, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, tu bốn Niệm xứ, tám Chánh đạo. Đó là pháp hành của Đại Bồ-tát. Pháp hành là không mắt, không sắc, không tưởng sắc, không tai, không tiếng, không tưởng tiếng, không mũi, không hương, không tưởng hương; không lưỡi, không vị, không tưởng vị; không thân, không tiếp xúc, không tưởng tiếp xúc; không ý, không pháp, không tưởng pháp; không phải sắc hành, không phải sắc, không phải phi sắc hành; không phải sắc ngã hành, không phải sắc, không phải phi sắc ngã hành; không phải sắc không hành; không phải sắc, không phải phi sắc không hành; không phải sắc vô tướng hành, không phải sắc vô nguyện hành, không phải sắc vô hành

hành, không phải sắc tánh hành, sắc thật hành, sắc tịnh hành, sắc sinh hành, sắc xuất hành, sắc nhân duyên hành, sắc tu hành. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Bảo Nữ! Không có ấm, giới, nhập, hành như vậy là pháp hành. Không: Dục giới hành, sắc giới hành, vô sắc giới hành, trụ, thoát là pháp hành. Không: Đến, đi, dừng, tâm, ý, thức, thấy, nghe, hay, biết, thân, khẩu, ý nghiệp. Không phải: Pháp, phi pháp, một, hai, quá khứ, vị lai, hiện tại, sạch, nhơ, tan, hợp, ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, thường, đoạn, ngã, sở hữu ngã, đầu cuối là pháp lành. Đó là pháp ngã, trụ xứ, tánh pháp, pháp xứ, không xứ, phi xứ, nơi rốt ráo. Không động, trụ, tướng mạo, xuất, diệt, tùy hành, lấy, bỏ, nhận, cho. Biết các pháp như thế là thật biết, chân, pháp. Bồ-tát tu học pháp này, vì chúng sinh vào sinh tử nhưng không rời Niết-bàn được gọi là pháp hành chân thật của Bồ-tát.

Lúc giảng nói pháp này có tám ngàn Bồ-tát thành tựu pháp nhẫn. Lúc ấy, Bảo Nữ cúng dường vô số báu vật lên Phật, thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát hành pháp này là tu hành hạnh Phật, sẽ được thọ ký ngồi tòa Bồ-đề, thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Khi đó Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bảo Nữ:

–Cô biết Bồ-tát không thoái chuyển chăng?

Bảo Nữ liền nói kệ:

Các cõi chúng sinh cùng pháp giới
Bình đẳng quán sát không gì khác
Không hề phân biệt một hay nhiều
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Quá khứ, vị lai cùng hiện tại
Chư Phật Thế Tôn mười phương cõi
Bình đẳng quán sát tất cả pháp
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Quán cõi hữu vi là vô thường
Hữu lậu, vô lậu cũng như thế
Biết tánh các pháp vốn thanh tịnh
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Quán pháp sinh tử không giới hạn
Không thể tính đếm số lượng đó
Một niệm thông đạt biết tất cả
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Hết thảy thế gian các pháp giới
Cùng với các Thánh pháp xuất thế
Nếu nhận biết bình đẳng chân thật
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Biết rõ cõi nước của chư Phật
Và cõi nước của ma Ba-tuần
Thông đạt hai cõi không sai khác
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Tham dục, sân hận và ngu si
Tất cả phiền não của chúng sinh
Đều do điên đảo tạo nên chúng

Biết thế Bồ-tát không thoái chuyển.
Các pháp sinh tử hay Niết-bàn
Chánh đạo vô thượng, pháp Bồ-đề
Tất cả không hề sai khác nhau
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Biết rõ năm ấm là Bồ-đề
Tánh của Bồ-đề trong pháp giới
Hết thảy các pháp không là hai
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Đất, nước, lửa, gió, sắc tạo nên
Tất cả đều như cõi hư không
Đó là đạt trí biết chân thật
Cũng là trí Phật ở mười phương.
Cảnh giới của mắt như Bồ-đề
Cả hai bình đẳng không sai khác
Tự mình thọ trì, dạy cho người
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Biết rõ tâm tánh của chúng sinh
Nhân duyên tạo nên tất cả tâm
Các nhân duyên đó không chướng ngại
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Quán sát tất cả mọi quần sinh
Căn tánh bậc thượng trung hay hạ
Biết rõ sinh tử và Niết-bàn
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Tất cả chữ, nghĩa không cùng tận
Diễn giảng suốt trong vô số kiếp

Không ai phá hoại, gây chướng ngại
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Hư không còn tìm được biên giới
Gió bão thế gian có thể buộc
Tâm không thoái chuyển của Bồ-tát
Thế gian không gì lay chuyển được.
Thành tựu vô lượng Đà-la-ni
Nhớ biết rất rõ tất cả pháp
Tuần tự diễn giảng nghĩa các pháp
Y như lời Phật, không gì khác.
Chư Phật Thế Tôn mười phương cõi
Giảng vô số pháp độ chúng sinh
Thọ trì hiểu rõ nghĩa sâu xa
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Các pháp nghe trong vô số kiếp
Ghi nhớ, diễn giảng cho chúng sinh
Học Đà-la-ni vô lượng kiếp
Thành tựu trí biết không cùng tận.
Chứng đạt đầy đủ pháp Tổng trì
Trí tuệ chân thật không gì hơn
Bồ-tát thành tựu trí không thoái
Đầy đủ khả năng giảng pháp này.
Nếu quán xét các pháp đều không
Không hề gần gũi hay lánh xa
Thành tựu trọn vẹn tâm không thoái
Chứng đạt viên mãn trí biết không.
Tất cả các pháp tựa hư không
Tánh pháp xưa nay không sinh diệt

Biết rõ pháp giới là như vậy
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Các pháp đều từ nhân duyên sinh
Không có nhân duyên không pháp giới
Người nào biết được lý duyên sinh
Thành tựu tâm trí không thoái chuyển.
Tất cả oai nghi, sắc và tiếng
Đều từ một niệm thị hiện thành
Là để giáo hóa các chúng sinh
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Tâm bố thí đó tựa hư không
Trải vô số kiếp không cùng tận
Thành tựu vô lượng các công đức
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Tu tập tịnh giới là giới Phật
Thành tựu giới Phật tựa hư không
Đầy đủ vô lượng giới như thế
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Tất cả giới cấm của chúng sinh
Nào giới Hữu học, giới Vô học
Đầy đủ vô lượng giới như vậy
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Đạt Nhẫn vô sinh pháp tối thượng
Không có giới hạn, không cùng tận
Chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh ấy
Là pháp chư Phật quá khứ thành.
Khéo léo trang nghiêm để độ sinh
Trải vô số kiếp không ngừng nghỉ

Siêng năng tu tập hạnh tinh tấn
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển.
Luôn thích tu tập các thiền định
Diễn thuyết chánh pháp cho chúng sinh
Tuy là thị hiện mọi oai nghi
Nhưng tâm luôn sống trong thiền định.
Thành tựu đầy đủ trí vô lượng
Đoạn trừ tất cả tập phiền não
Nếu ai thành tựu tâm không thoái
Là đã gần kề cảnh giới Phật.
Trọn vẹn ba pháp đại thần thông
Phương tiện khéo léo của Như Lai
Nếu ai thành tựu tâm không thoái
Là sẽ chứng đắc trí chánh giác.
Tất cả chúng sinh không thể biết
Tâm hành, cảnh giới của người ấy
Vô số hạnh nghiệp vì chúng sinh
Đó là Bồ-tát không thoái chuyển,
Dù là chưa đạt đạo Vô thượng
Như Lai thị hiện thân Như Lai
Thọ sinh, thành đạo, chuyển xe pháp
Thị hiện Niết-bàn cho đại chúng.
Chưa bỏ trí giác của Bồ-tát
Đã được chứng đắc trí Như Lai
Cõi hư không kia không biên giới
Trí giác của Phật cũng như vậy.

Lúc nói kệ này, tam thiên đại thiên cõi Phật

đều chấn động sáu cách, có năm ngàn Bồ-tát đạt trí không thoái chuyển. Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Bảo Nữ:

–Lành thay, lành thay! Đồng nữ đã khéo giảng nói về pháp không thoái chuyển của Bồ-tát.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế Tôn! Bảo Nữ hẳn đã đạt pháp không thoái chuyển nên có thể giảng thuyết như thế. Nếu không chứng được làm sao có khả năng nêu bày như vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng thế, đúng thế! Như lời ông nói. Từ lâu Bảo Nữ đã đạt pháp không thoái chuyển, nhẫn nhục thành tựu trọn vẹn pháp Đại thừa sâu xa.

Khi ấy, Bảo Nữ thưa:

–Thế Tôn! Vì sao gọi là Đại thừa?

Phật nói:

–Thừa ấy rộng lớn nên gọi là Đại thừa. Không cản trở vì chúng sinh; là gốc rễ của căn lành Nhất thiết trí; không phiền não, kết sử, hắc ám, chiếu soi khắp nơi; nhìn thấy tất cả; bản tánh thường tịnh không nhiễm ô; đoạn tất cả tập khí phiền não. Đó là Đại thừa. Giữ gìn giới cấm nên thanh tịnh; tu tập định là an trụ; tu trí tuệ là vô lậu; tu giải thoát nên không ràng buộc; hiện các pháp bình đẳng không hai là trí giải thoát; đủ mười Lực là không lay động; đủ bốn Vô úy là không sợ; trọn vẹn mười

tám pháp Bất cộng là không ngại; tu tập đại Từ là bình đẳng; trừ dẹp quân ma là tối thắng; đẩy lùi ma phiền não là tịch tĩnh; hoại ma năm ấm là không thể đếm, diệt ma chết là thường trụ; đủ Thí ba-la-mật là giàu có; đủ Giới ba-la-mật là không nhiệt não; trọn Nhẫn ba-la-mật là không oán hận; tu Tinh tấn ba-la-mật là không lay động; vẹn Thiền định ba-la-mật là không lậu lưu chuyển; đầy đủ Trí ba-la-mật là vượt thế gian, xuất thế gian; trọn vẹn Phương tiện ba-la-mật là giữ lấy; các thừa đoạn sinh tử là vô hữu; tu tám Thánh đạo là an ổn; đủ cánh định tuệ đi lại mọi nơi điều phục chúng sinh là đại thần thông; tu pháp Chánh cần nên thấy cõi Phật; tu Niệm xứ nên trừ pháp ác, gần pháp lành; tu bảy Giác phần nên đoạn phiền não kết sử; không làm, không lậu hoặc, không ai hơn, tối thượng, không ai thấy đỉnh đầu, không ai biết được, không gì chướng ngại, không nghe biết, không ra vào, Đại thừa rộng lớn chỉ có một vị, không tạo tác. Không tạo tác nên bình đẳng không hai, thành bậc Tối tôn, đi lại khắp mười phương, được trời người cung kính, thành tựu vô lượng, vô biên công đức, vĩnh viễn đoạn trừ keo kiệt, phá giới, tâm tổn hại, lười biếng, tán loạn, vô minh, khiến chúng sinh học rộng, đem vui, cứu khổ, dạy chúng làm lành, đủ trí Phật, trí vô ngại, trí bình đẳng, Nhất thiết trí. Đó là Đại thừa.

Lúc nêu giảng pháp này có một vạn hai ngàn

chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng. Phát tâm xong, lại nói:

–Người nào phát tâm Đại thừa sẽ được lợi ích của vô lượng pháp lành.

Bấy giờ, Bảo Nữ bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì chướng ngại gì chúng sinh không sớm đạt Đại thừa?

Phật nói:

–Có ba mươi hai sự việc là nhân duyên tạo nên chướng ngại: Thích thừa Thanh văn; thích thừa Duyên giác; thích thân Đế Thích; thích thân Phạm thiên, thọ trì giới cấm vì hoan lạc nơi thế gian; thích tu một pháp lành; luôn ghen ghét; tham chấp của cải; không thích khuyên người tu pháp lành; kiêu mạn; không cầu tâm Bồ-đề; sợ Bồ-đề; chấp pháp; không tư duy kỹ, không gần gũi sư trưởng, hòa thượng, Thiện tri thức; phỉ báng bộ khác; không thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý; không thể hộ trì pháp Vô thượng; không nói pháp đã đạt, dù ít; kiêu mạn khi hiểu được một tý nghĩa pháp; trừ bốn Nhiếp pháp; không tôn trọng người cùng học; không nghĩ về sáu pháp Ba-la-mật; xa lìa ba tụ; không phát nguyện; ít căn lành; hiểu sai nghĩa; không tán thán Tam bảo; hủy báng việc Bồ-đề Đại thừa; không hiểu nghĩa lại chê bai lời giảng của người khác; không biết việc ma; thích sinh tử. Đó là ba mươi hai việc chướng ngại làm cho chúng

sinh không sớm đạt Đại thừa.

Bảo Nữ! Việc chướng ngại thì nhiều vô kể, Như Lai chỉ lược nêu. Công đức của Đại thừa thật vô lượng, chướng ngại của Niết-bàn cũng không lường. Lỗi sinh tử vô lượng, vô biên, chướng ngại Đại thừa cũng thế.

Bảo Nữ! Người nào đoạn trừ vô số pháp ác như thế sẽ sớm đạt Đại thừa.

Bảo Nữ! Bồ-tát nào làm thanh tịnh tâm là đạt được Đại thừa.

–Thế Tôn! Làm sao chúng sinh sớm đạt Đại thừa vô thượng?

–Bảo Nữ! Có ba mươi hai việc giúp chúng sinh sớm đạt Đại thừa vô thượng: chúng sinh không mời nhưng đến gần gũi; không ganh ghét phước đức của người; chuyên tâm tu tập vô lượng căn lành; xây dựng sự nghiệp cho người; không buồn khổ; thanh tịnh thân, khẩu, ý; không vì lợi dưỡng đổi bốn oai nghi; an trụ đúng pháp; tâm luôn thanh tịnh trước mọi người; không bỏ tâm Bồ-đề; thanh tịnh trang nghiêm Thí ba-la-mật; thanh tịnh Giới ba-la-mật, thương xót kẻ phá giới; thanh tịnh Nhẫn ba-la-mật không tiếc thân mạng; thanh tịnh Tinh tấn ba-la-mật đạt mười Lực vô úy; thanh tịnh Thiền ba-la-mật, trừ phiền não; thanh tịnh Trí ba-la-mật, trừ tập khí phiền não; tu định mạnh mẽ, trừ nghiệp ma; chuyên tâm độ chúng sinh; biết đền ân;

hộ trì chánh pháp; trừ kiêu mạn; cúng dường Tam bảo; không tranh chấp pháp; hiểu rõ nghĩa sâu xa của mười hai duyên sinh; đủ bảy tài; tự tại trong tất cả pháp; tu sáu Thần thông; tu tập định tuệ. Đó là ba mươi hai việc giúp chúng sinh sớm đạt Bồ-đề.

Khi giảng nói pháp này, có bảy vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, một vạn hai ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh. Tất cả chư Thiên đều rải hoa, trỗi nhạc cúng Phật, thưa:

–Người nào nghe kinh này sẽ thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy, Phạm thiên, Đế Thích, bốn Thiên vương thưa:

–Thế Tôn! Hôm nay Như Lai diễn thuyết vô lượng nghĩa vi diệu, đoạn phiền não, trừ nghiệp ma, phá tà kiến, thọ trì pháp vô thượng này, chúng con sẽ thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết. Chúng con sẽ bảo vệ người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết, chúng con không cho các thứ quỷ ác não hại người này.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Các ông bảo vệ đệ tử Phật là hộ trì chánh pháp và như thế chánh pháp sẽ được trường tồn.

Lúc đó, Phật dạy Tôn giả A-nan:

–A-nan! Ông nên thọ trì giảng thuyết kinh này.

Bồ-tát nào chuyên tu bố thí trong vô số kiếp, Bồ-tát thọ trì đọc tụng biên chép giảng thuyết kinh này đều được phước đức như nhau, sớm đạt Đại thừa.

A-nan bạch Phật:

–Thế Tôn! Kinh này tên gì? Thọ trì như thế nào?

Phật nói:

–A-nan! Kinh này tên là kinh Bảo Nữ Hỏi Về Pháp Nghĩa Chân Thật Của Phương Tiện Tỳ-ni, Thành Tựu Phát Tâm, Chứa Nhóm Vô Lượng Báu, Vô Lượng Đà-la-ni, Mười Lực, Bốn Pháp Không Sợ Hãi, Chứa Nhóm Các Pháp Bất cộng, là Bồ-tát Ma-ha-tát Ấn, Rộng Nói Pháp Bảo Đại Thừa. Có các tên như thế, ông nên phụng trì.

Lúc đó, Tôn giả A-nan và chúng trời, người đều vui mừng, tin thọ, phụng hành.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 7

Phẩm 4: BỒ-TÁT BẤT THUẤN

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vẫn giữ cõi báu và đại chúng như cũ. Khi ấy, trong chúng có ánh sáng sắc vàng, chiếu sáng khắp tam thiên đại thiên thế giới, che lấp cả ánh sáng mặt trăng, mặt trời, Đế Thích, Phạm thiên. Sau đó ánh sáng lại mất. Tất cả đại chúng đều chăm chăm nhìn Đức Như Lai. Lúc này mọi vật đều yên lặng, không một tiếng động, chỉ nghe thấy hơi thở ra vào. Đại đức Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì sao có ánh sáng đó, tất cả mọi người đều nghi ngờ?

Phật nói:

–Cách đây vô số cõi nước về phía Đông, có Bồ-tát tên Bất Thuấn và một vạn Bồ-tát định đến đây, mong được nghe kinh vi diệu này.

Phật chưa dứt lời, Bồ-tát Bất Thuấn đã đến chỗ Phật, cúng dường vô số hương hoa và trỗi nhạc dâng Phật, cúi lạy Phật, đi quanh bên phải, rồi an tọa trên tòa sen báu bên cạnh. Khi ấy, Tu-bồ-đề

thưa:

–Thế Tôn! Cõi nước của Bồ-tát Bất Thuấn cách đây xa hay gần, cõi ấy tên gì? Đức Phật hiệu gì?

Phật nói:

–Tu-bồ-đề! Cách đây vô số cõi nước bằng số cát trong bảy vạn hai ngàn sông Hằng về phía Đông, có cõi nước tên Bất Thuấn, Phật hiệu Phổ Hiền, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Bồ-tát Bất Thuấn đến từ cõi ấy.

Lúc ấy, Bồ-tát Bất Thuấn quỳ gối, chắp tay, nói kệ tán thán Phật:

Như Lai Thế Tôn chúng bảo tụ
Đầy đủ tất cả Ba-la-mật
Pháp Sư vô thượng trời trong trời
Xin lễ kính Đấng vì chúng sinh.
Giới định tịch tĩnh không lay động
Trí tuệ vô thượng điều phục chúng
Vì mọi chúng sinh giảng kinh này
Con xin quy y Sư Tử Chúa.
Đem lại an lạc cho trời người
Chúng sinh thích ngắm như mặt trăng
Đầy đủ oai lực trừ quân ma
Con xin nương tựa cây thuốc lớn.

Thành tựu căn lành thí cam lồ
Cứu chúng sinh vượt biển sinh tử
Con xin quy y Đấng Vô Thượng
Đầy đủ ba mươi hai tướng tốt.
Thế Tôn trang nghiêm đại chúng này
Tựa núi Tu-di hiển bốn cõi
Tiếng vang mười phương không chướng ngại
Con xin kính lễ Đấng Tượng Vương.
Trí tuệ Như Lai tựa hư không
Thông đạt ba đời không chướng ngại
Tùy thuận chúng sinh diễn giảng pháp
Con xin kính lễ Tự Tại Vương.
Trải vô số kiếp siêng tu học
Tất cả đều hơn Bồ-tát bạn
Pháp Phật đạt được như Phật trước
Con nay kính lễ Nhất Thiết Giác.
Chư Phật mười phương đều khen ngợi
Đầy đủ tinh tấn, trí thù thắng
Vô số chúng sinh đã nghe được
Đồng lòng phát khởi tâm Bồ-đề.
Không hề chán nghe pháp vi diệu
Lại còn khuyên dạy mọi quần mê
Thuyết giảng tánh pháp vốn thanh tịnh
Con xin cúi lạy Đại Pháp Vương.

Nói kệ xong, Bồ-tát Bất Thuấn bạch Phật:

–Thế Tôn! Con xin hỏi vài ý trong kinh Đại Tập này, xin Như Lai thương xót chấp nhận cho.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Tùy ý hỏi, Như Lai sẽ giảng rõ.

Được Phật nhận lời, Bồ-tát Bất Thuấn vui mừng thưa:

–Thế Tôn! Đại Bồ-tát tu Tam-muội gì sớm thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng và hành trì trọn vẹn các pháp như đại niệm, đại trí, ý lớn, hổ thẹn, dũng mãnh, bố thí, pháp Hỷ, lên núi Xả, giảng pháp hàng phục ma oán, trừ tà kiến, gần gũi chư Phật, Bồ-tát bạn, được hóa thân, không mất niệm, tin sâu Đại thừa, đem lại trí sáng vô thượng cho chúng sinh, không bị nhiễm ô trong pháp thế gian, như bốn đại, như đất, lợi ích tất cả chúng sinh; như nước rửa sạch nhơ uế, như lửa thuần thục căn lành, như gió, thông tỏ giới, văn, tuệ; tu tập Từ bi như hư không, mắt tuệ thấy rõ như Đế Thích, tâm tự tại như Tự tại thiên, dạy đời bằng chánh pháp như Chuyển luân vương, tích tụ phước đức như núi Tu-di, không ghét pháp lành, chứa nhóm châu báu lành như biển lớn, suy nghĩ nghĩa sâu mầu của mười hai nhân duyên, không hề lo sợ như sư tử chúa, đủ của báu lành như thương gia, tất cả đều nương về như thầy thuốc giỏi, đem lại ánh sáng cho đời như đuốc lớn, trừ tối như mặt trời, mát mẻ như mặt trăng, phiền não không nhiễm như hoa sen, đầy đủ pháp vi diệu của Phật như trăng tròn?

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Có thể hỏi được nghĩa lý đó! Hãy lắng nghe, Như Lai sẽ giảng rõ.

Thiện nam! Bồ-tát nào tu tập Tam-muội Nhất thiết pháp tự tại thì sẽ thành tựu các việc trên, đạt vô lượng, vô biên phước đức, sớm chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Khi thành Phật sẽ có đầy đủ mọi thứ trên đời.

Thiện nam! Tam-muội Nhất thiết pháp tự tại là tin Phật, Pháp, Tăng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Ấm, Nhập, Giới, Không, Vô tướng, Vô nguyện, sự sinh diệt của mười hai duyên, nhân quả nghiệp báo trong ngoài, tin sự mở, lấp, quán tất cả pháp như huyễn, hóa, tiếng vang, sóng nắng, trăng dưới nước, lông rùa, sừng thỏ, hoa trong không, con của thạch nữ, như mơ thấy mặc áo bóng, cỡi voi trắng, nào có, nào không, có không, không phải: Có, không, thường đoạn, sinh, diệt, trong, ngoài, thấy, trừ. Tin các việc đó là tin việc lớn của Bồ-tát, không tự khinh. Sự nghiệp của Bồ-tát dù lớn lao ta vẫn biết được, tâm tự tại, bố thí, giữ giới, không cản trở, thương yêu chúng sinh, thường tu nhẫn nhục, không thoái lui, siêng năng tu tập, tu trí tuệ để giúp chúng sinh trừ phiền não, tu tập Tam-muội để đoạn vọng tưởng, tiếng nói hay, chúng sinh thích nghe; niệm Phật, quán sự bình đẳng không hai của các Đức Phật; niệm pháp,

quán tất cả pháp cùng một tánh tướng; niệm Tăng, quán chư Tăng không thoái chuyển; niệm xả, bỏ tất cả phiền não; niệm giới, nhớ giới Phật; niệm thiên, nghĩ đến thân sau; làm thanh tịnh thân, khẩu, ý, không tùy người bố thí, đầy đủ giới, định, tuệ, trọn vẹn ba mươi hai tướng tốt; bố thí vô số vật thành tựu tám mươi vẻ đẹp; trang nghiêm trí tuệ, đủ bốn Niệm xứ; đoạn trừ phiền não, đủ bốn Chánh cần; để tâm tự tại, đủ bốn Như ý, trừ dẹp ma oán, tu tập Tín căn; hiểu đúng các pháp nên tu tập Tín căn. Để giúp chúng sinh nhớ biết tội lỗi, tu tập Niệm căn; làm thanh tịnh tâm chúng sinh nên tu Định căn; đứng đầu trong tất cả pháp nên tu tập Tuệ căn; vì không muốn hư hoại nên tu tập năm Lực; thật biết tất cả pháp, tu bảy Giác phần; thật biết đạo, phi đạo, tu tám Chánh đạo; thích nhàn tịnh, ít muốn, biết đủ. Xa lánh kẻ ác; tuy thông tỏ tất cả nhưng không kiêu mạn, không chấp phiền não, không giận chúng sinh, không nghi sự hiểu biết của người, không chấp ngã, sở hữu ngã, luôn tu tập để độ sinh, nhớ ân sư trưởng, hòa thượng, cha mẹ, bạn lành, tìm cách đền đáp ân xưa, không chê cười người hủy giới, bỏ gánh nặng, quán rõ về ấm, không tranh chấp, hộ trì pháp, giữ gìn giới, thân giữ người trì giới và hộ pháp nghe pháp, niệm pháp, cúng dường pháp, không nghi chánh pháp, diễn giảng không vì cầu vật lợi, chuyên tâm thuyết giảng, không xem

thường, không tự kiêu để phát mầm lành nên nhớ rõ các pháp, thăm hỏi chăm sóc bệnh nhân, cúng dường Pháp sư, không nêu lỗi, không để ý đến dòng họ, giới, phi giới, chuyên tâm thích nghe pháp, thỉnh pháp đúng thời, diễn giảng giáo hóa, không kiêu mạn, nghe hiểu nghĩa lý, không tự cao, không để ý lỗi người, nghe pháp để biết đủ, để giống Phật còn mãi, để đạt trí túc mạng vô ngại, để thấy tánh pháp, để phát tâm Bồ-đề vô thượng, hộ trì chánh pháp của Như Lai, để được ở trong dòng họ tôn quý, để gặp Phật, Pháp, Tăng, đạt tâm kiên cố không thoái chuyển, hành hạnh Thánh vào hàng Thánh, được vô số tài bảo, đạt vô lượng công đức, được âm thanh Phạm thiên, đầy đủ công đức của Phật, trọn vẹn pháp Bồ-tát, thọ trì, đọc tụng, biên chép tạng pháp và Ma-di của Bồ-tát, để thọ trì và thuyết giảng các pháp.

Thiện nam! Đại Bồ-tát thành tựu Tam-muội Nhất thiết pháp tự tại sẽ thông đạt tất cả.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Cung kính tin tưởng Phật, Pháp, Tăng
Tin sâu bốn Đế pháp chân thật
Thành tựu trí tuệ không chướng ngại
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Biết rõ pháp Khổ đế thứ nhất
Đoạn trừ tất cả nhân Tập đế
Chứng đạt Diệt đế pháp thứ ba
Tu tập Đạo đế pháp Vô thượng.

Thành tựu trọn vẹn tâm đại Bi
Quán sát các ấm tựa hư không
Đầy đủ oai nghi luôn tịch tĩnh
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Tánh tướng sáu nhập tựa hư không
Quán sát như thế điều phục căn
Chặt đứt lưới nghi của chúng sinh
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Tu tập Vô tướng, Không, Vô nguyện
Đoạn trừ tất cả tâm kiêu mạn
Hết thảy các hành không đen tối
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Trừ các chấp đoạn và chấp ngã
Thanh tịnh thân khẩu và ý nghiệp
Tâm không chấp trước pháp hữu vi
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Nghĩa lý diễn giảng không điên đảo
Điều phục tất cả các chúng sinh
Tuy giảng chánh pháp, không kiêu mạn
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Tu tập tất cả các pháp lành
Không bị ô nhiễm nơi phiền não
Tâm không nhiệt não, không nhơ uế
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Cầu pháp Bồ-đề không vì người
Tu tập pháp lành không dối gạt
Chư Phật mười phương quán tâm tánh

Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Thích tu bố thí, giữ gìn giới
Nhẫn nhịn kẻ ác, thương chúng sinh
Siêng năng, tu định và trí tuệ
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Tu tập tâm Từ vì chúng sinh
Không hề phân biệt oán và thân
Đem đến pháp lạc cho muôn loài
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Điều phục chúng sinh bằng Bồ-đề
Tu Xả, lìa dục, luôn an lạc
Chuyên tâm tu tập năm Thần thông
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Đại chúng thích nghe pháp mình giảng
Nghĩa lý rộng sâu như biển lớn
Thật biết tánh tất cả các pháp
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Quán sát thân Phật như các pháp
Tánh Phật tánh pháp không sai khác
Tâm luôn hộ pháp, không thoái chuyển
Là đạt Tam-muội pháp tự tại
Thân, khẩu, ý nghiệp luôn tịch tĩnh
Đầy đủ giới định tâm vô vi
Đoạn trừ tập khí của phiền não
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Chứng đạt giải thoát pháp vô thượng
Đầy đủ trí biết pháp chân thật
Tu tập vô số pháp định, tuệ

Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Không bố thí vật không thanh tịnh
Không thọ tất cả giới không tịnh
Thành tựu trọn vẹn ba mươi hai tướng
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Tu tập tất cả các pháp thí
Đầy đủ tám mươi vẻ tốt đẹp
Tự tại trong pháp của chư Phật
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Tu tập đầy đủ bốn Niệm xứ
Bốn pháp Chánh cần đoạn phiền não
Bốn pháp Như ý độ chúng sinh
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Tu tập Trí căn vào pháp Phật
Diệt trừ quân ma bằng năm Lực
Tu bảy Giác phần biết các pháp
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Tu tám Thánh đạo lấp đường tà
Đem đến pháp lạc cho chúng sinh
Tâm không kiêu mạn, tự tôn mình
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Người nào tu tập định tự tại
Đoạn trừ tất cả các phiền não
Gần gũi chư Phật và Bồ-tát
Thích tu ít muốn và biết đủ.
Để được vào hàng các Thánh nhân
Tu tập đại Bi, độ mọi loài
Không vì lợi dưỡng giảng pháp Phật

Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Vì pháp không hề tiếc thân mạng
Hộ trì chánh pháp không tiếc của
Luôn thích tu tập hai pháp thí
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Khuyên dạy chúng sinh nghe thọ pháp
Không khi những kẻ chưa hiểu pháp
Giữ giới không vì hơn người khác
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Trải vô số kiếp nghe học pháp
Chuyên tâm thọ trì, dạy chúng tu
Pháp sư tối thượng bậc thầy lớn
Không chấp thời tiết, giới, phi giới.
Siêng năng diễn giảng không ngừng nghỉ
Luôn đúng thời cơ, tùy chúng sinh
Tất cả các pháp đều như huyễn
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Lời nói chân thật, người thích nghe
Nghe rồi an trụ như lời dạy
Tâm không tham lam, không ghen ghét
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Không giận không khinh người hỏi pháp
Luôn luôn thương yêu, không hai tướng
Thanh tịnh đoạn trừ mọi tội lỗi
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.

Đầy đủ bảy loại tài vô thượng
Thành tựu thọ mạng mạng vô thượng
Trọn vẹn mười Lực, bốn Vô úy
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Luôn thích nghe pháp, tư duy kỹ
An ổn trụ trong pháp của Phật
Lại vì chúng sinh thuyết pháp Phật
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Không mất chủng tánh của Bồ-đề
Cúng dường Tam bảo, đạt hóa thân
Giáo hóa đại chúng đủ Bồ-đề
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Đôi mắt thanh tịnh thấy chư Phật
Tiếng nói vi diệu như Phạm âm
Tiếng ấy vang xa mười phương cõi
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Bố thí của cải không cùng tận
Đủ trí giảng pháp không hề vơi
Cúng dường hòa thượng nuôi cha mẹ
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Thành tựu trọn vẹn Trí túc mạng
Không mất tâm Bồ-đề vô thượng
Không chán sáu pháp Ba-la-mật
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Vì để lợi ích mọi quần sinh
Thọ Tạng Bồ-tát và Ma-di
Vui vẻ giảng diễn cho chúng sinh
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.

Không còn suy nghĩ về pháp ác
Thấy rõ cõi nước ở mười phương
Một tâm biết hết vô số tâm
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Một tâm biết rõ việc ba đời
Tu tập vô lượng pháp thần thông
Đạt thân tối hậu trí vô ngại
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Thương yêu chúng sinh tu đại Bi
Quán sát các căn, tùy ý giảng
Tự tại sống trong pháp của Phật
Là đạt Tam-muội pháp tự tại.
Những ai nghe được các việc này
Chuyên tâm thọ trì, luôn tin thuận
Sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng
Như Đức Thế Tôn thời quá khứ.

Bấy giờ, Bồ-tát Bất Thuấn bạch Phật:

–Thế Tôn! Đại Bồ-tát thành tựu pháp gì mà chứng đắc Tam-muội các pháp tự tại?

Phật nói:

–Thiện nam! Bồ-tát hành trì trọn vẹn một pháp là có thể thành tựu Tam-muội ấy. Đó là không chấp pháp.

Lại có một pháp: Không chấp giới. Vì sao? Vì không chấp giới thì không chấp pháp lành, đầy đủ giới là thành tựu tất cả pháp Phật, đạo đạo vô thượng, đủ lợi ích. Vì thế ta dạy: Giới là nguồn

gốc của tất cả pháp lành, là đèn lớn. Nếu chấp giới sẽ trở ngại đạo Bồ-đề, không phải đạo Bồ-đề. Nếu chấp pháp sẽ cách xa đạo Bồ-đề. Nếu không chấp sẽ gần kề đạo Bồ-đề.

Lại có hai pháp, nếu Bồ-tát trọn vẹn sẽ đạt Tam-muội kia. Đó là tu tập Xa-ma-tha, phương tiện của Bồ-đề; tu tập Tỳ-bà-xá-na, phương tiện của pháp lành.

Lại có ba pháp để Bồ-tát đạt Tam-muội kia, không bỏ chúng sinh, tu Tam-muội Không; không bỏ pháp, tu Tam-muội Vô tướng; tìm trong các cõi tu Tam-muội Vô nguyện.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Điều phục chúng sinh tu tập Không
Hộ trì chánh pháp tu Vô tướng
Không bỏ các cõi tu Vô nguyện
Sẽ đạt Tam-muội pháp tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Có bốn pháp để đạt Tam-muội: Đầy đủ phương tiện bốn Đế, trọn vẹn bốn Tâm vô lượng; đủ bốn Trí vô ngại, trọn bốn Nhiếp pháp.

Lại có năm pháp: Năm Thần thông; năm Căn; năm Lực; trí chân thật quán năm ấm; năm mắt.

Lại có sáu pháp: sáu pháp Ba-la-mật; sáu niệm; trí tuệ quán sáu nhập, xa cách sáu nẻo, đủ sáu Thông, sáu pháp Hòa kính.

Lại có bảy pháp: không tham, trừ phiền não;

không giận chúng sinh; không nghi pháp; đủ trí vô ngại, không chấp năm ấm; quán mười hai nhân duyên, không nghi ngờ; thành tựu trí tuệ vô thượng; thành tựu Tam-muội vô thượng.

Lại có tám pháp: tu tập tám Chánh đạo; xa tám đường tà; trừ tám nạn; đủ tám sự giác ngộ của bậc Đại nhân; trọn tám Giải thoát; tám thắng xứ; chuyên niệm Bồ-đề; đoạn tập khí phiền não.

Lại có chín pháp: Không mất tâm niệm; hiểu nghĩa sâu xa; trừ nghiệp ma; đủ Tam-muội Phật; thanh tịnh thân, khẩu, ý; đủ phương tiện; oai nghi thuần thiện; siêng tu sáu pháp Ba-la-mật; không tu đạo Thanh văn, Bích-chi-phật.

Lại có mười pháp: đủ trí Phật; đủ trí không phân biệt pháp giới; không dao động trong tánh chân thật; đủ trí tuệ bình đẳng ba đời; đủ trí biết tâm chúng sinh bình đẳng; đủ trí biết các căn thượng, trung, hạ; đủ bốn Trí vô ngại; trọn tám môn giải thoát; trí biết các pháp cùng một vị; trí biết các pháp không sinh diệt.

Lúc Phật giảng nói pháp này, có ba vạn hai ngàn Đại Bồ-tát đạt Tam-muội Nhất thiết pháp tự tại.

Lúc ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề thưa với Bồ-tát Bất Thuấn:

–Ba vạn hai ngàn Bồ-tát trong chúng đã đạt Tam-muội ấy. Thiện nam! Ông đã đạt chưa?

Bồ-tát Bất Thuấn đáp:

–Đại đức! Không có pháp nào được gọi là đạt Tam-muội, tôi làm sao đạt. Cái gọi là "chứng đạt" chỉ là điên đảo. Điên đảo là ngã, sở hữu ngã. Bồ-tát nếu chấp ngã, sở hữu ngã thì không thể đạt Tam-muội ấy.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Đại Bồ-tát an trụ nơi nào để đạt Tam-muội ấy?

Bồ-tát Bất Thuấn đáp:

–Như pháp mà Tu-bồ-đề an trụ đạt giải thoát, Bồ-tát cũng an trụ để đạt Tam-muội.

Tu-bồ-đề nói:

–Tôi thật không trụ trong các pháp nên đạt giải thoát.

–Đại đức! Cũng thế, Đại Bồ-tát không an trụ nơi pháp nào nên đạt Tam-muội.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Thiện nam! Đại Bồ-tát không trụ Không, Vô tướng, Vô nguyện có đạt Tam-muội chăng?

Bồ-tát Bất Thuấn đáp:

–Không, Vô tướng, Vô nguyện có thể trụ sao?

–Không thể, thiện nam!

–Đại đức! Vì thế nơi mà Không, Vô tướng, Vô nguyện an trụ là đạt Tam-muội.

–Thiện nam! Tam-muội đó trụ nơi nào?

Bồ-tát Bất Thuấn đáp:

–Như tất cả pháp an trụ nơi tánh chân thật, Tam-muội này cũng thế. An trụ nơi tánh chân thật của các pháp là sự giải thoát của bậc Thánh. Sự giải thoát của bậc Thánh là không nơi trụ, trụ nơi không trụ là trụ tất cả pháp. Tất cả pháp không trụ nơi phiền não, không trụ vào giải thoát.

Đại đức! Đạt giải thoát có phiền não hay không phiền não?

–Thiện nam! Không phải có, không phải không có.

–Đại đức! Nếu không phải có không phải không có làm sao được gọi là giải thoát?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thiện nam! Nếu pháp giới có trói buộc, ta sẽ giải thoát. Song tính của pháp giới không có tướng buộc, mở, không phải: Tướng, phi tướng, cũng chủng chủng tướng, một tướng, nhiều tướng. Giải thoát cũng thế.

Lúc Tôn giả Tu-bồ-đề nói pháp này có tám ngàn Tỳ-kheo đạt quả A-la-hán.

Tu-bồ-đề lại nói với Bồ-tát Bất Thuấn:

–Thiện nam! Như Phật nêu giảng, đầy đủ các pháp là đạt Tam-muội, ông đã đạt đầy đủ chưa?

Bồ-tát Bất Thuấn đáp:

–Đại đức! Tất cả các pháp là không trụ, căn. Nếu các pháp không căn tức là không trụ, không

trụ là không tạo tác, đã không tạo tác làm sao trụ?

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu không trụ, vì sao Như Lai thường giảng an trụ pháp đạt Nhẫn vô sinh.

Bồ-tát Bất Thuấn đáp:

–Đại đức! Không nơi trụ là trụ. Vì thế, Như Lai dạy trụ nơi tham, đạt giải thoát. Song tánh của trí tuệ không thể hủy hoại tham, trụ giải thoát. Bồ-tát hiểu được trụ mà không trụ, được gọi là trí tuệ vô sinh. Trụ trong trí tuệ vô sinh là đạt Nhẫn vô sinh.

Lại nữa, Đại đức! Bồ-tát không rời pháp phàm phu nhưng lại biết pháp Thánh, dùng tâm phàm phu quán pháp Thánh, dùng tánh pháp Thánh quán sát pháp nhẫn, từ tánh nhẫn quán nhẫn, từ nhẫn quán tất cả pháp. Biết như thế là đạt Nhẫn vô sinh nhẫn.

Lại nữa Đại đức! Bồ-tát quán hai cõi: Cõi chúng sinh và pháp giới, dùng tánh pháp giới quán tánh chúng sinh, dùng tánh chúng sinh quán tánh pháp giới. Ngoài pháp giới không có cõi chúng sinh. Pháp giới, chúng sinh giới không sinh không diệt. Biết được gọi là trí vô sinh. Trí vô sinh tức là Nhẫn vô sinh.

Lại nữa Đại đức! Đại Bồ-tát biết các pháp có từ mười hai duyên sinh, từ sáu cảnh giới tạo sáu nhân duyên thiện, bất thiện. Thiện, bất thiện tức

là không sinh diệt. Vì sao? Vì tánh của cảnh giới không thể sinh pháp, sáu nhập cũng thế, không thể sinh pháp. Vì sao? Vì tánh không sinh. Nếu sáu nhập có thể sinh pháp thì luôn sinh, không cần các duyên bên ngoài. Nếu cảnh giới có thể sinh pháp thì luôn sinh, không cần duyên bên trong. Nếu đều sinh thì có hai tướng. Tánh của pháp hai tướng là không chân thật. Biết như thế được gọi là Nhẫn vô sinh. Đạt được trí tuệ chân thật đó là Bồ-tát đạt Nhẫn vô sinh.

Lại nữa Đại đức! Bồ-tát thành tựu trọn vẹn hai thứ trang nghiêm: Phước đức, trí tuệ, quán biết hai pháp đó bình đẳng không hai. Tuy biết như thế nhưng không cho là mình biết, không chấp vào sự hiểu biết, đó là Nhẫn vô sinh.

Lại nữa Đại đức! Đại Bồ-tát thân ý tịch tĩnh, quán pháp tịch tĩnh. Pháp đã tịch tĩnh quán Bồ-đề tịch tĩnh. Bồ-đề đã tịch tĩnh, quán nhẫn tịch tĩnh, không tùy cái khác, không chấp trong ngoài, đó là pháp Nhẫn vô sinh của Bồ-tát.

Lúc giảng nói pháp này, Bồ-tát Bất Thuấn và năm trăm Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Bất Thuấn:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! pháp Nhẫn vô sinh mà ông giảng nói chính là pháp của chư Phật đã giảng.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát đạt tâm tự tại là

thành tựu Tam-muội các pháp tự tại. Thế nào là thân tự tại?

Thiện nam! Bồ-tát trừ tham ái, được thân Đế Thích, Chuyển luân vương, tuy giảng về năm dục lạc cho vô số chúng sinh nhưng nội tâm không tham đắm. Đó là Bồ-tát đạt tâm tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Khi Bồ-tát tu tập Tam-muội, bốn Tâm vô lượng, cầu sinh các cõi bằng tâm trí tuệ, không phải bằng tâm sinh tử. Tuy sinh vào cõi Dục nhưng không phải từ tâm dục, tâm không xa lìa Tam bảo, tu tập trang nghiêm các pháp Ba-la-mật, giáo hóa, điều phục chúng sinh bằng bốn Nhiếp pháp, tu ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Đó là Bồ-tát đạt tâm tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát tu Không, Vô tướng, Vô nguyện nhưng không chứng ba pháp ấy, dạy cho chúng sinh hiểu ba pháp ấy, điều phục hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, nhập chánh định, tu vô sinh nên thuyết pháp, nghe xong chúng sẽ giải thoát, riêng mình không chứng Bồ-đề, dạy chúng sinh không bỏ Bồ-đề. Đó là Bồ-tát đạt tâm tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Để điều phục hàng Thanh văn, Bích-chi-phật nhập vô sinh chánh định tụ, Bồ-tát cũng đạt diệt định, thông đạt tất cả hành trong xuất nhập của các Tam-muội. Tuy thành tựu như thế vẫn không thủ chứng Tam-muội diệt tận.

Vì sao? Vì chưa đầy đủ pháp Phật. Đó là Bồ-tát đạt tâm tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát quán pháp giới bằng trí bình đẳng, quán thế gian, chúng sinh, việc thuyết giảng, phương tiện đều như thế. Đó là Bồ-tát đạt tâm tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát được sinh vào cõi trời Trường thọ, thọ mạng chưa hết nhưng vì điều phục chúng sinh lại sinh vào cõi có mạng sống ngắn ngủi. Đó là Bồ-tát đạt tâm tự tại.

Lại nữa, thiện nam, Bồ-tát đầy đủ pháp lạc, bỏ pháp lạc, chịu khổ não vì chúng sinh, bảo hộ chúng sinh là để hộ trì chánh giác. Đó là Bồ-tát đạt tâm tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát tuy thị hiện như Thanh văn, Bích-chi-phật nhưng tâm luôn hộ niệm đạo Bồ-đề, tu hạnh vi diệu của Bồ-đề, tùy thuận thuyết giảng cho Thanh văn, Bích-chi-phật nhưng không thủ chứng. Đó là Bồ-tát đạt tâm tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát hiểu rõ tám vạn bốn ngàn pháp môn, biết nơi ở của phiền não, để trừ diệt mọi phiền não nơi chúng sinh, Bồ-tát vào đó, thuyết giảng giáo pháp, nhưng không bị phiền não nhiễm ô. Đó là Bồ-tát đạt tâm tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát đầy đủ thần thông, thấy kẻ đui, điếc, què quặt, Bồ-tát hiện thân như chúng, giảng pháp cho chúng. Đó là Bồ-tát đạt tâm

tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát trọn vẹn trí tuệ, thông đạt các học thuyết bên ngoài, hiểu rõ tà luận, nội tâm không chấp tà, vì điều phục chúng sinh nên tu đạo ấy. Đó là Bồ-tát đạt tâm tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát trọn vẹn các việc như thế được gọi là đạt tâm tự tại; đạt Tam-muội Nhất thiết pháp tự tại.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát Bất Thuấn đạt Tam-muội này lúc nào?

Phật nói:

–Cách đây vô lượng a-tăng-kỳ kiếp ở thời quá khứ, có Đức Phật hiệu Tự Tại Vương, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, cõi nước tên Tịnh, kiếp cũng tên Tịnh. Cõi ấy, đất đai bằng phẳng, trang nghiêm bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê, cờ, phướn, lọng, thức ăn dồi dào như cõi trời Đâu-suất. Chúng sinh ở đó ít có tham, sân, si, phần đông là căn trí lanh lợi, hiểu lời Phật, thích pháp Đại thừa vô thượng. Đức Phật có tám vạn bốn ngàn chúng Đại Bồ-tát, ba vạn hai ngàn Thanh văn. Lúc đó trong đời có vua Chuyển luân tên Quảng Trì, hiệu Pháp Sĩ. Nhà vua có đủ bảy báu: xe, voi, ngựa, ngọc nữ, châu, binh, chủ

tạng, một ngàn người con, cai trị khắp bốn thiên hạ bằng chánh pháp, không dùng hình phạt, thương yêu chúng sinh, dạy mười pháp lành, dân chúng ai cũng vui học. Ngàn con vua đều phát tâm Bồ-đề vô thượng. Vua cúng dường y phục, thức ăn, thuốc men, nhà cửa, giường nằm lên Phật, Bồ-tát, Thanh văn suốt một vạn năm. Sau đó, vua phát tâm Bồ-đề vô thượng, tu tập ba mươi bảy phẩm Trợ đạo để cầu đạo vô thượng. Thời ấy, Đức Phật trụ đời tám vạn bốn ngàn năm. Vua có một người con tên Pháp Ngữ, xuất gia học Phật, siêng năng tu tập, thanh tịnh giới đức, để đạt Bồ-đề vô thượng, Tỳ-kheo Pháp Ngữ suốt hai vạn năm không ngủ nghỉ, không giây phút nào khởi tâm tham, sân, si, giác quán ác, không nghĩ đến cha mẹ, bà con, thức ăn, vật dụng…, không tính đếm ngày giờ. Trong hai vạn năm luôn niệm Phật.

Tu-bồ-đề! Tỳ-kheo Pháp Ngữ siêng năng tu tập đạt bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc. Sau đó Tỳ-kheo đến chỗ Phật, lạy Phật, đi quanh ba vòng, lui đứng một bên, bạch Phật:

–Thế Tôn! Con phát tâm Bồ-đề vô thượng, đem lại an lạc cho tất cả chúng sinh, điều phục mọi loài, xin Thế Tôn thương xót chỉ dạy, con giáo hóa chúng sinh, thuyết giảng giáo pháp, bằng cách nào?

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Có tám pháp Đà-la-ni, ai thành tựu sẽ được ngôn ngữ vô ngại, đủ khả năng thuyết giảng giáo pháp. Tám pháp đó là: Niệm Phật, biết Pháp thân; niệm Pháp biết pháp thanh tịnh; niệm Tăng biết không ngại; tư duy chân thật trừ giác quán ác; biết ngôn ngữ không thể nói; tu Xa-ma-tha biết các pháp cùng một vị; tu Tỳ-bà-xá-na biết tánh các pháp vốn tịnh; tu trí phương tiện đạt nhẫn. Tỳ-kheo hành đủ tám Đà-la-ni này giảng pháp độ sinh được. Tỳ-kheo! Lại có tám pháp tinh tấn, nếu trọn vẹn sẽ giáo hóa chúng sinh được: Cầu pháp, trì pháp, quán pháp, thuyết pháp, hộ pháp, cúng dường Pháp sư, ủng hộ người thọ trì pháp, an trụ đúng pháp. Lại có tám pháp giúp Bồ-tát có thể giáo hóa chúng sinh; tu Từ, bình đẳng quán chúng sinh; tu Bi điều phục chúng sinh; quán pháp, đạt pháp vô thượng; quán trí, trừ kiêu mạn; hộ trì chúng sinh, đem đến pháp lạc; khéo tư duy, đoạn phiền não; tu pháp trợ đạo trang nghiêm Bồ-đề; hộ pháp; trọn vẹn sáu Độ.

Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đầy đủ các pháp như thế sẽ đủ khả năng giáo hóa chúng sinh. Lúc đó, Tỳ-kheo nghe Phật dạy, suốt mười ngàn năm, chuyên tâm tư duy, siêng năng đạt pháp ấy. Nhờ siêng năng đạt Đà-la-ni Vô tận khí, nên hiểu biết tất cả ngôn ngữ của chúng sinh, tùy thuận giảng nói. Sau khi đạt Đà-la-ni này, Tỳ-kheo lại có vô số biện tài, đi khắp xóm làng thành ấp, giáo hóa chúng sinh tu

pháp ba thừa, giảng pháp cho cha mẹ, bà con thân thuộc, khiến họ chứng pháp nhẫn tùy thuận.

Tu-bồ-đề! Tỳ-kheo lại đến chỗ Phật, lạy Phật, đi quanh bên phải ba vòng, lui đứng một bên, bạch Phật:

–Thế Tôn! Như lời Phật dạy, con đã chứng đạt. Nhờ thần lực của Phật con thành tựu trí tuệ Thánh.

Thế Tôn! Có Tam-muội nào, khi Bồ-tát đã đạt, tâm không thoái chuyển, nuôi lớn pháp lành không?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Có Tam-muội tên Nhất thiết pháp tự tại, Bồ-tát đạt được, tâm không thoái chuyển, tăng trưởng vô lượng pháp lành.

Nghe tên Tam-muội, Tỳ-kheo thưa Phật:

–Thế Tôn! Bồ-tát tu tập, học hỏi, thực hành như thế nào để đạt Tam-muội kia?

–Tỳ-kheo! Bồ-tát tu tám pháp, tám trang nghiêm và tám phát tâm sẽ thành tựu Tam-muội kia. Đó là tám pháp: Tịnh tâm; chí tâm; bố thí; trừ phiền não; quán sáu cõi; tu nhẫn; tu định; thân tâm tịch tĩnh. Tám trang nghiêm: Xả, giới, công đức, trí, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, phát tâm Bồ-đề, trang nghiêm tất cả pháp Phật. Tám phát tâm: Phát tâm không có chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, tất cả các pháp đều thí; tất cả các pháp đều vô thường, khổ, vô ngã; hết thảy các pháp đều là Không, Vô

tướng, Vô nguyện; pháp vị lai không có trụ xứ; pháp hiện tại không có nơi dừng; tất cả các pháp không có nghiệp báo; tất cả các pháp không tạo tác, không lãnh thọ; tất cả pháp không hệ thuộc. Đầy đủ các pháp đó, Bồ-tát đạt Tam-muội trên.

Nghe vậy, Tỳ-kheo siêng năng tu tập. Không bao lâu, Tỳ-kheo đạt Tam-muội Nhất thiết pháp tự tại. Sau khi đạt Tam-muội, Tỳ-kheo phóng ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên cõi nước. Sau đó Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu lạy Phật, đi quanh bên phải ba vòng, bay lên hư không cao bằng một cây Đa-la, ngồi kiết già suốt một ngàn năm, không lay động, sống bằng pháp Hỷ, đạt trí nhạo thuyết vô ngại, giúp ba vạn sáu ngàn ức chúng sinh đạt tâm không thoái chuyển, vô số chúng sinh an trụ nơi ba thừa. Sau ngàn năm, Tỳ-kheo rời tòa, thưa:

–Như Lai Thế Tôn! Nhờ siêng năng tu tập, thành tựu đạo Bồ-đề vô thượng, không lười biếng.

–Thiện nam! Ông đã trải qua vô số kiếp, thành tựu vô lượng, vô biên công đức, nên sớm đạt thần thông như thế.

Thiện nam! Ông đã trồng căn lành nơi bảy vạn sáu ngàn ức Phật, tịnh tu phạm hạnh. Nhờ căn lành từ quá khứ nên đạt quả lành hiện tại.

Phật nói:

–Tu-bồ-đề! Ông biết không, Tỳ-kheo Pháp

Ngữ đạt Tam-muội thời đó đâu phải là người nào lạ, chính là Bồ-tát Bất Thuấn đấy. Bồ-tát đã thành tựu vô lượng công đức như thế.

Khi Phật nêu giảng pháp này, có ba vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng. Trong hư không Trời, Rồng, Thần, Càn-thát-bà rải hoa hương cúng dường Bồ-tát Bất Thuấn, cùng nói:

–Hôm nay, chúng con thấy Bồ-tát đạt lợi ích lớn.

Lúc đó, Tôn giả Tu-bồ-đề nói với Bồ-tát Bất Thuấn:

–Thiện nam! Ông đã tu tập tịnh hạnh từ nhiều kiếp?

Bồ-tát đáp:

–Đại đức! Phạm hạnh không phải quá khứ, hiện tại, vị lai. Đã không phải ba đời thì không tạo tác. Không tạo tác là hạnh. Hạnh đó không sinh, không tranh chấp, không giảng nói, không oai nghi.

Đại đức! Không phải hạnh mà mắt thấy biết nên là Phạm hạnh; không phải hạnh của tai, mũi, lưỡi, thân, ý nên là phạm hạnh; không phải hạnh của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không phải phạm hạnh của sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không phải: tướng, duyên, thấy, nghe, hay, biết, nên là phạm hạnh.

Đại đức! Các pháp đó không đến, đi, dừng, níu,

kéo, tính, đếm, trên, dưới, nên là phạm hạnh.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Thiện nam! Phạm hạnh là tám Chánh đạo.

Bồ-tát Bất Thuấn nói:

–Đại đức! Vì sao tám Chánh đạo là phạm hạnh? Nếu chánh kiến là phạm hạnh thì: Không thấy các pháp là chánh kiến, thấy các pháp bình đẳng, cái thấy không thấy là chánh kiến. Nếu không thấy làm sao gọi là chánh kiến? Không chánh kiến làm sao gọi là Phạm hạnh? Không tư duy là chánh tư duy. Tư duy là điên đảo. Nếu là điên đảo làm sao là chánh tư duy? Tất cả âm thanh đều bình đẳng: Thiện, ác, một, hai, quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả chữ, tất cả tiếng đều là tiếng vang. Nếu là tiếng vang làm sao gọi là chánh ngữ? Tiếng bình đẳng, tất cả pháp hành đều vô thường, khổ, vô ngã, Niết-bàn, tịch tĩnh. Quán sát các pháp, tướng Niết-bàn như thế rồi giảng dạy, đó được gọi là chánh ngữ. Không có: Thân, nghiệp thân; khẩu, nghiệp khẩu; ý, nghiệp ý. Vì sao? Vì không có nơi chốn của nghiệp. Nếu có nơi chốn của nghiệp thì sẽ có ngã, sở hữu ngã. Nếu không có ngã, ngã sở thì không có nghiệp quả. Quán như thế được gọi là chánh nghiệp. Vì mạng sống nên làm nhiều nghề tà ác. Trừ bỏ tà mạng được gọi là chánh mạng. Quán pháp đó không ngã, ngã sở, không có chúng sinh thọ mạng, sĩ phu. Nếu đã là không, làm

sao gọi là chánh mạng? Với nhãn thức sắc không tham đắm, tánh nhãn thức là không. Vì tánh của thức là không nên nhãn sắc cũng không. Nhãn, sắc, thức không nên ý thức pháp cũng vậy. Quán như thế được gọi là chánh mạng. Không điên đảo, đoạn tinh tấn được gọi là chánh tinh tấn. Không có pháp siêng năng, không người siêng năng, không có sự thành tựu trọn vẹn về tinh tấn, không có siêng năng vì lợi ích. Quán sát như thế được gọi là chánh tinh tấn. Quán tất cả các pháp bình đẳng như hư không, các pháp là không, ấm nhập giới cũng thế. Quán các pháp như vậy được gọi là chánh niệm. Quán tất cả các pháp đều bình đẳng, không ngã, ngã sở. Quán như thế là chánh định.

Đại đức! Quán tánh của tất cả pháp bình dẳng là tám Chánh đạo. Đó là Phạm hạnh. Không thể đếm là tám Chánh đạo, không phải tám Chánh đạo được gọi là phạm hạnh. Không phải đạo thế gian, không phải tâm chấp trước, không hai tướng, không có tướng tạo tác, các pháp không có nơi dừng nên được gọi là Phạm hạnh.

Lúc Bồ-tát Bất Thuấn giảng về Phạm hạnh, có năm trăm Tỳ-kheo đoạn trừ phiền não, đạt quả A-la-hán. Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Đã thuyết pháp ấy. Pháp mà các A-la-hán đoạn trừ phiền não thuyết giảng cũng không khác.

–Đại đức! Tôi đã đoạn trừ phiền não, cũng là A-la-hán. Tôi đã đoạn các phiền não của Thanh văn, Duyên giác, an trụ đúng pháp, được gọi là A-la-hán.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế Tôn! Bồ-tát Bất Thuấn đủ trí nhạo thuyết vô ngại biện tài không thể nghĩ bàn, giải đáp tất cả.

Phật nói:

–Tu-bồ-đề! Bồ-tát Bất Thuấn đạt Tam-muội Nhất thiết pháp tự tại. Tất cả Trời, Người, Ma, Phạm không thể cản trở trí nhạo thuyết vô ngại của Bồ-tát.

Bấy giờ, Đế Thích bạch Phật:

–Thế Tôn! Người tu tập trong vô số đời, đủ vô lượng công đức mới có thể thấy Bồ-tát Bất Thuấn, được nghe pháp.

Thế Tôn! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ thọ trì, đọc tụng, biên chép, thuyết giảng, nghe pháp đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, tất cả đều như Bồ-tát Bất Thuấn, gầm tiếng sư tử.

Thế Tôn! Con sẽ ủng hộ người đó.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Kiều-thi-ca! Ông hãy chuyên tâm hộ trì chánh pháp.

Phạm vương lại thưa Phật:

–Thế Tôn! Con đã tu Tam-muội xả định, con

sẽ bỏ pháp lạc để ủng hộ pháp Phật, trừ khổ não. Bất cứ nơi nào có thuyết giảng con đều đến đó, chuyên tâm nghe nhận. Nơi nào tin kinh này, cúng dường Tam bảo, con sẽ diệt trừ tất cả tướng ác ở đó, để cõi ấy thanh tịnh, thấm nhuần trong giáo pháp Phật.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Phạm vương! Ông thật là người ủng hộ Phật pháp. Người bảo vệ chánh pháp như thế luôn có được ngọc báu Tam bảo.

Tứ Thiên vương lại bạch Phật:

–Thế Tôn! Con cũng bảo vệ người thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, biên chép kinh này.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Người biết pháp mới có thể hộ trì pháp. Ông đã nghe pháp, đạt Pháp nhãn, không sinh cõi ác. Nếu chuyên tâm hộ trì chánh pháp thì không bao lâu sẽ đoạn sinh tử.

Lúc đó, Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nên thọ trì kinh này, giảng nghĩa cho bốn bộ chúng.

A-nan thưa:

–Thế Tôn! Con sẽ thọ trì kinh này như lời Phật dạy, phân biệt giảng giải cho bốn bộ chúng.

Bấy giờ chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… đại chúng đều vui mừng, tin thọ, phụng hành.



KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 8

Phẩm 5: BỒ-TÁT HẢI TuỆ (Phần 1)

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng vẫn ở nơi cõi báu giữa hai cõi Dục, Sắc ấy. Lúc đó, tam thiên đại thiên thế giới đều bị ngập nước, nhưng trong khi tai nạn nước xảy ra, xóm làng, thành ấp, núi rừng, nhà cửa, cây cối tất cả không bị tổn hại. Đại chúng lại thấy tất cả mọi nơi đều là nước. Trong nước lại có vô số hoa Phân-đà-lợi, thân bằng lưu ly xanh, cánh sen bằng vàng ròng, đài sen là báu công đức, tua là báu Đế Thích, xung quanh có vô số hoa, chiếm khoảng mười dặm trong cõi báu ấy, cao bằng một cây Đa-la. Khi ấy, đại chúng đều thấy mình ngồi trên hoa ấy. Hoa ấy lại phóng ánh sáng lớn chiếu sáng vô lượng cõi nước ở mười phương. Đại chúng vui mừng vì biết sắp được nghe pháp vi diệu. Lúc này, Bồ-tát Di-lặc rời chỗ ngồi, đến lạy Phật, đi quanh ba vòng, quỳ trên đài sen chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì sao tam thiên đại thiên thế giới chìm trong biển nước và trong đó lại có vô số hoa

Phân-đà-lợi sáng soi mười phương cõi?

Phật nói:

–Di-lặc! Cách đây vô số cõi nước bằng số bụi trong tam thiên đại thiên thế giới, về phía dưới có cõi nước tên Bảo trang nghiêm. Nơi ấy có Phật tên Hải Trí Thần Thông là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ở đó có Bồ-tát tên Hải Tuệ. Bồ-tát định đến đây. Bồ-tát và vô số Bồ-tát bạn đều đoạn tưởng về số lượng. Họ muốn đến đây để nghe kinh này.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế Tôn! Cõi đó cách chúng ta quá xa, Bồ-tát Hải Tuệ ở đấy có nghe được lời Phật không?

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Như ông đang ở đây, đang nghe pháp. Bồ-tát Hải Tuệ cũng như thế. Các ông đều thấy ta, Bồ-tát Hải Tuệ cũng thấy ta.

–Thế Tôn! Bồ-tát ở cách đây quá xa như thế mà có thể thấy, nghe không trở ngại. Bồ-tát đã đạt thần thông thật không thể nghĩ bàn.

Thế Tôn! Ai nghe việc không thể nghĩ bàn này mà không phát tâm Bồ-đề vô thượng, trừ kẻ thấp kém, ngu tối.

Lúc ấy, Bồ-tát Hải Tuệ chứng đắc trọn vẹn sức thần thông không lường, trong tích tắc mất hút ở

cõi kia, bất chợt hiện ở cõi báu này. Bồ-tát nhập Tam-muội, khiến đại chúng ở đây đều trông thấy: Dân chúng, xóm làng, thành ấp, nhà cửa, cung điện, rừng núi, cây cỏ, chim, thú của cõi ấy, đều thấy Đức Phật nơi cõi đó thuyết giảng cho đại chúng. Hiện sự việc ấy xong, Bồ-tát thanh thản xuất định, đến chỗ Phật Thích-ca, lạy Phật, đi quanh ba vòng, rải vô số hoa, trỗi nhạc cúng dường Phật, thưa:

–Đức Như Lai Hải Trí Thần Thông ở cõi nước phương dưới gởi lời thăm hỏi Đức Thế Tôn và đại chúng. Thưa xong, Bồ-tát lui ra ngồi trên tòa sen báu bên cạnh.

Khi ấy, Phạm vương Tu Bi nghĩ: "Vì sao lại có nước ngập cả tam thiên đại thiên thế giới nhưng không phải là thủy tai. Ta nên đến hỏi Đức Thế Tôn." Thế rồi, cùng sáu vạn tám ngàn Phạm thiên, Phạm thiên Tu Bi đến chỗ Phật, lạy Phật, đi quanh bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì sao hoa sen báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, vô số Bồ-tát tuần tự an tọa trên hoa sen, nước ngập cả tam thiên đại thiên thế giới?

Phật nói:

–Thiện nam! Đó là do sức thần thông của Đại Bồ-tát Hải Tuệ.

Phạm thiên thưa:

–Thế Tôn! Kinh Đại Tập mà Như Lai nêu

giảng chưa hết sao?

Phật nói:

–Phạm thiên! Như Lai thành tựu nhạo thuyết vô ngại không bao giờ cùng tận.

Phạm thiên! Phật và vô lượng chúng Bồ-tát quán sát pháp giới, bàn luận về pháp giới, diễn pháp vi diệu đều không cùng tận.

Phạm thiên thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát Hải Tuệ mà Như Lai vừa nói là ai vậy?

Phật nói:

–Phạm thiên! Ông không thấy người an tọa nơi tòa sen báu rộng mười do-tuần, được vô số Bồ-tát cung kính ngợi khen sao? Sắc thân người đó sáng rực, trừ Như Lai, không ai sánh kịp.

Thấy Bồ-tát, Phạm thiên cung kính, cúi lạy thưa:

–Ai thấy được bậc Đại sĩ như vậy sẽ được lợi ích lớn. Con nay gặp Bồ-tát cũng sẽ như thế.

Phạm thiên lại hỏi Phật:

–Thế Tôn! Chánh pháp đó tồn tại bao lâu?

Phật nói:

–Thiện nam! Chánh pháp đó tồn tại bằng tuổi thọ của Như Lai. Sau khi Như Lai Niết-bàn, các Bồ-tát cũng hộ trì chánh pháp. Vì sao? Vì kinh này là pháp ấn của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bấy giờ, Bồ-tát Hải Tuệ bay lên hư không cao

bằng bảy cây Đa-la, thị hiện sức trí tuệ để đại chúng khởi lòng tin, làm trang nghiêm kinh này. Bồ-tát nói kệ:

Cách vô số cõi ở phương dưới
Có Đức Phật Hải Trí Thần Thông
Luôn giảng chánh pháp cho chúng sinh
Tôi nghe, thọ trì, giảng cho người.
Nay tôi đến đây, trong đại chúng
Cúng dường, cung kính Đức Mười Lực
Các Bồ-tát bạn cùng đến đây
Diệt trừ tâm nghi trong chánh pháp.
Nay con kính lễ Đấng Tối Thắng
Như pháp thực hành pháp cúng dường
Mong để trang nghiêm pháp Bồ-đề
Chỉ dạy chúng sinh đạo Vô thượng.
Quán sát các sắc không có tướng
Đoạn trừ ba thọ khổ vui xả
Không có hình tướng, chẳng dòng tộc
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Không tham chấp ngã và ngã sở
Siêng năng tu tập pháp trung đạo
Quán tất cả pháp tựa hư không
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Không còn tham chấp các cảnh giới
Lại còn tịch tĩnh các nội nhập
Không hề tham đắm các pháp giới
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.

Nếu ai thấy được Pháp thân Phật
Dựng cờ đại pháp không gì hơn
Biết tất cả pháp đều huyễn hóa
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Nếu thấy không cho, không nhận lấy
Không có tạo tác, không lãnh thọ
Nào đâu chánh kiến và tà kiến
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Không an trụ trong pháp Bồ-đề
Cũng chẳng sống trong cõi sinh tử
Đoạn trừ tất cả các phiền não
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Nếu ai chuyên tâm tu pháp lành
Thanh tịnh ba nghiệp thân, khẩu, ý
Lại còn điều phục tất cả căn
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Nhẫn biết các pháp không có ngã
Không thành Bồ-đề, bỏ chúng sinh
Vì pháp Bồ-đề giữ tịnh giới
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Nếu quán các pháp tựa sóng nắng
Chúng sinh bình đẳng như hư không
Thanh tịnh tâm mình không vọng tưởng
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Vì mọi quần mê chịu khổ não
Tu pháp nhẫn nhục đạt Bồ-đề
Quán tất cả pháp trăng dưới nước

Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Không có chúng sinh, mạng, sĩ phu
Tu pháp Bồ-đề vì chúng sinh
Quán pháp diệt tận tường tâm niệm
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Chịu khổ địa ngục tâm không thoái
Luôn luôn siêng năng tu học đạo
Không hề kinh sợ nghe pháp không
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Tất cả cảnh giới không chướng ngại
Như đưa cánh tay trong hư không
Quán tướng ba đời đều bình đẳng
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Quân ma không biết rõ tâm tánh
Người này thành tựu đại thần thông
Diễn giảng nghĩa pháp không cùng tận
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Nghe được tất cả lời Phật dạy
Nghe rồi thọ trì, giảng cho người
Không thấy tướng khác của Tam bảo
Người này kính lễ Đấng Tối Tôn.
Như Lai trọn vẹn sáu pháp độ
Không có đến đi tựa hư không
Biết rõ tất cả cõi chúng sinh
Con nay kính lễ Đấng Tối Tôn.
Như Lai thành tựu công đức lớn
Không hề khởi tâm mạn, ngã mạn
Con xin kính lễ Đấng Vô Thượng

Thân Phật thế gian không thể có.
Hào quang Như Lai hơn tất cả
Âm thanh vi diệu không ai sánh
Tất cả chúng sinh không thấy đỉnh
Con xin kính lễ Đấng Tối Tôn.
Như Lai hiểu rõ tâm chúng sinh
Tùy thuận căn tánh giảng diễn pháp
Biết cách đối trị mọi phiền não
Con xin kính lễ Đấng Tối Tôn.

Nói kệ khen Phật xong, Bồ-tát Hải Tuệ từ hư không bay xuống, bạch Phật:

–Thế Tôn! Con xin hỏi vài ý kinh, ngưỡng mong Như Lai chấp nhận cho.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Tùy ý hỏi, Như Lai sẽ giải rõ.

Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Thế Tôn! Con từng nghe có Tam-muội Tịnh ấn, Bồ-tát thành tựu Tam-muội này sẽ đạt Bồ-đề vô thượng. Xin Như Lai nói về Tam-muội đó để các Bồ-tát đều nghe biết và tu hành để thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Phật nói:

–Thiện nam! Hãy lắng nghe Như Lai giảng rõ.

Thiện nam! Như viên ngọc sáng, sau khi thợ ngọc mài giũa, trở thành viên ngọc vô giá.

Thiện nam! Khi Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, tu tập

pháp lành, nghe nhiều, suy xét, quán sát pháp giới, thanh tịnh tâm ban đầu. Sơ tâm đã tịnh, được Phật, Bồ-tát hộ niệm, sẽ đạt được Tam-muội Tịnh ấn.

Thiện nam! Viên châu sáng kia không có chín loại báu: Tánh vàng, tánh bạc, tánh lưu ly, tánh pha lê, tánh mã não, tánh liên hoa, tánh xà cừ, tánh công đức báu, tánh san hô. Vì vậy viên châu ấy có giá trị vô lượng, đó là thọ dụng của Chuyển luân thánh vương. Ánh sáng của viên châu này không ánh sáng nào sánh kịp.

Thiện nam! Đại Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cũng thế, trừ chín tánh, đạt Tam-muội Tịnh ấn. Chín pháp đó là: Tánh Phàm phu, tánh Tín hành, tánh Pháp hành, tánh Nhẫn, tánh Tu-đà-hoàn, tánh Tư-đà-hàm, tánh A-na-hàm, tánh A-la-hán, tánh Bích-chi-phật. Trừ chín tánh này đạt chủng tánh Phật, chứng Tam-muội Tịnh ấn. Vì sự thanh tịnh nên hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác, đem ánh sáng đến cho tất cả chúng sinh.

Thiện nam! Viên châu sáng báu kia không gì xuyên qua nên được gọi là Vô hà thử.

Thiện nam! Tam-muội Tịnh ấn cũng thế.

Thiện nam! Thế nào là Tam-muội Tịnh ấn? Tu tập ba giới, đủ mười pháp lành; tu hạnh Từ bi, thương yêu chúng sinh, ủng hộ tạo dựng sự nghiệp cho người, thương yêu tất cả, tu Xả ý tịnh, độ chúng sinh bằng bốn Nhiếp pháp, bảo vệ tất cả,

chuyên tu sáu niệm, điều phục các căn, ít muốn, biết đủ, không đoạn giống Thánh, trừ tranh chấp, diệt kiêu mạn, cung kính cúng dường Sư trưởng, Hòa thượng, bậc Kỳ đức, không khinh người, cầu pháp, hộ pháp, trừ pháp ác, tin Phật, Pháp, Tăng, luôn nghĩ đến pháp lành, không tự khen mình, thường ca tụng đức của người, biết ân, đền ân, thanh tịnh oai nghi, đủ pháp nhẫn, cầu Xa-ma-tha, tu Đà-la-ni, tâm bình đẳng như đất, nước, lửa, gió, không, thích xuất gia, tu tập tịch tĩnh, giữ giới, siêng năng, gần bạn lành, thanh tịnh các căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm không trở ngại, quán bất tịnh để trừ kết sử tham, tu tập tâm Từ trừ oán thân, tu mười hai nhân duyên để diệt vô minh, xa lìa tất cả pháp chướng ngại, ban bố không tiếc, thành tựu trọn vẹn sáu pháp Ba-la-mật, không cầu các thừa khác, trong ngoài thanh tịnh, quán lỗi sinh tử, không thoái tâm Bồ-đề, dạy chúng sinh tu học Đại thừa.

Thiện nam! Bồ-tát thành tựu tất cả các pháp đó, phát tâm Bồ-đề vô thượng, được gọi là châu báu.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu ai tu tập tâm đại Từ
Thành tựu trọn vẹn mười pháp lành
Nhất định sẽ được gặp Di-lặc
Vì thế tâm Bồ-đề khó lường.
Tu tập đại Bi vì chúng sinh

Chỉ dạy chúng sinh pháp Đại thừa
Đoạn trừ phiền não tu tâm Xả
Vì thế tâm Bồ-đề khó lường.
Tu tập đầy đủ niệm, trí tuệ
Khéo léo điều phục tâm của mình
Thực hành ít muốn, luôn biết đủ
Vì thế tâm Bồ-đề khó lường.
Xa lìa tất cả các pháp ác
Tùy thuận chỉ dạy mọi quần mê
Tăng trưởng hết thảy các pháp lành
Vì thế tâm Bồ-đề tối thắng.
Cung kính cúng dường Thầy, Hòa thượng
Nuôi lớn hạt giống của Phật thánh
Đoạn trừ tất cả tâm kiêu mạn
Vì thế tâm Bồ-đề tối thắng.
Tâm tánh thẳng ngay không khi dối
Thích tu tịch tĩnh độ chúng sinh
Không tâm kiêu mạn, không khinh người
Vì thế tâm Bồ-đề tối thắng.
Hộ trì chánh pháp, nghe, giảng dạy
Hóa độ chúng sinh trừ phiền não
Chí tâm chuyên niệm thừa vô thượng
Vì thế tâm Bồ-đề tối thắng.
Cúng dường Tam bảo tin bốn Đế
Đoạn trừ pháp ác tu pháp lành
Không hề sân giận các chúng sinh

Vì thế tâm Bồ-đề tối thắng.
Luôn tự hổ thẹn vì phiền não
Thành kính hướng về sám hối Phật
Tu tập pháp lành điều phục căn
Vì thế tâm Bồ-đề tối thắng.
Tịnh thân, khẩu, ý biết nghiệp quả
Biết ân, nhớ ân và đền ân
Hiểu mười hai duyên, tịnh oai nghi
Vì thế tâm Bồ-đề tối thắng.
Đủ Xa-ma-tha, tu trí tuệ
Trọn vẹn giới đức, thích Bồ-đề
Chịu mọi khổ đau tâm không động
Vì thế tâm Bồ-đề tối thắng.
Tâm tánh bình đẳng như bốn đại
Quán sát chúng sinh tựa hư không
Thường thích xuất gia, Tu-bồ-đề
Vì thế tâm Bồ-đề tối thắng.
Trừ diệt tham dục tịnh thân tâm
Tu hành pháp hạnh, quán bốn Đế
Nói lời chân thật, pháp, có nghĩa
Vì thế tâm Bồ-đề tối thắng.
Tùy thuận an trụ trong chánh pháp
Siêng năng tu tập trừ nghiệp ma
Thực hành các pháp, không lười biếng
Vì thế tâm Bồ-đề tối thắng.
Gần gũi bạn lành Phật, Bồ-tát
Đưa chúng sinh qua biển sinh tử
Thanh tịnh tất cả sáu cảnh giới

Vì thế tâm Bồ-đề hơn hết.
Lánh xa chướng ngại trừ năm cái
Các căn thanh tịnh, không kiêu mạn
Đối trị tham dục, sân và si
Vì thế tâm Bồ-đề vô thượng.
Khéo léo tư duy đủ tâm niệm
Tu pháp trợ đạo đạt thân thông
Không sợ sinh tử, thích Niết-bàn
Vì thế tâm Bồ-đề hơn hết.
Thuyết giảng giáo pháp không mong đợi
Không hề tham tiếc pháp đã học
Tu tập pháp lành không cầu quả
Vì thế tâm Bồ-đề vô thượng.
Không độ chúng sinh bằng thừa khác
Chúng sinh vui nghe và thọ lạc
Tâm tánh rộng lớn không phân biệt
Vì thế tâm Bồ-đề hơn hết.
Trong ngoài thanh tịnh không lỗi lầm
Không sợ sinh tử Tu-bồ-đề
Khi tu chánh đạo không hối hận
Vì thế tâm Bồ-đề hơn hết.
Biết cõi chúng sinh tịnh cõi nước
Trang nghiêm Bồ-đề không vì mình
Chỉ đạo chân chánh cho kẻ mê
Vì thế tâm Bồ-đề hơn hết.
Khéo biết thật tánh của pháp giới
Trí không phân biệt, không thể nói

Trừ hết lo sợ của chúng sinh
Vì thế tâm Bồ-đề vô thượng.
Nếu hành đầy đủ các pháp ấy
Có thể phát tâm Bồ-đề tịnh
Không bị nhiễm ô pháp thế gian
Nghiệp ma phiền não cũng như thế.
Nếu ai phát khởi tâm Bồ-đề
Vượt trên tất cả các thừa pháp
Thanh tịnh thân tâm cho chúng sinh
Thường vì diễn giảng đạo Vô thượng.

Thiện nam! Thế nào là áo giáp tâm Bồ-đề không thể hư hoại? Áo giáp là đại Bi, duyên với tất cả chúng sinh, nuôi lớn giống Tam bảo, trang nghiêm căn lành vì pháp Phật, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, làm nghiêm tịnh cõi nước, không tiếc thân mạng hộ trì chánh pháp.

Thiện nam! Nếu bị chúng sinh xấu ác não hại thì nên nhẫn nhịn, cũng không bỏ chúng sinh, không hối hận, buồn khổ, siêng năng tu tập để điều phục muôn loài, dù bị mắng nhiếc, đánh đập vẫn thản nhiên, không báo oán, nên nghĩ: Đại thừa nghịch thế gian. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh xuôi theo dòng sinh tử, Đại thừa ngược dòng sinh tử. Tất cả chúng sinh tranh chấp nhau, dại thừa diệt tranh chấp. Chúng sinh đầy dẫy sân hận, Đại thừa diệt sân hận; chúng sinh hư dối, pháp Đại thừa chân thật không hư. Trong cõi nước nơi mười phương, nếu có chúng sinh cầm dao gậy đuổi theo

Bồ-tát, nói: Người nào phát tâm Bồ-đề ta chẻ nát người ấy ra, nghe thế Bồ-tát vẫn không thoái chuyển tâm Bồ-đề, cũng không bỏ Từ, Bi, Hỷ, Xả, Bố thí, Giữ giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, trí tuệ. Vì sao? Vì Bồ-tát nghĩ: Trải qua vô lượng, vô số kiếp ta thọ thân địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người trời, làm việc ác không lợi mình lợi người, dù cho kẻ ác đánh đập, chẻ thân ta trong vô số kiếp ta vẫn không bỏ tâm Bồ-đề và chúng sinh. Vì sao? Nếu ta không chịu được cái khổ ấy làm sao chịu được khổ địa ngục. Khi làm lành, có nhiều kẻ ác gây chướng ngại, nếu ta không nhẫn nhục làm sao làm điều lành. Chúng sinh đem điều ác đến cho ta, ta sẽ đem pháp lành cho chúng. Chúng sinh cho ta dao gậy, mắng nhiếc mạ nhục, ta bố thí pháp nhẫn vô thượng. Đại Bồ-tát nếu quán sát được như vậy thì không bao lâu sẽ đạt Bồ-đề vô thượng. Quán như thế Bồ-tát mới có thể nhẫn nơi ba sự bó buộc (thân, khẩu, ý). Thế nào là sự bó buộc của thân? Nếu khi thân Bồ-tát bị chặt, Bồ-tát nương chánh pháp, tùy thuận kẻ ác, hành trọn vẹn sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao thân Bồ-tát bị chặt lại đạt sáu pháp Ba-la-mật? Vì khi thân thể bị chặt, Bồ-tát không tiếc thân mạng và lúc đó Bồ-tát đủ Bố thí ba-la-mật. Tu tập tâm Từ với kẻ ác là thành tựu Trì giới ba-la-mật. Vì không giận, không mắng, không báo thù là thành tựu Nhẫn ba-la-mật. Vì chúng sinh, siêng năng tu tập, không bỏ tâm Bồ-đề là hành

trọn vẹn Tinh tấn ba-la-mật. Vì dù bị đánh tâm Bồ-tát không dao động, không mất chánh niêm, ý thanh tịnh là đầy đủ Thiền ba-la-mật. Quán thân vô thường, khổ, không, vô ngã như cỏ cây gạch ngói là viên mãn Trí tuệ ba-la-mật. Đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật dù bị bó buộc vẫn không hư hoại. Đó là sự bó buộc của thân. Thế nào là sự bó buộc của khẩu? Nhẫn nhịn trước tất cả lời thô ác, mắng nhiếc, dù thật hay không vẫn chỉ tự trách mình nhiều phiền não, không oán hận kẻ ác, luôn tu tập Từ bi vì chúng sinh. Lúc Đại Bồ-tát nhẫn nhịn lời ác, thành tựu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Khi bị mắng Bồ-tát lại nghĩ: Kẻ này vì đời trước tham lam keo kiệt, gần kẻ xấu, tạo tâm xấu. Ta trừ xan tham, tu tập bố thí, gần bạn lành nên ta không giận. Lúc đó Bồ-tát thành tựu Bố thí ba-la-mật. Khi bị mắng Bồ-tát tự nghĩ: Kẻ này phá giới, không tin nghiệp quả nên mắng ta. Ta giữ giới, tin nghiệp quả nên tu tập hạnh nhẫn, niệm Bồ-đề, hộ trì chánh pháp, tùy thuận chúng sinh. Lúc đó Bồ-tát hành trọn vẹn Giới ba-la-mật. Khi bị mắng Đại Bồ-tát tự nghĩ: Người này lười biếng, không tu pháp lành nên mắng ta. Ta siêng năng tu tập pháp lành, trừ tâm sân, không chán ghét pháp lành, ta nên tìm cách giúp người này ngồi tòa Bồ-đề, sau đấy tu mới chứng quả Bồ-đề. Lúc đó Bồ-tát hành trọn vẹn Tinh tấn ba-la-mật. Khi bị mắng Đại Bồ-tát tự nghĩ: Người này hư dối, tán loạn, buông lung, bị

phiền não cấu nhiễm. Ta trừ hết phiền não, phát tâm Bồ-đề vì chúng sinh ác đó. Nếu chúng sinh đều thanh tịnh ta làm sao phát tâm Bồ-đề. Vì thế Bồ-tát chuyên tâm niệm Bồ-đề. Lúc đó Bồ-tát thành tựu Thiền ba-la-mật. Khi bị mắng Đại Bồ-tát tự nghĩ: Người này chấp ngã, sở hữu của ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu. Ta nương nơi pháp giới, trong pháp giới ai mắng, ai bị mắng? Ta không thấy có pháp nào là mắng là bị mắng. Lúc đó Bồ-tát thành tựu Trí tuệ ba-la-mật. Nếu Bồ-tát siêng năng tu tập năm Ba-la-mật trên sẽ thành tựu trọn vẹn Nhẫn ba-la-mật. Thế nào là sự bó buộc của ý? Không sợ quân ma làm thoái tâm Bồ-đề. Không thoái tâm Bồ-đề vì tà kiến, dị kiến, khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu có người chỉ Phật tượng bảo: Ngươi không thể phát tâm Bồ-đề. Đạo Bồ-đề thật khó đạt, chi bằng sớm tu pháp Thanh văn mau chứng Niết-bàn, hưởng an lạc. Nghe như vậy, Bồ-tát tự nghĩ: Dù đạo Bồ-đề là khó hay dễ ta vẫn không thoái tâm, nhất định ta sẽ đạt đạo, ngồi tòa Kim cang. Ngày xưa, ta đã hứa bố thí pháp cho chúng sinh, ngày nay ta chưa làm, vì sao lại khi dối? Ta nên tùy thuận tâm Phật, kham nhẫn những việc đó, không dối Phật, trời, người, đại chúng và mình.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Hướng đạo Bồ-đề tâm không hoại
Đại Từ, đại Bi cũng như vậy

Không hề đoạn dứt giống Tam bảo
Trang nghiêm mọi pháp vì Bồ-đề.
Vì mười Lực Phật, bốn Vô úy
Tám mươi vẻ đẹp, ba hai tướng
Trải vô số kiếp bố thí vật
Chịu hết tất cả khổ đau lớn.
Thành tựu công đức của Tam bảo
Thọ trì chánh pháp, dạy cho người
Đưa chúng sinh qua biển sinh tử
Vì thế cam chịu mọi khổ não.
Chúng sinh độc ác mười phương cõi
Dùng dao gậy gộc bức ép ta
Tâm không lay động thoái Bồ-đề
Thương yêu tất cả mọi quần mê.
Trải vô số kiếp chịu khổ não
Không thể tự lợi, lợi người khác
Nay ta nhẫn nhịn được lợi ích
Vô lượng công đức của chư Phật.
Vì công đức Phật thân dù nát
Tâm không bao giờ tỏ hối hận
Cũng không thoái chuyển đạo Vô thượng
Chịu mọi khổ đau vì Bồ-đề.
Đi đứng nằm ngồi niệm Chánh giác
Tâm tánh tịch tĩnh đoạn phiền não
Nếu muốn sân hận các chúng sinh
Trước nên trách mình nhiều phiền não.

Chịu mọi khổ đau ba đường ác
Vì các chúng sinh đạt Phật đạo
Không cầu diệu lạc của trời người
Vui vẻ chịu khổ vì chúng sinh.
Khổ não phải chịu ở cõi người
Không bằng một phần của địa ngục
Tuy chịu vô lượng khổ ba ác
Cũng không thoái chuyển tâm Bồ-đề.
Quán thân vô thường và vô ngã
Tánh của bốn đại như bốn rắn
Chuyên tâm xả bỏ thân như vậy
Thành tựu trí tuệ đạo Vô thượng.
Vào trong các cõi chịu khổ não
Vì không thật quán về thân này
Bồ-tát thật quán thân của mình
Vì thế đoạn hẳn mọi khổ não.
Lúc làm việc ác không gì ngại
Tu hành pháp lành nhiều tai nạn
Chư Phật Thế Tôn đều chứng biết
Vì thế ta chịu mọi khổ não.
Nay ta kham nhẫn hết tất cả
Khổ não ba nghiệp thân, khẩu, ý
Nhờ nhân duyên đó tâm Bồ-đề
Kiên cố vững bền không lay động.
Xả thân đủ sáu pháp Ba-la-mật
Không tham tiếc thân trọn pháp thí
Phát khởi tâm Từ với kẻ ác
Thành tựu Trì giới ba-la-mật.

Chặt thân nhẫn chịu không sân hận
Nhờ thế viên mãn Nhẫn ba-la
Khi chịu khổ não tâm không chuyển
Vì thế đầy đủ Tỳ-lê-gia.
Không mất tâm niệm thích tịch tĩnh
Thành tựu trọn Thiền ba-la-mật
Quán thân không ngã, không ngã sở
Chứng đạt Trí tuệ ba-la-mật.
Ta nhờ trang nghiêm các pháp ấy
Không lâu thành tựu đạo Vô thượng
Nếu ta không nhẫn nghiệp ác khẩu
Làm sao đoạn trừ mọi phiền não.
Nếu ta điều phục thân, khẩu, ý
Có thể kham chịu tất cả khổ
Dẹp trừ hết thảy quân ma ác
Tâm không lay động trước luận tà.
Nếu muốn trọn vẹn Ba-la-mật
Bốn pháp Vô úy, mười Lực Phật
Có được ngọc báu vô giá ấy
Nên cần điều phục thân, khẩu, ý.

Thiện nam! Thế nào là phát tâm Bồ-đề? Bồ-tát đã phát tâm Bồ-đề, không khởi ngã mạn, không chấp tâm Bồ-đề, không tham ái. Không quán tâm Bồ-đề. Nhờ thế tịnh tâm, quán pháp giới sâu xa và pháp Phật. Pháp giới sâu xa là mười hai nhân duyên, đoạn hai chấp. Tánh của tất cả pháp là không ngã, quán tánh ngã tánh pháp không chủ tể, an trụ nơi Tam-muội Không, Vô tướng, Vô

nguyện, biết các pháp hành không tạo tác, quán sắc như bọt, thọ như bóng, tưởng như dợn nắng, hành như cây chuối, thức như huyễn. Quán giới không tạo tác, không biến động; nhập như đui điếc, tâm không dừng, kết sử kiêu mạn không chỗ sinh, các pháp không hai, không phân biệt, một vị, một thừa, một đạo, một nguồn. Quán tất cả âm thanh không có tướng, không hợp nhau. Các pháp không thể giảng nói, hiểu rõ tướng Khổ, Tập không có ngã sở, Diệt không tăng, Đạo cứu cánh. Không chướng ngại nên quán thân niệm xứ. Biết đến đi là thọ niệm; tâm sinh diệt, nên biết pháp giới; quán giới, phi giới nên tu pháp Chánh cần; để đạt tự tại nên tu pháp Như ý; đoạn trừ phiền não đó là Tín căn; thích tịch tĩnh là tấn căn; không có niệm là niệm căn; không suy xét là định căn; dứt trừ tất cả là tuệ căn; không tùy cái khác là tín lực; không chướng ngại là tấn lực; không thoái chuyển là niệm lực; tâm tự tại là định lực; không quán thiện ác là tuệ lực; không buông lung là niệm giác phần; nhập pháp giới là giác phần trạch pháp; thực hành như pháp là giác phần tấn; đoạn pháp ác là giác phần hỷ; thân tâm tịch tĩnh là giác phần trừ; (khinh an) thật biết Tam-muội là giác phần định; không quán hai pháp là giác phần xả; xa lìa các chấp kiến là chánh kiến; trừ giác quán là chánh tư duy; biết tánh của âm thanh là chánh ngữ; không tham chấp thân, khẩu, ý là chánh

nghiệp; không tâm ganh ghét là chánh mạng; không thêm bớt là chánh tinh tấn; không tham chấp thiện, bất thiện là chánh niệm; quán cảnh giới của tâm là chánh định. Tánh của thật tướng vốn tịch tĩnh, nghĩa rốt ráo là vô thường, khổ, vô ngã, giả gọi là thanh tịnh, tịch tĩnh. Điều phục tâm là thí; thân tâm thanh tịnh là giới; các pháp vô thường là nhẫn; siêng tu trí tuệ là tinh tấn; trong ngoài thanh tịnh là Tam-muội; quán chân thật là trí tuệ; biết tánh của tâm chúng sinh vốn tịnh là Từ; quán tất cả như hư không là Bi; đoạn tất cả vui thích là Hỷ; trừ tất cả hành là Xả; tất cả các pháp vị lai tịnh, quá khứ nhiều, hiện tại vô ngã.

Thiện nam! Quán sát thật biết các pháp như thế là đeo ngọc tâm Bồ-đề. Quán sát như thế, Bồ-tát tuần tự đạt Đà-la-ni Nhất thiết pháp tự tại.

Thiện nam! Như mặt trời, mặt trăng không nghĩ là đến đi chiếu soi. Chúng sinh nhờ sức của phước đức nên trừ tăm tối, đến chỗ sáng.

Thiện nam! Đại Bồ-tát quán biết các pháp, không nghĩ: Ta nên tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Quán sát như thế được gọi là đủ Thiền ba-la-mật, Trí tuệ ba-la-mật. Vì sao? Vì nhập định mới có thể quán sát như thế, loạn tâm không định là Thiền ba-la-mật; quán là Trí tuệ ba-la-mật. Như thế mới là thật quán, thấy rõ tướng của tất cả pháp. Thế nào là thấy tướng các pháp? Tướng của các pháp là không tướng. Không tướng tức không tạo

tác, nghĩa không tạo tác là tướng. Nếu có thể đoạn trừ không tướng đó được gọi là tướng không tướng. Không tướng là tướng không sinh. Tướng không tướng là tướng không diệt. Không sinh không diệt là không tướng không tướng tướng. Thấy không: Sinh, diệt, tạo tác, một, hai, giận, tranh chấp, là không lay động, biết tánh pháp là tánh chân thật.

Thiện nam! Đại Bồ-tát thật biết các pháp như thế được gọi là trụ của không trụ.

Lúc giảng nói pháp này có mười hai na-do-tha chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, một vạn sáu ngàn trời đạt pháp Nhẫn vô sinh. Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Phá trừ tất cả các tướng pháp
Tịch tĩnh tâm Bồ-đề vô thượng
Nếu ai quán sát được như thế
Là không tham chấp tất cả pháp.
Biết rõ pháp giới thật sâu xa
Cũng không kinh sợ pháp Niết-bàn
Chính vì nhờ nhân không sợ đó
Có thể tăng trưởng pháp Như Lai.
Tin tưởng nghiệp nhân và quả báo
Mười hai nhân duyên cũng như thế
Trừ cả hai chấp thường và đoạn
Tùy thuận căn tánh giống chánh pháp.
Không còn chấp trước thường, vô thường

Luôn luôn giảng thuyết pháp trung đạo
Biết tánh các pháp vốn là không
Không có chúng sinh, không thọ mạng
Các pháp vốn không, không có tướng
Cũng không có sự tuần tự sinh
Tánh pháp xưa nay luôn tịch tĩnh
Không có tạo tác, tựa hư không.
Quán biết tướng của tất cả pháp
Vốn là không tánh thật rõ ràng
Quán sắc như bọt, thọ bong bóng
Tưởng lá dợn nắng, thọ cây chuối.
Tâm là huyễn hóa, bốn đại không
Quán nhập khác nào kẻ đui điếc
Lại quán tâm ý không trong ngoài
Tâm không trụ xứ, "giới" không hai.
Không chấp các pháp, sắc, tướng sắc
Tuy biết như thế, không kiêu mạn
Quán tất cả pháp đều bình đẳng
Một vị, một thừa, một nguồn đạo.
Hiểu biết tất cả nghĩa chân thật
Quán sát pháp giới cũng như vậy
Không có âm thanh quán âm thanh
Không có tâm ý quán tâm ý.
Không có văn tự quán văn tự
Đó là thật biết về pháp giới
Nghĩa của các pháp không thể nói
Âm thanh văn tự cũng như vậy.

Thật biết Khổ, Tập, Diệt và Đạo
Buộc tâm vào bốn pháp Niệm xứ
Đối với pháp giới không phân biệt
Chứng đạt được tâm đại tự tại.
Đoạn trừ tất cả mọi phiền não
Tu bốn Chánh cần, hành tinh tấn
Là đạt vô ngại đại tự tại
Siêng năng tu tập bốn Như ý.
Không hề tham chấp về các pháp
Tu tập tín căn cũng như vậy
Luôn thích an trụ nơi nhàn tịnh
Vì thế tu tập căn tinh tấn.
Tâm không lo nghĩ biết chân thật
Vì thế tu tập pháp niệm căn
Có thể điều phục mọi tâm tưởng
Vì thế tu tập pháp định căn.
Nhờ quán sát rõ về pháp giới
Vì thế tu tập pháp tuệ căn
Vì muốn biết rõ về pháp giới
Thế nên tu tập bảy Giác phần.
Không quán các pháp là một, hai
Nên đã tu tập tám Chánh đạo
Tùy thích ban cho các tài vật
Và tùy ý thích thọ trì giới.
Lại còn thanh tịnh cả trong ngoài
Đó chính là pháp đại thần thông
Bản tánh các pháp vốn thanh tịnh
Vì thế tu tập đại Từ bi.

Đoạn trừ mọi ưa thích phiền não
Vì thế tu tập về tâm Hỷ
Bản tánh các pháp vốn thanh tịnh
Khứ, lai, hiện tại cũng như vậy.
Nếu quán các pháp không sinh diệt
Người ấy tức đạt biết chân thật.

Lúc đó, Đức Phật lại dạy Bồ-tát Hải Tuệ:

–Đại Bồ-tát thành tựu pháp tịnh, tâm chân thật, không khi dối, bình đẳng với tất cả chúng sinh, đạt trí chân thật, chứng Tam-muội Đại trí tịnh ấn; an trụ nơi Tam-muội căn bản. Thế nào là Tam-muội căn bản? Tu đại Từ bi vì chúng sinh, tuy được vật cúng tâm không kiêu mạn, bị mắng chê hủy nhục tâm không tự ti. Không tự cao nên đối với pháp tánh, danh tự không kiêu mạn, không ngã mạn, nghiệp thân, khẩu, ý phát sinh từ trí tuệ, mọi nghiệp đều tùy trí. Thế nào là thân nghiệp tùy trí của Bồ-tát? Đạt thân hình đoan nghiêm thù thắng chúng sinh trông thấy tức được điều phục tất cả, điều phục bốn oai nghi của thân. Đoạn trừ lỗi lầm, sự không vừa ý của thân, thân thanh tịnh trang nghiêm bằng tướng tốt, đầy đủ các căn, không kiêu mạn với sắc thân mình, không khinh khi kẻ xấu, không tham chấp thân quán pháp giới và nghiệp của thân, đã biết rõ về sắc, nghĩ đến Pháp thân, không vì tìm thức ăn, vì điều phục chúng sinh nên nhận vật cúng, thường tu hạnh Thánh, không vì tham, sân, si, thọ trì tịnh giới, ủng hộ

chánh pháp. Đại Bồ-tát trọn vẹn thân nghiệp tùy trí như thế, đạt sức thần thông, sức vô úy. Nhờ sức lực đó hiện thân khắp các cõi Phật, như hiện sắc thân ở cõi này, các cõi khác cũng thế. Phóng ánh sáng chiếu soi vô lượng cõi nước nơi mười phương ánh sáng đó mềm mại, chúng sinh gặp được, trừ hết phiền não, đoạn phiền não rồi đạt an lạc. Đó là thân nghiệp tùy trí của Bồ-tát. Thế nào là khẩu nghiệp tùy trí của Bồ-tát? Xa lìa sáu mươi bốn nghiệp ác của khẩu. Đó là lời: Thô, nặng, phi thời, hư vọng, lậu hoặc, tự tại, tự cao, khinh dối, phá trừ, không hiểu rõ, tán loạn, thấp, cao, lỗi, ác, sợ, nuốt lời, tranh chấp, dua nịnh, khi dối, não hại, khiếp nhược, tà, tội, câm, nhập, thiêu, địa ngục, hư giả, mạn, khinh, không yêu thương, tội lỗi, lầm lẫn, ly biệt, ác hại, hai lưỡi, không nghĩa, không bảo hộ, ham thích, dối, giết, hại, nói lỗi người, hủy báng Tam bảo.

Thiện nam! Đại Bồ-tát xa lìa tất cả lời ác, mọi lời nói đều là lời thật, chân, giải thoát, như thật, mọi người thích nghe, tất cả âm thanh, tất cả ngôn ngữ, làm thanh tịnh căn chúng sinh, giúp chúng sinh đoạn trừ phiền não, lời Phật, lời cam lồ vang xa khắp mười phương cõi nước, trừ hết tất cả khổ não của chúng sinh, nghĩa sâu rộng, điều phục chúng sinh, không làm ác. Đó là khẩu nghiệp tùy trí của Bồ-tát. Thế nào là ý nghiệp tùy trí của Bồ-tát? An trụ nơi một tâm biết tâm của tất cả chúng

sinh, luôn sống trong thiền định, hiện các oai nghi. Tất cả quân ma, Thanh văn, Duyên giác đều không thể biết cảnh nơi đối tượng duyên của tâm, không tự hại, không tìm cách hại người, hiểu tất cả pháp, thông đạt không ngại, đạt tâm nhưng không thọ nhận, không chứng diệt. Đó là ý nghiệp tùy trí của Bồ-tát. Ấy là căn bản của Tam-muội Tịnh ấn. Căn bản đó còn có mười: thanh tịnh tâm vừa phát; thanh tịnh đạo Bồ-đề; thanh tịnh sáu pháp Ba-la-mật; thanh tịnh tuệ chính nên tu Tam-muội; thanh tịnh tướng; thanh tịnh vẻ đẹp; thanh tịnh Đà-la-ni; thanh tịnh an trụ như pháp; thanh tịnh không lỗi lầm; thanh tịnh ba mươi bảy phẩm Trợ đạo.

Thiện nam! Tam-muội Tịnh ấn đủ ba mươi pháp: bên trong thanh tịnh; bên ngoài thanh tịnh; tâm thanh tịnh; thanh tịnh kiêu mạn; thân thanh tịnh; mắt thanh tịnh; tất cả chúng sinh, không chúng sinh thanh tịnh, tánh của tất cả pháp vốn tịnh, tất cả pháp đều cùng một vị thanh tịnh, Không, Vô tướng, Vô nguyện thanh tịnh; pháp môn giải thoát thanh tịnh; tất cả các pháp nhập pháp giới thanh tịnh; tất cả các pháp nhập vào một tánh thanh tịnh; tất cả giải thoát thanh tịnh; vô vi thanh tịnh; quán mười hai nhân duyên thanh tịnh; mười Lực bốn Vô úy thanh tịnh; vô thắng thanh tịnh; trí biết của tất cả pháp thanh tịnh; nghiệp quá khứ thanh tịnh; Từ bi thanh tịnh; không bỏ chúng sinh thanh tịnh; đoạn trừ nghiệp ma thanh tịnh; trừ

tham bên trong thanh tịnh; đoạn hết tập khí thanh tịnh; một niệm biết tất cả pháp thanh tịnh; không mất tâm niệm thanh tịnh; đầy đủ trang nghiêm thanh tịnh. Đó là ba mươi pháp của Tam-muội Tịnh ấn. Sau khi đạt Tam-muội này, có được tám pháp Bất cộng: cõi nước mình ở; mặt đất bằng kim cang; mỗi cây có vô số cành lá; hoa trái; chúng sinh không khởi phiền não; địa ngục; ngạ quỷ; súc sinh thấy Bồ-tát ngồi tòa Bồ-đề, đạt pháp lạc; ánh sáng chiếu vô số cõi nước; các cõi chấn động sáu cách; không ai tổn hại; trí biết tất cả pháp trong một niệm.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như biết các pháp tựa hư không
Bản tánh thanh tịnh không sinh diệt
Thanh tịnh trí ấn của Như Lai
Và được an trụ định căn bản.
Tuy được vật cúng tâm không thích
Không giận khi bị người nhục mạ
Tu tập Từ bi tâm bình đẳng
Thành tựu trọn vẹn định Tịnh ấn.
Xa lìa tất cả tâm kiêu mạn
Tâm tánh chân thật không tự cao
Chê trách phiền não pháp trói buộc
Như thế gọi là định Tịnh ấn.
Thân nghiệp đoạn trừ tất cả ác
Trang nghiêm tướng tốt ba mươi hai
Thanh tịnh đầy đủ cả các căn

Không khởi kết sử kiêu mạn đó.
Thấy kẻ xấu xí không xinh đẹp
Nghèo hèn bần khổ, không khinh khi
Vì pháp Bồ-đề giảng chánh pháp
Như thế gọi là định Tịnh ấn.
Quán sát thật tánh của thân mình
Trừ tưởng tham thân của chúng sinh
Nhờ thế thành tựu Pháp thân Phật
Xa lìa tất cả thân tạp thực.
Sống trong thiền định pháp hỷ thực
Vì mọi quần mê nhận thức ăn
Nuôi lớn mạng pháp vị cam lồ
Đó được gọi là định Tịnh ấn.
Thích hành hạnh Thánh giữ giới Phật
Đoạn trừ tất cả tham, sân, si
Bồ-tát trước tự điều phục thân
Sau đó thuyết giảng cho chúng sinh.
Thần thông đi lại khắp mười phương
Điều phục chúng sinh dạy pháp Phật
Thị hiện thân hình như thân chúng
Tùy thuận căn tánh giảng chánh pháp.
Thân phóng vô số hào quang sáng
Soi rọi cõi nước ở mười phương
Dập tắt lửa phiền nào chúng sinh
Tăng trưởng công đức tâm Bồ-đề.
Chúng sinh khổ não ba đường ác
Thấy ánh sáng này đạt pháp lạc
Xa lìa tất cả khổ não kia

Thành tựu lòng tin, tu nghiệp lành.
Như Lai thuyết giảng tịnh thân nghiệp
Vì độ chúng sinh tịnh thân Phật
Nếu ai tu tập nghiệp như thế
Đạt thân thanh tịnh như chư Phật.
Đoạn trừ hết thảy nghiệp ác khẩu
Tiếng nói vi diệu phát từ trí
Đại chúng thích nghe lời mình nói
Nghe rồi tất cả phát mầm lành.
Lìa sáu mươi bốn nghiệp ác khẩu
Người này thuyết giảng pháp cam lồ
Thuyết giảng pháp vô vi Đại thừa
Hiểu rõ ngôn ngữ của chúng sinh.
Không có những lời tham, sân, si
Thuyết giảng thật nghĩa sâu xa đó
Tiếng nói vang xa khắp mười phương
Chỉ rõ tất cả nghĩa chân thật.
Không giận dù bị đánh, hủy, hại
Tâm luôn thương yêu lời thân ái
Vì chúng giảng pháp không thể nói
Tuy giảng giáo pháp tâm không kiêu.
Nếu ai thanh tịnh nghiệp như thế
Đoạn trừ pháp ác của khẩu nghiệp
Như Lai thuyết giảng tịnh khẩu nghiệp
Giúp chúng sinh đạt lưỡi rộng dài.
Nếu ai tu tập ý nghiệp lành
Người ấy một niệm các tâm
Thường ở thiền định hiện oai nghi

Diệt trừ ma nghiệp tâm không ngạo.
Không nhận, kham nhận vì chúng sinh
Hiểu biết chân thật, không chứng diệt
Tất cả quân ma không biết tâm
Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy.
Không tự hại mình và hại người
Quan sát pháp giới thật sâu xa
Nếu muốn thành tựu định Tịnh ấn
Thường nên tu tập mười pháp lành.
Thanh tịnh trang nghiêm cảnh giới Phật
Thanh tịnh pháp lành và sáu Độ
Đầy đủ công đức thân tướng đẹp
Đạt Đà-la-ni thuyết vô ngại.
An trụ đúng pháp thanh tịnh tâm
Không mất tâm niệm, dạy vô ngã
Trừ tất cả chướng tuệ vô ngại
Ý không lỗi lầm, đủ công đức.
Tu pháp trợ đạo, không phóng túng
Dạy pháp Bồ-đề cho chúng sinh
Đi khắp cõi nước thân không ngại
Giảng dạy chánh pháp độ mọi loài.
Thành tựu trọn tám pháp Bất cộng
Đầy đủ công đức thật vô lượng
Mặt đất kim cang đủ loại cây
Bồ-tát an tọa cội Bồ-đề.
Nếu ai đầy đủ công đức đó
Nên thường tu tập định Tịnh ấn

Như Lai nhờ tu chánh định này
Thành tựu công đức không thể lường.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 9

Phẩm 5: BỒ-TÁT HẢI TUỆ (Phần 2)

Thiện nam! Nếu Bồ-tát muốn đạt Tam-muội Tịnh ấn, nên tu tập thanh tịnh Bồ-đề, đoạn tâm nhơ.

Thiện nam! Nếu không thấy tánh của các pháp thanh tịnh thì bị phiền não khát ái ô nhiễm. Tất cả các pháp không thể tư duy, không tạo tác, không hành, thanh tịnh, vắng lặng, không bụi nhơ, không lỗi lầm, rốt ráo thanh tịnh như tánh giải thoát, pháp giới không hư hoại, không phân biệt, thật tánh, pháp tánh không sai khác. Tất cả các pháp vốn Không, Vô tướng, Vô nguyện, như tánh giải thoát, bình đẳng không ngại. Tất cả các pháp cũng thế. Quán sát như vậy là không nhơ.

Thiện nam! Bồ-tát vì chúng sinh giảng pháp không nhơ.

Thiện nam! Bồ-tát đạt tâm thanh tịnh là chứng Tam-muội Tịnh ấn.

Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Thế Tôn! Nghĩa của Tam-muội ấy sâu xa, không thể nói, không thể thấy, không thể đếm, khó hiểu. Đó là pháp thuộc trí tuệ lớn. Tất cả Bồ-tát đều bình đẳng, không nhơ uế, không chướng ngại, không nơi dừng, vi diệu, khó lãnh hội, không thể dẫn dụ, tánh bền vững như kim cang, không sinh diệt, không hư hoại, không ràng buộc. Đó là ánh sáng xua tan đêm tối, không thể nghĩ bàn, không nhơ uế, thanh tịnh, không tham, không tranh chấp, tu tập Từ bi, không giác quán, chẳng đến đi, tất cả bình đẳng như hư không.

Thế Tôn! Quán pháp gì để đạt Tam-muội ấy?

Phật nói:

–Thiện nam! Như chúng sinh muốn bay lên hư không cần trang bị các vật. Đại Bồ-tát cũng thế, muốn đạt định phải tự trang nghiêm, bình đẳng trang nghiêm tất cả pháp. Vì sao? Vì pháp thế gian từ nhân thành quả.

Thiện nam! Thức là hạt giống của tất cả pháp hữu vi. Tam-muội này không có hạt giống. Vì sao? Vì Tam-muội này vượt ngoài sự thấy biết của nhãn thức ý thức, không phải tạo tác, không phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tất cả pháp đều bình đẳng. Đó là Phật-đà Vô thượng.

Thiện nam! Không phải tướng khác nên là sinh tử, không phải tướng khác nên là Niết-bàn.

Thiện nam! Tùy tướng sinh tử tức tướng Niết-

bàn. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp vốn tịnh. Tánh căn bản là không tánh. Không tánh là không tánh tướng. Không tánh tướng là không tạo tác. Không tạo tác nên tánh pháp không văn tự, không văn tự là như. Trước giữa sau cũng thế, gọi là ba đời. Ba đời là không, không là không tạo tác, không tạo tác, nào có người tạo tác, vì thế không tạo tác là không. Nếu không tạo tác, không người tạo tác thì không pháp. Không pháp thì không cầu, không nguyện. Không nguyện cầu thì không có nghiệp thân, khẩu, ý. Không nghiệp thân, khẩu, ý là không ngại, không ngại là không sinh, không sinh là không diệt, không trụ. Không trụ là tướng vô vi, tướng vô vi là không trụ, không trụ là không nghiệp. Ý không trụ sắc ý không trụ hành. Ý không trụ bốn nơi là không trụ, không trụ thì không ngã mạn. Không ngã mạn thì không tăng trưởng. Không tăng trưởng thì không nhân. Không nhân thì không giác quán. Không giác quán là im lặng.

Thiện nam! Nghĩa của các pháp sâu xa. Nếu tin sẽ đạt giải thoát, đoạn trừ phiền não, chướng, hoặc, thọ trì tất cả tạng pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Vị ấy là đại thuyền sư, đạo sư, thương chủ, Pháp sư, thầy thuốc giỏi, cúng dường chư Phật ba đời, là đệ tử Phật, không nghiệp ma, diệt quân ma, không lâu sẽ đạt Tam-muội Tịnh ấn, trang nghiêm thuyền lớn, vớt

chúng sinh qua biển sinh tử.

–Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát diệt trừ quân ma?

Phật nói:

–Bồ-tát không cầu các pháp là diệt được quân ma, không tìm nhân duyên của các cảnh giới.

Thiện nam! Có bốn loại ma: Ấm, phiền não, chết, trời.

Thiện nam! Quán các pháp là tướng huyễn sẽ diệt được ấm ma; thấy các pháp là không sẽ đoạn trừ phiền não ma. Thấy các pháp không sinh diệt là diệt tử ma; trừ kiêu mạn là diệt thiên ma.

Lại nữa, thiện nam! Biết khổ là đoạn ấm ma, trừ tập là diệt phiền não ma, chứng diệt là hủy hoại tử ma, tu đạo là đoạn thiên ma.

Lại nữa, thiện nam! Thấy tất cả pháp hữu vi là khổ sẽ đoạn ấm ma; thấy các pháp chân thật vô thường là đoạn phiền não ma; thấy các pháp chân thật vô não là đoạn tử ma; thấy các pháp tịch tĩnh Niết-bàn là đoạn thiên ma.

Thiện nam! Bồ-tát không tham thân, khi bố thí thân hồi hướng Bồ-đề là đoạn ấm ma; khi bố thí trừ tâm tham là đoạn phiền não ma; quán tài vật đều vô thường là đoạn tử ma; tu Từ bi, bố thí là vì chúng sinh sẽ đoạn trừ thiên ma.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát giữ giới không vì chấp kiến là đoạn ấm ma; không vì tham là đoạn phiền não ma; xa lìa tội lỗi sinh tử là đoạn tử ma;

giúp kẻ hủy giới giữ gìn tịnh giới là đoạn thiên ma.

Lại nữa, thiện nam, Bồ-tát không thấy mình nhẫn, tu nhẫn là đoạn ấm ma; không thấy chúng sinh tu nhẫn là đoạn phiền não ma; không thấy sống chết là đoạn tử ma; không thấy Bồ-đề là hủy hoại thiên ma.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát siêng năng tu tập thân tịch tĩnh là đoạn ấm ma; tâm tịch tĩnh là đoạn phiền não ma; quán pháp không sinh là đoạn tử ma; điều phục chúng sinh chuyển sinh tử là đoạn thiên ma.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát tu tập thiền định không vì năm ấm là đoạn ấm ma; không chấp giới xứ là đoạn phiền não ma; không chấp nhập xứ là đoạn tử ma; hồi hướng tất cả căn lành lên pháp Bồ-đề là đoạn thiên ma.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát biết phương tiện ấm là đoạn ấm ma; biết phương tiện giới là đoạn phiền não ma; biết phương tiện nhập là đoạn tử ma; hồi hướng tất cả phương tiện lên Bồ-đề là đoạn thiên ma.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát quán tất cả pháp đều là tướng không là trừ ấm ma; quán tất cả pháp là vô tướng là đoạn phiền não ma; quán tất cả pháp vô nguyện là trừ tử ma; hồi hướng ba pháp quán đó lên Bồ-đề là trừ thiên ma.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát quán thân, thân xứ

không giác, không chấp là trừ ấm ma; quán thọ, thọ xứ không giác, không chấp là trừ phiền não ma; quán tâm, tâm xứ không giác, không chấp là đoạn thiên ma. Quán như thế, không mất tâm Bồ-đề là trừ bốn ma.

Thiện nam! Nếu chấp ngã là sẽ thêm việc ma. Bồ-tát biết có ngã, không ngã. Nếu pháp không phải có ngã không phải không ngã thì không có pháp thêm bớt. Tất cả chúng sinh bị vô minh che lấp nên Bồ-tát trang nghiêm Đại thừa vô thượng không vì ngã. Sau đó Bồ-tát tư duy: Ai trang nghiêm, pháp kiên cố không hư hoại? Ta trang nghiêm; ta cũng không hư hoại. Chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu cũng trang nghiêm để trừ chấp ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu của chúng sinh. Chúng sinh điên đảo thấy năm ấm là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, ta nên giảng về vô thường, khổ, không, vô ngã để chúng sinh đạt trí chân thật. Nếu không nguyện cầu thì không chấp, không chấp thì không hư dối. Nếu không hư dối sẽ đạt trí chân thật, biết quá khứ, vị lai, hiện tại, không chấp ba đời. Vì sao? Vì quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại không dừng, không chấp ba đời là không điên đảo, là hạnh Bồ-tát, biết rõ hạnh của tất cả chúng sinh, giảng rõ nghiệp quả; hiểu hành của tham, sân, si. Biết chúng sinh ham nơi tham dục trang nghiêm nơi sân. Hành nơi sân hận, trang nghiêm nơi tham. Hành nơi ngu si trang nghiêm nơi tham. Hành nơi

tham dục trang nghiêm nơi si. Hành nơi sân trang nghiêm si. Hành nơi si trang nghiêm nơi sân.

Thiện nam! Chúng sinh tham sắc, khởi sân vì tiếng; chúng sinh tham tiếng; giận dữ với sắc; chúng sinh tham hương, khởi sân vì vị; chúng sinh tham vị, giận vì hương; chúng sinh tham xúc; sân giận vì pháp; chúng sinh tham pháp; sân giận vì xúc; chúng sinh ít tham nhiều sân; chúng sinh nhiều tham ít sân; chúng sinh ít tham nhiều si, ít si nhiều tham, ít si nhiều sân, ít sân nhiều si; có chúng sinh bị sắc điều khiển, không phải bị thanh, hương, vị, xúc, pháp; có chúng sinh bị thanh điều khiển, không phải bị sắc, hương, vị, xúc, pháp; có kẻ bị hương điều khiển, không phải bị sắc, thanh, vị, xúc, pháp, có kẻ bị vị điều khiển, không phải bị sắc, thanh, hương, xúc, pháp; có chúng sinh bị xúc điều khiển, không phải bị sắc, thanh, hương, vị, pháp; có chúng sinh bị pháp điều khiển, không phải bị sắc, thanh, hương, vị, xúc; có chúng sinh tâm tịch tĩnh nên được điều phục. Không phải thân tịch tĩnh, được điều phục; có chúng sinh thân tịch tĩnh nên được điều phục, không phải tâm; có chúng sinh nghe pháp vô thường nên được điều phục, không phải nhờ nghe khổ, bất tịnh vô ngã; có chúng sinh nhờ nghe khổ nên được điều phục, không phải nhờ nghe vô thường, bất tịnh, vô ngã; có chúng sinh nhờ nghe về bất tịnh nên được điều phục, không phải nhờ nghe vô thường, khổ, vô

ngã; có chúng sinh nhờ nghe về vô ngã nên được điều phục, không phải nhờ nghe vô thường, khổ, bất tịnh; có chúng sinh nhờ thần thông của thân mà được điều phục, không phải do tha tâm trí; có chúng sinh nhờ tha tâm trí mà được điều phục, không phải do thần thông.

Thiện nam! Có chúng sinh siêng năng tu tập lại sớm được giải thoát; chúng sinh ít siêng năng tu tập lại sớm được giải thoát; có chúng sinh siêng năng tu tập lại sớm giải thoát; ít siêng năng lại chậm giải thoát; có kẻ nhờ nhân mà giải thoát không phải nhờ duyên; có kẻ nhờ duyên mà giải thoát không phải nhờ nhân; có kẻ nhờ nhân duyên giải thoát, có kẻ không phải nhờ nhân duyên lại được giải thoát; có chúng sinh quán pháp bên trong được giải thoát, không phải nhờ quán pháp bên ngoài; có chúng sinh nhờ quán pháp bên ngoài được giải thoát, không phải nhờ quán pháp bên trong, có kẻ quán cả trong ngoài được giải thoát, có kẻ không quán trong ngoài lại được giải thoát, có chúng sinh nhờ vui mà được giải thoát, không phải do khổ; có chúng sinh nhờ khổ mà được giải thoát, không phải do vui; có kẻ nhờ khổ vui được giải thoát, có kẻ không do khổ vui lại được giải thoát; có chúng sinh nhờ được khen mà giải thoát, không phải do bị chê trách; có chúng sinh nhờ bị chê trách mà được giải thoát, không phải do được khen; có kẻ nhờ khen chê mà giải

thoát, có kẻ không do khen chê; có chúng sinh do nghịch pháp mà được giải thoát; có chúng sinh nhờ thuận pháp mà được giải thoát; có kẻ nhờ cả thuận, nghịch mà được giải thoát, kẻ không do thuận nghịch; có chúng sinh nghe giảng sơ lược lại được điều phục; có chúng sinh nhờ được nghe giảng sâu rộng mà được điều phục; kẻ nhờ nghe cả lược, rộng mà được điều phục, kẻ không nhờ nghe rộng, lược mà được điều phục; có chúng sinh điều phục bằng bốn Đế; có kẻ nhờ bốn Niệm xứ được điều phục; kẻ nhờ bốn Chánh cần, bốn Như ý, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Chánh đạo nên được điều phục.

Thiện nam! Nghiệp của chúng sinh không thể nghĩ bàn, tâm của chúng sinh cũng không thể nghĩ bàn; việc điều phục, thâm nhập pháp môn, cảnh giới của chúng sinh không thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát đạt trí không thể nghĩ bàn mới biết được hạnh nghiệp không thể nghĩ bàn của chúng sinh.

Thiện nam! Như tấm lưới nhiều mắc, có người dùng sức chú thuật, phá rách tấm lưới ấy nên được ra khỏi, tùy ý đi lại. Cũng thế, Bồ-tát vào trong chúng sinh, dùng sức của trí tuệ xé rách lưới phiền não, tùy ý tự tại, tuy chưa thành tựu Bồ-đề vô thượng nhưng có thể hiểu được hạnh nghiệp của chúng sinh.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế Tôn! Lúc mới phát tâm Bồ-đề vô thượng, Đại Bồ-tát nghe về hạnh nghiệp của chúng sinh mà không kinh sợ, thật là hy hữu.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Ông nghĩ sao? như sư tử con tuy vừa chào đời nhưng nghe tiếng rống sư tử nó có sợ không?

–Không, thưa Thế Tôn! Đại Bồ-tát vừa phát tâm Bồ-đề nghe nghiệp của chúng sinh cũng như vậy.

Xá-lợi-phất! Ông nghĩ sao, thế của lửa tuy nhỏ nhưng có sợ củi khô to không?

–Không thưa Thế Tôn! Đại Bồ-tát vừa phát tâm Bồ-đề vô thượng đạt lửa trí tuệ cũng thế.

–Xá-lợi-phất! Như Lai sẽ dẫn những ví dụ trái nghịch.

Xá-lợi-phất! Như lửa lớn và củi lớn tranh chấp trong bảy ngày. Lúc đó tất cả cây cỏ cành lá khô đều tập hợp về như núi Tu-di. Lúc ấy có một người bạn của lửa lớn nói: "Vì sao ngươi không tự trang bị cho mình bằng cách cầu viện trợ quân, củi thì đông, ngươi một mình làm sao chống nổi."

Lửa đáp: "Kẻ địch tuy nhiều nhưng chỉ một mình ta có thể đối đầu, không cần bạn."

Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát cũng thế, dù phiền não nhiều, mạnh, trí lực của Bồ-tát vẫn tiêu diệt hết.

Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát có hai uy lực: Phiền

não, trí tuệ. Nếu Bồ-tát không có phiền não thì không thể cùng sống với chúng sinh, không biết được việc làm của chúng sinh và như thế chỉ chứng quả của Thanh văn, Duyên giác. Vì thế Bồ-tát dùng sức phiền não đi lại các cõi mà không kinh sợ. Đó là phương tiện của Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Như rắn độc con không cần chúng bạn, Đại Bồ-tát vừa phát tâm cũng thế.

Xá-lợi-phất! Như ánh đom đóm tuy có trăm ngàn vạn ức vẫn không che được ánh sáng mặt trời. Đại Bồ-tát cũng thế, vô số, vô lượng phiền não vẫn không thể gây chướng ngại nơi ánh sáng trí tuệ của Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Như một viên thuốc A-già-đà có thể giải được độc mạnh, trí tuệ của Bồ-tát cũng thế, một viên thuốc trí tuệ đã giải trừ được vô số độc phiền não.

Xá-lợi-phất! Như một trận mưa, tùy chất đất có vị sai khác. Trí giải thoát của Đại Bồ-tát cũng thế, tùy căn tánh của chúng sinh nên có vô số sai khác.

Xá-lợi-phất! Như dưới cây Diêm-phù có đất bùn vàng trong đó có các loại báu vật. Trong đất tâm của Đại Bồ-tát vừa phát tâm Bồ-đề cũng thế có đủ bảo vật Thanh văn, Duyên giác.

Xá-lợi-phất! Tất cả các vua nhỏ đều thuộc quyền cai trị của Chuyển luân thánh vương. Tất cả

hàng trời người cũng thế, đều về nương tựa nơi Bồ-tát vừa phát tâm Bồ-đề.

Xá-lợi-phất! Như kẻ phước mỏng không gặp được mưa báu. Nếu không trồng căn lành nơi Phật thì không thể phát tâm Bồ-đề.

Xá-lợi-phất! Nếu không có cây mía, làm sao có các loại đường? Nếu không tâm Bồ-đề làm sao có các vì Tam bảo?

Xá-lợi-phất! Như y vương Kỳ-bà thường nói: Tất cả mọi thứ trong thiên hạ đều là thuốc. Dưới mắt Bồ-tát cũng thế, tất cả pháp đều là Bồ-đề.

Xá-lợi-phất! Như A-tu-la vương dốc hết sức lực vẫn không thể cản trở vòng quay của mặt trời, mặt trăng. Tất cả chúng sinh cũng thế, dùng hết sức lực vẫn không cản trở việc tu đạo Bồ-đề của Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Như cung điện nhà cửa của cõi Sắc trong hư không, Đại Bồ-tát siêng tu Bồ-đề cũng ở trong pháp không.

Xá-lợi-phất! Như hư không dung nạp vạn vật nhưng không thêm bớt. Vô lượng pháp Phật cũng thế, tuy có Bồ-tát phát tâm cầu học nhưng pháp Phật vẫn không tăng giảm.

Xá-lợi-phất! Như có người mặc tình đi lại trong hư không mà hư không vẫn không thêm bớt. Cũng thế, Bồ-tát an trụ nơi sức tin, sống trong trí Phật nhưng trí Phật vẫn không tăng giảm.

Xá-lợi-phất! Như người thợ gốm làm đồ gốm, chưa làm xong thì không thể gọi là đồ gốm. Pháp lành của Bồ-tát cũng thế, chưa phát tâm thì không được gọi là pháp lành.

Xá-lợi-phất! Như người đã gặp Chuyển luân thánh vương thì không cần gặp các vua nhỏ. Cũng thế Bồ-tát đã phát tâm Bồ-đề không cần phát tâm Thanh văn, Duyên giác.

Xá-lợi-phất! Các nơi khác không có báu vật. Báu vật có trong biển.

Xá-lợi-phất! Trong báu Thanh văn không có Tam bảo, Tam bảo có trong báu Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Như Thái tử không được gọi là vua nhưng không phải không là vua. Bồ-tát cũng thế, không là Phật, nhưng không phải không là Phật.

Xá-lợi-phất! Như báu nhỏ không được xem thường. Vì sao? Vì báu nhỏ đó có thể mang lại nhiều ích lợi. Cũng thế Bồ-tát tuy vừa phát tâm vẫn không được xem thường.

Xá-lợi-phất! Ta đã dẫn dụ về các Đại Bồ-tát như thế. Bồ-tát nào được nghe sẽ luôn an lạc.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu muốn chứng đạt đạo quả Phật
Cần nên trừ diệt tâm nghi ngờ
Siêng năng tu tập lòng tin lớn
Là sẽ thành tựu pháp Bồ-đề.

Nếu ai tu tập định Tịnh ấn
Giảng dạy các pháp đều như mộng
Trải vô số kiếp thanh tịnh tâm
Là sẽ chứng đạt đạo chánh giác.
Đức Phật thành tựu đạo Bồ-đề
Không do thân nghiệp, khẩu, ý nghiệp
Thật tánh vô vi cũng như thế
Vì vậy không thể dẫn dụ được.
Phật đạo không thấy, không so sánh
Không thuộc nhãn thức, tựa hư không
Không phải căn tánh của vọng tình
Cũng không là cảnh của các căn.
Không là ấm, tướng hay nhập, giới
Không là tâm, ý, thọ, tưởng, thức
Không là cảnh giới của trí biết
Vì thế cảnh Phật không thể biết.
Đại Bi của Phật khó suy bàn
Vô lượng, vô biên không chướng ngại
Không chữ không tiếng không thể nói
Không ai biết được cảnh giới Phật.
Nếu có chúng sinh vô số kiếp
Gần gũi bạn lành nghe chánh pháp
Nhờ thế thành tựu phước đức lớn
An hưởng pháp lạc như chư Phật.
Tất cả quân ma không hại được
Điều phục các căn sống an lạc
Đủ mọi phương tiện diệt bốn ma
An trụ đúng pháp vào cõi Phật.

Nếu ai thực hành đạo Bồ-đề
Sẽ thành Chánh giác, dạy cho người
Đưa chúng sinh qua biển sinh tử
Trừ diệt hết thảy mọi tà chấp.
Thành tựu vô số tướng đại nhân
Đầy đủ mười Lực, bốn Vô úy
Biết rõ phiền não của chúng sinh
Cắt đứt tất cả đường sinh tử.
Bồ-tát siêng năng thực hành pháp
Diệt trừ hết thảy các phiền não
Như lửa thiêu đốt cây cỏ khô
Tâm Bồ-đề diệt lửa phiền não.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói với Bồ-tát Hải Tuệ:

–Thiện nam! Đại Bồ-tát siêng năng tu tập, dễ đạt Bồ-đề vô thượng. Ai siêng năng tu tập là có Bồ-đề. Ai siêng tu sẽ đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Trí tuệ ba-la-mật, tự lợi lợi tha.

Thiện nam! Vô số kiếp trong thời quá khứ có Đức Phật hiệu Cần Tinh Tấn, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi Phật tên Thiện kiến, kiếp tên Hoa tụ. Thời đó, cả cõi ngập nước, trong nước có tám vạn bốn ngàn hoa sen vi diệu, mỗi hoa lớn bằng mười do-tuần, vô số ánh sáng vàng, hương thơm dịu. Chư Thiên cõi A-ca-ni-trá thấy thế, vui mừng, nói: Nơi cõi ấy

có vô số hoa sen, sẽ có vô số Phật ra đời, vì thế kiếp tên là Hoa tụ. Lúc ấy, cõi nước Thiện kiến lặng như tờ. Nhờ vắng lặng nên các Bồ-tát trong các cõi thích quán sát. Nhờ sức quán sát, các Bồ-tát đều đạt Tam-muội Thiện hành. Vì vậy, cõi đó tên là Thiện kiến. Cõi đó, nhiều cây cối, lầu gác, cung điện bảy báu, chúng sinh an lạc như cõi trời Đâu-suất, thức ăn đầy đủ, chúng dễ thành tựu thần thông, không có người nữ, tất cả đều là hóa sinh, không có hai thừa, chỉ có Đại thừa. Đức Phật Cần Tinh Tấn có ba vạn sáu ngàn Bồ-tát xuất gia, đều đạt tâm không thoái chuyển. Đức Thế Tôn thường giảng về hạnh tinh tấn.

Bấy giờ, có một Bồ-tát tên Kiên Cố Trang Nghiêm, rời chỗ ngồi, đến lạy Phật, quỳ gối, chắp tay thưa: "Thế Tôn! Bồ-tát tu hạnh tinh tấn như thế nào?"

Phật nói: "Thiện nam! Hạnh tinh tấn có bốn: Phát tâm, tạo tâm, quán tâm, an trụ đúng pháp. Bốn pháp đó tức gồm đủ nhân duyên của pháp Phật. Vì sao? Thiện nam! Phát tâm là tạo nhân pháp lành. Tạo tâm là nuôi lớn nhân đó; quán tâm là đem lợi ích cho chúng sinh; an trụ đúng pháp là nhân nhập pháp Phật. Phát tâm là cầu nghe chánh pháp; tạo tâm là thuyết giảng pháp đã nghe; quán tâm là tư duy nghĩa lý; an trụ đúng pháp là sống như lời dạy. Phát tâm là điều phục tâm keo kiệt; tạo tâm là bố thí tất cả; quán tâm là hồi hướng Bồ-

đề; an trụ đúng pháp là không cầu quả báo. Phát tâm là tìm người thọ nhận; tạo tâm là khởi tâm thương yêu đối với người cầu xin; quán tâm là quán của cải là vô thường; an trụ đúng pháp là không cầu quả báo. Phát tâm là cầu tiền của như pháp; tạo tâm là nuôi sống thanh tịnh; quán tâm là không tham của, thích tu pháp; an trụ đúng pháp là bố thí tất cả nhưng không kiêu mạn. Phát tâm là lìa bỏ giới ác; tạo tâm là chuyên tâm giữ tịnh giới; quán tâm là tâm chuyên điều phục kẻ hủy giới; an trụ đúng pháp là không kiêu mạn giữ gìn tịnh giới. Phát tâm là thanh tịnh khẩu nghiệp; tạo tâm là thanh tịnh thân nghiệp; quán tâm là thanh tịnh ý nghiệp; an trụ đúng pháp là tu tập pháp lành. Phát tâm là đoạn sân, tạo tâm là tu nhẫn, quán tâm là bảo vệ mình người; an trụ đúng pháp là không kiêu mạn, dù đã tu nhẫn. Phát tâm là luôn thích giáo hóa chúng sinh tà kiến, tạo tâm là trừ tâm sân hận của chúng sinh, quán tâm là không thấy trong ngoài, an trụ đúng pháp là trừ bỏ tất cả phiền não kết sử. Phát tâm là không lười biếng, tạo tâm là siêng năng tu tập, quán tâm là điều phục chúng sinh lười biếng, an trụ đúng pháp là quán chúng sinh khiến chúng siêng tu. Phát tâm là tu thiền; tạo tâm là làm xong mọi việc; quán tâm là không cầu thừa khác; an trụ đúng pháp là không mất tâm Bồ-đề vô thượng. Phát tâm là trang nghiêm thiền định; tạo tâm là trang nghiêm Tam-muội; quán tâm là

không ngã mạn; an trụ đúng pháp là trừ tâm ác của chúng sinh. Phát tâm là trang nghiêm tâm niệm; tạo tâm là trang nghiêm các cõi; quán tâm là ý kiên cố; an trụ đúng pháp là mạnh mẽ không khiếp sợ. Phát tâm là nhân đúng pháp; tạo tâm là phương tiện; quán tâm là cửa; an trụ đúng pháp là giải thoát. Phát tâm là tìm văn tự; tạo tâm là thọ trì văn tự; quán tâm là biết văn tự không thể nói; an trụ đúng pháp là không chấp nơi văn tự. Phát tâm là xa lánh bạn xấu; tạo tâm là gần gũi bạn lành; quán tâm là chuyên lòng nghe pháp từ bạn; an trụ đúng pháp là hiểu đúng nghĩa. Phát tâm là từ bỏ gia đình; tạo tâm là không phân biệt oán thân; quán tâm là cầu pháp lành; an trụ đúng pháp là không theo ý người. Phát tâm là ít muốn; tạo tâm là biết đủ; quán tâm là dễ bằng lòng, dễ nuôi dạy; an trụ đúng pháp là biết thời cơ. Quán tâm là học đúng giới; tạo tâm là giữ gìn giới; quán tâm là học giới theo tâm; an trụ đúng pháp là học giới bằng trí. Phát tâm là bố thí và Trì giới ba-la-mật; tạo tâm là nhẫn và Tinh tấn ba-la-mật; quán tâm là Thiền và Bát-nhã ba-la-mật; an trụ đúng pháp là trí và Phương tiện ba-la-mật. Phát tâm là bố thí; tạo tâm là nói lời nhẹ nhàng; quán tâm là lợi tha; an trụ đúng pháp là cùng làm. Phát tâm là đại Từ; tạo tâm là đại Bi; quán tâm là đại Hỷ; an trụ đúng pháp là đại Xả. Phát tâm là hộ trì chánh pháp; tạo tâm là thanh tịnh ruộng phước; quán tâm là trang nghiêm

tướng tốt; an trụ đúng pháp là điều phục chúng sinh. Phát tâm là thật biết ấm ma; tạo tâm là trừ ma phiền não; quán tâm là đoạn tử ma; an trụ đúng pháp là pháp niệm xứ. Phát tâm là biết khổ; tạo tâm là trừ tập; quán tâm là chứng diệt; an trụ đúng pháp là tu đạo. Phát tâm là tín căn; tạo tâm là tấn căn; quán tâm là niệm căn; an trụ đúng pháp là tuệ căn. Phát tâm là bảy Giác phần; tạo tâm là tám Chánh đạo; quán tâm là Xa-ma-tha; an trụ đúng pháp là Tỳ-bà-xá-na.”

Thiện nam! Tất cả hành đều là phát; tu tất cả pháp hành là tạo; thanh tịnh tâm là quán; biết tất cả nghiệp là an trụ đúng pháp.

Thiện nam! Đức Cần Tinh Tấn lại nói với Bồ-tát Kiên Cố Trang Nghiêm: “Thiện nam! Siêng năng là tịch tĩnh tâm. Tâm tịch tĩnh là tinh tấn. Trừ thân kiến, biết ý thân, đoạn ngã và sở hữu ngã, chặt đứt mọi sự ràng buộc, trừ hết phiền não chướng, phá tan mọi trở ngại; trừ mười kiêu mạn; đoạn tham sân; xa lìa vô minh, hữu, ái; không buông lung, tu pháp lành; tâm tịch tĩnh; trừ nghi; không phân biệt ba đời; quán pháp giới không dao động; không còn lậu hoặc; không não hại; không hối hận; không mong cầu; không tạo tác; không thêm bớt; không trên dưới; không lấy bỏ; không trói mở; không đến đi; không sinh diệt; không: phóng túng và không phóng túng; không tạo tác và người tạo tác; không đen tối ngu muội; không

phải thấy, không phải không thấy là tinh tấn.”

Thiện nam! Lúc Đức Phật giảng nói pháp tinh tấn này có vô số Bồ-tát đạt Nhẫn vô sinh.

Thiện nam! Ở hội này năm ngàn Bồ-tát cũng đạt Nhẫn vô sinh, bảy ngàn trời người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Thiện nam! Nghe pháp xong, Bồ-tát Kiên Cố Trang Nghiêm đạt vô số pháp, siêng năng tu tập đạt nhẫn bậc thấp. Vì cầu pháp Bồ-tát không nằm, ngồi nghỉ ngơi cho đến khi bỏ thân này. Sau đó được sinh về cõi Phạm thế, thọ thân Phạm thiên, suốt vô lượng kiếp cúng dường Phật, nghe chánh pháp. Bồ-tát đã cúng dường tám vạn bốn ngàn Đức Phật, luôn nghe pháp, siêng năng tu tập.

Thiện nam! Ông biết không, Bồ-tát Kiên Cố Trang Nghiêm thời đó chính là ta đây.

Thiện nam! Từ lâu ta đã hành trì trọn vẹn pháp tinh tấn, thành tựu chánh giác trước các Bồ-tát Di-lặc vì thế ta nói ai tinh tấn là đạt Bồ-đề.

Thiện nam! Siêng năng tu tập mà còn khó đạt Bồ-đề vô thượng huống gì là lười biếng. Bồ-tát nào siêng năng sẽ tự lợi và lợi tha.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta nhớ quá khứ vô số kiếp
Trong kiếp Hoa tụ Phật Tinh Tấn
Thế giới Thiện kiến toàn ngập nước
Nở ra tám vạn bốn ngàn hoa.

Nước ấy như cõi trời Đâu-suất
Thứ ăn dồi dào không người nữ
Không có cha mẹ, tự hóa sinh
Không có Nhị thừa chỉ một thừa.
Bồ-tát ở các cõi mười phương
Thấy cõi Thiện kiến được an lạc
Ba vạn hai ngàn vị xuất gia
Vô lượng trời người phát Bồ-đề.
Khi ấy Phật khen hạnh tinh tấn
Là để dạy Bồ-tát Kiên Cố
Nếu ai phát tâm tu pháp lành
Chánh tâm tư duy an trụ pháp.
Lúc đó Thế Tôn vì ta đây
Phân biệt giảng thuyết về bốn cú
Phát tâm Bồ-đề hành đúng pháp
Suy xét đạt nhẫn an trụ pháp.
Người cầu chánh pháp là phát tâm
Thuyết giảng đúng pháp là tạo tâm
Hiểu biết thật nghĩa, tư duy kỹ
Tu tập nhẫn ngục: An trụ pháp.
Siêng năng bố thí là phát tâm
Tìm kiếm người nhận là tạo tâm
Thấy rõ vô thường khéo quán sát
Không quán hai tướng: An trụ pháp.
Cầu tài đúng pháp là phát tâm
Nuôi sống thanh tịnh là tạo tâm
Trừ bỏ keo kiết khéo quán sát
Không tâm kiêu mạn: An trụ pháp.

Đoạn trừ giới ác là phát tâm
Không để khuyết giới là tạo tâm
Điều phục phá giới khéo tư duy
Giữ giới không mạn an trụ pháp.
Trừ bỏ ác khẩu là phát tâm
Giữ thân tịch tĩnh là tạo tâm
Giữ tâm vắng lặng khéo tư duy
Các pháp vốn tịnh an trụ pháp.
Diệt trừ tâm hại là phát tâm
Tu tập nhẫn nhục là tạo tâm
Bảo vệ mình người khéo tư duy
Nhẫn, không kiêu mạn an trụ pháp.
Chỉ dạy kẻ giận là phát tâm
Xa lánh người ác là tạo tâm
Trong ngoài vắng lặng khéo tư duy
Không chấp ngã là an trụ pháp.
Trừ bỏ lười biếng là phát tâm
Siêng năng tu tập là tạo tâm
Hiểu biết chân thật khéo tư duy
Tu tập chánh đạo an trụ pháp.
Vừa cầu pháp lành là phát tâm
Cầu được trọn vẹn là tạo tâm
Chuyên tâm thọ trì khéo tư duy
Không mất chánh pháp an trụ pháp.
Cầu học thiền định là phát tâm
Tu tập Tam-muội là tạo tâm
Không có kiêu mạn khéo tư duy
Không còn tội lỗi an trụ pháp.

Tâm nghĩ trí tuệ là phát tâm
Chứng đạt pháp môn là tạo tâm
Ung hộ chánh pháp khéo tư duy
Dũng mãnh, siêng năng an trụ pháp.
Chánh niệm nhân duyên sơ phát tâm
Tu tập phương tiện là tạo tâm
Quán pháp bên trong khéo tư duy
Thành tựu giải thoát an trụ pháp.
Tìm cầu văn tự sơ phát tâm
Thông đạt tỏ ngộ là tạo tâm
Biết không thể nói khéo tư duy
Không có văn tự an trụ pháp.
Xa lánh bạn ác, sơ phát tâm
Gần gũi bạn lành là tạo tâm
Nghe học chánh pháp khéo tư duy
Không xả bỏ pháp an trụ pháp.
Xuất gia học Phật sơ phát tâm
Trừ chấp oán thân là tạo tâm
Tu tập pháp lành khéo tư duy
Không theo ý người an trụ pháp.
Ít muốn phát tâm biết đủ tạo
Thích nơi vắng lặng khéo tư duy
An trụ tịch tĩnh dạy không chấp
Siêng năng tu tập an trụ pháp.
Cầu học giới tướng là phát tâm
Không để thiếu giới là tạo tâm
Giới mà không giới khéo tư duy
Học giới bằng trí an trụ pháp.

Không nói việc đời sơ phát tâm
Thích nơi vắng lặng là tạo tâm
Bằng lòng, dễ sống khéo tư duy
Quán sát vô thường an trụ pháp.
Thích tu thí, giới sơ phát tâm
Nhẫn nhục, tinh tấn là tạo tâm
Thiền định, trí tuệ khéo tư duy
Tu trí, phương tiện an trụ pháp.
Thực hành bố thí sơ phát tâm
Nói lời êm dịu là tạo tâm
Lợi ích chúng sinh khéo tư duy
Tự lợi lợi tha an trụ pháp.
Tu tập Từ bi là phát tâm
Không chấp ba đời khéo tư duy
Vì mọi chúng sinh tịnh thân tâm
Tu tập Hỷ, Xả an trụ pháp.
Thành tựu chánh pháp sơ phát tâm
Thanh tịnh ruộng phước là tạo tâm
Trang nghiêm tự thân khéo tư duy
Điều phục chúng sinh an trụ pháp.
Trừ diệt ma ấm sơ phát tâm
Bỏ ma phiền não là tạo tâm
Diệt hết tử ma khéo tư duy
Đẩy lùi thiên ma an trụ pháp.
Tu tập thân niệm sơ phát tâm
Thực hành thọ niệm là tạo tâm
Tiến tu tâm niệm khéo tư duy
Tu pháp Niệm xứ an trụ pháp.

Thật biết về khổ sơ phát tâm
Trừ hết Tập đế là tạo tâm
Chứng đạt Diệt đế khéo tư duy
Tu tập Chánh đạo an trụ pháp.
Tu tập tín căn sơ phát tâm
Thực hành các lực là tạo tác
Tu Tam-muội niệm khéo tư duy
Tiến tu trí tuệ an trụ pháp.
Thân tâm thanh tịnh sơ phát tâm
Trừ bỏ tà kiến là tạo tác
Quán sát danh sắc khéo tư duy
Siêng năng, không hối an trụ pháp.
Không ngã, ngã sở sơ phát tâm
Không buộc, không mở là tạo tác
Không đến không đi, khéo tư duy
Pháp tánh không động an trụ pháp.
Xa lìa kiêu mạn: Mới phát tâm
Trừ bỏ tham sân là tạo tác
Quán mười hai duyên khéo tư duy
Đoạn si, hữu, ái an trụ pháp.
Đoạn trừ tất cả các hình tướng
Diệt sạch hết thảy mọi chướng ngại
Đầy đủ mười Lực, bốn Vô úy
Thuyết giảng công đức của tinh tấn.
Như Lai dạy pháp tinh tấn này
Mười ngàn chúng sinh ngộ vô sinh
Năm ngàn Bồ-tát đạt pháp nhẫn
Vô số trời người phát Bồ-đề.

Kiên Cố Trang Nghiêm chính là ta
Siêng năng vượt hơn các Bồ-tát
Nếu ai muốn đạt đạo Vô thượng
Nên tu tinh tấn như chư Phật.

Lúc ấy, Phạm thiên Tu Bi nói với Bồ-tát Hải Tuệ:

–Pháp Phật là gì?

–Phạm thiên! Pháp Phật là nhất thiết pháp. Nhất thiết pháp là pháp Phật. Tánh của pháp Phật là tánh của tất cả pháp. Tánh của tất cả pháp là tánh của pháp Phật. Tánh của pháp Phật và tánh của tất cả pháp không sai khác. Tất cả pháp vắng lặng, pháp Phật cũng vắng lặng. Tất cả pháp là không, pháp Phật cũng không. Phạm thiên! Tất cả pháp chính là mười hai nhân duyên. Bồ-đề cũng là mười hai nhân duyên.

Phạm thiên hỏi:

–Thiện nam! Pháp Phật chẳng qua là pháp của ba cõi?

–Phạm thiên! Tánh của pháp Phật và ba cõi không sai khác. Ba cõi bình đẳng, pháp Phật cũng bình đẳng, không có hai tướng.

Thiện nam! Ví như hư không không thêm bớt, pháp Phật cũng thế. Tánh không thêm bớt là không, không cao thấp.

Phạm thiên! Ai muốn thấy pháp Phật nên quán như thế.

Lại nữa, Phạm thiên! Pháp Phật không phải là xứ, phi xứ, sinh, diệt, xanh, vàng, đỏ, trắng, hoa văn, lưu ly, rỗng lặng, màu sắc, tạp sắc, không sắc, vuông tròn, dài ngắn, không tướng, không tướng tướng, không buộc mở. Đó là pháp Phật. Không tướng, không câu, không văn tự, thanh tịnh, vắng lặng, không, không tướng, không tụ, không xuất, giác biết, không thể nói, không thể quán. Không thể thấy là tịch tĩnh. Tịch tĩnh là không. Không là không tụ; không tụ là chân thật; chân thật là không xuất; không xuất là không diệt; không diệt là không xứ; không xứ là tánh pháp. Tánh pháp là pháp Phật. Đó là pháp học, pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, pháp Phật. Pháp Phật và các pháp khác không nơi dừng, không sinh diệt, không hình sắc vuông tròn dài ngắn, không tướng trí, không tối sáng. Tất cả các pháp không sai khác. Cầu pháp Phật là Phật pháp Phật và tất cả pháp. Đại Bồ-tát an tọa nơi cội Bồ-đề nơi có thể thấy biết chân thật. Vì sao? Vì chính pháp của Phật không nơi dừng. Tất cả các pháp cũng không nơi dừng. Pháp Phật không thể chứng đạt, tất cả pháp cũng không thể chứng đạt. Pháp Phật bình đẳng, tất cả pháp cũng bình đẳng. Nếu không có nhân duyên thì không có chủng tánh. Không chủng tánh là không sinh diệt. Không sinh diệt là chân thật, trí chân thật là tánh chân thật, các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại là pháp Phật. Vì sao? Vì hiểu ba đời không chướng ngại.

Không chướng ngại là trí Phật. Trí Phật là mười tám pháp Bất cộng. Pháp Bất cộng là gồm thâu tất cả pháp. Vì thế, các pháp là pháp Phật. Các pháp, pháp Phật không hai, không khác.

Phạm thiên! Pháp Phật không phải sắc, không thể thấy, làm sao ngươi hỏi là thấy rõ chưa. Tất cả các pháp đều không thể thấy, rõ ràng chính là pháp Phật, không có hai tướng.

Phạm thiên hỏi:

–Thiện nam! Vì sao Như Lai nói Phật thấy biết tất cả các pháp?

–Phạm thiên! Nếu pháp Phật có hình tướng cố định thì mới có thể nói là thấy biết.

–Thiện nam! Pháp Phật là không sao?

–Phạm thiên! Nếu pháp không cố định thì không thể nói là có, là không. Nếu không thể nói là có không làm sao nói là thấy biết.

–Thiện nam! Như Lai giảng pháp Phật ra sao?

–Phạm thiên! Như Lai nói: Hư không. Tánh hư không không có tướng định. Pháp Phật cũng thế.

–Thiện nam! Pháp Phật không thể nghĩ bàn. Bồ-tát lúc phát tâm Bồ-đề nghe pháp Phật như thế không kinh sợ không thể nghĩ bàn. Tánh của chánh giác cũng không kinh sợ. Tiếc thân mạng sẽ kinh sợ. Không tiếc thân mạng không kinh sợ. Bị chướng ngại là kinh sợ, không chướng ngại là không kinh sợ. Chấp ngã và sở hữu của ngã là kinh

sợ; đoạn chấp ngã, sở hữu ngã thì không kinh sợ.

Thiện nam! Bồ-tát có sức mạnh gì mà nghe pháp Phật sâu xa lại không kinh sợ?

–Phạm thiên! Có tám lực giúp người nghe pháp sâu mầu mà không kinh sợ: tin, bạn lành, nghe nhiều, căn lành, khéo tư duy, trừ kiêu mạn, đại Từ bi, an trụ đúng pháp.

Lúc đó, Đức Phật khen Bồ-tát Hải Tuệ:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam có thể thuyết giảng về oai lực của Bồ-tát. Đúng như ông nói, Bồ-tát có đủ các lực đó, nghe pháp mầu sẽ không kinh sợ.

Thiện nam! Tất cả ngôn ngữ đều được gọi là âm thanh. Tánh của Bồ-đề không thể thấy, không thể giảng nói. Không thể nói, thấy là nghĩa đệ nhất. Như Lai rõ biết tất cả là không thể giảng nói. Vì thương chúng sinh Phật nói Bồ-đề không phải tâm, cũng không thể đếm bằng tâm, huống gì là văn tự.

Thiện nam! Vì thương chúng sinh, Như Lai hiểu pháp sâu xa, biết pháp đó không hay biết, không tâm, số của tâm, không tướng, không chữ, không thể giảng nói. Vì chúng sinh nên giảng nói.

Thiện nam! Ví như hư không không phải là sắc pháp, không thể thấy, không thể so sánh, tạo tác.

Thiện nam! Như có người khéo vẽ các hình tượng nam, nữ, xe, ngựa, trong hư không. Người

ấy có thể nghĩ bàn được không?

–Không, thưa Thế Tôn!

–Thiện nam! Việc đó còn có thể tin được. Việc Như Lai biết không thể nói mà lại giảng nói thật là khó tin. Tuy giảng pháp không thể giảng nhưng thật biết tánh là không thể giảng nói.

Thiện nam! Người nghe pháp này mà không kinh sợ là người đã từng trồng căn lành nơi vô số Phật.

Thiện nam! Kinh điển đó không thể nghĩ bàn. Người nào có thể đọc tụng, thọ trì, biên chép giảng thuyết thì sẽ thọ trì tất cả các Đức Phật trong vô số cõi nước, dùng bảy báu nhiều như cõi nước để cúng dường chư Phật. Phước đức của Bồ-tát này nhiều không?

–Rất nhiều, thưa Thế Tôn! Công đức đó khó ví dụ được.

–Thiện nam! Không bằng ủng hộ chánh pháp. Vì thương chúng sinh nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết kinh này. Vì sao? Vì bố thí pháp là cách bố thí hơn cả. Bố thí vật chất là bố thí thế gian. Bố thí pháp là bố thí xuất thế gian.

Thiện nam! Người hộ trì chánh pháp sẽ được bốn sự bảo vệ: Được Phật bảo vệ; được chư Thiên bảo vệ; có phước đức bảo vệ; có trí tuệ bảo vệ. Phật bảo vệ lại có bốn việc: Thường được gần gũi Phật, quân ma không hại được, thành tựu vô tận

Đà-la-ni, đạt địa không thoái chuyển. Chư Thiên bảo vệ chúng sinh cũng có bốn việc: Nơi thuyết pháp thanh tịnh; khi thuyết pháp đại chúng thích nghe; không bị các nhân khác tổn hại; kẻ không tin phát lòng tin. Phước đức bảo vệ chúng sinh cũng có bốn: Trang nghiêm thân bằng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp; trang nghiêm khẩu nghiệp: chúng sinh thích nghe pháp mình giảng; trang nghiêm cõi Phật; trang nghiêm dòng tộc *(Đế Thích, Phạm thiên, Chuyển luân thánh vương)*. Trí bảo vệ chúng sinh có bốn: Biết căn của chúng sinh; tùy thuận thuyết giảng; biết bệnh của chúng sinh; tùy bệnh cho thuốc; đạt thần thông đi lại các cõi Phật; thông đạt pháp giới.

Thiện nam! Ai muốn thành tựu công đức như vậy nên siêng năng hộ trì chánh pháp.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Hộ trì chánh pháp, thương mọi loài
Thọ trì kinh này, dạy cho chúng
Chỉ dạy một phần trong ngàn Phật
Như giọt nước của biển cả.
Biết ân đền ân, niệm chư Phật
Người này tin hiểu tạng pháp Phật
Cúng dường vô số mười phương Phật
Có thể hộ trì chánh pháp Phật.
Tuy trí vô lượng các báu vật
Không bằng chuyên tâm đọc một kệ
Pháp thí vi diệu hơn thực thí

Vì thế người trí nên hộ pháp.
Chư Phật, Trời, Rồng, Thần mười phương
Công đức, trí tuệ luôn bảo vệ
Trang nghiêm tu hành các tướng tốt
Tất cả là nhờ hộ chánh pháp.
Thường gặp chư Phật, Thiện tri thức
Nghe đạo chân thật pháp Vô thượng
Sớm đạt vô lượng Đà-la-ni
Tất cả là nhờ hộ chánh pháp.
Giới thân, khẩu, ý đều thanh tịnh
Đầy đủ thần thông đến các cõi
Không thoái Bồ-đề, đủ sáu Độ
Tất cả là nhờ hộ chánh pháp.
Số bụi cõi nước có thể đếm
Công đức hộ pháp không thể lường
Muốn đạt trí tuệ không thể giảng
Kiên định tâm trí hộ chánh pháp.

Lúc đó, trong hội chúng có một Bồ-tát tên Công Đức Bảo Quang, rời chỗ ngồi, đến lạy Phật, quỳ gối chắp tay, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trong kinh này Phật nói: Pháp Phật không thể giảng nói. Nếu không thể giảng nói làm sao có thể bảo hộ?

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Đúng thế, đúng thế! Chánh pháp của Như Lai thật không thể

giảng nói. Như Lai biết không thể nói pháp. Chánh pháp đó, tuy không thể nói nhưng có văn tự. Nhờ văn tự nên có thể chỉ bày giảng thuyết. Đọc tụng, thọ trì, biên chép, giải nói văn tự đó là bảo hộ chánh pháp.

Thiện nam! Còn có cách hộ pháp khác là thấy người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói thì cung kính cúng dường, gần gũi lễ bái, tôn trọng ngợi khen, xem như thầy, cung cấp y phục, thức ăn, giường, thuốc men, nhà cửa, đèn đuốc. Khen ngợi khi nghe giảng, bảo vệ nhà cửa, dòng họ, người hầu, che giấu lỗi lầm, tán dương điều tốt.

Thiện nam! Người ủng hộ người trì pháp là bảo hộ Phật, Pháp, Tăng.

Lại nữa, thiện nam! Người tu tập Không, Vô tướng, Vô nguyện là hộ trì chánh pháp. Lại nữa, thiện nam! Không sống chung với người hủy báng kinh Đại phương đẳng.

Lại nữa, thiện nam! Người tu tập tâm Bi không vì lợi dưỡng, thương yêu chúng sinh, thuyết giảng chánh pháp là hộ trì pháp. Lại nữa thiện nam! Không tiếc thân mạng, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói kinh này là bảo hộ chánh pháp. Lại nữa, thiện nam! Vì để nghe một câu một chữ chánh pháp mà người phải đi cả một do-tuần hoặc bảy bước hoặc thời gian của một hơi thở, đó là bảo hộ chánh pháp.

Thiện nam! Vô lượng a-tăng-kỳ kiếp trong thời quá khứ có Đức Phật hiệu: Đại Trí Thanh Lực, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nước tên Tịnh quang, kiếp tên Cao hiển. Đất đai ở đó toàn là báu lưu ly xanh. Các chúng Bồ-tát đều thành tựu vô số oai lực, đầy đủ thần thông, trí tuệ không ngại. Các Bồ-tát đều thọ thân trời, chuyên tâm nghe pháp. Ở đó không có sự khác biệt giữa xuất gia và tại gia.

Lúc ấy, vì bảo hộ chánh pháp, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng. Trong chúng có một Bồ-tát tên Pháp Tuệ. Bồ-tát thưa Phật:

–Thế Tôn! Có pháp gì để ủng hộ?

Phật nói:

–Thiện nam! Sáu nhập là tham cầu cảnh giới, nếu ngăn chặn được sẽ là hộ pháp.

Thiện nam! Nhãn thức tham sắc là phi pháp, nếu đoạn trừ được gọi là hộ pháp. Ý thức đối với pháp cũng thế.

Thiện nam! Nếu thấy mắt không, không quán sắc, không chấp thức, là pháp. Thật biết về pháp như thế là hộ pháp. Thấy ý không, không quán pháp, không chấp thức là pháp. Thật biết về pháp như thế là hộ pháp.

Thiện nam! Nếu pháp có thể sinh pháp, không

tìm cầu, không chấp lấy pháp tâm không tham vướng được gọi là hộ pháp. Có kẻ thấy pháp sinh khởi tà kiến, đối với tà kiến ấy không tìm cầu, tham chấp, tâm không vướng mắc được gọi là hộ pháp. Chúng sinh vì vô minh, không thanh tịnh tâm, không tìm cầu, tham chấp trong cấu nhiễm, được gọi là hộ pháp. Chúng sinh tìm hiểu được một pháp, tham chấp không ban cho người, đó là phi pháp, phi Tỳ-ni. Nếu ban cho là chánh pháp, là Tỳ-ni. Không chấp giữ, không tìm cầu, không nêu bày là chánh pháp, là Tỳ-ni. Tìm cầu, chấp lấy là trái đạo. Không ban cho là trái pháp, trái Tỳ-ni. Bố thí là chánh pháp, là Tỳ-ni. Không lấy, không cầu, không nêu bày tức là không không xuất, không sinh, không diệt. Đã không xuất, sinh, diệt thì có gì để nêu bày? Không thể nêu bày là pháp, Tỳ-ni. Vì sao? Vì chưa có phiền não làm nhân duyên chướng ngại, nên không cùng tận. Không cùng tận là không xuất, không xuất là pháp, Tỳ-ni. Không cầu tìm, không chấp giữ đó là bảo hộ chánh pháp.

Thiện nam! Lúc Đức Thế Tôn giảng pháp này có ba vạn hai ngàn Bồ-tát đạt Vô sinh pháp nhẫn.

Bồ-tát Hải Tuệ thưa Phật:

–Thế Tôn! Theo sự hiểu biết về pháp Phật của con, tất cả pháp, phi pháp đều gọi là pháp. Vì sao? Vì nếu phân biệt pháp, phi pháp thì không là bảo hộ chánh pháp. Nếu thấy có tướng pháp là phi

pháp.

Thế Tôn! Thông tỏ tất cả pháp là không pháp, được gọi là nghĩa chân thật đệ nhất.

Thế Tôn! Nếu không pháp, không phi pháp thì không thể đếm. Nếu không thể đếm là thật tánh. Thật tánh là hư không. Tánh hư không không có biên giới. Tánh pháp cũng thế. Tánh pháp, tánh thật, không sai khác. Vì sao? Vì không biên giới. Bồ-tát thấy như thế được gọi là thật thấy.

Thế Tôn! Con không có một pháp nào. Vì không thấy được nên không thêm bớt.

Thế Tôn! Con thấy như vậy sẽ không hủy báng pháp Như Lai? Đó là thật thấy?

–Thiện nam! Thấy như thế sẽ không hủy báng Như Lai, là thật thấy. Lúc thuyết giảng pháp này, Bồ-tát Pháp Tuệ và một vạn trời người đạt pháp Nhẫn vô sinh.

Thiện nam! Ông biết không, Bồ-tát Pháp Tuệ lúc đó nào phải người khác, chính là đây. Vì thế, chánh pháp mà ta cầu học trong vô lượng kiếp nay đều phó chúc cho ông.

Lúc đó, sáu vạn ức Bồ-tát đồng thanh thưa Phật:

–Thế Tôn! Chúng con sẽ cùng ủng hộ chánh pháp thọ trì giảng nói rộng khắp.

Đức Phật nói:

–Thiện nam! Chư vị hôm nay làm thế nào để

an trụ như pháp, hộ trì chánh pháp?

Bồ-tát Sơn Vương thưa:

–Thế Tôn! Kẻ tham tiếc thân mạng không thể hộ trì chánh pháp. Con không tham tiếc thân mạng, an trụ đúng pháp nên có thể hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Công Đức Sơn Vương thưa:

–Thế Tôn! Kẻ tham lợi, không thể hộ trì chánh pháp. Con không tham lợi là hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Bảo Tràng thưa:

–Thế Tôn! Người phân biệt hai tướng pháp, phi pháp, không thể hộ trì chánh pháp. Con không phân biệt hai tướng là hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Phước Đức Tạng thưa:

–Thế Tôn! Người nhiều phiền não thì không thể hộ trì chánh pháp. Con có trí lực, đoạn trừ tất cả là hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Trì Cự thưa:

–Thế Tôn! Người không trừ vô minh thì không thể hộ trì chánh pháp. Con nay diệt trừ tối tăm nên có thể hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Điện Quang thưa:

–Thế Tôn! Người chạy theo bên ngoài là không hộ trì được chánh pháp. Con kiên định ý mình là hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Biến Tạng thưa:

–Không điều phục các căn thì không thể hộ trì

chánh pháp. Con nay đã điều phục nên có thể hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Tịnh Quang thưa:

–Thế Tôn! Thấy tướng của các pháp là không hộ trì chánh pháp. Con không thấy tướng của các pháp là hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Tăng Hành thưa:

–Người tâm cuồng loạn thì không thể hộ trì chánh pháp. Con tu Tam-muội là hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Thương chủ thưa:

–Thế Tôn! Không biết đạo nên không hộ trì chánh pháp. Con biết đạo là hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Thiện Niệm thưa:

–Thế Tôn! Nghi ngờ thì không thể hộ trì chánh pháp. Con đã trừ nghi nên hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Thiện Kiến thưa:

–Thế Tôn! Không an trụ đúng pháp là không hộ trì chánh pháp. Con nay an trụ đúng pháp nên có thể hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Tuệ Quang thưa:

–Thế Tôn! Kẻ ngu si không hộ trì chánh pháp. Con tu trí nên hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Bình Đẳng thưa:

–Thế Tôn! Chấp tướng oán thân là không hộ pháp. Con tu pháp bình đẳng là hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Pháp Hạnh thưa:

–Thế Tôn! Không biết căn tánh, cảnh giới của chúng sinh thì không thể hộ pháp, con đã biết rõ nên hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Thần Thông Vương thưa:

–Thế Tôn! Thấy ngã, sở hữu ngã là không hộ pháp. Con không thấy như vậy là hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Thế Tôn! Không biết tánh Phật thì không thể hộ trì chánh pháp. Con đã biết nên có thể hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Thế Tôn! Xa cách Bồ-đề thì không thể hộ pháp. Con gần gũi Bồ-đề nên có thể hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Công Đức Tụ thưa:

–Thế Tôn! Không có vô lượng công đức tụ thì không thể hộ chánh pháp. Con đã có đủ nên hộ trì chánh pháp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Thế Tôn! Tất cả những lời ấy đều là lời sai. Vì sao? Như Lai an tọa nơi cội Bồ-đề không đạt một pháp, cớ sao các ông lại nói là hộ pháp?

Thế Tôn! Đối với pháp, con không lấy, bỏ, vì chúng sinh nên tu tập tâm Bi, không hộ không bỏ.

Khi ấy, Đức Phật khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Xưa Như Lai an tọa nơi cội Bồ-đề thật không có pháp để đạt, vì không có chỗ đạt nên ra khỏi.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Thế Tôn! Như Lai thật sự an tọa nơi cội Bồ-đề sao? Cớ sao lại bảo là ra khỏi?

Thế Tôn! Nếu Như Lai an tọa cội Bồ-đề thì Như Lai thấy có hai tướng: Như Lai, Bồ-đề. Như Lai đã không chấp hai tướng.

Phật nói:

–Thiện nam! Bồ-đề, chúng sinh, tánh của tất cả pháp không sai khác, chỉ là một vị, một tánh. Như Lai an tọa nơi cội Bồ-đề đã rõ thấy pháp đó. Vì thế gọi là thành tựu Bồ-đề. Ngoài Bồ-đề không còn thấy có một pháp nào. Tất cả pháp đều bình đẳng. Sự bình đẳng đó không thể đếm nên là không ngại. Vì thế Như Lai được gọi là Nhất thiết vô ngại.

Thiện nam! Hiểu Như Lai như thế là đạt giải thoát của Như Lai. Đạt giải thoát là thấy biết chân thật.

Lúc thuyết giảng pháp này, tất cả bạn hữu của Bồ-tát Pháp Tuệ đều vui mừng thưa:

–Ngày nay chúng con đạt lợi ích lớn, chúng con được thấy Đức Thích-ca Mâu-ni, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Thế Tôn! Kinh này được lưu truyền đến đâu, nơi đó sẽ có nhiều lợi ích. Người cúng

dường, thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này cũng đạt nhiều phước đức.

Khi ấy, Đức Phật bảo các Bồ-tát:

–Các ông biết đạt lợi ích gì?

Các Bồ-tát thưa:

–Thế Tôn! Chúng con sẽ hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi về ý này.

Các Bồ-tát hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Thế nào là lợi ích?

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Có mười lợi ích: Gặp Phật ra đời, phát khởi lòng tin; nghe học chánh pháp, trừ tâm nghi, đạt mạng sống thanh tịnh, không thuyết pháp vì lợi dưỡng, chúng nghe pháp đều phát tâm Bồ-đề, kiên định không thoái chuyển, an trụ đúng pháp, đạt Nhẫn vô sinh. Thiện nam! Đó là mười lợi ích không thể nghĩ bàn.

Lúc nêu giảng pháp này, có ba vạn sáu ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng. Tam thiên đại thiên cõi nước đều chấn động sáu cách, phóng ra ánh sáng.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 10

Phẩm 5: BỒ-TÁT HẢI TUỆ (Phần 3)

Khi ấy, Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Thế Tôn! Kinh Đai thừa này mang lại lợi ích cho vô số chúng sinh. Vì sao? Nhờ pháp Đại thừa nên chúng sinh đạt được an lạc nơi cõi trời người và pháp lạc Niết-bàn. Thế Tôn! Đại thừa là pháp gì, lợi ích ra sao, vì sao khó đạt, có chướng ngại gì, vì sao gọi là Đại thừa?

Phật nói:

–Thiện nam! Có một pháp thuộc pháp Đại thừa đó là tâm Bồ-đề vừa phát. Đã phát tâm, không buông lung. Lại có một pháp là tin nghiệp quả. Có một pháp: Quán mười hai nhân duyên. Lại có một pháp: Bình đẳng với chúng sinh, thích tu đại Từ. Lại có một pháp: Không thoái tâm Bồ-đề. Lại có một pháp: Niệm Phật. Lại có một pháp: Niệm chánh pháp. Lại có một pháp: Niệm tăng bằng tâm không thoái chuyển. Lại có một pháp: Không mất tâm đạo, niệm tịnh giới. Lại có một pháp: Trừ phiền não, nghĩ đến tâm xả. Lại có một pháp:

Niệm thiên để đạt vô lượng thân tịch tĩnh. Lại có một pháp: Luôn nghĩ đến sự an ổn của chúng sinh. Lại có một pháp: Siêng năng tu hành. Lại có một pháp: Giúp chúng sinh giải thoát, được vui. Lại có một pháp: Thích cầu chánh pháp. Lại có một pháp: Không thoái tâm, giảng pháp cho chúng. Lại có một pháp: Yêu mến người nghe pháp. Lại có một pháp: Cúng dường người thuyết pháp. Lại có một pháp: Xem chánh pháp là thuốc lành. Lại có một pháp: Tự xem mình là thầy thuốc. Lại có một pháp: Hưng thịnh Tam bảo, giúp không đoạn mất. Lại có một pháp: Không lười biếng. Lại có một pháp: Không tham tiếc của cải. Lại có một pháp: Tự giữ giới, giáo hóa kẻ hủy giới. Lại có một pháp: Tự tu nhẫn, dạy chúng sinh trừ sân. Lại có một pháp: Nhớ ân khi được lợi vật. Lại có một pháp: Nghĩ đền ân. Lại có một pháp: Tự giữ giới, không khinh người hủy giới. Lại có một pháp: Trừ kiêu mạn. Lại có một pháp: Chuyên tâm cầu học pháp. Lại có một pháp: Xa lánh kẻ ác. Lại có một pháp: Chuyên tâm tu thiện. Lại có một pháp: Không theo ý người. Lại có một pháp: Điều phục các căn. Lại có một pháp: Xem Pháp sư như Phật. Lại có một pháp: Không tiếc thân mạng, hộ trì chánh pháp. Lại có một pháp: Hành pháp thế gian nhưng không bị nhiễm ô. Lại có một pháp: Cầu pháp quên thân. Lại có một pháp: Điều phục chúng sinh, chịu khổ không hối hận. Lại có một pháp: Cúng dường tháp

tượng sau khi Phật Niết-bàn như cúng dường Phật tại thế. Lại có một pháp: Tự nguyện làm bạn lành của chúng sinh. Lại có một pháp: Không tham đắm vật tốt. Lại có một pháp: Thích xuất gia. Lại có một pháp: Thích khen ngợi điều tốt của người. Lại có một pháp: Thích trang nghiêm Bồ-đề. Lại có một pháp: Không ganh ghét bạn cùng học. Lại có một pháp: Giáo hóa chúng sinh phát tâm Bồ-đề, tâm không hối hận. Lại có một pháp: Che đậy lỗi người. Lại có một pháp: Học tất cả ngôn ngữ, làm tất cả mọi việc; nói lời chân thật; làm theo lời nói; không chán pháp lành; đem mọi vật có được cho người; biết rõ cảnh giới ma; trừ kiêu mạn; biết thật; thích vắng lặng; không chấp ngã; sở hữu của ngã; không tự khen; tùy thuận phong tục; sống đúng pháp, ở nơi vắng lặng; thọ trì tịnh giới, tư duy pháp lành; học rộng nhưng không kiêu mạn; trọn hạnh lành an trụ địa một; tu Tam-muội không quán tánh pháp, không cao ngạo khi được vật cúng; không sống với kẻ thích pháp thế gian; cùng học pháp với các bạn; có phương tiện chân thật; biết tất cả nhưng không tham; tâm không hối dù chưa hay đã học; không khinh thường dù đã biết; không sân giận khi bị mắng; không phân biệt khi cúng dường dù đó là người mạ nhục mình; khen ngợi khi nghe chánh pháp; luôn cầu trang nghiêm sáu pháp Ba-la-mật; không thoái chuyển lòng tin, cầu trang nghiêm đạo Bồ-đề, nhận cúng dường

xong, thanh tịnh tâm mình, để thí chủ được lợi ích; đủ bảy tài vật; trừ sự nghèo cùng khốn khổ cho chúng sinh; điều phục chúng sinh bằng phương tiện khéo léo; thâu phục chúng sinh bằng bốn Nhiếp pháp; không tranh chấp với chúng sinh; không tìm lỗi của Pháp sư khi nghe pháp; không hận khi chưa chứng quả Sa-môn; luôn vào đời nhưng không bị nhiễm ô nơi tám pháp; luôn xét lỗi mình; không giận kẻ chỉ lỗi mình; không chấp pháp thế gian; không dối bạn; trước tự tịnh, sinh thanh tịnh nơi người; thọ trì tịnh giới không vì lợi dưỡng; tu tịch tĩnh; nuôi lớn pháp lành; hành pháp lành để trang nghiêm mình; trang nghiêm công đức; trang nghiêm trí tuệ; tu phương tiện Tam-muội không tưởng; an nhẫn đúng pháp; tu ba giải thoát; biết xứ phi xứ; tu Xa-ma-tha; trang nghiêm Tỳ-bà-xá-na; biết giải thoát; quán ba đời bình đẳng; không phân biệt; biết tánh của các pháp thâu giữ không sinh diệt. Đại Bồ-tát thấy biết trăm pháp như thế gọi là Đại thừa.

Lúc đó, Đức Phật lại nói với Bồ-tát Hải Tuệ:

–Thiện nam! Có hai pháp tạo lợi ích cho Đại thừa: Thích niệm pháp Phật; lìa bỏ Thanh văn. Lại có hai: Ủng hộ giải thoát, diễn giảng chánh pháp. Lại có hai: Cầu tâm Bồ-đề; điều phục chúng sinh. Lại có hai: Quán tâm Bồ-đề như tướng huyễn; quán chúng sinh đều không có ngã. Lại có hai: Không bỏ tâm Bồ-đề; quán pháp bình đẳng. Lại

có hai: Thanh tịnh căn lành; không tạo không tịnh. Lại có hai: Trang nghiêm pháp lành; thành tựu trọn vẹn. Lại có hai pháp: Mình trọn vẹn; chúng sinh trọn vẹn. Lại có hai: Tịnh bên trong, tịnh bên ngoài. Lại có hai: Không tạo tội; đã tạo thì sám hối. Lại có hai: Bố thí; không cầu báo. Lại có hai: Bình đẳng bố thí; hồi hướng căn lành. Lại có hai: Giữ giới; không cầu quả lành. Lại có hai: Không tự khen; không chê người. Lại có hai: Nhẫn nhục; nói lời êm diu. Lại có hai: Không tham, không sân. Lại có hai: Siêng tu pháp lành; không khinh kẻ lười biếng. Lại có hai: Thanh tịnh thân; thanh tịnh tâm. Lại có hai: Học thiền định; điều phục tâm. Lại có hai: Sống trong thiền; không ghét cõi Dục. Lại có hai: Cầu pháp; thích pháp. Lại có hai: Quán pháp; mong pháp. Lại có hai: Thích bạn lành; cung kính cúng dường. Lại có hai: Chuyên tâm lắng nghe; thọ trì. Lại có hai: Hỏi pháp; an trụ đúng pháp. Lại có hai: Biết pháp; biết nghĩa. Lại có hai: Không chán khi đã nghe; không ghét khi đã biết. Lại có hai: Tu lành; lánh dữ. Lại có hai: Thích giảng chánh pháp; thương yêu người học pháp. Lại có hai: Không tham tiếc pháp; không vì lợi dưỡng mà thuyết pháp. Lại có hai: Lắng lòng nghe; thọ trì. Lại có hai: Trừ năm cái; tu bảy Giác phần. Lại có hai: Thích; vui. Lại có hai: Biết mình; biết thời cơ. Lại có hai: Tin nghiệp quả; tu nghiệp lành. Lại có hai: Không mất tánh Thánh; nói lời

thật. Lại có hai: An trụ đúng pháp; không che giấu công đức Như Lai. Lại có hai: Thanh tịnh thân; trừ ba căn không lành. Lại có hai: Quán thân như cây cỏ; hành pháp lành để tịnh tâm. Lại có hai: Giữ gìn lời nói; trừ bốn lỗi của khẩu nghiệp. Lại có hai: Quán tất cả pháp không thể nói; quán âm thanh như tiếng vang. Lại có hai: Tịnh tâm; trừ vô minh, ganh ghét, tà chấp. Lại có hai: Tịnh bên trong; biết bên ngoài không có nơi hành. Lại có hai: Tu từ; bỏ chấp oán thù. Lại có hai: Quán chúng sinh như hư không; tu Từ. Lại có hai: Không mất tâm Bi; làm lành không hối tiếc. Lại có hai: Điều phục kẻ ương ngạnh; không hối hận khi đã làm. Lại có hai: Thọ trì pháp; bảo vệ pháp. Lại có hai: Thích pháp; hộ pháp. Lại có hai: Khen điều tốt của người; không nói lỗi người. Lại có hai: Trừ tham; trừ sân. Lại có hai: Không bỏ chúng sinh; tu hạnh Xả. Lại có hai: Niệm Phật, biết không có gì để niệm. Lại có hai: Quán thân, tu ba mươi hai tướng. Lại có hai: Niệm Pháp, dạy chúng sinh an trụ pháp. Lại có hai: niệm Tăng Bồ-tát; nương tựa vị Tăng không thoái chuyển. Lại có hai: Quán nơi không có Tăng, ủng hộ bốn quả Sa-môn. Lại có hai: Niệm giới, biết tâm Bồ-đề không thể thuyết giảng. Lại có hai: Quán giới không có trụ xứ, thương kẻ hủy giới. Lại có hai: Niệm thí. Không tiếc khi đã cho. Lại có hai: Trừ phiền não; giảng pháp trừ phiền não. Lại có hai: Niệm thiên; thích tịch tĩnh.

Lại có hai: Đủ tâm niệm; che chở kẻ loạn tâm. Lại có hai: Trang nghiêm công đức; trang nghiêm trí tuệ. Lại có hai: Quán không tạo tác; thích làm lành. Lại có hai: Không ràng buộc; giải thoát kẻ ràng buộc. Lại có hai: Không dối; tịnh tâm. Lại có hai: Biết ân, nhớ ân. Lại có hai: Giảng tội lỗi; trừ tội lỗi. Lại có hai: tự tu hạnh Thánh; dạy người tu. Lại có hai: Cầu pháp lành; không chán ghét. Lại có hai: Xa pháp ác; gần pháp lành. Lại có hai: Thỉnh Phật thuyết pháp; chuyên tâm lắng nghe. Lại có hai: Biết các pháp không sinh diệt; giảng câu, nghĩa. Lại có hai: Biết không có chúng sinh; sống chung với chúng sinh bằng pháp lành. Lại có hai: Trừ các tướng; cầu ba mươi hai tướng. Lại có hai: Quán không; bảo hộ chúng sinh. Lại có hai: tu vô nguyện; cầu nguyện cho chúng sinh. Lại có hai: Tu tất cả pháp lành mong chúng sinh làm lành. Lại có hai: Trí tuệ không ngại, thọ thân sinh tử. Lại có hai: không động; không hối. Lại có hai: Hổ; thẹn. Lại có hai: Thích nhàn tịnh; cầu pháp tịnh. Lại có hai: Tu Tam-muội không tranh chấp; quán không có chúng sinh. Lại có hai: Ít muốn, biết đủ. Lại có hai: Giấu lỗi người, nêu lỗi mình. Lại có hai: Quán mười hai nhân duyên; vững tin. Lại có hai: Không ngã, không chúng sinh. Lại có hai: Tự ngăn phiền não, trừ phiền não người. Lại có hai: Quán không tạo tác; không thọ nhận. Lại có hai: Quán lỗi sinh tử; không đoạn sinh tử. Lại

có hai: Biết sinh tử; dạy chúng sinh thoát sinh tử. Lại có hai: Cầu Ba-la-mật; biết không nơi trụ. Lại có hai: Cầu trí; dạy người tu trí. Lại có hai: Không mong cúng dường, làm mọi việc để cúng dường. Lại có hai: Nhớ đền ân, bình đẳng với người có ân không ân. Lại có hai: Không buông lung; tu "Vô duyên từ". Lại có hai: Vào hàng xuất gia; vui thích hạnh xuất gia. Lại có hai: Tự thành tựu công đức, thương kẻ thiếu đức. Lại có hai: Tu thân niệm; biết không có nơi niệm. Lại có hai: Niệm thọ; biết không có pháp niệm. Lại có hai: Niệm tâm, biết không có pháp niệm. Lại có hai: niệm pháp; biết không có pháp niệm. Lại có hai: Trừ bỏ pháp chẳng lành; gần người làm lành. Lại có hai: Trừ pháp ác đã sinh, bảo vệ pháp lành đã sinh. Lại có hai: Sinh khởi pháp lành chưa sinh, nuôi lớn pháp lành. Lại có hai: Thành tựu thần thông, dạy chúng sinh. Lại có hai: An trụ pháp giới; thấy tất cả cõi Phật. Lại có hai: Vững tin; dạy chúng sinh, kẻ không tin, tin như mình. Lại có hai: Tịnh tâm; dạy kẻ loạn tâm. Lại có hai: Siêng tu; hóa độ kẻ lười biếng. Lại có hai: Đủ trí tuệ không ngại; giáo hóa kẻ vô minh. Lại có hai: Quán giới; quán duyên. Lại có hai: Trang nghiêm trí; tâm không hối. Lại có hai: Quán phiền não; biết giải thoát. Lại có hai: Tất cả pháp đều giải thoát; phiền não không hợp ba cõi. Lại có hai: Trang nghiêm Bồ-đề, tu học chánh giác. Lại có hai: Tận trí; vô sinh trí. Lại có

hai: Quán phương tiện đạo Thánh; quán phương tiện sinh tử. Lại có hai: Trọn vẹn đạo; biết kẻ thoái chuyển. Lại có hai: An trụ đúng pháp, không chấp pháp. Lại có hai: Biết sinh diệt từ duyên, giải thoát từ duyên. Lại có hai: biết nghiệp ma, biết đã trừ. Lại có hai: Nhẫn trước kẻ sân; thương người hành nhẫn. Lại có hai: Trang nghiêm Bồ-đề, không tham chấp. Lại có hai: Không bỏ phiền não; không bỏ pháp lành. Lại có hai: Biết xứ phi xứ; hồi hướng căn lành lên Bồ-đề. Lại có hai: Quán tâm Bồ-đề như tướng huyễn, hồi hướng trang nghiêm Bồ-đề. Lại có hai: Quán chúng sinh và Bồ-đề không sai khác, biết chúng sinh nhờ Bồ-đề đạt giải thoát. Lại có hai: Biết pháp không sinh, trang nghiêm pháp lành. Lại có hai: Pháp không thể nói nhưng lại nói, đưa chúng sinh về một thừa. Lại có ba pháp: Phát tâm Bồ-đề; gần bạn lành không hối tiếc; tu tập tâm đại Bi không thoái chuyển. Lại có ba: Trừ keo kiệt; bố thí tất cả; tu Bồ-đề. Lại có ba: Đủ tịnh giới; điều phục kẻ hủy giới; hồi hướng Bồ-đề. Lại có ba: Không sân; điều phục kẻ sân; hồi hướng Bồ-đề. Lại có ba: Không hối hận khi vào sinh tử; xây dựng sự nghiệp cho người; hồi hướng Bồ-đề. Lại có ba: Đạt Tam-muội; không kiêu mạn; hồi hướng Bồ-đề. Lại có ba: Duyên sinh; duyên pháp; không duyên. Lại có ba: Tự thương, thương người; lìa cả hai. Lại có ba: Vì tự lợi tu tập trí tuệ; lợi sinh bằng trí; tự lợi lợi tha. Lại có ba: Biết quá

khứ đã qua; vị lai chưa đến; hiện tại không dừng. Lại có ba: Tu tâm Từ với chánh định; tu tâm Bi với tà định; tu tâm giải thoát với kẻ bất định. Lại có ba: Tịnh thân; tịnh khẩu; tịnh ý. Lại có ba: Quán bất tịnh trừ tham; tu Từ bi đoạn sân; quán mười hai nhân duyên đoạn vô minh. Lại có ba: An, vui, biết đủ. Lại có ba: Thọ trì pháp đã nghe; phân biệt cú nghĩa; quán sát tội lỗi. Lại có ba: Đủ bảy tài vật; bố thí pháp; bố thí cho tất cả. Lại có ba: Nghĩa thật; nghĩa chân; nghĩa dối. Lại có ba: Biết mình; biết người; biết thời cơ. Lại có ba: Năm ấm và pháp ấm bình đẳng; các giới và pháp giới bình đẳng; các nhập và pháp nhập bình đẳng. Lại có ba: Tu Không, Vô tướng, Vô nguyện. Lại có ba: Không bác nhân quả; biết pháp do duyên sinh; từ nhân duyên có văn tự. Lại có ba: Tin Phật không thể nghĩ bàn; tin Pháp không thể hủy báng; tin Tăng là ruộng phước lành. Lại có ba: Trừ tham, đoạn sân; diệt si. Lại có ba: Thế đế; Đệ nhất nghĩa đế; không chấp hai đế. Lại có ba: Đoạn phiền não; không kiêu mạn; cúng dường vào ruộng phước. Lại có ba: Không nhiễm cõi Dục; không tham cõi Sắc; ở cõi Vô sắc không cao ngạo. Lại có ba: Được cúng không mừng; bị mắng không giận; trừ tám pháp thế gian. Lại có ba: Che đậy các căn; hiểu rõ các căn; tịch tĩnh các căn. Lại có ba: Hướng đến địa lành; trừ chướng địa lành; quán đức địa lành. Lại có ba: Chuyên tâm; tịnh tâm; trang nghiêm

thanh tịnh. Lại có ba: Học giới giới; học tâm giới; học tuệ giới. Lại có ba: Không vui khi theo lạc; khi buồn khi chịu khổ; không khổ không vui, tu tập hạnh xả. Lại có ba: Chuyển nhân, không tạo tác; chuyển phiền não, không quán tướng; chuyển ba đời, không nguyện cầu. Lại có ba: Mắt không; sắc tịch tĩnh; thọ không trụ xứ. Lại có ba: Giữ giới, tu định; quán tuệ. Lại có ba: Niệm pháp; tư duy pháp; an trụ đúng pháp. Lại có ba: Thanh văn giải thoát nhờ âm thanh; Duyên giác giải thoát nhờ mười hai nhân duyên; Bồ-tát giải thoát nhờ sáu độ. Lại có ba: Bố thí; đại thí; thí rốt ráo. Lại có ba: Hộ pháp; bảo vệ người hộ pháp; hộ trì Đại thừa. Lại có ba: Vào sinh tử, quán tội lỗi; vượt thoát. Lại có ba: Chuyên tâm nghe pháp trừ năm cái; thích vắng lặng; an trụ đúng pháp. Lại có ba: Nương nghĩa, tựa pháp, y trí. Lại có ba: Thích nhàn tịnh sau khi đã biết rộng; suy xét pháp lành; biết pháp bình đẳng. Lại có ba: Gần gũi người trí; học hỏi rộng; bảo vệ người tốt. Lại có ba: Không tham; dạy người; thương quý người nghe pháp; chuyên tâm quán pháp Bồ-đề. Lại có ba: Bình đẳng với chúng sinh; quán tâm bình đẳng; quán Phật bình đẳng. Lại có ba: Quá khứ đã qua; vị lai không hợp; hiện tại chẳng lường. Lại có ba: Quán khổ vô thường; quán pháp vô ngã; Niết-bàn tịch tĩnh. Lại có ba: Không che lỗi; hối lỗi; chuyên tâm giữ giới. Lại có ba: Trừ nghi; trừ hối; trừ chướng. Lại có ba:

Muốn điều tốt; không làm việc thế gian; thích yên tịnh. Lại có ba: Kham nhẫn pháp sâu mầu; giảng nghĩa vi diệu; hiểu mọi nghĩa lý. Lại có ba: Đủ nhẫn nghe; trọn nhẫn tư duy; vẹn nhẫn thuận. Lại có ba: Phương tiện trí tuệ; đại Từ; siêng năng kiên định.

Thiện nam! Có bốn pháp làm chướng ngại Đại thừa: Nghe những pháp không nên nghe; không thích nghe học tạng pháp Bồ-tát; tạo nghiệp ma; hủy báng chánh pháp. Lại có bốn: Tham dục; sân hận; ngu si; không thích chánh pháp. Lại có bốn: Ghen ghét khi người được lợi; tham của cải; dối Pháp sư; không thích gần Thiện tri thức. Lại có bốn: Xem bạn lành là kẻ xấu; coi kẻ xấu là bạn tốt; phi pháp cho là pháp; pháp cho là phi pháp. Không thích bố thí; cho rồi lại tiếc; cho rồi lại xét lỗi; không niệm tâm Bồ-đề. Lại có bốn: Bố thí vì dục; bố thí vì sân; bố thí vì si; bố thí vì sợ. Lại có bốn: Bố thí vì danh tự; bố thí vì mình; bố thí vì bạn tốt; bố thí vì hiếu thắng. Lại có bốn: Không chuyên tâm bố thí; không tự tay bố thí; không trông coi việc bố thí; khinh mạn bố thí. Lại có bốn: Bố thí vật không đáng giá; bố thí một ít vật; không lắng lòng bố thí; khinh khi bố thí. Lại có bốn: Thí chất độc; thí dao; thí đồ bất tịnh; thí vật không có ích. Lại có bốn: Giận người giữ giới; thích kẻ phá giới; nghe theo lời kẻ ác; không nghĩ đến bố thí, giới. Lại có bốn: Cầu lợi phi pháp;

không chia tài vật khi có được; ngăn chận việc cúng dường của người, không biết đủ. Lại có bốn: Giữ oai nghi vì cầu lợi dưỡng; vì lợi dưỡng hạ mình cầu xin; tâm dối gạt; nuôi sống bằng nghề xấu. Lại có bốn: Giận bạn cùng học; giận người cùng tu; không biết nghiệp ma; thích nói lỗi người. Lại có bốn: Kiêu mạn không nghe chánh pháp; không cung kính Pháp sư; không lễ bái cha mẹ; sư trưởng; bạn tốt; chạy theo nghiệp ác. Lại có bốn: Che lấp công đức của người; rêu rao lỗi người; nuôi lớn tính kiêu mạn; giữ mãi tâm sân. Lại có bốn: Lười biếng; không thích nghe lời tốt; không tùy thuận; sống trái pháp. Lại có bốn: Không điều phục; không thanh tịnh; không che giấu; không nhẫn nại. Lại có bốn: Không thích nghe học pháp lành; thích vào xóm làng thành ấp; hủy phá giới cấm lại thích được cúng dường; không điều phục các căn. Lại có bốn: Không che chở chúng sinh; không điều phục mọi loài; không hộ trì chánh pháp; thích nói lỗi của Pháp sư. Lại có bốn: Không giữ lòng tin; không thấy tội của chúng sinh; không xét lỗi của bạn xấu; không hiểu tội nghi ngờ. Lại có bốn: Không quán bên trong; không quán bên ngoài; không hổ; không thẹn. Lại có bốn: Không biết ân; không đền ân; bội ân; chấp tà. Lại có bốn: Hủy báng Thánh nhân; ủng hộ người đời; không tin ruộng phước; chê cười người bố thí pháp. Lại có bốn: Không thanh tịnh nghiệp

thân; không giữ gìn nghiệp khẩu; không xả bỏ nghiệp ý; chán ghét Đại thừa. Lại có bốn: Nói lời đâm thọc ly gián người; nói lời sân hận với Hòa thượng, sư trưởng; nói lời vô nghĩa phá hoại lợi ích; nói dối để gạt hàng trời, người. Lại có bốn: Không giữ giới; loạn thiền định; không tin đời sau; thích việc thế gian. Lại có bốn: Thô bạo; kiêu mạn; thích nói việc thế gian; thích ngủ nghỉ. Lại có bốn: Mượn danh Bồ-tát để nhận cúng dường; không chăm sóc người bệnh; không trồng căn lành; không hướng Bồ-đề. Lại có bốn: Tự khinh; khinh pháp; khinh phước; thường niệm thừa Thanh văn, Bích-chi-phật. Lại có bốn: Tham thân; tham tâm; tham mạng; tham giới. Lại có bốn: Tham nhà cửa; tham Đàn-việt; tham tà chấp; tham phá giới. Lại có bốn: làm nhiều; nói nhiều; nhận nhiều; tham ngắm nhìn. Lại có bốn: Chấp ngã; chấp tà; chấp đoạn; chấp thường. Lại có bốn: Không làm, thoái lui; hối tiếc; không vui. Lại có bốn: Không tu thiền; thoái trí; không thích phương tiện. Lại có bốn: Chướng ngại pháp; chướng ngại nghiệp lành; phiền não tạo chướng ngại; nghiệp ma tạo chướng ngại.

Thiện nam! Đó là các pháp chướng ngại Đại thừa.

Lúc giảng nói pháp này, có bốn vạn bốn ngàn trời, người phát tâm Bồ-đề vô thượng. Hai vạn tám ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh. Tam thiên đại

thiên cõi nước đều chấn động. Trong hư không vô số trời người đồng thanh nói:

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! Thế Tôn! Ngày nay Như Lai gầm vang tiếng sư tử, thương yêu chúng sinh, mở cửa Đại thừa.

Thế Tôn! Chúng sinh đạt một phần pháp này là đoạn khổ nơi ba đường ác, dần được vô số Pháp bảo. Như có người ra ngoài thành thấy kho báu, vì thương mọi người nên người ấy vào thành nói với mọi người: Ai muốn hết nghèo nên đi theo ta. Trong số đó có người tin, người không tin. Người tin thì đi theo đến chỗ kho báu, tự ý lấy chọn, hết nghèo khổ. Song kho báu ấy vẫn không thêm bớt, cũng chẳng nghĩ: Cho người này lấy, không cho người khác lấy; giúp người này hết nghèo, không giúp người kia; cho người này đem đi, không cho người khác đem đi. Đức Thế Tôn cũng thế, trải qua vô số kiếp dốc cầu Pháp bảo vô thượng đó, đạt rồi thì thương chúng sinh. Dùng âm thanh Đại phạm bảo với chúng sinh: Ai muốn trừ nghèo khổ sinh tử nên lắng lòng nghe. Chúng sinh ít phước không tin thì không trừ được khổ sinh tử. Người tin thì tùy khả năng học Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa, Bồ-tát thừa. Song Pháp bảo đó không thêm bớt. Có người tuy đến kho báu nhưng không thể lấy được. Người này thường ở trong ba đường ác. Người nghe được một chữ, một câu, thọ trì trong khoảnh khắc vẫn trừ được khổ sinh

tử. Huống gì là người học một phẩm, hai phẩm, đọc tụng thọ trì, giải nói kinh Đại thừa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen chúng trời người:

–Lành thay, lành thay! Các Thiên tử! Người thọ trì kinh điển này sẽ đầy đủ pháp lành, kham nhận trí Phật, đủ trí lớn; tạo lợi ích cho vô số chúng sinh.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ở trong các thừa Đại thừa nhất
Tựa như hư không không biên giới
Đoạn trừ tất cả nghiệp sinh tử
Hướng cội Bồ-đề không chướng ngại.
Có đủ khả năng tịnh tâm ấy
Vui lòng bố thí tất cả vật
Chuyên tâm giữ gìn giới thanh tịnh
Hướng cội Bồ-đề không chướng ngại.
Tâm luôn bình đẳng với chúng sinh
Thường quán tội lỗi của phiền não
Vượt hơn tất cả thừa yếu kém
Điều phục chúng sinh hướng Đại thừa.
Chuyên tâm thọ trì đọc tụng kinh
Trọn vẹn tịnh giới và nhẫn nhục
Đầy đủ trí tuệ dẹp quân ma
Thương yêu chúng sinh hướng đạo tràng.
Trang nghiêm Từ bi tu bốn Thiền
Dao sắc trí tuệ diệt quân ma

Ở cội Bồ-đề quán nhân duyên
Thành tựu, thương chúng giảng Đại thừa.
Chúng sinh mười phương học Đại thừa
Pháp không thêm bớt tựa hư không
Thần lực Đại thừa khó suy nghĩ
Vì thế Như Lai thường tu tập.
An trụ Niệm xứ, hành Chánh cần
Đầy đủ: Như ý, Căn và Lực
Lên đường bát Chánh lấy báu Giác
Vì thế Như Lai hướng Bồ-đề.
Tâm Phật tịch tĩnh trừ phiền não
Xua tan hắc ám thành trí sáng
Vì vậy Phạm thiên và Đế Thích
Kính lạy Như Lai học Đại thừa.
Đầy đủ sáu Độ, sáu Thần thông
Trọn phương tiện khéo, ba Giải thoát
Trừ diệt các ma và tà chấp
Vì thế Như Lai học Đại thừa.
Nếu ai thành tựu các căn lành
Trọn vẹn các pháp, căn bất thiện
Tin tưởng đoạn trừ mọi phiền não
Vì vậy Đại thừa khó nghĩ bàn.
Tất cả các pháp ở thế gian
Vô số pháp môn xuất thế gian
Là người học pháp không học pháp
Tất cả đều thuộc pháp Đại thừa

Chúng sinh đi vào các đường ác
Gần gũi bạn xấu, kẻ tà chấp
Vì thương chúng đó tu phương tiện
Điều phục mọi loài giảng Đại thừa.
Thấp kém không thích pháp Đại thừa
Tâm hợp không trừ kết sử người
Thường cầu tự vui bỏ người khác
Kinh sợ khi nghe pháp Đại thừa.
Những người đủ trí trọn uy lực
Thương yêu chúng sinh đem lợi ích
Nghe pháp Đại thừa tâm vui vẻ
Trừ khổ não người không hối hận.
Nếu ai muốn biết hạnh chúng sinh
Căn tánh cảnh giới của mọi loài
Bồ-tát một niệm tỏ thông hết
Vì thế Đại thừa khó nghĩ bàn.
Đạt thân tịch tĩnh tướng trang nghiêm
Khẩu nghiệp thanh tịnh chúng thích nghe
Tâm cũng thanh tịnh trọn thần thông
Tất cả đều nhờ hướng Đại thừa.
Tin tưởng thực hành pháp Đại thừa
Không khiến đoạn hết giống Tam bảo
Vì thương chúng sinh làm lợi ích
Trừ hết khổ não, không nghèo cùng.
Đi lại các cõi ở mười phương
Gặp được vô số Đức Thế Tôn
Hướng tu các pháp Đại thừa ấy

Thành tựu vô lượng, vô số đức.
Tất cả thế gian không ai hơn
Hướng đến Đại thừa, pháp vô thượng
Đầy đủ sức mạnh diệt quân ma
Vì thế Đại thừa khó nghĩ bàn.
Trọn vẹn sắc, lực luôn tự tại
Thọ thân Phạm, Thích, Chuyển luân vương
Tin tưởng tu học pháp Đại thừa
Thọ hưởng an lạc của ba cõi.
Bố thí tất cả không hối tiếc
Dù là vật quý vẫn không tiếc
Xả thân bố thí tu Từ bi
Vì thế Đại thừa khó nghĩ bàn.
Giữ giới siêng tu thích phạm hạnh
Thần lực che cả mặt trời, trăng
Không tham chấp thân, quả báo tốt
Tu tập Đại thừa điều phục chúng.
Giảng pháp người nghe người không nghe
Không hề sân giận hay yêu thích
Thân tâm siêng hành đại tinh tấn
Để đạt Đại thừa, pháp khó đạt.
Trở thành Pháp vương bậc Tối thượng
Thành tựu nhẫn nhục pháp khó nhẫn
Trải vô số kiếp chịu khổ não
Trọn vẹn Đại thừa hơn tất cả.
Siêng năng lợi ích vô số chúng

Thanh tịnh các nghiệp thân, khẩu, ý
Tu tập Từ bi và thần thông
An trụ Đại thừa phước đức lớn.
Hiểu sinh, trụ, diệt của pháp giới
Không ngã, không chấp, điều phục căn
An trụ trong pháp Đại thừa ấy
Luôn được an lạc như chư Phật.
Đầy đủ tâm niệm và tinh tấn
Bốn pháp Như ý, đại thần lực
Nương tựa Chánh pháp và Thật nghĩa
Đều nhờ an trụ pháp Đại thừa.
Trọn vẹn bốn pháp Vô sở úy
Gầm tiếng sư tử Đấng Tối Tôn
Đầy đủ tướng tốt tự trang nghiêm
Là nhờ an trụ pháp Đại thừa.
Thành tựu trọn vẹn ba Thần thông
Điều phục giáo hóa mọi quần mê
Tâm luôn tịch tĩnh không kiêu mạn
Thực hành Đại thừa đủ nhẫn nhục.
Nói tiếng Phạm thiên thật vi diệu
Tất cả mọi loài đều thích nghe
Siêng năng tu tập pháp Đại thừa
Hiểu rõ ngôn ngữ của chúng sinh.
Tạo mọi nghiệp lành trang nghiêm cõi
Không lâu sẽ đạt vô lượng thân
Chuyên tâm nghe học pháp Đại thừa
Thọ hưởng vô lượng pháp an lạc.
Đi lại hư không không chướng ngại

Biết rõ biển có bao nhiêu nước
Không thể nói hết đức Đại thừa
Vì thế Đại thừa khó lường nghĩ.

Lúc đó, Đức Phật lại bảo Bồ-tát Hải Tuệ:

–Thiện nam! Ai muốn thọ trì kinh này, thanh tịnh tâm nên thọ trì môn cú, pháp cú, kim cang cú, chuyên tâm quán sát môn cú: Làm cửa ngõ để vào tất cả pháp. Chữ "A" là cửa của tất cả pháp môn. A là không. Tất cả các pháp đều vô thường. Chữ "Ba" cũng là cửa của các pháp. "Ba" là Đệ nhất nghĩa. Chữ "Na" là cửa của các pháp. "Na" là các pháp không ngại. "Đà" là cửa của các pháp. Đà: Điều phục tánh tất cả pháp. "Sa" là cửa của các pháp. Sa: Xa lìa tất cả pháp. "Đa" là cửa của các pháp. Đa: Tất cả pháp đều như như. "Ca" là cửa các pháp. Ca: Tất cả các pháp không tạo tác, không thọ nhận. "Ta" là cửa các pháp. Ta: Các pháp không phân biệt. "Già" là cửa các pháp. Già: chánh pháp của Như Lai sâu xa khó lường. "Xà" là cửa các pháp. Xà: Không có tướng sinh. "Đàm" là cửa các pháp. Đàm: Không phân biệt giới. "Xa" là cửa các pháp. Xa: Trọn Xa-ma-tha, đạt tám Chánh đạo. "Khư" là cửa các pháp. Khư: Các pháp tựa hư không. "Xoa" là cửa các pháp. Xoa: Các pháp cùng tận. "Nhược" là cửa các pháp. Nhược: Các pháp không ngại. "Tha" là cửa các pháp. Tha: Các pháp là xứ phi xứ. "Cổ" là cửa các pháp. Cổ: Quán năm ấm đạt lợi ích lớn. "Trà" là

cửa các pháp. Trà: Các pháp không rốt ráo. "Ca" là cửa các pháp. Ca: Thân tịch tĩnh nên đạt lợi ích. "Chí" là cửa các pháp. Chí: Tâm tịch tĩnh, trừ tất cả ác. "Ưu" là cửa các pháp. Ưu: Thọ trì, bảo vệ, thanh tịnh giới cấm. "Xà" là cửa các pháp. Xà: khéo tư duy. "Thế" là cửa các pháp. Thế: An trụ nơi pháp. "Tu" là cửa các pháp. Tu: Tánh các pháp là giải thoát. "Tì" là cửa các pháp. Tì: Tất cả các pháp đều là Tỳ-ni. Tỳ ni là điều phục tự thân. "Thời" là cửa các pháp. Thời: Tánh các pháp không ô nhiễm. "A" là cửa các pháp. A là tánh của các pháp sáng suốt. "Ta" là cửa các pháp. Ta là tu tám Chánh đạo. "Bà" là cửa các pháp. Bà: các pháp không phải trong không phải ngoài.

Thiện nam! Đó là môn cú. Thanh tịnh tâm niệm, thanh tịnh tâm, biết căn của chúng sinh. Pháp cú: Tất cả các pháp là ấm giải thoát, không hai, không thường đoạn, không thêm bớt, bình đẳng như hư không, năm nhãn đạo như hư không, không phân biệt tựa hư không; nhập pháp giới, như như, không quá khứ, vị lai, hiện tại, bản tánh thanh tịnh, không, không tướng, không nguyện, không xứ phi xứ, khổ, vô ngã, tịch tĩnh, không lỗi lầm, thuộc Đệ nhất nghĩa, an trụ nơi như tánh pháp, giải thoát rốt ráo, không thời gian, vượt ba đời, cùng một vị, tánh không ngại, tánh không sinh, tánh không tranh chấp, tánh không giác quán, không phải sắc, không thể thấy, không nhà

cửa, không đối trị, không nghiệp quả, không tạo tác, không thọ nhận, không sinh diệt.

Thiện nam! Đó là pháp cú. Pháp cú đó là Bồ-đề của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Pháp cú đó là tám vạn bốn ngàn pháp môn.

Thiện nam! Quán sát các pháp như thế là đạt pháp Nhẫn vô sinh.

Thiện nam! Người chưa trồng căn lành, nghe pháp này sẽ trồng căn lành, trừ nghiệp ma.

Thiện nam! Quán sát như thế là đạt Đà-la-ni Vô tận khí. Pháp đó bao hàm tám vạn bốn ngàn Tam-muội, tám vạn bốn ngàn hạnh tánh của chúng sinh. Đó là pháp cú. Kim cang cú: thân không hoại diệt tựa Kim cang. Vì sao? Vì tánh của pháp không hoại. Tánh của trí tuệ trừ diệt vô minh. Vì thế trí tuệ đó là Kim cang cú. Tội ngũ nghịch trừ hết pháp lành. Vì vậy ngũ nghịch là Kim cang cú. Quán bất tịnh trừ tham dục. Bất tịnh là Kim cang cú. Quán tâm Từ diệt sân hận. Tâm Từ là Kim cang cú. Quán mười hai nhân duyên trừ ngu si. Quán duyên là Kim cang cú. Tâm của tất cả chúng sinh bình đẳng là Kim cang cú vì tâm của một chúng sinh hàm tàng tâm của tất cả chúng sinh. Một Đức Phật, tất cả Đức Phật đều bình đẳng là kim cang cú. Một ruộng phước, tất cả ruộng phước bình đẳng không cùng tận; tất cả pháp tựa hư không; các pháp cùng một vị, các pháp và pháp Phật bình đẳng không

hai; Tam-muội Kim cang trừ diệt nghiệp ma ác; tiếng pháp Như Lai hơn tất cả loại tiếng; quán không sinh diệt vượt già bệnh chết là Kim cang cú.

Thiện nam! Các pháp đó là Kim cang cú, là vững chắc; không hoại; không phá; bình đẳng; thật; không hai; không thoái chuyển; tịch tĩnh; không tạo lỗi lầm; không thêm bớt; không có nghiệp; không có pháp; chân thật là có; không hủy báng Phật; nương Pháp; tựa Tăng; vốn vậy; phân biệt ba đời; dũng mãnh; Phạm thiên; từ; tâm; hư không; Bồ-đề; không thấp; tướng pháp; không tướng; tâm ý thức không trụ; Ba-tuần; phá ma; vô thượng; không hơn; rộng; vào cảnh giới mình; vào cảnh giới Phật; không giác quán; không phân biệt pháp giới; không câu cú.

Thiện nam! Bồ-tát hiểu được các cú nghĩa đó sẽ đến cội Bồ-đề, an tọa nơi pháp tòa Sư tử Kim cang.

Lúc giảng nơi pháp này có tám ngàn Bồ-tát đạt Đà-la-ni nhập pháp và Tam-muội Nhất thiết chúng sinh bình đẳng. Khi đó, Bồ-tát ở các nơi đều rải hoa, trỗi nhạc cúng dường Phật, nói kệ:

Con xin kính lạy Đấng Tối Tôn
Biết rõ âm thanh của mọi loài
Dạy tướng, không tướng, một tướng thật

Thành tựu ba mươi hai tướng tốt.
Tâm tánh của mỗi mỗi chúng sinh
Bình đẳng hàm tàng tâm mọi loài
Dạy hành, không hành, một thật hành
Con xin kính lạy Đấng Vô Thượng.
Như Lai thật biết mọi nhân quả
Vì thế giảng rõ nghiệp và báo
Pháp giới chân như chẳng có không
Con xin tán thán Đấng Vô Thượng.
Tất cả chúng sinh không giác quán
Tâm tánh vốn tịnh, không tham dục
Tham dục sinh khởi do nhân duyên
Con xin kính lạy Đấng Chân Trí.
Con thấy vô lượng sắc thân Phật
Nhưng thân Như Lai không hình sắc
Vì thương chúng sinh hiện hình sắc
Kính lạy Thế Tôn, Sư Tử Chúa.
Tất cả ruộng phước vào một ruộng
Nhưng ruộng phước này không thêm bớt
Pháp giới không động chẳng chuyển dời
Kính lạy Thế Tôn, Bậc Voi Chúa.
Quán tâm chúng sinh là huyễn hóa
Các pháp Bồ-đề cũng như vậy
Biết tất cả pháp đều bình đẳng
Vì thế con lễ Đấng Bình Đẳng.
Quán các pháp giới thảy bình đẳng

Nên dạy các pháp không một, hai
Không có không không là giải thoát
Kính lạy Thế Tôn hai trừ chấp.
Mặt trăng mặt trời có thể rơi
Có thể buộc giữ cơn gió lớn
Có thể thổi bay núi Tu-di
Không thể nói Phật dạy hai lời.
Lời thật lời chân lời thanh tịnh
Thân tâm trong sạch tự hư không
Không nhiễm thế gian, hoa sen đẹp
Con xin kính lễ Đấng Vô Thượng.
Người nào tán thán đức như vậy
Sẽ được thành tựu công đức ấy
Vì những công đức vô thượng đó
Con xin kính lạy Đức Thế Tôn.

Nói kệ xong, các Bồ-tát thưa Phật:

–Thế Tôn! Báu lớn chính là Phật. Phật ra đời là đem lại niềm vui, là có niềm tin, có tâm niệm, có Trí, có Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền định, Tuệ, có Từ, Bi, Hỷ, Xả, có trí biết nghĩa mười hai Nhân duyên, có Niệm xứ, Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác, Đạo, tất cả pháp lành.

Lúc ấy, trong chúng hội có một Bồ-tát tên Tuệ Tụ, thưa Phật:

–Thế Tôn! Sinh, già, bệnh, chết ở đời là có Phật xuất thế, có vô minh, tham ái, sân giận, nghi ngờ, phiền não là có Phật ra đời. Vì sao? Nếu các

pháp đó không xuất hiện làm sao có Phật?

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Đúng như lời ông nói.

Khi đó, Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Thế Tôn! Nếu không có các pháp đó, Như Lai có xuất hiện ở đời không?

–Thiện nam! Khi Bồ-tát vừa phát tâm Bồ-đề thật không biết các pháp đó. Vì thế ta giảng giải cho.

Thiện nam! Có bốn hạng Bồ-tát: vừa phát tâm Bồ-đề; tu hành đạo Bồ-đề; kiên định không thoái Bồ-đề; một đời thành Phật. Phát tâm Bồ-đề: Thấy sắc tướng Phật; phát tâm Bồ-đề. Bồ-tát tu hành: Thấy tất cả pháp lành của Phật nên phát tâm. Bồ-tát không thoái: Thấy thân Phật và các pháp bình đẳng. Bồ-tát một đời thành Phật: Thấy công đức của Phật và tất cả pháp. Vì sao? Vì đạt mắt tuệ thấy biết tất cả; trừ hai chấp, trí tuệ thanh tịnh nên không thấy tịnh, bất tịnh, không phải tịnh, không phải bất tịnh. Người này là thấy rõ Như Lai.

Thiện nam! Ngày xưa ta thấy Phật Nhiên Đăng như thế, nhờ đó đạt pháp Nhẫn vô sinh, biết rõ về, đạt không đạt. Sau đó, bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la. An trụ trong hư không, thấy biết tất cả pháp giới. Do thấy vậy nên tâm không trụ vào đâu, đạt sáu vạn Tam-muội. Bấy

giờ, Đức Nhiên Đăng thọ ký cho ta: Ma-nạp, đời sau ông sẽ được thành Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Khi ấy, ta không nghe thấy tiếng thọ ký đó, không nghĩ là Phật, là được thọ ký. Ta đã thành tựu ba tuệ thanh tịnh: Không thấy ngã, Phật, thọ ký. Lại có ba pháp: Không thấy ngã, chúng sinh, pháp. Lại có ba: Không thấy danh, sắc, nhân. Lại có ba: Thấy tất cả ấm đều thuộc về pháp ấm, tất cả giới đều thuộc pháp giới; tất cả nhập đều thuộc pháp nhập. Lại có ba: Quá khứ đã qua; vị lai chưa sinh; hiện tại không dừng. Lại có ba: Quán thân như trăng dưới nước, âm thanh không thể nói, tâm không thể thấy. Lại có ba: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Thấy như vậy là thật thấy thọ ký.

Thiện nam! Bồ-tát thấy như vậy là thật thấy.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 11

Phẩm 5: BỒ-TÁT HẢI TUỆ (Phần 4)

Khi ấy, Bồ-tát Hải Tuệ thưa Phật:

–Thế Tôn! Đại Bồ-tát phát nguyện gì mà có được trí tuệ như vậy?

Phật nói:

–Thiện nam! Đó là nguyện vốn có. Đại Bồ-tát dù an trụ trong định hay không vẫn vì chúng sinh.

Thiện nam! Như người có ruộng mía tốt, đất ruộng bằng phẳng. Khi muốn tưới nước, người ấy chỉ cần mở cống là nước vào khắp ruộng, không cần dùng sức.

Thiện nam! Đại Bồ-tát cũng thế, dù ở trong định chuyên tâm suy nghĩ, hay không thiền định không suy nghĩ vẫn luôn vì chúng sinh, làm mọi việc lành đều nguyện cho chúng sinh mà làm, cùng hồi hướng về pháp Phật vô thượng. Tâm Bồ-tát tịnh, giới, nhẫn, định, tuệ cũng thanh tịnh, quán pháp Phật và chúng sinh bình đẳng không hai. Tuy có nguyện nhưng không phải phát khởi. Là không

cần phát nhưng sức của nguyện ấy đạt thấu đến chúng sinh. Cùng làm mọi điều lành, cùng hồi hướng lên pháp Bồ-đề.

Thiện nam! Như người chặt cây Đa-la, cây đổ.

Thiện nam! Đại Bồ-tát cũng thế, tu tập Tam-muội luôn hướng đến Bồ-đề. Có người cho cây ngã không vì chặt, người cho vì chặt nên ngã, nhưng cây vẫn ngã. Bồ-tát cũng thế, mọi pháp lành đều hướng Bồ-đề, không thể không hồi hướng. Vì sao? Vì tánh của pháp vốn vậy. Đại Bồ-tát tu pháp lành vì không đoạn chủng tánh Tam bảo, để thanh tịnh cõi Phật, trang nghiêm thân với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, trang nghiệp khẩu nghiệp để khi giảng pháp đại chúng thích nghe, trang nghiêm tâm quán, chúng sinh bình đẳng không hai, đạt Tam-muội Phật và pháp Phật. Bồ-tát tuy không tham cầu pháp ấy nhưng vẫn tự tại chứng đạt. Vì sao? Vì sức của thệ nguyện.

Thiện nam! Như các đồ gốm lúc còn ở trong khuôn thì chưa có tên. Khi đã làm xong thì tự nhiên có tên gọi. Pháp lành của Bồ-tát cũng thế, khi chưa phát nguyện thì không được gọi là pháp Ba-la-mật. Vì thế Bồ-tát tu pháp lành cần phải phát nguyện.

Thiện nam! Như luyện vàng, chưa thành đồ vật thì chưa có tên. Khi thành mới được gọi là vật trang sức. Pháp lành của Bồ-tát cũng vậy, chưa

phát nguyện thì chưa được gọi là Ba-la-mật.

Thiện nam! Như Tỳ-kheo muốn nhập diệt định, trước phải phát nguyện: ta nhập định, nghe tiếng kiền chùy sẽ xuất định. Sự thật trong định không có kiền chùy. Nhờ sức của nguyện nên tiếng kiền chùy vang lên, Tỳ-kheo xuất định.

Thiện nam! Đại Bồ-tát cũng thế vì thương chúng sinh nên phát nguyện: Ai chưa được độ ta sẽ độ; ai chưa được giải thoát ta giúp chúng giải thoát. Khi tu Bồ-đề nhập Tam-muội sâu xa. Với sức của đại Bi, nghĩ đến chúng sinh, không chứng quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật. Vì thế tuy tu ba mươi bảy phẩm Trợ đạo nhưng Bồ-tát không đạt quả.

Thiện nam! Hạnh nghiệp của Bồ-tát là không thể nghĩ bàn, tuy nhập định sâu nhưng không chứng quả Sa-môn.

Thiện nam! Như có hai người muốn vượt qua vùng có lửa lớn, một người mặc giáp Kim cang đi qua, một người mặc áo cỏ khô bị lửa thiêu rụi. Vì sao? Vì cỏ dễ cháy, kim cang bền chắc. Đại Bồ-tát cũng thế, thương yêu chúng sinh, chuyên niệm Bồ-đề, trang nghiêm vô lượng Tam-muội thâm diệu. Nhờ sức của Tam-muội nên vượt trên quả vị Thanh văn, Duyên giác, không chứng quả. Sau khi xuất định, đạt đạo chánh giác, Tam-muội Như Lai. Người mặc áo cỏ dụ cho hàng Thanh văn. Thanh

văn chán ghét sinh tử, không có tâm Từ bi với mọi loài nên không vượt quả vị Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì hàng Nhị thừa thấy đủ trong phước đức, Bồ-tát không thấy đủ. Áo kim cang dụ cho Không, Vô tướng, Vô nguyện. Lửa lớn dụ cho các pháp hành. Đại Bồ-tát quán tất cả pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện, nên không chứng quả Sa-môn.

Thế Tôn! Đại Bồ-tát đầy đủ mọi việc không thể nghĩ bàn, tu Tam-muội nhưng không chứng; vào lửa sinh tử không bị đốt. Đại Bồ-tát thành tựu phương tiện nhập tất cả định, không bị mê hoặc nơi định. Vì đủ phương tiện nên làm mọi việc vẫn không đắm nhiễm, tuy vì kẻ tà chấp giảng quả Sa-môn nhưng không tự chứng quả Sa-môn. Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Đúng như lời ông nói.

Thiện nam! Như ba thứ thuốc nhuộm đựng trong một vật. Đó là thuốc La sai, uất kim, thanh đại dùng để nhuộm ba loại là áo dạ, áo lông, áo Kiều-xa-da. Áo lông ngâm vào nước gạo sẽ có màu xanh; áo dạ ngâm trong nước sạch thành màu vàng; áo Kiều-xa-da, trước ngâm vào nước tro sẽ có sắc đỏ. Ba thứ ấy tuy cùng một vật đựng nhưng màu sắc khác nhau.

Thiện nam! Hàng ba thừa cũng thế. Vật đựng dụ cho Không, Vô tướng, Vô nguyện. Ba màu dụ cho Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Ba loại áo dụ

cho ba Bồ-đề: Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không nghĩ là cho quả này, không cho quả kia.

Thiện nam! Áo lông dụ cho Thanh văn, áo dạ dụ cho Duyên giác; áo Kiều-xa-da là dụ cho Bồ-tát. Đại Bồ-tát nhìn các pháp như điếc như câm, không có chúng sinh. Thấy thế nên tâm không tham đắm, không hối hận. Vì tâm đã hiểu rõ: Với chúng sinh tự không làm lợi cũng không phải là không làm lợi. Vì chúng sinh tu tập đại Bi.

Thiện nam! Như báu lưu ly thanh tịnh tuy bị vùi trong bùn cả trăm năm, tánh của nó vẫn trong sạch, khi lấy ra nó vẫn như xưa. Đại Bồ-tát cũng thế, biết rõ tánh của tâm thanh tịnh vì bị khách trần là phiền não nhiễm ô, kỳ thật phiền não của khách trần không làm cấu nhiễm được tâm thanh tịnh, như ngọc báu trong bùn vẫn không bị nhơ. Đại Bồ-tát nghĩ: Nếu tánh của tâm ta bị phiền não nhiễm ô, làm sao ta hóa độ chúng sinh. Vì thế, Bồ-tát thường thích tu tập trang nghiêm phước đức, vào các cõi, cúng dường Tam bảo, vào trong chúng sinh diệt trừ kết sử, ở nơi tham không khởi tâm tham, hộ trì chánh pháp, thích bố thí, đầy đủ tịnh giới, trang nghiêm nhẫn nhục, tu tập tinh tấn, trang nghiêm thiền định, tu tập trí tuệ, học rộng, thanh tịnh phạm hạnh, tu ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và Thần thông.

Thiện nam! Đại Bồ-tát làm mọi việc nhưng không bị phiền não nhiễm ô, không đắm nơi ba

cõi. Đại Bồ-tát đủ sức công đức của phương tiện lành, tuy vào ba cõi nhưng thân tâm không bị cấu nhiễm.

Thiện nam! Như trưởng giả chỉ có một người con nên rất thương yêu. Đứa con vui chơi rơi vào hầm xí. Người mẹ nhờm gớm không cứu con, người cha mắng người mẹ, rồi vào hầm xí kéo con ra, tắm rửa sạch sẽ. Vì yêu thương nên không nhờm gớm.

Thiện nam! Vợ chồng trưởng giả dụ cho Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Hầm xí dụ cho ba cõi. Con dụ cho chúng sinh. Người mẹ không cứu con dụ cho Thanh văn, Duyên giác. Người cha cứu con dụ cho Bồ-tát. Yêu thương là đại Bi. Đại Bồ-tát đủ các phương tiện vào ba cõi mà không bị cấu nhiễm. Vì vậy đạo có hai: Thanh văn, Bồ-tát. Thanh văn chán ghét ba cõi. Bồ-tát không ghét bỏ ba cõi.

Thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập Không, Vô tướng, Vô nguyện, tuy vào các cõi nhưng không bị đọa lạc. Không đọa nơi sinh tử, không chứng Sa-môn, vào ba cõi là phương tiện. Không chứng là trí tuệ.

Thiện nam! Đại Bồ-tát quán tất cả pháp không có hai tướng. Pháp bình đẳng, chúng sinh cũng bình đẳng, Niết-bàn cũng bình đẳng. Đó là trí tuệ. Quán chúng sinh như thế, không chứng Niết-bàn

là phương tiện. Bố thí thanh tịnh là tuệ. Phát nguyện hồi hướng là phương tiện.

Thế Tôn! Thế nào là trí tuệ và phương tiện thanh tịnh?

Thiện nam! Bồ-tát không thấy chúng sinh, ngã, thọ mạng, sĩ phu là trí tuệ. Tu tập Không, Vô tướng, Vô nguyện, hồi hướng căn lành độ sinh lên Bồ-đề là phương tiện.

Lại nữa, thiện nam! Biết căn tánh thượng trung hạ của chúng sinh là trí tuệ. Tùy thuận thuyết giảng là phương tiện. Trí thanh tịnh nên vào các cõi mà không bị nhiễm. Phương tiện thanh tịnh nên hành pháp Nhị thừa vẫn không cầu chứng.

Thiện nam! Không nhiễm phiền não là tuệ, điều phục chúng sinh hướng Bồ-đề vô thượng là phương tiện. Bồ-tát phát nguyện giúp chúng sinh đạt vô số tài bảo, phước đức, nuôi lớn căn lành, Hữu học, Vô học, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát tùy ý đạt pháp là phương tiện. Thọ trì pháp Phật, giảng thuyết phân biệt không cùng tận, không chướng, ngại, có ý nghĩa, tùy sở thích là trí tuệ. Bồ-tát thọ sinh các cõi không mất tâm Bồ-đề vô thượng là trí tuệ. Vào các cõi, làm mọi việc lành, nguyện giúp chúng sinh là phương tiện. Từ trí tịnh biết Bồ-đề không dừng, không căn. Từ phương tiện tịnh độ sinh, hướng tới Bồ-đề.

Thế Tôn! Đại Bồ-tát thành tựu hai tịnh, mọi

việc làm đều là Bồ-đề. Vì sao? Vì trong các pháp có ám chướng, trừ ám chướng là Bồ-đề. Vì thế Bồ-tát không rời Bồ-đề. Nếu Bồ-tát nghĩ: "Ta lìa Bồ-đề thì không đạt Bồ-đề. Nếu nghĩ ta đạt Bồ-đề thì Bồ-đề đó có tịnh, không tịnh. Quán các pháp như thế là đạt Bồ-đề." Đó là phương tiện tịnh.

Thiện nam! Vô lượng a-tăng-kỳ kiếp trong thời quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu Vô Biên Quang, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi nước tên Bất Thuấn, kiếp tên Quang vị. Lúc Đức Phật ngồi nơi tòa Bồ-đề chưa thành Chánh giác, các Bồ-tát một đời thành Phật và Bồ-tát không thoái chuyển ở mười phương đều đến chỗ Phật, cúng dường hoa thơm cao bằng bảy cây Đa-la. Sau khi thành đạo, Phật phóng ánh sáng chiếu soi khắp mười phương. Chư Thiên thấy vậy đều nói: Phật Vô Biên Quang đã hiện ở đời. Cõi Phật Vô Biên Quang trang nghiêm đẹp đẽ như cung trời Tha hóa tự tại. Mười ngàn năm trước của kiếp đó có Đức Phật ra đời hiệu là Quang vị nên kiếp ấy được gọi là Quang vị.

Thiện nam! Trong kiếp Quang vị có mười bốn ức Đức Phật xuất thế. Cõi Phật Vô Biên Quang có chín vạn sáu ngàn nước nhỏ. Mỗi nước rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, có tám vạn bốn ngàn thành. Thành rộng một do-tuần, mỗi thành có tám

vạn bốn ngàn dân. Cõi ấy, có những việc như thế, được trang nghiêm bằng bốn loại báu: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê, đều giàu có, dân ở đó không chấp ngã, sở hữu của ngã như cõi Uất-đơn-việt phương Bắc. Tuổi thọ của Đức Vô Biên Quang là mười trung kiếp. Đức Phật có chín vạn sáu ngàn ức chúng Thanh văn; một vạn hai ngàn chúng Bồ-tát. Có hai thành tên: Lạc, Tịnh. Đức Phật ra đời ở thành Tịnh, lớn lên ở thành Lạc. Ở đó có vua tên Tịnh Thanh. Nhà vua giàu có đủ bảy báu, thống lãnh cả tam thiên đại thiên cõi nước, có ba vạn sáu ngàn hậu cung thể nữ, xinh đẹp không khác chư Thiên, mười vạn người con trai dũng mãnh, đủ hai mươi tám tướng tốt, đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, tám vạn con gái tươi đẹp thuần tịnh như Thiên nữ, đề phát tâm Bồ-đề vô thượng. Suốt hai kiếp nhà vua cúng dường Phật, Bồ-tát và chúng Thanh văn, xây dựng làng báu rộng năm do-tuần để cúng Phật. Trong làng báu, vua xây cho mười vạn lầu báu để cúng dường chư Tăng. Nhà vua và hoàng tộc đều tu phạm hạnh thanh tịnh. Đức Phật độ vô số chúng sinh học pháp Đại thừa, vô số chúng học Thanh văn thừa. Cúng dường Phật xong, vua cùng thân tộc đến chỗ Phật, lạy Phật, đi quanh bên phải, cung kính quỳ gối, chắp tay thưa Phật:

–Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát hành pháp Đại thừa, không nghe lời người khác, rốt ráo thọ sinh,

đạt không nơi trụ, đạt trí tuệ không lay động. Trí tuệ thanh tịnh, thấy rộng, các căn lanh lợi, trang nghiêm cõi Phật, không buông lung, không kinh sợ khi nghe pháp sâu xa, được gọi là Bồ-tát?

Phật nói:

–Đại vương! Có bốn pháp người tu hành Đại thừa không nghe theo lời người: Vào đời với niềm tin Phật, quán tánh pháp bằng trí tuệ, đầy đủ thần thông, siêng tu để độ sinh.

Đại vương có bốn pháp để đạt thọ sinh rốt ráo: Biết pháp lành để điều phục tâm; không tham dục lạc riêng; tu tập Từ bi vì chúng sinh; thích pháp Đại thừa.

Đại vương! Có bốn pháp để đạt không có nơi trụ: Tịnh tâm; trang nghiêm thanh tịnh; trừ dối trá; tu trí kiên định để trọn phước đức.

Đại vương! Có bốn pháp để đạt trí tuệ thanh tịnh: Thanh tịnh mắt; độ sinh bằng bốn Nhiếp pháp; thanh tịnh bằng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp; thanh tịnh cõi Phật, quán pháp giới thanh tịnh.

Đại vương! Có bốn pháp để thấy rộng và các căn lanh lợi: Không bỏ tâm Bồ-đề khi an trụ nơi cội Bồ-đề; niệm trí tuệ Phật nhưng không chấp trí; niệm Pháp thân tu Không, Vô tướng, Vô nguyện; nhớ nghĩ về Niết-bàn của Phật, không chán ghét sinh tử.

Đại vương! Có bốn pháp để trang nghiêm cõi Phật và không buông lung: Thọ thân Đế Thích để độ chư Thiên, giúp họ không buông lung; thọ thân Phạm thiên độ chư Thiên không buông lung; thọ thân Chuyển luân thánh vương giáo hóa chúng sinh không buông lung; thọ thân đại thần, trưởng giả giàu có độ chúng sinh không buông lung.

Đại vương! Có bốn pháp khiến tâm không kinh sợ khi nghe pháp sâu xa: Gần gũi bạn lành; được nghe pháp sâu xa; khéo có thể tư duy; an trụ đúng pháp.

Đại vương! Có bốn pháp để được gọi là Bồ-tát: Cầu Ba-la-mật; tu tập tâm Bi vì chúng sinh; thích học pháp Phật; không hối hận khi độ sinh.

Thiện nam! Nghe pháp này vua Tịnh Thanh và thân tộc đều đạt pháp Nhẫn vô sinh vua bèn bỏ cõi nước ở trong pháp Phật xuất gia tu đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với vua:

–Đại vương! Ông xuất gia là thành tựu báo Phật. Tin hiểu như thế là đại báo, công đức, lợi ích.

Đại vương! Bồ-tát xuất gia có hai mươi bốn lợi ích: Bỏ việc thế gian được tự tại; trừ phiền não đạt giải thoát; mặc áo ca-sa đạt đạo không nhiễm; đủ bốn việc đạt bốn tánh; thích hạnh Đầu-đà, trừ dục ác và dục lớn; không bỏ giới; thọ hưởng an lạc nơi trời người; không bỏ Bồ-đề đạt pháp Phật; thích

nhàn tịnh, không bàn việc thế gian; không chấp pháp, tâm thanh tịnh; đủ thiền định, đạt thiền định; học rộng đạt trí tuệ; trừ kiêu mạn đạt trí tuệ; đoạn tà chấp, thấy đúng; không giác quán vì biết thật về pháp giới; bình đẳng nhìn đời đạt đại Từ; siêng năng không mệt độ sinh đạt đại Bi; hộ pháp không tiếc thân mạng; tâm thanh tịnh đạt thần thông; niệm Phật, thấy Phật; khéo tư duy đạt trí sâu xa, quán mười hai nhân duyên; chứng thuận nhẫn; thành tựu Vô sinh nhẫn; tin công đức; đạt trí tuệ Phật. Nghe pháp đó, nhà vua liền giáo hóa con cái, thần dân trong nước, nên có chín vạn chín ngàn ức người xuất gia.

Thiện nam! Sau khi xuất gia, Tỳ-kheo Tịnh Thanh thưa Phật:

–Thế Tôn! Thế nào là xuất gia?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Ông tên là Tịnh Thanh, nên luôn làm thanh tịnh cõi mình. Cõi nước thanh tịnh được gọi là Tỳ-kheo, là xuất gia.

Nghe Phật dạy, Tỳ-kheo tịch tĩnh tư duy: Cảnh giới là đối tượng quán của mắt. Mắt không là thanh tịnh cảnh giới. Cõi tịnh chính là cõi Phật. Mũi, lưỡi, thân cũng thế. Ý là cảnh giới, quán ý không tức là thanh tịnh cảnh giới. Cảnh giới thanh tịnh chính là cõi Phật, là một, là Không, là Vô tướng, không chúng sinh, Vô nguyện, không tạo

tác, vô vi.

Thiện nam! Sau khi quán sát như thế tức thời đạt được tâm khinh an, thân kinh an. Thân tâm khinh an rồi thì đạt được vô lượng thần thông, đạt thần thông rồi lại đạt được môn Đà-la-ni lạc thuyết vô ngại. Thiện nam! Ông nên biết Tỳ-kheo Tịnh Thanh lúc đó không phải người nào xa lạ mà chính là ông. Thân tộc của Tỳ-kheo Tịnh Thanh chính là chúng Bồ-tát đến cùng ông. Khi giảng nói pháp Y-đế-mục-đa-già này có một vạn tám ngàn người phát tâm Bồ-đề vô thượng, tám ngàn chúng sinh đạt Nhẫn vô sinh.

Thiện nam! Ai muốn đạt Bồ-đề vô thượng nên giảng đúng pháp, an trụ đúng pháp. Ý ấy ra sao? Thiện nam! Có người tự nói: Tôi sẽ thành Phật, xin trao pháp cho. Nhưng rồi không thọ trì, đọc tụng, phân biệt giải thích kinh điển vi diệu, không giữ gìn tịnh giới, không biết đủ, đạt một chút pháp lành đã tự thỏa mãn. Kẻ đó dối trá, không nói đúng pháp, không an trụ đúng pháp. Người nào tự nói: Tôi sẽ thành Phật, xin trao pháp cho. Sau đó thọ trì đọc tụng, giữ gìn tịnh giới, siêng năng tu tập, ít muốn biết đủ, không thỏa mãn với pháp đã đạt. Người ấy không hư dối, an trụ đúng pháp, nói đúng pháp.

Thiện nam! Như quốc vương thiết yến mời tân khách, khách đã đến nhưng yến tiệc chưa bày. Tân khách đều nói: Hôm qua nhận lời mời của vua nên

nhà không làm cơm. Giờ đến đây lại chẳng có gì. Tất cả đều chê trách, buồn rầu.

Thiện nam! Đại Bồ-tát xin thức ăn chánh pháp nhưng lại không thọ trì, không giữ giới, chẳng siêng tu, không tu ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, nên chúng sinh chê trách, trời người oán thán.

Thiện nam! Đại Bồ-tát nên làm như lời nói, không nên khi dối chúng sinh.

Lại nữa, thiện nam! Có chúng sinh thỉnh Bồ-tát thuyết giảng. Bồ-tát hứa giảng nhưng lại không thực hành. Thấy vậy, chúng sinh khuyến dụ Bồ-tát giảng nói, nhưng khi chúng sinh hỏi về nghĩa sâu xa, Bồ-tát không thể đáp được. Do vậy tự hổ thẹn, chỉ biết tự bảo vệ mình, dối chúng sinh, nên tất cả đều lánh xa.

Thiện nam! Bồ-tát muốn an trụ đúng pháp, không tiếc thân mạng, bảo hộ chúng sinh.

Thiện nam! Xưa kia, có một sư tử chúa ở trong hang sâu, thường nghĩ: Ta là vua trong các loài thú, cần bảo vệ tất cả. Lúc đó có hai con khỉ sinh con. Chúng đến nói với sư tử chúa: Nếu Đại vương đã hứa bảo vệ muôn thú, chúng tôi xin gửi hai con, chúng tôi cần đi tìm thức ăn. Gởi con xong, chúng ra đi. Khi ấy, trong núi có một chim thứu tên Lợi kiến, thấy sư tử ngủ, liền đến bắt hai khỉ con, đem tới một nơi hiểm trở. Khi thức dậy, sư tử hướng về chim thứu nói kệ:

Tôi nay xin thưa đại Thứu vương
Hết lòng nghe kỹ lời tôi nói
Xin trả lại cho hai khỉ con
Đừng để thất hứa rất hổ thẹn.

Chim Thứu nói kệ đáp lời Sư tử:

Ta đủ khả năng bay trong không
Khỏi lãnh thổ ngươi nào lo sợ
Nếu muốn bảo vệ hai khỉ con
Nên đem thân mình nạp cho ta.

Sư tử đáp:

Ta nay bảo vệ hai khỉ con
Không tiếc thân này, tựa cỏ khô
Nếu vì giữ thân mà nói dối
Làm sao gọi là giữ đúng lời.

Nói xong, Sư tử đến chỗ cao định hủy thân, chim Thứu liền nói kệ:

Nếu vì kẻ khác bỏ thân mình
Sẽ được thọ hưởng lạc vô thượng
Tôi xin trả lại hai khỉ con
Kính mong Đại vương đừng tự hại.

Thiện nam! Sư tử chúa kia chính là ta đây. Khỉ đực là Ca-diếp. Khỉ cái là Tỳ-kheo-ni Thiện Hộ.

Thiện nam! Hai khỉ con là A-nan và La-hầu-la. Chim Thứu chính là Xá-lợi-phất.

Thiện nam! Bồ-tát không tiếc thân mạng bảo vệ kẻ nương tựa mình.

Thiện nam! Thế nào là làm đúng lời? Bồ-tát

nếu nói sẽ bố thí thì liền ban cho; nếu nói giữ giới thì hóa độ tất cả cùng giữ giới như mình; nếu nói tu hạnh nhẫn nhục thì giáo hóa chúng sinh cùng tu hạnh nhẫn; nếu nói tinh tấn tu tập pháp Phật thì dạy mọi người cùng tinh tấn tu tập pháp Phật; nếu nói tu tập thiền định thì độ chúng sinh cùng tu thiền định trừ tán loạn; nếu nói tu trí tuệ thì phân biệt đúng pháp và làm như lời. Đó là Bồ-tát làm đúng lời.

Thiện nam! Nếu Bồ-tát nói đoạn trừ tất cả pháp ác, liền tu tất cả pháp lành, đó là Bồ-tát làm đúng lời.

Thiện nam! Trang nghiêm là nói đúng pháp; rốt ráo là làm đúng pháp. Phát tâm là nói đúng pháp; chí tâm là làm đúng pháp. Phát tâm là nói đúng pháp; không thoái tâm là làm đúng pháp. Thanh tịnh khẩu nghiệp là nói đúng pháp; thanh tịnh thân là làm đúng pháp. Vì là thọ giới là nói đúng pháp; chuyên tâm giữ giới là làm đúng pháp. Phát tâm Bồ-đề là nói đúng pháp; hành đạo Bồ-tát là làm đúng pháp. Trụ nhẫn địa là nói đúng pháp; trụ địa bất thoái là làm đúng pháp. Đạt thân một đời thành Phật là nói đúng pháp; đạt thân tối hậu là làm đúng pháp. Đến nơi cây Bồ-đề là nói đúng pháp, đạt quả Bồ-đề là làm đúng pháp.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát nói đúng pháp, làm đúng pháp.

Lúc giảng nói pháp này, có năm trăm Bồ-tát trụ nơi địa Nhẫn vô sinh.

Khi ấy, trong chúng hội có một Bồ-tát tên Liên Hoa, thưa Phật:

–Thế Tôn! Như lời Phật dạy, nói đúng pháp, làm đúng pháp, thật là không thể nghĩ bàn. An trụ như Phật là nói và làm đúng pháp.

–Thiện nam! Việc này ông có hiểu không?

–Đã hiểu, thưa Thế Tôn. Biết chánh pháp là chân thật tức an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Sơn Vương thưa:

–Thế Tôn! Pháp không chỗ trụ là an trụ đúng pháp. Vì sao? Vì thấy tất cả pháp đều không có giác biết. Vì không giác biết nên không thấy pháp nào gọi là giác. Đã không có pháp làm sao có trụ. Thấy như thế là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Phước Đức Vương thưa:

–Thế Tôn! Tùy tâm là không an trụ đúng pháp. Bồ-tát quán ý như huyễn là không trụ. Không trụ là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Nhiên Đăng thưa:

–Thế Tôn! Không tâm tham là an trụ đúng pháp. Thế nào là tâm tham? Nghĩa là có tổn có ích trong pháp. Nếu không tâm tham là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Nhật Tử thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát tham chấp là động. Không

chấp pháp là không động. Không động là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Dũng Kiện thưa:

–Thế Tôn! Thế gian chạy theo tâm hành biết tâm hành là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Nhạo Kiến thưa:

–Thế Tôn! Như Phật dạy vì thọ nên có khổ. Nếu không thọ thì các thọ đều đoạn, không thủ thì các thủ đều trừ. Tuy không thọ, không thủ nhưng không bỏ chúng sinh, đó là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Hương Thượng Vương thưa:

–Thế Tôn! Tất cả chúng sinh đều có gánh nặng là năm ấm. Nếu biết rõ năm ấm, không thấy năm ấm, bỏ gánh nặng, không thấy các pháp là gánh nặng, là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Trì Thế thưa:

–Thế Tôn! Vào thế gian là không an trụ đúng pháp, trang nghiêm chánh pháp là an trụ đúng pháp. Trang nghiêm chánh pháp là thấy các pháp như hư không.

Bồ-tát Kiên Ý thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát không thấy trong sinh có sinh, trong diệt có diệt, lại cũng không thấy tánh sinh diệt là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương thưa:

–Thật biết về Niết-bàn, thấy pháp là diệt và

không sinh diệt, tất cả chúng sinh đều có tánh Phật, tu tập trang nghiêm để hướng Bồ-đề là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Quang Vô Ngại thưa:

–Có nơi hành là nghiệp ma, là không an trụ đúng pháp. Không thấy nơi hành là trừ nghiệp ma, an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Tịnh Tấn thưa:

–Thế Tôn! Nếu nghĩ ta sẽ đạt pháp. Vì đạt pháp nên siêng năng tu tập. Sự siêng năng đó là không. Nếu quán sát các pháp là không định. Vì không định nên siêng năng tu tập đó là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Quá Tam Ác Đạo thưa:

–Thế Tôn! Tất cả các pháp là không tạo tác, không thay đổi, không giác quán. Không giác quán là tánh của tâm. Thấy tánh của tâm vốn tịnh là an trụ pháp.

Bồ-tát Bất Khả Tư Nghì thưa:

–Thế Tôn! Biết tâm của chúng sinh là không tạo tác, không thể tư duy. Nếu tư duy về pháp không thể tư duy là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Nhạo Tịch Tĩnh thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát làm thanh tịnh cảnh giới của tâm là trừ hết lậu hoặc. Trừ hết lậu hoặc là chánh hạnh. Chánh hạnh là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Thương Chủ thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát đủ pháp lành thanh tịnh, trang nghiêm phước đức trí tuệ. Quán hai pháp trang nghiêm đó là bình đẳng không hai. Vì công đức bình đẳng, trí tuệ bình đẳng. Với trí tuệ bình đẳng quán công đức bình đẳng, không sai biệt là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Duy-ma-cật thưa:

–Thế Tôn! Không quán hai pháp là an trụ đúng pháp. Không thấy pháp giới hư hoại, sai biệt là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Y Thiện thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát căn cứ nơi nghĩa chánh, không căn cứ nơi văn tự. Từ nghĩa chánh, thọ trì đọc tụng, giảng thuyết tám vạn bốn ngàn pháp môn, không quên mất, không dao động là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Tịnh Ý thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, chuyên hộ trì tâm Bồ-đề. Khi tu Bồ-đề biết rõ về tánh pháp. Tánh pháp không phải xứ, phi xứ là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Tất Cánh Tịnh Ý thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát trừ sạch cấu uế, không bị phiền não nhiễm tâm, là đạt thanh tịnh rốt ráo. Tâm thanh tịnh làm theo chánh giác là an trụ đúng pháp.

Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Thế Tôn! Gần gũi bạn ác là không an trụ đúng pháp; không tu pháp Thánh là không an trụ đúng pháp. Nếu gần gũi bạn ác là tạo nghiệp ma, đọa cõi ma.

Thế Tôn! Ai muốn đoạn nghiệp ma, không vào cõi ma, trừ pháp ác thì nên gần gũi bạn lành.

Phật hỏi:

–Thiện nam! Ông có thật biết về nghiệp ma không?

–Đã biết, thưa Thế Tôn!

–Thiện nam! Ông nên giảng cho vô số Bồ-tát biết.

–Thế Tôn! Nghiệp ma là nhãn sắc. Người thấy sắc khởi tâm tham đắm là nghiệp ma. Cho đến ý pháp cũng thế.

Thế Tôn! Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật, cho tất cả không tiếc. Tham tiếc tài vật thì không cho, phân biệt người nhận, vật cho, người cho là nghiệp ma.

Thế Tôn! Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật, nhẫn nhịn kẻ mạnh nhưng cũng nhịn nhường kẻ yếu, ngọt diệu khiêm hạ với kẻ mạnh, thô bạo khinh thị kẻ yếu là nghiệp ma.

Thế Tôn! Bồ-tát hành hạnh Tinh tấn ba-la-mật giảng pháp Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Khi tu tập Bồ-đề thì khinh thường Thanh văn, Bích-chi-phật, không giảng pháp, thích làm việc thế gian,

không thích cúng dường cung kính Tam bảo (cúng hoa, hương, cờ phướn, kỹ nhạc…), không tôn trọng khen ngợi, không thích học rộng. Không gần gũi người đa văn, là nghiệp ma.

Thế Tôn! Bồ-tát hành Thiền ba-la-mật, đạt thiền định nhưng không điều phục chúng sinh, luôn hối tiếc, đắm pháp lạc, trách người giảng pháp, không bàn luận, khen ngợi tịch tĩnh, tham thiền vị, ghét hai cõi, thích thân vô sắc, sống lâu, nhưng không gặp Phật, không nghe chánh pháp, xa bạn tốt, không biết phương tiện thọ xả, tu xả là nghiệp ma.

Thế Tôn! Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, biết nhân quả, không độ sinh bằng bốn Nhiếp pháp, không biết căn tánh thượng trung hạ của chúng sinh là nghiệp ma.

Thế Tôn! Bồ-tát thích tịch tĩnh, thọ nhận lạc tịch tĩnh, không thích nghe, học hỏi pháp. Nhờ tịch tĩnh nên phiền não không khởi. Vì không khởi nên không biết cho là biết, chưa đoạn cho là đã đoạn, chưa chứng cho là đã chứng; chưa tu nói đã tu, không hiểu thật nghĩa là nghiệp ma.

Thế Tôn! Bồ-tát học rộng, nói những lời hay, vui, vi diệu, mềm mại, thích, vì lợi dưỡng như y phục, thuốc men… nên thuyết pháp. Với người tin hiểu, chuyên tâm lắng nghe lại không giảng dạy cho. Kẻ phóng túng, đem vật cúng dường liền

giảng pháp. Đáng giảng thì không giảng, không đáng dạy lại dạy, đó là nghiệp ma.

Thế Tôn! Bồ-tát giảng tạng pháp bí mật sâu xa, có chư Thiên, người đạt tha tâm trí, Bồ-tát biết thế lại không vui, tự nghĩ: Ta vì chánh pháp của Như Lai mà đến, không vì lời lẽ thiển cận của thế gian. Đó là người muốn hủy hoại chánh pháp của Như Lai, không muốn pháp tăng trưởng. Ai hủy pháp Phật ta không thích gặp, rồi bỏ ra đi, đó là nghiệp ma.

Thế Tôn! Bồ-tát xem kẻ ác là bạn tốt, kẻ ác ấy không độ sinh bằng bốn Nhiếp pháp, không học rộng, không giáo hóa mọi loài, không giảng pháp xuất thế, thích nói pháp thế gian, không biết pháp, thời, nghĩa, là nghiệp ma.

Thế Tôn! Kẻ ác tri thức không phân biệt giảng nói pháp Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật. Không giúp chúng sinh tu đại Từ bi, trừ tám nạn, tu bố thí, giữ giới, không nói lời êm dịu, không gần gũi, bình đẳng chỉ dạy, không nói đạo Phật sâu xa khó đạt, phải khổ luyện trong nhiều kiếp mới đạt. Đó là kẻ ác, là nghiệp ma.

Thế Tôn! Bồ-tát khởi tâm kiêu mạn, không cúng dường Phật, Pháp, Tăng, sư trưởng, Hòa thượng, cha mẹ, bậc tôn túc, bạn cùng học, cùng thầy. Không gần gũi học hỏi người hơn mình nên dù nghe vẫn quên. Thích gần kẻ thua mình, do vậy

dần nuôi lớn pháp ác, xa lánh pháp lành.

Thế Tôn! Như biển sâu, tất cả các dòng sông đều đổ về. Cũng thế, Bồ-tát không kiêu mạn thì nuôi lớn pháp lành. Bồ-tát kiêu mạn là nghiệp ma.

Thế Tôn! Như người trồng cây Chiêm-ba ở vùng đất cao. Vì thấy nước thường đổ về nên đắp đê cao, đất càng cao thì không có nước, dần dần cây cối khô héo, chết hết.

Thế Tôn! Đại Bồ-tát cũng thế, vì nhiều kiêu mạn nên không gần bạn lành, không nghe chánh pháp, hoặc nghe rồi lại quên.

Thế Tôn! Bồ-tát trang nghiêm sắc thân, bà con nhiều, trang nghiêm phước đức, chưa trang nghiêm trí tuệ, vì thế thường kiêu mạn. Bồ-tát hành trọn trí trang nghiêm, tư duy chánh pháp, thân tướng gầy gò. Bồ-tát kiêu mạn thấy thế thường khinh chê, không cúng dường, càng tăng lòng kiêu mạn, vô minh, phóng túng, không điều phục nghiệp ma. Bồ-tát kiêu mạn vì sắc thân là nghiệp ma.

Lúc đó Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Hải Tuệ:

–Hay thay, hay thay! Ông khéo phân biệt giảng giải về nghiệp ma.

Thiện nam! Hãy lắng nghe, ta sẽ giảng nói về đạo diệt trừ nghiệp ma.

Thiện nam! Tánh của các pháp là không. Biết tánh các pháp là không, chúng sinh cũng không,

tu tập tâm Từ, điều phục tự thân là trừ nghiệp ma. Quán tánh của các pháp là không tướng vì chúng sinh tu tập tâm Từ; quán tánh của các pháp là không nguyện, vì chúng sinh nguyện vào sinh tử để điều phục nghiệp; quán tánh của pháp không tham, tánh của chúng sinh cũng không tham, độ chúng sinh thoát tham. Quán tánh của các pháp không sân, tánh của chúng sinh cũng vậy, nguyện trừ sân cho chúng. Quán tánh của các pháp không si, tánh chúng sinh cũng thế, nguyện đoạn si cho mọi loài; quán tánh của các pháp không sinh diệt, vì trừ sinh diệt nên giảng pháp; quán tánh của các pháp bình đẳng, tuy giảng ba thừa nhưng không bỏ Đại thừa; không tham chấp tâm, ý, thức, trừ các duyên, tu pháp trang nghiêm để giúp chúng sinh giải thoát, làm mọi việc nhưng không bỏ hạnh Bồ-tát. Đó là trừ nghiệp ma.

Lúc Phật giảng nói pháp này, thiên ma Ba-tuần trang bị bốn bộ kinh, đến cõi báu, như trước kia đã đến nơi cây Bồ-đề. Thấy vậy Như Lai bảo Bồ-tát Hải Tuệ:

–Ông nói về nghiệp ma, ta nói về cách trừ nghiệp ma nên ma Ba-tuần dẫn bốn bộ binh đến đây. Ông định chống cự bằng cách nào?

Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Thế Tôn! Con muốn đem ma Ba-tuần và binh chúng của vua về cõi nước Trang nghiêm, còn con

ở trong cõi ma.

Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Thiện nam! Thế giới Trang nghiêm cách cõi này xa gần? Đức Phật ở cõi ấy hiệu là gì?

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Về phương Đông cách đây hơn mười hai hằng hà sa cõi nước, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu Phá Nghi Tịnh Quang, hiện đang giảng hạnh Bồ-tát thanh tịnh cho các Bồ-tát. Tam thiên đại thiên thế giới ở cõi đó có một ức ma. Mỗi mỗi Ma vương có mười ngàn ức quyến thuộc. Lúc Đức Phật Phá Nghi Tịnh Quang còn tu ở cội Bồ-đề, tất cả chúng ma đều đến. Bồ-tát giảng pháp cho chúng ma, giúp chúng đạt địa không thoái chuyển, sau đấy mới thành Bồ-đề vô thượng, chuyển bánh xe pháp. Đại đệ tử và thị giả của Phật đều là ma. Chúng ma đó đều có thể giáo hóa chúng sinh. Vì thế ta đưa chúng ma Ba-tuần về đó, trừ nghiệp ma cho chúng, trang nghiêm chánh pháp tối thượng của Như Lai. Nghe thế ma Ba-tuần kinh sợ, ngơ ngác nhìn quanh tìm chỗ thoát, song bốn phương đều bị chướng ngại không thể trốn thoát. Chúng muốn hủy thân cũng không được. Mọi phương kế đều không làm được, chúng lo sợ, thưa Phật:

–Thế Tôn! Xin Đấng Đại Từ cứu hộ chúng con.

Phật nói:

–Ba-tuần! Ta không làm được. Các ngươi nên hướng về Bồ-tát Hải Tuệ, cầu xin sám hối.

Ba-tuần liền quay về Bồ-tát hải Tuệ, chắp tay thưa:

–Thiện nam! Từ nay ta không dám tạo nghiệp ma nữa. Xin Hiền giả nhận sự sám hối này.

Bồ-tát Hải Tuệ nói:

–Ta không giận các ngươi, pháp Bồ-tát là luôn nhẫn nhục với tất cả. Ba-tuần! Các người nên về cõi đó để lạy Phật Phá Nghi Tịnh Quang. Các ngươi sẽ đạt vô số lợi ích.

Lúc này, Bồ-tát đưa tay phải xoa đầu Ba-tuần, nói:

–Như các, Bồ-tát không tham tiếc đối với các pháp ta dùng thần thông đưa các ngươi về đó.

Lập tức Ba-tuần được đưa đến cõi kia. Tới nơi, Ba-tuần lạy Phật, ngồi qua một bên. Các Bồ-tát ở đó thưa Phật:

–Thế Tôn! Cớ sao cõi ta lại có những kẻ nhơ uế như thế?

Phật nói:

–Thiện nam! Cách đây mười hai hằng hà sa cõi nước về phía Tây, có cõi nước Ta-bà, Đức Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni, đang giảng kinh Đại Tập cho vô số chúng. Ở đấy có Bồ-tát tên Hải Tuệ, đang giảng nói về nghiệp ma. Ma Ba-tuần này dẫn bốn bộ chúng đến chỗ pháp hội ấy, Bồ-tát Hải Tuệ

đã dùng sức thần thông đưa chúng về đây.

Các Bồ-tát ở đó liền nói với Ba-tuần:

–Thiện nam! Ngươi nên phát tâm Bồ-đề vô thượng, trừ nghiệp ma, chúng ta sẽ làm bạn với ngươi.

Nghe vậy, ma Ba-tuần phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Các Bồ-tát mời Ba-tuần ngồi tòa Sư tử, bảo:

–Nương diệu lực Phật, ngươi hãy nói về kinh Đại Tập mà Đức Thích-ca Mâu-ni đang giảng.

Nhờ thần lực của Bồ-tát Hải Tuệ, Ba-tuần giảng lại những pháp đã nghe, không thiếu một câu một chữ. Các Bồ-tát liền thưa:

–Thế Tôn! Chúng con muốn thấy Đức Thích-ca Mâu-ni và các Bồ-tát ở ấy.

Đức Phá Nghi Tịnh Quang bảo:

–Đợi tí, các vị sẽ thấy cõi báu kia.

Các Bồ-tát lại thưa:

–Chúng con muốn thấy việc làm của ma Ba-tuần ở thế giới ấy.

Khi đó, Đức Thế Tôn biết tâm ý của các Bồ-tát đó, bảo Bồ-tát Hải Tuệ:

–Thiện nam! Ông nên hiện cõi Phật này cho chúng Bồ-tát nơi cõi kia biết.

Bấy giờ, Bồ-tát Hải Tuệ phóng ra ánh sáng từ mười đầu ngón tay. Ánh sáng đó xuyên qua mười hai hằng hà sa cõi Phật, chiếu đến thế giới kia.

Chúng ở đây đều thấy Phật, Bồ-tát, Ba-tuần ngồi tòa Sư tử nói kinh Đại Tập ở cõi kia. Các Bồ-tát đều đứng lên, hướng về Đức Phật Phá Nghi Tịnh Quang, cúi lạy, rải hoa cúng dường. Hoa đó biến thành đài hoa. Các Bồ-tát ở đó thấy đài hoa, thưa Phật:

–Thế Tôn! Đài hoa này từ đâu có?

Phật nói:

–Thiện nam! Đó là hoa cúng dường ta của các Bồ-tát nơi cõi Ta-bà.

Các Bồ-tát thưa:

–Thế Tôn! Làm sao chúng con thấy được cõi Ta-bà?

Phật nói:

–Thiện nam! Các vị hãy chí tâm kính lạy ánh sáng này, tự nhiên sẽ thấy cõi Ta-bà.

Nghe Phật dạy, các Bồ-tát làm theo nên thấy được thế giới Ta-bà, liền đảnh lễ Đức Thích-ca Mâu-ni; cúng dường hoa, hương. Các Bồ-tát ở đây lại thấy tam thiên đại thiên thế giới đều ngập nước, như biển cả. Hoa của họ rải bay đến cõi báu, biến thành lọng báu che trên Như Lai. Ma Ba-tuần thưa Đức Phá Nghi Tịnh Quang:

–Thế Tôn! Làm sao con trở về lại cõi báu?

Phật nói:

–Thiện nam! Muốn trở về thì chí tâm niệm danh hiệu Bồ-tát Hải Tuệ.

Ba-tuần làm theo, lập tức được trở về cõi báu. Thấy Ba-tuần, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Ngươi có thấy cõi Phật đó không?

Ba-tuần đáp:

–Xá-lợi-phất! Tôi đã thấy, thấy tất cả trụ xứ của các Bồ-tát thanh tịnh nơi cõi ấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Ở đó, ngươi có tạo nghiệp ma không?

–Đại đức! Tôi đến đó chuyên tâm cầu pháp Bồ-đề vô thượng, sao có thể tạo nghiệp ma. Người chí tâm cầu pháp Bồ-đề, thấy rõ nghiệp ma, càng siêng năng tu tập.

Thấy ma Ba-tuần trở lại, sáu vạn chúng sinh, mười ngàn quân ma đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, phát nguyện:

–Xin cho chúng con thọ thân như Bồ-tát ở cõi kia.

Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Thế Tôn! Vì pháp Bồ-đề vô thượng có nhiều oán địch. Hay thay! Thế Tôn! Vì hộ pháp nên tạo lập thần thông. Nhờ sức thần thông nên kinh này sẽ được tồn tại ở đời.

Phật nói:

–Thiện nam! Ta kiến lập thần thông thệ nguyện, trồng căn lành là vì chúng sinh.

Lúc đó, Đức Phật bảo Tứ Thiên vương:

–Các ngươi nên chuyên tâm bảo hộ đệ tử ta:

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, những người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh này, không nên buông lung vì dục lạc. Ta nay xuất hiện ở đời là để trừ bỏ phóng dật, bảo hộ chánh pháp, liền nói chú: Tam dương, tam ma, tam dương, mạt độn nhĩ, bà la bạt để đà nhĩ, đà na bạt để, đầu di đà ra bạt để, a bà tán đề, a ma lệ, tỳ ma lệ, xà tì la đề, ca la đề, ca la na, a lê a la bạt để, a lệ bà tán đề, niết già đán ni, a bạt để mạt đề, ma hô mạt đề, ma la di đề, tì thủ đề, tì thủ đề, bạt để, ni tát lệ, mạc hãn ni.

Thiện nam! Đó là chú của Tứ Thiên vương. Pháp sư thọ kinh này nên trì chú ấy, sau đó tu từ, duyên niệm mười phương, chí tâm niệm Tứ Thiên vương. Tứ Thiên vương sẽ hiện đến trong giấc mơ hoặc tự đến bảo hộ.

Khi ấy, Tứ Thiên vương thưa Phật:

–Thế Tôn! Nghe chú này, chúng con cùng quyến thuộc sẽ đến chỗ Pháp sư để bảo hộ. Pháp sư cần gì chúng con sẽ cung cấp để Pháp sư trừ bệnh khổ, đạt an lạc.

Khi ấy, Đức Phật bảo Bồ-tát Hải Tuệ:

–Thiện nam! Hãy lắng nghe chú của Đế Thích: Xà da, xà da, mạt để, a bạt để, bạt để, ma câu lệ, tư đà bạt để, thâu ni đàn đế yết lệ, đàn để đàm ma ni, đa ca lệ, xoa da xoa da mục khư, a bạt đái na, niết dà đái na, sa để sa để tán đề.

Kiều-thi-ca! A-tu-la đánh với chư Thiên, chư Thiên sẽ thắng, pháp Phật được tăng trưởng. Kiều-thi-ca! Muốn được an lạc nên hộ chánh pháp.

Thiện nam! Đó là chú của Đế Thích.

Thiện nam! Pháp sư muốn thuyết pháp, trước nên tắm gội sạch thân, cầm hoa thơm, hướng về phía Chánh đông kính lễ, lắng lòng niệm mười phương Phật, tâm Từ bi thương khắp chúng sinh. Sau đó lên tòa Sư tử, tụng chú này, nói: "Kiều-thi-ca đến." Tứ Thiên vương đến, diệt trừ chướng ngại, phiền não cho đại chúng. Lúc đó, Đế Thích và Tứ Thiên vương sẽ đến. Nhờ vậy, đại chúng thích nghe pháp.

Thiện nam! Hãy lắng nghe chú của quân ma cùng quyến thuộc mười phương:

Xà dương, xà ma bạt để, xa ma mật đề, a phù lệ ma, la hưu để tào quật lệ, bà la đề ca do lê, để kỳ bạt để, a lại ca ni, tỳ xá, đồ ni, ni mạt để, a bạt trì khu khu lệ, già la tát ni, ưu mục xí, xà mật để, ba la mục xí, bàn đàn na niết già hi để, xà ma thi.

Chú này có thể hàng phục tất cả luận sư, ma chúng. Đó là ấn Phật, không thể hoại được. Thiện nam! Pháp sư thọ trì đọc tụng chú này, lên pháp tòa, niệm tâm Từ bi thương yêu chúng sinh của Phật, tự coi mình là thầy thuốc, pháp giảng là thuốc hay, người nghe pháp là bệnh nhân, Như Lai là bạn tốt, chánh pháp thường còn. Nghĩ như thế,

bốn bên nơi Pháp sư ở trong vòng một do-tuần không có quân ma.

Lúc đó, ma Ba-tuần thưa Phật:

–Thế Tôn! Đệ tử Phật đọc tụng, thọ trì chú ấy, thanh tịnh thân tâm, con sẽ bảo hộ, không tạo quân ma. Nhờ sức thần thông của Bồ-tát Hải Tuệ, con từ bỏ nghiệp ma. Bất kỳ nơi nào trong thành ấp, thôn xóm có thuyết pháp, con sẽ hóa thân đến nghe pháp.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Ba-tuần! Có tâm đó ngươi sẽ trừ được nghiệp ma và cũng sẽ đạt các pháp.

–Thiện nam! Hãy lắng nghe chú của Phạm thiên.

Mê đa già lệ, ca lâu na già lệ, vô kinh đa già lệ, ưu tỉ xoa già lệ, Phật đà gia lệ, đàm ma già lệ, tăng già già lệ, tô yết đa tì xà da, ma ha tì đàn ni, tì thú đề mục nhĩ, ni ba, lệ đà da, ô xà bạt để, ô xà nghiêm di, nại đàn ni, đàm ma ba để, sất bạt ni, tát già để ưu ba bạt để, tì thú để, sa chiết đa ưu ba xá di, ô lô ca da, phạm ma, tỳ lô ca da phạm ma.

Ai muốn thọ trì chú của Phạm thiên nên hành phạm hạnh thanh tịnh, giữ giới, đọc chú này, thỉnh Phạm thiên.

Phạm thiên! Ngươi nên đến ủng hộ đại chúng đó, để chúng chuyên tâm nghe pháp, niệm Tam

bảo, chuyển bánh xe pháp, giữ gìn thành pháp. Pháp sư điều phục các căn, chuyên tâm thanh tịnh, giữ gìn thân, khẩu, ý, siêng tu giới, nhẫn, tinh tấn, đa văn, phát tâm Bồ-đề, tu bốn vô lượng, lên pháp tòa, tụng chú này.

Lúc đó, Phạm thiên và quyến thuộc sẽ đến nơi giảng pháp.

Khi ấy, Phạm vương bạch Phật:

–Thế Tôn! Pháp sư đọc chú này, con trụ nơi thiền thứ nhất nghe được, sẽ bỏ pháp lạc, đến nơi đó, cúng tám pháp: niệm *(nhớ rõ những gì đã nghe)*; tuệ *(tư duy pháp sâu xa)*; giải *(phân biệt nghĩa lý vi diệu)*; nhạo thuyết vô ngại *(trừ tâm nghi)*; từ vô ngại *(hiểu rõ tất cả ngôn ngữ của chúng sinh)*; vô sở úy *(không ai hơn mình)*; pháp quang minh *(giảng đúng)*; thọ ký đúng.

Thế Tôn! Chúng con cũng giảng nói pháp này.

–Thiện nam! Sau khi ta Niết-bàn, chư Thiên các vị nên bảo hộ chánh pháp.

Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Thế Tôn! Sau khi Như Lai Niết-bàn, nên phó chúc pháp này cho người tin hiểu để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Lúc đó, từ tướng bạch hào, Phật phóng ra ánh sáng chiếu soi tam thiên đại thiên, thế giới nước, hóa thân của Như Lai hiện khắp nơi với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp nhiều vô kể. Các

Đức Hóa Phật đều nói:

–Chư Phật nơi mười phương cùng Đức Thích-ca đều nguyện cho chánh pháp tồn tại ở đời. Vì sao? Vì tất cả quân ma ác độc đều không thể phá hoại pháp này. Trái đất có thể hoại, biển cả có thể khô, núi Tu-di có thể nát, tâm chúng sinh có thể hợp, hư không có thể lường, bốn đại có thể dời, nhưng nguyện của chư Phật thì không thể biến đổi.

Lúc đó, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nên thọ trì, đọc tụng, giảng giải kinh này.

Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Thế Tôn! Ở trong hội này có vô số Bồ-tát, cớ sao Như Lai dạy Tôn giả A-nan thọ trì?

Đại chúng khi ấy đều nghi ngờ, không biết Hải Tuệ và A-nan người nào giỏi hơn. Biết đại chúng nghi, Phật bảo Trưởng lão Ca-diếp:

–Chúng sinh trong tam thiên đại thiên cõi nước có nhiều không?

–Rất nhiều, thưa Thế Tôn!

–Ca-diếp! Giả sử tất cả chúng sinh đó đều thọ thân người, đều đến học hỏi Như Lai thì pháp của Như Lai giảng không bao giờ hết, cũng không chướng ngại.

Thiện nam! Như trời đổ mưa không gì chướng ngại, tất cả các dòng sông đều đổ về biển cả mà nước biển vẫn không thêm bớt. Pháp Phật nơi mười phương mà Bồ-tát Hải Tuệ thọ trì cũng thế.

Ca-diếp! Giả sử chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành tựu đầy đủ Tổng trì như Tôn giả A-nan, muốn so với pháp của Bồ-tát Hải Tuệ thọ trì thì thật không được một phần trong trăm ngàn vạn phần.

Lúc nêu giảng lời này, có trăm ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, rải hoa thơm cúng dường Bồ-tát Hải Tuệ.

Khi đó, Bồ-tát Liên Hoa bạch Phật:

–Thế Tôn! Người thọ trì, đọc tụng, biên chép, phân biệt diễn giải kinh này đạt bao nhiêu phước đức?

Đức Thế Tôn nói kệ:

Bảy báu chất đầy ba ngàn cõi
Cúng dường chư Phật ở mười phương
Phước đức không bằng tin thuận kinh
Thọ trì đọc tụng cùng phân biệt.
Công đức thành tựu từ bốn pháp
Phật nói vô lượng, vô số kể
Phát tâm Bồ-đề bố thí pháp
An trụ đúng pháp tu tập Bi.
Bốn pháp khôn lường Phật dạy thế
Người trí nghe hiểu không kinh sợ
Tánh của hư không, cõi chúng sinh
Chánh trí Như Lai tâm Bồ-đề.

Lúc nêu giảng Pháp bảo tụ này, Bồ-tát đến từ mười phương rải hoa, trỗi nhạc cúng dường Phật,

tôn trọng ca ngợi, đồng thưa:

–Thế Tôn! Người thọ trì đọc tụng biên chép kinh này đạt vô lượng công đức, dù chư Phật nơi mười phương nêu kể cũng không thể hết. Vì sao? Thế Tôn! Vì chúng sinh nghe kinh này không ai là không phát tâm Bồ-đề.

Lúc đó, tất cả chúng Trời, Người, các Thanh văn như Tôn giả A-nan, các chúng Ca-lâu-la, Càn-thát-bà, người đời, nghe kinh đều vui mừng, tin thọ, phụng hành.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 12

Phẩm 6: BỒ-TÁT VÔ NGÔN

Lúc Đức Phật và đại chúng ở cõi báu đó, tại nhà của Tướng quân Sư Tử trong thành Vương xá sinh một người con. Khi đứa bé chào đời, chư Thiên nơi hư không đều nói:

–Đồng tử! Nên niệm pháp, tư duy về pháp, không nên nói chuyện thế gian, thường giảng pháp xuất thế, nên giữ gìn thận trọng trong ngôn ngữ, không nên giác quán việc đời, cần nương nơi nghĩa lý, chớ chấp vào văn tự.

Nghe lời đó, đứa bé không khóc như các em bé bình thường, suốt bảy ngày đứa bé luôn vui vẻ, ai thấy cũng thích ngắm.

Bấy giờ, có kẻ nói với cha mẹ:

–Đứa trẻ này chẳng lành, không nên nuôi. Vì sao? Vì không nói.

Cha mẹ đứa trẻ đáp:

–Đứa trẻ tuy không nói nhưng đủ các căn, nên đứa trẻ này có đủ phước đức, không phải là kẻ

chẳng lành, ít phước.

Do đó, đứa bé được đặt tên là Vô Ngôn. Thời gian trôi qua, đứa bé lớn dần như một đứa trẻ tám tuổi, đi đến đâu mọi người đều thích ngắm. Bất cứ nơi nào có thuyết giảng, đứa bé đều đến nghe, không nói lời nào. Lúc đó, nhờ thần lực Phật, Đồng tử Vô Ngôn cùng cha mẹ, thân tộc đi đến cõi báu. Tới nơi gặp Phật, vui mừng kính lễ, đi quanh bên phải ba vòng, chắp tay đứng qua một bên. Bồ-tát đến từ mười phương đều vui mừng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế Tôn! Con của Tướng quân Sư Tử đủ các căn nhưng lại không nói. Đó là do nghiệp ác gì?

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Ông không nên nói lời xem thường đồng tử. Vì sao? Vì đó là Đại Bồ-tát, đã từng trồng căn lành nơi vô số Phật khắp mười phương, không thoái đạo Bồ-đề. Lúc đứa bé chào đời, các chư Thiên đến khuyên răn:

–Lành thay! Đồng tử! Nên niệm chánh pháp, tư duy chánh pháp không nên nói chuyện thế gian, nên nói pháp xuất thế, thận trọng trong nói năng, không giác quán việc đời, nương nơi nghĩa lý, không chấp vào văn tự.

Xá-lợi-phất! Nghe lời chư Thiên, đứa bé không nói, im lặng tư duy đạt bốn Thiền.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát Vô Ngôn hiện thân đó tức

có thể điều phục độ thoát vô số chúng sinh. Vì vậy im lặng không nói năng.

Xá-lợi-phất! Kinh Đại Tập mà Như Lai đang giảng, Bồ-tát Vô Ngôn này có thể đem lại lợi ích cho vô số chúng sinh.

Lúc đó, Bồ-tát Vô Ngôn dùng sức thệ nguyện và sức thần thông khiến cho các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bàn, A-tu-la, Ca-lâu-na, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ đều thấy hoa sen to bằng bánh xe trong bàn tay phải của mình. Hoa ấy tươi đẹp, ai cũng thích nhìn. Trên mỗi cánh hoa đều có một Bồ-tát an tọa, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Hiện thần thông xong, Bồ-tát Vô Ngôn cúi đầu, chắp tay thưa:

–Nam-mô Phật-đà, Nam-mô Phật-đà.

Tất cả các Bồ-tát ở trên cánh sen đều thưa:

–Nam-mô Phật-đà, Nam-mô Phật-đà.

Khi lời này phát ra, tam thiên đại thiên cõi nước đều chấn động sáu cách. Chư Thiên trong hư không rải hoa thơm, trỗi nhạc cúng dường Phật. Với thần lực Phật và nguyện lực của mình, Bồ-tát Vô Ngôn cùng Bồ-tát kia bay lên hư không cao bảy cây Đa-la, hướng về Phật nói kệ:

Như Lai không sắc thị hiện sắc
Mà không tham đắm trong các sắc
Chúng sinh an nhập pháp của Phật

Làm sao biết được sắc chân thật.
Trong tụ phi sắc có Như Lai
Cũng không lìa sắc mà có Phật
Như Lai đã lìa chấp các sắc
Thương xót chúng sinh nên hiện sắc.
Thế Tôn vì thương các chúng sinh
Dùng các tướng tốt trang nghiêm sắc
Thật không sắc tướng, vì chúng dạy
Vì thế Như Lai khó nghĩ bàn.
Chánh pháp Như Lai không văn tự
Đã không văn tự nào có tiếng
Không có văn tự không giảng nói
Thâm diệu tịch tĩnh không giác quán.
Như Phật trước ở cội Bồ-đề
Các pháp tỏ biết cũng như vậy
Pháp đó không chữ không âm thanh
Không có tạo tác, không thuyết giảng.
Tất cả các pháp không hình tướng
Xa lìa tất cả mọi hình tướng
Hết thảy các pháp đã không tướng
Làm sao Như Lai giảng thuyết pháp.
Như Lai trọn vẹn đại Từ bi
Vì thế thương yêu làm lợi ích
Pháp không thể nói nhưng lại nói
Rõ biết đích thực không thể nói.
Như Lai thật biết không thể nói
Cũng biết âm thanh tánh vắng lặng
Biết rõ chân thật tất cả nghĩa

Vì thế Phật là Đấng Chân Giác.
Các pháp nêu dạy là Thế đế
Như Lai thật sự biết rõ đó
Thế đế không sinh không có tánh
Không thể tạo tác, không thời gian.
Chân thật không có sắc tướng, tướng
Vì thương thị hiện các loại sắc
Biết pháp không pháp, Đấng Vô Thượng
Vì mọi chúng sinh nên giảng thuyết.
Lúc mới chào đời nghe trời dạy
Vì thế im lặng không nói năng
Chuyên tâm niệm pháp, tư duy pháp
Do vậy không thấy sắc và thanh.
Những ai thâm nhập pháp giới mầu
Sẽ không còn thấy sắc và thanh
Đoạn trừ tất cả nghiệp của tâm
Là xa lìa được mọi khẩu nghiệp
Không lời để nói là lời ấy
Tuy có nói năng chẳng có lời
Lời cũng không tạo cũng không nói
Ngôn ngữ bản tánh vốn tịch tĩnh.
Ta nay chuyên tâm niệm Bồ-đề
Chí tâm tu tập đạo Chánh giác
Nay ta giảng nói lời vô thượng
Nhất định thành tựu đạo chân thật.
Tâm không thủ đắc đạo Bồ-đề
Khẩu và nghiệp khẩu không thủ đắc

Bồ-đề vô thượng chính là không
Bản tánh xưa nay luôn vắng lặng.
Như tánh Bồ-đề tiếng cũng thế
Không thấy không chấp tánh các pháp
Tiếng nói của ta không thể hay
Bồ-đề cầu học cũng như vậy.
Vì pháp Bồ-đề nên tu tập
Hạnh tu cũng chẳng có nơi hành
Hạnh tu đã không nơi tạo tác
Vì thế Bồ-tát xứ, phi xứ.
Sáu pháp Ba-la-mật như Bồ-đề
Tất cả pháp lành cũng như thế
Hết thảy ngôn ngữ không ngôn ngữ
Không có ngôn ngữ lại diễn thuyết.
Người ban tiếng nói thật vi diệu
Người thí và cả vật được thí
Tất cả đều là đạo Bồ-đề
Hết thảy đều không thể phân biệt.
Nếu có thể nói về bố thí
Thể tánh Bồ-đề cũng nói được
Thể tánh Bồ-đề tựa hư không
Tất cả âm thanh cũng như vậy.
Người nào thông đạt biết chân thật
Nhờ thế diễn nói tất cả pháp
Biết rõ âm thanh không nơi chốn
Đó là thật tướng của Bồ-đề.
Trừ bỏ mọi nghiệp thân, khẩu, ý
Hết thảy phiền não cũng như thế

Đó là tất cả Ba-la-mật
Thật tánh các pháp Như Lai dạy.
Bố thí không ở trong Bồ-đề
Bồ-đề cũng không trong bố thí
Hai pháp như thế là âm thanh
Không có nơi dừng, không nơi đến.
Người nào thật biết các pháp đó
Đích thị Bồ-tát đại tự tại
Ban cho tất cả không kiêu mạn
Là đại thí chủ không ai hơn.
Hộ trì giới cấm là âm thanh
Không có hình sắc không nơi đến
Các pháp xưa nay không sinh diệt
Đó là giữ giới không ai hơn.
Giới cấm như thế không tạo tác
Không có các nghiệp thân, khẩu, ý
Đã không sinh diệt không tạo tác
Làm sao nói là các giới cấm.
Vì để truyền bá nên thuyết giảng
Tạm gọi tên là các giới cấm
Như các giới cấm, tiếng cũng vậy
Hai pháp tịch tĩnh không lậu hoặc.
Vì thương giảng dạy các giới cấm
Lại nói vô số pháp trang nghiêm
Âm thanh vốn không tướng trang nghiêm
Chân thật rõ biết không sở hữu.
Thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp

Hồi hướng giới này về Bồ-đề
Giới cấm âm thanh và Bồ-đề
Tất cả các pháp tựa hư không.
Nếu ai tỏ biết được như thế
Là thực hành giới và hành xứ
Sẽ được thành tựu giới giải thoát
Nơi đó sâu xa khó thấy biết.
Âm thanh giảng nhẫn tức là không
Tánh không không xứ không tạo tác
Nhẫn nhục và không hai pháp này
Không hề sai khác tựa hư không.
Âm thanh nhẫn nhục không do sắc
Không thể nhìn thấy không nơi chốn
Người nào tu tập tâm bình đẳng
Đó là tướng thật của nhẫn nhục.
Nhẫn nhục tuy diệt từng tâm niệm
Nhưng luôn cùng hành với sắc thân
Tất cả văn tự đều vô lậu
Chúng sinh tạm đặt là nhẫn nhục.
Người nào điều phục thân, khẩu, ý
Đó là nhẫn nhục không ai hơn
Người nào thành tựu hạnh nhẫn nhục
Cũng là đạt nhẫn không ai hơn.
Chúng sinh đập nát thân này ra
Từng đốt từng khúc như cây vừng
Quán thân tựa như cây cỏ khô
Đó là hạnh nhẫn của thân nghiệp.
Khi bị mắng nhiếc rất thậm tệ

Tâm không lay động an trụ pháp
Quán sát âm thanh tựa hư không
Đó là hạnh nhẫn của khẩu nghiệp.
Thông đạt tất cả nhân phiền não
Đoạn trừ hết thảy mọi phiền não
Đó là hạnh nhẫn của ý nghiệp
Không bị ô nhiễm nơi phiền não.
Nhẫn nhục tức là tánh Bồ-đề
Nghiệp thân, khẩu, ý cũng như vậy
Hồi hướng tất cả về Bồ-đề
Sẽ đạt Bồ-đề pháp tối thượng.
Chúng sinh tu tập hạnh tinh tấn
Bậc thượng, trung, hạ và thô tế
Trải vô số kiếp luôn tu tập
Không chỗ thủ đắc không rốt ráo.
Đã không chứng đạt pháp tinh tấn
Bồ-đề làm sao có thể đạt
Nếu không thành tựu tất cả pháp
Đó là tinh tấn không gì hơn.
Người nào thực hành pháp tinh tấn
Không tăng không giảm tựa hư không
Người đó chính là Đại Bồ-tát
Thực hành tinh tấn không lo sợ.
Tất cả pháp thiền không tu tập
Không có tạo tác, không nơi đến
Tư duy tất cả các pháp đó
Thành tựu pháp thiền Ba-la-mật.
Trừ bỏ hết thảy sắc xấu ác

Nghiệp ác thân khẩu cũng như thế
Tiêu trừ tất cả mọi phiền não
Đó là thật thiền Ba-la-mật.
Quán sát thật tánh của tâm mình
Không thấy có trong tất cả pháp
Không phân biệt tâm, trừ diệt tâm
Đó là thật thiền Ba-la-mật.
Quán sát tâm mình và Bồ-đề
Đó là thật thấy không gì hơn
Người nào thành tựu thấy chân thật
Dễ dàng chứng đạt pháp Bồ-đề.
Hiểu biết chân thật không văn tự
Tất cả các pháp không sinh diệt
Người nào quán sát thật biết thế
Được gọi là bậc Đại trí tuệ.
Tuy là thuyết giảng bằng trí tuệ
Trí tuệ không ở trong tiếng nói
Biết rõ trong tiếng không có tiếng
Đó là thật tánh của trí tuệ.
Các pháp không trụ ở kia đây
Ở giữa cũng không nơi dừng trụ
Tánh tất cả pháp không nơi trụ
Đó là trí tuệ thật tối thượng.
Không có văn tự không nơi hành
Không có tướng mạo không có tánh
Cũng không hai tướng lấy và bỏ
Đó là trí tuệ thật tối thượng.
Quán sát tất cả Ba-la-mật

Tánh vốn bình đẳng tựa hư không
Đó được gọi là không bình đẳng
Quán sát mọi pháp đều bình đẳng.
Tất cả các pháp đã bình đẳng
Hết thảy chúng sinh cũng như thế
Bình đẳng quán sát chư Như Lai
Trí tuệ đạt được không bình đẳng.
Các vị Bồ-tát bậc đủ trí
Quán sát tất cả các pháp ấy
Chứng đạt quả Bồ-đề vô thượng
Là pháp chư Phật đã thành tựu.

Lúc Bồ-tát Vô Ngôn nói có kệ này một vạn hai ngàn na-do-tha chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, sáu vạn Bồ-tát đạt Nhẫn vô sinh. Các Bồ-tát ngồi trên cánh sen đều rời chỗ ngồi, cúi lạy Phật, cung kính cúng dường hoa sen đẹp lên Bồ-tát Vô Ngôn, đều nói:

–Chúng tôi biết ân nên đền ân.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Thế Tôn! Vì sao các Bồ-tát nói như vậy.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Các Bồ-tát đó đều nhờ Bồ-tát Vô Ngôn mà phát tâm Bồ-đề. Giờ lại nhờ Bồ-tát Vô Ngôn mà nghe kinh Đại Tập này và được gặp, cúng dường ta.

Khi đó, Bồ-tát Vô Ngôn thưa Phật:

–Thế Tôn! Con có nghi vấn xin Như Lai cho

phép.

Phật nói:

–Thiện nam! Hãy thưa hỏi, Như Lai sẽ giảng nói.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền thưa Bồ-tát Vô Ngôn:

–Nhân giả! Đã không ngôn ngữ làm sao có nghi vấn?

–Đại đức! Tất cả các pháp đều không ngôn thuyết, không văn tự. Vì sao? Vì tánh của hết thảy mọi loài là không ngôn ngữ. Vì giác quán nên có nói năng. Nếu không giác quán thì không nói năng, không văn tự.

Đại đức! Trong giác quán không chữ không tiếng. Ngoài giác quán cũng không chữ không tiếng. Thể của giác quán không phải là giác quán. Tôi nêu văn tự cũng không giác quán. Từ giác quán tôi có công đức lớn. Quán sát pháp sâu xa ấy là mười hai nhân duyên. Đã do duyên sinh tức là vắng lặng, không tướng định. Như thế là thật biết tánh pháp.

Đại đức! Các pháp đều do nhân duyên hòa hợp. Song trong sự hòa hợp không có tạo tác, sinh, xuất. Vì thế các pháp không có âm thanh, chủ, tâm, giác quán, không giác quán. Vì sao? Vì nhân duyên điên đảo nên có xuất diệt. Vì thế nếu có hỏi, có nghe, có giải thoát thì không hợp, không tan, một tướng, không tướng.

Đại đức! Hỏi là đại Bi. Tôi có đại Bi nên hỏi Phật. Đó là hỏi bằng Bi không phải hỏi bằng lời. Hỏi bằng lời thuộc Thanh văn. Vì chấp âm thanh nên gọi là Thanh văn. Tâm Bi của Bồ-tát rộng lớn nên không hỏi bằng lời.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Thiện nam! Tánh của các pháp không có tướng định, tánh của chúng sinh cũng thế. Đã không tướng định, Bồ-tát tu Bi vì ai?

–Đại đức! Nếu chúng sinh có tánh cố định thì Bồ-tát không tu Bi. Tất cả chúng sinh thật không có chúng sinh. Vì điên đảo nên nghĩ là chúng sinh. Vì thế Bồ-tát tu Bi vì trừ điên đảo nên giảng vô ngã. Đại đức! Đại Bồ-tát không vì đoạn sinh tử thuyết chánh pháp, không vì trừ ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu mà tu Bi, thuyết giảng chánh pháp. Vì thật biết pháp giới sâu xa nên thuyết giảng chánh pháp. Pháp giới chân thật là Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Tôn giả Xá-lợi-phất khen:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Tôi cũng thật biết như thế, hỏi là để thử trí ông thôi, để tăng trưởng pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh.

Lúc đó, Bồ-tát Vô Ngôn thưa Phật:

–Thế Tôn! Trong kinh dạy có hai nhân duyên *(nghe tiếng và khéo tư duy)* sinh khởi chánh kiến. Xin Phật thương xót giảng rộng cho các Bồ-tát.

Phật nói:

–Thiện nam! Hãy lắng nghe Như Lai sẽ phân tích rõ. Thiện nam! Vì tâm Bồ-đề mà nghe pháp là Thanh văn. Chuyên tâm niệm nhớ tâm Bồ-đề là khéo tư duy. Quán tâm Bồ-đề là chánh kiến.

Lại nữa, thiện nam! Vì đạo Bồ-đề nghe pháp là nghe tiếng. Không xa lìa đạo là khéo tư duy, an trụ đúng pháp là chánh kiến. Vì điều phục tâm mà nghe pháp là nghe thấy; trừ tâm ác là khéo tư duy; đạt tâm lành là chánh kiến. Vì trang nghiêm pháp lành mà nghe pháp là nghe tiếng; tu tập trang nghiêm là khéo tư duy; nguyện hướng Bồ-đề là chánh kiến. Nghe pháp lành là nghe tiếng, tăng trưởng pháp lành là khéo tư duy, nguyện hướng Bồ-đề là chánh kiến. Nghe bố thí là nghe tiếng; bố thí tất cả là khéo tư duy; không cầu quả báo là chánh kiến. Nghe giới là nghe tiếng; chuyên tâm giữ giới là khéo tư duy; nguyện hồi hướng Bồ-đề là chánh kiến. Nghe pháp nhẫn là nghe tiếng; không báo thù là khéo tư duy; nguyện hướng Bồ-đề là chánh kiến. Nghe pháp tinh tấn là nghe tiếng; trừ lười biếng là khéo tư duy; nguyện hồi hướng Bồ-đề là chánh kiến. Nghe pháp Tam-muội là nghe tiếng; làm thanh tịnh thân tâm là khéo tư duy, nguyện hướng Bồ-đề là chánh kiến. Nghe trí tuệ là nghe tiếng; quán sát đúng là khéo tư duy, nguyện hướng Bồ-đề là chánh kiến. Nghe bốn Nhiếp pháp là nghe tiếng; bảo vệ chúng sinh là

khéo tư duy, biết pháp đó không lấy, không làm, rỗng lặng, không sở hữu là chánh kiến. Nghe pháp năm thông là nghe tiếng; thân tâm nhẹ nhàng là khéo tư duy, nguyện hướng Bồ-đề là chánh kiến. Nghe bốn vô ngại là nghe tiếng; tu tập vô ngại là khéo tư duy, nguyện hướng Bồ-đề là chánh kiến. Nghe bốn pháp y là nghe tiếng; siêng năng tu tập là khéo tư duy, nguyện hướng Bồ-đề là chánh kiến. Nghe ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là nghe tiếng; diễn giảng bốn Niệm là bốn pháp Niệm xứ, nói về xả lìa là bốn Chánh cần, nói về định tụ là bốn Như ý, nói về Vô sở úy là các căn, nói về không thể hoại là các lực, trừ phiền não là bảy Giác phần, thật biết pháp là tám Chánh đạo, đó là khéo tư duy, không chấp thường đoạn, nguyện hướng Bồ-đề là chánh kiến. Nghe pháp bốn Đế là nghe tiếng; biết Khổ, trừ Tập, chứng Diệt, tu Đạo là khéo tư duy, thấy các pháp sinh diệt là chánh kiến. Nghe ba Giải thoát là nghe tiếng; tin Tam-muội không, không sợ tướng không, không nghi vô nguyện là khéo tư duy, nguyện hướng Bồ-đề là chánh kiến. Tu Tam-muội không, điều phục tâm, thấy rõ; tu tập vô tướng trừ giác quán; tu tập vô nguyện nguyện vào các cõi là chánh kiến. Nghe pháp phát tâm là nghe tiếng; tu đạo Bồ-đề là khéo tư duy, tâm không thoái chuyển là chánh kiến. Gặp Thiện tri thức là nghe tiếng; cúng dường gần gũi là khéo tư duy; nghe lời dạy là chánh kiến. Nghe

pháp giới là nghe tiếng, quán pháp giới là khéo tư duy, an trụ đúng pháp là chánh kiến. Gặp Phật là nghe tiếng; niệm Bồ-tát là khéo tư duy; đạt đạo cứu cánh là chánh kiến. Nghe tám vạn bốn ngàn pháp là nghe tiếng; quán hành xứ của chúng sinh là khéo tư duy; điều phục tám vạn bốn ngàn căn là chánh kiến.

Thiện nam! Từ duyên sinh pháp lành là nghe tiếng; không bỏ nhân duyên thiện là khéo tư duy; nguyện hồi hướng Bồ-đề là chánh kiến.

Thiện nam! Hai pháp đó không sai khác là khéo tư duy và chánh kiến. Vì sao? Vì tất cả các pháp bình đẳng không hai là khéo tư duy; quán sát bình đẳng là chánh kiến. Không tăng không giảm là chánh kiến. Không lấy bỏ, không làm và người làm, không giác quán, không niệm nơi nhận, không tạo tác, không suy nghĩ; không một, hai là chánh kiến. Một môn, một vị, một thừa, một hạnh không phiền não, kiêu mạn, không: Nghe, nói, sạch, nhơ, tánh pháp giới không thể phân biệt, như như bất động, ba đời bình đẳng, không ngã, sở hữu ngã, không chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, không âm thanh văn tự, không thể nói, không hay biết, trong các pháp đủ tâm biết đủ, trừ các tướng, không vui buồn, giác quán, không nhà cửa, không Phật, không tướng Phật. Nhập định quán pháp giới sâu xa đó là khéo tư duy; xuất định dạy cho chúng sinh biết rõ là chánh kiến.

Lúc nêu giảng pháp này có mười ngàn Bồ-tát đạt chánh kiến. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa Bồ-tát Vô Ngôn:

–Thiện nam! Nghe pháp ở đâu mà đạt chánh kiến?

Bồ-tát Vô Ngôn Đáp:

–Đại đức! Tôi nghe pháp ở vị đạt tâm Bồ-đề không thấy quá khứ, vị lai, hiện tại nên đạt chánh kiến. Quán ba đời như các pháp đều bình đẳng, không giác quán các pháp, tâm không trụ hữu vi, vô vi, không thấy tướng chúng sinh, tu khổ hạnh vì chúng sinh, trừ hai tướng: chúng sinh và tâm, trừ hai chấp, biết tánh của pháp không có không, hiểu rõ pháp sâu xa của Phật, không tự cao cho mình là người biết.

Đại đức! Tôi nghe pháp ở người đó người đó, không giảng một chữ nhưng tất cả đều thích nghe, biết pháp thật không thể nói, vì chúng sinh nên giảng, vào đời nhưng không nhiễm tu hành rốt ráo nhưng không ai biết có tu hay không tu, an trụ nơi tánh pháp và tánh chúng sinh, không phân biệt, quán tánh chúng sinh, pháp là không đều bình đẳng. Tôi nghe pháp từ người đó. Người đó không ngồi nơi cội Bồ-đề, không đi, đứng, nằm, ngồi, không ngủ thức nhưng đạt Bồ-đề, không đạt mà đạt nên không có tướng đạt.

Đại đức! Chánh pháp không có ánh sáng.

Không có ánh sáng nên không có nơi chốn. Không có nơi chốn nên không thân. Không thân là không sợ. Không sợ là không xuất. Không xuất là không sinh. Không sinh là không diệt. Không diệt là không chấp. Không chấp nên không động. Không động nên không biến đổi, không biến đổi nên không tối tăm. Không tối tăm nên không giác quán. Không giác quán nên không có đời. Không đời là không vật chứa. Không vật chứa là không tham. Không tham là tánh tịnh, tánh tịnh nên không hợp phiền não. Không hợp phiền não là không điên đảo, cứ thế suy dần, không điên đảo là bình đẳng, chân thật, không sinh diệt, do nhân duyên, không đến đi, không cảnh giới, không cú nghĩa, không hư dối, không nghe, không làm, không trụ, không văn tự, không tướng, vượt qua tâm ý thức, tịch tĩnh, không nóng, không sân, rốt ráo, hông có, Niết-bàn. Đó là pháp.

Đại đức! Chánh kiến: Không thấy thân, thân hành, bệnh hành, không thấy nơi thấy, không sinh tham chấp, không giác, không quán. Đó là chánh kiến nơi chánh kiến của pháp Phật. Lại nữa, Đại đức! Quán vô minh, ái, giải thoát không sai khác là chánh kiến. Không chấp thủ là chánh kiến.

Đại đức! Quán tham, sân, si và Không, Vô tướng, Vô nguyện bình đẳng không hai, không thấy nơi tướng, thấy tướng của không tướng là chánh kiến. Không quán một, hai, tất cả pháp là

Thánh, chánh kiến.

Đại đức! Quán ta và chúng sinh bình đẳng, chúng sinh bình đẳng nên Như Lai bình đẳng, Như Lai bình đẳng nên pháp Phật bình đẳng. Pháp Phật bình đẳng nên Thánh chúng bình đẳng. Thánh chúng bình đẳng nên tâm đại Từ bình đẳng. Tâm đại Từ bình đẳng nên hư không bình đẳng. Do chẳng trụ nơi trụ. Đó là Thánh chánh kiến.

Đại đức! Như tất cả pháp, âm thanh cũng vậy. Đó là Thánh chánh kiến.

Đại đức! Thánh chánh kiến: Không sinh xuất, đã không sinh xuất nên biết nghe pháp từ ai.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Như tôi biết ý của Hiền giả thì tất cả pháp là không thể nói năng?

–Đại đức! Đúng thế, đúng thế! Tất cả các pháp là không ngôn ngữ.

–Thiện nam! Nếu nói Như Lai thành tựu công đức thì chịu tội gì?

–Đại đức! Nếu nói như vậy, nên biết người ấy có lỗi lầm lớn. Vì sao? Vì công đức của Như Lai là không quyết định. Vì sao? Vì không phước không tội là Như Lai. Nếu thấy công đức Như Lai là thấy dục. Dục hữu là dục lớn, là lỗi lầm.

–Thiện nam! Thế nào là không tội lỗi?

–Đại đức! Như đại thứ năm, tình thứ bảy, giới thứ mười chín, không xuất nhập, sinh diệt, không

tạo tác, không tâm ý thức là không lỗi lầm. Nếu có thấy biết, xa lìa tu chứng là tội lỗi, thấy các cõi là tội lỗi. Không thấy các cõi là không tội lỗi.

Khi ấy, Phật khen ngợi Bồ-tát Vô Ngôn:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Lời ông nói là khéo giảng nói.

Lúc nêu giảng pháp này có một vạn hai ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh. Bồ-tát Vô Ngôn thưa Phật:

–Thế Tôn! Phật dạy Bồ-tát có bốn lực: Tín, tấn, niệm, tuệ. Xin Phật giảng rõ.

Phật nói:

–Thiện nam! Hãy lắng nghe, Như Lai sẽ giảng.

Thiện nam! Bồ-tát thuận tin, hiểu rõ, không nghi chánh pháp là tín lực, siêng năng dốc cầu pháp Phật, không nghi ngờ là tấn lực. Bồ-tát cầu đạt pháp lành không mất tâm Bồ-đề, hồi hướng căn lành lên Bồ-đề là niệm lực. Bồ-tát tự tư duy, không nghe lời kẻ khác, hiểu rõ tánh pháp là tuệ lực.

Thiện nam! Tin tưởng gần gũi Thánh nhân là tín lực. Cúng dường Thánh nhân là tấn lực. Chuyên tâm nghe học là niệm lực. An trụ đúng pháp là tuệ lực.

Thiện nam! Tin nghiệp quả là tín lực; không làm ác là tấn lực; nghiệp lành quá khứ tăng trưởng trong hiện tại là niệm lực; biết các pháp có nhân

quả là tuệ lực.

Thiện nam! Tin pháp không thể nói là tín lực; điều phục tâm là tấn lực; chuyên tâm là niệm lực; quán pháp như huyễn là tuệ lực.

Thiện nam! Thấy pháp không là tín lực; đoạn tà chấp là tấn lực; quán trong ngoài tịch tĩnh không mà không sợ là niệm lực; quán biết Đệ nhất nghĩa không là tuệ lực.

Thiện nam! Quán vô tướng vô nguyện là tín lực; diễn giảng cho người là tấn lực; chuyên tâm quán sát là niệm lực; biết pháp không thể giảng thuyết là tuệ lực.

Thiện nam! Bố thí tất cả không cầu quả báo là tín lực; luôn bố thí không tiếc là tấn lực; lúc bố thí chuyên tâm niệm Bồ-đề, nguyện hồi hướng là niệm lực; không quán vật cho, người cho, quả báo là tuệ lực.

Thiện nam! Giữ gìn tịnh giới không cầu quả báo là tín lực; không phiền não không hay giới cấm là tấn lực; chuyên tâm giữ giới, hồi hướng Bồ-đề là niệm lực; quán thân, khẩu, ý như trăng dưới nước, là sóng nắng, là tiếng vang là Tuệ lực.

Thiện nam! Hành pháp nhẫn nhục không cầu quả báo là tín lực; nhẫn nhục dù bị đánh mắng là tấn lực; nhờ nhẫn nhục tu tập Từ bi, không buông lung, nguyện hồi hướng Bồ-đề là niệm lực; quán thân, khẩu, ý đều không có gì để nhẫn là tuệ lực.

Thiện nam! Biết nhờ tinh tấn mà đạt Bồ-đề vô thượng, không phải do lười biếng là tín lực; điều phục tất cả chúng sinh, hộ trì, thọ học chánh pháp, cung cấp cho tất cả chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật là tấn lực; giúp chúng sinh bỏ lười biếng, siêng tu, nguyện hồi hướng Bồ-đề là niệm lực. Siêng năng tu tập không thêm không bớt là tuệ lực.

Thiện nam! Thích tịch tĩnh, không nói chuyện thế gian là tín lực; an trụ tịch tĩnh, đạt bốn Thiền và tám Giải thoát là tấn lực; không thoái chuyển thiền định là niệm lực; quán thiền định là vô thường, khổ, vô ngã là tuệ lực.

Thiện nam! Nghe và tin tưởng không nghi ngờ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là tín lực; giảng dạy cho chúng sinh là tấn lực; khéo suy xét là niệm lực; an trụ đúng pháp là tuệ lực.

Thiện nam! Tu tập tâm Từ vì chúng sinh là tín lực; thương yêu chúng sinh giúp chúng thoát khổ là tấn lực; quán xong pháp, tâm vui mừng là niệm lực; bình đẳng trước oán thân, tu tập tâm Xả là tuệ lực.

Thiện nam! Quán sát thân này được hình thành do vô số pháp ác, mê hoặc phàm phu, như tưởng huyễn là tín lực, lúc chịu khổ chết, chuyên tâm niệm Tam bảo, không tiếc thân mạng là tấn lực; không khởi các tâm: Ác, Thanh văn, Bích-chi-phật, tham, sân, si, ganh ghét, tiếc, hủy giới là

niệm lực; quán sát phân biệt pháp giới, quán trí vô ngại, biết rõ quá khứ, vị lai, hiện tại là tuệ lực.

Thiện nam! Hỷ là tín, không thoái chuyển là tấn, không hoặc loạn là niệm, rõ biết là tuệ.

Thiện nam! Từ sức tin nên làm mọi việc; nhờ tinh tấn nên mọi việc được viên mãn; nhờ sức niệm nên không sơ xuất; nhờ tuệ lực nên giảng đúng pháp.

Thiện nam! Quán lưới nghi là tín; trừ nghi là tấn; không còn nghi là niệm; thuyết giảng trừ nghi là tuệ.

Thiện nam! Tin pháp Phật là tín; tu hành cầu Bồ-đề là tấn; đạt thuận nhẫn là niệm; đạt Nhẫn vô sinh là tuệ.

Thiện nam! Tín căn tín lực không sai khác; tấn căn tấn lực, niệm căn niệm lực, tuệ căn tuệ lực cũng thế.

Lúc nêu giảng pháp này có trăm ngàn Bồ-tát đạt địa Nhẫn vô sinh, bốn vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Bồ-tát Liên Hoa thưa với Bồ-tát Vô Ngôn:

–Thiện nam! Điều ông hỏi Phật đã giải thích rõ, ông có vui không?

Bồ-tát Vô Ngôn đáp:

–Thiện nam! Tôi không hỏi, không nghe một pháp nào, làm sao vui?

Bồ-tát Liên Hoa hỏi:

–Thiện nam! Ông không nghe Phật giảng pháp sao?

Bồ-tát Vô Ngôn đáp:

–Chư Phật Như Lai đều không giảng thuyết, làm sao tôi nghe? Vì sao? Vì tôi không phải là pháp khí.

Bồ-tát Liên Hoa hỏi:

–Ông nay nêu không phải là pháp khí thì những gì là pháp khí?

Bồ-tát Vô Ngôn đáp:

–Thiện nam! Thân tôi hiện nay hãy còn chẳng phải là pháp khí, huống hồ lại là các vật khác.

Bồ-tát Liên Hoa nói:

–Ông nếu không là pháp khí đích thực làm sao ông đạt Bồ-đề vô thượng?

Bồ-tát Vô Ngôn đáp:

–Bồ-đề vô thượng không phải là vật (khí). Thiện nam! Nếu ngoài pháp Phật có Bồ-đề thì có khí. Tất cả pháp Phật chính là Bồ-đề, Bồ-đề là pháp Phật. Thiện nam! Vì thế tôi đoạn phiền não, không thấy pháp Phật là không thấy Bồ-đề. Phiền não, Bồ-đề và pháp Phật không sai khác. Nếu thấy Bồ-đề trong phiền não là thấy đúng. Nếu thấy Bồ-đề ngoài phiền não là thấy sai.

Bồ-tát Liên Hoa nói:

–Thiện nam! Thế nào là thấy sai?

Thấy ngã, thọ mạng, sĩ phu, mạng, tham, sân, si, tất cả các pháp chính là Bồ-đề. Đó là thấy đúng. Nghĩa là tìm Bồ-đề ngay trong bốn đại và vật do bốn đại tạo nên. Thế nào là tìm? Lúc tìm không thấy các vật. Không thấy tức là không nơi chốn, không trụ. Đó là tánh của tất cả pháp. Không tánh của các pháp chính là tướng thật. Tướng thật không phải thường, không phải đoạn, là rốt ráo. Thấy như vậy thì không trôi giạt, không tán loạn, không sinh diệt, là Niết-bàn, thật biết tất cả pháp. Đó là đạt Niết-bàn, là Thánh cú ở trong Niết-bàn. Vì thế trong kinh Phật nói: Chưa điều phục mình nhưng điều phục người; chưa giải thoát nhưng giải thoát người; chưa tịch tĩnh nhưng tịch tĩnh người; chưa Niết-bàn nhưng giúp người đạt Niết-bàn, không thể có các việc đó. Phải tự điều phục rồi mới điều phục người, tự giải thoát rồi mới giải thoát người; tự tịch tĩnh mới giúp người tịch tĩnh; đạt Niết-bàn mới giúp người đạt.

Thiện nam! Đại Bồ-tát tu đạo Bồ-đề, hiểu rõ hạnh của chúng sinh, không phân biệt tướng pháp và và pháp giới, tu tất cả pháp lành, không thấy chúng ma, tuy cầu pháp Phật nhưng không thấy người cầu; điều phục chúng sinh không thấy mình người; làm mọi việc nhưng không nhiễm phiền não; tùy thuận thế gian nhưng không đắm; gánh năm ấm nhưng không thấy nơi dừng; xa lìa các cõi nhưng không động pháp giới; tu giải thoát không

bỏ pháp lành; thấy rõ ba cõi nhưng không lẫn lộn phiền não, bố thí nhưng không kiêu mạn… kể cả tu Bát-nhã cũng vậy, làm mọi việc nhưng thật không làm việc gì. Tu tập như thế là tu đạo Bồ-đề. Không phân biệt đạo Bồ-đề và hạnh Bồ-đề. Hành đạo Bồ-đề, không thấy ngã trong các pháp, không tham, sân, thân, oán, không chướng ngại, vô vi. Hạnh vô vi là Đại Bồ-tát chân thật.

Bồ-tát Liên Hoa thưa:

–Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát?

Thiện nam! Giác ngộ chúng sinh chưa giác ngộ là Bồ-tát; thức tỉnh chúng sinh mê ngu vô minh; diễn giảng tùy thuận pháp Bồ-đề; giúp chúng sinh thích tịch tĩnh; tăng trưởng pháp Phật, dựng cờ chánh pháp, bảo hộ Thánh chúng, không thoái tâm Bồ-đề, không trụ tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, tâm luôn chí thành, phát nguyện độ người chưa được ngộ, giải thoát kẻ chưa được giải thoát, làm chỗ nương tựa cho kẻ không nơi nương tựa; diệt trừ những gì chưa diệt, điều phục phiền não, không bỏ phiền não, quán lỗi sinh tử nhưng vẫn vào các cõi. Tu Tam-muội Không không bỏ chúng sinh, tu Vô tướng không bỏ Bồ-đề, tu Vô nguyện nhưng nguyện vào các cõi, thích pháp Phật nhưng không tham, biết pháp hữu vi nhiều tội lỗi nhưng không bỏ hữu vi, tuy xua tan bóng tối nhưng không chấp ánh sáng, mặc giáp trí tuệ, thích bố thí, trang nghiêm pháp thí, làm thanh tịnh cõi Phật,

đầy đủ tịnh giới, thệ nguyện, nhẫn nhục, điều phục chúng sinh ương bướng, siêng tu tập, cầu thân không hoại, bỏ cõi Dục nhưng thọ thân các cõi, thọ sinh tử nhưng không hối hận, biết phương tiện tự điều phục, cầu Bồ-đề, tu tập tâm Từ vì chúng sinh, tu tập tâm Bi để diệt khổ, tu tâm Hỷ để điều phục kẻ ương ngạnh, tu tâm Xả với những gì chưa xả hết, thông đạt tỏ biết nghĩa sâu xa, không chấp cảnh giới Thanh văn, Duyên giác, nương tựa nơi nghĩa, pháp, trí, kinh, không theo pháp thế gian, làm chỗ tựa cho chúng sinh, trang nghiêm thân, khẩu vì chúng sinh, trang nghiêm tâm đúng pháp, trang bị thần thông vì chúng sinh; tạo lợi ích cho mọi loài như đất, thanh tịnh tất cả như nước, thiêu đốt phiền não như lửa, không chướng ngại pháp như gió, bình đẳng với các pháp tựa hư không, thành tựu Đà-la-ni, nhớ tất cả, nhạo thuyết vô ngại khiến chúng thích nghe, chuyên tâm niệm Phật để thanh lọc tâm, bố thí tất cả, sống thanh tịnh, đủ oai nghi, tu Tam-muội Vô tránh, thích nhàn tịnh, điều phục chúng sinh, không nói chuyện thế gian, chê trách, dạy khuyên người thích thế gian, đủ bảy báu, tâm nhu thuận, thích ban cho, kiên định không thoái chuyển, đủ bà con, gần bạn lành, biết ân đền ân, quán nghiệp quá khứ, tùy thuận chúng sinh, trừ tâm nghi, biết sinh tử tội lỗi, chuyên tâm làm việc, hiểu tất cả ngôn ngữ, tu tập Đại thừa, không nghi ba thừa, chúng sinh thích gần, đáp mọi

thắc mắc, đạt trí vô ngại, chư Phật bảo hộ, thận trọng trong nói năng, không nói nhiều, thanh tịnh mát mẻ như trăng mùa thu, nuôi lớn pháp lành như trăng đầu tháng, chỉ một vị cam lồ như sự trong sáng của trăng, quán tất cả pháp như trăng dưới nước, thanh tịnh không nhơ như trăng sáng, dễ gần gũi, đầy đủ các căn, là cầu nối của các pháp, độ chúng sinh qua khỏi dòng thác, làm mọi việc Phật vì chúng sinh, tâm không lay động. Đó là Bồ-tát.

Lúc này, Bồ-tát Liên Hoa thưa Phật:

–Thế Tôn! Bồ-tát Vô Ngôn giảng như vậy, không bao lâu sẽ đạt Bồ-đề vô thượng, chuyển bánh xe pháp lớn. Người nào tin lời Bồ-tát Vô Ngôn sẽ đạt công đức như vậy.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Như lời ông nói, Bồ-tát Vô Ngôn đạt Tam-muội Tuệ đăng, vì thế dù trải qua vô số kiếp để nói một nghĩa cũng không thể hết.

Bồ-tát Liên Hoa thưa:

–Thế Tôn! Xin thương xót con, để tăng trưởng pháp lành cho chúng sinh, để trang nghiêm kinh Đại Tập, Như Lai phân tích giảng dạy Tam-muội Tuệ đăng. Bồ-tát đủ trí nghe được sẽ đạt Tam-muội đó, sớm thanh tịnh Bồ-đề vô thượng.

Phật nói:

–Thiện nam! Hãy lắng tâm, ta sẽ giải thích một

phần nhỏ. Tuệ Đăng chính là đèn trí tuệ, trừ hôn ám, diệt nghi, các pháp không hai tướng.

Thiện nam! Trí: Hiểu rõ, không nghi, không mất, không lôi kéo, không tùy theo, không tăm tối, thánh, danh lợi, nhanh nhẹn, phân biệt, rộng lớn, thuần nhất, chủng chủng, quá khứ, vị lai, hiện tại, ba đời bình đẳng, ba cõi, ba giải thoát, ba tuệ, Tam bảo, ba thừa, ba mắt, ba cấu, ba trạch, ba tụ, tâm ý thức, ấm giới nhập, nhân duyên hòa hợp, thấy rốt ráo, như pháp giới, tự tướng, Đệ nhất nghĩa, phương tiện, tất cả ngôn ngữ, tất cả văn tự, không ngại, không hoại, thuyết giảng, biết căn thượng trung hạ, không tạo tác, không thọ nhận, tất cả chú thuật, chữa lành tất cả, biết mọi việc đời, trang nghiêm Đà-la-ni, Tam-muội Nhật nguyệt, nhập Tam-muội, Tam-muội Thánh, Tam-muội Kim cang, Tam-muội Vô tránh, Tam-muội Tâm bình đẳng, Tam-muội Diệt ma, Tam-muội Nhật quang, Tam-muội Vô tưởng, Tam-muội Cờ báu, Tam-muội Hết thảy pháp môn, Tam-muội Nhất thiết pháp; Tam-muội Vô biên quang, Tam-muội Phước đức, Tam-muội Vô trụ, Tam-muội Nhạo kiến, Tam-muội Thiện kiến, Tam-muội Vô tận khí, rốt ráo, tất cả, không động, Tam-muội Na-la-diên, thấy tất cả. Có sáu vạn trí Tam-muội như thế. Ngày xưa ở chỗ Phật Nhiên Đăng, ta đạt các Tam-muội đó. Các Tam-muội đều thuộc về Tam-muội Tuệ đăng.

Thiện nam! Như mặt trời mọc có thể làm bốn việc: Chiếu ánh sáng lớn, xua hết tăm tối, hiện các hình sắc, giúp chúng sinh làm mọi việc. Đại Bồ-tát an trụ nơi Tam-muội này làm được bốn việc: Xua tan màn đêm phiền não, phóng ánh sáng trí tuệ, hiện vô số hạnh của chúng sinh, chỉ dạy đạo, phi đạo cho chúng sinh.

Thiện nam! Như đặt viên ngọc sáng trên nơi cao, ánh sáng viên ngọc chiếu đến bốn do diên, ban mọi vật cần dùng cho chúng sinh, nhưng thể tướng của viên ngọc không thêm bớt. Tam-muội Tuệ đăng cũng vậy, an trụ nơi Tam-muội này, đạt Bồ-tát đoạn hết tập khí phiền não, thanh tịnh giới, định, tuệ, thân, tâm, phương tiện Đà-la-ni, tu tập đại Bi, phóng ánh sáng lớn chiếu vô lượng cõi Phật, tùy thuận chúng sinh, nên làm mọi việc. Tuy làm mọi việc nhưng tánh tướng của Bồ-tát không thêm bớt.

Thiện nam! Ví như hư không dung chứa cõi Phật, không chướng ngại, không trở ngại nước, lửa, gió, và vô số chúng sinh.

Thiện nam! Tam-muội Tuệ đăng cũng vậy, an trụ nơi Tam-muội này, Bồ-tát giảng pháp cho chúng sinh không chướng ngại, từ lực định phương tiện giáo hóa tất cả, điều phục và giúp chúng giải thoát, giúp kẻ tà định trừ bỏ sai lầm, khiến người chưa trồng căn lành sớm trồng, kẻ không là pháp khí thành pháp khí, giảng pháp Bồ-

đề vô thượng cho những bậc pháp khí, giảng dạy cho người cầu Thánh văn giúp chúng đạt bốn quả Sa-môn, phương tiện chỉ dạy cho người cầu Duyên giác đạt quả Bích-chi-phật, phương tiện thuyết giảng khiến phát tâm Bồ-đề vô thượng, trụ địa bất thoái, tỏ thông tám vạn bốn ngàn pháp môn, vì trừ tâm nghi của chúng sinh nên phân biệt diễn giảng, chỉ một việc mà có thể giảng trong vô số kiếp vẫn không hết.

Thiện nam! Như một ngọn đèn sáng chiếu soi các hình sắc. Tam-muội Tuệ đăng cũng thế, hiện vô số hình sắc trong vô lượng cõi Phật từ một tâm, nhưng Tam-muội ấy không khuynh động. Vì thế trong bốn Niệm xứ, pháp niệm xứ là đỉnh; trong bốn Chánh cần, phát sinh pháp lành chưa sinh là hơn hết; trong bốn Như ý, tịch tĩnh thân tâm là tối thượng; trong năm Căn, năm Lực, tuệ căn, tuệ lực là vô thượng; trong bảy Giác phần, trạch pháp là thủ lĩnh; trong tám Chánh đạo, chánh kiến là trên hết; trong tất cả ngoại đạo, hiện có Xa-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na là cao tột; trong bốn Đế, diệt đế là nhất; trong bốn y, y nơi nghĩa là hơn hết; trong bốn Trí vô ngại, nghĩa vô ngại là đỉnh; trong sáu thần thông, lậu tận là đứng đầu; trong bốn Tâm vô lượng, tâm Bi là nhất; trong việc tu phạm hạnh, trí tuệ là tối thượng; trong các Ba-la-mật, Bát-nhã là nhất; trong các phương tiện, biết tâm chúng sinh là hơn hết; trong các lực, xứ, phi xứ lực là số một;

trong bốn pháp Vô úy, pháp một là nhất; trong pháp Bất cộng, vô ngại là nhất; trong ba mươi hai tướng, vô kiến đảnh tướng là nhất; trong tám mươi tướng tốt, thuyết pháp bất không là số một; trong việc trang nghiêm khẩu nghiệp, hiểu tất cả ngôn ngữ là số một; trang nghiêm tâm, trừ kiêu mạn là nhất; trong các pháp, trí tuệ là hơn hết. Đó là Tam-muội Tuệ đăng.

Lúc nêu giảng pháp này, Bồ-tát Liên Hoa và một vạn Bồ-tát đạt Tam-muội Tuệ đăng. Tam thiên đại thiên cõi nước đều chấn động sáu cách. Đại chúng rải hoa, trỗi nhạc cúng Phật, tôn trọng, ca ngợi. Các Bồ-tát trong chúng đều thưa:

–Thế Tôn! Từ xưa đến nay chúng con chưa từng nghe tên Tam-muội này, huống gì là được nghe giảng kỹ. Chúng con nay đều đạt Tam-muội nên thiết lễ cúng dường. Ai nghe tên Tam-muội này sẽ được lợi lớn, không mất tâm Bồ-đề vô thượng.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Như lời các ông nói, chúng sinh nào trồng căn lành nơi vô số Phật gần gũi bạn lành mới được nghe Tam-muội này.

Lúc Phật giảng giải pháp ấy, từ trong rốn xuất hiện một Bồ-tát thân sắc rực rỡ, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, phóng ánh sáng lớn,

ngoài ánh sáng của Phật ra không gì sánh bằng. Bồ-tát ấy lạy Phật, đi quanh bên phải bảy vòng, quỳ gối chắp tay thưa:

–Thế Tôn! Đức Như Lai Tuệ Kiều xin hỏi thăm sức khỏe Thế Tôn và đại chúng. Hiện có sáu vạn ức Bồ-tát ở cõi con muốn đến đây để nghe kinh Đại Tập, để gặp Bồ-tát Vô Ngôn và các Bồ-tát đến từ mười phương, để nghe Tam-muội Tuệ đăng.

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! Đức Thích-ca Mâu-ni, xin chỉ dạy để tất cả đều đạt Tam-muội này mà trở về cõi mình.

Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Thế Tôn! Đức Phật Tuệ Kiều ở đâu? Cõi đó tên gì, cách đây bao nhiêu xa? Bồ-tát ấy tên gì? Sáu vạn ức Bồ-tát kia ở đâu?

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Cõi Phật Tuệ Kiều cách đây một hằng hà sa cùng với hằng hà sa cõi nước về phía Đông. Cõi đó tên Kim cang kiên căn.

Xá-lợi-phất! Vì sao cõi ấy có tên là Kim cang kiên căn?

Xá-lợi-phất! Cõi ấy, mặt đất bằng kim cang. Đó là nhờ sức nguyện của Đức Tuệ Kiều. Thân Phật, Bồ-tát, chúng sinh đều là Kim cang. Bồ-tát ấy tên là Kim Cang Tề. Chỉ trong niệm Bồ-tát này có thể phá vỡ tất cả núi Kim cang, đến vô lượng

cõi Phật, xuất hiện từ rốn Phật. Nhờ thần lực Phật và nguyện lực của mình nên Bồ-tát có tên là Kim Cang Tề.

Xá-lợi-phất! Về nơi ở của các Bồ-tát ông nên hỏi Bồ-tát Kim Cang Tề sẽ rõ.

Xá-lợi-phất liền hỏi Bồ-tát Kim Cang Tề:

–Thiện nam! Sáu vạn ức Bồ-tát đó ở cõi nào?

Bồ-tát Kim Cang Tề nói:

–Như Lai dạy ông là bậc trí tuệ đệ nhất, hãy dùng Thánh trí để quán cõi nước của sáu vạn Bồ-tát.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền dùng Thánh trí để quán nhưng không thấy, nên nói với Bồ-tát Kim Cang Tề là đã dùng Thánh trí nhưng vẫn không thấy được.

–Đại đức! Bạn cùng học của ông là A-ni-lâu-đà, là bậc Thiên nhãn đệ nhất, ông hãy nhờ vị ấy quán sát.

Lúc đó, Tôn giả A-ni-lâu-đà dùng Thiên nhãn quán sát khắp tam thiên đại thiên cõi nước, vẫn không thấy nên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôi không thấy được.

Bồ-tát Kim Cang Tề nói:

–Đại đức! Bạn của ông không thấy được, không thể gọi là Thiên nhãn, nên gọi là nhục nhãn.

Xá-lợi-phất thưa:

–Theo ông, thế nào là Thiên nhãn?

–Đại đức! Thiên nhãn của tôi là nhìn thấy những gì Thanh văn các ông không thể thấy.

Xá-lợi-phất thưa:

–Thiện nam! Sắc pháp nào chúng tôi không thể thấy mà ông lại thấy?

–Đại đức! Ông có nhìn thấy cõi Kim cang kiên căn, Đức Tuệ Kiều và các Bồ-tát không?

–Không, thưa Tôn giả! Tôi chỉ nghe tên chứ không nhìn thấy.

–Đại đức! Tôi có thể thấy rõ cõi nước, Phật, Bồ-tát, chúng sinh ở đó. Đó là Thiên nhãn thanh tịnh của Bồ-tát. Thiên nhãn đó, các Thanh văn, Bích-chi-phật không thể có.

Lúc nêu giảng lời này, sáu vạn chúng sinh cầu Thanh văn đều bỏ ý cũ, phát tâm Bồ-đề vô thượng, đều thưa:

–Nguyện cho chúng tôi đạt mắt Phật, không dùng mắt trở ngại của Thanh văn và Bích-chi-phật.

Lúc đó, Bồ-tát Kim Cang Tề nhập định. Với thần lực Phật và nguyện lực của chính mình, Bồ-tát giúp cho đại chúng thấy được sáu vạn ức Bồ-tát ngồi trên đài sen trong thân Phật, các Bồ-tát ấy đang chuyên tâm nghe pháp. Tuy nhiên, thân của Như Lai không lấy làm khó chịu, không thêm bớt, không chướng ngại. Thấy vậy, đại chúng đều cung kính cúng dường, vui mừng ngợi khen là việc

không thể nghĩ bàn, cùng thưa:

–Thân, trí Tam-muội của Như Lai đều không thể nghĩ bàn. Vì sao? Sáu vạn ức Bồ-tát ở trong thân Phật mà không bị chướng ngại.

Nghe thế, Bồ-tát Kim Cang Tề nói:

–Đại chúng! Các vị không biết thân Như Lai tựa hư không là thân vô biên, không chướng ngại, rộng lớn, pháp, không hình tướng, không thể lường sao? Các thiện nam! Dù Như Lai đặt cả đất nước xóm làng núi rừng cây cỏ vào trong thân vẫn không hề bị chướng ngại. Vì thế Như Lai là không thể nghĩ bàn.

Thiện nam! Vô lượng Bồ-tát từ các cõi nước nơi mười phương đến nghe kinh Đại Tập này, thành tựu sắc thân tươi đẹp, với hai mươi tám tướng đại nhân. Như Lai cũng đặt tất cả vào trong thân. Vì sao? Vì chúng sinh, Phạm thiên, Đế Thích ở đây nếu thấy vậy đều sinh hổ thẹn, vì thế không thể thấy.

Lúc đó, với sức công đức của Phật và oai lực của Bồ-tát Kim Cang Tề, đại chúng đều thấy sáu vạn ức Bồ-tát từ một lỗ chân lông Phật xuất hiện, lạy Phật, đi quanh bên phải bảy vòng, ngồi qua một bên. Bồ-tát Kim Cang Tề bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát có tên là Vô Ngôn?

Đức Phật nói:

–Thiện nam! Ông nên hỏi thẳng Bồ-tát Vô

Ngôn. Bồ-tát sẽ đáp.

Bồ-tát Kim Cang Tề liền hỏi Bồ-tát Vô Ngôn.

Bồ-tát Vô Ngôn im lặng. Bồ-tát hỏi hai, ba lần vẫn không trả lời. Bồ-tát Kim Cang Tề hỏi:

–Vì sao ông không đáp lời?

Bồ-tát đáp:

–Tôi không tìm thấy ngôn ngữ.

Vì sao không tìm được?

–Thiện nam! Tôi sẽ nói lời Phật, lời thế gian.

–Thế nào là đáp lời Phật?

–Thiện nam! Với niệm lực, tôi thọ trì tất cả lời Phật, không quên sót, song, tôi không thấy có âm thanh văn tự. Vì lưu truyền nên thuyết giảng và vì nhằm dứt trừ chấp nơi văn tự cú nghĩa cho chúng sinh.

–Thế nào là đáp lời thế gian?

–Hiểu tất cả ngôn ngữ của chúng sinh, tùy ngôn ngữ giảng pháp.

–Thiện nam! Ông tùy thuận thuyết giảng đã lâu chưa?

–Thiện nam! Từ khi tôi trừ giác quán đã làm như vậy.

–Thiện nam! Vì sao như thế?

–Thiện nam! Nếu không có giác quán thì âm thanh không xuất hiện. Do nhân duyên ấy nên nói như thế.

–Thiện nam! Âm thanh có từ thân hay từ tâm?

–Thiện nam! Âm thanh không có ở thân. Vì sao? Vì thân như cây cỏ, tâm là huyễn hóa, do nhân duyên nên có âm thanh. Do duyên sinh là vô thường, vô thường là không định. Không thường không định là không. Âm thanh tựa hư không, không thể nhìn thấy, không thể giảng nói. Tất cả các pháp cũng không thể thấy. Âm thanh không sinh, các pháp cũng không sinh. Không sinh là không đến đi. Không đến đi là mười hai nhân duyên sâu xa, không tạo tác, không lệ thuộc, không khởi, không câu chữ, không câu chữ là không sinh. Không có nhãn sắc, thức, pháp thức… không có khổ sinh, già, bệnh, chết, không có trời, trăng, ánh sáng, oán, thân, trừ tất cả, không thể thấy, không gần xa. Thiện nam! Đó là rốt ráo không sinh.

–Thiện nam! Thế nào là rốt ráo không sinh?

–Không gần không xa là rốt ráo không sinh.

–Thế nào là không gần xa?

–Thiện nam! Chính như hư không. Thấy các pháp như hư không là bình đẳng.

–Vì sao các pháp tựa hư không?

–Thiện nam! Pháp quá khứ không kết cục, pháp vị lai hiện tại cũng thế. Ba đời không kết cục là thật tướng, là không hai. Mắt, sắc, tai, tiếng, mũi, hương, lưỡi, vị, thân, xúc; tâm pháp là hai.

Có hai thì có thể nói. Không hai thì không thể nói. Không thể nói là không tâm ý thức. Vì thế không thể nói. Cái gì có thể nói đều là hai, không thể nói là không hai

–Thiện nam! Cái gì là hai?

–Thiện nam! Không hai thì không thể tạo nên hai. Hai không thể làm thành không hai. Cứng không thể làm thành mềm, mềm không thể biến thành cứng. Hai pháp sống chết không thể là không hai. Pháp Niết-bàn không thể là hai. Tánh chánh kiến không thể biến thành tà kiến; tà kiến không thể làm nên chánh kiến.

Bồ-tát Kim Cang Tề thưa Phật:

–Thế Tôn! Qua những lời Bồ-tát Vô Ngôn nói dường như Bồ-tát đã đạt Tam-muội Tuệ đăng.

Đức Phật bảo:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Ông cho Bồ-tát Vô Ngôn chưa đạt Tam-muội Tuệ đăng sao?

Lúc đó, các Bồ-tát đến từ cõi Phật Tuệ Kiều thưa Bồ-tát Vô Ngôn:

–Thiện nam! Ông an trụ nơi địa nào để có thể đáp những lời đó?

Bồ-tát Vô Ngôn Đáp:

–Thiện nam! Như lời Phật dạy, Bồ-tát trụ nơi địa giới nên có thể đáp như thế.

–Thiện nam! Hy hữu thay! Hy hữu thay! Xin giải rõ địa giới.

–Thiện nam! Không trụ nơi thân, tâm, ý, trong, ngoài, cả trong ngoài là trụ giới.

Thiện nam! Không tướng, mạng, tạo tác, thực hành là trụ giới. Bồ-tát trụ giới đó là không trụ. Không trụ là không nghĩ: Mình sẽ diễn nói.

Thiện nam! Như lời ông hỏi, ta trụ nơi tánh pháp, thật tướng, pháp giới là có thể đáp như thế. Biết thật về pháp thì không giác quán. Không giác quán làm sao nói?

Các Bồ-tát thưa:

–Thiện nam! Như thế là gì?

–Thiện nam! Nói như thế là nói hai pháp: diệt tận, không xuất; quá khứ, vị lai. Hiện tại không dừng nên không thể nói.

Thiện nam! Pháp quá khứ không có tướng. Vị lai, hiện tại cũng vậy. Người nào thấy tướng ba đời là điên đảo. Vì vậy nghĩa của các pháp là không thể nói. Nghĩa của pháp không thể nói bằng thân, khẩu, ý. Vì sao? Vì không tạo tác, không nghiệp, không hình sắc, không nghiệp khẩu, không giác quán, như tiếng vang, tợ hóa Phật.

Thiện nam! Lời của Phật, Bồ-tát đều ngược lời thế gian. Vì thế Phật, Bồ-tát đều không thể nghĩ bàn. Trí tuệ của Phật Bồ-tát là không thể nghĩ bàn, không cùng tận, là pháp giới không động.

Khi ấy, các Bồ-tát cùng khen Bồ-tát Vô Ngôn:

–Hay thay, hay thay! Ông khéo phân biệt các

pháp giúp chúng tôi tỏ ngộ và thấy được vô lượng Đại Bồ-tát.

Bồ-tát Kim Cang Tề thưa Bồ-tát Vô Ngôn:

–Thiện nam! Tôi cùng ông hãy về cõi Kim cang kiên căn để gặp và cúng dường Đức Phật Tuệ Kiều.

Bồ-tát Vô Ngôn nói:

–Thiện nam! Cõi Kim cang kiên căn chính là cõi Ta-bà này, Đức Tuệ Kiều chính là Đức Thích-ca Mâu-ni. Tôi cần gì phải về cõi ấy?

Bồ-tát Kim Cang Tề nói:

–Thiện nam! Cõi này, mặt đất không bằng Kim cang làm sao nói là cõi kia được?

Bồ-tát Vô Ngôn thưa:

–Thiện nam! Thần thông của ông có thể phá trừ vô số vật, có thể xuyên qua núi Kim cang, nay ông thể phá vỡ hạt bụi ở đây xem. Nếu phá được ông mới được gọi là Kim cang.

Lúc này, Bồ-tát Vô Ngôn liền nhập định Kim cang biến tất cả núi rừng cây cỏ bụi bặm ở đây thành Kim cang. Bồ-tát Kim Cang Tề dùng hết sức thần của mình vẫn không phá vỡ được một hạt bụi. Bồ-tát liền thưa Phật:

–Thế Tôn! Thần lực của con có thể phá vỡ tất cả cõi Kim cang và núi rừng, vì sao không phá vỡ được một hạt bụi ở đây? Một hạt bụi ở đây là sức thần thông của Như Lai, là sức công đức của Bồ-

tát Vô Ngôn sao?

Phật nói:

–Thiện nam! Do sức Tam-muội Kim cang ấy, Bồ-tát Vô Ngôn đang nhập làm cho tam thiên đại thiên cõi nước đều biến thành Kim cang. Bồ-tát Vô Ngôn còn có thể biến vô lượng cõi nước thành Kim cang.

Bồ-tát Kim Cang Tề thưa:

–Thế Tôn! Đại Bồ-tát đạt pháp gì để thành tựu Tam-muội Kim cang?

Phật nói:

–Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp sẽ đạt được Tam-muội này. Bốn pháp đó là: Chuyên tâm niệm Bồ-đề; hành trì trọn vẹn các pháp lành; trang nghiêm pháp lành và hồi hướng Bồ-đề; quán mười hai nhân duyên. Lại có bốn: Thành tựu thần thông; tu ba giải thoát; giữ giới tinh tấn; quán pháp giới biết các pháp không có cội gốc, không giác quán, không thể nói; biết nghĩa, biết thời, thật biết các pháp đều bình đẳng. Lại có bốn: Từ tâm đại Từ cầu đại trí tuệ; khéo cầu học ba mươi bảy phẩm Trợ đạo; quán chúng sinh bình đẳng bằng tâm đại Bi; quán bốn Chân đế bằng tâm Xả. Lại có bốn: Thân, khẩu, ý và tâm Bồ-đề đều là Kim cang, không thể hoại.

Thiện nam! Đại Bồ-tát đầy đủ các pháp đó sẽ đạt Tam-muội Kim cang.

Lúc nêu giảng lời này, có sáu vạn ức Bồ-tát đều đạt Tam-muội Kim cang. Khi đó, Vô Ngôn thưa cha là Tướng quân Sư Tử:

–Tôn giả! Phật xuất hiện trong đời là đầy đủ vô lượng công đức. Công đức lớn là Như Lai. Phật ra đời, vô số chúng sinh được lợi ích lớn là Niết-bàn. Niết-bàn không thay đổi. Cớ sao Tôn giả không phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Người cha đáp:

–Khi ta mới sinh đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc ấy, cũng có chư Thiên đến nói với tôi như vậy. Việc này chỉ Phật chứng biết.

Bấy giờ, năm trăm thân quyến của Tướng quân Sư Tử đều phát tâm Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát Vô Ngôn khen ngợi thân quyến:

–Lành thay, lành thay! Các ông đã khéo trang nghiêm tâm Bồ-đề.

Thân quyến thưa:

–Thế nào là trang nghiêm tâm Bồ-đề?

Vô Ngôn đáp:

–Có bốn mươi việc trang nghiêm tâm Bồ-đề: Tin Phật, không nghi ngờ, không dao động trước pháp giới, cúng dường Thánh chúng; gần gũi bạn lành; xem Bồ-tát là thầy thuốc giỏi; bình đẳng với chúng sinh; cúng dường cha mẹ, thầy, bậc hữu đức và nghe theo lời dạy; hộ pháp; cầu pháp; chuyên

tâm nghe pháp; giảng dạy cho người; cúng dường tôn kính người hộ pháp; thuyết pháp không vì lợi dưỡng; trừ kiêu mạn; biết ân, đền ân; khéo tư duy; an trụ đúng pháp; cho những vật khó cho; chí tâm giữ giới; siêng năng tu tập pháp lành; thành tựu trọn vẹn công đức trang nghiêm; không ganh ghét, bảo hộ chúng sinh; ngăn chận phiền não; điều phục tâm mình, người; giúp chúng sinh trừ phiền não; biết đủ ưa nhàn tịnh; tu phạm hạnh thanh tịnh; không đoạn giống Thánh; không nhiễm pháp thế gian; cung kính cúng dường người thuyết pháp; tùy thuận học hỏi; không lười biếng; không buông lung; không cầu thừa khác; vững định nơi tâm Bồ-đề; không chán ghét sinh tử; trừ pháp ác; trang nghiêm phạm hạnh, trọn vẹn pháp lành.

Tướng quân Sư Tử thưa:

–Bồ-tát thường hiện thân, giúp chúng tôi không thoái tâm Bồ-đề.

Bồ-tát Vô Ngôn thưa:

–Tôn giả! Trọn vẹn mười pháp sẽ luôn được gần Phật, Bồ-tát. Mười pháp là cho chúng sinh những an lạc của mình; tu tập nhẫn nhục; bảo vệ kẻ yếu đuối; khuyên chúng sinh làm lành; giáo hóa tất cả hướng lên Bồ-đề; nguyện chúng sinh đạt Bồ-đề vô thượng trước, tự mình đến cúng dường, nghe pháp, thọ trì, bảo vệ, sau đó mới thành Chánh giác, không tiếc thân mạng; vì hộ pháp nên không kinh

sợ khi nghe pháp giới sâu rộng; quán không có Bồ-đề, không người chứng đạt; quán mình và chúng sinh đều bình đẳng; pháp cũng bình đẳng; hư không cũng bình đẳng; quán khổ sinh tử nhưng không xa lánh, thấy tội lỗi của sinh tử tâm không hối hận.

Lúc giảng nói pháp này, Tướng quân Sư Tử và quyến thuộc đều đạt nhẫn nhu thuận. Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–A-nan! Ông nên thọ trì đọc tụng, biên chép kinh này. Vì sao? Vì trong kinh này nêu bày tất cả pháp tướng, khiến cho vô lượng, vô biên chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng.

A-nan! Người trồng căn lành nơi vô số Phật mới có thể tin thọ kinh này, đọc tụng, biên chép, phân biệt giảng thuyết. Thọ trì kinh có ba việc: Định phát tâm Vô thượng; đạt tâm không thoái chuyển; bảo hộ chánh pháp.

Nghe vậy, bảy na-do-tha Bồ-tát rời chỗ ngồi, bạch Phật:

–Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ chúng con có thể thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này.

Bồ-tát Vô Ngôn thưa:

–Thế Tôn! Như Lai đạt pháp gì để giúp chúng sinh thọ trì, bảo hộ?

–Thiện nam! Bảo vệ người trì pháp là bảo hộ, biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết văn tự,

văn tự có thể nêu bày còn pháp thì không thể nói.

Thiện nam! Có hai hạng người hộ pháp: An trụ đúng pháp; trì tụng văn tự ấy. Nếu không có văn tự thì không thể thuyết pháp.

Nghe vậy tất cả đại chúng, Tướng quân Sư Tử, thân tộc, đều vui mừng tin thọ, phụng hành.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 13

Phẩm 7: BỒ-TÁT BẤT KHẢ THUYẾT

Lúc Phật và đại chúng còn ở nơi cõi báu đó, Bồ-tát Bất Khả Thuyết rời chỗ ngồi, đứng dậy chỉnh lại y phục, bày vai áo bên phải, lạy Phật, quỳ gối chắp tay, nói kệ:

Trí tuệ không ngại hạnh không ngại
Như tánh hư không, không thể nói
Ba đời bình đẳng không giác quán
Con xin kính lạy Đấng Tối Thượng.
Quán sát không tướng, thích nhàn tịnh
Điều phục các căn, trừ chấp tướng
Hiểu rõ tánh pháp không phải hai
Con xin kính lạy Sư Tử Chúa.
Quán tánh chúng sinh và tánh pháp
Cả hai tánh ấy không sai khác
Quán sát chúng sinh tâm bình đẳng
Con đã đoạn trừ tất cả tánh.
Bồ-đề chứng đạt không thủ đắc
Như tánh Bồ-đề sắc cũng vậy
Không tướng trang nghiêm trang

nghiêm tướng
Con xin kính lễ Đấng Tối Tôn.
Hết thảy pháp giới không giác quán
Phàm phu thấy chúng có hành tướng
Tánh của pháp giới không hư hoại
Con lạy Thế Tôn, Đấng Thật Trí.
Thân nghiệp Như Lai không thể nói
Nghiệp của khẩu ý cũng như vậy
Tánh của các pháp và chúng sinh
Đấng trí vô thượng hiểu tất cả.
Như Lai an trụ địa chân thật
Pháp Phật diễn thuyết không chữ tiếng
Chúng sinh nghe được nhiều lợi ích
Vì thế Như Lai khó nghĩ bàn.
Các pháp Phật dạy không hình tướng
Điều phục chúng sinh đoạn sinh tử
Tánh pháp, chúng sinh đều rỗng lặng
Con xin kính lạy Đại Trượng Phu.

Nói kệ xong, Bồ-tát Bất Khả Thuyết bạch Phật:

–Thế Tôn! Các Bồ-tát ở đây đã hỏi rõ những gì cần hỏi, nay con xin hỏi vài điều trong kinh Đại Tập, mong Như Lai thương xót chấp nhận.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Hãy hỏi Như Lai sẽ giải thích.

Được Phật nhận lời, Bồ-tát Bất Khả Thuyết

liền nhập Định ý. Với sức định, Bồ-tát đưa đại chúng lên trên đài báu, rải hoa, trỗi nhạc cúng dường. Trong không lại vang tiếng:

–Hôm nay, Đại Bồ-tát Bất Khả Thuyết muốn thưa hỏi việc lớn.

Bồ-tát Bất Khả Thuyết bạch Phật:

–Thế Tôn! Bồ-đề của Như Lai thanh tịnh, tịch tĩnh, sáng suốt, không tối tăm, không nhơ uế, chân thật bình đẳng, vi diệu sâu xa, không giác quán, không thể giảng nói, không văn tự, không âm thanh, rộng lớn không biên giới, không thêm bớt, không tới lui, không dừng, không cao thấp, không có không, kiên cố không hư hoại, không ngã, sở hữu ngã, không lấy bỏ, không rộng hẹp, không pháp, không chúng sinh, không cùng tận, không không, không phải xứ, phi xứ, không phải tâm tạo, không sinh diệt, như đất nước lửa gió, không cương giới, không thể lường tính, bình đẳng hiện khắp, không chướng ngại, tựa hư không, không phải nhãn thức giới… ý thức giới, trừ sinh tử, không thể thí dụ, tất cả Phật đều thật biết nên là như như. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh thảy đều đạt, không khác như như; tất cả chúng sinh đều bình đẳng, tánh có; là tánh thật; không quá khứ, hiện tại, vị lai; không làm, nhận, sắc, tâm; không thọ, trừ tất cả thọ; không tưởng, trừ tưởng; không hành đoạn hành; không thức đoạn thức; không ấm nhập giới đoạn ấm nhập giới; không trước, giữa,

sau, trừ nghiệp ma; không lưu truyền; không lậu hoặc; không lấy, không hành, không tụng, tội lỗi; thường trụ tự tánh không phân biệt; không sinh, không có khả năng sinh; không diệt, không thể diệt, không căn bản, không cao thấp, không nhà cửa phòng ấp, không trí tuệ và tuệ hành, không thuộc chân đế, sinh tử; không đối trị; không công đức, không có các tướng.

Thế Tôn! Đó là Bồ-đề, là không thay đổi, không giác, không tham, không tranh chấp, kiên cố, không hoại, không động, không tạo tác, không thân, không sinh, không trí, bình đẳng, không hai, là thật, có, chân, Đệ nhất nghĩa, không phân biệt, một vị, một việc, một thừa, không cùng tận, ba đời bình đẳng, phân biệt ba đời; Không, Vô tướng, Vô nguyện, không hành, tịch tĩnh, tánh, như, không sinh, không xuất, tận cùng, không nhà cửa, pháp, thật tánh, tánh tự thân, không thân, không làm, không tưởng, không chấp, không đoạn, không thường, mười hai nhân duyên, có thể quán, định, trên cùng, vượt hơn, không tội lỗi, không cao, rốt ráo, thanh tịnh, không đỉnh, không thắng, không bình đẳng, không nương tựa, niệm, không tương tự, hơn tất cả thế gian, không nghĩa, tất cả nghĩa đều quy về. Bồ-tát đó không phải: xanh, vàng, đỏ, trắng, sắc, phi sắc, dài, ngắn, vuông, tròn, không quy củ, không thuộc ba cõi; không phải: Đạo, cứu cánh, hành, đến, có nơi

chốn, lấy, bỏ; trừ phiền não, không sầu lo, không vui, không thật, không quả, không nhập, không ngã, sở hữu ngã; không chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, không biên giới, không thể nghĩ bàn, không phân ranh giới, tựa hư không, tánh Bồ-đề rốt ráo không thể nói. Thành tựu vô số pháp như vậy mới gọi là Bồ-đề.

Lúc giảng nói pháp này, tam thiên đại thiên cõi nước đều chấn động sáu cách, chư Thiên rải hoa trỗi nhạc cúng dường, cùng nói:

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! Thiện nam! Khéo giảng nói pháp mầu.

Khi đó, tám vạn bốn ngàn Bồ-tát trong pháp hội chứng đạt Đà-la-ni Vô tận khí, Tam-muội Nhất thiết pháp tự tại và pháp Vô ngại giải thoát. Ai tin như vậy sẽ đạt các pháp đó.

Bồ-tát Bất Khả Thuyết bạch Phật:

–Thế Tôn! Giới của Bồ-tát là không thể nói. Vì sao? Vì bản tánh của thân không thể nói. Vì thế giới của thân không thể nói; bản tánh của miệng không thể nói, nên giới của miệng không thể nói; bản tánh của ý không thể nói, nên giới của ý cũng không thể nói.

Thế Tôn! Việc tu hành đạo Bồ-đề vô thượng, hộ mười pháp lành của Bồ-tát không thể nói, chúng sinh được khuyên dạy bằng mười pháp lành cũng không thể nói. Việc tu tập tâm Từ, Bi, Hỷ,

Xả không thể nói. Vì sao? Vì tu tập tâm Từ quán không có chúng sinh; tu tập tâm Bi thì không tạo tác không thọ nhận; tu tập tâm Hỷ trừ tánh kiêu mạn; tu tập tâm Xả trừ hai tướng.

Thế Tôn! Bồ-tát tu tập bốn Tâm vô lượng như thế là tu tập Phạm hạnh thanh tịnh, an trụ nơi đạo thanh tịnh, không tu Từ nhân duyên chúng sinh, Bi nhân duyên các pháp, không tu Hỷ nhân duyên hai tướng, không tu Xả nhân duyên trong ngoài, xa lìa hạnh thế gian, trừ bỏ các hạnh thanh tịnh của thế gian.

Thế Tôn! Vì thế, giới của Bồ-tát là không thể nói. Giới của Bồ-tát không tự dối, dối Phật. Vì sao? Vì không tánh, không, không xuất, không nhân duyên, không văn tự, không thể nói. Bồ-tát học như thế là không dối Phật. "Tự" không ngã, không sở hữu ngã; "Tu" cũng không ngã, sở hữu ngã; tu học như thế cũng không ngã, không sở hữu ngã. Tư duy quán sát như vậy thì không tự dối. Như Lai: Tùy thuận như như, tùy thuận chúng sinh, tùy thuận tất cả pháp, không sinh diệt, không dừng là vô vi. Vì thế có câu: Pháp vô vi có ba tướng: không sinh, không diệt, không dừng. Vô vi là Thánh, Thánh không oán, Như Lai trừ oán nên là Thánh. Oán là vô minh. Như Lai trừ sạch vô minh nên không bị oán tổn hại. Phàm phu đầy dẫy vô minh nên thường bị oán hại. Như Lai quán cảnh của oán và trí tuệ, biết cảnh giới phiền não và tịch

tĩnh; sinh tử, Niết-bàn; chúng sinh, pháp giới; ma, Phật; sắc, mắt; tai, tiếng; mũi, hương; lưỡi, vị; thân xúc; ý, pháp; vô minh, trí tuệ. Tất cả đều bình đẳng nên cõi Phật là không thể nói, sinh tử, Niết-bàn bình đẳng không hai; danh sắc và sự biết về danh sắc đều bình đẳng; sáu nhập và sáu Thần thông bình đẳng; xúc giới, diệt giới bình đẳng; thọ giới, diệt giới bình đẳng; ái giới diệt giới bình đẳng; thủ giới diệt giới bình đẳng; sinh giới diệt giới bình đẳng; già bệnh chết giới và diệt giới bình đẳng. Vì thế cõi Phật bình đẳng không thể nói. Thế Tôn! Bồ-tát quán sát như vậy có thể đi lại các cảnh giới, không giận kẻ tham, không mến người đoạn tham; không giận kẻ sân, không mến kẻ không sân; không ghét kẻ si, không thích người đoạn si. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát hiểu rõ các cõi. Thế Tôn! Bồ-tát tu học như thế là không dối Phật. Vì sao? Bồ-tát tùy học, tu học pháp mà Phật tỏ ngộ.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Sở Úy thưa Bồ-tát Bất Khả Thuyết:

–Thiện nam! Bồ-tát tu học như thế nào là dối Như Lai?

Bồ-tát Bất Khả Thuyết đáp:

–Thiện nam! Bồ-tát tự cho mình giữ giới, người khác phá giới; mình bố thí, kẻ kia tham tiếc; mình tu nhẫn người khác sân giận; mình siêng tu kẻ kia lười biếng; mình định, kẻ khác loạn; mình

tu trí, kẻ kia ngu si; mình ít muốn, biết đủ, thích nhàn tịnh, dễ nuôi, dễ thỏa mãn, mặc y phấn tảo, chỉ chứa ba y, không ở chỗ đông người, học rộng, lời nói êm dịu, chúng sinh thích nghe, đủ trí tuệ, thanh tịnh oai nghi và khẩu nghiệp; đủ bốn Nhiếp pháp; Từ, Bi, Hỷ, Xả, nói lời chân thật, làm đúng lời, biết và xa lánh cảnh giới ma, thường tu sáu pháp Ba-la-mật; phát nguyện thuyết pháp cho chúng sinh, độ chúng sinh không phóng túng. Bồ-tát tự khen mình chê người là Bồ-tát dối Như Lai.

Thiện nam! Bồ-tát tự cho mình có thể quán sát các pháp, tu tập đoạn trừ là dối Như Lai. Vì sao? Chư Phật ra đời hay không, tánh của pháp vẫn thường trụ, vì thế không thể thấy biết pháp giới; không thể tu tập, đoạn trừ. Bồ-tát tự cho có ngã và sở hữu ngã là dối Như Lai. Vì sao? Vì không hai tướng. Bồ-tát tự cho mình đã chứng, đã đoạn là dối Như Lai. Vì sao? Vì tánh tanh tịnh. Bồ-tát tự cho mình đủ bốn Niệm xứ là dối Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai biết rõ các pháp không có niệm. Bồ-tát tự cho mình đủ bốn Chánh cần là dối Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai biết tánh của pháp vốn là tất cả. Bồ-tát tự cho mình đủ bốn Như ý là dối Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai biết các pháp không phân biệt. Bồ-tát tự cho mình đủ các pháp căn lực, giác đạo là dối Như Lai. Vì sao? Vì tánh Phật là vô vi. Bồ-tát tự nói ta khác với đạo là dối Như Lai. Vì sao? Vì thân chính là đạo. Bồ-tát nói vô minh khác

hữu ái là dối Như Lai. Vì sao? Vì vô minh, ái là trí tuệ, là giải thoát. Bồ-tát nói ba độc khác ba giải thoát là dối Như Lai. Vì sao? Vì Không, Vô tướng, Vô nguyện chính là tham, sân, si. Bồ-tát cho bốn đảo khác bốn quả là dối Như Lai. Vì sao? Vì bốn đảo chính là bốn quả. Bồ-tát cho tám tà khác tám chánh là dối Như Lai. Vì sao? Vì từ tám tà tu tám chánh. Bồ-tát cho chín nơi cư trú khác chín Định thứ đệ là dối Như Lai. Vì sao? Vì không có hai tánh. Nếu nói mười thiện khác mười thiện vô học là dối Như Lai. Vì sao? Vì tất cả các pháp không tu học.

Thiện nam! Bồ-tát học như thế là dối Như Lai.

Thiện nam! Tất cả chúng sinh và một chúng sinh không khác biệt. Vì sao? Vì tánh vô ngã. Một chúng sinh không khác biệt tất cả pháp; một pháp không khác biệt tất cả pháp giới; một Đức Phật không khác tất cả pháp giới; một cõi Phật không khác tất cả cõi Phật; một ruộng phước là tất cả ruộng phước; tất cả ruộng phước là hư không. Tất cả Thánh nhân trừ diệt phiền não không khác hết thảy phàm phu vì bản tánh thanh tịnh; tâm của một chúng sinh, hạnh của tất cả chúng sinh không khác biệt vì bản tánh thanh tịnh; một giới tất cả giới; một nhập tất cả nhập; hạnh của một chúng sinh, hạnh của tất cả chúng sinh không sai khác. Biết các pháp không dừng dù là một tích tắc, không làm ác, không chấp pháp lành, không kiêu

mạn, không tự cho là được, không thấy chứng đạt, biết sinh tử, Niết-bàn không khác, biết phiền não không có gốc rễ, không sinh diệt, tùy thuận giới, tâm tuệ giới, đoạn phiền não nhưng không bỏ chúng sinh, thanh tịnh Bố thí ba-la-mật; không chấp giới, thanh tịnh Giới ba-la-mật; không thấy nhân ngã, thanh tịnh Nhẫn ba-la-mật; không thấy tạo tác, thanh tịnh Tinh tấn ba-la-mật; không thấy thanh tịnh, thanh tịnh Thiền ba-la-mật; không thấy hành, thanh tịnh Bát-nhã ba-la-mật; không tận không sinh đạt nhẫn nhục, đạt tâm vô ký nhưng lại thọ ký, không nhập chánh vị, không thoái chuyển, một đời, không sinh cõi trời Đâu-suất, không vào thai mẹ như thường tình, tâm không trụ pháp, không tự cho mình đã vượt sinh, già, bệnh, chết, không đi bảy bước, không nói mình là đấng tối tôn trong đời, không ở trong cung vui chơi cùng thể nữ, không học mọi nghề thế gian, thị hiện người già để trừ tham thân, hiện bệnh khổ để trừ tâm tham sống, hiện tướng chết để trừ tham dục, chấp ngã, sở hữu ngã, hiện tướng Sa-môn để chúng sinh không cầu thân Đế Thích, Phạm thiên; cầu pháp xuất thế vô thượng; ra ngoài cung thành, hiện quả bi vượt sự ràng buộc của ba cõi, nhìn mọi hướng hiện không ghét yêu, trang nghiêm thân bằng ba mươi hai tướng, làm ruộng phước lành cho chúng sinh, bỏ gấm vóc, anh lạc, giục ngựa qua sông, sai Xiển-đà mang mọi vật về,

hiện trừ mọi phiền não, cắt bỏ râu tóc hiện không tham chấp pháp, mặc ca-sa để điều phục chúng sinh, học pháp với Uất-đà-già và A-la-la, trừ tâm cao ngạo, sáu năm khổ hạnh để diệt ngoại đạo, nhận thức ăn để tùy thuận thế gian, nhận cỏ làm bồ đoàn hiện tướng biết đủ, ngồi tòa cỏ hiện không kiêu mạn, trời rồng ngợi khen khát ngưỡng, hiện quả báo của công đức trang nghiêm, hàng phục ma oán hiện lực mạnh mẽ, tay phải chỉ xuống đất hiện oai lực của phước đức quá khứ, đại địa chấn động là báo ân, đạt đạo Bồ-đề vô thượng, hiện biết tất cả pháp tướng, quán các pháp. Đó là Phật. Trí tuệ của Phật không ai hơn, vì thế được gọi là Như Lai; biết rõ các pháp thiện ác là Nhất thiết trí. Lời chân thật là thầy trời người; không nêu các pháp là chuyển bánh xe pháp; không chuyển không thuyết là chuyển thuyết; không nhập mà nhập là pháp nhập; không có cửa mà là cửa là pháp môn; không làm mà làm là pháp tác; không thiền mà thiền là chánh thiền; không thoát mà thoát là chánh giải thoát; tánh của các pháp không ràng buộc. Pháp diệt là quá khứ, là không sinh, là Phật ra đời; không ra mà ra là sự ra đời của Phật, Bồ-tát tu học như thế là không dối Phật.

Khi ấy, Phật khen Bồ-tát Bất Khả Thuyết:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Khéo có thể phân biệt về sự ra đời của Phật. Ai tin việc này thì

không thấy tướng các pháp. Không biết là biết sự ra đời của Phật. Vì sao? Không ra mà ra là sự ra đời của Phật. Không làm, không nhận, không lậu, không tranh, không thấy, không nhập, không chuyển, không sinh, không diệt, không Bồ-đề, không hư dối, không tâm ý thức, không mắt, không không, không có nghiệp của mắt, ý, không giảng, không dạy là Phật ra đời.

Lúc đó, Bồ-tát Vô Sở Úy bạch Phật:

–Thế Tôn! Như Phật dạy việc ra đời của Như Lai là không thể nói. Như vậy ai tin Phật ra đời?

Bảo Nữ liền nói với Bồ-tát Vô Úy:

–Pháp huynh! Việc ra đời của Như Lai là không thể nghĩ bàn, khó trang nghiêm, khó chứng đắc. Người lười biếng, không chân chánh, hư dối, dua nịnh, kiêu mạn, giận dữ, tham lam, không biết ân nghĩa, chịu ân mà không báo ân, không thanh tịnh ba giới, tham chấp ba cõi, ô nhiễm, không kính Tam bảo, không tu ba giải thoát, thô bạo hung ác, nói lời không nghĩa, không biết hổ thẹn, hiện oai nghi bên ngoài để cầu lợi dưỡng tự dối, dối người, lạm dụng vật cúng dường, không điều phục các căn, thích thừa Thanh văn, Bích-chi-phật, tâm không chân thật, không chịu học hỏi, ngu si, không biết Hỷ, Xả, không biết phương tiện, không tu tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả, vào cõi ma, chấp ngã, chúng sinh, thọ mạng, nói không nhân

quả nghiệp duyên, phóng túng, thích làm ác, không tu hạnh Đầu-đà, thích việc thế gian, tự khen, chê người, tham năm dục, ham ngủ, thích nghe việc đời, không biết thời cơ, gần bạn xấu, không hành bốn Nhiếp pháp.

Pháp huynh! Những kẻ như thế không biết, không tin sự ra đời của Phật.

Bồ-tát Vô Sở Úy nói:

–Bảo Nữ người đã trừ hết pháp ác chưa?

Bảo Nữ thưa:

–Pháp huynh! Tôi đã trừ hết pháp ác. Thế nào là trừ? Không tha. Thế nào là không tha? Như tham. Thế nào là tha? Chân thật. Thế nào là chân thật? Thấy ngã. Thế nào là vô minh? Như tham ái. Thế nào là vô minh tham ái? Như trí tuệ, giải thoát. Thế nào là trí tuệ giải thoát? Như huyễn.

Bồ-tát Vô Sở Úy nói:

–Bảo Nữ! Huyễn không phải tâm, ý. Trí tuệ giải thoát là tâm ý.

–Pháp huynh! Tất cả tâm ý, trí tuệ giải thoát đều là huyễn.

–Bảo Nữ! Ngươi có tin lời của Bồ-tát Bất Khả Thuyết không?

–Pháp huynh! Không thể nói là không gì để nói. Những lời đó không phải không thể nói. Nếu không thể nói mà có pháp để nói thì không gọi là Bất Khả Thuyết. Nghĩa là nói vì không thể nói,

thật không có gì để nói nên gọi là Bất Khả Thuyết. Nếu không thể nói thật không có gì để nói thì chúng ta nghe gì? Nếu không có gì để nghe thì không tin sao?

Bồ-tát Vô Sở Úy nói:

–Bảo Nữ! Không thể nói thật có pháp để nói. Chứng biết nghĩa là tất cả đại chúng đều nghe, đó là lời của Bất Khả Thuyết.

–Pháp huynh! Nếu đại chúng cho tôi nghe lời của Bồ-tát Bất Khả Thuyết thì đó là hư dối. Vì sao? Vì Bồ-tát Bất Khả Thuyết chẳng nói điều gì, làm sao đại chúng nói nghe.

Bồ-tát Vô Sở Úy nói:

–Bảo Nữ! Ngươi có tin lời Phật không?

–Pháp huynh! Người không tin chính là Phật. Vì sao? Tin là tham, sân, si. Như Lai không có tham sân nên không tin. Không tin là không chứng.

Pháp huynh! Không, Vô tướng, Vô nguyện chân thật là không chứng. Vì thế, Như Lai không chứng. Pháp huynh! Thật tánh của pháp giới là vô vi, không tạo tác, như hư không, chân thật không chứng, vì thế Như Lai không chứng.

–Bảo Nữ! Thế nào là chứng?

–Pháp huynh! Người không thấy vô lượng pháp Phật là chứng.

–Bảo Nữ! Tôn giả Xá-lợi-phất! Mục-kiền-liên

có chứng tin không?

–Pháp huynh! Thật vậy, là chứng, là tin. Vì sao? Vì giới của Thanh văn có giới hạn, giới của Như Lai không giới hạn. Định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng như vậy.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Bảo Nữ:

–Bảo Nữ! Thanh văn có ba môn giải thoát. Như Lai cũng vậy. Vì sao ngươi cho Thanh văn là chứng, tin còn Như Lai không như vậy?

–Đại đức! Như nước ao A-nậu-đạt có tám vị, tưới xuống cõi Diêm-phù, cây cỏ đều được nuôi lớn, nước đó có khác không?

–Không.

–Đại đức! Nước ao A-nậu-đạt vốn chỉ một vị, nhưng tùy đức người dùng mà có các vị khác nhau. Người đức mỏng thì nước không ngọt.

Đại đức! Ba giải thoát của Thanh văn và Phật cũng thế, vì vậy Như Lai và Thanh văn khác nhau. Song tánh của pháp giới thật không sai khác.

Lúc đó, Đức Phật khen Bảo Nữ:

–Hay thay, hay thay! Bảo Nữ! Khéo phân biệt về ý nghĩa ấy.

Lúc Bảo Nữ giảng nói pháp ấy có ba vạn hai ngàn người, trời, phát tâm Bồ-đề vô thượng. Bảo Nữ lại nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đại đức! Như nước biển chỉ có một vị, có nhiều báu vật, có ngọc ít báu hơn. Pháp giới cũng

vậy, tuy bình đẳng, các Đức Phật đều tu học đạt được ngọc vô giá, Thanh văn tu học lại chỉ đạt ngọc ít quý.

Đại đức! Trên núi Tu-di, trời người đều hưởng diệu lạc, có trời hưởng diệu lạc ít, nhưng núi Tu-di không sai khác. Pháp giới cũng vậy, tuy không khác nhưng pháp lạc của Phật thì vô lượng, pháp lạc của Thanh văn lại ít.

Đại đức! Như Chuyển luân vương có ngàn người con nhưng không phải ai cũng có thể kế thừa vương vị. Thanh văn cũng thế, tuy có trí tuệ nhưng không được gọi là Phật.

Đại đức! Như vật làm đèn, vàng thì có màu vàng, đồng thì có màu đỏ, màu tuy khác nhưng đèn không khác. Pháp giới cũng vậy, ánh sáng trí của Phật không biên giới, ánh sáng trí của Thanh văn có giới hạn, nhưng tánh của pháp giới thật không sai khác.

Đại đức! Như Chuyển luân vương vào thành ấp tất cả đều biết, nhưng kẻ bạc phước vào xóm làng thì ngay cả người thân cũng không hay biết. Như Lai vào pháp giới cũng vậy, tất cả trời người đều biết, che mờ tất cả ngoại đạo dị học, hơn Thanh văn, Bích-chi-phật. Thanh văn vào pháp giới thì ngay cả Thanh văn cũng không hay biết, huống gì là người khác?

Đại đức! Tiếng sư tử vang lên trong núi, thì

tiếng của: Chim cù-chỉ-la, ca-lăng-tần-già, khổng tước, người, trâu, lừa, ngựa cũng vậy, tiếng vang theo tiếng, không sai khác. Song tiếng vang tùy tiếng nên tiếng vang khác nhau. Ba giải thoát của Thanh văn và Phật cũng vậy. Như Lai trừ tất cả quân ma thắng ngoại đạo tà kiến, biết tâm niệm của chúng sinh, hiểu hạnh nghiệp của chúng sinh, điều phục Thanh văn và Bích-chi-phật, nói tiếng Phật. Thanh văn tuy cùng một pháp giới nhưng không thể làm những việc kia.

Đại đức! Như được mía chỉ có một vị, nhưng người nhiều phước có đường trắng, kẻ ít phước lại lấy đường đen. Pháp giới cũng vậy, Đại Bồ-tát đạt vị cam lồ trí lớn, không lẫn với vị của Thanh văn, Bích-chi-phật. Thanh văn chỉ đạt trí giới hạn.

Đại đức! Như trong tam thiên đại thiên cõi nước có biển lớn lợi ích nhiều cho chúng sinh, cũng có sông nhỏ, lợi ích ít cho chúng sinh. Pháp giới cũng vậy.

Đại đức! Mặt trời, mặt trăng, sao đều vận chuyển trong hư không nhưng ánh sáng của sao không như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Tánh của như không thật không sai khác. Pháp giới cũng vậy, Như Lai Thanh văn tùy đều ở trong đó nhưng ánh sáng trí tuệ chẳng giống nhau, mà tánh của pháp giới không sai khác.

Đại đức! Như hai người cùng học một nghề,

nhưng người thì khéo léo thành tài, kẻ thì đần độn không làm nên gì. Thanh văn Như Lai ở trong pháp giới cũng vậy.

Đại đức! Như cùng một giống bông vải nhưng người khéo tay làm nên áo vô giá, kẻ vụng về thì may thành áo thô xấu. Trí của Thanh văn thấp kém, không thanh tịnh. Như Lai dùng phương tiện trí tuệ lớn, đại Từ bi nên đạt trí tịch tĩnh vô giá.

Đại đức! Trong biển lớn có A-tu-la, La-hầu-la, cũng có các loại khác. Nhưng chỉ có A-tu-la vương mới vào đáy biển, tất cả loài khác thì không thể. Pháp giới cũng vậy, Như Lai đạt trí tuệ cứu cánh, Thanh văn không đạt.

Đại đức! Như trong đất có hoa ngàn cánh, cũng có hoa bảy cánh, người trời thấy hoa ngàn cánh đều thích. Thanh văn, Như Lai cũng vậy, trời, người vui mừng, yêu thích khi gặp Phật, không phải là gặp Thanh văn.

Đại đức! Vì thế Phật vô lượng, vô biên, trí Thanh văn có giới hạn có thể đo lường, nhưng tánh của pháp giới không sai khác.

Bồ-tát Vô Sở Úy nói với Bảo Nữ:

–Bồ-tát Bất Khả Thuyết là thầy của ngươi, nên đã điều phục ngươi bằng pháp vi diệu.

Bảo Nữ Đáp:

–Thiện nam! Bồ-tát Bất Khả Thuyết không điều phục ai. Vì sao? Vì Bồ-tát không thấy mình,

người kia đây. Nếu thế thì có thể điều phục.

Thiện nam! Người không thấy cảnh giới của ma và mình là điều phục.

Thiện nam! Không thấy các pháp có ngã và sở hữu ngã; người tự tu khổ hạnh, không khuyên người tu, tuy siêng tu nhưng không kiêu mạn; người vì chúng sinh đạt giải thoát trong sinh tử, không hành Niết-bàn là người điều phục rốt ráo.

Lúc đó, Phật bảo Bồ-tát Vô Sở Úy:

–Thiện nam! Bảo Nữ được điều phục là nhờ Bồ-tát Bất Khả Thuyết. Do vậy đời sau Bảo Nữ đạt Bồ-đề vô thượng.

Bảo Nữ lại bạch Phật:

–Thế Tôn! Đại Bồ-tát thật không điều phục. Điều phục là đại Bi. Bi là điều phục, không phải người. Thanh văn cần điều phục. Vì sao? Vì không đại Bi.

Thế Tôn! Như trái Yêm-la chín trên cây, vị của nó rất ngọt, ai cũng thích ăn. Nếu trái đó được mọc ở cõi Uất-đơn-việt thì vị ấy rất đắng, không ai thích. Trí tuệ của Như Lai cũng vậy, sinh khởi từ đại Bi nên tự điều phục mà không cần người khác.

Bồ-tát Vô Sở Úy nói với Bảo Nữ:

–Người có đền ơn Bồ-tát Bất Khả Thuyết không?

–Thiện nam! Nếu tôi biết ân vì sao không đền. Người không tu đạo Bồ-đề là không báo ân.

–Bảo Nữ! Thế nào là tu đạo Bồ-đề?

–Thiện nam! Ba mươi hai hạnh là hạnh Bồ-đề: Không thoái chuyển tâm Bồ-đề; không thích tâm Thanh văn, Bích-chi-phật; chuyên tâm tu hành không dua nịnh; làm mọi việc không chướng ngại; sống vì chúng sinh, không hối hận; vào sinh tử nhưng không tham sân; bình đẳng với chúng sinh; giáo hóa điều phục mọi loài; độ chúng sinh bằng bốn Nhiếp pháp; tu tâm đại Từ đem lại niềm vui cho chúng sinh; tu tâm đại Bi cứu khổ chúng sinh; siêng năng kiên định hành đúng pháp; không khi dối chúng sinh; trang nghiêm các hạnh để giúp đạo Bồ-đề; không tham dục lạc thế gian; không ham lợi dưỡng thế gian; không làm điều ác vì bản thân; không ham sống, không thấy lỗi người; điều phục tâm, thanh tịnh ba giới; trang nghiêm tu tập để có tướng tốt; thường nghĩ xuất gia, đền ân xưa; giữ giới nhưng không kiêu mạn; không tự khen công đức; siêng năng nhẫn nhục vì chúng sinh, siêng năng tu hành trang nghiêm cõi tịnh, cầu Nhất thiết để biết phương tiện; trừ hết tập khí phiền não; đạt thần thông hộ trì chánh pháp; gần bạn lành, suy xét kỹ; trừ nghiệp ma, an trụ đúng pháp; đạt trí vi diệu không sinh diệt.

Thiện nam! Không hành các pháp đó thì không biết đền ân, không biết ân của Phật.

Thiện nam! Có hai hạng người dù chết không thể đối trị, không biết ân đền ân: Thanh văn;

Duyên giác.

Thiện nam! Như người rơi xuống hầm sâu không thể tự lợi, lợi người. Thanh văn, Duyên giác cũng vậy, rơi vào hầm giải thoát, không tự lợi, lợi người.

Lúc đó, Bồ-tát Vô Sở Úy cởi y ngoài cúng dường Bảo Nữ để đền ân. Bảo Nữ không nhận. Bồ-tát Vô Sở Úy nói:

–Tôi vì pháp, xin nhận cho.

–Thiện nam! Pháp không có tham, không nên giảng pháp mà nhận; pháp không chấp thủ, không nên nhận vật cúng dường; pháp không tham, không nên tham vật cúng dường; pháp ngã và sở hữu ngã, không nên đem vật sở hữu của ngã để cúng dường; pháp thanh tịnh không nên cúng vật không tịnh; pháp không thân tâm, nghiệp của thân tâm không phải là cúng dường; pháp không níu kéo, níu kéo không phải là cúng dường; pháp không có không, pháp có không phải là cúng dường; pháp không sinh tử, sinh tử không phải là cúng dường; pháp không giác quán; giác quán không phải là cúng dường; pháp không tăng giảm, tăng giảm không phải là cúng dường; pháp không cao thấp, cao thấp không phải là cúng dường; pháp không thể nói nghe, không văn tự, không tiếng, ngoài Thánh đạo nên không thể dùng y phục để cúng dường; pháp không cảnh giới,

không có cảnh giới của mắt ý, không nhà cửa; pháp là mười hai nhân duyên, không phải thường đoạn; pháp không chướng ngại, không điên đảo, không thể đo lường, không ngã, chúng sinh, sĩ phu, thọ mạng, không sinh diệt, không tạo tác nên không thể cúng dường bằng y phục.

Bồ-tát Vô Úy nói:

–Bảo Nữ! Như Lai cũng nhận sự cúng dường pháp đó.

–Thiện nam! Như Lai tuy nhận cúng dường pháp nhưng tánh của pháp giới không phân biệt.

–Bảo Nữ! Thế nào là phân biệt pháp giới?

–Thiện nam! Nếu thấy pháp khác, cúng dường pháp khác, nhận thí khác, bố thí khác là phân biệt pháp giới. Nếu không phân biệt pháp, cúng dường, nhận, cho là không phân biệt pháp giới.

–Bảo Nữ! Pháp giới vốn không phân biệt, sao lại nói là phân biệt không phân biệt?

–Thiện nam! Tánh của pháp giới tuy không phân biệt nhưng chúng sinh điên đảo nên phân biệt.

Thiện nam! Như có vật mới gọi là lành, vỡ. Có tạo nghiệp, có chấp thủ thì gọi là phá trừ, là phân biệt.

Thiện nam! Vật tuy hoại, nhưng tánh trong vật không thể hoại. Tánh của pháp giới cũng vậy.

Lúc đó, Đức Phật khen Bảo Nữ:

–Hay thay, hay thay! Người thành tựu pháp ấy có thể nhận vật cúng dường cả tam thiên đại thiên cõi nước.

Phật dạy vậy, tất cả đại chúng đều cúng y Uất-đa-la tăng lên Bảo Nữ. Bồ-tát Bất Khả Thuyết bạch Phật:

–Thế Tôn! Những gì có thể nói là thuộc thế gian. Không thể nói là xuất thế gian; có thể nói là ái, không thể nói là trừ ái; có thể nói là hạnh thế gian, không thể nói là hạnh xuất thế.

Thế Tôn! Xuất thế là không tạo tác, không tranh cãi, là pháp của Sa-môn, là pháp xuất thế, không tội lỗi, không tranh chấp, không sinh diệt, xuất thế. Pháp xuất thế không thể nói, không thể chỉ bày, vì thế tất cả pháp đều không thể nói.

Lúc đó, trong chúng có một Thiên tử tên Thắng Ý. Thiên tử nói với Bồ-tát Bất Khả Thuyết:

–Thiện nam! Nếu các pháp không thể nói, chúng sinh làm sao nói năng?

Bồ-tát Bất Khả Thuyết nói:

–Thiện nam! Tiếng vang có nói năng không?

–Thiện nam! Tiếng vang có từ nhân duyên.

–Thiện nam! Nhân của tiếng vang ở trong hay ở ngoài?

–Thiện nam! Nhân đó không định là trong hay ngoài.

–Thiên tử! Chúng sinh vì chấp hai nên có nói

năng nhưng tánh của các pháp không thể nói.

Thiên tử nói:

–Thiện nam! Nếu không thể nói vì sao Như Lai giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn để Thánh văn thọ trì, đọc tụng?

–Thiện nam! Kỳ thật Như Lai không nói gì. Không nói là Như Lai. Thiên tử! Theo ông thế nào là Như Lai? Ông không cho sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai? Không cho Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, hữu vi, vô vi, ấm, giới, nhập, ba cõi, nhân, quả, cả hai tưởng, phi tưởng, phi phi tưởng chứ?

–Không, thiện nam!

–Thiên tử! Nếu tất cả đều không phải là Như Lai, làm sao có thể nói? Đã không thể nói làm sao nói Như Lai giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn? Vậy tám vạn bốn ngàn pháp môn thật không thể giảng. Cũng không nói là Thanh văn thọ học. Không thể nói là thật nghĩa. Nếu có thể nói là không định. Không thể nói thì có thể chứng, có thể nói thì không thể chứng. Vì sao? Vì điên đảo.

Khi ấy, Thiên tử Thắng Ý bạch Phật:

–Thế Tôn! Ai có thể tin lời của Bồ-tát Bất Khả Thuyết dùng thần lực hóa hiện một Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo ấy nói:

–Tôi tin lời của Bồ-tát Bất Khả Thuyết. Vì sao? Vì tôi như Phật, như pháp giới. Các ấm của Như Lai không thể nói, các ấm của tôi cũng vậy.

Bồ-đề của Như Lai và Bồ-đề của tôi không sai khác. Như Lai hiểu rõ cõi chúng sinh, tôi cũng hiểu rõ. Như Lai chuyển bánh xe pháp vô thượng, tôi cũng làm vậy. Như Lai nhập Niết-bàn tối thượng, tôi cũng vậy.

Thiên tử nói:

–Tỳ-kheo! Ông bị ma xúi giục hay sao lại nói những lời đó?

Tỳ-kheo đáp:

–Thiên tử! Nếu cho tôi khác Phật khác, người đó mới là đệ tử của ma. Người nói ta bình đẳng, quán pháp bình đẳng, chúng sinh, Như Lai bình đẳng đó mới thật là vượt cõi ma.

Lúc Tỳ-kheo biến hóa nói lời đó có năm trăm Tỳ-kheo trừ hết lậu hoặc, đạt giải thoát, tám ngàn Bồ-tát thành tựu pháp nhẫn, rải hoa cúng dường Tỳ-kheo. Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Các thiện nam! Vì sao lại cúng dường Tỳ-kheo này?

Các Bồ-tát đáp:

–Đại đức! Ai biến hóa?

–Các thiện nam! Các ông không biết Tỳ-kheo đó do Bồ-tát Bất Khả Thuyết hóa hiện ra sao?

–Đại đức! Ví như Phật lại hóa hiện một Đức Phật, có người cúng dường. Vậy là ai cúng dường?

–Thiện nam! Người ấy cúng dường Phật.

–Đại đức! Cúng dường Tỳ-kheo biến hóa này

là cúng dường Bồ-tát Bất Khả Thuyết.

–Các thiện nam! Đại Bồ-tát Bất Khả Thuyết đã cúng dường những gì mà lại nhận cúng?

–Đại đức! Bậc trí không thấy nghiệp, văn tự, danh, sắc, tạo tác, giảng thuyết, tự, tha, pháp, phi pháp, sạch, nhơ, cúng dường như thế mới nhận cúng dường.

Tỳ-kheo Biến Hóa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đại đức! Ông không cho tôi khác ông chứ? Không thưa Đại đức. Vì sao? Vì Như Lai thường dạy tất cả các pháp đều như huyễn hóa, tôi tin lời Phật.

Đại đức! Người cúng dường Như Lai chẳng khác gì người cúng dường huyễn hóa.

Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Bất Khả Thuyết:

–Thiện nam! Ai nhập vào Tỳ-kheo hóa này mà lại nói lời đó?

–Đại đức! Như hình trong gương, hình thật như thế nào thì hình trong gương như thế đó.

–Thiện nam! Không có hình thật, chỉ có bốn đại duyên thành nên có hình hiện trong gương.

–Đại đức! Sự hóa hiện cũng thế. Tánh của pháp thanh tịnh nên nói như thế.

–Thiện nam! Nếu là vậy vì sao tất cả chúng sinh không thể nói như thế?

–Đại đức! Mặt sau của gương không rời hình tượng cớ sao không hiện hình tượng?

–Thiện nam! Bốn đại của mặt sau gương không trong sạch nên không hiện hình tượng.

–Đại đức! Chúng sinh cũng vậy, không thể làm thanh tịnh tánh của pháp giới nên không nói được như vậy.

–Thiện nam! Nghĩa của ông nói trước sau không khớp nhau. Vì sao? Ông thường nói tánh của pháp giới vốn thanh tịnh. Vì sao bây giờ lại nói pháp giới không thanh tịnh.

–Đại đức! Nếu không như thế làm sao ông đạt Pháp nhãn tịnh từ Tỳ-kheo A Thấp.

–Thiện nam! Nhờ vị ấy khai đạo, tôi diệt trừ phiền não nơi khách trần nên gọi là pháp nhãn tịnh, kỳ thật không có gì để đạt.

Thiện nam! Có người nói tôi đạt hư không. Nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì tánh của hư không luôn vốn thanh tịnh. Đã thường thanh tịnh làm sao chứng đắc. Vì mây che nên chúng sinh không thấy. Xua tan mây, gọi là thấy. Tánh của pháp giới cũng vậy. Do thế, thật không đạt pháp nhẫn.

Thiện nam! Sao ông lại nói những lời ngược nhau như vậy, tánh pháp giới hoặc tịnh hoặc không tịnh?

Bồ-tát Bất Khả Thuyết đáp:

–Đại đức! Lời ông và lời tôi đều thuộc cảnh giới của Phật, chúng ta không thể thấy biết.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Thiện nam! Nếu nói lời đó thuộc cảnh giới Phật, chúng ta không thể biết, vì sao lại nói tánh của pháp giới không phân biệt. Nếu có phân biệt thì pháp giới vô lượng.

–Đại đức! Tánh của pháp giới là một không phải là vô lượng.

–Thiện nam! Nếu tánh của pháp giới là một vì sao lại nói là cảnh giới Phật, chúng ta không biết. Nếu pháp giới là một vì sao chúng sinh không được gọi là Phật?

–Đại đức! Ông lại phân biệt Phật và chúng sinh khác nhau sao?

–Thiện nam! Như lời ông nói trước đây, tôi không phân biệt chúng sinh và Phật.

–Đại đức! Ý của ông là có không sinh khởi sao?

–Thiện nam! Có, đó là pháp giới.

–Đại đức! Ông thấy có tà chánh sao?

–Không, thiện nam! Tà, chánh là điên đảo.

–Đại đức! Ông cho pháp sinh, không sinh?

–Không Thiện nam! Đã không sinh thì luôn không sinh.

–Đại đức! Theo ông pháp không sinh ấy có phân biệt sao?

–Không, thiện nam.

–Đại đức! Nếu không, vì sao lại nói chúng sinh

không phải là Như Lai? Nếu thế, ai là chúng sinh, ai là Như Lai?

–Thiện nam! Điều này tôi đã hiểu, chỉ vì hiển bày trí tuệ nên hỏi như vậy.

Thiện nam! Nếu hiểu ý ông, chúng sinh nhất định đọa địa ngục. Vì sao? Vì hủy báng.

Bồ-tát Bất Khả Thuyết thưa:

–Đại đức! Pháp ấy không ai hủy, không ai thọ. Vì sao? Vì nếu hủy, thọ thì người ấy cũng sẽ đạt được pháp như thế.

Đại đức! Như đại lực sĩ, người yếu kém không sinh nghi ngờ. Pháp của tôi cũng thế. Người không trồng căn lành nơi vô lượng Phật thì không thể nghi, cũng không thể thọ trì.

–Thiện nam! Theo ý ông người tin thuận pháp này là người trải qua vô số kiếp tu sáu pháp Ba-la-mật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! Như ông nói, chúng sinh tin lời này là đã từng tu sáu pháp Ba-la-mật trong vô số kiếp. Người không tin lời này, không được Phật thọ ký đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Xá-lợi-phất! Ta nhớ xưa kia trải vô số kiếp tu sáu pháp Ba-la-mật nhưng vì không tin lời này nên không được thọ ký, không thành Bồ-đề vô thượng. Về sau, tin lời ấy nên được thọ ký, thành Bồ-đề vô

thượng.

Bồ-tát Bất Khả Thuyết bạch Phật:

–Thế Tôn! Thời gian thọ ký là lúc nào? Nếu là quá khứ thì không đúng. Vì sao? Vì là pháp diệt. Nếu là vị lai thì không đúng. Vì sao? Vì chưa sinh. Nếu là hiện tại cũng không đúng. Vì sao? Vì không thể nói. Nếu cả ba đều không được, vì sao nói Bồ-tát được thọ ký?

Phật nói:

–Thiện nam! Đại Bồ-tát tin, biết, nói pháp không thể nói, không sợ khi nghe pháp không thể nói, biết hai pháp sắc và không thể nói không sai khác, thọ, tưởng, hành, thức, nhãn… ý, Phật, Pháp, Tăng, sinh tử giải thoát, pháp giới không thể nói năng cũng vậy. Đó là Bồ-tát đạt nhẫn nhục, vô sinh nhẫn, không xuất, không giữ, không ô nhiễm, không có, không tạo tác, không thấy có hai tướng, hai tâm, hai ý, hai phần, hai duyên. Bồ-tát quán như vậy là không đến, đi, dừng, không tạo tác, không nguyện cầu, không thường đoạn, trung đạo, mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên không tạo tác, không mong cầu sâu xa. Không tạo tác, không thọ nhận, không sinh mà sinh, không xuất mà xuất nên là thâm diệu. Như lửa từ duyên sinh, không tạo tác, không thọ nhận, lửa tắt không đi về đâu, không có nơi đến. Tất cả các pháp đều như vậy, không tạo tác, không thọ nhận.

Thiện nam! Bồ-tát biết như vậy là Bồ-tát được thọ ký. Lúc Phật giảng nói pháp này, có tám ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh, sau đó họ bay lên hư không cao bảy cây đa-la, chắp tay cung kính nói kệ:

Quán sát các phần sắc cùng ấm
Pháp không thể nói không hai tướng
Người này chứng đạt trí bình đẳng
Tựa như chư Phật không sai khác.
Quán sát thọ tưởng, hành, thức ấm
Cũng đều như thế không có hai
Hiểu biết tất cả không thể nói
Tức được thọ ký như Phật trước.
Nếu muốn quán sát về nhập giới
Hết thảy mọi pháp không hai tướng
Không tiếng, không chữ, không thời tiết
Vì thế các pháp không thể nói.
Ba đời và pháp không thể nói
Là một không hai không sai khác
Thật tánh thật tướng đều bình đẳng
Như thế quán danh nghĩa Bồ-tát.
Tham dục sân hận và ngu si
Không, Vô tướng, nguyện đều bình đẳng
Sinh tử Niết-bàn không sai khác
Phật, Pháp, Tăng bảo cũng không hai.
Nghĩa của các pháp không thể nói

Không có sinh diệt tựa hư không
Không làm không nhận như tánh lửa
Đều do duyên sinh do duyên diệt.
Diệt rồi không thấy nơi đến đi
Tất cả các pháp cũng như vậy
Các pháp vốn do nhân duyên sinh
Nhân duyên đoạn dứt gọi là diệt.
Các pháp không sinh cũng không diệt
Nào đâu có nghĩa đoạn hay thường
Đó là mười hai duyên sâu xa
Không phải do duyên mà sinh khởi.
Xưa vốn không sinh nay lại sinh
Xưa vốn không xuất giờ lại xuất
Không có tạo tác không thọ nhận
Không có các nhân duyên quả báo.
Không phải là có không phải không
Không có hai tướng kia và đây
Không phải ở trong không ở ngoài
Đó là mười hai nhân duyên sâu.
Các pháp vốn không giờ lại có
Các pháp đã có giờ lại không
Nếu các pháp đều thuộc ba đời
Nên biết tánh tướng cũng như trước.
Các pháp không ở trong, giữa, ngoài
Tánh của pháp ngoài không giữa trong
Hết thảy mọi pháp đều như vậy
Đó là nghĩa không chân thật nhất.

Thật tánh bản tâm của chúng sinh
Thanh tịnh không nhơ tựa hư không
Phàm phu vì không biết tâm tánh
Cho là phiền não thường nhiễm ô.
Nếu các phiền não nhiễm ô tâm
Sẽ không thanh tịnh, luôn cấu uế
Khách trần phiền não đã che đậy
Nên nói phàm phu không tịnh tâm.
Tâm tánh của chúng vốn thanh tịnh
Tất cả chúng sinh đều giải thoát
Vì bị khách trần phiền não che
Nên không thấy được pháp giải thoát.
Tâm không thể sinh tâm thứ tự
Tâm không thể thấy tâm kế tiếp
Tất cả mọi tâm do duyên sinh
Nên tâm nối tiếp không đoạn dứt.
Quán sát thấy biết các tâm ấy
Tựa như hư không và tướng huyễn
Người này đạt được tâm tự tại
Lại còn thấy biết tâm tiếp nối.
Như nhà ảo thuật hiện mọi vật
Mọi việc ở đời đều như vậy
Tâm của chúng sinh nào khác gì
Nhờ biết nên đạt tâm tự tại.
Người tu thành tựu pháp nhẫn đó
Biết pháp như huyễn không nhân duyên
Rõ biết tất cả không khởi tham

Không do nhân duyên đạt giải thoát.
Tất cả tâm tánh của chúng sinh
Phật dạy đều thuộc pháp ba đời
Đều như vật huyễn không tánh thật
Tâm của chúng sinh cũng như vậy.
Tâm có thể biết mọi chúng sinh
Như tâm, chúng sinh đều như thế
Tánh của chúng sinh và các pháp
Là tánh vô vi không thể nói.
Như Lai biết rõ tánh các pháp
Nên được gọi là trí vô ngại
Hết thảy phàm phu không hay biết
Cứ mãi trôi lăn trong sinh tử.
Vô minh che lấp mê nơi thật
Không biết pháp giới không biết gì
Tánh của pháp giới tựa hư không
Tất cả thế gian không thể nói.
Như Lai tu tập đại Từ bi
Diễn thuyết các pháp không văn tự
Ví như sáu vị của thế gian
Tất cả đều không tự hay biết.
Chúng sinh tuy nói ấm giới nhập
Nhưng không biết rõ về tánh tướng
Trí tuệ chúng sinh không sinh diệt
Tựa như hư không, tướng huyễn hóa.
Vì trừ hết thảy mọi điên đảo
Nên được gọi là trí tuệ tịnh
Như Lai biết rõ tất cả pháp

Không thọ, không làm tựa cỏ cây.
Nếu ai quán sát pháp như thế
Sẽ được thành tựu Nhẫn vô sinh
Vô lượng, vô số các Bồ-tát
Đều đạt pháp nhẫn như thế đó.
Sẽ được vô lượng chư Như Lai
Thọ ký Bồ-đề đạo Vô thượng
Xả bỏ tất cả vật trong ngoài
Không hề tham tiếc dù thân mạng.
Điều phục giáo hóa mọi chúng sinh
Người này sẽ được Phật thọ ký
Nếu ai thanh tịnh mọi quần mê
Tuy là thanh tịnh không kiêu mạn!
Bảo chúng sinh đều thanh tịnh
Nhờ nhân duyên đó được thọ ký.
Biết rõ các pháp diệt từng giây
Vì mọi chúng sinh tu nhẫn nhục
Khuyên dạy chúng sinh tu pháp nhẫn
Nhờ nhân duyên đó được thọ ký.
Trừ bỏ pháp ác, siêng tu tập
Làm mọi pháp lành không dừng nghỉ
Siêng năng chỉ dạy cho chúng sinh
Nhờ nhân duyên đó được thọ ký.
Tánh của các pháp vốn thanh tịnh
Bình đẳng không khác, tựa hư không
Siêng năng giảng dạy pháp bình đẳng
Nhân nơi Tam-muội được thọ ký.
Biết rõ các pháp không thể nói

Chỉ dạy các pháp không kinh sợ
Khéo dùng phương tiện độ chúng sinh
Nhờ trí tuệ đó được thọ ký.

Bấy giờ, Ma vương dẫn các binh xe, ngựa, voi, bộ đến chỗ Phật. Ma tự hóa thân thành Tỳ-kheo, nói với Bồ-tát Bất Khả Thuyết:

–Thiện nam! Ma vương Ba-tuần dẫn bốn binh chủng đến chỗ Phật, ông làm gì để ngăn chận?

Bồ-tát Bất Khả Thuyết nói:

–Nếu chúng đến, ta sẽ khiến chúng phát tâm Bồ-đề vô thượng.

–Thiện nam! Ba-tuần không có tâm lành làm sao khiến chúng phát tâm Bồ-đề?

–Ta sẽ điều phục để chúng đạt tâm lành. Nhờ tâm lành chúng sẽ phát tâm Bồ-đề vô thượng.

–Điều phục bằng cách nào?

–Ta sẽ đến cõi Tha hóa tự tại, vì đó là cõi của ta. Ở đó sẽ điều phục chúng.

Lúc ấy, Ba-tuần rất sợ, muốn trốn nhưng không được, lại nghĩ: Hôm nay ta không bị trói, cũng không tự tại hiện thần lực được. Khi đó, từ trong hư không có tiếng nói:

–Đấy là sức thần thông của Bồ-tát Bất Khả Thuyết.

Ma Ba-tuần hướng đến Bồ-tát Bất Khả Thuyết, kính lạy, sám hối, thưa:

–Tôi sẽ trừ bỏ tất cả nghiệp ma.

Bồ-tát Bất Khả Thuyết hỏi:

–Ba-tuần! Ai buộc ngươi?

–Thiện nam! Không buộc thả, nhưng tôi không làm gì được.

Bồ-tát nói:

–Thiện nam! Cũng như ngươi, tất cả chúng sinh đều vậy, không buộc mở, không làm được. Vì sao? Vì luôn bị vô minh ái thủ ràng buộc nên không được giải thoát. Ba-tuần! Muốn chặn đứt mọi ràng buộc, ngươi nên sớm phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Ba-tuần hỏi:

–Chúng sinh thành tựu mười sáu pháp sẽ phát tâm Bồ-đề vô thượng. Mười sáu pháp: Tu tâm cao thượng tôi luyện các căn; siêng năng tu pháp lành, trang nghiêm công đức; chuyên tâm giữ giới, không chán ghét; tu tập đại Bi thương yêu chúng sinh; tin Phật đủ tâm đại Bi; tu khổ hạnh vì chúng sinh; trừ hết khổ não cho chúng sinh; điều phục các căn, đủ chánh niệm; tâm không sợ, không cầu sinh tử; thích trí Phật, không thích pháp Nhị thừa; không tự cao khi thọ lạc; không than phiền não khi chịu khổ; cung kính trí tuệ, trừ kiêu mạn; biết ân, đền ân, đủ sức của thân; hộ trì chánh pháp, không đoạn Tam bảo.

Ba-tuần thưa:

–Thiện nam! Chúng sinh đủ các pháp ấy mới

phát tâm Bồ-đề vô thượng, tôi không có các pháp ấy làm sao phát tâm?

–Ba-tuần! Như trồng cây ắt có hoa trái. Lúc đầu tuy chưa có nhưng về sau nhất định phải có. Chúng sinh hướng tâm Bồ-đề cũng thế, tuy hiện chưa có nhưng dần dần sẽ đủ mười sáu pháp.

Ba-tuần khen:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Đúng như lời ông nói.

Lúc nêu giảng pháp này, có ba vạn hai ngàn trời người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Ba-tuần thưa:

–Thiện nam! Hướng tâm Bồ-đề bằng cách nào?

–Ba-tuần! Có ba mươi hai pháp hướng tâm Bồ-đề: Chí tâm, định tâm, mong muốn, không phóng túng, tu tập pháp lành, trang nghiêm hướng Bồ-đề, độ sinh bằng bốn Nhiếp pháp, thích tu phương tiện, điều phục chúng sinh, thuần thục mọi loài, biết nhân duyên, siêng tu, gần bạn lành, đủ lòng tin, vui vẻ, cúng dường sư trưởng, Hòa thượng, bậc Hữu đức, trông nom người bệnh, khéo tư duy, an trụ đúng pháp, không tiếc thân mạng hộ pháp, thành tựu pháp Tổng trì, đủ tâm niệm, giảng pháp vi diệu, trọn vẹn trí tuệ, đủ các lực, nguyện hướng Bồ-đề, không bỏ chúng sinh, tu bốn tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả, vào sinh tử nhưng không hối hận, trang

nghiêm phước đức để thọ thân, trang nghiêm trí tuệ phát nguyện thanh tịnh, biết các pháp không thể nói. Người nuôi lớn các pháp đó sẽ đạt Bồ-đề vô thượng.

Thiện nam! Như trăng đầu thu, càng về sau càng sáng đẹp. Chúng sinh chưa phát tâm Bồ-đề mà đủ ba mươi hai pháp cũng như vậy.

Thiện nam! Bồ-tát hành trì trọn ba mươi hai pháp sẽ được thân tướng đoan nghiêm, được trời người cúng dường, cho tất cả nhưng không mong đền đáp, phát nguyện thanh tịnh ba đời, giữ gìn giới cấm không thiếu sót, tu nhẫn nhục, nghe pháp lành, đạt Nhẫn vô sinh, trang nghiêm pháp lành, thân tâm tịch tĩnh, không tham pháp lành, không tham đắm thiền lạc, không tu duyên chúng sinh Từ, chỉ tu pháp duyên Từ và vô duyên Từ, tu đại Bi, làm mọi việc, biết ân, đền ân, không bỏ chúng sinh, thích nghe chánh pháp, giảng đúng pháp, thuyết pháp không cần lợi dưỡng, tự điều phục mình, người, trừ tâm tham sân, độ sinh bằng bốn Nhiếp pháp, tu hai pháp trang nghiêm phước trí, Tỳ-bà-xá-na và Xa-ma-tha, đủ tâm niệm, thanh tịnh oai nghi, thành tựu bốn Trí vô ngại, thân, khẩu, ý sống bằng trí tuệ, tâm kiên cố không thoái chuyển, tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Ba-tuần! Để chúng sinh nhập pháp Phật nên thị hiện diễn thuyết. Trong nghĩa Đệ nhất không có văn tự. Đó là tánh của tất cả pháp. Tánh ấy không thể nói.

Ba-tuần hỏi:

–Thiện nam! Tất cả các pháp không thể nói làm sao phát nguyện hướng đến Bồ-đề?

–Ba-tuần! Như tánh của hư không rộng lớn, có thể làm giếng, đào ao không?

–Không, thiện nam!

–Ba-tuần! Tánh của các pháp không thể nói, không thể chứng.

Ba-tuần hỏi:

–Thế nào là phát tâm Bồ-đề?

–Hiểu rõ tánh tham là phát tâm. Hiểu rõ sân, si, ganh ghét, ấm, nhập, giới, vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, sinh, già, bệnh, chết là phát tâm.

Ba-tuần hỏi:

–Các pháp có tánh gì?

–Ba-tuần! Tánh của các pháp là không xuất. Thế nào là không xuất? Không xuất là không có dấu tích của ma. Dấu tích của ma là ngã, sở hữu của ngã, trừ chấp ngã, sở hữu ngã là không xuất. Quán nhân duyên, hành, tưởng, phi tưởng, sinh, diệt, thiện, ác, hữu lậu, vô lậu hữu vi, vô vi, thế, xuất thế là dấu tích của ma. Không như thế là không xuất.

Lúc giảng nói pháp này, có tám ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh. Trong hư không vang ra tiếng:

–Hay thay, hay thay! Ba-tuần! Lúc nêu giảng pháp này, có tám ngàn Bồ-tát đạt Nhẫn vô sinh.

Ba-tuần hỏi:

–Thiện nam! Bồ-tát thành tựu pháp gì để đạt Nhẫn vô sinh?

Trong không đáp:

–Tu tập trọn vẹn sáu pháp Ba-la-mật sẽ đạt Nhẫn vô sinh.

Bấy giờ, Bồ-tát Bất Khả Thuyết bạch Phật:

–Thế Tôn! Xin Phật giảng pháp Bất khả thuyết cho các Bồ-tát.

Phật nói:

–Thiện nam! Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật, quán thân như huyễn, thọ như mộng, Bồ-đề như hư không, không thấy một pháp nào. Đó là Bố thí ba-la-mật không thể nói. Bồ-tát quán giới, giới địa, hủy giới và địa, quán các chúng sinh không có tánh ngã, quán tánh pháp, đó là giữ giới, không hủy giới. Tuy đủ giới nhưng không phát ba mắt: Giữ giới; phá giới; Bồ-tát. Tuy giữ giới nhưng không cầu một pháp, không thấy Bồ-đề, quá khứ, vị lai, hiện tại. Đó là giới Ba-la-mật không thể nói.

Thiện nam! Bồ-tát quán chúng sinh không xuất, tu tập nhẫn nhục, quán Bồ-đề, chúng sinh, các pháp đều là không, vắng lặng, không sân hận, vui thích, không thấy tướng oán thù, tu tập nhẫn nhục, không thấy tu nhẫn ngoài các pháp. Đó là

Nhẫn ba-la-mật không thể nói.

Thiện nam! Bồ-tát tu hạnh tinh tấn, không thấy thân, khẩu, ý có pháp nào sinh, diệt, không hoại pháp giới, vì độ chúng sinh nên tu tập trang nghiêm, hiểu đúng về không, vô ngã, tu trang nghiêm để hành trì trọn vẹn pháp Phật, biết pháp Phật là không có pháp, không kinh sợ khi nghe như thế, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, tuy trang nghiêm nhưng quán tất cả đều không, không trang nghiêm, chuyển bánh xe pháp. Vì sao? Vì tánh của các pháp không thể nói. Đó là Tinh tấn ba-la-mật không thể nói.

Thiện nam! Bồ-tát tu Thiền ba-la-mật không thấy tánh tâm quá khứ, bản tánh thanh tịnh, không chấp nơi trụ, không thấy tham, sân, si, thượng, trung, hạ, không tham, sân, si, trí tuệ, không phân biệt. Vì sao? Như tánh của tham, sân, si, không tham, sân, si cũng vậy, quán như thế, cũng không nhập thiền, không thấy bình đẳng, không thấy bình đẳng bằng các pháp, không biết ấm giới nhập, thiện ác, sạch nhơ, hữu lậu, vô lậu, thế gian, xuất thế gian, sinh tử, Niết-bàn. Đó là Thiền ba-la-mật không thể nói.

Thiện nam! Thế nào là Trí tuệ ba-la-mật không thể nói? Không thấy trí tuệ, ngã, sở hữu ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, thường, đoạn, có không, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không tranh chấp, không đến đi là sống theo trí tuệ; trừ vô minh

tăm tối, tà chấp, quán các pháp như thế là quán chân thật.

Thiện nam! Khi tai nạn lửa xảy ra sẽ thiêu đốt tất cả, không có nhân duyên, chỉ trừ hư không. Lúc Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật không thể nêu bày như vậy, cũng lại không có nhân duyên, biết tánh của các pháp đều diệt tận. Vì chúng sinh nên phương tiện nói Niết-bàn. Biết chúng sinh không có tên chữ, vì chúng sinh nên nêu tên chữ. Với sức của trí tuệ biết quá khứ, vị lai, nên sinh diệt; biết không có người cho, người nhận, nhưng phương tiện nêu bày có cho nhận; biết tánh của các pháp vốn thanh tịnh, nhưng phương tiện nêu giới cấm; biết các pháp không có tánh sân nhưng phương tiện khuyên chúng ta nhẫn; biết không tu, không đoạn nhưng phương tiện khuyên tinh tấn; biết tánh của các pháp thanh tịnh nhưng phương tiện dạy tu thiền; biết không sinh tử, Niết-bàn, nhưng phương tiện tu trí tuệ; biết tánh của pháp tự diệt nhưng phương tiện nêu Niết-bàn là Bát-nhã. Bát-nhã không âm thanh, văn tự, không thể nói, không thấy nghe, không tâm thức, không lấy bỏ, không ngã, sở hữu ngã, không nơi chốn, hình chất, quy củ, không cao thấp, không sắc, không thấy, không đối trị, tạo tác, giác, tưởng, không nơi dừng, không quá khứ, vị lai, hiện tại, không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không sáng, tối, là không, không trong ngoài, làm, không làm, không mập, ốm,

tăng, giảm. Bản tánh thanh tịnh, không tham, sân, si, không dối loạn, không cương giới, không thể đo lường. Đó là Bát-nhã ba-la-mật không thể nói.

Lúc nêu giảng pháp này, ma Ba-tuần tự nhiên được tự tại, Ba-tuần vui mừng thưa:

–Con nay nhờ nghe pháp không thể nêu bày mà được giải thoát.

Thiện nam, tín nữ nghe pháp này cũng sẽ thoát ra từ trong điên đảo, chúng ma không hại được.

Lúc đó, một vạn hai ngàn chúng sinh trong pháp hội phát tâm Bồ-đề vô thượng. Tôn giả A-nan thưa Phật:

–Thế Tôn! Pháp ấy tên gì? Làm sao thọ trì?

Phật nói:

–Kinh này tên Đại Tập, cũng có thể gọi là pháp không thể nói, nhập tất cả pháp Phật, đoạn trừ mọi danh tự. Người thọ trì pháp này sẽ thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy, trong hư không rải hoa, trỗi nhạc cúng dường Bồ-tát Bất Khả Thuyết. Tam thiên cõi nước đều chấn động sáu cách.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 14

Phẩm 8: BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG (Phần 1)

Bấy giờ, Đức Bà-già-bà đi đến giảng đường Diệu bảo trang nghiêm là hành xứ của Như Lai. Như Lai là Đấng gồm đủ oai thần, công đức và các tướng tốt, đấy là báo ứng từ bản hạnh của Phật địa. Cung điện của Bồ-tát trang nghiêm đẹp đẽ là nhờ thần lực của Như Lai. Như Lai nhập trí vô ngại, luôn vui vẻ, tư duy, quán sát, khéo phân tích, giảng thuyết, đầy đủ các công đức, được mọi người ca tụng. Thế Tôn là Đấng Chánh Giác khéo chuyển bánh xe pháp, điều phục vô lượng chúng sinh, tự tại trong các pháp, biết rõ tâm ý của muôn loài, hiểu thấu từng căn tánh, giải thoát rốt ráo, đoạn trừ hẳn tập khí kết sử, thành tựu mọi việc Phật. Đi cùng với Đức Thế Tôn là sáu trăm vạn Tỳ-kheo, là những người thuận hợp, đoạn hết tập nhiễm, là con của đấng vua pháp, hành pháp sâu xa, hiểu được pháp không sở hữu, thân tướng oai nghiêm, đủ giới hạnh, là ruộng phước lớn, an trụ trong

pháp của Như Lai, cùng với các Bồ-tát, là những vị vượt khỏi sinh tử, không bỏ hạnh Bồ-tát, đạt Nhẫn vô sinh, đủ tâm Bi, thương yêu chúng sinh, ra khỏi thế gian nhưng tùy thuận pháp xuất thế để giáo hóa chúng sinh, đủ khả năng nhập hạnh địa Phật nhưng không rời hạnh địa Bồ-tát. Đó là các Bồ-tát: Phổ Minh, Vô Ngại Minh, Ư Nhất Thiết Pháp Tự Tại Vương, Vô Ngại Hành Xứ, Phân Biệt Biện Giác, Tịnh Vô Lượng Võng Minh Đăng Vương, Bất Nhiễm Hành Xứ, Hoại Ma Giới Phóng Quang Minh. Có vô lượng, vô số a-tăng-kỳ Bồ-tát như vậy.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn giảng pháp hạnh giải thoát của Bồ-tát. Đó là pháp môn vô ngại, trang nghiêm đạo Bồ-đề, thành tựu pháp Phật như mười Lực, pháp Vô sở úy, tự tại biết các pháp, nhập trí Đà-la-ni, đạt biện tài, trọn thần thông, giảng pháp không thoái chuyển, các thừa bình đẳng, hiểu pháp giới một tướng không phân biệt, tùy thuận căn tánh và sự hiểu biết của chúng sinh, kiên định phân tích, diệt trừ cõi ma, tùy thuận tư duy, đủ trí vô ngại đoạn kết sử, trí phương tiện nguyện không gì sánh bằng, trí bình đẳng như Phật, phân biệt đúng các pháp không trở ngại, phép bình đẳng không đổi khác, thấu đạt mười hai pháp nhân duyên sâu xa, đủ công đức trí tuệ trang nghiêm thân, khẩu, ý của Phật, kiên định tư duy, tiến tu không ngừng, đạt bốn Thánh đế để điều phục

Thanh văn, xa lìa thân tâm để điều phục Bích-chi-phật, thọ ký trí nhất thiết để giáo hóa Bồ-tát, nhập pháp tự tại, hiển hiện công đức Phật như chỉ bày diễn giảng để chúng giải thoát, dạy chúng đọc tụng tuần tự tu tập, phân tích rõ ràng, tùy thuận giảng nói. Khi Đức Phật dùng phương tiện phân biệt các pháp, tất cả mọi hình sắc trong tam thiên đại thiên cõi nước như núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, núi chúa Tu-di, Hắc sơn, bốn thiên hạ, cõi Diêm-phù-đề, thành ấp xóm làng, biển sóng, suối ao, cây cỏ rừng vườn, cung điện của Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Địa thần, các thần trong hư không, cõi trời Tứ Thiên vương, Tam thập thiên, Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, Phạm thiên, A-ca-ni-trá, Đại địa, chúng sinh cõi Dục đều bị che khuất không thấy được. Ví như vào thời kiếp hết, tai nạn lửa xảy ra, cả đại địa lụi tàn, chưa có nước, không có một hình sắc nào. Lúc này, tam thiên đại thiên cũng vậy, không một hình sắc, chỉ trừ giảng đường Diệu bảo trang nghiêm. Khi đó, trong hư không thuộc vùng giảng đường này chẳng có chỗ nương tựa tự nhiên hiện ra vô lượng trăm ngàn na-do-tha đài báu trang nghiêm vi diệu trông rất đẹp mắt như cõi Phật Nhất Bảo Trang Nghiêm trong thế giới Đại diệu trang nghiêm có các Bồ-tát ngồi trên đài báu; các đài báu này cũng vậy, đại chúng an tọa trên đó. Trong giảng đường

Diệu bảo trang nghiêm tự nhiên vụt hiện ra tòa Sư tử bằng vàng ròng xinh đẹp, cao mười ngàn do-tuần. Tòa sư tử này rực sáng soi thấu tam thiên đại thiên thế giới, che khuất cả ánh sáng của các Bồ-tát. Thấy vậy, đại chúng vui mừng, cho là việc hy hữu nên chắp tay hướng về Phật, thưa:

–Nay hẳn Như Lai sẽ thuyết giảng pháp lớn nên hiện bày tướng lành này.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nương nơi oai thần của Phật, rời đài báu, sửa lại y phục, trịch vai áo bên phải, quỳ gối bên phải, chắp tay, thưa Phật:

–Thế Tôn! Cớ sao lại hiện tướng lành hy hữu này? Thế Tôn! Đại chúng đều nghi ngờ, xin Phật chỉ dạy nguyên nhân của việc ấy.

Đức Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Cách đây vô số cõi Phật nhiều bằng số bụi trong tám thế giới Phật, về phương Đông, có cõi nước tên Đại trang nghiêm, Đức Phật hiệu Nhất Bảo Trang Nghiêm, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Nhất Bảo Trang Nghiêm đang thuyết pháp. Sở dĩ cõi nước tên Đại trang nghiêm vì những sự trang nghiêm ở thế giới đó dù nói ra suốt một kiếp cũng không hết. Hiệu của Phật như thế là vì Đức Phật thuyết pháp từ một báu Đại thừa vô thượng.

Xá-lợi-phất! Đức Nhất Bảo Trang Nghiêm cùng các Bồ-tát ngồi nơi tòa Sư tử, bay lên hư không cao tám mươi ức cây đa-la. Đức Phật giảng pháp Hư không ấn cho các Bồ-tát. Pháp đó ra sao? Vì các pháp tựa hư không, không trụ xứ, không hình tướng, vượt các cõi, trong ngoài thanh tịnh, tâm ý thức vốn không, không thuộc vật, phi vật, không tướng dạy, không hình đoạn, ngoài cảnh giới nhân duyên, tướng tịch diệt, không hai tướng, không phân biệt, một tướng tự tướng tịnh, vượt ba đời, bình đẳng, huyễn hóa, không phải tướng, thể không thật, không tướng tạo tác, xa lìa thân tâm, ngoài tướng không tướng, không động, không nơi tựa, không biên vực, không chốn căn cứ, không ngã và sở hữu của ngã, không chủ tể, tánh không ngã, bên trong thanh tịnh.

Xá-lợi-phất! Lúc Đức Nhất Bảo Trang Nghiêm giảng các pháp ấy, có vô lượng a-tăng-kỳ Bồ-tát hiểu rõ tánh của các pháp tựa hư không, đạt Nhẫn vô sinh trong các pháp.

Xá-lợi-phất! Ở cõi Phật Nhất Bảo Trang Nghiêm có Bồ-tát Hư Không Tạng. Bồ-tát tự trang nghiêm mình bằng nguyện lực không thể nghĩ bàn, đạt trí oai đức không ngại trong tất cả công đức, trang nghiêm bằng công đức không thể nghĩ bàn của Bồ-tát, thân Bồ-tát đủ tướng tốt, tùy thuận thuyết pháp, trang nghiêm khẩu nghiệp, trang nghiêm tâm bằng định không thoái chuyển,

trang nghiêm niệm lực bằng các Tổng trì, trang nghiêm ý bằng các pháp vi tế, tinh tấn trang nghiêm tùy thuận quán tánh pháp, thuần tịnh bằng thệ nguyện kiên cố, làm mọi việc, đạt từ một địa đến tất cả các địa, bố thí tất cả, trang nghiêm giới đức bằng tâm tịnh và lời hay, nhẫn nhục không ngại đối với mọi chúng sinh, đầy đủ mọi việc, nhập định thần thông diệu dụng, đạt trí biết rõ tập nhiễm phiền não, tâm Từ cứu độ chúng sinh, tâm Bi không bỏ chúng sinh, vui vẻ không do dự, không yêu ghét, thần thông biến hóa, đủ công đức cùng tận, đạt trí phân biệt về tâm hành của chúng sinh, dạy chúng sinh hiểu pháp lành, trọn trí sáng tịnh, đã đạt từ vô ngại biện, không kinh sợ, diệt trừ ngoại đạo tà ma, đạt vô lượng công đức, thuyết giảng chánh pháp bằng mọi phương tiện, hiểu rõ pháp Phật, phóng ánh sáng làm trang nghiêm cõi Phật, thuyết giảng không nhầm lẫn, tùy thuận hiện thần thông chỉ dạy, đủ bốn Thần túc, trọn thần thông hộ trì tạng pháp Phật, tự tỏ ngộ, trang nghiêm pháp tự tại, sống đúng pháp không ai hoại được, đủ tất cả pháp lành kiên cố. Bồ-tát Hư Không Tạng cùng mười hai ức Bồ-tát muốn đến cõi Ta-bà để gặp ta, kính lạy, cúng dường và để phân biệt kinh Đại Tập, giúp các Bồ-tát nơi mười phương hiểu rõ pháp, đạt lợi ích, dạy pháp Đại thừa, thọ trì pháp Phật, khởi căn lành cho chúng sinh, điều phục ngoại đạo bằng pháp lành, thị hiện

thần thông biến hóa của Bồ-tát, vì thế nên hiện ra tướng lành này.

Lúc Đức Phật nêu giảng việc ấy, Bồ-tát Hư Không Tạng cùng mười hai ức Bồ-tát đến chỗ Phật Nhất Bảo Trang Nghiêm, bạch Phật:

–Thế Tôn! Chúng con muốn đến cõi Ta-bà gặp Đức Thích-ca Mâu-ni, cúng dường lễ bái Phật.

Đức Nhất Bảo Trang Nghiêm bảo:

–Tùy ý các vị, nên biết thời.

Các Bồ-tát lạy Phật, đi quanh bảy vòng, nương nơi thần thông Phật, tích tắc biến mất ở cõi Đại trang nghiêm cùng nhau đến cõi Ta-bà, trong giảng đường này. Bồ-tát Hư Không Tạng rải hoa thơm cúng dường Đức Thích-ca và kinh Đại Tập. Bồ-tát cúng dường các thứ hoa: Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Ba-lợi-chất-đa-la, Ma-ha ba-lợi-chất-đa-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa, Lô-giá-na, Ma-ha lô-giá-na. Các loại hoa dưới nước, trên đất, to bằng bánh xe, trăm ngàn cánh, sáng rực, thơm dịu, đẹp mắt. Các loại hoa ấy rải khắp giảng đường, cao bằng một cây đa-la. Bồ-tát lại trỗi nhạc trời với vô lượng trăm ngàn pháp môn như tiếng Bố thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát-nhã ba-la-mật, bốn Tâm vô lượng, bốn Nhiếp pháp, các pháp Trợ đạo, ba cửa Giải thoát, bốn Thánh đế, mười hai Nhân duyên. Cúng dường, lạy Phật, đi quanh bảy vòng, Bồ-tát

Hư Không Tạng lui ra ngồi một bên, bạch Phật:

–Thế Tôn! Đức Nhất Bảo Trang Nghiêm có lời hỏi thăm sức khỏe và mọi việc làm của Như Lai.

Đức Nhất Bảo Trang Nghiêm còn dạy:

–Con cùng mười hai ức Bồ-tát đến cõi Ta-bà xin Đức Thế Tôn giảng các pháp… để các Bồ-tát đạt trí tự nhiên và thành tựu các pháp sáng rồi trở về. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn từ xưa đã từng hóa độ họ nên họ đã phát tâm Bồ-đề.

Lúc này, Bồ-tát Hư Không Tạng biến hiện một lọng báu che trên Phật: Lọng ấy to bằng mười do-tuần, cán lọng bằng lưu ly xanh, trục bằng san hô, trân châu, tạp báu. Ánh sáng của lọng ấy chiếu soi mười phương đan xen với các hoa báu. Bồ-tát Hư Không Tạng rất kính trọng công đức sâu xa của Phật, nên chắp tay hướng Phật, nói kệ khen ngợi:

Pháp nghĩa, trí tuệ, Đấng Tối Thắng
Thanh tịnh không nhơ không tham vướng
Tựa như hư không không cấu nhiễm
Con xin kính lạy Đấng Bất Động.
Hạnh Phật cao tột không bờ bến
Trang nghiêm các pháp không gì hơn
Pháp thân của Phật tựa hư không
Tâm Bi rộng lớn cứu muôn loài.
Sư tử trong đời luôn thị hiện
Trăm phước trang nghiêm thân Thế

Tôn
Trừ bỏ ngôn ngữ, không âm thanh
Không hề giảng nói, chẳng bàn cãi.
Tuy biết rõ vậy nhưng lại giảng
Chúng sinh không tánh được vui mừng
Các tâm không tâm đạt tâm ấy
Biết rõ không tâm, thuộc huyễn hóa.
Biết rõ tánh hạnh tâm chúng sinh
Nhưng không chấp giữ tâm ngã sở
Thị hiện oai nghi cứu mọi loài
Không làm nhưng làm tất cả việc.
Phật hiểu chúng sinh tùy sở thích
Thị hiện thân hình hợp chúng sinh
Thế Tôn không chấp ngã trong pháp
Không hề vọng tưởng tham chấp pháp.
Khó biết giảng dạy các pháp nào
Tùy thuận thời, cơ để thuyết giảng
Đại chúng khát ngưỡng Đức Thế Tôn
Là bậc Hy hữu không gì sánh.
Thế Tôn không tâm luôn thị hiện
Làm cho đại chúng được vui mừng
Tất cả các pháp do duyên sinh
Rỗng lặng tịch tĩnh, không chân thật.
Thế Tôn biết rõ các pháp ấy
Thanh tịnh thong dong đạt Niết-bàn
Không chấp hai bên và ở giữa
Biết hư, không thật, không tự tánh.
Tất cả các pháp không người tạo

Giảng rõ nghiệp báo không đoạn, thường
Pháp không chúng sinh, nhân, thọ mạng
Tịch tĩnh, không tên, tựa hư không.
Phân biệt chân thật không chúng sinh
An ổn mọi loài bằng cam lồ
Tu hành nhiều kiếp không thể biết
Siêng năng thắng tiến đạt Bồ-đề.
Thành tựu trọn vẹn hạnh vi diệu
Đạt đến không nghĩa, tỏ tất cả
Hết thảy các pháp thượng, trung, hạ
Biết rõ bình đẳng, thường, không khác.
Bậc trí hiểu hết nhưng không chấp
Vì thế Như Lai luôn an định
Ấm, nhập, các giới đều huyễn hóa
Ba cõi tựa như trăng dưới nước.
Chúng sinh hư giả tánh như mộng
Dùng trí phân biệt giảng pháp này
Người đời tự xưng đã đạt đạo
Thật không tướng đạt, chẳng gì đạt.
Như không có đường xe nào chuyển
Xe không chuyển bánh đâu ai đi
Vì thế chúng sinh vào bốn dòng
Tự độ độ người chìm điên đảo.
Người đưa chúng sinh vượt biển khổ
Tự diệt, diệt độ người điên đảo

Chúng sinh không sinh không Niết-bàn
Mọi loài vốn tịnh không thể đạt.
Đạo và chúng sinh đều huyễn hóa
Tự giác, độ người được giác ngộ
Như trong hư không không hình sắc
Hình sắc mọi loài cũng như vậy.
Các pháp không sắc, không tướng sắc
Biết rõ hình sắc là không chấp
Dùng mọi pháp dụ để khen Phật
Ca tụng chấp chặt là hủy hoại.
Đức Phật hư không chẳng sai khác
Không thể hạn lượng là khen Phật
Xin lạy Thế Tôn tịnh tự tha
Không duyên, không tâm, nhập tâm tế.
Chỉ Phật biết rõ công đức Phật
Công đức Như Lai con kính lễ
Biết rõ chúng sinh không có ngã
Các pháp đều lìa những dục vọng.
Thấy được Pháp thân là thấy Phật
Cúng dường chư Phật khắp mười phương.

Bồ-tát Hư Không Tạng nói kệ xong, giảng đường Diệu bảo trang nghiêm và các đài báu trong hư không đều chấn động sáu cách. Đại chúng thanh tịnh vui vẻ, khen ngợi, thưa Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Thật hy hữu, Bồ-tát nói kệ ấy! Thiện nam! Tín nữ nào hành pháp này, dù là trong mơ vẫn

không thấy có pháp thì dần được tiếng pháp như tiếng sư tử, đều như Bồ-tát Hư Không Tạng.

Nói kệ xong, Bồ-tát Hư Không Tạng bạch Phật:

–Thế Tôn! Con xin hỏi vài ý, mong Thế Tôn cho phép. Vì sao? Thế Tôn! Vì Phật là bậc trí tuệ vô lượng, biết rõ căn tánh của chúng sinh đã và chưa thuần thục. Thế Tôn thấu tỏ trừ hết tăm tối. Thế Tôn hiểu nghĩa thật khéo léo phân biệt. Thế Tôn biết thời cơ. Như Lai nhớ rõ, không nhầm lẫn, biết căn cơ tùy thuận thuyết giảng, đủ thần thông biến hóa, quán sát tỏ đạt tâm hành của chúng sinh, không cấu nhiễm, tự tại trong các pháp, tỏ ngộ các pháp, ngăn chận không cho chúng sinh hướng đến đường tà, dạy chúng vào đường chánh. Thế Tôn là thầy thuốc giỏi, trừ hết bệnh khổ từ vô thỉ, thành tựu mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, cứu độ tất cả chúng sinh bằng đại Từ không ngại, cứu khổ chúng sinh bằng đại Bi không ngã, nhập định đạt Niết-bàn bằng đại Hỷ, trừ yêu, ghét bằng đại Xả, tâm tựa hư không, giác ngộ bình đẳng, biết pháp không ngại. Thế Tôn không yêu ghét, thanh tịnh trọn vẹn, không dao động trước lời khen chê, không mong trọn trí, không cầu lợi dưỡng, trí và hạnh Phật đều đạt giải thoát. Con biết Như Lai thành tựu vô lượng công đức như thế nên con muốn hỏi vài ý.

Phật bảo Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Thiện nam! Hãy thưa hỏi, Như Lai sẽ giải thích.

Lúc ấy, Bồ-tát Công Đức Quang Minh Vương hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Thiện nam! Ông vì ai mà lại hỏi Phật?

Bồ-tát Hư Không Tạng nói kệ đáp lời:

Tất cả chúng sinh tâm bình đẳng
Đều đủ khả năng đạt Niết-bàn
Thần thông, không nhiễm trong tâm Bi
Vì chúng sinh đó tôi hỏi Phật.
Thành tựu chánh trí không cấu uế
Vì không do dự không nghi ngờ
Tự tỏ ngộ pháp độ chúng sinh
Vì chúng sinh đó tôi hỏi Phật.
Biết ngã không ngã không gì sinh
Pháp tâm độ sinh không chấp chặt
Giải thoát mọi loài kẻ chấp ngã
Vì thế nên tôi hỏi Thế Tôn.
Giữ gìn oai nghi luôn thận trọng
Tâm được thanh tịnh tựa hư không
Kiên cố không động như Tu-di
Vì thế nên tôi hỏi Thế Tôn.
Tinh tấn không ngừng trí cao tột
Mạnh mẽ đoạn diệt oán phiền não
Tự đoạn kết sử đoạn giúp chúng
Vì thế nên tôi hỏi Thế Tôn.
Bố thí giữ giới điều phục tâm

An trụ trong pháp tấn, nhẫn nhục
Thiền định thần thông và trí sáng
Vì thế nên tôi hỏi Như Lai.
Thích không, không tướng và không nguyện
Tùy thuận thọ thân vào sánh tử
Không sinh không diệt đạt giải thoát
Vì thế nên tôi hỏi Như Lai.
Trí sáng sâu xa không bờ bến
Thanh văn, Duyên giác không sánh được
Tỏ biết tất cả hạnh chúng sinh
Vì thế nên tôi hỏi Như Lai.
Khéo léo thông đạt thích chánh hạnh
Đoạn trừ các chấp pháp, phi pháp
Luôn sống trong định, tâm không loạn
Vì thế nên tôi hỏi Như Lai.
Không đoạn giống Phật các Hiền sĩ
Bảo hộ Chánh pháp và Tăng bảo
Học rộng nên được chư Phật khen
Vì thế nên tôi hỏi Như Lai.

Nói kệ đáp lời xong, Bồ-tát Hư Không Tạng bạch Phật:

–Thế Tôn! Thế nào là hạnh Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát-nhã, công đức, trí của Bồ-tát như hư không? Thế nào là bố thí không rời như như, niệm Phật, Pháp, Tăng, thí, giới, thiền, tu hành các pháp bình đẳng như Niết-

bàn, khéo phân biệt hành tướng, giữ gìn tạng pháp quý báu của Như Lai, hiển tánh tướng các pháp như Phật, thật biết tánh tướng các pháp không lấy bỏ, phân biệt chúng sinh vốn thanh tịnh nên giáo hóa chúng, tùy thuận thành tựu pháp Phật, thần thông không thoái chuyển, tự tại trong pháp Phật, nhập pháp môn sâu xa mà Thanh văn, Bích-chi-phật không thể nhập, đạt trí phương tiện thù thắng từ mười hai nhân duyên, không chấp, được Như Lai ấn định, đạt trí không phân biệt, nhập tánh pháp giới, thấy tánh bình đẳng nơi các pháp, thuần tịnh kiên cố như Kim cang, an trụ trong Đại thừa, thanh tịnh cõi mình như cõi Phật, đạt Đà-la-ni, không mất niệm, đủ biện tài vô ngại mà Phật gia hộ, tự tại hiện thân thọ sinh tử, diệt oán thù, đánh bại bốn ma, tạo lợi ích cho chúng sinh, trang nghiêm công đức, làm mọi việc Phật dù là thời không có Phật, đạt Tam-muội Hải ấn, khéo biết tâm hạnh của chúng sinh, rõ biết các cõi nước, thành tựu oai nghi, trừ hôn ám, đạt trí sáng, đủ trí tự nhiên trong các pháp, sớm thành tựu hạnh trí?

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Ông khéo hỏi Như Lai về các nghĩa vi diệu đó. Ông từng cúng dường vô lượng Phật, trồng căn lành, tâm bình dẳng như hư không, lễ kính Phật, đạt trí sáng, siêng năng để độ tất cả, không bỏ chúng sinh, sống đúng pháp, vượt bờ đại Từ bi, vào các cõi ma,

không bỏ pháp thế gian, tâm tựa hư không, thành tựu pháp Đại thừa, vi diệu vô thượng. Hư Không Tạng! Công đức của ông không biên giới, không thể so ví, ông đã từng hỏi như thế với vô lượng Phật quá khứ.

Vì thế, nay Bồ-tát Hư Không Tạng! Hãy lắng nghe, tư duy kỹ, ta sẽ phân tích rõ. Những việc của Bồ-tát nhiều hơn thế. Bồ-tát thành tựu Đại thừa vô thượng, trí tự nhiên của Như Lai, trí Nhất thiết chủng.

Bồ-tát Hư Không Tạng thưa:

–Thật hy hữu, con xin lắng nghe!

Phật nói:

–Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp để hành Bố thí ba-la-mật như hư không.

Thiện nam! Bồ-tát Bố thí ba-la-mật ở mọi nơi. Không chướng ngại, không phân biệt ngã vì tịnh nên hành bố thí cũng tịnh, vì thí tịnh nên nguyện tịnh; nguyện tịnh nên Bồ-đề tịnh. Vì Bồ-đề tịnh nên tất cả các pháp đều tịnh.

Thiện nam! Bồ-tát thành tựu tám pháp để thanh tịnh Thí ba-la-mật: Không thấy mình thí; không bố thí vì mình; bố thí không vì yêu; bố thí không vì mù quáng; trừ tướng mình người, Bồ-đề; không vọng tưởng; không mong đền đáp; đoạn tham tiếc; tâm bình đẳng như hư không; trừ tám pháp trên là thí thanh tịnh, tựa hư không, bao

trùm tất cả Bồ-tát bố thí bằng tâm Từ cũng vậy. Như hư không không hình sắc, Bồ-tát bố thí không dựa trên hình sắc; như hư không không khổ vui; Bồ-tát bố thí không nhận gì; như hư không không trí biết; Bồ-tát hành thí không vọng chấp; như hư không là tướng vô vi; Bồ-tát hành thí không tạo tác, vô vi; như hư không hư giả không tướng; Bồ-tát hành thí không dựa trên vọng tưởng của thức; như hư không đem lợi ích cho muôn loài; Bồ-tát hành thí tạo lợi ích cho chúng sinh; như hư không không cùng tận; Bồ-tát hành thí trong sinh tử không cùng tận.

Thiện nam! Như người hóa thí cho người hóa không phân biệt, không bàn cãi không cầu quả báo, Bồ-tát hành thí cũng thế, như người hóa, cũng đi không chấp hai bên, không phân biệt bàn cãi, không mong cầu quả báo.

Thiện nam! Với trí tuệ Bồ-tát trừ kết sử, không bỏ chúng sinh. Đó là hạnh bố thí như hư không của Bồ-tát.

Lúc đó, Bồ-tát Đăng Thủ ở trong chúng hội, rời chỗ ngồi, trịch vai áo bên phải, quỳ gối phải, chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát có thể hành Thí ba-la-mật như vậy?

Phật nói:

–Thiện nam! Bồ-tát vượt thế gian, đạt pháp

xuất thế, không thấy sắc thể hành, thanh tịnh trí biết, không chấp tối sáng, không chấp tướng, đạt trí không tướng, thành tựu vô tận nhẫn, gần trí Như Lai, hưng thịnh cõi Bồ-tát, được thọ ký không thoái chuyển, đạt vị quán đảnh, hiểu rõ hành tướng của chúng sinh, đến tất cả nhưng không thấy nơi đến. Bồ-tát ấy có thể hành Thí ba-la-mật như trên.

Lúc giảng nói pháp này, có một vạn sáu ngàn Bồ-tát thấy tánh của các pháp như hư không, đạt pháp Nhẫn vô sinh. Phật bảo Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp là giữ Giới ba-la-mật như hư không.

Thiện nam! Bồ-tát biết thân như ảnh trong gương, tiếng như tiếng vang, tâm như huyễn, tánh các pháp tựa hư không.

Thiện nam! Bồ-tát thành tựu tám Pháp bảo hộ tịnh giới.

Thiện nam! Bồ-tát không quên tâm Bồ-đề; không cầu địa Thanh văn, Bích-chi-phật; không hạn lượng giới đã giữ; không ỷ lại các giới; không bỏ nguyện xưa; không chấp nơi thọ sinh; thành tựu nguyện lớn; thâu giữ các căn; diệt trừ phiền não.

Thiện nam! Như hư không không tâm mong cầu, Bồ-tát giữ giới cũng vậy; như hư không thanh tịnh, Bồ-tát giữ gìn tịnh giới; như hư không không

nhiệt não, Bồ-tát giữ giới không phiền não; như hư không không cao thấp, Bồ-tát giữ giới không tâm cao thấp; như hư không không hang hốc, Bồ-tát giữ giới không ỷ lại; như hư không không sinh diệt, không biến khác, Bồ-tát giữ giới cũng vậy; như hư không dung nạp tất cả, Bồ-tát giữ giới bảo vệ lợi ích của tất cả chúng sinh.

Thiện nam! Như trăng dưới nước không giữ giới phá giới, Bồ-tát cũng hiểu tất cả các pháp như trăng dưới nước, không giữ giới phá giới. Đó là Bồ-tát hành Giới ba-la-mật như hư không.

Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp hành Nhẫn ba-la-mật như hư không.

Thiện nam! Bồ-tát dù bị mắng chửi vẫn không trả thù vì biết không có ngã; bị đánh không trả thù vì không thấy tưởng người; không giận trách kẻ giận mình vì không chấp có; không thù ghét kẻ hại mình vì trừ hai chấp.

Thiện nam! Bồ-tát thành tựu tám pháp làm thanh tịnh Nhẫn ba-la-mật. Bồ-tát thuần tịnh bên trong tu Nhẫn ba-la-mật; thanh tịnh bên ngoài, không mong cầu; không chướng ngại đối với các bậc thượng trung hạ; tùy thuận pháp tánh, không chấp trước; trừ các chấp là không; đoạn tất cả giác là không tướng; bỏ mọi hạnh nguyện là vô nguyện; trừ hết thảy các hành là không hành. Thiện nam! Như hư không không thể tổn giảm,

Bồ-tát tu Nhẫn ba-la-mật cũng vậy; như hư không không sinh khởi, Bồ-tát tu nhẫn cũng vậy; như hư không không bàn cãi, Bồ-tát tu nhẫn cũng thế; như hư không không mong đền ân; Bồ-tát tu nhẫn không cầu chúng sinh báo ân; như hư không không lậu hoặc; không trói buộc, Bồ-tát tu nhẫn không lậu hoặc, không bị ba cõi trói buộc.

Thiện nam! Lúc hành Nhẫn ba-la-mật, Bồ-tát không nghĩ: Người khác mắng ta, ta nhẫn nhịn, không thấy có người mắng, kẻ bị mắng và lời mắng, không quán, nghĩ, nói: Người không ta cũng không; không nghĩ: Âm thanh như tiếng vang, nó có từ đâu; không tự cho mình đúng người sai; không thấy: Người vô thường; không thấy người ngu ta trí; không nghĩ: Ta nên nhẫn nhục.

Thiện nam! Như người tìm cành Ta-la, phải cầm rìu bén vào rừng Ta-la. Đến một cây lớn, người ấy chặt một mình. Các cành khác không nghĩ: Cành kia bị chặt, chúng ta không bị chặt. Cành bị chặt cũng không nghĩ: Ta bị chặt, các cành khác không bị. Cả hai đều không nghĩ nên không yêu ghét.

Thiện nam! Đại Bồ-tát khi hành Nhẫn ba-la-mật quán biết tánh các pháp như cỏ cây tường vách ngói đá, thị hiện bị chặt đánh để giáo hóa chúng sinh, không yêu ghét, nghĩ nhớ.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát hành Nhẫn ba-la-mật

như hư không.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật như hư không? Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp, hành Tinh tấn ba-la-mật như hư không.

Thiện nam! Bồ-tát cầu pháp lành nhưng biết tự tánh của các pháp không thành tựu; cúng dường Phật bằng vật cúng vô giá song không thấy Phật và pháp cúng; thọ trì tất cả pháp vi diệu của Như Lai nhưng không thấy văn tự nào để thọ trì; thành tựu mọi loài, thấy tánh của chúng sinh là Niết-bàn, không sinh khởi.

Thiện nam! Bồ-tát thành tựu tám pháp làm thanh tịnh Tinh tấn ba-la-mật.

Thiện nam! Bồ-tát tinh tấn để thanh tịnh thân, biết thân như bóng, không chấp thân; để thanh tịnh khẩu Bồ-tát tinh tấn, biết lời nói như tiếng vang, không chấp lời nói; vì thanh tịnh ý Bồ-tát tinh tấn, biết ý như huyễn, không phân biệt, không chấp ý; để trọn vẹn các Ba-la-mật tinh tấn, biết các pháp không có tự tánh, thuộc nhân duyên, không thể bàn cãi; vì pháp trợ đạo Bồ-tát tinh tấn, biết tánh chân thật của các pháp không chấp trước; vì thanh tịnh cõi Phật Bồ-tát tinh tấn, biết cõi Phật tựa hư không nên không tự thị; Bồ-tát tinh tấn để đạt tất cả Đà-la-ni, biết các pháp không niệm, phi niệm, không thấy hai tướng; để thành tựu pháp Phật, Bồ-

tát tinh tấn, biết các pháp bình đẳng, không hoại tánh pháp.

Thiện nam! Như hư không không biết mệt mỏi, Bồ-tát trải vô số kiếp hành hạnh tinh tấn cũng không mỏi mệt; như hư không dung nạp mọi hình sắc nhưng không che lấp, Bồ-tát bảo vệ tất cả chúng sinh, hành hạnh tinh tấn bình đẳng không ngại; như hư không có đủ cỏ cây rừng núi song hư không không nơi ở, Bồ-tát hành hạnh tinh tấn tạo lợi ích cho tất cả căn lành chúng sinh nhưng không chấp, không nơi dừng; như hư không hiện có mọi nơi nhưng không đi, Bồ-tát tinh tấn cầu học hết thảy các pháp nhưng không đến cũng không phải không đến; như hư không không phải sắc nhưng hiện mọi hình sắc; Bồ-tát tinh tấn học pháp Nhất thừa nhưng luôn gồm đủ các thừa khác; như tánh hư không vốn thanh tịnh, Bồ-tát vì chúng sinh hiện thọ sinh tử, không bị nhiễm khách trần; như tánh hư không là thường, không có vô thường, Bồ-tát tinh tấn là để Tam bảo không đoạn dứt; như hư không không đầu cuối, lấy bỏ, Bồ-tát tinh tấn cũng vậy.

Thiện nam! Tinh tấn có hai: Bắt đầu phát tâm tinh tấn; trọn vẹn hạnh tinh tấn. Bồ-tát bắt đầu phát tâm tinh tấn tu tất cả pháp lành nhưng khi trọn vẹn tinh tấn, Bồ-tát biết tánh của các pháp là không thủ đắc, bình đẳng với tất cả. Pháp bình đẳng đã thấy cũng không phải bình đẳng.

Thiện nam! Như người làm tượng, chạm khắc hình người hoàn mỹ, nhưng tượng gỗ không nghĩ là làm hay không làm. Vì thành tựu trang nghiêm thệ nguyện, Bồ-tát tinh tấn tu tập mọi hạnh, không nghĩ là tu không tu, trừ hai chấp.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát hành hạnh tinh tấn như hư không.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu Thiền ba-la-mật như hư không? Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp để tu Thiền ba-la-mật như hư không. Đó là: Bồ-tát chuyên tịnh tâm bên trong nhưng không thấy tâm bên trong cách ngăn với các tâm bên ngoài, không thấy nơi đi của các tâm bên ngoài vì tự tâm bình đẳng; biết tâm chúng sinh bình đẳng, nhưng nương nơi tâm pháp, bình đẳng tư duy; tánh của pháp giới là định, không loạn, không lệ thuộc; biết tánh của các pháp là không thể bàn cãi.

Thiện nam! Bồ-tát thành tựu tám pháp làm thanh tịnh Thiền ba-la-mật.

Thiện nam! Bồ-tát không nương các ấm, giới, nhập, ba cõi, hiện đời, đời sau, đạo, quả để tu thiền. Như hư không không nơi nương tựa, Bồ-tát tu thiền cũng thế, không tựa vào đâu; như hư không không yêu mến, Bồ-tát tu thiền không nhiễm chấp; như hư không không chấp sự hiểu biết, Bồ-tát tu thiền cũng thế; như hư không không kiêu mạn; Bồ-tát tu thiền cũng vậy; như hư

không không diệt, Bồ-tát tu thiền đạt tánh của pháp không thoái chuyển; như hư không không thể hủy hoại, Bồ-tát tu thiền không hoại tánh ban đầu; như hư không không thay đổi, Bồ-tát tu thiền như như bất biến; như hư không không phải tâm, không chấp tâm, Bồ-tát tu thiền không thấy tâm ý thức.

Thiện nam! Bồ-tát tu thiền bằng tâm bình đẳng. Thế nào là tâm bình đẳng? Tâm không cao thấp, không cầu, không phải không cầu, không tạo tác không phải không tạo tác, không phân biệt không phải không phân biệt, không hành không phải không hành, không lấy bỏ, không tối sáng, không biết nghĩ, không phải không biết nghĩ, không phải một không phải khác, không phải hai, không phải không hai, không động, không phải không động, không đi nhưng không nơi nào là không đi, không tu nhưng không gì là không tu, tâm không duyên với cảnh giới. Đó là tâm bình đẳng. Vì tâm bình đẳng Bồ-tát không chấp sắc, không thấy mắt, sắc, không chấp thanh, hương, vị, xúc, pháp, trừ hai chấp ý, pháp để tu thiền.

Thiện nam! Như hư không, lửa không đốt được, nước không cuốn trôi, Bồ-tát không bị lửa phiền não đốt, không bị Tam-muội, giải thoát cuốn trôi, khi thọ sinh đã không định, loạn, giúp chúng sinh tâm loạn đạt định, riêng mình đã tịnh nhưng luôn tinh tấn, từ bình đẳng hiện sự sai khác nhưng

không thấy hai tướng bình đẳng không bình đẳng, khéo quán tánh thật của trí tuệ, tâm không bị yêu thương che đậy, làm mọi việc nhưng không chấp.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát tu Thiền ba-la-mật như hư không.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu Bát-nhã ba-la-mật như hư không? Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp để tu Bát-nhã ba-la-mật như hư không. Bồ-tát tự tịnh nên biết chúng sinh cũng tịnh; sự biết tịnh nên thức tịnh; nghĩa tịnh nên văn tự tịnh; pháp giới tịnh nên tất cả pháp đều tịnh.

Thiện nam! Bồ-tát thành tựu tám pháp làm thanh tịnh Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát siêng năng đoạn trừ tất cả pháp không lành, nhưng không chấp đoạn; siêng năng phát khởi tất cả pháp lành, nhưng không chấp thường; biết các pháp hữu vi do duyên sinh nhưng kiên định với Nhẫn vô sinh; khéo phân tích giảng nói mọi ý nhưng luôn bình đẳng không chấp ngôn ngữ; thường giảng về sự khổ, vô thường của các pháp nhưng tịch tĩnh kiên định trong pháp giới vô ngã; phân biệt mọi nghiệp nhưng biết các pháp không có nghiệp báo; phân biệt pháp sạch nhơ nhưng biết tánh các của pháp vốn tịnh; phân tích các pháp nơi ba đời nhưng biết các pháp vốn không có quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thiện nam! Như hư không không phải hành nhưng không hành, Bồ-tát tu Bát-nhã trừ các

hành; như hư không không thể phá hoại, Bồ-tát tu Bát-nhã không bị các ma tổn hại; như tánh hư không luôn vắng lặng, sự thấy biết của Bồ-tát tu Bát-nhã cũng vậy; như tánh hư không không ngã, Bồ-tát tu Bát-nhã biết không có ngã; như tánh hư không không có chúng sinh, Bồ-tát tu Bát-nhã không thấy có chúng sinh; như tánh hư không không thọ mạng; Bồ-tát tu Bát-nhã không thấy thọ mạng; như tánh hư không không người; Bồ-tát tu Bát-nhã không thấy người; như hư không không phải vật không phải phi vật, không thể đặt tên, Bồ-tát hành Bát-nhã không chấp vật, phi vật.

Thiện nam! Bát-nhã là tịch tĩnh không giác biết; là không tạo tác, tướng vốn tịnh; không thay đổi, không tướng đi; chân thật không động; không dối vì không khác; thông đạt vì nhập một tướng; tỏ ngộ vì đoạn tập khí; trọn vẹn vì không mong cầu, thấu suốt vì tạo chánh kiến; nghĩa đệ nhất vì không gì đạt; bình đẳng vì không cao thấp; kiên cố vì không thể hủy hoại; không động vì không nương tựa; kim cang vì không thể đập vỡ; đã độ vì làm xong mọi việc; chân tịnh vì bản tánh tịnh; không đen tối vì không cần ánh sáng; không hai vì không chứa nhóm; cùng tột vì thâu tóm mọi tướng; không cùng tận là tướng vô vi; vô vi vì không sinh diệt; hư không vì không chướng ngại; không sở hữu vì là chân tịnh; không nơi chốn vì không dấu vết; không hang ổ vì không nương tựa;

là trí tuệ vì thức không biết; không hàng phục là vì không bè nhóm; không thể vì không có hình tướng; là thấy biết vì hiểu khổ không sinh; là đoạn vì biết tập không hòa hợp; là diệt vì rốt ráo không sinh; là đạo vì không có hai sự giác ngộ; là giác ngộ vì biết bình đẳng; là pháp vì không biến đổi.

Thiện nam! Bát-nhã không thể chứng đạt từ cái khác, phải tự chứng biết tánh hạnh, hiểu văn tự như tiếng vọng, tùy thuận từng ngôn ngữ, không đoạn diệt, không chấp nơi văn tự ngôn ngữ. Đại Bồ-tát rõ biết và đáp ứng tùy từng loại ngôn ngữ vì biết âm thanh là tiếng vọng; biết không thể chứng đạt nên không chấp, không bàn cãi.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát tu Bát-nhã ba-la-mật như hư không.

Bấy giờ, Đức Phật muốn nhắc lại nghĩa trên nên nói kệ:

Bố thí không tham chấp
Tùy sở thích mọi loài
Tâm không bị chướng ngại
Cũng không ý phân biệt.
Ta tịnh năm thí tịnh
Thí tịnh nên nguyện tịnh
Nguyện tịnh Bồ-đề tịnh
Đạo tịnh tất cả tịnh.
Không thấy ngã, ngã sở
Không yêu mến chấp trước

Trừ các tướng mình người
Tâm thí tựa hư không.
Bố thí không vọng chấp
Chẳng mong được đáp đền
Trừ ganh ghét kết sử
Tâm thí tựa hư không.
Hư không không sắc nương
Không phân biệt thọ, tưởng
Không có hành và thức
Lúc thí tâm như thế.
Hư không nuôi tất cả
Đầu cuối không cùng tận
Hiểu pháp thí không cùng
Lợi ích mọi chúng sinh.
Như người hóa bố thí
Không mong được đền ơn
Bậc Trí thí cũng thế
Trọn không mong báo đáp
Dùng tuệ đoạn biết tập
Phương tiện không bỏ chúng
Không thấy chúng, kết sử
Tâm thí tựa hư không.
Biết thân ảnh trong gương
Âm thanh là tiếng vọng
Tâm là tướng huyễn hóa
Tánh pháp tựa hư không.
Không bỏ đạo Bồ-đề
Không cầu pháp Nhị thừa

Với chư Phật quá khứ
Kính trọng, giữ giới cấm.
Không bỏ thệ nguyện xưa
Vào trong các cõi nước
Thành tựu hạnh nguyện mình
Giữ tâm gìn giới cấm.
Hư không không mong cầu
Chẳng buồn khổ cao thấp
Không nhơ không đổi khác
Giới thanh tịnh cũng vậy.
Hư không dung tất cả
Trăng nước không giữ giới
Bảo hộ giới cũng thế
Tịnh giới tựa hư không.
Dù bị đánh mắng ghét
Nhẫn nhịn không giận hờn
Không thấy mình hay người
Vì đã trừ hai chấp.
Thanh tịnh thuần bên trong
Hành ngoài cũng thanh tịnh
Thuần thục nên không sân
Thuận nhẫn như chánh pháp.
Trừ các chấp nhẫn rỗng
Không giác không vọng tưởng
Không nguyện, chẳng mong cầu
Không chấp mọi hành tướng.
Không yêu tựa hư không
Không đùa không ôm hận

Không bàn cầu quả báo
Nhẫn vô lậu là thế.
Không nhẫn, không mắng nhiếc
Tiếng người là tiếng vọng
Không có thường, vô thường
Chẳng bàn cãi chi đâu.
Người ngu ta có trí
Không sinh nhưng hiện sinh
Không phân biệt như thế
Nhưng tu Nhẫn vô sinh.
Như chặt cành Ta-la
Các cành không phân biệt
Thân đoạn không phân biệt
Nhẫn tịnh tựa hư không.
Siêng tu không nương tựa
Cúng Phật không thấy Phật
Giữ pháp không chấp văn
Độ sinh không chúng sinh.
Thân tịnh Pháp thân tịnh
Khẩu tịnh không nói năng
Ý tịnh không thấy ý
Đủ các Ba-la-mật.
Pháp trợ đạo Bồ-đề
Cõi tịnh như hư không
Thành tựu pháp Tổng trì
Cầu tất cả pháp Phật.
Hư không không mỏi mệt
Sinh khởi mọi rừng cây

Cùng khắp không hình sắc
Tinh tấn tựa hư không.
Luôn tịnh như hư không
Không đầu cũng không cuối
Người tinh tấn cũng vậy
Không đầu không chung cuộc.
Như người gỗ được làm
Không phân biệt gì cả
Người tu không hai chấp
Tinh tấn tựa hư không.
Biết dừng trụ nội tâm
Tóm thu pháp bên ngoài
Tất cả tâm bình đẳng
An trụ thiền không tâm.
Tánh các pháp rỗng lặng
Biết bằng trí vô lậu
Không dựa ấm giới nhập
Không nương vào ba cõi.
Không thấy pháp ba đời
Không tựa đạo quả đó
Hư không chẳng nương tựa
Người tu thiền cũng thế.
Hư không không yêu, ngạo
Người tu thiền cũng vậy
Hư không không hoại biến
Người tu thiền cũng vậy.
Bình đẳng tịnh giải thoát
Người trí không thấy cảnh

Không kiết tập thiền định
Nên thiền tựa hư không.
Ta tịnh chúng sinh tịnh
Trí tịnh thức cũng tịnh
Nghĩa tịnh, văn tự tịnh
Pháp tịnh cõi cũng tịnh.
Trừ pháp ác, tập khí
Đại sĩ tu pháp lành
Biết hữu vi do duyên
Không sinh không chấp diệt.
Khéo phân biệt văn tự
Thuyết pháp khổ, vô thường
Thị hiện chịu nghiệp báo
Phân biệt giữa sạch nhơ.
Biết tánh pháp luôn tịnh
Nhưng suy lường ba đời
Hư không chẳng có hành
Tuệ cũng vậy không hành.
Hư không không thể hoại
Không ngã, nhân, thọ mạng
Không vật không phi vật
Trừ hết hai chấp trước.
Biết văn giả, không nhiễm
Không đổi khác, chân thật
Trọn vẹn và thông đạt
Hiểu nghĩa tuệ bình đẳng.
Kiên cố, không dao động
Kim cang, độ và tịnh

Sáng, tận và không tận
Vô vi, là hư không.
Nơi, hang, thức phân biệt
Hàng phục thể và trí
Đoạn Tập, Diệt và Đạo
Pháp giác cùng trí tuệ.
Tiếng vọng tùy âm thanh
Biện tài không cùng tận
Giảng pháp không nương tựa
Tuệ tịnh tựa hư không.



KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 15

Phẩm 8: BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG (Phần 2)

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Thiện nam! Thế nào là công đức của Bồ-tát như hư không? Bồ-tát nghe pháp Phật rộng lớn như hư không, phát tâm cầu đạt Nhất thiết chủng trí, tự nghĩ: Nhất thiết chủng trí vô lượng, Phật vô lượng, tự tại giác ngộ vô lượng. Từ trong vô lượng, Bồ-tát tinh tấn, không buông lung, vì đạo Phật thực hành pháp của Bồ-tát. Vì sao? Như chư Phật trang nghiêm thân bằng vô lượng công đức, mình cũng cần thành tựu vô lượng căn lành để trang nghiêm khẩu, ý, đạo tràng, cõi Phật, giáo hóa vô lượng chúng sinh, vào trong sinh tử không mệt mỏi để thành tựu căn lành. Chư Phật có vô số cõi nước, trí tuệ thần thông. Chúng sinh có vô lượng hạnh, tâm, căn lành, vào sinh tử, chịu khổ não, khởi phiền não. Để thành tựu vô lượng pháp Phật, cứu khổ chúng sinh sinh tử, ta cần hành trọn vẹn căn lành. Bồ-tát quán như vậy, mọi công đức đều

hợp với Ba-la-mật, bốn Nhiếp, bốn Tâm vô lượng, pháp Trợ đạo, thành tựu chúng sinh, thọ trì chánh pháp, cung kính cúng dường chư Phật, làm thanh tịnh pháp hạnh Bồ-tát. Công đức của Bồ-tát như hư không. Vì tánh của chúng sinh vô lượng, trí Phật, pháp giới vô lượng nên việc tu hành cũng vô lượng. Tánh của chúng sinh như hư không, trí Phật, pháp giới hiện khắp, tất cả chúng sinh đều được cứu độ. Công đức của Bồ-tát cũng thế, Bồ-tát đến mọi nơi, độ muôn loài vì không chấp, và vì nhờ phương tiện nơi nguyện lực.

Thiện nam! Đó là công đức của Bồ-tát như hư không.

Thiện nam! Thế nào là trí Bồ-tát như hư không? Bồ-tát nghe Thiện tri thức giảng pháp, tùy thuận tư duy, không buông lung, tu ít cảnh giới thọ vô lượng tưởng, đạt trí sáng, đủ trí phương tiện âm, trí phương tiện giới, trí phương tiện nhập, trí phương tiện đế, trí phương tiện mười hai nhân duyên, biết nhơ uế nơi chúng sinh và tánh của nhơ uế; rõ sự thanh tịnh của chúng sinh và tánh tịnh. Nghĩa là biết rõ chúng sinh có tâm nhiễm, không tâm nhiễm, có sân, không sân, có si, không si, có phiền não, không phiền não. Bồ-tát không phân biệt nhơ uế là hạ liệt, thanh tịnh là cao thượng. Vì sao? Vì Bồ-tát nhập trí thanh tịnh pháp môn không hai tánh, như tánh pháp, tánh ngã cũng vậy, tánh vô ngã, tánh các pháp đều vậy, vì tánh thanh

tịnh. Đạt tánh thanh tịnh nơi các pháp sẽ không thấy sạch nhơ, không thấy tướng mạo, văn tự các pháp, không thọ, không chấp, không thấy các pháp chướng ngại không chướng ngại. Bồ-tát suy xét vô lượng cảnh giới, không thấy tâm thức. Đó là trí, không là thức. Như hư không không có tâm ý thức, Bồ-tát cũng vậy trừ chấp nơi tâm ý thức, biết tánh pháp như hư không, trí tuệ không chướng ngại, vượt mọi trở ngại.

Thiện nam! Đó là trí Bồ-tát như hư không.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát niệm Phật không rời như như? Bồ-tát ở nơi thanh vắng, hoặc bên cội cây, đồng trống, đất rộng luôn sống trong định không chấp duyên, khéo thâu giữ tâm, quán Như Lai thành tựu ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm thân. Để trang nghiêm thân mình, Bồ-tát hướng đến địa Nhất thiết trí, thân Như Lai nhớ đến ánh hào quang. Nhờ tỏ ngộ, Bồ-tát quán thân Phật to lớn bằng một do-tuần, hai do-tuần, ba do-tuần, bốn, năm mười do-tuần, trăm ngàn do-tuần, quán Phật ngồi đạo tràng, chuyển bánh xe pháp, hiện vô số oai nghi, thuyết giảng, điều phục chúng sinh, làm việc Phật trong một cõi hoặc trong năm, mười, hai mươi trăm ngàn, vô lượng cõi, tùy thuận tất cả, nghe pháp, cúng dường Phật, tự tại hành mọi việc. Quán sắc thân Như Lai xong, Bồ-tát nhớ đến công đức của Phật, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến,

mười Lực, bốn Vô sở úy, pháp Bất cộng của Phật, bản hạnh của Bồ-tát, sự thành tựu địa Phật. Sau khi nghĩ đến công đức của Phật rồi nghĩ đến hạnh nghiệp của Như Lai, mỗi hình tướng được tạo từ nghiệp gì, do thân, khẩu, ý? Do oai nghi tạo nên? Có thể thấy, không thể thấy, có thể nói, không thể nói tạo, ở nơi nào, tạo từ mấy đời. Quán hạnh nghiệp Như Lai, thành tựu căn lành không thể nghĩ bàn. Quán pháp Như Lai, các Đức Phật nhờ Pháp thân nên được gọi là Như Lai, không thấy tướng, chủng tánh, ấm giới nhập, oai nghi, quá khứ, vị lai, hiện tại, nhân, duyên, nguyên nhân, hòa hợp, có, không, thành tựu, hư hoại, kia, đây, nơi chốn là Như Lai. Không thấy, không ỷ lại, không phân biệt, không chứng đạt Như Lai. Như hư không không có tên ấm, giới, nhập, cũng không gì là không tạo lợi ích cho chúng sinh.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát niệm Pháp không rời như như? Bồ-tát niệm bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, Năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, ba Giải thoát, bốn Thánh đế, mười hai Nhân duyên sâu xa, sáu pháp Ba-la-mật, tạng pháp của Bồ-tát cần học, chuyển luân không thoái chuyển, tịnh ba cõi. Bồ-tát nên niệm gì? Niệm xả, dục, lìa, diệt, không đến đi, không hang hốc, không tự tánh, xuất thế gian, sự hiểu biết, cùng tận, không sinh, không chấp, không lậu hoặc, vô vi, Niết-bàn không tự

tánh. Nghĩ vậy Bồ-tát còn tưởng đến các pháp. Vì sao? Vì có tưởng thì sẽ có động niệm, điên đảo, không niệm pháp. Trừ hai chấp pháp phi pháp, biết các pháp không sinh, trừ chấp pháp đạt Nhẫn vô sinh, không thủ đắc, không sở hữu. Thiện nam! Đó là niệm pháp không rời như như.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát niệm Tăng không rời như như? Tăng có bốn hướng bốn quả, tức là A-la-hán hướng, A-la-hán quả, A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả; Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả. Đó là tăng Thanh văn. Còn có Bồ-tát không thoái chuyển đạt quyết định nhẫn, đạt Thánh vị, trừ chấp trước, tranh cãi, đạt công đức không gián đoạn của Như Lai. Nghĩ đến chúng Bồ-tát, Bồ-tát nên cúng dường, khen ngợi, chắp tay, hầu hạ, cung kính, nhiễu quanh vì đó là ruộng phước tốt, là vị tăng đầu tiên vào hành Thánh đã trọn vẹn việc làm của Tăng. Đó là Bồ-tát niệm Tăng, gần gũi tăng Bồ-tát, không học hạnh Thanh văn. Bồ-tát tuy niệm Tăng nhưng không chấp số tăng và số lượng, biết tăng là vô vi, không hành, không đổi khác, không sinh diệt. Nghĩ vậy, không thấy cảnh giới của tâm hành. Thiện nam! Đó là Bồ-tát niệm Tăng không rời như như.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát niệm Xả không rời như như? Đó là xả bỏ tài, pháp, thân, mạng, tà đạo, không chấp pháp. Vì sao? Vì lấy thì không

bỏ. Không chấp giữ là xả rốt ráo, trong đó không có mong cầu, không nghĩ được đền đáp, đó là xả chân thật. Bồ-tát hành pháp xả ấy, tùy pháp xả phát nguyện. Khi hành xả và phát nguyện không thấy Bồ-đề và pháp Phật, chuyên niệm xả, nghĩ đến việc hành đạo của Bồ-tát thời quá khứ, việc hành xả ra sao, mình hành xả như thế nào để không bị bậc trí chê cười. Bồ-tát xả tất cả, xả xong lại phân tích ai xả, xả vật, ai nghĩ, tất cả đều không có. Đó là Bồ-tát niệm Xả không rời như như.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát niệm Giới không rời như như? Bồ-tát niệm giới đạt giải thoát, thành tựu hạnh oai nghi, kể cả giới vi tế, giữ gìn giới như Kim cang, luôn tịnh thân mạng, hộ trì giới cấm. Bồ-tát nghĩ giới thuộc thân khẩu, không tạo tác nhưng luôn thận trọng giữ gìn, tu hạnh chánh mạng, không bỏ tâm Nhất thiết chủng trí, thuần tịnh kiên định, không bỏ đại Từ bi, bảo vệ chỉ dạy chúng sinh phá giới, thà bỏ thân mạng không cầu thừa khác. Đó là giới Bồ-tát niệm giới: Không khiếm khuyết, không ô trọc, không cầu mong, không cấu nhiễm, người trí khen ngợi, không khen mình chê người, không bỏ giới nhưng không dựa vào giới, không trụ giới. Tuy không chấp nhưng làm mọi việc. Đó là Bồ-tát niệm Giới không rời như như.

Thiện nam! Thế nào Bồ-tát niệm Thiên không rời như như? Bồ-tát niệm trời cõi Dục, cõi Sắc, cõi

Vô sắc, quả báo giữ giới của trời cõi Dục, và sự thọ hưởng sắc thanh hương vị xúc, vui chơi, y phục, thức ăn đầy đủ, luôn vui thích. Bồ-tát nghĩ các pháp đó đều sẽ hoại diệt, chư Thiên cũng vô thường, biến đổi, phóng túng, không làm lành, nghiệp lành đời trước sẽ hết. Tuy sinh lên cõi trời nhưng không thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nghĩ vậy, Bồ-tát không mong sinh vào trời cõi Dục, trừ cõi Đâu-suất. Vì trong cõi Đâu-suất có Bồ-tát một đời thành Phật, đã trọn vẹn hạnh nguyện, rốt ráo các Địa, Thần thông, Định, Đà-la-ni, Biện tài, việc Bồ-tát, phương tiện. Chỉ nghĩ đến công đức đó, đã vui thích cõi trời này. Nếu muốn sinh lên cõi trời nên nguyện sinh vào cõi trời ấy. Bồ-tát phát tâm: Bao giờ ta được thân trời như thế. Bồ-tát lại niệm chư Thiên cõi Sắc. Cõi này là cõi của người tu thiền, bốn Tâm vô lượng, vượt cõi Dục, chuyên định tâm, sống bằng niềm vui, hưởng diệu lạc tối thượng. Bồ-tát nghĩ chư Thiên cõi trời Sắc ít tham vị nên sống bằng niềm vui, còn vọng tưởng vô thường, thường, khổ, vui, có ngã, không ngã, có Niết-bàn, không Niết-bàn. Chư Thiên cõi Sắc là vô thường, biến đổi, chưa thoát địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Bồ-tát không mong sinh vào cõi Sắc, trừ cõi trời Tịnh cư. Vì cõi ấy đã nhập Niết-bàn thì không vào các cõi đời nữa. Bồ-tát nghĩ chư Thiên cõi Tịnh cư thoát khỏi sự trôi nổi nơi sống chết trong năm đường nên Bồ-tát kính trọng

nhưng không mong sinh về cõi ấy. Bồ-tát nghĩ đến chư Thiên cõi Vô sắc, hưởng quả báo định Vô sắc, vượt cõi Dục và Sắc, tâm sống trong định. Bồ-tát nghĩ chư Thiên cõi này tuy gặp Phật, nghe Pháp, cúng dường Tăng, nhưng không cầu pháp vượt khỏi cõi Vô sắc. Dù sống lâu cũng sẽ hoại diệt, chưa thoát địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì thế Bồ-tát không mong sinh về cõi này. Bồ-tát nghĩ ta phải là đấng trời trong trời, là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Bồ-tát tuy niệm thiên nhưng không nương tựa các cõi Dục, Sắc, Vô sắc. Đó là Bồ-tát niệm Thiên không rời như như.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát hành các pháp bình đẳng như Niết-bàn? Bồ-tát biết các pháp bình đẳng như Niết-bàn, tánh chúng sinh là Niết-bàn, Bồ-tát nhập Niết-bàn không ấm giới nhập. Bồ-tát biết tánh của chúng sinh là Niết-bàn, không ấm giới nhập, như ảnh như mộng, không sinh tử nhưng hiện sinh tử. Chúng sinh, phàm phu bị phiền não kết sử điều khiển tạo nghiệp nên chịu vô số khổ não. Với sức Bát-nhã ba-la-mật Bồ-tát quán biết, đoạn trừ kết sử, không tạo nghiệp chịu khổ bằng kết sử, đạt Niết-bàn bình đẳng vô vi, đạt đạo không thể tính biết, không bỏ bản nguyện, thần thông, đại Từ, đạt tuệ giải thoát, đủ sức thần thông Phật, khéo biết các tưởng, tự độ độ người, tự giải thoát giải thoát cho người, tự an, an định người, tự đạt Niết-bàn giúp đạt Niết-bàn không

chấp sinh tử Niết-bàn. Đó là Bồ-tát hành các pháp bình đẳng như Niết-bàn.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát khéo phân biệt hành tướng? Bồ-tát siêng năng cầu pháp lành, suy biết pháp sâu xa, thanh tịnh thông suốt tuệ sáng, đạt trí lớn. Nhờ sức trí, biết tâm hành của chúng sinh, hiểu rõ tám vạn bốn ngàn hành nghiệp của mỗi chúng sinh. Hai vạn một ngàn tham dục, hai vạn một ngàn sân giận, hai vạn một ngàn sân si, hai vạn một ngàn đẳng hành. Mỗi chúng sinh đầy đủ các hành ấy. Nếu nói rộng thì có vô lượng hành, trong mỗi hành tướng có tám vạn bốn ngàn căn, trong mỗi căn có tám vạn bốn ngàn sự hiểu biết. Biết rõ tất cả tướng sai khác, cần tu tập. Thế nào là biết tướng sai khác? Biết các hành, căn, giải là tướng tham dục, sân giận, ngu si, đẳng phần, giảm, tăng, trụ, đạt. Thế nào là biết tướng cần tu tập? Biết căn, hành, giải, vô thường, khổ, vô ngại, không, tịch diệt, lìa, như thật, Niết-bàn, tướng không, tướng tự trừ chấp, thành tựu trí không chướng ngại, các hạnh của Phật. Biết tướng sai khác của các căn, hành, giải, Bồ-tát vẫn ở sau Như Lai, không bỏ hạnh Bồ-tát, luôn giáo hóa chúng sinh không biết mỏi mệt. Đó là Bồ-tát khéo phân biệt hành tướng.

Thiện nam! Tạng pháp của Phật vô lượng, không cùng tận, hiện khắp mọi nơi, làm vui tất cả chúng sinh. Hành, căn, giải của chúng sinh vô

lượng, không thể nghĩ bàn, không thể so lường. Tạng pháp của Phật cũng vô lượng, không thể nghĩ bàn, không thể tính lường. Giả sử tất cả chúng sinh đều như Tôn giả A-nan, trải qua một kiếp cho đến một trăm kiếp vẫn không thể thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa hết tạng pháp của Phật. Vì sao? Vì tạng pháp của Như Lai chỉ có một nghĩa: Lìa dục, tịch diệt, Niết-bàn. Bồ-tát tùy khả năng thọ trì, đọc tụng, thông đạt, tùy thuận, chánh quán, hành đúng pháp Phật. Bồ-tát nhập tạng pháp Phật, kiên trì tư duy, không dựa vào hành tướng, đạt Tam-muội Đà-la-ni, thọ trì được văn nghĩa nơi tạng pháp Phật. Pháp Phật là một, hai, ba, bốn, năm mười, trăm, ngàn, vô lượng a-tăng-kỳ, không thể nghĩ bàn, không thể so lường, vượt các sự đếm, đo. Bồ-tát không loạn tâm đối với pháp Phật, thọ trì, đọc tụng, thông đạt văn nghĩa, giảng dạy cho người, căn cứ nghĩa, không nương văn tự, thanh tịnh ý, thành tựu pháp đã nghe, không quên một câu một nghĩa nào, thanh tịnh biện tài, khéo phân biệt làm vui lòng chúng, được chư Phật khen ngợi, hàng phục tà ma ngoại đạo, cúng dường Tam bảo, không thấy một pháp nào khác tánh pháp, không hoại hạnh bổn có, kiên định, hiểu tánh pháp đều thuộc sự hiểu biết của Như Lai, tất cả các pháp đều thuộc pháp Phật. Vì sao? Như Lai biết tánh của các pháp như huyễn hóa, không thành tựu; biết tánh của các pháp như dợn nắng không chỗ chấp thủ, như ảnh trong

gương không kia đây, như mộng không chân thật, như tiếng vọng có từ duyên, là không, không thật, không tướng không phân biệt, không nguyện, không động. Bồ-tát cũng biết tánh của các pháp không sinh, thọ trì tạng pháp Phật, biết tất cả không phải niệm, không phải không niệm. Đó là Bồ-tát thọ trì tạng pháp Phật.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát phân biệt chúng sinh, luôn thanh tịnh giáo hóa chúng sinh? Vì giáo hóa chúng sinh, Bồ-tát tu đại Từ bi, nghĩ: Chúng sinh là gì? Chúng sinh chỉ là tên giả, điên đảo hư giả. Tất cả mọi loài vốn thanh tịnh, không sinh khởi, vì ngu si hư vọng tạo các nghiệp, chịu vô lượng khổ não sầu lo. Ví như người nằm mơ thấy trộm vật người, bị vua bắt, trừng trị, khổ sở. Kẻ mơ thấy trộm cắp chịu khổ hư giả tự nghĩ bao giờ mới thoát khổ này. Người nằm mơ chẳng hay biết, chẳng làm gì. Tất cả phàm phu, mọi pháp đều là mộng, không hay biết, bị điên đảo che lấp, chịu vô số khổ não sầu bi hư dối cũng thế. Bồ-tát tự nghĩ: Ta cần thức tỉnh chúng sinh để chúng thật biết các pháp, thoát khỏi khổ não vọng tưởng. Song Bồ-tát không thấy tánh của chúng sinh trong chúng sinh, nhưng không bỏ tâm đại Bi giáo hóa chúng sinh. Đó là Bồ-tát phân biệt chúng sinh luôn thanh tịnh nên giáo hóa chúng sinh.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tùy thuận phát hạnh thành tựu pháp Phật? Bồ-tát nghe pháp Phật

sâu xa, vi diệu, tối thắng trong đời liền phát tâm tinh tấn để thành tựu pháp ấy, khéo tư duy phân biệt sự tương ứng nơi các pháp và sự hiểu biết các pháp. Bồ-tát tự nghĩ: Không có pháp nào tương ưng, không có pháp nào không tương ưng, không có pháp nào biết, không có pháp nào không biết. Tánh của các pháp là không, tất cả các pháp đều do duyên sinh, không chủ tể, tùy ý trang nghiêm, có đủ loại tướng quả báo. Vì các pháp không tánh nên bố thí là trang nghiêm kho báu, sự giàu có. Bố thí giàu có không rời nhân, học rộng là trang nghiêm tướng trí tuệ, học rộng đạt trí tuệ không rời nhân; tư duy là trang nghiêm tướng đoạn kết sử, tư duy đoạn kiết không rời nhân, tư duy biết đoạn kiết, đoạn kiết không biết tư duy. Bồ-tát nghĩ sự không sinh của các pháp có thể trang nghiêm các tướng nên sau khi bố thí, Bồ-tát hồi hướng lên trí Nhất thiết chủng, thành tựu Bố thí ba-la-mật, trọn vẹn pháp Phật. Bồ-tát giữ giới, hành nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát-nhã đều hồi hướng lên trí Nhất thiết chủng, thành tựu giới, tinh tấn, định, Bát-nhã ba-la-mật, trọn vẹn pháp Phật. Khi tùy thuận tu hành, Bồ-tát không chấp tướng pháp sinh khởi mà không có nhân duyên, Bồ-tát không chấp nhân duyên, tùy thuận nhập tất cả pháp. Bồ-tát nghĩ ta không sinh khởi, các pháp không sinh khởi; ta là không các pháp cũng là không; ta xa lìa, tất cả các pháp cũng xa lìa. Bồ-tát biết các

pháp đều bình đẳng như tánh không tạo tác không phải không tạo tác. Đó là Bồ-tát tùy thuận phát hạnh, thành tựu pháp Phật.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát kiên định bằng thần thông, tự tại trong pháp Phật? Bồ-tát giữ giới thân thanh tịnh, tâm định không dao động, đạt trí sáng, thành tựu phước trí, trọn vẹn các Ba-la-mật, tu bốn Nhiếp, bốn phạm hạnh, dục, tấn, niệm, tuệ, định, tu bốn Thần túc, đạt năm Thông. Với bản nghiệp thanh tịnh, Bồ-tát siêng năng không bỏ dở, không tán loạn, điều phục kết sử, trừ tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, thọ trì phương tiện, nương các pháp địa trên, không ngã không dựa. Vì thế Bồ-tát kiên định thần thông, biết các pháp không thoái chuyển, biết các pháp và tánh pháp không biến khác như hư không. Đó là Bồ-tát kiên định thần thông, tự tại trong pháp Phật.

Thiện nam tử! Thế nào là Bồ-tát nhập pháp sâu xa mà Thanh văn, Bích-chi-phật, không nhập được? Bồ-tát nhập pháp nhân duyên sâu xa, biết nhân duyên thuận nghịch, rõ xuất, ly, hiểu sinh diệt, tỏ tập, diệt, biết chúng sinh vì sao chịu cấu nhiễm, trừ cấu nhiễm ra sao, tỏ tịnh đạt tịnh. Bồ-tát không thấy có pháp nào nhơ sạch, biết tánh của các pháp thanh tịnh, không nắm bắt tướng pháp thanh tịnh. Bồ-tát biết ta sâu xa nên pháp sâu xa, ta lìa nên các pháp lìa, ta không hai nên các pháp không hai, mắt sắc đều lìa nên ý pháp cũng lìa,

nhập nghĩa Đệ nhất. Xét từ thế đế nên giả gọi là các pháp. Bồ-tát không chấp chân đế thế đế. Đó là Bồ-tát nhập pháp sâu xa mà Thanh văn, Bích-chi-phật không thể nhập.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát đạt trí phương tiện, trừ hai chấp, từ mười hai nhân duyên? Bồ-tát biết các pháp thuộc về vật khác, thuộc nhân duyên hòa hợp, nguyên nhân. Nghĩa các pháp đều có từ cảnh giới duyên sinh, đều có nhân nương tựa, đều đủ chín tướng. Như cây cỏ, rừng rú đều không căn, không nhớ, không biết, lớn lên bằng các đại, không có tướng phân biệt. Các pháp bên trong cũng vậy, các pháp được nuôi lớn từ nghiệp, không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, không người làm, người chịu, không sinh diệt. Bồ-tát nghĩ các pháp do duyên sinh, không có tự tánh. Không tự tánh nên cái khác không sinh, nhân cũng không tánh, duyên không tánh. Không tự tánh nên không tha tánh. Pháp không có tự tánh tha tánh thì không sinh, chưa sinh không thể sinh, đã sinh cũng không sinh, không thể sinh. Vì thế các pháp đều không sinh khởi, chỉ là danh xưng, danh xưng ấy do duyên sinh, kỳ thật không sinh, không thường đoạn. Vì sao? Vì pháp có tánh sinh thì có tánh diệt, thuộc chấp đoạn. Không diệt thì thuộc chấp thường. Vì không thường, đoạn nên các pháp không sinh. Đó là Bồ-tát đạt trí phương tiện, trừ hai chấp, từ mười hai nhân duyên.

Thiện nam! Thế nào là Bồ tát đạt trí phương tiện không phân biệt, như thật, được Như Lai ấn định? Từ pháp sâu xa, Bồ-tát đạt sức thấy biết hiện tiền, trừ chấp trước, vượt tranh cãi, đạt pháp Nhẫn vô sinh không đầu cuối. Biết các Bồ-tát thành tựu các căn, Như Lai ấn định nghĩa là thọ ký quyết định tam Bồ-đề. Đó là việc không nhầm lẫn, không chướng ngại, không tranh chấp, không hư hoại, không sai, không ai ấn định được. Sau khi ấn định nguyện hạnh, Như Lai dùng nước trí rưới lên đỉnh Bồ-tát. Đó là sự ấn định rốt ráo không sinh khởi; không, không tướng, không nguyện, trừ nhiễm, tịch tĩnh, Niết-bàn, thành tựu trí hạnh Bồ-tát, không hoại tánh như như, không thay đổi pháp giới, không rời hạnh gốc, với các pháp không phân biệt trước giữa sau, trắng đen. Bồ-tát thấy chúng sinh được ấn định, không vọng tưởng phân biệt, không bỏ thệ nguyện xưa.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát nhập tánh pháp giới, thấy tánh bình đẳng của các pháp? Bồ-tát thấy pháp giới hiện hữu ở mọi nơi, không đến đi, không sinh diệt, không tướng, không khởi, không đùa, không hành. Bồ-tát tư duy các pháp đều như pháp giới, lìa xa dục, không nhơ uế, không sinh, không tạo tác, không diệt, không diệt tận, không lại, không nhập căn, không đi, không nơi đến, không thể an định, không hình chất, không hang hốc, không dừng nương, chân thật, thuộc ba cảnh.

Trong pháp giới không có mắt, sắc, nhãn thức. Tất cả pháp đều như pháp giới vì thế nên tất cả các pháp nhập vào pháp giới, không có ý, pháp, ý thức. Bồ-tát biết các pháp nhập vào pháp giới, biết địa giới, pháp giới, không hai, không sai khác, nước, lửa, gió và pháp giới cũng không hai, không sai biệt; Dục, Sắc, Vô sắc và pháp giới bình đẳng không sai khác; biết không có cảnh giới tâm và sự giác ngộ.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát thuần tịnh kiên cố trụ trong pháp Đại thừa như Kim cang? Từ trực tâm, Bồ-tát thành tựu thuần tịnh, không thoái chuyển, không tổn giảm, siêng năng không trở ngại, đại Từ không mỏi mệt, đại Bi cùng khắp, thành tựu tuệ quán chân thật, không ngại. Bồ-tát thấy chúng sinh nhơ uế, ngu si, thô bạo, nghịch ngợm, khó thuần thục nên siêng năng giáo hóa. Bồ-tát thấy chúng sinh có vô số khổ não, sầu lo nên không thoái chuyển, luôn trang nghiêm, hiểu vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ pháp Phật, thành tựu pháp khó tu trì, khó trọn vẹn của Phật, thành tựu các căn lành, nhập vô lượng tạng pháp Phật. Tánh của chúng sinh vô lượng, tánh pháp, tánh hư không vô lượng. Vì thọ trì vô lượng pháp Phật Bồ-tát luôn siêng năng. Bồ-tát nghe các pháp không, không tướng, không nguyện, không tạo tác, không sinh khởi, hiểu rõ, phân biệt, quán sát, thân chúng, thành tựu pháp Phật chưa trọn vẹn, không bỏ dở,

chứng thực tế, nhập Tam-muội thiền định giải thoát, không ghét bỏ cõi Dục, thị hiện thọ sinh, trừ ấm giới, nhập, không hình, sắc, hành nhưng tùy thuận tánh chúng sinh, tùy thuận hiện thân thuyết pháp, chuyển bánh xe pháp Bồ-tát thị hiện Niết-bàn, không bỏ hạnh Bồ-tát, nhập pháp môn không thể nghĩ bàn, biết các pháp không tánh tướng, không động hoại, không hư tán, không thoái pháp Đại thừa. Như Kim cương soi chiếu các báu, nhưng các báu không soi chiếu kim cương. Bồ-tát cũng vậy, dùng pháp Thanh văn, Bích-chi-phật độ thoát vô lượng chúng sinh, giúp chúng Niết-bàn, riêng mình không diệt độ, không thoái chuyển Đại thừa.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát làm thanh tịnh cõi mình cũng như cõi Phật? Bồ-tát biết các pháp không cõi, không không cõi, hiện khắp mọi nơi, không đến, không không đến. Bồ-tát thấy sáu tình đều là pháp Phật, pháp phàm phu và pháp Phật không khác. Bồ-tát nghĩ: Các pháp đều là pháp Phật, pháp Phật hiện hữu ở mọi nơi. Pháp Phật và các pháp chỉ là giả danh, không là pháp, phi pháp. Vì thế chúng sinh không nên chấp lấy. Bồ-tát biết cõi mình tịnh nên cõi Phật tịnh, các pháp đều bình đẳng. Nhãn giới là cõi Phật, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều là cõi Phật, không phân biệt cao thấp. Bồ-tát đạt sự bình đẳng của các pháp.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát đạt Đà-la-ni

không quên? Bồ-tát thành tựu hạnh Đà-la-ni.

Thiện nam! Có ba mươi hai hạnh Đà-la-ni; tu các pháp: đạt, dục, tôn, hướng, kính ngưỡng, lạc, cầu mong không chán, gần gũi, cúng dường bậc học rộng đa trí; học hỏi các bậc Hòa thượng, A-xà-lê, không kiêu mạn, tôn trọng cung kính hầu hạ; thuận lời Phật dạy, xem người thuyết pháp như Phật, không tìm lỗi của Pháp sư; thọ trì, chỉ dạy, giảng thuyết chánh pháp, không tham tiếc pháp đã đạt; bố thí không mong đền ơn; cầu học trí tuệ; tư duy pháp đã nghe; vững tin thọ trì pháp; luôn tu phạm hạnh; thích sống nơi nhàn tịnh; tâm luôn tịch tĩnh, siêng tu niệm; thuận hành sáu pháp Hòa kính; siêng tu không mỏi mệt; khởi tâm không ngại với tất cả chúng sinh; biết các pháp do duyên sinh; tu thuận nhẫn; tu ba giải thoát, chánh quán, không kinh sợ; tu bốn hạnh không nghi; siêng tu thọ trì pháp Phật; tu hạnh đại Bi vì chúng sinh; không tiếc thân mạng thọ trì pháp Phật; tu trí không kiêu mạn; luôn dạy chúng sinh không mỏi mệt. Đó là ba mươi hai hạnh Đà-la-ni. Bồ-tát hành các pháp đó, đạt Đà-la-ni, thọ trì tất cả pháp Phật, không mất Đà-la-ni, nghĩa là nhớ kỹ pháp đã nghe, niệm bằng niệm, phân biệt bằng ý, tỏ ngộ bằng sự tinh tấn, hiểu rõ văn tự, thông suốt âm thanh ngôn ngữ, phân tích các đế, biết Đệ nhất nghĩa đế không ngôn ngữ, phân tích các đế, nhớ kỹ bốn Niệm xứ, trí bền vững với bốn Chánh cần,

trí thông tỏ bốn Thần túc, đủ trí phân tích các căn, trí thù thắng biết các lực, trí thật tánh hiểu bảy Giác phần, trí không thoái chuyển nơi tám Thánh đạo, tâm an trụ trong pháp định, trí biết cùng tột trong pháp tuệ, trí tùy thuận giải thoát, trí thâm nhập biện tài, trí sinh khởi thần thông, trí phân biệt Ba-la-mật, trí phương tiện từ bốn Nhiếp pháp, trí không gì sánh trong việc giảng pháp, trí không phân biệt nghĩa kinh, trí không cùng tận trong văn tự, trí biết như thật về sạch nhơ, trí không che khuất nơi các pháp. Đó là Đà-la-ni. Thành tựu Đà-la-ni tâm bình đẳng, không yêu ghét, kham nhận mưa pháp trừ kết sử, phiền não, thuận pháp trợ đạo. Đó là Bồ-tát hành Đà-la-ni. An trụ nơi Đà-la-ni nên không quên mất.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát được Như Lai gia hộ biện tài không chướng ngại? Bồ-tát thuần tịnh, hộ trì giới cấm, nhổ gốc kiêu mạn, trừ chấp ngã. Chư Phật biết đó là Bồ-tát, là pháp khí lớn hộ trì chánh pháp. Nhờ thần lực của Phật và sức căn lành của mình nên đủ biện tài: Nhanh nhẹn, không trở ngại, không đình trệ, khó giảng giải, không sợ, hiểu mọi âm thanh, khéo trang nghiêm, dẫn chứng bản hạnh, không người hủy hoại, phân biệt văn tự không cùng, trọn vẹn, oai đức không trái, thuyết pháp không tổn hại, trừ nghi, lợi ích, phân tích văn tự không nhầm lẫn, làm vui chúng, hỏi đáp thông suốt, hàng phục tà đạo bằng pháp. Thành tựu hai

mươi bốn biện tài, từ hai mươi bốn nhân.

Thiện nam! Bồ-tát không nghịch lời dạy của sư trưởng đạt biện tài nhanh nhẹn; không dối gạt đạt biện tài mau lẹ; trừ phiền não đạt biện tài không ngại; không chấp ngã đạt biện tài không đình trệ; không nói hai lời nên đạt biện tài khéo thuyết giảng; hiểu pháp nhân duyên sâu xa nên đạt biện tài thâm diệu; bố thí tất cả nên đạt biện tài hiểu mọi ngôn ngữ; trang nghiêm tháp miếu Như Lai đạt biện tài khéo trang nghiêm; không bỏ tâm Bồ-đề nên đạt biện tài không tổn giảm; khéo giữ giới nên không sợ; bố thí cờ phướn, lọng chuông nên được khen ngợi; cung kính cúng dường Phật, sư trưởng nên được biện tài thích giảng kinh Phật; tu tập các pháp lành nên đạt biện tài dẫn dụ bản hạnh; không khinh khi chúng sinh cõi ác nên không ai đánh bại; bố thí vô số kho báu nên giảng giải không cùng tận; chân thật chỉ dạy, không thô bạo nên được trọn vẹn; giảng pháp không tranh chấp nên đạt oai nghi không trái; tùy thuận pháp, luật bằng đức tịnh nên thuyết giảng không tổn giảm; không tiếc pháp, không tự thị nên trừ nghi; lúc học pháp không ép người, cung kính nên đem lợi ích cho tất cả; tự xét mình, không chê người nên phân biệt văn tự không sai nhầm; độ sinh không mong đền ân nên làm vui chúng; học pháp Đại thừa không cần Tiểu thừa nên hỏi đáp lưu loát; không chấp ngã, nhập tánh

bình đẳng nên hàng phục được tà đạo. Đó là hai mươi bốn nhân thành tựu hai mươi bốn biện tài, tùy thuận sự hiểu biết của chúng sinh, Bồ-tát giảng thuyết không nhầm lẫn, không quên pháp đã thọ.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tự tại vào sinh tử? Bồ-tát thành tựu mười hai pháp sẽ tự tại vào sinh tử: Gần gũi Thiện tri thức; trừ chấp ngã; thành tựu thân giới; tự tại nhập xuất định; tu phương tiện tuệ; khéo thâm nhập thần thông; thật biết các pháp không sinh khởi; thanh tịnh bản nguyện; không bỏ đại Từ bi, biết các pháp huyễn hóa; hiểu mọi pháp là mộng tưởng, được Phật gia hộ. Đó là mười hai pháp không sinh hiện sinh, không khởi hiện khởi, hiện thọ sinh tử, hiện thân trong chúng hội của chư Phật, thọ sinh vào mọi cõi Phật, không động Pháp thân chân thật.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát diệt oán địch trừ bốn ma? Bồ-tát siêng năng tu tập, quán năm ấm như huyễn hóa trừ Năm ấm ma; quán tánh các pháp tịnh diệt Phiền não ma; quán pháp do duyên sinh không tự thành đoạn Tử ma; quán các pháp là vô thường hư hoại trừ Thiên ma. Bồ-tát hướng tâm Bồ-đề, không lười biếng, trừ hết ma nghiệp làm chướng ngại đạo Bồ-đề. Thế nào là ma nghiệp? Đó là tâm hướng Tiểu thừa, không giữ tâm Bồ-đề, cho chúng sinh khác biệt, bố thí mong đền ân, giữ giới vì thọ sinh, thấy sắc tưởng hành

nhẫn; siêng năng làm việc thế gian, tham chấp thiền vị, tranh luận bằng tuệ, chán ghét sinh tử, làm lành nhưng không hồi hướng, ghét phiền não ác, che giấu tội lỗi, ganh ghét Bồ-tát, hủy báng chánh pháp, không thọ chánh pháp, không biết đền ân, không siêng cầu Ba-la-mật, không kính thuận pháp, tham tiếc pháp, thuyết pháp vì lợi dưỡng, không biết phương tiện độ sinh, bỏ bốn Nhiếp pháp, khinh kẻ hủy giới cấm, ghét người giữ giới, học hành Nhị thừa, cầu chánh vị, quán không sinh mà bỏ Đại thừa, mong chứng pháp vô vi, ghét công đức hữu vi, không thương chúng sinh, không khiêm nhường, tôn kính bậc trên, nói hai lời, dua nịnh gian xảo, khoe mình, không hổ thẹn khi làm ác, không truyền bá pháp, bằng lòng với công đức nhỏ, không chặn kết sử, không trừ cấu uế của tâm, chịu cấu uế của Sa-môn.

Thiện nam! Gần gũi, làm pháp ác, xa lánh pháp lành đều là ma nghiệp. Thiện nam! Người tạo nghiệp ma gây chướng ngại đạo Bồ-đề. Bồ-tát trừ hết nghiệp ma, hành hạnh chánh thọ. Nghĩa là thành tựu bốn pháp: Không thoái chuyển pháp Ba-la-mật; siêng năng; không buông lung; an trụ trong pháp đại Từ phương tiện; nhập pháp sâu xa không yêu, không chấp.

Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp chánh hạnh, diệt ma oán.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát trang nghiêm

công đức đem lợi ích cho chúng sinh? Bồ-tát hồi hướng căn lành lên đạo vô thượng. Các căn lành Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự đều ban cho chúng sinh, giữ giới được sức tự tại, tùy thuận sở thích của mọi loài mà giáo hóa; luôn trồng công đức nên đạt tạng báu không hết, bố thí vật báu đó cho chúng sinh; cầu trí tuệ vô biên đạt Đà-la-ni không ngại; thọ trì tất cả pháp Phật, giảng pháp hay làm vui, lòng chúng; khéo điều phục thân tâm nên đạt thần thông không thoái chuyển; đi lại các cõi Phật, độ chúng sinh bằng mọi phương tiện; siêng năng không mỏi mệt cầu pháp nên mỗi lỗ chân lông trên thân xuất hiện vô lượng pháp, bố thí pháp lợi ích cho chúng sinh; tu tập trí tuệ phương tiện đạt trí thân, hiện thân mọi nơi, độ quần mê; cung kính chư Phật bằng không tướng, đạt trí thấy nghe không chán, chúng sinh thấy nghe được sẽ đạt nhân Niết-bàn.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát làm việc Phật độ sinh ở thời không Phật? Bồ-tát thành tựu mười Lực của Bồ-tát, tự tại trong bốn pháp Vô úy của Bồ-tát, tự học mười tám pháp Bất cộng của Bồ-tát, tu các pháp Lực, Vô úy, Bất cộng của Như Lai, đạt Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm thần biến, tự tại trong bốn biện tài, đạt chánh vị quán đảnh trong pháp Phật, đạt thần lực sau Phật trong hạnh Bồ-tát. Bồ-tát thành tựu các pháp đó, thấy chúng sinh ở các cõi Phật cần thân Phật để độ thoát mà không

có Phật thì Bồ-tát thị hiện vào thai, thọ sinh, xuất gia, ngồi đạo tràng, chuyển bánh xe pháp, xả mạng sống, hiện nhập Niết-bàn, dạy thời gian trụ pháp, không bỏ hạnh Bồ-tát, không thấy đủ với việc đã làm.

Thiện nam! Thế nào là đạt Tam-muội Hải ấn biết tâm hạnh của chúng sinh? Bồ-tát đủ trí lớn như biển, thành tựu tuệ, siêng cầu pháp. Để được nghe pháp, Bồ-tát bố thí cả kho báu, vợ con, quyến thuộc, nhà cửa, vật trang sức, khiêm nhường cung phụng, bỏ thân mạng, ngôi vị, đất nước. Bồ-tát cầu pháp bằng mọi phương tiện nhưng không ỷ lại. Để được nghe pháp, Bồ-tát đi một do-tuần, trăm do-tuần, nghe được một bài kệ bốn câu, rồi thọ trì đọc tụng giảng thuyết cho người, siêng năng làm mọi việc. Bồ-tát tự thành tựu tài trí, khởi tâm đại Bi đối với chúng sinh, giảng pháp cho chúng suốt một ngày đến bảy ngày cũng không mong cầu thức ăn, dù chết vẫn thuyết giảng, hồi hướng căn lành thuyết pháp lên Tam-muội Hải ấn, thọ trì, đọc tụng, thông đạt pháp đã nghe, hiểu nghĩa lý, không chấp văn tự, chân thật kiên định không bỏ. Bồ-tát phát tâm tinh tấn, không bao lâu đạt Tam-muội Hải ấn. Đạt Tam-muội này, tự nhiên đạt vô lượng a-tăng-kỳ trăm vạn pháp môn, kinh, không nghe người khác giảng nhưng lại giảng thuyết cho tất cả, thọ trì hết thảy pháp Phật hiểu tâm hành của chúng sinh.

Thiện nam! Ví như chúng sinh nơi cõi Diêm-phù-đề có thân hình giống ngoại cảnh, trong biển hình sắc đó đều có ấn tượng nên gọi là đại Hải ấn. Bồ-tát cũng thế, đạt Tam-muội Hải ấn, phân biệt rõ tâm hành của chúng sinh, đạt trí sáng trong các pháp.

Thiện nam! Mắt không nên biết sắc không, sắc lìa nên mắt lìa, tai lưỡi thân cũng vậy. Ý không nên pháp không, pháp lìa nên ý lìa. Bồ-tát thật biết về tánh không và tánh lìa, không trở ngại với các pháp trong ngoài, biết tánh kết sử thanh tịnh nên không khởi kết sử, không chấp pháp, không thấy có một sự chấp pháp, xứ.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát thành tựu oai nghi, trừ tăm tối, đạt trí sáng, đạt trí tự nhiên trong các pháp, sớm thành tựu trí Nhất thiết? Bồ-tát phát âm tu tập chánh hạnh và vô số nghiệp, được Phật khen ngợi. Nghĩa là nghiệp thân, khẩu, ý, vì hành nghiệp này nên làm vui chư Phật, Thánh hiền. Bồ-tát làm mọi việc không ai chê trách, nghiệp đó tối thắng, cao thượng, không ai sánh bằng, không ai hủy hoại, làm mọi việc nhưng không hối hận, không tạp, ngu si, quán biết mọi việc, không lay động, rốt ráo an vui. Bồ-tát làm mọi việc không kiêu mạn, làm bằng trí tuệ không do ngu si, thành tựu mọi hạnh thì tự trọn vẹn Đà-la-ni, không nghe người khác. Dù thấy hay không thấy Phật, đều không thoái chuyển đạo Bồ-đề và căn lành; không

thoái đạo Bồ-đề dù gặp Thiện tri thức hợp ý không hợp ý. Bồ-tát vượt mọi chướng ngại, trừ kết sử của ma, tu ba giải thoát. Nhờ sức của Bát-nhã ba-la-mật sớm đạt đạo Phật, tự nhiên đạt Nhất thiết trí của Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ nhắc lại ý trên:

Trừ hai chấp không ngại
Trang nghiêm tuệ công đức
Không tham chấp các tướng
Hồi hướng đạo Vô thượng.
Diệt ngã mạn, kiêu mạn
Bậc trí trang nghiêm tuệ
Giải thoát không chướng ngại
Trọn vẹn trí Nhất thiết.
Không phải sắc chủng tánh
Niệm Phật không công đức
Không nghĩ nhớ Pháp thân
Đó là pháp niệm Phật.
Trừ dục tánh thanh tịnh
Không tướng không tối sáng
Không tâm không ý hành
Đó là cách niệm Pháp.
Thánh vô vi, không yêu
Không nhiễm các phiền não
Nhờ giải thoát được tôn
Là niệm Tăng không ngại.
Xả bỏ tất cả thọ
Không có ấm giới nhập

Giải thoát mọi niệm động
Là niệm xả rốt ráo.
Không tựa giới vô lậu
Không hành thân, khẩu, ý
Không sinh, vượt ba cõi
Là niệm giới vô lậu.
Như trời sạch không nhơ
Đâu-suất, trời Quán đảnh
Nghĩ đến nghiệp báo mình
Sẽ là trời trong đời.
Thọ trì chánh pháp Phật
Trừ hết mọi phiền não
Giải thoát pháp, phi pháp
Là thọ trì pháp Phật.
Đạt tướng đạo như Phật
Thọ trì pháp cũng thế
Khéo tư duy chân thật
Không có pháp thọ trì.
Như tánh ta vốn tịnh
Tánh các pháp cũng tịnh
Biết chúng sinh như tướng
Nên giáo hóa mọi loài.
Không thấy chúng sinh tăng
Cũng không thấy chúng giảm
Dạy trừ tưởng điên đảo
Giáo hóa vô số chúng.
Diễn giảng ấm giới nhập
Không khác cõi nước Phật

Hiểu như tánh hư không
Là vào cảnh giới Phật.
Ngôn ngữ và văn tự
Như tiếng vọng âm thanh
Không ở trong ở ngoài
Thành tựu Đà-la-ni.
Thọ trì, hiểu, đọc tụng
Siêng năng giảng chánh pháp
Không ngã không pháp tưởng
An trụ Đà-la-ni.
Thọ trì lời Phật dạy
Giảng pháp vui lòng chúng
Không quên mất thiền định
Nhờ sức Đà-la-ni.
Không trì không đọc tụng
Không chứa nhóm các pháp
Giảng dạy pháp không ngại
Như rồng tuôn mưa lớn.
Không trụ không chướng ngại
Giảng vô lượng kinh pháp
Không thấy có chúng sinh
Bậc Trí đạt biện tài.
Thuyết pháp bằng lực Phật
Trang nghiêm oai nghi mình
Tùy thuận ý chúng sinh
Là biện tài Phật dạy.
Biết thật tánh các pháp
Chẳng khác gì hư không

Không ngã, nhân, thọ mạng
Thọ trì pháp như vậy.
Chúng sinh giống Niết-bàn
Rốt ráo không sinh diệt
Đạt pháp nhiễm không động
Đó là không buông lung.
Biết các ấm như huyễn
Các giới là tánh pháp
Sáu nhập tựa hư không
Nên diệt trừ ấm ma.
Biết kết sử mây trôi
Chung cuộc không hòa hợp
Không vọng tưởng các pháp
Xa lìa ma phiền não.
Hiểu chúng sinh không sinh
Không sinh thì không diệt
Các pháp chẳng đến đi
Là diệt hết Tử ma.
Không yêu, không dao động
Hành đạo không tưởng đạo
Không ta người Tu-di
Là hàng phục các ma.
Biết trí thức bình đẳng
Không chấp là vô vi
Hiểu tâm tánh như huyễn
Mạnh mẽ không ai hoại.
Kia đây không chướng ngại
Có thuyền pháp thù thắng

Độ sinh không thấy chúng
Là thủy thủ đa tài.
Biết hư không không ngã
Tịnh sinh tử khát ái
Dắt dẫn mọi quần sinh
Là Đạo sư vĩ đại.
Biết rõ tướng tiến thoái
Tùy thuận nương tựa pháp
Phương tiện hiện Niết-bàn
Là đạo sư tài giỏi.
Biết tâm tâm liên tiếp
Hai tâm không cùng sinh
Là biết rõ tâm tánh
Phật dạy khéo độ sinh.
Biết tánh pháp thanh tịnh
Như không, trăng dưới nước
Diệt trừ mọi phiền não
Là thanh tịnh chúng sinh.
Biết tất cả đều vậy
Các pháp là mộng ảo
Hư không không thể nắm
Đạt đạo không nhiễm ô.

Lúc thuyết giảng pháp này có bảy mươi hai na-do-tha chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, ba vạn hai ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh. Giảng đường Đại bảo trang nghiêm chấn động sáu cách, ánh sáng chiếu khắp, chư Thiên trong hư không trỗi nhạc, rải hoa cúng dường, cùng nói:

–Chúng sinh này được Như Lai ấn định, vào pháp Như Lai nghe pháp này, được giải thoát, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, tu hành đúng pháp.

Chư Thiên bạch Phật:

–Chúng con hướng về cõi Phật, thành tâm cung kính cúng dường lễ bái, gặp Như Lai ra đời, nghe thuyết giảng phương tiện gặp Bồ-tát cõi này.

Nghe Phật giảng xong, Bồ-tát Hư Không Tạng vui vẻ, tịnh tâm, cúng Phật lưới báu vô giá. Trong lưới báu, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương. Sau đó Bồ-tát bạch Phật:

–Thế Tôn! Thật hy hữu! Trí Như Lai thâm diệu như vậy thật khó hiểu hết.

Như Lai giảng pháp đã nghe bằng trí vô ngại, làm cho đại chúng đều hoan hỷ.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 16

Phẩm 8: BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG (Phần 3)

Lúc ấy, trong chúng hội, Bồ-tát Tốc Biện rời tòa, trịch vai áo bên phải, quỳ gối phải, chắp tay, bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát lại có tên là Hư Không Tạng?

Phật nói:

–Thiện nam! Như trưởng giả giàu có, nhiều dân chúng, vô số của cải vật dụng, trưởng giả thường bố thí, không tham tiếc, tùy sở thích của người xin, vui vẻ, không hối hận.

Thiện nam! Bồ-tát Hư Không Tạng cũng vậy, luôn tạo công đức, thành tựu sức phương tiện, hồi hướng công đức, thân giới thanh tịnh, trọn vẹn sức thần thông, thuần tịnh rốt ráo, thành tựu hạnh lợi sinh, biết các pháp như huyễn hóa, đạt sức thần thông của Như Lai. Từ trong hư không Bồ-tát thí pháp, tài, làm vui lòng các chúng.

Thiện nam! Vì trí phương tiện như thế nên Bồ-tát có tên là Hư Không Tạng.

Thiện nam! Cách nay vô lượng a-tăng-kỳ kiếp không thể nghĩ bàn không thể tính đếm, ở thời quá khứ, có Đức Phật ra đời hiệu Phổ Quang Minh Vương, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi nước tên Đại vân thanh tịnh, kiếp tên Hư không tịnh. Cõi này giàu có, thịnh vượng, an ổn, vui sướng, trời người đông đúc, đất đai bằng phẳng, không có đất cát chông gai, quanh cõi này là dây báu, trang nghiêm bằng các vật báu mềm mại như áo trời, mặt đất rải đầy hoa vàng Diêm-phù-đàn, các báu đan xen. Chúng sinh ở đây không phân biệt thượng, trung, hạ, trời người bình đẳng như ở cõi Đâu-suất. Cõi ấy, không có thành quách xóm làng, chư Thiên loài người đều ở trong các lầu gác đẹp đẽ. Người ở trên mặt đất, trời ở trong hư không, chỉ khác biệt như thế. Đức Phổ Quang Minh Vương thọ mạng mười sáu trung kiếp. Đệ tử Bồ-tát Tăng có sáu mươi na-do-tha, đều là các vị đạt thần thông biến hóa, tự tại trong hạnh Bồ-tát. Vào thời đó, ở tam thiên đại thiên thế giới có một cõi bốn thiên hạ tên Nhật minh. Đức Phật thành đạo Bồ-đề vô thượng ở đây, làm việc Phật trong khắp tam thiên đại thiên thế giới. Vua cõi ấy là Chuyển luân thánh vương Công

Đức Trang Nghiêm. Nhà vua đủ bảy báu, là bậc Đại thánh. Vua xây đài bảy báu, chiều Đông Tây rộng tám do-tuần, chiều Nam Bắc rộng bốn do-tuần. Năm ngàn vườn quán bao quanh đài báu. Nhà vua có ba mươi ba vạn sáu ngàn thể nữ cung phi xinh đẹp, đoan trang như ngọc nữ cõi trời, bốn vạn đồng tử tuấn tú khôi ngô, mạnh mẽ như nữ lực sĩ Na-la-diên. Một lần vua cùng thể nữ, đồng tử dạo chơi trong các vườn quán, trong số cung phi có hai phu nhân là Đức Oai và Đức Quang, rời vườn chơi, họ đến bên một gốc cây, tư duy về sự vô thường. Lúc họ đang suy xét, trên đầu gối mỗi vị đều hiện ra một người đẹp đẽ khác thường, rất ưa nhìn, từ nơi hiện phóng ánh sáng chiếu khắp vườn quán. Chư Thiên trong hư không bảo: Đó là hai đồng tử, một tên là Sư Tử, một tên là Sư Tử Tấn. Từ đấy trở đi, hai đồng tử được gọi tên như vậy. Sau đó hai đồng tử đều nói kệ khen ngợi công đức của nhà vua:

Các nghiệp thiện ác không hề mất
Công đức cúng Phật cũng như vậy
Thuần thành không bỏ đạo Bồ-đề
Thọ trì chánh pháp trí kiên định.
Điều phục, giữ mình không hủy giới
Nhẫn nhục nhu hòa khéo phòng hộ
Đền đáp ân đức tạo nghiệp lành
Siêng năng tu học không quên đạo.
Chuyên tâm định tịnh các căn mình

Phân biệt quán sát và tư duy
Tạo nghiệp thanh tịnh bằng trí tuệ
Nhờ các pháp tịnh chứng Bồ-đề.
Không bị phiền não nhiễm ô tâm
Khéo léo phân biệt mọi nghĩa lý
Vì thế không còn thọ hình thai
Trong hoa sen tịnh người hóa sinh.
Chúng tôi từ nơi Phật y vương
Nghe giảng về Đức Phổ Quang Minh
Trí tuệ cao tột không thể bàn
Nên đến cõi đó để nghe pháp.
Xin cùng vua cha tới chỗ Phật
Lễ bái cúng dường đấng vua pháp
Chư Phật Thế Tôn rất khó gặp
Cũng như hoa Ưu-đàm-ba-la.
Vua nghe lời này rất vui thích
Đại chúng trong đó đều hoan hỷ
Trăm ngàn vạn vật đều theo vua
Cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật.
Đến nơi dâng cúng các hoa báu
Anh lạc, hương xoa, và nhạc trời
Cúng dường, đi quanh Phật bảy vòng
Chắp tay lễ kính đứng một bên.
Lúc ấy Sư Tử, Sư Tử Tấn
Đảnh lễ Đức Phật, Bậc Tối Tôn
Dâng mọi lời hay để khen ngợi
Ngôn từ vi diệu thuận nghĩa pháp.
Thế Tôn là nơi chúng nương tựa

Đem ánh sáng lớn cho kẻ mù
Hiểu rõ tâm hành đạt giải thoát
Tùy thuận lòng tin làm vui cả.
Đại vương hiện giờ ỷ ngôi vua
Tham chắp sắc thanh hương vị pháp
Vì thế không đến chỗ Thế Tôn
Không cúng dường Phật, không nghe pháp.
Hy hữu Thế Tôn! Khởi đại Bi
Xin giảng Bồ-đề pháp vô thượng
Giúp cho nhà vua khởi tâm đạo
Kiên định không lui trí tuệ Phật.
Phật bay lên cao tám mươi cây
Ở trong hư không bảo nhà vua
Bệ hạ lắng lòng nghe ta nói
Nghe xong thọ trì đúng chánh pháp.
Năm dục vô thường như mộng ảo
Thọ mạng cỏ cây, móc buổi sáng
Vua và đất nước như huyễn hóa
Vì thế người trí không tham cầu.
Kẻ tham dục lạc không thấy chán
Khát ái dục vọng luôn hừng hẫy
Chưa thỏa mãn dục mạng không còn
Chỉ bậc đại trí mới biết đủ.
Ngươi hãy tùy thuận quán thân mình
Các ấm huyễn hóa không kiên cố
Bốn đại chính là rắn độc hại
Sáu tình không thật tự hư không.

Vợ con, châu báu, và ngôi vị
Sau khi chết rồi không gì theo
Riêng giới, bố thí, không buông lung
Đời này đời sau luôn kề cận.
Quán sát Thần túc, Lực, Vô úy
Trang nghiêm thân mình bằng tướng tốt
Giảng dạy đệ tử mọi chúng sinh
Vì thế vua nên phát tâm đạo.
Vua cùng vợ con và quyến thuộc
Nghe Phật giảng pháp rất vui mừng
Bảy mươi sáu ngàn ức đại chúng
Phát tâm Bồ-đề đạo Vô thượng.
Đều thưa đã phát tâm đạo
Nguyện độ tất cả mọi quần mê
Xin nguyện giáo hóa tất cả chúng
Thành tựu Chánh giác, con chứng đạo.

Nghe lời Phật, thấy thần thông Phật, nhà vua kiên định tâm Bồ-đề, lạy sát chân Phật, thưa:

–Ngưỡng mong Như Lai cùng đại đệ tử, Bồ-tát nhận sự cúng dường của con suốt tám vạn bốn ngàn năm.

Lúc ấy, Phật và đại chúng thương xót nhà vua nên nhận lời. Biết Phật nhận lời, vua vui vẻ, lạy Phật, đi quanh Phật rồi cáo lui. Sư Tử, Sư Tử Tấn cùng hai vạn vương tử đều bỏ ngôi, xuất gia học Phật, siêng năng tu đạo. Xuất gia không lâu, Sư

Tử, Sư Tử Tấn đều đạt năm Thần thông kiên cố không thoái chuyển. Biết vậy, Phật gia hộ để hai vị đủ sức giảng pháp vi diệu cho chúng sinh. Hai Tỳ-kheo này đi khắp mọi nơi trong tam thiên đại thiên cõi nước làm việc Phật, giảng pháp độ vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh kiên định trong pháp Đại thừa vô thượng. Sau khi cúng dường Phật và đại chúng đủ tám vạn bốn ngàn năm, nhà vua cùng quần thần đến chỗ Phật để nghe pháp. Vua nghĩ: Các con ta xuất gia học Phật, thường nhận cúng nhưng không bố thí, lại chưa đạt pháp mầu, ta muốn chúng trở về tu công đức bố thí tài vật như ta. Biết tâm vua, Đức Phật Phổ Quang Minh bảo Bồ-tát Sư Tử Tấn:

–Thiện nam! Hãy hiện sức thần thông để đại chúng thấy nghe, chuyển tà quy chánh, hàng phục ngoại đạo.

Nghe lời Phật Bồ-tát nhập định, hiện các tướng, làm cho tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách. Từ trong hư không, Bồ-tát rải vô số vật quý: Hương hoa, hương bột, hương xoa, lọng, phướn, nhạc trời tự vang, thức ăn ngon, anh lạc, y phục, châu báu. Vật quý ấy đầy khắp tam thiên đại thiên cõi nước, làm cho chúng sinh vui mừng, cho là việc hy hữu. Lúc đó chư Thiên các cõi, cho đến trời A-ca-ni-trá đều vui mừng, nói:

–Bồ-tát này đáng được gọi là Hư Không Tạng. Vì sao? Vì từ hư không Bồ-tát rải vô số vật quý.

Đức Phật ấn định tên đó.

Thấy Sư Tử Tấn biến hóa như vậy, nhà vua vui mừng, cho là hy hữu, bỏ tâm kiêu mạn, chắp tay hướng Phật, thưa:

–Thật hy hữu! Thế Tôn! Công đức trí tuệ của Bồ-tát thật lớn lao mới có thể hiện bày như thế. Bồ-tát rải vô lượng châu báu đầy khắp các cõi. Thế Tôn! Công đức bố thí của người tại gia không là bao. Người xuất gia đủ sức thần thông bố thí không cùng tận. Tại gia bố thí không hài lòng, tuy thí nhưng còn tham tiếc cho là khổ não. Người xuất gia bố thí có thể thỏa mãn ý kẻ cầu xin, không tham tiếc không khổ não. Nhà vua liền nhường ngôi cho con là Cát Ý xuất gia học Phật, tu đạo, siêng năng tu pháp lành. Không bao lâu, vua đạt bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, năm Thần thông. Vua Cát Ý cai trị bằng chánh pháp nên đất nước an ổn không oán thù, siêng năng cúng dường Phật.

Khi ấy, Đức Phật Thích-ca bảo Bồ-tát Tốc Biện:

–Thiện nam! Vua Công Đức Trang nghiêm thời đó nào phải là ai khác chính là Đức Câu-lưu-tôn. Bồ-tát Sư Tử là ta. Bồ-tát Sư Tử Tấn là Bồ-tát Hư Không Tạng.

Thiện nam! Vì lúc đó Bồ-tát rải vô số vật báu từ hư không nên có tên là Hư Không Tạng. Thái tử Cát Ý chính là Bồ-tát Di-lặc. Hai vạn vương tử

xuất gia lúc ấy là các Bồ-tát đến cùng Bồ-tát Hư Không Tạng này. Quyến thuộc nội ngoại, chúng sinh mà các vị vương tử xuất gia hóa độ lúc đó hiện đang hành đạo Bồ-tát khắp mười phương. Vì thế này Bồ-tát Tốc Biện! Nên thường thanh tịnh giới, nuôi lớn bản nguyện, nhờ thế sẽ thành tựu mọi việc. Các Bồ-tát trong chúng hội đều mong muốn thấy được diệu lực thần biến của Bồ-tát Hư Không Tạng nên Đức Phật bảo Bồ-tát Hư Không Tạng: "Thiện nam! Hãy hiện tướng thần biến Hư Không Tạng đi." Bồ-tát Hư Không Tạng liền nhập Tam-muội Xứng nhất thiết chúng sinh ý. Nhờ sức thần Bồ-tát rải vô số vật báu xuống giảng đường Diệu bảo trang nghiêm và tam thiên đại thiên cõi, chúng sinh thích gì đều được toại nguyện. Bồ-tát rải các vật: Cần hoa, mưa hoa, vòng hoa, hương, hương bột, hương xoa, lọng, phướn, âm nhạc, anh lạc, y phục, thức ăn, xe báu, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, trân châu, san hô. Chúng sinh muốn gì được nấy, ai thích pháp gì thì tự nghe tiếng pháp hợp ý, như Khế kinh, Âm hợp kệ kinh, Thọ ký, Kệ, Kết cú nhân duyên, Song cú, Bản sinh, Thắng xứ, Phương đẳng, Vị tằng hữu, Đại giáo sắc pháp. Ai thích nghe Thí dụ, tiếng Na-la, tiếng hay, tiếng xen lẫn, tiếng sâu xa, tiếng cạn cợt đều được thỏa nguyện; ai thích pháp Thanh văn thì vang tiếng bốn Đế; ai thích pháp Duyên giác thì rền tiếng mười hai nhân duyên; ai thích pháp Đại thừa thì

vang tiếng sáu pháp Ba-la-mật không thoái chuyển. Trong hư không lại rền tiếng kệ:

Thuyết giảng tánh pháp
Tựa như hư không
Diễn giảng pháp này
Đại chúng đều nghe.
Hư không không cao
Cũng chẳng có thấp
Không có cao thấp
Thể tánh là không.
Hư không không sinh
Nào đâu có diệt
Vì không sinh diệt
Tánh không hư hoại.
Hư không không tăng
Làm sao có giảm
Vì không tăng giảm
Như tướng các pháp.
Hư không không sáng
Cũng chẳng tối tăm
Không có tối sáng
Tánh tâm cũng vậy
Mặt trời soi chiếu.
Không có vui mừng
Không chiếu không lo
Bậc trí học vậy.
Như bắn mũi tên
Hư không chẳng hại

Hành giả tu không
Cũng không tổn hại.
Hư không thấm nước
Nào có vui gì
Bậc trí lợi sinh
Không tâm vui sướng.
Hư không không biết
Khen ngợi chê bai
Bậc trí cũng vậy
Không thấy khen chê.
Đại địa chấn động
Hư không không động
Bậc trí không nương
Không động pháp tánh.
Như ngọn lửa lớn
Không đốt hư không
Người biết phiền não
Không bị thiêu đốt.
Hư không thường còn
Không hề hư hoại
Các pháp cũng vậy
Pháp giới thường trụ.
Ví như hư không
Dung nạp tất cả
Pháp giới cũng vậy
Bao trùm mọi pháp.
Hư không không sắc
Không thể thấy tướng

Tánh tâm cũng vậy
Nào đâu hình tướng.
Hư không tên giả
Không có tướng mạo
Tâm, ý, thức vậy
Chỉ là giả gọi.
Hư không vô biên
Không thể nắm bắt
Trí tuệ cũng vậy
Chẳng khác hư không.
Chim bay trong không
Không để dấu vết
Hành đạo Bồ-đề
Không thể thấy được.
Thân diệt quá khứ
Tựa như hư không
Các ấm hiện tại
Đều là hư không.
Bốn đại cũng thế
Chẳng khác hư không
Sau ba tại nạn
Không có tướng khác.
Hết thảy chúng sinh
Không thể trọn vẹn
Phàm phu là thế
Không chán năm dục.
Bậc Thánh trí tuệ
Biết tất cả pháp

Biết đủ không cầu
Trừ tham, dâm, chấp.
Hư không rộng lớn
Không có giới vực
Pháp Phật cũng vậy
Không cùng không tận.
Biết tánh các pháp
Là pháp của Phật
Không nương tựa vật
Cũng không bỏ vật.
Biết vật không vật
An trụ thật tế
Không chấp hai tướng
Vật và phi vật.
Mượn lời nêu không
Tánh không không tiếng
Không có âm thanh
Đó là hư không.
Phật tuy giảng không
Trọn đều không nói
Tánh không cũng tánh
Vì thế nên không.
Như huyễn, hóa, mộng
Dợn nắng, bóng, vang
Chư Phật giảng pháp
Đều như thế cả.
Dắt dẫn chúng sinh
Dẫn dụ như vậy

Thật nghĩa chân tịnh
Không thể thí dụ.
Các pháp không tướng
Mượn tướng giảng giải
Tướng và không tướng
Tánh pháp đều không.
Tướng không là tướng
Hư không không tướng
Hiểu rõ tướng ấy
Là Đại Bồ-tát.
Không ngừng, không ngại
Không biến không động
Không đầu không cuối
Đó là Bồ-tát
Không bỏ chúng sinh
Không thuộc chúng sinh
Như tánh chúng sinh
Là Đại Bồ-tát.
Ví như ảo thuật
Giết người huyễn hóa
Thật không người chết
Giáo hóa là vậy.
Huyễn cho chúng sinh
Pháp Phật Niết-bàn
Biết cùng một tánh
Không tánh không tướng.
Đại sĩ đạt chứng
Tạng không vô lậu

Đầy đủ tất cả
Không thể cùng tận.
Xưa trồng các đức
Thành tựu tạng này
Không có chứa nhóm
Nên đạt như thế.
Biết rõ các pháp
Đều do duyên sinh
Tạng này không tận
Không thể nghĩ bàn.
Đại sư cứu đời
Giảng bốn vô tận
Không và đạo tâm
Chúng sinh hành Phật.
Nếu là tài vật
Có thể tích trữ
Chẳng báu không báu
Đó là vô tận.
Rốt ráo pháp không
Cùng tận không tận
Không tận không cùng
Đó là không tận.
Biết pháp môn này
Gần đạt Bồ-đề
An trụ pháp ấy
Sớm đạt đạo giác.

Với sức thần, Bồ-tát Hư Không Tạng ở nơi hư không tung rải vô số vật báu và vang tiếng pháp

làm cho chúng sinh trong tam thiên đại thiên cõi nước thành tựu an lạc không thể nghĩ bàn, thỏa chí nguyện, người bệnh khỏe mạnh, người nghèo được của, chúng sinh bị giam cầm đều được giải thoát, người thiếu căn thì có đủ, người bị tử hình thì trong hư không hiện người giả chịu chết thay, người yêu thương xa cách lâu ngày lại được trùng phùng, kẻ buồn bực lo lắng không còn âu sầu, chúng sinh nơi ba cõi ác, nhờ ánh sáng chạm vào thân nên trừ khổ được vui. Chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều no đủ, vui chơi, thọ hưởng năm dục, tu thí đạt phước. Do vậy chúng đều nói: Đã có đại sĩ đem niềm vui đến cho đời. Bồ-tát Hư Không Tạng ra đời đem vị cam lồ đến cho thế gian, luôn luôn ban vui, không biết mỏi mệt. Bồ-tát Hư Không Tạng hiện bày các thứ thần biến như vậy làm vui lòng chúng sinh, lại hiện thần lực của Bồ-tát, điều phục chúng sinh bằng tài thí, pháp thí, làm cho vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh phát tâm vô thượng Bồ-đề, khiến cho vô lượng Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Lại khiến cho vô lượng a-tăng-kỳ không thể nói hết các Bồ-tát phát khởi tinh tấn, thành tựu các môn Tam-muội, Đà-la-ni, thần thông biến hóa.

Lúc ấy, Bồ-tát Sinh Nghi nghĩ: "Thật là việc lạ, không thể nghĩ bàn. Bồ-tát Hư Không Tạng không chỉ ở cõi Ta-bà hiện thần thông mà còn hiện thần biến ở khắp các cõi."

Biết tâm niệm đó, Bồ-tát Hư Không Tạng bèn phóng ra ánh sáng chiếu soi vô lượng, vô biên cõi Phật khắp mười phương. Bồ-tát Sinh Nghi và các Bồ-tát đều thấy việc đó, các chúng sinh được độ không khác cõi Ta-bà, hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thể làm được. Thấy vậy Bồ-tát Sinh Nghi không còn nghi ngờ, chắp tay lạy Bồ-tát Hư Không Tạng, thưa:

–Thật hy hữu! Đại sĩ! Có thể đặt tạng vô tận ấy trong hư không, rải xuống vô số cõi nước vẫn không hết. Đại sĩ đặt tạng này trong hư không đã lâu chưa.

Bồ-tát Hư Không Tạng đáp:

–Thiện nam! Từ khi tôi phát tâm Bồ-đề vô thượng đến nay đều luôn đặt tạng ấy trong hư không.

Bồ-tát Sinh Nghi lại Hỏi:

–Bồ-tát phát tâm Bồ-đề vô thượng bao lâu rồi?

Thế Tôn biết, ông hãy hỏi Phật. Bồ-tát Sinh Nghi liền thưa Phật:

–Thế Tôn! Thời gian Bồ-tát Hư Không Tạng phát tâm Bồ-đề vô thượng là bao lâu rồi? Xin Phật giải nghi.

Phật nói:

–Thiện nam! Việc đó lâu xa khó biết. Nếu nói ra e trời người nghi ngờ, không tin lời Phật, chịu vô số tội.

Thế Tôn! Xin Phật giảng cho. Người đã từng trồng căn lành sẽ tin nhận.

Phật nói:

–Thiện nam! Ông đã tha thiết muốn nghe, không lẽ không giảng. Hãy lắng nghe, suy xét kỹ, ta sẽ giải thích để người từng trồng căn lành được vui.

Thiện nam! Giả sử dùng một hạt cát trong vô số sông Hằng làm một cõi Phật, đập nát số cõi Phật ấy thành vô lượng hạt bụi nhỏ, mỗi hạt bụi đó là một cõi nước. Một người sống lâu cứ một trăm kiếp lấy một hạt bụi trong cõi nước, cho đến khi hết số bụi ấy. Thời gian phát tâm Bồ-đề vô thượng của Bồ-tát Hư Không Tạng còn lâu hơn thế, không thể nào tính đếm được.

Thiện nam! So sánh việc đó ông sẽ biết thời gian phát tâm của Bồ-tát Hư Không Tạng.

Thiện nam! Cách đây trăm ngàn vạn kiếp như số bụi trong số cõi nước vừa nêu ở thời quá khứ, có Đức Phật ra đời hiệu Tịnh Nhất Thiết Nguyện Oai Đức Thắng Vương, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi nước tên Hiện vô lượng chư Phật, kiếp tên Chúng bảo trang nghiêm. Vì sao cõi nước có tên như vậy?

Thiện nam! Vì cõi ấy thanh tịnh, hiển hiện cõi

Phật mười phương, như trăng sáng hiện trong nước sạch.

Thiện nam! Vì vậy vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật, vô lượng Phật lên tòa Sư tử, chúng sinh tạo nghiệp đều hiện trong cõi ấy. Cõi ấy như trăm ức tam thiên đại thiên thế giới, rộng lớn, nghiêm tịnh, giàu có, an lạc, trời người đông vui, đất đai bằng phẳng, không gò đồi, không nhơ uế, nhiều báu vật đan xen nhau nên rất đẹp. Cõi ấy còn được trang nghiêm bằng cờ phướn, lọng hoa, đốt hương chiên-đàn vi diệu. Mặt đất được làm bằng các báu tạp sắc, đâu đâu cũng có cây: Hoa báu, trái, y phục, anh lạc, kỹ nhạc, vật báu, hương, đèn, thuốc. Xung quanh cõi ấy là tám con đường bằng phẳng thông thoáng, trang trí trân châu, anh lạc, lưới báu, rất ưa nhìn, không cần ánh sáng mặt trời, mặt trăng, vì cây đèn và cây ma-ni luôn chiếu sáng, không có ngày đêm. Thời gian được tính theo việc nở khép của hoa. Chúng sinh ở đó không có đui điếc, què quặt, không có tướng xấu ác. Chúng sinh nơi cõi ấy đều trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt, không có tên ba cõi ác, tám nạn tai, không có ngoại đạo tà thuyết chúng sinh đều sống trong tâm Bồ-đề vô thượng, không học Thanh văn, Bích-chi-phật. Đức Phật cõi ấy chỉ dạy pháp Bồ-tát, không có người nữ, không có chúng sinh sinh bằng thai, đều là chúng an tọa hóa sinh, không có tên già bệnh. Sau khi xả mạng sống chúng lại sinh

vào cõi Phật thanh tịnh khác, hoặc sinh vào cõi này.

Thiện nam! Cõi ấy thành tựu vô lượng, vô biên công đức không thể nghĩ bàn như thế. Dù trải qua một kiếp hoặc hơn thế ta vẫn không nói hết công đức nơi cõi ấy.

Thiện nam! Lúc đó ở cõi Hiện vô lượng chư Phật có Chuyển luân thánh vương tên Chúng Thiên Quán Đảnh, cai trị tam thiên đại thiên cõi nước, từng trồng căn lành nơi chư Phật, tài trí dũng mãnh, đủ oai đức. Vua có ba vạn sáu ngàn vương tử, họ đều hóa sinh từ hoa, đều từng trồng căn lành nơi chư Phật. Bấy giờ, Đức Phật Tịnh Nhất Thiết Nguyện Oai Đức Thắng Vương cùng đại chúng trời, người đến chỗ vua Chúng Thiên Quán Đảnh. Phật có vô số vô lượng không thể tính đếm Bồ-tát. Tuổi thọ của Phật là trăm ngàn kiếp, kiếp số dài ngắn được tính như Hiền kiếp. Chúng sinh ở cõi đó trải qua số khiếp như thế xem như một kiếp. Nhà vua cúng dường Phật và đại chúng suốt bốn mươi trung kiếp *(kiếp số được tính như trung kiếp ở đây)* đủ thức ăn, y phục, đồ nằm, nhà cửa, vườn quán, rừng ao các vật cần dùng. Để cúng Phật, vua xây một giảng đường bằng một tiểu thiên thế giới, nền giảng đường bằng lưu ly, xung quanh là các vật báu, trụ bằng chiên-đàn đỏ và chiên-đàn Ưu-đà-la bà-la, bằng xa cừ đan xen, hết sức nguy nga lộng lẫy. Sau khi ăn trưa, Phật xuất

định, đến giảng đường thuyết pháp cho đại chúng. Vua lại xây dựng một cung điện rộng bằng bốn thiên hạ làm trai đường của Phật và Bồ-tát Tăng, vật dùng hàng ngày nhiều vô kể.

Thiện nam! Suốt bốn mươi trung kiếp nhà vua chuyên tâm cúng dường, không làm việc khác, không mong cầu gì. Ngày cuối cùng của bốn mươi trung kiếp, vua dâng y vô giá lên Phật và Bồ-tát tăng. Sau khi thọ thực, Phật giảng vi diệu. Vua và tùy tùng đến nghe pháp. Lúc đó, Phật biết nhà vua công đức đã thuần thục có thể thọ nhận giáo pháp. Suốt bảy ngày đêm Phật và vua không ăn gì. Phật an tọa nơi tòa Sư tử, giảng kinh Đại thừa tên Nhiếp Bồ-tát Tịnh Hạnh Bất Thoái Chuyển Luân Phương Tiện. Phật muốn nhà vua thọ trì tất cả pháp ấy và trải qua bảy ngày đêm, nhà vua đều chuyên tâm nghe pháp, vui vẻ. Sau đó, vua rời tòa, lạy Phật, đi quanh bảy vòng, quỳ gối phải, chắp tay hướng Phật, chí thành phát tâm Bồ-đề vô thượng, nói kệ:

Con phát tâm vô thượng
Mời gọi mọi quần sinh
Cứu thoát kẻ khốn đốn
Soi sáng đời tối tăm.
Không phải hành một hạnh
Không phải cúng một Phật
Không vì một chúng sinh
Nguyện độ tất cả chúng.

Khổ sinh, già, bệnh, chết
Phiền não luôn bức bách
Tất cả chớ lo sợ
Con nguyện độ hết thảy.
Tham, sân, si che lấp
Quên đạo tạo nghiệp ác
Nguyện diệt nghiệp ác tà.
Hướng đến thành an vui
Chúng sinh đọa ba đường
Chịu khổ não tai nạn
Mạnh mẽ chớ lo sợ
Tôi bố thí không sợ.
Vô minh si che lấp
Không biết pháp giải thoát
Con đốt ngọn đuốc pháp
Sáng soi đến Niết-bàn.
Con trong bốn dòng nước
Chìm đắm không thấy bờ
Xin làm thuyền pháp mầu
Đưa chúng qua biển khổ.
Đói khát trong sinh tử
Không nghiệp thiện, khổ đau
Xin làm người thầy tốt
Đưa chúng đến an lạc.

Phật bảo Bồ-tát Sinh Nghi:

–Thiện nam! Lúc vua Quán Đảnh nói kệ xong, cõi Phật ấy chấn động sáu cách, ánh sáng soi khắp. Phát tâm xong, vua đạt Tam-muội Bất thoái

tâm Bồ-đề của Bồ-tát, thấy vô số Phật. Dù trong mơ, phiền não không hại được vua. Từ đó về sau, vua không ganh ghét, không phá giới, không sân giận, không lười biếng, không tán loạn, không ngu ý. Nhà vua phát nguyện suốt đời cúng dường hầu hạ Phật, nghe pháp, dạy khuyên ba vạn sáu ngàn vương tử để họ phát tâm Bồ-đề vô thượng, giáo hóa vô lượng chúng sinh phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Thiện nam! Vua Chúng Thiên Quán Đảnh thời đó nào phải là người lạ, chính là Bồ-tát Hư Không Tạng đấy. Các vương tử và đại chúng phát tâm lúc ấy là các Đại Bồ-tát đại trí, tinh tấn đang nghe pháp.

Thiện nam! Từ khi phát tâm đến nay, trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp Bồ-tát Hư Không Tạng hành đạo Bồ-tát, không mất tâm Bồ-đề, không thọ sinh bằng thai, thường nghe pháp Phật, cúng dường chúng Tăng, giữ gìn pháp Phật, không quên mất, khéo phân biệt, thành tựu mọi hạnh, vừa phát tâm là đạt địa đầu và các địa của Bồ-tát, thành tựu đại Bi, không tranh chấp, không mệt mỏi, luôn siêng năng, học tất cả học thuyết và pháp thế gian, luôn biết hổ thẹn, kiên định niệm lực. Bồ-tát trụ địa một trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp không thể tính đếm không thể nói năng, không thể nghĩ bàn, thuần tịnh trọn vẹn hạnh Bố thí ba-la-mật và các pháp trợ đạo, thành tựu dục, tấn, không phóng

túng, tất cả đều tùy thuận Thí ba-la-mật. Bồ-tát cúng dường chư Phật, tìm mọi phương tiện giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, đạt tất cả trí tuệ sáng suốt nhưng không vượt Sơ địa. Sau đó, Bồ-tát thành tựu vô lượng công đức trí tuệ, đạt thần thông không thoái chuyển của Như Lai, vượt mọi trở ngại của các địa. Từ Địa thứ nhất, Bồ-tát đạt Địa thứ hai. Trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp trụ Địa thứ hai, tu Giới ba-la-mật. Cứ thế đến Địa thứ mười, trải qua vô lượng, vô số kiếp độ thoát chúng sinh. Ở mỗi Địa, Bồ-tát đều trải vô lượng a-tăng-kỳ kiếp hành đạo Bồ-tát, làm mọi việc Phật vì chúng sinh, không bỏ hạnh Bồ-tát.

Thiện nam! Bồ-tát thực hành pháp sâu xa, không thể nghĩ bàn, không tán loạn, thuần tịnh, tinh tấn. Bồ-tát Hư Không Tạng thành tựu mọi hạnh của Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Sinh Nghi hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Kỳ lạ thay! Thiện nam! Bồ-tát phát nguyện rộng lớn, vào sinh tử trong nhiều kiếp mà không mỏi mệt?

Thiện nam! Đại địa này chuyên chở núi sông, đá cát, cây cối, cỏ hoa, lúa má, chúng sinh có mỏi mệt không?

–Không, thưa Đại sĩ!

Bồ-tát Hư Không Tạng nói:

–Thiện nam! Tâm Bồ-tát như đại địa, thành tựu thuần tịnh, hành hạnh Bồ-tát không mệt mỏi.

Thiện nam! Như đại địa trên nước, nước giữ đất không mệt mỏi. Tâm Bồ-tát như nước, với sức đại Bi, Bồ-tát giáo hóa chúng sinh không mỏi mệt.

Thiện nam! Như nước ở trên gió, nước giữ gió không mỏi mệt. Tâm Bồ-tát như gió. Bồ-tát dùng sức phương tiện làm thanh tịnh cõi Phật không mệt mỏi.

Thiện nam! Như gió ở trên hư không, không nương dừng. Hư không giữ gió không chướng ngại, không mỏi mệt. Tâm Bồ-tát như hư không. Với sức của Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát tu tập mọi pháp Phật, không lười biếng, không mỏi mệt. Vì sao? Bồ-tát biết tướng của tất cả pháp là không sinh, không tạo tác, không thọ nhận, do nhân duyên hòa hợp nên có tạo tác. Các pháp tạo nên ấy cũng không thật, vốn là không, vốn là lìa nên không thành tựu. Vì tự tánh không nên không sinh diệt. Bồ-tát biết tánh tướng của các pháp như như nên không thấy pháp mỏi mệt và người mỏi mệt. Vì sao? Bồ-tát biết các pháp không hai, biết tánh sinh tử và tánh Niết-bàn bình đẳng, tánh Niết-bàn bình đẳng với tánh của các pháp, tánh của các pháp là không nên không chấp trước, không dựa nương, biết tánh các pháp quá khứ, vị lai đều không tự tánh. Nhờ sức định, nguyện, tuy không xuất định nhưng Bồ-tát hiện làm mọi việc.

Bồ-tát Sinh Nghi lại hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Xin Đại sĩ giảng rõ về Tam-muội và hành nghiệp của Bồ-tát. Thế nào là Tam-muội, thế nào là hạnh nghiệp Tam-muội?

Bồ-tát Hư Không Tạng đáp:

–Thiện nam! Tam-muội của Bồ-tát là không quên tâm Bồ-đề: Thành tựu hạnh không tán loạn; Tam-muội hàng phục: Thuần tịnh; Tam-muội không hiển hạnh: Thành tựu trọn vẹn các việc làm không thoái chuyển; Tam-muội không nương tựa: Tiến tu thành tựu trọn vẹn; vô cấu: Tâm trong sạch; chiếu soi: Chỉ dẫn pháp lành; chân tịnh: Chuyển tất cả hành ma; Dũng xuất: Không khuất phục trước tà luận của ngoại đạo; Xả ly: Điều phục hết thảy kết sử phiền não; Hồi phục: Khiến tất cả nhập đạo chân thật; Chuyển tiến: Bỏ địa Thanh văn, Bích-chi-phật; Lạc du: Không ghét sinh tử; Thú hướng: Từ một địa đến địa khác; Di dịch: Làm vui lòng đại chúng; Vô ngại quang: Bình đẳng với tất cả chúng sinh; Tri sở tác: Tùy thuận làm mọi việc; Sư tử tướng: Không lo sợ khi vào trong chúng; Tâm dũng: Hàng phục bốn ma; Liên hoa trang nghiêm: Không nhiễm pháp thế gian; Quang trang nghiêm: Chiếu soi cõi nước chư Phật; Thanh lương: Trừ yêu ghét; Tràng tướng: Thành tựu hào quang pháp Phật; Cự vương: Trọn trí sáng; Nhật quang: Đoạn trừ vô minh tăm tối; Tập

đức: Biện tài không cùng; Na-la-diên: Đạt thân kim cang; Kiên cố: Tâm không dao động; Di-lâu tràng: Thành tựu tướng không thấy đỉnh; Kiên tự tại: Trọn vẹn bản nguyện; Kim cang sĩ: Thần thông không thoái chuyển; Kim cang tràng: Lên đạo tràng; Dụ như kim cang: Soi thấu tất cả các pháp; Hạnh vương: Quán tâm hạnh của chúng sinh; Tuệ vương: Thành tựu trí thù thắng biết các căn, viên mãn những gì chưa viên mãn; Tùy loại: Tùy tánh chúng sinh để thuyết pháp; Tu tất cả thân: Thành tựu Pháp thân; Bất Thuấn: Thấy không ngại, thấy chư Phật; Vô tránh: Phân biết nhân duyên; Vô cấu luân: Chuyển pháp luân vi diệu; Điện quang: Hiểu nhân duyên các pháp; Khéo phân biệt; biết các giới giống một giới; Trang nghiêm vương: Thành tựu tướng tốt; Tùy giải vương: Dùng một âm thanh để đáp tất cả; không phân biệt pháp giới: Biết mọi Tam-muội đều cùng một Tam-muội; Kiên cố: Hiểu tánh pháp không thoái chuyển; Không thể hoại: Biết các pháp cùng tánh pháp; Vô chung: Biết thời phi thời; Vô tác: Thành tựu như như không biến khác; Vô động: biết các pháp bình đẳng như hư không; Tịnh trụ: Thành tựu các Ba-la-mật; Thiện nhiếp: Hành trì trọn vẹn bốn Nhiếp pháp; Đẳng hạnh: Đạt bốn hạnh thanh tịnh; Vô ngại quan: Trọn vẹn các pháp trợ đạo; Hải ấn: Thọ trì mọi pháp Phật; Không: Đoạn các chấp; Vô tướng: Không giác biết; Vô

nguyện: Thành tựu đầy đủ các hạnh nguyện; Quyết liễu: Đạt pháp Nhẫn vô sinh; Bất thoái: Nhớ kỹ pháp đã nghe; Vô uế: Khéo giảng thuyết làm vui lòng đại chúng; Đắc phong; thành tựu báu vật; Pháp vân: Mưa tất cả pháp; Bảo trang nghiêm: Không đoạn hạt giống Tam bảo; Vô tỉ: Tạo nghiệp bằng trí; Hư không môn: Trừ mọi chướng ngại; Trí ấn: Biết tất cả pháp; Gặp chư Phật hiện tại: Thành tựu công đức của Phật; Tuyển trạch tịch tĩnh như ý: Vượt thời gian; Phân biệt pháp môn nhất tướng: Giảng pháp một tướng ở thời vị lai; hiểu tánh bình đẳng của các pháp: Hiểu rõ mọi kinh sách, tập chư công đức: Lợi ích mọi loài; du hí thần thông: Đạt giải thoát không thể nghĩ bàn; tự giác: Nhập tạng bí mật của Như Lai; Thủ-lăng-nghiêm: Thị hiện Niết-bàn trong địa Bồ-tát; Biến chí: Hiện thọ sinh mọi nơi; Quán đỉnh vương: Trọn vẹn hạnh Bồ-tát; Vô thắng: Đạt mười Lực của Như Lai; Vô tận: Chứng bốn Vô úy; Vô đẳng: Đạt pháp Bất cộng của Phật; Nguyện vương: Thành tựu pháp đã nghe; đủ công đức: Tự lợi, lợi người; khéo nhập vô cấu ấn: Hiểu pháp Phật ngay khi nghe giảng; Thiện tri giác: Trọn vẹn trí Nhất thiết chủng; Tận vô biên: Viên mãn việc Phật.

Thiện nam! Trong tám vạn bốn ngàn Tam-muội, các Tam-muội trên là đứng đầu. Khi Bồ-tát ngồi ở đạo tràng đạt tám vạn bốn ngàn Tam-muội. Mỗi Tam-muội tóm thâu vô lượng a-tăng-kỳ trăm

ngàn vạn ức Tam-muội.

Thiện nam! Với sức của Tam-muội, Bồ-tát biết rõ tám vạn bốn ngàn nghiệp hành của chúng sinh, hiển bày tám vạn bốn ngàn pháp.

Thiện nam! Đó là lược giảng về hạnh của Bồ-tát và một phần tạng của Phật. Song hạnh của Bồ-tát thật vô lượng, vô biên một tạng pháp của Phật cũng không thể nghĩ bàn.

Lúc Bồ-tát Hư Không Tạng giảng pháp này có một vạn sáu ngàn Bồ-tát đạt nhẫn nhu thuận, thành tựu vô lượng Tam-muội, tám vạn bốn ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc đó, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Khéo thuyết giảng pháp Tam-muội, trí thù thắng của Như Lai. Như hạnh nguyện ông đạt, pháp này không do người giúp đạt.

Bồ-tát Sinh Nghi chắp tay thưa Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Hy hữu thay Đại sĩ! Thành tựu công đức không thể nghĩ bàn, không học từ người, nhập trí thù thắng của Như Lai. Tôi cũng nguyện giúp chúng sinh đạt pháp hạnh không thể nghĩ bàn này.

Bấy giờ, Đại đức Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Sinh nghi:

–Thiện nam! Ai đặt cho Bồ-tát tên Sinh Nghi?

–Đại đức! Tên ấy được đặt từ tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì nếu không phát tâm Bồ-đề thì không nghi pháp Phật. Người phát tâm Bồ-đề vô thượng sẽ nghi pháp Phật, vì muốn hiểu rõ pháp Phật. Ví như thái tử con vua, được làm lễ quán đảnh, đủ tướng vua. Sau khi vua băng hà, thái tử sẽ là vua thừa vương vị. Vì vậy thái tử thường hỏi cách trị nước, phương pháp giám sát điều hành mọi việc.

Đại đức! Đại Bồ-tát cũng thế, hành trì trọn vẹn tâm Bồ-đề vô thượng sẽ nối nghiệp Phật, kế thừa vị pháp vương vô thượng, cần học hỏi pháp tương ưng trí Nhất thiết, phương pháp thọ trì pháp Phật, nên thường nghi vấn pháp Phật.

Đại đức! Vì vậy tên Sinh Nghi có từ tâm Bồ-đề.

Đại đức! Từ xưa đến nay tôi không nhớ đã gặp được Phật, Bồ-tát, Thiện tri thức, chưa từng hỏi pháp vi diệu của Phật nên tôi sự thật nghi hoặc.



KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 17

Phẩm 8: BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG (Phần 4)

Lúc ấy, Bồ-tát Hư Không Tạng bạch Phật:

–Thế Tôn! Hành xứ của Phật là không thể nghĩ bàn, pháp Bồ-tát nên hành cũng vô lượng. Vì vậy hạnh ấy không thể trang nghiêm bằng nguyện nhỏ, không thể nói đơn giản, không thể thành tựu bằng đạo Tiểu thừa. Hay thay thế Tôn! Xin giảng rõ thệ nguyện và đạo hạnh trang nghiêm của Bồ-tát. Với nguyện, đạo trang nghiêm lớn Bồ-tát hành pháp Đại thừa, tu đạo xuất thế gian chân thật tối thượng, đạt Đại thừa xuất thế vô thượng, thành tựu trí Nhất thiết tự nhiên, tuy chưa đạt trí Nhất thiết nhưng vẫn làm việc Phật, tạo lợi ích cho mọi loài.

Phật nói:

–Thiện nam! Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng giải.

–Bạch Thế Tôn! Con xin lãnh hội.

Phật nói:

–Thiện nam! Bồ-tát phát tâm Bồ-đề vô thượng, phát đại Bi tối thắng với tất cả chúng sinh, tạo lợi ích cho mọi loài, trang nghiêm thệ nguyện lớn, nghĩa là độ những ai chưa được độ, chèo thuyền Bát-nhã; giải thoát chúng sinh chưa giải thoát, trừ đảo hư vọng, an ổn người chưa an, đưa đến đạo không sợ; giúp kẻ chưa đạt Niết-bàn đạt được, bỏ gánh nặng năm ấm; cung cấp cho chúng sinh, siêng năng không lười biếng; không bỏ sinh tử, không mỏi mệt; làm vui lòng chư Phật, cung kính cúng dường; thọ trì tất cả pháp Phật, không đoạn hạt giống Tam bảo; nhớ kỹ pháp đã nghe, đạt Đà-la-ni, khéo giảng pháp làm vui chúng sinh, đạt biện tài; tích tập vô lượng công đức, thành tựu tướng tốt; làm vui lòng Thiện tri thức, kiên định hạnh nguyện; ngừa tâm tán loạn, đạt thiền định Tam-muội giải thoát; bỏ thân mạng nơi nhàn tịnh, đạt sáu Thông; gầm tiếng sư tử, không kinh sợ, đạt pháp vô ngã hiện tiền; thành tựu sức thọ trì, thanh tịnh giới cấm; cầu đạt mười Lực của Như Lai, trọn vẹn các Ba-la-mật; cầu chứng bốn pháp Vô úy, hành đúng pháp; trọn vẹn mười tám pháp Bất cộng, không hý luận với pháp Bồ-tát.

Thiện nam! Đó là hai mươi hạnh trang nghiêm, với sức trang nghiêm ngồi xe lớn; đoạn nhân ba cõi ác, được chư Phật gia hộ, tùy ý thọ sinh; không sinh bằng thai mà hóa sinh nơi Phật; thân, khẩu, ý không tranh chấp; an trụ hạnh nơi không phóng

túng, được người đời cung kính; thông đạt ba môn giải thoát, không chứng vị; hiển pháp vô ngã, không bỏ thệ nguyện. Đó là Bồ-tát thành tựu thệ trang nghiêm. Thế nào là trang nghiêm thừa Bồ-tát? Thiện nam! Thừa là vô lượng, không biên giới, cùng khắp như hư không, rộng lớn dung nạp tất cả chúng sinh, không cùng hạnh Thanh văn, Bích-chi-phật là Đại thừa. Thừa: Dùng bốn Nhiếp pháp làm bánh xe, mười nghiệp thiện làm căm xe, công đức thanh tịnh là bầu xe, kiên cố thuần định là chốt đinh, thiền định Tam-muội giải thoát là càng xe, điều phục bằng bốn Tâm vô lượng, Thiện tri thức là người đánh xe, biết thời phi thời là sự khởi động, vô thường, khổ, không, vô ngã là sự điều khiển, bảy Giác phần là dây thắng, năm Căn thanh tịnh là dây kéo, đại Bi rộng lớn là lèo cờ, bốn Chánh cần là vành bánh xe, bốn Niệm xứ là sự thong thả, bốn Thần túc là sự lướt nhanh, năm Lực là sự giám sát, tám Chánh đạo là sự thẳng tiến, trí tuệ không chướng ngại đối với tất cả chúng sinh là mui xe. Từ sáu pháp Ba-la-mật không trụ hướng đến trí Nhất thiết chủng, đạt bờ giải thoát bằng bốn Đế không gì sánh. Đó là Đại thừa. Thừa này là sự thọ nhận của Phật, là sự quán sát của Thanh văn, Bích-chi-phật, là sự nương đi của Bồ-tát, Đế Thích, Phạm thiên, Hộ thế đều cùng kính lạy, tất cả chúng sinh đều cúng dường, bậc trí khen ngợi, thế gian hướng về, oán thù không hủy phạm, quân

ma không hại được, ngoại đạo không lường được, trí thế gian không sánh được, thừa này thù thắng không ai ngăn chận, được Hiền thánh bảo vệ, tùy nguyện đến cõi Phật, phóng ánh sáng soi khắp, tối tôn, xuất sinh các pháp, mạnh mẽ không lui, kiên cố không lười biếng, đứng vững trọn vẹn nơi mọi việc, thỏa mãn mọi ý nguyện. Đó là Đại thừa trang nghiêm. Bồ-tát tu thừa này sẽ đạt từng địa một, trừ hoạn nạn của các địa, bỏ nghiệp ma, hóa độ chúng sinh, làm tịnh cõi Phật, hiện thần thông biến hóa của Bồ-tát, trừ đói khát sinh tử, nhập hành xứ Như Lai.

Thiện nam! Thế nào là đạo trang nghiêm của Bồ-tát? Thiện nam! Bồ-tát trang nghiêm thệ nguyện, nương vào Đại thừa, trừ tà đạo, tu đạo chân chánh đạt trí Nhất thiết chủng. Chánh đạo là không bỏ pháp lành nên luôn mong mỏi; không thoái chuyển đạo Bồ-đề, siêng năng tu tập; không mất căn lành, không phóng túng; thuần tịnh, kiên định, không bỏ mọi việc; ngưỡng pháp tối thắng; luôn luôn cầu công đức; siêng học trí sáng không bỏ dở.

Thiện nam! Đạo của Bồ-tát là bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn định không, năm Thần thông, ba Phước nghiệp, ba Học, sáu Hòa kính, sáu Niệm, bốn Nhiếp pháp, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, ba môn Giải thoát, biết phương

tiện ấm, giới, nhập, đế, nhân duyên. Thành tựu đạo đó, Bồ-tát tùy thuận nhập sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật của Bồ-tát, hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thể hành, được chư Phật khen ngợi, từ kim khẩu Phật. Bồ-tát biết thật tánh của các pháp, an trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật xuất thế gian. Thế nào là an trụ? Thiện nam! Bồ-tát thành tựu trí tuệ phương tiện cầu đạo Bồ-đề; thật biết về năm thọ ấm; biết sắc vô thường nhưng hành bố thí; biết sắc khổ, vô ngã, chậm lụt, không trí, như huyễn, như trăng dưới nước, như mộng, như bóng, như tiếng vọng, không nhân, không chủ tể, không nuôi dưỡng, không, không tướng, không nguyện, không tạo tác, không sinh khởi, không xuất, không hình, tịch tĩnh, xa lìa, không kết thúc, không thành, như hư không nên nguyện không, nguyện không nên sắc thí không; sắc thí nguyện không nên Bồ-đề không, Bồ-đề không nên sắc thí nguyện không; biết rõ các pháp cùng tánh Bồ-đề.

Thiện nam! Đó là Thí ba-la-mật xuất thế gian của Bồ-tát. Thọ, tưởng, hành cũng thế. Bồ-tát biết thức vô thường, vô ngã, khổ, độn, không trí, như huyễn, như dợn nắng, như trăng dưới nước, như mộng, như tiếng vọng, như vòng lửa, không ngã, không chúng sinh, không thọ mạng, không nhân, không chủ tể, không nuôi dưỡng, Không, Vô tướng, Vô nguyện, không tạo tác, không sinh

khởi, không xuất, không hình, tịch tĩnh, xa lìa, không kết thúc, không thành tựu, như hư không, như tánh Niết-bàn nên hành bố thí. Lúc Bồ-tát bố thí, vì thí không nên biết thức không, thức không nên thí không; thức thí nguyện không nên Bồ-đề không, Bồ-đề không nên thức thí nguyện không.

Thiện nam! Đó là Thí Ba-la-mật xuất thế gian của Bồ-tát.

Thiện nam! Bồ-tát biết sắc vô thường nên hộ trì giới, biết sắc như tánh Niết-bàn nên hộ trì giới. Thọ, tưởng, hành cũng vậy. Bồ-tát biết thức vô thường, cho đến biết thức như tánh Niết-bàn nên giữ giới, biết giới không nên thức không… tất cả pháp cùng tánh Bồ-đề.

Thiện nam! Đó là Giới ba-la-mật xuất thế của Bồ-tát. Nhẫn, Tinh tấn, Thiền ba-la-mật cũng thế. Bồ-tát biết sắc vô thường nên hành trí tuệ cho đến biết sắc như tánh Niết-bàn nên hành trí tuệ, biết thọ, tưởng, hành vô thường cho đến biết thức như tánh Niết-bàn nên hành trí tuệ. Vì trí tuệ bình đẳng nên biết thức bình đẳng; thức bình đẳng nên tuệ bình đẳng; tuệ thức bình đẳng nên nguyện bình đẳng; nguyện bình đẳng nên tuệ thức bình đẳng; tuệ thức nguyện bình đẳng nên Bồ-đề bình đẳng; Bồ-đề bình đẳng nên tuệ thức nguyện bình đẳng; tất cả pháp đều là tánh Bồ-đề.

Thiện nam! Đó là Bát-nhã ba-la-mật xuất thế

của Bồ-tát. Ấy là đạo Ba-la-mật xuất thế gian của Bồ-tát. Đạo đó bao hàm tất cả đạo. Vì sao là xuất thế gian? Thiện nam! Năm thọ ấm là thế gian. Bồ-tát khéo phân biệt năm ấm, quán năm ấm là vô thường như tánh Niết-bàn, biết trong đạo đó không có pháp thế gian, xuất thế gian, biết đạo đó là vô lậu, là xuất thế gian, không ràng buộc.

Thiện nam! Đó là đạo của Bồ-tát. Đạo: Cầu tất cả pháp như thật, phân biệt lựa chọn không thấy pháp, các pháp đó liên tục, không hai, không sai khác. Đạo đó không yêu ghét là bình đẳng; không tư duy quán sát là rộng lớn; không quanh co là ngay thẳng; không khúc hiểm là không gian dối; trừ các cái là không hệ thuộc; không dục, sân, hại, giác là không bụi nhơ; không tham sắc thanh hương vị xúc là an lạc; trừ việc ma là thanh lương; không phiền não oán giặc là không sợ; đạt Niết-bàn là giải thoát; thành tựu định là nước mát; khéo hiểu biết là luôn sáng suốt; tu Từ là thuốc hay; không bỏ đại Bi là siêng năng không chán; thường vui là sung sướng; thành tựu pháp Xả là không lỗi lầm; tùy thuận nhiếp pháp là giàu có; thành tựu sức Ba-la-mật, bố thí thức ăn; đạt trí Nhất thiết chủng; được Phật gia hộ là trừ bốn ma; không bỏ nguyện xưa là siêng năng không trở ngại; vượt dòng phiền não là không ai hơn; thế gian không thể khuất phục là không đối trị.

Thiện nam! Đạo này thành tựu vô lượng công

đức như thế. Tất cả các Hiền sĩ đều tu đạo ấy nên qua lại giáo hóa mọi loài; không phiền não nhưng hiện vào phiền não; quán sinh tử nhưng không chứng vị; đạt Không, Vô nguyện, Vô tướng; nhưng giáo hóa chúng sinh chấp kiến, tướng, nguyện, thị hiện nhập Niết-bàn của Thanh văn, Bích-chi-phật nhưng không bỏ sinh tử; vào các cõi nhưng kiên định pháp; giảng thuyết nhưng an định trong không ngôn ngữ; hiện mọi việc Phật, không bỏ hạnh Bồ-tát.

Thiện nam! Đó là thệ nguyện, Đại thừa, đạo trang nghiêm của Bồ-tát. Bồ-tát tự trang nghiêm bằng thệ nguyện, tu pháp Đại thừa, thuộc đạo xuất thế, chưa đạt Nhất thiết chủng trí nhưng hiện mọi việc Phật để độ sinh.

Lúc đó, từ trong pháp hội Bồ-tát Bảo Đức hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Thiện nam! Ông đã tu chánh đạo xuất thế này chưa?

–Đã tu! thế nào là tu?

–Như đạt đạo thanh tịnh.

–Thế nào là đạo thanh tịnh?

–Thiện nam! Ngã tịnh nên đạo tịnh.

–Thế nào là ngã tịnh?

–Như thế tịnh.

–Thế nào là thế tịnh?

–Sắc ở quá khứ tịnh. Vì sao? Vì sắc không đến

từ quá khứ. Sắc vị lai cũng tịnh. Vì sao? Vì sắc không đi về vị lai. Sắc hiện tại tịnh. Vì sao? Vì sắc hiện tại không dừng.

Thiện nam! Đó là thế tịnh. Thọ tưởng hành thức quá khứ tịnh. Vì sao? Vì thức quá khứ không đến; thức vị lai tịnh. Vì sao? Vì thức vị lai không đi, thức hiện tại tịnh. Vì sao? Thức hiện tại không dừng.

Thiện nam! Đó là thế tịnh. Vì thế tịnh nên ngã tịnh, ngã tịnh nên đạo tịnh.

Bồ-tát Bảo Đức hỏi:

–Thiện nam! Làm sao để đạo tịnh?

–Tạo ánh sáng trí tuệ. Với sức của trí sáng, biết rõ các pháp quá khứ, vị lai.

–Thế nào là pháp quá khứ, vị lai?

–Các pháp ở quá khứ không sinh, ở vị lai không diệt. Đó là thấy quá khứ vị lai.

–Thế nào là thấy quá khứ, vị lai?

–Trừ hai chấp.

–Thế nào là trừ hai chấp?

–Trừ đoạn thường. Thiện nam! Thấy pháp sinh và chấp pháp là chấp đoạn thường. Vì sao? Vì có sinh là có diệt. Có sinh diệt là chấp đoạn thường. Không thấy pháp sinh từ tự tánh tha tánh là thấy nhân duyên; thấy nhân duyên là thấy pháp; thấy pháp là thấy Như Lai, thấy Như Lai là thấy như như; thấy như như là không chấp thường đoạn;

không đoạn thường là không sinh diệt.

Bồ-tát Bảo Đức lại hỏi:

–Thiện nam! Nếu không sinh diệt làm sao có danh số?

Bồ-tát Hư Không Tạng đáp:

–Giả ngôn thuyết nên gọi là pháp.

Thiện nam! Như trong hư không có các sắc khác nhau: Xanh, vàng, đỏ, trắng, tím, pha lê, lưu ly, thô, tế, dài, ngắn, vuông, tròn. Hư không không nhiễm các pháp đó. Tự tánh của các sắc là không. Các pháp cũng vậy, đồng tánh với hư không, chỉ giả đặt nên có danh số, tức những thứ gọi là pháp lành, pháp ác, thế gian, xuất thế gian, nên làm, không nên làm, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi. Bồ-tát không làm việc trái đạo. Mọi việc phước đức đều là giả, không phải thật, không kiên cố. Bồ-tát biết tất cả hạnh không phải hạnh, bình đẳng, không tướng, thành tựu sức Bát-nhã ba-la-mật, hồi hướng Bồ-đề trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì không mong cầu nên Bồ-tát an trụ trong giới thanh tịnh, tu giải thoát vô nguyện, viên mãn các nguyện, biết tánh sinh tử là tánh Niết-bàn, tuy nhập Niết-bàn nhưng hành hạnh Bồ-tát để trừ vọng tưởng điên đảo của chúng sinh, không thấy pháp nào có thể hành.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát nhập Niết-bàn hành hạnh Bồ-tát.

Thiện nam! Mọi sự tạo tác đều là sinh tử, không tạo tác là Niết-bàn mà hành hạnh Bồ-tát.

Thiện nam! Tham chấp, hư vọng, chấp tướng, tranh cãi là sinh tử. Niết-bàn không có các tướng ấy. Bồ-tát không: Tham chấp, hư dối, tranh cãi, chấp tướng, hành hạnh Bồ-tát là Bồ-tát nhập Niết-bàn mà hạnh Bồ-tát.

Lúc nêu giảng pháp này, có năm trăm Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh. Khi ấy Đức Phật khen Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Hay thay, hay thay! Hiền sĩ, khéo giảng nói tánh pháp hợp hạnh Bồ-tát chân thật không khác.

Hư Không Tạng thưa Phật:

–Thế Tôn! Đó là công của Như Lai. Vì sao? Vì nhờ tuệ trí sáng của Như Lai nên con có biện tài ấy. Thế Tôn! Như mặt trời chiếu sáng cõi Diêm-phù-đề. Nhờ sức oai đức của mặt trời nên người sáng mắt thấy mọi hình sắc, làm mọi việc. Sức trí sáng của Như Lai soi rọi chúng sinh và cõi nước cũng vậy. Thật tánh của các pháp là không thể nói năng. Tánh của ngôn ngữ như hư không. Vì thế tánh các pháp không thể đếm. Nếu đếm được sẽ có giới hạn, là hữu vi, có thể biết, đoạn, tu, có chứng đạt. Con tư duy, quán sát phân biệt, không thấy pháp nào có thể biết, đoạn, tu chứng nên không đạt. Vì sao? Vì các pháp không sinh. Thấy các pháp như vậy, không nhiễm chấp pháp, không

tham chấp, không gần gũi, không giữ lấy. Nghĩa là sắc dù thường, vô thường vẫn không lấy giữ; thọ tưởng hành thức dù là thường, vô thường vẫn không giữ lấy. Sắc khổ, vui, có ngã, không ngã, sạch, nhơ vẫn không giữ lấy. Sắc là không, không không vẫn không lấy giữ. Thọ tưởng hành thức cũng vậy; sắc là lìa, không lìa, vẫn không giữ lấy. Thọ tưởng hành thức cũng thế. Vì không giữ lấy, Bồ-tát đạt Tam-muội Vô thọ, được Phật thọ ký bằng tâm thông vô thượng. Bồ-tát tuy nhập Niết-bàn, biết tánh chúng sinh là Niết-bàn nhưng không bỏ thệ nguyện và đại Bi để hóa độ muôn loài. Thế nào là Bồ-tát nhập Niết-bàn hành hạnh Bồ-tát? Thiện nam! Mọi tạo tác là sinh tử, không tạo tác là Niết-bàn. Với trí chân chánh, Bồ-tát biết các hành không tướng, với mắt sáng Bồ-tát hiểu rõ và giảng về trí sáng của Phật.

Bồ-tát Bảo Đức hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Thiện nam! Cớ sao ông lại ẩn giấu trí mình cho là nhờ oai lực của Như Lai?

–Thiện nam! Như Lai lẽ nào đã không dạy là giấu lành, hiển ác sao?

–Thiện nam!

Tôi xin hỏi, ông tùy ý trả lời:

–Thiện nam! Ông nghĩ sao: Nếu không có Rồng, chúa A-na-bà-đạt-đa thì ao A-nậu có chảy thành bốn sông để chúng sinh dùng nước không?

Bồ-tát Bảo Đức đáp:

–Không, thiện nam! Nếu không có Như Lai sẽ không có luật pháp, Bồ-tát không làm sao đạt được biển trí lớn, không thể đem lại lợi ích cho mọi loài. Như Lai ra đời nên có luật, pháp, Bồ-tát thành tựu biển trí, độ sinh, vì vậy mọi khả năng biện luận, lợi sinh của Bồ-tát đều là nhờ oai lực của Như Lai.

Bảo Đức lại hỏi:

–Thiện nam! Khả năng biện tài của chư Phật có chuyển đến tâm Bồ-tát không?

Đáp:

–Không.

Hỏi:

–Vì sao lại nói nhờ oai lực của Như Lai nên đạt được biện tài?

Thiện nam! Ví như khéo trồng cây trái, nhờ nhân duyên hòa hợp nên có ăn trái. Song cây không phải là trái, trái không rời cây.

Thiện nam! Như Lai giảng pháp. Bồ-tát tùy thuận hành pháp, đạt biện tài trí sáng. Nhờ Phật dạy mà đạt chứ không phải là chuyển.

Bồ-tát Bảo Đức thưa:

–Hy hữu thay! Thiện nam! Pháp nhân duyên sinh thật là sâu xa khó lường.

Bồ-tát Hư Không Tạng nói:

–Thiện nam! Tất cả các pháp vốn không sinh.

Bảo Đức nói:

–Thiện nam! Các pháp do duyên sinh.

Hư Không Tạng nói:

–Sinh thì đã sinh, chưa sinh lại sinh.

Bảo Đức nói:

–Thiện nam! Sinh rồi không sinh, chưa sinh cũng không sinh.

Hư Không Tạng nói:

–Thiện nam! Trong duyên có nhân?

Đáp:

–Không.

Hỏi:

–Trong nhân có duyên?

Đáp:

–Không.

Hỏi:

–Nhân duyên có tánh?

Đáp:

–Không.

Hỏi:

–Các pháp không do nhân duyên sinh?

Đáp:

–Không.

Thiện nam! Vì thế tất cả pháp không có tự tánh, không sinh khởi, không xuất. Vì duyên không sinh nhân, nhân không sinh duyên, tự tánh không sinh tự tánh, tha tánh không sinh tha tánh;

tự tánh không sinh tha tánh, tha tánh không sinh tự tánh, vì thế tự tánh của các pháp không sinh. Vì sao? Vì như như, không sinh diệt, tánh của pháp thật không sinh diệt, cũng như vậy, các pháp Như Lai giác ngộ cũng không sinh diệt.

Bồ-tát Bảo Đức hỏi:

–Thiện nam! Như Lai cũng không ra đời?

Hư Không Tạng đáp:

–Không nên nói. Vì sao? Với Như Lai, tất cả pháp đều không thể nói, không thể nói là xuất, không xuất. Người nào hỏi Như Lai ra đời hay không ra đời, bậc trí cho là hủy báng Như Lai, nên an trụ không cần đáp.

Hỏi:

–Thế nào là an trụ?

Đáp:

–An trụ như tánh hư không, trụ nơi không trụ. Tánh pháp cũng trụ như vậy. Tánh chúng sinh cũng thế. Tất cả các pháp đều vậy, Như Lai an trụ như thế, trụ nơi không trụ. Vì không nơi trụ nên không trụ, không không trụ. Vì vậy không thể nói là sinh, là diệt.

Bảo Đức nói:

–Thiện nam! Việc ra đời của Như Lai rất là sâu xa.

Hư Không Tạng nói:

–Thiện nam! Hiểu rõ pháp duyên sinh là sự ra

đời của Phật.

Bảo Đức hỏi:

–Thiện nam! Ai hiểu lời này?

Đáp:

–Người không thấy pháp thêm bớt.

Hỏi:

–Thế nào là tăng thêm?

Đáp:

–Tăng là tăng thượng, nghĩa là trong không thấy có tăng lên. Không tăng lên là bình đẳng, không sinh, không văn tự, không câu nghĩa, không dạy. Trong không dạy không có tăng lên, không tâm ý thức nên không câu nghĩa. Ví như chim bay trong không, không có dấu vết, trong không có lại nói dấu chim. Nơi các pháp không có văn tự. Nơi không cú nghĩa giả gọi là cú nghĩa. Như không dấu vết giả gọi là dấu vết. Như Lai ra đời cũng không có sự ra đời, nhưng giả gọi là ra đời. Vì thế bậc trí không nên chấp trước. Vì không chấp trước nên giả gọi là ra đời, nhưng luôn sống trong không ra đời. Vì sao? Vì không sinh là thật tánh của các pháp. Không sinh thì không sở hữu, vì thế, nêu nói tánh của các pháp là không sở hữu. Tánh không sở hữu không có nơi dừng, không dừng trụ. Các pháp không dừng là thực tế, thật tế là các pháp. Vì vậy có câu: Các pháp bình đẳng với thật tế. Thực tế là ba sự phân đoạn: Không thể

hoại, không thường đoạn, như thật. Ba đời bình đẳng. Các pháp bình đẳng với thời gian. Vì sao? Vì thật tế và ngã không hai, không khác biệt, thật tế và chúng sinh, thọ mạng, dưỡng dục cõi người là không hai, không khác biệt. Thật tế và chấp ngã không hai, không khác. Trong chấp ngã không có thật tế. Thấy biết như vậy thì không có hai mươi thứ chấp ngã. Vì sao? Vì trong thật tế không có một nhiều, thật tế bình đẳng như nhau, không đến đi đoạn diệt, rốt ráo không, vì thế nêu nói các pháp không cùng tận. Niết-bàn không cùng tận. Nghĩa là không nên không tánh, Niết-bàn không tận không không tận, các pháp cũng vậy. Vì vậy có câu: Niết-bàn và các pháp bình đẳng. Các pháp không bình đẳng không không bình đẳng, không có sự so sánh, các pháp cũng vậy. Vì thấy có sự so sánh nên thấy có Niết-bàn, và cầu đạt Niết-bàn nên trái với Hiền thánh. Thấy có Niết-bàn nên cần đoạn, cần biết, cần chứng, cần tu, cần sinh, cần diệt. Nếu không đủ các hạnh ấy sẽ không thật biết, không hiểu, không hay. Vì không hiểu biết, thấy, hay các pháp, nên chấp nơi văn tự, tranh chấp các pháp, thật đáng thương. Vì sao? Vì Như Lai dạy: Pháp Sa-môn không nên tranh chấp.

Lúc này, Đại đức Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Hy hữu thay! Đức Thế Tôn! Biện tài của hiền sĩ này thật là sâu xa khó lường khó hiểu, không thọ học các pháp ở người khác, tự thân chứng đạt

nên nói như thế.

Bồ-tát Hư Không Tạng nói với A-nan:

–Đại đức! Tôi tự thân chứng biết nên nói như vậy. Vì sao? Vì thân tôi là hư không, từ hư không chứng biết các pháp, ấn định các pháp. Đại đức A-nan! Các Bồ-tát tu thân, khéo hiểu tướng thân, làm mọi việc Phật, hiện vô số sắc thân, không thoái chuyển Pháp thân, không rời thân tạo nghiệp, không vượt tánh bình đẳng, tự tại hiện thân biến hóa, thị hiện trong tất cả cõi Phật, không ẩn thân Ứng hóa. Các hạnh đó đều là hạnh thân chứng.

Tôn giả A-nan hỏi:

–Thiện nam! Ông ở nơi pháp từng có chứng đắc?

–Đại đức A-nan! Tôi không thấy pháp lìa nơi thân, thân lìa nơi pháp.

–Thiện nam! Nếu ông tự chứng thì ông đạt quả A-la-hán?

Đáp:

–Đại đức! Không đạt, không chứng, không gì đạt, không phiền não trong các pháp, trừ tham, sân, si là A-la-hán.

A-nan hỏi:

–Thiện nam! Lúc nào ông Niết-bàn?

Đáp:

–Đại đức! A-la-hán không Niết-bàn, biết các pháp là Niết-bàn, không có tướng Niết-bàn, kẻ

ngu mới phân biệt tranh cãi. Cho đây là sinh tử, đây là Niết-bàn. A-la-hán không tranh cãi như vậy.

Tôn giả A-nan nói:

–Thiện nam! Theo sự hiểu biết của tôi thì ý ông là Bồ-tát không nên nói là phàm phu, là học, không học, trừ hai tướng.

–Đại đức! Hay thay, hay thay! Vì không phải là phàm phu, học, không học nên có thể hiện hữu mọi nơi, không chấp trước.

Lúc ấy, năm trăm đại Thanh văn cúng y Uất-đa-la-tăng của mình lên Bồ-tát Hư Không Tạng, đồng thanh thưa:

–Chúng sinh nào khởi tâm sâu xa phát tâm Bồ-đề vô thượng thì mau đạt lợi lớn, sống trong pháp tạng của trí lớn. Khi đó y dâng lên không hiện.

Các Thanh văn hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Y đâu rồi?

Đáp:

–Vào trong tạng của ta. Như Lai biết rõ, các ông hãy hỏi.

Các Thanh văn bạch Phật:

–Thế Tôn! Y đâu rồi?

Phật nói:

–Cách đây vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật về phương Đông có cõi Ca-sa tràng. Phật nơi cõi ấy hiệu Sơn Vương Như Lai. Bồ-tát Hư Không Tạng

đã đưa số y đến cõi đó.

Các Thanh văn thưa:

–Thế Tôn! Vì sao lại đưa số y đến đấy?

Phật nói:

–Vì muốn số y này làm việc Phật ở cõi đó. Bồ-tát Hư Không Tạng ở đấy thuyết giảng Tam-muội Hư không. Tam-muội này ở trong y phục ấy sẽ phát ra tiếng pháp. A-tăng-kỳ Bồ-tát ở cõi đó nghe tiếng pháp đều đạt pháp Nhẫn vô sinh. Các ông nên biết! Bồ-tát luôn làm mọi cách để tạo lợi ích lớn cho chúng sinh.

Lúc nêu giảng pháp này, trong hư không rải vô lượng hoa sắc vàng, ngập cả giảng đường Diệu bảo trang nghiêm, trong hoa vang ra tiếng pháp. Chúng sinh nào tin lời của Bồ-tát Hư Không Tạng, tùy thuận, tư duy phân biệt nghĩa đó đều được ấn định không thoái chuyển, nhất định sẽ đến đạo tràng.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thế Tôn! Đó là điềm lành gì?

Phật nói:

–Phạm thiên Quang Minh Trang Nghiêm và sáu mươi tám trăm ngàn Thiên chúng định đến đây.

Vừa dứt lời, Phạm thiên và phạm chúng đã xuất hiện ở giảng đường Diệu bảo trang nghiêm. Họ lạy Phật, đi quanh bảy vòng, đứng qua một

bên, chắp tay hướng về Phật, thưa:

–Hy hữu thay! Thế Tôn! Bồ-tát Hư Không Tạng thật không thể nghĩ bàn, thanh tịnh giới, tu tập định, đủ trí lớn, đạt thần thông biến hóa, trọn vẹn thệ nguyện, thành tựu phương tiện quyền biến, trang nghiêm thân, khẩu, ý, tự tại trong các pháp. Bồ-tát không tạo nghiệp thân, khẩu, ý, không phân biệt nghĩ nhớ, nhưng lại hiện thần biến không thể nghĩ bàn, vô lượng trăm ngàn pháp môn, xuất nhập trăm ngàn Tam-muội, từ xưa đến nay luôn tu pháp lành. Thế Tôn! Bồ-tát cần biết rõ nhân tu từ xưa, không chán nản với pháp lành. Vì sao? Vì đây là quả báo của nhân lành xưa. Nhờ đó hiện thần thông không thể nghĩ bàn.

Phật bảo Phạm thiên:

–Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói, Bồ-tát thành tựu căn lành và trí phương tiện giải thoát, hiện công đức không thể nghĩ bàn, không nghĩ nhớ phân biệt, nhưng không gì là không phân biệt.

Phạm thiên bạch Phật:

–Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát tu tư lương căn lành và trí phương tiện giải thoát?

Phật nói:

–Căn lành có ba: Không tham, không sân, không si. Tư lương: bỏ tất cả việc tu từ, quán pháp. Phương tiện: bỏ địa phàm phu, không thích nghe địa Thanh văn, Bích-chi-phật, tiến nhập địa Bồ-

tát. Trí: trí biết bỏ pháp ác, biết tu pháp lành, biết hồi hướng Bồ-đề. Bồ-tát an trụ nơi chánh hạnh như thế là giải thoát.

Căn lành là phát tâm Bồ-đề vô thượng. Tư lương: Cầu tất cả pháp lành. Phương tiện: Không quên việc lành đã làm chưa làm. Trí: Biết tâm như huyễn hóa. Hiểu rõ các pháp là giải thoát.

Căn lành là thuần tịnh. Tư lương: Phát khởi. Phương tiện: Tâm sâu xa. Trí: Không giữ, không động. Giải thoát: Hành các pháp như thế.

Căn lành: Mong mỏi pháp lành. Tư lương: Thăng tiến. Phương tiện: An trụ không phóng túng. Trí: Không chấp trước. Giải thoát: Hành các pháp đó.

Căn lành: Tin đúng. Tư lương: Không bỏ bản nguyện. Phương tiện: Không bỏ niệm định. Trí: Tuệ. Giải thoát: An trụ các hạnh đó.

Căn lành: Làm vui lòng các Thiện tri thức. Tư lương: Cúng vật cần dùng, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tạo lợi ích. Phương tiện: Xem Thiện tri thức như Phật. Trí: Biết hỏi pháp đúng thời, an trụ các hạnh đó là giải thoát.

Căn lành: Tùy thừa nghe pháp. Tư lương: Thọ trì không quên. Phương tiện: Quán sát pháp đã nghe. Trí: Hành đúng pháp, an trụ hạnh đó là giải thoát.

Căn lành: Vui gặp Phật. Tư lương: Bảo hộ các

pháp Ba-la-mật, nhiếp pháp, trợ đạo. Phương tiện: Đạt từng địa. Trí đạt pháp Nhẫn vô sinh, an trụ như thế là giải thoát.

Phạm thiên bạch Phật:

–Hy hữu thay Thế Tôn! Như Lai dùng bốn nghĩa tóm thâu tất cả hạnh của Bồ-tát. Thế Tôn! Muốn tìm hiểu pháp Phật nên tìm từ đó.

Khi ấy, Bồ-tát Hư Không Tạng nói với Phạm thiên:

–Một câu cũng tóm thâu hết pháp Phật. Một câu đó là lìa dục. Vì sao? Vì pháp Phật là lìa dục. Tất cả pháp đều thế. Phạm thiên lại có một câu: Không. Pháp Phật như hư không, các pháp đều thế. Lại có một câu: Không tướng, không nguyện, không tạo tác, không sinh khởi, như như, tánh pháp, chân thật, trừ, diệt, Niết-bàn, tóm thâu tất cả pháp Phật. Vì pháp Phật là Niết-bàn, các pháp khác cũng vậy. Phạm thiên! Đó là một câu tóm thâu tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì câu không phải câu. Pháp Phật không phải câu, giả gọi là câu.

Phạm thiên! Dục là lìa dục. Vì sao? Vì tánh lìa dục là dục. Pháp Phật cùng tánh đó. Sân là lìa sân. Vì sao? Vì tánh lìa sân là sân. Si lìa si. Vì sao? Tánh lìa si là si. Pháp Phật cùng tánh đó, chấp thân là thực tế. Vì sao? Vì tánh của thật tế là Pháp thân. Pháp Phật cùng tánh đó. Khổ não là lìa khổ não. Vì sao? Tánh lìa khổ não là khổ não. Pháp Phật

cùng tánh đó. Sắc là hư không. Vì sao? Tánh của hư không là sắc. Tánh pháp Phật là vậy. Thọ tưởng hành thức không tạo tác. Vì sao? Vì tánh không tạo tác là thức. Tánh pháp Phật cũng thế. Nước, lửa, gió là pháp giới. Vì sao? Tánh của pháp giới là gió. Tánh pháp Phật là vậy. Mắt là Niết-bàn. Vì sao? Vì tánh của Niết-bàn là mắt. Pháp Phật cùng tánh đó. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là Niết-bàn. Vì sao? Vì tánh Niết-bàn là ý. Pháp Phật cùng tánh đó.

Phạm thiên! Đó là một câu tóm thâu tất cả pháp Phật. Bồ-tát nhập trí, thấy pháp Phật nhập vào một câu. Phạm thiên! Như biển lớn đón nhận tất cả các dòng nước. Cũng thế, trong mỗi câu đều tóm thâu tất cả pháp Phật. Như hư không dung nạp hết thảy hình sắc, cũng thế mỗi câu đều tóm thâu tất cả pháp Phật. Tất cả pháp Phật thâu giữ không thâu giữ, nói không nói, không thêm bớt, rốt ráo lìa tướng. Phạm thiên! Như nhà toán thuật tính toán mọi số, tất cả đều nằm trong các số, song trong các số không có sự tính đếm, trong sự tính đếm không có các số. Vì sao? Vì không tương ưng, xa lìa, trong mỗi câu giả gọi là các số. Tất cả pháp Phật đều nhập trong một câu, nhưng pháp Phật không thể tính đếm, không tương ưng, xa lìa.

Phạm thiên! Danh số pháp Phật là danh số các pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp là pháp Phật. Pháp này không phải pháp, không phải phi pháp, tự tánh là không, xa lìa, không tánh, hư không. Tánh hư

không là tánh các pháp. Tánh pháp không phải là tướng sinh diệt, không phải có nơi, không nơi. Vì thế các pháp được gọi là không tướng, không phi tướng.

Lúc giảng nói pháp này, có một vạn hai ngàn Phạm thiên phát tâm Bồ-đề vô thượng, năm ngàn Phạm thiên đã từng trồng căn lành, đạt pháp Nhẫn vô sinh. Khi đó, Bồ-tát Bảo Thủ hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Hy hữu thay! Thiện nam! Tất cả các pháp và pháp của Như Lai đều sâu xa khó lường, không thể nghĩ bàn.

Thiện nam! Những gì là căn bản của pháp Phật?

Bồ-tát Hư Không Tạng đáp:

–Tâm Bồ-đề là căn bản của pháp Phật, vì tất cả đều trụ trong tâm Bồ-đề nên được phát triển.

Bồ-tát Bảo Thủ hỏi:

–Pháp nào thâu gồm Bồ-đề để không quên mất để sớm đạt địa không thoái chuyển?

Đáp:

–Có hai pháp thâu tóm tâm Bồ-đề: Thuần tịnh và cứu cánh.

Hỏi:

–Hai pháp này thuộc pháp nào?

–Hai pháp này thuộc bốn pháp: Thuần tịnh là không dối trá, không cong quẹo, cứu cánh thuộc

vô ngã và tiến tu.

Hỏi:

–Bốn pháp đó thuộc pháp nào?

–Bốn pháp đó thuộc tám pháp: Không dối trá thuộc không do dự, thể chân tịnh, không quanh co thuộc chánh trực, chánh trụ; vô ngã là không thoái lui, tiến tới; tiến tu thuộc công đức và trí.

Hỏi:

–Tám pháp này thuộc pháp nào?

Thuộc mười sáu pháp: không do dự thuộc đại Từ, đại Bi; thể chân tịnh thuộc điều phục thân, tâm; chánh trực thuộc nhẫn nhục, nhu thuận chánh trụ thuộc về không kiêu mạn, không trở ngại. Không thoái chuyển thuộc về kiên cố và oai lực. Tiến tới thuộc nghiệp và chánh hạnh; công đức thuộc vừa phát khởi và rốt ráo không bỏ, trí thuộc cầu học rộng và tư duy pháp.

–Mười sáu pháp này thuộc pháp nào?

–Thuộc ba mươi hai pháp: Đại Từ thuộc tâm không ngại và tâm bình đẳng với chúng sinh; đại Bi thuộc không chán ghét và luôn ban cho chúng sinh; điều phục thân thuộc không nhiễu loạn, không tổn hại; Điều phục tâm thuộc tâm định và tịch tĩnh; nhẫn nhục thuộc học chánh pháp và tùy thuận thực hành; nhu thuận thuộc hổ thẹn; không kiêu mạn thuộc khiêm nhường, lễ kính; không trở ngại thuộc không nhơ uế và không bức bách; kiên

cố thuộc không phạm luật và thành tựu bản nguyện; oai lực thuộc trụ ý chánh và không dao động; làm mọi việc thuộc giảng thuyết và thực hành; chánh hạnh thuộc chánh phát và chánh tiến; vừa phát thuộc tất thắng và không thoái lui; không bỏ thuộc thích thù thắng và cầu tiến; cầu học rộng thuộc gần gũi và làm vui Thiện tri thức; tư duy pháp thuộc trí tuệ và khéo quán sát.

–Ba mươi hai pháp này thuộc pháp nào?

–Thuộc sáu mươi bốn pháp: Tâm không ngại thuộc bảo vệ mình người; tâm bình đẳng với chúng sinh thuộc không sai khác và một vị; không chán ghét thuộc quán như mộng và hiểu biết sinh tử như huyễn; luôn ban cho thuộc thần túc và phương tiện; không não loạn thuộc xấu hổ và tin nghiệp báo; không tổn hại thuộc ít muốn, biết đủ; định thuộc không phiền não, không tán loạn; tịch tĩnh thuộc trừ ngã và sở hữu ngã; thọ chánh giáo thuộc cầu pháp và mong pháp; thuận hành thuộc kính trọng và bình đẳng không mỏi mệt; Hổ thuộc đoạn trừ bên trong và không khởi bên ngoài; Thẹn thuộc tin thích trí Phật, không làm ác dù không ai biết; khiêm nhường thuộc không kiêu mạn, hạ mình; lễ kính thuộc thân đoan nghiêm, tâm ngay thật; không ô uế thuộc tịch tĩnh và tu trí tuệ; không cưỡng bức thuộc không thô bạo, không hai lời; không phạm luật không bỏ tâm Bồ-đề, niệm đạo tràng; thành tựu bản nguyện thuộc bỏ việc

ma, đủ thần lực Phật; trụ ý chánh thuộc không thô tháo, không động loạn; không dao động thuộc núi đá, không thể di dời; giảng thuyết thuộc làm lành, không tổn não; thực hành thuộc không hư dối, hướng đến chánh pháp; chánh phát thuộc trừ hai chấp, quán nhân duyên sâu xa; chánh tiến thuộc thiện xảo và phương tiện; tất thắng thuộc không lười biếng, dũng mãnh; không thoái lui là thuộc mong mỏi và tiến lên; thích thù thắng thuộc gặp Phật, nghe pháp; cầu tiến thuộc trừ tội lỗi và đạt công đức các địa; gần gũi Thiện tri thức thuộc không ganh ghét, tin thích; làm vui Thiện tri thức kính thuận và không trái lời; trí tuệ thuộc quán vô thường và vô ngã; khéo quán thuộc tu không tướng và không chấp Niết-bàn. Sáu mươi bốn pháp này thuộc pháp nào? Thuộc một trăm hai mươi tám pháp: Bảo vệ mình thuộc đoạn ác, làm lành; bảo vệ người thuộc nhẫn nhục, nhu thuận; không sai khác thuộc tâm như nước, như gió; một vị thuộc quán pháp giới và như như; như mộng thuộc không di chuyển, không chân thật; như huyễn thuộc thị hiện tùy cơ, không tự tánh; thần thông thuộc nghĩa, trí tối thắng; phương tiện thuộc đại Bi và Bát-nhã ba-la-mật, xấu hổ thuộc không giấu lỗi, hối lỗi; tin nghiệp báo thuộc không phóng túng, sợ cõi ác; ít muốn thuộc thanh tịnh cõi hữu hạn, trừ uế đời trước, biết đủ thuộc dễ nuôi dạy; không phiền não thuộc cứu cánh, rốt

ráo; không tán loạn thuộc đạt nhẫn và địa không thoái chuyển; trừ chấp ngã thuộc không chấp thân mình và thọ mạng; trừ sở hữu ngã thuộc không, không si; cầu pháp thuộc trí và đoạn; mong pháp thuộc không tham năm dục và trừ phiền não; kính trọng tôn như Phật, luôn cứu giúp; không mỏi mệt thuộc thân nhẹ nhàng, ít ngủ; trừ tâm bên trong thuộc thân và thọ niệm xứ; không hành bên ngoài thuộc tâm và pháp niệm xứ; tin thích trí Phật thuộc kính trọng và thanh tịnh lòng tin; không làm ác dù không ai thấy thuộc tự chứng biết và Thiên thần chứng biết; không kiêu mạn thuộc chẳng tự khen mình chê người; hạ mình thuộc không khen suông, không khoe đức mình; thân đoan nghiêm thuộc không tạo ba nghiệp ác, không phạm giới cấm; tâm ngay thật thuộc tự răn mình, không nói lỗi người; tịnh định thuộc tịnh tâm và diệt phiền não; tu trí tuệ thuộc phân biệt pháp, biết không ngã; không thô bạo thuộc luôn làm việc lợi ích, tùy thuận nhẫn nhục; không hai lời thuộc hòa thuận với bà con, giúp người hòa hợp; không bỏ tâm Bồ-đề thuộc vì chúng sinh và trí Phật; niệm đạo tràng thuộc diệt quân ma, thành Chánh giác; bỏ việc ma thuộc quán đúng và không bỏ chí Bồ-đề; được thần lực Phật thuộc hạnh kiên cố và thuần tịnh; không thô tháo thuộc giữ các căn, không bỏ cảnh giới; không dao động thuộc quán khổ, quán không; như núi đá thuộc không cao

thấp; không thể di dời thuộc đoạn ái, trừ sân; làm lành làm bằng trí, bỏ việc ma; không nhiệt não thuộc tịnh giới, định; không hư dối thuộc lời thành thật, không quên quả báo; không bỏ nơi về thuộc thành tựu hạnh Hiền sĩ, không nhu nhược; trừ hai chấp thuộc quán không sinh, không hoại; quán nhân duyên sâu xa thuộc quán nhân quán duyên; thiện xảo thuộc không tranh chấp, không kiêu mạn; phương tiện thuộc phương tiện xa lìa và không sinh; không lười biếng thuộc lực thân và tâm; dũng mãnh thuộc tâm thắng tiến, trừ oán thù; mong mỏi thuộc không cầu lợi dưỡng, không tiếc thân mạng; tăng tiến thuộc không ngu si, không thoái lui; gặp Như Lai thuộc niệm Phật và làm thanh tịnh lòng tin; nghe pháp thuộc thích đến giảng đường, thích học hỏi; trừ lỗi các địa thuộc không tán loạn, xa lánh kẻ ác; đạt công đức các địa thuộc hồi hướng phương tiện, không bỏ bản hạnh; không ghen ghét thuộc cho tất cả, cho tùy thích; tin thích thuộc hạnh không ô uế, tâm không nhơ; kính thuận thuộc biết sự thích nghi của thế gian, tùy thuận hành; không trái lời dạy thuộc trừ pháp nhơ, tịnh chánh hạnh; quán vô thường thuộc quán sự chuyển động và sự hư hoại; quán vô ngã thuộc không thấy người làm, người nhận; tu vô tướng thuộc không duyên cảnh giới; trừ giác quán; không chấp Niết-bàn thuộc trừ vô minh, đoạn ái chấp.

Nghe pháp đó, Bồ-tát Bảo Thủ vui mừng khôn tả, thưa với Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Hy hữu thay! Đại sĩ! Ông sớm thành tựu biện tài nhanh nhẹn và khéo léo, tùy hỏi đáp tất cả. Theo sự hiểu biết về nghĩa văn của ông thì dù một kiếp hay hơn thế vẫn không thể nói hết, không thể đoạn trừ.

Lúc đó, Phật bảo Bảo Thủ:

–Dù chỉ là một nghĩa, Bồ-tát Hư Không Tạng đã thành tựu biện tài không thể nghĩ bàn như vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Bảo Thủ đưa tay che kín giảng đường Diệu bảo trang nghiêm. Từ trong tay, rải vô số hoa hương anh lạc, hương bột, hương xoa, y phục, cờ, phướn, lọng cúng dường Phật và Bồ-tát Hư Không Tạng. Trong hư không tự nhiên vang ra trăm ngàn tiếng nhạc, và có tiếng kệ khen Phật:

Giữ đức mở đức đủ trăm đức
Điều phục tâm ý không dao động
Hàng phục trời, người, hiền sĩ, tăng
Đầy đủ mười Lực vang mười phương.
Thành tựu oai đức Đấng Tự Tại
Thâu phục lo sợ, trừ si ám
Độ thoát trời người kẻ phiêu bạt
Lấp chặt đường ác được thanh tịnh.
Âm thanh vi diệu khéo thuyết giảng
Tiếng nói điềm tịnh không sai lầm
Ba cõi không bằng, không ba cấu

Thuyết giảng ban vui cho tất cả.
Ý niệm kiên cố thích tịch tĩnh
Tối thắng hàng phục mọi oai lực
Đoạn trừ hư dối đạt cam lồ
Không vướng lụy trần chúng kính ngưỡng.
Thế Tôn an trụ trong đại chúng
Hóa độ vô lượng chúng mười phương
Tùy thuận tất cả hạnh chúng sinh
Con cũng vui thích tu hạnh này.
Mặt trời chiếu soi lưu chuyển mãi
Làm cho muôn hoa đều nở rộ
Trí Phật soi sáng lưu chuyển mãi
Cũng thế đệ tử được tỏ ngộ.
Như gió không ngừng, núi chẳng lay
Thanh tịnh hư không, sáng mặt trời
Phật phóng ánh sáng mưa cam lồ
Con xin lạy Phật và đại chúng.
Nước biển ngàn cõi có thể lường
Hư không mười phương còn đếm được
Tâm tánh chúng sinh có thể sánh
Công đức của Phật không thể bàn.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 18

Phẩm 8: BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG (Phần 5)

Dứt tiếng kệ, ma Ba-tuần cùng bốn binh ma đến chỗ Phật. Đến nơi, ma hóa thành trưởng giả, lạy Phật, đứng qua một bên, bạch Phật:

–Hy hữu thay, Thế Tôn! Các Đại sĩ đã thành tựu vô số thần biến không thể nghĩ bàn, lại có thể thị hiện các việc trang nghiêm cũng không thể nghĩ bàn. Thế Tôn! Đời sau có bao nhiêu chúng sinh nghe các thứ thần biến không thể nghĩ bàn này được khai ngộ, không nghi ngờ?

Phật nói:

–Đời sau, chúng sinh nghe kinh điển thần biến không thể nghĩ bàn này rất ít tin hiểu. Ba-tuần! Như chẻ một sợi lông thành trăm phần, dùng một phần để lấy từng giọt nước biển thì theo ngươi, lấy được nhiều hay ít? Nước còn lại nhiều hay ít?

–Thế Tôn! Số nước lấy được rất ít, số nước còn lại rất nhiều.

–Ba-tuần! Cũng thế, chúng sinh nghe tin kinh điển thần biến này rất ít, số không tin hiểu thì rất nhiều. Ba-tuần! Công đức của người hàng ngày đem vô số châu báu đầy khắp tam thiên đại thiên cõi nước để bố thí suốt hằng hà sa số kiếp, không bằng công đức của người tin hiểu kinh thần biến không thể nghĩ bàn này. Vì sao? Ba-tuần! Vì chúng sinh tin hiểu kinh thần biến không thể nghĩ bàn này là đích thân nghe từ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Vì sao? Ba-tuần! Vì nếu không từng gieo trồng căn lành thì nhất định không thể tin hiểu kinh này.

Ba-tuần! Sau khi ta nhập diệt, chánh pháp sắp diệt, chúng sinh kiêu mạn; chấp vào văn tự; không biết phương tiện; luôn tranh giành; không tư duy pháp; bỏ hạnh chân chánh; tham lợi dưỡng, danh tiếng, y phục, thức ăn; tự ràng buộc; thích bàn việc thế gian và văn từ thế gian, không thích phân biệt thật nghĩa đệ nhất; không tu tập đạo vô thượng của Phật; sâu xa chân thật chỉ hướng theo kẻ khác để bàn luận kinh điển; phỉ báng chư Phật; tạo khổ não; thần ma rình rập kẻ ấy; càng buông lung; ganh ghét, khinh khi, Tỳ-kheo giữ giới, thọ trì, đọc tụng kinh này; lại hủy phạm giới cấm. Có kẻ lo sợ không sống, hổ thẹn với người, giả mặc ca-sa, bỏ giới về đời. Những kẻ ấy sau khi chết, bị đọa nơi địa ngục A-tỳ, chịu khổ đau.

Ba-tuần! Đời sau có các chúng sinh cầu đạo

Bồ-tát, chấp nhân duyên, thiếu căn lành, vừa phát tâm đạo đã chấp vào văn tự, không hiểu thật nghĩa nên thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết kinh sâu xa bị người khinh khi xem thường. Vì thế bỏ kinh này, đọc tụng kinh của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, luôn bị ràng buộc trong danh tiếng lợi dưỡng, hủy báng kinh điển thâm diệu, chê bai người thọ trì đọc tụng kinh đó, không thèm nhìn những người ấy, thích hạnh thấp kém, bỏ pháp Đại thừa của Bồ-tát, bỏ tâm thuần tịnh và sâu xa, thần ma tổn hại, tìm cách nhiễu loạn tâm để không được nghe kinh này, dù nghe cũng không tin hiểu, tạo nhiều tội lỗi, tạo nghiệp phá pháp, xa lánh Tam bảo, không gặp Phật, không được nghe pháp, không cúng dường tăng. Vì sao? Vì nghi ngờ pháp, luật Phật.

Thấy lỗi mình, Ba-tuần lo buồn, kinh sợ, lạy Phật, ngồi qua một bên.

Bồ-tát Hư Không Tạng hỏi Ba-tuần:

–Cớ sao ngươi lo sợ, buồn rầu, run rẩy như kẻ mất trí và lại ngồi qua một bên?

Ba-tuần thưa:

–Thiện nam! Tôi nghe Phật giảng những việc đáng sợ như vậy nên buồn rầu, hoảng hốt, không biết tôi sẽ bị đọa vào cõi nào, ai cứu tôi. Tôi đối với giáo pháp Như Lai nên giảng thường gây tạo vô số trở ngại. Vì vậy tôi lo sợ.

Hư Không Tạng nói:

–Ba-tuần! Trong pháp Phật có pháp tự nêu tội. Ngươi hãy hướng về Phật, thành tâm sám hối tội, nguyện không tái phạm. Có như thế ngươi mới thoát khổ.

Nghe vậy, Ba-tuần cúi rạp người lạy Phật, chiêm ngưỡng Như Lai, ứa lệ, thưa Thế Tôn:

–Con nay thành tâm sám hối. Từ xưa đến nay con đã gây tạo vô số chướng ngại đối với luật, pháp chư Phật. Xin Thế Tôn thương xót nhận sự sám hối của con.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Ngươi đã biết lỗi mình, biết sám hối tội, ngươi sẽ góp sức lưu hành rộng khắp pháp Phật, chư Phật sẽ nhận sự sám hối đó. Người chớ tạo tội nữa.

Lúc ấy, Phật dạy các Bồ-tát:

–Các Hiền sĩ! Các vị hãy nói về pháp hành vượt cõi ma để độ Ba-tuần.

Nghe Phật dạy, Bồ-tát Kim Sơn Vương từ nơi chỗ ngồi trong pháp hội, bạch Phật:

–Thế Tôn! Người bảo vệ cảnh giới mình là chưa vượt cảnh giới ma. Bồ-tát thấy tất cả các cõi đều là cõi Phật, biết cõi Phật không phải cõi là vượt cảnh giới ma.

Bồ-tát Bảo Đức bạch Phật:

–Thế Tôn! Dựa vào chỗ ở là ở trong cảnh giới ma. Bồ-tát không chấp nơi chốn, biết các pháp

không có tướng để thủ đắc, giảng pháp ấy cho chúng sinh là vượt cảnh giới ma.

Bồ-tát Bảo Thủ thưa:

–Thế Tôn! Chấp ngã và sở hữu của ngã là ở trong cảnh giới ma. Bồ-tát không chấp ngã và sở hữu của ngã là không tranh chấp, không tâm hành, làm sao sống trong cảnh giới ma! Đó là Bồ-tát vượt cảnh giới ma.

Bồ-tát Vô Tránh Dũng thưa:

–Thế Tôn! Có tiếp xúc, có xa lìa thì có tranh chấp, bị ma hại. Không tiếp xúc, không xa lìa, không tranh chấp, không xúi người tranh chấp, đạt vô ngã, không tổn não là vượt cảnh giới ma.

Bồ-tát Bảo Tư thưa:

–Thế Tôn! Vọng tưởng phân biệt là phiền não, phiền não là ở trong cảnh giới ma. Bồ-tát biết các pháp không hình tướng, không vọng tưởng phiền não, biết trong ngoài không khác, trừ hết vọng tưởng phân biệt là vượt cảnh giới ma.

Bồ-tát Nhạo Tác bạch Phật:

–Thế Tôn! Thấy vui không vui là có yêu ghét, là ở trong cảnh giới ma. Bồ-tát không yêu ghét, hành hạnh bình đẳng, không lấy hai tưởng đối với các pháp, vào cõi không thể nghĩ bàn, là vượt cảnh giới ma.

Bồ-tát Ly Tránh thưa:

–Thế Tôn! Cõi ma có từ ta. Bồ-tát biết ngã, đạt

nhẫn vô ngã, biết ngã thanh tịnh nên tất cả pháp tịnh, biết tánh của pháp tịnh như hư không, vượt là cõi ma.

Bồ-tát Pháp Tự Tại thưa:

–Thế Tôn! Tùy thuận phiền não, để ái điều khiển, ma sẽ tìm cơ hội tổn hại. Bồ-tát tự tại trong các pháp, tự nhiên tỏ ngộ, được Phật thọ ký, không thoái chuyển pháp Bồ-đề, là vượt cõi ma.

Bồ-tát Sơn Tướng Thanh Âm thưa:

–Thế Tôn! Tâm lậu hoặc là ở cõi ma. Bồ-tát không còn lậu hoặc, thành tựu hạnh biết các pháp không là vượt cõi ma.

Bồ-tát Hỷ Kiến thưa:

–Thế Tôn! Không gặp Phật, không nghe pháp, thì ma tìm cơ hội tổn hại. Bồ-tát luôn gặp Phật, không chấp nơi hình sắc, nghe pháp nhưng không chấp vào văn tự, vì thấy pháp là thấy Phật, vì không chấp nơi ngôn ngữ nên nghe pháp. Đó là Bồ-tát vượt cõi ma.

Bồ-tát Đế Võng thưa:

–Thế Tôn! Nếu có dựa cậy, có động tức là cảnh giới ma. Bồ-tát luôn tùy thuận, tinh tấn biết pháp rốt ráo không có tướng thành nên không dao động, không ỷ lại, là vượt cõi ma.

Bồ-tát Đức Minh Vương thưa:

–Thế Tôn! Thấy hai pháp là bị ma tìm cơ hội tổn hại. Bồ-tát biết các pháp cùng tánh của pháp,

không thấy sự khác biệt của cõi ma và tánh của pháp, biết tánh của pháp và cõi ma bình đẳng, không hai tướng, là vượt cõi ma.

Bồ-tát Hương Tượng thưa:

–Thế Tôn! Bồ-tát khiếp nhược lo sợ khi nghe pháp sâu xa là tạo điều kiện cho ma tổn hại. Bồ-tát dũng mãnh, thông đạt ba môn giải thoát, không kinh sợ pháp sâu xa, hiện biết thật tánh của các pháp, là vượt cảnh giới ma.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Thế Tôn! Như nước biển cùng một vị mặn, biển pháp của Phật cũng chỉ một vị giải thoát, lìa dục. Bồ-tát hiểu được pháp một vị là vượt cõi ma.

Bồ-tát Hư Không Tạng thưa:

–Thế Tôn! Như hư không vốn trong sạch, không nhơ, không bị mây bụi che lấp, cũng thế Bồ-tát tâm như hư không, biết tánh của pháp thường thanh tịnh, không bị phiền não khách trần quấy nhiễu, đạt giải thoát Bát-nhã ba-la-mật, đạt trí sáng biết các pháp là vượt cõi ma.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử thưa:

–Thế Tôn! Có ngôn ngữ là có chướng ngại, là ở trong cõi ma. Các pháp không biểu hiện bằng ngôn ngữ thì không có chướng ngại. Vì sao pháp không thể nói? Vì là nghĩa đệ nhất. Trong đó không có văn tự, không có nghĩa. Bồ-tát hành đế Đệ nhất nghĩa, không chấp pháp hành, là vượt cõi

ma, không lỗi lầm.

Lúc đó Phật hỏi Ba-tuần:

–Ngươi có nghe pháp vượt cõi ma không?

Ma thưa:

–Thế Tôn! Con đã nghe.

Phật nói:

–Thực hành các pháp đó thì ma đâu còn là gì. Ma không thể tổn hại người ấy, chỉ tăng thêm tội lỗi thôi. Ba-tuần! Hãy phát tâm Bồ-đề vô thượng, kiên trì thực hành các pháp vượt cõi ma. Nếu được, ngươi sẽ thoát cõi ma. Ba-tuần! Như nhơ uế của trăm ngàn năm chợt một hôm được trừ sạch. Cũng thế, nghiệp ác tạo từ trăm ngàn kiếp, nhờ tư duy tùy thuận nơi pháp Phật nên nhất thời tiêu hết. Ba-tuần! Như chất củi khô thành đống lớn như Tu-di, chỉ một đóm lửa là đốt sạch. Cũng thế, chỉ một sức trí nhỏ đã trừ hết vô lượng tối tăm. Vì sao? Ba-tuần! Vì trí sáng dũng mãnh, vô minh yếu ớt.

Lúc ấy, ma tự nghĩ: Thế Tôn đại Từ thương xót ta, giảng nói pháp tâm Bồ-đề, ta nên trồng căn lành nhỏ với Phật. Lập tức, Ba-tuần hóa hiện tám vạn bốn ngàn lọng báu đẹp và vô số chuỗi hoa, anh lạc, hương bột, hương xoa, bảo quyến thuộc:

–Chư Phật Thế Tôn ra đời là việc hy hữu, các ngươi hãy đến cúng dường Như Lai. Tám vạn bốn ngàn ma chúng và Ba-tuần dâng lọng báu và hoa, hương, anh lạc, hương bột, hương xoa cúng Phật,

phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Những ma chúng không phát tâm thì cười chê Ba-tuần:

–Ba-tuần! Thật lại đi kính tin Sa-môn Cù-đàm, gần gũi như thế. Vì sao? Vì Ba-tuần muốn học chú thuật của Sa-môn Cù-đàm nên khen ngợi như vậy.

Các ma xấu ác không tin Phật lại nói:

–Giả sử Sa-môn Cù-đàm tìm mọi cách chuyển tâm Ma vương thì chúng ta cũng có đủ phương tiện để cản trở, không cho lưu truyền kinh này, dù được lưu truyền cũng ít người hỗ trợ. Người tin thọ, thực hành càng ít, người khinh chê càng nhiều. Kinh chỉ được truyền ở nơi xa xôi hẻo lánh, không được truyền ở các nơi trung tâm, thành thị, chỉ có chúng sinh nghèo cùng, không oai đức mới được nghe, kẻ giàu có, oai đức lại hủy báng kinh này.

Bấy giờ, Phật hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Ông có nghe lời ác của các ma không?

Bồ-tát Hư Không Tạng thưa:

–Thế Tôn! Con đã nghe.

Phật nói:

–Thiện nam! Hãy bảo vệ kinh điển vi diệu này để hàng phục ma oán.

Bồ-tát Hư Không Tạng thưa:

–Thế Tôn! Chư Phật đã hộ trì kinh này, chúng con cũng sẽ thọ trì, gìn giữ.

Sau đó, Bồ-tát Hư Không Tạng nói chú:

–A bạt đê, bạt đê, tì bạt đê, bà hê đa nậu tán đề, đầu lâu Đà-la-ni, niết già đa, niết già đa ni, bát già đa ni, mê la dục đê, già lâu na niết nại đề, tát già bạt đê, phù đa lặc sai, đạt ma niết chiết đê, đạt ma lặc sai, hựu cưu li, thi cưu li, hưu lâu, hưu lâu, hưu lâu đức già li, đa bà bà đế để, thi la nậu bà đế đê, a xoa dạ niết thế trì, chỉ xa bà ca lợi tha, Phật đà yết đề mị đê, đạt ma úy kỳ la ni, tăng già nậu đồng dương, a nậu đầu lệ, không thể cứu vớt quyến thuộc các ma phá hoại, nếu phạm điều này, không các đao gậy thuận đường mà đi, Thánh chúng an trụ các câu các câu, thuận dòng giải thoát phá các ngoại đạo, hàng phục ma.

Tứ vương thường hộ
Cùng Thiên đế Thích
Phạm vương thí chủ
Chư Thiên phụng Phật.
Bảo hộ Bồ-đề
Tất cả các thần
Luôn luôn bảo vệ
Hàng phục quân ma.
Lợi lạc chúng sinh
Thọ trì chánh pháp
Hộ vệ Pháp sư
Luôn luôn che chở.

Bồ-tát nói chú xong, giảng đường Diệu bảo trang nghiêm và tam thiên đại thiên thế giới đều

chấn động sáu cách. Các ma lúc ấy thấy trong hư không có năm trăm thần Kim cang Mật Tích cầm chùy lớn hùng hổ như lửa dữ thật đáng sợ. Mật Tích bảo:

–Các ma và thần ma nghe chú này mà không phát tâm Bồ-đề vô thượng, chúng ta sẽ đập nát đầu chúng thành bảy phần.

Nghe thế, các ma kinh sợ, lông tóc dựng đứng, chắp tay lạy Phật, thưa:

–Chúng con xin phát tâm Bồ-đề vô thượng. Xin Thế Tôn cứu chúng con thoát khỏi nỗi sợ hãi này.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Chúng ma đều muốn gây trở ngại cho kinh này, tất chúng sẽ làm theo tâm ý tối tăm ấy, song nhờ uy lực của Phật và sự thọ trì của các Bồ-tát, nên kinh này vẫn được lưu truyền, tuy vậy ít người thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết.

Phật lại hỏi Tôn giả A-nan:

–Ông có thấy các ma vì sợ hãi mà phát tâm Bồ-đề vô thượng không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật nói:

–Với lời này, các ma đã tạo nhân từ việc ma, nhưng chưa phát tâm Bồ-đề bằng lòng tin sâu xa. A-nan! Đời sau sẽ có Phật ra đời hiệu Vô Cấu

Tướng, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Ba-tuần sẽ không thoái tâm Bồ-đề vô thượng. Biết được tâm thành sâu xa của ma, đức Vô Cấu Tướng sẽ thọ ký tâm Bồ-đề vô thượng cho ma. Lúc ấy, Ba-tuần cũng làm vua ma nhưng thành tâm kính tin chánh pháp của Như Lai. Như khi Phật Di-lặc ra đời, có Ma vương tên Đạo Sư, là vua ma tin kính Phật, Pháp, Tăng. Năm trăm ma này, về sau cũng sinh trong cõi ma ấy, nhưng trồng căn lành với Phật. Đến khi Ba-tuần thành Phật, chúng sẽ được thọ ký đạo quả Bồ-đề vô thượng. Hôm nay, Ba-tuần tuy phát tâm Bồ-đề nhưng vẫn còn do dự, nhưng dần dần sẽ thành tựu vô lượng công đức sẽ là bậc tôn kính của thế gian như ta hiện nay.

Bấy giờ, vô lượng trời người, Đế Thích, Phạm thiên, Hộ thế, nghe Phật thọ ký cho ma Ba-tuần sẽ thành Phật thì rất vui mừng, cho là việc hy hữu, nên chắp tay, thưa Phật:

–Thật hết sức hy hữu! Ai thấy Phật đều được thành tựu vô lượng công đức nơi Pháp bảo. Vì sao? Vì hoặc có chúng sinh không tin kính, muốn não loạn Như Lai, nhưng lại được gặp Phật, hoặc có chúng sinh được gặp Phật, tất cả đều tạo nhân để dần đạt tới Niết-bàn. Thế Tôn! Ngoài Như Lai, ai có thể phân biệt được, ai biết được căn tánh của chúng sinh?

Phật nói:

–Như các vị nói: Ai thấy Phật sẽ được cứu độ. Các vị nên biết có chúng sinh không còn căn lành, trải vô lượng a-tăng-kỳ kiếp không được làm người, nhưng nếu gặp Phật sẽ tạo nhân lành, dần đạt tới Niết-bàn. Như Lai luôn tạo ruộng phước không thể nghĩ bàn như thế.

Lại nói:

–Tánh tâm luôn tịnh, vì chúng sinh ngu si không thấy biết nên cho là nhơ uế. Nếu thấy biết đúng sẽ cho là thanh tịnh. Song trong pháp Đệ nhất nghĩa, không có pháp nào là sạch là nhơ. Các vị nên biết: phiền não không nơi chốn, chẳng trong ngoài, vì không tùy thuận tư duy nên khởi phiền não. Nếu tùy thuận suy xét sẽ không có phiền não. Thấy thêm bớt, không bình đẳng là phiền não, không thêm bớt là không phiền não; hư dối vọng tưởng là phiền não, không vọng tưởng thì không phiền não.

Vì thế, ta nói:

–Thật biết tà kiến là chánh kiến. Tà kiến không là chánh kiến. Biết như thế thì không vọng tưởng tăng giảm, không chấp thủ, là chánh kiến. Lại nữa, như đất nương nước, nước nương gió, gió nương hư không, hư không không chỗ nương tựa nên đất không có chỗ nương tựa, chỉ là giả gọi nương tựa. Vì thế các vị nên biết khổ tựa nghiệp, nghiệp nương kết sử nhưng khổ, nghiệp, kết sử đều không

có chỗ nương, vì tánh tâm luôn tịnh. Do đấy, các pháp không có gốc rễ, không có nơi dừng, chỉ là giả có, kỳ thật là không, nên có câu: Tánh của các pháp vốn tịnh, rốt ráo không sinh khởi. Các vị nên biết pháp này là pháp tánh thường tịnh. Bồ-tát thông đạt pháp ấy sẽ không bị phiền não nhiễm ô, cũng không ỷ lại, vì bỏ tánh ỷ lại nên đạt đạo bình đẳng, vượt cõi ma, vào cõi Phật, vào cõi chúng sinh nhưng không động pháp giới, biết tất cả các pháp không cõi, không không cõi, sớm đạt trí Nhất thiết.

Lúc giảng nói pháp này, có năm trăm Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh.

Lúc ấy Trưởng giả Thân Việt rời chỗ ngồi, đảnh lễ Phật, thưa:

–Thế Tôn! Thế Tôn đã vì chúng con nêu giảng kinh điển sâu xa. Ngày trước, con muốn hại Đức Thế Tôn nên đã đặt hầm lửa và bày thức ăn độc, nhưng Như Lai bậc Đại thánh không ai hại được, nên con đã tin kính Phật. Từ đó đến giờ, con vẫn chưa trừ hết tâm nghi ngờ. Hôm nay nghe Phật thuyết giảng kinh thâm diệu này, lưới nghi đã hết, tâm không còn chướng ngại, được an vui. Thế Tôn! Vì vậy lòng tin kính của con càng được củng cố. Con xin đem báu vật ở nhà cúng Phật, Pháp, Tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và bố thí cho người nghèo khổ cô độc. Thế Tôn! Người nghe kinh điển sâu xa, đoạn trừ ràng buộc này mà lại tham chấp

các vật thì thật không có.

Bồ-tát Hư Không Tạng bạch Phật:

–Thế Tôn! Bồ-đề vô thượng của chư Phật Như Lai thật là sâu xa khó lường. Ở đời sau, Bồ-tát bỏ thân mạng, danh dự, lợi dưỡng để giữ gìn Bồ-đề của Phật thì thật là khó. Lúc ấy, sáu mươi tám ức Bồ-tát đều rời chỗ ngồi, chắp tay hướng Phật, cùng nói kệ:

Khi Phật Niết-bàn
Chúng con gắng nhẫn
Xả bỏ thân mạng
Hộ trì chánh pháp.
Bỏ danh, lợi dưỡng
Trừ mọi tham chấp
Hộ trì chánh pháp
Vì thành trí Phật.
Nhẫn chịu chê trách
Và sự hiềm khích
Hộ trì chánh pháp
Nhẫn nhục thọ nhận.
Khinh khi hủy báng
Mạ nhục, vu khống
Luôn luôn từ nhẫn
Hộ trì kinh này,
Đời sau Tỳ-kheo
Tham chấp sinh tử
Bầu bạn với ma
Phỉ báng chánh pháp,

Phá giới làm ác
Tham đắm tục lụy
Lợi dưỡng che lấp
Không thích chánh pháp.
Học kinh thế tục
Kiêu mạn buông lung
Khoe khoang tài năng
Khinh bậc Chánh hạnh.
Bỏ nơi nhàn tịnh
Vào chốn huyên náo
Học pháp thế gian
Tham chấp bản thân.
Không chỉ dạy người
Không tu trí tuệ
Bỏ việc ngồi thiền
Không gần Tam bảo.
Không có trí sáng
Nhóm họp cầu lợi
Sống trong kết sử
Thích nhận vật cúng.
Khuyên người tu trí
Riêng mình bo bo
Thường đến nhà tục
Bàn việc thế gian.
Ruộng vườn sự nghiệp
Buôn bán kinh doanh
Tìm kiếm lợi nhuận
Tuy là Sa-môn.

Kiêu mạn tham chấp
Nương theo tà luận
Nghe pháp tánh không
Kinh sợ hãi hùng.
Luôn tự xa lánh
Cầu báo hiện tại
Nói lời hư dối
Phi pháp là pháp.
Các tai nạn đó
Che Tỳ-kheo ác
Ma và quân ma
Luôn luôn giúp rập.
Văn kinh chỉ một
Nghĩa lý có khác
Tự cho mình đúng
Kẻ ngu là vậy.
Kinh điển sâu xa
Đem đến giải thoát
Tìm cách ngăn chận
Nói việc cạn cợt.
Mình hơn người kém
Đạt quả hơn người
Đối với pháp Phật
Luôn luôn tranh chấp.
Do luôn tranh chấp
Chúng sinh tổn hại
Làm vua phi pháp
Bức bách não hại.

Ở đời mạt pháp
Thật đáng lo sợ
Con thọ trì pháp
Thuyết pháp độ người.
Với tâm Từ bi
Không bỏ luật pháp
Khởi đại Từ bi
Bảo hộ thế gian.
Phá giới làm ác
Không nương chánh pháp
Đọa vào chốn nào
Con luôn thương xót.
Chấp chặt làm ác
Hủy báng chánh hạnh
Con không gần gũi
Bầu bạn tiếp xúc.
Thường lượng sức mình
Thận trọng khẩu nghiệp
Thấy người vô dụng
Không nói lỗi người.
Sống trong Thánh đạo
Khổ hạnh giữ giới
Tu định luyện tuệ
Siêng năng thực hành.
Lánh nơi náo nhiệt
Thích chốn nhàn tịnh
Như nai không tham
Điều phục biết đủ.

Dù vào xóm làng
Giữ gìn, ít nói
Thấy người giảng pháp
Cùng bàn chánh pháp.
Dịu dàng lợi ích
Hóa độ chúng sinh
Giảng pháp cho chúng
Đoạn trừ hạnh ác.
Vì hộ chánh pháp
Băng ngàn dặm xa
Giảng dạy chánh pháp
Lợi ích muôn loài.
Thấy kẻ phàm ngu
Đầy dẫy lỗi lầm
Tự bảo vệ mình
Trụ pháp hành nhẫn.
Cung kính, chê bai
Vững chãi Tu-di
Không nhiễm thế gian
Chỉ dạy mọi loài.
Tỳ-kheo hủy giới
Chê trách mạ nhục
Riêng xét lỗi mình
Thận trọng nghiệp báo.
Vì các chúng sinh
Những kẻ ganh ghét
Tùy thuận chỉ dạy
Hiện thân cung kính.

Chúng tức tự nghiêm.
Ta cũng Sa-môn
Thành tựu oai đức
Không mang tiếng xấu.
Hủy phá giới cấm
Như kẻ thất chí
Nghe kinh lo sợ
Cắt mũi soi gương.
Tạo mọi phương tiện
Không muốn nghe thấy
Lại dạy người khác
Chẳng phải chánh pháp.
Khuyên dạy quốc vương
Hoại tâm thần dân
Phỉ báng chánh pháp
Không phải lời Phật.
Ngay những lúc đó
Nhờ thần lực Phật
Thọ trì chánh pháp
Không tiếc thân mạng.
Thế Tôn biết con
Nói lời giữ lời
Gắng sức hộ trì
Thực hành đúng pháp.
Nói lời thành thật
Hành đúng như nói
Báo ân chư Phật
Mong thành Bồ-đề.

Đại Bồ-tát Hư Không Tạng khen ngợi các vị Bồ-tát:

–Lành thay, lành thay! Các Đại sĩ! Các vị đã phát nguyện thành thật, thọ trì pháp vi diệu sâu xa của Như Lai.

Bồ-tát Hư Không Tạng lại bạch Phật:

–Thế Tôn! Thiện nam, tín nữ thọ trì đọc tụng kinh này được bao nhiêu phước?

Phật nói:

–Hiền sĩ! Như đem số bụi của mười tam thiên đại thiên thế giới nơi mười phương hợp thành một khối lớn. Có một người thành tựu thần biến, đạt vô lượng công đức, thọ mạng lâu dài đem số bụi đó đi qua ngần ấy cõi nước ở phía Đông mới đặt xuống một hạt bụi, cứ như thế đi mãi cho đến khi hết số bụi đó mà vẫn chưa hết cõi nước. Như phương Đông, phương Tây, Bắc, Nam và bốn góc và phương trên dưới người ấy cũng làm như vậy. Này Bồ-tát Hư Không Tạng! Ông nghĩ sao, cõi nước người ấy đi qua là nhiều hay ít?

–Rất nhiều! Rất nhiều! Thưa Thế Tôn, thật không thể tính đếm được.

Phật nói:

–Hiền sĩ! Toàn bộ các thế giới được đặt hạt bụi hay không đặt hạt bụi lên trên, trở lại làm thành lớn cao rộng như nhau, trong thành chứa đầy những hạt rau đay. Hiền sĩ! Có thể đếm được số

hạt rau đay đó không?

Thế Tôn! Thật không thể ví dụ được, làm sao đếm nổi. Ngoài Như Lai không ai có thể đếm được.

Phật nói:

–Đúng thế, đúng thế! Như lời ông nói, chỉ Phật biết được số hạt rau đay đó là trăm, là ngàn, là vạn, là ức. Hiền sĩ! Ví như có người đủ thần thông, thổi số hạt rau đó bay khắp mười phương. Mỗi hạt rau đay rơi vào mỗi cõi Phật, không nơi nào có hai hạt. Hiền sĩ! Số hạt rau đay và số cõi nước đó có nhiều không?

–Thế Tôn! Số cõi nước đó không thể nhận biết bằng sức của tâm. Ai muốn đếm ắt sẽ loạn tâm. Hiền sĩ! Thiện nam, tín nữ hành đạo Bồ-tát, ngày ngày bố thí số châu báu nhiều như số cõi nước đó. Lại có thiện nam, tín nữ thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh điển sâu xa này, không cầu lợi dưỡng, chỉ cầu Bồ-đề, thậm chí chỉ thuyết giảng cho một người, khuyên người ấy phát tâm Bồ-đề vô thượng, hoặc chỉ khởi một niệm lành là muốn chánh pháp tồn tại mãi ở đời, thì công đức của người này còn hơn công đức bố thí châu báu của người kia gấp trăm ngàn vạn ức lần, không thể so sánh được, huống gì là có thể khiến người trụ nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Hiền sĩ! Vì đã có thể nêu giảng vô lượng căn lành,

thành tựu các Bồ-tát hộ trì chánh pháp. Hiền sĩ! Ta không thấy Bồ-tát lại còn có pháp nào hơn pháp đó kiên định chánh hạnh, giữ pháp lành, giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Hư Không Tạng bạch Phật:

–Thế Tôn! Như Lai thật là không thể nghĩ bàn. Đại pháp của Như Lai cũng thật không thể nghĩ bàn, công đức của người thọ trì kinh điển sâu xa này cũng lại không thể nghĩ bàn. Ngưỡng mong Thế Tôn bảo vệ kinh này, khiến cho chúng sinh đời sau biết việc thọ trì chánh pháp, làm sao để thiện nam, tín nữ có được kinh này, giữ gìn cẩn thận, muốn thoát sinh tử thì không cần nghe người khác, tự tỏ ngộ Bồ-đề, giảng dạy cho người?

Phật nói:

–Hiền sĩ! Hãy lắng nghe, khéo suy xét. Để bảo hộ kinh này, ta sẽ nêu bày câu chú mời Tứ Thiên vương Hộ thế, Đế Thích, Phạm thiên. Nghe chú ấy, họ sẽ đến, bảo vệ người thuyết giảng, thọ trì kinh, không để người ấy gặp tai nạn như bị vua quan đuổi ra khỏi nước, bị bệnh nặng, gặp lúc chiến tranh, đất nước tiêu vong. Nhờ thần lực của chú, mọi tai nạn đều tự tiêu diệt.

Câu chú đó là: Đầu đầu lệ, đề đề lệ, đà dạ bá đế, đà dạ la già la ni đế đề, tì bà tri, xa dương, xa di đa tì, mục xí, thiên đế đê, ni kỳ nỗ nỉ, a nậu đa lệ, minh đa la ni, bà bá tư, bát tha du đà ni, bát đà

nậu chỉ, bát đà tán đề, bát nhã mâu lệ, a ta cứu lệ, phù đà lặc sai, y na tát chi, đa bà tát chi, đa bà bát đê. Tùy ý Phật, thuận Pháp tánh, cung kính Tăng, thế chủ tin, Hộ thế tứ vương, các vị Phật tử, thọ trì chú này, hộ trì người thuyết pháp.

Lúc ấy, Tứ Thiên vương rời tòa, chắp tay hướng Phật thưa:

–Thế Tôn! Chúng con sẽ bảo vệ Phật tử thọ trì kinh này. Tứ Thiên vương liền nói chú: Thủ tì, thủ bà bát đê, thủ đề đế, nhân đa ủng, đà lê ủng, đà la ni, pha chẩm mị, a khâu ủng khiếp ti, a mục xí, a la ni đà ủng, tẩu thủ sái bà hê na, tì đề tì lại tán đề, tam dương, bà dạ dương, tam ma lại di, ba phiến đa đệ, hưu hưu, hê hê, khâu lâu khâu lệ.

Lúc đó, Đế Thích liền rời tòa, tịnh tâm, vui vẻ, chắp tay hướng Phật, nói kệ:

Đời sau, thời đói khát
Các Hiền sĩ nổi tiếng
Thọ trì giảng kinh này
Con xin cúng dường vật.

Nói kệ xong, Đế Thích đọc chú:

–Di đê, thủ tì, ma ha di đê, đạt ma di đê, thiên đa gia lệ, tam ma di đê, tát già di đê, na đề dương, a nậu đa lệ, a nậu đầu li, a nậu lặc sai, tát bà tát đỏa a nậu già hê, a na nậu đa ti, tu kí đê, a tì lô đề, a tì già hê, phù đề bồ xá dương, nị li, át tha ni đê, ni đề la ni, a na tha bà sai đế, dương đê, dương đê,

xà da tư, tu sa la.

Các ngươi khởi thiền lạc
Đến hộ trì chánh pháp
Thế Tôn ở các cõi
Đều cùng nhau bảo vệ.

Bấy giờ, Phạm thiên rời chỗ ngồi, khen ngợi Tứ Thiên vương và Đế Thích:

–Hay thay, hay thay! Các ông phát khởi hạnh trang nghiêm lớn bảo vệ người thọ trì, giảng pháp. Các ông nên làm như, cần hiểu rõ thời gian tồn tại của giáo pháp Phật. Trong thời gian đó, số người hiểu rõ về chánh hành, pháp hành, số trời người hưng thịnh, số cung điện nhà cửa nhiều. Sau khi pháp này diệt, trời người giảm, cung điện hoang vắng.

Lúc đó, Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Di-lặc! Ông nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng dạy kinh này. Di-lặc! Ta phó chúc cho ông kinh sâu xa này. Ông hãy làm cho pháp ấy tồn tại mãi trong đời, hàng phục quân ma, đem lại lợi ích cho mọi loài, ngoại đạo không xâm hại được, khuyên dạy các Bồ-tát nên gần gũi, học hỏi kinh này, để chánh pháp hưng thịnh ở đời, không đoạn hạt giống Tam bảo.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Thế Tôn! Dù Phật hiện còn hay diệt độ con luôn thọ trì kinh điển thâm diệu này, lưu truyền

rộng rãi. Vì sao? Vì thọ trì pháp này là thọ trì chánh pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, không phải chỉ thọ trì pháp của một Đức Như Lai. Thế Tôn! Con cũng tự bảo vệ mình. Thế Tôn! Con thường giảng kinh điển sâu xa này cho trời người nơi cõi Đâu-suất. Con cũng giúp cho người đời thọ trì, đọc tụng giữ gìn kinh ấy. Thế Tôn! Vào đời mạt pháp, người thọ trì, đọc tụng, giảng giải kinh này là nhờ nơi oai thần của Di-lặc. Thế Tôn! Lúc ấy, tuy có nhiều quân ma não loạn người hành trì kinh, làm cho người ấy sống trong phiền não, không thích kinh này, không siêng năng tu tập, tranh chấp nhau, chúng con sẽ tìm cách giúp người ấy ưa thích kinh này, siêng năng tu tập, đọc tụng tỏ ngộ, giảng giải cho người.

Phật khen Bồ-tát Di-lặc:

–Hay thay, hay thay! Di-lặc! Vì thọ trì chánh pháp, ông đã gầm vang tiếng sư tử. Không chỉ hôm nay ông mới gầm vang tiếng sư tử mà từ lâu đã từng gầm tiếng sư tử nơi vô lượng a-tăng-kỳ Như Lai để hộ trì chánh pháp.

Lúc ấy, Phật dạy Tôn giả A-nan:

–A-nan! Ông thọ trì kinh này chứ?

A-nan thưa:

–Xin vâng Thế Tôn! Nhờ thần lực của Phật con xin hết lòng thọ trì.

Phật nói:

–A-nan! Ông thường nên giảng dạy cho bốn chúng. Người từng trồng căn lành, thích pháp thù thắng, nghe kinh này sẽ tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, đạt vô lượng, vô biên công đức.

Tôn giả A-nan thưa:

–Thế Tôn! Kinh này tên gì, thọ trì như thế nào?

Phật nói:

–A-nan! Kinh này tên là quán sát sự phát tâm Bồ-đề của Bồ-tát. Nên thọ trì như thế.

Lúc ấy, Bồ-tát Công Đức Trang Nghiêm, rời chỗ ngồi, quỳ gối phải, chắp tay thưa Phật:

–Thật là hy hữu, Thế Tôn! Vì ủng hộ chánh pháp và bảo vệ người thuyết pháp, Như Lai đã hết mực tán dương kinh này. Thế Tôn! Các Bồ-tát mới tu học, trồng căn lành vì Bồ-đề, cúng dường hoa hương, anh lạc, hương bột, hương xoa lên Như Lai, nhưng không thọ trì kinh này, người đó có là người đệ nhất cúng dường Như Lai không?

Phật nói:

–Thiện nam! Không thể là người đệ nhất cúng dường Như Lai, cũng không thể đạt được vô lượng công đức. Công đức của thiện nam, tín nữ thọ trì kinh này nhiều hơn.

Đức Phật liền nói kệ:

Ta dùng mắt Phật
Nhìn hết cõi Phật
Ở khắp mười phương

Rộng lớn vô bờ.
Tất cả cõi ấy
Đựng đầy châu báu
Bồ-tát dùng đó
Bố thí mọi loài.
Nhưng đối với kinh
Sâu xa vi diệu
Pháp không thủ đắc
Chư Phật nêu giảng.
Nếu dốc thọ trì
Diễn giảng cho người
Sẽ đạt công đức
Nhiều hơn người kia.
Lọng cờ phướn báu
Y phục tốt đẹp
Hương xoa hương bột
Hoa hương Anh lạc.
Vật cúng dường ấy
Đầy khắp các cõi
Cúng dường Như Lai
Hồi hướng quả Phật.
Ở đời vị lai
Lúc pháp sắp diệt
Với pháp cứu đời
Siêng tu, bảo vệ.
Thọ trì chánh pháp
Không sống buông lung
Công đức người này

Còn nhiều hơn nữa.
Cõi nước mười phương
Tất cả biển lớn
Đựng đầy trong đó
Dầu thơm vi diệu.
Làm ngọn đuốc sáng
To như Tu-di
Đốt lên cúng dường
Chư Phật Thế Tôn.
Vào lúc đuốc pháp
Sắp bị tắt mất
Chúng sinh thế gian
Vô minh che lấp.
Nếu thắp sáng được
Ngọn đuốc chánh pháp
Công đức đạt được
Nhiều hơn người kia.
Chỗ ta thấy rõ
Vô lượng chư Phật
Tuy ngàn ức kiếp
Cúng dường vô số.
Y phục thượng diệu
Cúng dường tùy thích
Nhưng không thọ trì
Kinh thâm diệu này.
Đối với chư Phật
Biết được ân nặng
Ủng hộ Tam bảo

Để đền ân sâu.
Làm mọi việc lành
Lợi ích muôn loài
Thọ trì kinh này
Phước hơn người kia.
Ta dùng mắt Phật
Thấy mọi chúng sinh
Người giáo hóa chúng
Đều thành Thích, Phạm.
Công đức đạt được
Không bằng biên chép
Thọ trì kinh này
Công đức nhiều hơn.
Đại thiên cõi nước
Mọi loài chúng sinh
Giáo hóa chỉ dạy
Đạt pháp Nhị thừa.
Người phát khởi tâm
Bồ-đề vô thượng
Hộ trì kinh này
Công đức hơn kia.
Công đức trì kinh
Giả sử biến sắc
Đầy khắp các cõi
Ở trong mười phương.
Chỉ trừ Như Lai
Bậc trí tối thượng
Không ai biết được

Công đức trì kinh.
Như trí Như Lai
Không có biên vức
Pháp giới hư không
Không có biên vức.
Người thọ trì kinh
Thâm diệu của Phật
Công đức đạt được
Vô lượng, vô biên.

Bồ-tát Công Đức Trang Nghiêm bạch Phật:

–Thế Tôn! Hiện nay chúng con tin hiểu lời Phật. Năm trăm năm sau, lúc pháp sắp diệt, chúng sinh phát tâm Đại thừa nhưng không thọ trì kinh này vẫn là người ở ngoài pháp Phật. Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, con nguyện thọ trì kinh này để chánh pháp trường tồn ở đời.

Bấy giờ, vì phó chúc kinh này, Phật phóng ra ánh sáng lớn soi khắp vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật nơi mười phương. Chư Phật ở mười phương đều phóng ra ánh sáng giữa chặng mày soi tỏ khắp mười phương để phó chúc kinh này. Lúc đó, vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật đều chấn động sáu cách, vô lượng a-tăng-kỳ Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh, vô lượng a-tăng-kỳ Bồ-tát đạt căn lành một đời thành Phật, vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh đạt quả Thanh văn, địa Hữu học, Vô học.

Phật giảng kinh xong, Bồ-tát Hư Không Tạng, Tôn giả A-nan, các Bồ-tát, Thanh văn, trời người đều vui mừng.



KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 19

Phẩm 9: BẢO TRÀNG

Phần 1: KHỔ NÃO CỦA MA VƯƠNG

Bấy giờ, Phật và đại chúng vẫn ở trong cõi báu giữa hai cõi Dục và cõi Sắc. Phật bảo đại chúng:

–Ngày xưa, sau khi ta thành đạo Bồ-đề vô thượng trú tại rừng trúc của Trưởng giả Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá, trong thành có hai trí giả: Ưu-ba-đề-xá và Câu-luật-đà. Hai vị ấy thành tựu mười tám thuật pháp, có năm trăm đệ tử thường ở bên cạnh. Họ đã từng thề với nhau ai đạt vị cam lồ trước thì chỉ lại cho người kia.

Lúc này, có một Tỳ-kheo tên Mã Tinh, sáng sớm xuất định xong, Tỳ-kheo vào thành Vương xá khất thực. Giữa đường, Ưu-ba-đề-xá trông thấy Tỳ-kheo, tự nghĩ: Ta ở trong thành Vương xá đã lâu nhưng chưa thấy một Sa-môn, Bà-la-môn nào có oai nghi an nhiên như thế. Ta nên hỏi vị ấy học với thầy nào, thọ pháp với ai. Lập tức Ưu-ba-đề-xá đến trước Tỳ-kheo Mã Tinh Hỏi:

–Thưa Tỳ-kheo, thầy của ông là ai, ông học pháp với ai?

Mã Tinh Đáp:

–Thiện nam! Đức Thích-ca Mâu-ni là bậc Trí tôn trong hàng xuất gia, đã vượt sinh tử, đạt giải thoát, độ vô lượng chúng sinh, được tôn xưng là Phật. Đức Phật giác ngộ cho chúng sinh, làm mọi việc ích, đốt khô sông khổ, thành tựu trọn vẹn các pháp ấy. Đức là thầy của tôi, tôi học pháp với Đức Phật.

Ưu-ba-đề-xá hỏi:

–Thầy của ông giảng nghĩa gì?

–Thiện nam! Hãy lắng nghe, tôi sẽ nói cho ông: Pháp do duyên sinh, hiểu rõ về nhân ấy, nhân duyên diệt, là đạt tịch tĩnh. Thế gian là khổ, nhân của khổ là tập, tu tám Chánh đạo, đoạn tập thế gian, không còn khổ tập, thầy tôi dạy, là đạt Niết-bàn.

Thiện nam! Thầy tôi chỉ giảng những pháp ấy.

Nghe xong, Ưu-ba-đề-xá tỏ ngộ, đạt Pháp nhãn tịnh, chứng quả Tu-đà-hoàn, nói kệ:

Tôi nghe Tỳ-kheo giảng bốn Đế
Vượt qua khổ não ba đường ác
Xưa nay chưa nghe giờ được nghe
Xưa chưa từng đạt giờ đạt được
Nay tôi đã vượt ba đường ác
Chân thật hiểu biết đạo, phi đạo

Con nay thành tâm về nương Phật
Vì đã nêu giảng rõ chánh pháp.
Nói kệ xong, Ưu-ba-đề-xá hỏi Tỳ-kheo:

–Hiện giờ Thế Tôn ở đâu?

–Thế Tôn hiện giờ ở trong rừng trúc của Trưởng giả Ca-la-đà thuộc thành Vương xá, cùng với ngàn Tỳ-kheo như Ca-diếp, và mười ngàn Bồ-tát. Ông có thể đến đó.

Ưu-ba-đề-xá thưa:

–Tỳ-kheo! Tôi phải về nói cho người bạn biết, chúng tôi sẽ cùng đến.

Nói xong, Ưu-ba-đề-xá đảnh lễ Tỳ-kheo Mã Tinh, đi quanh ba vòng, trở về nơi ở. Phạm chí Câu-luật-đà từ xa trông thấy Ưu-ba-đề-xá, liền hỏi:

–Ưu-ba-đề-xá! Hôm nay, các căn của nhân giả thanh tịnh, sắc diệu, phải chăng đã đạt vị cam lồ?

–Thiện nam! Tôi đã đạt. Hãy lắng nghe, tôi sẽ nói cho ông: Pháp do duyên sinh, thông đạt về nhân ấy, nhân duyên diệt, là đạt tịch tĩnh; Thế gian là khổ, nhân khổ là tập, tu tám Chánh đạo, diệt tập của thế gian, không còn khổ tập, thầy tôi bảo: Là chứng đạt Niết-bàn. Câu-luật-đà nói:

–Thiện nam! Lời đó có thể đoạn trừ hết khổ, là phạm hạnh, dứt bỏ tà chấp. Đã thấy nhân duyên thì tất cả hữu vi là không.

Thiện nam! Xin giảng lại.

Ưu-ba-đề-xá liền nói lại lần nữa. Nghe xong, Câu-luật-đà đạt quả Tu-đà-hoàn, liền nói:

–Lời này vượt bốn dòng, thoát sinh tử, thông đạt năm ấm, diệt hẳn phiền não. Tôi đã đạt vị cam lồ này. Chúng ta không nên ở đây nữa.

Thiện nam! Vị Đại sư ấy hiện ở đâu?

Ưu-ba-đề-xá đáp:

–Tôi nghe vị ấy hiện ở trong rừng trúc của Trưởng giả Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá.

Lúc đó, Ưu-ba-đề-xá và Câu-luật-đà nói với các đệ tử:

–Hiện có Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, các thầy đã học pháp với Đức Như Lai ấy. Các con hôm nay định đi đâu?

Bấy giờ, Ma vương nói với chư Thiên:

–Nước Ương-già-ma-già-đà có hai người trí tuệ thù thắng: Ưu-ba-đề-xá và Câu-luật-đà, họ đang muốn làm đệ tử Đức Cù-đàm. Hai người này học pháp với Đức Cù-đàm thì cõi ta sẽ trống rỗng. Ta nên đến đó để chuyển tâm xuất gia của hai vị.

Nói rồi, Ma vương lập tức hóa thân thành Tỳ-kheo Mã Tinh, đến chỗ hai người, nói:

–Thiện nam! Những lời vừa rồi chỉ là muốn thử tài của hai vị. Hai vị không biết, Đức Thích-ca Mâu-ni thật không nói lời đó. Như Lai thường giảng: Không có nghiệp quả thiện ác. Ai sống

trong năm dục sẽ đạt pháp vị cam lồ. Đức Phật còn dạy: Không có đời này, đời sau nên không có nghiệp. Đã không có nghiệp thì ai làm ai chịu, đã không có hạt giống làm sao có quả. Đức Thích-ca chỉ nói như thế.

Nghe vậy Ưu-ba-đề-xá và Câu-luật-đà nói:

–Lời này là lời của ma, chẳng phải là lời Phật, cũng không phải lời của Tỳ-kheo Mã Tinh.

Biết vậy, Ma vương liền biến mất.

Hai vị lại bảo đệ tử Ma-nạp:

–Ông thường quán sát về sinh, già, bệnh, chết là điều không ai tránh khỏi. Hôm nay chúng ta đã đoạn hết khổ não, các ông định cần học với ai?

Ma vương lại hóa thân thành Tỳ-kheo Mã Tinh, đến nói:

–Ai mà đoạn được sinh, già, bệnh, chết? Như có người nói: Ta có thể hủy hoại hư không, là điều không thể có. Người nói trừ sinh, già, bệnh, chết cũng vậy.

Câu-luật-đà nói với Ma vương:

–Ta muốn thông đạt pháp thanh tịnh, trừ hết khổ não. Tất cả những người xuất gia ở đây đều không thể giải thoát khỏi mọi thứ khổ não ấy nên ta muốn đến chỗ Như Lai. Ma vương như con chồn hoang học tiếng sư tử, tuy giống như không thể là sư tử. Ma vương! Ngươi tuy giả làm Tỳ-kheo nhưng lời của ngươi không phải là lời của

Tỳ-kheo. Tỳ-kheo là người đoạn trừ phiền não, lời nói thanh tịnh. Nói: "Không thiện ác" không phải là lời của Tỳ-kheo.

Lúc ấy, chư Thiên trong hư không đều khen:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Đạo xuất gia chỉ có đạo Phật là hơn hết. Quả Phật là Niết-bàn. Ông đã không học lời ma. Lành thay, lành thay! Khi ấy, Ma vương đau khổ, liền biến mất.

Các đệ tử liền thưa hai vị Tỳ-kheo:

–Hai thầy hiện học chánh pháp của Đức Cù-đàm, chúng con cũng xin học. Bấy giờ, hai vị cùng năm trăm đệ tử tuần tự đến rừng trúc của Trưởng giả Ca-lan-đà.

Lúc đó, Ma vương lại hóa một hầm sâu trăm do-tuần ở giữa đường để mọi người không đến được chỗ Phật. Biết vậy, Như Lai liền dùng thần lực khiến các vị ấy an ổn đi qua. Ma lại hóa hiện ngọn núi cao rộng ngàn dặm. Thần lực của pháp Phật giúp lại các vị không thấy núi non. Ma lại sai trăm ngàn sư tử cản đường. Thấy họ các sư tử liền phát âm lành, lặng lẽ nép sang bên đường.

Mọi người cùng đến chỗ Phật, lạy Phật, lui qua một bên, bạch Phật:

–Ngưỡng mong Như Lai cho phép chúng con xuất gia, chúng con muốn tu hạnh thanh tịnh của Phật.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Các vị đã đến đây, hãy tịnh tâm tu tập phạm hạnh.

Lập tức các vị đều đủ giới Tỳ-kheo.

Thấy hai vị và các đệ tử đã xuất gia học Phật, Ma vương lại hóa thành trời Tự tại, đến chỗ Phật nói kệ:

Thế gian nếu có người trí tuệ
Thành tựu trọn vẹn các pháp thuật
Đều đến cúng dường lễ kính ta
Ta sẽ giảng giải đạo thanh tịnh.
Cù-đàm nếu muốn vượt sinh tử
Nay nên thành tâm nương về ta
Đạo pháp thanh tịnh ta giảng nói
Chính là chánh pháp của chư Phật.

Đức Phật nói kệ đáp Ma vương:

Ta thật hiểu rõ tám Chánh đạo
Vĩnh viễn lìa xa các khổ não
Các ngươi không thể hiểu rõ được
Đừng đau thân chồn gầm Sư tử.

Ma vương biến thành Phạm thiên nói:

Chân thật đoạn trừ mọi khổ não
Vượt qua tam thiên đại thiên cõi
Chớ vì chúng sinh chịu khổ đau
Nên hưởng thiền lạc sống tự tại.
Thế gian thậm chí không một người
Có thể thọ hưởng vị cam lồ
Nay ta thương xót nên khuyên ngươi

Nhanh chóng thâu thần nhập Niết-bàn.

Phật nói kệ đáp:

Ta thấy thế gian nhiều chúng sinh
Vượt qua sông nguy hiểm sinh tử
Với đủ hạng vị thượng trung hạ
Tất cả độ thoát, ta Niết-bàn.

Ma vương buồn khổ bàn trở về bản xứ đám quyến thuộc của ma nói:

–Đại vương của chúng ta do đâu chịu lấy khổ não lớn như thế?

Tuy nói những lời ấy nhưng không ai nghe thấy. Lúc ấy, năm trăm thể nữ của ma trang sức xinh dẹp, trỗi nhạc hay, ca múa vui đùa. Ba-tuần đưa tay ngăn họ. Khiến các thể nữ im lặng. Suốt trong bảy ngày, họ đều im lặng. Hôm đó, thể nữ Điện Quang nói với Ba-tuần:

–Đại vương! Cớ sao sầu não như mất ngôi vị, như gặp tai nạn vậy? Hay không diệt được kẻ thù?

Ba-tuần đáp:

–Kẻ thù lớn nhất của ta là họ Thích là kẻ đại ác, thành tựu các huyễn thuật. Nếu ta không trừng trị, cõi của ta chắc trống rỗng.

Các thể nữ hỏi:

–Họ Thích kia trang nghiêm pháp gì, có đạo lực gì, ai là bè nhóm mà có thể tiêu diệt cõi của đại vương?

Ma vương đáp:

–Họ Thích trang nghiêm bằng giới, thí, nhẫn; mặc áo giáp vô thường, khổ, không, diệt trừ sự thọ sinh của mọi loài. Ta không thể biết được nơi chốn của họ Thích, chỉ biết ông ấy đã thành tựu trọn vẹn sức thần thông vô thượng, bè nhóm là đại Từ bi, độ thoát chúng sinh ở trong ba cõi, nên có thể tiêu diệt cõi ta.

Nghe vậy, các thể nữ đều đem hương hoa, kỹ nhạc đến chỗ Phật, thành tâm cúng dường. Việc này chỉ Phật biết, ngoài ra không ai hay biết.

Lúc ấy, đại chúng nghi ngờ, bạch Phật:

–Thế Tôn! Hương, hoa, tiếng nhạc cúng dường đó há không phải là oai lực của Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên sao?

Đức Phật nói:

–Không phải. Đó là vật cúng của năm trăm thể nữ thuộc Ma vương Ba-tuần. Ma Ba-tuần không lâu sẽ đến đây.

Các thể nữ nghe Đức Phật nói vậy tâm sinh vui mừng, liền đạt được pháp kiên định tâm Bồ-đề không hề mất. Họ quỳ gối chắp tay, nói kệ:

Như Lai trừ hẳn mọi phiền não
Ban mắt pháp sáng cho chúng sinh
Cứu giúp mọi loài vượt sinh tử
Chúng con thanh tâm khen ngợi Phật.
Tất cả trời người đều tôn kính
Thế Tôn trọn vẹn trí vô lượng

Xin Phật khai mở phương tiện lớn
Giúp cho chúng con thoát thân nữ.
Tam-muội đại không Phật tu tập
Thông đạt tất cả Đế đệ nhất
Thương chủ giàu có trọn pháp báu
Xin trừ lực ma độ chúng con.

Nói kệ xong, các thể nữ về lại cõi ma, nói kệ:

Oai lực đại vương không thường còn
Chưa thoát khổ não sinh già chết
Phiền não trói buộc thân đại vương
Làm việc đen tối vào cõi ma.
Đại vương muốn thoát biển sinh tử
Phát khởi lòng tin đến chỗ Phật
Chúng tôi muốn về với Như Lai
Hưởng vị cam lồ đoạn phiền não.

Bấy giờ, Ba-tuần khởi tâm xấu ác, muốn trói buộc các thể nữ bằng năm sợi dây, nhưng nhờ thần lực Phật nên không thể buộc được. Các thể nữ trở lại chỗ Phật, thấy thế Ba-tuần không thể ngăn chận nên biến hóa ra gió Tỳ-lam để diệt các thể nữ, nhưng với thần lực của Phật, Ma vương không thể hại được họ. Thấy vậy, Ma vương càng khổ não, to tiếng bảo các thể tử:

–Ta nay đã mất hết sức thần thông. Hiện có một cây độc xuất hiện ở đời, giảng pháp đoạn diệt cho chúng sinh, đầy đủ phương tiện quyền biến.

Nghe lời đó, quyến thuộc ma đều tập trung về,

hỏi:

–Cớ sao đại vương khổ não vậy. Không hề có tướng thoái chuyển, cũng chẳng có tai nạn, ở cõi Dục không có kẻ thù.

Ma vương đáp:

–Các ngươi không thấy, ở đời hiện có một người ngồi nơi cội Bồ-đề, trừ diệt bốn bệnh như lửa lớn đốt cháy cỏ khô. Tất cả bậc trí ở thế gian đều nương về người ấy. Người ấy là kẻ thù của ta. Các ngươi không thấy năm trăm thể nữ đã bỏ ta theo về nương tựa kẻ ấy sao? các ngươi nếu không diệt họ Thích kia, không bao lâu tam thiên đại thiên cõi nước này sẽ trống rỗng. Các ngươi tự trang bị mình, hợp lực trừ khử họ Thích.

Các ma đáp:

–Hay thay, đại vương! Chúng tôi sẽ dốc toàn lực để trừ khử họ Thích. Nếu không làm được, chúng tôi sẽ quy y người ấy.

Ma vương nói:

–Đồ ác độc, cớ sao các ngươi lại nói như vậy.

–Đại vương! Sa-môn Cù-đàm riêng mình an tọa nơi cội Bồ-đề chúng ta đã không cản trở được, huống gì hiện nay vị ấy lại có vô lượng đệ tử?

Ma vương nói:

–Các con! Nếu diệt trừ được Sa-môn Cù-đàm thì thật là hay. Nếu không thì tự giữ cõi mình. Lúc ấy, vô số bốn binh ma hiện ra đầy cõi Diêm-phù-

đề, cao bằng tám mươi do-tuần, chúng tuôn xuống mưa mưa lớn, thổi gió dữ, tay vần núi Tu-di làm rung động cả bốn thiên hạ, rền vang tiếng dữ, như các rồng chúa Dạ-xoa, quỷ, chấn động mọi sông suối, ao hồ. Tất cả trời người rồng thần đều kinh sợ. Các ma binh lấy tảng đá lớn ở núi Tu-di định lấp rừng Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá.

Thiện nam! Lúc ấy, ta nhập Tam-muội phá ma lực thế. Do thần lực của Tam-muội nên tất cả đất đá, lửa dữ, đao gậy, giáo mác của ma binh đều biến thành các loại hoa Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, rơi xuống khắp thành Vương xá. Trong hư không lại tuôn xuống vô số hương thơm; biến tiếng ác thành tiếng của Như Lai, tiếng nói về Pháp, Tăng, thần thông, Ba-la-mật, không thoái chuyển, Bồ-tát, trừ bốn ma, Niết-bàn, trừ sạch gió ác. Tất cả cỏ cây ở đây đều biến thành bảy báu. Thân Như Lai lúc này cao đến cõi Sơ thiền, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng phóng ra soi chiếu tam thiên đại thiên cõi nước. Tất cả tám bộ chúng Trời, Người, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-ca, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, các chúng sinh nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đều thấy thân Như Lai, vô lượng chư Thiên thiết lễ cúng dường với đủ hoa, hương, nhạc, lọng, phướn. Chúng sinh nơi ba cõi ác biết niệm Nam-mô Phật, tức được thoát khổ, thọ thân người, trời.

Thấy thần lực của Phật như thế, ma binh đều phát lòng tin, nói kệ:

Con nay nương tựa Đức Như Lai
Bậc trí vô thượng tịnh thân ý
Hiện tám đường chánh ở cõi ma
Ban ánh sáng cho chúng tối tăm.
Đầy đủ oai lực không ai hơn
Xem mọi loài như con của mình
Tâm Phật bình đẳng tựa hư không
Con xin kính lạy Thương chủ lớn.
Không nhiễm phiền não, tu Từ bi
Thành tựu an ổn hiện nhân quả
Đem lại giải thoát cho chúng sinh
Vì thế con nay xin kính lễ.
Đại Từ, đại Bi trời trong người
Thế Tôn vô thượng Bậc Tối Thắng
Giảng rõ các pháp trăng dưới nước
Con xin kính lạy Đại Huyễn Sư.
Chúng sinh bị bệnh khổ phiền não
Vì thế nương tựa Đại y vương
Chúng sinh ba ác thiếu bảy báu
Nay xin nương về thoát lậu hoặc.
Ngưỡng mong thương xót nhận sám hối
Tâm ác đối với Đức Như Lai
Phật là cha mẹ lành muôn vật
Con nay trừ bỏ nghiệp của ma.
Chúng con kêu gọi mọi chúng sinh

Để chúng phát khởi tâm Bồ-đề
Xin dạy cho con đạo Vô thượng
Phải tu hạnh gì đạt Bồ-đề.
Con kính dâng lên hương hoa quý
Vì mọi chúng sinh cúng dường Phật
Gần gũi bạn tốt khéo tư duy
Chí tâm nghe học an trụ pháp.

Lúc đó, năm trăm thể nữ và quyến thuộc ma cúng dường Như Lai vô số những thứ hoa, hương, nhạc, lọng, phướn, các vật cúng ấy hiển bày đến khắp vô lượng hằng hà sa cõi Phật, cùng lúc cúng dường vô lượng Phật. Tất cả chúng ma đều thấy thân tướng hình sắc của Phật, hết thảy mọi thứ đều giống ma, riêng rừng cây, nhà cửa cung điện của cõi Sư tử tòa là khác. Thấy vậy, chúng ma vui vẻ, ngồi bên cạnh Phật, chí tâm nghe pháp. Sau đó, trở về chỗ của Ba-tuần, tâu:

–Đại vương! Chúng tôi đến chỗ Đức Cù-đàm, dùng mọi thứ uy lực nhưng không mảy may lay động được.

Đại vương! Hiện nay chúng tôi đều là đệ tử của Đức Cù-đàm. Nghe vậy Ba-tuần tức giận, tự nghĩ: Ta làm sao diệt được họ Thích, trừ oán thù. Nghĩ thế Ba-tuần và quyến thuộc đều buồn sầu đi vào nhà khổ.

M

Phần 2: TÍCH XƯA

Bấy giờ, chúng ma lại về chỗ Như Lai, thưa:

–Thế Tôn! Chúng con cầu pháp Đại thừa, niệm pháp Đại thừa, mong muốn đạt trọn vẹn thần thông đại Từ bi. Thế Tôn! Đại Bồ-tát hành đầy đủ pháp gì để không gần bạn ác, sớm thành tựu Bồ-đề vô thượng?

–Thiện nam! Đại Bồ-tát hành trì đầy đủ bốn pháp để không gần bạn ác, sớm đạt Bồ-đề vô thượng. Bốn pháp đó là: Bồ-tát không tham các pháp, không bỏ các pháp, không thọ các pháp, không giác quán các pháp, không chấp ngã và sở hữu của ngã, hành bố thí, không cầu quả báo, không lấy bỏ, không thấy biết ngã và sở hữu ngã, kể cả Bát-nhã cũng thế; Bồ-tát không thấy chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, không bỏ cõi chúng sinh, không tham chấp, không giác quán ngã, sở hữu ngã; Bồ-tát không thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không bỏ sắc thanh hương vị xúc pháp, không chấp bỏ, không giác quán ngã, sở hữu ngã; Bồ-tát quán sát kỹ các pháp, không giác quán chánh trí Phật. Vì sao? Vì trừ tất cả hạnh, trí là trí Phật, không có, không thừa, không: Tiếng, tưởng, văn tự, vô lượng, sinh, xuất, diệt, tưởng, ngại, chướng, thấy tịch tĩnh, ngã, mạng, danh, sáng, tối, xứ, giới, căn, cánh, tư duy, ăn, tham, sạch, nhơ, bụi, tiết, biên vực, số, hành, thọ, nghiệp, nhà, lấy,

làm, đáng hiển bày, niệm, diệt niệm, là trí Phật như hư không, là không, không giác, không nói, không nhẫn, không hay biết.

Thiện nam! Người cầu trí tuệ như vậy là người quán hai pháp mắt, sắc, cho đến ý, pháp. Lại có hai: Sinh tử, Niết-bàn. Lại có hai: Sinh, nghiệp. Lại có hai: Thường, đoạn. Lại có hai: Chúng sinh, thọ mạng. Lại có hai: Đây, kia. Lại có hai: Trong, ngoài.

Thiện nam! Muốn cầu trí Phật phải đoạn chấp hai. Thấy khác nhau là không đạt dược.

Thiện nam! Như người cần lửa lại lấy nước; cần nước lại lấy lửa; tìm thức ăn lại lấy đá; tìm hoa lại lấy sắt; tìm hương lại lấy phân; tìm y phục lại lấy cây; tìm hương xoa lại lấy vật không; tìm trí Phật mà chấp hai, thấy khác nhau cũng vậy.

Lúc ấy, trong chúng hội nơi cõi báu, Bồ-tát Địa Ý nghe lời này nên bạch Phật:

–Thế Tôn! Có thể thấy biết nghĩa không thể nói không? Nếu không thể thấy biết làm sao gọi là Nhất thiết trí?

–Thiện nam! Trí không thể nói chính là trí Nhất thiết. Thiện nam! Như Lai hỏi, ông tùy ý đáp. Theo ông, lúc ta đạt được trí Nhất thiết của Như Lai có chỗ thủ đắc không?

Bồ-tát Địa Ý tự nghĩ: "Nếu nói có thì thuộc chấp thường; nếu nói không thì chấp đoạn. Ta phải

trừ hai chấp, nói trung đạo.” Bồ-tát thưa:

–Thế Tôn! Vừa có vừa không. Thế Tôn! Không sinh diệt, không số lượng, không tối sáng là trí Phật.

Bồ-tát Điện Ý thưa:

–Thế Tôn! Không đến đi là trí Phật.

Bồ-tát Thiện Kiến thưa:

–Thế Tôn! Không đạt, không lìa, không chứng, không tu là trí Phật.

Bồ-tát Vô Tận Ý thưa:

–Thế Tôn! Pháp không thuộc về ba đời, không ở trong ba cõi, không phải ba kết, ba trí, ba thừa, ấm, giới, nhập, không thêm bớt là trí Phật.

Bồ-tát Kim Cang Ý thưa:

–Thế Tôn! Không phân biệt pháp phàm, Thánh, Hữu học, Vô học, Thanh văn, Duyên giác, Phật, là trí Phật.

Bồ-tát Kiên Ý thưa:

–Thế Tôn! Pháp không chuyển là trí Phật.

Bồ-tát Bảo Thủ thưa:

–Thế Tôn! Quán tướng sinh hoại của các pháp, thông đạt không được mất là trí Phật.

Bồ-tát Thiện Giác Ý thưa:

–Thế Tôn! Chúng sinh nơi ba cõi từ ý quán ý, không thấy ý giác là trí Phật.

Bồ-tát Phân Biệt Oán Thân thưa:

–Thế Tôn! Không ghét, thích phiền não, không yêu, không giận, không bỏ, không cầu, không thí, không niệm là trí Phật.

Bồ-tát Liên Hoa Tử thưa:

–Thế Tôn! Không thích tội phúc, đạt pháp nhẫn sâu xa, không thấy biết ngã, sở hữu ngã, là trí Phật.

Bồ-tát Đồng tử Nguyệt Quang thưa:

–Thế Tôn! Quán sát các pháp như trăng dưới nước, không thấy tăng giảm là trí Phật.

Bồ-tát Đồng tử Vô Biên Ý thưa:

–Thế Tôn! Không thấy pháp sáng tối, không thấy tâm sinh diệt là trí Phật.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Thế Tôn! Quán bốn phạm hạnh và pháp ác bình đẳng không sai khác là trí Phật.

Bồ-tát Vô Tận Ý thưa:

–Thế Tôn! Quán ba đời và sáu pháp Ba-la-mật không sai khác là trí Phật.

Bồ-tát Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Thế Tôn! Không tham, sân các pháp, quán cảnh giới sâu xa của các pháp không thấu tỏ, không phải không thấu tỏ, không tăng giảm, không phân biệt trí tuệ và vô minh là trí Phật.

Lúc này, Bồ-tát Lạc Dục thưa Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Thiện nam! Vì sao Như Lai giảng nghĩa sâu

xa ấy? Thiện nam! Vì muốn giúp chúng sinh đoạn trừ tà chấp, đạt chánh kiến, không tham tiếc, không gần bạn ác, nuôi sống bằng nghề chân chánh, không chấp ba kết, thương yêu mọi loài, không chấp Tam bảo, không hư dối, không bỏ chúng sinh, không tham tài vật, ba cõi, cứu kẻ kinh sợ, trừ đạo ác, mở đường chánh, không chấp pháp nhẫn, xa lìa vọng tưởng, diệt trần cấu, đoạn ám muội, không cầu quả báo.

Thiện nam! Vì thế, cầu trí Nhất thiết, không giác quán văn tự, không phân biệt lời Phật, lời tà, hạnh Phật, hạnh khác, pháp Phật, pháp khác, ấm, giới, nhập, công đức trí tuệ trang nghiêm, mười Ba-la-mật, ba môn giải thoát, nghiệp quả trí thế gian, trí Phật. Vì thế Như Lai giảng nghĩa sâu xa.

Bồ-tát Lạc Dục thưa:

–Hay thay, hay thay! Văn-thù-sư-lợi! Thật như lời ông nói nghĩa lý sâu xa là trí Phật. Vì sao? Vì không có đối tượng để giác ngộ, vì không có đối tượng để giác ngộ nên không thể nói. Hiểu không thể nói là trí Phật.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Khéo phân biệt giảng thuyết về trí Phật. Vì sao? Vì không chấp pháp sinh diệt là trí Phật.

Thiện nam! Không thấy các pháp xuất, hoại, vô minh, Niết-bàn. Tất cả các pháp, chúng sinh

đều không có biên vực, là hư không, là không trở ngại, không vật, không ấm, không hành, pháp, nghiệp, quả, phi quả, tu, vật, biên giới của vật. Bồ-tát hiểu được biên giới ấy là đạt trí Phật.

Lúc nêu giảng pháp này, tất cả chúng ma đạt pháp Nhẫn vô sinh, bỏ thân thô xấu, đạt thân đẹp đẽ, thân Ứng hóa tùy tâm; có hai vạn tám ngàn chúng sinh đạt Nhẫn vô sinh; chín vạn hai ngàn Bồ-tát đạt vô lượng Đà-la-ni. Ma chúng cúng hương, hoa, trỗi nhạc dâng Phật, thưa:

–Thế Tôn! Thiện tri thức là nguồn gốc của pháp lành. Ngày nay chúng con gặp Phật, là bậc Thiện tri thức nên đạt lợi ích.

Phật nói:

–Thiện nam! Hãy chuyên tâm quán nghiệp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền giảng về nghiệp quá khứ. Phật nói:

–Thiện nam! Vô lượng a-tăng-kỳ kiếp ở quá khứ, kiếp tên là Điện trì. Chúng sinh thời đó sống sáu vạn tám ngàn năm. Cõi nước tên Diệu hương quang minh. Phật ở cõi đó hiệu là Hương Công Đức là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi này gồm đủ năm sự ô trược. Vua nước ấy là bậc Chuyển luân vương tên Hoa Mục cai trị bốn thiên hạ. Vua cùng quần thần thân

tộc đến chỗ Phật, cúng dường hoa hương âm nhạc, cờ phướn, lọng báu lên Phật và chư Tăng, cung kính lễ bái đi quanh ba vòng, nói kệ khen Phật:

Trời người hết lời khen ngợi Phật
Xa lìa pháp ác thích tịch tĩnh
Đầy đủ bảy báu trừ nghèo khổ
Làm sao để chúng đạt trí sâu.
Luôn siêng tu tập ba giải thoát
Trừ hết sinh già cùng bệnh chết
Độ thoát chúng sinh ba cõi ác
Làm sao khiến chúng trừ nghiệp ma.

Phật nói:

–Đại vương! Đủ ba pháp sẽ đạt trí sâu xa: chuyên tâm niệm tất cả chúng sinh; tu tập đại Bi trừ khổ chúng sinh; biết các pháp không có chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, không phân biệt. Có ba pháp trừ hết nghiệp ma: Không có tâm ác với chúng sinh; lúc bố thí không thấy ruộng phước, không ruộng phước; quán các pháp bình đẳng không hai như hư không, không sinh diệt, không hành, không tướng mạo, không thể nói.

Lúc ấy, phu nhân của vua, bà Thiện Kiến cùng với tám vạn bốn ngàn thể nữ thiết lễ cúng Phật, nói kệ:

Đại thiên thế giới không ai hơn
Thích sống tịch tĩnh thương mọi loài
Khéo hành xa lìa các trần cấu

Làm sao khiến con lìa thân nữ.
Đã được xa lìa mọi oán kết
Thấy rõ đúng sinh, già, bệnh, chết
Ngưỡng mong Thế Tôn giảng đạo pháp
Giúp con đạt được thân nam tử.
Xa lìa sinh tử, đạt đạo mầu
Bố thí vui vẻ tăng pháp lành
Đầy đủ mười Lực, bốn Vô úy
Làm sao giúp con bỏ thân nữ.
Tu tập bốn hạnh diệt bốn ma
Đầy đủ lời thật phương tiện hay
Tám mươi vẻ đẹp, ba hai tướng
Làm sao giúp con bỏ thân nữ.

Phật nói:

–Tín nữ! Có phương tiện để thoát thân nữ, trừ nghiệp nữ, đạt Bồ-đề vô thượng, không bao giờ thọ thân nữ, trừ khi vì hạnh nguyện. Đó là pháp Đà-la-ni Bảo tràng. Người tu Đà-la-ni này bỏ thân nữ, làm thanh tịnh thân, khẩu, ý, trừ ba chướng. Người nghe tên Đà-la-ni này sẽ trừ thân nữ, thọ thân nam, đạt thân đẹp đẽ, trí tuệ vi diệu, thanh tịnh thân, khẩu, ý, thích hạnh lành, học rộng, trừ nghiệp ác, không thọ báo khổ, đoạn năm tội nặng vô gián. Vì sao? Vì Đà-la-ni này là pháp được vô lượng chư Phật quá khứ thuyết giảng để trừ nghiệp ác, thêm lớn pháp lành. Chư Phật hiện tại vị lai cũng nêu giảng như vậy. Nay ta cũng giảng Đà-la-

ni đó. Vô lượng Phật hiện tại ở khắp mười phương đều khen ngợi Đà-la-ni này.

Tín nữ! Quốc vương nào nghe tên, khen ngợi, thọ trì, biên chép Đà-la-ni đó sẽ được chư Phật mười phương bảo hộ, khen ngợi. Ngay cả chư Thiên cõi A-ca-ni-trá cũng đến bảo vệ ca tụng nhà vua. Dù là đi đứng nằm ngồi, nhà vua luôn được các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa bảo hộ, giúp nhà vua an ổn, không bệnh khổ. Trong nước không có chiến tranh, không có mưa dữ, không lạnh nóng, mùa màng luôn được lúa thóc dồi dào, quỷ thần cầm thú hung ác đều khởi tâm vui vẻ không tổn hại. Nơi nào có kinh này, nơi đó không có bệnh khổ xấu ác. Lúc đánh nhau, nhà vua niệm kinh này tự nhiên hàng phục oán địch. Hai vua đều niệm kinh này thì hai binh đội hòa nhau, không xâm hại nhau. Trong nước nếu có người vật bị bệnh thì nên chép kinh này đặt ở đầu, chúng mọi bệnh tự tiêu. Nếu có Pháp sư giữ giới, siêng tu, vào ngày mười lăm hàng tháng, tắm rửa sạch sẽ cúng dường hoa hương vi diệu lên Tam bảo, lên tòa Sư tử, khen ngợi Đà-la-ni này thì sẽ bảo vệ được cả nước, mọi tướng xấu đều tự diệt, điều phục, giáo hóa chúng sinh đạt Bồ-đề vô thượng.

Tín nữ! Người đọc tụng kinh này, thậm chí chỉ một kệ, một câu sẽ không bao giờ thọ thân nữ và đạt tâm Bồ-đề không thoái chuyển.

Nói về pháp Đà-la-ni xong, Đức Phật Hương

Công Đức bèn ấn ngón chân xuống đất, lập tức đại địa chấn động sáu cách, mười phương đều như vậy. Trời, Rồng, Dạ-xoa, ở đó nhờ Phật lực nên đều phát tâm vui vẻ, nghe giảng Đà-la-ni. Lúc đó, Đức Như Lai nói Đà-la-ni Bảo tràng:

–Xà lạc sí, xà lạc sí, mục sí xà lệ, xà la xà lân ni, xà la bạt lại đế, xà hê lệ ba la, phú lâu sa, tam ma xà a ma di chẩm, ma di ma ha di xa ma di, bà la di bà bà tì, bà bà tì, bà bà tì, bà xà tì, bà la ha, bà lệ tỉ, xà a di, bà la ha, bà lệ tỉ, a la xà hê, xà đấu mục khư, bà phái la, bà phái la tư đà, bạt lại đê, đàn đế lệ, đàn đế la, đàn đế lệ, tu lệ tì ha già, chiên đà tì, ha già chiên đà tì ha già chiết thu, thọ đề sa tì ha già, tát bà dạ duệ đế đa phàm, tu la tì ha ca, xà la xà la ca xa di lệ ha, xa di lệ ha, xa di lệ ha, xa di lệ ha, xa di lệ ha, tì ba xa đà yết ma, đậu ninh, đậu ninh, đậu ninh, ôn ma, ác tì bà xa đề. Xà na ngật lật đa, a nạp bà đà lệ, nô ương quật lệ, đa quật lệ, tì bà quật lệ, cứu la ha, nhân đà bà lệ, bà ha na tì bà xa đà yết bà, già bà đê, già bà đê, ha mộ a đà xá ni, bà lệ bạt đê, bà sư cữu ma yết, ma thọ đê, yết xà hê xà hê thọ đê nị ca tì la bà, tì la bà, tì la bà, tì lại xà, tì lại xà, kiếp bà ma ha kiếp bà hê, lợi hi lệ hi lệ a, na bà đê, na bà đê, đàm ma đàn na xà na a bà la di lệ tuyệt a la quân đà la, ba thực tì bà đê na, đế lệ bà phàm yết ma xoa duệ bà la đốt pha bà, phú lâu sa đa phàm a tam ma, tam ma tam ma, tì đê, nhược đa đà, a kiệt đà sa ha.

Lúc Phật nói Đà-la-ni, năm trăm thể nữ nghe được, đạt thân nam; vô lượng thân nữ, người nữ đạt thân nam và chứng tâm Bồ-đề không thoái chuyển, đoạn hẳn nghiệp nữ.

Thiện nam! Nghe pháp, phu nhân và tám vạn bốn ngàn thể nữ cũng chuyển thân nữ, được thân nam, vô số người nữ chuyển thân. Lúc đó, nhà vua truyền ngôi cho thái tử, cùng vô số quần thần xuất gia học đạo. Vô số chư Thiên tự nghĩ: "Vì sao nhà vua xuất gia." Lại bảo nhau: "Ở đây có Phật, giảng pháp vi diệu. Nhờ oai lực của pháp, người nữ chuyển thành nam, có người cúng dường ca-sa cho người xuất gia, người xuất gia giảng pháp lạc cõi trời cho hàng bạch y, trừ khổ ba cõi ác, trừ nghiệp ma, khiến cho quân ma chịu khổ. Tuy chịu khổ nhưng chúng không thích nghe pháp. Người có khả năng làm việc ấy chính là Sa-môn Hương Công Đức, có lẽ Sa-môn này là ma. Vì sao? Vì có thể chuyển thân nữ thành thân nam."

Khi ấy, đại thần Thiện Hạnh nói:

–Các người nữ của ta đều chuyển thành thân nam, vô số thê thiếp của các người cũng bỏ thân nữ, được thân nam, cắt tóc, xuất gia, đều vĩnh viễn không còn thấy nghe người ác, xa lánh Sa-môn ác đó. Chúng ta nên vào núi sâu. Sau đó, họ vào núi, xuất gia tu tập pháp Bà-la-môn, bảo: Không có giải thoát, không có quả thiện ác. Hiện giờ có một Sa-môn xuất hiện, giảng rõ những chấp đoạn,

nghiệp ma, lừa dối chúng sinh, là nhà ảo thuật. Ai đó nghe pháp của vị ấy, gần gũi, lễ bái, cung kính, cúng dường, tâm sẽ cuồng loạn, không hiểu biết, cắt bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, bỏ mọi thứ, sống đời ăn xin, ở giữa mộ địa, ngày ăn một bữa, chán ghét sinh tử, không thích năm dục lạc và hương, hoa, anh lạc, âm nhạc, không thích bàn việc thế gian, làm những việc không hay như thế. Còn dạy chấp đoạn và nghiệp ma là kẻ thù lớn của chúng sinh, giáo hóa vô lượng, vô biên chúng sinh dứt bỏ chấp đoạn. Nếu không thấy nghe thì sẽ lợi ích hơn. Tỳ-kheo Hoa Mục nghe thấy tà chấp của chúng sinh, tự nghĩ: Nếu ta không điều phục được chúng sinh đó làm sao đạt quả Bồ-đề vô thượng. Sau đó Tỳ-kheo Hoa Mục đến thỉnh Đức Phật Hương Công Đức và vô số Tỳ-kheo vào xóm làng thành ấp thuyết giảng pháp. Đó là các pháp: Xa lìa pháp ác, tu tập pháp lành, pháp Đại thừa, Duyên giác, Thanh văn, quả Sa-môn, giới Tỳ-kheo, giới cư sĩ, ba quy y, mười thiện. Lúc giảng các pháp đó, có vô số chúng sinh trừ lưới nghi, phát tâm lành, phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô số chúng sinh đều đến chỗ Phật. Riêng đại thần Thiện Hạnh phát lời thề ác với Tỳ-kheo Hoa Mục: Đời sau, lúc ngươi thành tựu đạo quả vô thượng, ta sẽ làm ma ác ở đó, ta đến cội Bồ-đề gây khủng bố cho ngươi. Nếu ngươi thành Phật, ta sẽ phá hoại pháp của ngươi. Nếu ta phát lòng tin thì ngươi hãy thọ ký cho ta.

Các thiện nam! Tỳ-kheo Hoa Mục chính là ta, phu nhân Thiện Kiến là Di-lặc. Đại thần Thiện Hạnh là ma Ba-tuần.

Ba-tuần! Ngày xưa ngươi đã phát nguyện nếu ngươi tin pháp ta sẽ thọ ký cho ngươi. Vì thế hôm nay ta giúp ngươi toại nguyện, thọ ký quả Bồ-đề vô thượng. Ba-tuần! Nhờ căn lành lễ bái cúng dường Đức Hương Công Đức ngày xưa của ngươi, ta thọ ký quả Bồ-đề cho ngươi.

Lúc giảng pháp này năm trăm thể nữ thành thân nam, vô lượng chúng sinh được điều phục trong pháp ba thừa.

M

Phần 3: ĐIỀU PHỤC MA

Lúc ấy, trăm ức vua ma khắp mọi nơi đều kéo về chỗ ma Ba-tuần.

Ba-tuần bảo họ:

–Các thiện nam! Các ông biết không, hiện có họ Thích làm nhà ảo thuật, sáu năm khổ hạnh, sau đó đến cội Bồ-đề. Ta đã dẫn ba vạn sáu ngàn ức binh chúng, dốc toàn lực để hại nhưng không thể nào lay động được tòa Kim cang, do vậy, Cù-đàm đã thành tựu mọi ảo thuật. Với sức huyễn hóa đó làm cho tam thiên đại thiên cõi nước chấn động sáu cách, làm cho quân ma điên đảo ngã gục như cây bị bứng gốc. Lúc đó, họ Thích đạt huyễn thuật

vô tướng. Nhờ sức của ảo thuật, bậc trí mười phương đều hướng về thỉnh Cù-đàm độ sinh. Nhưng ta không thể biết được nơi ở của họ. Người chuyên tâm quy y thì dù ta cố hết sức vẫn không được một sợi lông của họ; không thể mê hoặc, không thể dọa nạt. Năm trăm thể nữ và vô số binh chúng của ta đều nương tựa họ Thích mà ta không thể ngăn chận. Các ông phước đức nhiều, sức ảo thuật lớn, hãy tận tâm giúp ta để ta diệt trừ họ Thích, diệt trừ chúng đệ tử của họ Thích, diệt pháp Sa-môn, thêm lớn nghiệp ma thì ta mới thật sung sướng.

Lúc ấy, vua Thân Cận nói:

–Họ Thích kia đã thành tựu vô lượng công đức trang nghiêm bằng phúc trí, không đọa sinh tử, điều phục tất cả chúng sinh, diệt mọi phiền não, làm thanh tịnh thân tâm. Các ông không thể hại được.

Ba-tuần nói:

–Quyến thuộc của ta bị họ Thích mê hoặc, nếu các ông không nghĩ cách thì không bao lâu cõi nước của chúng ta sẽ trống rỗng.

Một Ma vương nói:

–Đức Như Lai không sống trong sinh tử, thanh tịnh thân tâm, đoạn hết phiền não, giải thoát ngay trong ba cõi, không bị pháp hữu vi ràng buộc, là bậc tịch tĩnh vô thượng, ai có thể hại được?

Ba-tuần nói:

–Nếu chúng sinh những kẻ tham đắm năm dục lạc của cõi Dục, quy y họ Thích thì mới trừ hết bốn ma. Nếu các ngươi không thể diệt các kẻ ác đó, làm sao cai trị cõi Dục.

Một Ma vương nói:

–Họ Thích kia như huyễn, như sóng nắng, không thể thuyết giảng, không có nơi dừng, không chướng ngại. Người như thế làm sao ta hại được.

Ba-tuần nói:

–Họ Thích ở cõi Dục, nhận vật cúng dường, mê hoặc chúng sinh, làm sao chúng ta lại không tiêu diệt?

Một Ma vương nói:

–Sức thần thông của chúng ta và đám quyến thuộc không bằng một phần mười sáu sức thần thông của họ Thích, làm sao chúng ta hại họ Thích được?

Ba-tuần nói:

–Lúc họ Thích vào thành khất thực, chúng ta tìm cách làm cho họ Thích không được một hột cơm, chúng ta nên mạ nhục, thả đá lớn làm cho họ Thích tức giận. Riêng mình ta đã có thể làm được huống gì là các ông với nhiều quyến thuộc?

Một Ma vương nói:

–Dù chúng ta làm được những việc đó vẫn không thể khiến cho họ Thích tức giận. Đã không

vui giận làm sao hại được?

Ba-tuần nói:

–Họ Thích kia đủ trí tuệ lớn, với sức trí tuệ, họ Thích không giận trước việc đáng giận, không mừng trước việc đáng mừng; họ Thích tu tập tâm đại Từ bi, bình đẳng với tất cả chúng sinh, nên không mừng, giận chúng ta.

Một Ma vương nói:

–Người bị ràng buộc trong ba cõi, chúng ta hại được, họ Thích không ràng buộc trong ba cõi, làm sao ta hại nổi?

Ba-tuần nói:

–Nếu các ông làm theo kế hoạch của ta thì dễ dàng hại được họ Thích. Các ông nên hóa làm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, vào xóm làng thành ấp, nói với vua, quan, trưởng giả chúng ta đều là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn Cù-đàm thật không phải là Sa-môn, giả xưng Sa-môn; không phải là Bà-la-môn, giả xưng Bà-la-môn; thật không giữ giới lại hiện tướng giữ giới, là kẻ phá giới không khác phàm phu. Các ông tin tưởng thì thật là hay, nếu không tin thì sau bảy ngày sẽ có tuôn mưa đá, lửa dữ, dao bén. Nói như vậy, sau đó, bay vào hư không làm mưa. Nếu làm thế, không bao lâu đệ tử của Cù-đàm sẽ bị tiêu diệt.

Các Ma vương đều cho đấy là diệu kế. Chúng tự trang bị mọi thứ rồi hướng về nước Ương-già-

ma-già-đà. Tất cả quyến thuộc của Ba-tuần thì trang bị khí giới hướng về núi Tuyết. Lúc này, trong núi Tuyết có một Tiên nhân tên Quang Vị và năm trăm đệ tử, đều là người chứng đắc năm thông. Đến đó, Ba-tuần lạy Tiên nhân, thưa:

–Sa-môn Cù-đàm đã diệt trừ hết ngoại đạo, thường giảng cho đệ tử trong chúng sinh thật không có Sa-môn, Bà-la-môn.

Đại đức! Nếu ông cùng tôi vào nước Ma-già-đà, chúng ta sẽ tiêu diệt được Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn không thể cùng với Đại đức bàn luận, so sánh về thần lực. Nếu diệt trừ Sa-môn Cù-đàm rồi, tất cả chúng sinh sẽ cung kính cúng dường Đại đức.

Thưa như vậy xong, ma Ba-tuần trở lại chỗ chúng ma bàn mưu kế. Một ma nói:

–Sa-môn Cù-đàm vào thành Vương xá khất thực, tôi sẽ biến hóa ra sư tử, cọp, sói, La-sát, quỷ dữ để dọa nạt ông ta. Khi đã sợ thì không thể biến hiện thần thông.

Một ma nói:

–Tôi sẽ vào trong hư không, tuôn mưa đá để hại Sa-môn Cù-đàm.

Một ma nói:

–Tôi sẽ làm đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, sẽ được gần gũi Sa-môn Cù-đàm nên dễ dàng lấy mạng Sa-môn Cù-đàm.

Một ma nói:

–Tôi sẽ biến thành một trưởng giả, thiết trai mời Sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn Cù-đàm nhận lời tôi sẽ hại ông ta.

Một ma nói:

–Tôi sẽ hiện làm kỹ nữ, đến chỗ vua vu cáo Sa-môn Cù-đàm thông dâm với tôi.

Một ma nói:

–Tôi sẽ đến chỗ ông ta, tự chặt mình thành bảy phần, các ông sẽ nói xác chết đó do Sa-môn Cù-đàm giết.

Một ma nói:

–Tôi sẽ vào hư không, la lớn Sa-môn Cù-đàm là kẻ ác. Chúng sinh cúng dường cho ông ấy sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ.

Lúc đó, Đức Phật biết tâm ý của quân ma nên biến tam thiên đại thiên thế giới đều thành Kim cang để ngăn chận những trận mưa đá, lửa, dao, làm cho chúng sinh không thấy việc ấy. Khi ấy, bốn đệ tử lớn của Phật vào thành khất thực. Tôn giả Xá-lợi-phất vào từ cửa Đông. Giữa đường, Tôn giả gặp năm trăm ma binh cầm dao gậy, chúng bảo:

–Ngươi nên khen ngợi chúng ta. Nếu không chúng ta, sẽ lấy mạng ngươi.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Được, các đồng tử! Ta ca hát, còn các ngươi

múa.

Chúng ma nói:

–Hay lắm, Đại đức!

Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ:

Ta nay không tìm ấm giới nhập
Vô lượng kiếp số luôn mê hoặc
Người nào tìm kiếm các pháp đó
Sẽ không bao giờ được giải thoát.

Nói kệ xong, Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói Đà-la-ni:

–Bà ha la, bà ha la, bà la bà ha la, ma lợi chí ba la ha, tát đà bà la ha, a ma bà la ha, sa ha.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói Đà-la-ni này xong, năm trăm chúng ma đều được điều phục. Chúng lễ bái sám hối, thưa:

–Đại đức! Chúng con xin phát tâm Bồ-đề vô thượng, quy y Tam bảo, đoạn bỏ nghiệp ác.

Lúc đó, Tôn giả đại Mục-kiền-liên vào thành từ cửa Nam, giữa đường Tôn giả cũng gặp năm trăm quân ma cầm dao gậy, chúng bảo:

–Ngươi nên ca múa ngợi khen. Nếu không ta sẽ lấy mạng ngươi.

Mục-kiền-liên đáp:

–Được, các đồng tử! Ta ca hát còn các ngươi múa.

Các ma đáp:

–Hay lắm, Đại đức!

Tôn giả Mục-liên liền nói kệ:

Ta nay không tìm ấm giới nhập
Vô số kiếp luôn bị mê hoặc
Người nào tìm kiếm các pháp đó
Sẽ không bao giờ được giải thoát.

Nói kệ xong, Tôn giả Mục-kiền-liên nói Đà-la-ni:

–A bà ma, a bà ma, ma la noa, la xà, xà ha xa, ma tha, xa ma tha, xa ma tha, già già na, bà ma, sa ha.

Tôn giả Mục-liên nói Đà-la-ni xong, năm trăm ma tự điều phục tâm, chúng lễ bái sám hối, thưa:

–Đại đức! Chúng con xin phát tâm Bồ-đề vô thượng, quy y Tam bảo, đoạn bỏ nghiệp ma.

Cùng lúc Tôn giả Di-đa-la-ni Tử vào thành từ cửa Tây, giữa đường Tôn giả cũng gặp năm trăm quân ma cầm dao gậy, chúng bảo Tôn giả:

–Ông nên ca múa ngợi khen. Nếu không chúng ta sẽ lấy mạng ông.

Tôn giả Phú-lâu-na bảo:

–Được, các đồng tử! Ta ca hát còn các ngươi múa.

Các ma đáp:

–Hay lắm, Đại đức!

Tôn giả Phú-lâu-na liền nói kệ:

Ta nay không tìm ấm giới nhập
Vô số kiếp luôn bị mê hoặc

Người nào tìm kiếm các pháp đó
Sẽ không bao giờ được giải thoát.

Rồi Tôn giả nói Đà-la-ni:

–Khư kiệt bà, khư kiệt bà, thủ kiệt bà, mậu già ninh, mậu giá ninh, a bạt đa ni, tỉ bạt đa ni, sa ha.

Tôn giả nói Đà-la-ni xong, năm trăm ma tự điều phục tâm, Chúng lễ bái sám hối, thưa:

–Đại đức! Chúng con xin phát tâm Bồ-đề vô thượng, quy y Tam bảo, đoạn bỏ nghiệp ma.

Khi đó, Tôn giả Tu-bồ-đề đi vào thành từ cửa Bắc, giữa đường Tôn giả cũng gặp năm trăm quân ma cầm dao gậy, chúng bảo Tôn giả:

–Ông nên ca múa ngợi khen. Nếu không chúng ta sẽ lấy mạng ông.

Tôn giả Tu-bồ-đề bảo:

–Được, các đồng tử! Ta ca hát còn các ngươi múa.

Các ma đáp:

–Hay lắm, Đại đức! Tôn giả Tu-bồ-đề liền nói kệ:

Ta nay không tìm ấm giới nhập
Vô số kiếp luôn bị mê hoặc
Người nào tìm kiếm các pháp đó
Sẽ không bao giờ được giải thoát.

Tôn giả lại nói Đà-la-ni:

–Bà mậu đề, tỉ mậu đè, mậu lợi xà xà hê, tư lệ, tư lệ, tư lệ, bà tư lệ, bà tư lệ, a bà tư lệ, phục đa

câu trí tư lệ, sa ha.

Tôn giả nói Đà-la-ni xong, năm trăm ma tự điều phục tâm. Chúng lễ bái sám hối, thưa:

–Đại đức! Chúng con xin phát tâm Bồ-đề vô thượng, quy y Tam bảo, đoạn bỏ nghiệp ma.

Bấy giờ, Phật dùng sức thần khiến cho chúng sinh trong thành Vương xá đều thấy thành rộng hàng trăm do-tuần, ở bốn cửa thành đều có một vị đại đệ tử. Trong thành hiện ra một hoa sen dài rộng hai mươi lăm trượng, cộng bằng lưu ly, cánh bằng vàng ròng, tua bằng kim cang, có vô lượng lá ánh sáng tỏa chiếu, các chúng sinh đều thấy cao ba trượng, Tứ Thiên vương cho đến trời A-ca-ni-trá đều thấy cao ba trượng. Trong hoa sen vang ra tiếng kệ, trời người đều nghe rõ:

Có một Đức Phật hiện trong đời
Hàng phục tất cả các binh ma
Xoay chuyển xe pháp thật vô thượng
Điều phục chúng sinh khắp cõi này.
Thành tựu trọn vẹn phước và trí
Ưu-ba-đề-xá, Câu-luật-đà
Đã trừ hai loại gốc phiền não
Phật định đến đây độ chúng sinh.
Thấy rõ ba đời: Trái trong tay
Trọn vẹn ba giới, giảng pháp tịnh
Xa lìa ba cấu, thương tất cả
Phật sẽ đến đây độ mọi loài.

Trọn vẹn Thần túc, bốn Vô úy
Điều phục bốn chúng, nêu bốn quả
Giảng pháp vi diệu nghĩa chân thật
Sư tử chúa đến vì chúng ta.
Thành tựu năm Căn và năm Lực
Đầy đủ công đức, trí vô ngại
Thế Tôn vô thượng vì chúng sinh
Từ bi cứu chúng thoát ba ác.
Điều phục sáu căn phát lòng tin
Trừ bỏ sáu nhập tu sáu niệm
Chứng đạt sáu Thông lời chân thật
Thế Tôn sẽ đến độ muôn loài.
Chúng sinh trói buộc trong phiền não
Ngu tối không hay đạo giải thoát
Đi vào đường ma không thật biết
Tham chấp điên đảo mất trí tuệ.
Không biết kia đây cùng sinh tử
Tham đắm năm dục không tu thiền
Vì vậy không thể đạt giải thoát
Không tu đạo hạnh xứng lành xưa.
Chúng sinh không hiểu sinh già chết
Vì thế không tu ba giải thoát
Trừ bỏ các pháp thí, giới, tuệ
Không thể ra khỏi ba đường ác.
Chúng sinh trừ hết năm dục lạc
Gần gũi Như Lai nghe chánh pháp
Chí tâm thọ trì một nghĩa kệ
Sẽ đạt giải thoát như chư Phật.

Lại vang tiếng kệ rền cả mười sáu nơi cõi Sắc:
Những ai tu tập pháp thanh tịnh
Trừ bỏ tranh chấp hành thiền định
Chí tâm chuyên niệm pháp giải thoát
Không sống buông lung trừ phiền não.
Đạt được mười ba pháp nhẫn nhục
Không gặp pháp ác, tâm không loạn
Vượt qua tất cả sinh già chết
Tu bốn Vô lượng và thiền định.
Trừ hẳn hai chấp đoạn và thường
Vượt ba cõi ác, đạt chánh định
Quán pháp vô thường và vô ngã
Thành tựu tùy nhẫn như chư Phật.
Trừ bỏ dục lạc như trừ nhơ
Quán tất cả không hành không khác
Thanh tịnh pháp giới cùng Bồ-đề.
Nơi pháp không ngại như hư không
Trừ diệt bốn ma đoạn phiền não
Tu tập chánh đạo và phương tiện
Không sợ tà chấp, như sư tử
Gần gũi Như Lai sẽ đạt được.

Tiếng kệ vang ra, vô số chúng sinh đều đến chỗ hoa sen. Nghe tiếng kệ, thấy hoa sen hiện trong thành, vô số chúng sinh tập hợp về, kể cả trời A-ca-ni-trá. Lúc này, Ba-tuần rất đau khổ, bảo với binh ma:

–Sa-môn Cù-đàm biến hóa ảo thuật, các ngươi

không tạo được nghiệp ma, không bao lâu các ngươi sẽ không còn chỗ ở. Các ngươi hãy tuôn mưa đá, dao, lửa.

Một ma nói với Ba-tuần:

–Sa-môn Cù-đàm thành tựu vô lượng công đức, trọn vẹn phước trí. Với sức thần của Sa-môn Cù-đàm, chúng ta đều tán loạn không thể làm việc gì. Tôi thật sự nể kính sợ Sa-môn Cù-đàm.

Một ma nói:

–Ngươi ngu si, sống trong tà đạo. Người vô tâm, nếu thấy Sa-môn Cù-đàm hãy còn phát lòng tin kính, huống gì là người có trí. Nếu muốn lợi lạc ông hãy chuyên tâm quy y, kính tin.

Một ma nói:

–Ba-tuần! Cớ sao ông vẫn thích làm ác, tạo nghiệp ác, ông hãy trừ bỏ nghiệp ác. Ông không thấy Như Lai vào thành để thí vị cam lồ cho chúng sinh sao? Ông hãy quy y Phật. Lúc đó, vô số chúng ma từ giữa hư không bay xuống thành Vương xá, biến thành vua hoặc Chuyển luân vương với đủ bảy báu, hoặc Tự tại thiên, Sa-môn, Phạm chí Ni-càn, bốn Thiên vương, mặt trời, mặt trăng, Đế Thích, Phạm thiên, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc lễ bái, khen ngợi, hoặc nhiễu quanh thành, hoặc leo lên thành, hoặc dâng y xanh, trắng, anh lạc trắng, lọng trắng, hoặc dâng y đỏ, anh lạc đỏ, cờ đỏ, lọng đỏ, hoặc dâng các vật đó với đủ loại màu sắc khác

nhau, hoặc dâng bảy báu, bảy y phục báu, bảy anh lạc báu, bảy lọng phướn báu, hoặc dâng anh lạc, lọng phướn bằng lưu ly, pha lê, hoặc dâng hoa, hương, hoặc lễ bái, ca ngợi, múa hát để cúng Phật. Thấy vậy Ba-tuần gào khóc, nghĩ: Ta sẽ mất hết phước báo, tất cả ma chúng đều quy y Sa-môn Cù-đàm.

Ba-tuần liền nói với Phạm thiên:

–Ta tuy mất phước đức, không còn bè đảng nhưng ta vẫn hại cho được Sa-môn Cù-đàm. Ta sẽ hiện uy lực sau cùng, ta sẽ nhổ hoa sen đó.

Ba-tuần liền đến chỗ hoa sen, nhưng dù thấy, Ba-tuần vẫn không thể nhổ được. Ba-tuần rất khổ não, ngay cả nắm cũng không được huống gì là nhổ. Ba-tuần lại nghĩ: "Ta nên thét vang tiếng ác để cho bốn chúng kinh sợ bỏ Cù-đàm mà chạy mất." Ba-tuần liền thét to nhưng bốn chúng không hề nghe thấy, chỉ riêng ma nghe, nghe xong ma lại kinh sợ. Lúc này, Ba-tuần run rẩy, đưa tay nắm vin nhưng không được. Ba-tuần lại muốn dùng gập đập bốn chúng nhưng cũng không được nên càng kinh sợ run lẩy bẩy như gió rung cây lá.

Ma tự nghĩ: "Nay ta mất hết uy lực, chi bằng trở về cung nghỉ, nếu không chắc sẽ bị chết, song lại không biết đường đi." Ma lại nghĩ: "Không bao lâu Sa-môn Cù-đàm sẽ đưa quyến thuộc đến đây, nếu họ đến, ta chắc sẽ bị giết, ta nên ẩn thân trong

đất.” Nhưng ma lại sợ chúng sinh thấy. Khi đó ma không biết đi về hướng nào, tự thấy thân bị trói bằng năm dây nên càng sầu khổ gào khóc.

Bấy giờ, có ma tên Thánh Đạo liền hóa thành Chuyển luân vương đến chỗ Ba-tuần nói kệ:

Vì sao ông lại gào thét thế
Khổ đau khóc lóc, lại buồn lo
Như Lai sắp đến chỗ hoa sen
Trừ diệt khổ não cho chúng sinh.
Nếu muốn thọ hưởng mọi pháp lạc
Chí tâm quy y Đấng Vô Thượng
Nếu ông không thích bị ràng buộc
Nên nghe lời ta quy y Phật.

Nghe lời kệ đó, Ba-tuần nghĩ: “Để thoát nạn ta giả quy y.” Nghĩ vậy Ba-tuần hướng về Như Lai, chắp tay nói kệ:

Nay con quy y Đức Thế Tôn
Đấng trừ khổ não của chúng sinh
Con xin sám hối mọi tội ác
Không gây trở ngại đệ tử Phật.

Ba-tuần nói kệ xong, năm sợi dây tự đứt. Ma lại mong trở về cõi mình thì tự nhiên bị trói, cứ thế ba, bốn, bảy lần. Ma không sao đi được nên chuyên tâm nghe pháp.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 20

Phẩm 9: BẢO TRÀNG

Phần 4: THẦN TÚC TAM-MUỘI

Bấy giờ, bốn vị đại đệ tử của Phật và các binh ma đi vào thành Vương xá, vừa đi vừa ca múa. Trái đất chấn động sáu cách, vô số chúng trời, người buồn thương khóc lóc:

–Khổ thay! Khổ thay! Như Lai hiện còn ở đời mà bốn vị đại đệ tử của Phật lại bị binh ma điều khiển. Thế rồi họ cùng nhau kéo đến chỗ Phật, thưa:

–Thế Tôn! Xin Như Lai lo cho. Vì sao? Vì quân ma muốn hại pháp Phật.

Phật nói:

–Ta sẽ vào thành giáo hóa mọi loài để chúng bỏ nghiệp ma, ta cũng thị hiện thần thông, làm việc Phật.

Lúc ấy, chư Thiên lại kêu khóc, thưa Phật:

–Nay Như Lai vào thành thật là phi thời. Vì sao? Vì vô số ác quỷ đang rình rập, vô lượng binh

ma đang chuẩn bị dao đá. Nếu Như Lai vào thì không bao lâu pháp Phật sẽ hoại diệt.

Nghe vậy Như Lai vẫn im lặng, chư Thiên lại thưa:

–Thế Tôn! Hiện có năm trăm quân ma cầm dao kiếm đang đợi Như Lai trong thành.

Lại có một Thiên nhân khác khóc lóc thưa:

–Hôm nay dòng họ Thích sắp bị tiêu diệt.

Một Thiên nhân thưa:

–Thuyền pháp vô thượng hôm nay sẽ bị vỡ, ai sẽ cứu chúng sinh trong ba cõi đưa đến bờ giải thoát?

Một Thiên nhân nói:

–Chúng sinh luôn bị phiền não trói buộc. Nếu bậc Đại sư bị tiêu diệt, ai sẽ giúp chúng giải thoát.

Một Thiên nhân khác nói:

–Thế Tôn! Trong hư không có vô số chúng ma chuẩn bị dao, lửa, đá. Xin Như Lai thương xót chúng sinh, xin chớ vào thành.

Một Thiên nhân thưa:

–Thế Tôn! Trong thành Vương xá hiện có hai vạn quân ma hóa thành Bà-la-môn, trang bị dao kiếm, định hại Như Lai, hai vạn ma cầm giáo dài, hai vạn ma cầm cung tên, hai vạn ma cầm đuốc lớn. Xin Như Lai nghe chúng con, đừng vào thành.

Nghe vậy, Như Lai vẫn im lặng. Như Lai vào đến cửa thành Vương xá, chư Thiên giữ thành

khóc lóc thưa Phật:

–Xin Như Lai chớ vào. Vì sao? Vì trong thành hiện đầy dẫy kẻ ác. Nếu để Như Lai bị diệt ở đây, chúng con làm sao nói với chư Thiên. Ma chúng hiện đang định tuôn ra các thứ dao, đá, lửa hại Như Lai. Nếu Như Lai mất, chúng sinh ngu muội, dập tắt đuốc pháp, phá núi pháp, vui sống trong sinh, già, bệnh, chết.

Nghe vậy, Như Lai vẫn an nhiên tiến lên. Một Thiên nhân thưa:

–Thế Tôn! Nếu Thế Tôn không tiếc thân mình, hẳn còn có sáu thành lớn nữa tất hà phải ở đây. Nếu Thế Tôn mất ở vào lúc này thì vô lượng kiếp con luôn mang tiếng xấu.

Lúc này, vô số chư Thiên lại kéo đến thưa Phật:

–Thế Tôn! Chúng con thường thấy vô số chư Phật thuyết pháp giáo hóa vô lượng chúng sinh, nhưng chưa hề thấy ma chúng này. Chúng sinh nơi thế gian bị trói buộc trong phiền não, may được gặp bậc y vương, biết phương pháp cứu chữa. Cớ sao Như Lai lại bỏ tâm đại Từ bi?

Một Thiên nhân nói:

–Vô lượng kiếp trong quá khứ Như Lai đã vì chúng sinh tu tập khổ hạnh. Hôm nay cớ sao lại muốn bỏ chúng sinh, hủy thân mình. Xin Như Lai giảng pháp, điều phục chúng sinh ngu muội, đem

ánh sáng đến cho chúng sinh. Xin chỉ đường chánh cho kẻ lạc đường, đoạn trừ tất cả khổ não ba đường ác. Xin Thế Tôn hãy ở lại đừng sớm ra đi.

Khi ấy, chư Thiên cõi trời Tịnh cư bảo các Thiên chúng:

–Thôi đừng khóc lóc, đừng sầu khổ nữa! Như Lai đầy đủ mười Lực không lo sợ. Hôm nay Như Lai muốn hàng phục chúng ma. Dù trăm ngàn vạn ức chúng ma vẫn không thể động được một sợi lông của Phật.

Phạm thiên, Đế Thích cũng đến thưa Phật:

–Thế Tôn! Tất cả chúng ma hiện đang định hại Như Lai, xin Phật chớ vào thành. Như Lai là đấng diệt trừ vô minh, ngu tối của chúng sinh. Ngày xưa, Thế Tôn từng nguyện độ sinh, hôm nay việc ấy chưa thành, cớ sao lại muốn hủy thân? Như Lai chớ nên nghĩ ngày xưa ở cội Bồ-đề đã từng hàng phục Ma vương mà khinh thường ma chúng. Nếu Như Lai vào thành nhất định sẽ bị tổn hại. Khi ấy, Như Lai phóng ra Phạm âm vang khắp tam thiên đại thiên thế giới, bảo:

–Lắng nghe! Lắng nghe! Dù là ma chúng nhiều, chật cả cõi nước mười phương, dốc toàn lực vẫn không thể tổn hại được một sợi lông trên thân ta. Xưa ta đã từng hứa đem vị lam lồ cho chúng sinh. Nay ta sẽ giảng nói nghĩa đệ nhất làm tăng pháp lành. Ta nêu giảng chánh đạo là hợp với

nguyện ta. Vô lượng kiếp ta vì chúng sinh chịu nhiều khổ não. Ta đã bỏ tất cả vàng bạc, lưu ly, pha lê, vật báu, quốc thành, vợ con, y phục, thức ngon kể cả thân mạng, cúng hoa, hương, lọng, phướn, đèn lên chư Phật, giữ gìn tịnh giới, tu hành nhẫn nhục, ai có thể hại được ta bằng tâm ác. Ta luôn Từ bi với chúng sinh, ai có thể hại được ta? Như ngày xưa ta diệt trừ quân ma, hôm nay cũng sẽ làm điều đó. Các ngươi chớ lo sợ.

Nghe lời này, vô số chúng người trời vui mừng, niệm Nam-mô Đại Sĩ Như Lai Thế Tôn, trừ diệt ma chúng, đoạn mọi phiền não, trừ hết tập khí, phá núi kiêu mạn, nhổ cây sinh tử, diệt tối tăm, xua màn vô minh, khuyến hóa tất cả chúng sinh tà chấp, làm khô cạn bốn dòng, thắp ngọn đuốc pháp, chỉ rõ đạo Bồ-đề, đánh tiếng pháp lớn, đem pháp lạc cho chúng sinh, giúp chúng hiểu tướng bốn Đế, vượt biển sinh tử, vào nơi an ổn.

Nói xong, Thiên chúng rải hoa, hương, lọng, phướn cúng Phật. Lại dùng vô số hoa thơm tuôn rải xuống thành Vương xá. Đó là các loại hoa: Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Ba-lâu-sa, Ma-ha ba-lâu-sa, Ca-ca-la, Ma-ha ca-ca-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa, Chiêm-bà-la, Ma-ha chiêm-bà-la, Hoan hỷ, Đại hoan hỷ, Ái lạc, Đại ái lạc, Ba-lợi-chất-đa, Câu-tỳ-già-la, Ưu-bà-bát-la, Câu-vật-đầu, Ba-đầu-ma, Phân-đà-lợi. Vô số hoa che rợp cả đường đi. Hai bên đường là hai hàng cây

bảy báu cao bằng một cây Đa-la, xen giữa là dòng suối nước gồm đủ tám vị. Trong hư không, chư Thiên cầm cờ lọng bảy báu, rải các tạp báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ngưu đầu chiên-đàn, bạch chiên-đàn, kiên tiên, trầm thủy, các loại hoa hương đầy cả lối đi của Như Lai, trỗi vô số nhạc hay, tất cả dân chúng đều đến bên ngoài thành Vương xá. Quyến thuộc của ma ở trong thành. Lúc Phật vào thành, an trụ nơi định Thủ-lăng-nghiêm, hiện tám mươi tướng tốt. Phật hiện các tướng voi, sư tử, bò, chim mạng mạng, thỏ, cá, rồng, rùa, Phạm thiên Tự Tại, Kiến-đà tám tay, Đế Thích, A-tu-la, Ca-lâu-la, cọp, sói, lợn, nai, thần nước, lửa, gió, mặt trăng, mặt trời, sao, vua, quan, nam, nữ, lớn, nhỏ, Sa-môn, Bà-la-môn, Tứ vương, Dạ-xoa, Bồ-tát, Phật. Chúng sinh thích loại hình nào thì thấy loại hình ấy. Tất cả đều niệm Nam-mô Phật, chắp tay, cung kính, lễ bái, cúng dường.

Lúc ấy, Tiên nhân Quang Vị của núi Tuyết cùng các đệ tử ở nơi cửa Tây, đợi Phật. Thấy thân Phật là tiên, nên Tiên nhân bảo mọi người cúng dường, Tiên nhân nói:

–Người này là bậc Đại tiên, đáng được hàng trời người cúng dường. Vì sao? Vì đủ tướng phước đức, làm sao ta biết được những người ấy vĩ đại hay ta vĩ đại. Ta sẽ hỏi rõ họ tên, số kinh sách đã học, thời gian xuất gia.

Sau đó Tiên nhân đến chỗ Phật, lại bảo các đệ tử:

–Vị Tiên này thành tựu đức tướng, thông minh tài trí, hiểu nghĩa sâu xa, các ngươi nên thành tâm tin kính. Theo sự hiểu biết về tướng mạo của ta, người này sẽ giảng đạo Vô thượng, sẽ giúp ta vượt sinh tử.

Năm trăm đệ tử đồng thanh khen:

–Hay thay! Hay thay, như lời thầy nói.

Nói xong, Quang Vị cùng năm trăm đệ tử tuần tự đến chỗ Phật, thưa:

–Ông là ai?

Phật đáp:

–Là bậc Phạm hạnh.

Quang Vị lại hỏi:

–Họ gì?

–Họ Cù-đàm.

–Học giới gì.

–Học ba giới.

–Tu hạnh gì?

–Ba hạnh không.

–Xuất gia bao lâu?

–Bằng thời gian đủ trí lớn.

–Có học sách thiên văn không?

–Ông đọc có lợi gì?

Quang Vị đáp:

–Tôi dạy chúng sinh pháp này. Người học theo ta, cúng dường ta.

Phật hỏi:

–Ông đọc sách đó có thoát khỏi sinh tử không?

–Cù-đàm! Làm sao đoạn được sinh, già, bệnh, chết?

Phật nói:

–Đã không thoát khỏi, sinh tử sao ông lại học sách đó?

–Cù-đàm! Nếu ông không học sách thiên văn sao nơi thân ông lại có tướng hành tinh. Theo sự hiểu biết của tôi, nhất định Sa-môn Cù-đàm đã thông đạt rốt ráo về tướng tinh tú.

Phật hỏi:

–Thế nào là đạo tinh tú?

Quang Vị đáp:

–Đó là hai mươi tám tinh tú đi theo mặt trời, mặt trăng, năm tháng tuổi tác của chúng sinh đều thuộc đó. Sa-môn Cù-đàm! Tất cả tinh tú phân thành bốn: Phương Đông có bảy ngôi: Giác, Can, Đế, Phòng, Tâm, Vĩ, Ky.

Ngày sinh của con người thuộc sao Giác. Các tướng, miệng, tay, chân, trán đều thuộc sao này. Người hông bên phải có nhiều nốt ruồi, trên nốt ruồi có lông nhất định là người giàu có. Trán rộng là thông minh đa trí, quyến thuộc đông. Cổ ngắn, hai ngón chân dài, bên phải có vết hình dao là

nhiều vợ con, thô bạo, độc ác. Nếu sống tám mươi tuổi thì năm bốn mươi tuổi chịu khổ một lần. Con lớn không thọ, tâm thích pháp, suy họa tại lửa. Cù-đàm! Sao Giác có các tướng như vậy.

Sao Cang có các tướng: Tâm thích pháp, khéo léo, thông minh, giàu sang, thường tự hổ thẹn, không ai hại được, thích xuất gia, thuận hợp, không có tướng thô tháo. Nếu sống sáu mươi tuổi thì năm ba mươi lăm tuổi bị bệnh thập tử, bốn ngón tay có nốt là con cái ngỗ nghịch. Cù-đàm! Đó là các tướng của sao Cang.

Sao Đế có các tướng: Người khỏe mạnh, giàu có, sống hai mươi lăm tuổi, bên trái có nốt đen, không nghe lời cha mẹ, kính người xuất gia, không phát triển nòi giống, thân tộc.

Sao Phòng có các tướng: Tánh độc ác, ngu si, không trí, rất giàu có, bên phải có nốt đen, sống đến ba mươi lăm tuổi thì bị đao binh mà chết, tùy thuận với anh em.

Sao Tâm có các tướng: Nhiều của cải, ngu si bệnh hoạn, sống ba mươi lăm tuổi, đầu có nốt ung nhọt, có tiếng tăm, không bao giờ bị trúng độc, vợ con không vui.

Sao Vĩ có các tướng: Cường tráng, giàu có, đủ quyền thế, hai ngực có tướng bánh xe, có tiếng tăm, thân sáng rực hơn cả ánh mặt trời, mặt trăng, thông minh tài trí, không ai hơn, thích xuất gia,

điều phục phiền não, quyến thuộc đông, thường tự hổ thẹn, sống trăm tuổi, năm bốn mươi lăm tuổi chịu một khổ nhỏ, ngực có tướng đức, mọi người thích nhìn, không hợp cha mẹ.

Sao Ky có các tướng: Thích tranh tụng, phạm giới cấm, tánh độc ác, ai cũng ghét, nhiều tham dục, sống sáu mươi tuổi, nghèo cùng khốn khổ, thích dạo chơi, răng không ngay, nhỏ, thưa, ngực gầy.

Này Sa-môn Cù-đàm! Các sao nơi phương Đông có các tướng như thế.

Sao Tỉnh có các tướng: Nhiều của cải, được người tôn kính, thích pháp, rốn có nốt, thọ tám mươi tuổi, từ hiếu, cung phụng cha mẹ, sư trưởng, chết trước cha mẹ, không tham tiếc, luôn tự kiểm, bị tai họa về nước.

Sao Quỷ có các tướng: Keo kiệt, đoản mạng, dưới rốt hai mươi bốn đốt ngón tay có nốt đen, không hợp cha mẹ, thích tranh cãi.

Sao Liễu có các tướng: Giàu có, giữ giới, thích pháp, thọ bảy mươi lăm tuổi, quyến thuộc đông, sau khi chết sinh lên cõi trời, eo có nốt son, kính pháp, được người tin phục.

Sao Thất có các tướng: Thích trộm cắp, gian trá, dua nịnh, bạc phước, đoản mạng, thô bạo, ngu si, cuồng loạn, bị chết trong binh đao.

Sao Trương có các tướng: Sống tám mươi

tuổi, giỏi âm nhạc, tóc ít, giàu có, mạnh mẽ, nổi tiếng, thông minh, không tham tiếc, thích pháp, tự kiểm, không hợp cha mẹ và anh em, đỉnh đầu có nốt, qua ba mươi lăm tuổi mới có con, âm tướng có nốt đen, đùi có nốt vàng.

Sao Dực có các tướng: Giỏi toán số, tham tiếc, độc ác, ngu muội, tà chấp, bên phải có nốt đen, sống ba mươi ba tuổi, không có con cái.

Sao Chẩn có các tướng: Giàu có, nhiều bà con, nô bộc, thông minh, dũng mãnh, thích pháp, kính thọ pháp, sống trăm tuổi, sau khi chết sinh lên cõi trời.

Sao Khuê có các tướng: Hai má có nốt đen, giữ giới, thích pháp, kính thọ pháp, giàu có, thích bố thí, thân có nốt nhọt sẫm, sống năm mươi tuổi.

Sao Lâu có các tướng: Yểu mạng, nghèo cùng khốn khổ, thích kẻ phá giới, tâm keo kiệt, dưới đầu gối có nốt, sống ba mươi tuổi, không hợp với anh.

Sao Vị có các tướng: Không hợp cha mẹ, thường mất của cải, nhà cửa, ruộng vườn, đầu gối có nốt đen, sau hai mươi hai tuổi thì giàu có, không keo kiệt, thích ban cho.

Sao Mão có các tướng: Thích chánh pháp, có biện tài, thông minh giàu có, có tiếng tăm, giữ giới, được người tôn kính, sau khi chết sinh lên trời, đầu gối có nốt xanh, thọ năm mươi tuổi.

Sao Tấc có các tướng: Được người tin phục, thích tranh giành, tham chị em, giàu có, nhiều kẻ thù, bụng thường đau, không giữ của lâu, bên trái có nốt đen, thọ tám mươi tuổi.

Sao Chủy có các tướng: Giàu có, thích bố thí, hổ thẹn, không tham, không bệnh khổ, được người thích ngắm, sau khi chết sinh lên trời, bảy mươi mốt tuổi thì suy, thọ tám mươi tuổi.

Sao Sâm có các tướng: Độc ác, hay tạo nghiệp ác, làm lính giữ ngục, nhiều tham dục, thông minh, nghèo khổ, sống sáu mươi lăm tuổi, nhiều nốt đen.

Sao Đẩu có các tướng: Ngu si, tham lam, nghèo khổ, độc ác, yểu mạng, chết trong lúc ăn vì bệnh, đen đủi, gầy khô.

Sao Ngưu có các tướng: Ngu si, nghèo khổ, thích trộm cắp, hay ganh ghét, sống bảy mươi mốt tuổi, không vợ con.

Sao Nữ có các tướng: Giữ giới, thích bố thí, dưới chân có nhiều nốt đen, bà con đông, thọ tám mươi tuổi, có tiếng tăm, không bệnh khổ, hợp với cha mẹ anh em.

Sao Hư có các tướng: Phước đức, giàu có, được bà con yêu thích, keo kiết, không bố thí, thọ sáu mươi lăm tuổi, dưới chân có nốt đen.

Sao Nguy có các tướng: Thân không bệnh khổ, thông minh, giữ giới, thông hiểu việc đời,

giàu có nhiều của, thọ tám mươi tuổi, hợp với bà con.

Sao Thất có các tướng: Độc ác, hay phạm luật, giàu có, sống trăm tuổi, chết đọa vào cõi ác, không hợp với cha mẹ anh em.

Sao Bích có các tướng: Dũng mãnh, vĩnh hiển, giàu có, có tiếng tăm, đông bà con, không hợp với cha mẹ, sống trăm tuổi, thích pháp xuất gia, kính thọ pháp, thông minh đa trí, thông tỏ việc đời.

Này Sa-môn Cù-đàm! Ai tỏ thông các tướng sao sẽ đạt giải thoát, đủ trí tuệ.

Phật nói:

–Chúng sinh ngu muội, tham chấp điên đảo, bị ràng buộc trong phiền não, tin theo các sách tinh tú. Khả năng hiểu về tinh tú của Tiên nhân tuy tốt nhưng vẫn bị đọa làm thân súc sinh chịu nhiều khổ nạn. Tuy cùng một sao nhưng có kẻ giàu người nghèo, vì thế ta biết đó là pháp không nhất định. Tiên nhân! Ông tuy đạt về thiền, ta là bậc trí lớn, cớ sao không hỏi về nhân duyên giải thoát mà lại hỏi việc đó?

Quang Vị đáp:

–Thân tướng của ông không khác thế gian, mọi việc lại không khác Tiên nhân. Tôi thật không biết ông là trời, là tiên, là rồng, là quỷ. Tiếng nói ông như tiếng Phạm thiên, sắc tướng như cổ tiên. Từ xưa tới nay tôi chưa từng thấy tướng đoan nghiêm

như thế, và các việc làm kỳ lạ như vậy. Tôi xin hỏi ông là ai, thuộc loại nào, họ gì, nói việc gì? Xin nói rõ, tôi dốc lòng nghe.

Lúc ấy, Thế Tôn nói kệ đáp:

Người chuyên học tập sách bói toán
Không thể hiểu biết việc kia đây
Dù bị phiền não luôn trói buộc
Không thể giải thoát, thường chịu khổ.
Ta nay trọn vẹn sáu Thần thông
Nên được tôn là bậc Phạm hạnh
Sáu pháp Ba-la-mật là họ ta
Dùng sáu hòa kính điều phục căn.
Ta đã thọ trì ba giới tướng
Thực hành ba môn giải thoát mầu
Từ xưa phát khởi tâm Bồ-đề
Được gọi là bậc Đại xuất gia.
Ta không giác quán tướng pháp nào
Vì thế không giảng sách bói sao
Pháp không chúng sinh, không thọ mạng
Vốn luôn thanh tịnh, không có ngã.
Vượt khỏi ba thọ và ba hạnh
Đoạn trừ các căn nên không tướng
Ta đã thật biết về các pháp
Vì thế luôn sống trong thanh tịnh.
Không bị trở ngại như hư không
Tuy hành Bồ-đề, không học pháp
Tu tập giới luật, hành nhẫn nhục

Đạt trí tuệ lớn không vọng tưởng.
Không giác quán nghiệp tìm quả báo
Như pháp không chuyển đạt Bồ-đề
Tâm không tham chấp các pháp ấm
Cũng không quán sát là kia đây.
Lại không hay biết đạo Bồ-đề
Vì thế sớm chứng đạo chánh giác
Không có hình tướng, không tưởng niệm
Với tất cả pháp không giác quán.
Cũng không tham chấp các pháp ấy
Nên thành tựu trí Nhất thiết giác
Người nào tu tập hạnh thanh tịnh
Sẽ được gọi là bậc Phạm hạnh
Quán sát các pháp như hư không
Người ấy được gọi là Đại giác.

Như Lai nói kệ xong, Tiên nhân Quang Vị và đệ tử đều thấy thân Phật. Nhờ thấy thân Phật, nhân lành xưa phát khởi nên đạt Tam-muội Bảo tràng. Đạt Tam-muội này, quán sát được tất cả Tam-muội nên gọi là Tràng; tự tại trong Tam-muội, vào cảnh giới của tất cả Tam-muội, do đấy gọi Tam-muội Bảo tràng. Lúc đó, Tiên nhân Quang Vị chắp tay cung kính, tay cầm hoa thơm nói kệ khen Phật:

Như Lai thành tựu vô lượng đức
Tựa như biển lớn tràn đầy nước
Hòa quang công đức thật vi diệu
Chiếu soi tam thiên đại thiên cõi.

Dũng mãnh, siêng năng, trí tuệ lớn
Tất cả chúng sinh không thể sánh
Trọn vẹn các tâm đại Từ bi
Con xin kính lễ Đấng Vô Thượng.
Như Lai đoạn hết mọi phiền não
Con xin kính lạy đại Tiên sư
Thanh tịnh sắc thân và giới tướng
Con xin kính lạy Đức Thế Tôn.
Tiêu diệt phiền não cho chúng sinh
Giảng giải thật hạnh đạo Bồ-đề
Phá vỡ các núi phiền não lớn
Chuyển xoay xe pháp đạo Vô thượng.
Nay con tu học đạo Bồ-đề
Để đạt vô lượng trí tuệ lớn
Như Lai trọn vẹn tất cả tướng
Cúi xin thọ ký đạo Bồ-đề.
Làm sao chúng con đoạn phiền não
Độ thoát chúng sinh kẻ khốn khổ
Giảng đạo chân chánh và vi diệu
Bình đẳng tựa như Phật mười phương.
Chúng sinh ba đời tạo nghiệp ác
Làm sao con giúp chúng đoạn trừ
Với ba nghiệp thiện của thân con
Làm nhân duyên diệt các kết sử.
Đoạn hẳn bệnh khổ của phiền não
An hưởng pháp lạc như chư Phật
Thân tướng đẹp đẽ đủ các căn
Xa lìa việc ác, tu pháp lành.

Trừ diệt tà chấp của chúng sinh
Tu tập trọn vẹn trong chánh kiến
Biết nhân quá khứ thích làm lành
Vượt biển sinh tử đến bờ giác.
Đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật
Biết pháp của Phật thường vào đời
Tuôn mưa pháp lớn đạo vô thượng
Giúp mọi chúng sinh trừ tham ái.
Nay con hướng Phật xin sám hối
Nghiệp ác đã tạo thân, khẩu, ý
Bao nhiêu phước đức con có được
Bố thí chúng sinh sớm thành Phật.
Con sẽ khuyên dạy mọi quần mê
Gieo trồng hạt giống đạo Bồ-đề
Vì mọi chúng sinh con chịu khổ
Không hề hối hận không thoái lui.
Thanh tịnh cõi nước và chúng sinh
Đạt trí vô ngại tịnh pháp giới
Nếu được thành tựu đạo giác ngộ
Nguyện số hoa này thành lọng báu.

Kế đó tiên Quang Vị rải hoa, tam thiên đại thiên cõi nước đều chấn động sáu cách. Vô số chúng sinh vui vẻ cung kính. Với chúng sinh thờ voi, thấy Phật là voi, nên chúng nói: Cớ sao voi này có phước đức lớn làm cho Tiên nhân cung kính cúng dường. Với người tôn kính Phật, thấy Tiên nhân cúng Phật, người ấy phát lòng tin, lễ bái, khen ngợi. Lúc đó, Phật xuất định. Tất cả

chúng sinh đều thấy thân Phật, vui vẻ cúng dường tùy theo khả năng mình. Phật bảo Tiên nhân Quang Vị:

–Thiện nam! Tất cả chư Thiên thấy ông quyết định phát tâm Bồ-đề vô thượng, đều rất vui mừng khiến đại địa chấn động sáu cách.

Thiện nam! Ông sẽ thành tựu vô lượng trí tuệ, sau sẽ chứng đạo vô thượng, thắp ngọn đuốc pháp trong vô lượng cõi nước.

Thiện nam! Ba a-tăng-kỳ kiếp ở đời vị lai, ông sẽ thành Phật ở cõi Hương hoa, thuộc phía Bắc cõi này *(cõi Hương hoa trang nghiêm như cõi của Đức A-di-đà)*. Hiệu là Quang Công Đức, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật thuyết pháp Đại thừa suốt vô số kiếp, nhưng không giảng pháp Thanh văn, Duyên giác.

Đại chúng lúc đó tai nghe mắt thấy Quang Vị được thọ ký đều vui vẻ cung kính, năm trăm đệ tử và vô số chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, kiên định, không thoái chuyển.

M

Phần 5: NÊU TƯỚNG

Bấy giờ, Phật biết tâm niệm của chúng ma nên

nhập Tam-muội. Với sức của Tam-muội, biến thành Vương xá có mười hai cửa, mỗi cửa có một Đức Phật. Thấy mười hai Đức Phật, các ma tự hiện thành người đủ năm thông, hoặc hiện thành Phạm thiên, rải hoa hương, giăng cờ lọng, trỗi nhạc cúng dường Phật. Đức Phật vào thành, ấn ngón chân xuống đất làm cho tam thiên đại thiên cõi nước đều chấn động sáu cách. Trời, người, A-tu-la, Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, tất cả chúng sinh đều thấy được các chúng sinh nơi các cõi nước khắp mười phương, cùng tập hợp về thành Vương xá, cúng dường hoa hương lên Phật. Nhờ thần lực, Phật trong hoa hương vang ra tiếng kệ:

Nếu muốn đoạn trừ ba đường ác
Hãy nên phát khởi tâm Bồ-đề
Giác ngộ vượt thoát biển sinh tử
Đủ đầy khả năng độ chúng sinh.
Nếu muốn trừ bỏ nghiệp ác độc
Nên thường tu tập tám đường chánh
Những ai gặp được chư Như Lai
Nhất định sẽ được Phật thọ ký.
Như Lai, Đại sĩ lợi chúng sinh
Hiện đang đi vào thành Vương xá
Trừ diệt tất cả các quân ma
Chuyển bánh xe pháp đạo Vô thượng.
Phật vì chúng sinh đời năm ác
Giảng giải ba thừa Thủ-lăng-nghiêm
Như Lai hiện muốn thọ ký lớn

Ai muốn nghe pháp hãy đến đó.

Tiếng kệ ấy vang khắp mọi nơi, Bồ-tát, La-hán trong rừng trúc Ca-lan-đà đều đi về thành Vương xá. Tất cả chúng sinh ở cõi tịnh, cõi uế, cõi có Phật, cõi không Phật đều đến thành Vương xá. Lúc này, Phật nhập Tam-muội Trang nghiêm anh lạc, làm cho cõi Ta-bà được thanh tịnh trang nghiêm, như cõi nước hiện có của Đức Như Lai Biến Kiến đời vị lai. Đức Thế Tôn oai nghiêm vi diệu, chúng sinh thích chiêm ngưỡng. Chúng sinh ở cõi nước tịnh, uế, có Phật, không Phật cũng thích chiêm ngưỡng, thích nghe tiếng Phật. Vô số Phật, Bồ-tát ở mười phương đều đến thành Vương xá, các Bồ-tát đều cúng dường Phật, có vị rải hoa, vị rải trân châu, vị rải anh lạc, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, chiên-đàn, trầm thủy, ngưu đầu chiên-đàn, hoa tu-mạn-na, có vị khen Phật bằng pháp chân thật, có vị hóa thành Đế Thích, Phạm Thiên vương, Ma vương, Tự tại thiên, Vi-đà thiên, trời tám tay, Chuyển luân vương, vật báu, núi, rừng, đại thần, trưởng giả, nam, nữ, thầy tu, bò, dê, voi, ngựa, trâu,… rồi cùng nhau đến chỗ hoa sen trong thành Vương xá. Các Bồ-tát đưa tay chạm vào hoa, hoa rung động, làm cho tất cả ma binh đều kinh động, hốt hoảng nói:

–Nhân duyên nào khiến cho cung điện của chúng ta lay động như thế, người mà chúng ta tôn kính lại sắp bị diệt sao? Chúng ta lại không muốn

diệt đọa nữa sao. Thế giới năm ác trược chúng ta thường thấy sao hôm nay bỗng thanh tịnh đến vậy?

Các ma binh đều thấy vô số Bồ-tát từ các nơi đi về cõi Ta-bà.

Chúng bảo nhau:

–Vì Đức Phật oai nghiêm rực rỡ làm cho chúng sinh đều thích chiêm ngưỡng.

Ma lại không thấy quyến thuộc của mình nên tự nghĩ: Sao ta lại không đến chỗ Phật, để gần gũi cúng dường Phật. Thế rồi Ba-tuần bèn đến chỗ Phật, chắp tay cung kính, nói kệ:

Con nay quy y Đấng Như Lai
Đã đạt hoan hỷ, tâm an lạc
Xin tha cho con về bản xứ
Sau đó con sẽ nghe chánh pháp.

Phật nói kệ đáp:

Ta không khuyên ngươi đến hay đi
Tánh tướng các pháp vốn là vậy
Nếu người có đủ sức thần thông
Tùy ý tự tại, không ngăn ngại.

Ba-tuần lại nói kệ:

Lời thật của Phật không hề sai
Hiện nay không ai ngăn chặn con
Nhưng khi con muốn về cõi mình
Năm dây tự nhiên trói buộc thân.

Phật nói:

–Ta đã đoạn trừ hẳn sự ràng buộc, nhằm cởi trói cho tất cả chúng sinh, ta không có ý ác niệm đối với chúng sinh nên được giải thoát.

Thấy chúng sinh khắp mười phương tập hợp về, Phật nói kệ:

Tất cả đại chúng hãy lắng nghe
Chặt đứt hết thảy các lưới nghi
Ta sẽ giảng pháp không nghĩ bàn
Hãy quán sát kỹ nhân duyên nghiệp.
Thế Tôn vô thượng khó gặp được
Chánh pháp, tăng bảo cũng như vậy
Thân người khó được tin cũng thế
Ban cho, tạo phúc thật khó có.
Thế Tôn vô thượng khó gặp được
Nghe hiểu chánh pháp càng khó hơn
Chúng sinh khó thoát tám nạn tai
Nào đâu dễ đạt nhẫn đúng pháp.
Tâm tánh chúng sinh khó điều phục
Tu Tam-muội không cũng chẳng dễ
Tu thiện tư duy, trụ đúng pháp
Cả hai việc này đều rất khó.
Khó đoạn diệt hết mọi phiền não
Chứng đạt Bồ-đề nào dễ gì
Nay ta giảng pháp hướng Bồ-đề
Chẳng khác người đời bàn biến hóa.
Pháp ta giảng dạy trừ tham ái
Xua tan đêm tối, tu pháp lành
Chỉ rõ đạo Chánh pháp vô thượng

Hãy chuyên tâm ý mà tu tập.
Nếu muốn đoạn trừ ba cấu ác
Diệt sạch tất cả nghiệp của ma
Không bị phiền não tổn hại mình
Hãy lắng nghe chánh pháp của ta.
Nếu muốn trọn vẹn ba giới tướng
Nên học đầy đủ ba giải thoát
Trừ hết kết sử của ba cõi
Vượt khỏi ba đường ác khổ kia.
Không muốn diệt mất tánh Tam bảo
Hãy xả thân mạng vì chánh pháp
Thành tựu đầy đủ vô số thông
Như thể an trụ trong chánh pháp.
Không hề giác quán về ba đời
Cũng không tham chấp pháp ba đời
Vượt qua ba cõi không quay lại
Thành tựu hạnh nhẫn sống đúng pháp.
Hết thảy phàm phu sống ngu muội
Luôn bị trói buộc trong bốn đảo
Trong không có pháp lại thấy pháp
Chấp có mọi vật, thật không vật.
Vì nhân duyên đó nên đảo điên
Những người như thế hành tà đạo
Người tự cho mắt thấy sắc
Kể cả ý thức biết được pháp.
Chính là kẻ sống trong đảo điên
Trôi trong sinh tử vô số kiếp
Người nào tu tập bốn Thiền định

Thành tựu trí tuệ của thế gian.
Độ thoát những kẻ sống điên đảo
Giải thoát tất cả mọi sự sinh tử
Điều phục hết thảy mọi chúng sinh
Vĩnh viễn vượt qua bốn dòng chảy.
Làm khô cạn hết biển sinh tử
Đã qua được bến bờ giải thoát
Đầy đủ bốn pháp Như ý túc
Được gọi Bồ-tát Vô sở úy.
Thông đạt trọn vẹn năm pháp ấm
Đạt đến bến bờ không lậu hoặc
Hiểu rõ không sinh và không diệt
Giúp cho chúng sinh đến bờ giác.
Người nào đến trước Đức Thế Tôn
Thành tâm sám hối mọi tội lỗi
Đoạn trừ tất cả mọi tà chấp
Vượt biển sinh tử đến bờ giác.
Quán sát sinh tử nhiều khổ não
Vì các nghiệp nhân vào ba ác
Do nhân duyên gần gũi bạn xấu
Tạo nên vô số các nghiệp ác.
Nếu xa lánh được bạn xấu ác
Cũng trừ hết mọi thứ tà kiến
Quán sát tội lỗi của sinh tử
Siêng năng học hỏi nghĩa đệ nhất.
Quán sát rõ về đệ nhất không
An hưởng pháp vị cam lồ đó
Ta luôn giảng giải nghĩa đệ nhất

Chuyên tâm lắng nghe không chấp tướng.
Ta dạy sáu nhập chân thật không
Không ai tạo tác, không người thọ
Chúng sinh điên đảo chấp các tướng
Tánh pháp chân thật không sở hữu.
Từ sáu thọ ái của chúng sinh
Thọ nhân sinh khởi nên sáu xúc
Sáu xúc đó đều chân thật không
Hết thảy các pháp cũng như thế.
Tánh của một pháp như các pháp
Một pháp chẳng khác tất cả pháp
Hết thảy các pháp không sinh diệt
Không có hình tướng, không một vật.
Đạo của ta giảng, đạo thù thắng
Tất cả các pháp như một pháp
Ai thấy các pháp không tánh tướng
Là thông đạt được nghĩa chân thật.
Những ai tu tập mười ba nhẫn
Vượt được sinh tử đến bờ giác
Thật biết tánh pháp tánh chúng sinh
Đạt đạo vô thượng như chư Phật.

Tiếng kệ của Phật vang khắp nơi, tất cả chúng sinh ở mười phương đều nghe thấy, đạt tâm không thoái chuyển, có người đạt Đà-la-ni, đạt tam minh, thành tựu nhẫn. Chúng sinh nơi cõi Phật nghe pháp đạt tâm không thoái chuyển, dạy chúng sống trong ba thừa.

Lúc ấy, Bồ-tát Quang Vị đạo cầu thang bằng bảy báu bên cạnh hoa sen, có vô số các hoa chắp tay cung kính bạch Phật:

–Như Lai là Đấng Đại Từ Bi đầy ánh sáng vô lượng chúng sinh đang chịu nhiều khổ đau, xin Phật tuôn mưa pháp vô thượng, trừ diệt bệnh khổ não cho chúng sinh. Các chúng sinh có thể là pháp khí, có thể nhận lãnh pháp vô thượng của Như Lai. Xin Phật giảng nói Tám Thánh đạo làm thanh tịnh mắt pháp. Xin Phật lên tòa sen, hàng phục chúng ma. Vô số Bồ-tát mười phương đều chứng đạo, thấy rõ các pháp tịch tĩnh, không có hình tướng như hư không, biết pháp không ngã. Xin Như Lai nhớ lời nguyện khi phát tâm Bồ-đề. Lúc đó, Như Lai tự nói: Nếu ta thành tựu trọn vẹn mười Lực, bốn Vô sở úy ta sẽ đem đến pháp cam lồ cho chúng sinh; giúp chúng vượt biển sinh tử. Hiện giờ Như Lai đã chứng quả, xin giảng pháp thanh tịnh, độ muôn loài vượt biển sinh tử, giáo hóa vô số chúng sinh vào đạo Vô thượng. Lúc ấy, Phật lên cầu thang báu, ngồi tòa sen, nhìn khắp mười phương, bảo ma Ba-tuần:

–Ba-tuần! Ngươi hãy nên vui mừng. Vì sao? Vì nhờ ngươi mà tất cả đại chúng đều về đây, và cũng nhờ ngươi khiến ta thuyết pháp, đoạn sinh tử, vượt bốn dòng, giúp chúng sinh đạt chánh đạo, hiểu tướng hư không, tất cả đều nhờ ngươi. Ngươi thỉnh ta, ta sẽ thuyết pháp.

Ba-tuần thưa:

–Cù-đàm! Nếu tâm không giận, không kiêu mạn, ganh ghét, cớ sao làm khổ ta mà thuyết pháp. Nếu có giận, kiêu mạn, ganh ghét sao tự bảo là mình đã giải thoát?

Phật nói:

–Ta ở trong thai mẹ mười tháng, lúc đó ngươi đã muốn hại ta, ta vẫn không giận ngươi. Lúc ta sinh ra, trái đất chấn động sáu cách, ngươi lại tuôn mưa đá. Lúc ta bú sữa, ngươi bỏ thuốc độc vào sữa. Lúc ta cỡi voi thơm, người làm cho mặt đất rung động để ta bị ngã. Lúc ta tu thiền thế gian, ngươi sai thể nữ đến nhiễu loạn ta. Lúc ta khất thực ngươi cúng đậu thối, tuy ta nhận nhưng một không ăn. Lúc ta ra khỏi thành, ngươi biến thành rắn độc, lại biến thành giặc cướp vây hãm bốn mặt. Ta bay lên hư không, ngươi tuôn mưa gió, ta xuống ngựa ngươi phóng lửa dữ. Lúc ta hành khổ hạnh, ngươi thét tiếng ác để năm người bạn kinh sợ bỏ ta. Lúc ta gầy lạnh, ngươi lại thổi gió rét. Lúc ta tắm rửa ngươi dâng nước lớn. Ta qua sông, ngươi vẫn tìm cách hại ta, biến ra vô số sư tử, thú dữ. Lúc ta nhận sữa của thiếu nữ chăn bò, ngươi lại bỏ độc vào sữa. Lúc ta đến cội Bồ-đề, ngươi giáng mưa kim cang. Lúc ta ngồi tòa kim cương nơi cội Bồ-đề, ngươi lại sai bốn ma nữ đến nhiễu loạn. Ngươi tuy nhiều lần hại ta nhưng ta không hề có tâm ác với ngươi. Ngươi tạo đủ các việc vẫn

không thể nhiễu loạn tâm ta. Ngươi lại sai vô số trăm ngàn binh ma làm mọi việc ác, để ta không đạt được đạo giác ngộ. Khi ta thành đạo Bồ-đề vô thượng ngươi lại khuyên ta nhập diệt. Vì ngươi, ta không khất thực được ở làng Ta-la, vì ngươi mà vua A-xà-thế thả voi say hại ta; vì ngươi mà Đề-bà-đạt-đa quăng đá lớn, vì ngươi mà ta nhận lời thỉnh cầu của Bà-la-môn ăn lúa dành cho ngựa suốt ba tháng; vì ngươi ta bị Tôn-đà-lợi hủy báng; vì ngươi mà Thi-la-cúc-đa đào hầm lửa, làm thức ăn độc mời ta đến nhà. Ngươi làm mọi việc ác nhưng không thể hại ta. Nay lại tập hợp vô số ma chúng để hại ta. Nhưng ta không giận ngươi, ta sẽ độ thoát hết thảy ma chúng. Vì chúng sinh ta luôn tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả. Nếu ngươi không tin thì chư Phật, Bồ-tát mười phương sẽ chứng minh cho ta. Chỉ vì ngươi mà ta vào cõi ác làm việc Phật. Tuy ngươi luôn hại ta, nhưng ta luôn theo dõi ngươi. Ta thật không sân giận, kiêu mạn. Ta tu tập tâm Từ với ngươi, ngươi lại khởi tâm ác với ta. Lành thay, Ba-tuần! Hãy trừ tâm ác thỉnh ta thuyết pháp vô thượng, ta sẽ thọ ký đạo Bồ-đề cho ngươi, ta sẽ giảng pháp giải thoát cho ngươi. Nghe pháp, ngươi sẽ đoạn hết nghiệp ác. Ta luôn nghĩ cách giúp ngươi giải thoát. Ngươi lại luôn độc ác với ta. Ta luôn thương xót ngươi. Ngươi hãy bỏ tâm ý ác, ta sẽ thọ ký đạo vô thượng.

Nghe vậy Ba-tuần tức giận muốn về cõi mình,

nhìn lại thấy mình bị năm sợi dây trói chặt. Ma muốn thét to nhưng lại không phát thành lời. Ma nhổ khí độc muốn hại Phật, Như Lai liền biến khí độc đó thành hoa Tu-mạn. Với thần lực của Phật, hoa đó biến hiện khắp cõi Phật trong mười phương, dâng cúng lên chư Phật. Mỗi hoa biến thành lọng hoa che bên trên Đức Phật. Các Bồ-tát ở các cõi Phật đều hỏi Phật, do thần lực gì lại có hoa biến hóa đó. Vô số chư Phật đều đáp:

–Ở cõi Ta-bà, Đức Thích-ca đang định giảng pháp giải thoát cho chúng sinh năm ác trược. Đó là pháp ấn nhập Đà-la-ni tiêu diệt cảnh giới ma; hiển bày sức công đức của Phật, dựng cờ pháp lớn; không đoạn giống Phật; tăng trưởng pháp lành; trừ diệt tà chấp; xua đuổi mộng ác; làm tiêu tan bệnh khổ đói khát tranh chấp; điều phục các chúng Trời; Rồng, Càn-thát-bà; đốt đuốc tuệ chỉ đường bình đẳng; giúp tất cả trừ tâm ác; diệt hết giống ác; làm cho hết thảy đều cùng một tánh; bảo vệ xóm làng thành ấp, Sa-môn, Bà-la-môn; biết sự vận chuyển của các tinh tú; thông tỏ việc thế gian; trừ nghiệp ác của khẩu; thành tựu biện tài; quán sát thông đạt tánh pháp; an trụ đúng pháp; giảng pháp Đại thừa, an ổn Bồ-tát; giúp đạt tâm không thoái chuyển; ban vị pháp cam lồ; giúp thành tựu pháp Nhẫn vô sinh; chuyển bánh xe pháp, điều phục tất cả chúng sinh; giúp chúng sống trong sáu pháp Ba-la-mật; thấy đạo Vô thượng; tuôn mưa pháp; hiện việc

Phật; vượt bốn ma; nhập Đà-la-ni đại Niết-bàn, tâm pháp kim cang, nhân duyên tự tại. Đó là pháp chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều nêu giảng.

Các Bồ-tát ở cõi Phật khắp mười phương đều thưa:

–Thế Tôn! Chúng con chưa từng nghe Đà-la-ni Tâm pháp kim cang nhân duyên tự tại. Xin Phật phân biệt giảng nói cho đến khiến nhập đại Niết-bàn, tạo lợi ích cho muôn loài.

Chư Phật đều dạy:

–Thiện nam! Nếu muốn cúng dường chư Phật ngay trong một cõi Phật, nghe pháp vô thượng chưa từng được nghe, thấy chúng hội vân tập thì nên đến nơi Đức Phật Thích-ca ở cõi Ta-bà.

Nghe lời Phật, các Bồ-tát thưa:

–Chúng con muốn cúng dường vô lượng Phật ngay trong một cõi Phật, nghe pháp vi diệu, thấy thần thông và sự việc không thể nghĩ bàn, không biết ở đó có đủ tòa ngồi không. Nếu có thì được cúng dường nghe pháp.

Các Đức Phật bảo:

–Thiện nam! Các ông không được nghi ngờ Như Lai. Vì sao? Vì cảnh giới của chư Phật là không thể nghĩ bàn, trí tuệ phương tiện cũng không thể nghĩ bàn, vì nhằm điều phục tất cả chúng sinh.

Thiện nam! Trí tuệ phương tiện của Đức

Thích-ca nơi cõi Ta-bà là không thể nghĩ bàn. Mỗi ấm thân của Đức Thích-ca như núi Tu-di, từ trong một hạt rau đay Đức Thích-ca cũng biến hóa có thể dung chứa đủ chỗ ngồi nhưng chúng sinh không thấy hạt rau đay to ra, chỗ ngồi bị chật. Hạt rau đay vẫn giữ nguyên trạng không thêm bớt.

Thiện nam! Đức Thích-ca còn biến tất cả cõi nước nơi các thế giới đều nằm trong một hạt bụi mà hạt bụi không tăng giảm. Lại khiến tất cả nước sông biển vào trong một hạt bụi mà hạt bụi cũng không tăng giảm; lại đưa hết tất cả gió vào trong một lỗ chân lông, nhưng lỗ chân lông không tăng giảm; đưa tất cả lửa vào trong một lỗ chân lông, lỗ chân lông vẫn không tăng giảm; tất cả chúng sinh vào trong một hạt bụi, hạt bụi vẫn không thêm bớt. Đó là trí tuệ phương tiện của Đức Thích-ca. Chỉ trong một niệm, Đức Thích-ca hiểu thấu hết thảy mọi thứ khổ, vui, nghiệp báo của chúng sinh nơi ba đời và tất cả đất nước lửa gió, cõi nước trong ba đời, nhưng Đức Thích-ca không tự cho mình là người hay biết; cũng không cần suy xét mới biết.

Thiện nam! Đức Thích-ca thành tựu trí tuệ phương tiện như vậy đang trụ ở cõi Ta-bà. Nghe công đức vô lượng của Phật, các Bồ-tát ấy đều đạt vô lượng thần thông.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 21

Phẩm 9: BẢO TRÀNG

Phần 6: ĐÀ-LA-NI

Bấy giờ, Đức Phật A-súc và với Bồ-tát thuộc cõi Diệu lạc ở phương Đông lập tức đến chỗ Phật Thích-ca thuộc cõi Ta-bà. Đến nơi Phật an tọa trên tòa hoa sen biến hóa, Bồ-tát cũng thế, tất cả đều ngồi trên hoa sen báu. Chư Phật, Bồ-tát ở hai phương Nam, Bắc cũng làm như vậy. Đức Phật Vô Lượng Thọ cùng vô số Bồ-tát ở cõi An lạc nơi phương Tây chỉ trong một niệm đã đến chỗ Đức Phật Thích-ca cõi Ta-bà. Đến nơi, Phật và Bồ-tát đều ngồi trên hoa sen biến hóa. Tất cả đều dùng sức thần thông phước đức của mình hiện ra các vật cúng dường Đức Phật Thích-ca: Nào là cát vàng hòa hương thơm; nào là hoa đẹp; vị thì nhiễu quanh cõi Ta-bà; vị thì quỳ gối nói kệ khen ngợi; vị thì chuyên tâm tư duy; vị thì tuôn hoa kim cang hoa Ưu-bát-la; vị thì chăm chú chiêm ngưỡng Phật.

Lúc đó, Đồng tử Tu-bồ-đề, dùng sức thần thông của mình và nương nơi thần lực, nói kệ:

Vô lượng cờ báu của chư Phật
Trừ diệt tất cả tâm nghi ngờ
Xưa nay chưa từng được thấy nghe
Vô số đại chúng cùng tập hợp.
Khắp thế giới này vô lượng Phật
Trọn vẹn phước đức, các Bồ-tát
Đất này chính là bảo tháp lớn
Đều được cúng dường mười phương Phật.
Vô số chư Phật vì nhân gì
Cùng đến nơi đây, thế giới ác
Chúng sinh xấu ác ở cõi này
Lại không thể nào tin hiểu Phật.
Vì để tiêu diệt nghiệp của ma
Cũng vì hành đủ công đức lớn
Vì muốn thị hiện đại thần thông
Do vậy chư Phật vân tập đủ.
Nếu chúng sinh nào ở hội này
Chí tâm phát khởi tâm tin vui
Nghe thọ chánh pháp với tâm ấy
Sẽ trừ diệt hết nghiệp của ma.
Nếu muốn thông đạt thừa vô thượng
Và thích tu tập tám đường chánh
Nếu muốn diệt hết mọi phiền não
Phải nên chí tâm nghe chánh pháp.
Chư Phật Bồ-tát ở mười phương

Đều đến nơi này ngồi hoa hóa
Như Lai Thích-ca sắp thuyết pháp
Bảo hộ chánh pháp được trường tồn.

Tiếng kệ đó vang khắp đại hội, vô số Bồ-tát đạt vô lượng nhẫn, cùng thưa:

–Chúng con đã nhất tâm xin Như Lai giảng thuyết chánh pháp, tóm thâu tất cả pháp không sợ, vi diệu, diệt trừ nghiệp ma, vượt cảnh giới ma, bẻ gãy cờ ma, dựng cờ thù thắng, đoạn các phiền não, điều phục kẻ oán, phá tan lưới nghi, vào các trí, vượt mọi lo sợ, bảo hộ Bồ-tát, để Bồ-tát thọ dụng an lạc, đạt trí tuệ phương tiện của Bồ-tát, an ổn tất cả, đạt Tam-muội nhẫn nhục sáng suốt, trí tuệ phương tiện, ba mươi bảy phẩm tâm Đà-la-ni. Ngưỡng mong Như Lai phân biệt giảng thuyết để chúng sinh được an lạc, thành tựu sắc, lực, lạc, tiếp xúc, biện tài, niệm, ý tối thượng, nghe và nhớ pháp, trừ mọi tai nạn xấu ác trong nước, thọ trì giới luật, tu tập đạo, không mất Bồ-đề vô thượng. Ngưỡng mong Như Lai vì những việc ấy mà tuyên thuyết Đà-la-ni, hộ trì chánh pháp, không tuyệt dòng Tam bảo, thị hiện đạo Bồ-đề của Bồ-tát, không phân biệt tánh tướng các pháp, hiển bày sáng tối, có, không, quán tướng bình đẳng của các pháp, không phân biệt chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, không sinh diệt, không có tất cả tướng, không có sự biến khác, thật tánh như hư không. Ngưỡng mong Thích-ca Như Lai và chư Phật

phân biệt diễn giảng Đà-la-ni để vô lượng chúng sinh thật thấy tánh Tam bảo, phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy, chư Phật đều im lặng nhận lời. Sau đó chư Phật nhập Tam-muội Công đức thệ nguyện cảnh giới thượng diệu của Phật. Cùng lúc, các chúng sinh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đều dứt khổ, thấy Phật. Chúng sinh nghi ngờ không tin thì phát lòng tin, chúng sinh không còn tham, sân, si, kiêu mạn, tà chấp, tạo lưới nghi, cuồng loạn, thân tâm được tịch tịnh, đều nghĩ: Riêng mình được ngồi nghe Phật giảng chánh pháp. Đức Thế Tôn chỉ thuyết giảng cho ta, điều phục ta, đoạn phiền não của ta, nhận lời thỉnh của ta. Tất cả chúng sinh cùng nói:

Xin Phật giảng pháp, chúng con lắng nghe. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni khuyên chúng sinh ở cõi này cúng dường chư Phật. Nghe lời Phật, chúng sinh rải hoa, dâng hương, lọng, phướn, trỗi nhạc cúng Phật. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói:

–Chư Phật mười phương xin lắng nghe. Với nguyện lực ngày xưa tôi nguyện độ chúng sinh ở cõi năm ác, thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Chúng sinh này quên mất đường chánh, bị vô minh che lấp, không có chánh niệm, thân phiền não, thích sống nơi ba cõi, làm mười điều ác, xa lìa căn lành, bỏ nghiệp công đức, thích tạo tội ngũ nghịch, chìm đắm trong phi pháp, hủy báng chánh

pháp, Thánh nhân, luôn sân giận, không thích tu từ, tự ý sử dụng vật của Tăng chúng, không tin nghiệp quả, không thích cúng dường sư trưởng, hòa thượng và các bậc có đức. Vì chúng sinh xấu ác, tôi tu tập tâm đại Từ bi. Nhờ thế tôi đạt đạo ở cõi này. Khi thành đạo, tôi vẫn siêng năng tu tập, kham nhẫn đói khát lạnh nóng vào từng xóm làng thuyết pháp cho chúng sinh. Vì thương xót chúng sinh nghèo khổ, bệnh hoạn, xấu ác, Phật nhận cả vật cúng hôi thối. Phật dùng thức ăn đấy để tăng phước đức cho chúng. Phật nhận cả y phục thô xấu của chúng sinh. Phật đến mọi nơi rừng thiêng nước độc vì chúng sinh nên nhận từng cây cỏ, chiếc lá, viên gạch, hòn đá, khuyên chúng siêng năng tu tập pháp lành. Vì hàng Sát-lợi, Phật giảng việc vua; vì các Bà-la-môn Phật giảng bốn Tỳ-đà, tinh tú, cách thờ trời; vì các quan Phật giảng cách cai trị; vì các y sư Đức Phật giảng về bệnh thêm bớt của bốn đại; vì nông dân, thương buôn, giảng về pháp giữ của cải, ngũ cốc; giảng cách trang sức cho người nữ, khuyên chúng sinh pháp lành để có được người chồng vừa ý; vì người xuất gia Phật giảng pháp nhẫn nhục. Vì nhằm điều phục, Phật nêu giảng các pháp đó, người chưa đạt lợi giúp đạt; người chưa chứng giúp chứng; người chưa giải thoát giúp giải thoát. Vì điều phục chúng sinh khổ đau, Phật tu tập Từ bi nhưng chúng sinh vẫn không thích Phật, có kẻ còn đánh mắng, ganh

ghét; có kẻ cho Sa-môn Cù-đàm là huyễn sĩ, tuy khen ngợi việc giữ giới nhưng lại nuôi chứa phụ nữ; tuy khuyên tu Từ bi lại hại chúng sinh; khen việc bố thí lại đến nhà quyền quý. Sa-môn Cù-đàm biết các pháp thuật nên tuy nuôi phụ nữ nhưng không để sinh con. Sa-môn Cù-đàm khéo điều phục người nữ nên khiến phu nhân Mạt-lợi rất quý kính Cù-đàm, khéo dùng chú thuật nên khiến Tu-đạt sùng kính, khéo luyện thuốc hay nên thân lúc nào cũng phát sáng; có kẻ dùng đá, đất dao gậy ném đánh, thả voi say, rắn độc để hại Phật, phóng lửa, quăng phân dơ vào chỗ ở của Phật, làm mọi việc ác để phá hoại pháp Phật, diệt pháp của ta, bẻ gãy cờ pháp, phá vỡ thuyền pháp, hoại tánh pháp, diệt tạng pháp. Xin chư Phật mười phương quán sát. Chư Phật quá khứ có thành đạo ở đời đủ năm ác trược này không? Chư Phật đều giảng Đà-la-ni Đại tập kim cang pháp tâm nhân duyên tự tại để diệt trừ ma lực, để dòng Tam bảo không bị đoạn dứt, thêm pháp lành cho chúng sinh, trừ oán địch của pháp Phật, giúp chúng sinh đoạn khổ, diệt các nghiệp ác của thân, khẩu, ý, điều phục tánh tâm của hàng trời người, đem lại sự an vui cho dân nước, trừ tướng ác của thế gian, khiến chúng sinh thành tựu sáu pháp Ba-la-mật, phát tâm Bồ-đề vô thượng, nêu phương tiện quyền biến cho các Bồ-tát, giúp Bồ-tát tuần tự an trụ. Vì những nhân duyên đó, chư Phật quá khứ đã giảng Đà-la-ni.

Hiện giờ chư Phật khắp mười phương đều tập hợp về cõi này. Xin chư Phật nói chú Đà-la-ni, vì thương xót, chúng sinh vì lưu truyền kinh Đại thừa, để chánh pháp trường tồn, chúng ma không có cơ hội tạo ác.

Lúc ấy, chư Phật mười phương đồng thanh nói Đà-la-ni:

–An già la, an già la, bán già la, bà bà già la, bà la bà già la, bà xà tỉ ha, mạn la bà tì, a xí, a khư bà linh, đề dương, độ mộ để, kiều bà tri, kiêu do li, ma bà a ni, ma đa bà đề linh, đà di đà di, đà ma kiều xà, di la nậu phá lê, phá la bà để, già ninh, già na bà la để, hi lợi, hi đề, hi đề, hi la, hi la kiêu, chiêm bà đề, bà ca tư, sất ca để, sất ca bà la để, già na bà ha để, hi lợi để, thi lợi để, tân địa lợi bà để, cụ bà hi, thù linh, di la thù linh, thù tỉ, a ky li, a bà di, sa lợi giã, đa đa đán, phú lưu, hi lợi, chiến địa li, ma đà di, đà di, cứu chu lưu, mâu chu lưu, a già trá, chí lợi, chí di lợi, giá bà ha, chu bà chu lũ, tất la bà ha, cứu lũ, bà la cứu đơn, cứu đơn, ma ha sa la sa, đậu chu, đậu chu ma ha tát đa hi lực đà xà, phú hùng, tu phú hùng, độ ma ba lợi ha lợi, a bà di, lưu chi ninh, ca la xoa, a đà ma đâu, tì bà ha, đề đề lợi, ma ha lợi, bà xá khư, hoặc hoặc la, lộ ca tỉ na xà ca, bà thời li, bà thời la đà linh, bà thời li đà đề, chước ca la bà thời li, già ni li già ca la bà đề, đà linh đà linh mâu li sất linh hưu hưu linh bằng già tần bà linh, xá lợi xa, lưu lưu chu, chi lợi

chu lợi, mâu linh mộ đồ linh, mộ đồ ninh, mộ đà ninh, già già la ni, mâu đồ ninh, tán bà la mâu đồ ninh, đề đề la xà ni, ma hê thủ la la xà ni, luật sư bà ni, đà la bà chí, chiến đồ la tố, dương tát bà tát tả a đề tất đa, xa đà đâu bà a na, ma di ni, bà la la đề, ô xà kỳ li, tỉ tỉ na, bà na la ha, phục Phật linh, cừu lưu cừu lưu, mâu lưu mâu lưu hi hi, hi hi, a la, a la, ca ca đồ bà ha, hi hi đa, a do na, kiến đồ chiêm bà tư, yết đà ni, a bà đà ha ninh, mạt lực già, tỉ lưu, tỉ lưu, phá la tát đa, a lộ sa bà đề, hi lợi hi lợi, dạ đa bà xà xà, sa kỳ la, dạ đa ba lan già, hi lực đà xà bà ha, tát đa ba lợi bà bà, mạt lực già tỉ lư a ni, a giá la Phật đề, đà đà ba la già ba la già xà, tần đồ hi lực đà xà, chiến đà la bà la ninh, a già linh du đà ninh, ba la kí la ma lực già, y la, y lợi linh, ba yết tỳ, ba la bà la để, tát bà la đa đa đa, tát đa nâu kiệt tì, a na bà la na phục luật để, a la trà, an già linh xá chi ni, tỷ bà la bà du hi a hi đa a bà hi ni la bà xà bà, a chi la mạt lực già, la bà na la cừu bà linh, lợi lặc na bằng xá, đà ma già xà, xà la chiến đà, tam mâu đà la bà đề, ma ha phục đa tì xà, tam mâu, đà tỷ già bà, Đà-la-ni mâu đà li na ma khư mâu đà la, ba la ba la đề, tư tỉ đà mâu đà, a bà đa ni, ta ba đà ni tam mộ ca la, tỉ đậu đa la tư na, xí đề mâu địa li đô tư, di ca chi, tì lợi si tỉ ca xà, bà ha bà kí trà, ca bà sất, thi la ba la đề hi lực đà xà, tam mâu đà đa Đà-la-ni, đà la, đà la, đà la, đơn đề la, đơn đề la hưu ni la tát bà hi lực đà xà, vật đà li

đô tư xà sất, xà bà sất, xà khư bà sất, tu ma đề, ma đề, ma ha phục đa, vật đà li đa, dị sí chi tán ca la, bà trà xà đa na ni, thủ lực đa phục đa, y ni di ni, si già ni, du sa tát già ni, mâu địa li đa, già lợi giã a đề dương na, bà tỉ đa, a na nhược đa, ma ha phú nhược tam mâu già xa bà đa la, ma ha ca lưu ni ca mâu địa li đa, tát bà tam miệu bà la đề bàn, chí la la la la xà la đâu, tát bà ni lê, tát bà mâu ni, bà la sa ma ha ca lưu na, ma đề nhược na bà li nan, dương la đa kiệt tì, tỉ lợi giã tỉ lợi giã, bà lê na đề tất đa, tát bà phục đô ba xà, sa ha.

Nghe chú này, tất cả chúng sinh nơi cõi Ta-bà đều niệm Nam-mô Nhất thiết thập phương chư Phật. Cứ thế niệm hai ba lần. Tất cả đều cho là kỳ lạ pháp hội lớn của chư Phật thật không thể nghĩ bàn, việc của các Bồ-tát cũng không thể nghĩ bàn. Từ xưa đến nay, chúng ta chưa từng được nghe, giờ lại nghe, nhờ đó diệt trừ cảnh giới của ma, hưng thịnh tánh Tam bảo, cắt đứt lưới ma, đạt pháp lành, trọn việc Phật. Vì thế Phật giảng chú này để giúp chúng sinh, những kẻ tham chấp biết được ấm giới nhập, đạt Niết-bàn.

Lúc ấy, Đồng tử Nguyệt Quang rời khỏi tòa sen, chuyên tâm quán sát mười phương. Nhờ thần lực Phật, đồng tử nói kệ vang khắp cõi Ta-bà:

Pháp hội như thế thật khó có
Trọn vẹn trí tuệ lại rất khó
Khó được gần gũi Thiện tri thức

Pháp ấn thâm diệu khó được nghe.
Như Lai thương xót mọi quần mê
Bảo hộ chánh pháp vì chúng sinh
Thuyết Đà-la-ni pháp vô thượng
Đoạn trừ tất cả binh lực ma.
Chư Phật mười phương giảng chú này
Để dòng Tam bảo không đoạn dứt
Nhẫn nhục điều phục mọi tranh chấp
Lại còn tăng trưởng nhẫn vô thượng.
Nuôi lớn căn lành cho chúng sinh
Tiêu diệt tai nạn cho nước nhà
Đoạn trừ ba nghiệp ác các loài
Giúp chúng lìa bỏ chấp tà ác.
Như Lai giảng diễn chú vô thượng
Là để chỉ dạy đạo tối thượng
Thành tựu đầy đủ Ba-la-mật
Chân thật tu tập đạo Bồ-đề.
Chú này chính là phương tiện hay
Nuôi lớn trí tuệ không chướng ngại
Tóm thâu tất cả các pháp lành
Vì thế gọi là chú vô thượng.
Tu đủ ba bảy phẩm trợ đạo
Thanh tịnh trọn vẹn đạo Bồ-đề
Chặt đứt hết thảy lưới tâm nghi
Đoạn trừ phiền não của chúng sinh.
Chú này chính là lời chân thật
Rõ ràng thấy biết đạo Bồ-đề
Con xin nói chú Đà-la-ni

Là chú vô thượng không ai hơn.
Là để bảo vệ các Pháp sư
Và người nghe học chú thuật này
Bảo vệ người nghe người thọ học
Con sẽ giảng nói chớ nghi ngờ.
Tối thượng không hơn Đà-la-ni
Là trí thù thắng không gì sánh.

Lúc ấy, vô lượng hằng hà sa Bồ-tát, đồng tử cùng thưa:

–Chúng con cũng nói chú Đà-la-ni: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, thân tâm thanh tịnh, mặc y phục trang nghiêm, cúng dường hoa hương lên Tam bảo, lên pháp tòa nói Đà-la-ni: Nhờ thế bốn chúng không khởi tâm ác. Thân tâm thanh tịnh, bốn đại trang nghiêm, không bệnh khổ, tiêu diệt mọi nhân bệnh khổ quá khứ. Người nghe pháp cũng thế. Đồng tử Nguyệt Quang hướng về mười phương chư Phật, quỳ gối chắp tay nói chú:

–Na đề a tam ma lộ ti, dương la tố ma bà mẫn, y hi na già cữu già ni, na bà cữu giá ni, na già cữu già ni, mâu la du đà ni, bà trà khư, bà trà khư, tu la la ni, na bà tu la la ni, phục đa câu tri, ba lợi xa đà, xà la khư, xà la khư, bà di, xà la khư na, ma xoa khư, ca ca khư, ha ha, ha ha, hưu hưu hưu, bát thi tì đa na bà lợi xa đà, a ma ma, nhược ma ma, khư ma ma, tam mâu đà đà la, a đà la khư bà, tán ca la ni, ba lợi xa đà bồ đề bà xí đề tì ma, tỉ tỉ ma ma, ha tỉ tỉ ma, phục đa câu tri, a ca xà, hoặc bà bà

ba lợi xa đà ta ha.

Lúc đó, chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Đế Thích, Phạm thiên, các chúng Rồng, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, của cõi Ta-bà đều khen:

–Hay thay, hay thay! Bồ-tát, đồng tử! Khéo thuyết chú Đà-la-ni để trừ nghiệp ma và bệnh khổ của tri thức ác. Đó là trí tuệ vi diệu.

Lúc ấy, có Phạm thiên tên Bồ-đề Tự Tại tự biến thân thành người nữ xinh đẹp, trang sức lộng lẫy, đến trước Phật A-di-đà phương Tây, thưa:

–Xin Thế Tôn gia hộ, làm cho tiếng nói của con vang khắp cõi Ta-bà. Con muốn nói chú Đà-la-ni để bảo vệ Pháp sư và người nghe pháp, để bảo vệ người thuyết pháp sau khi Đức Thích-ca Mâu-ni diệt độ. Dù là ma cha, ma mẹ, ma con, ma quyến thuộc, Trời, Rồng, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Cưu-bàn-trà, Phú-đơn-na, Ca-đa Phú-đơn-na, Lư-đê-la, Tỳ-xá-già, Dạ-xoa, La-sát và con cái quyến thuộc của chúng vẫn không thể nào tổn hại Pháp sư, ngay cả một sợi lông cũng không thể động đến.

Khi ấy, Đế Thích Cao Trì nói với Phạm thiên Bồ-đề Tự Tại:

–Này chị! Chớ nên khởi tâm đùa bỡn với Như Lai. Vì sao. Vì đùa bỡn là pháp của phàm phu. Như Lai đã vượt qua nghiệp của phàm phu. Tất cả

pháp hữu vi đều vô thường. Như Lai không nuôi lớn pháp hữu vi. Như Lai chỉ nuôi lớn pháp không, đoạn chấp văn tự. Này chị! Như Lai không tranh chấp với chị. Như Lai quán tất cả bình đẳng, là một tướng không tướng, như hư không. Hư không không có ba hữu vi, không giác quán, không rời hữu vi, không có chướng ngại. Như Lai cũng thế, không chướng ngại trước các pháp, dù là dục, giác quán, thọ mạng, sĩ phu, ấm, giới nhập, văn tự, âm thanh vẫn không gây trở ngại. Cớ sao chị lại đùa bỡn với Như Lai.

Đức Phật Vô Lượng Thọ bảo Đế Thích:

–Thiện nam! Hãy suy nghĩ rồi sẽ nói nếu không sẽ phải hối hận. Vì sao? Người nữ này là Đại trượng phu, đã từng tu pháp lành ở vô lượng Phật. Vì nhằm làm trang nghiêm đại chúng nên hiện thân nữ, là thân Đại Bồ-tát. Cớ sao ông lại gọi là "chị"?

Nghe Phật dạy, Đế Thích thành tâm sám hối.

Bồ-đề Tự Tại nói:

–Tôi nhận tâm thành sám hối của ông để ông không chịu quả báo ác khẩu.

Phạm thiên lại bạch Phật:

–Thế Tôn! Nếu Đế Thích Cao Trì không sám hối thì chịu quả báo gì?

Phật nói:

–Thiện nam! Nếu không sám thì thọ thân nữ

suốt tám vạn bốn ngàn năm. Người nữ đó luôn là người xấu xí, cấu uế. Vì thế, chúng sinh nên thận trọng ở lời nói.

Đức Vô Lượng Thọ bảo Bồ-tát:

–Ta nay sẽ gia hộ thần lực để ông dễ nói chú.

Phạm thiên thưa:

–Chư Phật, Bồ-tát, Trời, Người khắp mười phương xin hãy lắng nghe. Vì muốn chánh pháp của Phật tồn tại ở đời, nên tôi nguyện bảo hộ Pháp sư và người nghe pháp, xin cho tôi được toại nguyện.

Tiếng của Phạm thiên vang khắp cõi Ta-bà. Khi ấy, tất cả Phạm thiên, Đế Thích đều nói:

–Chúng tôi sẽ giúp ông toại nguyện, chúng tôi muốn tự thọ trì.

Phạm thiên liền nói chú:

–A ma lê, tỉ ma lê, già na sa tri, ba lợi chiến tri, ma ha chiến tri, già di, ma ha già di, tố dương, đa di, a bà ha, tỉ bà ha, tu già xà ni la khư bà, mâu la ba lợi xa đà, dạ xoa chiến tri, tì xá già chiến đồ, a bà a đa ni, tam bà la đa ni, bà già la ni, chiêm bà ni, mộ ha ni, hựu già trá ni, a ma ha, a đa già ni, khư già xá bà, a ma la, a mâu la, mâu la ba lợi bạt để, a bà la khư ba, ta ha.

A già già, a bà ha già già, chu ni la xoa, già già sất, khư già già, na khư già già già, già già già già, a mâu la già già, a ma mâu la già già, a mâu la ha,

mâu bà trà bà ha, ta ha.

Nghe chú này, tất cả trời người đều khen:

–Hay thay, hay thay! Đà-la-ni này thật không thể nghĩ bàn, không gì hơn.

Phạm thiên lại nói:

–Ai không điều phục được quỷ ác, nghe chú này sẽ điều phục được. Người thọ trì chú ấy, nếu là vua thì tất cả trời người, nam nữ lớn nhỏ đều tin kính, không khởi tâm ác. Vì nếu khởi tâm ác thì đầu sẽ vỡ thành bảy phần, tâm bị thiêu đốt, thân nhiều bệnh khổ. Nếu có thần thông thì lập tức mất hết, bị gió thổi rơi xuống đất sâu. Nơi nào có chú này, nơi ấy luôn bình an. Người thọ trì và người nghe đều đầy đủ y phục, cơm nước, thuốc men.

Lúc ấy, Phạm thiên Chánh Ngữ cũng biến thành Thiên nữ, thưa:

–Con nguyện ở cõi Ta-bà để bảo hộ pháp Phật, dù là lúc Đức Phật Thích-ca đã diệt độ. Nơi nào có chú của con, nơi ấy sẽ không có việc ác. Pháp sư muốn thuyết giảng nên trì chú này để điều phục chúng sinh.

Phạm thiên nói chú:

–A bà dương, tỉ ma dương, am bà la, am bà linh, ba lợi quân xà na đồ, phú sa ba la bà ha, xà lưu ca, ma khư la xà, y lợi di lợi, kí lợi di lợi, kí đề già la mâu xà li, mâu đà la mục xí, sa ha.

Pháp sư trì chú này, với Thiên nhĩ ta sẽ đến chỗ

Pháp sư để nghe pháp. Ta sẽ đến pháp hội để nơi đó được an lành, giúp đại chúng lắng tâm nghe, thọ nhận. Nếu nghe chú mà ta không đến tức là đã dối chư Phật mười phương ba đời, đời sau sẽ không thể thành tựu đạo Bồ-đề vô thượng. Nếu ta đến sẽ giúp Pháp sư đủ biện tài, không lo sợ, người nghe pháp sẽ trừ hết bệnh khổ, tâm nghi, đói khát, lạnh, nóng, binh lửa, thù địch, cọp, sói, thú dữ tất cả việc ác. Xin chư Phật mười phương gia hộ con. Khi ấy, Đức Phật Thích-ca thưa với chư Phật:

–Tôi xin trao cho Phạm thiên chú thuật để bảo hộ chánh pháp.

Phật liền nói chú:

–Già mộ tri, mộ trà ba lợi xa đà, a mâu ma, a mâu ma, a mâu ma, sa la xoa, bà la cứu tư, di khư ba lợi bà ha, già la ma xà đa bà, tu tỉ khư, a lâu la, ba lợi xa đề, tát bà Phật đà a đề tất để, ta ha.

Nói chú xong, Phật bảo Phạm thiên Chánh Ngữ:

–Thiện nam! Uy lực của việc trì chú này có thể điều phục tất cả chúng sinh.

Phạm thiên bạch Phật:

–Con hiện thân nữ là để điều phục người nữ. Người nữ nào muốn thọ thân nam thì nên trì chú này. Người không thích con cái trì chú này sẽ không có con. Ai trì chú này thì con sẽ hết lòng bảo hộ.

M

Phần 7: HỘ TRÌ

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Hệ Ý đến trước Phật Bảo Quang Công Đức hiện thân Phạm thiên, Đế Thích, Tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, Đâu-suất thiên, Dạ-ma thiên, Đề-đầu-lại-trá thiên, Tỳ-lâu-lặc-ca, Tỳ-lâu-bát-xoa, Tỳ-sa-môn, Rồng, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ca-lâu-la, Dạ-xoa, La-sát, Tất-lực-ca, Tỳ-xá-xà, Câu-bàn-trà, Sát-lợi, Bà-la-môn, Thủ-đà, Tỳ-xá, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, sư tử, voi, cọp, rắn, bò, ngựa, chim, cùng lúc Bồ-tát thị hiện tám vạn bốn ngàn thân hình.

Khi ấy, Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử thưa Đức Phật Thích-ca:

–Thế Tôn! Vì sao thiện nam này hiện tám vạn bốn ngàn thân hình?

Phật nói:

–Đại Bồ-tát Thiện Hệ Ý nhập Tam-muội không thể nghĩ bàn, không phải là cảnh giới của Thanh văn, Bích-chi-phật.

Thiện nam này dùng mọi phương tiện để điều phục chúng sinh, tùy thuận tất cả chúng sinh. Với chúng sinh tôn thờ Phạm thiên, Bồ-tát hiện thân Phạm thiên thuyết pháp ba thừa; với người tôn phụng Phật, Bồ-tát hiện thân Phật thuyết ba thừa; với chúng sinh tôn thờ súc vật, Bồ-tát hiện thân

súc vật, giảng pháp; với kẻ thích sống núi rừng suối đều hiện thân thích hợp để điều phục giáo hóa. Nếu có chúng sinh nghèo khổ, Bồ-tát trước bố thí tài sản xong thuyết giảng giáo pháp để chúng trừ tham; với kẻ bệnh, Bồ-tát tùy thuận cho thuốc trong lúc tỉnh lúc mơ để trừ bệnh khổ, sau đó Bồ-tát thuyết pháp để điều phục.

Phú-lâu-na! Thiện nam này trong một ngày đêm có thể điều phục hằng hà sa số chúng sinh.

Tôn giả Phú-lâu-na thưa:

–Thiện nam này phát tâm Bồ-đề vô thượng đã bao lâu?

–Phú-lâu-na! Vô lượng hằng hà sa số kiếp trước, thiện nam này đã phát tâm sau khi đạt Tam-muội, người ấy đã điều phục chúng sinh suốt sáu vạn bốn ngàn a-tăng-kỳ kiếp.

Tôn giả Phú-lâu-na thưa:

–Thế Tôn! Thời gian để người này thành đạo là bao lâu. Vị ấy thành đạo ở nước nào?

–Phú-lâu-na! Quá sáu đại kiếp, đến kiếp Tinh tú, vị ấy sẽ thành đạo ở cõi này, Đức Phật ấy hiệu là Bảo Kế. Thời đó, chúng sinh thọ mạng bốn vạn tuổi, làm nhiều việc ác, đủ năm sự uế trược. Sau khi thành đạo, Phật thuyết giảng pháp trong bốn mươi năm, nêu rõ đạo ba thừa rồi nhập Niết-bàn.

Tôn giả Phú-lâu-na thưa:

–Thế Tôn! Nếu chúng sinh đến lúc đó vẫn

chưa được điều phục thì làm sao?

–Phú-lâu-na! Lúc ấy, không có chúng sinh nào là không được điều phục.

Thiện nam! Vì Bồ-tát phát nguyện: Nếu chúng sinh trong mười phương chưa được điều phục thì riêng mình không thành tựu đạo quả và nếu không hiểu rõ về cõi Phật mười phương thì cũng sẽ không thành đạo Bồ-đề vô thượng. Chúng sinh trong các cõi Phật nơi mười phương nếu không do mình điều phục thì mình không thành đạo. Chúng sinh ác ở cõi khác nguyện sinh về cõi mình, thì sẽ điều phục họ bằng pháp ba thừa.

Này Tôn giả Phú-lâu-na! Bồ-tát thành tựu những việc không thể nghĩ bàn như thế.

Phú-lâu-na thưa:

–Thế Tôn! Nhờ phúc đức, con nay được thấy nghe Đại sĩ ấy. Người chuyên tâm nghe học kinh này sẽ đạt phúc đức như vậy.

M

Phần 8: THỌ KÝ

Bấy giờ, Đức Phật A-súc bảo đại chúng:

–Hiện giờ tất cả Phạm thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương, A-tu-la, Trời, Người đều tập hợp về. Hôm nay các ông được thấy, các ông nên tùy thuận phát nguyện lớn.

Lúc ấy, Ma vương Trang Nghiêm Hoa hiện

thành người nữ có đầu bằng bảy báu, mang vô số chuỗi anh lạc vi diệu, thưa:

–Con xin chí tâm phát nguyện trước chư Phật: Nguyện ở đời thuộc Hiền kiếp con sẽ hiện thân nữ, bố thí hương hoa, điều phục mọi loài nơi cõi Ta-bà, giúp chúng thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Chư Phật mười phương đều khen:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Với niềm tin, hôm nay ngươi đã làm việc Phật. Ngươi sẽ thành tựu chí nguyện.

Ma vương thưa:

–Thế Tôn! Nơi nào có người đọc tụng, thọ trì, biên chép, tư duy, phân tích chú này, con sẽ hiện ra cây trái, rừng, suối, ao, khe, ngũ cốc, để cõi ấy không thiếu thứ gì. Chúng sinh nào giảng trái kinh như nghĩa cho là phi nghĩa, phi nghĩa cho là nghĩa, con sẽ hiện bày sự trừng trị, làm cho chúng bị bệnh khổ, cuồng loạn, lầm lẫn vua quan đều ghét bỏ. Nếu lời này là dối tức là lừa dối đại chúng trong mười phương, con không thể thành đạo vô thượng ở đời sau. Đệ tử Phật nơi cõi này cõi khác đều được cúng dường luôn được an ổn, trừ khi bị nghiệp báo từ quá khứ. Cây trái, rừng suối của con chính là sự bố thí. Người nhận vật thí ấy sẽ được tâm lành, là sự giữ Giới ba-la-mật của con, người nhận vật thí, siêng năng tu tập pháp lành là

thể hiện sự tu tập Tinh tấn ba-la-mật của con. Người nhận vật thí quán sát tướng vô thường của các pháp, đó là Thiền ba-la-mật của con. Người nhận vật thí kham nhẫn việc ác nơi thân, khẩu, ý, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật của con. Người nhận vật thí, quán các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, đó là Bát-nhã ba-la-mật của con. Như thế con đã thành tựu sáu pháp Ba-la-mật. Ngưỡng mong chư Phật mười phương giúp con thành tựu. Chư Phật mười phương đều im lặng nhận lời.

Bấy giờ, Đức Phật Tuệ Tràng khen ngợi Trang Nghiêm Hoa:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Ngươi sẽ được toại nguyện. Ngươi sẽ đem lợi ích cho vô số chúng sinh.

Ma vương liền nói chú:

–Già di khư, già dương khư, già dương khư, niết phục đa a đề, bà ha, bà ha, bà ha, mạt la, mạt ca, bà la tri, tỉ bà bà tỉ, sa la sa lợi địa li, sa la ma hi địa li, sa la bà thời li địa li, đa ba xà mạt ca, hưu hưu hưu hưu, a sa già xà tì, đa khư, đa khư, đa khư, bà du bà hê, ô ba na xà, tát đa ba xà, tần xà phá la, phú bổ sa đà, đà na đà ninh na, già cư li, xí di, xà la bà ha ni, mạt la mạt ca, tam miệu ba la đề ba na bà diên, tát đa ca lợi, xà ma dương, ma dương, ma dương, xà bà la, ta ha.

Thế Tôn! Nơi nào có chú này, con sẽ đến đó

để điều phục chúng sinh, giúp chúng đạt đạo vô thượng.

Khi ấy, chư Phật, Bồ-tát, Phạm thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-na, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân đều khen:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Ngươi có thể dùng thân nữ để bảo hộ chánh pháp của Như Lai, điều phục chúng sinh, tu tập đủ sáu pháp Ba-la-mật, diễn giảng công đức của Phật.

Đức Phật Thích-ca bảo đại chúng:

–Ai có thể bảo hộ chánh pháp với người này?

Vô số chúng sinh đều thưa:

–Chúng con sẽ cùng vị này bảo hộ chánh pháp, chúng con sát cánh bên nhau, giúp Bồ-tát thành tựu đạo vô thượng, Bồ-tát sẽ thọ ký quả Phật cho chúng con.

Trang Nghiêm Hoa thưa Phật:

–Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, con sẽ bảo hộ chánh pháp và người thọ trì pháp ở đây. Xin Như Lai thương xót thọ ký đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Phật nói:

–Thiện nam! Khi ngươi thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, nước tên Pháp Hạnh, Phật hiệu là Công Đức Ý.

Nghe được Phật thọ ký, Trang Nghiêm Hoa

liền tung rải hoa cúng Phật.

Lúc ấy, Bồ-tát Cát Ý bạch chư Phật:

–Thế Tôn! Người này đã phát nguyện lớn nơi Đức Phật Ca-la-cưu Tôn-đà là nguyện sẽ giáo hóa chúng sinh bằng thân nữ, giúp họ diệt trừ bốn trăm lẻ bốn bệnh, dạy bốn trăm lẻ bốn phương thuốc nào là rễ, trái, thuốc bột, thuốc viên, thuốc tiêu, thuốc xổ, thuốc A-già-đà, dầu, thuốc nước, suốt bốn vạn bốn ngàn năm cúng dường Phật Ca-la-cưu Tôn-đà và Tăng chúng, nên được thọ ký tuổi thọ của chúng sinh là một trăm ba mươi tuổi, có Đức Phật ra đời hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Theo nguyện lực của Phật, sẽ có pháp hội lớn với vô lượng Phật, Bồ-tát ở mười phương tập trung về. Trong đại hội này, ngươi sẽ được thọ ký đạo quả Bồ-đề vô thượng. Thời Đức Phật Ca-na Mâu-ni, Phật Ca-diếp… cũng như vậy. Lúc ấy, người này đã thưa trước Phật: "Thế Tôn! Với nguyện lực con thường dùng thân nữ đem các thứ thuốc men cho chúng sinh bệnh khổ. Nhờ phước đức của con, mọi cây trái đều có đủ vị cam lồ. Ai ăn được là nhân Bố thí ba-la-mật của con. Người nhận thức ăn của con bỏ tâm phá giới, giữ gìn giới cấm đó là nhân Giới ba-la-mật của con. Người nhận thức ăn siêng năng tu pháp lành đó là nhân Tinh tấn ba-la-mật của con; người siêng năng nhẫn nhục giữ giới, tư duy pháp lành là nhân Nhẫn ba-la-mật của con. Quán sát tướng vô thường của các pháp là nhân Thiền ba-

la-mật của con. Quán tướng khổ, không, vô tướng, vô ngã, là nhân Bát-nhã ba-la-mật của con. Như ở cõi này, nơi các cõi nước mười phương cũng thế. Thế Tôn! Con kể lại việc này là để giúp cho Trang Nghiêm Hoa tăng trưởng sức tinh tấn. Sau khi Như Lai diệt độ, con sẽ cùng Trang Nghiêm Hoa bảo hộ chánh pháp. Xin Thế Tôn thọ ký cho con." Chư Phật mười phương cũng khen ngợi: "Hay thay, hay thay! Như Lai Thích-ca Mâu-ni sẽ thọ ký cho ông."

Khi ấy, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bảo Bồ-tát Cát Ý:

–Thiện nam! Đời sau ông sẽ thành Phật ở cõi Liên hoa, hiệu Phật Thiện Kiến. Như Bồ-tát Cát Ý hiện thân nữ, thì các vị Địa thiên, Thủy thiên, Hỏa thiên, Phong thiên, Hư không thiên, Chủng tử thiên, Hoa thiên, Quả thiên, Sơn thiên, Thọ thiên, Thảo thiên, Đê thiên, Giản thiên, Bảo thiên, Tứ thiên, Hạ thiên, cho đến sáu vạn bảy ngàn thần thiên cũng lại như vậy, đều là Bồ-tát hiện thân nữ để điều phục giáo hóa chúng sinh, đều được thọ ký sẽ thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Từ thân nam chuyển thành thân nữ thì dễ, nhưng từ thân nữ chuyển thành thân nam thì khó. Vì thế, sáu vạn bảy ngàn người nữ đó đều được thọ ký. Như vậy, có trăm ức rồng, trăm ức ngàn Dạ-xoa, trăm ức ngàn A-tu-la, bảy vạn ức trời, chín vạn chín ngàn ức ma, hằng hà sa số người: Sát-lợi, Bà-la-môn,

Tỳ-xá, Thủ-đà, vô số Câu-bàn-trà, đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô số chúng sinh đạt tâm Bồ-đề không thoái chuyển, vô số chúng sinh đạt Tam-muội của Bồ-tát, vô lượng chúng sinh chứng pháp Nhẫn vô sinh, vô số chúng sinh đạt địa Bồ-tát, vô số chúng sinh thành tựu nhẫn nhục, vô số chúng sinh đạt quả Sa-môn, vô số chúng sinh trừ hết lậu hoặc, vô số chúng sinh không thoái chuyển tâm Thanh văn, Duyên giác, vô số chúng sinh tâm không thoái chuyển.

M

Phần 9: HẠNH BI

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thưa chư Phật:

–Thế Tôn! Chư vị vì thương xót tôi nên đến cõi Ta-bà này. Các Bồ-tát Trang Nghiêm Hoa Cát Ý đã phát nguyện lớn để bảo hộ chánh pháp, như nguyện tức thành tựu.

Lúc này, chư Phật mười phương nói chú vì hai Bồ-tát ấy:

–Thọ đề bà bà, trì luật đề bà bà, mâu ni bà bà, tát đa bà bà, phú nhược lăng gà bà bà, trường na bà bà, ma ha ca lưu na bà bà, ma ha phục luật đa bà bà, a mộ ha bà bà, lưu đề bà bà, xí đề bà bà, sa lợi la bà bà, kiếp già bà bà, bà du bà bà, bạt đa bà bà, a đề đơn na bà, a ma bà bà, a pha na bà bà, đa

tha đa bà bà, phục đa câu trí bà bà, ni đề đề bà bà, lê cứu xá la bà bà, lê dưỡng na bà bà, lê đà đâu bà bà, lê tì mục xoa bà bà, lê đạo sư la bà bà, lại trá đề na bà bà, bà bà, bà bà, bà bà, tam ma đa, a na nhược tam ma đa, sất, sất, sất, sất, sất, sất, sất, sất, sất, ba sất tư đề, tát bà Phật đà cứu xá la mâu la, a đề điệu na, ta ha.

Chư Phật lại bảo hai vị Đại sĩ:

–Thiện nam! Nếu muốn giáo hóa chúng sinh các vị nên thọ trì chú này.

Bồ-tát Trang Nghiêm Hoa và mười vạn Bồ-tát thưa:

–Chư Phật nơi mười phương đã vì chúng sinh mà nói chú, chúng con xin sẽ thọ trì. Nếu con phát nguyện mà không thọ trì chú này thì con đã lừa dối chư Phật, sẽ không thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Người thọ trì chú này lại bị kẻ ác hại mà con không bảo hộ người ấy thì con không thành tựu đạo quả vô thượng. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, thọ trì chú này sẽ không ai bị tổn hại.

Chư Phật mười phương khen:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Ngươi đủ khả năng thọ trì giáo pháp vô thượng.

Lúc ấy, Đức Thích-ca bảo Ba-tuần:

–Người hãy phát tâm tin pháp Phật, đó vô số chúng sinh đạt quả giải thoát. Hiện nay ngươi đã

không còn bè bạn, không ai cùng người làm ác, vì thương xót ta ân cần khuyên người hãy mau phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Ba-tuần thưa:

–Thế Tôn! Hiện nay tôi không có một niệm nào để phát tâm Bồ-đề vô thượng. Hiện Sa-môn Cù-đàm chưa độ hết chúng sinh cõi Dục, làm sao tôi không có bạn. Tôi không bao giờ quy y Tam bảo.

M

Phần 10: HỘ PHÁP

Khi đó, Phật Mạn-đà-la Hoa Vi Diệu Hương nói với Đức Phật Thích-ca:

–Như chư Phật quá khứ đã tập hợp về cõi năm ác này để bảo hộ pháp Phật, trừ ma oán, thương yêu chúng sinh, đem đến đuốc trí ủng hộ đạo chánh. Chư Phật mười phương trong hiện tại cũng vậy, tập hợp về cõi Ta-bà này, nên phó chúc chánh pháp cho ai?

Đức Thích-ca nói:

–Chánh pháp của Phật có thể phó chúc cho vua Tần-bà-ta-la, bốn Thiên vương, Đế Thích, Phạm thiên các vị ấy sẽ bảo hộ pháp Phật. Người phát tâm Bồ-đề là người bảo hộ chánh pháp.

Tất cả đại chúng, Trời, Phạm, Rồng cùng thưa:

–Thế Tôn! Chúng con sẽ hết lòng bảo hộ pháp

Phật. Vì sao? Vì chánh pháp của Như Lai khó đạt, khó gặp. Trong một cõi Phật, vô lượng chư Phật tập hợp về cũng rất khó có. Chư Phật mười phương còn vì chúng sinh mà tập hợp, huống chi là chúng con sao lại không bảo hộ pháp Phật.

Chư Phật đều khen ngợi:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Vua quan bảo hộ chánh pháp thì trong nước không có việc xấu ác và các bệnh tật, cây trái, ngũ cốc dồi dào, dân chúng quyến thuộc đều trừ bỏ việc ác. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ cũng nên bảo hộ. Vì sao? Vì các Bồ-tát quá khứ thành tựu quả Bồ-đề vô thượng đều là nhờ nhân ủng hộ chánh pháp. Các vị ở hiện tại, vị lai cũng thế. Do vậy chúng trời người cõi Ta-bà nên bảo hộ để chánh pháp được trường tồn.

Thiện nam! Thiện nam, tín nữ muốn chánh pháp tồn tại mãi ở đời thì nên cúng dường người thọ trì, người thuyết giảng kinh Đại Tập này. Vì sao? Vì kinh ấy được chư Phật mười phương ấn chứng. Người cúng dường kinh Đại tập là cúng dường chư Phật nơi mười phương. Sau khi Như Lai diệt độ, nơi nào có kinh này được lưu truyền, có người đọc tụng, thọ trì, biên chép dù là một kệ, một câu, một chữ, thì những nơi ấy sẽ không có việc xấu ác, cây trái, ngũ cốc, dồi dào, bốn đại Thiên vương luôn ban cho vị cam lồ, phép vua được giữ gìn, vua láng giềng, luôn cầu hòa thuận,

ai cũng sống trong tâm Từ, Hỷ, tất cả hàng trời, người đệ tử Phật đều ủng hộ: Vua quan thần dân trong nước đều khởi tâm thương yêu, lúa gạo nhiều tốt tươi, cây cối, dân chúng không bệnh khổ, không tranh chấp, không có thú dữ, mưa xấu, trừ hết nghiệp ác quá khứ, người nữ trừ tội ngũ nghịch suốt các đời hiện tại, đời sau, và nhiều đời. Tất cả các tội như hủy báng kinh Đại thừa, Thánh nhân, phạm bốn giới quan trọng, Xiển-đề tạo tội cao như núi Tu-di đều được diệt trừ, hết thảy pháp lành đều tăng trưởng, chúng sinh đầy đủ căn lành thân, khẩu, ý, trừ chấp ác, hoại phiền não, tu tập chánh đạo, cúng dường chư Phật, trọn vẹn pháp lành và các việc trong ngoài, tăng tuổi thọ, thành tựu niệm tuệ.

Lúc ấy, Bồ-tát Di-lặc và chín vạn bảy ngàn ức Bồ-tát Nhẫn vô sinh đều thưa:

–Sau khi Phật diệt độ, chúng con sẽ ủng hộ pháp Phật, chúng con sẽ thuyết giảng kinh này ở khắp mọi nơi để độ chúng sinh.

Vô lượng, vô số chư Phật đều khen ngợi:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam!

Tất cả hàng trời người cõi Ta-bà đều thưa:

–Chúng con cũng sẽ hết lòng bảo hộ chánh pháp và người thọ trì kinh này sau khi Phật diệt độ.

Chư Phật mười phương đều khen:

–Hay thay, hay thay! Các ông đã có đủ khả năng bảo hộ chánh pháp.

Thiện nam! Nếu muốn bảo hộ chánh pháp, nên cúng dường chư Phật, nên bảo vệ người thọ trì kinh này và nơi nào được lưu truyền kinh ấy chúng ta đều gia hộ, trừ hết tai họa cho nơi đó, giúp chúng sinh bỏ nghiệp ác, biết hổ thẹn.

Chư Phật mười phương khen:

–Hay thay, hay thay! Các ông thật sự có thể bảo hộ chánh pháp, cúng dường chư Phật mười phương, bảo vệ người trì pháp, thọ pháp.

M

Phần 11: TỨ THIÊN VƯƠNG HỘ PHÁP

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca bảo các Phạm thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương:

–Các thiện nam! Với nguyện lực từ xưa, ta luôn thương yêu các chúng sinh xấu ác đó, nên thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng ở nơi cõi ác, đem lại lợi lạc cho chúng sinh vô minh, ngu muội, chúng sinh nuôi lớn phiền não, trừ diệt binh ma, dựng cờ pháp, tuôn mưa pháp, giúp chúng sinh thoát khổ phiền não, phát tâm Bồ-đề vô thượng. Vô lượng chư Phật, Bồ-tát mười phương đều đến cõi, này giúp trừ nghiệp ác của chúng sinh, làm hưng thịnh dòng Tam bảo. Sau khi Niết-bàn, ta giao tất cả chánh pháp cho các ông. Các ông nên

cố gắng giữ gìn. Bồ-tát thành tựu phước đức đều có thể bảo hộ chánh pháp của ta. Chúng sinh từng trồng căn lành nơi chư Phật, năm mươi năm cuối khi chánh pháp sắp diệt, những người này sẽ bảo hộ chánh pháp, kính tin, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thích nghĩa lý. Pháp sư muốn tạo lợi ích cho chúng sinh cần thanh tịnh thân tâm, mặc y phục trang nghiêm, thiết lập bàn thờ với các nước tịnh, khi ấy nếu các vị không đến bảo hộ Pháp sư, ngăn chặn việc ác, nghe học chánh pháp, tự lợi lợi người là lừa dối chư Phật mười phương.

Phạm thiên bạch Phật:

–Thế Tôn! Nơi nào có kinh này lưu truyền, chúng con sẽ hết lòng ủng hộ. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ định thuyết giảng kinh này, nên thiết bàn thờ cao với các loại nước tịnh, thanh tịnh thân tâm, chúng con sẽ đến nơi đó. Nếu không đến là chúng con lừa dối chư Phật mười phương. Thế Tôn! Nơi nào có kinh này, nơi đó sẽ không có binh đao độc ác. Chúng con xin phát nguyện lớn trước chư Phật.

Phạm thiên liền nói chú:

–An cừu ha, đăng già, phú la na ha, xà dương khư, khư khư, bà khư, bà khư bà, cư li na khư bà, ta ha.

Thích Đề-hoàn Nhân nói chú:

–Khư bà mật, ma xa mật xà, na la khư, a mâu

nhược, a mâu bà ha, a khư trá, a khư, a già khư thời na hưu luật xí, ta ha.

Thiên vương Đề-đầu-lại-trá ở phương Đông nói chú

–Tần đầu xà na, khư bà xà na, la mâu khư, xoa sa la, phú na ba, a mạt già bà sất, ta ha.

Thiên vương Tỳ-lưu-lặc-xoa ở phương Nam nói chú:

–Hựu khư na bà xà đồ, tam mâu đà tư nhược, đa đà chu đa, bà la na bà, bà la xà, ta ha.

Thiên vương Tỳ-lưu-bác-xoa ở phương Tây nói chú:

–Xà lộ già, a hựu già, a ma mộ già, a ma ma sa la xà, bà tì giã mâu xà, ta ha.

Thiên vương Tỳ-sa-môn ở phương Bắc nói chú:

–Sưu địa li, sưu sưu sưu địa li, khư sưu địa li, a ni sưu địa li, hi lực đa sưu địa li, bà kiệt la hi lực đa, sưu địa li tán cứu bà sưu địa li, đà ma xoa địa sưu địa li, ta ha.

Chư Phật mười phương khen ngợi các vị Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương:

–Hay thay, hay thay! Các ông thật có thể bảo hộ chánh pháp.

Phạm thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Thế Tôn! Nơi nào có kinh này lưu truyền,

chúng con sẽ xin dốc sức bảo hộ.

Chư Phật, Bồ-tát mười phương khen:

–Hay thay, hay thay! Các ông thật sự bảo hộ chánh pháp.

Cõi Ta-bà vốn có một vạn hai ngàn quỷ tướng quân bảo hộ, bốn vạn bốn ngàn tiểu tướng đủ oai lực công đức, quỷ quân đều thưa:

–Thế Tôn! Đời sau, nơi nào lưu hành kinh này, chúng con sẽ xin bảo hộ. Nơi nào có thuyết pháp, chúng con sẽ đến, chúng con sẽ trừ nghiệp ác cho người nghe pháp, giúp tăng trưởng pháp lành, chúng con sẽ khuyên vua, quan, trưởng giả cung cấp cho họ mọi vật cần dùng, chúng con làm cho cõi ấy không có việc xấu như binh lửa tai nạn, mưa xấu. Nếu chúng con nói dối thì là lừa dối chư Phật mười phương.

Khi ấy, Bồ-tát Nghi Tâm thưa Đức Phật Thích-ca:

–Thế Tôn! Cõi Ta-bà có trăm ức ma không? Chúng có đến đây không?

Phật nói:

–Tất cả đều đến.

–Thế Tôn! Chúng có tin không?

Phật nói:

–Thiện nam! Chúng tin, chỉ trừ ngàn quyến thuộc của ma Ba-tuần, vào đời sau chúng sẽ phá hoại pháp ta, tạo tội lỗi. Chúng phá hoại Tam bảo

là vì nhân ác ở quá khứ, vì chúng đã không trồng căn lành.

Thiện nam! Sau khi chánh pháp của ta diệt, Ba-tuần và chúng ma này mới phát lòng tin, gieo hạt Bồ-đề, tu đạo Bồ-tát, thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Thiên ma Thái bạch, đã thành tựu công đức nơi chư Phật, vững chãi lòng tin, phụng kính Tam bảo, được thọ ký quả Bồ-đề vô thượng, hiện thân Tiên, rời tòa ngồi, quỳ gối, chắp tay, bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì nguyện xưa, Đức Thích-ca Mâu-ni thương xót chúng sinh nên thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng ở cõi đời năm ác này, thuyết giảng ba thừa, trừ ba đường ác, giảng Nhẫn vô sinh cho các Bồ-tát, không đoạn tánh Phật. Vì thế đời sau chúng con sẽ hết lòng bảo hộ chánh pháp để được trường tồn, quân ma không thể phá hoại, chúng con không bao giờ phá chánh pháp Như Lai. Nếu không người thọ trì pháp Phật sẽ diệt. Nếu bốn chúng không thuyết giảng, thọ học chánh pháp sẽ diệt. Đời sau, thiện nam, tín nữ, tu ba nghiệp làm hưng thịnh Tam bảo, trừ phiền não ba cõi, tu hành đạo chánh, trừ khổ ba đường ác cho chúng sinh, quân ma không hại được. Xin chư Phật mười phương ban cho sức mạnh phúc trí. Con xin nói chú để diệt quân ma.

Chư Phật mười phương đều khen:

–Hay thay, hay thay!

Ma Thái Bạch liền nói chú:

–A ma lê, a hán khư dương, a xà bà bà, a xà bà bà, a xà bà bà, mâu la ta lê, tì giã khư bà xí, xà ma ta lê, ha ha, ha ha, ha ha, già la ta, trá xa nang kiếp già, nhược xà kiếp già, tì nhược xà ta khư già, a mâu xoa la, xoa xoa, xoa xoa, xoa xoa, mâu la bà ha khư ca, sa khư nhược, sa ba lợi bà đa, mâu la, a nhược nhược, chiến đà tu lợi xà nhược nhược, bà đề nhược nhược, na bà ha nhược nhược, khư la xoa nhược nhược, na ba la nhược nhược, phục đa câu tri nhược nhược, đa đa đa nhược nhược, tát bồ bà tì nhược nhược, la đề tất đa nhược nhược, già cư la ma tần bà đa xoa bà, xoa ma ma, xoa ba nhược, sai tỉ đa, ma la tỉ sa xà, ta ha.

Tiếng chú vang xa, thế giới Ta-bà chấn động sáu cách, tất cả quân ma đều kinh sợ hết thảy chúng trời người, cho đến các quỷ Ca-la Phú-đơn-na đều trừ bỏ tâm kinh sợ, đạt tâm Bồ-đề không thoái chuyển.

Lúc đó, Ma vương hỏi Bồ-tát Kiên Ý:

–Thiện nam! Ma vương Thái Bạch từ đâu tới, có oai lực gì mà có thể trừ diệt chúng ma và nghiệp ma, tăng trưởng pháp sắp diệt của Sa-môn Cù-đàm. Những gì tôi thấy hiện tại đều đáng chán nản, bốn phương đều tối mịt, thân tâm tôi đau đớn ê

chề, cớ sao người ấy lại thấy cam lồ pháp lạc. Xin Bồ-tát thương xót giảng cho.

Bồ-tát Kiến Ý đáp:

–Ba-tuần! Đó là do oai thần của Phật nên giúp cho Thái Bạch có sức mạnh như vậy. Nhờ thế mới diệt trừ được ma chúng, tăng trưởng chánh pháp của Như Lai. Bồ-tát Thái Bạch đã thành tựu sức công đức không ai hủy hoại được. Ba-tuần! Ngươi nên phát tâm tin Tam bảo, trừ nghiệp ác của thân, khẩu, ý.

Ba-tuần nói:

–Đại sĩ! Tôi đang muốn tạo ra vô số nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý, thật không thể phát tâm Bồ-đề.

M

Phần 12: QUỶ KHOÁNG GIẢ

Bấy giờ, Bồ-tát Khoáng Dã hiện thành thân quỷ, Bồ-tát Tán Chi hiện thân nai Bồ-tát Tuệ Cự hiện thân khỉ, Bồ-tát Ly Ái hiện thân dê đen, Bồ-tát Tận Lậu hiện thân thiên nga… năm trăm Bồ-tát hiện đủ loại thân hình, mỗi vị đều phóng ra ánh sáng hương thơm, tay cầm đèn sáng để cúng dường chư Phật mười phương.

Bồ-tát Nghi Tâm chí tâm quán sát năm trăm Bồ-tát, biết các vị đều là bậc Đại sĩ, nên thưa với quỷ Khoáng Dã:

–Thiện nam! Cớ sao các vị lại hiện thân như

thế để cúng dường Phật?

Quỷ Khoáng Dã Đáp:

–Thiện nam! Chín mươi mốt kiếp ở thời quá khứ, có Đức Phật Tỳ-bà-thi là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, lúc đó ta cùng các vị đều là anh em ruột một nhà, chúng ta thọ trì năm giới, siêng năng tu tập, đủ tài đức, thích pháp lành, cúng dường Phật Tỳ-bà-thi mọi vật; cúng dường xong, chúng ta đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, mong điều phục tất cả chúng sinh. Thời Phật Thi-khí, Tỳ-xá-phù, Cưu-lưu-tôn, chúng ta cũng làm thế. Đại sĩ Tán Chi lập thệ với Phật: Đời sau con nguyện hiện thân quỷ để hóa độ các chúng sinh. Con nguyện diễn thuyết về ba thừa để điều phục chúng sinh quỷ ác. Con nguyện điều phục tất cả vô số hằng hà sa quỷ ác, thú dữ, sau chúng con mới thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Lúc đó, có một vạn hai ngàn quỷ lớn cũng phát nguyện điều phục chúng sinh. Ta cũng phát nguyện: Nếu có chúng sinh quỷ ác định phá hoại chánh pháp của Như Lai, ta sẽ trừng trị. Vì thế chúng ta thọ thân quỷ. Nếu có quỷ ác giết hại chúng sinh làm cho họ bị loạn tâm, khởi tâm ác giết hại, chấp chặt tà kiến, khiến hàng Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, loạn tâm làm ác, chúng còn xoay dời mặt trăng, mặt trời, xê dịch năm

tháng, làm cho đất nước hoang tàn, mùa màng thay đổi, mưa gió nổi lên, lúa mạ khô chết, cây trái héo úa thì ta xin điều phục giáo hóa chúng bằng pháp ba thừa, ta không giết chúng, nhưng thọ thân như chúng, trò chuyện vui chơi, giáo hóa chúng để lìa bỏ đường ác. Có chúng sinh bỏ pháp lành, tạo nghiệp thân, khẩu, ý ác, sau khi chết đọa vào ba đường ác, hoặc có chúng sinh tạo nghiệp thiện ác, sau khi chết, đọa làm quỷ, vì thế lúc ấy quỷ ác nhiều, quỷ thiện ít. Do vậy, ta nguyện thọ thân quỷ để điều phục chúng, giúp các hàng Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà trừ bỏ tâm ác.

Thiện nam! Có chú Kim cang chùy, nhờ uy lực của chú nên quỷ ác không thể làm ác đối với bốn chủng tộc.

Thiện nam! Nơi nào có chú ấy nơi đó chúng quỷ không gây tạo ác được, chúng sinh nơi đó đều tu tâm Từ, trừ bỏ các việc ác, các bệnh khổ, tranh chấp. Ở đó, dù là chim thú vẫn đều khởi tâm lành, không lo sợ. Hôm nay ta phát nguyện lớn với chư Phật, xin nói chú.

Khi ấy, Đức Thích-ca bảo quỷ Khoáng Dã:

–Thiện nam! Chư Phật mười phương đều gia hộ thần lực cho ngươi, giúp ngươi nói chú.

Quỷ Khoáng Dã liền đứng lên chắp tay nói chú:

–Đậu ma, đậu ma, đà ma, đà ma, đậu ma, đậu

ma, na na la, ni la, ni la, cứu trá ni, cứu trá ni, ma ha cứu trá ni, trá trá trá chu, ma ha trá trá trá, a ta bà, a tì, lợi ni, lợi ni, ma ha lợi ni lợi ni, lợi di lợi di lợi di, đà lợi tỉ, ma ha đà lợi tỉ, thủ lưu, thủ lưu, ma ha thủ lưu, thủ lưu, thủ lưu đa, ma ha thủ lưu thủ lưu, hựu cứu ma, cừu ma, cừu ma, cừu ma na, lợi di, lợi di, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, ni di, ni di, hi ni, hi ni, mâu ni, mâu ni, mâu đề ni, ta la, ta la, ta la trá, lộ ca na lợi giã, kỳ ninh, kỳ ninh, thời ninh lực sa bà, thời na, thời na, thời na, la sa ba, ta ha.

Thế Tôn! Nơi nào có chú này mà quỷ ác còn tổn hại chúng sinh, hung bạo khó điều phục, không thọ chánh pháp, không khởi tâm Từ, con xin nói chú để điều phục chúng:

–A xa, a xa, mâu ni, mâu ni, ni hưu hưu, mâu ni, mâu ni, ma na, la sa bà, hưu hưu, a ni la na đồ, a đa đán đồ, a đa a đề lưu trá, hi ni, hi ni, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hi lợi, hựu cừu ma, cừu ma, cừu ma, cừu ma, hi lê, hi lê, hi lê, ni lợi, ni lợi, Ma-ha ni lê, tam mâu đà hô khư, a trá, a trá, a trá, đà la dương khư, xoa bà khư, xoa bà khư, ti lợi si tì, a ba, mẫn xà, bà do, a ca xa, điệu, điệu, điệu, cứu tì, bà cùng tì, a xoa cùng tì, thị ngoa cùng tì, tát đa già cùng tì, la xà cùng tì, tát đa đâu cùng tì, ta ha.

M

Phần 13: TRỞ VỀ NƠI GỐC

Lúc ấy, chư Phật mười phương đều định trở về cõi nước mình, đại địa chấn động đủ sáu cách. Từ trong hư không, vô lượng hoa rơi xuống, tiếng nhạc tự vang, vô số hương thơm thoảng ngát để cúng dường. Tất cả đại chúng chắp tay lễ kính chư Phật.

Phạm thiên thưa Phật Nguyệt Hương:

–Thế Tôn! Do thần lực gì, phước đức gì làm cho đời sau tin thọ, đọc tụng, biên chép kinh này?

–Phạm thiên! Với sức thệ nguyện của chư Phật trong mười phương sẽ diệt trừ chúng ma, trừ tai nạn gió mưa cho cõi nước, bảo hộ chánh pháp, giảng chánh đạo, điều phục giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh đời sau thành tựu mười pháp có thể bảo hộ chánh pháp, được mọi sự gia hộ.

Phạm thiên! Người có đủ tâm niệm và phương tiện khéo sẽ bảo hộ được chánh pháp; không tham năm dục, thường tu tập không, nhẫn nhục như đất, đạt nhẫn sâu xa, độ chúng sinh bằng bốn Nhiếp pháp, không chướng ngại, tu Tam-muội thanh tịnh Bồ-đề đạo hạnh bảo tràng. Nhưng người này sẽ bảo hộ chánh pháp ở đời sau; biên chép, đọc tụng, thọ trì, giảng thuyết, sau khi chết những người ấy sẽ gặp chư Phật, Bồ-tát tăng ở mười

phương, được nghe chư Phật giảng pháp, sẽ được niềm vui của bậc Thánh nhân, trừ hết mọi pháp không vui, sinh vào cõi Phật thanh tịnh, thường được nghe kinh điển Đại thừa, không sinh trong năm cõi ác, thường được gần gũi chư Phật nơi cõi Ta-bà. Năm mươi năm sau cùng của chánh pháp, nhờ thần lực của Phật những người này sẽ hết lòng bảo hộ chánh pháp Như Lai.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bảo Phạm thiên:

–Nơi nào có kinh này lưu truyền sẽ không có bệnh khổ, tai ác, người nghe học thân được khỏe mạnh, đầy đủ cơm áo.

Đức Phật Hoa Tràng bảo đại chúng:

–Công đức của người dùng vật báu nhiều như cõi Ta-bà để cúng dường chư Phật không bằng công đức của người thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này ở năm mươi năm sau cùng của chánh pháp khi Như Lai diệt độ. Đại chúng! Có người dùng bảy báu nhiều như cát sông Hằng để cúng dường Phật, công đức có được vẫn không bằng người thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này ở năm mươi năm sau cùng của chánh pháp khi Như Lai diệt độ.

Lúc ấy, hàng trời người nghe Phật dạy thảy đều vui vẻ, thọ trì, phụng hành.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 22

Phẩm 10: HƯ KHÔNG MỤC (Phần 1)

Phần 1: THANH VĂN

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vẫn ở nơi cõi báu giữa hai cõi Dục, Sắc, thuyết pháp cho đại chúng Bồ-tát và Thanh văn.

Đức Phật giảng bốn Chân đế cho hai Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, những người xuất gia chưa bao lâu, và pháp trung đạo cho đại chúng, những kẻ vốn thuộc ngoại đạo, ám độn, tự cao, tự đại; đủ các thứ mạn: Sắc, Dục, Vô minh, Thắng, Phi pháp; chưa đạt quả Sa-môn thứ hai, ba, bốn, nên giúp chúng trừ các phiền não xấu ác đó.

Lúc Đức Phật giảng pháp trung đạo, họ cố tranh biện, tự chấp đoạn, ngã. Thấy vậy, Đức Thế Tôn nghĩ: "Thật đáng thương thay! Chúng vốn là ngoại đạo, tuy vào pháp Phật vẫn khởi kiêu mạn, chưa đắc nghĩ đã đắc, chưa biết cho là biết, không tu tập pháp Như Lai, tuy tùy thuận bốn Đế nhưng

chưa đạt bốn Trí vô ngại, chưa đạt quả Sa-môn thứ bốn.”

Đức Thế Tôn bèn giơ cao vòng hoa Chiêm-bà phát nguyện. Với nguyện lực, trong chuỗi hoa này xuất hiện bốn báu: Đế Thích, Thiên quang, Kim cang quang, Thắng chư quang. Từ trong mỗi báu đều phát ra ánh sáng soi chiếu cả cõi Ta-bà. Sau đó, tràng hoa bay lên hư không, vang tiếng kệ:

Tuy bỏ râu tóc, không trừ kết
Mặc áo ca-sa không lìa nhiễm
Theo Phật là thầy, không học pháp
Kẻ đó ô danh cả đại chúng.
Lúc Phật thuyết giảng pháp chân chánh
Không chịu chuyên tâm nghe và học
Không hiểu nghĩ lý pháp chân thật
Cũng không thể đoạn mọi phiền não.
Những ai thấy được tánh thật pháp
Là đã diệt trừ vô minh, mạn
Gần gũi học hỏi Thiện tri thức
Là sớm đạt được vị cam lồ.
Chán lìa bỏ gớm pháp sinh tử
Là sẽ đến được bờ giải thoát
Trọn vẹn giới đức, nghe học rộng
Đầy đủ thiền định và trí tuệ.
Đoạn trừ tất cả ma phiền não
Ấm ma, tử ma và thiên ma.
Thanh tịnh, đẩy lùi mọi chướng ngại

Luôn được gần gũi Đấng Vô Thượng.

Nghe tiếng kệ ấy, các Thanh văn kiêu mạn tự nghĩ: "Như Lai biết rõ tâm cấu nhiễm của chúng ta nên nói kệ ấy." Do vậy, các vị đều thấy xấu hổ. Các đệ tử Phật ở các cõi cũng hổ thẹn, tập hợp về cõi báu. Biết vô lượng trăm ngàn đại chúng Thanh văn đã tập hợp về, Đức Phật thuyết giảng pháp bốn Chân đế. Khi đó, tràng hoa báu kia bay thẳng về phương Nam. Cách đây chín vạn hai ngàn hằng hà sa cõi Phật, có cõi nước tên Kim cang quang tạng, chúng sinh ở đấy đủ cả năm thứ uế trược. Đức Phật cõi này, hiệu là Kim Cang Quang Minh Công Đức, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Kim Quang Minh Công Đức cũng đang giảng pháp bốn Chân đế cho đại chúng. Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ ở đấy thấy ánh sáng phát ra từ tràng hoa nên nhìn quanh. Khi thấy tràng hoa trụ trong hư không bên trên Phật, họ đều thưa:

–Thế Tôn! Tràng hoa này từ đâu bay đến, ai làm như vậy?

Phật đáp:

–Thiện nam! Cách đây chín vạn hai ngàn hằng hà sa cõi Phật về phương Bắc có cõi Ta-bà, Đức Phật cõi đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc,

Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Thích-ca cũng đang thuyết pháp bốn Chân đế cho chúng sinh có đủ năm thứ uế trược, giống như ta ở đây.

Thiện nam! Chúng sinh ở cõi đó ngu muội, thô bạo, cao ngạo, tự đại, luôn tạo nghiệp ác, khó điều phục, khó giác ngộ nên Đức Phật Thích-ca tập hợp chúng về, thuyết giảng chánh pháp để trừ các việc ác đó. Chúng sinh ở cõi ấy chưa đắc nghĩ là đắc, chưa chứng nghĩ là chứng, chưa tu cho là đã tu, nên Đức Thích-ca thuyết giảng pháp để chúng tu tập đoạn trừ kiêu mạn, đạt trí tận và trí vô sinh. Đức Thích-ca định giảng về pháp hạnh Hư không mục, mở tạng pháp vô thượng của Như Lai cho chúng Thanh văn, Duyên giác, nên điều khiển chuỗi báu này để ta biết. Ta sẽ tặng Đà-la-ni Pháp mục để làm tin, vì Đà-la-ni này có đủ vô lượng ánh sáng, trừ diệt tất cả phiền não xấu ác, giúp nhớ rõ các pháp đã nghe, làm thanh tịnh các thứ cấu uế nơi tâm, giúp gìn giữ giới cấm, đạt trí tuệ, bảo hộ tất cả Tam-muội vô thượng, bảo hộ tâm tính, khởi tâm tùy hỷ ở người, thọ trì pháp Phật, trừ các bệnh, được toại nguyện, đủ vật dụng, nuôi lớn căn lành, điều phục ma, quỷ, thần, thú dữ, loại vật dưới nước hung ác, bảo hộ pháp lành, thành tựu pháp Phật, trọn vẹn mười tám pháp Bất cộng. Ta muốn đưa pháp Đà-la-ni này đến cho Đức Thích-ca.

Nói vậy rồi Đức Kim Cang Quang Minh Công Đức bảo đồng tử Kim Cang Sơn:

–Thiện nam! Ông hãy đến cõi Ta-bà, thay ta để thăm hỏi Đức Thích-ca, và thưa là Đức Phật Kim Cang Quang Minh Công Đức ở cõi Kim cang quang tạng gởi tặng Đà-la-ni Pháp mục lên Thế Tôn.

Đồng tử Kim Cang Sơn thưa:

–Lành thay, lành thay! Thưa Thế Tôn! Con rất muốn đến đó, kính lễ Đức Thích-ca và để nghe, học pháp Hư không mục mà con chưa được nghe.

Lúc ấy sáu vạn ức Đại Bồ-tát và tám mươi ngàn ức Thanh văn đều thưa:

–Thế Tôn! Chúng con rất muốn đến đó, kính lễ Đức Thích-ca và để nghe cùng học pháp Hư không mục chúng con chưa được nghe. Xin Như Lai gia hộ thần lực, giúp chúng con được đến cõi ấy.

Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Các thiện nam! Hãy biết thời cơ, Đồng tử Kim Cang Sơn sẽ giúp các vị, sẽ là Thiện tri thức của các vị.

Đức Kim Cang Quang Minh Công Đức bảo Đồng tử Kim Cang Sơn:

–Thiện nam! Lắng nghe, lắng nghe, ta sẽ nói Đà-la-ni Pháp mục cho ông!

Như Lai liền nói chú: A bà, a bà, a bà, nhược

na đà sất, ma ha ma khư, tam ma khư, khư bà bà, thọ đề a tha, na bà, na xà ninh, Phật xà la đa, an đậu lại đa, xà la ca đa, a na nậu đức xoa, phàm phù bà na bà đồ bà, lặc xoa lư chiến na, sa chí khư bà, đà la ni xoa xà, ba la ca trác bà, tì na xoa, bà na tỳ khổng, a na ca khư, chiến đồ dương tu, ba đà khư đa, tu lư già na, lư chiến na bà, lư già xà, nhược bà bà tư, ta ha.

Thiện nam! Hãy thọ trì, biên chép Đà-la-ni này. Ông đến cõi Ta-bà, thay ta hỏi thăm Đức Thích-ca: Bốn chúng đệ tử có thích nghe pháp không, bốn tộc có thường cúng dường không, tâm chúng sinh có loạn không, chúng có gần gũi Như Lai không, có tôn trọng ngợi khen Phật không, có lưu truyền chánh pháp của Như Lai không? Đức Kim Cang Quang Minh Công Đức xin tặng Đà-la-ni Pháp mục, vì Đà-la-ni này đủ sức sáng soi, diệt trừ tất cả phiền não xấu ác, thành tựu mười tám pháp Bất cộng.

Đồng tử Kim Cang Sơn thọ trì, đọc tụng, biên chép Đà-la-ni này, bảo đại chúng:

–Muốn đến cõi Ta-bà kính lễ Đức Thích-ca, nghe pháp chưa từng nghe, nên trừ chấp tướng sắc, không chấp tướng sai khác, tu tập tướng hư không, không lấy bỏ tướng, bỏ tất cả tướng trần dục, trừ mọi ràng buộc, chuyên niệm hư không.

Nghe vậy, đại chúng đều thưa:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam!

Rồi cả đại chúng lạy Phật, chuyên tâm quán tưởng hư không. Trong một niệm, tất cả đều đến cõi Ta-bà, thấy Đức Thích-ca, đại chúng cúi đầu lạy Phật, cung kính cúng dường, ngợi khen, đi quanh Phật ba vòng lui ra đứng qua một bên.

Lúc này, tràng hoa báu lại bay về phương Tây, cách thế giới Ta-bà tám vạn ức cõi Phật, có cõi Tuệ ám, cõi này đủ năm thứ uế trược. Đức Phật cõi này hiệu là Trí Tràng, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Trí Tràng đang giảng pháp bốn Chân đế cho đại chúng. Các Bồ-tát, Thanh văn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ thấy ánh sáng phát ra từ tràng hoa báu nên quan sát khắp nơi, thấy tràng hoa trụ trong hư không bên trên Đức Phật, nên bạch Phật:

–Thế Tôn! Tràng hoa này từ đâu tới, ai điều khiển?

Đức Phật nói:

–Thiện nam! Cách đây tám vạn ức cõi Phật, về phương Đông có thế giới Ta-bà là cõi có đủ năm thứ uế trược. Đức Phật nơi cõi ấy hiệu Thích-ca Mâu-ni gồm đủ mười tôn hiệu, đang thuyết giảng bốn pháp Chân đế cho đại chúng như ta ở đây. Đức Thích-ca định mở tạng pháp Như Lai nên điều khiển tràng hoa báu để ta biết. Ta muốn tặng Đà-

la-ni Tịnh mục để làm tin. Vì Đà-la-ni này sáng soi, diệt trừ phiền não, giúp thành tựu mười tám pháp Bất cộng.

Đức Phật Trí Tràng bảo Đồng tử Thắng Tràng:

–Ông hãy đến cõi Ta-bà, thay ta hỏi thăm Đức Thích-ca Mâu-ni, thay ta tặng Đà-la-ni Tịnh mục lên Đức Thích-ca.

Vô số Bồ-tát, Thanh văn cõi này liền thưa:

–Hy hữu thay! Thế Tôn! Chúng con cũng muốn đến cõi Ta-bà, lễ kính Đức Thích-ca, nghe pháp chưa từng nghe.

Sau đó Đức Trí Tràng nói chú:

–Mật ha, mật ha, mật ha, mật ha, a bà mật ha, tát đa mật ha, tu bà xá mật ha, na bà mật ha, tu phá bà, a năng già đề tì xoa, xà xà tư la, na la ô nan, khư bà ba la, na la la thiền, tu xoa, sí xa tư la, a bà la tư ma, ma ha xí đề xà na, a na xoa đà, a bà khư già, na do đa văn đà, ta bà la, a nhược già già, tát già thủ lưu, bà kiệt bà xa na, ta ha.

Đức Trí Tràng Bảo:

–Thiện nam! Hãy thọ trì, đọc tụng, biên chép Đà-la-ni này, đến cõi Ta-bà. Sau đó mọi việc diễn ra như trên.

Lúc ấy, tràng hoa báu lại bay đến phương Bắc. Cách cõi Ta-bà chín vạn chín ức cõi Phật, có cõi tên là Vi thường, cũng có đủ năm thứ uế trược. Đức Phật cõi này hiệu là Phát Quang Công Đức,

gồm đủ mười tôn hiệu, đang thuyết pháp bốn Đế cho đại chúng. Các Bồ-tát, Thanh văn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ thấy tràng hoa, quan sát xung quanh thấy tràng hoa trụ trong hư không, bên trên Đức Phật, họ bạch Phật:

–Thế Tôn! Tràng hoa này từ đâu bay đến, ai điều khiển?

Đức Phật nói:

–Thiện nam! Cách đây chín vạn chín ức cõi Phật về phương Nam, có cõi Ta-bà, là thế giới cũng có đủ năm thứ uế trược, Đức Phật cõi ấy hiệu Thích-ca Mâu-ni gồm đủ mười hiệu tôn, cũng đang thuyết pháp bốn Đế như ta. Đức Thích-ca muốn mở tạng pháp Như Lai nên điều khiển tràng hoa này để ta biết. Ta sẽ tặng Đà-la-ni Quang Mục lên Đức Thích-ca. Vì Đà-la-ni này có thể diệt trừ phiền não, giúp thành tựu mười tám pháp Bất cộng,…

Đức Phật Phát Quang Công Đức liền bảo Đồng tử Thắng Ý:

–Thiện nam! Hãy đến cõi Ta-bà thay ta hỏi thăm Đức Thích-ca, tặng Đà-la-ni Quang mục này. Các Bồ-tát, Thanh văn cõi ấy liền thưa:

–Hy hữu thay! Thế Tôn! Chúng con cũng muốn đến cõi Ta-bà để kính lễ Đức Thích-ca và nghe pháp chưa từng nghe cho đến Đức Phật Phát Quang nói chú:

Xà bà ma, xà bà ma, xà bà ma, a câu lư trá, tỳ bà xà bà, ma ha đà ma, khư bà, a la xà, tán bồ đà, nhược khư bà, a la xà bà bà, tam mâu bà la bà bà, tam ma la bà bà, xà bà bà bà bà, xà đề xoa xà bà bà, ma hi xà bà niết bán đà, tì mâu ni già bà bà, na xà na bà bà, già bạc bà bà, du lô đa bà bà, kỳ lãng na bà bà, ngoa bà bà ca xà bà bà chất đa bà bà, tam mâu đà bà bà, đề la na bà bà, sân na tu lưu đề bà bà, ta ha.

Đức Phật bảo:

–Thiện nam! Ông hãy thọ trì, đọc tụng, biên chép Đà-la-ni này, đến cõi Ta-bà. Sau đó mọi việc diễn ra như trên.

Lúc ấy, tràng hoa báu lại bay về phương Đông. Cách đây sáu vạn ngàn ức cõi Phật, có cõi là Bảo đảnh cũng có đủ năm thứ ô trược, Đức Phật nơi cõi này hiệu Bảo Cái Quang Minh Công Đức, gồm đủ mười tôn hiệu, đang giảng thuyết pháp bốn Chân đế. Các Bồ-tát, Thanh văn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ ở đây thấy tràng hoa báu, họ quán sát khắp nơi, thấy tràng hoa trụ trong hư không, bên trên Đức Phật, đại chúng liền thưa Phật:

–Thế Tôn! Tràng hoa này từ đâu tới, ai điều khiển?

Phật nói:

–Cách đây sáu vạn ngàn ức cõi Phật về phương

Tây, có cõi Ta-bà, là cõi cũng có đủ năm thứ ô trược, Đức Phật ở cõi đó hiệu Thích-ca Mâu-ni, gồm đủ mười hiệu tôn, đang thuyết giảng pháp bốn Chân đế như ta. Đức Thích-ca Mâu-ni định mở tạng pháp Như Lai nên điều khiển tràng hoa báu này để ta biết. Ta sẽ tặng Đà-la-ni Thánh mục cho Đức Thích-ca. Vì Đà-la-ni này đủ sức diệt trừ phiền não, giúp thành tựu mười tám pháp Bất cộng…

Đức Bảo Cái bảo Đồng tử Hư Không Thanh:

–Thiện nam! Hãy đến cõi Ta-bà thay ta thăm hỏi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và tặng Đà-la-ni này lên Đức Thế Tôn.

Lúc đó, vô số Bồ-tát, Thanh văn thưa:

–Hy hữu thay! Thế Tôn! Chúng con cũng muốn đến thế giới Ta-bà, kính lễ Đức Thích-ca, nghe học pháp chưa từng nghe.

Đức Bảo Cái liền nói chú:

–A la ma, a la ma, a la ma, xà xà la xà, thủ lộ la xà, già xà thủ, bà la già la, a ni già, a khư sa la, khư già sa xà na, na ô ha, na la tha, na ô ha, ma hê thủ la già ma, a ma ni, a xà sa lợi la, già thu già ma, già thu tán già thu na, na bà, na bà ma xà, a bà khư bà, xa bà na bà khư già thiền đầu, bà la chiến đà la, ma hê thủ la ni na bà, tát bà ma xoa xà, ta ha.

Đức Phật nói:

–Thiện nam! Hãy thọ trì, đọc tụng, biên chép Đà-la-ni này, đến cõi Ta-bà. Sau đó mọi việc diễn ra như trên.

Lúc ấy, bốn đồng tử cùng làm cho cõi Ta-bà bằng phẳng, dâng cúng hương, hoa, bảy báu lên Phật Thích-ca Mâu-ni. Tất cả cõi Trời, cõi A-tu-la đều chấn động. Chư Thiên vui vẻ, dâng cúng hương, hoa, bảy báu lên Phật. Cúng dường Phật xong, bốn đồng tử bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, tay cầm bốn báu, nói kệ tán thán:

Phật là vua pháp thanh tịnh lớn
Vì mọi chúng sinh giảng chánh pháp
Bình đẳng thương yêu chúng như đất
Thương chủ giàu có thương tất cả.
Giảng pháp thanh tịnh cho chúng sinh
Giúp trừ khổ đau và phiền não
Tâm Đức Như Lai tựa hư không
Lời Phật vi diệu, hợp đạo mầu.
Đầy đủ giới cấm và trí tuệ
Diệt trừ phiền não ban cam lồ
Vào cõi xấu ác tuôn mưa pháp
Đốt đuốc trí tuệ xua màn đêm.
Không ai tu tập tám Chánh đạo
Và chưa chứng đạt pháp giải thoát
Như Lai Thế Tôn thương tất cả
Ban cho mắt pháp để chúng biết.
Đưa mọi chúng sinh qua sinh tử

Đầy đủ bảy tài cho muôn loài
Giúp chúng chán sợ biển sinh tử
Tu tập ba bảy phẩm trợ đạo.
Nay Phật thị hiện tạng pháp lớn
Nên được tôn là Đấng Vô Thượng
Chúng sinh bốn phương đều tập hợp
Ngưỡng mong thương xót xoay xe pháp.

Nghe thế, đại chúng vui mừng tự nghĩ: Vô số chúng sinh ấy từ đâu tới, đầy đủ oai nghi thanh tịnh trí đức như thế, chúng ta chưa từng thấy bậc đại tiên đủ năm thông vi diệu như vậy.

Bấy giờ, Đức Thích-ca bảo Tỳ-kheo Kiều-trần-như:

–Thiện nam! Vô số Bồ-tát ở bốn phương tập hợp về đây là để nghe pháp. Hãy làm thanh tịnh tâm ý.

Đức Thích-ca lại dùng âm thanh vi diệu bảo bốn đồng tử:

–Các thiện nam từ đâu đến, hãy đến đây. Bốn đồng tử liền lạy sát chân Phật, đi quanh Phật.

Đồng tử Kim Cang Sơn thưa:

–Thế Tôn! Cách đây chín vạn hai ngàn ức cõi Phật về phương Nam, có thế giới tên Kim cang quang tạng, là cõi có đủ năm thứ uế trược. Đức Phật nơi thế giới ấy hiệu Kim Cang Quang Minh Công Đức gồm đủ mười tôn hiệu, đang thuyết giảng pháp bốn Đế cho đại chúng. Đức Kim Cang

Quang Minh khuyên con đến đây thăm hỏi Thế Tôn và để con được nghe pháp Hư không mục.

Thế Tôn! Đức Kim Cang Quang Minh ân cần thăm hỏi Thế Tôn và nhờ con dâng tặng Đà-la-ni này, vì Đà-la-ni ấy đủ sức diệt trừ phiền não, giúp đạt mười tám pháp Bất cộng.

Sau đó đồng tử nói lại Đà-la-ni. Cả bốn đồng tử đều làm như vậy. Do đó, cõi nước đều chấn động sáu cách, tất cả rồng chúa đều nghĩ: "Chúng ta cũng nên đến chỗ Đức Thích-ca."

Thế là hai rồng chúa Ngưu Hộ, Bảo Hộ cùng sáu vạn rồng của phương Đông liền đến cõi Ta-bà; hai rồng chúa Vi Nguyệt, Bà-tu và bảy vạn rồng của phương Nam cũng đi đến chỗ Phật.

Đến nơi chúng lạy Phật, cung kính thưa:

–Thế Tôn! Chúng con có thể thọ trì, đọc tụng, biên chép Đà-la-ni này, chúng con sẽ bảo hộ người ấy.

Rồng ở phương Tây, phương Bắc cũng làm như vậy. Tất cả đều đến chỗ Phật, lạy Phật. Bấy giờ, ở nước Quy Tư có rồng chúa tên Hải Đức, vốn là em của rồng chúa A-na-bà-đạt-đa. Rồng chúa này dắt theo chín vạn rồng cùng đến chỗ Phật. Rồng chúa Lạc Tạng Bảo cũng là em của rồng chúa A-na-bà-đạt-đa cùng một vạn tám ngàn rồng ở nước Vu Điền; rồng chúa Sơn Đức, (em của A-na-bà-đạt-đa) cùng hai vạn rồng ở nước Ba-la-

việt; rồng chúa Bảo Tạng cùng bốn vạn tám ngàn rồng ở nước Sư Tử; rồng chúa Trường Phát cùng bốn vạn hai ngàn rồng ở nước Tỳ-trà; rồng chúa Bà-tu-cát cùng tám ngàn rồng núi ở Niệm mật xa; rồng chúa A-bát-la cùng hai vạn năm ngàn rồng ở nước Ô trường; rồng chúa Y-la-bát-đa cùng ba vạn rồng nước ở Càn-đà-la; rồng chúa Tam Giác cùng một vạn tám ngàn rồng nước Chân Đan; rồng chúa Nan-đà, Ưu-bà-nan-đà cùng vô số rồng đều cùng đến chỗ Phật, lễ Phật, thưa:

–Thế Tôn! Chúng con đều đủ khả năng thọ trì, đọc tụng, biên chép Đà-la-ni ấy, không quên sót một chữ.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Các ngươi thật có thể bảo hộ chánh pháp.

Đức Phật lại bảo Thiên nữ Chánh Ngữ:

-Thiên nữ! Con có bảo hộ được chánh pháp của ta không?

-Thế Tôn! Dù Như Lai ở đời hay diệt độ con vẫn nguyện bảo hộ nơi nào có chú này truyền bá. Người thọ trì chú này cầu gì con đều ban cho. Ai muốn thấy thân con con sẽ thị hiện. Thế Tôn! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ muốn thấy con cần phải làm thanh tịnh giới cấm, tắm rửa sạch sẽ một ngày ba lần, không ăn trong ba ngày, ở nơi an tịnh, hoặc bên tượng Phật, hoặc trong tháp,

cúng dường các thứ hương, hoa, phướn lọng lên Phật, xoay mặt về hướng đông, thọ trì Đà-la-ni này:

–Bà trá trí, bà trá trí, hưu lâu hưu lâu, đồn đậu lâu, đồn đậu lâu, khư trá, khư trá tỳ, sa ha.

Người nào trì tụng chú này cầu gì được nấy. Nếu không đến bảo hộ tức là con khi dối chư Phật mười phương, không thể thành tựu đạo Bồ-đề vô thượng.

Đức Phật lại bảo các vua A-tu-la, La-hầu, Tỳ-ma-chất-đa, Tỳ-lâu-già-na:

–Ta phó chúc Đà-la-ni Tịnh mục này cho các ông. Vì sao? Vì các ông đủ sức mạnh, có thể làm cho chúng sinh không tin Tam bảo phát khởi lòng tin.

Các A-tu-la vương thưa:

–Hy hữu thay! Thế Tôn! Chúng con sẽ hộ trì. Thế Tôn ở đời hay diệt độ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết Đà-la-ni này, chúng con sẽ ban cho tám thứ: Mạnh mẽ, thích nghe học pháp, tâm không sợ, sáng suốt, toại nguyện, giải thoát, đủ biện tài, tăng trưởng pháp lành. Thế Tôn! Cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc A-tu-la não hại những người ấy, chúng con sẽ trị tội. Nếu chúng con không bảo hộ pháp Phật ở cõi này là khi dối với chư Phật mười phương.

Đức Phật quán sát bốn chúng xong, bảo Tỳ-kheo Kiều-trần-như:

-Thiện nam! Tất cả đại chúng đều rất thích nghe pháp, vô lượng chúng sinh ở các cõi đều tập hợp về đây để nghe pháp, đều muốn biết phương tiện hành pháp, thành tựu trí lớn, trừ hết tham dục, phiền não, thật biết phương tiện hành pháp.

Tôn giả Kiều-trần-như thưa:

–Hy hữu thay! Thế Tôn! Giáo pháp chân thật của Phật! Vô lượng Bồ-tát ở bốn phương đều vâng lời Phật đến đây để thọ học pháp Hư không mục. Nay đã hợp thời, xin Như Lai thương xót, giảng thuyết cho chúng sinh. Thế Tôn! Thế nào là hành pháp, là Tỳ-kheo hành pháp? Xin Thế Tôn giảng rõ.

Phật nói:

–Kiều-trần-như! Hãy lắng nghe! Ta sẽ giảng nói. Tỳ-kheo nào đọc tụng, chưa phải là hành pháp; Tỳ-kheo nào đọc mười hai bộ kinh, diễn giảng, tư duy về nghĩa lý, được gọi là tư duy, không phải là hành pháp; Tỳ-kheo đọc tụng mười hai bộ kinh, diễn giảng, tư duy, quán sát nghĩa lý, được gọi là thích quán sát, chưa phải là hành pháp. Kiều-trần-như! Tỳ-kheo quán thân tâm, tâm không tham chấp các tướng bên ngoài, khiêm nhường, không cao ngạo, không tưới nước ái vào ruộng nghiệp, không gieo hạt giống thức, diệt giác quán, không phân biệt tâm, cảnh, đoạn hẳn phiền

não, tâm tịch tĩnh. Đó là Tỳ-kheo hành pháp. Tỳ-kheo này muốn đạt quả Thanh văn, Duyên giác, Phật đều được toại ý. Kiều-trần-như! Như thợ gốm, nặn đất, đặt lên khuôn, thích tạo vật gì thì nặn vật ấy. Tỳ-kheo hành pháp cũng thế. Kiều-trần-như! Tỳ-kheo hành pháp cần quán ba việc: Thân, thọ, tâm. Nhờ quán ba việc nên đạt hai Trí tận trí và Vô sinh trí. Kiều-trần-như! Thế nào là Tận trí, Vô sinh trí? Biết hết phiền não là Tận trí, biết hết các chi tạo ra sinh tử là Vô sinh trí; hạnh trí không hành Tận trí, quả trí không hành là Vô sinh trí; đoạn hết kết sử là Tận trí; diệt phiền não sinh là Vô sinh trí; không giác quán phiền não là Tận trí; không giác quán quả báo là Vô sinh trí; hết ba địa là Tận trí, hết lậu hoặc là Vô sinh trí; hết sinh tử, phạm hạnh thanh tịnh là Tận trí; không thọ thân sau là Vô sinh trí. Hai trí này là một trí, một hạnh biết rõ ba đường. Tỳ-kheo đoạn ba đường là hành pháp. Đó là quán tâm. Thế nào là quán thân? Tỳ-kheo quán hơi thở ra vào là quán thân, thọ, tâm. Thế nào là quán hơi thở ra vào? Hơi thở ra vào được gọi là A-na-bà-na. Hơi thở vào là A-na, hơi thở ra là Bà-na. Quán hơi thở ra vào như thế là quán, là hành pháp. Tỳ-kheo quán đếm hơi thở, biết hơi thở dài, ngắn, lạnh, nóng, lan tỏa khắp thân, buộc tâm ở đầu mũi quán sự mới phát, phân biệt các tướng quán sự sinh diệt, cầu Xa-ma-tha nhập định, quán sát sự thô tế của hơi thở, quán

thân bên trong, việc làm của thân, sức tưởng tượng của thân, đó là Tỳ-kheo hành pháp. Kiều-trần-như! Khi hành pháp đếm hơi thở, Tỳ-kheo thành tựu hai việc: Trừ giác quán ác, quán đoạn các tướng; tùy thời tu tập cũng đạt hai việc: Phân biệt ra vào, quán tâm đếm tướng; quán thân đạt hai việc: Thân nhẹ nhàng, tâm nhẹ nhàng; quán sinh diệt đạt hai việc: Biết các pháp đều là tướng vô thường, biết các pháp là tướng khổ. Tỳ-kheo hành pháp niệm hơi thở ra vào, buộc tâm một nơi. Thế nào là đếm số giảm? Hai số là một, ba số là một… mười số là chín. Thế nào là đếm số tăng? Một số là hai, chín số là mười. Thế nào là tu đếm số? Trừ tất cả giác quán, đạt thiền thứ nhất, quán hơi thở ra vào và các tướng tâm. Thiền thứ nhất có năm chi: Giác, quán, vui khi đã đoạn sinh, thọ vui, định. Đủ năm chi ấy thì đoạn tham, sân, si. Tỳ-kheo trọn vẹn năm chi này được gọi là hành pháp. Trừ năm việc, thành tựu năm việc, tu tập phạm hạnh thành tựu công đức lớn. Kiều-trần-như! Tỳ-kheo đạt thiền thứ hai được gọi là hành pháp. Tỳ-kheo quán hơi thở ra vào, buộc tâm một nơi, bỏ vui mừng, đạt thiền thứ ba không mừng, không vui. Vì sao? Vì chuyên tâm buộc niệm, quán hơi thở, không vui mừng, đạt thiền thứ tư. Tỳ-kheo quán hơi thở, quán năm ấm, được gọi là hành pháp. Tỳ-kheo thấy sự sinh diệt của các pháp, của phiền não, được gọi là thành tựu pháp nhẫn. Tỳ-

kheo quán mắt rỗng lặng, ý thức rỗng lặng, được gọi là không nhẫn. Tỳ-kheo thấy mắt không tướng, được gọi là nhẫn vô tướng. Tỳ-kheo biết mắt, ý thức đều không nguyện, được gọi là nhẫn vô nguyện. Tỳ-kheo quán khổ, vui, không khổ, không vui sai khác được gọi là nhẫn trung đế; không chấp trước các pháp nhẫn, căn, lực, giác quán, Niết-bàn được gọi là tín nhẫn, là tín, không gọi là tín căn; giữ thân tâm không tạo ác là tấn, không phải là tấn căn; chuyên niệm các pháp là niệm, không phải là niệm căn; chuyên tâm vào một duyên là định, không phải là định căn; không quán các tướng như thế là tuệ, không phải là tuệ căn. Quán không căn là hành pháp. Kiều-trần-như! Tỳ-kheo quán pháp đỉnh, thế đệ nhất, Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô thường, khổ, không là hành pháp. Đó là Tam-muội không. Tam-muội đó duyên không thọ mạng, không tự tại; Tam-muội Vô tướng duyên diệt tận, hoại, chán lìa; Tam-muội Vô nguyện duyên cam lồ, không phải hành cam lồ, có hạnh cam lồ không duyên cam lồ. Kiều-trần-như! Tỳ-kheo duyên tuệ diệt, trang nghiêm Tam-muội Vô nguyện là duyên cam lồ không phải hành cam lồ. Tỳ-kheo duyên tuệ diệt, đạt giải thoát là hành cam lồ không phải duyên cam lồ. Tam-muội Không, vô tướng cũng thế. Kiều-trần-như! Tỳ-kheo quán như thế là hành pháp. Kiều-trần-như! Tỳ-kheo quán thọ, tâm là hành pháp. Vì sao? Vì

trừ hai mươi loại chấp ngã. Kiều-trần-như! Chấp đoạn, chấp ngã đều có năm. Đoạn sắc đoạn thức là năm loại chấp đoạn, ngã sắc ngã thức là năm loại chấp ngã. Kiều-trần-như! Từ năm chấp đoạn phân tích thành bốn mươi bốn loại. Mười sáu loại là tưởng, tám loại không tưởng, tám loại là phi tưởng, phi phi tưởng, sáu loại là chủng chủng tưởng, sáu loại là đoạn. Chấp ngã phân tích thành mười tám loại. Bốn định là ngã, bốn loại là biên kiến; bốn loại là dị sự, sáu loại là không cầu. Đó là sáu mươi hai kiến chấp. Từ hai mươi chấp ngã dẫn sinh bốn trăm lẻ bốn phiền não. Lìa các phiền não đó, quán thân tâm là hành pháp. Kiều-trần-như! Thế nào là pháp tám nhân, là quyết định? Kiều-trần-như! Người chấp đoạn là nhất niệm đoạn, người chấp thường là tám nhẫn đoạn. Hai hạng người này đều đạt quyết định. Kiều-trần-như! Tỳ-kheo thành tựu pháp đếm hơi thở, đạt năm căn tín tuệ; thành tựu pháp bậc nhất của thế gian; trừ tâm nghi; chân thật tu tập hạnh Phật. Tỳ-kheo thành tựu trí biết khổ đoạn được mười phiền não; tu pháp quán tâm vô lậu thứ nhất; tuần tự quán Tam-muội Vô nguyện; tu ba mươi bảy phẩm Trợ đạo; đạt trí định vô lậu, trí pháp khổ, pháp nhẫn khổ, pháp trí tập, pháp nhẫn tập; quán năm ấm cõi Sắc, bốn ấm cõi Vô sắc, khổ của cõi Dục, Sắc, Vô sắc; đoạn mười tám loại phiền não của cõi Sắc, Vô sắc; tư duy về nguồn gốc các khổ và người

tạo khổ; biết khổ có từ ái, nếu không trừ gốc ái thì sẽ tạo khổ. Nhờ quán tập đoạn được bảy loại phiền não. Quán tập của cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Nhờ quán như thế đạt tỉ nhẫn, tỉ trí, đoạn mười hai phiền não. Kiều-trần-như! Đủ tám nhẫn là thấy pháp. Sau khi đoạn tập ba cõi, quán nhân duyên để đoạn tập khổ, được vui. Pháp vui chính là diệt đế. Tỳ-kheo quán diệt đế cõi Dục, đạt nhẫn diệt pháp, đoạn bảy loại phiền não. Sau đó quán diệt đế của cõi Sắc, vô sắc, đạt nhẫn diệt tỷ, đoạn mười hai loại phiền não. Lại quán nhân đạt nhẫn diệt tỷ là tám Chánh đạo. Nhờ tám Chánh đạo biết được khổ, tập, diệt đế của cõi Dục, Sắc, Vô sắc, đạt đạo tỷ nhẫn, đoạn mười bốn loại phiền não. Nhờ tu tập nên đoạn tám mươi tám loại phiền não. Như thế là đạt quả Tu-đà-hoàn, đạt mười sáu tâm, nhất định đạt Bồ-đề, còn bảy lần vào cõi Dục để đoạn trừ tất cả khổ. Kiều-trần-như! Có người quyết định từ tín, có người quyết định từ pháp, có người một đời đạt quả Tu-đà-hoàn A-la-hán, có người nhập tín căn đến tuệ căn, người tu định, người tu tuệ, người đạt Thiền thứ nhất, Thiền thứ tư, nhập quán quyết định, quán tất cả hành là vô thường, sinh diệt liên tục, xả bỏ phàm phu; người quán tất cả hành là vô thường, khổ, không, bất tịnh, không tự tại, không vắng lặng, do duyên sinh, do duyên diệt. Nhờ quán như thế đạt diệt đế tịch tĩnh. Đó là Tỳ-kheo tu hành đúng pháp. Kiều-trần-như! Như Lai biết rõ căn

tánh lợi, độn của chúng sinh, tánh của phiền não, nên tùy thuận chúng sinh để giảng pháp, tùy phiền não mà chỉ cách đối trị. Vì thế Như Lai được tôn xưng là bậc đủ trí Nhất thiết.

Kiều-trần-như! Sau khi Như Lai nhập diệt, các đệ tử thọ trì mười hai bộ kinh, đọc tụng, biên chép, hiểu nghĩa sai lệch, giảng thuyết điên đảo. Vì thế che giấu tạng pháp, nên gọi là Đàm-ma-uất-đa. Kiều-trần-như! Sau khi Như Lai nhập diệt, các đệ tử thọ trì mười hai bộ kinh, đọc tụng, biên chép, mà lại đọc tụng, nêu giảng giáo điển ngoại đạo, thọ học suốt ba đời, do có nội ngoại nên đánh bại ngoại đạo, hiểu rõ nghĩa lý, giảng thuyết tất cả tánh, thọ giới cấm, đối đáp tất cả các vấn nạn được gọi là người đủ trí Nhất thiết. Kiều-trần-như! Sau khi Như Lai Niết-bàn, các đệ tử thọ trì, đọc tụng, biên chép mười hai bộ kinh, giảng rõ không có ngã và thọ, nêu phiền não như xác chết, được gọi là bộ Ca-diếp-tỳ. Kiều-trần-như! Sau khi Như Lai Niết-bàn, các đệ tử thọ trì, đọc tụng, biên chép mười hai bộ kinh, không chấp các tướng đất, nước, gió, lửa, thức, không, được gọi là bộ Di-sa-tắc. Kiều-trần-như! Sau khi Như Lai Niết-bàn, các đệ tử thọ trì, đọc tụng, biên chép mười hai bộ kinh, lại giảng có ngã, không nêu về tướng rỗng lặng như đứa bé, được gọi là Bà-ta-phú-la. Kiều-trần-như! Sau khi Như Lai Niết-bàn, các đệ tử thọ trì, đọc tụng, biên chép mười hai bộ kinh, lại học hiểu năm bộ kinh,

được gọi là Ma-ha Tăng-kỳ.

Thiện nam! Năm bộ kinh ấy tuy khác biệt nhưng không trở ngại việc vào cảnh giới pháp Phật và đại Niết-bàn.

Thế nào là hành tùy nơi tín? Đủ tín căn là tin Tam bảo, từ tín căn vào quyết định đạt các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, vượt cõi Sắc, Vô sắc, đạt quả A-la-hán. Từ tin nên hiểu, được gọi là tín giải thoát, là nhất phần là thân chứng, là tuệ giải thoát, là tùy tín hành. Kiều-trần-như! Thế nào là hành theo pháp? Từ pháp vào quyết định, đủ tuệ căn, đạt các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, vượt cõi Sắc, Vô sắc, đạt quả A-la-hán, được gọi là đạt hai phần giải thoát, là thân chứng tuệ giải thoát; tâm đạt giải thoát, đạt định diệt tận, được gọi là hai phần giải thoát, vô học giải thoát, là hành đúng pháp, là thành tựu thân thân quán, Tỳ-bà-xá-na, Xa-ma-tha. Thế nào là Xa-ma-tha? Xa-ma-tha là diệt, diệt trừ các tâm tham, sân, loạn. Thế nào là tướng Xa-ma-tha? Là diệt các tướng tham, sân, si. Thế nào là tu Xa-ma-tha nhập quyết định? Tùy thuận tu tập hạnh Xa-ma-tha, tôn trọng, ngợi khen, trang nghiêm phương tiện Xa-ma-tha. Tỳ-kheo tư duy kỹ về tâm tham, quán bất tịnh để trừ; dùng tâm Từ để đoạn tâm sân, quán nhân mười hai nhân duyên để trừ ngu si. Đó là tướng Xa-ma-tha. Thế nào là Tỳ-bà-xá-na? Tu trí tuệ của Phật, quán biết sự sinh diệt liên tục của năm ấm;

hoặc quán các pháp đều như tánh pháp, biết rõ về tánh thật, tướng thật là Tỳ-bà-xá-na. Thế nào là tướng Tỳ-bà-xá-na? Thành tựu trọn vẹn tâm niệm, quán tất cả hành sinh diệt theo duyên, không tự tại, không tạo tác, không thọ nhận là tướng Tỳ-bà-xá-na. Thế nào là từ Tỳ-bà-xá-na nhập quyết định? Chuyên tâm niệm Tỳ-bà-xá-na, cung kính, tôn trọng, trang nghiêm đạo. Thế nào là nhiếp tâm bằng pháp sinh không phải bằng pháp diệt? Tỳ-kheo quán tâm, hành đều do duyên diệt. Thế nào là nhiếp tâm không bằng pháp sinh diệt? Tỳ-kheo quán tánh của tâm, mắt thức. Thế nào là nhiếp tâm bằng duyên không phải bằng tư duy? Tỳ-kheo quán hơi thở ra, không quán hơi thở vào. Thế nào là nhiếp tâm không bằng tư duy và duyên? Tỳ-kheo quán tánh của tâm, mắt, thức. Kiều-trần-như! Tỳ-kheo thâu giữ tâm sẽ thành tựu tám mươi môn Tam-muội và tu ba môn giải thoát. Tỳ-kheo quán thân quá khứ, tu hạnh trang nghiêm, quán thân thấy thân là tu giải thoát vô nguyện. Tỳ-kheo quán thân quá khứ nhưng chỉ thấy tâm, không thấy thân, tu hạnh trang nghiêm, quán thân thấy thân là tu giải thoát vô tướng. Tỳ-kheo quán thân quá khứ, không thấy tạo tác và người tạo tác, người tạo tác không thân, thân không có người tạo tác, tu đạo trang nghiêm quán thân thấy thân là tu giải thoát "không". Quán thọ, tâm, pháp cũng như vậy. Kiều-trần-như! Từ ba giải thoát tu quán trang

nghiêm, quán tất cả hành không sinh không diệt, không có sinh ắt không có diệt, diệt không đi về đâu, không có sự đến đi. Đó là trang nghiêm giải thoát vô nguyện. Lại quán các hành ở đời vị lai chưa sinh. Nếu chưa sinh thì không có diệt, đó là trang nghiêm giải thoát vô nguyện. Không đạt sự diệt tận rốt ráo. Nếu đạt được thì không sinh diệt, không sinh diệt là diệt tận rốt ráo. Nếu diệt tận rốt ráo thì chính là nhân duyên không. Quán sự diệt tận rốt ráo là trang nghiêm giải thoát không. Nếu quán các hành là sự diệt tận rốt ráo thì không có sinh diệt. Nếu không sinh diệt thì không có "không". Vì sao? trước có, sau không là "không". Nếu vốn là không thì không có cái sau không. Nếu không có cái sau không thì làm sao gọi là "không". Không hành tức là không tạo tác; diệt tận rốt ráo thì không phải là vô vi, hữu vi. "không" không phải là hành cũng không phải là vô hành. Vì thế sự diệt tận rốt ráo không thuộc hữu vi, vô vi. Đó là trang nghiêm giải thoát vô tướng. Nếu tất cả hành đều diệt tận rốt ráo thì chính là Niết-bàn, không phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì thế sự diệt tận không phải hành quá khứ, vị lai, chính là Niết-bàn. Các vị Tu-đà-hoàn A-la-hán thấy Niết-bàn này. Thế nào là khổ đế? Quán tất cả hành, không thấy đế thứ nhất, quán tất cả nhân không thấy đế thứ hai, quán tất cả diệt không thấy đế thứ ba, quán tất cả đạo không thấy đế thứ bốn. Thế nào là sinh?

Vốn không, sau lại có là sinh. Thế nào là diệt? Có rồi lại không là diệt. Không sinh diệt là tận. Vì sao? Vì không có sinh diệt được gọi là đạo. Đạo có sáu hạnh: Tu; không phải tu; hành, không phải hành; biết, không phải biết. Tỳ-kheo thấy các pháp sinh diệt như thế sẽ chán ghét tất cả hành, thấy các hành là vô thường. Thế nào là tướng vô thường không phải là pháp vô thường? Có tướng lẫn với hành tướng vô lậu, có tướng lẫn với hành giải thoát vô nguyện, có tướng không, khổ, bất tịnh, vô ngã. Thế nào là pháp vô thường không phải tướng vô thường? Tất cả các tướng sắc pháp của ba cõi là tướng ngược, xả, không phải là tướng vô thường. Thế nào là tướng vô thường và pháp vô thường? Tất cả chúng sinh chưa đạt giải thoát, từ đạo thế tục nhập Tam-muội, tùy thuận pháp tướng nhẫn. Thế nào là không phải tướng vô thường và không phải pháp vô thường? Đó là các tướng tịch tĩnh, thường, giải thoát, thanh tịnh. Thế nào là đạt đế thứ nhất? Quán sáu căn, năm ấm đều như ảnh trong gương. Thế nào là chuyên tâm quán bốn Đế? Quán các hành là nhân khổ? Nhân khổ ấy có thể thấy, diệt trừ, xa lìa. Như thế là tâm duyên vô lậu, lìa tâm hữu lậu, đạt giải thoát. Tỳ-kheo quán tâm tâm là tu giải thoát vô nguyện. Sau đó quán mười hai pháp: nghiệp, hành, khổ, không, hoại, không tự tại, quá khứ, hiện tại, vị lai, nhân duyên, không tạo tác, không thọ nhận là thấy tâm tâm, là tu giải

thoát vô nguyện. Tỳ-kheo quán sát tâm này không có sự sinh khởi, ra vào, không có việc xa lìa, là thấy tâm tâm, đạt giải thoát không. Quán không có tâm nhập định, đoạn trừ tất cả phiền não. Vì không nhân duyên nên phiền não không sinh, đó là thấy tâm, đạt giải thoát vô tướng. Quán như vậy sẽ đoạn tâm hữu lậu, đạt giải thoát vô lậu. Kiều-trần-như! Thí như cung điện có bốn tầng, nếu bảo không đến tầng một mà có thể đến ngay tầng bốn thì không được. Lên tầng một không thể nói là đã lên đến tầng bốn. Bốn tầng ấy cũng không thể gọi là một. Kiều-trần-như! Nếu bốn Đế là một đế thì có thể từ một tâm chứng đạt được. Kiều-trần-như! Lúc quán đã khác, khi đạt cũng khác. Lúc quán khác: Nhân quả đều hoại; lúc đạt khác: Trí khổ, trí tập, trí diệt, trí đạo. Tỳ-kheo quán các hành vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, không dừng là duyên của lậu hoặc kết sử, là tất cả nghiệp, là trói buộc. Vì thế không cầu các hành, các ấm, chán lìa các hành, thích Niết-bàn, chí tâm tư duy công đức của Niết-bàn, thích sự vắng lặng, không tiếc thân mạng, tu Xa-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na. Đó là Tỳ-kheo hành pháp. Kiều-trần-như! Thế nào là Tỳ-kheo từ tâm thấy tâm? Tỳ-kheo quán sát tâm, biết tâm vô thường, là pháp sinh diệt, tu Tam-muội không. Thế nào là không? Ấm, nhập, giới đều không; đế, thật, mười hai duyên, tánh đều không. Thế nào là ấm không? Sắc không, không ngã và sở hữu của

ngã thức không, không có ngã và sở hữu của ngã. Nhập, giới không cũng như vậy. Thế nào là đế không? Khổ đế không lấy bỏ đạo đế cũng thế. Thế nào là thật không? Trong tất cả các pháp không có giác quán, ngã và sở hữu của ngã. Thế nào là mười hai nhân duyên, không mười hai nhân duyên là mười hai chi hữu, quán mười hai chi đó không có ngã và sở hữu của ngã. Thế nào là tánh không? Tỳ-kheo quán mắt là không, không có ngã và sở hữu của ngã ý không cũng thế. Đó là Tỳ-kheo hành pháp, quán biết tâm tâm, không thấy chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu biết tánh của pháp, hiểu đúng về thế tục đế, vượt sinh tử, biết rõ khổ, tập, diệt, đạo, đoạn hết phiền não.

Kiều-trần-như! Tỳ-kheo hành pháp, biết các pháp sinh diệt theo duyên, đạt ba giải thoát, biết tướng chân thật của sắc là tướng ngại. Biết các tướng thọ, giác tưởng, hành hành, thức biết là thật biết tướng của tất cả các pháp. Quán như thế sẽ đạt giải thoát không; thấy tất cả các pháp không người tạo, nhận, thọ mạng, tự tại, các pháp là vô thường, khổ, vô ngã… là đạt giải thoát vô nguyện.

Kiều-trần-như! Tỳ-kheo hành đúng pháp sẽ đạt thần thông, không có giác quán ác, miệng không có bốn lỗi, không tranh chấp, không nghe lời ác, trừ năm cái, tăng năm căn lành, đạt thiền thứ nhất. Sau đó đạt thần thông của thân, buộc tâm nơi đầu mũi, quán hơi thở ra vào, thấy rõ sự ra vào của hơi

thở từ chín vạn chín ngàn lỗ chân lông, biết thân rỗng lặng, bốn đại đều thế, trừ tướng sắc, đạt thần thông cho đến thiền thứ bốn cũng đều như thế. Thế nào là Tỳ-kheo hành pháp đạt thần thông của mắt?

Kiều-trần-như! Tỳ-kheo quán hơi thở ra vào, thấy rõ về sắc, tự nghĩ: Như các sắc trong ba đời ta đã thấy, hễ muốn thấy là sẽ thấy. Kể cả thiền thứ bốn cũng thế. Thế nào là Tỳ-kheo hành pháp đạt Thiên nhĩ thông?

Kiều-trần-như! Khi Tỳ-kheo đạt thiền thứ nhất quán hơi thở ra vào, tuần tự quán sát tiếng. Kể cả thiền thứ tư cũng vậy. Thế nào là Tỳ-kheo hành pháp đạt tha tâm trí? Tỳ-kheo quán hơi thở ra vào, đạt thiền thứ nhất, tu Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Kể cả thiền thứ tư cũng thế. Thế nào là Tỳ-kheo hành pháp đạt Túc mạng trí?

Kiều-trần-như! Tỳ-kheo quán hơi thở ra vào, đạt thiền thứ nhất và Thiên nhãn thông, quán Ca-la-la và sự sinh diệt của năm ấm trong vô lượng kiếp. Kể cả thiền thứ bốn cũng thế, pháp gọi là Thiền chính là tật, (nhanh chóng) đại tật, trụ đại trụ, tịnh, tịch tĩnh, quán diệt, đoạn. Thiền thứ nhất là đầy đủ, xa lìa. Thế nào là đầy đủ xa lìa? Xa lìa tức là xa lìa năm cái. Đầy đủ là trọn năm chi: Giác, quán, hỷ, an, định. Thế nào là giác? Giác, đại giác, tư duy, đại tư duy, quán tâm tánh là giác. Thế nào là quán? Quán tâm hành, đại hành, biến hành. Thế nào là hỷ? Thật trí, đại trí, tâm động,

chí tâm. Thế nào là an? Thân an, tâm an, thọ an, thích thú. Thế nào là định? Tâm trụ, đại trụ, bất loạn, hiểu đúng về duyên, không điên đảo. Thiền thứ hai cũng lìa năm cái, đủ ba chi: Hỷ, an, định. Nhập thiền thứ ba trừ năm cái, đủ năm chi: Niệm, xả, tuệ, an, định. Nhập thiền thứ bốn trừ năm cái đủ bốn chi: Niệm, xả, không khổ không vui, định.

Kiều-trần-như! Tỳ-kheo quán đủ bốn Thiền là Tỳ-kheo hành pháp.

Kiều-trần-như! Tỳ-kheo quán thân chán ghét thân; không chấp tướng thân và sự tiếp xúc vui thích; phân biệt sắc ấm, quán vô lượng không xứ là Tỳ-kheo hành pháp nhập định không xứ. Đó là Tỳ-kheo hành đúng pháp.

Kiều-trần-như! Thế nào là Tỳ-kheo đạt định thức xứ? Tỳ-kheo tu Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na; quán tâm ý thức; biết thân này không có thọ; biết ba thọ đoạn ba thọ. Đó là đạt định thức xứ, là hành đúng pháp.

Kiều-trần-như! Thế nào là Tỳ-kheo đạt định thiểu thức xứ? Tỳ-kheo quán ba đời rỗng lặng, biết tất cả hành sinh diệt, không thức xứ cũng vừa sinh vừa diệt. Tỳ-kheo tuần tự quán thức, biết thức đang quán không phải là thức cũng không phải là phi thức. Không phải là thức chính là tịch tĩnh. Tỳ-kheo tìm hiểu cách để đoạn thức này, đạt thiểu thức xứ.

Kiều-trần-như! Thế nào là Tỳ-kheo đạt định

phi tưởng, phi phi tưởng xứ?

Kiều-trần-như! Tỳ-kheo có tưởng phi tâm, tự nghĩ tưởng này là khổ là lậu hoặc, là ung nhọt, không tịch tĩnh. Nếu đoạn được phi tưởng, phi phi tưởng là đạt tịch tĩnh. Tỳ-kheo đoạn được phi tưởng, phi phi tưởng là đạt giải thoát vô tướng. Vì sao? Tỳ-kheo hành pháp tư duy về các tưởng thọ, thức, không, thức, phi tưởng, phi phi tưởng đều là tưởng thô. Nếu tự tu tập Tam-muội vô tướng sẽ đoạn các tưởng ấy, thấy phi tưởng, phi phi tưởng là không tham ái, trừ vô minh, đạt quả A-la-hán. Với ba định trước hai đạo đều đoạn, ở định thứ tư thì không thể đoạn bằng đạo thế tục. Phàm phu tuy không có phiền não thô trong phi tưởng, phi phi tưởng xứ nhưng vẫn còn mười pháp: Thọ, tưởng, hành, thức, xúc, tư duy, dục, giải, niệm, định, tuệ. Thế nào là thọ? Là thức thọ. Thế nào là tưởng. Chính là thức tưởng. Thế nào là hành? Chính là pháp hành; xúc là ý xúc; tư là tư duy pháp. Dục: Muốn nhập định, xuất định. Giải: Hiểu pháp. Niệm: Niệm Tam-muội. Định: tâm an trụ đúng pháp. Tuệ: Tuệ căn, tuệ lực, quán hướng bốn quả, đạt quả A-la-hán, quán sự sinh diệt và Tam-muội không, quán bốn đại là bốn rắn độc. Không xứ thứ bốn đầy đủ mười pháp này vì không có phiền não thô nên phàm phu gọi đó là Niết-bàn.

Kiều-trần-như! Tỳ-kheo tu tập đạo Thánh, chán bỏ bốn Thiền và bốn Không xứ, quán đạo

trang nghiêm diệt định, tự tư duy: Hơi thở ra vào là vô thường. Nếu ta không chấp hơi thở ra vào là đạt an lạc. Vì vậy tất cả các hành đều là diệt, thọ diệt, tuệ diệt, giác quán diệt, ấm nhập giới diệt, tham, sân, si diệt, tâm pháp diệt, không phải tâm pháp cũng diệt. Đó là pháp khác pháp phàm phu, không phải pháp thế tục, là pháp vô học.

Kiều-trần-như! Nếu Tu-đà-hoàn, A-na-hàm không đạt diệt định như thế thì không thể tuần tự đạt các quả Tu-đà-hoàn, sau khi bỏ thân cũng không thể đạt quả A-la-hán. Người đầy đủ tám Giải thoát mới có thể chứng đạt.

Kiều-trần-như! Dù trải qua vô số kiếp thuyết giảng Như Lai vẫn không thể nói hết về Đà-la-ni Pháp mục này. Đó là trí pháp vô ngại.

Kiều-trần-như! Người có thể dùng lông thỏ để đếm biết số giọt nước trong biển nhưng không thể biết được công đức của Đà-la-ni Pháp mục này. Ngoài Như Lai, không ai có thể biết hết. Kể cả việc biết số bụi của cõi Ta-bà cũng thế.

Lúc ấy, Đức Phật bảo Đồng tử Kim Cang Sơn:

–Thiện nam! Đà-la-ni của ông mang đến và Đà-la-ni mà Như Lai giảng có khác không?

–Không, thưa Thế Tôn!

–Thiện nam! Nếu đã không khác thì lời Như Lai là lời thật.

Thiện nam! Người nào thọ trì, đọc tụng, biên

chép, giảng thuyết pháp này sẽ được các hàng Trời, Rồng, Thần, A-tu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già bảo hộ, bốn ma không có cơ hội gây tổn hại, vượt sông phiền não, vào đường Bát chánh.

Đồng tử Kim Cang Sơn thưa:

–Hy hữu thay! Thế Tôn! Thật đúng là lời Phật.

Đức Phật lại bảo:

–Kiều-trần-như! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ nào tu hành pháp này thì không ai hại được, là đem lại ánh sáng tịch tĩnh, không đi đến, không nhơ uế, không lay động, không nhà cửa, không nhiều ít, là đến nơi, là hạnh vi tế, kiên cố, hoại diệt bốn ma và tất cả tà chấp, vượt sông sinh tử, vào biển trí tuệ, được chư Phật ca ngợi, gần gũi chư Phật, tuy chưa đoạn hết tất cả phiền não nhưng vẫn được thân tối thượng, Bồ-đề vô thượng, sắc, lực, biện tài, tuệ, niệm, xứ tối thượng, hoặc được làm vua thống lãnh bốn cõi, ba, hai, một cõi, hoặc làm Đế Thích, vua cõi trời Tha hóa tự tại, Phạm vương, hoặc an tọa nơi tòa kim cang bên cội Bồ-đề, tiếng nói vang xa vi diệu như tiếng Phạm thiên, tâm bình đẳng, đủ tâm đại Bi, hành Xa-ma-tha, diệt phiền não, thành Bậc Vô Thượng.

Lúc Phật thuyết giảng pháp này Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên đạt quả A-la-hán. Tất cả chúng trời người đều ca ngợi:

–Công đức của Như Lai thật không thể nghĩ bàn. Vô số chúng sinh đạt quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Khi ấy, Tứ Thiên vương và Công đức thiên bạch Phật:

–Thế Tôn! Nơi nào có kinh này truyền bá, chúng con sẽ bảo hộ bốn chúng và dân chúng, vua quan ở trong các xóm làng thành ấp.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 23

Phẩm 10: HƯ KHÔNG MỤC (Phần 2)

Phần 2: THẾ GIAN MỤC (đôi mắt của thế gian)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng hào quang từ tướng lông trắng giữa chân mày, che khuất tất cả ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, sao, đèn, châu nơi các cõi nước chư Phật mười phương. Tất cả các tướng sông, núi, gai gốc xấu ác, đều không hiện. Chúng sinh trong vô lượng hằng hà sa cõi nước thấy ánh sáng đó đều chuyên niệm, tư duy về việc lành. Chư Phật mười phương thấy ánh sáng đó, đều bảo với đệ tử:

–Thiện nam! Cách đây vô lượng hằng hà sa cõi nước, có thế giới tên Ta-bà, là có đủ năm thứ ô trược. Đức Phật thị hiện ở cõi đó hiệu Thích-ca Mâu-ni, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thê, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Vô số Thanh văn, Bồ-tát

ở các cõi đều tập hợp về cõi ấy. Đức Thích-ca Mâu-ni đang giảng về Đà-la-ni pháp hành cho đại chúng Thanh văn. Bây giờ, phóng ra ánh sáng, Đức Thích-ca sắp giảng về Đà-la-ni Tịnh mục để hàng trung thừa đạt quả Duyên giác, hàng Bồ-tát thì trang nghiêm Bồ-đề vô thượng, hành trì trọn vẹn mười Địa, mười tám pháp Bất cộng của Như Lai, xoay xe bất thoái, diệt ba đường ác, tu tám Chánh đạo, đạt quả Vô thượng.

Đại chúng nghe vậy đều thưa Phật:

–Thế Tôn! Chúng con muốn đến pháp hội của cõi Ta-bà để nghe pháp môn Tịnh mục.

Sau đó, vô số Bồ-tát đến cõi Ta-bà, đến cung kính lạy Phật, lui ngồi một bên. Vô số Phạm thiên cũng đến nơi chỗ Phật, cung kính cúng dường, lui ngồi một bên. Trăm ức chư Thiên các cõi Ma thiên, Hóa tự tại, Đâu-suất, Dạ-ma, Đế Thích, Tứ Thiên vương, Nhật nguyệt thiên, Tự tại thiên, Diêm-la vương, Quỷ dưới đất, bốn trăm ức A-tu-la, Rồng chúa đều đến chỗ Phật, cung kính cúng dường, lui ngồi một bên. Vô lượng Sa-môn, Bà-la-môn đều đạt thần thông, đến chỗ Phật cung kính cúng dường, lui ngồi một bên. Tất cả các thầy tướng ngoại đạo của các cõi thấy ánh sáng đều nghĩ: Ánh sáng này không phải là ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú mà là ánh sáng kỳ lạ. Nếu ánh sáng này xuất hiện suốt bảy ngày thì sẽ thiêu đốt tất cả cỏ cây, núi Tu-di, làm khô cạn biển

cả. Sau này cõi Dục ắt sẽ bị tai nạn về lửa. Có vị bảo: Về sau không lâu ắt có mưa độc hại đối với tất cả. Vị khác lại bảo: Về sau sẽ có mưa đao tổn hại người vật, thời kỳ xấu ác sắp đến, ai cứu chúng ta. Vị bảo: Sa-môn Cù-đàm thương yêu mọi loài, chỉ có Sa-môn Cù-đàm mới cứu mạng tất cả.

Thế rồi tất cả đều chuyên tâm niệm Phật, đều thấy cõi báu. Nhờ thần lực của Phật hết, thảy đều đến chỗ Phật. Các vua Ba-tư-nặc, Ưu-điền-da-na, Ác tánh, Thâu-đầu-đàn, Ma-hê-đà, Tu-đà-xa-na, Tần-bà-ta-la đều nhờ thần lực Phật thấy rõ cõi báu, đi đến cõi báu, cúng dường, lễ Phật, tuần tự an tọa. Tất cả đều nghĩ: Trong chúng hội này vừa có Đại tiên, vừa có Đức Thế Tôn, chúng ta nên hỏi ai về nguyên nhân của ánh sáng khi nãy.

Lúc đó, vua Tu-đà-xá-na nói:

–Bổn sư của tôi là đại Bà-la-môn Điện Phát, là người giỏi pháp tướng, có thể hiểu và trình bày, là người đáng được chúng ta hỏi.

Nghe thế, Điện Phát nói:

–Trong tất cả tướng số mà tôi biết không có việc đó, tôi thật không hiểu được điềm báo của ánh sáng ấy. Năm trăm thầy tướng của cõi Diêm-phù-đề đều không thể hiểu.

Vua Tần-bà-ta-la nói với các vua:

–Các ông thật sự cuồng loạn, trong chúng đây, Đức Thích-ca Mâu-ni là Đấng đủ Nhất thiết trí,

biết rõ tướng thế gian xuất thế gian, hiểu các sách về tướng lành, thương yêu tất cả chúng sinh, nói lời thật, lời đúng, chỉ có Phật mới hiểu được điềm báo của ánh sáng ấy.

Thế là tất cả các vua, đại chúng đều chiêm ngưỡng Phật, cùng thưa:

–Ngưỡng mong Như Lai nói rõ về các tướng lành cho chúng con.

Đức Phật bảo:

–Các Đại vương! Pháp hội này không bàn về tướng thế gian.

Vua Tần-bà-ta-la bạch Phật:

–Thế Tôn! Chúng sinh ở đây vẫn còn những kẻ không tin nơi công đức của Như Lai, không tin Như Lai là Bậc Nhất Thiết Trí. Xin Như Lai trừ tâm nghi, giảng giải rõ để chúng phát lòng tin. Sau khi chúng phát lòng tin, Như Lai mới giảng về đạo xuất thế, có như vậy chúng mới thích nghe và dễ điều phục.

Phật nói:

–Đại vương! Hãy lắng nghe, Như Lai sẽ giảng nói. Đại vương! Ngày xưa trên núi Tuyết có một Tiên nhân tên Bà-gia-bà. Tiên nhân từng ăn trái cây, tu tập tâm Từ nhưng không đoạn được kết sử phiền não, không thể điều phục tâm tham dục, nên đã hành dục với một con cọp cái. Con cọp cái mang thai, sau khi đủ ngày tháng sinh ra mười hai

con. Tiên nhân thương xót tình tắm rửa và cho chúng ăn uống, cọp mẹ yêu thương xót cho chúng bú. Tiên nhân đặt tên cho mười hai con là: Kiệt-già, Bạt-gia-bà, Cọp, Sư tử, Đảm trọng, Bà-la-đọa-xà, Bộ hành, Bà-la-nô, Kiện thực, Ác tánh, Sư tử đảm, Kiện hành. Năm chúng lên bảy, cha mẹ đều qua đời, chúng buồn khổ gào khóc, không nơi nương tựa. Lúc ấy, thần cây nghe tiếng khóc than của chúng, bảo: "Các bé chớ gào khóc, các bé sẽ có nơi nương tựa, đó là Phạm thiên thương yêu tất cả, mỗi ngày các bé tắm rửa sạch sẽ, sáu lần hướng lên hư không, chí tâm lễ bái, cầu Phạm thiên thương xót. Với Thiên nhĩ, Phạm thiên sẽ nghe được tiếng cầu cứu của các bé, sẽ đến đây cứu giúp, trừ ngu si, ban cho trí tuệ, ngay chư Thiên còn cung cấp vật dụng cho các bé, huống gì là người đời." Nghe vậy mười hai đứa bé làm theo lời dạy, sau mười hai năm Phạm thiên mới nghe được tiếng của chúng. Phạm thiên liền xuống cõi trời Tam thập tam, thấy Phạm thiên đến, Đế Thích cung kính cúng dường, thưa:

–Đại sĩ định đi đâu?

–Kiều-thi-ca! Ông không thấy mười hai Tiên nhân ở núi Tuyết sao? Ông hãy cùng tôi đến đó.

Nghe vậy, Đế Thích cùng vô lượng thiên đều theo đến núi Tuyết. Thấy Phạm thiên đến, mười hai Tiên nhân rất đỗi vui mừng, lễ bái cúng dường. Phạm thiên hỏi:

–Vì sao suốt mười hai năm qua các ngươi siêng tu khổ hạnh, cúng dường ta? Các ngươi cầu gì? Danh vọng, sắc đẹp, tài vật, đạo Thánh, trí tuệ, thần trời?

Kiệt-già liền thưa:

–Đại sĩ! Hôm nay chúng tôi không cầu những vật ấy. Chúng tôi chỉ cầu trí tuệ, vì những chúng sinh côi cút, không nơi nương tựa, không người dạy dỗ, xin ban cho trí tuệ để chúng tôi biết rõ nghiệp thiện ác của mình và của chúng sinh, biết được nhân quả thiện ác khổ vui của các hàng Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, biết sự tranh chấp hưng, suy của các vua chúa vì lòng tham. Nếu biết được, chúng tôi sẽ tìm cách chỉ dạy, diệt trừ xấu ác, thọ hưởng an lạc.

M

Phần 3: DI-LẶC

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc nói kệ hỏi Đức Thế Tôn:

Vốn không đường đi
Nhưng có luân chuyển
Như Lai không thế
Trụ đạo Nhất thiết
Phi đạo thấy đạo
Đạo thấy phi đạo.

Phật nói:

–Thiện nam! Phi đạo là không sinh không diệt, không trụ, không phải trí, cảnh giới của trí, sáng, tối, thường, đoạn, thiện, ác, sắc, ấm, thức ấm, đó là tánh thật, tánh pháp nơi tất cả hành, chân thật. Trong đạo đó Như Lai chuyển bánh xe pháp, nhưng không tham chấp các đạo, chúng sinh nào trong đạo thấy là phi đạo, phi đạo thấy là đạo thì không thể biết đạo, phi đạo, ba đạo. Như Lai phân biệt giảng giải tất cả để đoạn chấp đạo. Thiện nam! Từ trong không đạo Như Lai chuyển xe pháp, trừ ba đạo của chúng sinh. Ba đạo là phiên não, khổ, nghiệp. Nghiệp chính là hành hữu; phiền não chính là vô minh, ái, thủ; khổ tức là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sinh già chết. Vì sao có ba đạo? Từ tiếp xúc mà có. Thiện nam! Mắt thấy sắc khởi tâm tham ái. Ái chính là vô minh, từ ái tạo nghiệp nên gọi là hành; chuyên tâm niệm là thức; thức cùng sắc hành là danh sắc; sáu xứ khởi tham là lục nhập; từ lục nhập cầu thọ là xúc. Tham chấp tâm là ái; cầu các pháp là thủ; sinh khởi các pháp là hữu; liên tục không đoạn là sinh; tuần tự đoạn diệt là chết; từ sinh, chết có khổ đau là não. Cứ thế từ thức khởi tham cũng vậy. Mười hai nhân duyên đó có đủ nơi một niệm trong mỗi người. Khi sinh khởi, nó có ba loại: Nhân, vật, đạo. Tỳ-kheo hành pháp, quán sát tất cả hành tướng của tâm ái, quán: Tâm ái chính là vô minh. Thể của vô minh sinh khởi hai thứ hành, thức. Thức có hai: Danh, sắc.

Danh sắc có hai: Không trụ, tạo tác lục nhập. Lục nhập có hai: Không chán dục, sinh khởi xúc. Xúc có hai: Sinh khởi thọ, cầu thọ. Thọ có hai: Thọ khổ vui, sinh tham ái. Ái có hai: Trói buộc chặt, tìm thủ. Thủ có hai: Tham, cầu hữu. Hữu có hai: Thích trụ, khởi sinh. Sinh có hai: Đưa đến già, khổ. Già có hai: Diệt sự trẻ khỏe, nhân của chết. Chết có hai: Hoại mạng sống, khổ vì xa lìa người thân yêu. Đó là nhân sinh khởi. Thế nào là sinh khởi vật? Tỳ-kheo hành pháp, quán các pháp sinh, diệt. Kiều-trần-như! Thế nào là sinh khởi đạo? Tỳ-kheo thấy đạo có hai: Hành hành, hạnh tuệ.

Kiều-trần-như! Ông có biết về hạnh hành và hạnh tuệ không?

–Không, thưa Thế Tôn! Xin Như Lai phân biệt chỉ dạy để Tỳ-kheo tu quán mười hai nhân duyên đạt trí tuệ, đoạn trừ phiền não, thực hành đúng pháp.

Đức Phật lại bảo Đồng tử Bảo Tràng:

–Thiện nam! Ông có biết về hơi thở ra vào không?

–Không, thưa Thế Tôn!

–Thiện nam! Tỳ-kheo hành pháp quán sát vô minh cho đến… già chết. Thế nào là quán vô minh? Quán thân trung ấm, tham ái nơi cha mẹ. Vì ái nên có bốn đại hòa hợp, hai thứ tinh huyết hợp thành một giọt lớn bằng hạt đậu được gọi là

ca-la-la. Ca-la-la có ba: Mạng, thức, hơi ấm. Đó là quả báo từ nghiệp duyên quá khứ, không có người tạo, nhận hơi thở đầu tiên ra vào. Đó là vô minh. Hơi thở ra vào của Ca-la-la có hai: Tùy hơi thở của người mẹ, bảy ngày thay đổi một lần, hơi thở ra vào gọi là thọ mạng. Đó là gió (phong); không hôi, thối là hơi ấm. Ý chính gọi là thức. Thiện nam! Ái muốn đạt quả Bích-chi-phật thì nên quán mười hai nhân duyên như thế, sau quán ba thọ, năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Quán như thế nào? Tùy tâm niệm quán hơi thở ra vào, quán da thịt gân cốt tủy não bên trong thân như mây trong hư không. Chất hơi trong thân cũng thế, có lên, xuống, đầy thiếu. Vì thế hơi thở ra vào được gọi là sự hành khởi của thân. Hơi thở ra vào có từ giác quán là sự hành khởi của ý; hòa hợp tạo nên tiếng nói là sự hành khởi của miệng. Từ ba sự hành khởi ấy tạo nên thức. Từ thức có bốn ấm và sắc ấm gọi là danh sắc. Năm ấm tạo nên sáu xứ gọi là lục nhập. Tâm, cảnh hòa hợp là xúc. Vì xúc nên nghĩ về sắc pháp là thọ; tham chấp sắc pháp là xứ. Vì ái nên tìm kiếm khắp nơi là thủ. Từ thủ thọ thân sau là hữu, có hữu nên có sinh già chết khổ não. Đó là cây lớn của năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai duyên. Vì thế, từ hơi thở ra vào dẫn đến phiền não khổ đau, nên khi thọ sinh phàm phu đã bị trói buộc trong phiền não, lúc chết cũng thế, hoàn toàn không có sự tự tại

của thân, tâm, không đạt Tam-muội, không trừ hết lậu hoặc. Tỳ-kheo quán hơi thở ra vào như gió trong hư không, không có ngã và sở hữu của ngã, không có người tạo, nhận, do duyên sinh diệt, không tướng, vật, giác quán. Hơi thở của chúng sinh cũng vậy, bốn đại hòa hợp sinh Ca-la-la, ra vào từ chín lỗ cho đến chín vạn chín ngàn lỗ, không thọ nhận. Từ hơi thở ra vào trong thân thể mà có vô minh già chết khổ não.

Thiện nam! Như trong hư không không có vật, không ngã. Hơi thở ra vào, đất nước lửa gió, thọ mạng, hơi ấm, thức, vô minh già chết cũng thế. Từ trong các pháp như hư không lại chấp ấm, nhập, giới. Vì thế phàm phu cứ mãi bị luân hồi sinh tử. Tỳ-kheo hành pháp quán hơi thở lạnh thì toàn thân đều lạnh, hơi thở nóng thì toàn thân đều nóng. Thân này tùy ý, tùy hơi thở. Nếu khi quán sự lạnh mà không đạt thiền, không nhập định thì sẽ bị đọa vào địa ngục lạnh. Nếu khi quán sự nóng mà không đạt được thiền, không nhập định thì sẽ bị đọa vào địa ngục nóng. Quán hơi thở lạnh nóng sẽ đạt chánh đạo. Tỳ-kheo hành pháp thật quán về vô minh già chết, tâm không điên đảo. Đó là Đà-la-ni Tịnh mục.

Thiện nam! Thọ trì Đà-la-ni này là thật quán hơi thở ra vào.

Lúc đó Bồ-tát Bảo Tràng bạch Phật:

–Thế Tôn! Cảnh giới của chư Phật thật không

thể nghĩ bàn, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể hiểu được.

Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Thế Tôn! Nơi nào có kinh này truyền bá chúng con sẽ bảo hộ, diệt trừ mọi việc ác.

M

Phần 4: TÂM VÔ LƯỢNG

Lúc ấy, vua Tần-bà-ta-la bạch Phật:

–Thế Tôn! Nhờ các vị Thanh văn, Bích-chi-phật hành pháp nên cõi Diêm-phù-đề không có bệnh dịch, đói khát các việc ác. Thế Tôn! Bốn tộc họ cung kính cúng dường Đại Bồ-tát tu bốn Tâm vô lượng thì có được những phước đức gì?

Đức Phật nói:

–Đại vương! Nơi nào Bồ-tát đến, nơi đó có tám việc tốt: Nhân dân, sĩ phu cung phụng cha mẹ, luôn biết hổ thẹn, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tài đức, thọ trì giới cấm; tu tập tâm Từ, không sát hại, tâm nhu thuận, không nhơ uế, không giận dữ, bình đẳng; không tham tài vật, thích bố thí, chê trách việc trộm cướp; yêu mến chung thủy với vợ chồng, không làm việc trái đạo, chê trách kẻ tham dục; nói lời chân thật, không tổn hại, luôn nói lời lành; không ganh ghét độc ác; thấy biết đúng, không có tà chấp; cung kính cúng dường Tam bảo, trừ bỏ ác kiến.

Đại vương! Nơi nào có Bồ-tát tu bốn Tâm vô lượng nơi đó không có tám việc kinh sợ: không sợ quân lính tranh chấp ở trong nước ngoài nước; không lo sợ về quỷ ác; không lo sợ về sao xấu xuất hiện; không lo sợ về bệnh hiểm ác; không lo sợ về thú dữ; không lo sợ về trộm cướp giặc giã; không lo sợ về hạn hán lụt lội; không lo sợ về mùa màng mất mát.

Đại vương! Nơi nào có Bồ-tát tu bốn Tâm vô lượng nơi đó đủ tám việc làm của bậc trượng phu: Chúng sinh từng trồng căn lành nơi chư Phật quá khứ thích sinh về nơi này; chúng sinh từng tu tập thọ trì giới cấm, học rộng thích sinh về nơi này; chúng sinh trải qua vô số kiếp cung phụng cha mẹ, sư trưởng, Hòa thượng, bậc có đức thích sinh về nơi này; chúng sinh từng tạo nghiệp cõi trời, thọ thân trời, chuyển thân sinh vào nơi này; chúng sinh từng đoạn nghiệp của ba đường ác từng sinh về nơi này; chúng sinh đủ pháp Thanh văn thích sinh về nơi này; chúng sinh đủ pháp Duyên giác thích sinh về nơi này; chúng sinh từng tu sáu pháp Ba-la-mật trong vô lượng kiếp thích sinh về nơi này. Đại vương! Nơi nào có Bồ-tát tu bốn Tâm vô lượng nơi đó đủ các vị thượng diệu như nước, pháp, chúng sinh, chúng sinh ở đó luôn thương yêu nhau. Sau khi mạng chung, chúng sẽ sinh lên cõi trời, chim thú ở đó cũng vậy. Đại vương! Thí như bốn lạng gồm bốn loại hương: Trầm thủy, Đa-

già-la, Ngưu đầu chiên-đàn, Đa-ma-la diệp đặt trong một giỏ. Bốn tộc họ người đặt y phục trong đó. Sau vài ngày, tất cả đều lấy y phục đi nhưng số lượng hương đó không hề giảm, mà trong y phục đều có hương thơm. Đại vương! Nơi nào có Bồ-tát tu bốn Tâm vô lượng, chúng sinh nơi đó đều thành tựu vô số công đức, mà Bồ-tát không hề tổn giảm công đức của mình.

Vua Tần-bà-ta-la bạch Phật:

–Thế Tôn! Đại Bồ-tát tu bốn Tâm vô lượng thật không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Bồ-tát tự tu tập, lại làm cho vô số chúng sinh đạt lợi ích.

Lúc đó, Bồ-tát Tịnh Quang nói với Bồ-tát Vô Thắng:

–Thiện nam! Ông này đã thành tựu công đức vô thượng. Vì sao? Vì ông đã tu tập bốn Tâm vô lượng.

Bồ-tát Vô Thắng nói:

–Thiện nam! Làm sao tôi có công đức lớn. Vì trong các pháp đó không có người tạo, nhận, không giác biết, không kia đây. Thiện nam! Như người tự nói: Tôi có thể trang nghiêm anh lạc nơi hư không. Tuy nói thế nhưng thật sự không thể làm được. Tất cả các pháp đều như vậy, không thành hoại, không sinh diệt, không nơi chốn, không giác quán, thanh tịnh đủ ba giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Như pháp giới

không dời, không phân tán, không hợp, không ngại, không nhơ, không biên vực, như hư không, không hòa hợp, không muốn, không tánh, không thấy, không nói. Tánh của pháp không thể đếm, không nhiều, không ít, không cảnh giới, không hai, không chấp, không lường tính, không sắc, không thanh, tịch tĩnh, không thay đổi, như hư không không so sánh, không hơn, không thường đoạn, khó thấy biết, khó tư duy, kiên cố, không hành, không sân giận, bao hàm cả cảnh giới Phật, là phạm hạnh, là bốn Tâm vô lượng. Như Lai tu tập, siêng năng không nhàm chán. Đó là pháp Phật, là tín, niệm, không buông lung, chí tâm không quên. Đại Bồ-tát tu bốn Tâm vô lượng này là tu hạnh sâu xa như pháp giới của Bồ-tát, sắp đạt pháp Nhẫn vô sinh, hành sáu pháp Ba-la-mật, bảo hộ pháp Phật đạt như pháp thuận nhẫn, thấy thân Phật, đẩy lùi quân ma và ngoại đạo, vượt sông sinh tử, vào biển trí tuệ, thông đạt cảnh giới chư Phật, trang nghiêm đầy đủ công đức của Phật, thân sắc, tài vật đều thù diệu, dần dần tọa pháp tòa của Như Lai, đủ tất cả Tam-muội Tổng trì, không bị khinh khi, được hàng Duyên giác tán thán, được chư Phật bảo hộ, hiểu ngôn ngữ của tất cả chúng sinh các nơi, không thấy người nhận, người cho, người nói, người nghe, tạo tác, thọ nhận trong các pháp. Tất cả như hư không.

Bồ-tát Tịnh Quang nói:

–Thiện nam! Vì thế tôi nói hôm nay ông thành tựu vô lượng công đức. Vì sao? Vì ông đã siêng năng tu tập vô lượng, vô số kiếp. Thiện nam! Như Đức Phật đủ mười Lực, bốn Vô úy, tất cả pháp Phật xuất gia, tu khổ hạnh, thành tựu chánh giác, chuyển xe pháp, hiện thần thông lớn, nhập Niết-bàn. Tất cả việc đó đều nhờ tu tập bốn Tâm vô lượng. Đó là quả của bốn Tâm vô lượng. Vì thế, các thiện nam, tín nữ cần tu tập bốn Tâm vô lượng.

Lúc Phật giảng nói pháp này có hai vạn chúng sinh đạt Tùy từ nhẫn, vô lượng chúng sinh đủ bốn Tâm vô lượng, tất cả đại chúng đều cúng dường Phật.

M

Phần 5: TỊNH MỤC

Bấy giờ, Đồng tử Bồ-tát Vô Thắng Ý quỳ gối, chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn! Tâm Từ vô lượng có những tướng gì, thể gì, nhân gì, quả gì?

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Khéo nêu hỏi về ý nghĩa sâu xa như thế. Thế rồi Như Lai nhập định Điều phục chúng sinh không lo sợ, phóng quang từ tướng nhục kế. Hào quang ấy đủ loại hình sắc, soi chiếu vô lượng cõi nước, từ trong hào quang phát ra tiếng kệ:

Trong đất bùn nở đóa phù dung
Vô số hoa khác cũng mọc lên
Chúng sinh dâng hoa cúng dường Phật
Và chư Đại đức đủ thần thông.
Tất cả các cõi đều như thế
Thánh nhân, Bồ-tát có từ đó
Điều phục chúng sinh kẻ khó phục
Chúng sinh dâng hoa cúng dường Phật.
Thế giới Ta-bà, cõi ác trược
Thích-ca vào đó thuyết chánh pháp
Những ai muốn đủ vô lượng đức
Hãy đến thế giới Ta-bà này.

Chúng sinh ở các cõi nước nghe tiếng kệ ấy đều phát tâm cúng dường Đức Phật cõi mình. Nhờ thần lực của Phật, tất cả đều đến cõi Ta-bà. Đến nơi chúng lạy Phật, lui ra ngồi qua một bên.

Lúc này, trong cõi báu ở đây có vô lượng, vô số chúng sinh nhưng mỗi chúng sinh, đều nghĩ chỉ riêng mình đến đây, cúng dường Phật, hỏi pháp, Như Lai chỉ giảng cho riêng mình nghe.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Đồng tử Vô Thắng Ý:

–Thiện nam! Tâm từ có ba loại: Chúng sinh duyên, pháp duyên, vô duyên. Thiện nam! Chúng sinh duyên là duyên năm hữu. Bồ-tát hành pháp muốn trọn vẹn sáu pháp Ba-la-mật, đại Từ, đại Bi, mười Địa Bồ-tát, Bồ-đề vô thượng, chuyển xe

pháp, điều phục vô lượng chúng sinh, vượt sông sinh tử, trừ hết các ma, nhập đại Niết-bàn thì nên tu tập bốn Tâm vô lượng. Nên tu như thế nào? Đại Bồ-tát tu tập tâm Từ với tất cả chúng sinh từ phương dưới đến phương trên, xem chúng sinh như cha mẹ, sư trưởng, hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Phật. Trường hợp chúng sinh độc ác với Bồ-tát thì Bồ-tát tự nghĩ: Nếu ta giận chúng thì chư Phật sẽ biết, thật đáng hổ thẹn, đáng chê trách, vì là người cầu đạo Bồ-đề vô thượng mà lại không tự điều phục tâm mình. Như người không chân lại muốn đến cõi Uất-đơn-việt, kẻ mù lại muốn đọc sách, người không tay lại muốn cầu nắm các vật. Người bỏ tâm Từ mà muốn thành tựu Bồ-đề của Thanh văn còn không đạt được huống gì là Bồ-đề vô thượng. Nếu tự mình không điều phục tâm mình thì sẽ bị Phật, Duyên giác, Thanh văn, Trời, Rồng, tám bộ chê trách, sẽ bị đọa vào địa ngục lớn chịu nhiều khổ não, không đạt đem lợi ích cho hiện tại, vị lai. Vì thế ta cần tu tập tâm Từ. Chúng sinh đã sẽ, đang gây hại mình, vì lợi dưỡng mà oán hận mình thì cũng quán như vậy. Bồ-tát tu tâm Từ với chúng sinh một phương, hai, ba, bốn phương trên, dưới đều vậy. Thiện nam! Đó là Bồ-tát tu tâm Từ duyên chúng sinh.

Khi ấy, Thiên tử Minh Tinh bạch Phật:

–Thế Tôn! Đại Bồ-tát bắt đầu tu tâm Từ thì có quả báo gì, được bao nhiêu phước đức ở hiện tại

và vị lai? Thế Tôn! Bồ-tát tu tâm Từ có bị đọa vào ba đường ác không?

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Ông từng cúng dường vô lượng Phật nên có thể hỏi như vây. Ông đã từng trồng căn lành vững chắc, tu tập tâm Từ trong vô số kiếp, hơn hẳn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Vì tạo đem lợi ích cho vô lượng chúng sinh nên hỏi như thế. Thiện nam! Hãy lắng nghe! Như Lai sẽ phân biệt giảng rõ. Đại Bồ-tát tu tập tâm Từ như ta đã giảng thì luôn an ổn, không mộng ác, đủ mọi vật cần dùng, được chư Thiên bảo hộ, trời người thích gặp, không nghe lời ác, thân không bệnh khổ, thích nhàn tịnh, siêng năng tu tập chánh pháp, biết không có ngã, được vua, quan, sa-môn, phạm chí, nam, nữ, trẻ, già, chim thú cúng dường, gần gũi Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật, thích bố thí, độ thoát chúng sinh, tâm lành không bị ba độc tổn hại, tiếng tốt vang xa, chữa trị tất cả bệnh khổ của chúng sinh, giúp chúng sinh thoát khổ, không bị ràng buộc, không còn phiền não, trừ mọi tà chấp, đem đến tâm tín, niệm, tuệ cho chúng sinh, an trụ nơi Đại thừa, không dao động, không nghe lời người khác, trừ nghiệp ác thân, khẩu, ý của chúng sinh, đoạn ba chướng trừ các tội ngũ nghịch, hủy báng Hiền thánh, lấy trộm của Chiêu-đề tăng. Thiện nam! Bồ-tát tu tập tâm Từ như thế, khi sắp mạng chung,

được chư Phật đưa tay xoa đầu, tâm vui vẻ, được sinh về cõi Phật, nghe lời hay, chớ lo sợ. Do tu tập tâm Từ, thuần thiện nên được sinh về cõi Phật, gặp vô lượng Phật, lìa ba đường ác, nhập Niết-bàn, được nghe pháp từ pháp duyên, vô duyên, trọn vẹn bốn Tâm vô lượng, thành tựu Bồ-đề vô thượng. Nghe pháp này, Thiên tử Minh Tinh đạt sự tự tại trong việc nhập, xuất định.

Đồng tử Vô Thắng Ý bạch Phật:

–Thế Tôn! Nhờ uy lực gì mà Thiên tử này ở trong thiền định đạt được việc xuất nhập mau chóng?

Đức Phật nói:

–Thiện nam! Thiên tử này đã từng trồng căn lành nơi vô lượng Phật, trải vô số kiếp tu từ pháp duyên. Với nguyện lực Thiên tử sinh vào cõi Tứ thiên, cách cõi Nhật thiên mười ngàn do-tuần, cung điện của Thiên tử rộng ba vạn hai ngàn do-tuần, được tạo thành bằng lưu ly. Trong vòng mười do-tuần, các thiện nam, thiện nữ vây quanh, Thiên tử ở giữa, lìa các quyến thuộc. Thiên tử an tọa nơi tòa báu rộng ba do-tuần, nhập, xuất định suốt một ngày đêm. Trong bốn thiên hạ, có tám mươi cõi trời, sáu mươi cõi rồng, bốn cõi A-tu-la, bốn cõi Ca-lâu-la, năm mươi hai cõi Khẩn-na-la, bốn mươi sáu cõi Ma-hầu-la-già, tám cõi Cưu-bàn-trà, ba mươi cõi ngạ quỷ Phú-đơn, ba mươi cõi Tỳ-xá-già. Thiên tử điều phục tất cả chúng

sinh ở các cõi đó. Với nguyện lực từ xưa Thiên tử phát nguyện vào canh năm sẽ đem đến ánh sáng cho cõi Diêm-phù-đề, xua tan màn đêm tối. Chúng sinh ở Diêm-phù-đề muốn thoát sinh tử, tu thiền định Thiên tử sẽ giúp trừ tâm mê ngủ, ban thêm niệm lực. Nếu muốn thấy Thiên tử, Thiên tử sẽ hiện làm Hòa thượng, sư trưởng, cha mẹ, hiện về trong giấc mộng. Phàm phu nào tu tập pháp ngoại đạo, Thiên tử sẽ giúp chúng trừ tâm tà, thấy chánh pháp. Chúng sinh nào lười biếng trong mọi việc thế gian, xuất thế gian, một khi thấy Thiên tử sẽ bỏ tâm lười biếng, siêng năng làm mọi việc. Chúng sinh nào lạc đường, khi thấy Thiên tử sẽ thấy đường về. Chúng sinh bệnh khổ, thấy Thiên tử sẽ trừ hết đau khổ, an ổn, hưởng diệu lạc. Người già, quên thấy Thiên tử sẽ đủ trí nhớ. Thiên tử xuất hiện làm cho chúng sinh chuyên tâm nghĩ pháp lành. Chúng sinh sắp mạng chung, ở giây phút sau cùng, Thiên tử hiện thân thuyết pháp Đại thừa. Nhờ nghe pháp, thấy tượng Phật, sau khi chết người này sinh về cõi Phật. Chúng sinh nào muốn đạt quả Bích-chi-phật, Thiên tử sẽ nói pháp Bích-chi-phật, chúng sinh nào cầu quả vị Thanh văn, Thiên tử nói pháp Thanh văn. Chúng sinh đủ ba nghiệp ác, nghe Thiên tử thuyết pháp, tự diệt nghiệp ác. Thế Tôn! Trước con vào cõi Diêm-phù-đề, sau sẽ đến các cõi Cù-đà-ni, Uất-đơn-việt, Phất-bà-đề. Nhờ nguyện lực, con luôn tu sáu

pháp Ba-la-mật, thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Thiên tử Minh Tinh bạch Phật:

–Thế Tôn! Con xin nói chú Đà-la-ni này để tạo đem lợi ích cho chúng sinh:

Lô giá na, lô giá na, lô giá na, ta la xoa bà, ta la xoa bà, ta la xoa bà, a bà ha ha, a bà đặc đồ, a bà xà bà, a bà xoa na, a xoa xoa xoa, phú la bà la, a bà xoa xoa, xà bà xà bà, ma ha ca ba, a bà a bà, ma ha bà ma, tần đậu, sa xà yết ba, a hoa a hoa, ha ha ni ma, mạt la, sa luật xà, ca lưu na xà la, ta ha.

Thế Tôn! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, trai, gái, già, trẻ, niệm chú này sẽ thanh tịnh các nghiệp. Nếu người ấy không thành tựu thần thông, thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền, trí, giải thoát, trí vô ngại là con khi dối chư Phật mười phương, đời sau không thể thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Đồng tử Vô Thắng Ý bạch Phật:

–Thế Tôn! Chúng sinh ở các cõi Phật khác bảo: Cõi Ta-bà uế tạp, bất tịnh. Nhưng riêng con thấy cõi này thanh tịnh.

Phật nói:

–Đúng thế, đúng thế! Như lời ông nói. Bồ-tát ở cõi này, hoặc biến thành Rồng, Trời, Quỷ, A-tu-la, Ca lầu la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-xà, Bệ-lệ-đà, hoặc biến thành người, súc sinh, chim, thú để giáo hóa chúng sinh thì không khó. Hiện thân súc sinh để điều phục

chúng sinh mới thật là khó. Thiện nam! Trong biển Đông, ngoài cõi Diêm-phù-đề có núi lưu ly tên Triều, cao hai mươi do-tuần, đủ các vật báu. Trong núi có hang tên Chủng chủng sắc. Đây là nơi các Bồ-tát ngày xưa từng ở. Hang này rộng một do-tuần, cao sáu do-tuần, một con rắn độc sống trong hang này, tu tâm Từ theo Thanh văn. Lại có một hang tên Vô tử, rộng cao như hang kia, cũng là nơi ở của Bồ-tát ngày xưa. Trong hang có một con ngựa, tu tâm Từ theo Thanh văn. Lại có một hang tên Thiện trụ cao rộng như trên, cũng là nơi ở của Bồ-tát quá khứ, một con dê tu tâm Từ theo Thanh văn ở trong hang ấy. Thần cây trên núi này tên Vô thắng. La-sát nữ tên Thiện Hạnh, chúng đều có năm trăm quyến thuộc. Hai người nữ này từng cung cấp vật dùng cho ba con vật trên. Thiện nam! Nơi phía Nam ngoài cõi Diêm-phù có núi pha lê cao hai mươi do-tuần. Trong núi có hang Thượng sắc, cũng cao rộng như trên. Hang này là chỗ ở của Bồ-tát quá khứ, hiện có một con khỉ tu tâm Từ theo Thanh văn ở đây. Lại có một hang tên Thệ nguyện, cao rộng như trên, là nơi ở của Bồ-tát quá khứ, hiện có một con gà tu tâm Từ theo Thanh văn ở đây. Lại có hang tên Pháp sàng, cao rộng cũng như trên, cũng là chỗ ở của Bồ-tát hồi xưa, trong hang có một con chó tu tâm Từ, theo Thanh văn. Có thần lửa và La-sát nữ Nhãn Kiến thường cung cấp vật dụng cho ba con thú

này.

Thiện nam! Về vùng núi phía Tây, ngoài cõi Diêm-phù có một núi bạc tên Bồ-đề nguyệt. Núi cao hai mươi do-tuần. Trong núi có hang Kim cang cao rộng như trên, đây là chỗ ở của Bồ-tát quá khứ, hiện có một con heo tu tâm Từ theo Thanh văn. Lại có hang Công đức cao rộng như trên, cũng là chỗ ở của Bồ-tát quá khứ, hiện có một con chuột tu tâm Từ theo Thanh văn. Lại có hang Công đức cao rộng như trên, cũng là chỗ ở của Bồ-tát quá khứ, hiện có một con bò tu tâm Từ theo Thanh văn. Thần gió Động Phong và La-sát nữ Thiên Hộ với năm trăm quyến thuộc cung cấp vật dụng cho ba con thú kia.

Thiện nam! Trong biển phía Bắc, ngoài cõi Diêm-phù-đề có núi vàng tên Công đức tướng. Núi cao hai mươi do-tuần. Trong núi có hang Minh tinh cao rộng như trên, là chỗ ở của Bồ-tát quá khứ, hiện có một con sư tử tu tâm Từ theo Thanh văn. Lại có hang Tịnh đạo cao rộng như trên, cũng là chỗ ở của Bồ-tát quá khứ, hiện có một con thỏ tu tâm Từ theo Thanh văn. Lại có hang Hỷ lạc cao rộng như trên, là chỗ ở của Bồ-tát quá khứ, hiện có một con rồng tu tâm Từ theo Thanh văn. Thần nước Thủy Tiên và La-sát nữ Tu Tàm Quý, với năm trăm quyến thuộc cung cấp vật dụng cho ba con thú kia. Mười hai con thú này, ngày đêm thường đi lại trong cõi Diêm-phù-đề,

được trời, người cung kính. Sau khi thành tựu công đức, chúng thường phát nguyện rộng lớn nơi chư Phật. Hàng ngày một con thú thường đến thăm mười một con thú, khuyên tu tập Từ bi, cứ luân lưu mãi như thế. Ngày một tháng bảy, con chuột kia đi khắp nơi, dạy pháp Thanh văn cho loài chuột, khiến chúng bỏ nghiệp ác, làm việc lành. Cứ tuần tự như vậy, ngày mười ba, chuột đến lượt lại ra đi. Cứ thế mười hai tháng, mười hai năm đều vậy, chúng luôn làm việc điều phục chúng sinh. Thiện nam! Như thế cõi này có rất nhiều công đức, dù là súc sinh cũng có thể giáo hóa mọi loài, giảng thuyết đạo Bồ-đề vô thượng. Vì vậy các Bồ-tát ở các phương khác đều tôn trọng cõi Phật này. Lúc ấy Cư sĩ nam Tịnh Đức bạch Phật:

–Thế Tôn! Con có thể thấy mười hai con thú đó không?

–Thiện nam! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thiện nam, tín nữ muốn thấy mười hai con thú ấy, mong đạt trí, niệm, định, thần thông lớn, thọ học bốn Tâm vô lượng, hành chánh đạo, đạt Xa-ma-tha, tịch tĩnh, tăng pháp lành thì dùng đất trắng xây thành ngọn núi rộng bảy thước, cao mười hai thước, tô bằng hương xoa, vàng mỏng trong vòng hai mươi thước theo đường tròn rải các hoa chiêm-bà, hoa được đựng trong vật bằng đồng, bốn bên là nước phi thời, ngày tắm ba lần, cung kính, tin Tam bảo, đứng hướng về chánh Đông cách núi ba thước,

tụng chú:

Chiến đà la ha, tu lợi xà tỷ ma, kỳ la huống, phất kỉ mâu la, nhược xà mâu la, a ha hi, ta ha la hi, nhược xà ha hi, tát bà phục đa ha, lê xà bà ha hưu, ma sa xa bà mâu lê, ca bà phù, la xà phù, tu la xà mâu, khư ca na, ma hi xoa bà, ca bà ma ha, a xoa tì bà la, đa ba tỉ sa, sa trì nhân trì lợi xà ti sa, a xà mâu tha bà, bà lư bà xoa, bàn đà đa, già la xoa bà hi, ha ca tỉ mâu, đa tỉ lặc sưu, tán già lặc sưu, bà bà phù, bà la bà xoa sưu, phất kỉ già, đa sa lại sa, đà xoa la sa, ba lợi ba giá, tu la tu, sưu bà sa di, hi la sa, bà la mâu sa la sa, mâu sa la tư, la bà la bà, tần bà tư la sa, bà bà la ta, đà ma lư già na la ta, phú nang tỏa lan ha la ta, thủ đà lô già na la ta, bà ma ma la ta, tỉ ma lô già na khư già, tát điên ma la ta, a lợi da lô già na nậu nậu, tỉ ma mâu, bà la ha, mang bà ha la tư nậu nậu, a do tỉ mục mãnh, mâu ni la đề trí để, ta ha.

Sau mười lăm ngày sẽ thấy tướng mặt trăng trên núi ngay lúc đó ắt sẽ thấy mười hai con thú và toại nguyện.

Thiện nam! Ai tu hành hạnh khổ sẽ thấy được mười hai con thú ấy.

Lúc đó, cư sĩ nam Tịnh Đức nói với Bồ-tát Minh Tinh:

–Thiện nam! Ông có thể giáo hóa điều phục chúng sinh. Ông điều phục bằng cách nào, bằng thân, bằng khẩu, bằng ý?

–Thiện nam! Tôi không độ bằng thân, khẩu mà chỉ dùng tâm. Thiện nam! Tâm đó là quá khứ, vị lai, hiện tại?

Thiện nam! Không phải là quá khứ, vị lai mà là hiện tại, điều phục tâm hiện tại, không để tạo ác.

Thiện nam! Ông đã không thể đạt tâm giải thoát ngay trong hiện tại, làm sao điều phục chúng sinh?

Minh Tinh đáp:

–Hiện tại tôi thọ trì bốn Trí vô ngại và Đà-la-ni Tịnh mục nên có thể điều phục chúng sinh.

Tịnh Đức nói:

–Bốn Trí vô ngại và Đà-la-ni Tịnh mục đều không thể điều phục chúng sinh. Vì sao? Vì không giác quán, làm sao có thể điều phục.

–Thiện nam! Tôi xin hỏi, ông tùy ý trả lời. Thiện nam! Ràng buộc và sự giải thoát, đạo thanh tịnh, tịch tĩnh tuy là bình đẳng nhưng cũng là không bình đẳng. Sự bình đẳng và không bình đẳng ấy do đâu mà có ông lẽ nào không biết?

Tịnh Đức đáp:

–Thiện nam! Là do chấp ngã và sở hữu của ngã.

Bồ-tát Minh Tịnh nói:

–Thiện nam! Chấp ngã, sở hữu của ngã do đâu có?

–Thiện nam! Có từ gió.

–Nó trụ nơi nào?

–Thiện nam! Gió trụ trong hư không.

–Hư không trụ vào đâu?

–Hư không trụ nơi cùng tột.

–Nơi cùng tột trụ vào đâu?

–Không thể nói được. Vì sao? Vì xa rời tất cả nơi chốn, không thuộc nơi nào, không thể tính đếm, đo lường, không phải: giác, quán, có, không, hành, sinh, xuất, diệt, thêm, bớt, chữ nghĩa, tâm, niệm, tạo tác, thọ nhận, tối, sáng, trẻ, già. Tánh chân thật là pháp không trở ngại. Vì thế nơi cùng tột không có trụ xứ.

Bồ-tát Minh Tinh nói:

–Thiện nam! Đó là bốn Trí vô ngại và Đà-la-ni Tịnh mục. Bồ-tát tu tập Đà-la-ni này, diệt tất cả phiền não, nhập pháp duyên từ, không nghi ngờ các pháp.

Lúc nêu giảng pháp này, tất cả chúng sinh đạt pháp duyên từ, vô lượng chúng sinh đạt bốn Trí vô ngại và Đà-la-ni Tịnh mục.

Đức Phật khen ngợi hai vị:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Khéo hỏi đáp đúng pháp. Nhờ oai lực của chú này, sau khi ta diệt độ, Tứ Thiên vương sẽ bảo hộ chánh pháp.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 24

Phẩm 10: HƯ KHÔNG MỤC (Phần 3)

Phần 6: THÁNH MỤC

Lúc đó, Bồ-tát Minh Tinh bạch Phật:

–Thế Tôn! Hàng Thanh văn tu pháp Thanh văn, Bích-chi-phật tu pháp Bích-chi-phật, như vậy làm sao tu tâm Từ, làm sao diệt trừ phiền não?

Phật nói:

–Thiện nam! Nếu có thiện nam, tín nữ nào hành hạnh Thanh văn, Bích-chi-phật, không thấy tướng vui của chúng sinh, không chấp tướng oán, thân, cha, mẹ, thương yêu chúng sinh, khởi tâm Bi. Đối với chúng sinh mười phương đều thế, tự nghĩ: Với chúng sinh xấu ác ta không thể tu tập tâm Bi thì nên quán tám tướng khổ của chúng sinh đó *(như khổ của sinh… khổ của chết).* Với chúng sinh như vậy làm sao ta không thương xót. Chúng sinh này còn có ba khổ lớn, chưa thoát ba đường ác, làm sao ta lại không thương xót.

Thế nào là quán khổ của sinh? Quán nhờ sự

hòa hợp của cha mẹ, có ý thức, có thân Ca-la-la. Thân này như hạt rau đay, chưa có hơi thở, chưa nhận biết khổ, vui, không khổ, không vui, bỏ sắc tướng của thân trước nhưng chưa đủ sắc tướng của thân sau, không có lực, dục, siêng năng, kiêu mạn về sắc, tánh, tướng, không có năm tướng dục, chưa đủ các căn. Chúng sinh như thế làm sao ta lại không thương xót. Chúng sinh đó có ái thủ quá khứ là vô minh, nghiệp hữu của quá khứ là hành, tâm mới vào thai là thức, sắc ban đầu và bốn ấm của thân Ca-la-la là danh sắc. Lúc này chưa đủ mười hai chi. Đến lúc chào đời mới đủ mười hai nhân duyên. Với chúng sinh đó, bậc trí nào lại không thương xót. Chúng sinh nào thọ thân Ca-la-la trong bốn mươi hai ngày, sau đó chuyển thành thân Át-phù-đà, thân như quả táo nhỏ. Bốn mươi chín ngày sau chuyển thành thân Già-na, thân như quả hồ đào, năm mươi chín ngày sau chuyển thành thân bố thí, thân như quả Tần-bà-la. Lúc này, thân ấy có đầu, chân, tay. Sau tám mươi bốn ngày mới có tướng ruột, sau một trăm bốn mươi ngày có tướng trai, gái. Một trăm bốn mươi bảy ngày có cốt tủy. Sau hai trăm năm mươi ba ngày thân đó có đủ máu, thịt, lông. Sau hai trăm sáu mươi sáu ngày là trọn vẹn thân, bốn ngày, bốn đêm ở trong nơi ô uế. Với chúng ấy làm sao ta không thương xót? Lúc này, bào thai nhớ lại việc trước nên rất đau khổ, tự nghĩ: “Sau khi ra đời, ta nguyện tu

pháp lành để thân sau không phải vào nơi như thế. Ta cần tu hạnh không phóng túng để không còn thọ sinh.” Lúc mới chào đời, toàn thân chịu khổ vì phải ra từ chỗ chật hẹp, lại khổ vì gió tiếp xúc thân, sau đó lại chịu khổ vì tắm rửa. Thật y như khổ địa ngục. Lúc này đức bé đã quên hết mọi việc đời trước. Thế rồi đứa bé tiếp tục chịu khổ về già, bệnh, chết. Thân này có tới bốn trăm lẻ bốn bệnh của bốn đại.

Sau cái khổ của sinh, lại chịu khổ của già, nào là tóc bạc, chỉ toàn khổ não. Sống khổ này hủy hoại sắc đẹp trẻ của chúng sinh ba đời. Lúc ấy, chẳng khác đứa trẻ nít, cuồng loạn như quỷ, đủ tất cả tướng xấu ác. Với chúng sinh này làm sao ta lại không thương xót.

Sau khổ già là khổ chết, mất trí tuệ, thọ mạng, bỏ các ấm, thân mạng hoại, bốn đại rời xa. Chết là kẻ thù của chúng sinh ba đời. Tất cả chúng sinh không thoát khỏi. Sao ta lại không thương xót chúng? Lúc đó, lại phải gặp những thứ không ưa thích như nóng lạnh, đói, khát, kẻ xấu, thú dữ. Làm sao ta lại không thương xót? Kế đó, lại phải xa lìa nhưng gì mình yêu thích như tài sản, thọ mạng, cha mẹ, vợ con, thân bằng, sáu trần tốt đẹp. Chúng sinh chịu khổ như thế làm sao ta lại không thương xót? Có chúng sinh mong cầu sáu trần tốt đẹp nhưng không được nên rất khổ đau. Với chúng sinh như vậy nếu ta không thương xót làm sao đạt

Bồ-đề vô thượng? Chúng sinh gánh nặng gánh năm ấm, ta cũng vậy. Nếu ta không tu tâm đại Bi, làm sao đặt gánh nặng xuống. Tất cả Thánh nhân đều đã đặt gặt năm ấm xuống. Nếu không tu ba tịnh giới, không khéo tư duy, sống buông lung, không hành chánh đạo, không giải thoát thì sẽ chịu trăm ngàn nỗi khổ.

Chúng sinh nào quán như thế trong một ngày đêm thì tâm tựa hư không, tu tập đại Bi với tất cả chúng sinh, thân tâm tịch tĩnh, không xa cách pháp giới chân chánh, thành tựu tâm Từ duyên chúng sinh của Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát lúc mới tu tập, tự nghĩ: Nếu ta có được hằng hà sa thân như núi Tu-di, mỗi thân ta sẽ chịu khổ thay cho chúng sinh để kẻ ấy được hưởng vui, ta vẫn không hối hận, cũng không thoái tâm Bồ-đề. Lại nghĩ: Giả sử tất cả chúng sinh đều cầm chày lớn như núi Tu-di đánh ta suốt vô số năm ta vẫn nhẫn nhục chịu không khởi tâm ác, dù chỉ trong một một niệm. Lại nghĩ: Một chúng sinh chịu trăm thứ khổ, tất cả chúng sinh cũng chịu nhân khổ ấy nhưng không biết nghĩ về đạo Bồ-đề vô thượng. Ta vẫn học đạo Bồ-đề vô thượng, sao lại không chịu được khổ về đao, kiếm, lửa, đá. Nếu ta có tâm ác với chúng sinh thì như Phật, Thánh hiền sẽ quở trách: Người này muốn đạt quả Bồ-đề vô thượng cớ sao lại không nhẫn nhục. Nhẫn nhục là anh lạc, tinh tấn là vật đựng của báu. Đại Bồ-tát tu tập nhẫn nhục có thể

làm thanh tịnh thân tâm, trang nghiêm đức kiên định, đạt trí tuệ lớn, vượt hơn Thanh văn, Bích-chi-phật, là bậc tối tôn trong chúng sinh, không bị bốn ma tổn hại, không dao động trước tà luận, giảm phiền não, không bị oán địch hãm hại, đủ biện tài giảng thuyết, trí sâu sắc như biển, tinh tấn, kiên định nhu núi Tu-di, bình đẳng với tất cả như nước biển chỉ một vị mặn, đem lợi ích cho mọi loài như mặt đất, thanh lọc ô uế như nước sạch, đem ánh sáng cho muôn vật như mặt trời sáng, tự tại vô ngại như gió lớn, không nhiễm pháp thế gian như hoa sen, chăm sóc chúng sinh như chim cánh vàng, được chúng sinh nhìn ngắm như áng mây mùa hạ, được chúng sinh thích thọ nhận như mưa mùa hạ, không mong cầu cái khác như người bệnh gặp được thuốc hay, đuổi hết sự nghèo khổ như châu báu Như ý, ban cho thiền định như Phạm thiên, tự tại trong sinh tử như hư không, bình đẳng ban cho như đèn sáng, được trời người cung kính như Đế Thích. Nếu Bồ-tát sân giận, mọi việc ác sẽ sinh khởi, làm tiêu tan của báu lành, quân ma thấy được lỗi của Bồ-tát, bị phiền não cấu nhiễm, vào nơi tăm tối, mất căn lành, bị Hiền thánh chê trách. Bồ-tát giận dữ dù chỉ trong một niệm vẫn làm mất hết pháp lành. Dù bị vô số trăm ngàn ức chúng sinh đánh mắng vẫn nhẫn nhịn, không giận. Vì sao? Vì chúng sinh đó không học pháp Từ bi. Nếu chúng sinh không đánh mắng làm sao Bồ-tát tu tập

Từ bi. Vì thế, khi chúng sinh chọc tức Bồ-tát nên vui. Vì sao? Vì đó là cơ hội để tu tâm Bi. Thiện nam, tín nữ quán như vậy sẽ đạt tâm Bi duyên chúng sinh vượt hơn Thanh văn, Duyên giác, sớm thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Thiện nam! Có người quán khổ của ba đường ác mà tu tập tâm Bi; người quán khổ của ba cõi mà tu tập tâm Bi, người quán khổ của ấm nhập giới mà tu tập tâm Bi. Vì vậy, thiện nam! Đại Bồ-tát muốn đạt Bồ-đề vô thượng thì nên tu tâm Từ bi. Vì sao? Vì Từ bi là hạt giống của tất cả pháp lành, chúng sinh đạt thân cõi Sắc là nhờ tu tập Từ bi. Chúng sinh đạt thân cõi Vô sắc; đạt đạo Thanh văn, Duyên giác; Bồ-tát trang nghiêm sáu pháp Ba-la-mật, điều phục chúng sinh, đạt Nhẫn vô sinh, thành tựu Bồ-đề vô thượng đều nhờ nhân Từ bi.

Lúc thuyết giảng pháp Từ bi này, Bồ-tát Minh Tinh đạt pháp Nhẫn vô sinh, vượt hơn Thanh văn, Duyên giác, tám vạn bốn ngàn chúng sinh đạt nhẫn như pháp, năm vạn năm ngàn na-do-tha chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, mười vạn tám ngàn chúng sinh đạt tâm không thoái chuyển, hai vạn chúng sinh thành tựu đại Bi, năm ngàn Tỳ-kheo đạt quả A-la-hán, năm trăm Tỳ-kheo-ni trừ hết lậu hoặc, mười vạn ức chúng sinh trừ tà chấp, tu chánh kiến.

Lúc ấy, Đức Phật bảo Đồng tử Vô Thắng Ý:

–Thiện nam! Thời xưa, Đức Phật Phát Công Đức Ý cũng giảng pháp đại Bi.

Đồng tử hỏi:

–Thế Tôn! Thế nào là như?

Phật nói:

–Thiện nam! Trừ chấp tướng nơi thân là như.

Đồng tử hỏi:

–Thân chính là tánh thật, là tịch tĩnh, là pháp giới, là vô lậu, là không cùng tận?

Phật nói:

–Thiện nam! Thân chính là thân của tất cả chúng sinh, là biên vực của quá khứ, vị lai, là tịch tĩnh.

Đồng tử hỏi:

–Thế Tôn! Như thân của chư Phật?

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Như pháp giới không thêm bớt, ba đời bình đẳng, không sinh diệt, như hư không, thân cũng như thế. Lúc giảng pháp này, có ba vạn chúng sinh đạt nhẫn như pháp.

Khi ấy, Đức Phật bảo Bồ-tát Minh Tinh:

–Thiện nam! Thế nào là tu tập Hỷ duyên chúng sinh? Thiện nam! Bồ-tát không tu Từ bi, không nghĩ về tướng vui của chúng sinh, không quán khổ của ba cõi, ba đường ác, quán sự sinh diệt của năm ấm, quán pháp như vậy nên khởi tâm hỷ, nguyện cho chúng sinh cũng đạt tâm Hỷ đó.

–Thế Tôn! Thế nào là tu Xả?

–Thiện nam! Bồ-tát không tu tâm Từ, Bi và Hỷ, chuyên tu tâm Xả, xả bỏ cha mẹ, kể cả quả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật. Lúc tu Xả, trừ các tâm tham, sân, tu tập ba giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, không bao lâu Bồ-tát sẽ nhập Niết-bàn. Người tu tập bốn Tâm vô lượng sẽ được Phật, Bồ-tát, các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ cúng dường. Nơi nào có bốn bộ chúng tu tập bốn Tâm vô lượng nơi ấy sẽ không có những tướng tai nạn, chúng sinh bỏ ác làm lành.

Thiện nam! Bốn Tâm vô lượng có đủ vô số công đức như vậy.

M

Phần 7: PHÁP BÍCH-CHI-PHẬT

Đông tử Vô Thắng Ý bạch Phật:

–Thế Tôn! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ tu pháp Duyên giác làm sao tu tập bốn Tâm vô lượng?

Phật nói:

–Thiện nam! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ tu thừa Duyên giác, quán hiểu về sự an lạc của chúng sinh, nghĩ từ pháp duyên không nghĩ từ chúng sinh duyên, nguyện chúng sinh

cũng được pháp lạc như mình, quán pháp, sự an lạc, tâm, như, đều bình đẳng, không có tâm ác với chúng sinh. Ngay khi muốn khởi tâm ác, người này tự nghĩ: Nếu ta khởi tâm ác với chúng sinh thì làm sao thành tựu Bồ-đề vô thượng. Đại Bồ-tát thành tựu vô lượng công đức thuần thiện nhưng nếu khởi tâm ác với một người thì vẫn không thể thành tựu Bồ-đề vô thượng, huống gì là ta, chưa thành tựu công đức lành. Vì vậy, cần tu Từ chúng sinh và Từ pháp duyên. Tâm Bi, Hỷ, Xả cũng vậy.

Thiện nam! Người học pháp Duyên giác cần tu bốn Tâm vô lượng như thế.

Lúc nêu giảng pháp này, có sáu vạn ức chúng sinh đạt địa thứ nhất, thứ hai thứ năm, có chúng sinh đạt Nhẫn vô sinh, có chúng sinh đạt đạo Bích-chi-phật, đạo Thanh văn, vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng.

M

Phần 8: TRÍ VÔ NGẠI CỦA PHẬT

Khi ấy, Đồng tử Hư Không Thanh bạch Phật:

–Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát trang nghiêm đạo Bồ-đề vô thượng, tu các phương tiện như Nhất thiết trí, phạm hạnh không duyên với tất cả pháp, ấm, nhập, giới, giải thoát, Tam-muội, Đà-la-ni, nhẫn, địa?

Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát tu Nhất thiết trí như hư không, vượt đến bờ giải thoát, phạm hạnh không duyên, vượt bốn dòng, đoạn bốn ma?

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Ông đã vào bốn biển vô lượng, muốn độ chúng sinh thoát khỏi dòng sinh tử nên hỏi như vậy. Ông lại mong không khiến đoạn trí Phật. Thiện nam! Trong các cõi Phật mười phương, nếu có các Bồ-tát tu Tam-muội, trí tuệ như ông thì khi ta thuyết pháp họ sẽ chứng minh. Nếu không có các Bồ-tát như vậy, ta sẽ không nói về phạm hạnh không duyên. Vì sao? Vì nếu ra nói, phần lớn sẽ nghi ngờ. Người chưa đạt phạm hạnh đó cũng sẽ nghi. Vì vậy không nên nói. Sau đó Đức Phật nhập Tam-muội Hư không tràng, phóng ra hào quang từ kim diện, ánh sáng soi chiếu khắp vô lượng cõi Phật mười phương, che khuất cả mặt trời, mặt trăng. Trong ánh sáng vang tiếng: "Đức Thích-ca ở cõi Ta-bà giảng pháp phạm hạnh không duyên cho chúng sinh, giúp đoạn trừ phiền não, giảng phạm hạnh không duyên của Bích-chi-phật, Thanh văn, vô số chúng sinh, Bồ-tát đều an tọa nghe pháp. Phật còn giảng về hạnh thanh tịnh Bồ-đề để tạo lợi ích cho mọi loài. Phật giảng các hạnh để chúng sinh đạt quả một đời và nhiều đời." Nghe vậy, chúng sinh khắp mười phương đều tập hợp về cõi Ta-bà. Các Bồ-tát có vị hiện thân vàng ròng, tuôn cát vàng; có vị hiện

thân bạc, tuôn cát bạc; vị hiện thân lưu ly, tuôn cát lưu ly; vị hiện thân pha lê, tuôn cát pha lê; vị hiện thân trầm thủy, tuôn cát trầm thủy; vị hiện thân chiên-đàn, tuôn cát chiên-đàn; vị hiện thân Đa-ma-la-bạt, tuôn cát Đa-ma-la-bạt để cúng dường Phật. Sau đó, các vị lạy Phật, lui ra ngồi qua một bên.

Đức Phật lại bảo Đồng tử Hư Không Thanh:

–Thiện nam! Các Bồ-tát từ mười phương đến đây có vị đạt pháp nhẫn, vị đạt Nhẫn vô sinh, vị đạt quả một đời, hoặc nhiều đời đều chứng minh cho ta. Các Bồ-tát này đều tu tập bốn Tâm vô lượng, hiểu rõ tánh của các pháp, trừ chấp tướng nơi thân, nghiệp, không chấp hữu vi, vô vi, không tham chấp nơi mắt ý, sắc, pháp chuyên tâm tu tập phạm hạnh không duyên, không giác quán, không kiêu mạn, không tham chấp, biết tánh chân thật, quán biết các pháp bình đẳng như ba đời, ba cõi, ba giới, tăng trưởng bốn Tâm vô lượng đối với chúng sinh, trừ ấm giới nhập, không chấp câu, chữ, tên, pháp hữu vi. Quán như vậy sẽ hành trì trọn vẹn đại Từ, Bi, Hỷ, Xả, tu tập Tam-muội, phạm hạnh, sáu pháp Ba-la-mật, như hư không, được chư Phật bảo hộ đủ phương tiện lành, trụ nhẫn thứ ba, vượt đạo Thanh văn, Bích-chi-phật, xa lìa nhân duyên của mắt, sắc, ý, pháp quán và tùy thuận pháp giới, không điên đảo, đủ oai lực của đại Từ bi, tự tại trong các pháp, không chán

ghét sinh tử, đủ oai lực điều phục chúng sinh, đạt phương tiện trí tuệ trong ba thừa, tuôn mưa pháp, trọn trí vô ngại, hiểu rõ ngôn ngữ của mọi loài.

Thiện nam! Đó là Đà-la-ni Thánh mục; vạn trí vô ngại, tu tập phạm hạnh. Thiện nam! Bồ-tát tu tập phạm hạnh luôn được gặp Phật, đủ các Phật, làm thanh tịnh cõi Phật, tịnh cả các pháp như tánh, chúng, hạnh, trí, ý, sự cúng dường, đủ mười Địa, dần sẽ an tọa nơi pháp tòa Như Lai. Đó là phạm hạnh thanh tịnh, là Như Lai, Thế Tôn, là vượt bốn dòng, là đạo Bồ-đề, đạt chánh giác, chuyển xe pháp. Thế nào là Nhất thiết trí? Trí quán tất cả bình đẳng như chúng sinh, ba đời, không điên đảo. Thấy tất cả các pháp, pháp vô hành, tánh, như, như nội không, như ngoại không, như nội ngoại không, như đại không, như Đệ nhất nghĩa không, như hữu vi không, như vô vi không, như tất cánh không, như vô thỉ không, như tánh không, như tán không, như tự tánh không, như nhất thiết pháp không, như vô sở giác không, như vô pháp không, như thật tánh không, như vô tướng vô nguyện không, như tất cả pháp vô biên vô xứ, như đại Từ, đại Bi, nhất thiết tri kiến, Nhất thiết trí đều như hư không. Thấy như thế rồi, chuyển xe pháp. Đó là pháp giới không thuộc chúng sinh, là Nhất thiết trí, là cảnh giới của Phật.

Lúc giảng pháp này, có chín vạn hai ngàn chúng sinh thành tựu phạm hạnh không duyên,

hằng hà sa chúng sinh đạt nhẫn như pháp, hằng hà sa chúng sinh đạt mắt pháp thanh tịnh trừ nhơ uế, một ngàn Tỳ-kheo đạt quả A-la-hán, vô lượng trời, người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

M

Phần 9: HỘ PHÁP

Lúc ấy, chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc dâng hoa hương, lọng, phướn, trỗi nhạc cúng dường Phật, lại thưa:

–Thế Tôn! Như Lai đã giảng pháp ở cõi Diêm-phù-đề, giờ lại giảng pháp ở cõi báu này, đều là vì hạnh Bồ-đề.

Đại chúng thưa:

-Cảnh giới của Như Lai thật không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì lúc Như Lai thuyết pháp ở cõi báu này, vô số Bồ-tát từ các cõi Phật mười phương đều tập hợp về đây để nghe pháp Hư không mục.

Lúc ấy, chín vạn hai ngàn Đồng tử như Văn-thù-sư-lợi, Kim Cang Sơn, Vô Thắng Tràng, Vô Thắng Ý, Hư Không Thanh… bạch Phật:

–Thế Tôn! Ngưỡng mong Đức Như Lai dùng nguyện lực khiến các pháp Hư không mục này được trường tồn ở cõi Ta-bà và các cõi nước mười phương. Vì sao? Vì trong pháp ấy có ba hạnh thanh tịnh. Bồ-tát hành ba hạnh này sẽ thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Phật nói:

–Thiện nam! Các Đức Phật Kim Cang Quang Minh Công Đức ở phương Nam, Trí Tràng ở phương Tây, Phát Quang Công Đức ở phương Bắc, Bảo Cái Quang Minh Công Đức ở phương Đông đều đã từng nguyện làm cho kinh này được

truyền bá khắp nơi, giúp các Bồ-tát nơi mười phương tu tập ba hạnh thanh tịnh. Nay ta phó chúc kinh này cho bốn đại Thiên vương, Thiên nữ Công Đức, trời Đại tự tại, Nữ thần Bát Tý Khiên Địa. Vì sao? Thiện nam! Chúng sinh tánh độc ác, có thế lực lớn, tạo nghiệp nặng không thọ trì kinh này. Sau khi chết, chúng sẽ thọ thân quỷ ác, rồng ác. Quỷ, rồng ác đó muốn phá hoại pháp Phật, chúng tuôn mưa dữ, thổi gió bão, bụi đất, gây bệnh cho Tỳ-kheo tu ba hạnh, móc tim gan của vị đó, thổi hơi độc vào thức ăn, thức uống làm cho người ăn uống phải mắt bệnh nặng, thầy thuốc không thể cứu chữa. Tỳ-kheo hành ba nghiệp bỏ thân là pháp diệt. Quỷ ác còn làm cho đệ tử Phật, các hàng Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Đại thần, Trưởng giả khởi tâm ác, tàn sát lẫn nhau. Lúc ấy, cõi Diêm-phù không còn một người, thành ấp xóm làng hoang vắng. Như thế làm sao lưu truyền kinh này. Vì thế ta không phó chúc kinh này cho các Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ và các vua, mà giao phó cho các Thiên thần sau này, ở nơi nào có Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ thọ trì đọc tụng kinh này, các Thiên thần sẽ chuyên tâm bảo hộ, khuyên Đàn-việt cúng dường y phục thuốc men, thức ăn, đồ nằm, nhà cửa, đèn đuốc. Các Đàn-việt này nếu bị bệnh khổ hoặc có các tướng xấu, Thiên thần sẽ gia hộ, tiêu trừ cho. Nhờ

thế chánh pháp được lưu truyền rộng rãi.

Khi đó các Thiên thần bạch Phật:

–Thế Tôn! Từ bây giờ cho đến sau này khi Như Lai Niết-bàn chúng con nguyện gác lại mọi việc của mình mà lo bảo hộ pháp ấy. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ thọ trì kinh này, siêng năng tu tập, dù chứa các vật bất tịnh như vợ con, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, nhà cửa, nô bộc chúng con vẫn vì chánh pháp mà bảo hộ họ ngăn chận không cho quỷ dữ hãm hại. Nơi nào có kinh này lưu truyền thì nơi ấy thời tiết và sự vận chuyển của trăng, sao được điều độ, không có binh đao, trai gái già trẻ đều thích tụng kinh này, giữ gìn tịnh giới.

Thế Tôn! Nhờ thế, chư Thiên thích sống ở thế gian, chúng sinh đó sau khi chết được thọ thân trời, sắc lực, thọ mạng của chư Thiên được tăng trưởng, không còn một tướng xấu ác nào. Người không tin kinh này, chúng con sẽ làm cho tin. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ nào không thọ trì, biên chép kinh này, không thích nơi nhàn tịnh, không tư duy kỹ, ham vật cúng, không giữ giới, lười biếng, kiêu mạn, không hổ thẹn, gần gũi người đời, đánh đập mắng giết đệ tử Phật, tố cáo tội lỗi của họ lên vua quan, khử tâm ác, quỷ thần thiện bỏ họ đi đến nơi khác, quỷ ác có tội hại, các nước chém giết tranh giành nhau, mưa gió thất thường, lúa má mất mùa, nhân dân đói khát, ăn

nuốt lẫn nhau.

Bấy giờ, các Bồ-tát mười phương đều bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì thương xót chúng sinh của cõi có đủ năm thứ ô trược này, Đức Như Lai đã chế ra giới luật. Để chánh pháp được trường tồn, mong Như Lai lại chế ra những giới luật về thân, khẩu, ý, không cho chứa vật phi pháp, tranh giành, gần gũi, vua, quan, trưởng giả, chứa vật của thế gian, như giới luật các Đức Phật ở cõi khác đã chế ra.

Phật nói:

–Thiện nam! Thôi, thôi. Như Lai tự biết thời. Thiện nam! Không đủ duyên, Như Lai không chế giới luật trước.

Đức Phật lại bảo vua Tần-bà-ta-la:

–Đại vương! Theo pháp luật của nước Đại vương, thế nào là tội nặng nhất?

Vua thưa:

–Thế Tôn! Theo pháp luật của nước con có bốn tội được coi là nặng nhất: Giết người, trộm năm tiền, hành dâm với vợ người, vì tham năm tiền mà dối vua, dân. Người phạm một trong bốn tội nặng sẽ bị tử hình.

Phật nói:

–Ta cũng sẽ chế bốn tội này cho các đệ tử đời sau. Đại vương! Hoàng tử mấy tuổi không được vào cung?

–Thế Tôn! Quá hai mươi tuổi.

Phật nói:

–Ta cũng chế vậy, Sa-di hai mươi tuổi dù đạt đạo vẫn không được vào trong chúng.

Vua thưa:

–Thế Tôn! Theo luật của nước con, người tạo tội nhất định bị tử hình hoặc bị đánh, mắng, trói, nhốt, đuổi ra khỏi nước. Trong pháp của Như Lai ra sao?

–Đại vương! Pháp của ta cũng vậy. Người phạm tội hoặc bị phục dịch một tháng, hai tháng, hoặc không cho ăn, Ở, trò chuyện cùng mọi người, hoặc bị đuổi, hoặc đuổi khỏi một nước, bốn nước. Nơi nào có pháp Phật, nơi đó sẽ trừng trị những Tỳ-kheo ác để cho các Tỳ-kheo tốt được an ổn hành pháp, làm cho chánh pháp được trường tồn. Đại vương! Ở đời sau, đệ tử Phật nào chứa nhiều tài vật, có thế lực, được vua trọng vọng, đại chúng không thể trị được, vua hãy xử trị vị ấy. Nếu các hàng Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà không xử trị kẻ đó thì Tam bảo sẽ bị diệt, đuốc pháp bị tắt, thuyền pháp bị hư, mất vị pháp, mắt chúng sinh bị đoạt, chánh pháp của ta diệt, tâm chúng sinh buông lung.

Đại vương! Như có người đoạt mất của cải nơi vô số người, theo nhà vua tội đó có nhiều không?

–Thế Tôn! Không thể tính đếm được.

–Đại vương! Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà thấy chánh pháp bị diệt mà không bảo hộ thì mắc tội như tội kia. Đại vương! Vị vua nào từng tu tập thí, giới, tuệ trong vô số kiếp, nhưng thấy pháp của ta bị diệt mà không bảo hộ thì tất cả căn lành kia đều sẽ mất. Nước ấy sẽ gặp ba tai nạn: Mùa màng mất, binh đao nổi lên, bệnh dịch hoành hành. Tất cả các thiện thần đều bỏ đi nơi khác, dân chúng không tuân theo lời nhà vua, các nước láng giềng thường xâm phạm, lửa dữ nổi lên, mưa bão, lũ lụt cuốn trôi dân chúng, hoàng thân quốc thích mưu toan chiếm đoạt, không bao lâu nhà vua bị bệnh nặng, sau khi chết, vua bị đọa vào địa ngục. Nếu nhân lành kia phát triển thì được thọ thân người nhưng luôn đui mù, nghèo khổ, ăn xin, tâm xấu ác. Vì tâm ác nên lại đọa vào địa ngục. Hoàng hậu, hoàng tử, đại thần, trưởng thôn, tướng soái cũng bị như vậy.

Nghe thế vua Tần-bà-ta-la buồn đau, nuốt lệ thưa Phật:

–Thế Tôn! Con gặp Phật mà chưa trị nước đúng pháp của Như Lai, huống gì đời sau các vua buông lung, không siêng năng tu tập, giữ giới không xử trị Tỳ-kheo ác để bảo hộ pháp Phật, không thể làm cho Tam bảo trường tồn. Các vua ấy, ắt mãi bị đọa vào ba đường ác.

Lúc đó hoàng hậu, hoàng tử, đại thần, tướng soái, trưởng thôn đều bạch Phật:

–Chúng con nguyện siêng năng bảo hộ chánh pháp ngay trong hiện tại, cúng dường mọi vật cần dùng cho người thọ trì pháp Phật, xử trị các Tỳ-kheo ác, làm hưng thịnh Tam bảo.

Phật nói:

–Các thiện tín! Nếu làm được như vậy là các ông đã cúng dường chư Phật trong ba đời, thành tựu vô thượng công đức.

M

Phần 10: ĐẠI CHÚNG TRỞ VỀ

Khi ấy, Đức Phật lại bảo chư Thiên:

–Thiện nam! Các ông chớ nên buồn lo. Như Lai sẽ chế giới luật nghiêm minh để các đệ tử Phật biết bảo hộ chánh pháp, để Tam bảo không đoạn, tăng trưởng pháp lành, học rộng tạng báu, đoạn tất cả phiền não khổ đau, thành đạo Bồ-đề vô thượng. Hôm nay, nghe pháp này các Thanh văn, Duyên giác đều đạt quả, các Bồ-tát hành trì trọn vẹn ba hạnh thanh tịnh, đạt trí vô thượng.

Thiện nam! Kinh này loại trừ chúng sinh ác, diệt pháp ác, đoạn ba nghiệp ác, trừ quả ác. Thiện nam, tín nữ nào cúng dường kinh này là cúng dường chư Phật nơi mười phương.

Lúc đó chúng sinh ở cõi Ta-bà cùng thưa:

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! Thế Tôn! Chúng con chưa từng nghe tạng pháp như vậy. Hôm nay

chúng con đã được nghe. Thế Tôn! Chúng con sẽ thọ trì, bảo hộ pháp Phật, vì pháp, chúng con không tiếc thân mạng. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thiện nam, tín nữ nào thọ trì kinh này chúng con sẽ cúng dường, cung cấp mọi vật cần dùng. Chúng con nguyện bảo hộ người cúng dường các vị thọ trì kinh, ban cho người ấy đủ của cải. Nơi nào có kinh này lưu truyền, chúng con nguyện bảo hộ nơi ấy, không để việc ác xảy ra.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Các vị làm được như vậy là cúng dường chư Phật nơi ba đời.

Thiện nam! Chúng sinh có tâm hộ pháp, sinh vào cõi trời, người, đủ oai lực, dù làm súc sinh vẫn có uy lực, được người quý, không đói khổ.

Thiện nam! Điều ác không thể tổn hại người hộ pháp. Người này an ổn, không lo sợ, không bị quân ma phiền não hãm hại, nhiều bà con, đủ trí tuệ, giảng nói thông suốt, thích hành mười pháp lành, tu tập chánh định, tôn kính cha mẹ, được vua quan quý kính, lên pháp tòa giảng chánh pháp, nhớ rõ các pháp đã nghe.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 25

Phẩm 11: BỒ-TÁT BẢO KẾ (Phần 1)

Bấy giờ, Đức Phật vẫn ở cõi báu này, an tọa nơi tòa Sư tử, phóng ra hào quang rực sáng như mặt trời, mặt trăng, tự tại như Đế Thích, công đức hiển hiện như Tu-di, nhập pháp giới sâu xa như biển cả, diễn giảng chánh pháp cho đại chúng. Pháp ấy trước, giữa sau đều thiện, nghĩa lý chân chánh, đủ hạnh thanh tịnh. Phật giảng pháp ấn thanh tịnh cho các Bồ-tát để các vị tu tập.

Lúc này, cách chín vạn hai ngàn cõi Phật về phía Đông có cõi tên Thiện hoa, Đức Phật cõi ấy hiệu Tịnh Trụ, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Tịnh Trụ giảng pháp Độ sinh. Bồ-tát Bảo Kế và tám ngàn Bồ-tát của cõi Thiện hoa đến cõi Ta-bà dâng lọng báu lên Phật *(lọng ấy che khắp cả một ngàn cõi nước)* và cúng dường Phật với các loại hương hoa, lại nói kệ tán thán Phật:

Tất cả trời người ai gặp Phật
Sẽ được thành tựu công đức lớn
Như Lai từng chịu vô lượng khổ
Siêng năng tu tập đại Bồ-đề.
Xưa kia Thế Tôn siêng tu học
Bồ-đề siêu vượt các Bồ-tát
Vì muốn lợi lạc cho quần sinh
Xoay chuyển xe pháp đạo Vô thượng.
Thật khó được gặp Đức Thế Tôn
Khó được nhân duyên nghe chánh pháp
Có được thân người cũng rất khó
Đầy đủ các căn thật không dễ.
Những chúng sinh nào làm việc ác
Không chịu tu tập ba nghiệp lành
Nếu muốn thành tựu công đức lớn
Cần được gặp gỡ Đức Thích-ca.
Ai mong nghe, học pháp vi diệu
Thấy các Bồ-tát ở mười phương
Trọn ba mươi hai tướng đại nhân
Hãy mau đến đây cõi báu này.
Ngày nay không trồng các căn lành
Về sau không thể đạt Niết-bàn
Chúng sinh muốn được thọ thân người
Mau mau đến cõi Ta-bà đây.
Muốn trừ khổ não ba đường ác
Thọ hưởng diệu lạc của trời người
Thành tựu pháp lạc không gì sánh

Mau mau đến cõi Ta-bà này.
Như Lai hiện ban vị cam lồ
Diệt trừ phiền não cho chúng sinh
Như Lai thương xót chủ vua pháp lớn
Đang giảng thuyết về cảnh giới mầu.

Tiếng kệ của Bồ-tát vang khắp tam thiên đại thiên cõi nước. Nghe kệ ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế Tôn! Tiếng kệ ấy vang từ đâu.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Cách đây chín vạn hai ngàn cõi Phật về phương Đông có cõi nước tên Thiện hoa, Đức Phật hiệu là Tịnh Trụ. Bồ-tát Bảo Kế và tám ngàn Bồ-tát của cõi ấy định đến đây. Đó là tiếng kệ của họ. Tiếng kệ vang ấy khắp tam thiên đại thiên cõi nước, khuyên chúng sinh làm lành.

Lúc đó Bồ-tát Bảo Kế, tám ngàn Bồ-tát và vô số trời người đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni lạy Phật, thưa:

–Thế Tôn! Đức Phật Tịnh Trụ cõi Thiện hoa có lời thăm hỏi Như Lai. Như Lai đi lại có an ổn không, đại chúng có thích nghe pháp không? Thế Tôn! Chúng con đến đây để nghe pháp ấn hạnh thanh tịnh của Bồ-tát. Ngưỡng mong Như Lai thương xót chúng con phân biệt giảng nói pháp để các Bồ-tát nghe học, trừ tất cả tập khí phiền não, tu hạnh Bồ-tát, hiểu tâm tánh của chúng sinh,

tu tập các hạnh của Bồ-tát, đạt hạnh hiểu về trí tuệ, biết nghiệp phiền não, tu các pháp của Bồ-tát, quán sát rõ về tội lỗi, thân tự tại gặp được chư Phật.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Hãy lắng nghe, Như Lai sẽ giảng nói một phần nhỏ về hạnh thanh tịnh.

Thiện nam! Đại Bồ-tát có bốn hạnh: Ba-la-mật, Trợ Bồ-đề, thần thông, điều phục chúng sinh. Hạnh Ba-la-mật là phương tiện nguyện, hạnh trợ Bồ-đề là phương tiện tu đạo, hạnh thần thông là phương tiện điều tâm, là phương tiện kiên định tâm Bồ-đề.

Thiện nam! Thế nào là hạnh Thí ba-la-mật? Là hạnh thanh tịnh, trừ tâm si, tu tâm Xả, bố thí tất cả, Bồ-tát bố thí như vậy đạt được bốn Tâm vô lượng không phân biệt: Không phân biệt chúng sinh, không phân biệt pháp, không phân biệt tâm, không phân biệt nguyện. Không phân biệt chúng sinh là không chấp cho người này, không cho người kia, cho người này nhiều cho kẻ kia ít, cho người này cái tốt, cho người kia cái xấu, cung kính người này, khinh thị người kia, cho người này tất cả, cho người kia một ít, người này giữ giới, người kia phá giới, người này là ruộng phước, người này đạt báo tốt, kẻ kia chịu quả xấu, người này chánh kiến, kẻ kia chấp tà, người này hành chánh hạnh,

kẻ kia tà hạnh.

Thiện nam! Bồ-tát đủ tâm như thế gọi là tâm không phân biệt, không kiêu mạn, không trên dưới, không chướng ngại là tâm bình đẳng, tâm chân chánh, thí giới bình đẳng, Từ bi bình đẳng, không phân biệt tựa hư không. Đó là không phân biệt chúng sinh. Bồ-tát không phân biệt giảng cho người thọ học, không giảng cho người không học, cung cấp vật dụng cho người học pháp, không học thì không cho, không cho kẻ phàm phu, cúng dường bậc Hiền thánh. Đó là không phân biệt pháp. Bồ-tát quán tâm chúng sinh bình đẳng, bố thí không mong đền ân, không tham vật bên trong bên ngoài, không bố thí để cầu danh, bố thí không vì quả, ban cho vật mình yêu thích nhưng không hối hận, bố thí để độ chúng sinh. Đó là không phân biệt tâm. Bồ-tát bố thí không mong đạt thân Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân, Ma, Trưởng giả, đại thần không vì quyền thế, quyến thuộc, sở hữu tốt, Thanh văn, Bích-chi-phật, kể cả quả Bồ-đề vô thượng. Đó là không phân biệt nguyện.

Thiện nam! Khi Đại Bồ-tát bố thí đủ bốn tâm đó thì trừ được tám tà chấp ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, thường, đoạn, có, không và bốn công đức, Phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, công đức còn tập khí. Bồ-tát này không quán bốn tướng: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; làm thanh tịnh bốn pháp: Thân, khẩu, ý, nguyện; trừ ba sự trở

ngại: Quả báo, Thanh văn, hối hận; đoạn ba sự lo sợ: Kiêu mạn, thượng mạn, nghiệp ma; đủ bốn ấn: Nội không, ngoại không, chúng sinh không; Bồ-đề không; trọn bốn pháp tinh tấn: Độ thoát chúng sinh, bảo hộ pháp Phật, đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, làm thanh tịnh cõi Phật; vẹn bốn niệm: Tâm Bồ-đề, gặp Phật, Từ bi, trừ phiền não; thanh tịnh ba pháp: Thân mình, thân người, Bồ-đề; tịnh bốn trí: Giới (cảnh giới), chúng sinh, nguyện, trợ Bồ-đề. Thiện nam! Bồ-tát hành các pháp ấy sẽ làm thanh tịnh Thí ba-la-mật.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh Giới ba-la-mật? Thiện nam! Bồ-tát thương yêu tất cả chúng sinh, vượt trên lòng từ của Thanh văn, Duyên giác, trừ nghiệp ma, điều phục chúng sinh, hành trì trọn vẹn vô lượng công đức, không buông lung. Đó là một pháp thanh tịnh Giới ba-la-mật. Lại có hai: Không khởi tâm ác đối với chúng sinh, điều phục chúng sinh hướng đạo Bồ-đề. Lại có ba: Tịnh thân, trừ tất cả nghiệp ác của thân, thanh tịnh khẩu, trừ mọi nghiệp của khẩu; thanh tịnh ý, trừ mọi tà chấp tham, sân, si. Lại có bốn: Khuyên chúng sinh giữ giới; khuyên chúng sinh hành viên mãn tịnh giới; điều phục kẻ hủy giới; tôn trọng, cúng dường ca ngợi người giữ giới. Lại có năm: Không kiêu mạn dù đã giữ giới; không khinh khi người hủy giới; không ganh ghét người giữ giới; không cầu pháp Thanh văn. Lại có sáu: Niệm Phật

vì vượt giới; niệm Pháp tâm không hối hận khi vượt giới; niệm Tăng vì đủ giới của Như Lai; niệm Giới không cầu quả hữu lậu; niệm thí, ban cho tất cả, niệm Thiên mong trọn vẹn pháp lành. Lại có bảy: Vững tin pháp Phật, siêng năng tu tập để đạt pháp Phật; đủ trí để biết tất cả pháp Phật, có thể giảng lại pháp đã nghe, cúng dường sư trưởng, Hòa thượng, cha mẹ, sợ nghiệp ác hiện tại và vị lai; đủ tâm hổ thẹn. Lại có tám: Không mê hoặc mọi người vì lợi vật; không kheo việc mình; không vui khi được cúng dường, luôn biết đủ; hành hạnh Phật, thích pháp lành, hành pháp Đầu-đà, không tiếc thân mạng, thích vắng lặng không làm việc thế gian; thích pháp, chán ghét ba cõi; chuyên tâm hộ pháp, không tiếc thân mạng. Lại có chín: Trừ chín tâm ác; niệm tịnh; niệm tâm; tăng trưởng pháp lành; thích tịch tĩnh; trừ phiền não; trang nghiêm Xa-ma-tha; siêng năng tu tập; không dối chúng sinh. Lại có mười: Tịnh ba nghiệp của thân; tịnh bốn nghiệp của khẩu; tịnh ba nghiệp của ý; không ganh ghét; không dua nịnh; chí tâm niệm giới; siêng năng để giữ giới; nói lời êm dịu điều phục chúng sinh; thọ thân để độ sinh; không khinh bậc có đức là ruộng phước thế gian.

Thiện nam! Bồ-tát hành giới Ba-la-mật có hai hạnh thanh tịnh: đủ tâm tướng, trang nghiêm, không chấp các pháp. Lại có hai: Luôn nguyện

tâm Bồ-đề; không quán tướng giới hướng Bồ-đề.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh Nhẫn ba-la-mật? Thiện nam! Dù bị mạ nhục Đại Bồ-tát vẫn không trả thù, là thanh tịnh nghiệp khẩu; không trả thù khi bị đánh, là thanh tịnh nghiệp thân; không trả thù kẻ độc ác với mình; là thanh tịnh nghiệp ý. Thiện nam! Bồ-tát không trả thù khi bị ma nhục là để bảo hộ chúng sinh, bảo hộ đời sau dù bị chặt đứt tay chân vẫn không sân, bảo hộ Bồ-đề không giận khi thấy kẻ cầu học, khởi tâm Từ vì bốn Nhiếp pháp, tăng trưởng đạo Bồ-đề, trừ tâm than, đoạn nghiệp ma.

Thiện nam! Đại Bồ-tát niệm Phật, hành hạnh nhẫn, chịu mọi khổ não, để đạt thân Phật. Thiện nam! Đại Bồ-tát hành nhẫn để trọn vẹn mười Lực, hoặc mong đủ biện tài, gầm tiếng sư tử, hoặc để biết rõ ba đời, đạt thần lực đại Từ bi, chứng Nhất thiết trí. Thiện nam! Đại Bồ-tát đủ hai lực sẽ thành tựu hạnh nhẫn: Trí lực, sức tu tập Bồ-tát không chấp pháp nên hành nhẫn. Thiện nam! Bồ-tát hành nhẫn quán trong các pháp không có chúng sinh, tánh của các pháp là giải thoát, quán các pháp không có nhẫn, sân, không chấp các pháp là hành nhẫn.

Thiện nam! Bồ-tát có hai nhẫn: Quán như Pháp thân, quán như pháp giới. Đại Bồ-tát đủ hai nhẫn này là thanh tịnh Nhẫn ba-la-mật? Bồ-tát tu tập không ngừng nghỉ, không hối hận, không chán

pháp lành, thích tu sáu pháp Ba-la-mật khác, thường trang nghiêm pháp lành, bảo hộ, giảng thuyết chánh pháp, siêng năng độ sinh, vượt pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, bảo hộ pháp Phật không hối hận khi hành hạnh khổ, không mất căn lành, học rộng không mệt mỏi, đi lại độ sinh. Đó là tinh tấn. Thế nào là tịnh? Quán thân như ảnh, khẩu không có ngôn ngữ, tâm vốn thanh tịnh quán các pháp diệt bằng trí tận, trang nghiêm ba pháp tinh tấn: Thể, giác, phân biệt. Lạ có ba pháp không chấp: Mắt, sắc, thức (pháp cũng vậy). Đó là tinh tấn không chấp không bỏ: Không chấp bố thí, không bỏ xan tham, không chấp giữ giới, không bỏ hủy giới, không chấp nhẫn, không bỏ sân, không chấp tinh tấn, không bỏ lười biếng, không chấp thiền định, không bỏ tán loạn, không chấp trí tuệ, không bỏ ngu si, không chấp pháp lành, không bỏ pháp ác, không chấp đạo Phật, không bỏ Nhị thừa. Từ hai hạnh tinh tấn này sẽ hành trì trọn vẹn pháp Phật.

Lại có hai pháp là trong, ngoài.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh Thiền ba-la-mật? Bồ-tát quán các pháp thiền, nhập định, không tham chấp sắc thọ tưởng hành thức, không chấp mắt ý, không chấp sắc pháp, không chấp đất, nước, gió, lửa, không, không chấp mặt trăng, mặt trời, Đế Thích, Phạm thiên, Tự tại thiên; không chấp cõi Dục, Sắc, Vô sắc, kia, đây, không

quán thân, tâm, không chấp trên dưới, bốn thủ, thường, đoạn, có, không, không phải đoạn hết lậu hoặc, không nhập định, không đạt quả Sa-môn, không rốt ráo, không chân không, là "không" điều phục, là vô tướng điều phục, không phải vô tướng thật, là vô nguyện điều phục, không phải là vô nguyện thật. Bồ-tát thành tựu các hạnh rỗng lặng đại Từ, đại Bi. Nghĩa là không quán Bố thí, giữ Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền, Trí, Từ, Bi, Hỷ, Xả, bốn Đế, Trí tuệ, Thệ nguyện, Trang nghiêm, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, Giải thoát, Hổ thẹn, Tam-muội, Thần thông, trí Vô ngại, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật, không nhiễm pháp Nhị thừa, đoạn tập khí, đủ vô lượng trí thần thông, làm nơi nương tựa của chúng sinh, vượt bốn dòng sinh tử, trừ mọi sự ràng buộc, thanh tịnh tánh pháp. Đó là tịch tĩnh tánh, không phải tịch tĩnh hướng pháp, hoặc hướng pháp bỏ tánh, siêng năng điều phục pháp, không điều phục tánh, nghe pháp không nghe tánh, diệt tịch tĩnh, điều hòa sự nóng đốt. Đó là tất cả hành rỗng lặng.

Thiện nam! Ví như chúng sinh trong tam thiên đại thiên cõi nước đều biết vẽ, người biết về nền, người tô điểm, người biết vẽ thân, không biết vẽ tay chân; người biết vẽ tay chân, không biết vẽ mặt. Một hôm, nhà vua đưa cho họ một tấm vải, bảo: Tất cả những ai biết vẽ đều đến đây để vẽ chân dung ta. Nghe thế, tất cả đều đến, tùy khả

năng của mình mà vẽ. Một họa sĩ vì bận việc nên không đến. Vẽ xong, mọi người đem dâng lên vua.

Thiện nam! Có thể nói bức họa ấy là do nhiều người vẽ không?

–Không, thưa Thế Tôn!

–Thiện nam! Ta chưa nói hết ý. Thiện nam! Vì một người không đến nên không thể nói là của tất cả nhóm cùng làm, cũng không thể nói là bức họa đã hoàn tất. Người hành pháp Phật cũng thế, nếu chưa thành tựu một hạnh nào đó thì chưa hành trọn vẹn pháp Phật. Vì thế phải đầy đủ các hạnh mới gọi là thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Lúc nêu giảng pháp này, có sáu vạn Bồ-tát đạt trọn vẹn "Không" trong tất cả hạnh.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát hành thanh tịnh Bát-nhã ba-la-mật? Thiện nam! Đại Bồ-tát đủ mười hai tuệ: Biết hết quá khứ, biết hết vị lai; biết rõ hiện tại; biết cùng tột về hữu vi, biết rõ về vô vi; biết nghiệp của các đời; biết rõ pháp xuất thế; đủ biện tài vô ngại; biết thật tánh không ngại; biết thế đế không ngại; biết rõ Đệ nhất nghĩa đế; biết căn tánh lợi, độn của chúng sinh. Đó là tuệ. Phá những gì khó phá, quán những gì khó quán, hiểu những gì khó hiểu, như kim cang không hư hoại. Đó là trí tuệ xuất thế, là tuệ rất rốt ráo. Hiểu rõ tâm chúng sinh, khó hành, khó nhập, khó thấy, khó tu, là chánh kiến, trừ các chấp và tập khí, biết rõ tâm chúng sinh, không tham chấp pháp, nghĩa, sáng

suốt, rộng lớn, không tranh chấp, biết rõ thời tiết, bảo hộ chánh pháp, giác ngộ chân thật đầy đủ, trừ dơ uế, không bị chê trách, hành mọi hạnh nhưng không chấp, đoạn hạnh thế gian nhưng lại làm tất cả, lìa cảnh giới nhưng không rời cõi Phật, bỏ mọi hạnh nhưng không bỏ hạnh độ sinh, hạnh lành, bỏ tâm chúng sinh nhưng biết rõ tâm mọi loài, bỏ hạnh thế gian nhưng hiểu rõ pháp thế gian, bỏ thân nhưng nhập tâm chúng sinh. Đó là tuệ. Trí tuệ này rất khó đạt, nếu không đủ căn lành thì không thể có, không tu pháp lành thường xuyên thì không đạt, an tọa nơi cội Bồ-đề mới thành tựu, thật biết về tánh pháp, được chư Phật bảo hộ, đạt giải thoát, biết pháp, ban vị cam lồ. Đó là Bát-nhã ba-la-mật.

Thiện nam! Trí tuệ đó hiểu rõ tất cả duyên, tướng, tâm, hạnh của chúng sinh. Trí tuệ đó có hai pháp tịch tĩnh: Biết tướng ngại, biết tướng không ngại. Lại có hai: Biết không giác, biết không quán. Với trí tuệ đó Bồ-tát biết rõ căn tánh của chúng sinh, tâm chúng sinh, các pháp, phiền não. Bồ-tát tuy vào các cõi nhưng luôn ở cõi Phật, quán thấy cõi nước nơi mười phương, trừ các triền cái, trọn vẹn pháp Phật, không học không lìa các pháp, không hoại không thành một pháp. Đại Bồ-tát thành tựu trí tuệ này làm mọi điều công đức, đọc tụng, giảng thuyết pháp Phật, trọn vẹn phước đức, thành tựu pháp lành.

Lúc giảng pháp này, có hai vạn hai ngàn chúng

sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, tám ngàn Bồ-tát đạt Nhẫn vô sinh, năm trăm Tỳ-kheo đoạn hoặc, tỏ ngộ, một ngàn trời, người đạt quả Tu-đà-hoàn.

Khi ấy, tất cả trời người đều thưa:

–Thế Tôn! Người nào tin kinh này sẽ được Phật bảo hộ, huống gì là người thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường.

Phật nói:

–Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh hạnh Bồ-đề? Thiện nam! Đại Bồ-tát quán thân có hai hạnh: Tịnh, bất tịnh. Bất tịnh: Quán thân toàn là do nhớp, hôi thối, vô thường, không dừng, dối gạt phàm phu. Đại Bồ-tát tự nghĩ: Từ thân bất tịnh này ta đạt thân Phật thanh tịnh, Pháp thân, công đức thanh tịnh, thân được chúng sinh thích nhìn.

Thiện nam! Đại Bồ-tát quán thân, thanh tịnh hai hạnh: vô thường, thường. Bồ-tát quán thân vô thường, nhất định phải chết, không tạo nghiệp ác vì thân, tu tập ba pháp kiên cố: Thân, mạng, tài vật. Quán như thế nên làm mọi việc cho chúng sinh, trừ các lỗi của ba nghiệp. Bồ-tát quán thân vô thường đạt vô lượng công đức. Thế nào là thường? Đại Bồ-tát quán vô thường nên được thân thường, công đức, không đoạn Tam bảo.

Thiện nam! Thường là không cùng tận, là vô vi, là pháp hành của trí Nhất thiết, là Không, Vô tướng, Vô nguyện, là hư không. Đại Bồ-tát quán

tất cả pháp như hư không, là hạnh thường của Bồ-tát. Thiện nam! Bồ-tát quán thân niệm xứ, quán sát thân của chúng sinh đều là thân Phật, thân pháp. Thân mình cũng thế. Đó là Bồ-tát quán thân vô lậu, mọi công đức có được đều là vô lậu hoặc, hồi hướng tất cả về trí Nhất thiết chủng, không khởi lậu hoặc *(lậu chính là ba lậu: Dục, hữu, vô minh)*. Bồ-tát biết rõ lậu hoặc nhưng vì độ sinh nên vào cõi Dục, song Bồ-tát không nhiễm dục cõi nơi Sắc, Vô sắc cũng vậy. Vô vô minh lậu Bồ-tát đã nhổ tận gốc rễ. Vì sao? Vì không vô minh nên không thấy lậu hoặc. Bồ-tát quán thân nên không chấp ngã và sở hữu của ngã, không kiêu mạn, không tham cầu tài vật, không tranh chấp, tịch tĩnh, nhẫn, không thấy trên dưới, an trụ đúng pháp, không tạo tác, không làm lành dữ, gần bạn tốt, gặp Thiện tri thức, nghe chánh pháp, không hướng về pháp hữu lậu, vượt cảnh giới lậu hoặc, nhập thiền định, không giác quán pháp, không tạo tác, không biến hóa, bình đẳng với tất cả pháp, đạt Nhất thiết trí.

Thiện nam! Bồ-tát lại quán về thọ niệm xứ, khởi tâm Từ bi với kẻ chấp thọ, bảo chúng biết pháp lạc viên mãn, khởi tâm Bi, lúc thọ không khổ không vui Bồ-tát đoạn tâm si, khởi tâm Xả. Vì thế, Bồ-tát không tham khi thọ vui, không giận khi chịu khổ, không si khi không khổ vui. Bồ-tát quán tất cả các thọ là vô thường, khổ, vô ngã. Thấy

người hưởng vui là nghĩ đến khổ, biết khổ đau như ung nhọt, không khổ không vui, không phải là vắng lặng. Quán vui là vô thường, khổ là trống không, không khổ không vui là vô ngã. Quán như vậy Bồ-tát thấy thọ là không thọ, thấy tất cả thọ là hữu vi, sinh diệt, tiêu tan, không dừng, không thấy ngã, không thấy người nhận. Đó là phương tiện trí tuệ của Bồ-tát. Do đó Bồ-tát biết thọ là vô thường, là sinh diệt, quán tất cả pháp là không, không: Thọ, người thọ, tạo tác, người tạo tác, do duyên sinh diệt nên không chấp giữ, không giác quán, biết các pháp duyên sinh đều rỗng lặng, thành tựu thọ niệm xứ, tịch tĩnh thân tâm, biết rõ các hành trọn Nhất thiết trí.

Thế nào là Bồ-tát tu tâm niệm xứ? Đại Bồ-tát trụ tâm Bồ-đề, quán tâm tánh không nhập từ bên trong, không nhập từ bên ngoài, không thấy tâm trong ấm, giới, nhập. Bồ-tát tự nghĩ: Tâm này khác hay không khác. Nếu khác thì trong một lúc sẽ có hai tâm. Nếu không thì không nên quán tự tâm, ví như đầu ngón tay không tự đụng được, tâm cũng thế. Quán như vậy, Bồ-tát thấy tâm không dừng, vô thường, luôn biến đổi, không có nơi duyên, không do duyên sinh, không do duyên diệt, không phải thường, đoạn, trong, ngoài, có, không, biết, tâm vắng lặng, không ngại pháp.

Thiện nam! Đại Bồ-tát quán tâm không phải sắc, không thể thấy, không thể giác quán. Tâm, số

tâm, hạnh tâm, tâm cầu pháp, tâm cầu Bồ-đề, tất cả pháp lành đều như vậy. Bồ-tát quán tâm như khỉ vượn, vẽ trong nước, sương buổi sớm, vua ông, mẹ cá, sông, sóng nắng, vọng tưởng, biến đổi không dừng, tham các cõi, luôn sinh diệt. Bồ-tát giữ tâm, khiến trụ một nơi, không động chuyển, không lậu hoặc, không sai lầm, không tán loạn, đó là Xa-ma-tha. Bồ-tát quán như thế là thành tựu tâm niệm xứ, biết cảnh giới tâm, biết pháp giới của tâm, biết tướng chân thật của tâm, biết như huyễn, biết pháp, biết tánh của tâm, biết sự diệt tận của tâm, không chấp, không ngại, biết rõ tâm tánh của chúng sinh nên tùy thuận thuyết giảng. Tự biết tánh tâm, tướng tâm, sự vắng lặng của tâm nơi mình và chúng sinh. Bồ-tát quán tâm mình, tâm chúng sinh đều bình đẳng, không dao động trong pháp giới.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu pháp niệm xứ? Đại Bồ-tát quán pháp sinh diệt, không có ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, không sinh diệt có không. Đó là tánh pháp. Nếu tìm thì nói có pháp, không tìm thì không có pháp, pháp thiện ác đều do duyên sinh diệt. Bồ-tát quán ba hạnh: Thiện; ác, bất động, tự nghĩ mình cần làm việc lành, là tu mười pháp lành, thanh tịnh nghiệp thân, cầu ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật, không bị người hại; thanh tịnh khẩu nghiệp, nói lời người thích nghe; thanh tịnh ý nghiệp, bình

đẳng với tất cả chúng sinh, luôn sống trong định, thanh tịnh bốn Trí vô ngại, tịnh tâm Từ, đem lại pháp lạc cho chúng sinh, tịnh tâm bị chịu khổ thay chúng sinh suốt vô số kiếp mà không hối hận, thanh tịnh mười Lực biết căn tánh lợi độn của chúng sinh, thanh tịnh bốn pháp Vô úy biết rõ chướng hoặc, không chướng hoặc của chúng sinh, thanh tịnh mười tám pháp bất không, biết rõ ba đời không chướng ngại, thanh tịnh pháp Phật, điều phục chúng sinh. Bồ-tát quán như thế, không chán pháp lành và công đức, làm lành, bỏ ác, trừ phiền não, hiểu rõ hạnh không động, tự tại, không tham, tùy thuận thọ sinh, không thọ sinh bằng nghiệp, vào cõi Dục độ sinh.

Thiện nam! Đại Bồ-tát đủ phương tiện khéo léo, quán pháp niệm xứ, tu tập trang nghiêm pháp Bồ-đề, trừ hoặc, chướng ngại Bồ-đề, không chấp đoạn thường, hành trong trung đạo. Trung đạo có hai thứ pháp: Niệm bất thiện vô minh. Người hành trung đạo không buông lung theo hai pháp đó. Lại có hai pháp: Hành, thức. Lại có hai pháp: Danh sắc, lục nhập. Lại có hai pháp: Xúc, thọ. Lại có hai pháp: Ái, thủ. Lại có hai pháp: Hữu, sinh. Lại có hai pháp: Già, chết. Người hành trung đạo không buông lung theo các pháp đó. Trung đạo ấy, trí tuệ thế gian không thể thấy, nói, hiển thị vì nó không có hình tướng, không có sắc, nơi chốn, lấy, bỏ. Nó vốn tịch tĩnh, thanh tịnh.

Thiện nam! Trung đạo đó mắt không thể thấy, tiếp xúc, không có nơi chốn, là khéo xuất thế, không thể nói, không nhiều ít.

Thiện nam! Ngã, vô ngã là hai bên, không phân biệt không phải thường, đoạn, mạng, sĩ phu, tưởng, phi tưởng, giác, phi giác, thật, hư, đây, kia, có, không, hữu vi, vô vi, hành, phi hành, sinh tử, Niết-bàn là trung đạo.

Thiện nam! Đại Bồ-tát quán pháp niệm pháp, không phân biệt pháp giới, chúng sinh giới. Cả hai cảnh giới đó là cõi hư không. Tất cả các pháp đều thuộc về pháp giới. Pháp giới chính là cảnh giới của chúng sinh. Cõi chúng sinh không phân biệt. Đó là quán sát tất cả pháp. Thấy tất cả cảnh giới đều thuộc pháp giới. Tuy hiểu rõ nhưng không chấp trước nên không phân biệt. Đại Bồ-tát không dùng mắt thường, mắt trời, mắt tuệ quán pháp niệm xứ. Vì sao? Vì ba mắt không có hình tướng. Vì thế dùng mắt pháp để quán pháp. Tuy hiểu nhưng không chấp, không mắt pháp giới. Đó là trí Phật. Biết rõ trí pháp sâu xa nhưng không vướng mắc nơi trí tuệ. Đó là Bồ-tát tu pháp niệm xứ.

Thiện nam! Vì sao Đại Bồ-tát tu bốn Niệm xứ? Vì đoạn trừ bốn sự điên đảo. Tu thân niệm xứ đoạn chấp tịnh; tu thọ niệm xứ đoạn chấp ngã. Lại trừ bốn cách ăn, tu thân niệm xứ đoạn toàn thực *(ăn bằng thức ăn cụ thể)* tu thọ niệm xứ đoạn xúc thực *(ăn bằng sự cảm nhận tiếp xúc)* tu tâm niệm xứ

đoạn thực xúc *(ăn bằng thức)*; tu pháp niệm xứ đoạn tư thực *(ăn bằng suy niệm)*. Lại đoạn bốn trụ xứ của thức, tu thân niệm xứ đoạn trụ sắc; tu thọ niệm xứ đoạn trụ thọ; tu tâm niệm xứ đoạn trụ tưởng; tu pháp niệm xứ đoạn trụ hành. Lại trừ năm ấm, tu thân niệm xứ trừ sắc ấm, tu thọ niệm xứ trừ thọ ấm; tu pháp niệm xứ đoạn tưởng, hành ấm. Đó là Bồ-tát hành thanh tịnh bốn Niệm xứ.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu bốn Chánh cần? Đại Bồ-tát luôn thích tu tập tất cả pháp lành, siêng năng không để pháp ác chưa sinh được sinh khởi, siêng năng đoạn trừ pháp ác đã sinh, siêng năng làm cho pháp lành chưa sinh được sinh. Pháp lành đã sinh được trụ không mất.

Thiện nam! Bồ-tát tu tập hạnh lành trong vô số kiếp nên tánh lành, không cần dùng phương tiện mà pháp ác vẫn không sinh. Đại Bồ-tát tự tại trong bốn Chánh cần là đạt được sự hòa hợp của tâm, số tâm, đại Từ bi.

Lúc này, Bồ-tát tuần tự tu bốn Như ý túc: Dục, tâm, tấn, tuệ, chuyên tâm niệm Bồ-đề là dục, tu đại Bi nên tâm nhẹ nhàng là tâm; trừ pháp ác là tấn; đạt phương tiện là tuệ.

Đại Bồ-tát tu bốn Như ý túc đạt bốn sự tự tại:

1. Thọ mạng tự tại, tuy yểu mạng nhưng lại được sống lâu vì điều phục chúng sinh, sống lâu để giảng pháp, hoặc được sống lâu nhưng hiện chết yểu. Bồ-tát sinh ở cõi nào (trời, người) đều tự

tại với thọ mạng của mình.

2. Thân tự tại tùy tâm hiện thân sắc, hiện oai nghi để độ sinh. Bồ-tát tự tại hiện thân lớn nhỏ như chúng sinh.

3. Pháp tự tại, biết tất cả pháp xuất thế, hiện mọi việc thế gian nhưng không thoái chuyển hạnh xuất thế, biết rõ mười hai pháp nhân duyên, đạt trí vô ngại, thuyết giảng các pháp cho chúng sinh. Chúng sinh nghe pháp Bồ-tát đều phát tâm Bồ-đề vô thượng.

4. Nguyện tự tại nhập bốn biển về một biển, không đến đi, không chuyển động, không thay đổi, biến tất cả các ngọn núi Tu-di trong tam thiên đại thiên cõi nước thành một ngọn nhưng không đến đi đổi dời. Không trở ngại cho các cõi của Tứ Thiên vương và cõi trời Tam thập tam. Bồ-tát muốn biến tam thiên đại thiên cõi nước thành vàng, bạc, bảy báu, chiên-đàn, trầm thủy, anh lạc, hư không, nước, lửa đều được toại nguyện.

Thiện nam! Bồ-tát đạt bốn Như ý túc là thấy được chư Phật mười phương, cùng đến đi dừng nghỉ với chư Phật. Với Phạm thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già cũng vậy. Thế nào là làm nghiêm tịnh bốn Như ý túc? Thiện nam! Bồ-tát cúng dường cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng, bậc có đức, hỏi chào khi thấy chúng sinh, nhu thuận, nói năng êm dịu, bình đẳng với chúng sinh,

đủ các tâm lành, chánh, cung kính, hổ thẹn, trừ tham, sân, si, không dối gạt, không keo kiệt, giúp người thành tựu sự nghiệp, giúp kẻ thế cô, làm đường, bắc cầu, tạo thuyền, bè dùng thân gánh vác, ban cho mọi vật cần dùng, không nói lỗi người, không bêu xấu người, trừ tội đúng pháp, không khởi phiền não, ban cho vật quý, tâm không hối hận, nguyện hồi hướng cho chúng sinh, khuyên chúng sinh bằng lòng tin pháp lành, không tiếc thân mạng, ít muốn, biết đủ, không cầu lợi dưỡng, thường niệm pháp xuất gia, khuyên chúng sinh xuất gia, nhớ nghĩ Thiện tri thức, bình đẳng với kẻ oán người thân, cho phương tiện cho người đi lại, cho giường nệm cho người đói thiếu, cứu kẻ lo sợ, xem chúng sinh như cha mẹ, không khinh người hủy giới, ban cho kẻ nghèo, cho thuốc người bệnh, không tự khoe, không đoạn Tam bảo, nghĩ về pháp vô vi, trừ mọi việc ác và việc thế gian, không nhiễm pháp thế gian, không mất tâm niệm Bồ-đề. Đó là làm nghiêm tịnh bốn Như ý túc.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 26

Phẩm 11: BỒ-TÁT BẢO KẾ (Phần 2)

Đức Phật nói:

–Thế nào là Bồ-tát làm thanh tịnh năm Căn? Lòng tin của Bồ-tát không dao động là tín căn; tự siêng năng tu hành không do người khác bảo là tấn căn; thường niệm Bồ-đề là niệm căn; luôn tu đại Bi là định căn; giữ hành pháp lành là tuệ căn. Tin pháp Phật là tín căn; cầu pháp Phật là tấn căn; niệm pháp Phật là niệm căn; đạt Tam-muội Phật là định căn; đoạn nghi là tuệ căn. Tâm hướng Bồ-đề, không nghi ngờ là tín căn, tăng trưởng pháp lành là tấn căn, tìm phương tiện hay là niệm căn; bình đẳng với chúng sinh là định căn; quán căn thượng, trung, hạ của chúng sinh là tuệ căn. Tâm thanh tịnh là tín căn; trừ tâm ô uế là tấn căn; niệm pháp thanh tịnh là niệm căn; quán tánh của tâm tịnh là định căn; khiến chúng sinh trụ nơi pháp thanh tịnh là tuệ căn. Trừ tất cả pháp ác là tấn căn; cầu pháp lành là tín căn; không mất pháp đã có là niệm căn; an trụ đúng pháp là định căn; tư duy

các pháp thiện, ác, vô ký là tuệ căn. Thí là tín căn; luôn thích bố thí là tấn căn; bố thí không mong quả báo là niệm căn; bình đẳng bố thí là định căn; không quán ruộng phước, không phải ruộng phước là tuệ căn. Tín căn: Tâm mới nhập pháp lành; tấn căn: trừ kiêu mạn; niệm căn: Không chấp ngã và sở hữu của ngã; định căn: Trừ sáu mươi hai kiến chấp; tuệ căn: Trừ mọi phiền não.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát làm thanh tịnh năm Lực? Đại Bồ-tát đủ năm Căn, không bị quân ma tổn hại là năm Lực. Hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thể sánh với Bồ-tát, tất cả chúng sinh không làm cho Bồ-tát thoái tâm Đại thừa, phiền não không hại được. Bồ-tát luôn ít muốn, biết đủ, thân đủ oai lực, đạt thân kim cang, che chở tất cả.

Thiện nam! Đại Bồ-tát đủ sức tin *(tín lực)* không bao giờ làm ác; luôn làm lành vì có sức tinh tấn *(tấn lực)*; không quên pháp lành vì đủ sức niệm *(niệm lực)*; không nhiễm năm dục vì đủ sức định *(định lực)*; trừ mọi kết sử phiền não vì đủ sức tuệ *(tuệ lực)*. Không nghe lời người khác vì đủ sức tin; luôn cầu pháp lành vì trụ sức tinh tấn; đủ pháp giải thoát vì trụ sức niệm; đủ nguyện lực vì trụ sức định; đủ các hạnh vì trụ sức tuệ. Thấy tội lỗi của lòng tham tiếc vì trụ sức tin; đoạn tham tiếc vì trụ sức tinh tấn; hồi hướng pháp lành lên Bồ-đề vì đủ sức niệm; tâm bình đẳng vì trụ sức định; không

mong quả báo của thí, giới, định vì đủ tuệ lực. Trừ sân vì có tín lực; tu nhẫn vì có tấn lực; hồi hướng hạnh nhẫn vì có niệm lực; bảo hộ chúng sinh vì đủ định lực; không quán chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu vì đủ tuệ lực. Trừ tâm lười biếng vì có sức tin; tu tập đạt giải thoát rốt ráo vì đủ sức tinh tấn; hồi hướng hạnh siêng năng vì có niệm lực; thân tâm tịch tĩnh vì có sức định; không chấp thiện ác vì đủ tuệ lực. Không vội vàng vì đủ sức tin; cần cầu thiền định vì có sức tinh tấn; hồi hướng định vì đủ sức niệm, tâm luôn định vì đủ sức định; không chấp định vì đủ sức tuệ. Đoạn vô minh vì đủ sức tin; cầu pháp lành vì có sức tinh tấn; hồi hướng trí tuệ vì đủ đủ niệm lực; tư duy quán sát vì trụ định lực; an trụ đúng pháp vì có sức tuệ. Tín lực: Đủ bảy lực; tấn lực: Đạt bảy Giác phần; niệm lực: Đủ tám niệm xứ; định lực: Trừ bảy thức xứ. Tuệ lực: Trừ tám tà. Tín lực: Không thoái tâm Bồ-đề; tấn lực: Không lấy bỏ; niệm lực: Tu bốn Niệm xứ; định lực: Điều phục tâm; tuệ lực: Trừ kiến chấp, biết phương tiện.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát thanh tịnh bảy Giác phần? Không mất pháp trợ Bồ-đề là niệm; không giữ bỏ Xa-ma-tha: Trạch; đoạn tất cả pháp ác: Tấn; không sầu khổ: Hỷ; thân tâm tịch tĩnh: trừ (khinh an); đạt vị giải thoát: Định; làm xong mọi việc: Xả. Không bỏ tâm Bồ-đề: Niệm; chí tâm bảo hộ chánh pháp: Trạch; luôn độ sinh: Tấn; đủ pháp

lành: Hỷ; đoạn phiền não: Trừ; giúp chúng sinh an trụ Tam-muội: Định; giúp chúng sinh biết pháp giới: Xả. Không nghĩ pháp Thanh văn, Bích-chi-phật: Niệm; phân biệt câu nghĩa của các pháp: Trạch; ba nghiệp luôn cầu pháp lành: Tấn; không phân biệt oán, thân: Hỷ; an trụ đúng pháp: Trừ; tùy thuận điều phục thế gian: Định; không quán hai pháp: Xả.

Thiện nam! Trợ Bồ-đề là giác, biết, phân biệt, lường xét các pháp, biết rõ tâm tánh, hạnh của chúng sinh. Đó là Bồ-đề phần, là hạnh Thánh, không phải hạnh của phàm phu, quân ma, không phải sắc, thanh, hương, vị, xúc, không thuộc tướng, thọ, tâm, ý, thức, thấy, nghe, hay, biết, hữu tưởng, vô tưởng; không phải: Giác, phi giác, đại giác nhưng đối trị tất cả các pháp, không tranh chấp với các pháp. Hạnh Thánh là pháp giúp nên Bồ-đề.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh tám đạo hạnh. Tám đạo: Chánh kiến: Chánh kiến là thấy các pháp bình đẳng. Chánh kiến như vậy chẳng phải là không kiến. Vì sao? Vì tự có chánh kiến chẳng phải là không kiến tuy đều là "kiến". Ngã kiến, chúng sinh kiến, không kiến không phải là chánh kiến. Chúng sinh kiến, mạng kiến, không kiến không phải là chánh kiến. Ngã kiến, đoạn kiến, không kiến, chẳng gọi là chánh kiến. Còn có bốn kiến: Phật, Pháp, Tăng, không, là chánh kiến.

Bốn kiến này không phải là không kiến.

Thiện nam! Chấp các sự thấy biết không gọi là chánh kiến. Không chấp là chánh kiến. Vì sao? Vì chánh kiến: Không phân biệt, bình đẳng, không hai. Thế nào là thấy bình đẳng? Nếu nghĩ: Pháp phàm phu thấp, pháp Hữu học cao, thì không phải là thấy bình đẳng, cho pháp phàm phu còn lậu, pháp Hữu học không lậu hoặc; pháp phàm phu còn ăn uống, pháp Duyên giác không ăn uống, pháp phàm phu nhơ, pháp Bồ-đề tịnh; phàm phu là hữu vi, Phật là vô vi như thế không phải là thấy bình đẳng. Thấy pháp phàm phu và pháp Phật bình đẳng không sai khác là thấy bình đẳng. Quán thấy pháp phàm phu, pháp Phật đều rỗng lặng là chánh kiến. Quán pháp phàm phu và pháp Bồ-đề đều tịch tĩnh, không trọn vẹn; quán ngã vô ngã không sai khác; biết pháp không có thượng, trung, hạ; không giác quán các pháp là chánh kiến. Chánh kiến: không chấp thấy và do đó không thấy pháp, tướng mạo, hào quang của pháp.

Thiện nam! Đó là chánh kiến của Phật.

Lúc giảng pháp này, có năm trăm Tỳ-kheo đạt quả A-la-hán.

Thiện nam! Thế nào là chánh giác? Trừ mọi sự giác biết. Giác là phương tiện trí tuệ. Quán pháp, biết pháp là chánh giác. Quán sát các pháp, cái nào nhơ, cái nào sạch, nhưng bình đẳng không phân

biệt, không chấp tất cả là chánh giác. Thế nào là chánh ngữ? Nói lời không hại mình và người, không mạ nhục mình người, không dẫn khởi kiêu mạn ở mình người, không dối gạt mình người là chánh ngữ. Giảng rõ các pháp bình đẳng, khéo phân biệt các tướng hữu vi; nói: Các pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện, không sinh diệt, hiện mất; pháp hữu vi là không; vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh; tất cả chúng sinh không có thọ mạng, sĩ phu; các pháp do duyên sinh diệt như hạt và trái là chánh ngữ. Chánh ngữ thanh tịnh là lời Phật, là hạnh chánh. Thế nào là chánh nghiệp? Trừ tất cả nghiệp là nhân tịch tĩnh, không sạch nhơ, trừ phiền não, không cho tăng trưởng, là chánh nghiệp. Biết nghiệp như thế vẫn tạo nghiệp lành, quán các nghiệp tịch tĩnh, không thật, là khổ không vui: Chánh nghiệp. Thế nào là chánh mạng? Sống bằng nghề không hại mình người, không tăng phiền não, không nuôi sống bằng nghề ác. Đại Bồ-tát làm thanh tịnh chánh mạng, hồi hướng Bồ-đề, tự lợi, lợi người. Chánh tinh tấn: Siêng năng làm việc lành, không chán bỏ, tìm hiểu tánh bình đẳng của các pháp, không thấy pháp bình đẳng, không bình đẳng, làm không làm, hiểu rõ tánh pháp là tánh thật, giảng chánh pháp đoạn tà chấp của chúng sinh, biết rõ hạnh tu của chúng sinh. Chánh niệm: niệm thí, giới, tinh tấn, định, tuệ, bốn Tâm vô lượng, không khởi phiền

não, không tạo nghiệp ác, không gần ma ác, không vào cõi ác, không khởi tâm ác, tu pháp lành, trừ pháp ác tà, đạt quả Sa-môn và chánh tụ. Chánh định: Hành hạnh Phật, biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo; quán các pháp bình đẳng, quán ngã tịnh, tất cả đều tịnh, quán ngã không, tất cả đều không, không nhập chánh vị, đạt Nhất thiết trí.

Lúc giảng pháp này, có một vạn sáu ngàn người phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát làm thanh tịnh hạnh thần thông? Thiện nam! Thiên nhãn năm pháp thấy rõ cõi nước, chư Phật, sự sinh chết của chúng sinh trong mười phương, không hề trở ngại, vượt trời, người, Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát đủ năm mắt, thấy rõ các pháp là thanh tịnh Thiên nhãn. Đại Bồ-tát đạt Thiên nhĩ thông, nghe thấy năm loại âm thanh: Nhân phi nhân, địa ngục, tiếng thuyết pháp của chư Phật nơi mười phương, ngôn ngữ của tất cả chúng sinh. Thế nào là Đại Bồ-tát thanh tịnh tha tâm trí? Có năm loại: Biết: Tâm của trời, người; tâm của địa ngục; ngạ quỷ; súc sinh, tâm quá khứ, tâm vị lai, tâm hiên tại. Lại nữa Bồ-tát biết chúng sinh có tâm sân si, tùy thuận thuyết giảng. Nhờ nghe pháp chúng sinh đoạn phiền não. Thế nào là Bồ-tát thanh tịnh túc mạng trí? Biết thân này do tham, sân, si sinh do thí, giới, nhẫn, tinh tấn, định, tuệ sinh; đủ hay

không đủ; do vô minh, ái và bốn đảo sinh, biết thân này nhờ nhân thí nên có nhiều của cải và quyến thuộc. Thế nào là Bồ-tát làm thanh tịnh hạnh thần thông? Hạnh thần thông có năm: Thị hiện thân, hiểu ngôn ngữ nên tùy thuận thuyết giảng, biết rõ tâm ý thức, hiểu giảng các pháp.

Thiện nam! Năm Thần thông này không còn lậu hoặc. Bồ-tát tu tập, không đoạn hết lậu hoặc vì để hiểu rõ lậu hoặc, điều phục chúng sinh.

Thiện nam! Ví như thành rộng một do-tuần, có nhiều cửa, đường vào thành lại tối tăm nguy hiểm nhưng khi đã vào trong thành thì được an vui. Một người kia chỉ có một đứa con nên rất yêu mến, nghe trong thành an vui, người ấy lại bỏ đứa con lại vào thành. Nhờ khôn khéo, người ấy vượt đường nguy hiểm, đến cửa thành. Người ấy vừa đặt một chân vào bên trong thành thì chợt nhớ đến đứa con, tự nghĩ: Ta chỉ có một đứa con, nếu không bế nó vào, ai sẽ nuôi nấng nó, ai sẽ giúp nó thoát khổ. Nghĩ vậy, người ấy lại quay về với con.

Thiện nam! Bồ-tát cũng thế. Vì thương xót chúng sinh nên tu tập năm thông, đoạn hết lậu hoặc nhưng không chứng. Vì sao? Vì thương xót chúng sinh nên không chứng lậu tận thông, để vào cõi phàm phu.

Thiện nam! Thành được ví như đại Niết-bàn, nhiều cửa dụ cho tám vạn Tam-muội, đường nguy

hiểm dụ cho nghiệp ma, đến cửa thành là đạt năm tướng, một chân đặt vào trong thành dụ cho trí tuệ, một chân chưa vào dụ cho Bồ-tát không chứng giải thoát, một con dụ cho chúng sinh trong năm cõi, nhớ con dụ cho lòng đại Bi, về với con dụ cho việc điều phục chúng sinh, đạt giải thoát nhưng không chứng là phương tiện.

Thiện nam! Tâm đại Từ bi của Bồ-tát là không thể nghĩ bàn.

Lúc ấy, Bồ-tát Bảo Kế bạch Phật:

–Thế Tôn! Đúng như lời Phật dạy về tâm đại Bi, mà oai lực phương tiện khéo léo cũng không thể nghĩ bàn. Bồ-tát thật biết mình đủ khả năng thành tựu Bồ-đề vô thượng nhưng không tự chứng. Vì chúng sinh Bồ-tát vào sinh tử nhưng không cấu nhiễm.

Thế Tôn! Bồ-tát đủ pháp gì mà vào sinh tử tâm không hối hận?

–Thiện nam! Bồ-tát đủ hai mươi mốt pháp không hối hận khi vào sinh tử: Hạnh đại Bi và pháp lành đã tu; hạnh đại Bi và tâm Từ; hạnh độ sinh và tâm đại Bi; hạnh tinh tấn điều phục chúng sinh; tâm lành và sự siêng năng, tâm lành và phương tiện; trí tuệ và phương tiện, định tuệ; định, thần thông; thần thông và trí; trí và lòng mong muốn; lòng mong muốn và niệm, niệm và tâm Bồ-đề; Bồ-đề và bốn Nhiếp pháp; bốn Nhiếp pháp và

giới; giới và sự học rộng, sự học rộng và hạnh an trụ đúng pháp; an trụ đúng pháp và Đà-la-ni; Đà-la-ni và trí vô ngại; trí vô ngại và công đức trang nghiêm; công đức trang nghiêm và trí tuệ.

Bồ-tát Bảo Kế thưa:

–Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát tự trang nghiêm và đem lợi ích cho chúng sinh?

Phật nói:

–Thiện nam! Đại Bồ-tát đủ sự học rộng là tự trang nghiêm, diễn giảng cho chúng sinh là tạo lợi ích cho mọi loài. Bồ-tát đạt Tổng trì là tự trang nghiêm, giảng thuyết là đem lợi ích cho mọi loài; không buông lung là tự trang nghiêm, điều phục chúng sinh là đem lợi ích cho mọi loài; đủ ba mươi hai tướng là tự trang nghiêm, nói làm hợp nhất là lợi ích; bố thí tất cả là tự trang nghiêm, không cầu quả báo là lợi ích.

Thiện nam! Vô lượng a-tăng-kỳ kiếp ở thời quá khứ, vào kiếp Lạc hỷ, có Đức Phật ra đời hiệu Nhất Thiết Chúng Sinh Lạc Niệm, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng đủ mười tôn hiệu. Cõi Phật ấy tên Thiên quán.

Thiện nam! Vì sao kiếp đó có tên là Lạc hỷ? Vì trong đại kiếp đó có sáu vạn Đức Phật ra đời. Thời gian đầu của kiếp này, trời Thủ-đa-bà nói: Kiếp này sẽ có sáu vạn Đức Phật xuất hiện. Nghe vậy chúng sinh rất vui thích. Vì vậy kiếp đó có tên

là Lạc hỷ.

Thiện nam! Cõi Phật đó thật trang nghiêm, thật vi diệu, đủ mọi an lạc đẹp đẽ như cõi trời nên có tên là Thiên quán. Cõi ấy đại địa bằng chiên-đàn, không có cát đất bụi bặm. Hương chiên-đàn xông khắp các cõi Phật. Trên mặt đất có vô số hoa sen sáng rực. Chúng sinh đó đạt thần túc thông; chân không chạm đất, tất cả đều hóa sinh, không sinh bằng thai, ở đấy không có tên người nữ, không có tên ba đường ác khổ. Chúng sinh sống bằng niềm vui thiền định, cõi này không có pháp ba thừa, chúng sinh trang sức bằng vàng ròng, anh lạc, tuy không cạo tóc, nhuộm áo nhưng vẫn được gọi là người xuất gia. Vì sao? Vì không tham chấp các vật. Đức Phật nơi cõi đó có sắc thân như Phạm thiên, giảng pháp giải thoát cho Bồ-tát. Bồ-tát ở cõi khác nếu được gặp Đức Phật cõi này thì đạt tâm hoan hỷ.

Thiện nam! Khi thuyết pháp cho đại chúng, Đức Phật cõi này thường ngồi trên pháp tòa cao bảy cây đa-la, lược giảng các pháp. Vì sao? Vì căn tánh của chúng sinh ở đây đều thông lợi. Như Lai chỉ giảng một câu, chúng sinh có thể hiểu trăm ngàn câu. Như Lai thường giảng về bốn tịnh: Ba-la-mật; trợ Bồ-đề; thần thông; điều phục chúng sinh.

Lúc ấy, Bồ-tát Bảo Tụ bạch Phật:

–Thế nào là Bồ-tát tự trang nghiêm và đem lợi ích cho mọi loài?

Đức Phật ấy nói:

–Thiện nam! Bồ-tát đủ trí vô ngại là trang nghiêm, ban ánh sáng trí tuệ là lợi ích.

Lúc Đức Phật giảng pháp này, có sáu ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh.

Bồ-tát Bảo Tu lại bạch Phật:

–Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát trang nghiêm cây Bồ-đề?

Phật nói:

–Thiện nam! Bồ-tát không buông lung là trang nghiêm cây Bồ-đề. Thế nào là không buông lung? An trụ đúng pháp; an trụ như lời dạy; là vô lượng trang nghiêm: Bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, pháp Phật, điều phục, công đức, cúng dường vô số chư Phật, đủ trí tuệ, học rộng, tu Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Thành tựu các pháp như thế là trang nghiêm cây Bồ-đề. Thiện nam! Đoạn phiền não, tu các pháp, không gây trở ngại các pháp, điều phục các căn, bảo hộ pháp lành, biết thời và trái thời, đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, pháp Phật, pháp quán đảnh là không phóng túng.

Thiện nam! Lúc giảng pháp này, có một vạn hai ngàn Bồ-tát đạt Nhẫn vô sinh.

Thiện nam! Bồ-tát Bảo Tụ thời đó nay chính là ông. Thiện nam! Ông đã đủ pháp không buông

lung của Đại Bồ-tát nên đã trang nghiêm cây Bồ-đề.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát thanh tịnh điều phục? Thiện nam! Hạnh của chúng sinh vô lượng, vô biên không thể nghĩ bàn nên việc điều phục cũng vậy, hạnh Bồ-tát cũng vậy. Đại Bồ-tát chuyên tâm điều phục chúng sinh.

Thiện nam! Có chúng sinh nhờ nghe pháp bố thí mà được điều phục; có chúng sinh nghe pháp giữ giới nên được điều phục; có chúng sinh nghe lời êm diệu mà được điều phục; có chúng sinh nghe lời giận dữ mà được điều phục; có chúng sinh nghe cả hai lời trên mà được điều phục, có chúng sinh nghe về nghiệp của thân mà được điều phục, có chúng nghe pháp xả thân mà được điều phục, có chúng sinh thù thắng nên được điều phục, có chúng sinh mạnh mẽ nên được điều phục, có chúng sinh chê trách mà được điều phục, có chúng sinh bố thí mà được điều phục, có chúng sinh được điều phục ở đầu giờ; có chúng sinh thấy thân vi diệu mà được điều phục, đối với thanh, hương, vị, xúc cũng vậy, có chúng sinh nhờ gần gũi mà được điều phục, có chúng sinh nhờ ở xa mà được điều phục, có chúng sinh thấy Phật mà được điều phục, có chúng sinh nghe pháp mà được điều phục, có chúng sinh nghe pháp vô thương xót mà được điều phục, đối với pháp khổ không, vô ngã cũng vậy; có chúng sinh nghe bố thí mà được điều phục, đối

với giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng vậy, có chúng sinh nghe pháp Thanh văn mà được điều phục, có chúng sinh nhờ nghe pháp Bích-chi-phật mà được điều phục, hoặc nhờ bốn Nhiếp pháp, ba, hai, một nhiếp pháp, hoặc nhờ thí vật bên trong, thí vật bên ngoài, thí cả hai; hoặc nghe khổ nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, hoặc nghe về vui, về khổ, về khổ vui; hoặc nhờ thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ; hoặc nhờ nghe tiếng nhạc mà được điều phục. Thiện nam! Bồ-tát biết các cách điều phục chúng sinh như thế là hành sáu pháp Ba-la-mật, trọn vẹn pháp trợ Bồ-đề, và thần thông để điều phục chúng sinh. Thiện nam! Bồ-tát đủ bốn pháp nên có thể điều phục chúng sinh: Tâm không hối hận; không tham dục lạc; biết thời phi thời; hiểu rõ các tâm. Lại có bốn pháp: Lời chánh, lời êm dịu, lời tịnh, lời hợp pháp. Lại có bốn: Không trở ngại đối với chúng sinh; tâm Bi; tâm lợi ích; tự điều phục các căn. Lại có bốn: Thanh tịnh tự tâm; thương yêu chúng sinh; siêng năng tu tập; không ham thọ lạc.

Thiện nam! Vì thế hạnh điều phục chúng sinh của Bồ-tát vô lượng, vô biên, không thể nghĩ bàn.

Thiện nam! Vô lượng a-tăng-kỳ kiếp thời quá khứ, vào kiếp Ái có Đức Phật hiệu Quảng Quang Minh xuất hiện, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng đủ mười tôn hiệu, cõi nước tên Tịch tĩnh. Đức Quảng Quang Minh có chín vạn sáu ngàn đệ tử Thanh

văn, tám vạn bốn ngàn đệ tử Bồ-tát. Chúng sinh ở cõi đó thọ mười bảy vạn hai ngàn tuổi. Lúc ấy, có một hoàng tử tên Tài Công Đức, thuộc dòng Bà-la-môn, khôi ngô tuấn tú. Năm mười sáu tuổi, hoàng tử kiêu mạn vì vẻ đẹp của mình nên không cung kính, lễ bái Như Lai. Đức Phật nghĩ: Hoàng tử sắp mất tâm Bồ-đề vô thượng, căn lành chưa thuần thục. Nếu có bạn lành khuyên can, hoàng tử sẽ đến chỗ Phật, nghe pháp, thọ trì.

Nghĩ vậy, Đức Phật hỏi tám vạn bốn ngàn Bồ-tát:

–Ai có thể điều phục hoàng tử này? Ai có thể trong suốt tám vạn bốn ngàn năm đến hoàng cung dù phải chịu khổ như bị đánh mắng vẫn không hối hận?

Nghe thế, tám vạn bốn ngàn Bồ-tát đều im lặng. Đức Phật hỏi lần thứ hai, thứ ba cũng thế. Sau đó, Bồ-tát Tịnh Tinh Tấn rời tòa, trịch vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay thưa:

–Thế Tôn! con nguyện đến hoàng cung dù phải chịu khổ.

Lúc đó, tam thiên đại thiên cõi nước đều chấn động, tất cả trời người đều nói:

–Hay thay, hay thay! Đại sĩ.

Rồi Bồ-tát Tịnh Tinh Tấn đến cửa nhà hoàng tử. Thấy vậy, hoàng tử mắng nhiếc, quăng đất, đá, gạch ngói vào thân Bồ-tát. Bồ-tát vẫn không giận,

không thoái tâm. Suốt một ngàn năm, Bồ-tát chịu khổ như vậy. Hai vạn năm sau Bồ-tát mới đến được cửa thứ hai, gần tám vạn bốn ngàn năm Bồ-tát mới đến được cửa thứ bảy. Thấy vậy, hoàng tử hỏi:

–Đại sĩ! Ông cần gì?

Rồi hoàng tử nghĩ: "Thật kỳ lạ, trải qua ngần ấy năm chịu khổ mà người ấy vẫn không hối hận." Hoàng tử lại hỏi:

–Đại sĩ! Ông cần gì?

Biết tâm hoàng tử đã điều phục Bồ-tát nói kệ:

Tất cả của cải ở thế gian
Vàng, bạc, lưu ly và pha lê
Bốn sự cúng dường ta không cần
Chỉ vì chánh pháp ta đến đây.
Hiện nay có Đức Phật Quảng Quang
Giảng pháp Vô thượng cho chúng sinh
Nghe được chánh pháp đoạn phiền não
Thọ nhận vô lượng vị cam lồ.
Chư Phật Thế Tôn hiện ở đời
Hy hữu hơn cả hoa linh thụy
Như Lai xuất hiện ở thế gian
Ngươi lại buông lung chìm biển dục.
Tất cả chúng sinh luôn ngu tối
Như Lai Vô Thượng ban đuốc tuệ
Tự ỷ tài sắc khởi kiêu mạn

Không đến chỗ Phật - Đấng Tối Tôn.
Tất cả của cải, mạng chúng sinh
Như Lai bảo đó là vô thường
Chúng sinh nghe được pháp cam lồ
Không đến chỗ Phật là buông lung.
Xưa kia ngươi vốn hành Bồ-đề
Ban phát vị pháp cho mọi loài
Ngày nay ngươi vốn tạo phiền não
Làm sao điều phục tâm buông lung.
Người hãy cùng ta đến chỗ Phật
Trừ tâm kiêu mạn, đoạn phiền não
Siêng năng tu tập bỏ việc đời
Để không bao giờ thấy hối hận.
Nghe lời Bồ-tát, hoàng tử liền
Đoạn trừ kiêu mạn, khởi lòng tin
Khen ngợi cung kính tự thanh tịnh
Sám hối tội lỗi đã gây nên.
Ngày nay con xin bỏ việc đời
Cùng với năm dục các hoan lạc
Diệt tâm kiêu mạn, đến chỗ Phật
Nghe pháp cam lộ, độ chúng sinh.
Tám vạn bốn ngàn người cùng đến
Mang các hương hoa vật cúng dường
Đến nơi dâng cúng lên Đức Phật.
Dứt mạn, thành tâm nghe pháp mầu
Lễ bái chắp tay tâm hoan hỷ
Hướng Phật Thế Tôn trình bày rõ
Con nay xin quay về tựa Phật

Vui vẻ chịu khổ tự điều phục.
Dù cúng dường nhiều, không đến được
Nay con hướng Phật, thành tâm sám
Đạo pháp giác ngộ con từng tu
Dùng tâm Từ bi cứu muôn loài.
Con nguyện chuyên tâm không phóng túng
Mong được thành tựu đạo Bồ-đề.

Thiện nam! Lúc đó, hoàng tử bỏ ngôi vị thế gian, xuất gia học Phật an trụ đúng pháp, đạt Nhẫn vô sinh.

Thiện nam! Tịnh Tinh Tấn thời ấy, đâu phải là người lạ mà chính là ta. Hoàng tử Tài Công Đức nay là Bồ-tát Di-lặc.

Thiện nam! Vì thế, hạnh điều phục chúng sinh của Bồ-tát thật vô lượng, vô biên, không thể nghĩ bàn. Điều phục chúng sinh là hạnh chính của Bồ-tát.

Thiện nam! Đại Bồ-tát có bốn hạnh: Thanh tịnh cõi Phật; thanh tịnh thân; thanh tịnh khẩu; cầu pháp Phật. Lại có bốn: biết tâm; biết căn; biết bệnh; điều trị.

Nghe pháp đó, Bồ-tát Bảo Kế dâng cúng hạt châu báu trên búi tóc được hình thành từ hạnh tu tập trong vô lượng kiếp lên Phật. Bồ-tát phát nguyện:

Con dâng cúng châu báu ấy, nguyện cho công

đức này lan đến chúng sinh, nhờ thế đạt trí vô thượng.

Đức Như Lai mỉm cười. Lúc ấy, từ kim khẩu Phật phóng ra hào quang lớn đủ màu sắc, che khuất tất cả các loại ánh sáng. Bồ-tát Tật Biện rời tòa, chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì sao Như Lai mỉm cười?

Phật nói:

–Thiện nam! Ông có thấy Bồ-tát Bảo Kế cúng dường châu báu lên ta không?

–Thấy, thưa Thế Tôn!

–Thiện nam! Bồ-tát đã từng phát tâm Bồ-đề vô thượng ở vô lượng Phật, giữ tịnh giới, siêng cầu giác ngộ, cúng dường vô lượng hằng hà sa chư Phật, đã hóa độ vô lượng chúng sinh.

–Thiện nam! Quá mười a-tăng-kỳ kiếp thời vị lai, Bồ-tát sẽ thành Phật hiệu là Bảo Xuất, cõi nước tên Tịnh quang, kiếp tên Vô cấu. Cõi Phật Bảo Xuất được hình thành từ bảy báu, sáng chiếu vô số cõi nước. Dân chúng ở đó không đói khát, tất cả đều là Bồ-tát thanh tịnh, không hề nghe pháp Nhị thừa, chỉ nghe pháp Đại thừa. Vì thế Đức Phật hiệu là Bảo Xuất. Tất cả Bồ-tát nơi cõi đó đều đủ thần thông, cõi đó không có vua, chỉ có Như Lai là vua pháp. Chúng sinh nơi cõi đó đều là hóa sinh, không có ba đường ác, không có sự yêu thương xót của nam nữ, không có người tật

nguyền, không phân biệt chỗ hơn kém, chúng sinh sống bốn vạn trung kiếp. Đức Phật đó chỉ thuyết giảng về sáu pháp Ba-la-mật, Từ bi lợi sinh. Chúng sinh đều thông tuệ, nghe một câu có thể hiểu ngàn câu. Đức Phật thường giảng Đà-la-ni Kim cang cú cho các Bồ-tát. Đà-la-ni Kim cang: Cú tức là một câu. Một câu này bao gồm vô số câu pháp của chư Phật, nên gọi là vô tận pháp cú, hành bao hàm tất cả văn tự, tất cả pháp; chỉ có một văn tự, không có hai văn tự, nên là một câu, là tác cú, tự cú. Không phân biệt tự cú, tác cú là nơi pháp cú là Đà-la-ni Kim cang cú.

Thiện nam! Dù trải qua một kiếp hay hơn thế ta vẫn không nói hết công đức của Đức Phật này.

Nghe Phật thọ ký, Bồ-tát Bảo Kế vui mừng, nói kệ khen Phật:

Như Lai thấy biết làm mọi việc
Thành tựu các pháp, đạt giải thoát
Đoạn trừ hết thảy các phiền não
Nên được tôn là Đấng Vô Thượng.
Việc con cúng dường vô lượng Phật
Như Lai biết rõ hết tất cả
Như Lai thành tựu trí vô ngại
Vì thế biết rõ việc ba đời.
Thế Tôn ngày nay thọ ký con
Giúp con trừ đoạn tâm nghi ngờ
Con cũng sẽ đạt đạo Chân thật
Như Đức Thích-ca, Đấng Tối Tôn.

Hết thảy đại địa có thể nghiền
Mặt trăng, mặt trời có thể rơi
Lời của Như Lai không thay đổi
Vì thế con được đạo Bồ-đề.
Là đúng, lời thật, lời vi diệu
Thọ ký con được đạo vô thượng
Nếu con thật sự đạt Bồ-đề
Sẽ nguyện điều phục vô lượng chúng.
Con đã có được nước vi diệu
Đại chúng thông tuệ như Phật nói
Hôm nay nghe pháp thâm diệu này
Con trừ tâm nghi hướng Bồ-đề.
Con nguyện siêng năng tu đạo giác
Điều phục chúng sinh tâm không hối
Nay Phật ban cho sức tin kính
Cùng trí vô thượng và lực Phật.

Lúc Bồ-tát nói kệ này, có một vạn một ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, đều nói:

–Con nguyện được sinh về cõi của Phật Bảo Xuất.

Khi ấy, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết pháp này để đem lợi ích cho trời người. A-nan! Chúng sinh nào tin thọ kinh này nhất định được Phật thọ ký.

Thiện nam! Công đức của người bố thí bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên cõi nước cho chúng sinh

suốt một ngàn năm không bằng công đức của chúng sinh thọ trì biên chép kinh này?

A-nan! Kinh này tên Phương Đẳng Đại Tập Đà-la-ni Đại Hành Bố Thí Nhập Xứ. Nghe Phật nói, hết thảy chúng trời người đều vui mừng, tin thọ, vâng làm.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 27

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Sa-môn Trí Nghiêm và Bảo Vân, người Lương Châu.

Phẩm 12: BỒ-TÁT VÔ TẬN Ý (Phần 1)

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật đến giảng đường Bảo trang nghiêm thuộc thành Vương xá. Giảng đường này được hình thành từ công đức lớn, từ quả hạnh của Phật, chứa vô số Bồ-tát, những người giảng thuyết nghĩa lý thâm diệu, được thần lực Như Lai gia hộ, nhập trí vi diệu hạnh vô ngại, vui vẻ, siêng năng, phân biệt trí tuệ, không bị khinh chê, công đức vô lượng không thể nói hết, hiểu pháp bình đẳng của Như Lai, chuyển xe pháp, độ vô số chúng, tự tại trong các pháp, biết rõ căn tánh của chúng sinh, khéo trừ tập khí phiền não, làm mọi việc nhưng không chấp, cùng sáu trăm vạn Tỳ-kheo, đệ tử của Pháp vương, đạt giải thoát, đoạn tập khí phiền não, hiểu pháp Nhẫn vô sinh, thành tựu oai nghi trang nghiêm, là ruộng phước của mọi

loài, đáng được cúng dường, giữ gìn tịnh giới của Phật và vô lượng, vô biên không thể tính đếm Đại Bồ-tát, những người trong một niệm có thể đến vô số cõi Phật, từng cúng dường chư Phật quá khứ, học hỏi pháp mầu, không nhàm chán, siêng năng giáo hóa chúng sinh, biết phương tiện, đủ trí tuệ, an trụ nơi giải thoát vô ngại, trừ mọi vọng tưởng, chấp tướng, hý luận, đạt trí Nhất thiết, một đời thành Phật. Đó là các Bồ-tát Điện Thiên, Thắng Tránh, Nhật Tạng, Dũng Kiện, Ly Ác Ý, Du Hành, Quán Nhãn, Ly Ám.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn giảng pháp môn các pháp không ngại của Bồ-tát, là pháp Phật sâu xa, trang nghiêm đạo Bồ-tát, đủ mười Lực, Vô úy, trí tuệ, đạt Tổng trì tự tại, đủ biện tài thần thông, chuyển xe pháp không thoái chuyển, không sinh, quán sát thật tướng của các pháp, trừ diệt cõi ma, khéo tư duy, trừ phiền não tà chấp, đủ trí vô ngại và phương tiện quyền biến, hiểu pháp bình đẳng của Phật, thọ trì trí tuệ của Phật, giảng tướng chân thật của các pháp, nhập pháp bình đẳng không chấp tướng, thành tựu công đức, hiểu nhân duyên sâu xa, trang nghiêm thân, khẩu, ý nghiệp, siêng năng giảng bốn Đế, phân biệt trí vi diệu, giáo hóa hàng Thanh văn thân tâm tịch tĩnh, độ Duyên giác, đủ trí Nhất thiết độ hàng Đại thừa, đạt trí tự tại trong các pháp, thành tựu công đức Phật, giáo hóa mọi loài.

Lúc Phật giảng pháp này, ở phương Đông tự nhiên xuất hiện ánh sáng sắc vàng chiếu tỏa khắp tam thiên đại thiên cõi nước. Ngoài hào quang của Phật, tất cả ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, Đế Thích, Phạm thiên, Hộ thế Thiên vương, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già đều không hiện hữu. Ánh sáng ấy soi thấu tường vách rừng núi, núi lớn, núi nhỏ, núi Mục-chân-lân-đà, núi Thiết vi, núi Đại thiết vi và các cõi nước. Ánh sáng ấy còn chiếu đến địa ngục, chúng sinh nhờ chạm ánh sáng mà diệt hết khổ đau, hưởng an lạc. Dưới mặt đất trước chỗ Phật, sáu mươi ức hoa sen tự nhiên xuất hiện. Hoa ấy thơm đẹp, làm vui lòng mọi loài. Mỗi hoa có trăm ngàn cánh, bên trên hoa là lưới báu, cánh hoa mềm mại như áo trời, chạm vào đều thấy thích thú. Hoa ấy thoảng hương xông khắp tam thiên đại thiên thế giới, hơn cả hương thơm của trời người. Tám bộ chúng nghe thấy hương này đều được vui, đoạn hết phiền não. Thấy ánh sáng và hoa sen lạ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì sao có điềm lành này?

Phật nói:

–A nan! Ở phương Đông, Bồ-tát Vô Tận Ý và sáu mươi ức Bồ-tát sắp đến đây, nên có điềm lành này.

Phật vừa dứt lời, Bồ-tát Vô Tận Ý dùng thần

lực chấn động cõi nước, phóng ra ánh sáng, tuôn hoa, rải hương, trỗi nhạc trời, cùng các Bồ-tát đến chỗ Phật. Đến nơi các vị từ trong hư không cao bảy cây Đa-la, chắp tay nói kệ khen Phật:

Thanh tịnh không cấu nhiễm
Dũng mãnh trừ các dục
Diệt hết mọi trần lao
Đạt mắt sáng vi diệu.
Trừ sạch ba cấu uế
Khéo đoạn trừ lậu hoặc
Hết thảy đều thanh tịnh
Cúi lạy Đấng Đại Giác.
Diệt hết mọi lo sợ
Chặt dứt lưới vô minh
Mười Lực Đấng Pháp Vương
Tà thuyết không thể thắng.
Ngoại đạo các dị thuyết
Tất cả đều kinh sợ
Như Lai Sư Tử Chúa
Độc hành không sợ hãi.
Hào quang của Thế Tôn
Thanh tịnh soi chiếu khắp
Hết thảy cõi trời người
Lìa bỏ mọi tăm tối.
Trừ hết mọi tối tăm
Không còn lưới vô minh
Hào quang Phật thanh tịnh
Mặt trời ra khỏi mây.

Chúng sinh khổ già chết
Không một ai cứu vớt
Vì điều phục mọi loài
Như Lai chịu các khổ.
Tâm Từ bi kiên định
Chỉ Thế Tôn có được
Ví như thầy thuốc giỏi
Chữa trị mọi bệnh khổ.
Tánh của tất cả pháp
Đều vốn không có ngã
Như tiếng vọng trong đá
Hết thảy do duyên sinh.
Chúng sinh vốn không tánh
Không tạo tác, không thọ
Vì tất cả mọi loài
Như Lai khởi Từ bi.
Biển các cõi sâu rộng
Đen tối do vô minh
Đầy dẫy những giác quán
Luôn luôn nổi sáng to.
Như Lai không học người
Tự nhiên đạt giải thoát
Vào đời không nhiễm ô
Như hoa sen trong bùn.
Trời thu cây cỏ rụng
Nắng dữ cạn ao hồ
Trí sáng biết pháp đời
Thay đổi không thường còn.

Những gì kẻ ngu thích
Bậc trí lại chê trách
Các pháp không bền vững
Riêng vượt dòng sinh tử.
Mắt Phật thấy tất cả
Như hoa Ưu-bát-la
Vi diệu rất thanh tịnh
Hơn trăm ngàn trời trăng.
Chúng sinh thời quá khứ
Hay thuộc thời hiện tại
Tất cả cùng ngợi khen
Như Lai nhận biết cả.
Điều phục kẻ ương ngạnh
Trừ nóng thổi gió mát
Vì thế con thành kính
Lạy Thế Tôn Vô thượng.
Độ đời phước tăng trưởng
Công đức không thể lường
Như trâu chúa trong đời
Cúi lạy Đấng ruộng phước.

Nói kệ xong, Bồ-tát Vô Tận Ý và sáu mươi ức Bồ-tát từ hư không bay xuống, lạy Phật, đi quanh Phật ba vòng, an tòa trên đài hoa. Lúc ấy, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát Vô Tận Ý đến từ cõi nào? Đức Phật nơi cõi ấy hiệu gì, cõi đó cách đây bao xa?

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Ông hãy hỏi Bồ-tát Vô Tận Ý.

Nghe Phật bảo, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi việc ấy với Bồ-tát Vô Tận Ý. Bồ-tát hỏi:

–Tôn giả Xá-lợi-phất! Ông thấy có đến sao?

–Thiện nam! Tôi nghĩ vậy.

–Tôn giả Xá-lợi-phất! Đã như vậy thì không có hai tướng, cớ sao lại hỏi từ đâu đến. Xá-lợi-phất! Đến đi là hòa hợp, như tưởng hòa hợp, không phải hợp, không phải không hợp, không đến đó là nơi hành của Phật. Có đến đi là thuộc tướng nghiệp. Tướng nghiệp ấy không tạo tác, không phải không tạo tác, là không đến đi, là nơi hành của bậc Thánh.

Xá-lợi-phất! Đến đi là tướng cõi nước. Tướng cõi nước không có cõi nước, không phải không có cõi nước, tức là không đến đi, là nơi hành của bậc Thánh.

Xá-lợi-phất! Đến đi là tướng cõi nước. Tướng cõi nước không có cõi nước, không phải không có cõi nước, tức là không đến đi, là nơi hành của bậc Thánh.

Xá-lợi-phất! Đến đi là duyên tưởng. Duyên tưởng không duyên, không phải không duyên, tức không đến đi, là nơi hành của Bồ-tát. Đến đi là nhân tướng. Tướng nhân không nhân, không phải không nhân, tức không đến đi, là nơi hành của bậc Thánh. Đến đi thuộc văn tự ngôn ngữ. Tướng văn

tự không văn tự không phải không văn tự, tức là không đến đi, là nơi hành của bậc Thánh.

–Thiện nam! Những việc ông nói rất vi diệu, từ trước đến giờ tôi chưa từng nghe, nên còn nghi ngờ. Thiện nam! Như người giữ cửa ải hỏi tra tất cả người qua lại. Nếu thấy người, vật như lúa thì thu thuế, soi rọi bằng tâm. Vì thế tôi xin hỏi: Các Bồ-tát vì bảo hộ pháp Đại thừa mà độ vô lượng Thanh văn, Duyên giác? Xin thiện nam phân biệt rõ cho.

Bồ-tát Vô Tận Ý nói:

–Hãy hỏi Như Lai. Như Lai sẽ giúp ông trừ nghi.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế Tôn! Xin nói rõ về cõi nước mà Bồ-tát Vô Tận Ý thọ sinh và Đức Phật cõi ấy. Nhờ nghe pháp đó các Bồ-tát hành trang nghiêm Bồ-đề.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ. Ta sẽ nói rõ về công đức và danh hiệu của Đức Phật nơi cõi ấy. Nghe xong ông chớ nghi ngờ, nên chuyên tâm tin thọ, vâng làm.

Nghe lời Phật, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Hay thay, hay thay! Thế Tôn! Xin giảng rõ, con nguyện thọ trì.

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cách đây mười hằng hà sa cõi Phật về phương Đông, có cõi nước

tên là Bất Thuấn, Đức Phật cõi ấy hiệu Phổ Hiền, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng đủ mười tôn hiệu. Xá-lợi-phất! Cõi ấy không có Thanh văn, Duyên giác, không có tên về Nhị thừa, tất cả đệ tử đều là Bồ-tát, từng tu công đức, trọn vẹn hạnh lành, tu các hạnh bố thí, giữ giới, nhẫn, học rộng, không buông lung, an trụ trong công đức, đủ oai nghi, thần lực không ngại, siêng năng kiên định trong đạo vô thượng, hành đầy đủ thiền định, giải thoát, trí tuệ, thần thông, biết rõ các pháp, tâm Từ như hư không, tâm Bi kiên cố, cứu thoát mọi loài, thực hành tâm Hỷ, Xả, không yêu ghét, trừ hết nghiệp ma, hiểu căn tánh, sở thích của mọi chúng sinh, tùy thuận giảng dạy, tâm bình đẳng như đất nước gió lửa, đánh bại tà luận của ngoại đạo, đẩy lùi kẻ địch, dựng phướn thù thắng, nhập mười Lực, bốn Vô úy của Phật, không sợ khi vào trong chúng, thường quán mười hai nhân duyên sâu xa, không chấp có không, hành trung đạo, diệt hết tất cả kiến chấp ngã, sở hữu ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, tạo tác, thọ nhận, đoạn, thường, kết sử, ấn định bằng pháp Tổng trì, đủ biện tài giảng thuyết suốt vô số kiếp, đủ thần thông tạo cảm ứng nơi vô lượng, vô biên cõi Phật, đi lại các cõi Phật, trừ sân, sợ, mạn, phóng dật, khi giảng thuyết tiếng rền như tiếng gầm sư tử, tất cả chúng sinh từ kẻ oán đến người thân đều an trụ trong Niết-bàn, đánh trống pháp, tuôn mưa pháp, để hạt giống

Tam bảo không đoạn, thanh tịnh cả trong ngoài như châu báu sáng, đủ tướng tốt, trang nghiêm thân bằng căn lành, được Phật trao lễ quán đảnh, một đời thành Phật, hiểu hạnh chúng sinh, tùy thuận điều phục giúp chúng giải thoát, thanh tịnh đạo trang, ngồi tòa Sư tử, tự tại trong các pháp, hiện thân hình như Phật, làm mọi việc Phật, tự tại xoay xe pháp.

Nghe Phật khen ngợi trí tuệ công đức của các Bồ-tát, đại chúng vui mừng rải các hoa Ưu-bát-la, Câu-vật-đầu, Ba-đầu-ma, Phân-đà-lợi, Mạn-đà-la cúng Bồ-tát Vô Tận Ý và các Bồ-tát. Tất cả cùng thưa:

–Hôm nay chúng ta đạt công đức, được thấy các bậc Đại sĩ, được gần gũi, cúng dường các vị. Chúng sinh nào được nghe tên Bồ-tát sẽ được nhiều phước đức, nếu được ngợi khen công đức của Bồ-tát thì sẽ phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Lúc đó, có ba trăm sáu mươi vạn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng. Đức Phật nói:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cõi Phật ấy không có tên: Ba đường ác, tà hạnh, hủy giới, người nữ, tham, sân, si, loạn, chướng hoặc, triền cái. Chúng sinh không có thượng trung hạ, thuần là hàng Nhất thừa, không lớn nhỏ. Cõi Phật ấy không phân biệt sạch nhơ, không có sự khác biệt của Tam bảo, không có nạn đói khát, không có sự chấp ngã, sở

hữu của ngã, nghiệp ma, tà kiến. Cõi này rộng lớn bằng phẳng, một mặt trăng, mặt trời chiếu soi cả sáu mươi ức trăm ngàn na-do-tha do-tuần. Đó là việc hy hữu, được tạo thành tự nguyện lực của Bồ-tát. Ở đó đất đai bằng phẳng, được hình thành bằng lưu ly, mặt đất mềm mịn như áo trời, ai chạm vào sẽ được an lạc. Xung quanh cõi này có bảy hàng cây báu trang nghiêm, đường đi được ngăn bằng dây báu, nhiều hoa thơm, không có cát đá gai gốc. Núi non ở đây toàn là bảy báu. Chúng sinh sống bằng niềm vui thiền định. Cõi này không có vua, chỉ có Như Lai là Đấng vua pháp. Đức Phật và Bồ-tát nơi cõi này không giảng pháp bằng văn tự. Các Bồ-tát chỉ cần chiêm ngưỡng Phật là đạt Tam-muội niệm Phật, ngộ pháp vô sinh. Vì thế, cõi đó có tên là Bất Thuấn *(nhìn không chớp mắt)*. Thế nào là niệm Phật? Không quán sắc tướng, dòng họ, hạnh nghiệp, không kiêu mạn, không quán ấm, giới, nhập, thấy, nghe, hay, biết, tâm, ý, thức, không đua tranh, không chấp tướng sinh diệt, không lấy bỏ nghĩ nhớ, không quán tưởng, phi tưởng, pháp tưởng, tự tưởng, cảnh giới, công đức, trong ngoài giữa, không giác quán, không thấy đầu cuối, không quán hình tướng cử chỉ, giới, định, huệ, giải thoát, tri kiến giải thoát, mười Lực, bốn vô úy, mười tám pháp Bất cộng. Niệm Phật là đấng không thể nghĩ bàn, không hành, không tưởng, không gì sánh, không tư duy, không niệm,

không xét, không động, trụ, không thấy sự sinh trụ dị diệt của ấm nhập giới, không nơi chốn, không không nơi chốn, không phải sắc thọ tưởng hành thức, không thấy biết về thức, đất, nước, gió, lửa. Mắt, sắc, tai, tiếng, mũi, hương, lưỡi, vị, thân, xúc, tâm, pháp, tất cả không thấy cảnh giới, ngã, sở hữu ngã, không nghĩ là thấy nghe hay biết, đạt giải thoát trọn vẹn, biết tâm luôn sinh diệt, không vọng tưởng, trừ ái, sân, không chấp tướng nhân duyên, kia, đây, trong ngoài, thanh tịnh, không chấp nơi văn tự, không vui buồn, không thoái chuyển, không chấp khổ vui, lạnh nóng, tịch tĩnh, giải thoát, không sắc tướng, không thọ ngã, không trói buộc, không tạo tác, không nói năng, không đầu cuối, không lấy bỏ, dừng ở, không sinh diệt, bình đẳng như hư không. Đó là Tam-muội niệm Phật của Bồ-tát. Đạt Tam-muội này Bồ-tát thành tựu Đà-la-ni trí tự tại, thọ trì pháp Phật, hiểu rõ ngôn ngữ của chúng sinh, đủ biện tài.

Xá-lợi-phất! Đức Phật Phổ Hiền không thuyết pháp bằng hai nhân duyên: Nghe, nghĩ. Các Bồ-tát thấy Phật là hiểu được ý nghĩa sâu xa thành tựu sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì không chấp sắc tướng là hành trọn vẹn Bố thí ba-la-mật, trừ tướng sắc là đủ Giới ba-la-mật, quán sắc đoạn là đạt Nhẫn ba-la-mật, thấy sự tịch tĩnh của sắc là hành trọn Tinh tấn ba-la-mật, không chạy theo sắc tướng là hành trọn vẹn Thiền ba-la-mật, không

bàn sắc tướng là hành đủ Bát-nhã ba-la-mật. Xá-lợi-phất! Tất cả các cõi Phật, ít có cõi nào như cõi này.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Hy hữu thay! Các Bồ-tát được sinh ở cõi Bất Thuấn, được gặp Đức Phổ Hiền, thành tựu công đức lớn.

Bồ-tát Vô Tận Ý hỏi:

–Đại đức! Có muốn thấy cõi Bất Thuấn, Đức Phổ Hiền và đại chúng không?

–Rất muốn, thưa Bồ-tát. Vì sẽ giúp cho đại chúng tăng thêm căn lành.

Bồ-tát Vô Tận Ý liền nhập định thị hiện cõi Phật, làm cho Tôn giả Xá-lợi-phất và đại chúng trông thấy cõi Bất Thuấn, Đức Phổ Hiền và đại chúng. Thấy vậy, tất cả rời tòa, hướng lạy Đức Phổ Hiền và đại chúng. Nhờ thần lực Phật và Bồ-tát Vô Tận Ý vô số hoa thơm tự nhiên rải xuống cúng dường Đức Phổ Hiền và đại chúng. Thấy hoa thơm, các Bồ-tát thưa Phật:

–Thế Tôn! Hoa thơm này từ đâu hiện ra?

Phật nói:

–Đó là hoa của Bồ-tát Vô Tận Ý và các Bồ-tát ở các cõi Phật đến cõi Ta-bà nghe pháp. Đức Phật Thích-ca giảng kinh Đại Tập.

Các Bồ-tát thưa:

–Thế Tôn! Chúng con mong được thấy Đức

Phật Thích-ca và đại chúng ở cõi đó.

Đức Phật Phổ Hiền liền phóng ra ánh sáng chiếu đến cõi Ta-bà. Nhờ ánh sáng, đại chúng ở cõi này đều thấy được Đức Phật Thích-ca và đại chúng nơi cõi Ta-bà, tất cả vui mừng, chắp tay thưa:

–Hy hữu thay, Thế Tôn! Các Bồ-tát từ đâu tập hợp về cõi ấy mà đông như vậy?

Phật nói:

–Thiện nam! Các Bồ-tát đến từ các cõi Phật ở mười phương, mong được nghe pháp sâu xa.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Vì sao Bồ-tát có tên là Vô Tận Ý?

Đáp:

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vô Tận Ý là nhân duyên quả báo của các pháp. Vì sao? Vì các pháp không cùng tận.

Xá-lợi-phất thưa:

–Thiện nam! Xin nói về pháp không cùng tận.

–Xá-lợi-phất! Ngay lúc mới phát tâm Bồ-đề đã là không cùng tận. Vì sao? Vì tâm Bồ-đề không xen tạp phiền não, liên tục không có thừa khác, bền vững, không xen các tà luận, trừ nghiệp ma, tùy thuận tăng trưởng pháp lành, thường còn, không dao động, được chư Phật an ủi, bảo hộ, thù thắng không tổn giảm, an ổn, không tranh chấp,

không gì so sánh, bền vững như kim cang, thành tựu vô thượng vô biên công đức, bình đẳng độ sinh, không phân biệt, thanh tịnh, sáng soi, đủ trí sáng, hiểu pháp rốt ráo, rộng lớn như hư không, bao dung tất cả, thông đạt không ngại, không đoạn tâm Bi, hạnh nguyện, được chư Phật khen ngợi, vượt trên Nhị thừa, sâu xa, chúng sinh không thể biết, không hủy hoại pháp Phật, đem pháp lành cho chúng sinh hành đầy đủ công đức trang nghiêm, thành tựu trí quán sát, tùy tâm ban cho, thanh tịnh giới đức, đủ hạnh nhẫn trước kẻ oán, người thân, trọn hạnh tinh tấn, tịch tĩnh an ổn, kiên định tâm đại Bi, vui vẻ đủ tâm Hỷ, không động đủ tâm Xả, tựa pháp Phật, không đoạn Tam bảo. Xá-lợi-phất! Bồ-tát phát tâm Bồ-đề bằng trí Nhất thiết thì làm sao cùng tận được.

Thiện nam! Như hư không không cùng tận, tâm Bồ-đề được phát bằng trí Nhất thiết cũng vậy. Xá-lợi-phất! Giới của Phật không cùng tận. Định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của Phật không cùng tận, phát tâm từ định, tuệ giải thoát, nên giải thoát tri kiến cũng không cùng tận.

Xá-lợi-phất! Tánh của giới, định, tuệ giải thoát, tri kiến giải thoát của Phật là không cùng tận, phát tâm từ tánh ấy làm sao cùng tận. Mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật không cùng tận, nên phát tâm Từ, các pháp đó cũng không cùng tận.

Xá-lợi-phất! Tóm lại, tất cả Như Lai đều không cùng tận nên phát tâm từ các pháp của Như Lai cũng không cùng tận. Tam bảo không đoạn nên không cùng tận. Tánh của chúng sinh, trí như thật, trí tùy thuận chúng sinh, sự hồi hướng vô thượng, việc giáo hóa chúng sinh, trí không sinh, sự lìa tánh không sinh, bản tánh của các pháp đều không cùng tận. Xá-lợi-phất! Đó là sự không cùng tận của việc phát tâm Bồ-đề của Bồ-tát.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tâm Bồ-tát thanh tịnh, không cùng tận, không dua nịnh, không gian trá, khéo phân biệt, không tà vạy, thanh bạch, chân chánh, thù thắng, không khinh hủy, không quanh co, chất trực, bình đẳng, kiên định, không thể hoại, bền vững, không động, không nương tựa, trừ chấp ngã, không bè bạn, đoạn khen chê, tạo nghiệp lành, không chê trách, diệt tội lỗi, không khổ não, tánh chân thật, không hư dối, hành đúng pháp, khéo tạo tác, không tỳ vết, không sai lầm, không đình trệ, không thoái chuyển, quán chúng sinh, căn đại Bi sâu xa, độ sinh không mệt mỏi, không tìm an lạc cho riêng mình, không tham lợi dưỡng, không đắm nhiễm, biết các pháp do duyên sinh, quán sự thịnh suy, thấy chúng sinh, luôn ủng hộ, làm nơi nương tựa, không hệ lụy, khéo quán sát, không bàn luận, tâm thuần thiện, không dao động, thanh tịnh, siêng năng, thanh tịnh bên trong, khéo hiểu, không nhiễm bẩn. Xá-lợi-phất! Vì tâm thanh

tịnh nên đoạn tham tiếc, độ người đoạn tham; không hủy giới, khuyên người không hủy giới; đoạn sân, khuyên người đoạn sân; không lười biếng, khuyên người bỏ lười biếng; không tán loạn, khuyên người không tán loạn; đoạn si, khuyên người đoạn si.

Xá-lợi-phất! Nhờ thanh tịnh tâm nên đoạn tất cả pháp ác, giúp chúng sinh sống trong pháp lành. Vì thế sự thanh tịnh của Bồ-tát không cùng tận. Xá-lợi-phất! Hạnh tâm thanh tịnh của Bồ-tát không cùng tận. Vì sao? Vì khi bố thí, Bồ-tát xả bỏ tất cả; khi hành giới Bồ-tát siêng tu khổ hạnh, giữ gìn oai nghi, không phạm; khi hành nhẫn Bồ-tát không sân giận chúng sinh; khi hành tinh tấn Bồ-tát luôn siêng tu tập pháp lành; Bồ-tát luôn tu thiền không tán loạn; Bồ-tát tu trí, học rộng. Các hạnh đó của Bồ-tát đều không cùng tận. Bồ-tát hành Từ, Bi, Hỷ, Xả không cùng tận vì Bồ-tát luôn ban vui, cứu khổ, đoạn tham sân. Ba nghiệp của Bồ-tát thanh tịnh vì trừ ba lỗi của thân, bốn lỗi của miệng, ba lỗi của ý *(nghĩa là trừ tham, sân, si)*. Bồ-tát luôn học hỏi không tiếc thân mạng, tu trí Nhất thiết, khuyên các Bồ-tát khởi tâm đạo, tu tập căn lành, hồi hướng Bồ-đề, bảo hộ pháp Phật, hành bốn Nhiếp pháp, sám hối tội lỗi, trình bày lỗi lầm, hồi hướng công đức, thành tựu vô lượng tài bảo, thỉnh Phật, hộ pháp, hành pháp Bồ-tát, lo việc độ sinh, trang nghiêm kiên cố,

thành tựu Pháp lành.

Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát có bốn hạnh không cùng tận: Hạnh tâm; bố thí pháp; giáo hóa; căn lành. Lại có bốn hạnh: Thích ở nơi nhàn tịnh, giữ gìn oai nghi, không chán ghét; luôn tu tập vô lượng công đức; siêng năng học hỏi, hiểu rộng; cầu trí tuệ Bồ-đề vô thượng. Lại có bốn hạnh: So sánh, tính đếm; suy xét; quán pháp. Lại có bốn hạnh: Hiểu pháp thanh tịnh; biết nhân nhiễm ô; đoạn phiền não; tán thán pháp lành. Lại có bốn hạnh: Quán các ấm; quán các giới; quán các nhập; quán nhân duyên. Lại có bốn hạnh: Giảng hạnh vô thường; nêu pháp khổ; trình bày pháp vô ngã; thuyết Niết-bàn thanh tịnh. Tóm lại, tất cả các hạnh của Bồ-tát đều không cùng tận, vì mọi hạnh đều hướng về Nhất thiết trí.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Tâm Bồ-tát viên mãn không cùng tận. Vì sao? Vì mọi sự suy nghĩ, quán sát đều duyên pháp Bồ-đề, hướng đến các địa, vượt sinh tử, đạt giải thoát rốt ráo, hạnh thù thắng, đạt pháp vi diệu, đủ pháp Phật, tăng trưởng pháp lành, vượt khắp nơi chốn, trang nghiêm viên mãn, thành tựu Bồ-đề bằng các hạnh, không tham dục lạc, tùy thuận, không làm ác, an trụ pháp Phật, đoạn phiền não, bố thí không tham tiếc, giữ gìn giới cấm, hành nhẫn nhục, siêng tu khổ hạnh, vượt pháp Nhị thừa, tu định nhưng không chấp các thiền, tu tuệ không chấp căn lành, hành trọn vẹn

pháp lành, trừ các tâm mạn, bố thí không cầu quả báo, quán pháp vi diệu của Phật nhưng không kinh sợ, siêng năng không ngừng, không dối gạt, lo việc độ sinh, điều phục mọi loài, Từ bi lợi vật, cứu khổ ban vui, cung kính sư trưởng, bảo vệ kẻ thế cô, làm nơi nương tựa, soi chiếu nơi tăm tối, làm bạn tốt, ngay thẳng với kẻ quanh co, lành với kẻ ác, chân chánh với kẻ gian, thanh tịnh với kẻ tà mạng, đền ân với người có ân và kẻ vô ân, kẻ không biết ân, đem lợi ích cho kẻ tổn hại, chân thật với kẻ hư dối, khiêm nhường với kẻ cao ngạo, không chê, nói lời êm dịu, độ kẻ ác, bảo hộ kẻ sai đường, làm mọi việc cung kính tất cả, chỉ dạy các Bồ-tát khác, dạy dỗ bằng lời êm dịu, thích ở nơi nhàn tịnh, hành pháp lành, không ham vật chất, không tiếc thân mạng, không nghĩ quấy, nói lời ngay thật, không vì vật chất mà làm việc ác, ít muốn, biết đủ, tâm thanh tịnh nhu thuận, vào sinh tử nhưng đủ căn lành, chịu khổ vì chúng sinh. Bồ-tát đủ các tâm không cùng tận của Bồ-tát, không bị phiền não sinh tử tổn hại. Vì sao? Vì tâm tăng trưởng công đức, bao dung tất cả chúng sinh, thành tựu trí vi diệu. Đại đức! Đó là sự không cùng tận của Bồ-tát.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thiện nam! Còn có pháp không cùng tận không?

–Có. Bồ-tát tu hành Thí ba-la-mật không cùng

tận. Vì sao? Vì việc bố thí của Bồ-tát không thể lường. Nghĩa là cần thức ăn, cho thức ăn, đủ sắc đẹp vui khỏe, đoạn khát ái; cần y phục cho y phục, đủ sắc thanh tịnh không hổ thẹn; cần xe cho xe, đủ diệu lạc thần thông; cần đèn cho đèn đủ mắt thanh tịnh của Phật; cần nghe nhạc cho nghe nhạc, đủ Thiên nhĩ thanh tịnh; cần hương cho hương, thân luôn thoảng hương thơm *(cho cả hương xoa, hương bột)*, đủ hương giới định tuệ; cần các vị cho các vị; cần chỗ nương tựa cho nơi nương tựa, bảo vệ cứu độ chúng sinh; cần chăn mền cho chăn mền, trừ cái ấm, có được chỗ ngồi của chư Thiên, Hiền thánh, Phật; cần ghế ngồi cho ghế ngồi, có đạo tràng khắp tam thiên đại thiên cõi, an tọa nơi tòa kim cang. Ban cho tất cả thành tựu pháp Bồ-đề; tùy bệnh cho thuốc nên không già chết đủ thuốc cam lồ; cần nô bộc cho nô bộc, đủ trí tự tại; ban cho vàng bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, mã não thành tựu ba mươi hai tướng tốt; bố thí các vật trang sức nên đủ tám mươi vẻ đẹp, ban cho xe xưa thành tựu Đại thừa; ban cho vườn rừng, đủ các pháp thiền; ban cho vợ con được pháp vô thượng, ban cho kho thóc lúa tài bảo có được tạng pháp lành; tùy thuận ban cho đạt vị vua tự tại; ban cho niềm vui đủ vô lượng pháp lạc; ban cho chân sẽ đủ thần thông đi lại đạo tràng; ban cho tay có được tay pháp an ủi chúng sinh; ban cho tai mũi được các căn thông tuệ; ban cho mắt thành tựu mắt pháp

không ngại; ban cho đầu, thành tựu trí tuệ biết rõ ba cõi; ban cho máu thịt được thân kiên cố; ban cho cốt tủy đủ thân kim cang. Bồ-tát không làm việc ác để có của cải mà bố thí, không cướp vật của người này để cho người kia, không thí vì sợ, vì hổ thẹn, vì tham tiếc, cho như lời hứa, ban cho tất cả, bố thí trọn vẹn, không thí vì dua nịnh, gian ác, nghi nghiệp báo, tà mạng, chấp trước, phân biệt, thấy sự khác biệt, bình đẳng bố thí không phân biệt giữ giới, phá giới, không cầu quả báo, không hối hận, không nhiễm ô, không chấp nơi chốn, không sân giận, ai xin thì cho, không tổn hại người xin, không khinh khi, không quay mặt, không ném vật cho, tôn trọng, cho tận tay, thường cho, không đoạn tuyệt, không kiêu mạn, không giới hạn, cho đúng lời hứa, không phân biệt đáng cho không đáng cho, xem tất cả đều là ruộng phước, không khinh ít; không khen nhiều, không giảm, không cầu quả, không cầu tài vật, không mong học pháp Thanh văn, Duyên giác, không mong ngôi vị, không bố thí vì một đời, không chán ghét, hồi hướng về trí Nhất thiết, thanh tịnh, đúng thời, không hại, không làm cho chúng sinh khổ não, không bị bậc trí cười chê. Vì sao? Vì quán hạnh rỗng lặng, không huân tập, vượt ba cõi, không chấp nơi chốn, giải thoát, hàng phục nghiệp ma, trừ tham ái, tăng pháp lành, khéo phân biệt, trợ đạo Bồ-đề, hồi hướng chánh giác, trang

nghiêm đạo tràng, không biên giới, không hư hoại, không đoạn, rộng lớn, không so sánh, hướng đến trí Nhất thiết. Xá-lợi-phất! Đó là hạnh thí không cùng tận của Bồ-tát.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Bồ-tát đã giảng nói về hạnh Thí ba-la-mật không cùng tận của Bồ-tát. Xin giảng về hạnh giữ Giới ba-la-mật không cùng tận của Bồ-tát.

Bồ-tát Vô Tận Ý bảo:

–Xá-lợi-phất! Giới của Bồ-tát có sáu mươi bảy hạnh thanh tịnh không cùng tận. Sáu mươi bảy hạnh: Không não hại chúng sinh; không trộm cướp vật của người; không xâm phạm vợ người; không dối gạt chúng sinh; không nói hai lời; không nói ác; không thêu dệt; không ganh ghét khi thấy người vui; không sân giận; kham nhẫn lời ác; có chánh kiến; vững tin Phật; tâm không nhiễm; tin thuận pháp; quán pháp; tin kính Tăng chúng; thành tâm niệm Phật; suy xét pháp; tôn trọng Tăng; giữ gìn giới cấm dù là giới nhỏ vẫn không phạm; không thiếu giới, không học thừa khác; giới không lậu hoặc, đoạn ác; không xen tạp kết sử; không ô nhiễm; hồi hướng giới đức; không bị bậc trí chê trách; bảo hộ các căn; làm lành; được chư Phật bảo hộ vì khéo giữ giới, luôn biết đủ, ít ham muốn, đoạn tham, thân tâm tịch tĩnh, ở nơi nhàn

tịnh, không học pháp của đạo khác, tự tại với căn lành, được hàng trời người ưa thích; bảo hộ chúng sinh bằng lòng từ; chịu khổ thay chúng sinh bằng lòng bi; không lười biếng vì có tâm hỷ; không tham sân vì tu tâm xả; khéo phân biệt; không tìm lỗi người, bảo hộ người, khéo giữ gìn, bố thí giáo hóa chúng sinh; nhẫn nhục không chướng ngại; siêng năng không thoái lui; tăng trưởng pháp thiền; học rộng đủ trí tuệ; gần gũi Thiện tri thức; thành tựu Bồ-đề; xa lánh bạn ác, trừ pháp ác; không tiếc thân mạng vì quán thân vô thường, siêng năng làm lành, không hối hận vì tâm luôn luôn thanh tịnh; không nuôi sống bằng việc ác; thanh tịnh không hủy giới; tạo nghiệp lành; không kiêu mạn; đoạn dục; tâm ngay thẳng; tâm hòa thuận; không não hại; tịch tĩnh không nhơ, tùy thuận nói làm hợp nhất, bình đẳng với chúng sinh; cầu giới vô thượng của Phật; nhập Tam-muội Phật, đủ pháp Phật. Xá-lợi-phất! Bồ-tát hành thanh tịnh giới không chấp trước ta, người, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đất, nước, lửa, gió. Trong tịnh giới không thấy mắt–sắc, tai–tiếng, mũi–hương, lưỡi–vị, thân–xúc, ý–pháp, không cả thân tâm. Giới này là tướng định vì không xen tạp; là tướng phân biệt vì phương tiện duyên tất cả pháp; là tướng không vì không chấp tướng của ba cõi; không tạo tác vì là Nhẫn vô sinh; không có tướng đã làm, hiện làm,

sẽ làm; quá khứ không diệt; vị lai không sinh; hiện tại không dừng; không thức nhiễm, không dừng biết, không cần suy xét; không có tham, sân, si; không thường đoạn, không nghịch nhân duyên, không có ngã, sở hữu ngã, chấp thân; không chấp danh, sắc; không chấp nhân, không nghi ngờ hối hận; không chấp căn lành; không bức não; tịch tĩnh lìa tướng; không đoạn dòng Phật, luôn cầu pháp; không đoạn pháp vì không phân biệt tánh pháp; không đoạn Tăng vì tu hạnh vô vi.

Xá-lợi-phất! Giới tịnh liên tục không cùng tận. Vì sao? Vì giới của phàm phu giới hạn trong sự thọ sinh nên đoạn hết; thiền tâm của chư Thiên cõi Sắc; định của chư Thiên cõi Vô sắc; thần thông của Thiên nhân ngoại đạo; Niết-bàn của Thanh văn Hữu học, Vô học, Tâm Bi của Bích-chi-phật đều hữu hạn, cùng tận.

Xá-lợi-phất! Giới của Bồ-tát không cùng tận. Vì sao? Vì trong giới đó sinh khởi vô lượng giới, giới đó là Bồ-đề, là giới của Như Lai.

Xá-lợi-phất thưa:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Đã nói về Giới ba-la-mật của Bồ-tát. Xin giảng về hạnh Nhẫn ba-la-mật của Bồ-tát.

–Xá-lợi-phất! Bồ-tát đủ ba mươi hai hạnh hành nhẫn không cùng tận. Ba mươi hai hạnh: Đoạn kết sử; không não hại; không trói buộc;

không xâm phạm; không che giấu; không sân; không tranh chấp; không đối chọi; không phân biệt các cõi; bảo vệ mình, người; thuận tâm Bồ-đề; khéo quan sát; không thấy hai; biết nghiệp báo; trang nghiêm thân; thanh tịnh lời; thanh tịnh tâm; tâm bền vững; đủ tài biện thuyết; không vọng tưởng; khéo phân biệt; bảo vệ người; tu hạnh thanh tịnh; hưởng quả trời người; thân tướng đoạn nghiêm; có tiếng nói như tiếng cõi Phạm thiên; trừ tội lỗi; diệt cấu nhiễm; trừ căn ác; diệt giặc kết sử; không não hại chúng sinh; đầy đủ pháp Phật.

Xá-lợi-phất! Thế nào là nhẫn? Bị mạ nhục, Bồ-tát kham nhẫn không trả thù vì biết âm thanh như tiếng vang; bị đánh đập Bồ-tát kham nhẫn không trả thù, vì biết thân như ảnh trong gương; bị kẻ khác giận Bồ-tát không giận vì biết tâm như huyễn, kham nhẫn không trả thù, tâm thanh tịnh; nghe khen không cao ngạo, nghe chê không giận tức; không tham vì lợi vật, tự điều phục tâm; không khổ khi tổn hao tài vật, tâm thanh tịnh; không khinh động khi được khen vì khéo phân biệt; không xấu hổ khi bị chê, vì tâm rộng lớn; bị chê trách tâm không tự ti, khéo an trụ; không tự cao khi được khen, không dao động; không vui mừng khi gặp việc vui, khi quán pháp hữu vi thuộc tướng vô thượng, không khổ não khi gặp việc buồn; không nhiễm ô, không nương tựa pháp

thế gian; nhẫn chịu các khổ khi thay kẻ nguy bức; hiểu mọi việc, kham nhận khi thân bị khổ vì đủ thân Phật; kham nhận lỗi người, khéo tạo nghiệp lành; hiện tu hạnh khổ hàng phục ngoại đạo; vào các đạo nhưng vượt hơn Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương. Hơn nữa, nhẫn trọn vẹn là không tranh chấp. Vì sao? Vì an nhẫn khi bị mắng, chưa phải là nhẫn rốt ráo, vì còn hai tướng, còn thấy người mắng, thì chưa đạt công đức viên mãn; còn thấy mắng trước mặt, thấy mắng bằng tai mũi lưỡi thân ý, quán tướng nhập; thấy không mắng, quán vô ngã; biết giả danh, quán tiếng vọng; quán ta người đều vô thường; thấy người điên đảo, mình không điên đảo; quán tướng cao thấp; người không siêng năng, ta siêng năng, quán tướng siêng lười; người ở cõi ác, ta sống cõi lành, quán tướng thiện ác; nhẫn vô thường, không nhẫn thường, nhẫn khổ, không nhẫn vui; nhẫn vô ngã, không nhẫn có ngã, nhẫn bất tịnh, không nhẫn tịnh, quán còn tướng tương đối; nhẫn không, không nhẫn chấp, nhẫn vô tướng, không nhẫn giác, nhẫn vô nguyện, không nhẫn nguyện, nhẫn không tạo tác, nhẫn đoạn kiết, nhẫn pháp lành, không nhẫn pháp ác, nhẫn pháp xuất thế, không nhẫn pháp thế gian, nhẫn không tranh chấp, không nhẫn tranh chấp, nhẫn vô lậu, không nhẫn hữu lậu, nhẫn pháp tịnh, không nhẫn pháp nhiễm, nhẫn tịch diệt, không nhẫn sinh tử. Tất cả hạnh

nhẫn đó đều thuộc tướng tương đối, không phải là nhẫn rốt ráo. Thế nào là nhẫn viên mãn? Nhập không tịnh, không chấp, không tham tri kiến, biết tất cả đều rỗng lặng. Nhẫn đó, không có hai tướng, là nhẫn viên mãn. Nhập vô tướng, vô nguyện, không tạo tác, đoạn hết kết sử, nhập pháp lành, pháp xuất thế, không tranh chấp, không lậu hoặc, nhập pháp tịnh, tịch diệt, biết tánh không tự sinh, không do cái khác sinh, không hòa hợp sinh, không xuất không hoại, không cùng tận. Nhẫn ấy không có hai tướng, là nhẫn viên mãn. Không tạo tác, không chấp trước, không phân biệt, không trang nghiêm, không tu tập, không tiến tu, không sinh khởi, không cùng tận, đó là Nhẫn vô sinh, không xuất, viên mãn. Bồ-tát tu hành nhẫn này được thọ ký nhẫn. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là nhẫn không cùng tận của Bồ-tát.

Lúc giảng pháp nhẫn, tất cả đại chúng đều khen Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Hay thay, hay thay! Bồ-tát khéo giảng rộng về hạnh nhẫn.

Nói xong, đại chúng rải hoa, dâng hương, cờ, phướn, lọng cúng dường Bồ-tát Vô Tận Ý. Trong hư không, trăm ngàn thứ nhạc, lại có tiếng bảo:

–Chúng sinh muốn đạt hạnh nhẫn của Phật, không kinh sợ khi nghe giảng pháp này.

Lúc ấy, khắp tam thiên đại thiên cõi nước đều

đầy đủ cả hoa, hương, cờ, phướn, lọng. Đức Phật bảo với Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Thiện nam! Ông hãy tìm vật cất mọi thứ cúng dường.

Vô Tận Ý thưa:

–Vâng, thưa Thế Tôn! Con sẽ dùng thần lực lấy thân làm vật đựng. Sau đó Bồ-tát nhập Tam-muội Sắc thân, tất cả vật cúng dường đều nhập vào rốn của Bồ-tát vì thân Bồ-tát như hư không chẳng thêm bớt.

Khi đó, Bồ-tát Đại Trang Nghiêm hỏi Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Thiện nam! Tam-muội mà Bồ-tát nhập tên là gì? Vì sao lại có công đức như vậy?

–Thiện nam! Tam-muội đó là Nhất thiết sắc thân.

–Thiện nam! Tam-muội này còn có công đức gì?

–Tam-muội này làm cho thân có thể nhận lấy tất cả sắc tướng trong tam thiên đại thiên cõi nước, nhưng thân không hề tăng giảm.

Lúc này, đại chúng trời người đều nghĩ: "Làm sao thấy được oai lực của Tam-muội này.

Biết tâm niệm đại chúng, Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Thiện nam! Hãy thị hiện thần lực của Tam-muội.

Bồ-tát Vô Tận Ý liền hiện thần lực, làm cho tất cả chư Phật, Bồ-tát, đại chúng khắp mười phương đều ở trong thân. Thân của Bồ-tát như cõi Đại Bảo Trang Nghiêm, đại chúng đều thấy mình ở trong thân của Bồ-tát Vô Tận Ý. Sau đó, Bồ-tát thâu thần, đại chúng về chỗ cũ. Bồ-tát Đại Trang Nghiêm thưa Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Thiện nam! Từ xưa đến nay tôi chưa từng thấy thần lực của Tam-muội như vậy.

Thiện nam! Dù cho chúng sinh trong tam thiên đại thiên cõi nước đều nhập vào thân tôi thì thân này vẫn không tăng giảm, huống gì chỉ có đại chúng ở đây?

Lúc giảng nói pháp này, có bảy mươi sáu na-do-tha trời người phát tâm Bồ-đề vô thượng, một vạn hai ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 28

Phẩm 12: BỒ-TÁT VÔ TẬN Ý (Phần 2)

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Hay thay, hay thay! Bồ-tát! Đã giảng rộng về hạnh nhẫn không cùng tận ấy. Xin giảng về hạnh Tinh tấn ba-la-mật của Bồ-tát.

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát thành tựu tám hạnh tu tinh tấn không cùng tận: Trang nghiêm, tích tập, tiến tu, tu hành pháp lành; giáo hóa chúng sinh; đủ công đức; đủ trí tuệ vô thượng; đạt tuệ tối diệu; tu tập pháp Phật.

Thế nào là trang nghiêm không cùng tận? Không mỏi mệt khi vào sinh tử, không tính đếm kiếp số thành Phật, kiếp số trang nghiêm của Bồ-tát cũng không thể tính đếm. Ví như bắt đầu từ hôm nay, Bồ-tát vào sinh tử, trải suốt trăm ngàn vạn năm, phát tâm đạo, gặp một Đức Như Lai. Cứ thế cho đến gặp hằng hà sa chư Phật, biết được tâm hành của một chúng sinh, cho đến khi biết rõ tâm hành của tất cả chúng sinh, Bồ-tát vẫn không

thoái tâm. Trải qua thời gian gặp Phật, phát tâm, biết tâm hành chúng sinh, Bồ-tát thường tu sáu pháp Ba-la-mật, các pháp trợ đạo, đủ tướng tốt, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, tất cả pháp Phật. Đó là trang nghiêm hạnh tinh tấn không cùng tận. Bồ-tát nào nghe việc trên mà không kinh sợ thì chính là Bồ-tát hành trì trọn hạnh tinh tấn không cùng tận.

Thế nào là tiến tu không cùng tận vì để gặp Phật, Bồ-tát sẵn sàng vượt qua mọi thứ lửa nơi tam thiên đại thiên cõi nước. Vì nghe pháp, độ sinh Bồ-tát sẵn lòng vượt qua mọi đám lửa cháy ấy. Vì sao? Vì luôn vì chúng sinh, thanh tịnh, điều phục, diệt phiền não cho chúng sinh, không lười biếng, không kiêu mạn, sống trong tâm đại Bi, siêng năng tu tập vì chúng sinh. Mỗi bước đi Bồ-tát đều chế ngự tâm, hướng đạo Bồ-đề, quán sát giáo hóa chúng sinh không khởi phiền não. Thế nào là tu tập không cùng tận? Phát tâm hướng Bồ-đề. Vì sao? Vì hồi hướng căn lành lên đạo Bồ-đề vô thượng. Xá-lợi-phất! Như giọt nước mưa rơi vào biển cả tuy nhỏ nhưng không mất. Căn lành của Bồ-tát hướng lên đạo Bồ-đề cũng vậy, không bao giờ mất. Các căn lành của Bồ-tát tu là hồi hướng, bảo hộ chúng sinh, tùy thuận mong mỏi của chúng sinh, thành tựu trí Nhất thiết. Thế nào là giáo hóa không cùng tận? Tánh của chúng sinh là không thể tính đếm, hạnh độ sinh của Bồ-tát cũng vậy. Mỗi

một ngày Bồ-tát độ chúng sinh trong tam thiên đại thiên cõi nước, số chúng sinh ấy không thể tính đếm được. Bồ-tát không nghĩ là đã độ được trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần chúng sinh. Vì sao? Vì tánh của chúng sinh là vô lượng, vô biên không thể tính đếm. Bồ-tát nào nghe việc này mà không kinh sợ, không thấy lạ sẽ là Bồ-tát thành tựu hạnh tinh tấn. Thế nào là công đức trợ đạo không cùng tận? Công đức tu tập đạo Bồ-đề của Bồ-tát là không thể tính đếm. Vì sao? Vì công đức của chúng sinh, Thanh văn, Duyên giác trong ba đời bằng một sợi lông công đức nơi thân Như Lai. Tất cả sợi lông công đức trên thân Như Lai bằng một vẻ đẹp của Phật. Công đức của tất cả vẻ đẹp đó tạo nên một tướng tốt của Phật. Trăm lần công đức của ba mươi tướng tốt mới tạo nên một tướng lông trắng giữa chân mày của Phật. Trăm ngàn công đức của tướng tốt lông trắng mới tạo nên một tướng Vô kiến đảnh của Phật. Thế nào là trí vô thượng không cùng tận? Trí vô thượng của Bồ-tát là vô lượng, vô biên không thể tính đếm. Trí thành tựu từ một hạnh tín của chúng sinh trong tam thiên đại thiên cõi nước không bằng một phần trong trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần, không thể tính đếm phần của trí thành tựu từ một hạnh pháp. Trí hành pháp của tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên cõi nước không bằng một phần trong trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần của

trí thành tựu bát nhân; trí bát nhân của tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên cõi nước không bằng một phần trong trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần của trí Tu-đà-hoàn. Trí Tu-đà-hoàn của tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên cõi nước không bằng một phần trong trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần của trí Tư-đà-hàm. Cứ so sánh như thế từ trí Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Duyên giác, Bồ-tát trăm kiếp, Bồ-tát đạt nhẫn, Bồ-tát không thoái chuyển, Bồ-tát một đời thành Phật đến trí thị xứ phi xứ của Như Lai, trí mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật đều như vậy. Bồ-tát nghe việc này mà không kinh sợ là Bồ-tát hành hạnh tinh tấn.

Thế nào là tuệ vô thượng không cùng tận? Tâm hành của chúng sinh không cùng tận, Bồ-tát không tính đếm tâm hành của một người hay tất cả chúng sinh trong ba đời: nào là tham, sân, si, phiền não từ đó Bồ-tát khởi trí sáng soi chiếu hết thảy phiền não, cảnh giới của tâm, tướng sinh trụ diệt nơi tâm của chúng sinh ba đời.

Xá-lợi-phất! Ví như hư không bao trùm tất cả, trí sáng của Bồ-tát cũng vậy, soi rọi hết thảy. Bồ-tát nghe việc này không kinh sợ là Bồ-tát hành hạnh tinh tấn.

Thế là tu tập pháp Phật không cùng tận? Pháp Phật mà Bồ-tát tu tập là vô lượng, vô biên, không thể hạn lượng; từ lúc mới phát tâm cho đến khi an

tọa nơi đạo tràng, Bồ-tát tu tập sáu pháp Ba-la-mật, các pháp trợ đạo, tất cả pháp Phật không thể tính đếm. Xá-lợi-phất! Hạnh tinh tấn của Bồ-tát không cùng tận. Vì ba nghiệp thân, khẩu, ý của Bồ-tát luôn tạo nghiệp lành. Vì sao? Vì hạnh tinh tấn của Bồ-tát luôn cùng thân, khẩu, ý. Tuy là thân khẩu tinh tấn nhưng lại do tâm điều khiển. Thế nào là tâm mới phát. Tâm cuối cùng là tâm Bồ-đề tịch tĩnh. Tâm ban đầu: Khởi đại Bi với chúng sinh. Tâm cuối cùng: Không thấy ta, người. Tâm ban đầu: Giáo hóa chúng sinh. Tâm cuối cùng: Không thấy các pháp. Tâm ban đầu: Không chán sinh tử. Tâm cuối cùng: Không thấy ba cõi. Tâm ban đầu: Không chấp vật sở hữu. Tâm cuối cùng không khinh thị. Tâm ban đầu: Thọ trì giới. Tâm cuối cùng: Không thấy trì giới. Tâm ban đầu: Tu hạnh nhẫn. Tâm cuối cùng: Không tranh chấp. Tâm ban đầu: Nguyện làm lành. Tâm cuối cùng: Không tạp lẫn. Tâm ban đầu: Tu định. Tâm cuối cùng: Tâm thanh tịnh. Tâm ban đầu: Tâm học rộng. Tâm cuối cùng: Khéo tư duy. Tâm ban đầu: Hỏi nghĩa. Tâm cuối cùng: Biết pháp không thể nói. Tâm ban đầu: Cầu trí tuệ. Tâm cuối cùng: Không bàn cãi. Tâm ban đầu: Tu bốn phạm hạnh. Tâm cuối cùng: Không chấp chân trí. Tâm ban đầu: Đủ năm thông. Tâm cuối cùng: Đạt Lậu tận thông. Tâm ban đầu: Phát khởi niệm xứ. Tâm cuối cùng: Không tư duy niệm. Tâm ban đầu: Hành pháp chánh cần. Tâm

cuối cùng: Vượt trên thiện ác. Tâm ban đầu: Hành pháp như ý. Tâm cuối cùng: Hiểu quả báo. Tâm ban đầu: Hành năm Căn. Tâm cuối cùng: Quán pháp căn. Tâm ban đầu: Tu tập năm Lực. Tâm cuối cùng: Không hoại trí. Tâm ban đầu: Hành pháp bảy Giác phần. Tâm cuối cùng: Biết phương tiện giác. Tâm ban đầu: Cầu pháp trợ đạo. Tâm cuối cùng: Không tiến chấp. Tâm ban đầu: Cầu tịch diệt. Tâm cuối cùng: Tâm luôn tịch diệt. Tâm ban đầu: Phát tuệ. Tâm cuối cùng: Khéo biết pháp. Tâm ban đầu: Biết nhân. Tâm cuối cùng: Hiểu rõ nhân. Tâm ban đầu: Nghe pháp. Tâm cuối cùng: Không buông lung. Tâm ban đầu: Trang nghiêm. Tâm cuối cùng: Biết tánh thân. Tâm ban đầu: Trang nghiêm khẩu. Tâm cuối cùng: Im lặng. Tâm ban đầu: Hành ba giải thoát. Tâm cuối cùng: Không tạo tác. Tâm ban đầu: Hàng phục bốn ma. Tâm cuối cùng: Trừ kiết tập. Tâm ban đầu: Biết phương tiện. Tâm cuối cùng: Đủ tuệ sáng. Tâm ban đầu: Biết sự khởi phát. Tâm cuối cùng: Khéo biết độ thoát. Tâm ban đầu: Biết thế tục. Tâm cuối cùng: Biết chân đế. Bồ-tát làm mọi việc như vậy nhưng tâm không chấp. Bồ-tát biết rõ các tướng nhưng vẫn hành hóa. Nghĩa là Bồ-tát biết pháp lành, vì chúng sinh nên hành đại Bi, tạo pháp hữu vi; vì trí vi diệu của chư Phật Bồ-tát không bị đọa vào sinh tử. Đó là hạnh tinh tấn không cùng tận của đại Bi. Lúc giảng nơi pháp này, có bảy mươi

mốt na-do-tha trời người phát tâm Bồ-đề vô thượng, ba vạn hai ngàn Đại Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại thưa:

–Thiện nam! Đã nói về hạnh tinh tấn. Xin giảng rộng về Thiền ba-la-mật không cùng tận của Bồ-tát.

–Xá-lợi-phất! Từ mười sáu việc Bồ-tát hành Thiền ba-la-mật không cùng tận, vượt trên Thanh văn, Duyên giác. Mười sáu việc: Bồ-tát tu định không chấp ta, người, trọn vẹn định của Phật; Bồ-tát tu định không tham chấp vị, không cầu diệu lạc cho mình; Bồ-tát tu định, hành đại Bi, đoạn kết sử phiền não; Bồ-tát tu định tăng trưởng thiền quán, thấy tội lỗi của cõi Dục; Bồ-tát tu định đạt thần thông, biết tâm hành của chúng sinh; Bồ-tát tu định tâm nhu thuận, tự tại trong chúng sinh; Bồ-tát tu định tự tại nhập xuất Tam-muội, vượt cõi Sắc và vô sắc; Bồ-tát tu định tâm tịch tĩnh, vượt Tam-muội của Nhị thừa; Bồ-tát tu định làm tất cả mọi việc; Bồ-tát tu định không suy yếu, đoạn trừ mọi tập khí; Bồ-tát tu định luôn nhập trí tuệ, vượt các cõi, đạt giải thoát; Bồ-tát tu định biết tâm tánh và độ thoát chúng sinh; Bồ-tát tu định không đoạn dòng Tam bảo, hành trọn vẹn xác định không cùng tận; Bồ-tát tu định không thoái chuyển, tâm luôn định, không sai lầm; Bồ-tát tu định luôn tự tại, trọn vẹn pháp lành; Bồ-tát tu định khéo tư duy, đoạn

quán hơi thở ra vào, đạt trí thù thắng.

Xá-lợi-phất! Thế nào là Bồ-tát tu định đầy đủ trí thần thông? Thấy các sắc tướng là thần thông; biết tánh pháp cùng tận của các sắc tướng nhưng không chứng diệt tận là trí. Nghe âm thanh là thông; biết âm thanh trong ba đời không có hình tướng là trí. Biết tâm hành của chúng sinh là thông. Biết tâm hành đều đoạn nhưng không chứng diệt là trí. Đi khắp cõi Phật là thông; biết cảnh giới Phật như tướng hư không là trí. Tìm cầu tướng pháp là thông; không thấy pháp là trí; không hoại thế gian là thông; không thấy tạp hạnh là trí. Vượt Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương là thông; vượt trí Hữu học, Vô học của Nhị thừa là trí. Đó là Bồ-tát hành thiền định đủ thông, trí.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát biết chúng sinh tán loạn, phiền não nên tu định giúp an trụ tâm, trụ trong bình đẳng. Bồ-tát an trụ trong trí bình đẳng với chúng sinh là định. An trụ thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và các pháp là định. Định bình đẳng nên chúng sinh các pháp đều bình đẳng. Định bình đẳng như hư không, chúng sinh, các pháp đều bình đẳng. Như hư không không tướng, không nguyện, không tạo tác bình đẳng, chúng sinh, các pháp đều bình đẳng là định. Tâm mình bình đẳng nên tâm chúng sinh bình đẳng. Tất cả bình đẳng tức là việc được mất như đất, nước, lửa, gió, tâm bình đẳng như hư không, không cao thấp, không

dao động, luôn sống trong định không thoái chuyển, bản tánh vốn vậy, không cao thấp, tự tại không sợ, tịch tĩnh không nói năng, biết nghĩa, pháp, thời, phi thời, tùy thuận thế gian nhưng không nhiễm, trừ tám pháp thế gian, diệt kết sử, xa lánh nơi ồn ào, siêng sống nơi nhàn tịnh. Bồ-tát hành các pháp, an trụ trong thiền định, không tạo nghiệp thế gian. Từ tuệ, Bồ-tát nhập Thiền ba-la-mật, khởi tâm đại Bi vì chúng sinh là phương tiện. Tâm tịch tĩnh là tuệ. Nhập định niệm Phật là phương tiện; không nương tựa thiền là tuệ. Nhập định tu tất cả pháp lành là phương tiện; không phân biệt tánh của pháp là tuệ. Nhập định làm trang nghiêm thân Phật là phương tiện; không phân biệt thân Phật và Pháp thân là tuệ. Nhập định niệm Phật, tiếng vang như tiếng Phạm thiên là phương tiện; không thấy tướng ngôn ngữ trong các pháp là tuệ. Nhập định tâm như Kim cang là phương tiện; suy xét biết tánh của các pháp vốn không loạn là tuệ. Nhập định không bỏ hạnh nguyện giáo hóa chúng sinh là phương tiện; biết pháp vô ngã là tuệ. Nhập định, tư duy căn lành là phương tiện; biết tánh của căn lành không dừng là tuệ. Nhập định quán cảnh giới của chư Phật là phương tiện, thấy cõi như hư không là tuệ. Nhập định, trang nghiêm đạo tràng Bồ-đề là phương tiện. Quán pháp trang nghiêm là tịch diệt. Nhập định chuyển pháp vô thượng: Phương tiện; tư duy

pháp không gì không chuyển: Tuệ. Nhập định chuyên tu pháp trợ đạo: Phương tiện; biết tâm phiền não của chúng sinh nên tu tập thiền định của Như Lai, biết pháp tương ưng, không tương ưng, có tướng, không tướng liên tục, tùy thuận trí Bồ-tát để tư duy: Tuệ. Bồ-tát tu hành cả phương tiện và trí tuệ lúc hành Thiền ba-la-mật mới là pháp khí, quân ma không hại được.

Lúc giảng pháp này, có ba vạn hai ngàn Bồ-tát đạt Tam-muội Nhật đăng. Vì sao gọi là Nhật đăng? Khi mặt trời mọc, ánh sáng của trăng, sao, đèn, lửa không hiển hiện. Cũng vậy Bồ-tát đạt Tam-muội này, trí tu tập các pháp Hữu học của hàng Nhị thừa, trí của chúng sinh đều không hiển hiện. Bồ-tát an trụ nơi Thiền ba-la-mật là tự tại trong các Tam-muội. Xin nói một phần nhỏ các Tam-muội: Điện đăng, Tịnh, Nguyệt quang, Tịnh trang nghiêm, Nhật quang, Vô cấu quang minh, Công đức quang minh, Nhất thiết pháp trung đắt tự tại, Cát đạo, Vô ưu, Kiên xưng, Dũng xuất, Như tu-di sơn, Pháp cự, Pháp kiện, Pháp tôn, Tự tại nhất thiết trí pháp, Trụ pháp tụ, Tổng trì pháp tịnh, Tùy trí tha tâm hạnh, Pháp tràng anh lạc, Thiêu Nhất thiết phiền não, Phá tứ ma lực, Thập lực thanh dũng kiện, Vô ngã đoạn ngại, Thủ đăng, Thí đắt danh văn, Trì địa, Trụ vô ngã như tu-di sơn, Thắng chư minh trí, Trí diệm, Sinh tuệ, Tu thiền, Vô lượng tự tại, Tâm điều phục vô ngã ngã sở

thành tựu, Thủy nguyệt, Nhật thanh, Vô hữu cao hạ như Phật, Ly tướng, Như thiện điều tượng sư tử du hý, niệm Phật, Niệm pháp đắt trí tự tại vô ngại, Vô thoái bất thoái, Vô tướng, Vô nguyện, Trụ tâm bình đẳng, Kim cang, Tăng thượng, Vô năng thắng, Tuyền, Tịnh thinh, Thiện phân biệt, Ly phiền não, Quảng đại như không, nhập chư công đức, Niệm ý tấn giác, Dũng tuệ, Biện vô tận, Ngữ vô tận, Tổng trì, Bất vong, Thiện tác, Quán nhất thiết thế, Thiện tri sở lạc, Sinh dũng dược, Dũng từ tâm tịnh, Đại bi căn bản, Nhập hỷ, Xả ly tam thiền, Pháp nghĩa, Pháp tác, Trí cự, Trí hải, Giải thoát, Dĩ tự tại, Pháp tràng kim cang tràng, Liên hoa, Liên hoa tăng thượng, Ly thế pháp, Bất động, Tuệ tăng thượng, Chư Phật sở niệm thủ-lăng-nghiêm, Vô tránh, Hỏa, Hỏa minh, Giải thoát thắng trí, Trang nghiêm Phật thân, Biến chiếu, Nhập chúng sinh tâm hoan hỷ, Thuận trợ đạo, Trang nghiêm chư ba-la-mật, Bảo phát, Dữ chư giác hoa, Dữ giải thoát quả, Cam lồ, Tốc tật như phong, Thật tế, Già hải đào, Sơn tướng bác, Quảng đại thần túc, Kiến vô lượng chư Phật, Văn trì, Bất loạn, Nhất niệm tri vô lượng công đức hải tịnh.

Xá-lợi-phất! Đó là hạnh Thiền ba-la-mật không cùng tận của Bồ-tát.

–Thiện nam! Đã nói về Thiền ba-la-mật, xin nói rộng về Bát-nhã ba-la-mật, làm sao đạt được Bát-nhã ba-la-mật?

–Xá-lợi-phất! Bồ-tát nghe pháp, tư duy tu tập đúng pháp.

Thiện nam! Thế nào là tu hành đúng pháp? Nghe có tám mươi hạnh: Thuận tâm, viên mãn tâm, luôn phát khởi, gần gũi bạn lành, không kiêu mạn, không phóng túng, cung kính, tùy thuận lời dạy, nói lời hay, thường gần Pháp sư, chuyên tâm nghe pháp, khéo suy xét, không tán loạn, siêng tu, giác tiến, vui thích, nhập giác, siêng nghe, siêng tu hạnh xả, trí điều phục, học rộng, phát tâm hoan hỷ, thân nhẹ nhàng, tâm hòa thuận, không mệt mỏi khi nghe pháp, nghe nghĩa, nghe pháp, nghe oai nghi, nghe học thuyết khác, nghe pháp chưa từng nghe, nghe về thần thông, không cầu thừa khác, nghe Ba-la-mật, nghe tạng Bồ-tát, nghe các nhiếp pháp, nghe phương tiện, nghe bốn phạm hạnh, nghe niệm chánh trí, nghe phương tiện sống, nghe phương tiện vô sinh, quán bất tịnh, tư duy từ, quán nhân duyên, quán vô thường, quán khổ, quán vô ngã, quán tịch diệt, quán Không, quán Vô tướng, quán Vô nguyện, quán không tạo tác, làm lành, chân thật, không mất, phòng hộ tâm tốt xấu, siêng năng không lười, khéo phân biệt các pháp, biết phiền não luôn chướng ngại, bảo vệ pháp lành, hàng phục phiền não, gần gũi chánh pháp, trừ nghi khổ, được bậc trí khen ngợi, biết căn tánh, được các Thánh Hiền bảo vệ, làm vui chúng sinh, quán các đế, quán lỗi của các ấm, quán vô lượng tội lỗi

của pháp hữu vi, suy xét nghĩa, không làm ác, tự lợi, lợi tha, tùy thuận tăng trưởng pháp lành, luôn tiến tu, hiểu rõ pháp Phật.

Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, trọn vẹn ba mươi hai hạnh: Nhập định thọ trì, nhập tuệ phân biệt, nhập tâm nhu thuận, nhập thân độc hành, nhập mười hai nhân duyên, nhập không đoạn, nhập không thường, nhập nhân duyên sinh pháp, nhập không chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, nhập không đến đi dừng, nhập không tiến không đoạn nhân quả, nhập không lười, nhập vô tướng, nhập vô nguyện, nhập không chứng Không, Vô tướng, Vô nguyện, nhập các Tam-muội, nhập không tùy định sinh, nhập trí sinh khởi thần thông, nhập không chứng pháp vô lậu, nhập pháp quán bên trong, nhập không chứng trí, nhập hiểu tội lỗi của pháp hữu vi, không chấp pháp hữu vi, quán chúng sinh vô ngã nhưng không bỏ đại Bi, không kinh sợ, vào các cõi không bằng nghiệp, đoạn dục, không chứng pháp lìa dục, bỏ dục lạc, không bỏ pháp lạc, không tranh cãi, không bỏ phương tiện quán. Khéo tư duy: Tùy thuận cú nghĩa, không đầu cuối, không sinh không nương tựa, không động, không ỷ lại, bình đẳng, không thể so sánh, chân thật, chánh chân, không biến đổi, thanh tịnh, tịch diệt, không lặng, không nêu, không thấp, không diệt, không tăng, không cộng, không tranh cãi, như như, không như, như không như, không như,

không không như, như thật, ba đời bình đẳng, ba thời, không trụ sắc, không trụ thọ tưởng hành thức, không trụ đất, nước, lửa, gió, không trụ mắt, sắc, thức, không trụ tai, tiếng, thức, cho đến mũi hương, lưỡi, vị, xúc thân thức đều vậy. Đó là Bồ-tát khéo nhập tư duy.

Lại nữa, khéo tư duy: Tùy thuận quán sát tất cả các pháp có ngã không ngã, tùy thuận quán sát biết các chúng sinh không ngã, biết sinh tử Niết-bàn đều cùng một pháp giới, quán hai pháp đó không sai khác, quán tánh các pháp thiện ác bình đẳng không sai khác, quán các pháp không động, không rời chúng sinh, không phân biệt tướng pháp. Xá-lợi-phất! Hành đúng pháp là khéo tư duy.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu tuệ không trụ mười sáu pháp: Không trụ vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, già, chết; không trụ vô minh già chết diệt; không trụ thân kiến không trụ sáu mươi hai kiến; không trụ cao thấp, khen chê tám pháp thế gian, không trụ hai mươi phiền não, mạn mạn, tăng thượng mạn, thắng mạn, ngã mạn, hạ mạn, kiêu mạn, tà mạn; không trụ kết sử khởi trừ tham, thô, tế, cao, thấp, vừa; không trụ si các chướng, kết sử khởi trừ si; không trụ dâm dục; không trụ các ma ấm, tử, thiên; không trụ nơi ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu các tướng chúng sinh; không trụ nơi nghiệp chướng, báo chướng, pháp chướng, phiền

não chướng, kiến chướng tất cả các tập khí, không trụ các tưởng tư duy, nhớ, phân biệt, duyên, cảnh giới, thấy nghe hay biết; không trụ tâm tùy chúng sinh tám vạn bốn ngàn pháp; không trụ tham thí, giữ giới, phá giới, sân nhẫn, lười siêng, định loạn, ngu trí, các Ba-la-mật; không trụ tà chánh, thiện ác, thế xuất thế, làm không làm, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, trắng đen, sinh tử Niết-bàn các pháp; không trụ các tướng chúng sinh, chứng các thừa, Phật, Pháp, Tăng… không trụ biết không biết, hay không hay, thế đế chân đế, các tướng. Bồ-tát tư duy tuệ là không nghe, hành, thân, tướng, hình, không trụ các tướng nhớ nghĩ, dừng làm.

Xá-lợi-phất! Thế nào là tuệ Bồ-tát? Có tám phương tiện: Ấm, giới, nhập, đế, duyên, ba đời, các thừa, các pháp. Phương tiện ấm: Biết các ấm như bọt, bóng, sóng nắng, cây chuối, huyễn, mộng, tiếng vọng, ảnh trong gương, hóa hiện, không có ngã, chúng sinh, thọ mạng. Sắc là vậy; thọ là bọt, tưởng là sóng nắng, hành là cây chuối, thức là huyễn, tánh của các pháp đó không có ngã, chúng sinh thọ mạng. Ấm là tướng thế gian, bị hư hoại, vô thường, khổ vô ngã, tịch diệt. Phương tiện giới: Biết pháp, đất, nước, lửa, gió giới. Trong pháp giới không có tướng cứng, ướt, nóng, động; trong mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không có tướng thấy nghe ngửi nếm xúc biết; trong sắc thanh hương vị xúc pháp không có tướng mắt, tai, mũi,

lưỡi, thân, ý không có thức để biết. Tất cả pháp, ngã không hai, không sai khác, các cõi Dục, Sắc, Vô sắc, sinh tử, Niết-bàn đều không hai, không sai khác; các pháp vô tướng, vô nguyện, không tạo tác, "không" không sinh không diệt như hư không, các pháp hữu vi, vô vi đều thế. Phương tiện nhập: Như Phật dạy mắt, ngã, sở hữu của ngã. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Biết các pháp thiện, ác đều không hai tướng. Biết mắt, sắc nhập đều là lìa dục; không chứng pháp lìa dục. Tai tiếng, mũi hương, lưỡi vị, thân xúc ý pháp nhập đều vây. Nhập: Thánh nhập, phi Thánh nhập. Thánh nhập: Tu tập đạo. Phi Thánh nhập: không tu tập đạo. Bồ-tát tu địa khởi tâm đại Bi với kẻ không tu đạo. Phương tiện đế: Sâu xa khó nhập, lìa trí Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Trí khổ: Quán các ấm không sinh; Trí nhập: Quán đoạn ái; Trí diệt: Quán vô minh phiền não không hòa hợp; Trí đạo: Quán bình đẳng, không chấp các pháp. Bồ-tát quán biết bốn Đế nhưng không chứng vì hóa độ chúng sinh. Lại có ba đế: Tục, Đệ nhất nghĩa, tướng. Tục đế: Ngôn ngữ, văn tự của thế gian. Đệ nhất nghĩa đế: Tâm hành, ngôn ngữ đều không. Tướng đế: Quán các tướng có cùng một tướng: Vô tướng. Bồ-tát tùy thuận tục đế không nhàm chán, quán Đệ nhất nghĩa đế nhưng không chứng, biết các tướng đều không. Lại có hai đế: Tục, Đệ nhất nghĩa. Tục đế: Ngôn ngữ, văn tự, khổ, tập, đạo đế thế gian. Đệ nhất

nghĩa đế: Không quên mất Niết-bàn, vì tánh của nó như tánh pháp giới luôn tồn tại. Lại có một đế: Không chấp các pháp nhưng vì độ sinh nên hiện bày việc chấp. Lại nữa, năm ấm khổ: Thấy tướng khổ của năm ấm, chính là quán khổ, khổ chính là không, là quán Khổ thánh đế. Quán phiền não, nhân ái, nhân chấp của năm ấm là tập. Không chấp trước việc quán là Tập thánh đế. Quán năm ấm đều diệt, quá khứ đã qua, vị lai chưa có, hiện tại không dừng là Diệt thánh đế. Đạt đạo, chứng trí tập diệt, trí biết là đạo, thấy tánh rỗng lặng của các pháp là Đạo thánh đế. Bồ-tát biết tất cả thọ là khổ, suy xét phân biệt các khổ là quán Khổ thánh đế. Nhân đạo nên thọ là tập, biết thật về nhân thọ là quán Tập thánh đế; đoạn thọ, không thọ, quán thọ đều diệt nhưng không chứng vì độ sinh là quán Diệt thánh đế. Thấy có thọ là đạo, biết thọ như tên bắn không nắm bắt là quán Đạo thánh đế. Bồ-tát thấy bốn Đế bình đẳng thanh tịnh. Bồ-tát biết sinh là khổ, quán sinh là quán Khổ thánh đế; biết sinh do duyên là tập, quán có, không là quán Tập thánh đế; biết sinh, không sinh, không phải diệt, thấy không sinh không diệt là diệt, quán pháp diệt đó là quán Diệt thánh đế; suy xét phân biệt là đạo, không suy xét tìm kiếm là trí đạo, quán Đạo thánh đế. Phương tiện duyên: Từ tư duy ác khởi vô minh, vô minh khởi hành, hành khởi thức, thức khởi danh sắc, danh sắc khởi lục nhập, lục nhập khởi xúc, xúc

khởi thọ, thọ tạo ái, ái có thủ, thủ có hữu, hữu có sinh, sinh có già chết, già chết nên khổ não lo buồn. Bồ-tát biết pháp duyên sinh không sinh tướng, không tạo tác, không tranh chấp, không có chủ tể, không hệ thuộc, không ràng buộc. Bồ-tát phân tích như thật về các pháp lành, ác, không động, Niết-bàn, biết rõ nhân duyên về căn, nghiệp, quả báo của chúng sinh. Bồ-tát hiểu nếu tư duy ác diệt thì vô minh diệt. Bồ-tát quán biết tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp tạo thành nên không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, không thể đếm; Bồ-tát tu pháp trợ Bồ-đề, định Bồ-đề, biết sự diệt tận nhưng không chứng vì hóa độ chúng sinh. Phương tiện ba đời: Bồ-tát nghĩ về mình, người, tâm thiện ác, sự khen chê ở quá khứ, hồi hướng tất cả về đạo Bồ-đề. Với vị lai, hiện tại cũng vậy. Bồ-tát hiểu ba đời rỗng lặng, không sở hữu bằng sức trí tuệ, hồi hướng vô lượng công đức gieo trồng từ nhiều kiếp nơi chư Phật lên đạo Bồ-đề. Bồ-tát quán các pháp quá khứ đã diệt, không kéo dài đến vị lai nhưng luôn siêng năng tu tập; quán pháp vị lai không sinh khởi nhưng luôn siêng năng nguyện hồi hướng Bồ-đề; quán pháp hiện tại diệt từng giây nhưng luôn phát tâm Bồ-đề. Bồ-tát biết quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, hiện tại không dừng, quán sự sinh diệt tụ tán của các pháp nhưng luôn siêng tu các pháp trợ đạo, căn lành. Với sức thần thông Bồ-tát nhớ căn lành quá khứ, nguyện hồi

hướng Bồ-đề vô thượng, nguyện thành tựu căn lành vị lai, nguyện hồi hướng căn lành hiện tại lên đạo Bồ-đề. Bồ-tát nguyện hóa độ chúng sinh, nghĩ đến công đức tu đạo, căn lành quá khứ, tùy thuận giáo hóa; với chúng sinh vị lai Bồ-tát tùy thuận ý thích gặp Phật hay gặp Hiền thánh của chúng sinh mà hiện thân hóa độ; với chúng sinh hiện tại thích nghe pháp hay thích thấy thần thông, Bồ-tát đều tùy thuận hóa độ. Bồ-tát thành tựu hạnh tự lợi, lợi tha trong ba đời, trọn vẹn trí vô ngại.

Xá-lợi-phất! Thế nào là phương tiện các thừa? Có ba thừa: Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa. Lại có hai thừa: Thiên, nhân. Thế nào là Bồ-tát quán thừa Thanh văn? Đức Phật chưa thị hiện ở đời thì không có thừa Thanh văn. Vì sao? Vì Thanh văn là nhờ nghe pháp mà khởi chánh kiến. Thanh văn: Nghe các pháp giới, oai nghi. Đủ oai nghi là đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Thanh văn luôn chán ghét ba cõi, quán tất cả hành là vô thường, khổ vô ngã, Niết-bàn tịch diệt, không thích thọ sinh, luôn lo sợ, quán các ấm như kẻ thù, các giới như rắn độc, các nhập như hư không, không nguyện sinh vào các cõi. Bồ-tát phân biệt quán biết như vậy về Thanh văn thừa. Với Duyên giác thừa, Bồ-tát thật biết công đức của họ hơn Thanh văn, Duyên giác siêng tu, không buông lung, giữ giới, ít học rộng, ít cúng dường hầu hạ chư Phật, còn chán ghét vì căn tánh thuộc bậc

trung, ít làm việc Phật, ghét và xa lánh nơi ồn ào, thích nhàn cư nơi vắng lặng, ít đi lại, tâm tịch tĩnh, ít lo việc độ sinh, có thể là ruộng phước của chúng sinh hiện tại, thích tu quán mười hai nhân duyên, luôn niệm Niết-bàn xuất thế, tu thiền định, không nghe pháp, tự hiểu một phần cảnh giới, nhờ quán nhân duyên mà ngộ đạo nên là Duyên giác. Với Đại thừa, Bồ-tát biết sự rộng lớn khó lường, khiến tất cả chúng sinh đều đạt thọ dụng, trọn vẹn các pháp Ba-la-mật, hóa độ tùy tâm hành của chúng sinh, vượt pháp trợ đạo, vượt chướng ngại đến đạo tràng, bình đẳng soi sáng tất cả chúng sinh, không lo sợ hiện mọi pháp Phật, đánh bại tà ma ngoại đạo, thông đạt mười hai duyên, dựng phướn trợ đạo, trừ các chấp có không thường đoạn và phiền não, diệt nghi, đạt trí vô ngại của Phật, đầy đủ châu báu, chân thật không hư dối, tạo lợi ích cho mọi loài, đại Bi, dũng mãnh, thành tựu bản nguyện đầy đủ mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng; trang nghiêm thân, khẩu, ý.

Thế nào là phương tiện pháp? Bồ-tát biết rõ về phương tiện các pháp hữu vi, vô vi. Về hữu vi, Bồ-tát nguyện hồi hướng các pháp lành của thân, khẩu, ý lên đạo Bồ-đề vô thượng. Về vô vi Bồ-tát quán nghiệp thân, khẩu, ý như tướng Bồ-đề nên nguyện hồi hướng Bồ-đề. Tu tập năm Ba-la-mật là phương tiện hữu vi. Biết tánh của Bát-nhã ba-la-mật là vô vi nhưng luôn siêng tu tập, thành tựu

trọn vẹn các Ba-la-mật, hiểu rõ căn lành như Bồ-đề vô lậu, nhưng vẫn nguyện thành tựu Nhất thiết chủng trí: Phương tiện vô vi. An trụ nơi tâm bình đẳng vô ngại, độ sinh bằng bốn Nhiếp pháp: Phương tiện hữu vi. Biết chúng sinh không ngã, nhân, không mong cầu, biết bốn Nhiếp pháp như giải thoát vô vi, hồi hướng trí Nhất thiết chủng: Phương tiện vô vi. Đoạn phiền não sinh tử, tăng trưởng căn lành và pháp Bồ-đề: Phương tiện hữu vi. Quán Không, Vô tướng, Vô nguyện, biết ba pháp đó là phương tiện trợ đạo, không chứng: Phương tiện vô vi. Vào ba cõi nhưng không nhiễm: Hữu vi. Vượt ba cõi nhưng không chứng: Vô vi. Như Phật nói: Biết phương tiện các pháp là thành tựu trí Nhất thiết chủng. Vì trí này vô lượng, vô biên, đầy đủ phương tiện chánh niệm, tuệ.

Xá-lợi-phất! Tám phương tiện này bao hàm trí tuệ vô tận của Bồ-tát. Xá-lợi-phất! Trí tuệ này hiểu rõ pháp thiện ác như tên bắn vào các pháp; tu tập pháp Phật hiện tại; đoạn trừ phiền não, các chấp, chứng hoặc; thỏa mãn mọi mong cầu; diệt phiền não thiêu đốt; không đoạn pháp lành; chánh niệm, hiểu rõ nghĩa nhân duyên; an trụ, đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo; hành trọn vẹn các thừa, hiểu tướng trí sáng soi; độ thoát, vượt các dòng; tiến tu, thành tựu chánh định; chánh kiến, đủ các pháp lành; hoan hỷ. Cứu kẻ đọa trong phiền não; thù thắng, đạt pháp tối tôn; vi diệu, tự nhiên giác ngộ; không

hành, không gần ba đời; tóm thâu, đầy đủ phương tiện; đoạn trừ, diệt vọng tưởng; không buông lung, trừ u ám; bắt đầu, làm mọi việc lành; phát khởi, đầy đủ các thừa, chiếu sáng, diệt vô minh; cho mắt sáng, hiểu rõ chúng sinh; không nương tựa, vượt mắt, sắc; Đệ nhất nghĩa, chân thật; không tranh chấp, khéo phân biệt; hiểu rõ, hướng đến trí sáng; không cùng tận: Đi khắp, không nghịch: Thấy mười hai nhân duyên; giải thoát: Cắt đứt mọi ràng buộc; không tạp: Trừ mọi chướng ngại.

Xá-lợi-phất! Trí tuệ này hiểu rõ tất cả tâm hành của chúng sinh, biết phiền não, học hỏi tất cả trí Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác. Xá-lợi-phất! Từ tuệ không cùng tận, Bồ-tát đạt trí không cùng tận.

Lúc giảng pháp này, có ba vạn hai ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 29

Phẩm 12: BỒ-TÁT VÔ TẬN Ý (Phần 3)

Bồ-tát Vô Tận Ý lại nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tâm Từ của Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Vì tâm Từ của Bồ-tát là vô lượng, vô biên, không giới hạn, bình đẳng với mọi loài, cùng khắp tất cả. Xá-lợi-phất! Như hư không bao hàm hết thảy, lòng Từ của Bồ-tát cũng vậy, thương yêu hết thảy chúng sinh. Xá-lợi-phất! Cõi chúng sinh vô lượng, vô biên, không cùng tận. Tâm Từ của Bồ-tát cũng vậy. Hư không không cùng tận. Xá-lợi-phất! Cảnh giới của đất, nước, lửa, gió, vô lượng, vô biên nhưng không bằng cõi chúng sinh.

–Thiện nam! Có thể ví dụ không?

–Có thể, nhưng không có thể dùng việc nhỏ để dụ.

Xá-lợi-phất! Cách đây một hằng hà sa cõi Phật của mười phương đều có một biển lớn, chúng sinh trong một hằng sa cõi tập trung, dùng một phần sợi lông (sợi lông được chẻ thành trăm phần) để

lấy từng giọt nước biển. Cứ một hằng hà sa chúng sinh lấy một giọt nước, hai hằng hà sa chúng sinh lấy hai giọt nước. Cứ thế cho đến khi lấy hết nước trong biển, nhưng cõi chúng sinh vẫn không cùng tận. Tâm Từ của Bồ-tát cùng khắp tất cả chúng sinh ấy.

Xá-lợi-phất! Theo ông, căn lành tu Từ kia có cùng tận không?

–Không thể cùng tận.

Thiện nam! Tánh của hư không có thể cùng tận, tâm Từ của Bồ-tát không thể cùng tận. Bồ-tát nghe lời này mà không sinh kinh sợ là Bồ-tát đạt tâm Từ không cùng tận.

Xá-lợi-phất! Tâm Từ này tự lợi, lợi tha, không tranh chấp, trừ sân giận, cắt đứt dây ràng buộc, đoạn kết sử, hoan hỷ, không thấy tội lỗi phá giới của chúng sinh, không khổ não, luôn an vui, không tổn hại, không lo sợ, tùy thuận đạo Thánh, làm cho kẻ giận đổi thành vui, vượt mọi tranh chấp, được ngợi khen, trang nghiêm công đức của Đế Thích, Phạm thiên, được bậc trí ca tụng, bảo hộ phàm phu, tùy thuận đạo thanh tịnh, vượt cõi Dục, hướng đến giải thoát, tóm thâu các thừa, độ kẻ tham tài vật, tăng trưởng pháp lành, không chấp công đức, trang nghiêm tướng tốt, trừ ngu dốt, mở ra đường chánh cho hàng trời người, đoạn ba cõi ác, tám nạn, thích pháp lành, tự tại như ý, bình

đẳng với mọi loài, không chấp tướng, giữ giới, bảo hộ người phạm giới; thành tựu oai lực nhẫn vô thượng; trừ kiêu mạn, buông lung; siêng năng nhập chánh đạo, nhập định của Phật, phân biệt tâm, đoạn phiền não, hiểu mọi ngôn ngữ văn tự bằng tuệ, trừ quân ma, sống vui vẻ, điều phục tâm, kiên trì oai nghi giới pháp, đoạn loạn động, diệt các tướng, xoa thân bằng hương hổ thẹn, trừ phiền não hôi thối, bảo hộ chúng sinh, ban niềm vui cho mọi người. Thanh văn tu từ vì minh, Bồ-tát tu từ vì chúng sinh, vượt các dòng. Từ có: Từ duyên chúng sinh, duyên pháp và không đối tượng duyên. Duyên chúng sinh: Mới phát tâm; duyên pháp: Đã tu tập; không đối tượng duyên: Đạt pháp nhẫn sâu xa. Đó là tâm Từ không cùng tận của Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Tâm Bi của Đại Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Xá-lợi-phất! Như mạng sống con người, căn bản nhất là hơi thở. Cũng thế, Bồ-tát tu học pháp Đại thừa, căn bản Nhất là tâm Bi. Như Chuyển luân vương coi xe báu là gốc, người tu Nhất thiết trí xem đại Bi là gốc. Như trưởng giả thương yêu đứa con duy nhất. Tâm Bi của Bồ-tát cũng thế, thương yêu chúng sinh như con. Tâm Bi đó, Bồ-tát tự hành, tự lợi; không do duyên bên ngoài; không dua nịnh; thành tựu trí chân chánh; được phát từ đạo chất trực; không quanh co; không kiêu mạn với chúng sinh; đạt

thân Như Lai sau khi bỏ thân này; không tham mạng sống, không làm ác; bảo vệ chúng sinh, hành Bồ-đề; hộ pháp chân thật, tâm thanh tịnh; cứu kẻ khổ nạn, kiên định thệ nguyện, không dao động, không dối mình, Hiền thánh, trời người; thanh tịnh hạnh, tạo nghiệp lành; ban vui của mình cho người; không làm khổ người; giúp chúng sinh bỏ gánh nặng; bảo vệ kẻ thế cô, kham nhẫn trước quyền thế; chăm sóc bệnh nhân không nhờm gớm; tự tại hóa độ chúng sinh ngu tối; giấu đức mình; đoạn khổ; cầu pháp lạc vô lậu; ban cho vật mình yêu thích; làm mọi việc lành, không não hại; giữ gìn giới cấm, không bỏ kẻ hủy giới; hóa độ mọi loài; không tiếc thân mạng; khởi căn lành của chúng sinh; khởi căn lành tự lợi; sinh khởi thiền định không chấp vị; không chán ghét cõi Dục; đủ tuệ quán; căn lành không nhiễm; thành tựu ý nguyện của chúng sinh; vượt pháp hữu vi, vô vi; không chứng vô vi; biết tánh chúng sinh là vô vi nên luôn hóa độ; bảo hộ kẻ hủy giới; khen ngợi giới Phật. Tất cả các tâm Bi đều xuất phát từ đại Bi này. Đại Bi ấy đủ các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, trợ đạo; đạt trí tự nhiên; giúp chúng sinh tạo nên sự nghiệp như mình. Xá-lợi-phất! Đó là đại Bi không cùng tận của Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Tâm Hỷ của Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Luôn vui vẻ niệm pháp; không

lười biếng; đoạn năm dục, an trụ pháp lạc; tâm vui hòa, thân thoải mái; luôn thương yêu; cầu Pháp thân vô thượng của Như Lai; tự trang nghiêm tướng tốt; siêng nghe pháp, nhớ hành chánh pháp; tâm vui vẻ; dốc cầu pháp; hiểu pháp Phật; vượt Nhị thừa, phát tâm vô thượng; không keo kiệt; tu tâm Xả; thanh tịnh bố thí; tâm luôn vui, bố thí người trì giới; bảo hộ kẻ phá giới; tự thanh tịnh giới cấm; giúp chúng sinh thoát sợ, xa lánh cõi ác; chuyên tâm hồi hướng về giới Như Lai; kiên định không hủy hoại; không trả thù khi bị mạ nhục; không kiêu mạn với chúng sinh; cung kính tôn trưởng; luôn nói lời hòa nhã; nói lời êm dịu nhưng không dua nịnh; không dối gạt người, không vì vật chất mà lệ thuộc người; tâm thanh tịnh, không thô bạo; không thấy lỗi người; niệm pháp hòa kính; kính các Bồ-tát như Phật; kính người thuyết pháp; tôn kính Như Lai, kính các bậc sư trưởng như cha mẹ; xem chúng sinh như con; giữ gìn oai nghi như bảo hộ đầu mình; quý các Ba-la-mật như tay chân mình; xem pháp lành như châu báu; xem lời chỉ dạy như năm dục; biết đủ; xem pháp như thuốc hay; coi người nói lỗi mình như thầy thuốc giỏi; luôn phòng hộ các căn. Tâm Hỷ này tịch tĩnh, vi diệu, không đùa cợt, không ỷ lại, không loạn tâm, học rộng nói lời hay, bình đẳng nhu thuận, dũng mãnh làm lành, không hối hận, an trụ, không lười biếng, không dao động, không gần kẻ ương ngạnh,

không quên thật nghĩa, chân thật, không biến đổi, bền vững, kiên định tâm Xả, đủ oai lực, đủ thần lực Phật, cầu pháp Phật.

Xá-lợi-phất! Hạnh xả của Đại Bồ-tát cũng không cùng tận. Xả có ba: Xả phiền não, xả chấp mình người, xả chấp thời phi thời. Xả phiền não: Được cung kính cúng dường, tâm không kiêu mạn; bị khinh chê tâm không tự ti; không tham khi được vật cúng; không buồn khi gặp khổ não; không vui mừng khi được khen; không xấu hổ khi bị chê không buồn bã khi bị hiềm trách; an trụ nơi pháp giới khi được ca ngợi; kham nhẫn khi gặp khổ; thấy pháp vô thường khi thọ nhận lạc; bỏ vật yêu quý, đoạn sân; bình đẳng với kẻ oán người thân; an trụ tâm ý trước người giữ giới, hủy giới, không phân biệt thiện ác; không chấp vật yêu ghét; kham nhẫn khi nghe việc tốt xấu; không chấp lời hay dở, bình đẳng với chúng sinh; biết rõ thượng, trung, hạ; không tiếc thân mạng, quán việc tốt xấu như pháp giới, thanh tịnh trước pháp thật hư; tu hạnh xả theo pháp thế gian của Bồ-tát. Xả chấp mình người: Không sân hận, không trả thù khi bị cắt chân tay, xả cả vật bên trong, bên ngoài, không tranh chấp; mắt không tham sắc; tai tiếng, mũi hương, lưỡi vị, thân xúc, ý pháp cũng vậy; không tổn hại; bình đẳng trước lợi, hại; không tranh luận về nghĩa đệ nhất; khéo phân biệt tâm; quán xả thân mình; không tổn hại người;

không chấp thiền định. Chư Phật không cho phép Bồ-tát bỏ chúng sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát siêng năng tu tập, cầu pháp lành vì mình người. Xả chấp thời phi thời: Xả các việc không độ chúng sinh do chưa đủ cơ duyên; bỏ nghèo khổ, cầu trí Thanh văn; khi bố thí không giữ giới; khi giữ giới không bố thí; khi tu nhẫn không hành thí, giới, tinh tấn; khi hành tinh tấn không tu thí giới nhẫn; khi tu thiền không bố thí; khi tu trí không tu năm Ba-la-mật khác. Bồ-tát cần tu tập các pháp, dũng mãnh, siêng năng không cùng tận.

Xá-lợi-phất! Thần thông của Bồ-tát cũng không cùng tận. Bồ-tát đủ năm thông: Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng, Như ý. Thiên nhãn của Bồ-tát vượt trên Thiên nhãn của Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-thát-bà, Hữu học, Vô học, Thanh văn, Duyên giác. Thiên nhãn của Bồ-tát thông đạt tỏ ngộ, hướng đến trí Nhất thiết, đầy đủ công đức. Với Thiên nhãn của Bồ-tát thấy tất cả hình sắc cảnh tượng xa gần thô tế của tất cả cõi nước mười phương, thấy cả việc thọ sinh của chúng sinh ở đó. Ngoài cõi trời Vô sắc ra, Bồ-tát thấy rõ nghiệp quả của tất cả. Bồ-tát thấy cõi nước thanh tịnh trang nghiêm của chư Phật khắp mười phương nên siêng năng giữ giới để nguyện hồi hướng trang nghiêm cõi mình, an trụ nơi giới đức, thành tựu vô lượng lợi ích. Bồ-tát lại thấy các Bồ-tát, đại chúng tu tập, thanh tịnh uy nghi, chánh

niệm, giải thoát, an trụ nơi pháp Tổng trì, đủ biện tài, trí tuệ nên Bồ-tát siêng năng tu tập trọn vẹn các hạnh. Mắt Bồ-tát thanh tịnh, thấy mọi sắc nhưng không nhiễm; không chấp phiền não; thông đạt; không nương tựa; không khởi phiền não; không trở ngại; trừ nghi; không khởi đoạn chướng ngại; soi sáng các pháp, không hành thức; không tham, sân, si, đoạn các kết sử; hướng đến trí căn bản của Phật; bình đẳng soi rọi chúng sinh; không nhơ; đoạn pháp ác; không nhiễm; nhập vào mắt Phật; không tham ái; đoạn sân; biết thật nghĩa các pháp. Vì sao? Vì Bồ-tát an trụ nơi đại Bi, hiểu rõ tướng pháp, khéo hiểu nghĩa, không tranh chấp, không làm ác, hướng đến đạo tràng, tâm không chướng ngại, sẵn lòng ban cho mọi vật khi thấy kẻ keo kiệt; giữ giới thanh tịnh khi thấy người hủy giới; tu nhẫn trước kẻ sân; siêng năng trước kẻ lười biếng, hiện thiền định trước kẻ tán loạn; ban mắt trí cho kẻ ngu, hiện chánh đạo cho kẻ hành tà đạo, thuyết pháp Phật vi diệu cho những kẻ tu tập pháp nhỏ để chúng đạt trí Nhất thiết, không thoái chuyển thần thông trọn vẹn Bồ-đề.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát đạt Thiên nhĩ thông nghe được tất cả âm thanh của các hàng Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật, kể cả tiếng của các cõi

địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, côn trùng Bồ-tát hiểu được âm thanh của nghiệp thiện, ác, không thiện ác nơi tất cả chúng sinh ở mọi chốn; biết rõ nghiệp thiện, ác, không thiện, ác của miệng; biết vì tham ái mà nói lời sân si; biết có người tâm tịnh lời thô, người lời tịnh tâm thô. Bồ-tát biết rõ tiếng nói của Thánh, phi Thánh. Không tham ái khi nghe tiếng của Thánh, không khó chịu khi nghe lời của những kẻ không phải Thánh. Với lời của các bậc Thánh Bồ-tát đủ tâm Từ, với lời của kẻ không phải Thánh Bồ-tát đủ tâm Bi. Với tất cả các âm thanh quá khứ, vị lai, hiện tại Bồ-tát nghe mà không chấp thời gian vì đủ trí biết thật. Bồ-tát nghe được chánh pháp vi diệu của chư Phật, nhớ thọ trì, không quên, tùy thuận thuyết giảng cho chúng sinh, phân biệt tướng vững chắc, không vững chắc. Bồ-tát này không có việc nghe pháp của một Đức Phật không nghe pháp của các Đức Phật khác, mà là nghe được tất cả. Nghe pháp thiện, ác, không thiện ác, Bồ-tát biết rõ thời, trái thời. Lúc có đại chúng nhưng không hợp thời, Bồ-tát im lặng không thuyết giảng. Lúc đáng thuyết giảng nhưng căn cơ của đại chúng không hợp, nếu giảng thì chỉ có một người kham học, dù giảng vẫn chỉ vì một người mà không vì tất cả, lại làm cho kẻ khác kinh sợ, vì vậy Bồ-tát im lặng không thuyết giảng. Nếu không vì lợi ích của chúng sinh, không vì thanh tịnh tâm thì người thích nghe được nghe, người không

thích nghe sẽ không bao giờ chịu nghe. Lúc giảng pháp cho đại chúng, Bồ-tát nghe biết được nhận thức hiểu biết của chúng. Lúc thuyết pháp Bồ-tát biết căn tánh của chúng sinh nào tỏ ngộ thì được nghe, không tỏ ngộ sẽ không được nghe. Với tánh thanh tịnh của Thiên nhĩ, Bồ-tát thấy ngã, nhân, chúng sinh đều thanh tịnh. Bồ-tát tùy thuận ngôn ngữ văn tự của năm loại chúng sinh để thuyết giảng, lại hồi hướng căn lành lên quả Bồ-đề vô thượng, không cầu các thừa khác.

Xá-lợi-phất! Tha tâm thông của Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Vì Bồ-tát biết rõ tâm thượng trung hạ của chúng sinh, biết chúng sinh thuộc tướng tâm thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí, Từ bi, Hỷ, Xả; hoặc thuộc tướng tâm Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa; biết chúng sinh nhờ oai lực tăng trưởng nên đủ căn lành; chúng sinh nhờ tăng trưởng căn lành nên sinh ở đây; chúng sinh thanh tịnh hạnh nhưng không thanh tịnh tâm; chúng sinh tâm tịnh, hạnh không tịnh; chúng sinh thanh tịnh cả tâm, hạnh; chúng sinh tâm, hạnh đều không tịnh; chúng sinh nhờ hạnh có tâm tịnh ở quá khứ; chúng sinh tùy duyên tỏ ngộ. Bồ-tát lại biết tâm chúng sinh thời vị lai tu giới, hiện tại tu thí; vị lai tu nhẫn, hiện tại giữ giới; vị lai tu hạnh tinh tấn; hiện tại tu nhẫn, vị lai tu thiền, hiện tại tu hạnh tinh tấn; vị lai tu trí, hiện tại làm việc thế tục; vị lai phát tâm Đại thừa, hiện tại tu

căn thấp kém. Bồ-tát nguyện hóa độ chúng sinh thời vị lai. Bồ-tát thật biết căn tánh của chúng sinh nên tùy thuận thuyết giảng; với chúng sinh thích nghe ít Bồ-tát không nói nhiều; luôn nói lời có ích. Với tâm tánh chúng sinh hiện tại Bồ-tát đều thật biết. Bồ-tát biết còn dục, đoạn dục; còn sân, đoạn sân; si, đoạn si; định, loạn; lười, siêng, tâm thượng, trung, hạ; tâm bậc thượng nhưng loạn; tâm vừa loạn vừa định; tâm định nhưng không giải thoát; tâm giải thoát, không giải thoát; giải thoát nhưng không tịch tĩnh; tịch tĩnh không tịch tĩnh; tịch tĩnh giới hạn; giới hạn không giới hạn; phiền não, trói buộc tất cả đều tỏ, tùy thuận thuyết giảng. Ở đâu Bồ-tát cũng quán của căn tánh chúng sinh để tùy thuận hóa độ. Tha tâm thông của Bồ-tát cũng không chướng ngại. Vì sao? Vì trí tâm thông tỏ, khéo phân tích, đủ trí niệm, hiểu tướng Bồ-đề, đoạn tập khí, thanh tịnh không nhơ, không tranh chấp, không phiền não, không trôi theo, biết tất cả pháp, hiểu tâm chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Túc mạng trí của Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Bồ-tát nhớ rõ mọi việc đời trước của mình, của chúng sinh, an trụ nơi pháp giới, không dao động, biết rõ, biết cách tạo nghiệp, không não loạn, an trụ thiền định, không sợ, đủ trí, không mong cầu, nhớ kỹ, đủ công đức giúp hiểu Đại thừa, trọn vẹn trí tuệ, đầy đủ các Ba-la-mật và pháp Phật. Với Túc mạng trí, Bồ-tát

biết rõ mọi việc trong một đời, hai, ba trăm ngàn vô lượng, vô biên đời kiếp. Bồ-tát biết sự thành hoại của trời đất trong một kiếp cho đến vô số kiếp; trong khoảng không gian và thời gian đó, chúng sinh thọ sinh, dòng họ, sắc tướng, ăn uống, thọ mạng, khổ vui, bệnh chết, chết ở đây sinh lại ở đây, chết ở kia sinh lại ở kia, Bồ-tát biết rất rõ, nguyện hồi hướng căn lành của mình lên đạo Bồ-đề vô thượng, nguyện giúp chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng. Với tâm ấy, Bồ-tát quán sinh tử là khổ, vô thường, vô ngã, không tham chấp sắc dục, tài lộc, thọ mạng, quyền thế, bà con; không tham diệu lạc của Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, Chuyển luân vương và của năm dục, vì độ chúng sinh, Bồ-tát thị hiện thọ sinh. Nhờ quán khổ, vô thường, vô ngã Bồ-tát phát tâm sám hối tội lỗi của quá khứ, hiện tại dù phải bỏ mạng vẫn không tái phạm; tăng trưởng căn lành quá khứ, nguyện hồi hướng về Bồ-đề vô thượng, nguyện cùng chúng sinh hồi hướng căn lành hiện tại lên đạo chánh giác; đoạn trừ pháp ác; nguyện không đoạn Tam bảo, hồi hướng pháp lành lên đạo Bồ-đề vô thượng.

Xá-lợi-phất! Như ý túc của Đại Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Bồ-tát điều phục tâm, tự tại tu tập, đạt thần thông như ý trong hiện tại, hóa hiện đủ tướng giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát hiện sắc tướng, thần biến, oai lực. Về sắc tướng Bồ-tát hiện

tướng Phật, Duyên giác, Thanh văn, Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, Chuyển luân vương và vô số hình sắc khác kể cả súc sinh để thuyết pháp giáo hóa chúng sinh. Có chúng sinh tự cho mình có quyền thế nên kiêu mạn, sân hận, Bồ-tát hiện oai lực để độ, nghĩa là hiện một phần bốn; hai phần bốn; ba phần bốn oai lực của Na-la-diên, hoặc dùng ba ngón tay nâng núi Tu-di cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần để ở nơi khác giống như ném một trái A-ma-lặc, song oai lực của Bồ-tát vẫn không tổn giảm. Bồ-tát dùng tay nâng cả tam thiên đại thiên cõi nước suốt trong một kiếp. Nhờ vậy, chúng sinh cao ngạo kia điều phục tâm tánh, Bồ-tát tùy thuận thuyết giảng giáo hóa. Nhờ oai lực biến hóa, Bồ-tát tự tại hóa độ, có thể biến biển cả thành vũng nước trâu hoặc ngược lại. Bồ-tát còn có thể biết tai nạn lửa thành nước, nước thành lửa; gió thành lửa, lửa thành gió; gió thành nước; nước thành gió. Bồ-tát tùy thuận biến hóa tất cả. Ngoài Phật không ai có thể biến hóa tự tại như Bồ-tát. Bồ-tát biến hóa làm chúng sinh vui vẻ, rồi tùy thuận giảng pháp. Bồ-tát đủ thần thông vượt các cảnh giới phiền não ma, chướng, vào cõi Phật, không tổn hại chúng sinh, hành trọn vẹn căn lành, không bị quân ma tổn hại.

Xá-lợi-phất! Bốn Nhiếp pháp của Bồ-tát cũng không cùng tận. Bốn Nhiếp pháp: Bố thí, Ái ngữ,

Lợi hành, Đồng sự. Bố thí có hai: Tài thí, pháp thí. Ái ngữ: Nói lời hòa nhã với mọi chúng sinh dù là cầu tiền tài hay mong nghe pháp. Lợi hành: Thỏa mãn ý nguyện của chúng sinh. Đồng sự: Giúp chúng sinh cầu tài pháp, an trụ Đại thừa. Thí: Thanh tịnh tâm trước người xin. Ái ngữ: Vui vẻ trước người xin. Lợi hành: Thỏa mãn nhu cầu của người xin. Đồng sự: Dạy chúng sinh bằng pháp Đại thừa thí: Tâm Xả; Ái ngữ: Hạnh không giới hạn; Lợi hành: Không hối hận; đồng sự: Hồi hướng Đại thừa. Thí: Tu Từ, xả; Ái ngữ: Không bỏ tâm Hỷ; Lợi hành: Trang nghiêm đại Bi đem lợi ích cho chúng sinh; Đồng sự: Không phân biệt cao thấp, phát tâm hồi hướng trí Nhất thiết chủng. Thí: Tạo tài vật đúng pháp, thanh tịnh bố thí; Ái ngữ; an trụ chúng sinh trong pháp lành. Lợi hành: Nêu lợi ích của mình để tạo lợi ích cho mọi loài; Đồng sự: Khuyên chúng sinh phát tâm Nhất thiết trí. Thí: Ban cho vật bên trong bên ngoài. Ái ngữ: Đủ công đức trí tuệ. Lợi hành: Bỏ lợi của mình, làm lợi cho người; đồng sự: Bỏ ngôi vị cao sang tâm không hối hận. Pháp thí: Giảng lại pháp đã nghe. Ái ngữ: Thuyết pháp không cầu vật chất; Lợi hành: Khuyên người hành pháp; đồng sự: Đạt pháp vi diệu bằng trí Nhất thiết, khuyên dạy chúng sinh. Pháp thí: Tuần tự giảng pháp cho chúng sinh. Ái ngữ: Giảng pháp cho mọi người không nề xa gần; Lợi hành: Cung cấp mọi vật cho người cầu

pháp, sau đó mới tùy thuận giảng thuyết. Đồng sự: Khuyên chúng sinh hồi hướng lên đạo Bồ-đề vô thượng. Pháp thí: Biết bố thí pháp là cách thí tối thắng nên giảng pháp cho chúng sinh. Ái ngữ: Thuyết pháp lợi sinh; Lợi hành: Giảng thuyết nghĩa lý không chấp văn tự; Đồng sự: Giảng pháp vì trọn vẹn pháp Phật. Thí: Trọn vẹn Thí ba-la-mật. Ái ngữ: Trọn vẹn giới Nhẫn ba-la-mật; Lợi hành: Đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật; Đồng sự: Viên mãn thiền, Bát-nhã ba-la-mật. Thí: Phát tâm Bồ-đề. Ái ngữ: Tu hành Bồ-đề. Lợi hành: Không thoái chuyển tâm Bồ-đề; Đồng sự: Đạt một đời thành Phật. Thí: An trụ hạt giống căn bản của Bồ-đề; Ái ngữ: Nuôi lớn mầm cây Bồ-đề; Lợi hành: Kết hoa Bồ-đề; Đồng sự: Thành quả Bồ-đề.

Xá-lợi-phất! Bốn trí vô ngại của Bồ-tát cũng không cùng tận. Nghĩa vô ngại: Biết nghĩa đệ nhất của các pháp. Đó là trí so sánh, nhân, duyên, hòa hợp, không thiên chấp, không chấp giữa, mười hai nhân duyên, không khác tánh pháp như thật, chân chánh, rỗng lặng, không tướng, không nguyện, vô vi, quán một tướng, quán vô ngã, quán không có chúng sinh, quán không thọ mạng, quán Đệ nhất nghĩa, quán quá khứ không ngại, vị lai không bờ bến, hiện tại là Nhất thiết chủng, quán các ấm như oán giận, các giới như rắn độc, các nhập như hư không, quán pháp bên trong luôn tịch diệt, quán pháp bên ngoài không biến động, quán cảnh vật

như huyễn hóa, quán niệm an trụ chân chánh, quán kham nhận chánh pháp, quán tự thân, quán các đế, quán khổ: Không hòa hợp, quán tập: Không tạo tác; quán diệt: Tự tánh; quán đạo: Đi đến, phân biệt các pháp, quán căn tánh, tâm hành của chúng sinh mà tùy thuận, đủ oai lực không thể hàng phục, hiểu như thật thọ trì thiền định, trí sáng soi, quán trang nghiêm là huyễn hóa, sóng nắng, cảnh trong mộng, tiếng vọng, cảnh trong gương, tất cả không hình tướng, hiểm nạn, đoạn chấp, Thanh văn thừa nghe pháp Duyên giác thừa quán mười hai nhân duyên. Nghĩa vô ngại: Suy xét nghĩa của tất cả các pháp. Vì sao? Vì các pháp đó không ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, và đó chính là nghĩa. Tất cả các pháp sắc đều như vậy. Nghĩa vô ngại không trụ, không cùng tận, đạt tất cả pháp, chân thật, không khác biệt, phân tích bằng trí không chướng ngại. Pháp vô ngại: Quán các pháp thiện, ác, thế gian, xuất thế gian, tạo tác, không tạo tác, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, đen, trắng, sinh tử, Niết-bàn, biết tánh pháp, Bồ-đề, tánh trí bình đẳng; quán tâm hành nhiều dục, ít dục, mới phát khởi, tướng dục, cảnh dục, có dục bên ngoài không có dục bên trong; bên ngoài không dục, bên trong có dục; hoặc cả trong ngoài đều có dục; trong ngoài không có dục; dục thuộc sắc không thuộc tiếng, hương, vị, xúc; dục thuộc tiếng không thuộc sắc, hương vị xúc; dục thuộc hương không thuộc sắc, tiếng,

vị, xúc; dục thuộc vị không thuộc sắc thanh hương xúc; dục thuộc xúc không thuộc sắc thanh, hương, vị cứ thế Bồ-tát quán chúng sinh có hai vạn một ngàn tâm tham dục; hai vạn một ngàn tâm sân; hai vạn một ngàn tâm si; hai vạn một ngàn các hạnh khác. Như thế chúng sinh có tám vạn bốn ngàn hạnh, Bồ-tát đều thật biết, tùy thuận thuyết giảng.

Xá-lợi-phất! Từ vô ngại: Bồ-tát quán biết tất cả âm thanh của Trời, Người, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân tùy thuận âm thanh ngôn ngữ của mỗi loài mà Bồ-tát giảng pháp. Bồ-tát biết một, hai, ba, bốn, vô số ngôn ngữ, ngôn ngữ của nam, nữ không phải nam, nữ, quá khứ, vị lai, hiện tại thuyết pháp thông suốt, không chướng ngại, không thô bạo, trang nghiêm văn tự, làm vui lòng người nghe. Bồ-tát trang nghiêm cả tục đế và Đệ nhất nghĩa đế, dùng tên trí tuệ vào tà chấp, làm cho chúng sinh vui vẻ.

Xá-lợi-phất! Nhạo thuyết vô ngại: Bồ-tát giảng thuyết thông suốt, không dừng, nhanh chóng, tiện lợi, đáp đúng lời hỏi, hợp cơ, an trụ nhẫn, căn cứ hai đế, căn cứ giới, thí, nhẫn, tinh tấn, định, tuệ, căn cứ tất cả kinh pháp và các pháp niệm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo, tịch diệt, tư duy để đáp lời. Bồ-tát tùy thuận từng ngôn ngữ mà phân biệt giảng thuyết, nương thiền định, Tam-ma-bạt-đề (định), chân đế để đáp, tùy căn

tánh mà giảng pháp ba thừa. Bồ-tát nói lời vi diệu, không thô bạo, tịch tĩnh, không thọ dụng, oai đức, không chấp, không trói buộc, hòa hợp không trái, nhu thuận, không bị chê trách, được các bậc Hiền thánh ngợi khen, hợp lời Phật, tiếng hay như tiếng Phạm thiên; giảng pháp vi diệu cho chúng sinh, giúp người nghe đạt pháp lạc đoạn hết khổ não. Đó là bốn Trí vô ngại không cùng tận của Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Bốn y nương tựa của Bồ-tát cũng không cùng tận. Bốn y: Y nghĩa không y ngữ; y trí không y thức; y kinh liễu nghĩa không y kinh không liễu nghĩa; y pháp không y nhân; y nghĩa không y ngữ: Ngữ là ngôn ngữ trong pháp thế gian; nghĩa: Hiểu pháp xuất thế không có tướng văn tự. Ngữ: Như giảng pháp bố thí, điều phục, bảo vệ; nghĩa: Biết thí, giới, nhẫn… đều bình đẳng. Ngữ: Nói về sinh tử; nghĩa biết sinh tử là không tánh. Ngữ: Giảng về vị Niết-bàn; Nghĩa: Biết Niết-bàn là không tánh. Ngữ: Giảng thuyết các thừa tùy thuận an trụ; biết các thừa đều thuộc một trí: Nghĩa. Ngữ: Giảng về các pháp xả. Nghĩa: Thanh tịnh cả ba. Ngữ: Giảng về thân, khẩu, ý thọ trị tịnh giới đủ công đức oai nghi. Nghĩa: Hiểu thân, khẩu, ý đều không tạo tác, không bảo hộ tất cả giới tịnh. Ngữ: Giảng về nhẫn đoạn trừ sân hận, kiêu mạn. Nghĩa: Hiểu các pháp đạt Nhẫn vô sinh. Ngữ: giảng về việc siêng năng làm lành. Nghĩa: An trụ nơi tinh tấn, không thấy đầu cuối. Ngữ:

Giảng về thiền định, Tam-muội giải thoát, tam-ma-bạt-đề. Nghĩa: Biết định diệt tận. Ngữ: Giảng về trí căn bản tất cả văn tự. Nghĩa: Trí tuệ không thể giảng nói. Ngữ: Giảng về ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Nghĩa: Biết tu tập và chứng quả. Ngữ: Giảng về khổ, tập, đạo đế. Nghĩa: Chứng diệt đế. Ngữ: Giảng về vô minh, sinh, già, chết. Nghĩa: Biết sự diệt của vô minh già chết. Ngữ: Giảng về tham, sân, si. Nghĩa: Hiểu căn ác là trí giải thoát. Ngữ: Giảng về pháp chướng ngại. Nghĩa: Đạt giải thoát không ngại. Ngữ; giảng về vô lượng công đức của Tam bảo. Nghĩa: Biết công đức Tam bảo đoạn dục, như tánh pháp là tướng vô vi. Ngữ: Giảng việc phát tâm ngồi đạo tràng, tu tập trang nghiêm công đức Bồ-đề. Nghĩa: Dùng tuệ nhất niệm hiểu tất cả pháp. Tóm lại: Giảng về tám vạn bốn ngàn pháp môn là ngữ; biết văn tự không thể giảng thuyết là nghĩa. Y trí không y thức: Thức, bốn trụ xứ thức (sắc, thọ, tưởng, hành); trí: Biết bốn thức không có nơi dừng. Thức: Biết đất, nước, lửa, gió. Trí: Biết tánh bốn đại không sai khác. Thức: Biết mắt trụ sắc, tai mũi lưỡi, thân ý cũng vậy. Trí: Tánh bên trong tịch tĩnh; không theo cảnh bên ngoài, biết các pháp không nhớ tưởng. Thức: Tư duy phân biệt cảnh. Trí: Không chấp cảnh tướng, không tìm kiếm các pháp. Thức: Hành pháp hữu vi. Trí: Biết pháp vô vi không hành vì tánh của pháp vô vi không thể biết bằng thức.

Thức: Tướng sinh trụ diệt. Trí: Không thấy tướng sinh trụ diệt. Y kinh liễu nghĩa không y kinh không liễu nghĩa: Kinh không liễu nghĩa: Phân biệt tu đạo. Kinh liễu nghĩa: Không phân biệt quả. Kinh không liễu nghĩa: Tin nhân quả. Kinh liễu nghĩa: Đoạn hết phiền não. Kinh không liễu nghĩa: Chán ghét phiền não. Kinh liễu nghĩa: Nêu khổ não của sinh tử. Kinh không liễu nghĩa: Khen ngợi pháp thanh tịnh. Kinh liễu nghĩa: Nêu sinh tử Niết-bàn là một. Kinh không liễu nghĩa: Nêu về các pháp trang nghiêm. Kinh liễu nghĩa: Kinh sâu xa khó hiểu khó thọ trì. Kinh không liễu nghĩa: Giảng tướng tội phước cho chúng sinh làm cho người nghe buồn, vui. Kinh liễu nghĩa: Giảng thuyết làm cho người nghe điều phục tâm. Kinh không liễu nghĩa: Giảng về ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, tạo tác, thọ nhận; biết các pháp không có cho nhận nhưng lại giảng có cho nhận. Kinh liễu nghĩa: Giảng về Không, Vô tướng, Vô nguyện, không tạo tác, không sinh, không ngã nhân chúng sinh thọ mạng; giảng về vô số pháp giải thoát. Y pháp không y nhân: Nhân: Chấp người, tạo tác, thọ nhận. Pháp: Biết không có người, tạo tác, thọ nhận. Nhân: Phàm phu, người lành, người tin, người hành pháp, bát nhân, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, một người ra đời tạo lợi lạc cho nhiều người, người thương yêu thế gian khởi tâm đại Bi, lợi ích

trời, người, Phật. Tất cả các danh từ ấy, Phật căn cứ thế nơi tục đế, giảng thuyết để độ chúng sinh. Ai chấp như thế là nương tựa người. Vì độ kẻ chấp nên Như Lai dạy nương pháp không nương người. Vì tánh pháp không đổi khác, không trụ chấp, tất cả bình đẳng; không suy xét, không duyên, không thay đổi, tánh tướng không ngại như hư không. Người nương tánh pháp sẽ không chấp tướng, quán tất cả pháp cùng một tánh.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 30

Phẩm 12: BỒ-TÁT VÔ TẬN Ý (Phần 4)

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Trí tuệ nơi công đức trợ đạo của Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Vì Bồ-tát tu tập các hạnh bố thí, trì giới, khởi tâm Từ bi, sám hối tội lỗi, thay chúng sinh bày tỏ lỗi lầm, tùy thuận vui vẻ trước công đức của các bậc Hữu học, Vô học, Bích-chi-phật, Bồ-tát phát tâm, Bồ-tát không thoái chuyển, Bồ-tát một đời thành Phật, trong ba đời nhờ thế Bồ-tát thành tựu các công đức đó. Kế đó Bồ-tát thỉnh cầu chư Phật với Đức Phật vừa thành đạo, Bồ-tát thỉnh Phật thuyết pháp, với Đức Phật thị hiện Niết-bàn, Bồ-tát thỉnh Phật trụ thế. Bồ-tát lại thỉnh các Bồ-tát, Thánh hiền thường vì chúng sinh vào đời giảng pháp. Bồ-tát hồi hướng tất cả căn lành lên đạo Bồ-đề vô thượng. Với người chưa phát tâm, Bồ-tát khuyên phát tâm, người đã phát tâm Bồ-tát giảng pháp Ba-la-mật, người nghèo khổ Bồ-tát cho tài vật, người bệnh tật Bồ-tát cho thuốc, người cô thế Bồ-tát khuyên nhẫn nhục, người phá

giới Bồ-tát khuyên đừng giấu tội lỗi, người giấu Bồ-tát khuyên bày tỏ, Bồ-tát cung kính chư Phật hiện tại và Niết-bàn, tôn kính sư trưởng như Phật, siêng năng cầu pháp, xem chánh pháp là ngọc vô giá, tôn kính người thuyết pháp như Phật, vượt trăm ngàn do-tuần chỉ để nghe pháp, mạnh mẽ không mệt mỏi, giảng pháp không vì tài vật, biết đền ân cha mẹ, chăm sóc không hối hận, siêng năng tạo mọi công đức, thận trọng ba nghiệp, xây dựng tháp Phật, đủ phước đức như Phạm thiên, đủ các tướng tốt hành pháp bố thí, trọn các vẻ đẹp, tu tập căn lành, trang nghiêm thân nhưng không kiêu mạn, trang nghiêm lời không phạm lỗi, trang nghiêm pháp không trụ pháp, trang nghiêm Phật với đủ thần thông giáo hóa, trang nghiêm pháp đoạn các dục, trang nghiêm chúng Tăng không tổn hại, thật giảng các pháp cho người thọ pháp, khen ngợi người thuyết pháp, làm mọi pháp lành đoạn kết sử nên thường nghe pháp, trang nghiêm cội Bồ-đề cúng dường vườn rừng đẹp lên Phật, trang nghiêm đạo tràng thành tựu căn lành thanh tịnh không nhiễm phiền não, ban cho mọi vật vì đạt pháp báu, cho cả kho báu vì đạt không cùng tận, luôn vui vẻ, đạt tánh pháp, bình đẳng với chúng sinh, trang nghiêm trí sáng không khinh người thiếu học, khéo chỉ dạy, đời đời thanh tịnh, thành tựu công đức trì giới, vào thai thanh tịnh, không thấy lỗi người, sinh cõi trời người thành

tựu mười pháp lành, đủ trí đức sáng hóa độ không phân biệt, tự tại trong các pháp, không keo kiệt, thanh tịnh viên mãn, vượt trên thế gian, giải thoát vi diệu không cầu pháp nhỏ, làm mọi công đức nhưng không bỏ trí, đủ bảy tài, lòng tin là gốc, bảo vệ chánh pháp không tiếc thân mạng, không dối đời, đủ thệ nguyện, đầy đủ pháp Phật, đã làm mọi việc lành.

Xá-lợi-phất! Chỉ lược nêu công đức của Bồ-tát, nếu nêu đầy đủ thì một kiếp hay nhiều kiếp vẫn không thể nói hết.

Thế nào là trí tuệ không cùng tận của Bồ-tát? Nhân nghe trí tuệ, duyên đạt trí tuệ. Nhân: lòng mong mỏi, duyên: siêng năng cầu pháp. Nhân duyên đó đều nương nơi trí tuệ Phật không phải nương trí Thanh văn, Duyên giác, gần gũi bậc trí tâm không kiêu mạn, xem bậc trí như Phật, bậc trí biết người học pháp điều phục tâm nên giảng trí tuệ để an trụ, tùy căn cơ giảng pháp không nhiễm. Người nghe pháp siêng năng tu tập, giúp thành tựu trí tuệ. Bồ-tát siêng năng giúp pháp, không mong cầu, ít nói, không tham việc, biết đủ, biết ngủ nghỉ, tư duy phân tích pháp đã nghe, không chấp pháp lành, đoạn tập nhiễm chướng ngại của các ấm, biết bỏ những lỗi lầm, kiên định chân chánh, tôn kính bậc hành pháp siêng năng, siêng năng cầu pháp, không chấp ngã, không trì hoãn, không bỏ hạnh chính, luôn phát huy, không thích nơi đông người,

sống nơi yên tịnh, tư duy các hạnh, biết đủ, hành Đầu-đà, thích pháp, không xét ngôn ngữ thế gian, cầu pháp xuất thế, không mất chánh niệm, hiểu nghĩa các pháp, hành chánh đạo, biết pháp Tổng trì, trang nghiêm hổ thẹn, kiên định trí tuệ, đoạn vô minh kết sử, đủ trí sáng, khéo tỏ ngộ, hiểu rộng, không giảm trí, khéo phân tích, biết hiện tại, không nghe theo người, không ỷ lại công đức, khen ngợi công đức của người, tạo nghiệp lành, kiên định nhân quả, biết nghiệp thanh tịnh.

Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát có bốn pháp bố thí, hoàn toàn trí tuệ, bố thí giấy, bút mực cho Pháp sư để họ chép kinh, trang nghiêm pháp tòa cúng dường Pháp sư, cúng dường mọi vật cần dùng, không dua nịnh, tán thán Pháp sư. Bồ-tát hành bốn giới trọn vẹn trí tuệ, luôn giảng pháp, luôn cầu pháp, phân biệt pháp, luôn hướng Bồ-đề. Bồ-tát hành bốn pháp nhẫn đạt trí tuệ, lúc cầu pháp nhẫn nhịn trước lời mạ nhục, không sợ đói khát lạnh nóng khi cầu pháp, tùy thuận lời của Hòa thượng, thượng tọa khi cầu pháp, hiểu pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện khi cầu pháp. Bồ-tát hành bốn pháp tinh tấn trọn vẹn trí tuệ, học rộng, nắm bắt, thuyết giảng, hành pháp chân chánh. Bồ-tát hành bốn pháp thiền định trọn vẹn trí tuệ, thích sống một mình, chuyên tâm tu định, cầu thiền và thần thông, cầu trí vô ngại. Bồ-tát hành bốn pháp trí tuệ trọn vẹn trí tuệ. Không chấp đoạn, không chấp

thường, hiểu mười hai nhân duyên, biết không có ngã; Bồ-tát hành bốn hạnh bảo vệ pháp trọn vẹn trí tuệ: Bảo vệ Pháp sư như vua, bảo vệ căn lành, bảo vệ thế gian, bảo vệ đem lợi ích cho của người. Bồ-tát hành bốn pháp viên mãn trí tuệ: Giảng pháp đạt trí tuệ, lợi ích, biết pháp. Bồ-tát có bốn lực trọn vẹn trí tuệ: Sức tinh tấn, học rộng, được giải thoát, niệm lực, không mất tâm Bồ-đề, định lực: Bình đẳng, không phân biệt, tuệ lực: Học rộng nghe nhiều, Bồ-tát có bốn phương tiện trọn vẹn trí tuệ: Tùy thuận thế gian, tùy thuận chúng sinh, tùy thuận pháp, tùy thuận trí tuệ. Bồ-tát có bốn đạo vẹn trí tuệ: Các Ba-la-mật các pháp trợ Bồ-đề; bát Thánh đạo cầu Nhất thiết trí. Bồ-tát hành bốn pháp không chán ghét trọn vẹn trí tuệ: Thích học rộng, thích thuyết pháp, tu hành trí tuệ. Thực hành trí, lại có bốn: Trợ trí tuệ, tùy tâm hạnh của tất cả chúng sinh tùy pháp, tùy hạnh bố thí, tùy hành sáu pháp Ba-la-mật, tùy hành bốn Tâm vô lượng. Vì sao? Vì mọi việc làm, hạnh nguyện của Bồ-tát đều bắt nguồn từ trí tuệ. Bồ-tát thành tựu trí, nương tựa trí, không bị quân ma hãm hại.

Xá-lợi-phất! Bốn Niệm xứ của Bồ-tát không cùng tận:

–Bồ-tát quán thân, tu hạnh thân, thấy sự hòa hợp điên đảo của các thân quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như cây cỏ, gạch ngói do duyên sinh, không thể nắm bắt. Thân này là sự hòa hợp của chấp ngã,

ngã sở, thường vô thường về các ấm giới nhập. Thân này thật không có ngã, sở hữu của ngã, không bền, không thể nương tựa. Dốc cầu thân Bồ-đề chánh giác Pháp thân, thân kim cang, thân không thể hoại, thân kiên cố, vượt ba cõi. Xin diệt trừ tất cả tội lỗi của thân mong thành thân Như Lai. Bồ-tát thọ thân bốn đại này là vì giáo hóa chúng sinh, như đất, nước, gió, lửa bên ngoài với đủ loại hình sắc đều đem lợi ích cho chúng sinh, thân này cũng thế. Thấy biết lợi ích của thân nên dù chịu khổ Bồ-tát vẫn không chán ghét, Bồ-tát quán thân vô thường nhưng không ghét sinh tử, quán thân không có ngã nhưng không bỏ việc giáo hóa, quán thân tịch diệt nhưng không bỏ thân. Bồ-tát quán thân bên trong bên ngoài đều không khởi phiền não, bỏ thân nhiễm ô, thành thân thanh tịnh, trang nghiêm tướng tốt, tạo lợi ích cho trời người.

–Bồ-tát quán thọ, hành thọ: Bồ-tát tư duy biết tất cả các thọ đều khổ nên phân biệt thọ; với trí tuệ Bồ-tát biết các thọ tịch diệt nên không tham khi hưởng vui; khi chịu khổ Bồ-tát quán khổ ba đường ác, khởi tâm đại bi không sân giận; khi thọ không khổ không vui Bồ-tát không khởi si. Bồ-tát chánh niệm về thọ, biết sự sinh khởi, biết cách tu tập. Bồ-tát quán: Chúng sinh không biết sự sinh khởi và cách tu tập các thọ nên tham đắm khi thọ vui, sân giận khi chịu khổ, ngu si khi thọ xả. Bồ-tát cần siêng năng tu trí tuệ, đoạn thọ, phát khởi

căn lành, hành tâm Bi, thuyết pháp giúp chúng sinh đoạn chấp thọ. Người chưa hiểu rõ về thọ thì hiểu; hiểu rồi thi vui. Thế nào là hiểu? Không thọ là không ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng; trừ các thọ, chấp thọ, giữ lấy, hưởng thụ, có, điên đảo, phân biệt, chấp kiến, tướng của mắt tai mũi lưỡi thân ý, sắc, thanh, hương, vị xúc pháp; từ mắt cảm thọ dẫn sinh ra xúc; từ thọ khổ, vui, không khổ vui, tai mũi lưỡi thân ý dẫn sinh ra xúc. Đó là thọ. Còn có một thọ: Sự giác biết của tâm ý. Lại có hai thọ: Bên trong, bên ngoài. Lại có ba thọ: Quá khứ, vị lai, hiện tại. Lại có bốn thọ: Cảm thọ về bốn đại. Lại có năm thọ: Tư duy năm ấm. Lại có sáu thọ: Phân biệt sáu nhập. Lại có bảy thọ: Bảy trụ xứ của thức. Lại có tám thọ: Tám tà pháp. Lại có chín thọ: Chín nơi ở của chúng sinh. Lại có mười thọ: Mười pháp bất thiện. Tóm lại, tất cả tư duy cảm nhận của chúng sinh đều là thọ. Bồ-tát tư duy về thọ, khởi trí tuệ, biết rõ tướng sinh trụ diệt của các thọ.

Quán tâm niệm xứ: Bồ-tát không quên mất tâm Bồ-đề, chuyên niệm quán tâm, biết tướng sinh diệt không dừng của tâm, biết tâm không ở bên trong, không đến từ bên ngoài, tâm Bồ-đề phát khởi ngày nào đã là quá khứ, thay đổi rồi, tâm đó không đi về đâu, không thể nói, không dừng trụ. Tất cả căn lành của tâm cũng thuộc về quá khứ, đã đổi khác, không đi về đâu, không thể nói, không nơi dừng.

Tâm hồi hướng căn lành lên đạo Bồ-đề vô thượng cũng thế. Tâm không thấy, biết, sinh tâm. Với tâm nào ta thành tựu Bồ-đề vô thượng. Tâm Bồ-đề không hợp với tâm căn lành, tâm căn lành không hợp với tâm hồi hướng, tâm hồi hướng không hợp với tâm Bồ-đề. Quán như vậy Bồ-tát không kinh sợ là vì siêng năng tu tập. Bồ-tát lại quán sát về mười hai nhân duyên sâu xa không mất nhân quả, biết tâm tánh thuộc các duyên, không thể nuôi lớn không tạo tác, không nắm bắt, tất cả các pháp đều thế. Bồ-tát tự tu tập trang nghiêm, không tách rời tâm. Thế nào là tánh tâm và trang nghiêm tánh tâm? Tất cả đều như huyễn hóa, không chủ tể, không tạo tác, không thiết lập. Trang nghiêm: Hồi hướng hạnh bố thí để trang nghiêm cõi Phật. Tâm tánh: Như mộng, mọi tướng tâm đều tịch diệt. Trang nghiêm: Đủ giới và các thân. Tâm tánh: Như ảnh trong gương, tướng thanh tịnh. Trang nghiêm: Hồi hướng hạnh nhẫn lên pháp Nhẫn vô sinh. Tâm tánh: Như sóng nắng, tịch diệt rốt ráo. Trang nghiêm: Siêng năng tu pháp lành, hồi hướng để cầu pháp vô thượng của Phật. Tâm tánh: Không sắc, không đối không tạo tác. Trang nghiêm: Hồi hướng các thiền định đã tu để cầu trọn vẹn thiền định của Phật. Tâm tánh: Không thể thấy, không thể nắm bắt. Trang nghiêm: Học rộng, hồi hướng để cầu trí tuệ của Phật. Tâm tánh: Không duyên không sinh. Trang nghiêm: Thường

quán căn lành. Tâm tánh: Không nhân không sinh. Trang nghiêm: Từ pháp trợ Bồ-đề mà phát tâm. Tâm tánh: Bỏ sáu trần, tâm không sinh. Trang nghiêm vào cảnh giới Phật. Bồ-tát quán tâm, buộc niệm, đạt thần thông, biết tâm chúng sinh, tùy thuận thuyết giảng; quán tâm niệm đại Bi, giáo hóa chúng sinh, không chán ghét; không khởi tướng diệt tận, không bỏ sinh tử phiền não, niệm tâm, biết không sinh khởi, đạt trí, không hành pháp Thanh văn, Duyên giác, nhờ trí thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Xá-lợi-phất! Thế nào là Bồ-tát quán pháp niệm xứ? Luôn dùng mắt tuệ nhìn các pháp cho đến khi ngồi ở đạo tràng. Lúc quán pháp Bồ-tát không thấy một pháp nào, không chấp Không, Vô tướng, Vô nguyện, không tạo tác, không sinh diệt, quán mười hai nhân duyên, thấy tất cả đều là pháp dù là phi pháp. Pháp nghĩa là không ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng: Pháp, phi pháp: Thấy có chúng sinh, ngã, nhân, thọ mạng, thường, đoạn, có, không. Tất cả pháp đều là pháp, là phi pháp. Vì sao? Quán Không, Vô tướng, Vô nguyện là pháp. Chấp ngã, sở hữu của ngã, kiêu mạn là phi pháp. Bồ-tát quán pháp không thấy có pháp, không phải nhân Bồ-đề, nhân đạo xuất thế. Bồ-tát biết tất cả các pháp đều là xuất thế, đạt đại Bi không ngại, quán phiền não, kết, tướng đều là huyễn hóa, biết các pháp không phải có phiền não, không phải

không có phiền não. Vì sao? Vì hiểu nghĩa các pháp không có hai tánh. Phiền não đó không có nơi chốn, không tích tập, hiểu phiền não là hiểu Bồ-đề, tánh phiền não là tánh Bồ-đề. Bồ-tát an trụ nơi chánh niệm, không phân biệt các pháp, không chướng ngại, biết rõ, an trụ nơi tánh pháp, chúng sinh, hư không. Bồ-tát căn cứ pháp Phật, hiểu tất cả pháp đều là pháp Phật, không khởi tâm, tận trí, vô trí. Tuy tận nhưng không tận, nhập trí vô sinh, quán chúng sinh không bỏ tên giả. Pháp niệm xứ: An trụ, chánh niệm tất cả các pháp: Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật, biết tất cả pháp giả gọi tên. Cứ thế kể cả các pháp ở đời vị lai, Bồ-tát đều biết rõ. Bồ-tát giảng về các hạnh, gần gũi pháp Phật, trừ quân ma, đạt trí tự tại.

Xá-lợi-phất! Bốn pháp Chánh cần của Bồ-tát cũng không cùng tận *(bốn Chánh cần đã biết)*. Dục: Khéo tư duy. Cầu tinh tấn: Luôn tư duy như vậy. Nhiếp tâm chánh trừ: Quán về sự tư duy ấy. Vì sao? Vì khéo tư duy thì không để pháp ác nhập tâm. Pháp ác: Không phải giới, định, tuệ. Phá giới trọng và các giới khác: Trái giới. Hủy oai nghi, loạn tâm: Trái định. Chấp vào các sự thấy biết trái tuệ. Đó là chánh cần thứ nhất. Bồ-tát siêng năng tư duy không cho pháp ác chưa sinh được sinh: Như trên nói: Pháp ác không tích tập, không nơi chốn, không phương hướng. Tâm ác đó là đoạn, đã biết, do duyên sinh, tịnh, khởi dục, sân, si. Bồ-

tát khéo tư duy quán sát về bất tịnh nên diệt tâm dục, tu tập tâm Từ diệt tâm sân, quán mười hai nhân duyên diệt ngu si. Khi đã đoạn diệt các phiền não đó, Bồ-tát sẽ thấy sự đoạn diệt của các tên giả gọi, biết không có gì để đoạn. Đó là chánh cần thứ hai. Siêng năng làm cho pháp lành chưa sinh được sinh. Các pháp lành không thể hạn lượng. Vì sao? Vì trong các pháp lành mà Bồ-tát tu tập, dục là căn bản. Sự siêng năng tu tập: Vượt cả pháp lành; chánh trừ: Luôn sống trong pháp lành. Đó là chánh cần thứ ba. Siêng năng phát triển pháp lành đã sinh. Hồi hướng căn lành lên đạo Bồ-đề vô thượng. Vì sao? Vì căn lành hồi hướng lên đạo vô thượng sẽ không cùng tận. Vì sao? Vì căn lành đó không nương vào ba cõi. Nếu nương nơi ba cõi thì sẽ tổn giảm. Vì thế căn lành hồi hướng trí Nhất thiết chủng không cùng tận. Đó là chánh cần thứ tư.

Xá-lợi-phất! Bốn Pháp như ý của Bồ-tát cũng không cùng tận *(bốn pháp: Dục, tấn, tâm, tư duy)*. Từ, Bi, Hỷ, Xả là căn bản của bốn pháp này. Luôn tu tập bốn Tâm vô lượng nên tu nhu thuận, nhập bốn Thiền, thân nhẹ nhàng, nhập pháp như ý, đủ thần thông: Dục, tấn, tâm, tư duy. Dục: Chuyên hướng pháp. Tấn: Thành tựu pháp; quán sát pháp: Tâm; Tư duy: Phương tiện pháp. Dục: Trang nghiêm; tấn: Thành tựu; tâm: Chánh trụ; tư duy: Khéo phân biệt. Bồ-tát đủ bốn pháp Như ý, tùy sự

hiểu biết tự tại làm mọi việc; ở nơi nào cũng tạo nghiệp lành, thành tựu trọn vẹn bản hạnh, không trở ngại như gió hư không.

Xá-lợi-phất! Năm Căn của Bồ-tát cũng không trở ngại *(năm Căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ)*. Tín căn: Tin bốn pháp: Tin nghiệp báo, đủ chánh kiến khi vào sinh tử, trọn đời không làm ác; tin hạnh Bồ-tát, không chạy theo tà chấp, chuyên cầu Bồ-đề, không cầu thừa khác; tin hiểu các pháp như pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, nghĩa Đệ nhất, liễu nghĩa, nhân duyên sâu xa, không có ngã, chúng sinh, không phân biệt; tin mười Lực, bốn Vô úy và mười tám pháp Bất cộng của chư Phật mười phương, đoạn tâm nghi, tu tập pháp Phật. Tấn căn: Siêng năng tu tập các pháp đã tin. Niệm căn: Nhớ rõ các pháp đã tu. Định căn: Chuyên tâm với các pháp đã nhớ. Tuệ căn: Quán sát, thể nhập, tự soi rọi, không theo người. Siêng năng với năm Căn sẽ trọn vẹn tất cả pháp, được. Ví như ngoại đạo và thần tiên năm thông không thể định biết giới tính của đứa bé trong thai. Khi nào tướng nam, nữ hiện họ mới biết được. Cũng thế Bồ-tát không đủ năm Căn, chư Phật không thọ ký, chỉ khi thành tựu năm Căn mới được thọ ký.

Xá-lợi-phất! Năm Lực của Bồ-tát cũng không cùng tận. Tấn lực: Siêng năng đạt sức kiên cố trong pháp lành, tu tập thiền định, không bị trời người gây hại, thành tựu ý nguyện. Niệm lực: Bồ-

tát trụ pháp lành, không bị phiền não nhiễu loạn. Vì sao? Vì sức chánh niệm của Bồ-tát điều phục tất cả, không ai hại được. Định lực: Xa lánh nơi ồn ào, thích nơi yên tịnh, Bồ-tát tuy giảng giải nhưng ngôn ngữ âm thanh không ngại thiền thứ nhất, an trụ giác quán không ngại thiền thứ hai, tâm vui vẻ không ngại thiền thứ ba, giáo hóa chúng sinh, không pháp Phật, không ngại thiền thứ tư. Lúc Bồ-tát tu bốn Thiền, các pháp định khác không trở ngại, lúc đó Bồ-tát bỏ định, cũng không tùy định, tự tại thọ sinh mọi nơi. Tuệ lực: Bồ-tát biến pháp thế gian và xuất thế, không bị các pháp hại trí, Bồ-tát thọ sinh ở đâu, không cần học nhưng tự nhiên biết rõ các nghề. Để giáo hóa ngoại đạo tu khổ hạnh Bồ-tát thị hiển hành hạnh khổ. Đó là sự vượt trên thế gian của pháp xuất thế. Bồ-tát thành tựu sức tuệ không bị trời người hàng phục.

Xá-lợi-phất! Bảy Giác phần của Bồ-tát cũng không cùng tận *(bảy Giác phần: Niệm, trạch pháp, tấn, hỷ, trí, định, xả)*. Niệm giác phần: Quán các pháp, phân biệt pháp, tu tập trí, quán tự tướng các pháp, nghĩa là quán tánh của các pháp rỗng lặng. Niệm biết các pháp như thế. Tránh pháp: Phân biệt, biết rõ tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp nào viên mãn, pháp nào chưa viên mãn, thế đế, chân đế, giả gọi, không nghi: Tấn giác phần: Bồ-tát dùng trí tuệ, sự siêng năng để tu tập sáu pháp giác kia, không thoát chuyển, không bỏ bản

nguyện, hành pháp đạo. Hỷ giác phần: vui thích các pháp, không lười biếng, thanh tịnh thích pháp, đoạn phiền não của thân tâm. Trừ giác phần: Đoạn phiền não thân tâm, trừ chướng ngại, an trụ trong cảnh giới của định. Định giác phần: Nhập định biết rõ pháp, phiền não kết sử, tâm bình đẳng không đầu mối, không thấy tướng khổ của các pháp. Xả giác phần: Không thay đổi trước buồn vui, không chạy theo pháp thế gian, kiên định không cao thấp, không chấp lậu, không chướng ngại, tùy thuận chân đế Chánh đạo.

Xá-lợi-phất! Tám Chánh đạo của Bồ-tát cũng không cùng tận. Chánh kiến: Thấy pháp xuất thế, không thấy có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, thường đoạn, có, không, thiện, ác, vô ký, sinh tử, Niết-bàn. Chánh tư duy: Nếu tư duy mà khởi tham, sân, si, phiền não thì không là chánh. Chánh tư duy không khởi phiền não, chỉ tư duy về giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Chánh ngữ: Nói điều gì không để phiền não cho mình, không tổn hại người, thành tựu lời nói hay, lành. Chánh nghiệp: Bồ-tát không tạo nghiệp vì biết nghiệp ác có báo ác, nghiệp thiện có báo thiện, nghiệp thiện ác có báo thiện ác, nghiệp không thiện ác có báo không thiện ác. Chánh mạng: Không bỏ hạnh Thánh, tu hạnh Đầu-đà, oai nghi không thoái chuyển, không dua nịnh, không chạy theo vật chất thế gian, dễ sống, dễ bằng lòng, giữ gìn oai nghi

phép tắc, không ganh ghét khi người được lợi, biết đủ, được các bậc Thánh khen ngợi. Chánh tinh tấn: Siêng năng làm việc tà: Như tham, sân, si, phiền não không gọi là chánh. Nhập Thánh đạo, chân đế, Niết-bàn tịch tĩnh, đi trên đường chánh siêng năng tu tập mới là chánh tinh tấn. Chánh niệm: Nhớ rõ các pháp ngay thẳng, thấy lỗi sinh tử, siêng cầu Niết-bàn, chuyên tâm vào đạo chánh. Chánh định: An trụ nơi định chánh, không tán loạn, thành tựu trí tuệ, giải thoát chúng sinh. Tám đạo Thánh này là đạo của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Bồ-tát giác biết diễn giảng, chỉ dạy, phân tích thành tựu Phật đạo.

Xá-lợi-phất! Định tuệ của Bồ-tát cũng không cùng tận. Định: Tâm tịch tĩnh, không tán loạn, bảo hộ các căn, không thô bạo, không thoái chuyển, kiên định, thong dong, điều phục, nhu thuận, siêng ở nơi thanh vắng, thân tâm hợp nhất, không tham cầu pháp ác, sống đúng pháp, kiên định oai nghi, biết thời cơ, dễ sống, đủ sức nhẫn, không chấp cao thấp, kham nhẫn lời mạ nhục, chuyên tâm tư duy pháp lành, thiền định, khởi tâm Từ bi, an trụ nơi tâm hỷ xả, nhập bốn Thiền và bốn không, tư duy về chánh định. Bồ-tát tu hạnh vô lượng, vô biên hạnh của định. Tuệ: Bồ-tát tu đạo, hiểu pháp không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, biết các ấm như huyễn hóa, các giới bình đẳng như hư không, hiểu các đế, tùy thuận quán biết mười hai

nhân duyên, phân biệt nhân quả, kiến chấp, hiểu đúng các pháp thấy rõ Không, Vô tướng, Vô nguyện. Phân biệt: Không phân biệt. Thấy: Không gì để thấy biết. Đó là thật biết, đạt phương tiện. Bồ-tát không chấp vô vi, làm mọi việc lành không trụ tâm.

Xá-lợi-phất! Tổng trì biện tài của Đại Bồ-tát cũng không cùng tận. Tổng trì: Nghĩ nhớ, tích tập căn lành, thọ trì tám vạn bốn ngàn pháp môn, không quên sót là thọ trì pháp vi diệu của chư Phật, và tất cả âm thanh ngôn ngữ của Thanh văn, Duyên giác, chúng sinh, phàm phu. Lúc xả mạng vì tài hoa nơi thân Bồ-tát chánh niệm, thấy rõ các pháp như nhìn rõ trong tay. Biện tài: Giảng thuyết không trở ngại, không dừng nghỉ, không đứt đoạn, thông suốt, nhanh chóng, làm vui tai. Đó là nhờ quả thanh tịnh của nghiệp trước, sự gia hộ của chư Phật, sự bảo vệ của chư Thiên. Bồ-tát giảng pháp không sai lầm, không luống uổng, hướng đến Niết-bàn, tự tại ứng hiện, giảng rõ về các kinh, biết rõ khả năng của đại chúng như: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Sa-môn, Tứ Thiên vương, Tam thập tam thiên, Ma, Phạm, tùy thuận thuyết giảng, trọn đời không quên việc thuyết giảng.

Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát tu tập bốn pháp không cùng tận. Bồ-tát biết rõ các hành là vô thường, khổ, vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh. Vô thường: Không

sở hữu, luôn hư hoại, vô ngã. Pháp vô ngã, không thể hoại vì tánh tịch tĩnh. Khổ: Không mong cầu, đoạn ái nhiễm, không nguyện, rỗng lặng. Vô ngã: Rốt ráo không ngã, rỗng lặng, không sở hữu, hư dối không thật, Niết-bàn tịch tĩnh: Tịch diệt, không phải diệt từng sát-na. Bồ-tát đạt trí tuệ không cùng tận, biết tướng của các pháp là tịch diệt, là Niết-bàn.

Xá-lợi-phất! Nhất đạo của Bồ-tát không cùng tận. Nhất đạo: Trí tuệ chân thật, Bồ-tát thành tựu không do học hỏi người khác, Bồ-tát độc hành không bè bạn, trang nghiêm Bồ-đề vô thượng, siêng năng giữ gìn bằng tự lực, tự tu tập không nhờ người, trang nghiêm kiên cố bằng sức mạnh riêng mình, làm mọi việc lành của chúng sinh và Thánh Hiền, biết sáu pháp Ba-la-mật không phải là ta hay bạn ta, biết các Ba-la-mật không điều khiển mình, mình điều khiển các Ba-la-mật. Với tất cả các căn, lành Bồ-tát đều làm như vậy. Hết thảy các pháp tuy không là bạn, Bồ-tát đều thực hành, không dựa vào người khác, tự mình mạnh mẽ làm, cho đến khi ngồi nơi tòa kim cang phá trừ quân ma, thành tựu Bồ-đề vô thượng, Bồ-tát đều tự làm.

Xá-lợi-phất! Phương tiện tu hành của Đại Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Với Bồ-tát, tất cả các pháp đều là phương tiện: Phát khởi các pháp, sứ giả của Bồ-tát, phân biệt rốt ráo không

hạn lượng, chuyên tâm cầu pháp xuất thế, bố thí trọn vẹn các Ba-la-mật, lúc giữ giới tự tại thọ sinh, lúc hành nhẫn trang nghiêm tự thân và đạo tràng, lúc tu pháp tinh tấn tâm không dừng trụ, lúc tu thiền định không thoái chuyển, lúc hành trí tuệ không chứng vô vi, tu tâm Từ thương xót kẻ thế cô, tu tâm Bi không chán sinh tử, tu tâm hỷ luôn vui vẻ, hành tâm xả tu tập tất cả căn lành, tu Thiên nhãn mong thành tựu mắt của chư Phật, tu Thiên nhĩ mong thành tựu tai của chư Phật, tu tha tâm trí mong đạt trí Phật hiểu căn tánh sâu cạn của chúng sinh, tu túc mạng trí mong đạt trí Phật biết rõ ba đời, tu thần thông mong đạt oai lực thần thông của chư Phật, tùy thuận tâm tánh của chúng sinh, tự tỏ ngộ tỏ ngộ cho người, tuy đã độ thoát nhưng hiện chưa độ thoát để độ chúng sinh, đã đoạn phiền não nhưng hiện còn phiền não, đã đặt gánh nặng xuống nhưng hiện chưa đặt, biết căn tánh nên tùy thuận thuyết giảng, khéo dắt dẫn chúng sinh chậm lụt, biết đúng thời trái thời, độ chúng sinh hành tà vạy trở về chánh đạo, biến hữu hạn thành vô hạn, vô hạn thành hữu hạn, biến pháp bị mất trở lại như ban đầu, thị hiện đạo thù thắng, phương tiện giảng Niết-bàn có năm dục lạc, đã giải thoát nhưng thị hiện còn ràng buộc, vào sinh tử nhưng không vướng mắc trong sinh tử, không cứng nhắc nơi các oai nghi, chỉ quán chúng sinh không phân biệt trì giới hay hủy giới,

biết các duyên không tranh chấp, biết âm thanh là giả, thường vào ba cõi, đủ tướng giải thoát, gần gũi phàm phu như gần gũi Thánh hiền, không chứng Niết-bàn thường vào sinh tử, hiện ánh sáng ở cõi ma, đoạn phiền não, biết mọi việc đúng sai. Xá-lợi-phất! Đó là tám mươi pháp không cùng tận của Đại Bồ-tát. Tám mươi pháp này bao hàm tất cả pháp Phật.

Lúc Bồ-tát Vô Tận Ý nêu giảng pháp này, có sáu mươi bảy trăm ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, năm trăm hai mươi ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh. Đại chúng dâng cúng vô số, hoa hương, lọng lên Phật và Bồ-tát Vô Tận Ý cùng kinh này. Trong hư không nhạc trời tự vang tiếng:

–Chư Phật Thế Tôn trải qua vô lượng kiếp tu tập đạo Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát Vô Tận Ý đã giảng nghĩa của kinh Đại Tập. Người nào nghe hiểu thọ trì pháp không cùng tận này là đã hành trì trọn vẹn pháp ấy.

Bấy giờ, Đức Phật trao y phú kiên *(tấm đắp lên vai)* cho Bồ-tát Vô Tận Ý, khen:

–Hay thay, hay thay! Bồ-tát đã giảng rộng về nghĩa pháp. Không chỉ mình ta mà chư Phật mười phương đều khen.

Bồ-tát Vô Tận Ý đưa hai tay nâng tấm y đặt lên đỉnh đầu mình, bạch Phật:

–Thế Tôn! Trời người nên xem y này hơn bảo

tháp vì y này là vật dùng của Như Lai.

Lúc ấy, có vô số y báu, lọng báu, phướn báu, cây hoa báu, tràng hoa báu từ mười phương tự nhiên bay đến, cúng dường Bồ-tát Vô Tận Ý, lại vang tiếng:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam, đã giảng về pháp môn không cùng tận! Lời ông giảng nói đúng như lời chư Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế Tôn! Các vật báu ấy từ đâu đến, sao lại vang tiếng ấy?

Phật nói:

–Lúc Bồ-tát Vô Tận Ý mới phát tâm Bồ-đề vô thượng, Bồ-tát đã giáo hóa chúng sinh và chúng sinh ấy đã thành Phật ở mười phương. Đó là sự biết ơn, đền ơn của chư Phật, nhằm khen ngợi công đức chân thật của Bồ-tát Vô Tận Ý và cúng dường kinh này.

Nghe vậy, Đại chúng càng tôn kính Bồ-tát Vô Tận Ý, tất cả đều nói:

–Hôm nay, chúng ta đạt công đức lớn nên được gặp, tôn kính Bồ-tát Vô Tận Ý, được nghe pháp môn không cùng tận. Những ai nghe tên của Bồ-tát đã được lợi ích, huống gì là thấy và lãnh hội pháp.

Nghe vậy, Đức Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Thiện nam học đạo Bồ-tát, suốt

một kiếp cúng dường chư Phật, học giới và oai nghi, đoạn khổ não nơi sinh tử của chúng sinh bằng sức nhẫn, siêng năng tu tập, tu định, thành tựu trí nhưng nếu không nghe kinh này thì chưa hành trì trọn vẹn sáu pháp Ba-la-mật. Xá-lợi-phất! Thiện nam, tín nữ nào nghe kinh này, tin hiểu, đọc tụng, tu hành đúng pháp sẽ hành hóa trọn vẹn các Ba-la-mật, sớm đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng. Vì sao? Xá-lợi-phất! Người thọ trì kinh này, giảng thuyết cho chúng sinh là trọn vẹn Thí ba-la-mật. Vì sao? Trong các cách bố thí, thí pháp là hơn hết, là hơn hết, với tâm kiên định Bồ-tát trì kinh này là trì giới nên trọn vẹn Giới ba-la-mật. Vì sao? Vì tất cả giới cấm Bồ-tát tu học đều nằm trong kinh này. Bồ-tát vui học kinh này, không bị chúng sinh tổn hại, siêng hành hạnh nhẫn, là trọn vẹn Nhẫn ba-la-mật. Siêng năng tu tập kinh điển bằng ba nghiệp là trọn vẹn Tinh tấn ba-la-mật. Chuyên tâm định ý phân biệt tướng pháp là trọn vẹn Thiền ba-la-mật. Đạt tứ từ kinh, không do nghe học người khác là trọn vẹn Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu tập kinh này dể dàng thành tựu các Ba-la-mật. Người thọ trì, đọc tụng, biên chép, tu tập theo kinh này sẽ hành trọn vẹn tất cả pháp Phật. Tánh của bốn đại có thể thay đổi, nhưng tâm Bồ-đề vô thượng của Bồ-tát không thể lay chuyển.

Xá-lợi-phất! Kinh này là pháp ấn không thoái chuyển của Bồ-đề, nên Bồ-tát dốc tâm cầu đạt. Thiện nam, tín nữ gần pháp ấn này là gần pháp Phật.

Lúc ấy, Tứ Thiên vương và quyến thuộc rời tòa ngồi, chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn! Tứ Thiên vương chúng con đã đạt dấu đạo. Thiện nam, tín nữ thọ trì kinh này, chúng con sẽ hết lòng bảo hộ, cung cấp mọi vật, tôn kính như Phật. Vì sao? Vì các thừa đều có đủ trong kinh này.

Đế Thích lại rời tòa, chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn! Con từng được nghe vô lượng, vô biên kinh điển nơi các Đức Phật, nhưng chưa được nghe kinh điển sâu xa này. Thế Tôn! Bất kỳ nơi nào có giảng kinh ấy, con và chư Thiên cõi trời Tam thập tam đều đến nghe học, gia hộ cho Pháp sư để Pháp sư dũng mãnh, tinh tấn, đủ biện tài giảng thuyết kinh cho đại chúng.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Kiều-thi-ca! Ủng hộ Pháp sư giảng kinh này là ông đã bảo hộ chánh pháp của chư Phật, bảo vệ tất cả chúng sinh.

Phạm Thiên vương chắp tay quỳ gối, bạch Phật:

–Thế Tôn! Nơi nào giảng thuyết kinh này, chúng con nguyện cùng chư Thiên bỏ pháp lạc

thiền định, đến nghe học. Lúc đến đó, con sẽ hiện bốn điềm lành: Ánh sáng vi diệu, hương thơm lạ, người thuyết pháp đạt biện tài và ý nguyện tự tại giảng thuyết, làm cho đại chúng phát tâm lành, vui thích nghe pháp. Khi bốn điều lành này xuất hiện Phạm thiên và quyến thuộc sẽ đến.

Ma vương Ba-tuần thứ sáu chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn! Kinh này đã làm cho thế lực của chúng con yếu kém. Vì sao? Vì Bồ-tát nghe, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết kinh này sẽ được thọ ký. Thế Tôn, Bồ-tát ở nơi nào giảng kinh đều được tôn kính như Phật. Nhờ oai lực của Bồ-tát Vô Tận Ý, tất cả phiền não ganh ghét công lao của con đều tiêu hết. Chúng con sẽ bảo hộ kinh này và người giảng pháp. Nơi nào có kinh này lưu truyền chúng con sẽ không gây tổn hại.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Từ nay, ông nên thọ trì, đọc tụng kinh này để chánh pháp được tồn tại ở đời.

Tôn giả A-nan rời tòa, trịch vai áo bên phải, quỳ gối, bạch Phật:

–Thế Tôn! Con nguyện vâng lời Phật, chỉ có điều là con không thể lưu truyền như các Bồ-tát.

Phật nói:

–Ông hãy an tâm, các Đại Bồ-tát ở hội này sẽ bảo hộ, lưu truyền kinh Đại Tập.

Nghe lời Phật, sáu mươi ức đại Bồ-tát hộ pháp

rời tòa, chắp tay, bạch Phật:

–Thế Tôn! Chúng con sẽ xin truyền bá kinh này khắp mười phương. Ở cõi Ta-bà, Đức Di-lặc sẽ bảo hộ kinh điển và người thọ trì pháp. Thế Tôn! Sau năm trăm năm kể từ khi Phật diệt độ, Bồ-tát nào nghe, học, thọ trì kinh này đều là nhờ vào thần lực của Bồ-tát Di-lặc.

Đức Phật khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Các thiện nam! Các ông không chỉ bảo hộ chánh pháp của ta, mà còn bảo hộ chánh pháp của chư Phật quá khứ.

Bồ-tát Vô Tận Ý lại bạch Phật:

–Thế Tôn! Trí tuệ của con còn thiếu sót nên chưa giảng hết nghĩa lý nơi kinh này. Con xin sám hối cùng Phật và các Bồ-tát.

Phật nói:

–Thiện nam! Bồ-tát đạt bốn Trí vô ngại, giảng thuyết kinh điển không sai lầm, hiểu rõ nghĩa lý chân thật của kinh nên mới giảng được kinh này.

Thiện nam! Ông đã đạt quả vị cao tột, thành tựu trí vô ngại, phân biệt, hiểu thấu kinh Đại thừa.

Thiện nam! Ông thành tựu vị này, ba nghiệp không còn lỗi lầm. Vì sao? Vì ba nghiệp của Bồ-tát được hành trì bằng trí tuệ.

Thiện nam! Vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật đã khen ngợi công đức của ông.

Vô Tận Ý! Ông đã sám hối trước chư Phật và

ta, nên không có lậu hoặc.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thế Tôn! Kinh này tên gì, nên phụng hành như thế nào.

Phật nói:

–A-nan! Kinh này tên là Những Điều Vô Tận Ý Nói Về Nghĩa Không Cùng Tận Của Chương Cú, hoặc còn gọi là Đại Tập. A-nan! Ông nên tin kính thọ trì kinh này. Vì sao? Vì khi thọ trì kinh này ông sẽ đạt trí nhớ gấp ngàn lần trước, nếu giảng thuyết cho người thì ông đã làm việc Phật.

Nghe lời Phật dạy, Bồ-tát Vô Tận Ý, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan, chư Thiên, các chúng Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, tất cả đại chúng đều vui vẻ, lạy Phật lui ra.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 31

Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam tạng Đàm-vô-sấm, người Thiên Trúc.

Phẩm 13: NHẬT MẬT

Phần 1: HỘ PHÁP

Sau khi, đã giảng pháp đến đoạn hơi thở ra vào thuộc phần Hư không mục cho vô số Bồ-tát và đại chúng, Đức Phật im lặng và an trụ ở cõi báo giữa hai cõi Dục, Sắc. Đại chúng đều nghĩ: Hôm nay Như Lai đã biết lòng mong muốn nghe pháp của chúng ta, nhất định Như Lai sẽ tuôn mưa pháp cam lồ.

Nghĩ vậy, đại chúng chắp tay cung kính chiêm ngưỡng Phật. Như người bệnh nặng tìm được thầy thuốc hay, kẻ tối mù thấy được ánh sáng, người bị chìm được vớt lên bờ, kẻ đói khổ tìm được nơi nương tựa, tất cả đại chúng cũng thế.

Khi ấy, Bồ-tát Liên Hoa Quang Công Đức Đại Phạm, người từng trồng vô lượng công đức lành nơi vô số chư Phật, tâm không thoái chuyển đối với pháp vô thượng Bồ-đề, thành tựu trọn vẹn từ

pháp duyên, rời khỏi chỗ ngồi, quỳ gối, cung kính, chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn! Tâm duyên theo đối tượng của tất cả chúng sinh thật không thể tính đếm, thật mau lẹ, không hình tướng, song tánh của chúng sinh lại thanh tịnh, không bị trở ngại trong sinh tử. Chúng sinh mong được biết sự thật, siêng năng tu tập bốn Tâm vô lượng, đạt tận trí. Thế Tôn! Nếu tánh của chúng sinh nơi ba cõi vốn tịnh, cớ sao lại tu tập trí tận đó. Ngưỡng mong Như Lai giảng rõ cho các Bồ-tát, giúp người thoái chuyển đạt pháp không thoái chuyển, diệt trừ mọi phiền não, đoạn vô lượng khổ. Xin Như Lai thương xót giảng pháp vượt biển sinh tử, chặt bỏ cây ái. Vì sao? Vì ái là gốc của mọi phiền não. Xin Như Lai thương xót nói rõ tội lỗi của ái, làm thanh tịnh sáu căn của chúng sinh, làm sáng tỏ pháp thanh tịnh.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Chúng sinh nào hành sáu pháp Ba-la-mật sẽ tự biết sự duyên hợp của tâm, không nghĩ đến thừa Thanh văn, tuy tu vô lượng hạnh nhưng không ngừng nghỉ, không kinh sợ khi rơi vào địa Thanh văn, Bích-chi-phật. Bồ-tát không tu tập bốn Tâm vô lượng sẽ thoái chuyển đạo Bồ-đề, không đạt sáu căn thanh tịnh, còn tham tiếc pháp, chỉ làm việc khác mà không tự độ, không đủ bảy Thánh tài, không thể độ thoát chúng sinh khỏi biển sinh tử. Hạnh đó là hạnh

Thanh văn, Bích-chi-phật. Trước hết ta diễn giảng về bốn Thánh đế, sau ta lại giảng về hạnh Bồ-tát.

Nghe Đức Phật dạy, đại chúng đều nghĩ:

-Như Lai sắp giảng pháp Thanh văn, không giảng pháp Đại thừa sao? Đâu phải là Như Lai không ưa thích chúng Bồ-tát nên làm như vậy. Như Lai lẽ đâu muốn đoạn dứt chủng tánh Tam bảo? Vì sao Như Lai không giảng pháp Đại thừa vi diệu để cho hàng trời người đạt lòng tin, người chưa phát khởi tâm Bồ-đề sẽ phát, người đã phát tâm thì tăng trưởng. Nếu Như Lai giảng pháp Đại thừa, chúng sinh đã có lòng tin sẽ phát tâm Bồ-đề, nhờ thế tu tập pháp Bất cộng, thành tựu trọn vẹn pháp Đà-la-ni.

Phật nói:

–Thiện nam! Thanh văn thừa chính là Đại thừa, Đại thừa chính là Thanh văn thừa. Hai thừa ấy không sai khác.

Các Bồ-tát các trụ ở Thập trụ thưa:

–Thế Tôn! Chúng con đã đạt pháp Nhẫn vô sinh, có thể hành mười tám pháp Bất cộng của Phật, hiểu rõ thừa Thanh văn và Đại thừa. Nhưng vô số chúng sinh trong chúng hội này không hiểu được Tiểu thừa, Đại thừa.

Các thiện nam! Các ông hãy tu thiền định không thoái chuyển.

Nghe vậy, các Bồ-tát liền nhập định. Từ thân

các Bồ-tát phóng ra ánh sáng, hoặc như ánh sáng của một ngọn đèn, hoặc như ánh sáng trên thân của Đế Thích, Phạm thiên, hoặc như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng của ba mặt trời, bốn mặt trời, tám, mười, trăm ngàn, hàng ức mặt trời. Ánh sáng ấy soi rọi cả cõi Ta-bà, làm cho thân tâm của vô số chúng sinh tịch tĩnh, chúng sinh ở ba đường ác thì thoát khổ, kẻ tà chấp đoạn tâm tà, diệt tham, sân, si, đói khát, sợ hãi. Chúng sinh ở thế giới Ta-bà đều cúng dường Tam bảo, tăng trưởng pháp lành. Ánh sáng ấy lại chiếu soi vô lượng hằng hà sa cõi nước ở mười phương khiến tất cả các Bồ-tát hành đạo Bồ-đề đều tập hợp về cõi báu này. Đến nơi các vị cúi lạy Phật, rồi lui ngồi một bên. Đức Phật bảo chúng Thanh văn. Các Tỳ-kheo có thấy những thần biến đó không? Thần thông ấy diệt trừ cảnh giới ma ác và các cõi sinh tử, bảo hộ chánh pháp, đi lại khắp các cõi Phật, phân biệt cảnh giới Thanh văn, Bích-chi-phật, vượt trên tất cả các thần thông khác. Thiện nam! Các Bồ-tát thị hiện đại thần thông là muốn làm tăng trưởng căn lành của chúng sinh, để chủng tánh Tam bảo không bị tuyệt dứt, người chưa tin thì tin, người đã tin thì tăng trưởng, làm cho chúng sinh an vui, nuôi lớn pháp Đại thừa, đạt Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Thiện nam! Nơi nào có các Bồ-tát như thế sống hành hóa nơi đó pháp Phật được tăng trưởng, được

tồn tại mãi, chúng sinh ở đó biết xây tháp, cúng dường chư tăng, cầu đạt thân không cùng tận, thân không khổ não. Hạnh cúng dường của chúng sinh có hai: Sinh thân: Cúng dường xây tháp, đúc tượng. Pháp thân: Cúng dường như biên chép, đọc tụng mười hai bộ kinh. Cúng dường như vậy là hơn hẳn việc cúng dường bằng bảy báu, hương, hoa, lọng, phướn, kỹ nhạc âm nhạc.

Thiện nam! Lúc đó, ta cũng thọ nhận bằng tâm. Nhờ vậy, chúng sinh đạt quả tam thừa, không thoái chuyển. Chúng sinh nào xây dựng tinh xá, nơi kinh hành, giảng đường Như Lai đều thọ nhận, hoặc cúng dường các vật dụng cho những đệ tử Phật, Như Lai cũng thọ nhận. Pháp sư nào lên tòa giảng pháp, Như Lai cũng đến nghe. Như Lai cũng thọ nhận việc cúng dường mọi vật của chúng sinh lên Pháp sư. Đó là cúng dường Pháp. Chúng sinh ấy có thể làm thanh tịnh thân tâm, trang nghiêm thân tâm, trang nghiêm đạo Bồ-đề vô thượng, đạt pháp lạc vi diệu, sẵn lòng ban cho mọi vật trong mọi lúc mọi nơi, và thọ nhận tất cả. Đó là thành tựu phước đức của hạnh bố thí. Người này không bao giờ bị đọa vào ba đường ác, toại ý nguyện, không thoái chuyển nơi ba thừa, đạt tài, pháp, cầu gì được nấy, được chư Phật mười phương bảo hộ, diệt cõi ma. Nếu kẻ phá giới nhận vật cúng dường Pháp sư của người có lòng tin dù là một chiếc lá,

một hoa, một trái thì vẫn mang tội lỗi lớn, hiện tại chịu bốn quả xấu: Tiếng xấu đồn xa, bạn bè xa lánh, bị bệnh nặng mà chết, lúc chết không được ăn uống, thấy mọi việc xấu, không nói được, tiểu tiện ngay trên giường bệnh. Sáu vật và các thứ vật báu của cải cúng dường không đến được chỗ chư tăng, hoặc bị lửa thiêu hoặc bị giặc cướp đời sau chịu bốn quả xấu: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nếu thọ thân người thì không có chân tay, nếu thọ thân quỷ đói thì vô lượng năm không nghe thấy một giọt nước, nếu thọ thân súc sinh thì thường phải ăn bùn đất. Nếu làm người thì sinh vào nơi không có Tam bảo, ở đời đủ năm thứ ô trược, đui mù, luôn mắt bệnh nặng, ăn uống, bỏ thân đó lại bị đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì thọ vật cúng của Pháp sư, Tỳ-kheo xấu ác này có thể hoại diệt Tam bảo, nên chịu quả báo xấu ác như thế.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Già-da Ca-diếp bạch Phật:

–Thế Tôn! Người như thế có được gọi là người không? Theo con nghĩ thì không phải là người. Vì sao? Vì người ấy thọ trì giới cấm để cầu lợi dưỡng nên không phải là người.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Ca-diếp! Thà chịu khổ địa ngục, quyết không nhận vật như vậy. Thiện nam! Thân người khó được, mà đã được, pháp Phật khó gặp mà đã gặp, giới cấm khó thọ mà đã

thọ, sao lại không hướng đến hạnh Phật, hạnh thanh tịnh, thật là làm việc ngu si, mất hết lợi ích. Kẻ ấy thọ giới là vì tham lợi dưỡng không phải vì cầu pháp. Những kẻ ngu si như thế, nhờ sự học rộng và thế lực của vua quan, thọ nhận các vật kiểu ấy càng chịu quả khổ của nghiệp ác.

Khi đó, vua Tần-bà-ta-la bạch Phật:

–Thế Tôn! Người xuất gia nhận vật và chịu quả như vậy, người tại gia nếu làm thế, tội sẽ ra sao?

Phật nói:

–Đại vương! Không nên hỏi việc đó.

–Thế Tôn! Con học hạnh Phật, không nhận vật như vậy nhưng con hỏi để các vua xấu ác đời sau biết rõ việc này.

–Đại vương! Nếu ta nói rõ về quả khổ của việc làm ấy, người thiếu lòng tin sẽ mắc tội lớn. Vì vậy ta không nói.

–Thế Tôn! Xin Như Lai thương xót giảng rõ cho các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Thủ-đà, Tỳ-xá những người có lòng tin, phụng trì pháp Phật, bảo vệ Pháp sư và tài vật, được biết.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Đại vương! Đời sau vua xấu ác chiếm đoạt vật dụng của Pháp sư thì đời hiện tại chịu hai mươi thứ quả xấu: Chư Thiên không bảo hộ, tiếng xấu đồn xa, bạn bè xa lánh, nhiều kẻ thù, tài vật bị hao tổn, tâm tán loạn, thân

không an ổn, không ngủ ngon, thường bị đói khát, thức ăn biến thành chất độc, dân không yêu kính, các nước láng giềng thường quấy nhiễu, quyến thuộc không làm theo lời, gian thần tiết lộ việc bí mật của triều đình, tài sản bị mất vì nước lửa, thường mắc bệnh nặng, không có thuốc chữa trị, không ăn được, không uống được, luôn nghĩ việc bất tịnh. Sau khi chết bị đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu khổ suốt một kiếp, tiếp đó thọ thân quỷ đói ở giữa đồng vắng, không có thức ăn uống, không đủ các căn, chịu khổ trong vô số năm. Hết nghiệp đó, thọ thân thú dữ trong biển, to lớn như khối thịt thường bị loài khác mổ ăn, rất đau đớn. Nếu được làm người sẽ sinh vào nơi chốn không có Phật thuộc đời đủ năm thứ uế trược, không có đủ tai mắt.

–Thế Tôn! Con thà chịu khổ nơi địa ngục, quyết không làm vua ác như thế.

–Đại vương! Nay Như Lai phó chúc pháp "Tài vật của Pháp sư ấy" cho ông. Là những vị vua có lòng tin. Vì sao? Vì Pháp sư là tạng báu của Pháp thân Phật.

–Thế Tôn! Nếu các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, bảo hộ tài pháp ấy sẽ được bao nhiêu công đức?

Phật nói:

–Người ấy vượt trên hết thảy hàng Thanh văn,

Duyên giác.

–Đại vương! Nếu người đoạt mắt, mũi chặt tay chân của vô số chúng sinh ở mười phương thì tội ấy có nhiều không?

Vua Tần-bà-ta-la im lặng không đáp.

Phật nói:

–Vì sao Đại vương không đáp?

–Thế Tôn! Nếu chỉ đoạt mắt, mũi chặt tay chân của một người, tội còn nặng huống chi là với vô số người.

–Đại vương! Đức Phật còn tại thế hay diệt độ, các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà nào lấy vật của Pháp sư thì tội báo lớn gấp trăm ngàn lần tội kia.

–Thế Tôn! Khó có được vị vua cai trị đúng pháp. Nếu không phóng túng thì bảo hộ pháp, nhưng nếu buông lung thì không thể hộ pháp. Thế Tôn! Nếu bảo hộ pháp sẽ được bao nhiêu công đức?

–Đại vương! Ví như có người ban cho mắt, mũi, tay chân cho tất cả chúng sinh như trên thì phước đức đạt được nhiều chăng?

-Thế Tôn! Nếu có thể ban mũi, tay chân cho một mạng người thì phước đức ấy hãy còn nhiều, huống gì là ban cho vô số người.

-Đại vương! Công đức hộ trì chánh pháp gấp

trăm ngàn lần công đức kia.

–Thế Tôn! Người lấy vật cúng dường của một Pháp sư có mắc tội không? Người bảo vệ một Pháp sư có được phước không?

–Đại vương! Phước tội của việc bảo vệ từ một Pháp sư đến năm vị, lấy vật dụng của một Pháp sư đến năm Pháp sư là như nhau. Đại vương! Trong một ngôi chùa hoặc mọi một xóm làng, một khu rừng có năm Pháp sư an trụ. Các Pháp sư đánh bảng tập hợp chư tăng bốn phương. Các khách tăng tập hợp, họ tuần tự cúng dường cung cấp mọi vật dụng, tâm không tham tiếc, từ đầu đêm, cuối đêm luôn đọc tụng kinh luận, chán ghét sinh tử, vui cầu Niết-bàn, không khen mình chê người, ít muốn biết đủ, khen ngợi tu tập, thích tịch tĩnh, tu niệm định, thương yêu chúng sinh. Đại vương! Như thế gọi là chúng Tăng an trụ đúng pháp; giữ giới, siêng năng thọ trì tạng pháp bí mật của Phật; đọc tụng biên chép phân biệt chỉ dạy đó gọi là chúng Tăng, thương yêu, đem lợi ích cho chúng sinh có thể thọ trì mười hai bộ kinh của Phật, giữ gìn các giới thanh tịnh, đủ công đức của Hiền thánh, biết hổ thẹn. Đại vương! Đó gọi chúng chúng Tăng có công đức lớn, là thầy của trời người, đem lợi lạc cho muôn loài, trừ hết khổ não của chúng sinh, giúp chúng sinh giải thoát. Đại vương! Chỉ năm vị ấy đã được gọi là chúng Tăng, huống gì là vô số. Đại vương! Nếu vô số chư Tăng

đều phá giới, riêng năm vị thanh tịnh đúng pháp, ai cúng dường họ sẽ được vô lượng phước đức không thể nêu bày, không thể tính kể. Vì sao? Vì đã bảo hộ pháp Phật, thương yêu chúng sinh, tâm bình đẳng, không thấy hai tướng.

Thế Tôn! Tỳ-kheo phá giới có được ở trong chúng, nhận vật cúng dường không?

Đại vương! Ví như có một người chịu tội nhưng chưa bị đuổi. Khi nhà vua mở hội thí cho tất cả hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, người ấy có được hưởng niềm vui không?

–Không, thưa Thế Tôn.

–Đại vương! Tỳ-kheo phá giới cũng vậy, tuy ở trong nhận vật thí nhưng không được vui. Vì sao? Vì phá giới nên không an trụ đúng pháp. Đại vương! Người ấy không được chư Phật mười phương bảo hộ, tuy được gọi là Tỳ-kheo, nhưng không thuộc chư Tăng. Vì sao? Vì đã đi vào cõi ma. Người giữ giới là đệ tử Phật. Kẻ phá giới là đệ tử ma. Người giữ giới là vượt thế gian. Kẻ phá giới là vào thế gian. Ta không cho phép kẻ phá giới nhận vật cúng dường dù là một hạt rau đay. Vì sao? Vì kẻ ấy xa rời pháp Như Lai.

–Thế Tôn! Thế nào là phá giới, làm sao nhận biết?

–Đại vương! Có trí sẽ biết. Đại vương! Kẻ không cung kính Tam bảo, không có lòng tin,

không biết hổ thẹn, không tôn kính sư trưởng, Hòa thượng và bạn cùng học, bẻ gãy phướn Phật, không tu phạm hạnh, tham lam nhiều, thích ở thế gian, không thanh tịnh bốn nghiệp của miệng, tham ăn uống, xa lìa pháp, thích bàn chuyện của thế gian. Đó là Tỳ-kheo phá giới ban đầu, chưa phải là phá tất cả giới. Người cất chứa nô tỳ, voi, ngựa, bò, dê tám vật bất tịnh là kẻ phá tất cả giới. Đó là cặn bã, là kẻ dối gạt, kẻ huyễn hoặc là giặc, kẻ say là Chiên-đà-la trong chúng Sa-môn. Tỳ-kheo đó không nên ở chung, không nên hòa hợp, không nên cùng Yết-ma. Vì là Tỳ-kheo làm mất sự nghiệp của mình, đọa nơi tham ác.

–Đại vương! Thà ở chung với Chiên-đà-la còn hơn là ở chung với Tỳ-kheo ấy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo ấy đã đốt cháy căn lành, đoạn tâm Từ bi và pháp lành trong ba đời, là đồ bỏ, tăng pháp sinh tử, là hạt giống ác của trời người. Vì sao? Vì tự dối mình, dối cả mọi người, tắt đèn giải thoát, bẻ gãy cờ pháp, làm khô biển pháp, hại người thuyết pháp, dối gạt tín thí, phá sự hòa hợp của Tăng chúng. Nếu Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà nào ủng hộ Tỳ-kheo ác này thì đã trồng hạt giống xấu ác của hàng trời người, tăng thêm ba đường ác. Đại vương! Nếu Tỳ-kheo ác mắng nhiếc những người sống đúng pháp thì các vua kính tin Tam bảo nên đuổi kẻ ác đi. Nếu đuổi, vua sẽ được phước đức. Nếu vua tin kính Tỳ-kheo an trụ đúng

pháp thì không nên gần gũi Tỳ-kheo ác. Tỳ-kheo an trụ đúng pháp, đủ trí tuệ nên đến hỏi nhà vua: Đại vương! Hôm nay có thọ trì pháp không? Nếu vua đáp: "Đại đức! Con có thể hộ trì pháp Phật đúng pháp", Tỳ-kheo nên im lặng. Nếu nhà vua tham ác, bảo: "Đại đức! Trong chùa có nhiều Tăng chúng, làm sao tôi có thể vì năm Tỳ-kheo mà đuổi nhiều người", Tỳ-kheo kia nên im lặng ra đi, đến nơi vắng vẻ.

Vua lại thưa:

–Thế Tôn! Nếu nhà vua xấu ác dung túng Tỳ-kheo ác thì trời đất đâu dung nạp nhà vua ấy. Từ đó về sau, trải vô lượng hằng hà sa kiếp, không thể thọ thân người. Đến lúc vô số chúng sinh được giải thoát, người này vẫn còn chịu báo, chưa đoạn nghiệp ba đường ác. Đại vương! Đời sau, các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà tin kính, bảo vệ Pháp sư, xây tháp, tạo tượng, cúng dường mọi vật cần dùng cho chúng Tăng, trừng trị Tỳ-kheo ác, vì hộ pháp nên có thể xả bỏ thân mạng thà ủng hộ một Tỳ-kheo an trụ đúng pháp, quyết không ủng hộ vô số Tỳ-kheo ác. Sau khi qua đời, những vị vua sẽ được sinh về cõi Phật, luôn được gặp Tam bảo, không bao lâu sẽ đạt quả Bồ-đề vô thượng.

Đại vương! Ta nay không cho phép đại chúng nhận các vật cần dùng.

Đại vương! Ta không cho phép bất cứ Tỳ-kheo

nào tích chứa tám vật bất tịnh, chỉ cho phép đại chúng nhận vật cần dùng. Đại vương! Người bảo hộ chánh pháp mới là Đàn-việt của chư Phật mười phương. Đại vương! Vật của chư tăng khó giữ, Như Lai cho phép hai hạng người trông coi: Tỳ-kheo A-la-hán đủ tám Giải thoát và người đã đạt quả Tu-đà-hoàn. Ngoài hai vị này ra, không ai được phép giữ vật của chúng Tăng.

M

Phần 2: BỒ-TÁT KHẮP NƠI TẬP HỢP (1)

Sau khi Đức Phật giảng pháp cho vua Tần-bà-ta-la, Bồ-tát Nhật Mật ở nước Vô lượng thuộc phương Đông, nơi Đức Phật Ngũ Công Đức đang giảng pháp vi diệu cho đại chúng, chí tâm nghe pháp. Bồ-tát chợt thấy trong hư không có vô lượng, vô biên Bồ-tát từ phương Đông đi về phương Tây, liền bạch Phật:

–Thế Tôn! Con thấy vô số Bồ-tát từ phương Đông đi về phương Tây. Vì sao họ lại bỏ cõi tịnh đi đến cõi uế?

-Thiện nam! Cách đây vô lượng hằng hà sa cõi Phật về phương Tây có cõi Ta-bà, là cõi đủ năm thứ ô trược, chúng sinh xấu ác, Đức Phật ở thế giới đó là Thích-ca Mâu-ni đang giảng pháp tam thừa, để tăng trưởng chánh pháp, để Tam bảo không

mất, phá trừ cõi ma, dựng cờ phướn pháp, để chánh pháp được trường tồn. Cõi ấy hiện có vô số Phật, Bồ-tát. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng pháp Đà-la-ni Bảo kế, sau đó, lại giảng về ba thừa, bốn Trí vô ngại, bốn Phạm hạnh, bốn Nhiếp pháp. Vô lượng chúng sinh nghe pháp tâm không mỏi mệt, vì vui thích pháp cam lồ. Nhờ sức thệ nguyện của Như Lai, nên vô lượng chư Phật Bồ-tát đều tập hợp về. Lúc Đức Phật thuyết pháp ấy, các Bồ-tát đều nhập định, thân phóng ra ánh như ánh sáng của một ngọn đèn cho đến như ánh sáng của hàng ức mặt trời. Thiện nam! Nếu muốn nghe pháp hãy xuất định, đến cõi Ta-bà.

Thiện nam! Chúng sinh nơi cõi ấy luôn bị trói buộc trong phiền não, thân tướng xấu xí, lại luôn kiêu mạn, nói lời xấu ác, không thật, ngu si lại tỏ ra là có trí, tham lam lại tỏ ra là hào phóng, dối trá lại tỏ ra là ngay thật, tán loạn lại hiện tướng thanh tịnh, luôn ganh ghét lại hiện tướng nhu thuận, thích ly gián người khác lại hiện tướng hòa hợp, sống trong tà kiến lại hiện ra tướng chánh kiến, hay nghe theo lời người nữ vì vậy đoạn mất căn lành, tăng trưởng nghiệp nơi ba đường ác.

Thiện nam! Ông có thể thay ta đến đó không? Ta muốn trao pháp "dục" để Đức Thích-ca giảng nói pháp mầu. "Dục": Tức là chân Đà-la-ni. Đà-la-ni này thành tựu vô lượng công đức, có thể đoạn

tham của cõi Dục, Sắc, Vô sắc, đoạn trừ các tâm kiêu mạn, năm cái (ngăn che), các thứ kiến chấp: ngã, chúng sinh, sĩ phu, thường, đoạn, làm, nhận, người, trời, sắc, thanh, hương, vị, xúc, bốn đại, xuất, sinh, diệt, trụ. Đà-la-ni này có thể thật biết về sắc thức, mắt ý, ấm giới nhập, pháp giới giải thoát, pháp lạc vi diệu. Thiện nam! Chúng sinh ở đó như kẻ mù, điếc, câm, luôn theo tham dục, nên phải trao "dục". Đà-la-ni này bao hàm tất cả các pháp, diệt quân ma, vào cõi ma điều phục quân ma, làm cho rồng ác kinh hoàng, khiến cho quỷ ác khởi tâm biết đủ, giáo hóa A-tu-la, điều phục chim cánh vàng, làm cho Khẩn-na-la sợ hãi, khiến các hàng Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà kính tin, đoạn tâm tham nữ sắc, thích nghe học pháp, làm cho người tu thiền được tịch tĩnh, chữa trị mọi bệnh hiểm ác, trừ các tướng ác: giặc, chim, thú, bão, mưa, lạnh, nóng. Thiện nam! Ai tụng Đà-la-ni này sẽ được gặp vô lượng chư Phật.

Thiện nam! Ông hãy đến đó tuyên đọc chú này cho bốn chúng. Đức Phật Ngũ Công Đức liền nói chú:

Bà di bà xà ba lợi bà linh, bà hê bà ha ba lợi bà linh, ti lợi si tì ti lợi si ba lợi bà linh, a tì a bà ba lợi bà linh, mẫn để mẫn xà ba lợi bà linh, ma linh ma la ba lợi bà linh, khư kỳ khước già ba lợi bà linh, a lộ sí a lộ ca ba lợi bà linh, đa dương, ma ba lợi bà linh, tư linh tư la ba lợi bà linh, già dương

già ma ba lợi bà linh, a bộ bà a bộ ba lợi bà linh, la ma, la ma, la dương, la ma, la la la la la la, ma tì tỏa nhược na, phục đa kỳ hê phục đa kỳ lực ma ba lợi bà linh, già thu kỳ lực hê già thu kỳ lực ma ba lợi bà linh, thâu lộ đa kỳ lực hê thâu lộ đa kỳ lực ma ba lợi bà linh, kỳ lãng na kỳ lực hê kỳ lãng na kỳ lực, ma ba lợi bà linh, thời huống kỳ lực hê thời huống kỳ lãng ma ba lợi bà linh, ca xà kỳ lực hê ca xà kỳ lực ma ba lợi bà linh, ma na kỳ lực ma na kỳ lực ma ba lợi bà linh, bát đà kỳ lực, hê bát đà kỳ lực ma ba lợi bà linh, tì đà na kỳ lực, hê trất nang kỳ lực ma, ba lợi bà linh, ưu ba đà kỳ lực hê, ưu ba đà kỳ lực ma ba lợi bà linh, bà bà kỳ lực hê, bà bà kỳ lực ma ba lợi bà linh, xà đề kỳ lực hê, xà đề kỳ lực ma ba lợi bà linh xà la ma na la kỳ lực hê, xà la ma na la kỳ lực, ma ba lợi bà linh, hàm khư tát đa ba kỳ lực hê, hàm khư tát đa ba kỳ lực, ma ba lợi bà linh a ba ba la truy xà kỳ lực hê, a la ba la truy xà kỳ lực ma ba lợi bà linh, a bạt đa, tỉ bạt đa tả, a bà la mâu ba ma tát tả tỉ già, tỉ ni bạt đa, a đà lợi giã lại dương, tán tỉ già phiến đề, ta ha.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Nhật Mật bạch Phật:

-Thế Tôn! Con sẽ đến đó để nói chú này, song con còn lo sợ. Vì sao? Vừa rồi Như Lai dạy: Chúng sinh cõi ấy độc ác như kẻ mù điếc câm bẩm sinh, thường nghe lời của người nữ. Thế Tôn! Người nghe theo lời của người nữ là mất hết căn

lành.

Phật nói:

-Thiện nam! Ông nay không nên vì lợi ích hiện tại, vị lai mà vì lợi ích của tất cả chúng sinh, hãy đến cõi ấy nói chú, chớ nghi ngờ. Thiện nam! Ông không phải là Trưởng giả Duy-ma-cật của cõi ấy, sao lại sợ? Nghe vậy, Bồ-tát Nhật Mật im lặng.

–Thiện nam! Vì sao lại im lặng?

–Thế Tôn! Duy-ma-cật chính là con. Con đã hiện làm cư sĩ ở cõi đó, giảng pháp cho mọi người. Có lúc con hiện làm Bà-la-môn, Sát-lợi, Thủ-đà, Tỳ-xá, có lúc con hiện làm Tự tại thiên, Đế Thích, Phạm thiên, Rồng chúa, A-tu-la vương, Ca-lâu-la vương, Khẩn-na-la vương, Bích-chi-phật, Thanh văn, Trưởng giả, người nữ, đồng nam, đồng nữ, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục để điều phục chúng sinh. Lúc đó, trong chúng hội có tám vạn Bồ-tát cùng lúc xuất nhập định, vô số Bồ-tát chuyên tâm buộc niệm đều mong được gặp, kính lễ Đức Thích-ca và nghe pháp vi diệu, nên đều đến cõi ấy. Con đã nói về việc trọng đại cho họ, vì tâm họ chưa định, nếu đến có thể khởi điên đảo, gần tri thức ác.

Đức Phật Ngũ Công Đức bảo:

–Thiện nam! Ông không nên lo sợ. Vì sao? Ta sẽ trao pháp Bất cộng cho các Bồ-tát và các hạnh vô tưởng, điều phục, giải thoát, phân biệt sinh tử,

không đoạn Tam bảo, đại Từ, đại Bi, giải thoát trí Nhất thiết, phá trừ bốn ma, tà luận, tận trí, vô sinh trí, viên mãn nhập Niết-bàn. Đó là Đà-la-ni Liên hoa. Đà-la-ni này làm cho các Bồ-tát không thích ba cõi, chứng giải thoát vô tướng, nhập giải thoát vô hành.

Thiện nam! Người nào tin kính chuyên tâm nghe thọ Đà-la-ni này sẽ đoạn trừ tất cả tham dục, phiền não, sau bảy lần thọ sinh, được sinh lên cõi trời, biết rõ kiếp số đời trước, tuy sống cõi Dục nhưng không nhiễm dục, thường thích xuất gia, được trời người cúng dường.

Thiện nam! Người nào chuyên tâm nghe chú này suốt bảy ngày, sẽ không bao giờ bị đọa vào chín đường ác.

Thiện nam! Chư Thiên nghe chú này thì xa lìa pháp dục, tu tập thiền định. Người nói chú này cho các hàng Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, người nghe được liền phát tâm xuất gia. Người nữ nào nghe, thọ trì, đọc tụng chú này sẽ chuyển thân nữ thành thân nam, không thoái chuyển tâm Bồ-đề vô thượng, cho đến khi đạt Niết-bàn, không bao giờ thọ thân nữ, trừ khi tự phát nguyện. Thiện nam! Người nào trì chú này thuốc, đem xoa lên mặt trống, khi đánh trống lên sẽ trừ hết tà luận, bệnh ác không hại được. Thiện nam! Đà-la-ni này thành tựu vô lượng phước đức như thế.

Đức Phật lại nói chú:

Tư đà ma đề, tỉ lộ ca ma đề, y ê sí mẫn lợi tỉ, lưu già tu lưu già, Phật đề tỉ Phật đề, ma ha Phật đề, ôn ma đề, ôn ma đa ba la đề tỉ đà ninh, la già bà la ca đà la ba lợi đề tỉ đà ninh, tần đậu tần đậu ma đề, chí trá chí trá ba la đề tỉ đà ninh, át sí chiến đà đậu, ha ha chí trí, ha đa ni dương, ha đa ca ma tỉ kỳ, tỉ ma đa Phật đề, ha đa xà kỳ li, ha đa tỉ tam ma kỳ li, ha đa tam mâu đà xà tì, ha đa tỉ ma đa la kỳ, ha đa hi hê, ha đa già tri, ha đa đạt ba la xà, ha đa bà hưu la xà, ha đa bà xà ma đề, ha đà lưu già ma đề, ha đa ô già lại dương, ha đa đà ma đề, ha đa tát ha ưu ba đà na, nhược nhược nhược, tỉ xà nhược nhược, bà la mạt lực già nhược nhược, y sa an đâu la già đậu xí, ta ha.

Phật nói:

–Thiện nam! Đà-la-ni Liên hoa có thể đoạn trừ bốn dòng sinh tử. Ông hãy thọ trì để đến cõi kia. Vì sao? Vì cõi Phật ấy có trăm ức quân ma luôn muốn tiêu diệt pháp lành của chúng sinh.

Thiện nam! Ông hãy đọc Đà-la-ni này. Vì như thế sẽ không bị ma ác xâm hại.

Nghe Đức Phật Bồ-tát Nhật Mật, vô số Bồ-tát, trời người đều bạch Phật:

–Thế Tôn! Trí tuệ của Phật là không thể nghĩ bàn. Chúng con xưa nay chưa từng nghe được Đà-la-ni ấy. Bấy giờ, do nghe chú ấy, nên có tám vạn

bốn ngàn người nữ ở cõi này ta chuyển thân nữ thành thân nam.

Đức Phật Ngũ Công Đức lại trao vòng hoa Chiêm-bà, bảo Bồ-tát Nhật Mật:

–Thiện nam! ông hãy đem vòng hoa này và chú kia đến cõi Ta-bà dâng cúng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Bồ-tát Nhật Mật im lặng lãnh thọ.

Lúc đó, tám vạn Bồ-tát bạch Phật:

–Thế Tôn! Chúng con cũng muốn đến cõi ấy.

Phật nói:

–Thiện nam! Hay thay, hay thay! Các ông hãy hiện thân Phạm thiên để đến thế giới đó.

Nghe lời Phật, các Bồ-tát đều làm theo. Đến nơi, họ rải hoa cúng dường Phật, cúi lạy Phật, đi quanh Đức Phật ba vòng, lui ngồi một bên. Đức Thích-ca vẫn đang giảng pháp cho vua Tần-bà-ta-la.

Lúc đó, cách hằng hà sa số cõi nước về phương Nam, có cõi Phật tên Ca-sa tràng. Chúng sinh cõi này cũng có đủ năm thứ uế trược. Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Sơn Vương, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng đủ mười tôn hiệu đang giảng pháp cho đại chúng. Bồ-tát Hương Tượng Vương của cõi này đang ở tại pháp hội nghe pháp nhìn lên hư không thấy vô số Bồ-tát từ phương Nam bay về phương Bắc, liền bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì sao có các Bồ-tát từ phương Nam

đi về phương Bắc.

Phật nói:

–Thiện nam! Cách đây hằng hà sa cõi Phật về phương bắc có cõi nước tên là Ta-bà, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang giảng pháp cho đại chúng để Tam bảo được trường tồn, pháp không bị đoạn, phá trừ cảnh giới ma, dựng cờ phướn. Vì thế chư Phật mười phương đều đến đó nói Đà-la-ni Bảo Tràng rồi trở về cõi mình. Đức Thích-ca Mâu-ni vẫn thuyết yếu pháp cho đại chúng, Thanh văn, Bồ-tát.

Thiện nam! Các ông có muốn đến đó nghe pháp không? Ta cũng muốn trao Đà-la-ni Đoạn nghiệp cho Đức Thích-ca Mâu-ni. Đà-la-ni này tùy thuận pháp "không", đoạn trừ mọi tham sắc, kiêu mạn đạt tận trí, vô sinh trí.

Đức Phật Sơn Vương liền nói chú:

Đậu mạc đề, đậu mạc đề, áo xoa đậu mạc đề, ba la bà bà đậu mạc đề, tát bà a ca xá đậu ma, a tỳ khư già, tỳ dương đa khư già, a tỳ xoa khư già, a bà mộ a khước già, a na nhược khước già, tỳ giã Phật đề khước già, bà lộ già khước già, thức xí khước già, đề di la khước già, ô số ma khước già, ô la khước già, a xoa khước già, xà bà ma na khước già, thấp ba khước già, xả bà tì nhược na khước già, già thu đà đâu khước già, xà bà ma na tỳ nhược na đà đâu khước già, ty lợi si tỉ đà đâu

khước già, xà bà tỳ nhược na đà đâu khước già, chiết tỏa lợi mật đâu ba na khước già, xà bà a tỳ đà ni ca khước già, đậu khư khước già, xà bà mạt lực khước già, tỳ bà ta na, a tỳ xoa bà, a bà na na, tỳ na na, bà mâu đà na, na tát bà ca la na, na tát bà tán đa na tỳ cụ ba na na, a kí chi na na, xoa bà, y lợi, mật lợi, y y lợi, y y lan di lợi, ta ha.

Đức Phật Sơn Vương bảo Bồ-tát Hương Tượng Vương:

–Thiện nam! Đó là Đà-la-ni Tùy không tam-muội. Đà-la-ni này có thể đoạn trừ hết tham các cõi Dục, Sắc, Vô sắc, và tất cả phiền não.

Thiện nam! Hãy chuyên tâm đọc tụng Đà-la-ni ấy, đến cõi Ta-bà giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Hương Tượng Vương thưa:

–Thế Tôn! Con đã lắng tâm thọ trì, định đến cõi Ta-bà nhưng còn ngại. Vì sao? Con từng nghe Phật nói: Chúng sinh cõi ấy xấu ác, nhiều tham, sân, si.

Phật nói:

–Thiện nam! Ông từng hóa hiện thành Bà-la-môn để giáo hóa chúng sinh, hoặc biến thành Ma-hê-thủ-la, Đế Thích, Na-la-diên, Quỷ, Trời, Rồng, A-tu-la, Chuyển luân vương, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, đại thần, trưởng giả, Thanh văn, nam nữ để giáo hóa. Cớ sao lại nói là lo sợ?

Thiện nam! Ta sẽ ban cho các ông tất cả trí tuệ

của hành pháp đại pháp, có thể biết được các hành của bốn ma, điều phục chúng sinh, làm an vui mọi loài, không đoạn Tam bảo, hàng phục rồng ác, trừ nghiệp ác, đại Từ, đại Bi phá ba đường ác cứu độ chúng sinh, phá ác kiến, trừ nghiệp nữ, biết các pháp không cùng tận, đoạn tham tiếc, đạt thần thông Tam-muội, đem lại an vui cho chúng sinh, đạt đạo Bồ-đề.

Thiện nam! Chúng sinh nghe pháp này sẽ đoạn được nhân của nghiệp ác, dứt ba chướng *(riêng tội ngũ nghịch, hủy báng kinh Đại phương đẳng là không thể đoạn).* Thiện nam! Người nào tin pháp này sẽ đạt pháp ba thừa, không xa Phật, Bồ-tát, A-la-hán nơi mười phương, luôn tịnh ba nghiệp, tùy thuận chúng sinh, xả bỏ tất cả kể cả đầu mắt, không bị ma ác hãm hại. Nếu hành Giới ba-la-mật sẽ đạt đầy đủ các giới: Nhẫn, được Thánh hiền yêu thích; bảo hộ; tịch tĩnh; điều phục Phạm thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương, Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà; không khen mình chê người; không tham lợi dưỡng thế gian; luôn an ổn; không bệnh khổ; đầy đủ thức uống ăn; được chúng sinh quý mến; mạng chung sẽ được gặp Phật, Bồ-tát; được Phật khen ngợi: Lành thay! Thiện nam! Khéo giữ gìn giới cấm, siêng năng không lười biếng, sẽ sinh về cõi Phật, an trụ pháp Thập trụ.

Nhờ thấy Phật, người ấy vui vẻ, sau khi chết

được sinh về cõi Phật, đạt vị Thập trụ, cho đến đạt được quả Bồ-đề vô thượng. Nếu hành hạnh Tinh tấn ba-la-mật người này sẽ đủ oai lực, thân tâm không bệnh. Nếu hành Bố thí ba-la-mật sẽ được các hàng trời rồng quỷ thần lễ bái cúng dường, sớm đạt quả Bồ-đề vô thượng. Nếu hành Nhẫn nhục ba-la-mật sẽ đạt pháp duyên nhẫn, không phân biệt chúng sinh, không sân giận khi bị chúng sinh oán hại, sớm đạt quả vị Bồ-đề vô thượng, được trời người cúng dường. Nếu hành Thiền ba-la-mật sẽ đạt pháp giải thoát duyên thiền định, được chư Phật bảo hộ, cho đến đạt quả Bồ-đề vô thượng, luôn được trời người cúng dường. Nếu hành Bát-nhã ba-la-mật, sẽ được chư Phật, Bồ-tát bảo hộ, thích nhàn tịnh, khéo điều phục tâm, thông đạt pháp giới, không nghi hoặc, không bị chúng trời người oán hại, đạt đạo Bồ-đề vô thượng, luôn được trời người cúng dường.

Thiện nam! Thọ trì Đà-la-ni này, ông sẽ không còn lo sợ khi qua thế giới Ta-bà. Thiện nam! Chúng sinh xấu ác, phạm tội ngũ nghịch, bị đuổi khỏi cõi tịnh, phần nhiều đều tập hợp về cõi Ta-bà. Với hạnh nguyện Đức Phật Thích-ca hiện thân ở đó. Thiện nam! Chúng sinh xấu ác của cõi ấy nghe pháp này sẽ tu tâm Từ bi suốt bảy năm, bỏ bốn lỗi của miệng, tu sáu niệm. Thiện nam! Người hành trì phải tắm sạch sẽ, mặc áo sạch, hướng về

phương Đông làm lễ, tụng pháp Đà-la-ni này, suốt trong bảy năm mọi thứ xấu ác đều được trừ diệt. Người nữ nào thực hành như vậy sẽ chuyển thành thân nam, cho đến đạt được quả Bồ-đề vô thượng.

Đức Phật liền nói chú:

Xá la na tì xà, thức xoa tì xà, mật đề tì xà, ba la ha na tì xà, luật đề tì xà, nhân đề lợi xà tì xà, bà la tì xà, bổ trừng già tì xà, tam ma đề tì xà, đà la ni tì xà, xoa đề tì xà, trường na tì xà, a lưu ba tì xà, a ni xà tì xà, mạt lực già tì xà, a bật nhược tì xa, ba la đề tán tỳ đà, tỳ xà, phục di tỳ xà, bật đà tỳ xà, ma ha dương la tì xà, ma ha già lưu na tì xà, ti lợi si tì tì xà, tát đỏa tì xà, đà ma tì xà, đa ma tì xà, a lộ ca tì xà, ba la đề bà tì xà, ba la đề thủ lục ca tì xà, già già na tì xà, ma lưu đa tì xà, thủ nhược tha tì xà, ba la đề đa tì xà, a ni mật đa tì xà, cụ sa tì xà, tân già na xà, a tì bà ta, a nậu na, a nậu na, a bà ha già già, già già la tì mâu, xoa xà tì mâu, a tam mâu đà già la tì mâu, xa đà tì tì mâu, a ca xá tì mâu, bổ ba xá ma tì mâu, a na bà ta tì mâu, a ha ha tì mâu, a la ba la tì mâu, hựu ba xá ma ta lợi la tì mâu, ta ha.

Bồ-tát Hương Tượng Vương bạch Phật:

–Thế Tôn! Con sẽ thọ trì đọc tụng Đà-la-ni này để đi đến cõi Ta-bà.

Vô số Bồ-tát cũng xuất định thưa:

–Thế Tôn! Chúng con cũng muốn đến thế giới

Ta-bà, lạy Phật Thích-ca, nghe học kinh Đại Tập.

Phập dạy:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Đã đến lúc, hãy cùng đi.

Thiện nam! Các vị có thể hóa làm Đế Thích để đến cõi kia. Nghe lời Phật, các Bồ-tát đều theo, đến nơi họ rải hoa cúng Phật, đó là các loại hoa Ngưu đầu chiên-đàn, hương Hung kiên tiên, Đa-ma-la-bạt, Trầm thủy, Đa-già-la, cung kính đảnh lễ Phật, đi quanh Phật ba vòng, lui ra ngồi một bên.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 32

Phẩm 13: NHẬT MẬT

Phần 2: BỒ-TÁT KHẮP NƠI TẬP HỢP (2)

Lúc ấy, cách bốn mươi hằng hà sa cõi Phật về phương Tây, có cõi nước tên Kiên tràng cũng gồm đủ năm thứ ô trược, Đức Phật nơi thế giới ấy hiệu Cao Quý Đức Vương là Đấng Như Lai, Ứng Cúng đủ mười tôn hiệu, hiện đang thuyết pháp cho đại chúng. Bồ-tát Quang Mật Công Đức nhìn lên hư không, thấy vô số Bồ-tát từ phương Tây đi về phương Đông, liền thưa Phật:

–Thế Tôn! Vì sao có vô số Bồ-tát từ phương Tây đi về phương Đông?

Phật nói:

–Thiện nam! Cách đây bốn mươi hằng hà sa cõi Phật về phương Đông có cõi Ta-bà là thế giới có đủ năm thứ ô trược, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang giảng pháp Đại Tập cho đại chúng phân biệt về ba thừa, để Tam bảo thường tồn, phá trừ

cảnh giới ma, dựng dựng ngọn cờ pháp. Chư Phật nơi mười phương đều về đó, giảng pháp Đà-la-ni Bảo Tràng, rồi trở lại cõi mình. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại giảng về bốn Trí vô ngại, hạnh thanh tịnh cho các chúng Bồ-tát, Thanh văn. Thiện nam! Ông có muốn đến cõi ấy không? Ta cũng muốn trao Đà-la-ni đoạn nghiệp và định vô nguyện. Đà-la-ni này thành tựu vô lượng công đức, đoạn trừ tham dục của ba cõi và tâm kiêu mạn, đạt trí tận và trí vô sinh, cho đến chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Đức Phật Cao Quý Đức Vương liền nói chú:

Xá na xá bà, ma xá na xá bà, a bà xoa xá, xoa thu xá bà, già thu xá bà, thâu lô đa xá bà, kỳ lãng na xá bà, thị huống bà, ca xà xá bà, ma na xá bà, xoa bà bật đà, già thu ti lợi si tì xoa bà, thâu lô đa a bà xoa bà, kỳ lãng na để kỳ xoa bà, thị huống bà do xoa bà, ca xà ca la ma xoa bà, ma na ô xà xoa bà, a lộ ca nhược xà xoa bà, tần xà tán ca la ma xoa bà, an cừu la khước già xoa bà, tam ma lưu ba tì xà xoa bà, xá ma ca xà xoa bà, xoa xà la bà xoa bà, phiến đa tì ta la xoa bà, na nô na, ni na nô na, a bà ni na nô na, na xà ba na di na nô na, y bàn đô đầu khư tả, sa ha.

Đức Phật nói:

–Thiện nam! Ông hãy thọ trì chú này rồi đến thế giới đó, trước hỏi thăm sức khỏe Đức Phật

Thích-ca Mâu-ni, sau nói chú.

Các Bồ-tát bạch Phật:

–Thế Tôn! Chúng con đã thọ trì Đà-la-ni này, định đến đó nhưng còn ngại. Vì sao? Con từng nghe Phật bảo chúng sinh cõi ấy xấu ác, nhiều tham, sân, si, thường nghe lời người nữ, dễ tạo nghiệp nơi ba đường ác.

Phật nói:

–Thiện nam! Ông há không từng làm chim cánh vàng trong hai mươi mốt ngày ở giữa hai cõi để khủng bố sáu vạn bốn ngàn rồng, nơi biển lớn làm cho chúng quy y Tam bảo, phát tâm Bồ-đề sao?

–Thế Tôn! Thật đúng như vậy.

–Thiện nam! Khi cõi nước đó bị hạn hán, ông đã chẳng từng làm rồng tuôn mưa suốt bảy ngày làm cho các rồng ác kinh sợ sao?

–Thế Tôn! Thật đúng như vậy.

–Thiện nam! Với rồng ác mà ông còn không sợ, sao bây giờ lại lo sợ?

–Thế Tôn! Ví như người trí nghe ở một nơi nào đó có các kho báu, liền đến lấy. Khi đã lấy được, người ấy vui vẻ, không còn thấy mệt mỏi. Con cũng vậy nhờ hỏi Như Lai, được nghe lời thật, được oai lực, có pháp ấn của Phật nên sẽ điều phục được cõi ấy.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Ta sẽ trao thần chú cho ông. Chú này có thể làm thanh tịnh các nghiệp, nhân duyên, dục, sự điều phục, sự tăng trưởng, bình đẳng, gió độc, hành, vô minh, sinh tử, phiền não, pháp hữu vi ba cõi, chấp trước kia đây.

Thiện nam! Nếu nghe được thần chú này, mọi kết sử đều diệt bớt, nghiệp của cõi Sắc, Vô sắc cũng giảm, vượt nghiệp trong hằng hà sa số kiếp, làm thanh tịnh nghiệp ác của thân, khẩu, ý. Thiện nam! Người nào nghe, đọc, thọ trì chú này suốt bảy ngày, sẽ tiêu diệt tất cả tội ác *(trừ tội ngũ nghịch)*, cầu gì được nấy, tu pháp nào thành tựu pháp nấy.

Thiện nam! Chúng sinh ở cõi Ta-bà không phải mà vô cớ chê bai chánh pháp. Vì sao? Những chúng sinh xấu ác bị đuổi khỏi các nước ở mười phương đều sinh về cõi ấy, vì thế chúng tạo năm tội ngũ nghịch, hủy báng kinh Đại thừa, Thánh hiền, phạm bốn giới trọng, bị đọa vào đường ác, chịu vô lượng khổ. Sau đó, không tu mười pháp lành nên lại sinh về thế giới Ta-bà. Người tu tập năm Căn sẽ không sinh về cõi ấy. Vì tạo nghiệp ác nên sinh về cõi ác, các căn không đủ, không có tâm niệm, thiếu mọi vật dụng, tuổi thọ ít, không an ổn, không đủ căn lành về phước đức trí tuệ, ít có việc tốt, không có tâm Từ, thích làm ác, chấp tà ác, đọc sách tà vạy, tìm bạn ác, thề độc, nhiều

bệnh khổ, thích tạo nghiệp ba đường ác, thờ phụng thần ác, bẩm tính xấu ác, ganh ghét nhiều lời, đầy những nghiệp ác, hủy báng Tam bảo.

Thiện nam! Nghe thần chú này các chúng sinh đó sẽ sám hối tội lỗi sinh tử, lánh xa ba đường ác, tu tập năm Căn, sáu pháp Ba-la-mật, phạm hạnh thanh tịnh, tăng tuổi thọ, đủ trí phước, pháp lành không tổn giảm, trọn vẹn mười pháp lành, bảo hộ Tam bảo, thích hành chánh pháp.

Thiện nam! Chúng sinh ở cõi Ta-bà nơi Đức Thích-ca hóa độ, nhờ có thần chú này sẽ thọ trì giới cấm, kính tin Tam bảo, học hỏi pháp vi diệu, đọc tụng biên chép, sẽ luôn vui vẻ, đoạn nghiệp ba đường ác. Chúng sinh nào bị tội nặng ở đời sau thì hiện tại chịu khổ, nhưng ít bị đau đầu, tuy mất mát tài sản quyến thuộc nhưng ít có tiếng xấu, ít bị đánh đập, mắng nhiếc.

Thiện nam! Thần chú này thành tựu trọn vẹn vô lượng công đức, trừ diệt nghiệp ác, đem lợi ích cho mọi loài, chuyển tâm ác của chúng sinh, làm cho chúng sinh đủ trí sáng, tâm niệm tịch tĩnh, được Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, Trời, Rồng, Quỷ, vua bảo hộ, lúc sắp chết được gặp vô số Phật, được nghe chư Phật khen: "Hay thay, hay thay! Thiện nam! Hãy sinh về cõi ta, ta giúp ông sớm đạt mười Địa". Nghe vậy, chúng sinh đó vui mừng, vững tin, được sinh về cõi tịnh, an trụ mười Địa, đạt quả Bồ-đề vô thượng.

Thiện nam! Ông hãy thọ trì đọc tụng thần chú này, đến thế giới Ta-bà trước nên hỏi thăm Đức Thích-ca Mâu-ni, sau mới nói chú này.

Đức Phật liền nói thần chú:

Khước già ba lợi xa đà, kiệt bà xoa tư, kiệt bà linh, bật đà ba la bà già sai, xoa bà du kỳ, ba la đề ha linh, xá ma na tư ca đề, tam ma dương già thọ tỉ, a xoa đà na mẫn, xoa bà bà kỳ, ni đà na xà tỉ, tam ma na xà tỉ, a đà xá xà xà tỉ, tỉ ba la bà xà tỉ, tư xoa xà tỉ, tư nhược xà bà xà tỉ, sa lợi la cừu ha xà tỉ, sa la cừu ha xà tỉ, xí bà na câu thí, bà đà na câu bạc, tư bà đà na đề, tỉ bà ba la mẫn, ưu ba ca la ma na đề, a na bà đa la kỳ, ba la đề ca la dương na, bà ca tha thí, bà lư giá na bà dương ca la tha đà linh, ca ma bà thí, a xá khước kỳ, na xà quân kỳ, bật đà bà ninh, cơ li na bà ninh, lưu già bà ninh, bà dương ma ca linh, xá lợi xà bà ninh, ma già xà tỉ, ha lợi câu na bà, na xà na mục xí, bà la xoa câu la, na xà na thọ linh, nhân đà la bà ta ninh, ô a, a bà a, a la bà a, bà la a bà la, bà dương già đậu khư ni đề la niết bàn hi, ta ha.

Đức Phật nói chú xong, vô số Bồ-tát đều thưa:

–Hay thay, hay thay! Chúng con cũng muốn đến thế giới đó.

Đức Phật nói:

–Đã đến lúc, các ông hãy biến thành Na-la-diên.

Các Bồ-tát vâng lời Phật dạy, cùng đến cõi Ta-bà. Đến nơi, họ tung rải cát vàng mịn cúng dường Phật Thích-ca, rồi bay xuống lạy Phật, đi quanh ba vòng, lui ngồi một bên.

Lúc ấy, cách tám vạn hằng hà sa cõi Phật về phương Bắc, có cõi nước tên Phổ hương thân cũng có đủ năm trược, Đức Phật cõi ấy hiệu Đức Hoa Mật là Đấng Như Lai, Ứng Cúng đủ mười tôn hiệu đang thuyết giảng pháp cho đại chúng. Bồ-tát Hư Không Mật đang nghe pháp, nhìn lên hư không thấy có vô số Bồ-tát từ phương Bắc bay về phương Nam, liền bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì sao có vô số Bồ-tát từ phương Bắc bay về phương Nam?

Phật nói:

–Thiện nam! Cách đây tám vạn hằng hà sa cõi Phật về phương Nam, có cõi nước Ta-bà cũng có đủ năm trược, Đức Phật Thích-ca cõi đó đang giảng pháp vi diệu, phân biệt ba thừa, dựng cờ pháp cho đại chúng. Chư Phật khắp mười phương đều đến nói Đà-la-ni Bảo tràng cho các Bồ-tát, rồi trở về nước mình. Đức Thích-ca vẫn đang giảng pháp bí mật sâu mầu cho các đại chúng. Nếu muốn nghe ông hãy đến cõi đó. Đức Thích-ca từng phát nguyện: "Bồ-tát mười phương đến nghe pháp của ta sẽ đạt được mười tám pháp Bất cộng; khi ta thành Phật, nguyện cõi nước mình đầy đủ

các vị thượng diệu, các Bồ-tát luôn có tâm niệm lớn, trọn vẹn giới tuệ, định như các cõi Phật khác. Lúc nhập định, thân phóng ra hào quang như ánh sáng một ngọn đèn hoặc như ánh sáng vô lượng mặt trời. Tất cả các Bồ-tát đều đến nghe pháp". Các Bồ-tát muốn đến cõi ấy đều xuất định. Họ đến để gặp Đức Phật Thích-ca, đại chúng, nghe pháp Đà-la-ni, thần thông.

Thiện nam! Chúng sinh nơi cõi Ta-bà thọ mạng ngắn, nhiều bệnh khổ, ít trí tuệ, căn lành, không sợ ba dường ác, tham chấp tài sản vật dụng, tâm nhiễm ô, thường ganh ghét, không hổ thẹn, thích làm mười điều ác. Sau khi chết, những loài chúng sinh ấy biến thành quỷ dữ, thường hút vị của cây trái lúa cỏ, chúng sinh ăn phải đều bị bệnh khổ, không có sức lực. Quỷ dữ ấy luôn rình rập cướp mạng sống của chúng sinh nên thọ mạng nơi cõi đó phần nhiều ngắn ngủi.

Thiện nam! Khi tu đạo Bồ-đề, ta từng phát nguyện: Nguyện vào đời sau ta cũng luôn siêng năng tu tập, cung kính cúng dường vô lượng Phật, nghe học chánh pháp. Ta nguyện bảo vệ những người mẹ và thai nhi. Các hàng Trời, Rồng, Quỷ, La-sát, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Cưu-bàn-trà, Lệ-lê-đa, Tỳ-xá-giá, Phú-đơn-na, Ca-đa phú-đơn-na, Thọ-đa-la, A-vệ-mạt-la, loài một chân cho đến loài bốn chân, quỷ ăn xác chết, thuốc độc trùng độc đều không thể hại các bà

mẹ thai nhi, cho đến khi đứa bé chào đời, lớn lên, ngủ nghỉ đều không bị hại, luôn hành trì mười điều lành, bố thí, giữ giới, sợ ba đường ác.

–Thế Tôn! Nhờ thần chú gì mà có thể làm được như vậy?

–Vô lượng chư Phật trao cho ta Đà-la-ni thanh tịnh. Nhờ thần lực đó trải qua vô số kiếp ta điều phục vô số chúng sinh, khuyên chúng sinh hành sáu pháp Ba-la-mật. Với những người nữ có mang, ta luôn khuyên dạy họ quy y Tam bảo để mẹ con không bị hại. Đứa bé sinh ra đủ tâm lành, trí tuệ, thân tướng xinh đẹp, luôn được chư thần bảo vệ, thích hành Từ, Bi, Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền định, gần gũi tri thức thiện, đủ trí tuệ, không khổ não, được chư Thiên cúng dường, chán ghét sinh tử, thích Niết-bàn, nếu phát tâm Bồ-đề sẽ đạt đạo quả vô thượng. Nếu thích đạo Bích-chi-phật sẽ được toại nguyện; nếu phát tâm Thanh văn sẽ đạt được thật nhẫn, xa lìa cõi ác, đi trên đường lành.

Thiện nam! Ta dùng vô số phương tiện để điều phục chúng sinh sớm thành tựu Bồ-đề vô thượng. Thiện nam! Chúng sinh mắt phải bệnh nặng thì dùng da sư tử để trì chú. Nếu không có da thì lấy thịt hoặc xương. Nếu không có thịt, xương thì lấy đất nơi sư tử tiểu tiện. Nếu không có đất ấy thì trì chú vào sợi dây rồi thắt gút, hoặc làm bùa cho người bệnh thì sẽ hết bệnh. Nếu cây không có trái

thì trì chú vào nước rồi lấy nước đó tưới cây, cây sẽ ra hoa kết trái. Nếu trời hạn hán thì trì chú vào tim rùa năm lần, đặt ở giữa dòng suối, trời sẽ mưa. Nếu trời lũ lụt, trì chú vào da mãng xà, đặt ở giữa dòng suối, lũ lụt sẽ hết; nếu trong cõi nước hiện những tướng ác như mưa gió dữ, sao, mặt trời, mặt trăng có tướng lạ thì nên tắm rửa sạch sẽ, uống bột sữa, trì chú suốt bảy ngày, tướng ác lạ sẽ mất.

Thiện nam! Người nghe chú này sẽ diệt bớt phiền não, nhập chánh định. Thiện nam! Ta dùng mọi cách điều phục chúng sinh, khiến chúng tu tập sáu pháp Ba-la-mật, đạt quả Bồ-đề vô thượng. Thiện nam! Đà-la-ni này đem lại lợi ích cho chúng sinh; diệt mọi bệnh khổ; bảo vệ mẹ con; giúp thai nhi biết ấm giới nhập, đoạn kết sử; hàng phục bốn ma; làm cho chư Thiên hoan hỷ, quỷ ác khởi tâm biết đủ, rồng ác lo sợ; trừ bỏ tà luận; làm cho bốn tộc họ vui vẻ, người nữ trừ tâm tham, bậc tài trí kiên định tâm niệm, người tu thiền được an định, trừ mọi tướng xấu ác trong nước; làm cho Tam bảo không đoạn mất, pháp giới được tăng trưởng, pháp Phật được lưu truyền rộng rãi; xua tan vô minh; đạt tận trí, Vô sinh trí.

Đức Phật lại nói chú:

Ma na xoa, a bà xoa, già la bà xoa, xà la xoa, ma ma na xoa, xoa bà xoa, ma đà xoa, na trà xoa, na trà la hưu, tỉ bà na sất, kiếp già na sát, a sất na sất, cứu na sất, ba lợi cứu bà na sất, na trà na sất,

phú lợi ca na sất, già phàm bà la na sất, kiếp cam bà la na sất, Phật ca la na sất, để bà lưu đà la na sất, tam ma la xà na sất, thi lợi câu bà na sất, kiêu đa sất, đa trà la bà, ma lưu đa kiếp bà, đề hưu xoa, bà đề la thù, tỏa ma na thù, bà ha na phú trí, tán đề la xà bà, a ma ma xà bà, ma hưu la già xà la, a niết na, a niết na la bà, a niết na xoa, a bà ha mạt lực già niết na xoa, y bàn đô đậu khư tả, ta ha.

Trừ hết khổ não là chú. Lúc nói chú này có sáu vạn ức người đạt nhẫn như pháp, sáu vạn người nhập chánh định tụ.

Thiện nam! Ta trao chú này cho Đức Phật Thích-ca, ông hãy thọ trì đọc tụng. Vâng lời Phật, Bồ-tát Hư Không Mật và vô số Bồ-tát biến thành Chuyển luân vương, đến cõi Ta-bà, dâng cúng các vật báu lên Phật, cúi lạy Phật, đi quanh chỗ Phật ba vòng, lui ra ngồi một bên.

M

Phần 3: PHÂN BIỆT NÓI VỀ DỤC

Thấy vô số Bồ-tát biến thành Phạm thiên, Đế Thích, Na-la-diên, Chuyển luân vương, vua Tần-bà-ta-la rời chỗ ngồi, cung kính, chắp tay đứng một bên. Bồ-tát Nhật Mật nói kệ khen ngợi Phật:

Là Bậc Tối Thắng trong các loài
Ban ánh sáng lớn cho kẻ ngu
Trao lại ấn pháp người hành đạo

Trừ diệt rồng ác và bốn ma.
Dựng phướn chánh pháp ban giải thoát
Đốt đuốc chánh pháp xua màn tối
Gần gũi bạn lành tu tập định
Thương yêu chúng sinh, giảng ruộng phước.
Rất khó gặp được Phật, Pháp, Tăng
Làm người tin kính cũng rất khó
Các bậc Thiện hữu rất khó gặp
Gặp được sẽ trừ mọi phiền não.
Chúng sinh ngu muội chìm sông ái
Như Lai dong thuyền cứu tất cả
Chư Phật bốn phương dạy tôi đến
Xin nói thần chú trước đại chúng.

Nói kệ xong, Bồ-tát Nhật Mật trình bày mọi việc như Đức Phật cõi Bồ-tát đã dạy.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đà-la-ni này là của chư Phật bốn phương trao, để tạo lợi ích cho chúng sinh cõi này.

Xá-lợi-phất! Ông hãy thọ trì, đọc tụng, biên chép pháp Đà-la-ni này, thuyết giảng cho bốn chúng.

Lúc ấy, Bồ-tát Hư Không Mật nói kệ khen ngợi Phật:

Như Lai chân thật, biết pháp giới
Chỉ dạy đường chánh cho mọi loài

Những ai phát khởi lòng kính tín
Diệt trừ khổ não ba đường ác.
Dâng cúng hương hoa lên Như Lai
Trải vô số kiếp hưởng an lạc
Các căn đều đủ thân xinh đẹp
Thành tựu chân trí tuệ, vô thượng,
Những ai nghe được Tổng trì này
Diệt trừ tất cả mọi phiền não
Được trời và người luôn cúng dường
Đạt được trí tận, trí vô sinh.

M

Phần 4: PHÂN BIỆT (1)

Bấy giờ, Đức Phật bảo bốn Bồ-tát:

–Các thiện nam! Nếu muốn ở cõi này, hãy tùy ý tu tập pháp lành.

Nghe Đức Phật dạy, bốn Bồ-tát và đại chúng tùy ý nhập định, thân phóng ra vô số ánh sáng, hoặc như ánh sáng một ngọn đèn, hoặc như ánh sáng của vô số mặt trời, mặt trăng. Thấy vậy, Đại đức A-nhã Kiều-trần-như nương nơi lực Phật, tự nghĩ: "Ta nên hỏi Như Lai, Như Lai sẽ phân tích rõ nghĩa của Đà-la-ni đó. Tiếng của Như Lai sẽ vang khắp cõi Ta-bà, làm cho chúng sinh nghe hiểu, trừ nghi, đạt trí sáng trong pháp, đạt giải thoát, không bị đọa vào đường ác, luôn làm việc lành." Nghĩ vậy, Đại đức đứng lên cung kính chắp

tay.

Đức Phật bảo:

–Kiều-trần-như! Ông không muốn hỏi về ý nghĩa lớn sao?

–Thế Tôn! Thật con muốn hỏi, xin Phật giảng cho.

Phật nói:

–Kiều-trần-như! Ông nay nên biết là đúng lúc, Như Lai sẽ phá trừ những lưới nghi.

Tôn giả Kiều-trần-như thưa:

–Như trong kinh Phật dạy hai pháp là ái và chúng sinh hành nơi sinh tử. Thế nào là ái, là chúng sinh hành nơi sinh tử?

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Kiều-trần-như! Khéo hỏi về pháp đem lợi ích cho vô lượng chúng sinh, thật đúng lúc, đúng pháp. Hãy lắng nghe! Như Lai sẽ giảng thuyết rõ.

Kiều-trần-như! Ái có ba: Ái của cõi Dục, Sắc, Vô sắc. Lại có ba: Hữu, đoạn, pháp ái. Kiều-trần-như! Ái của cõi Dục: Dục là phóng túng, gây nên tham xúc, xúc sinh lạc, lạc làm khô cạn thân tâm, làm theo mười điều ác, tạo khổ ba đường ác, nếu làm người sẽ chịu khổ nghèo đói. Do tham nên sinh vào năm đường, làm thân dê chịu nhiều khổ não, tuy chịu khổ nhưng không hối hận, không hổ thẹn. Nếu nhờ một nhân lành nào đó được làm

người thì nhiều tâm ái, thân khẩu không thanh tịnh, tạo vô số nghiệp ác cho đến năm tội nghịch, vì thế lại chịu khổ địa ngục. Tất cả mọi khổ não đều do tâm ái. Như Lai là bậc giải thoát khỏi tâm ái, nêu giảng chánh pháp, chê trách pháp dục. Nghe chê trách về dục, chúng sinh nên quán dục, dục như trái cây độc, như dao, như giặc, như Chiên-đà-la, như thỏi sắc nóng, như mưa đá, như gió bão, như rắn độc, như oan gia, La-sát, đồng trống, như kẻ giết hại. Người quán dục như thế tức diệt trừ tham ái thích cầu học pháp, siêng năng cầu pháp, nương tựa pháp. Lúc sắp chết, người này sẽ nhớ pháp, được nghe pháp độ sinh của chư Phật nơi mười phương, được vui vẻ, được thấy sắc thân Phật, sau khi chết được sinh về cõi Phật, không đọa ba đường ác, thường gần người lành, đầy đủ trí tuệ, bố thí, siêng năng tu tập Từ bi, điều phục chúng sinh, đoạn tập khí phiền não, đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm. Ví như bỏ y phục trong giỏ thơm, y phục tuy thơm nhưng giỏ hương không giảm mùi thơm.

Kiều-trần-như! Với nguyện lực lành, chúng sinh được sinh vào cõi tịnh, cùng làm việc lành với mọi người, chúng sinh ấy tự tăng trưởng pháp lành, nhưng pháp lành của mọi người không giảm.

Kiều-trần-như! Thiện nam, tín nữ nếu muốn tự lợi, lợi người thì nên gần gũi bạn lành.

Kiều-trần-như! Nếu người quán sát tướng của

tánh dục, tức sớm thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

–Thế Tôn! Thế nào là bạn lành?

–Kiều-trần-như! Bạn lành là chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Bạn lành cũng chính là ta. Vì sao? Ta luôn thương yêu tất cả chúng sinh, giảng tội lỗi của dục, vì thế đại chúng nên nghe lời ta. Lời của ta không hư dối, chân thật, đủ nghĩa, không thô ác, là lời Từ bi, an ổn chúng sinh. Ta sẽ nói rõ tội lỗi của dục, các ông hãy lắng lòng thọ trì. Nhờ thế sẽ thoát khỏi ba đường ác, sớm đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Nghe vậy, tất cả chúng sinh cõi Ta-bà đều thưa:

–Thế Tôn! Xin nói rõ tội lỗi của dục, chúng con sẽ chí tâm lãnh hội thọ trì.

Phật nói:

–Thiện nam! Có bốn loại dục: Sắc, hình, thiên, dục, sắc dục: Bốn đại tạo nên sắc, phàm phu không biết sắc đó là không ngã, không chúng sinh nên điên đảo chấp là nam là nữ, đẹp, xấu, đáng yêu, đáng ghét, khởi tham dục, tăng dục, xa lánh bạn lành và Thiện tri thức, không giữ ba nghiệp, tạo nên nghiệp ác. Vì sao? Vì không thể quán sát giải thoát dục, tăng trưởng ba đường ác, thọ khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Tất cả đều do tham dục. Người có trí quán sát nữ sắc, thấy rõ tướng cấu uế

của da thịt xương máu nên chuyên tâm tu tập. Như thân nữ, thân nam cũng vậy. Tất cả đều thế. Nhờ tu tập nên giải thoát khỏi tham ái, quán thân này là sự hòa hợp của xương thịt, tâm tùy thân hành, bấy giờ buộc tâm nơi trán, tâm ưa thích tu tập theo tướng ấy khiến thân tịch tĩnh, không thấy tướng ác, việc ác, duyên ác. Đó là Xa-ma-tha, là tâm tịch tĩnh. Thế nào là thân tịch tĩnh? Người này nhập định diệt hơi thở vào. Đã không có hơi thở vào làm sao có hơi thở ra? Đó là thân tâm tịch tĩnh, là nhân duyên của Xa-ma-tha. Người này lại quán sự tan rã của thân như cát bị gió thổi, không còn vật gì, quán như hư không. Đó là định đạt giải thoát.

–Thế Tôn! Tướng hư không là tướng hữu vi chăng?

–Kiều-trần-như! Là tướng hữu vi.

–Thế Tôn! Tướng hư không là hữu vi, vậy là tướng mình hay tướng người?

–Kiều-trần-như! Quán sát tất cả pháp giới và hữu vi giới là tướng mình. Vì sao? Nếu quán sát sắc tịch tĩnh tức thấy thân Phật. Vì sao? Người quán sát thân cốt như cát bị gió thổi sẽ trừ tâm tham sắc, quán sát thật tánh của sắc, thấy sắc như hư không. Tất cả sắc tướng của mười phương đều rỗng lặng như lưu ly, vì thế thấy rõ vô số Phật, thấy ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của

Như Lai. Mười phương đều thế. Nếu hối hận pháp sinh tử, người này tự nghĩ: Ta nên hỏi Phật hư không do ai làm nên, vì sao diệt. Lại nghĩ: Ta đã biết tánh hư không không do ai làm nên, làm sao diệt. Hư không không có giác quán, không vật, không tính đếm, không hình tướng nên không sinh diệt. Tất cả các pháp đều thế. Quán như vậy, người này sẽ đạt quả A-na-hàm, đoạn hết tâm tham dục, nhưng chưa đoạn năm pháp: Sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh. Người này nếu được thấy thân Như Lai, tự nghĩ: Ta nên nhận biết về số lượng. Thế rồi quán ít thấy ít, quán nhiều thấy nhiều. Lại nghĩ: Chư Phật từ đâu tới? Chư Phật không từ đâu tới, không đi về đâu. Tâm nơi ba cõi của ta từ thân, tùy sự giác quán muốn nhiều thấy nhiều, muốn ít thấy ít. Chư Phật Như Lai là tâm ta. Vì sao? Vì tùy tâm thấy, tâm tức là thân ta, ta tức là hư không. Nhờ giác quán ta thấy vô lượng Phật, nhờ tâm giác ta thấy Phật, biết Phật nhưng tâm không thấy biết về tâm ta quán tánh của pháp giới không bền chắc. Tất cả các pháp đều do giác quán mà sinh. Vì thế hết thảy tánh tướng hiện có đều là hư không: tánh hư không lại rỗng lặng. Người quán vô số nhân duyên của các pháp. Nếu cầu quả Thanh văn, người này sẽ đạt Tam-muội không tướng, diệt trừ hết vô minh, đạt tùy thuận không nhẫn. Nếu thấy hư không rỗng lặng người này sẽ đạt thân tâm tịch tĩnh, chứng giải thoát

không, sớm đạt quả A-la-hán. Nếu tiếp tục tu giải thoát diệt định, người này quán biết sự diệt quả của các pháp.

Lúc giảng pháp này, có chín vạn chín ngàn chúng sinh đạt Nhẫn tu định, tám vạn bốn ngàn chúng sinh đạt nhẫn tu không, sáu vạn chúng sinh đạt Tam-muội giải thoát không, hai vạn chúng sinh đạt Tam-muội thấy Phật, tám vạn bốn ngàn chúng sinh đạt quả A-la-hán, vô số chúng sinh đạt quả Tu-đà-hoàn. Phật nói:

–Kiều-trần-như! Tỳ-kheo nào quán thân bất tịnh nhưng không điều phục được tâm thì nên quán về xác chết như sắc xanh mục rã, sắc đỏ sình trướng, xương trắng như ngao sò, với sắc thân như thế tâm trụ vào đâu, quán cảnh bên ngoài như quán thân mình, quan sự đến đi, ngày đêm đều như thế. Quán cỏ cây, người vật đều như xương trắng nên không bao giờ khởi tâm tham. Song người này chỉ đoạn dục hiện tại, đời sau chưa hẳn đã đoạn được. Nếu đạt được Đà-la-ni không, người này quán sự tan rã thành cát bụi của thân, không còn thấy tướng mình người, đạt tướng hư không, thấy sắc xanh như lưu ly, cứ thế quán mọi sắc, đất, nước, gió, lửa đều như lưu ly. Người ấy lại quán thân tứ đại này, nếu muốn cử động thì cần có đôi chân bước di, cứ thế quán tướng động của đất nước, núi sông, cây cỏ. Quán từ nước tạo nên các loại hình sắc như các loại hoa Phân-đà-lợi, Ưu-bát, Câu-

vật-đầu, Ba-đầu-ma, rồi đi đứng nằm ngồi trong nước. Lại quán từ các núi tạo các hình sắc mềm mại như bông Đâu-la rồi đi đứng nằm ngồi trên đó, lại quán thân mình nhẹ như gió, đi đứng nằm ngồi trong hư không. Lại nhập Tam-muội Hỏa quang, thân phóng ra vô số ánh sáng, lại nhập định Diệm-ma-ca, thân trên phóng nước, thân dưới phóng lửa, biến hóa khôn lường. Lại nghĩ: Làm sao ta thấy được Phật. Lập tức người ấy nhìn về phương nào thì thấy Phật hiện ở phương đó, quán nhiều thấy nhiều, quán ít thấy ít. Lại nghĩ: Chư Phật Thế Tôn không từ đâu đến, không đi về đâu. Tâm ba cõi của ta có từ thân, tùy sự giác quán của ta, chư Phật Như Lai chính là thân ta. Vì sao? Vì tùy tâm thấy, tâm chính là thân ta, thân ta là hư không. Do giác quán ta thấy vô số Phật, từ tâm giác quán ta thấy biết Phật nhưng tâm không thấy biết tâm. Ta quán tánh của pháp giới không bền vững, tất cả các pháp đều có từ nhân giác quán. Vì thế tánh pháp là hư không. Tánh hư không rỗng lặng. Từ tâm này, ta thấy mọi hình sắc, mọi hình sắc đó như gió, không thật. Đó là Đà-la-ni như thật. Lại nghĩ: Hư không không thể nắm bắt, không thể giác quán, không thể nói. Như tâm ta không quán tướng hư không, lại quán tướng tâm, không xa lìa, không tạo tác, không phát khởi, khi các duyên diệt, tâm liền diệt. Người này làm thanh tịnh ba nghiệp, tu định, buộc tâm trong định diệt

tận. Sau khi xuất định, người này lại hủy tuổi thọ, nhập Niết-bàn. Đó là Đà-la-ni như thật khác với phàm phu. Thế nào là Đà-la-ni như thật không khác phàm phu? Người ấy tư duy: Ta tùy ý quán, sắc chính là đối tượng thấy, sắc chính là tâm ta, tâm ta là sắc, như ta xa lìa tướng sắc quán tướng hư không. Người này tu tướng hư không. Đó là Đà-la-ni không khác phàm phu. Người nào quán sắc tức là hư không, từ nhân duyên sắc ta quán hư không. Tánh của hư không không chướng ngại, là trụ xứ của gió. Gió có từ bốn đại. Sắc tướng của ta cũng vậy. Hư không, sắc, gió, chẳng sai khác. Tánh của tất cả các pháp vốn vắng lặng. Tánh của ta người cũng vậy. Hư không không sinh diệt. Quán như vậy, người này chuyên tâm niệm Phật, thấy vô số Phật trong hư không, đạt quả A-na-hàm. Đó là Đà-la-ni chân thật khác phàm phu. Lại nghĩ hư không là ta, là tâm ta, ta thanh tịnh, ta không hình sắc, hư không vô biên ta cũng vậy. Đó là Đà-la-ni chân thật không khác phàm phu. Người nào quán trong các pháp không có ngã, sở hữu của ngã, nơi trống không đó không có ta, không có sắc. Lại quán niệm Như Lai như ta, ta thấy Phật đạt quả Sa-môn, quả A-la-hán. Đó là Đà-la-ni chân thật khác phàm phu. Người đoạn hết phiền não, thanh tịnh tâm, tu tập tám Chánh đạo, đạt bốn quả Sa-môn. Đó là Đà-la-ni chân thật khác phàm phu. Lại quán tướng sắc là tướng phân

biệt, tướng sân, tướng sinh tử. Để đoạn sinh tử ta quán tướng rỗng lặng của tâm. Đó là Đà-la-ni chân thật không khác phàm phu. Lại quán ta tịch tĩnh, chưa đoạn giác quán, quán ngã như hư không, ngã là khổ, do nhân duyên sinh. Khổ là tập có thể đoạn khổ tập là diệt, quán khổ tập diệt là đạo, đạt bốn quả Sa-môn. Đó là Đà-la-ni chân thật khác phàm phu. Lại nghĩ, vì sao ta quán hư không, hư không là ta, lại quán thức như hư không, hư không vô biên, tâm ta cũng vậy. Đó là Đà-la-ni chân thật không khác phàm phu. Lại quán thức là khổ. Nhân khổ là tập, đoạn tập là diệt, quán khổ tập diệt là đạo, đạt bốn quả Sa-môn. Đó là Đà-la-ni chân thật khác phàm phu. Lại quán không xứ, thấy phiền não, bỏ quán không xứ, thức xứ, tu vô tưởng xứ, đạt định vô tưởng. Đó là Đà-la-ni chân thật không khác phàm phu. Lại quán tướng vô tưởng, vô tưởng là không có ngã và sở hữu của ngã, nhờ thế đạt bốn quả Sa-môn. Đó là Đà-la-ni chân thật khác phàm phu. Vượt quán vô tướng, quán phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Đó là Đà-la-ni chân thật không khác phàm phu. Quán phi tưởng phi phi tưởng xứ là khổ, đoạn được, giải thoát được, đạt bốn quả Sa-môn, đoạn tham của cõi Dục, Sắc, không còn phàm phu, thành Thánh hiền, đoạn nhân ba đường ác. Đó là Đà-la-ni chân thật không khác phàm phu. Chư Phật trao cho Bồ-tát Nhật Mật mang đến đây để đoạn kết sử phiền

não và mọi kiến chấp, hiểu rõ ấm giới nhập, làm cho người thọ trì được pháp lạc, diệt bốn ma, điều phục rồng ác, chư Thiên vui mừng, diệt A-tu-la, điều phục Ca-lâu-la, làm vui lòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, trừ dục ác, thích pháp lạc thiền định, trừ mọi bệnh khổ, ngừa tranh chấp, tăng trưởng pháp giới, bảo vệ Tam bảo, đạt tận trí và vô sinh trí, diệt vô minh. Lúc Phật giảng pháp này, có vô lượng chúng sinh đạt quả Tu-đà-hoàn, vô số chúng sinh đạt quả A-la-hán, vô lượng chúng sinh đạt Đà-la-ni này, vô số chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô số chúng sinh đạt pháp Nhẫn vô sinh.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 33

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Na-liên-đề Da-xá, người Thiên Trúc.

Phẩm 13: NHẬTT MẬT

Phần 4: PHÂN BIỆT (2)

Bấy giờ, Tôn giả Kiều-trần-như bạch Phật:

–Thế Tôn! Thế nào là Đà-la-ni Liên hoa? Theo Bồ-tát Nhật Mật nói, người trí thọ trì đọc tụng biên chép Đà-la-ni đó sẽ được lợi ích lớn, không thích ba cõi, đạt giải thoát vô tướng, đoạn trừ phiền não, còn bảy lần thọ thân nơi cõi người, trời, tuy ở cõi Dục nhưng không bị ô nhiễm, được trời người cung kính.

Phật nói:

–Kiều-trần-như! Đà-la-ni Liên hoa ngoài tầm hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác. Đà-la-ni này là hạnh mười tám pháp Bất cộng. Kiều-trần-như! Dù trải qua vô số kiếp để giảng giải, ta vẫn không thể nói hết, còn làm cho người nghe mê hoặc. Đà-la-ni này chỉ Phật giảng, nghe. Vì sao? Vì Đà-la-ni này khó biết khó hiểu. Ba Đà-la-ni kia cũng vậy.

–Thế Tôn! Xin giảng về Đà-la-ni như không không hành.

–Kiều-trần-như! Hãy lắng nghe Như Lai sẽ giảng.

Kiều-trần-như! Chúng sinh vì buông lung nên khởi tâm tham tiếp xúc, không biết giải thoát, vô số kiếp trôi lăn trong sinh tử, chịu khổ não trong ba đường ác. Bồ-tát thấy vậy, khởi tâm thương xót, siêng năng tu tập đạo pháp, thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, giảng về khổ, giải thoát khổ. Nhờ nghe pháp chúng sinh thoát khổ. Giải thoát khổ: Đạt bốn quả Sa-môn.

Kiều-trần-như! Xúc dục: Hai thân giao hợp. Vì giao hợp nên tiếp xúc. Có tiếp xúc có hoan lạc, dẫn đến khổ, và từ đó có khổ của sinh tử. Kiều-trần-như! Như bốn con rắn độc dùng bốn cách hại chúng sinh: Thấy, cắn phun khí độc, chạm. Dục cũng vậy, có bốn duyên: Thấy, nghe, nghĩ, tiếp xúc. Vì bốn duyên đó làm cho chúng sinh xa lìa tất cả pháp lành, chịu khổ trong sinh tử. Kiều-trần-như! Giải thoát xúc dục: Tỳ-kheo quán xương trắng, tự nghĩ: Sắc do bốn đại tạo nên, thuộc tánh vô thường, không bền, khi tan rã chỉ còn là da thịt máu xương, người trí làm sao lại yêu thích thân đó. Nhờ thế, Tỳ-kheo làm thanh tịnh hình sắc, hiểu rõ tướng nhàm chán. Lại nghĩ: Từ sắc tướng này ta siêng tu tập sẽ đoạn trừ mọi phiền não sinh, già, bệnh, chết. Đó là Xa-ma-tha. Nếu quán xương từ

thân đến đầu là Tỳ-bà-xá-na. Đã đạt được Tỳ-bà-xá-na và Xa-ma-tha, Tỳ-kheo quán hơi thở ra vào. Quán hơi thở ra từ đâu đến và đi về đâu. Nhờ quán như vậy nên không chấp tướng thân, thấy tướng không đối với thân (tức là nội không), không thấy sắc tướng bên ngoài (tức là ngoại không). Lại nghĩ: Nhờ quán hơi thở, ta không còn thấy tướng trong ngoài, biết các pháp không đến đi, trừ mọi giác quan. Lại quán thức, biết nhân duyên của giác quán, xa lìa hành của tâm ý thức. Vì sao? Có sinh ắt có diệt. Tỳ-kheo quán như vậy nên đạt bốn quả Sa-môn, hoặc đạt nhẫn như pháp, hoặc đạt Bồ-đề. Quán giác quán là tướng diệt sẽ đạt Diệt định. Đó là Đà-la-ni như không khác phàm phu. Đà-la-ni này thành tựu vô lượng công đức, đoạn trừ vô lượng khổ.

Lúc Phật giảng pháp này, có chín vạn hai ngàn chúng sinh đạt quả Tu-đà-hoàn, sáu vạn chúng sinh đạt quả A-la-hán, chín vạn chín ngàn chúng sinh đạt Đà-la-ni này, tám vạn chúng sinh đạt quả Bích-chi-phật, tám ngàn ức chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô lượng chúng sinh đạt tâm không thoái chuyển.

Kiều-trần-như lại bạch Phật:

–Thế Tôn! Xin Phật giảng thuyết Đà-la-ni vô nguyện của Đức Phật Cao Quý Đức Vương.

Phật nói:

–Kiều-trần-như hãy lắng nghe, ta sẽ thuyết giảng.

Kiều-trần-như! Chúng sinh vì tham dục kết hợp với trói buộc không biết giải thoát nên tu tập quán giải thoát vô nguyện. Tự nghĩ: tất cả các dục của ba cõi đều do các hành, giác quán sinh khởi, các hành không có người tạo, nhận có từ gió. Hành nghiệp nơi thân khẩu của ta cũng vậy, từ gió có sự phát triển của thân, khẩu. Gió chính là hơi thở ra vào, xét kỹ toàn thân đều do gió sinh là vật cấu uế, xác chết, xác thân không còn hơi thở ra vào. Hành nghiệp của thân khẩu là do gió, nếu không có gió thì không có nghiệp thân khẩu. Quán như vậy chúng sinh đạt Tam-muội không, siêng năng tu tập đoạn hết tham dục, đạt bốn quả Sa-môn, phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Nghe vậy, Bồ-tát Thiện Ý Giác Quán bạch Phật:

–Thế Tôn! Thanh văn quán tướng bất tịnh gồm những tướng gì?

Thiện nam! Vì trừ tham dục nên tu quán bất tịnh, buộc tâm ở giữa chân mày, quán xương của thân mình (tướng một); quán thân mình thân người (tướng hai); quán tất cả đều là bất định (tướng ba); quán khổ tập đều hết, tức là Xa ma tha, đạt tướng pháp noãn; quán xương trắng đạt trí như ngọn đèn, quán bốn hạnh của thân cho đến vô số

hạnh, đạt pháp đỉnh, quán bốn chân đế. Đó là quán bất tịnh của Thanh văn, thành tựu định, Xa-ma-tha; quán tướng xương trắng, đạt tám Chánh đạo, chứng đắc bốn quả Sa-môn.

Thiện nam! Hàng Thanh văn ở cõi Phật Quang Minh quán pháp ấy nên đạt quả đạo.

Lúc giảng pháp này, có vô số chúng sinh đạt Như pháp nhẫn, vô lượng chúng sinh đạt Như thật nhẫn.

Đức Phật lại nói:

–Kiều-trần-như! Nếu từ một niệm chứng đạt bốn Chân đế, Như Lai sẽ giảng một hạnh một pháp một việc cho tất cả chúng sinh. Nếu một người có thể chứng đạt thì tất cả chúng sinh đều chứng. Vì sao? Vì phiền não giống nhau, không thể có sự khác biệt trong tám vạn pháp đó. Vì thế, Kiều-trần-như nên dùng mọi cách để điều phục chúng sinh không phải là một. Kiều-trần-như! Tất cả chúng sinh không phải là một thừa, một hạnh, một tâm tham, một niệm, một dục, một giải, một tín. Vì thế Như Lai giảng vô số pháp môn, do Như Lai đã đạt trọn vẹn mười Lực. Kiều-trần-như! Tất cả chúng sinh đều đủ tướng phiền não. Để làm thanh tịnh phiền não, Như Lai giảng nói vô tướng, vô thường, khổ, vô ngã, phình trương, rã thối, hư hoại, tan biến.

–Thế Tôn! Vì sao thế gian không vui, bất tịnh?

Phật nói:

–Kiều-trần-như không nên hỏi việc đó. Vì sao? Vì sự đạt đạo của các cõi khác nhau. Nếu ta nói rõ chúng sinh sẽ bị mê hoặc.

Thế Tôn! Xin thương xót các Bồ-tát đủ sức tin hiểu mà giảng giải cho. Thế Tôn! Nếu nghe được hai tướng đó chúng sinh sẽ gieo hạt giống lành, nuôi lớn căn lành, trừ vô minh. Thế Tôn! Chúng sinh vì si, ái, tham sinh tử nên mãi chịu luân hồi. Thế Tôn! Chúng sinh vì ăn mà tăng lòng tham dục, chúng sinh chưa từng nghe hai tướng đó nên trôi lăn trong năm đường, chịu nhiều khổ não. Như Lai là Đấng Đại Từ Bi, thương yêu chúng sinh, suốt vô số kiếp luôn nghĩ đến muôn loài. Kính xin Như Lai giảng rõ về tưởng không vui và thức ăn bất tịnh. Nhờ nghe Phật dạy, chúng sinh lìa bỏ tham dục, không tham ăn. Thế Tôn! Chúng sinh nào biết chê trách tâm tham dục, tham ăn sẽ nhanh đạt giải thoát.

Phật nói:

–Kiều-trần-như! Hãy lắng lòng nghe, ta sẽ giảng rõ. Kiều-trần-như! Thế gian có hai: Chúng sinh và khí. Thế gian của chúng sinh: Chúng sinh trong năm đường. Khí thế gian: Hai mươi xứ nơi cõi Dục, mười sáu xứ nơi cõi Sắc, bốn xứ nơi cõi Vô sắc. Hai mươi xứ nơi cõi Dục: Tám địa ngục lớn. Mỗi địa ngục có mười sáu lớp vây quanh.

Tám địa ngục: Đẳng hoặc, Hắc thằng, Chúng hợp, Khiếu hoán, Đại hoán, Nhiệt, Đại nhiệt, A-tỳ. Chúng sinh tạo ba nghiệp ác sẽ bị đọa vào địa ngục đó, chịu nhiều khổ não. Lúc ấy, dù thấy sắc đẹp, chúng sinh vẫn không ưa thích, nên càng đau khổ. Với thanh, hương, vị, xúc cũng vậy. Người trí quán việc đó, không ham thích. Kiều-trần-như! Lại quán loài vật, thân nhỏ bé, thân to lớn, một do-tuần, trăm ngàn vạn do-tuần, có loài sống khoảng từ một đến bảy niệm, có loài sống từ một kiếp đến ngàn vạn kiếp, loài vật không hành pháp, không có trí tuệ, không biết xấu hổ, không biết thương yêu, chịu nhiều khổ não, lo sợ, giết hại lẫn nhau, không tạo nghiệp lành, tạo nghiệp tà vạy ngu si. Vì thế, người trí tu quán tưởng không vui.

Kiều-trần-như! Lại quán loài quỷ đói, có loài dài bằng một thước, loài lớn như người, loài to bằng núi Tuyết, dài cả trăm do-tuần, chúng sinh ấy phải chịu đói khát, thân không y phục, không xấu hổ, gầy gò, khô cằn, không máu thịt, luôn độc ác, không biết thương yêu, không được uống nước thường, mà ăn uống toàn là sắt nóng, trái nóng, cỏ nóng, chịu gió nóng bức thân, ngàn vạn kiếp luôn chịu khổ não ấy. Vì thế người trí tu quán không vui.

Kiều-trần-như! Lại quán thân người chịu đủ khổ não: Sinh, già, bệnh, chết, yêu thương phải biệt ly, oán ghét phải gặp nhau, cầu mong không

được toại nguyện, đói khát khốn cùng, tham, sân, si, ganh ghét lạnh, nóng, gặp thú dữ, vua dữ. Vì thế người trí tu quán không vui.

Kiều-trần-như! Lại quán về tướng không vui của chư Thiên nơi cõi Dục. Chúng sinh ở sáu xứ ấy đều luôn bị thiêu đốt trong ái dục, chịu quả báo khác nhau nên khổ. Các khổ: Vô thường, chấp, đoạn tận, xa lìa người thương xót. Vì thế người trí tu quán không vui.

Lại quán về mười sáu xứ trong cõi Sắc, ở đó tu thiền định thế gian còn lậu hoặc, không tịch tĩnh, còn tham muốn, còn hơn thua, ít pháp lành, chưa giải thoát, không đoạn hết nhân của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nên còn khổ não. Vì thế người trí tu quán không vui.

Lại quán chúng sinh ở cõi Sắc tu định vô lậu nhưng không thể hành đầy đủ tám Chánh đạo, còn mong trọn vẹn lại không có phương tiện, thời cơ khi đạt địa vô học, nhưng không tự tại, chưa đạt Tam-muội của bậc Duyên giác, Như Lai, không quán cảnh giới của chúng sinh nên còn đau khổ. Chúng sinh cõi Sắc nếu nhập Niết-bàn sẽ còn chịu khổ như vậy. Vì thế người trí tu quán không vui.

Lại quán về cõi Vô sắc, chúng sinh tu tập Tam-muội hữu lậu, chưa đạt tại trong hữu học, không chứng chánh pháp của Thanh văn, chưa đoạn hết các thọ, sau khi bỏ thân lại chấp tà,

không đoạn hết ba nhân đường ác nên còn đau khổ. Vì thế người trí tu quán không vui.

Kiều-trần-như! Thế gian là hành. Hành có ba: Thân, miệng, ý. Hành của thân là hơi thở ra vào. Hành của miệng là giác quán. Hành của ý là tưởng thọ. Tướng của ba loại hành này là một. Người trí làm sao phân biệt? Quán hơi thở ra vào lạnh nóng trên toàn thân, biết hơi thở trước không nay có, nên là vô thường, không bền, như ánh chớp, như hình vẽ trong nước. Lại quán nhân duyên của tướng ấy là giác quán. Tánh giác của quán vốn không nay có nên là vô thường, là pháp có thể đoạn được, giải thoát được. Lại quán tướng giác quán có từ tâm, tâm vốn không nay có, là vô thường, có thể hủy hoại, không nương tựa, không có ngã, sở hữu ngã. Do vậy Bồ-tát thấy hối hận về các hành, tu quán không vui. Tỳ-kheo các ông nếu quán kỹ về các hành sẽ vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não, thanh tịnh chánh kiến, đoạn pháp sinh tử, thành tựu chánh đạo, đạt bốn quả Sa-môn. Kiều-trần-như! Người trí quán các hành như thế, tu tập tưởng không vui.

Kiều-trần-như! Tỳ-kheo quán về y phục như thế nào? Quán khi cắt, may, mặc, cởi y phục như máu xoa lên da hôi thối, côn trùng bu bám, như thế sẽ đoạn tâm tham y phục. Vì vậy, người trí tu quán không vui. Kiều-trần-như! Về thức ăn Tỳ-kheo cũng quán như thế, khi ăn Tỳ-kheo thấy như

côn trùng ăn xác chết. Quán: Bột như xương nghiền nát, các thứ nước ăn chấm như nước bẩn, bánh như da người, tích trượng như xương người, sữa bơ như máu đặc, rau như lông tóc, các loại nước uống như máu tươi, như vậy Tỳ-kheo sẽ không khởi tâm tham ăn. Về phòng nhà, khi vào phòng nhà, Tỳ-kheo quán như vào địa ngục chịu khổ. Nhà cửa ấy là sự kết hợp của các thứ: Gỗ như xương người, đất như thịt người, giường nệm chăn gối đều như thế. Quán như vậy nên biết thế gian không vui, đạt pháp nhẫn như thật hoặc nhẫn Không, Vô tướng, Vô nguyện. Nếu quán không sẽ thấy tất cả các pháp đều ở trong sự sinh diệt, khổ, không, vô ngã. Quán ấm, nhập, giới mười hai nhân duyên, biết tánh của pháp là khổ, không, không ngã, đạt bốn quả Sa-môn.

Kiều-trần-như! Quán thế gian không vui là đoạn dục ba và các phiền não khác, đạt quả vị vô học, đạt Đà-la-ni Vô nguyện. Kiều-trần-như! Đà-la-ni này phá trừ tất cả ma ác, làm tăng trưởng Tam bảo.

Lúc Phật giảng pháp này, có vô số chúng sinh đạt pháp nhẫn tịnh, vô số chúng sinh đoạn hết lậu hoặc, tám na-do-tha chúng sinh đạt Đà-la-ni vô nguyện, vô số chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, năm vạn tám ngàn chúng sinh không thoái tâm Bồ-đề, vô số chúng sinh đạt nhẫn như pháp. Vô số chúng sinh bạch Phật:

–Thế Tôn! Chúng sinh được nghe pháp này làm sao lại không phát tâm Bồ-đề vô thượng. Chúng con xin nghe nhận và hết lòng hộ trì pháp này.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Các Đàn-việt! Hôm nay, hộ đại pháp, đời sau sẽ đạt vô số phước đức.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế Tôn! Xin nói về Đà-la-ni của Đức Phật Đức Hoa Mật mà Đại Bồ-tát Hư Không Mật mang đến.

Phật nói:

–Hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, ta sẽ giảng nói.

Xá-lợi-phất! Chúng sinh cõi này thật không có ngã nhưng điên đảo chấp có ngã, người trí quán biết không ngã, đoạn trừ điên đảo. Xá-lợi-phất! Người trí quán vô ngã như thế nào? Quán thân không ngã. Vì sao? Vì là sự hòa hợp; quán mắt không ngã. Vì sao? Vì bốn đại hợp thành. Mắt nháy là do sức gió, gió chuyển xoay trong hư không, tánh của hư không lại không sở hữu, không thể nói nên là không ngã. Gió trong hư không cũng không ngã. Với đất, nước, lửa cũng quán như vậy. Nếu nói mắt là nhân duyên của sắc nên có ngã là sai. Vì sao? Vì trong mắt không ngã. Sắc cũng thế, do hòa hợp nên không ngã. Từ hòa hợp có nhãn thức, nhưng trong thức cũng không có ngã. Từ

thức sinh danh sắc, danh sắc sinh lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh già chết. Nhãn thức sinh ra các pháp đó nhưng lại không do đâu có, nếu từ một niệm thì niệm ấy cũng diệt. Nhãn thức không trụ trong hai niệm, không thể nói niệm trụ, ngã diệt, mà pháp diệt ấy cũng không có nơi chốn. Vì vậy, các pháp đủ duyên thì sinh, thiếu duyên là diệt, và như thế không có ngã, không thọ nhận, không có sở hữu của ngã. Tánh của mắt không ngã, ngã sở, không hợp tan là sinh diệt, tất cả các pháp đều thế. Tánh pháp không lấy bỏ, không do Phật, Thanh văn, Duyên giác tạo nên. Quán như thế, đạt Tam-muội không, chứng đắc bốn quả Sa-môn. Mắt đã vậy, mũi, lưỡi, thân, tai đều thế. Do các duyên hòa hợp gọi là thân, từ đó có thân thức, thức tạo nên danh sắc, sinh già chết. Các pháp có từ thân thức, thân thức lại không từ đâu đến, niệm khởi thân thức cũng diệt, thân thức không trụ trong hai niệm, tất cả đều không có ngã, do nhân duyên sinh diệt, không tạo nhận, không sở hữu. Tánh của thân không ngã, ngã sở, không hợp tan, là sinh diệt, các pháp như thế. Tánh của pháp không lấy bỏ, không do Phật, Thanh văn, Duyên giác tạo nên. Thân thức rỗng lặng, tất cả các pháp đều như thế. Quán như vậy đạt Tam-muội không và bốn quả Sa-môn. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo quán mắt, thân

vô ngã sẽ đạt Tam-muội, được các hàng trời người cúng dường.

Lúc giảng pháp này, có vô số chúng sinh diệt trừ nghiệp ác quá khứ, vô lượng chúng sinh đạt Pháp nhãn tịnh, vô số chúng sinh đạt bốn quả Sa-môn, chín vạn bốn ngàn chúng sinh đạt Đà-la-ni tịnh, vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô số chúng sinh kiên định tâm Bồ-đề vô lượng chúng sinh đạt nhẫn như pháp, vô số chúng sinh đoạn dục ba cõi, vô lượng chúng sinh đạt Đà-la-ni Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô số chúng sinh thành tựu quán bất tịnh, vô lượng chúng sinh thành tựu A-na-ba-na, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, tánh địa pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, người nữ nghe pháp này chuyển thành thân nam; chúng sinh cõi Dục hưởng an lạc như cõi thiền thứ ba; tất cả hàng trời, người, tám bộ chúng đều cúng dường Phật, vui vẻ an trụ. Vua Tần-bà-ta-la bạch Phật:

–Thế Tôn! Ở cõi này, có vô số Bồ-tát thành tựu sắc thân vi diệu, xưa nay con chưa từng thấy. Thế Tôn! Ánh sáng trên thân của các Bồ-tát soi rọi cả cõi Ta-bà, nếu các Bồ-tát gần đạt quả Bồ-đề vô thượng, ánh sáng sẽ ra sao?

–Đại vương! Bồ-tát thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, ánh sáng sẽ chiếu soi khắp cõi nước mười phương. Vì sao? Vì đã thành tựu, trang nghiêm công đức lành, tăng trưởng căn lành, rốt

ráo đạo Bồ-đề vô thượng, thành Phật, phân biệt giảng thuyết vô số pháp, tự tại thọ thân, đạt pháp thanh tịnh chân thật, tu tập giải thoát, đoạn hết nghiệp đời sau, trọn vẹn pháp Phật, chuyển xe pháp mầu, tự tại trong các pháp, hiểu căn tánh của chúng sinh, đoạn tập khí phiền não, nên ánh sáng chiếu tỏa khắp mười phương. Đại vương! Tùy oai lực công đức Phật, thấy được chư Phật mười phương.

Vua thưa:

–Thế Tôn! Con nay muốn được thấy chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn trong mười phương.

Khi ấy, Đức Phật bảo:

–Tôn giả Kiều-trần-như! Nếu đệ tử Thanh văn, tại gia, xuất gia của ta đều tư duy về pháp lành, ta sẽ nhập Tam-muội Như Lai. Trời người đạt nhẫn như thật, không thoái chuyển nơi ba thừa, sẽ nhập định. Chúng sinh tin kính Tam bảo cũng sẽ nhập định.

Nói xong, Như Lai nhập Tam-muội Tất cả cảnh giới chư Phật hành trí rộng lớn như hư không, tất cả người trí đều hoan hỷ. Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn không thể biết được Tam-muội này. Lúc ấy, trăm ức cõi Ta-bà, núi Tu-di, mặt trăng, mặt trời, các cõi trời đều hiện trong thân Phật. Chúng sinh chịu khổ ba đường ác ở thế giới Ta-bà đều thoát khổ, vui mừng như Tỳ-kheo đạt

thiền thứ ba. Các Bồ-tát đều xuất định, thấy hào quang Phật, ánh sáng của các vị đều biến mất, Thanh văn cùng vui mừng như người đạt thiền thứ ba. Tất cả chúng sinh đều thấy trên mỗi mỗi lỗ chân lông nơi thân Phật phóng ra vô số ánh sáng như ánh sáng của vô số mặt trăng, mặt trời và Bồ-tát Thập trụ. Ánh sáng đó soi sáng khắp mười phương. Chư Phật mười phương đều bảo đại chúng:

–Các thiện nam! Các ông có thấy ánh sáng của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni không? Ánh sáng đó thành tựu vô lượng, vô biên công đức, thương yêu mọi loài, hiện tướng thần thông, chúng sinh thấy được sẽ phát tâm Bồ-đề vô thượng. Chúng sinh đạt thần thông ở các cõi đều tập hợp về cõi Ta-bà. Chúng sinh không đạt thì hướng về lễ bái cúng dường.

Khi ấy chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn khắp mười phương đều vân tập đông đủ về thế giới Ta-bà. Các Bồ-tát cúng dường hoa, hương, lọng, phướn, châu báu, chúng sinh trong thân Phật đều thấy rõ nên rất vui mừng. Chúng sinh cõi Ta-bà đều nói:

–Nhờ nhân duyên lành này, nguyện đời sau, chúng ta sinh về một cõi, được thấy chư Phật mười phương, trừ nghiệp ba đường ác. Thấy thân thông này, chúng sinh không phát tâm Bồ-đề vô thượng là kẻ sống trong tăm tối. Các Bồ-tát vì chúng sinh ấy mà chịu nhiều khổ não, biến hiện thành Phật,

Bích-chi-phật, Thanh văn, Phạm thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương, Na-la-diên, Tự tại thiên, Rồng, Quỷ, A-tu-la, Chuyển luân tùy thuận hóa độ. Nếu không là Bồ-tát từ Thập trụ trở lên thì không thể biến hiện được như vậy. Vì thế phát tâm Bồ-đề vô thượng, thành tựu vô lượng công đức.

Khi ấy, chúng sinh trong thân Phật đều nói kệ:

Chính vì tâm ác làm nhân duyên
Trôi trong sinh tử già bệnh khổ
Lại không gần gũi tri thức thiện
Thế nên không thể đến bờ giác.
Nếu ai đoạn trừ các tâm ác
Và tất cả kiến chấp sai lệch
Đoạn hết sinh tử trong ba cõi
Người này sẽ đến bờ giác ngộ.
Chúng sinh thật khó được thân người
Lại khó được gặp tri thức thiện
Khó khởi lòng tin vào Tam bảo
Nghe được chánh pháp, không phải dễ.
Người nào phát khởi tâm Bồ-đề
Sẽ đoạn trừ hết mọi phiền não
Lại còn giáo hóa vô số chúng
Thị hiện thần thông như Thế Tôn.
Nếu ai dứt trừ hẳn hai chấp
Tức hai biên kiến Thường và Đoạn
Biết rõ các hành không có ngã
Người ấy gọi là khéo tư duy.

Tư duy quán biết Khổ tập đế
Đoạn trừ hết thảy mọi phiền não
Nếu ai phát khởi tâm Bồ-đề
Sẽ vượt tất cả người thế gian.

Nói kệ xong, vô số chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, tâm Duyên giác, tâm Thanh văn, đạt vô số Đà-la-ni, hoặc đạt nhẫn như pháp, nhẫn bất thoái, nhẫn như thật, hoặc đạt bốn quả Sa-môn. Thấy tất cả chúng sinh hiện trong thân Phật như vậy ma Ba-tuần gào khóc, đau đớn, tới lui, bứt đầu, bóp trán rất khổ não. Quyến thuộc của ma cũng thế. Ba-tuần sầu khổ, Không Thọ, đại thần của Ba-tuần, nói kệ:

Cớ sao buồn khổ riêng mình chịu
Tâm tánh mê loạn như kẻ điên
Vì nhân duyên gì mà như vậy
Cúi xin đại vương nói rõ cho.

Ba-tuần đáp:

Ta thấy thần lực của Cù-đàm
Vì thế buồn khổ như người điên
Lo lắng bồn chồn chẳng an ổn
Tất cả quyến thuộc đều như thế.
Thấy vô số thân của Như Lai
Bao hàm tất cả cõi Ta-bà
Cõi nước của ta giờ trống rỗng
Vì thế ta đây rất buồn khổ.
Tất cả Thánh hiền ở mười phương

Đều tập hợp về cõi Ta-bà
Thiết bày lễ lớn cúng dường Phật
Vì thế ta đây rất buồn khổ.
Nhìn thấy thần lực của Như Lai
Lại thấy quyến thuộc quy y Phật
Ta nay trơ trọi không thân thích
Vì thế ta đây rất buồn khổ.

Đại thần lại nói kệ:

Hiện nay tôi có nhiều đồ đệ
Tâm tánh độc ác, đủ khí giới
Có thể tổn hại thân Như Lai
Lại còn hủy hoại các thần lực.

Ba-tuần nói:

Quyến thuộc của ta rất sợ Phật
Làm sao diệt trừ sức thần thông
Nếu khởi tâm ác xâm hại Phật
Năm dây tự nhiên trói vào thân.

Đại thần nói:

Nếu như kẻ địch có sức mạnh
Ta giả gần gũi ắt dễ hại
Nếu biết Cù-đàm có sức lớn
Ta nên dối hiện tâm thân thiết.

Ba-tuần nói:

Nếu ta giả hiện tâm thân thiết
Để mong hủy hoại thân Cù-đàm
Tự nhiên dưới cổ đeo xác chết
Lại bị tất cả chúng sinh cười.

Đại thần nói:

Tất cả cõi Dục là cõi ma
Hết thảy trời người thuộc Như Lai
Đại vương gấp sai rồng chúa ác
Như thế hại được thân Cù-đàm.

Ba-tuần nói:

Nếu ông biết rồng có sức mạnh
Hãy làm, ta đây mất lòng tin
Như thật hại được thân Cù-đàm
Ta về cõi minh tâm an ổn.

Đại thần liền bảo rồng ác:

–Hãy vì ta mà hại Sa-môn Cù-đàm.

Rồng ác định bay lên hư không nhưng không thể bay được, liền nói:

–Tôi vâng mạng đại thần, nhưng chỉ vừa khởi tâm đã không thể bay được.

Nghe vậy đại thần lo sợ, nghĩ: Nếu ta hiện uy lực của ma khiến các Rồng ác sinh tâm sân giận. Do sân hận nên có thể hại được thân Cù-đàm. Lúc này, trong Long cung hóa hiện đầy những xác chết. Thấy vậy các rồng đều tức giận, nghĩ: Ai làm việc này, song chúng không thể biết được. Khi đó, tất cả loài rồng trong bốn thiên hạ đều rời cung đến núi Khư-la-để. Núi này bằng phẳng, rộng bốn vạn do-tuần, là nơi ở của chư Thánh tiên ngày xưa, đầy bảy báu. Kể cả Long vương Nan-đà, Bà-nan-đà cũng bỏ cung điện của mình để đến

đây. Tất cả các rồng chúa và quyến thuộc như Long vương nơi bốn biển lớn như các: Y-la-bạt, Thiện Trụ, Quỷ, A-na-bà-đạt-đa, Mục-chân-lân-đà, Đức Hải, Thủy Đức, Xá Đức, Lạc Đức, A-ba-na-la, Sơn Đức, Ngưu Đức, Y-la-bạt-đa, Trường Tí, Trường Phát, Tịnh, Ca-yết-la, Thủy Nhiêu, Hắc Phát, Kim Sắc, Xá-câu, Niệm-di, Tượng, Lợi Nha, Hữu Hành, Nghi Võng, Trường Diện, Xích Nhãn, Nhạo Kiến các Long vương như thế là tám vạn, cùng với quyến thuộc, cho đến các Long vương hiện có nơi bốn vạn bốn ngàn quốc độ đều đến núi Khư-la-để. Cõi Uất-đơn-việt phía Bắc có hai rồng chúa: Vô Biên, Kim Thân, cùng vô số quyến thuộc, bốn vạn bốn ngàn Long vương các cõi cũng đến núi này. Cõi Phất-đề-bà phía Đông có hai rồng chúa là Vi Nguyệt, Bà-tư-sất, cùng bốn vạn bốn ngàn rồng đều kéo đến núi này. Cõi Cù-da-ni phía Tây có hai rồng chúa là Bảo Phát, Quang Phát cùng bốn vạn bốn ngàn rồng đến núi này. Long vương tứ sinh cùng quyến thuộc cõi Tứ thiên hạ cũng đến núi này. Loài rồng thân vốn bằng rễ cây thuốc bốn tấc nhưng vì sân giận nên thân lớn như núi Tu-di. Thấy vậy, Ba-tuần bảo quyến thuộc:

–Với oai lực của ta làm cho tất cả loài rồng đều bỏ cung điện ra đi, nhưng đến núi đó chúng sẽ mất hết uy lực, không thể hại Sa-môn Cù-đàm.

(*)Lúc đó, Đại thần Giới Thê lại tâu với Ba-tuần:

–Đại vương! Tất cả loài rồng đó đều muốn hại Đức Phật Thích-ca, không biết chúng hại như thế nào?

Ba-tuần đáp:

–Ta cũng muốn biết việc ấy, ông hãy đến đó xem.

Nghe vậy Đại thần Giới Thê và quyến thuộc định đến núi Khư-la-để. Lúc này, Đức Phật xuất định, hiện thân như ngày thường. Thấy Như Lai đang ở nước Ma-già-đà, đại thần ấy nghĩ: Sa-môn Cù-đàm đã mất thần thông, hẳn là sợ ta rồi, có khởi tâm ác với ta không? Ta nên đến bàn bạc với Cù-đàm. Sau đó đại thần và quyến thuộc kéo đến chỗ Phật, chúng nói kệ:

Tự thân chưa vượt biển sinh tử
Làm sao độ thoát được mọi loài
Cù-đàm chớ có gạt chúng sinh
Cho đã đạt đại Niết-bàn.

Như Lai đáp:

Ta đã vượt qua biển sinh tử
Vĩnh viễn thoát khỏi sinh cùng tử
Vì lòng Từ bi thương xót chúng sinh
Như Lai báo trước việc Niết-bàn.

---

* Từ đây trở xuống cuối quyển 33 là phần thêm vào cuối quyển theo bản Tống Nguyên Minh).

Vô lượng số kiếp thời quá khứ
Ngươi đã phát tâm Vô thượng giác
Đã từng cúng dường vô số Phật
Trăm ngàn vạn ức Đức Thế Tôn.
Nay ngươi sắp đạt đạo Vô thượng
Cớ sao bảo ta dối chúng sinh
Ta ban cho ngươi sức nhớ nghĩ
Lắng tâm tự quán biết thân mình.

Nghe vậy, Đại thần Giới Thê tự quán sát tiền thân của mình, biết rõ mình từng phát tâm Bồ-đề, cúng dường vô số Phật, nên tỏ vẻ xấu hổ, cúi lạy Như Lai, tỏ lòng sám hối, thưa:

–Thế Tôn! Con đã nhớ rõ ngày xưa từng phát tâm Bồ-đề, cúng dường vô số Phật, nghe pháp vi diệu, tu sáu pháp Ba-la-mật. Thế Tôn! Thời Phật Ca-diếp có một Tỳ-kheo nói pháp Thanh văn, con đã không suy xét, cho đó không phải là lời Phật, là lời của ma. Tỳ-kheo ấy đã phát tâm Bồ-đề hành đạo Bồ-tát. Chính vì thế Đức Ca-diếp đã không thọ ký cho con. Cũng vì việc ấy, con sinh vào cõi ma, thọ thân ma đã năm vạn bảy ngàn ức năm. Thế Tôn! Thà chịu khổ nơi địa ngục suốt ngần ấy năm, con quyết không thoái tâm Bồ-đề.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Đại thần! Phước đức của người cúng dường bảy báu lên vô số Phật không bằng phước đức người phát tâm Bồ-đề. Vì

sao? Vì phát tâm Bồ-đề là cúng dường chư Phật khắp mười phương.

Nghe vậy, Giới Thê đạt nhẫn pháp, rời chỗ ngồi, cúi lạy Phật, đi quanh chỗ Phật ba vòng, dâng y trên cúng Phật. Bốn vạn bốn ngàn quyến thuộc cũng đều như thế.

Thấy Đại thần Giới Thê và quyến thuộc đều quy y Phật, Ba-tuần càng sầu khổ, đóng chặt cửa phòng ngồi im. Lúc đó, Đức Phật giảng ba hạnh từ cho đại chúng: Sinh duyên, pháp duyên, không duyên như ở phần Hư không mục trên. Bấy giờ, tất cả chúng trời, rồng đã đến núi Khư-la-để muốn đi lại nhưng không thể nào đi được, muốn hiện thân to lớn lại không làm được, chúng liền tâu với Long vương Nan-đà, Bà-nan-đà:

–Đại vương! Các xác chết hiện có trong cung Rồng là do Ba-tuần làm. Vì thế, chúng ta cùng đến núi này phải thọ thân nhỏ bé. Nếu chúng ta quy y Ba-tuần chắc sẽ được giải thoát.

Long vương Y-la-bạt-la bảo:

–Ba-tuần hiện đang loạn tâm, mất hết thần thông, làm sao cứu được các ngươi.

Nghe vậy, các rồng hoặc quy y Tứ Thiên vương, hoặc nương tựa Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Hóa lạc thiên, Đâu-suất thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm thiên. Hải Long vương nói:

–Các ngươi không thấy Đức Thích-ca sao? Tất

cả Thánh hiền trời người đều cúng dường, nương tựa nơi Như Lai.

Lúc này, các rồng hoặc quy y Tiên nhân Na-trà, hoặc quy y Tiên nhân Mã Tàng và các Tiên nhân Quảng, Quang Vị, Bạt-già-bà. Năm Tiên nhân này đã chứng năm thông, cùng trụ trên núi Tuyết, hiện đang ở chỗ Tiên nhân Quang Vị nghe pháp. Quang Vị cũng luôn ca ngợi Như Lai. Nghe tiếng của loài rồng, các Tiên nhân thưa với Quang Vị:

–Ông có nghe tiếng khóc của loài rồng không?

–Đã nghe.

–Xin hãy đến đó cứu chúng.

–Các vị hãy đi, tôi không đi được. Vì sao? Vì hiện có vị đại thiên muốn nghe, học về tâm Từ không duyên.

Bốn Tiên nhân từ biệt Tiên nhân Quang Vị, đến núi Khư-la-để, cứu loài rồng. Thấy các Tiên loài rồng khóc lóc cầu cứu. Bốn Tiên nhân đáp:

–Chúng ta không thể cứu. Hiện có Bồ-tát Quang Vị đang ở trên núi Tuyết, vị này mới cứu được các ngươi. Các ngươi hãy thành tâm cầu cứu.

Các loài rồng làm theo. Nghe tiếng kêu cứu, Tiên nhân Quang Vị và chư Thiên đi đến núi Khư-la-để. Các loài rồng trông thấy Tiên nhân đều cúi lạy, xin cầu cứu. Bồ-tát Quang Vị biết đã hợp thời, giảng nói về các sao. Long vương Đại Hải thưa:

–Đại sĩ! Ai giảng nói về các tinh tú đó: Tinh tú nào lớn, tinh tú nào nhỏ, cái gì là mặt trời, mặt trăng, trong hệ mặt trời, sao nào ở trước, thế nào là trăng tròn, thế nào là hợp thời, các tinh tú đó thuộc cõi trời nào, tánh ra sao, cái nào nặng, cái nào nhẹ, cái nào thiện, cái nào ác, cái nào lấy, cái nào cho, cái nào về ban ngày, cái nào về ban đêm, bóng dài hay ngắn, cái nào xoay về hướng Nam, cái nào xoay về hướng Bắc. Đại sĩ là Tiên nhân giỏi nhất, xin phân biệt giảng rõ.

Bồ-tát Quang Vị bảo:

–Các Long vương! Đầu thời hiền kiếp thuộc quá khứ, có thành Chiên-đà-diên, vua nơi thành ấy, tên Vô lượng tịnh, cai trị nước bằng chánh pháp, không tham dục lạc, thích nhàn tịnh, thông minh tài trí. Một hôm vua cùng phu nhân du ngoạn trong một khu rừng. Vì tâm dục phu nhân nhìn vua, liền mang thai. Đủ ngày tháng, phu nhân sinh ra một đứa con, tai mắt môi giống con lừa, còn các phần khác thì như người. Thấy vậy, phu nhân rất sợ, vội quăng đứa bé vào nhà xí. Lúc đứa bé chưa rơi xống đất, có quỷ hình lừa bế đứa bé lên núi Tuyết, chăm sóc nuôi nấng như con. Trong núi Tuyết có nhiều loài cây thuốc, quỷ thường hái để nuôi đứa bé. Đứa bé ăn cây thuốc nên thân tướng thay đổi, thân sắc trang nghiêm đủ cả phước trí, được chư Thiên tôn kính, cúng dường, ca ngợi. Do có đứa bé nên trong núi Tuyết

lại có rất nhiều cây trái quý. Đứa bé tuy chuyển thân trang nghiêm, nhưng môi vẫn còn hình lừa nên có tên là Tiên nhân môi lừa. Trải suốt sáu vạn năm, Tiên nhân thọ trì giới cấm thường đứng một chân, Phạm thiên, Ma thiên, Đế Thích thường cúng dường, lại hỏi Tiên nhân cần gì, nguyện đáp ứng theo khả năng.

Tiên nhân đáp: Ta muốn biết về các ngôi sao. Ta thương yêu chúng sinh.

Chủ Thiên nói: Nếu vì thương yêu chúng sinh mà cần biết về các ngôi sao, xin giảng rõ.

Tiên nhân bảo: Phạm thiên! Ta thật không hiểu về các tinh tú ban đầu.

Lúc giảng pháp này, các Long vương rất vui thích Tiên nhân Quang Vị. Bồ-tát Quang Vị lại phát ra âm thanh vi diệu ngợi khen Tam bảo để các Long vương biết. Lại nói: Ta thật không thể cứu các ngươi, chỉ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni mới cứu được. Vì điều phục chúng sinh Đức Thích-ca trải qua vô số kiếp đã từ bỏ các thứ vật báu, tu tập Từ bi, cứu thoát mọi khổ não nơi chúng sinh.

Nghe vậy, tất cả rồng đều chuyên tâm niệm Phật, ngợi khen, quy y: Nam-mô Phật! Bậc tối thắng trong chúng sinh, tự tại trong các pháp, đạt giải thoát, cứu thoát mọi khổ não của chúng sinh, đem đến niềm vui cho mọi loài, tâm luôn bình đẳng thương yêu chỉ dạy chánh pháp cho chúng

sinh, được trời người cúng dường, kham nhận vật cúng vi diệu của mười phương. Thế Tôn! Chúng con đang chịu nhiều khổ não, xin Như Lai rủ chút lòng Từ cứu vớt chúng con.

Sau khi niệm Phật, các Long vương đều biến thân như cũ. Bồ-tát Quang Vị bảo:

–Công đức của Như Lai là không thể nghĩ bàn. Vì chúng sinh Như Lai trải vô số kiếp hành sáu pháp Ba-la-mật, giảng Từ bi điều phục chúng sinh, chỉ dạy pháp không ngã, không tạo tác, nêu rõ các phiền não của bốn đại, ấm, giới, nhập, tánh của phiền não và chúng sinh, chỉ dạy pháp không tánh, không tướng. Không: Ngại, tạo tác, sạch nhơ, tối sáng, lấy bỏ, đi dừng, một hai, ấm giới nhập, bốn đại đều thế. Đó là nghĩa Không đệ nhất. Vì thế, Như Lai giáo hóa chúng sinh, là Đấng Tối Tôn, có thể cứu vớt khổ não của các ngươi.

M

Phẩm CỨU RỒNG (thứ sáu)

Khi ấy, Đức Phật bảo Bồ-tát Quang Vị:

–Thiện nam! Ông có muốn nghe về nghiệp của loài rồng không?

Bồ-tát Quang Vị thưa:

–Thế Tôn! Giờ đã đúng thời, xin Như Lai giảng nói.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Hãy lắng nghe, ta sẽ giảng rõ.

Nghe vậy tất cả trời người đều dâng hoa hương, trỗi nhạc cúng dường Phật.

Lúc đó, Đức Phật, vô số Bồ-tát, Thanh văn, trời, người đều rời khỏi nước Ma-già-đà đến núi Tu-di. Phạm thiên đặt tòa bảy báu cúng Phật, làm đường bảy báu để Phật đi. Phạm vương thưa:

–Xin Như Lai đi trên đường này, ngồi tòa này.

Tha hóa tự tại thiên dùng báu Diêm-phù-đàn-na làm tòa và đường đi, lại thưa:

–Xin Như Lai đi trên đường con làm và ngồi trên nơi tòa này.

Chư Thiên cõi Hóa lạc lại dùng vàng cõi trời làm tòa đường đi, lại thưa:

–Xin Như Lai đi trên đường con làm và ngồi trên tòa của chúng con.

Chư Thiên cõi Đâu-suất-đà dùng bạc cõi trời làm đường đi và tòa ngồi. Dạ-ma thiên dùng lưu ly làm đường và tòa ngồi, lại thưa:

–Xin Như Lai đi trên đường do chúng con làm và ngồi trên tòa của chúng con.

Đao-lợi thiên dùng trân châu làm đường và tòa ngồi lại thưa:

–Xin Như Lai đi trên đường do chúng con làm và ngồi trên tòa của chúng con.

Bốn A-tu-la dùng chiên-đàn làm đường và tòa, ngồi lại thưa:

–Xin Như Lai đi trên đường của chúng con làm và ngồi trên tòa của chúng con.

Vì thương xót tất cả, nên Như Lai hóa hiện trên mỗi đường và mỗi ngồi tòa đều có Phật. Chân thân của Phật an tọa trên tòa và đi trên đường của Phạm thiên. Bên các Đức Phật hóa đều có vô số Bồ-tát, Thanh văn, có vô số ánh sáng như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Thấy Phật hóa, các loài rồng đều vui mừng, cung kính, thưa:

–Núi Tu-di hiện có cả trăm ngàn mặt trăng, mặt trời?

Long vương Nan-đà, Bà-nan-đà nói:

–Đức Phật cùng vô số Phạm thiên đến núi Tu-di. Ánh sáng đó không phải là ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Nếu muốn giải thoát các ngươi hãy chuyên tâm niệm Phật. Như Lai đã dứt trừ vô minh nên có ánh sáng như vậy.

Long vương A-na-bà-đạt-đa nói:

–Ánh sáng đó là của ma không phải của Phật. Vì sao? Vì tất cả cõi Dục đều thuộc ma Ba-tuần. Ba-tuần làm mọi việc ác, nhưng vì thương xót nên đã cứu các loài rồng.

Có rồng nói:

–Đó là ánh sáng cõi Hóa tự tại, Hóa lạc, Đâu-suất-đà, Dạ-ma, Đao-lợi, Tứ Thiên vương. Vì

thương xót nên cứu loài rồng thoát khổ.

Long vương Thiện Trụ nói:

–Ánh sáng này là của Bồ-tát Quang Vị, vì thương xót nên cứu loài rồng thoát khổ.

Long vương Bảo Kế nói:

–Ánh sáng đó là của các bậc Đại đức xuất gia học Phật, vì thương xót bên cứu khổ loài rồng.

Hải Long vương nói:

–Ánh sáng đó là của Đức Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai thương xót chúng sinh như con một, cứu thoát khổ não của mọi chúng sinh, trải vô số kiếp hành sáu pháp Ba-la-mật, được chư Thiên cõi Dục, sắc cúng dường.

Lúc ấy Đức Phật bảo Đế Thích:

–Kiều-thi-ca! Ta đến cõi Ta-bà là để giáo hóa chúng sinh như ông ở cõi Tam thập tam là để độ chư Thiên.

Đế Thích thưa:

–Thế Tôn! Con chưa đủ trí lớn làm sao độ chư Thiên. Thế Tôn! ở núi Tu-di có vô số chư Thiên, Phạm thiên, Quỷ thần, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ca-lâu-la, A-tu-la, Ma-hầu-la-già, Rồng, Đại tiên, Thánh nhân. Xin Như Lai thương xót hóa độ tất cả.

Đức Phật mỉm cười, vô số ánh sáng từ kim khẩu Phật phóng ra với đủ màu sắc, soi chiếu cả mười phương, hơn ánh sáng của vô lượng ức

Phạm thiên, Đế Thích, mặt trời, mặt trăng, có thể diệt trừ tất cả nghiệp ma. Đức Phật bảo Đế Thích:

–Kiều-thi-ca! Trong tất cả núi ở thế giới Ta-bà, núi Tu-di là hơn hết, cũng thế, trong tất cả chúng sinh Như Lai là hơn hết.

Nghe vậy, tất cả Long vương đều thưa Phật:

–Thế Tôn! Xin Như Lai thương xót cứu chúng con thoát khổ.

Phật nói:

–Các thiện nam! Các người hãy chuyên tâm niệm Phật ta sẽ cứu độ.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Kiều-trần-như, âm thanh ấy vang khắp mười phương thế giới.

–Kiều-trần-như! Tất cả các pháp đều vô thường. Vì sao? Vì do duyên sinh. Pháp do duyên sinh là khổ, là ung nhọt. Có sinh sẽ có già chết, thuộc sinh diệt.

Kiều-trần-như! Mắt là vô thường, là khổ, là ung nhọt, dẫn đến già chết, thuộc sinh diệt, cho đến ý cũng vậy. Kiều-trần-như! Mắt diệt thì sinh, già, bệnh, chết diệt ý cũng vậy. Chúng sinh không biết sự sinh diệt của mắt nên trôi lăn trong năm đường. Như Lai giảng chánh pháp để giúp chúng sinh thấy rõ, thoát khổ. Vì thế Như Lai là Đại phạm trong Phạm thiên, Đại thiên trong chư Thiên, voi chúa trong loài voi, Đại Sa-môn trong hàng Sa-môn, Đại Bà-la-môn trong hàng Bà-la-

môn, đại Từ, đại Bi trong Từ bi, Đại trượng phu tối tôn, đã vượt biển sinh tử, là ruộng phước lớn, là thí chủ bậc nhất, là đấng vua pháp với tâm bình đẳng, giữ gìn tịnh giới, siêng năng, tu tập phạm hạnh, hiểu đạo chánh, là đại Đạo sư hiểu rõ mọi hành nghiệp.

Kiều-trần-như! Hiểu sự sinh diệt của mắt là Như Lai, không biết là phàm phu. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh thấy có ngã nên không thấy tướng sinh diệt của mắt, trôi lăn trong năm đường. Kiều-trần-như! Có nhà ngoại đạo cho thấy, biết, mắt ý là ngã. Lại nói mắt là sự hướng nhìn, ngã là thấy. Đó là điên đảo. Vì sao? Vì "thấy" là sự hòa hợp. Từ trong sự hòa hợp chấp có ngã nên là điên đảo. Nếu cho mắt là hướng nhìn, ngã là thấy thì không đúng. Vì sao? Vì sự thấy đó vừa thấy, nghe, biết, xúc chạm. Mắt không như vậy nên sự thấy không có ngã. Nhìn lâu sẽ thấy rõ, nhưng mắt không thể như thế "Ngã" là thường. Nếu "ngã" thấy nghe thì vô thường. Đã là vô thường làm sao có ngã. Kiều-trần-như! Vì điên đảo, chúng sinh không thấy bốn Đế. Như Lai thấy rõ sự điên đảo ấy nên là bậc Chánh trí. "Ngã" là Như Lai. Ai biết như vậy sẽ đoạn tướng điên đảo, trừ nghiệp ma, cứu thoát loài rồng. Kiều-trần-như! Vì thế ta có thể cứu được loài rồng.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 34

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng
Na-diên-đề Da-na-xa.

Phẩm 14: NHẬT TẠNG

Phần 1: HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Thuở đó, Đức Như Lai ở tại vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá. Vô số chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn mười phương đều tập hợp về, vây quanh bên Phật. Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, các chúng Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, ở khắp mười phương cũng về đây hầu Phật. Chư Thiên, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, của cõi Dục, sắc đều hết lòng chiêm ngưỡng Như Lai.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang giảng pháp môn cam lồ Hư không mục An-na-ba-na, giảng xong Đức Phật im lặng. Tất cả đại chúng từ dưới đất đến trên không cũng im lặng, chắp tay, chiêm ngưỡng Phật, vui mừng hưởng pháp vị cam lồ, như người

bệnh gặp thuốc hay, đêm tối gặp ánh sáng, người chìm trong nước được cứu lên bờ, như kẻ gặp nguy được nơi nương tựa. Vô số Bồ-tát, Thanh văn, Trời, Rồng, Nhân phi nhân khắp cõi Ta-bà đều im lặng chiêm ngưỡng Đức Như Lai.

Khi đó, Phạm thiên Công Đức Liên Hoa Quang, người từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng căn lành nơi chư Phật, không thoái tâm Bồ-đề vô thượng, tu tập tâm Từ đúng pháp, liền rời chỗ ngồi, chắp tay hướng về Phật, nói kệ:

Đại Thánh đủ thần thông
Đi lại khắp các cõi
Tự tại không chướng ngại
Hào quang chiếu mười phương.
Khéo giảng Xa-ma-tha
Tận trí và phương tiện
Niệm A-na-ba-na
Và bốn pháp Vô lượng.
Phật vượt qua sinh tử
Của cảnh giới ba cõi
Viên mãn trí thanh tịnh
Vượt trời người, tu la.
Chặt đứt dây ân ái
Trừ nghi đến bờ giác
Hiểu rõ các Bồ-tát
Hiện chứng đạt pháp Phật.
Tâm chúng sinh tán loạn
Chìm trong biển sinh tử

Như kẻ mù không thấy
Luôn chịu mọi khổ đau.
Xa lìa Thiện tri thức
Không nghe pháp thanh tịnh
Trôi lăn trong sinh tử
Bị kết sử trói buộc.
Phật vượt biển sinh tử
Từ bi giảng chánh pháp
Vì chúng sinh phiền não
Chặt đứt lưới sinh tử.
Ái là gốc phiền não
Chúng sinh luôn nhiễm chấp
Như Lai khéo phân biệt
Đoạn hết mọi sinh tử.
Chính vì nhân si ái
Không tu tập công đức
Ai đoạn được si ái
Sáu căn được tịch tĩnh.
Đức Mâu-ni đại Từ
Thương yêu giảng chánh pháp
Người nghe đoạn si ái
Đạt Niết-bàn an lạc.
Đức Phật nói kệ bảo Phạm thiên Công
Đức Liên Hoa Quang:
Quá khứ tu các độ
Giờ lại tiếp tục tu
Không thích thừa Thanh văn
Và địa Bích-chi-phật

Tất cả các chúng sinh
Thường khởi tâm sân hận
Ham thích pháp Nhị thừa
Vì thế luôn chướng ngại.
Vì các hoặc chướng đó
Thoái mất pháp Như Lai
Nếu không có hoặc chướng
Sẽ trọn vẹn pháp Phật.
Cả bốn loài chúng sinh
Đều cùng đến cõi này
Không phải tham ái thân
Không phải tu pháp nhiễm.
Còn có bậc Trí lớn
Thực hành đạo Bồ-đề
Từ lâu đã tu tập
Định, nhẫn, và Tổng trì.
Khéo giữ gìn các căn
An tọa chuyên tâm niệm
An trụ cảnh giới mình
Như Lai phân biệt rõ.
Chúng sinh tham năm dục
Phật giảng pháp bất tịnh
Giúp chúng chặt dây trói
Viên mãn bảy Giác phần.
Ta không tâm ghen ghét
Thương yêu nên giảng giải
Bồ-tát nghe pháp này
Không bỏ tâm Bồ-đề.

Chư Phật khắp mười phương
Đều tập hợp về đây
Ngày đêm luôn gia hộ
Để pháp Phật trường tồn.
Các vị hàng Bồ-tát
Thương yêu chúng sinh này
Thường sinh nhẫn hoan hỷ
Pháp Phật mãi trụ trường tồn.
Ta giảng pháp Thanh văn
Giúp đoạn tâm tham dục
Dạy năm ấm, các nhập
Mười tám giới rỗng lặng
Mười ba Xa-ma-tha
Cùng Tỳ-bà-xá-na
Đoạn trừ ái khó đoạn
Người này được thanh tịnh.
Thuyết giảng hạnh không lậu
Bốn Chân đế Thanh văn
Vì thương yêu chúng sinh
Và để pháp trường tồn
Giảng thuyết pháp bốn Đế
Giúp vượt biển sinh tử
Lại dạy các Bồ-tát:
Các vị chớ nghi ngờ.
Như Lai vì các vị
Giảng rõ hạnh Bồ-tát.

Nghe vậy, hội chúng đều nghĩ: Như Lai định nói pháp Thanh văn, không nói đạo Bồ-tát.

Các Bồ-tát đến từ mười phương nghĩ: Như Lai Từ bi muốn chúng ta tu tập thiền định ở cõi này, để Tam bảo không đoạn, làm cho các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Nhân phi nhân chưa tin thì phát lòng tin, đã tin thì tăng trưởng lòng tin, làm cho tất cả chúng sinh được an vui, trừ nghi, viên mãn tám Chánh đạo, giúp cho người có phước đức lớn tiếp tục tu tập pháp lành.

Chúng sinh ở mười phương nghĩ: Cõi Ta-bà là nơi an lành, phước đức, chúng ta nên cúng dường Phật và Bồ-tát của cõi đó.

Lại nghĩ: Chúng ta nên hành thiền ở đó. Thế rồi chúng sinh ấy nhập Tam-muội và Đà-la-ni, phóng ra ánh sáng tạo lợi ích an lạc cho mọi loài. Các Bồ-tát đến từ mười phương, có vị tu tập hạnh Bồ-tát suốt trăm đại kiếp, có vị đạt pháp Nhẫn vô sinh Thập địa, tu tập các pháp công đức như mười tám pháp Bất cộng, bốn Vô sở úy. Với sức của Tam-muội, Đà-la-ni Thắng nhẫn, các Bồ-tát phóng ra ánh sáng lớn hoặc như ánh sáng của đèn, đuốc, lửa giữa đất trống, hoặc như ánh sáng của Đế Thích, Phạm thiên, hoặc như ánh sáng của một mặt trời, hai, ba… trăm ngàn vạn ức mặt trời. Ánh sáng đó soi chiếu khiến tam thiên đại thiên cõi nước. Chúng sinh gặp được ánh sáng này thân tâm an lạc như người đang bị nóng bức lại được vào ao nước mát. Ánh sáng đó trừ hết khổ não ba đường ác, các bệnh đói khát lạnh nóng, tham, sân,

si, tà chấp, đoạn khổ não cho chúng sinh đang ở trong ngục nơi ba cõi. Chúng sinh ở đấy trông thấy ánh sáng, thành tâm cung kính, cúng dường Tam bảo, bỏ pháp ác, siêng tu pháp lành. Ánh sáng đó soi sáng tất cả các cõi nước có Phật, không Phật, tịnh, uế ở mười phương. Ví như đêm dài tối mịt chợt có ánh sáng của trăm ngàn vạn ức mặt trời soi rọi. Ánh sáng này cũng thế, soi rọi cõi nước khắp mười phương, các Bồ-tát ở những cõi đó nương vào thần lực của Phật đều đến cõi Ta-bà. Đến nơi các vị an tọa trong tư thế kiết già. Các Bồ-tát đó có vị tu hạnh Bồ-tát suốt trăm ngàn đại kiếp, hành trì trọn vẹn mười Địa, tu tập các pháp công đức như mười tám pháp Bất cộng, bốn Vô sở úy. Các vị nhờ sức nơi phước đức nên nhập Tam-muội sâu xa, phóng ra ánh sáng lớn, soi khắp tam thiên đại thiên thế giới, làm cho ánh sáng của Ma vương, Long vương, Trời, Người đều biến mất. Đức Phật bảo bốn chúng:

–Các ông nên biết! Các Bồ-tát đó nhờ sức của căn lành nên nhập Tam-muội sâu xa, phóng ra ánh sáng soi chiếu tam thiên đại thiên thế giới. Chư Phật mười phương từng đến cõi này làm việc Phật, tuy về cõi mình nhưng chư Phật ấy luôn gia hộ các Bồ-tát này, giúp các Bồ-tát nhập thiền định, hiện sức thần thông, để Tam bảo được trường tồn trong hiện tại và vị lai. Với sức thần thông của Bồ-tát, làm cho Trời, Rồng, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Ca-

lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, nếu chưa tin thì phát lòng tin, tin rồi thì tăng trưởng, siêng năng tu tập chánh pháp, hành hóa đúng pháp, tự tại không chướng ngại, không thoái chuyển, viên mãn pháp chân chánh. Vì thế nơi nào có Bồ-tát, nơi đó nên xây chùa tháp, giảng đường, thờ xá-lợi, kinh pháp, hình tượng, cúng dường bảy báu: Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, pha lê, trân châu, ngọc bích, lụa, gấm, y phục, giường, nệm, phướn lọng, anh lạc, hương hoa, hương bột, hương xoa, hương đốt, trỗi nhạc cúng dường, làm cho chúng sinh lo sợ về sinh tử, dốc tu tập chánh pháp.

Đức Phật lại bảo:

–Ở đời sau, thiện nam, tín nữ nào cúng dường Tam bảo như vậy, ta sẽ ghi nhận, làm cho người ấy tùy thích tu tập ba thừa, không thoái chuyển. Lại có chúng sinh cúng dường bằng cách xây dựng một tinh xá, một ngôi chùa, vườn rừng nơi chốn kinh hành hoặc cúng y phục, thức ăn, giường nệm, thuốc men, hoặc cúng giảng đường, thiền thất nô bộc, ruộng vườn, xe ngựa, lừa dê để các Tỳ-kheo an ổn thân tâm, tọa thiền, nghiên cứu, tu hành đúng pháp, trang nghiêm đầy đủ, đạt Niết-bàn thù thắng, để chánh pháp trường tồn. Ta, chúng Bồ-tát, Thanh văn đều ghi nhận việc đó. Vì sao? Vì để chúng sinh ấy được quả báo lớn, xa lìa ba đường, không thoái chuyển trong ba thừa, đạt Niết-bàn, đạt hai lợi ích: Pháp, tài. Thọ sinh nơi

nào, chúng sinh ấy đều có nhiều của cải, nhưng nhờ nhân đời trước nên không tham tiếc; luôn sẵn lòng ban cho, cúng dường Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, thích nơi yên tịnh, buộc tâm tu định; cung cấp mọi vật cần dùng để các Tỳ-kheo an tâm hành pháp, Trời, Rồng, Dạ-xoa luôn bảo hộ.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông nên biết, chư Phật mười phương từng đến cõi này, nhập thiền định, hiện thần thông; diệt quân ma, Long vương xấu ác thương yêu giảng thuyết chánh pháp cho chúng sinh; làm cho Tam bảo mãi trụ thế. Hành hóa xong, chư Phật trở về cõi mình. Vô số Bồ-tát mười phương vì muốn lễ bái, cúng dường ta và nghe học chánh pháp, muốn nghe pháp Hư không mục, bốn vô ngại nên tập hợp về đây. Vì thương yêu chúng sinh các Bồ-tát nhập định; hiện bày sức thần; trừ quân ma, rồng ác; giúp chúng sinh biết bố thí, cúng dường, tu tập công đức; đạt giải thoát trong ba thừa. Đời sau, thiện nam, tín nữ nào thanh tịnh lòng tin, cúng dường Tỳ-kheo hành pháp, bố thí mọi vật như nhà cửa, ruộng vườn, nô bộc. Nếu Tỳ-kheo phá giới vì ngu si nhân vật cúng từ tâm thanh tịnh của chúng sinh, dù chỉ một hoa, một trái đều phải chịu quả báo xấu ác lớn. Hiện tại chịu bốn quả ác: Tiếng xấu đồn xa; cha mẹ, sư trưởng, anh em, quyến thuộc, thân thích, nô bộc đều xa lìa; bị bệnh nguy

cấp, nằm trên phân nhơ, đau khổ mà chết; đồ đạc tài sản đều bị năm trường hợp cướp mất. Đời sau lại chịu bốn quả ác: Sau khi chết bị đọa vào địa ngục; chịu nhiều khổ não trong cảnh giới ấy, hết nghiệp địa ngục lại chịu quả súc sinh, quỷ ác, không chân tay, ở nơi chốn đồng trống vắng không uống nước, trải qua hàng trăm ngàn vạn năm chịu nhiều khổ não; hết nghiệp lại thọ thân rắn độc, không có mắt, suốt vô số năm chỉ ăn đất; hết nghiệp sinh vào cõi người, ở đời năm trược, không được gặp Phật, tuy làm người nhưng không có mắt, tay chân, ở nơi vắng vẻ, ăn vật bỏ của thế gian, không được ở chung với người, sau khi chết lại bị đọa vào địa ngục, khó thoát ba đường ác. Vì sao? Vì thiện nam, tín nữ bố thí thanh tịnh, muốn cúng dường Tỳ-kheo hành pháp. Tỳ-kheo phá giới nhận vật thí chỉ vì bản thân, không vì hành pháp nên chịu tội lớn như vậy. Tỳ-kheo phá giới chịu khổ nơi sinh tử, tuy làm người nhưng không được gặp Phật. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai là không thể nghĩ bàn, rất khó được gặp. Tỳ-kheo phá giới đoạn bỏ chánh pháp, không siêng tu, không được gặp Tam bảo nên không được gặp Phật ra đời, chịu quả ác như vậy.

Nghe lời đó, Đại đức Già-da Ca-diếp khóc lóc thảm thương, bạch Phật:

–Nghe lời Phật, con thà chịu khổ địa ngục, quyết không thọ thân phá giới. Vì sao? Tuy được

làm người xuất gia, nhưng vì cơm áo lại phạm giới cấm, nhận vật thí thanh tịnh, phải chịu khổ như vậy.

Phật nói:

–Ca-diếp! Đúng như lời ông nói, thà chịu khổ nơi địa ngục hơn là thọ thân phá giới ấy. Vì sao? Vì tội địa ngục hết, sẽ được thoát khổ. Ca-diếp! Thân người khó được, chư Phật khó gặp, xuất gia thọ giới Phật lại rất khó. Vì sao? Vì giữ giới sẽ đoạn trừ hết khổ não, lậu hoặc, được giải thoát. Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà cúng dường Tỳ-kheo giới đức thanh tịnh sẽ hành trọn vẹn căn lành phước đức. Họ cúng mọi vật là để Tỳ-kheo an ổn tu tập. Tỳ-kheo lại ngu si, phạm giới, bỏ mất căn lành, không thanh tịnh, làm việc trái pháp. Nếu không được cúng dường thì Tỳ-kheo ấy luôn thiếu thốn, lại nói: Ta có trí lớn, đáng nhận mọi vật, cúng hoặc cậy thế lực đoạt vật cúng của Tỳ-kheo thanh tịnh để thỏa mãn tự thân, cho vật đó không phải là vật của chư tăng, vì thế chịu khổ não.

Nghe vậy, vua Tần-bà-ta-la bạch Phật:

–Thế Tôn! Tỳ-kheo phá giới xâm đoạt vật cúng chịu quả khổ như thế. Nếu hàng tại gia chiếm đoạt vật cúng ấy sẽ chịu những tội gì?

Phật nói:

–Đại vương! Không nên hỏi như vậy.

Vua lại hỏi lần nữa. Phật nói:

–Tội ác họ phải chịu rất lớn, nếu ta nói rõ, tội ác của họ sẽ tăng. Vì sao? Vì ngu si nên chúng xâm đoạt vật cúng thanh tịnh của bốn tộc nên chịu tội lớn, nếu nghe ta nói rõ nghiệp quả sẽ hủy báng không tin thì phải chịu hai tội nặng: Đoạt vật thí và hủy báng lời Phật.

Vua lại thưa:

–Thế Tôn! Xin Phật nói cho, xin Phật nói cho. Ở đời sau, Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà tin pháp Phật, biết rõ nhân quả, sợ tội ác, phạm hạnh thanh tịnh sẽ tin hiểu nghĩa sâu xa, trước sau đều lành của Phật, tu tập đúng pháp, tạo công đức, cúng dường mọi vật cho Tỳ-kheo hành pháp. Nếu bị Tỳ-kheo phá giới cướp vật cúng, họ sẽ biết bảo vệ Tỳ-kheo hành pháp, để vị ấy không bị lăng nhục, tổn hại.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Đại vương khéo nói những lời nhiều ý nghĩa. Đại vương! Ở đời sau, Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà nào cướp vật cúng dường Tỳ-kheo trì pháp của bốn tộc sẽ chịu hai mươi quả ác trong hiện tại: Chư Thiên, thiện thần đều xa lánh; tiếng ác đồn xa; bà con bạn bè chống trái nhau; phải sống với những kẻ thù oán; mất hết tài sản; tâm cuồng loạn; không đủ các căn; thức, ngủ, không an; luôn bị đói khát; mọi vật ăn

vào đều là thuốc độc; xa lìa người thương yêu; thường tranh chấp với người cùng làm; cha mẹ, anh em, vợ con, nô bộc không tin lời; bạn bè thường vạch trần việc kín đáo; tài vật bị năm trường hợp cướp mất; thường mắc bệnh nặng không người chăm sóc; không vừa ý với các vật dụng; hình thể khô gầy; luôn chịu khổ não; nằm trên phân nhơ cho đến chết. Đại vương! Sau khi chết người ấy bị đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu khổ trong một kiếp, đói thì ăn hòn sắt, khát thì uống nước đồng, mặc toàn sắt nóng, đi đứng nằm ngồi trên đống lửa; xung quanh toàn là lửa. Hết nghiệp địa ngục thì sinh vào loài quỷ đói Mạt-già-xa-đà, ở nơi đồng trống không uống nước, không mắt, không tay chân, gió nóng luôn bức bách thân, thân hình lúc nào cũng như bị dao đâm, lăn lóc trên đất, chịu nhiều khổ não, cốt tủy rã rời, thần hồn mê loạn, luôn gào thét những tiếng hung dữ. Vô số năm trôi qua, được sinh vào loài thủy tộc trong biển, thân như khối thịt dài trăm do-tuần mà nơi ở chỉ bằng một do-tuần, nước ở đó sôi như nước đồng nấu. Vô số trăm ngàn năm sau, hóa sinh vào chốn đầm vắng nơi cõi Diêm-phù, thân hình là một đống thịt to như ngọn núi, gió nóng luôn bức bách thân, bị chim thú tranh nhau mổ rỉa. Hết nghiệp đó lại sinh vào địa ngục, trải qua vô số năm chịu khổ; lại sinh làm quỷ đói, rồi súc sinh. Cứ luân hồi cho đến khi tội lỗi bớt dần, được sinh làm

người sinh vào đời năm trược, không có Phật. Khi sinh ra đã bị mù, các căn không đủ, thân hình xấu xí không ai không gớm sợ.

Đại vương! Tội ác đời sau những kẻ ấy phải nhận chịu là vậy. Vì sao? Vì tín thí chỉ cúng dường cho Tỳ-kheo hành pháp.

Nghe thế, nhà vua khóc thương, bạch Phật:

–Thế Tôn! Thà chịu đọa vào địa ngục, quyết không làm người như thế, vì tội ác quá lớn.

Phật bảo:

–Đại vương! Các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà hiện tại và vị lai nên bảo hộ Tỳ-kheo hành pháp ngay nơi ở của mình. Nếu thiện nam, tín nữ nào cúng dường mọi vật cho Tỳ-kheo ấy, các ông nên giữ gìn chớ để Tỳ-kheo phá giới và kẻ ác cướp đoạt. Nếu kẻ ác cướp đoạt vật thí các ông hãy theo pháp trừng trị.

–Thế Tôn! Nếu có quốc vương, hoặc các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà thấy Tỳ-kheo xấu ác hoặc kẻ ác cướp đoạt vật cúng dường của Tỳ-kheo hành pháp mà không theo đúng pháp trừng trị thì chịu tội ra sao?

–Đại vương! Như Lai hỏi ông: Ngoài phước đức của chư Phật Như Lai ra, nếu một người có được đầy đủ phước đức của tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật thì phước ấy có nhiều không?

–Rất nhiều, thưa Thế Tôn!

–Đại vương! Nếu có kẻ ác cắt tay chân, tai mũi… của tất cả những người có phước ấy thì mắc bao nhiêu tội?

Nghe vậy, nhà vua đau khổ khóc thương, không sao kiềm chế được.

Phật nói:

–Đại vương! Sao không đáp?

Vua vừa khóc, vừa thưa:

–Thế Tôn! Kẻ ấy mắc vô lượng, vô số không thể tính đếm được tội ác. Thế Tôn! Tội ác cắt chặt tay chân của một người có đủ phước đức đã không thể tính đếm, huống gì là cắt hại tất cả những người có đủ phước đức.

–Đại vương! Tội lỗi của các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà không trừng trị kẻ ác hoặc Tỳ-kheo xấu ác cướp đoạt vật cúng dường Tỳ-kheo hành pháp của thiện nam, tín nữ còn hơn tội trên.

–Thế Tôn! Nếu thế việc cai trị đất nước của nhà vua là rất khó. Vì sao? Nếu nhà vua buông lung sẽ không trừng trị được những kẻ ác ấy. Thế Tôn! Nếu nhà vua, Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà trừng trị kẻ ác ấy sẽ được bao nhiêu phước.

–Đại vương! Như người có uy lực cứu thoát tất cả người đang bị giam cầm trong ngục chịu nhiều khổ não ra khỏi ngục tối, trải qua trăm ngàn năm cung cấp mọi vật cần dùng, không để thiếu thốn.

Người ấy có bao nhiêu phước đức?

–Thế Tôn! Phước đức của người ấy là vô lượng, vô biên không thể tính đếm, ví dụ được.

–Đại vương! Phước đức trừng trị kẻ ác của nhà vua, Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà kia còn nhiều hơn phước đức của người có uy lực này. Nếu người khuyên dạy những kẻ ác kia biết tội lỗi, không dám cướp vật cúng của Tỳ-kheo hành pháp thì được phước đức rất nhiều.

Nhà vua lại thưa:

–Thế Tôn! Nếu Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà bảo vệ và trừng trị kẻ ác cướp đoạt vật cúng của một Tỳ-kheo hành pháp thì cũng có được rất nhiều công đức.

Phật nói:

–Đại vương! Ông nói chưa đúng. Vì sao? Trong pháp của ta, từ một đến bốn Tỳ-kheo hành pháp vẫn không được nhận vật của thường trụ Tăng. Năm người trở lên mới được nhận. Các Tỳ-kheo hành pháp dù ở nơi A-lan-nhã hoặc trong chùa, viện, thường đánh chuông tập trung lại, Yết-ma bố tát, cùng được nhận các vật dụng, như y phục, thức ăn, thuốc men, chăn đệm. Dù là trăm ngàn Tỳ-kheo cùng ở một nơi vẫn Yết-ma bố tát, chia đều vật dụng, không tham chấp nơi các vật. Không như chim Lân-đà tham ăn thịt không bao giờ bỏ dỡ. Tỳ-kheo không như vậy, đầu giữa cuối

đêm luôn tỉnh ngủ, siêng năng đọc tụng kinh luận, thiền tọa tu đạo, quay lưng với sinh tử, hướng đến Niết-bàn, không khen mình chê người, khiêm tốn, không cao ngạo, biết đủ trong ăn uống, không phóng ra túng, buộc niệm tư duy, tâm không giong ruổi siêng năng tu học, Từ bi bảo hộ chúng sinh.

Đại vương! Ai cướp vật của Tăng chúng ấy sẽ chịu quả khổ, ai bảo vệ sẽ được phước lớn.

Đại vương! Nếu có năm Tỳ-kheo hành pháp, giới đức thanh tịnh, lo sợ tội lỗi dù nhỏ, hành đúng kinh Phật, đọc tụng, khuyên người đọc tụng không khen mình chê người, khiêm nhường, không ganh ghét, thương yêu mọi loài, cầu đạo giải thoát, vượt biển sinh tử, ở nơi chốn rừng núi vắng lặng hoặc trong một ngôi chùa, thường tập hợp Yết-ma bố tát, cùng chia vật dụng, người nào cúng dường năm vị ấy đúng pháp sẽ được phước lớn, nếu cướp đoạt vật cúng của năm vị ấy sẽ chịu tội nặng.

Đại vương! Năm Tỳ-kheo ấy có phước đức như biển lớn; là ruộng phước tối thắng của Trời, Người, A-tu-la; có thể làm cho chúng sinh thoát khổ, đạt Niết-bàn.

Đại vương! Giả sử trong chúng Tăng từ mười đến trăm ngàn người cùng sống một nơi, các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà tập hợp Tăng

chúng ấy để cúng dường. Tuy trong chúng ấy có cả Tỳ-kheo xấu ác, nhưng dù chỉ có năm Tỳ-kheo giữ giới thanh tịnh, siêng tu, bỏ việc thế gian, hướng đạo Niết-bàn thì vẫn có được phước đức lớn.

Đại vương! Các vị nên bảo hộ Tỳ-kheo hành pháp, cung cấp mọi vật dụng, đừng để thiếu thốn, đừng để kẻ ác hãm hại.

Nhà vua thưa:

–Thế Tôn! Con xin hỏi vài việc, mong Như Lai cho phép.

–Đại vương! Hãy hỏi.

–Thế Tôn! Tỳ-kheo xấu ác sống chung với Tỳ-kheo hành pháp, có được nhận vật cúng không?

Phật nói:

–Đại vương! Như Lai hỏi ông: Giả sử một người, hai người hoặc nhiều hoàng thân quốc thích đại thần phạm luật vua, sắp bị xử. Lúc đó nhà vua lại mở hội, các phạm nhân ấy có được dự lễ hội, cùng vui chơi ca hát không?

Thế Tôn! Các phạm nhân đó không được dự hội, kể cả không được gặp vợ con, huống gì là được vui chơi.

Phật nói:

–Cũng thế, Tỳ-kheo phá giới, không phải Sa-môn tự cho là Sa-môn, không thanh tịnh tự cho là thanh tịnh. Kẻ ấy như người mù, trôi lăn trong sinh

tử, phạm giới cấm của chư Phật ba đời, không được chư Phật bảo hộ, không phải đệ tử Phật, là đệ tử ma, thường đi trong cõi ác, không thuộc Tăng chúng, không được sống và thọ vật cúng trong Tăng chúng, huống gì là vật cúng thượng diệu làm sao được nhận. Kẻ ấy không thuộc pháp Phật xem như là đồ bỏ.

–Thế Tôn! Hành tướng của Tỳ-kheo phá giới ra sao?

Đại vương! Tướng phá giới ban đầu rất khó biết. Tướng ấy là không thích cúng dường Tam bảo, Hòa thượng, A-xà-lê, không tin tu bốn pháp Thánh, và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Tâm tham vật cúng, không hổ thẹn, làm bạn với người thế tục, tự khen mình, cao ngạo, khinh miệt người khác, không thích nói lời chánh pháp, chỉ thích bàn chuyện thế gian, tạo nghiệp ma, não loạn Tăng chúng, người nói một lời thì nói lại mười lời, buông lung, không khiêm nhường, như thú dữ, chim ác, cứ kêu gào để lấn lướt người khác, tuy xuất gia sống trong Tăng chúng nhưng luôn dối gạt, thâm độc. Như kẻ cướp của những người buôn, Tỳ-kheo ác là giặc cướp trong chúng Tăng, là hoa Câu-lan-trá không sắc không hương, tâm không hòa hợp, luôn nói lời tranh chấp, tham danh vọng, lợi dưỡng kết bạn với Tỳ-kheo ác và kẻ thế tục, nhưng chưa trộm vật của Tăng chúng nên rất khó biết. Đó là tướng phá giới ban đầu. Nếu trộm

tăng vật sẽ là tướng phá giới. Khi hiện tướng phá giới, pháp Tỳ-kheo sẽ mất, phạm tội Ba-la-di, không phải là Sa-môn, không được sống chung với Tỳ-kheo hành pháp, bị đuổi khỏi chúng.

Đại vương! Tỳ-kheo giữ giới thà sống chung với Chiên-đàn-la còn hơn là sống chung với Tỳ-kheo phá giới. Ví như cây khô dễ bị cháy, khi gốc rễ đã cháy, cành lá sẽ không còn. Tỳ-kheo phá giới cũng vậy, lửa phá giới thiêu cháy hết công đức, căn lành đều hết, đời sau đọa vào ba đường ác, không Từ bi, tạo nghiệp ma, hủy báng Hiền thánh, đoạn tuyệt Tam bảo, làm khô biển pháp, hoại thành pháp, dối gạt thí chủ, não loạn chúng thanh tịnh, không tùy thuận chư Tăng hành pháp, trộm vật Tăng chúng. Tuy được các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà thí cúng mọi vật nhưng không được đến cõi trời, người, đọa trong đường ác.

Đại vương! Các ông nên biết, Tỳ-kheo phá giới không biết hổ thẹn, trộm vật của Tăng chúng làm vật riêng. Tỳ-kheo hành pháp cần biết, không sống chung với Tỳ-kheo phá ác, khởi tâm thương yêu, khuyên dạy khiến Tỳ-kheo ác ra khỏi Tăng chúng, nên nói: Chư vị! Các vị không nên ở đây. Khuyên đến lần thứ ba. Nếu Tỳ-kheo ác đó ra đi thì tốt, nhưng nếu không đi thì Tỳ-kheo hành pháp không được tức giận mắng nhiếc, nên nói với vua, Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, người có uy

lực đó là Tỳ-kheo xấu ác, luôn não loạn Tăng chúng, không để chúng Tăng an tâm hành đạo. Xin các vị bảo hộ, đừng để Tỳ-kheo xấu ác tổn hại. Vua, Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà cần đuổi các Tỳ-kheo ác đó. Nếu vua, Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà nhận tài vật của Tỳ-kheo ác, không đuổi đi, Tỳ-kheo hành pháp cũng không nên giận, không tham tài vật, nơi ở, im lặng ra đi đến nơi an ổn hoặc trong núi rừng, hoặc chốn vắng vẻ để ở.

Nghe vậy, nhà vua lại khóc thương, bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì tham tài vật, Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà che chở cho Tỳ-kheo phá giới, để các Tỳ-kheo hành pháp phải ra đi. Vì tội ấy nên đời sau Bà-la-môn sẽ bị đọa nơi địa ngục, chịu vô lượng khổ, trôi lăn mãi trong ba đường ác. Dù hằng hà sa số chư Phật luôn vào sinh tử độ chúng nhưng các Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà đó vẫn không thoát khổ, không được làm người. Vì sao? Vì không nghe lời của Tỳ-kheo hành pháp, không biết cúng dường Tỳ-kheo hành pháp.

Phật nói:

–Đại vương! Đời sau, các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà cúng dường Tỳ-kheo hành pháp, xây chùa, tịnh thất, hoặc am tranh nơi rừng vắng, cúng các vật dụng, ruộng vườn, tài vật, thuốc men sẽ được sinh vào dòng cao quý, sáu cõi

trời của Dục giới, hoặc sinh vào cõi Phật, được gặp Phật nghe pháp, sớm đạt quả Bồ-đề vô thượng. Người nào cầu phước và đạo Niết-bàn trong pháp ta nên cúng dường Tỳ-kheo hành pháp.

Nhà vua lại thưa:

–Thế Tôn! Nếu các Tỳ-kheo chỉ phạm tướng phá giới ban đầu, chưa trộm vật của Tăng chúng thì vì sao lại không được sống chung, được hưởng thọ vật dụng với Tỳ-kheo hành pháp.

Phật nói:

–Như Lai hỏi ông, nếu đại thần, tể tướng phạm luật vua, mắc tội nặng nhưng chưa phạm vào tội bị xử giết, người ấy có được dự yến tiệc, vui chơi thọ lạc trong hội yến do vua tổ chức không?

–Thế Tôn! Ngay cả việc trông thấy hãy còn không muốn được, huống gì là cùng dự yến tiệc, cùng vui chơi.

–Đại vương! Phú-già-la tạo nghiệp ác, sẽ bị đọa trong ba đường ác, nhưng lại nhận ruộng vườn, xe ngựa của người khác, kẻ ấy không phải là đệ tử Phật, không phải là Sa-môn, là kẻ có tội lớn trong pháp Phật ba đời, không được sống chung và hưởng thọ vật dụng với Tỳ-kheo hành pháp. Nếu các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi thấy Tỳ-kheo ác sống chung và hưởng vật dụng với Tỳ-kheo hành pháp mà không đuổi đi thì đắc tội lớn

đối với pháp của chư Phật ba đời. Dù hành trì nhiều pháp thí các Bà-la-môn, Sát-lợi đó vẫn không thoát khỏi tội ác, nhất định bị đọa vào ngục A-tỳ. Vì thế, nếu muốn lợi mình lợi người thì không nên che chở Tỳ-kheo phá giới. Vì sao? Người cúng dường cho Tỳ-kheo xấu ác sẽ mất căn lành cõi trời, người, đoạn tuyệt Tam bảo, đọa vào cõi ác. Bà-la-môn, Sát-lợi không che chở Tỳ-kheo ác, không để Tỳ-kheo ác sống chung và thọ hưởng vật dụng với Tỳ-kheo hành pháp, dù không tu tập pháp khác, các Bà-la-môn, Sát-lợi đó vẫn là đệ tử của chư Phật ba đời, bảo hộ chánh pháp Phật, sau khi chết sẽ sinh vào cõi Phật, sớm đạt quả Bồ-đề vô thượng.

Vì thế, đại vương! Các ông nên cúng dường Tỳ-kheo hành pháp kể cả thời pháp sắp diệt. Như thế, Tam bảo được trường tồn. Nếu không bảo hộ Tỳ-kheo hành pháp, chánh pháp của Phật sẽ diệt. Pháp Phật còn sẽ giảm bớt cõi ác.

Vua thưa:

–Thế Tôn! Người nào có thể bảo hộ vật của chư Tăng, cúng dường Tỳ-kheo hành pháp?

Phật nói:

–Đại vương! Hai hạng người có thể làm việc ấy: A-la-hán đủ tám Giải thoát; các vị đạt quả Tu-đà-hoàn, A-na-hàm. Các Tỳ-kheo khác không thể làm được vì hoặc thiếu giới, hoặc tâm không bình

đẳng.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 35

Phẩm 14: NHẬY TẠNG

Phần 2: ĐÀ-LA-NI (1)

Lúc Đức Phật nêu giảng pháp này cho vua Tần-bà-ta-la, cách vô lượng, vô số hằng hà sa cõi Phật về phía Đông, có cõi nước Vô tận đức, Phật hiệu Chiêm-ba-ca Hoa Sắc, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng đủ mười tôn hiệu, đang giảng pháp vi diệu, giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát Nhật Hạnh Tạng, bỗng nhìn lên hư không, thấy vô số a-tăng-kỳ Đại Bồ-tát từ phương Đông đi về phương Tây, lại thấy ở phương Tây có ánh sáng lớn, các Bồ-tát đi theo hướng ánh sáng. Thấy vậy, Bồ-tát Nhật Hạnh Tạng rời chỗ ngồi, cung kính lạy Phật chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn! Con thấy trong hư không có vô lượng, vô biên Bồ-tát từ phương Đông đi về phương Tây, lại thấy ở phương Tây có ánh sáng lớn, các Bồ-tát đi theo hướng ánh sáng. Ánh sáng đó vì sao mà có?

Đức Chiêm-ba-ca Hoa Sắc nói:

–Thiện nam! Cách vô lượng vô bên hằng hà sa cõi nước về phương Tây, có cõi Ta-bà (đủ năm trược), Đức Phật ở thế giới ấy hiệu Thích-ca Mâu-ni là Đấng Như Lai, Ứng Cúng đủ mười tôn hiệu, tập hợp đại chúng, dùng phương tiện giảng về ba thừa, bàn luận pháp môn, giáo hóa chúng sinh, để chánh pháp trường tồn, Tam bảo không đoạn mất, pháp hạnh thường tại, Ma vương không còn thế lực, dựng phướn pháp. Vì thế các Đại Bồ-tát đều tập hợp về cõi đó. Chư Phật mười phương cũng đã đến đó nói Đà-la-ni Bảo tràng. Đức Thích-ca đã giảng về ba thừa, bốn Trí vô ngại, bốn Phạm hạnh, bốn Nhiếp pháp cho tất cả đại chúng. Chúng sinh ở cõi Ta-bà từ mặt đất đến hư không đều khao khát, vui thích lắng nghe. Vì sao? Vì pháp Đức Phật Thích-ca giảng như vị cam lồ, tất cả đều chí tâm lãnh hội, không chán mệt. Với nguyện hạnh của Thế Tôn Thích-ca nên các Bồ-tát mười phương đều tập họp về. Các Bồ-tát đó, có vị tu hành suốt trăm kiếp, có vị đạt một đời thành Phật, có vị tự tu tập mười tám pháp Bất cộng, có vị đạt trí tuệ vô ngại tự tại và đầy đủ phương tiện. Các Bồ-tát đến đó, an tọa, dùng sức phương tiện căn lành nhập Tam-muội, thân phóng ra vô số ánh sáng, hoặc như ánh sáng một ngọn đèn, hoặc như lửa trên núi cao, hoặc như ánh sáng của một, hai, mười, một trăm ngàn mặt trời, hoặc như ánh sáng

của vô số trăm vạn mặt trời. Với oai lực của chư Bồ-tát ấy, nên trụ xứ tập hợp bao trùm cả tam thiên đại thiên cõi nước vì nhằm khiến cho cõi Ta-bà được trang nghiêm phước đức, bốn đại điều hòa, tăng trưởng các địa, chúng sinh cùng khỏe mạnh, đạt bốn Niệm xứ, tinh tấn, bỏ tham lam, hành bố thí, làm thanh tịnh cõi Phật và chúng sinh. Hơn nữa, các Bồ-tát mười phương chưa đến cõi Ta-bà, khi xuất định, thấy ánh sáng này cũng đều muốn đến đây, để được gặp Đức Thích-ca, và đại chúng, được cung kính lễ bái Phật, được nghe pháp vi diệu, được nghe Đà-la-ni đoạn nghiệp ác của chúng sinh và pháp hạnh Nhật tạng tiêu hủy lửa dữ nơi của cảnh giới ma. Các Bồ-tát tập hợp về đó đều tùy sức căn lành của mình mà nhập thiền định. Vậy ông hãy xuất định và nên đến cõi đó. Thiện nam! Chúng sinh cõi ấy tạo nhiều nghiệp ác, tham ái, bị trói buộc trong phiền não, người nữ thì xấu xí nhưng tự cho là xinh đẹp, như kẻ say không tự tỉnh, đầy những cấu uế lại tự cho là thanh tịnh, luôn nói lời ác, không chân thật, thích dâm dục, hành hạnh bất tịnh, ngu tối lại tự cho là có trí, keo kiệt lại tự cho là luôn bố thí, tâm dối trá lại hiện tướng chân thật, hay ganh ghét trước việc tốt của người khác, miệng nói lời khen ngợi nhưng tâm lại tức giận, thích phá hoại nhưng lại hiện tướng hòa hợp, tà chấp lại cho là chánh kiến. Chúng sinh ở đó cũng có người đạt định thần thông của thân,

có người đạt năm thông, có người từng tu bốn Thiền song lại bị người nữ mê hoặc, tâm đắm nhiễm, bị tham dục sai khiến, chỉ trong chốc lát mất hết công đức, hành đạo vào cõi ác, vì người nữ mà bị đọa như thế. Thiện nam! Cõi ấy, có nhiều sự độc ác như vậy, ông có đủ khả năng đến đấy không? Thiện nam! Ta sẽ trao cho ông Đà-la-ni. Ta sẽ nói Đà-la-ni Tứ đế thuận nhẫn để ông đến đó. Đà-la-ni này có sức mạnh, tạo nhiều điều lợi ích, đoạn tham của ba cõi, trừ kiêu mạn, bất tịnh, việc vui chơi ca múa vô ích, dứt trừ chấp ngã, nghi, thường, đoạn, giới thủ, biên kiến, chúng sinh, chướng ngại, Bổ-sa, Phú-già-la, tạo nhận, sắc, thanh, hương, vị, xúc, bốn đại, sinh, diệt, pháp bốn Đế thuận nhẫn này giúp biết rõ về sắc ấm thức ấm, mười hai nhập, mười tám giới, và xả bỏ tất cả, soi rọi các pháp, thấy đạo Niết-bàn. Vì sao? Chúng sinh ở đó phần nhiều si ám như kẻ mù, Đà-la-ni này bao hàm tạng pháp không thể nghĩ bàn, đoạn trừ mọi tà chấp, đạt tự tại, diệt quân ma, cõi ma, việc ma, hàng phục tất cả ngoại đạo, làm cho rồng độc ác phải kinh sợ, giúp chư Thiên vui vẻ, giúp cho Dạ-xoa lành được an ổn, làm kinh sợ A-tu-la, Ca-lâu-la, khiến Khẩn-na-la vui mừng, Ma-hầu-la-già, hoang sợ khởi lòng tin nơi Sát-lợi, giúp Bà-la-môn an trụ nơi pháp Phật, khởi lòng tin nơi Tỳ-xá, làm vui Thủ-đà, đoạn tham dục nơi người nữ, đem lại an lạc cho bậc học rộng, giúp người tu

thiền được an ổn, trừ mọi việc tranh chấp xấu ác, diệt đói khát và nạn chết yểu, trừ giặc cướp, mưa bão, thú dữ, lụt lội, hạn hán, lạnh nóng phi thời, khiến chúng sinh hết lo sợ, đạt tận trí và vô sinh trí, xua tan vô minh, từ bỏ gánh nặng sinh tử. Đức Phật nói chú:

Tả diệt tha, bà duệ bà dã ba lí bà lệ, bà hê bà ha ba lí bà lệ, tất lợi di tỉ tất lợi di tỉ ba lí bà lệ, a bãi a bả ba lí bà lệ, đê thệ đê xã ba lí bà lệ, mạt lệ mạt la ba lí bà lệ, kiếp kiệt kiếp già ba lí bà lệ, a lư xí a lư ca ba lí bà lệ, tát tha mê, tát tha ma ba lí bà lệ, át la thệ át la xã ba lí bà lệ, tỉ lệ tỉ la ba lí bà lệ, già mê già ma ba lí bà lệ, a bồ bà a bồ bà ba lí bà lệ, la ma la ma la mê át la gia giả yết la la, la la hà la, la ma bệ đạp bà, nhượng na phục đa, già la di phục đa, yết la ma ba lí bà lệ, khảm sô yết la hê khảm sô yết la ha ba lí bà lệ, thâu lô đán la yết la hê thâu lô đán la yết la ha ba lí bà lệ, già la na yết la hê già ha na yết la ha ba lí bà lệ, thập bà yết la hê thập bà yết la ha ba lí bà lệ, ca da yết la hê ca da yết la ha ba lí bà lệ, ma na yết la hê ma na yết la ha ba lí bà lệ, tập bạt át lợi xả yết la hê tập bả yết lợi xả yết la ha ba lí bà lệ, bỉnh đa na yết la hê bỉnh đa na yết la ha ba lí bà lệ, đát lí sắt na yết la hê đát lí sắc na yết la ha ba lí bà lệ, ưu ba đà na yết la hê ưu ba đà na yết la ha ba lí bà lệ, bà bà yết la hê bà bà yết la ha ba lí bà lệ, xà đế yết la hê xà đế yết la ha ba lí bà lệ, xả la ma la na yết la hê xả ha

ma la na yết la ha ba lí bà lệ, độc khư sang đa bả yết la hê độc khư sang đa bả yết la ha ba lí bà lệ, a la ba la đạp bệ xả yết la hê a la ba la đạp bệ xả yết la ha ba lí bà lệ, a bạt đa bỉnh bà đa tả, a bạt la mạt bã ma ta ngợi bỉnh giã, tỳ ni bạt a lợi di giã yết la xả tát bỉnh già yết đế, ta ba ha.

Thiện nam! Ông hãy thọ trì Đà-la-ni này để đến cõi Ta-bà thăm hỏi Đức Thích-ca Mâu-ni, thưa: Cách đây vô lượng hằng hà sa cõi Phật về phương Đông, ở cõi Vô Tận Đức, Đức Phật Chiêm-ba-ca Hoa Sắc dạy con trao Đà-la-ni Tứ đế thuận nhẫn lên Như Lai, hỏi thăm Như Lai ít bệnh, ít buồn, an lạc, đệ tử có an ổn, có hành đúng pháp Phật không? Đức Thích-ca đã diệt cõi ma và cõi rồng ác, siêu việt trên các Thánh, chuyển xe pháp mầu. Vì chúng sinh năm trược chưa đoạn hết chướng ngại nên ta trao Đà-la-ni ấy. Người thọ trì đọc tụng Đà-la-ni này sẽ có oai lực lớn.

Đại Bồ-tát Nhật Hạnh Tạng thưa:

–Con đã thọ trì Đà-la-ni và đạt oai lực lớn, có thể đến cõi Ta-bà nói lại chú này, nhưng con còn lo ngại. Vì sao? Vì con nghe Phật dạy chúng sinh ở đó nhiều tham dục, người nữ xảo trá, thường mê hoặc người, xấu xí lại cho là xinh đẹp, ngu tối lại cho là có trí, khiến cho chúng sinh mãi đắm chìm trong tham dục, mê hoặc cả các bậc có trí đạt năm thông… khiến họ mất hết thần thông trí tuệ chỉ trong nháy mắt.

Đức Phật bảo:

–Thiện nam! Ông không nên vì sự an lạc của bản thân phải nên vì lợi ích cho mọi loài mà đến đó. Thiện nam! Trong chúng của Đức Phật Thích-ca có một cư sĩ nam tên là Tỳ-ma-la-cật, lẽ nào không phải là hóa thân của ông sao?

Bồ-tát im lặng.

Phật nói:

–Thiện nam! Sao không trả lời? Phật hỏi đến lần thứ ba, Bồ-tát mới đáp:

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Vì giáo hóa chúng sinh ở thế giới ấy nên con hóa hiện mang tên Tỳ-ma-la-cật. Chúng sinh ở cõi đó đều gọi con là cư sĩ Tỳ-ma-la-cật. Thế Tôn! Vì độ sinh nên con hiện vô số thân ở các cõi Phật như Phạm thiên, Đế Thích, Các Thiên vương Diệm-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, Rồng, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Thanh văn, Bích-chi-phật, vua cõi người, Sát-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, phụ nữ, đồng nam, đồng nữ, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Thế Tôn! Tám vạn Đại Bồ-tát từng tu tập với con cũng muốn đến cõi Ta-bà để diện kiến Đức Thích-ca và đại chúng, để nghe pháp. Song các Bồ-tát có vị chưa định tâm còn sợ dễ tham nhiễm, gần kẻ ác lại sinh tâm điên đảo.

Đức Phật nói:

–Thiện nam! Chớ lo sợ ta sẽ giảng về các hạnh:

đoạn thọ nhận, pháp không hình tướng, điều phục địa; giải thoát; đạt đến bờ giác; tánh của Tam bảo trường tồn không diệt, đại Từ bi, giải thoát Nhất thiết trí, trừ bốn ma, hàng phục ngoại đạo, đạt tận trí vô sinh trí, đoạn nghiệp, ấm, thọ mạng. Thiện nam! Ta nói Đà-la-ni Nhật nhãn liên hoa cho các ông. Đà-la-ni này làm cho chúng sinh chán ghét lao ngục sinh tử ba cõi, đạt Tam-muội vô tướng giải thoát, Tam-ma-bạt-đề vô tướng, xả trí thân sau cùng, nhập Niết-bàn. Thiện nam! Người thọ trì Đà-la-ni này sẽ đoạn hết phiền não, tham dục, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời bảy lần, đạt Túc mạng trí, không nhiễm dục, đạt quả Thánh, được chư Thiên cúng dường, hết tuổi thọ ở cõi trời, sinh vào cõi người bảy lần, tuy ở trong cõi Dục nhưng không nhiễm dục, đạt quả Thánh trong cõi người, được mọi người tôn kính, cúng dường. Thiện nam! Người nào, chí tâm lắng nghe Đà-la-ni này bảy lần, sau khi chết sẽ sinh về cõi trời bảy lần, đạt năm thông, là thầy của chư Thiên được chư Thiên tôn kính cúng dường, sau khi hết tuổi thọ cõi trời, sinh vào cõi người bảy lần, đạt năm thông, là thầy cõi người, được các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la cúng dường. Thiện nam! Nếu có người giảng Đà-la-ni này bảy lần cho chư Thiên nghe, nghe được, chư Thiên, Thiên nữ đều đoạn năm dục, tu thiền định. Sát-lợi, Bà-la-môn, Thủ-đà, Tỳ-xá nghe Đà-la-ni

này bảy lần sẽ phát tâm xuất gia. Người nữ nghe chú này, bảy ngày đêm chuyên tâm thọ trì, sau khi chết chuyển thân thành người nam, thọ sinh ở đâu đều đoạn hết tham dục, phiền não, kiên định tâm Bồ-đề vô thượng, cho đến lúc đạt Niết-bàn đều không còn thọ thân nữ, trừ phi nguyện thọ thân nữ để độ sinh.

Thiện nam! Người trì chú này vào thuốc bảy lần, lấy thuốc xoa lên mặt trống, khi đánh trống, âm thanh phát ra đến đâu, nơi đó không có mọi việc xấu ác như trùng độc, thuốc độc, phù chú, dâm dục, phiền não… Đức Phật liền nói chú:

Đa điệt tha, tỉ đà ma đế, tì lư ca ma đế, lật lệ kỳ đa hỉ lợi sư, âu chế, tô lâu âu chế, Phật địa tùy Phật địa, ma ha phật địa, tước nô ma đề, tước nô ma đa, bác lã để sư đạt ni, a la già ma lư bà, a la già độ lư bà, bát để sư đạt nị, an lặc ky chiên đà la, ha ha chất trí, ha đị nhĩ, ha đa ca ma bĩnh kỳ ha đa phú na yết la bà bà, yết la di ha đa khảm tam sô ma đế, ha đa tì ma đa Phật địa, ha đa tì ma tam ma yết li, ha đa tam lão đa la xã tỳ, ha đa bỉnh ma đa yết la thệ, ha đa diệt giới, ha đa giả giả đế, ha đa đạt ma yết la thệ, ha đa bổ hô yết la thệ, ha đa bã xã ma đế, ha đa lô già yết la xã di, ha đa đạt ma đề mặt đế, ha đa tát ba ưu ba đà na nhược nhứ nhược, tì xã thọ thụ, tì giả xã nhược nhược bà la mạt già nhược nhược lật xa án đa, bà la già độc kỳ ta bà ha.

Thiện nam! Đà-la-ni này làm khô dòng ái dục, vượt biển khổ đến bờ giác. Các ông hãy chí tâm thọ trì, đến thế giới Ta-bà nói lại cho đại chúng. Vì sao? Vì cõi Ta-bà có vô số việc ma, độc dược, trùng độc muốn tiêu diệt pháp lành của chúng sinh. Thọ trì chú này các ông sẽ không bị năm dục, quân ma hãm hại, huống gì là bị dục nhiễm!

Nghe lời Phật dạy Bồ-tát Nhật Hạnh Tạng cùng vô số trăm ngàn vạn ức Bồ-tát, trời người đều bạch Phật:

–Thế Tôn! Công đức, trí tuệ, biện tài của Như Lai thật không thể nghĩ bàn, từ xưa đến nay chúng con chưa tưng nghe Đà-la-ni đoạn dục như vậy.

Lúc đó, tám vạn bốn ngàn người nữ chuyên tâm lắng nghe, tin kính, chuyển được thân nữ, kiên định tâm Bồ-đề vô thượng. Đức Phật đưa tràng hoa Chiêm-ba-ca cho Bồ-tát Nhật Hạnh Tạng bảo:

–Ông đến thế giới Ta-bà cúng dường Đức Thích-ca tràng hoa này và hai Đà-la-ni trên.

Bồ-tát im lặng vâng lời. Tám vạn Bồ-tát lại bạch Phật:

–Thế Tôn! Chúng con muốn đến cõi Ta-bà để gặp Đức Thích-ca và đại chúng, để nghe pháp vi diệu.

Phật nói:

–Thiện nam! Tùy theo ý các ông, hãy biến thành Phạm thiên để đến cõi Ta-bà.

Nghe lời Phật, các Bồ-tát đều biến thành Phạm thiên, lạy Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Đến thế giới Ta-bà, Bồ-tát tung tràng hoa Chiêm-ba-la lên cúng dường Phật, cúi lạy Phật, lui ra ngồi một bên.

Lúc đó, Đức Thích-ca vẫn đang giảng pháp cho vua Tần-bà-ta-la.

Cách Ta-bà vô số hằng hà sa cõi nước về phương Nam, có cõi nước Ca-sa tràng (đủ năm trược). Đức Phật thế giới ấy hiệu Sơn Đế Thích Vương, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng đủ mười tôn hiệu, đang giảng pháp cho đại chúng. Đại Bồ-tát Hương Tượng nhìn lên hư không chợt thấy có vô số a-tăng-kỳ Bồ-tát từ phương Nam đi về phương Bắc, lại thấy ở phương Bắc có ánh sáng lớn. Bồ-tát liền hỏi Phật:

–Thế Tôn! Vì sao các Bồ-tát từ phương Nam đi về phương Bắc?

Phật nói:

–Thiện nam! Cách đây vô số hằng hà sa cõi Phật về phương Bắc, có cõi nước Ta-bà (đủ năm thứ ô trược) Đức Phật thế giới ấy hiệu là Thích-ca Mâu-ni đang giảng pháp ba thừa cho vô số đại chúng, để giáo hóa chúng sinh, khiến cho chánh pháp được trường tồn, Tam bảo không đoạn, tăng trưởng pháp hạnh, diệt cảnh giới ma, dựng cờ phướn chánh pháp. Chư Phật mười phương đã đến

cõi đó, nói Đà-la-ni Bảo tràng. Đức Thích-ca vẫn đang giảng pháp cho các Bồ-tát, Thanh văn, đại chúng. Chúng sinh ở đó từ mặt đất đến hư không đều thích nghe pháp. Vì sao? Vì pháp do Đức Thích-ca giảng nói là pháp vi diệu, lời của Phật như vị cam lồ, làm cho người nghe không nhàm chán. Thiện nam! Ông có muốn đến thế giới đó để nghe pháp không? Ta muốn trao Đà-la-ni Tùy thuận không nhẫn cho Đức Thích-ca. Đà-la-ni này có sức mạnh lớn tạo lợi lạc cho mọi loài, đoạn tham dục ba cõi, trừ các tánh kiêu mạn, sinh khởi tận trí và vô sinh trí, trừ vô minh u tối, đặt gánh nặng khổ xuống.

Đức Phật liền nói chú:

Đa diệt tha, đầu ma đế đầu ma đế, ác kỳ đầu ma đế, bát la bà bà đầu ma đế, tát bà ca đầu ma đế, a bỉnh kiếp già bội bỉnh na kiếp già, túy chu kiếp già, a bà mạt ha kiếp già, a na niết giã kiếp già, tì gia Phật lí đế kiếp già, tăng vu lũ giả kiếp già, a ni ma kiếp khư lô giả na kiếp già, thi khí kiếp già, tì để mị la kiếp già, hựu sô ma kiếp già, ô la kiếp già, át kỳ kiếp già, gia bà ma na kiếp bà, vưu lũ bả kiếp già, gia bà tì lan na kiếp già, khảm sô đà đế kiếp già, gia bà ma na tì lan na đà đế kiếp già, tất lợi di bệ đà đế kiếp già, da bà tì lang na đà đế kiếp già, gia bà a phong bất đạt xà a bỉnh ni ca Phật đà đạt giã, tỉ bà na tỳ kỳ bà, a na na na, a bệ bồ na na, tam lão đà la na na, tát bà ca la na na la, tát bà tăng tát

tha na tì cù bã na na, a hệ nhược na na, xoa bà xoa bà y lê y la, y lê y la, mị lợi, ta bà ha.

Thiện nam! Ông hãy thọ trì Đà-la-ni này, đến cõi Ta-bà để giáo hóa chúng sinh, thăm hỏi Đức Thích-ca.

Bồ-tát Hương Tượng thưa:

–Thế Tôn! Con đã thọ trì Đà-la-ni này, đủ oai lực, lợi ích, định đến cõi kia nhưng còn e ngại. Vì sao? Con nghe Phật dạy chúng sinh ở đó nhiều tham ác, người nữ dối trá độc ác, mê hoặc cả bậc trí đạt năm thông, làm cho họ mất hết công đức trí chỉ trong chốc lát bị đọa địa ngục. Vì thế con lo sợ.

Đức Phật bảo:

–Thiện nam! Trên núi Tuyết có mười ba duyên làm cho gió trong hư không mát mẻ, giúp trừ nóng bức, nước sông suối đều mát. Thiện nam! Cũng thế có mười ba nhân duyên để bậc trí tuệ đạt Nhẫn vô sinh, phòng hộ thân tâm, không khởi phiền não, sáu căn thanh tịnh, không trôi trong vòng vô minh, giảng giải pháp không chúng sinh… giúp kẻ ngu đoạn si, đặt gánh năm ấm xuống.

Thiện nam! Ông đã đủ mười ba nhân duyên ấy cớ sao lại sợ. Ông đã từng hóa hiện vô số thân tướng để giáo hóa chúng sinh như Phạm thiên, Ma-hê-thủ-la, Đế Thích, Na-la-diên, Trời, Dạ-xoa, Rồng, A-tu-la, Chuyển luân thánh vương,

thầy thuốc giỏi, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Đại thần, Thanh văn, Bích-chi-phật, cớ sao giờ lại lo sợ?

Thiện nam! Chớ nên lo sợ, ta sẽ giảng các hạnh căn lành không cùng tận được thọ ký, Nhất thiết trí hủy hoại bốn ma, khiến Tam bảo trường tồn, diệt cảnh giới rồng độc, tiêu hết nghiệp ác của chúng sinh, Từ bi độ sinh, cứu thoát ba đường ác, đem an vui cho tất cả muôn loài, trừ kiến chấp, ái, nguyện, pháp ác cho chúng sinh, giải cứu chúng sinh ở địa ngục, bỏ thân nữ đạt thân trượng phu, giảng về các ấm không cùng tận, trừ tâm ganh ghét nơi chúng sinh, đạt thần thông Tam-muội không cùng tận, đưa chúng sinh đến đạo Bồ-đề, bỏ pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, giảng Niết-bàn tối thắng. Chúng sinh nào nghe pháp hạnh thọ ký không cùng tận này, khởi lòng kính tin sẽ trừ diệt tất cả vô lượng sinh tử, hằng hà sa nghiệp chướng, chúng sinh chướng, phiền não chướng, các pháp chướng ngại căn lành, không bị tội báo, không sinh vào cõi ác, trừ ba tội phải chịu quả báo: Năm vô gián, hủy báng chánh pháp, hủy báng Thánh hiền. Chúng sinh nào nghe pháp đó chỉ trong một niệm khởi lòng tin thọ trì thì không phải chịu quả báo của hằng hà sa nghiệp ác thích tu căn lành. Khi hành hạnh bố thí, chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, La-hán khắp mười phương đều gia hộ thần lực, có nhiều của báu bố thí mãi, cho cả đầu mắt

cốt tủy không ganh ghét, tâm luôn bình đẳng, gieo vào ruộng phước thù thắng, không thấy mình ban cho, không thấy người nhận, không bị Trời, Rồng, A-tu-la, Càn-thát-bà, Dạ-xoa cản trở, trừ ba tội nặng trên phải chịu quả báo vì chư Phật, Thánh hiền không gia hộ người phạm ba tội trên. Khi hành giới Ba-la-mật, luôn siêng năng an trụ nhẫn nhục, tâm luôn vui vẻ, tùy thuận, thương yêu chúng sinh như con một, như bản thân, được Thánh hiền ngợi khen, được Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, Rồng, Thần, Dạ-xoa, Nhân phi nhân, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà tôn kính cúng dường, không cao ngạo, không chê người, không thích cất chứa y phục, thức ăn thân tâm không lo buồn, mỗi ngày đêm hành sáu thời pháp, thức ngủ an ổn, đầy đủ vật dụng, thương yêu chúng sinh, tùy thuận mọi loài, lúc sắp chết được gặp chư Phật, được chư Phật ngợi khen:

–Hay thay, hay thay! Đại trượng phu khéo giữ giới thanh tịnh, ngươi sẽ được sinh về cõi Phật thanh tịnh, đạt vị mười Địa. Nhờ thấy Phật, người ấy thanh tịnh tâm. Vui vẻ, xả thân sinh về cõi Phật, sớm đạt mười Địa, không bao lâu sẽ đạt quả vị Bồ-đề vô thượng.

Khi hành Nhẫn ba-la-mật, được chư Thánh hiền gia hộ, đạt pháp nhẫn, không phân biệt kia đây, ta, chúng sinh, dù bị chặt tay chân, hay bị xẻo mũi, tai vẫn không sân hận, được trời người cúng

dường tôn kính, sớm đạt Bồ-đề vô thượng. Khi hành hạnh Tinh tấn ba-la-mật, người ấy hành bốn Nhiếp pháp giáo hóa chúng sinh, được Trời, Người, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Dạ-xoa tôn kính, lễ bái, cúng dường hương hoa, tiếng tốt vang xa, được trời người yêu kính bảo hộ, thích gần gũi, sớm đạt Bồ-đề vô thượng. Khi tu Thiền ba-la-mật cũng được Hiền thánh gia hộ, đạt bốn Thiền, bốn không, Tam-ma-bạt-đề, ngàn vạn Tam-ma-đề, Đà-la-ni, nhẫn, được chư Phật bảo hộ, trời người tôn kính cúng dường, mau chóng đạt Bồ-đề vô thượng. Lúc hành Bát-nhã ba-la-mật cũng được chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, La-hán gia hộ, tâm an ổn, xa nơi ồn ào, đạt pháp tối thắng, thành tựu căn trí Thánh nhân, hoàn tất mọi việc, trừ lưới nghi, không chướng ngại trong các pháp, không bị Trời, Người, A-tu-la tổn hại, được tám bộ chúng trời người cúng dường, tôn kính, bảo vệ gần gũi, tự cúng dường hoặc khuyên người khác cúng dường, lúc sắp chết được thấy chư Phật mười phương, được Phật xoa đầu khen ngợi:

–Hay thay, hay thay! Đại trượng phu! Sẽ được sinh về cõi Phật đạt mười Địa. Nhờ vậy người này vui vẻ, xả thân sinh về cõi Phật, an trụ nơi mười Địa, không bao lâu chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Thiện nam! Đà-la-ni đó có công đức oai lực lớn như thế, ông hãy thọ trì rồi đến cõi Ta-bà,

không nên lo sợ. Thiện nam! Đức Thích-ca từng nguyện: Chúng sinh tạo năm tội nghịch, hủy báng kinh Đại thừa, phạm tội Ba la di, không được sinh về cõi Phật thanh tịnh, sẽ được sinh về cõi ta, được ta giáo hóa. Vì thế, chúng sinh xấu ác đều sinh về cõi ấy. Thiện nam! Chúng sinh xấu ác đó nghe Đà-la-ni này, suốt bảy năm hành các hạnh Từ bi, không dao động, thương yêu, bình đẳng, không nói hai lời, thô ác, dối trá, thêu dệt, ngày đêm niệm Phật thân tâm thanh tịnh, sáu thời chắp tay hướng về chư Phật mười phương niệm Đà-la-ni này, người ấy sẽ đoạn tất cả nghiệp chướng. Người nữ nào muốn được tự tại thì ngày đêm sáu thời niệm Đà-la-ni này suốt trong bảy tháng sẽ được toại nguyện, không còn thọ thân nữ cho đến khi đạt quả Bồ-đề vô thượng, trừ thệ nguyện thọ thân nữ để độ sinh. Người nữ nào muốn có người chồng tốt, được vào nhà giàu sang, có nhiều con cái, hoặc không con cái thì nên thanh tịnh thân tâm, đến nơi thanh vắng, ngày đêm sáu thời quỳ gối chắp tay hướng về chư Phật, chuyên tâm niệm Đà-la-ni này, sẽ được toại nguyện.

Thiện nam! Đà-la-ni này có công đức uy lực lớn, từ xưa nay ông chưa được nghe.

Đức Phật liền nói chú:

Đa điệt tha, xả la ma tì dạ giã, thức xoa tì dạ giã, tỉ mị lí đế tì dạ giã, bat la hà na tì dạ giã, hỉ lí địa tì dạ giã, nhân địa lợi dạ tì dạ giã, bà lã tì dạ

giã, bồ thái già tì dạ giã, tam ma địa tì dạ giã, đà la ni tì dạ giã, sạn đế tì dạ giã, tì lê da tì dạ giã, xà na tì dạ giã, bát la nhược a lưu tất dã tì dạ giã, a nhận xã tì dạ giã, ma già tì dạ giã, át tỉ nương tì dạ giã, bát la đế tam bệ đa tì dạ giã, bộ mị tì dạ giã, tất điệt na tì dạ giã, ma ha mai hằng lợi tì dạ giã, ma ha ca lưu na tì dạ giã, ma ha mâu đế đa tì dạ giã, ma hô ti xoa tì dạ giã, tất lợi di tỉ tì dạ giã, tát đỏa tì dạ giã, đạt ma tì dạ giã, đáp mô tì dạ giã, a lư ca tì dạ giã, bát la đế bà na tì dạ giã, bát la đế thâu lư đắc ca tì dạ giã, già già na tì dạ giã, ma lưu đa tì dạ giã, bát la đế đa tam lão ba đa tì dạ giã, thâu na đa tì dạ giã, a ni mật đa tì dạ giã, yểm bát la ni hệ tì dạ giã, hầu lũ đa tì dạ giã, cù sa tì dạ giã, giá na tì dạ giã, a tỉ tam ma dạ tì dạ giã, a nộ na a nộ na yểm bà ha giả giả giá la, giả giả la tì lão, gia bệ khảm sô giả giá la tì lão tì dạ giã, tì lão sát dạ tì lão, a ma tì dạ giã, tì lão, a tam lão đà giá la tì lão, si đà tì lão, a ca xá tì lão, phiếu bát xá ma tì lão, a na bà ta tì lão, ha ha ha tì lão, a la ha la tì lão, ưu ba xá ma tì lão, tát lợi la tì lão, ta bà ha.

Thiện nam! Đà-la-ni này có công đức oai lực lớn; lợi ích, bảo hộ, thương yêu, thanh tịnh, tất cả chúng sinh. Thiện nam! Hãy đến cõi Ta-bà với Đà-la-ni này, thăm hỏi Đức Thích-ca như lời ta dặn.

Nghe Phật giảng, tất cả đại chúng vui mừng, khen ngợi:

–Thật hy hữu, không thể nghĩ bàn, được thấy bậc trí tuệ tối thắng lìa chướng. Đà-la-ni này đoạn trừ tất cả nghiệp lớn nhỏ vừa, chướng hoặc gây trở ngại cho pháp lành, để chúng sinh mau chóng đạt đạo vô lậu.

Bồ-tát Hương Tượng vui mừng nói kệ:

Đà-la-ni này thật vi diệu
Tối thắng, bậc nhất không gì hơn
Đoạn hết nghiệp ác của chúng sinh
Lại còn làm khô sông tội lỗi.
Chúng sinh trội lăn trong sinh tử
Giờ được thoát khỏi, không khổ não
Chính nhờ nhân duyên sức phước đức
Chúng sinh giải thoát mọi khổ đau.
Khô cạn biển sinh tử, ba cõi
Sớm về cõi Phật, cõi thanh tịnh
Trôi trong sinh tử luôn lo sợ
Luôn bị chướng, hoặc gây trở ngại.
Chao đảo lăn lộn trong phiền não
Giờ chứng Bồ-đề, pháp tối thượng
Tất cả chúng sinh không hủy hoại
Nếu ai được nghe Đà-la-ni.
Siêng năng thọ trì luôn nghĩ nhớ
Thành tựu trọn vẹn các công đức.

Nói kệ xong, Bồ-tát bạch Phật:

–Thế Tôn! Con đã thọ trì Đà-la-ni này, xin đến cõi Ta-bà.

Vô số a-tăng-kỳ Bồ-tát xuất định, bạch Phật:

–Thế Tôn! Chúng con cũng muốn chiêm ngưỡng Đức Thích-ca và đại chúng, được nghe pháp vi diệu. Chúng con chưa từng nghe pháp Nhật tạng, xin cho chúng con đến thế giới ấy.

Phật nói:

–Thiện nam! Hãy đi, hãy hiện thành thân Đế Thích mà đến đó.

Nghe lời Phật các Bồ-tát đều biến thành Đế Thích, lạy Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, rồi ra đi. Chỉ trong nháy mắt, các vị đã đến cõi Ta-bà, tung rải các loại hương: Ngưu đầu chiên-đàn, Long thân lao cố, Đa-ma-la diệp, Trầm thủy, Đa-già-la, tùy sáu thời biến dị dâng cúng Phật Thích-ca, cúi lạy Phật, đi quanh ba vòng, lui ra ngồi một bên. Lúc ấy, Đức Thích-ca vẫn đang giảng pháp cho vua Tần-bà-ta-la.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 36

Phẩm 14: NHẬT TẠNG

Phần 2: ĐÀ-LA-NI (2)

Khi ấy, cách bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật về phương Tây, có cõi nước Kiên cố tràng, Đức Phật nơi thế giới ấy hiệu Trí Đức Phong Vương, là Đấng Như Lai, Ứng Cúng… đủ mười tôn hiệu, đang thuyết pháp cho chúng sinh năm ô trược. Bồ-tát Viêm Đức Tạng đang nghe pháp, chợt nhìn lên hư không thấy có vô số a-tăng-kỳ Bồ-tát từ phương Tây đi về phương Đông, lại thấy ở phương Đông có ánh sáng lớn, liền bạch Phật:

–Thế Tôn! Vì sao có việc như vậy.

Phật nói:

–Thiện nam! Cách đây bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật về phương Đông có cõi Ta-bà, Đức Phật ở thế giới ấy là Thích-ca đang giảng pháp ba thừa cho chúng sinh năm thứ ô trược, để chánh pháp trường tồn, pháp hạnh không đoạn, trừ diệt cõi ma, dựng cờ phướn chánh pháp. Chư Phật

mười phương đã đến thế giới Ta-bà, nói Đà-la-ni Bảo tràng. Đức Thích-ca đang giảng về bốn Trí vô ngại, ba giải thoát, phạm hạnh thanh tịnh cho vô số Bồ-tát, Thanh văn. Chúng sinh nơi cõi Ta-bà từ mặt đất đến hư không đều lắng tâm nghe pháp. Thiện nam! Ông hãy thay ta đến Ta-bà thăm hỏi Đức Thích-ca. Đức Thích-ca đang giảng pháp Nhật tạng để trừ cõi rồng ác (*pháp đó tên Viêm phẩm)* diệt hết nghiệp ác của chúng sinh. Thiện nam! Ta trao Đà-la-ni Vô nguyện thuận, ông hãy mang đến thế giới Ta-bà. Đà-la-ni này có oai lực và công đức lớn, trừ hết tham dục ba cõi, kiêu mạn, vô minh, đặt gánh khổ xuống, đạt tận trí, vô sinh trí, cho đến đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Đức Phật liền nói chú:

Đát điệt tha, xá na xá bà, xa ma na xá bà, a bà xoa xá bà, chước sô xa bà thâu lô đa la xá bà, già nổ xá bà, tập bà xá bà, ca da xá bà, ma na xá bà, xoa bà tì đà, khảm sô tát lợi di tỉ xoa bà, thâu lô đa la a bà xoa bà, già la nỗ đế xà xoa bà, thị bà bà dụ xoa bà, ca da thiên la ma xoa bà, ma na ô xà xoa bà, a lư ca nhược na xoa bà, tì xà tăng yết, a xoa bà, am câu la khư già xoa bà ma lũ tất giã tỉ da xoa bà, xá ma ca xà xoa bà, xoa da la ta xoa bà, thiên đa tỉ da bà xoa bà, na đô na, ni na đô na, a bà ni na đô na, na da ba na di na đô na, y sa y bà đô độ khư tả, ta ha.

Thiện nam! Ông hãy đem Đà-la-ni này đến thế

giới Ta-bà, thay ta nói: Đức Phật Trí Phong Vương có lời hỏi thăm Đức Thích-ca Mâu-ni, đi đứng có an ổn không, thuyết pháp có thuận lợi không, chúng sinh xấu ác có chịu nghe pháp Nhật tạng diệt trừ cõi rồng ác không?

Bồ-tát Viêm Đức Tạng thưa:

–Thế Tôn! Con đã thọ trì Đà-la-ni, nhưng còn lo sợ. Vì sao? Con từng nghe Phật dạy cõi đó đầy dẫy năm ác, chúng sinh luôn bị khổ não bức bách, đầy tham, sân, si, tà kiến, chấp trước nữ sắc, chỉ trong phút chốc đã tạo tội địa ngục A-tỳ.

Thiện nam! Ông đã chẳng từng đến cõi Ta-bà, suốt hai mươi mốt ngày hóa thân là chim Cánh vàng, làm kinh sợ sáu mươi bốn vạn ức loài rồng ở biển lớn, vì thế loài rồng đều thọ tam quy, kể cả thành tựu quả Bồ-đề vô thượng đó sao?

Bồ-tát Viêm Đức Tạng thưa:

–Đúng thế! Thế Tôn! Đúng như lời Đức Phật dạy.

Phật Trí Đức Không Vương lại nói:

–Thiện nam! Ông đã chẳng từng đến các nơi chốn hạn hán của cõi Ta-bà, suốt bảy ngày hóa làm rồng đầu voi đầu ngựa làm cho loài rồng ở đó kinh sợ, bay lên hư không tuôn mưa cam lồ đó sao?

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

-Thiện nam! Với loài rồng ác ấy ông hãy còn

không sợ. Hơn nữa, ông từng phát nguyện ở bất cứ nơi nào đều luôn tạo lợi ích cho mọi loài. Vì sao hôm nay ông lại lo sợ? Ông hãy nghe lời ta mà đến đó. Thiện nam! Ta sẽ trao cho ông Đà-la-ni Trí tuệ y chỉ đại thọ ký, ông sẽ không còn lo sợ nữa.

Bồ-tát Viêm Đức Tạng thưa:

–Thế Tôn! Ví như người ngồi trên đụn cát, hốt cát chơi nhưng không ngờ lại được báu vật, người ấy rất vui vẻ, cứ tiếp tục làm nên có nhiều báu vật. Con cũng thế, càng hỏi Đức Như Lai càng được Pháp bảo vô giá, con cũng muốn giáo hóa chúng sinh. Xin Như Lai trao ấn pháp, nhờ sức thần của Như Lai và ấn pháp sẽ có thể giáo hóa tất cả chúng sinh.

Đức Phật liền nói chú:

Đát điệt tha, san đề, la na xà ma, tam mạc tha na xà ma, a bạt xà na xà ma, sa lăng lăng già xà ma, tăng du già xà ma, bạt đà na xà ma, tam ma tì sa ma xà ma, bà đà na xà ma, tam ma yết nham ma xà ma, át tì đà xà ma, da bà xà la ma la nỗ xà ma, da bà tát bà ma nô xà xà ma, da bà tát bà đát lợi đà đô, tam tư yết lợi đa xà ma, a la ba la xà ma.

Thiện nam! Chúng sinh nào nghe được Đà-la-ni này sẽ trừ hết mọi kết sử của ba cõi, tiêu diệt tội sinh tử trong hằng hà sa số kiếp, không còn chịu quả ba nghiệp thân, khẩu, ý của năm loài trong quá

khứ. Tất cả các khổ: Bốn đại suy yếu không tu được căn lành, tài vật yêu thích lại cầu không được, xa lìa người yêu thương, gặp kẻ oán giặc, thân thọ các khổ, tâm loạn, không thích tu tập căn lành, thích làm ác đều được tiêu trừ. Thiện nam! Chúng sinh nào nghe Đà-la-ni này, suốt bảy ngày đêm chuyên tâm tu tập sẽ diệt trừ hết tất cả tội lỗi, ngoại trừ năm tội nghịch, hủy báng chánh pháp, Thánh hiền, phạm bốn giới trọng thì phải chịu tội vì ngoài sức của Đà-la-ni. Thiện nam! Chúng sinh nào không có bốn tội trên, thích tu căn lành, hành hạnh bố thí sẽ được chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác gia hộ; được nhiều của cải; siêng tu giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; tất cả Trời, Người, A-tu-la không thể hại được; trời người nhìn thấy thì cung kính lễ bái, nghe tiếng thì vui mừng, khen ngợi, bảo hộ; lúc sắp chết được chư Phật mười phương gia hộ, khen ngợi: "Thiện nam! Sẽ được sinh về cõi Phật, an trụ nơi mười Địa." Nhờ thấy Phật chúng sinh ấy vui mừng, xả thân được sinh về cõi Phật, an trụ mười Địa, không bao lâu đạt được quả Bồ-đề vô thượng.

Thiện nam! Đà-la-ni này có oai lực công đức như thế. Thiện nam! Một số chúng sinh cõi Ta-bà không theo đạo Niết-bàn. Vì sao? Vì tạo năm tội nghịch, hủy báng chánh pháp Thánh hiền, phạm bốn giới trọng. Chúng sinh ấy không được sinh về cõi tịnh nơi mười phương, luôn sinh vào ba đường

ác, chịu nhiều khổ não. Khi ra khỏi ba đường ác, chúng sinh ấy lại không có nhân của nghiệp thanh tịnh, nhưng nhờ nơi sức thệ nguyện của Đức Thích-ca nên họ đều về cõi Ta-bà. Một số chúng sinh quá khứ từng có đủ tín căn cho đến tuệ căn, tu bố thí, Bát-nhã, hành hạnh nguyện không thích luân hồi, học đạo Niết-bàn, chuyên tu phạm hạnh, cũng sinh về cõi ấy. Chúng sinh tạo nghiệp ác thân hình xấu xí, các căn thiếu, tâm ngu muội, mọi vật dụng đều thiếu, mạng sống ngắn ngủi, không có trí tuệ, ngủ nghỉ không an, thiếu căn lành và phước đức, không được toại ý, không có tâm thương yêu, thích làm ác, chấp ác, bàn việc ác, tin học tà pháp, không tin chánh pháp, nhiều bệnh khổ, tâm luôn tán loạn, tạo nghiệp ác ba cõi, dối trá, vọng tưởng, xấu cho là tốt, không biết nhẫn nhục, thích thô bạo, tạo mười nghiệp ác, hủy báng Tam bảo, hướng tới ba cõi ác.

Thiện nam! Các chúng sinh ấy, nếu lắng tâm nghe Đà-la-ni này sẽ chán ghét sinh tử, vượt ba đường ác. Chúng sinh lành nghe Đà-la-ni này sẽ tăng tuổi thọ, ít bệnh khổ, tăng trưởng trí tuệ, tài vật không tổn giảm, thêm thiện căn, gần Thiện tri thức, hành trọn vẹn nghiệp thiện, thành tựu chánh kiến, đủ mười pháp lành, thích quy y Tam bảo, phát nguyện lành, thích ở nơi hẻo lánh, xiển dương Tam bảo. Nếu chuyên tâm thọ trì đọc tụng Đà-la-ni này suốt bảy ngày đêm sẽ thành tựu vô

lượng công đức. Nếu tạo năm tội nghịch, hủy báng chánh pháp, Hiền thánh, phạm bốn giới trọng thì phải chịu đọa vào cõi ác, hết nghiệp đó lại sinh về Ta-bà. Vì tập khí của nghiệp ác chưa hết nên chịu quả ở đời sau. Nhờ nghe Đà-la-ni này, hiện tại tuy không được quả tốt nhưng sẽ đoạn trừ cả nghiệp ác của đời sau. Để hết tội, chúng sinh ấy nên chép, lưu truyền chú này, tạo bảy tượng Phật, xây chùa, tinh xá, cúng dường chư Tăng, thường thọ bát quan trai giới, siêng năng nghe pháp, tu hành đúng pháp, tin kính Tam bảo, trừ diệt vô lượng trăm ngàn vạn ức tội báo, như hiện tại chịu nhiều bệnh, thân tàn tật, đói thiếu vật chất, bà con xa lìa, làm nô bộc cho người, luôn bị đánh mắng, không được tự tại, bị người khinh chê. Thiện nam! Đà-la-ni này có công đức lớn đối với chúng sinh. Ta lại nói chú.

Đức Phật nói chú:

Đát điệt tha, khư già ba lợi đa, già lợi bà xoa, tây già bả lợi, tỉ đà bát la bà già xoa, xoa ba du kỳ bát để ha lê xà ma na tứ ca thế, tam ma mê già xà sư, a xoa dạ na đê, xoa bà bạt di, kỳ đà na xà sư, bà ma a xà sư, bà ma già la xà sư, a địa ha xà dạ xà sư, tỉ bát la bà xà sư, tây xòa sư, tây kỳ dạ xà bà xà sư, bà lợi la cù hí dạ xà sư, ba lợi la cù hí dạ a a bỉnh ỷ ba na cưu thế, tát đàn câu đế, tư bà đà na thế, tì đa bát la tỉ lợi đê, ẩu ba thiên la ma na thê, a na sất địa dạ bạt la xí, bát la đế yết mê na,

tam ca thái dạ thế, tát lô giá na bà mê, câu lô thái lê, ca ma tát thế, a thế xà khư kỳ, na dạ quân xà, tỉ địa dạ bạt nê, yết la na bạt nê, mạt già xà sư, ha lợi câu na bà, na dạ na mục xí, ta la xoa câu lê, na la diên nỏa thọ lê, nhân đà la bà tát ni, ô a, a bà a, a a, ha la bà a, bà la, a bà la, hà la tát di già, đậu khư kỳ đề, la niết bàn hê, sa bà ha.

Thiện nam! Đà-la-ni này có công đức và uy lực lớn, trừ mọi nghiệp ác, thương yêu bảo hộ chúng sinh, dứt hết tội nhiễm, thân tâm thanh tịnh, đủ sức nhớ. Chúng sinh nào nghe và thọ trì đúng pháp sẽ được chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, Thanh văn gia hộ, được trời người bảo hộ, tôn kính, lễ bái, cúng dường, lúc sắp chết sẽ được gặp chư Phật mà quá khứ đã từng xưng niệm, được Phật khen ngợi: Thiện nam! Sẽ được sinh về cõi Phật, an trụ mười Địa.

Nhờ thấy Phật, chúng sinh ấy vui vẻ, xả thân được sinh về cõi Phật, an trụ nơi mười Địa, không bao lâu sẽ đạt quả Bồ-đề vô thượng.

Thiện nam! Đà-la-ni này có thể diệt nghiệp ác, làm tịnh tâm, chứng Niết-bàn. Thiện nam! Hãy thọ trì Đà-la-ni này, đến thế giới Ta-bà, thay ta hỏi thăm Đức Thích-ca.

Bồ-tát Viêm Đức Tạng im lặng vâng lời. Vô số a-tăng-kỳ Đại Bồ-tát cùng thưa:

–Thế Tôn! Chúng con cũng muốn đến cõi Ta-

bà, đảnh lễ Đức Thích-ca và đại chúng, nghe Đà-la-ni Nhật tạng diệt rồng ác. Từ xưa đến nay chúng con chưa từng đến thế giới Ta-bà. Nay chúng con xuất định để đến đó, xin Phật cho phép.

Phật nói:

–Các thiện nam! Hãy biến thành Na-la-diên để đi tới cõi ấy.

Các vị Bồ-tát nghe theo lời Đức Phật dạy đều biến thành Na-la-diên cung kính lạy Phật, đi quanh Phật ba vòng, rồi ra đi. Trong phút chốc, họ đến cõi Ta-bà, tung rải bột vàng Diêm-phù cúng dường Phật, lạy Phật, thưa:

–Thế Tôn! Đức Phật Trí Đức Phong Vương gởi lời thăm hỏi Như Lai có an ổn, ít bệnh khổ, thuyết pháp không trở ngại chăng?

Thưa xong các Bồ-tát lui ra ngồi qua một bên.

Lúc đó, cách tám mươi hằng hà sa cõi Phật về phương Bắc có cõi Phổ thượng hương (đủ năm trược), Đức Phật nơi cõi ấy là Đức Hoa Tạng đang giảng pháp cho đại chúng. Đại Bồ-tát Hư Không Tạng đang nghe pháp, chợt nhìn lên hư không, thấy có vô số Bồ-tát từ phương Bắc đi về phương Nam, ở phương Nam lại có ánh sáng lớn, Bồ-tát liền bạch Phật:

–Thế Tôn! Con xuất định nghe pháp, chợt thấy trong hư không có vô số Bồ-tát từ phương Bắc đi về phương Nam, ở phương Nam lại có ánh sáng

lớn. Thế Tôn! Vì sao có hiện tượng đó?

Phật nói:

–Cách đây tám mươi hằng hà sa cõi Phật về phương Nam, có cõi Ta-bà, Đức Phật nơi thế giới ấy là Thích-ca đang giảng pháp ba thừa cho đại chúng, để chánh pháp luôn trụ thế, Tam bảo không đoạn, dựng cờ phướn, chánh pháp trừ quân ma. Chư Phật khắp mười phương đã đến đó nói Đà-la-ni Bảo tràng. Đức Thích-ca vẫn đang giảng bốn Trí vô ngại, ba giải thoát cho các chúng Bồ-tát, Thanh văn. Chúng sinh ở đó từ mặt đất đến hư không đều lắng tâm nghe pháp. Ở mười phương, các Bồ-tát trải qua trăm ngàn kiếp tu hạnh Bồ-tát, mong đạt vị quả một đời thành Phật, mười tám pháp Bất cộng, trọn vẹn trí vô ngại, không nghe học người khác đều tập hợp về cõi đó. Các Bồ-tát nhập Tam-muội, tạo lợi ích cho chúng sinh, khiến chúng sinh đủ niệm lực, tu sáu pháp Ba-la-mật, đủ công đức như chúng sinh ở các cõi thanh tịnh khác. Các Bồ-tát lại phóng ra vô số ánh sáng của trăm ngàn vạn ức mặt trời. Các Bồ-tát trong mười phương, người chưa đến đó, đều xuất định để đến Ta-bà, để gặp Đức Thích-ca và đại chúng, để nghe pháp Đà-la-ni trừ nghiệp ác.

Thiện nam! Ông hãy đến cõi Ta-bà. Thiện nam! Chúng sinh ở đó tuổi thọ ít, nhiều bệnh khổ, ít phước trí, không sợ ba cõi ác, luôn bị thiếu thốn vật dụng, nhiều tham dục, làm việc uế tạp, không

biết hổ thẹn, tạo mười nghiệp ác, sau khi chết bị đọa vào cõi ác, lại sinh về cõi Ca-trá phú-đơn-na, A-ca phú-đơn-na, chuyên hút tinh khí của trời đất, cỏ cây hoa trái, khiến cho người ăn phải hoa trái ấy bị tổn giảm thể lực. Loài quỷ đó lại thường rình cướp mạng sống của chúng sinh từ khi còn ở trong bụng mẹ cho đến lúc trưởng thành. Thiện nam! Ngày xưa khi hành đạo Bồ-tát, ta thường phát nguyện: Siêng năng, mạnh mẽ, cúng dường chư Phật, tu hành đúng pháp, hỏi các Đức Phật về Đà-la-ni có thể bảo hộ mạng sống của chúng sinh; Nếu các chúng Rồng, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Cưu-bàn-trà, Tỳ-lê-đa, Tỳ-xá-xà, Phú-đơn-na, Ca-trá phú-đơn-na, Ô-ma-la, A-bạt tư-ma-la, từ một ngày đến bốn ngày dùng chú ác làm thuốc, hoặc dùng thuốc độc hại chúng sinh, thì tự chúng đau khổ, không thể hút tinh khí hoặc đoạt mạng sống của đứa bé, làm cho thai nhi luôn an ổn, đến khi chào đời, lớn lên đều khỏe mạnh không bệnh, tuổi thọ cao, đủ trí tuệ, làm mười pháp lành, tu bố thí, giữ giới, sợ khổ ba đường ác. Các Đức Phật lúc đó đã nói cho ta Đà-la-ni Xà-ma-bùi-đa-tất-trí Mạn-đa-la. Ta đã thọ trì, lưu truyền chú này suốt vô số ức kiếp, thường giáo hóa chúng sinh khiến chúng tu tập sáu pháp Ba-la-mật, lại còn bảo vệ người mẹ và đứa con luôn dược an ổn bằng chú này. Trời, Ô-ma-la, A-bạt sa-ma-la, Nhân phi nhân, A-tu-la, chú ác,

thuốc độc đều không thể hại hai mẹ con. Đứa bé dễ sinh, các căn đầy đủ, thân thanh tịnh, đoan nghiêm, đủ trí tuệ, không mất niệm lực, được trăm ngàn vạn ức chư Thiên bảo vệ, giúp đạt túc mạng trí, sợ sinh tử, tu tâm Từ bi, thích tu sáu pháp Ba-la-mật, thích gần gũi Thiện tri thức, dễ đạt trí Phật, đoạn hết khổ não, trọn vẹn trí tuệ, thích ở nơi tịch tĩnh, diệt phiền não, được Trời, Rồng, Dạ-xoa, Quỷ thần cúng dường, chán sinh tử, cầu Niết-bàn, phát tâm Bồ-đề vô thượng, ở nơi nào cũng đều không mất tâm Bồ-đề, sớm đạt Tam-muội của Bồ-tát, nếu khởi tâm Bích-chi-phật sẽ đạt thuận nhẫn, đời sau thành vị Bích-chi-phật, nếu phát tâm Thanh văn sẽ đạt thuận nhẫn bốn Đế, không đọa ba đường ác, sinh vào cõi trời người.

Thiện nam! Ngày xưa, khi hành đạo Bồ-tát, ta đã dùng mọi cách giáo hóa chúng sinh, khiến chúng an trụ nơi Bồ-đề vô thượng. Thiện nam! Đà-la-ni đó có oai lực và công đức như thế. Thiện nam! Nếu người mắc bệnh nặng, thì chú nguyện này vào sữa sư tử rồi cho người bệnh uống, tất sẽ khỏi bệnh. Nếu không có sữa sư tử thì trì chú vào thức ăn cúng người chết rồi cho người bệnh ăn, bệnh sẽ khỏi. Nếu không có thức ăn đó thì trì chú vào thuốc rồi cho người bệnh uống sẽ khỏi bệnh. Nếu cây không hoa trái thì trì chú này vào nước mưa rồi lấy nước đó tưới cây, cây sẽ tươi tốt, ra hoa kết trái. Nếu trời không mưa thì lấy nước ở

ao nhơ đựng trong mai rùa, chú nguyện đặt vào đó lá cây Chiêm-ba-ca, sau đấy đặt trong ao rồng, trời sẽ mưa. Nếu trời mưa nhiều hại mùa màng thì trì chú vào viên ngọc trong đầu rắn A-xà-ca-la, đặt viên ngọc vào giữa suối rồng, mưa sẽ tạnh. Nếu mưa gió lạnh, nóng, mặt trăng, mặt trời, sao vận hành thất thường, bốn mùa thay đổi, tai nạn nổi lên, nên thanh tịnh thân tâm, suốt bảy ngày đêm trì tụng chú này, chỉ ăn rau trái, sau đó trì chú vào rau quỳ và trái Ma-đà-na, đặt các thứ trong miếu trời, mọi tai nạn sẽ tiêu trừ.

Thiện nam! Nếu thấy chúng sinh vọng tưởng điên đảo ta sẽ nói chú này làm cho chúng đoạn trừ vọng tưởng đảo điên, tham dục, tu mười pháp lành, phát nguyện lành. Thiện nam! Ta từng tu sáu pháp Ba-la-mật và khuyên chúng sinh tu tập cho đến đạt Bồ-đề vô thượng. Thiện nam! Đà-la-ni này có công đức oai lực lớn trừ hết bệnh khổ, bảo vệ mẹ con; diệt kết sử phiền não; biết rõ bốn đại, năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, đạt Niết-bàn an ổn, làm cho chúng sinh phát lòng tin thanh tịnh, nhập các pháp, hàng phục ngoại đạo, trừ quân ma, làm cho chư Thiên hoan hỷ, Dạ-xoa, quỷ ác khởi tâm biết đủ, A-tu-la thì kinh sợ, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la vui mừng, Ma-hầu-la-già không thể quay lại, đánh bại tà luận; Sát-lợi; Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà đều vui vẻ, làm cho người nữ ít dâm dục, người học rộng thì đủ trí nhớ, người tu thiền thích nơi

nhàn tịnh, trừ diệt mọi cướp đoạt đói khát, lạnh nóng, bệnh khổ, chánh pháp được trường tồn, pháp Phật được lưu truyền, Tam bảo không bị đoạn diệt, trừ nạn sinh tử, diệt vô minh, đặt gánh khổ xuống, đạt tận trí, vô sinh trí.

Đức Phật liền nói chú:

Đát điệt tha, ma na xoa, a bà xoa, la già bà xoa, xà la xoa, mạt ma na xoa, a bà xoa, mạn đà xoa, na trà xoa na trà la hưu, tỉ tát na sất, khư già na trá, a trá na trá, câu na trá, bị lợi cưu tát la na trá, ca tì na trá, phú lợi ca na trá, tước đát la na trá, ca tì na trá, khê già phàm kiều bà la na trá, phú sa ca la na trá, hê ta tước lư đạt la na trá, tam ma la da na trá, thát la cưu tam, kiều đát trá, đát la, ma đố khư la bà đề súc xoa, bà đế la thụ, đậu ba na ma la thụ, bà ha na phủ trí tăng đê la xà bà, a ma la xà bà, ma hô la già xà la, a kỳ nỗ bà la, a kỳ nỗ xoa, a bà ha ma lợi già kỳ nỗ xoa yết sa yết bà đô đậu khư tử, ta hòa ha.

Lúc Đức Phật nói chú này, có sáu vạn ức người đạt nhẫn nhu thuận, sáu mươi tần-bà-la người đạt quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Thiện nam! Hãy thọ trì chú này, đến thế giới Ta-bà thưa: Đức Phật Đức Hoa Tạng ở cõi Phổ thượng hương cách đây tám mươi hằng hà sa cõi Phật về phương Bắc, xin gởi lời thăm hỏi Đức

Thích-ca Mâu-ni: Thế Tôn có ít bệnh, ít buồn, đệ tử có thích nghe pháp, hành đúng pháp, trừ bốn ma và rồng ác không? Đức Phật thuyết pháp có dễ dàng không? Sau đó hãy nói chú này để trừ mọi khổ não của chúng sinh, giúp chúng sinh đặt gánh nặng năm ấm xuống.

Khi ấy, đại chúng đều khen:

–Hay thay, hay thay! Thế Tôn! Trí tuệ của Như Lai tự tại trong các pháp, từ xưa đến nay chúng con chưa từng được nghe Đà-la-ni sâu xa ấy. Giờ được nghe chúng con nguyện thọ trì. Vì sao? Vì Đà-la-ni này có vô lượng, vô biên công đức.

Bồ-tát Hư Không Tạng bạch Phật:

–Thế Tôn! Chúng sinh nào sợ sinh tử, thích Niết-bàn, chuyên tâm lễ bái cúng dường Phật Đức Hoa Tạng, thọ trì Đà-la-ni này, cho là hy hữu thì sẽ đạt lợi ích lớn, tăng trưởng căn lành.

Đức Phật nói:

–Thiện nam! Đúng vậy, đúng như lời ông nói. Thiện nam! Ngày xưa khi tu đạo Bồ-đề, ta từng phát nguyện: Khi ta thành tựu Bồ-đề vô thượng, chúng sinh ở mười phương thích hành bố thí, trí tuệ, chí tâm xưng niệm danh hiệu ta, chúng sinh ấy sẽ không bị A-tu-la tổn hại, không bị cản trở việc tu sáu pháp Ba-la-mật, tăng trưởng căn lành (Riêng nghiệp ác nặng của quá khứ thì không

được trừ). Nếu nguyện này không thành, ta sẽ không chứng đạo. Thiện nam! Người cầu con, người không thích nhiều con, người mang thai sợ sinh khổ nếu chí tâm lễ bái cúng dường, niệm danh hiệu ta thì không bị Nhân phi nhân tổn hại, không khổ não vì bùa chú thuốc độc, không hề lo sợ. Nếu nguyện không thành ta sẽ không chứng đạo. Thiện nam! Ta luôn nguyện độ sinh nên chúng sinh cần chuyên tâm xưng danh hiệu ta để diệt khổ ác *(trừ người bị tội nặng thì phải chịu quả báo).*

Bồ-tát thưa:

–Hy hữu thay! Thế Tôn! Thật không thể nghĩ bàn. Con định đến cõi Ta-bà nhưng còn lo ngại. Vì chúng sinh ở đó xấu ác, ganh ghét, không có tâm Từ bi, không biết đền ân, thô bạo, tà chấp. Nếu con đến đó e không được lợi ích.

Phật nói:

–Thiện nam! Không có việc ấy. Người thành tựu bốn Tâm vô lượng làm sao bị hại, dù trăm ngàn ức quân ma vẫn không thể gây trở ngại được. Thiện nam! Ông đã tu tập bốn Tâm vô lượng suốt vô số kiếp, không nên lo sợ. Thiện nam! Ta trao cho ông Đà-la-ni này, được sinh từ bốn Tâm vô lượng, sẽ diệt được pháp ác, ông hãy thọ trì, chúng sinh sân hận nghe chú này sẽ khởi tâm Từ, nên không sẽ bị mê muội.

Đức Phật nói chú:

Đát điệt tha, hô hô tỉ lợi ha, phù phù la, yết la la bà, la bà ha, ha trù gài trù, già già na xoa, xà ma xà ma, mật đa la mật đa la, chước ca la, bạt đế đế lệ, ta già la đế lệ, đậu lợi đa dẫn mị, dẫn lê ha bạt hê, na la xà đề, dạ bà na mật đê lê, ỷ để mật đê lê, bà lợi mật đê lê, thỉ khê mật đê lê, ma đô la mật đê lê, khư già mật đê lê, tát đô xà mật đê lê, tát bà yết ma mật đê lê, ma na bạt lợi đa mật đê lê, đà chi thấp bà la mật đê lê, ta hòa ha.

Thiện nam! Đà-la-ni này là diệt pháp ác mộng ác. Người tụng chú này nên trì chú vào dầu Chiêm-bặc rồi xoa lên mặt, tay, kẻ ác thấy sẽ khởi tâm hoan hỷ. Rồng, Dạ-xoa, Ca-trá-phú-đơn-na, ngàn vạn quân ma đều không khởi tâm ác, tổn hại. Nếu trì chú vào bình nước, rồi tưới lên tất cả chúng sinh ác, thì chúng sẽ khởi lòng tin, không tổn hại; dùng nước chú tưới vào biển nước bẩn, nước bẩn sẽ thành nước sạch. Thiện nam! Hãy thọ trì chú này rồi đến thế giới Ta-bà.

Lúc đó, vô số a-tăng-kỳ Đại Bồ-tát đều thưa:

–Thế Tôn! Chúng con cũng muốn được gặp, lễ bái cúng dường Đức Thích-ca và đại chúng, muốn nghe pháp vi diệu kia. Xin cho phép chúng con đến thế giới Ta-bà.

Thiện nam! Hãy đi! Hãy đi! Các vị nên biến thành Chuyển luân thánh vương mà đến đó.

Nghe lời Phật, các Bồ-tát đều biến chuyển

thành Chuyển luân thánh vương, cúi lạy Phật, đi quanh Phật ba vòng, từ tạ ra đi. Đến Ta-bà, các Bồ-tát rải bột vàng Diêm-phù, hương chiên-đàn, trân châu, anh lạc, cờ, phướn, lọng báu cúng dường Phật và đại chúng, cúng dường xong, các Bồ-tát đi quanh Phật ba vòng, cúi lạy Phật, lui ra ngồi một bên.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 37

Phẩm 14: NHẬT TẠNG

Phần 3: CÁC BỒ-TÁT SỨ GIẢ

Bấy giờ, thấy vô số a-tăng-kỳ Phạm thiên, Đế Thích, Na-la-diên, Chuyển luân thánh vương, vua Tần-bà-ta-la vui mừng, rời chỗ ngồi, đứng lui qua một bên. Bốn Bồ-tát sứ giả và vô số Bồ-tát chắp tay hướng về Đức Thích-ca Mâu-ni. Bồ-tát Nhật Hạnh Tạng, rải tràng hoa Chiêm-ba-ca cúng dường Phật, nói kệ:

Như Lai tối thắng trong mọi loài
Đem đến ánh sáng cho nơi tối
Giảng hạnh xuất thế, pháp bình đẳng
Ban ấn chánh pháp người hành đạo.
Diệt trừ rồng độc và bốn ma
Đoạn phiền não đời Phật hơn hết
Dựng cờ chánh pháp ban giải thoát
Đốt đuốc chánh pháp xua màn tối.
Gần gũi bạn lành tu tập định
Thương yêu chúng sinh chỉ ruộng

phước
Phật, Pháp, Tăng bảo rất khó gặp
Làm người tin kính càng khó hơn.
Không dễ gặp được Thiện tri thức
Nếu gặp sẽ trừ hết phiền não
Chúng sinh ngu muội phiền não che
Nên sớm đoạn trừ lưới phiền não.
Chúng sinh chìm trong sông phiền não
Phật dong thuyền lớn cứu tất cả
Con xin trao chú chư Phật nói
Tùy hỷ tạng pháp của Như Lai.

Bồ-tát lại thưa:

–Thế Tôn! Đức Phật Chiêm-ba-ca Hoa Sắc ở cõi Vô tận đức cách đây vô lượng hằng hà sa cõi Phật về phương Đông, hiện đang giảng pháp cho đại chúng, sai con đến đây, trao Đà-la-ni và hỏi thăm Như Lai có khỏe mạnh, an ổn đệ tử có thích nghe pháp, và hành đúng pháp, có thích nơi nhàn tịnh không? Đức Như Lai hủy hoại bốn ma, siêu việt các Thánh, chuyển pháp luân vi diệu. Chúng sinh cõi năm ô trược này chưa đoạn hoặc chướng, không tin thọ pháp Phật, vì thế Đức Chiêm-ba-ca Hoa Sắc nói Đà-la-ni Pháp hành nhật tạng đoạn cõi rồng ác tiêu trừ nghiệp ác của chúng sinh. Đà-la-ni tên Thuận nhẫn, có công đức và oai lực lớn, có thể đoạn tham dục nơi ba cõi, trừ mọi tâm kiêu mạn, làm mất thế lực của quân ma, làm cho chư Thiên, Khẩn-na-la vui vẻ, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-

hầu-la-già kinh sợ; làm cho ngoại đạo khởi tâm biết đủ, đối với Sát-lợi, Bà-la-môn thâu phục vào pháp Phật, Tỳ-xá thì khởi lòng tin, Thủ-đà thì hoan hỷ, người tu thiền thích nơi nhàn tịnh, diệt mọi việc ác, tranh chấp, đói khát, lạnh nóng, bệnh khổ, chết oan, giặc cướp, hạn lụt, mưa bão, thú dữ, thời tiết thất thường, an ủi chúng sinh đang trôi lăn trong sinh tử, làm cho pháp Phật được an trú ở đời, phát sinh tận trí, vô sinh trí, xua tan vô minh, đặt gánh khổ xuống, làm khô biển khổ. Thế rồi Bồ-tát nói lại chú trên.

Nói chú xong Bồ-tát, bạch Phật:

–Thế Tôn! Chú này là của Đức Chiêm-ba-ca Hoa Sắc trao.

Nghe vậy, Đức Thích-ca khen:

–Lành thay, lành thay! Tất cả chúng sinh ở mười phương và ở cõi Ta-bà cũng đều khen ngợi *(trừ những vị nhập định)*.

Đức Thích-ca bảo Bồ-tát Nhật Hạnh Tạng:

–Thiện nam! Ta không rời bảo tòa, nhưng ta thuyết lại Đà-la-ni Thuận nhẫn này cho đại chúng không hề sai sót một chữ, một nghĩa. Thiện nam! Khi ông đến đây, Đức Chiêm-ba-ca Hoa Sắc đã nói Đà-la-ni này để bảo hộ ông, để ông không còn lo ngại. Đức Phật còn nói Đà-la-ni thân thọ hành cho đến Đà-la-ni Niết-bàn Đạo nhật nhãn liên hoa. Ông nên nói lại chú đó cho đại chúng. Nghe

vậy, Bồ-tát Nhật Hạnh Tạng liền nói lại chú Nhật nhãn liên hoa *(chú như trên đã nói)*.

Nói chú xong, Bồ-tát bạch Phật:

–Thế Tôn! Đức Chiêm-ba-ca Hoa Sắc nói: Chú này là để bảo hộ con.

Đức Thích-ca liền bảo Trưởng lão Da-xá:

–Thiện nam! Hãy thọ trì Đà-la-ni Nhật nhãn liên hoa này. Vì sao? Vì Phật ra đời là việc hy hữu, được nghe Đà-la-ni này cũng không dễ. Thiện nam! Đức của Phật, đệ tử Phật, A-la-hán, núi chúa Tu-di và biển cả có thể nói được, nhưng đức của Đà-la-ni này không chỉ một kiếp mà trăm ngàn kiếp vẫn không sao nói hết. Đà-la-ni này sâu xa như thế, ông hãy chuyên tâm thọ trì, giảng thuyết cho bốn chúng. Chúng sinh nơi thế giới Ta-bà nghe chú này, trừ diệt tất cả tham dục trong ba cõi, đạt trí lậu tận, chứng pháp lạc Niết-bàn.

Bấy giờ, Bồ-tát Hương Tượng lại nói kệ tán thán Phật:

Chỉ Phật an tọa cội Bồ-đề
Diệt trừ tất cả các loại ma
Riêng đạt Bồ-đề, pháp Vô thượng
Tỏ biết hết thảy tánh chúng sinh.
Phật phóng hào quang ngăn ngoại đạo
Như ánh mặt trời che lửa lớn
Tam bảo chánh pháp được trường tồn
Tu tập để độ mọi chúng sinh.

Cầu đạt pháp lành và giác ngộ
Cúng dường chư Phật siêng tu hành
Cam lồ Phật tưới mọi chúng sinh
Chỉ dạy Bồ-đề hạnh thù thắng.
Độ thoát chúng sinh không sinh tử
Dứt hết lậu hoặc và phiền não
Đưa chúng sinh đến thành tịch tĩnh
Như Lai vào đời như thuốc tiên.
Trừ mọi bệnh khổ của chúng sinh
Thế Tôn trao lại Đà-la-ni
Cùng lời thăm hỏi Đức Mâu-ni
Trí tuệ Từ bi vượt tất cả.

Nói kệ xong, Bồ-tát bạch Phật:

–Thế Tôn! Đức Phật Sơn Đế Thích Vương cõi Ca-sa tràng cách đây vô số hằng hà sa cõi nước về phương Nam, hiện đang thuyết pháp cho đại chúng, Đức Phật sai con trao lại Đà-la-ni và gởi lời thăm Đức Thế Tôn: Như Lai có khỏe mạnh, an ổn, đệ tử không hoạn nạn, thích nghe pháp, tu hành đúng pháp, thích nơi tịch tĩnh, an tọa theo chánh định không? Như Lai trừ quân ma, rồng ác, chuyển xe pháp thanh tịnh không ngại. Song chúng sinh ở đây chưa trừ hết hoặc chướng, không thọ học pháp, vì thế, Đức Sơn Vương trao Đà-la-ni Không thuận nhẫn để trừ quân ma, rồng ác, nghiệp ác. Đà-la-ni này có công đức và oai lực lớn, có thể trừ dứt mọi tham dục của ba cõi, các tâm kiêu mạn, đặt gánh khổ xuống. Bồ-tát Hương

Tượng liền nói Đà-la-ni không thuận nhẫn *(như trên Phật đã nói).*

Nói chú xong, Bồ-tát thưa:

–Thế Tôn! Đà-la-ni này là của Đức Phật Sơn Vương sai con mang đến đây.

Đức Thích-ca hoan hỷ, khen:

–Hay thay, hay thay! Đại chúng cõi ta nghe chú này cũng rất vui mừng, khen là việc hy hữu *(trừ các vị nhập định ở cõi không).*

Đức Thích-ca lại bảo Bồ-tát Hương Tượng:

–Thiện nam! Ta không rời bảo tòa, ngay bây giờ ta nói lại chú Không thuận nhẫn cho đại chúng không hề sai sót một chữ hoặc một nghĩa. Thiện nam! Ông đến đây, Đức Sơn Vương đã nói Đà-la-ni Vô tận căn để bảo vệ ông. Ông hãy nói đi. Vì sao? Vì trừ mọi thọ hành, đạt trí Nhất thiết bình đẳng, diệt bốn ma, khiến chánh pháp và Tam bảo không đoạn.

Bồ-tát Hương Tượng thưa:

–Thế Tôn! Con sẽ nói. Bồ-tát liền nói Đà-la-ni Vô tận căn đại thọ ký *(chú như Đức Phật đã nói ở trên).*

Nói chú xong, Bồ-tát thưa:

–Thế Tôn! Chú này được Đức Sơn Vương nói ra để bảo hộ con.

Lúc ấy Đức Thích-ca Mâu-ni bảo Tôn giả Kiều-trần-như:

–Ông hãy thọ trì đọc tụng chú này. Này Tôn giả Kiều-trần-như! Gặp Phật ra đời là việc rất khó, nghe được Đà-la-ni này lại khó hơn. Thiện nam! Phật, A-la-hán có thể trải qua trăm ngàn kiếp biết được tâm tánh của chúng sinh ba đời, nhưng dù trải qua ngần ấy kiếp vẫn không thể nói hết công đức của Đà-la-ni đó. Kiều-trần-như! Hãy thọ trì và giảng nói cho bốn chúng. Chúng sinh nào nghe được chú này sẽ trừ hết nghiệp ác, đạt bốn biện tài vô ngại, thích giảng giải, đạt thân thù thắng trong ba cõi.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Viêm Đức Tạng chắp tay hướng về Đức Thích-ca nói kệ:

Chúng sinh trôi trong biển sáu cõi
Trí Phật tựa thuyền cứu mình người
Sáu căn trói buộc trong lưới ma
Phật hiện nơi đời thuyết đạo thật.
Người trí có thể bỏ sáu nhà
Phật giảng chánh pháp trừ hiểm nạn
Đạt sáu Thần thông các Tam-muội
Thế Tôn, Hiền thánh nói lời thật.
Cởi trói chúng sinh kẻ luân hồi
Chúng con thành tâm nghe chánh pháp
Như Lai dạy con đến cõi này
Ngưỡng mong Thế Tôn nghe con nói.

Nói kệ xong, Bồ-tát Viêm Đức Tạng bạch Phật:

–Thế Tôn! Đức Phật Trí Đức Phong Vương ở cõi Kiên cố tràng cách đây bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật về phương Tây, hiện đang thuyết pháp cho đại chúng. Ngài sai con đến đây trao Đà-la-ni và thăm hỏi Đức Như Lai, Như Lai có an ổn, khỏe mạnh, các đệ tử không hoạn nạn, có thích nghe pháp, tu hành đúng pháp, có thích ở nơi vắng vẻ không? Như Lai trừ quân ma, diệt các rồng độc, hiểu chánh pháp vi diệu thù thắng không chướng ngại. Chúng sinh ở đây chưa đoạn hết hoặc chướng không tùy thuận tu hành đúng pháp, vì thế Đức Trí Đức Phong Vương trao Đà-la-ni Thuận vô nguyện. Đà-la-ni này có công đức và oai đức lớn, có thể đoạn hết tham dục ba cõi, trừ các tâm kiêu mạn, xé tan lưới vô minh, đặt gánh khổ xuống.

Bồ-tát Viên Đức Tạng liền nói lại Đà-la-ni Thuận vô nguyện *(chú như Phật đã nói)*.

Nói chú xong, Bồ-tát thưa:

–Thế Tôn! Đức Phật Trí Đức Phong Vương trao Đà-la-ni này lên Thế Tôn.

Nghe vậy Đức Thích-ca và tất cả đại chúng cõi Ta-bà đều khen ngợi:

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! *(trừ những vị nhập định)*.

Đức Thích-ca bảo Bồ-tát Viêm Đức Tạng!

–Thiện nam! Ta không rời bảo tòa, nhưng sẽ

nói lại Đà-la-ni Thuận vô nguyện cho đại chúng không hề sai sót một chữ, một nghĩa. Thiện nam! Khi ông đến đây, đức Trí Đức Phong Vương còn nói Đà-la-ni Y chỉ trí tuệ cho ông. Ông hãy nói lại cho đại chúng. Chúng sinh nào nghe được chú đó sẽ trừ bỏ mọi kết sử thượng trung hạ, phiền não nhiễm dục, đoạn được khổ sinh tử trong hằng hà sa kiếp, diệt hết mọi nghiệp ác, hành trì trọn vẹn các căn lành.

Bồ-tát thưa:

–Thế Tôn! Đúng thế, đúng thế! Con sẽ nói.

Bồ-tát liền nói lại Đà-la-ni Y chỉ trí tuệ *(như Phật đã nói ở trên)*.

Nói xong chú, Bồ-tát thưa:

–Thế Tôn! Đó là Đà-la-ni của Phật Trí Đức Phong Vương nói.

Nghe vậy Đức Thích-ca bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông hãy thọ trì Đà-la-ni này. Vì sao? Vì gặp Phật ra đời là việc khó, nghe được Đà-la-ni này lại khó hơn. Xá-lợi-phất! Phật, A-la-hán có thể trải qua trăm ngàn kiếp biết được số bụi trong bốn thiên hạ nhưng dù trải qua trăm ngàn kiếp vẫn không thể nói hết đức của Đà-la-ni này. Đà-la-ni này sâu xa như thế, ông hãy thọ trì và giảng lại cho bốn chúng. Chúng sinh nào nghe được Đà-la-ni ấy sẽ trừ bỏ bớt tham dục phiền não của ba cõi, đoạn

nghiệp vô gián và khổ sinh tử trong hằng hà sa kiếp, trừ hết nghiệp tạo ra do người nữ, dứt hết lậu hoặc, đạt đạo Niết-bàn.

Khi ấy Đại Bồ-tát Hư Không Tạng chắp tay hướng về Phật Thích-ca nói kệ:

Như Lai thật sự biết pháp giới
Chỉ đạo chân chánh cho mọi loài
Nếu ai phát khởi lòng tin thật
Sẽ được thoát khỏi ba đường ác.
Cúng dường Thế Tôn một hoa, hương
Trải vô số kiếp hưởng an lạc
Cũng ngần ấy kiếp thân trọn vẹn
Đạt trí chân thật, trí vô thượng.
Nếu ai nghe được Tổng trì này
Sẽ diệt tất cả mọi phiền não
Hết thảy trời người đều cúng dường
Đạt trí vô sinh và tận trí.
Phật Hoa Đức Tạng đủ công đức
Sai con đến đây thăm Thế Tôn.

Nói kệ xong, Bồ-tát Hư Không Tạng bạch Phật:

–Thế Tôn! Như Lai Đức Hoa Tạng ở cõi Nhất thiết hương thượng cách đây tám mươi hằng hà sa cõi Phật về phương Bắc hiện đang thuyết pháp cho đại chúng. Đức Như Lai sai con đến trao Đà-la-ni và thăm hỏi Thế Tôn. Thế Tôn ở đây hàng phục quân ma, rồng độc, chuyển xe pháp vi diệu vô

ngại, nhưng chúng sinh ở đây xấu ác, không tùy thuận tu hành theo pháp Phật, vì thế, Đức Hoa Tạng đã nói Đà-la-ni Xa-ma-bùi-đa-tất-trí-na-lợi. Đà-la-ni này có công đức và oai lực lớn, làm cho chúng sinh được an ổn, trừ mọi bệnh khổ, diệt hết phiền não, ấm, giới, nhập, biết rõ tất cả pháp, thị hiện nhiều phương tiện, làm thanh tịnh đạo Niết-bàn, làm cho chúng sinh an lạc, nhập tất cả pháp môn không ngại, hàng phục ngoại đạo, đưa chúng sinh vào pháp Phật bằng chánh pháp, trừ hết quân ma, làm cho ngoại đạo, quân ma không còn thế lực, trời người được vui vẻ, Dạ-xoa thì biết đủ, A-tu-la thì kinh sợ, chim cánh vàng bị hủy hoại, Khẩn-na-la thì vui mừng, Ma-hầu-la-già thì không dám ngoảnh lại, ngoại đạo thì đuối lý không sao đối đáp, Sát-lợi thì hoan hỷ, Bà-la-môn thì tin pháp Phật, Tỳ-xá, Thủ-đà được yên lành, người nữ không thích dâm dục, người mẹ và thai nhi được an ổn, người học rộng thì nhớ kỹ, người tu thiền thì thích nơi thanh vắng, diệt hết mọi tai nạn, tranh chấp, đói khát, bệnh dịch, thù trong giặc ngoài, lạnh nóng thất thường, đói khổ hiển hiện chánh pháp, xây dựng pháp Phật hưng thịnh Tam bảo, an ủi chúng sinh trong sinh tử, đạt tận trí và vô sinh trí, xua tan màn vô minh tăm tối, đặt gánh khổ xuống.

Bồ-tát liền nói lại Đà-la-ni Xa-ma-bùi-đa-tất-trí-na *(chú như Phật đã nói ở trên).* Nói chú xong,

Bồ-tát thưa Phật:

–Thế Tôn! Phật Đức Hoa Tạng sai con trao Đà-la-ni có oai lực và công đức lớn này.

Nghe vậy, Đức Thích-ca và đại chúng cõi Ta-bà đều khen ngợi:

–Hy hữu thay! *(trừ những vị nhập thiền định)*.

Đức Thích-ca bảo Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Thiện nam! Ta không rời bảo tòa, nhưng nói lại Đà-la-ni cho đại chúng không hề sai sót một chữ một nghĩa. Thiện nam! Lúc ông đến đây, Phật Đức Hoa Tạng đã nói Đà-la-ni để bảo hộ ông. Đà-la-ni đó làm cho kẻ ác khởi lòng hoan hỷ, kẻ không tin thì bị hôn mê, Đà-la-ni đó được hình thành từ bốn hạnh vô lượng của Phật. Ông hãy nói lại Đà-la-ni ấy cho đại chúng. Nghe lời Phật, Bồ-tát Hư Không Tạng liền nói Đà-la-ni *(như trên Phật đã nói)*. Nói chú này xong, tất cả rồng ác, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Tỳ-ly-đa, Tỳ-xá-xà, Phú-đơn-na, Ca-trá phú-đơn-na ác đều trở về cõi mình và đều ngủ mê. Riêng bậc đạt nhẫn không thoái chuyển thì không như vậy. Người độc ác, thô bạo, không Từ bi, luôn thù hận, hủy báng Thánh hiền, thích làm ác nghe chú này sẽ bị hôn mê. Người có lòng tin, đủ tâm Từ bi, không tranh chấp, không cấu nhiễm, đủ tâm pháp duyên từ, sợ khổ nơi ba đường ác, cung kính Tam bảo, đủ tâm niệm pháp tịch tĩnh, nghe Đà-la-ni này sẽ luôn an

ổn trụ trong tâm đó.

Bồ-tát Hư Không Tạng bạch Phật:

–Thế Tôn! Lúc con muốn đến đây, Đức Phật Đức Hoa Tạng đã nói Đà-la-ni đó với con để bảo hộ con.

Đức Phật Thích-ca bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Ông hãy thọ trì Đà-la-ni này. Mục-kiền-liên được gặp Phật ra đời là việc rất khó, được nghe Đà-la-ni này còn khó hơn. Vì sao? Vì Đà-la-ni này có từ bốn hạnh thanh tịnh, Mục-kiền-liên! Dù trải qua trăm ngàn kiếp, Như Lai không làm việc gì khác, chỉ nói nghĩa của Đà-la-ni này thì tất cả Bồ-tát, trời, người đều không thể biết. Đà-la-ni này sâu xa, có oai lực công đức lớn như vậy, làm cho chúng sinh sớm viên mãn đạo quả Bồ-đề vô thượng, trọn vẹn đạo Từ bi giáo hóa chúng sinh. Vì thế, Mục-liên! Ông hãy thọ trì và giảng thuyết cho bốn chúng nghe Đà-la-ni này, chúng sinh sẽ được công đức, kẻ sân hận lẽ ra phải chịu quả báo ở đời sau nhưng nhờ nghe Đà-la-ni này nên không phải chịu quả báo, biết rõ tội lỗi của sinh tử, tu tập căn lành, đạt phước đức lớn, gần gũi cúng dường Thiện tri thức, sớm đạt quả Bồ-đề vô thượng.

Mục-kiền-liên! Đà-la-ni này có thể đốt lên ngọn đèn chánh pháp, làm hưng thịnh Tam bảo.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 38

Phẩm 14: NHẬT TẠNG

Phần 4: ĐỊNH

Bấy giờ, Đức Phật bảo bốn Bồ-tát sứ giả và vô số Bồ-tát quyến thuộc:

–Thiện nam! Nếu muốn ở cõi Ta-bà tu tập, các vị hãy tùy ý hội nhập chỗ tu học từ phước đức căn lành, cho đến Tam-muội, Đà-la-ni, Tam-ma-đề, Tam-ma-bạt-đề. Nghe lời Phật, các Bồ-tát nhập định, phóng ra ánh sáng từ thân, hoặc to bằng ngọn đuốc, hoặc bằng trăm ngàn vạn ánh sáng mặt trời.

Khi đó, Đại đức Kiều-trần-như nương nơi thần lực của Phật, tự nghĩ: Hôm nay ta sẽ hỏi Như Lai một câu. Nếu Như Lai phân biệt nêu rõ về văn tự nghĩa lý của bốn Đà-la-ni thì chúng sinh ở cõi Ta-bà và mười phương nếu nghe được sẽ trừ hết mối nghi ngờ, đạt trí sáng, sớm thành tựu bốn quả. Sa-môn vượt ba đường ác, thọ thân người, trời, đạt pháp thuần thiện. Suy nghĩ như vậy rồi, Tôn giả Kiều-trần-như rời tòa, chắp tay hướng Phật, im

lặng đợi. Đức Phật hỏi:

–Kiều-trần-như! Không phải là ông không định hỏi Như Lai chăng?

Kiều-trần-như thưa:

–Thế Tôn! Đúng vậy, con muốn hỏi, xin Như Lai cho phép.

–Kiều-trần-như! Hãy hỏi, Như Lai sẽ giảng nói để ông rõ.

–Thế Tôn! Như trong kinh Phật nói:

–Có hai pháp đưa đến sinh tử, đó là Ái và Phú-già-na. Xin Phật nói rõ về hai pháp đó.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Kiều-trần-như câu hỏi rất rất có ý nghĩa. Vì thương xót chúng sinh, muốn đem niềm vui cho chúng sinh nên ông đã hỏi thật đúng lúc. Kiều-trần-như! Hãy lắng nghe Như Lai sẽ nói rõ.

–Xin vâng, Thế Tôn! Con xin lắng nghe, thọ trì.

–Kiều-trần-như! Ái có ba thứ, đó là Ái nơi cõi Dục, Ái nơi cõi Sắc và Ái nơi cõi Vô sắc. Lại có ba thứ, đó là: Hữu ái lìa hữu ác và pháp. Kiều-trần-như! Thế nào Ái là Dục ái? Dục là buông thả, vì buông thả, vì buông thả nên tham tiếp xúc; vì tiếp xúc nên thấy vui thích. Chúng sinh tham chấp các pháp đó. Lòng dục như lửa thiêu, khiến ưa thích tạo mười điều ác, bỏ mười pháp lành. Do nhân

duyên ấy, bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, Dạ-xoa bần cùng, thọ thân năm ấm với bao nhiêu khổ não trong sinh tử, tuy thọ khổ nhưng không sinh sợ hãi, không hổ thẹn, không thích tu pháp lành. Cứ trôi lăn như thế nhưng rất khó được thân người. Nếu được làm người thì vì tham dục nên thân khẩu không trong sạch, tạo vô số nghiệp ác nặng kể cả năm tội vô gián. Vì thế lại tiếp tục bị đọa vào ba đường ác, chịu khổ não khác. Tất cả đau khổ đều do tham dục. Nhân dục trói buộc con người như loài heo tự lăn mình trong phân dơ, vào ba đường ác, tiếp tục chịu khổ. Vì thế, Như Lai nêu giảng chánh pháp đoạn trừ tham dục. Nghe pháp Phật, chúng sinh nào biết quán dục uế tạp, như trái cây độc, tựa đống lửa, thuốc độc, phân nhơ, dao bén, giặc cướp, Chiên-đà-la, Già-hy-na, hòn sắt nóng, mưa đá lớn, như gió dữ Tỳ-lam bà rắn độc, vực sâu hoang vắng, La-sát, Bạt-đà-già-đà, rừng Thi-la. Quán biết rõ tội lỗi của dục, chúng sinh ấy hết sức kinh sợ, thích tu học pháp, cạo bỏ râu tóc, xuất gia học Phật, thanh tịnh tâm, hành pháp cứu độ, lúc sắp chết, tâm định, niệm pháp, được thấy Phật giảng pháp cho đại chúng, vui mừng, thấy được sắc thân Phật, sau khi chết không bị đọa vào ba đường ác, được sinh về cõi Phật, sống cùng người lành, tu tập sáu pháp Ba-la-mật, năm Thông, Niết-bàn, đại Từ bi giáo hóa chúng sinh, được thân trang nghiêm bằng phước đức của

chư Phật, đoạn hết tập khí của phiền não quá khứ, trang nghiêm thân tâm. Ví như bỏ y phục vào giỏ hương, y phục thơm nhưng hương không mất, không giảm mùi. Cũng thế, này Kiều-trần-như! Chúng sinh nhờ thích pháp, lúc lâm chung được thấy Phật, vui mừng, được sinh về cõi Phật, ở với người lành, căn lành của những người ấy không bị giảm, đạt thân tâm trang nghiêm, không bao lâu sẽ thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, pháp thiện ấy vẫn không giảm. Vì thế, Kiều-trần-như! Thiện nam, tín nữ thấy lợi ích của mình, người, thường gần gũi học hỏi Thiện tri thức, nghe tội lỗi của dục, nhờ thế mau chóng đạt đạo Bồ-đề vô thượng.

Kiều-trần-như! Bạn lành chính là Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, A-la-hán là ta. Vì sao? Ta vào đời vì thương xót tất cả chúng sinh, muốn giúp chúng đoạn hết khổ não nên nói rõ tội lỗi của dục. Do vậy, đại chúng nên nghe lời ta, lời ta nói không hư dối, là lời thật, có ý nghĩa, không phải lời thô ác, là lời Từ bi. Ta sẽ nói rõ tội lỗi của dục, các ông hãy lắng nghe, thọ trì. Nhờ đó sẽ thoát khỏi ba đường ác, sớm đạt quả Bồ-đề vô thượng.

Tất cả chúng sinh ở cõi Ta-bà đều thưa:

–Ngưỡng mong Như Lai nói rõ tội lỗi của dục, chúng con sẽ lắng nghe và thọ trì.

–Kiều-trần-như! Có bốn nhân duyên để chúng sinh khởi dục: Tham sắc *(dài, ngắn, đỏ, trắng...)*,

tham tiếp xúc, tham thọ lạc, tham trang sức ca múa. Tham sắc: Sắc là sự hòa hợp của bốn đại, luôn sinh diệt, không có ngã, không có chúng sinh. Tất cả phàm phu do vô minh điên đảo nên chấp sắc, giác quán về sắc, rồi phân biệt nam, nữ, đẹp, xấu. Do đó, lửa dục khởi, người nam thấy và yêu thích người nữ, chấp xấu đẹp, đen trắng... Vì thế nếu chưa có dục thì khởi dục, đã có thì tăng dục, không bao giờ muốn xa rời, làm giảm căn lành, không thích Thiện tri thức, không phòng hộ nghiệp của thân, khẩu, ý, tạo nên tội lỗi, không thấy tội lỗi của dục, đọa vào ba đường ác, ngạ quỷ, súc sinh, chịu vô số khổ trong nhiều kiếp. Bậc trí quán sắc, thấy bất tịnh, biết rõ sắc thân là sự hòa hợp tóc lông gân thịt thấy tướng xương trắng sau khi thân hoại. Tất cả các thân sắc nam, nữ, gần, xa, mình, người, người đều thế. Đó là tâm tùy thuận đạo, đoạn dục ban đầu. Lại quán tâm trong xương trắng đó như ngồi trên chông gai, đạt tâm tịch tĩnh, không thấy hơi thở ra vào, không thấy tướng ác, việc ác, không nghĩ nhớ, không duyên dựa, đạt tịch tĩnh bằng Xa-ma-tha. Đó là hành đạo đoạn dục thứ hai. Thế nào là thân tịch tĩnh. Nhờ quán niệm như thế, định hơi thở của thân, nghĩ đến sự tịch tĩnh của Phật, bậc Trí tuệ, nhanh chóng thuận theo Xa-ma-tha. Đó là nhờ tịch tĩnh đoạn phiền não thứ ba. Lại quán xương cốt… là một đống gai nhỏ, quán biết sự rỗng lặng, hư hoại

thành cát bụi, bị gió thổi, tất cả các bộ phận trên thân đều như thế. Đó là cách đoạn phiền não bằng Xa-ma-tha thứ bốn.

Tôn giả Kiều-trần-như thưa:

–Thế Tôn! Tướng hư không là tướng hữu vi?

–Đúng thế!

–Thế Tôn! Tướng hữu vi đó là tướng mình hay tướng người?

Kiều-trần-như! Quán sát pháp giới, hữu vi giới là tự tướng. Vì sao? Người quán sát sự tịch tĩnh của sắc là thấy Như Lai. Vì sao? Người này quán biết sắc thân như cát bụi, bị gió thổi, lại quán thật tánh của sắc, biết là rỗng lặng, không thấy tướng, chỉ thấy hư không, thường quán, tu tướng hư không, biết sắc của mười phương đều rỗng lặng, như lưu ly không tỳ vết, thấy chư Phật ở đó, thấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, rực rỡ như cây Ni-câu-đà. Nếu từng tu tập đạo Niết-bàn, từng trồng căn lành, người ấy sẽ hỏi Như Lai về tác giả của tướng hư không, thời gian hoại diệt của nó. Do vậy Như Lai nói rõ hư không chỉ là danh từ, không ai tạo nên, làm sao hoại diệt. Hư không không giác quán, không vật, số, không tướng mạo, không sinh diệt, không có tướng pháp, không có đối tượng chủ thể, dứt mọi sự ràng buộc, đạt quả A-na-hàm, đoạn tâm tham dục nhưng chưa đoạn được kết sử của cõi Dục, Sắc, Vô sắc, tâm kiêu

mạn, vô minh. Người này lại được thấy Phật, mong được thấy sắc thân cụ thể của Phật, thấy Như Lai hiện khắp mười phương. Lúc này người ấy muốn thấy ít, nhiều đều được toại nguyện. Lại nghĩ chư Phật từ đâu đến, chư Phật không đến không đi, thân tâm trong ba cõi đều là hư giả vì thế ta mới tùy ý thấy nhiều ít, Phật chính là tâm ta. Vì tự tâm là Phật, tự tâm thấy Phật. Tâm chính là thân ta, thân là hư không. Do giác quán ta thấy vô lượng, vô biên Phật, không phải do tâm thấy biết, tướng tâm thấy thì không thể đoạn, ta quán tánh của pháp giới không bền thật, sinh khởi tùy niệm. Vì thế tất cả tánh tướng và tâm giác quán đều là hư không. Tánh hư không không phải có. Người thấy biết như vậy là nhờ nhân phát tâm Bồ-đề, tu tập Tam-muội của quá khứ, được thấy Phật. Nếu cầu Thanh văn sẽ đạt Tam-muội vô tướng, tâm trí thanh tịnh không chấp trước, trừ vô minh, đạt nhẫn tùy thuận không, sớm thành tựu bốn quả. Nếu thấy sự rỗng lặng sẽ đạt thân tâm tịch tĩnh *(giải thoát không)* dễ dàng đạt A-la-hán. Đó là hạnh tu tập tịch tĩnh đoạn trừ phiền não thứ năm. Lúc Phật giảng pháp này, có chín trăm chín ngàn vạn ức chúng sinh đạt nhẫn thuận Xa-ma-tha, tám vạn bốn ngàn người đạt nhẫn thuận không, sáu vạn người trời thành tựu pháp giải thoát Tam-ma-đề không, hai vạn chúng sinh chứng Tam-muội chư Phật hiện tại, vô số chúng sinh đạt quả Tu-đà-

hoàn, tám vạn Tỳ-kheo đạt đạo vô lậu.

Đức Phật lại bảo:

–Kiều-trần-như! Người quán đầu, xương mà tâm không dừng, không thích thì chưa được điều phục, không đạt giải thoát. Người này nên đến rừng Thi-đà để quán xác chết, thấy xác xanh sạm, sình trướng, thấy máu mủ chảy tràn, da thịt tan rữa, lồi gân xương, chim thú tranh ăn, xương trắng, đầu lâu, tay chân rời rạc, với thân đó tâm trụ vào đâu. Thấy sắc thân bên ngoài tan rã như vậy, thân mình có gì khác. Cứ thế người này chuyên tâm không chạy theo các duyên, luôn quán sát dù là đi đứng nằm ngồi, ngày đêm, nhắm mắt, mở mắt, ít nhiều, trong ngoài. Cứ thế quán đến cỏ cây sông núi, người vật. Người này luôn sống trong tâm niệm quán các tướng ấy, tâm an trụ như núi, an định không loạn, quán sự uế tạp. Cứ thế cho đến lúc sắp chết, người ấy vẫn không đắm nhiễm, đoạn dục hiện tại nhưng chưa đoạn được dục đời sau. Nếu đạt Đà-la-ni Thuận hư không người này sẽ quán sự tan rã của xương, bị gió thổi như hạt bụi. Thân mình đã vậy, tất cả cảnh vật bên ngoài cũng thế, đều bị gió thổi tan như hạt bụi, như hư không không thể nói năng, biết tướng hư không, thấy mọi vật như lưu ly xanh, lại quán về các màu vàng, đỏ, trắng, tím, pha lê mọi vật nên tâm không chạy theo. Lại quán về nước, thấy mọi vật đều như nước, thấy đại địa đều như bốn ngón tay, không

thêm bớt, lại nhấn ngón chân vào đại địa để nó chuyển động, tùy ý để chuyển động ít nhiều, tất cả sông biển đều thế, do chuyển động nên phát ra âm thanh, vang tới nơi khác. Lại quán trong nước có bao nhiêu hình sắc như hoa Ưu-bát-la, Câu-vật-đầu, Bát-đầu-ma, Phân-đà-lợi người này tùy ý thấy tất cả các sắc đó. Lại quán hư không là đại địa, rồi đi đứng nằm ngồi cúi ngước trên đó. Lại quán các hình sắc vi tế như bông Đâu-la trên núi, rồi tự tại đi lại trên đó. Sau khi quán cảnh vật bên ngoài người này lại buộc tâm, quán tự thân, tiếp tục tu tập lại nhập Tam-muội Hỏa quang, hiện vô số hào quang với các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê; lại nhập định Viêm-ma-ca, phóng ra nước lửa từ thân, ẩn hiện trong đất như chim bay trong hư không không chướng ngại, dùng tay che lấp ánh sáng mặt trời, mặt trăng không hề kinh sợ, bay đến cõi Phạm thiên. Hiện thần biến xong, lại quán các màu sắc xanh, vàng, đỏ, tím, pha lê nơi thân, lại nghĩ dược thấy Phật, tùy ý tưởng lớn nhỏ, nhiều ít, biết chư Phật, không đến đi, biết thân đều do tâm. Vì sao? Vì thấy tùy tâm, tâm chính là thân, thân là hư không, do giác quán mà thấy vô số Phật, nhưng tâm không thấy biết tâm, quán tánh pháp giới không bền thật, tất cả các pháp đều do giác quán mà có. Vì thế tánh pháp là hư không, tánh hư không là rỗng lặng. Từ tâm thấy mọi hình sắc, biến hiện mọi vật, tất cả như gió, không chân thật; tâm

vọng tưởng nương tựa sắc. Đó là Đà-la-ni Thuận tứ đế không khác phàm phu. Kiều-trần-như! Thế nào là Đà-la-ni Thuận tứ đế khác với phàm phu? Người quán biết hư không không thể nắm bắt, không giác quán, không thể nói năng. Tâm như hư không, tất cả đều là hư vọng, sầu não, giả dối, như lửa đốt, người này xa bỏ sắc không đó, tâm không sinh, đạt tịch tĩnh. Khi đã đạt tịch tĩnh tâm không sinh khởi nữa. Vì sao? Vì duyên của tâm đã diệt nên tâm diệt, đoạn trừ mọi sự vui thích của thân tâm, thân an ổn; vì không giác quán nên miệng không nói, tâm an trụ trong định, nhập Tam-muội tịch diệt suốt một ngày đêm, lại tự tại sống trong định cả trăm ngàn vạn năm. Sau khi xuất định, người này bỏ pháp hữu lậu và tuổi thọ, nhập Niết-bàn. Đó là giải thoát thứ nhất Đà-la-ni Thuận tứ đế vô lậu khác phàm phu.

Kiều-trần-như! Thế nào là Đà-la-ni Thuận tứ đế không khác phàm phu? Nếu có người nghĩ: Ta tùy giác quán quán sắc, quán ngã như vậy tâm ta là sắc, sắc là tâm ta, bỏ sắc tướng, quán tánh của hư không, nhập Tam-muội vô lượng không xứ. Lại nghĩ sắc là không, từ sắc đó ta thấy hư không, biết cảnh giới là tướng hư không, tánh của hư không không chướng ngại, là nơi dừng của gió, gió là một tướng của bốn đại, sắc ngã cũng thuộc bốn đại, cả hai không sai khác; tâm cũng như hư không. Lại nghĩ: Thể của bốn đại là gì? Tánh của

các pháp rỗng lặng, tánh của mình người cũng thế. Phàm hư không là không sở hữu, không sinh diệt, không nơi chốn, nhà cửa, người này lại niệm Phật, thấy vô số Phật trong hư không, đạt quả A-na-hàm. Đó là giải thoát thứ hai nơi Đà-la-ni Thuận tứ đế khác phàm phu. Hành giả lại nghĩ: Cảnh giới là tướng hư không, tướng của ta là gì? Hư không là ta, ta là thanh tịnh, là tâm ta, ta không hình sắc, hư không vô biên, ta cũng thế. Đó là Đà-la-ni Như thật không khác phàm phu. Quán các pháp rỗng lặng, không có ngã và sở hữu của ngã. Hư không không có ngã, sắc cũng không có ngã, quán Như Lai chính là ta, được thấy Phật, đạt ba quả đầu, đoạn hết pháp hữu lậu đạt quả A-la-hán. Đó là giải thoát thứ ba nơi Đà-la-ni Thuận tứ đế khác phàm phu. Hành giả lại quán ta thanh tịnh, không nhơ nhớp, là hư không, sự rỗng lặng là tâm ta; đoạn hết phiền não là tâm thanh tịnh; tu tám Chánh đạo là tâm thanh tịnh, đạt bốn quả Sa-môn. Đó là giải thoát thứ tư nơi Đà-la-ni Thuận tứ đế khác phàm phu. Hành giả quán tướng sắc là tướng phân biệt, tướng sân, tướng sinh tử, để đoạn tướng sinh tử hành giả quán tướng tâm rỗng lặng. Đó là Đà-la-ni Thuận tứ đế khác phàm phu. Hành giả quán ta tịch tĩnh, nhưng chưa đoạn giác quán, lại quán ta và sở hữu của ta như hư không. Ngã, sở hữu của ngã là khổ. Nhân duyên của khổ là tập, khổ tập có thể đoạn là diệt, quán khổ tập diệt là đạo, thành

tựu bốn quả Sa-môn. Đó là giải thoát thứ năm Đà-la-ni Thuận tứ đế khác phàm phu. Hành giả lại nghĩ: Vì sao? Ta đã quán tướng hư không, hư không là ta, ta không tách rời hư không để quán. Quán thức cũng vậy, hư không vô lượng, vô biên, thức cũng vô lượng, vô biên. Đó là Đà-la-ni Thuận tứ đế khác phàm phu. Hành giả quán thức là tưởng, là giác quán, là khổ. Biết nguyên nhân gây nên khổ là tập, khổ tập có thể đoạn là diệt, quán khổ tập diệt là đạo, đạt bốn quả Sa-môn. Đó là giải thoát thứ sáu Đà-la-ni Thuận tứ đế khác phàm phu. Hành giả quán thức xứ là giác quán như kim châm vào người, như ung nhọt, như bệnh khổ, vượt trên thức xứ tu quán vô tưởng xứ, không duyên nơi các pháp, an trụ Tam-ma-bạt-đề vô tưởng. Đó là Tam-ma-bạt-đề không khác phàm phu. Hành giả quán thức là pháp khổ não, là ung nhọt, vượt trên thức đề quán vô tưởng. Vô tưởng là không có ngã, không vọng tưởng chấp ngã và sở hữu của ngã, quán Niết-bàn thanh tịnh, đạt bốn quả Sa-môn. Đó là giải thoát thứ bảy Đà-la-ni Thuận tứ đế khác phàm phu. Hành giả quán vô tưởng xứ chính là vọng tưởng vi tế, vượt trên vô tưởng hành giả quán phi hữu tưởng phi vô tưởng. Đó là Đà-la-ni như thật không khác phàm phu. Hành giả quán phi hữu tưởng, phi vô tưởng là khổ lớn, có thể đoạn, có thể giải thoát, thành tựu bốn quả Sa-môn. Đó là giải thoát thứ tám nơi Đà-la-

ni Thuận tứ đế khác phàm phu.

Kiều-trần-như! Đà-la-ni đó có vô số lợi ích như vậy, có thể đoạn trừ tham dục, tham sắc, tham phi sắc, vượt vị phàm phu, đạt pháp Thánh nhân, vĩnh viễn đoạn trừ nhân nơi ba đường ác, không bao giờ thọ sinh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đó là Đà-la-ni Thuận tứ đế. Ông nên biết, Đà-la-ni này chính là Đà-la-ni của Đức Phật Chiêm-ba-ca Hoa Sắc mà Bồ-tát Nhật Hạnh Tạng mang đến. Vì ta giảng kinh lớn nên Đức Phật mới tặng trao. Đà-la-ni này có thể đoạn trừ tất cả phiền não kết phược, mọi tâm kiêu mạn, giúp thế gian vứt bỏ nghiệp nhà và mọi hý luận, trừ các chấp ngã, nghi, bà-la-đa, thường, đoạn, thọ mạng, bổ-sa, phú-già-la, sự biết, sắc, sự sinh, bốn đại, biết rõ năm ấm mười hai nhập, mười tám giới, giúp người thọ trì hưởng pháp lạc Niết-bàn, trừ quân ma, điều phục rồng ác, làm cho các chúng trời, Dạ-xoa hoan hỷ, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già thì kinh sợ, diệt ngoại đạo tà ác, làm cho Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà an vui, giúp người nữ giảm tham dục, người trí thì được vui, người tu thiền thì thích nơi vắng vẻ, chữa hết bệnh hiểm ác, trừ các việc ác như tranh chấp, đói khát, dịch bệnh, chết yểu, suy yếu, giặc cướp, mưa gió độc, lụt lội, hạn hán, làm cho chánh pháp được thịnh vượng, cờ pháp được dựng lên, Tam bảo không đoạn tuyệt an ủi chúng sinh trôi lăn, khiếp sợ trong sinh tử,

mang lại niềm vui cho chúng, phát sinh hai trí tận và vô sinh.

Lúc Phật giảng pháp này, có vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ trời người diệt trừ trần cấu, đạt Pháp nhãn tịnh trong các pháp, chín mươi sáu ức na-do-tha chúng sinh đoạn phiền não, chứng giải thoát, tám mươi ức trăm ngàn na-do-tha chúng sinh sạt Đà-la-ni Thuận tứ đế, vô lượng, vô số a-tăng-kỳ chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, đạt đạo không thoái chuyển, tám vạn hai ngàn chúng sinh đạt pháp Nhẫn vô sinh, Trời, Rồng, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Tích-lệ-đa, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-gia, Nhân phi nhân đều khen ngợi:

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! Đức Thế Tôn vô thượng, tiếng nói vi diệu, không thể nghĩ bàn, thù thắng khó lường, không thể nêu bày, đem ánh sáng trí cho người không mắt trí, giúp chúng sinh đặt gánh khổ xuống làm con thuyền cứu chúng sinh đang trôi dạt trong biển khổ, ai nghe được lời nói từ trí vô ngại mà lại không phát tâm Bồ-đề.

Lúc đó, Tôn giả Kiều-trần-như bạch Phật:

–Thế Tôn! Đà-la-ni Nhật nhãn liên hoa ra sao? Theo Bồ-tát Nhật Hạnh Tạng nói người trí thọ trì đọc tụng biên chép sẽ được lợi ích lớn, không vui thích ở trong ngục ba cõi, đạt giải thoát Tam-ma-đề vô tưởng, Tam-muội không sở hữu, trừ diệt kết

sử. Người nào nghe được sẽ giảm bớt phiền não, bảy lần thọ sinh vào cõi trời, người, đạt đạo Thánh, không nhiễm dục, được trời người cúng dường.

Phật nói:

–Hãy lắng nghe, siêng năng chớ mệt mỏi. Đà-la-ni Nhật nhãn liên hoa mà ông hỏi không thuộc cảnh giới của Bích-chi-phật và Thanh văn. Vì sao? Vì Đà-la-ni ấy có từ mười tám pháp Bất cộng thanh tịnh.

Tôn giả Kiều-trần-như bạch Phật:

–Dù trải qua trăm ngàn vạn kiếp ta vẫn không nói hết Đà-la-ni này, còn làm cho người nghe mê hoặc. Đà-la-ni này chỉ có Phật mới có thể nói, nghe. Vì sao? Vì Đà-la-ni này có vô số nghĩa khó biết khó tỏ. Như Đà-la-ni Nhật nhãn liên hoa, ba Đà-la-ni Vô tận căn, Trí y chỉ, Ác thùy miên chúng sinh của ba Đức Phật khác cũng vậy.

Kiều-trần-như bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Xin nói Đà-la-ni Thuận không của Đức Phật Sơn Vương phương Nam mà Bồ-tát Hương Tượng mang đến.

Phật nói:

–Được rồi, hãy lắng nghe, Như Lai sẽ giảng nói. Kiều-trần-như! Chúng sinh nào vì tham dục tiếp xúc làm mê hoặc tâm tánh, không biết nơi giải thoát trôi lăn trong sinh tử, trải vô số kiếp bị đọa

vào ba cõi ác, chịu nhiều khổ não khó kham. Thấy vậy, Đại Bồ-tát khởi tâm Từ bi, siêng năng tu đạo, đạt quả Bồ-đề vô thượng, giảng chánh pháp. Chúng sinh nào chuyên tâm nghe học, thực hành đúng pháp sẽ thoát khổ, đạt bốn quả Sa-môn.

Kiều-trần-như! Thế nào là xúc dục? Chúng sinh vì dục nên thích được tiếp xúc, do tiếp xúc nên có hoan lạc, từ đó dẫn đến khổ não sinh già chết. Kiều-trần-như! Như bốn rắn độc hại chúng sinh bằng bốn cách: Thấy, hà hơi, cắn, chạm. Cũng thế, có bốn nhân duyên khiến chúng sinh khởi dục: Thấy, ngửi hơi, nhớ, tiếp xúc, vì bốn pháp ấy làm cho chúng sinh xa lìa các pháp lành, chịu nhiều khổ não trong sinh tử.

Kiều-trần-như! Thế nào là giải thoát xúc dục? Hành giả nghĩ cách đoạn tham dục do tiếp xúc, quán tướng xương trắng là phương tiện tối ưu để đoạn tham dục, tự suy xét sắc là sự hòa hợp của bốn đại. Những gì do bốn đại tạo nên đều là vô thường, không bền chắc, luôn hư hoại, người trí không thấy sự tốt đẹp của thân hình thành từ lông tóc máu thịt da xương. Quán như vậy rồi, thấy mọi vật nơi mười phương thanh tịnh như ngọc kha, đạt pháp tưởng thấy thế gian không vui. Lại nghĩ, từ trong sinh tử phiền não này ta tu tập sẽ đoạn trừ được sinh, già, bệnh, chết khổ đau. Hành giả tuần tự quán tưởng xương từ đâu đến chân là hành Tỳ-bà-xá-na. Hành giả lại tư duy về cách đoạn sinh

tử, quán hơi thở ra vào kết hợp từ mũi miệng, quán thân như bụi bị gió thổi bay, không thấy tướng thân, thấy tướng hư không, không thấy pháp bên trong. Đó là pháp "không" thứ nhất. Hành giả lại quán cảnh vật bên ngoài bị gió hủy diệt, không nghĩ không thấy sắc bên ngoài. Đó là pháp "không" thứ hai. Hành giả lại nghĩ: ta đã quán tướng sắc trong ngoài là không hình tướng, ta nên biết rõ các pháp không có tướng đến đi, đoạn trừ giác quán. Đó là pháp "không" thứ ba. Hành giả lại nghĩ: Thức là tội lớn, từ thức có giác quán, ta nên đoạn hạnh nghiệp của tâm ý thức. Vì sao? Vì pháp hòa hợp đều phải hoại diệt, thể của các pháp hữu vi là không thật, tánh của các pháp là tịch tĩnh. Đó là pháp "không" thứ bốn. Quán như vậy, đạt bốn quả Sa-môn, hoặc nhẫn pháp thuận hoặc chứng Bồ-đề. Hành giả quán sự giác quán là tướng diệt nên đạt định diệt tận. Đó là Đà-la-ni Thuận không, khác phàm phu. Đà-la-ni này thành tựu vô lượng công đức, có oai lực lớn, đem lại lợi ích lớn, trừ mọi khổ não, diệt hết tham dục ba cõi, đặt gánh khổ xuống. Đó là Đà-la-ni do Đức Phật Sơn Vương sai Bồ-tát Hương Tượng mang đến. Vì ta giảng kinh lớn nên Đức Sơn Vương tặng trao.

Lúc giảng pháp này, có chín mươi hai vạn trăm ngàn chúng sinh đạt quả Tu-đà-hoàn, sáu trăm vạn chúng sinh không khởi phiền não, đạt đạo vô lậu và giải thoát tâm tuệ, chín mươi na-do-tha trăm

ngàn chúng sinh đạt Đà-la-ni thuận không ở pháp học ban đầu, tám mươi vạn chúng sinh đạt quả vị Bích-chi-phật chứng trí tâm định, sáu mươi sáu tần-bà-la chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô số chúng sinh trụ trong đạo không thoái chuyển. Tất cả đại chúng đều khen ngợi, trời tuôn mưa hoa hương.

Tôn giả Kiều-trần-như lại bạch Phật:

–Thế Tôn! Xin Như Lai giảng Đà-la-ni Thuận vô nguyện của Đức Phật Trí Đức Phong Vương do Bồ-tát Viêm Đức Tạng mang đến.

Phật nói:

–Hãy lắng nghe. Kiều-trần-như! Chúng sinh ở thế gian tham đắm dục lạc, ngày đêm sống trong dục, không biết pháp thoát khổ, chịu nhiều khổ não trong sinh tử, chúng sinh nên quán pháp giải thoát vô nguyện, quán tất cả các dục: Dục, sắc, vô sắc, xúc, giải đầu có từ giác quán, các hành hòa hợp nên có, các hành đó không có người tạo nhận, do gió tạo nên. Các hành của thân, khẩu, ý cũng vậy, đều do gió, từ gió thân miệng ý này lớn lên, thân ta tan rã như hạt bụi bị gió thổi, quán sát hơi thở ra vào của thân chính là gió, tất cả thân sinh tử đều có từ gió, lông, tóc, răng, móng cũng do gió tạo nên. Khi thân này chết tức là lúc không có gió ra vào. Lại nghĩ hành động của thân, miệng đều do gió, không có gió thì không có hành động đó. Nhờ

thế đạt Tam-muội không, siêng năng tu tập, dần dần đoạn trừ nhánh lá hoa rễ tham dục chứng bốn quả Sa-môn, phát tâm Bồ-đề vô thượng. Khi loạn tâm, hành giả nên quán về nhân của dục, sắc, trời, biết khi chưa đoạn dục thì tâm còn sinh khởi. Ví như chặt cây, nếu chỉ chặt cành nhánh, không chặt rễ thì cây sẽ mọc lại. Ái dục cũng vậy, nếu chưa đoạn ái thì còn khổ não.

Hành giả lại không nghĩ về sự chuyên tâm tu tập kể cả thân này. Vì thân đó là sự liên kết của các xương trắng. Lúc đó mọi cảnh sắc trong ngoài đối với hành giả đều không nhưng sự kết dính của xương trắng kia không tăng giảm. Đó là pháp Xa-ma-tha.

Hành giả nếu thấy đây là xương đầu, răng, cổ, chân thì không an tọa thiền định. Vì có cả hai niệm về Tỳ-bà-xá-na, tâm an trụ thì nên nhanh chóng tư duy về xương cốt. Nếu thành thục hạnh này sẽ dễ dàng quán tướng xương trắng thành bụi, hủy diệt phân tán. Đó là Tỳ-bà-xá-na thuận nhẫn giác. Nếu tâm hòa hợp với xương trắng thành bụi thì được gọi là Sinh thuận nhẫn giác.

Hành giả quán tất cả sắc trắng sạch, thành bụi, rơi ngã, hòa hợp đi lại với tâm thức, đó là vô ngã tận thuận nhẫn giác. Biết tất cả sắc là cảnh giới của thức, mọi hình sắc qua mắt trắng sạch, thành bụi không thể nói, không thể nắm, không dừng trụ. Đó là Xa-ma-tha thuận nhẫn giác.

Hành giả đạt Thuận nhẫn giác này diệt trừ hết tham dục trong ba đời và ba cõi, chặt đứt dây trói buộc của ba cõi, nhập ba giải thoát, đạt quả Tu-đà-hoàn đến A-la-hán. Lại quán tất cả sắc và xương cốt như con sò trắng sạch, tâm hành giả sẽ an định không dao động, đi đứng nằm ngồi đều chuyên niệm. Đó là tu tập Xa-ma-tha điều phục.

Hành giả lại quán sát tất cả sắc trong ngoài đều như hư không, nhập Tam-muội; quán mọi hình sắc đều là tướng xanh, lại nghĩ người tạo ra, an định sắc xanh này là ai? Cứ thế quán đến màu lưu ly, pha lê. Lại nghĩ sắc xanh này do tâm thấy, là hư giả không thật, biết rõ các pháp do duyên nên siêng năng tu tập, được người đời tôn kính, cúng dường. Kiều-trần-như! Đà-la-ni thuận vô nguyện này trừ tưởng không vui và tưởng điên đảo trong việc ăn uống. Đây là Đà-la-ni của Đức Phật Trí Đức Phong Vương sai Bồ-tát Viêm Đức Tạng mang đến.

Lúc ấy Bồ-tát Chánh Niệm Trí bạch Phật:

–Thế Tôn! Hàng Thanh văn tu tướng bất tịnh và Xa-ma-tha gồm những tướng gì?

Phật nói:

–Thiện nam! Vì đoạn trừ kết sử, tham dục, tu quán bất tịnh, chuyên tâm vào tướng giữa chặng mày, quán thân mình gồm ba trăm đốt xương dơ nhớp, lúc này thân hành giả vừa nóng vừa động.

Đó là tướng ban đầu. Cứ thế quán các tướng trơn rít của thân mình, thân người. Đó là tướng thứ hai. Hành giả tu tâm không tán loạn, quán tướng bất tịnh. Đó là tướng thứ ba. Hành giả quán sự đoạn tận thanh tịnh của khổ tập là Xa-ma-tha. Lúc này, thân hành giả thoải mái như có nước sữa tưới vào, đạt pháp Noãn. Đó là tướng tâm không động. Nếu hành giả thích các tướng như vậy thì nên bỏ tâm niệm, tướng này có thể làm thanh tịnh mọi sự nhiễm ô, trí tuệ đoạn trừ vô minh. Khi hành giả quán tướng xương trắng, tịch tĩnh, trong thân xuất ra hơi ấm. Đó là Xa-ma-tha. Hành trọn vẹn pháp ấy là căn lành của tướng nóng. Nhờ căn lành phước đức nơi đời trước và tâm hạnh thanh tịnh hiện tại, tự biết tâm mình, thấy trí như đèn. Hành giả lại quán bốn hạnh của thân, quán xương trắng thành bụi, tự phân biệt biết rõ tất cả các sắc tâm. Ví như ánh sáng soi vào bóng tối, thấy rõ sự luân chuyển không ngừng của bụi. Tất cả các pháp hữu vi đều như tánh bụi. Lại nghĩ tất cả các pháp thế gian tịch tĩnh, không có ngã. Lúc này hành giả đạt Đảnh căn lành. Hành giả quán thân mình, thấy lửa xuất hiện, đốt nóng, ánh chiếu nơi mười phương. Hành giả thấy rõ mọi hình sắc ấm nhập từ Sơ thiền đến Tứ thiền như thân mình, hành giả cảm nhận pháp lạc cõi thiền như cõi trời. Từ trong tâm hành giả lại hiện ánh sáng mặt trời, ở nơi đâu trong mười phương đều có mặt trời, hành giả không

khởi tâm niệm, nhập Tam-muội không, lại thấy từ đỉnh đầu xuất hiện vô số hình sắc như tàng lọng. Đó là căn lành công đức của tướng đảnh. Hành giả không chấp duyên tướng bốn Đế thuận nhẫn, chứng bốn Đế.

Thiện nam! Thanh văn tu quán bất tịnh, thành tựu Xa-ma-tha. Đó là tướng quán đèn sáng xương trắng. Nhờ thấy tướng này hành giả vui mừng, đạt tám Chánh đạo, đoạn hết kết sử phiền não, đạt bốn quả Sa-môn.

Thiện nam! Cõi nước của ông hơn cõi Phật Viêm, hành Thanh văn như Phú-già-la thích vị A-la-hán, quán tướng bất tịnh nơi các pháp sẽ đạt đạo quả.

Lúc giảng pháp này, có vô lượng, vô biên chúng sinh đạt nhẫn Thuận tứ đế, vô số chúng sinh đạt quả như thật. Lúc ấy, Đức Phật lại bảo Tôn giả Kiều-trần-như:

–Thiện nam! Nếu tất cả chúng sinh cùng một tâm niệm, đạt bốn Đế, Như Lai sẽ giảng về một hạnh, một pháp, một việc mà không cần giảng tám vạn pháp môn tùy thuận sự khác biệt của chúng. Nếu một người chứng tất cả đều chứng, một người đoạn tất cả đều đoạn thì không có ba thừa sai khác của Thanh văn, không có mười của địa Bồ-tát. Vì sao? Vì phiền não giống nhau, sự đoạn chứng cũng giống nhau. Vì vậy chúng sinh cần có

phương pháp để điều phục, không thể dùng một cách một việc.

Kiều-trần-như! Chúng sinh chưa đoạn giác quán thì sẽ tạo ra các pháp với đủ hình tướng, sắc tâm. Hành giả tự suy nghĩ, tự tâm chấp tướng, quán sự hòa hợp sinh khởi của tâm, xương trắng sẽ đạt Niết-bàn, chứng đạo quả. Lại thấy nhân duyên có được pháp lạc của thân không thoái chuyển, lại nghĩ tìm nguyên nhân có sự hòa hợp sinh khởi của tâm, từ đó thích nói về mọi phương tiện. Đó là tâm thù thắng thứ hai, thấy pháp lạc, an định tâm không thoái chuyển.

Hành giả lại nghĩ: Có bao nhiêu nhân duyên hòa hợp sinh khởi nơi tâm này, nào là giác quán, duyên dựa, chấp, xả, do vậy thân tâm lại nghĩ tất cả pháp lạc của thân tâm sinh khởi từ sự hòa hợp đều sẽ diệt, quán tất cả sự sinh khởi từ nhãn thức đến ý thức đều có trụ diệt, tịch tĩnh. Đó là tâm thù thắng thứ ba, hiện thấy pháp lạc, nhất định đạt đạo Niết-bàn, nhanh chóng đạt bốn quả.

Lại nghĩ thân trong pháp giới này thông đạt phương tiện, thanh tịnh thể tánh, lại không phải thể tánh tịch tĩnh, an trụ nơi phương tiện, tâm tưởng, giác quán cũng vậy. Đó là tâm thù thắng thứ bốn, hiện thấy pháp lạc, nhất định đạt đạo Niết-bàn, tuy chưa chứng đạt nhưng muốn chứng thì không khó.

Kiều-trần-như! Lúc hành trọn vẹn bốn tâm thù thắng ấy sẽ chứng đạt bốn mươi vạn hạnh Tam-ma-đề, quả A-na-hàm cho đến quả A-la-hán, đạt hai pháp giải thoát có oai lực, có thần thông, được trời người tôn kính cúng dường.

Kiều-trần-như! Chúng sinh không phải chỉ hai thừa, hạnh, một tâm tham, một niệm, một sự hiểu biết, một lòng tin vì thế Như Lai giảng thuyết vô số pháp môn văn tự cú nghĩa. Do vậy Như Lai đủ mười Thần lực.

Kiều-trần-như! Chúng sinh có vô số vọng tưởng điên đảo. Vì thế Như Lai giảng các tưởng vô thường, khổ, vô ngã, chết, thân sình trướng, hư rã, chảy mủ, bầm tím, dòi bọ rúc rỉa, hôi thối, xương thịt tan rã.

Tôn giả Kiều-trần-như bạch Phật:

–Thế Tôn! Thế nào là thế gian không vui, thức ăn bất tịnh?

–Kiều-trần-như! Không nên hỏi việc ấy. Vì sao? Trong cõi Ta-bà, còn có phương pháp để đạt đạo Niết-bàn và bốn quả Sa-môn. Căn tánh của chúng sinh ở cõi khác không giống nhau, lòng tin, sự tu chứng, oai lực phương tiện cũng khác nhau. Đất nước đã khác, hình tướng càng khác.

Kiều-trần-như! Nếu ta nói rõ pháp ấy sẽ làm cho chúng sinh mê hoặc chìm đắm, trừ hàng Bồ-tát đạt Nhẫn vô sinh.

Thế Tôn! Xin thương xót, diễn giảng cho các Bồ-tát có đủ sức tin hiểu.

Thế Tôn! Được nghe về hai pháp trên, chúng sinh sẽ phát khởi căn lành vi diệu, đoạn chướng ngại vô minh. Chúng sinh vì tham ái, ngu si trói buộc thọ sinh trong các cõi, tiếp tục tạo nghiệp, không biết việc quá khứ, thích sinh tử, không bao giờ hết. Vì sao? Vì chúng sinh không được nghe về sự bất tịnh của thức ăn nên cứ tham ăn, tăng dục vọng, trôi lăn trong năm cõi, chịu vô số khổ đau. Như Lai đại Từ bi, luôn nghĩ thương chúng sinh. Xin Như Lai thương xót giảng rõ Đà-la-ni Thuận vô nguyện.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 39

Phẩm 14: NHẬT TẠNG

Phần 5: TÍCH TẬP NGHIỆP ÁC

Lúc ấy, Đức Phật bảo Tôn giả Kiều-trần-như:

–Thiện nam! Như Lai Trí Đức Phong Vương vì thương xót chúng sinh nơi cõi năm trược cùng hàng trời người nên sai Bồ-tát Viêm Đức Tạng tặng Đà-la-ni này để tạo an lạc muôn loài.

–Thế Tôn! Đúng thế, đúng thế! Xin Như Lai nói rõ về thế gian không vui và thức ăn bất tịnh. Nếu nghe được hai pháp ấy chúng sinh sẽ đoạn tham dục, không tham đắm vị. Thế Tôn! Chúng sinh nào nhàm chán dục vọng và thức ăn, ghét lìa hai thứ đó, tu tập thanh tịnh sẽ vượt qua sinh tử, đến bờ giác, chặt đứt mọi sợi dây ràng buộc.

–Kiều-trần-như! Hãy chuyên tâm thọ trì.

–Vâng, thưa Thế Tôn! Con nguyện lắng nghe.

Phật nói:

–Này Kiều-trần-như! Thế nào là thế gian không vui? Thế gian có hai: Chúng sinh và khí.

Thế gian của chúng sinh: Tức chúng sinh nơi năm đường: Trời, người, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục. Khi thế gian khí: Hai mươi xứ nơi cõi Dục, mười sáu xứ nơi cõi Sắc, bốn xứ nơi cõi Vô sắc. Đó là bốn mươi xứ nơi của khí thế gian. Hai mươi xứ cõi Dục: Tám địa ngục lớn, mỗi ngục được bao quanh bằng mười sáu ngục nhỏ, chúng sinh ở đó đều đau khổ, không vui. Tám địa ngục lớn: Nhất tử, Nhất hoạt, Hắc thằng, Chúng hợp, Khiếu hoán, Đại khiếu hoán, Nhiệt, Đại nhiệt, A-tỳ. Chúng sinh nơi ba đời tạo nghiệp ác bằng thân, miệng, ý sẽ bị đọa vào các địa ngục lớn, trải qua vô lượng trăm ngàn kiếp chịu vô số khổ nào. Ở địa ngục, chúng sinh dù thấy sắc tốt vẫn không vui thích, nên càng thấy khổ. Cứ thế, chuyển sinh từ địa ngục này đến địa ngục khác, các nỗi khổ càng cùng cực không thể chịu nổi, không thể nói được. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng vậy. Vì không vui thích, không hề vui mừng, không có gì vừa ý nên thân luôn bị thiêu đốt, ăn hòn sắt nóng, uống nước đồng sôi, mọi nơi đều là lửa, không thể nào chịu được. Chúng sinh đó, vì chưa hết nghiệp ác nên chưa chết; chúng sinh chưa chịu quả mà đã tạo nghiệp ác cũng sinh về cõi đó.

Kiều-trần-như! Chúng sinh nơi thế gian phần nhiều thích sự vui sướng, không thích khổ não, ai lại thích vào địa ngục. Đấy là nơi do chúng sinh

tạo nghiệp ác phải sống trong cảnh giới đó. Người trí quán việc ấy nên không ham thích.

Kiều-trần-như! Nơi của súc sinh sống ra sao? Kiều-trần-như! Súc sinh có nhiều loại, có loại chỉ bằng một phần trong trăm phần của sợi lông, có loại chỉ là hạt bụi trong hang tối, có loại to bằng mười ngàn do-tuần, có loại tuổi sống chỉ trong một tích tắc, có loại sống trong bảy tích tắc, có loại sống một kiếp, có loại sống trăm ngàn vạn ức kiếp. Vì nghiệp ác nên sinh làm loài vật, tức không thích pháp lành, không gieo giống lành, không hành pháp, không có trí tuệ, không biết hổ thẹn, không Từ bi, tâm luôn khổ, sợ, ăn giết lẫn nhau, xa bỏ pháp lành, làm việc ác theo vô minh tối tăm, đi trong đường hiểm ác, tạo nghiệp địa ngục, luôn sân hận, không thích phước đức. Khi quả đã chín muồi, chịu khổ trong cõi ác, thân tâm hèn kém nên sinh vào loài vật, luôn bị đói khát, lạnh nóng, đánh đập, chuyên chở, bị ruồi muỗi hút máu, khổ não đó là vô lượng, vô biên. Người trí nào lại thích những nơi đó.

–Kiều-trần-như! Loài ngạ quỷ sống thế nào mà người trí không vui thích?

Kiều-trần-như! Ngạ quỷ cũng có nhiều loại, có loại thân dài một thước, có loại như người, có loại to bằng ngàn Du-xà-na, loại to bằng núi Tuyết, loại ngạ quỷ lõa thể không y phục, trói mình bằng tóc, đen đủi khô gầy, thân chỉ có da bọc xương,

không có máu thịt, thân như cây khô, luôn đói khát, lửa từ trong miệng tuôn ra, tâm luôn sân hận, không Từ bi, bứt rứt kinh hoàng không an ổn, vì đói khát bức bách nên uống nước đồng sôi, ăn hòn sắt nóng, máu thịt tanh thối, phân giải hôi nhơ, luôn bị gió mưa lạnh nóng táp vào người, không bao giờ tìm được hoa trái, cây cỏ, nước sông, trải qua ngàn năm, trăm ngàn năm chịu khổ như thế, đi đứng nằm ngồi trong vô minh Tu-đà-hoàn ám, người trí làm sao vui thích khi thấy biết việc ấy.

Thế nào là nỗi khổ không vui của cõi người mà người trí không thích? Kiều-trần-như! Người trí quán sát cõi người có những nỗi khổ như sinh, già, bệnh, chết, xa lìa người thân, sống với kẻ thù, cầu muốn không toại nguyện, năm ấm tạo khổ, đói khát, tham sân, ganh ghét, nói dối, nói hai lời, thêu dệt, nói thô ác, ngục tù, nghèo khổ, chết yểu, khổ khổ chồng chất, kéo đến đời sau. Cứ thế xoay chuyển mãi không thôi, người trí làm sao vui thích được?

Kiều-trần-như! Người trí quán xét cõi trời thuộc Dục giới không vui như thế nào? Kiều-trần-như! Người trí quán xét tầng trời cõi Dục đầu có sáu cõi trời, chúng sinh ở đó nhiều tham dục, bị trói buộc trong dục ái, sự thọ hưởng quả khác nhau nên sinh khổ, có người hưởng quả tốt, kẻ chịu quả xấu; người nhờ phước đức quá khứ nên được sinh về đây, lúc quả báo sắp hết lại thấy khổ đau, hoặc

người khổ đâu vì làm mọi việc khổ nhọc; mọi vật yêu thích giờ phải xa lìa nên lại khổ; thấy nơi tốt đẹp nhưng vì phước đức hết, không được sinh về nên khổ; lại biết vì nghiệp phải bị đọa ba đường ác: Địa ngục; ngạ quỷ, súc sinh nên càng đau khổ. Người trí làm sao vui thích trước những khổ đau ấy?

Kiều-trần-như! Người trí quán chư Thiên cõi Sắc như thế nào mà không vui thích? Kiều-trần-như! Người trí quán mười sáu trụ xứ của cõi Sắc: Chư Thiên ở đây là nhờ tu thiền thế gian, vì thiền ấy chưa hết lậu hoặc nên khổ chưa được đoạn hết, không đạt tịch tĩnh, không hưởng được pháp lạc khác nên chịu khổ. Lại chưa đến bờ vui nên còn lưu chuyển trong khổ ấy, không biết đường ra, vì thế chưa giải thoát khỏi ba cõi ác, còn tiếp tục chịu khổ. Kiều-trần-như! Người trí lại quán chư Thiên nơi cõi Sắc này nhờ tu tập thiền vô lậu nhưng chưa trọn vẹn tám Chánh đạo nên chịu khổ; vì tìm mọi cách để viên mãn tám Chánh đạo nên thấy khổ; chưa đạt địa Tam-ma-đề của bậc Vô học nên thấy khổ; chưa tự tại trong Đà-la-ni của vị Bích-chi-phật nên thấy khổ; chưa tự tại trong cảnh giới của Phật nên chịu khổ. Cảnh giới của tất cả chúng sinh đều khổ. Như thế, chúng sinh ở cõi Sắc muốn nhập Niết-bàn nên chịu nhiều khổ não như trên. Người trí quán biết như vậy làm sao vui thích được?

Kiều-trần-như! Vì sao cõi trời Vô sắc lại

không vui? Người trí quán bốn nơi chốn của cõi Vô sắc, nhờ tu tập Tam-muội hữu lậu nên sinh về đây, chưa đạt giải thoát trong lậu hoặc nên khổ; chưa tự tại trong các địa Hữu học, Vô học nên khổ; không được nghe pháp của chư Phật nên khổ; chưa đoạn hết ái dục, không tự tại trong sinh tử nên khổ; khi hết tuổi thọ ở đây không vượt được tà kiến, ba đường ác, chưa đoạn hẳn nghiệp phiền não nên khổ; chưa thoát khỏi ba dường ác nên khổ. Người trí quán biết như vậy làm sao vui thích được nên cần phải vượt thoát ngục sinh tử, không thọ sinh ở đó. Khi quán sát tám cảnh ấy, người trí luôn tu tập tám Chánh đạo. Kiều-trần-như! Đó chính là thế gian không vui.

Kiều-trần-như! Thế gian là hành. Đối với các hành người trí thấy không vui. Hành có ba: Thân, miệng, ý. Hành của thân là hơi thở ra vào. Hành của miệng là giác quán nói năng. Hành của ý là tưởng, thọ. Người trí làm sao phân biệt biết tâm tưởng của chúng sinh mà không vui với ba hành. Người trí quán hơi thở ra vào của thân là từ mũi, miệng và trên mỗi lỗ chân lông, quán hơi thở vốn không sinh diệt. Nếu trước không nay có thì thuộc vô thường, không bền chắc như bọt nước, như tia chớp trong hư không, quán tướng đó do giác quán, tánh của giác quán vốn không nay có nên vô thường, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát. Giác quán đó có từ tâm vọng tưởng. Tánh của tâm này

vốn không có nên là vô thường, có thể hủy hoại, không thể nương tựa, không có vật, không có ngã, không thật. Vì quán như thế nên thấy hối hận trong các hành, tu quán thế gian không vui. Quán sát như thế, người trí sẽ đoạn hết mọi phiền não, mười hai nhập, làm thanh tịnh chánh kiến, đoạn trừ pháp sinh tử, thành tựu đạo Chánh giác, đạt bốn quả Sa-môn.

Kiều-trần-như! Người trí quán y phục không vui thích ra sao? Kiều-trần-như! Người trí quán về y phục dệt, cắt, nhuộm, may thành hình, thấy, sờ, mặc, cởi, y phục đó như da người, y phục mới như máu xoa lên thân, giòi bọ đậu bám, ruồi muỗi bay quanh, thấy vậy người trí không ham thích.

Kiều-trần-như! Về thức ăn người trí quán không vui thích ra sao? Kiều-trần-như! Khi cầm bình bát, người trí quán nó được hình thành từ tóc da máu thịt, hôi thối tan rã, ruồi nhặng bu bám, không thể ham thích, lại quán thức ăn như xác chết đầy dẫy ruồi nhặng. Khi được bún, người trí quán nó như xương nghiền nát, được bánh thì quán nó như da người, được tương, cháo, canh đều quán như máu thịt gân não phân nhơ của người, quán rau cỏ như tóc người ngựa, được rau dưa chua, quán nó như răng người, quán thịt như thịt người, quán đường mật, nước trái cây, bơ sữa như máu, mủ, nước giải của người hôi thối khó chịu.

Kiều-trần-như! Về nhà cửa, người trí quán

không vui ra sao? Khi vào nhà cửa lầu gác người trí kinh sợ, quán vào địa ngục có bốn cửa bên ngoài, luôn bị thiêu đốt, quán kèo, cột trụ như cốt tủy con người, quán bùn đất trét xây như thịt đắp trên hình hài, quán các vật trang trí như máu xoa trên thân, quán chăn đệm như da người, quán ghế giường như xương người, như xác chết, chán ghét gớm lìa tất cả thức ăn uống. Người trí quán như thế sẽ đạt ba nhẫn: Không, Vô tướng, Vô nguyện, thấy các pháp đều rỗng lặng, biết phương tiện lợi ích nơi sinh diệt, ấm nhập giới là vô thường, khổ không, vô ngã, bất tịnh, thấy tánh của mười tám giới mười hai nhập, bốn Đế, mười hai nhân duyên là khổ, không, vô thường, vô ngã; đạt bốn quả Sa-môn, thành tựu tướng giải thoát.

Lại nữa, Kiều-trần-như! Tam-ma-đề giải thoát vô học này có nhiều lợi ích, có thể trừ hết tham dục nơi ba cõi, kiêu mạn, vô minh, giúp an trụ địa vô học. Kiều-trần-như! Đó là nghĩa của Đà-la-ni Thuộc vô nguyện. Đà-la-ni này có oai lực lớn, trừ tham dục ba cõi, kiêu mạn, giúp chứng tận trí, vô sinh trí, xé tan màn lưới vô minh, bỏ gánh nặng khổ não. Vì ta giảng kinh lớn nên Đức Phật Trí Đức Phong Vương sai Bồ-tát Viêm Đức Tạng trao tặng. Kiều-trần-như! Đà-la-ni này có thể đẩy lùi các ma ác, đánh bại rồng độc, được chư Thiên kính tin, vui thích, Dạ-xoa tùy thuận vui mừng, A-tu-la, Ca-lâu-la kinh sợ, Khẩn-na-la hoan hỷ, Ma-

hầu-la-già đầu hàng, trừ hết ngoại đạo tà kiến, các hàng Sát-lợi, Tỳ xá, Thủ-đà vui mừng, Bà-la-môn thì thêm tin kính, người nữ ít tham dục, bậc đa văn thì siêng năng tu học, người tu thiền thì thích nơi thanh vắng, trừ mọi hoạn nạn như tranh chấp, giặc cướp, đói khát, chết yểu, lụt lội, hạn hán, khổ sở, xiển dương Đại thừa, hưng thạnh Tam bảo, chánh pháp được trường tồn, cờ pháp được dựng, an ủi chúng sinh trôi trong sinh tử.

Lúc nêu giảng pháp này, có vô lượng, vô số chúng sinh trừ cấu uế đạt mắt pháp thanh tịnh, chín mươi tám Tần-bà-la người đạt quả A-la-hán, tám na-do-tha chúng sinh đạt Đà-la-ni Thuận vô nguyện, vô lượng, vô số a-tăng-kỳ chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, không thoái chuyển, năm trăm tám mươi vạn chúng sinh đạt pháp Nhẫn vô sinh. Tất cả đại chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, ngạ quỷ, Tỳ-xá-già, Cưu-bà-trà, Phú-đơn-na, Ca-trá-phú-đơn-na, Nhân phi nhân đều khen:

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! Đức Thế Tôn! Thật không thể nghĩ bàn, đạt trí vô ngại, được nghe pháp này làm sao chúng sinh lại không phát tâm Bồ-đề vô thượng. Thế Tôn biết rõ chúng sinh được sống trong chánh pháp, thấy tám Chánh đạo, trừ gánh khổ, vui vẻ độ sinh. Trước Đức Thế Tôn, chúng con xin nguyện: Bất cứ nơi nào có bốn thần

chú này lưu truyền, vua, quan, trưởng giả, Sa-môn, Bà-la-môn, Tỳ-xá biên chép, đọc tụng, giảng thuyết thì chúng con sẽ gia hộ, cung cấp mọi vật dụng, lễ bái tôn trọng, làm cho họ được an ổn, không thù ghét, đầy đủ mọi vật, thân không bệnh khổ, tâm an vui, không sinh vào cõi ác, trở thành pháp khí của Phật.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Các Tín thí! Các ông biết bảo hộ chánh pháp, làm cho Tam bảo không đoạn dứt, các ông sẽ được vô lượng phước đức ở đời sau.

Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất, rời tòa, chắp tay thưa Phật:

–Thế Tôn! Chúng con mong được nghe Đà-la-ni do Đức Phật Đức Hoa Tạng sai Bồ-tát Hư Không Tạng mang đến. Xin Đức Thế Tôn giảng rõ.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ giảng nói rõ. Đức Như Lai Đức Hoa Tạng biết chúng sinh nơi cõi này ít căn lành, nhiều phiền não, đủ bốn điên đảo, tâm luôn chấp trước ngã, trôi lăn trong sinh tử, mất tám Chánh đạo nên trao Đà-la-ni này.

Xá-lợi-phất! Chúng sinh vốn không có ngã nhưng vì điên đảo nên chấp có ngã. Xá-lợi-phất!

Người trí tự quán sát biết không có ngã nên trừ bốn điên đảo. Xá-lợi-phất! Người trí quán vô ngã tức quán thân không ngã. Vì sao? Vì là sự hòa hợp. Quán mắt… cũng không ngã. Vì sao? Vì nhãn thức vừa sinh. Lại quán sát thấy mọi vật trang sức như y phục an tọa trong thiền định, thâu giữ sáu căn, không bỏ tâm mới có thể thấy. Mắt lại do bốn đại hòa hợp, sự chuyển động của mắt là do sức gió. Tánh của gió như hư không, vào ra, sang trái, sang phải, căn thanh tịnh thì mới thấy rõ. Tánh hư không lại không sở hữu, không nương tựa, không thể nắm bắt, không thể nói năng, không có ngã. Gió trong hư không cũng vậy, không có vật, không thể nói, không có ngã. Sự chuyển động của gió trong các căn không thể nắm bắt, không thể nói, không thể tìm. Trong mắt, đất là chất cứng như hạt Ni-câu-đà, quán sát kỹ sẽ nhổ ra được, khi nghiền nát thì bị gió thổi như hạt bụi, và như thế tìm trong các vật đó không hề thấy ngã. Tướng đất chỉ là danh từ, không thể nắm bắt, không ngã, không chủ tể. Tuần tự như thế quán về nước, lửa khi đã quán kỹ biết trong mắt không có ngã. Như thế, bốn đại của mắt không có vật cụ thể, không thể nói năng, không ngã. Nếu nói có nhãn thức nên có ngã thì không đúng. Vì sao? Vì trong mắt không có ngã, trong sắc cũng vậy, trong sự hòa hợp của mắt sắc cũng không có ngã, dù tìm kiếm thế nào vẫn không có được. Thức này chỉ là sự lưu chuyển tuần hoàn

của mười hai nhân duyên. Ngoài mười hai nhân duyên sẽ không thấy thức. Từ thức có danh sắc, danh sắc có lục nhập, lục nhập có xúc, xúc có thọ, thọ có ái, ái có thủ, thủ có hữu, hữu có sinh, sinh có già bệnh chết tất cả các pháp ấy đều có từ nhãn thức. Song nhãn thức ấy không phải có từ phương Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn góc trên dưới. Từ niệm có nhãn thức, khi niệm ấy mất, nhãn thức cũng không còn. Trong niệm thư hai không có niệm, vì cứ một niệm sinh một niệm diệt. Pháp diệt này không phải đi đến mười phương, cũng không phải ở một chỗ. Vì thế khi đủ duyên các pháp sẽ sinh, khi không có nhân duyên các pháp không sinh, từ duyên sinh, từ duyên diệt. Nhân duyên ấy là pháp liên tục. Vì thế cần biết, thật không có ngã, không tạo nhận; không tự sinh; không do cái khác sinh nên là không ngã. Ngã đã không, sở hữu của ngã cũng không. Vì sao? Thể tánh vốn vậy. Vì tánh mắt không có ngã và sở hữu của ngã, không tích tụ, không hợp tan, là sinh diệt. Tất cả các pháp đều vậy. Tánh của các pháp không lấy bỏ, không do La-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Phật tạo ra nhãn thức là không, tất cả các pháp cũng, rời ngã, không ngã nên không thấy. Khi quán sát ba pháp giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện thì đoạn trừ tất cả tham dục phiền não, đạt bốn quả Sa-môn. Mắt đã vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Hành giả lại quán thân không ngã, quán chẻ sợi tóc

thành trăm phần nhỏ, đốt thành tro, bị gió thổi mất. Như thế tánh của một sợi tóc đã không, hành giả tự nhiên tỏ ngộ, không nghi ngờ. Vì sao? Trong một sợi tóc không có ngã, trong da thịt, máu mủ, đờm giải, ruột não, xương tủy, móng vuốt, hơi thở, mạng sống đều không có ngã. Các nhân duyên hòa hợp nên gọi là thân. Quán sát biết khi thân tiếp xúc dẫn sinh ra thức, thức có danh sắc, danh sắc có lục nhập, lục nhập có xúc, xúc có thọ, thọ có ái, ái có thủ, thủ có hữu, hữu có sinh, sinh có già bệnh chết. Tất cả các pháp nương tâm thức, dẫn sinh thân thức, thức thân ấy không đến từ mười phương. Niệm sinh thân thức ấy diệt thì thân thức không còn, trong niệm thứ hai cũng không có niệm một, niệm này diệt, niệm kia sinh, pháp ấy diệt không có nơi hợp tan. Vì thế các pháp đủ duyên thì sinh, hết duyên thì diệt, nhân duyên liên tục thì thấy, dứt đoạn thì không thấy, vì thế, biết thật không có ngã. Nhân duyên ấy không người thọ nhận, không dừng, khởi, không nắm bắt, không ngã, không sở hữu của ngã, tan, hợp, là pháp sinh diệt. Tất cả các pháp đều vậy. Trong tánh của pháp ấy không lấy bỏ, không do Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Phật ra tạo. Thức đã không, tất cả pháp đều không, thể tánh không có ngã, sở hữu của ngã, là không nên không thể thấy. Tất cả các pháp đều không có ngã, sở hữu ngã. Khi quán sát như vậy sẽ đạt ba pháp giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện,

đoạn tất cả phiền não tham dục, thành tựu bốn quả Sa-môn. Người trí cứ thể suy xét biết không có ngã, trừ tâm nghi, hiểu rõ thân. Xá-lợi-phất! Người quán như vậy sẽ đạt ba pháp giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, được chư Thiên, Đế Thích cúng dường, bảo hộ, luôn an lạc; được Phạm thiên, chư Thiên, Rồng, Dạ-xoa, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già tôn kính, cúng dường mọi vật, bảo hộ, chúng sinh ác không hại được, người, vua cũng tôn kính, cúng dường như vậy. Xá-lợi-phất! Đó là Đà-la-ni Xa-ma-bùi-đa-tất-đế-na-trì mà Phật Đức Hoa Tạng sai Bồ-tát Hư Không Tạng mang đến. Vì ta giảng kinh lớn ở đây, nên Như Lai mới trao tặng. Đà-la-ni này có oai lực và công đức lớn, thương yêu tất cả chúng sinh, cứu khổ nạn, đoạn kết sử phiền não, biết rõ ấm giới nhập, phân biệt rõ các pháp, hiện phương tiện quyền biến, ban pháp lạc Niết-bàn, nhập các pháp môn, hàng phục quân ma khó điều phục, đánh bại ngoại đạo, tà thuyết, làm cho chư Thiên vui vẻ, Dạ-xoa biết đủ, A-tu-la kinh sợ, Ca-lâu-la mừng vui, Khẩn-na-la thỏa thích, Ma-hầu-la-già không thể quay lại, các hàng Sát-lợi hoan hỷ, Bà-la-môn càng tin kính, Tỳ-xá, Thủ-đà an lạc, người nữ giảm dục vọng, người tu định thích nơi nhàn vắng, mọi tai nạn tranh chấp, đói khát, giặc cướp, lụt, hạn, thú dữ… đều dứt trừ, hưng thịnh chánh pháp, dựng cờ pháp, xiển dương Tam bảo, giải thoát cho

chúng sinh bị kinh sợ ràng buộc, sinh khởi tận trí và vô sinh trí, xua tan đêm tối, mang lại ánh sáng, giúp chúng sinh đặt gánh khổ xuống, chúng sinh nơi ba cõi ác được vào cõi Phật, tự tại trong các pháp, đạt giải thoát, mười tám pháp Bất cộng, xoay xe pháp, tuôn mưa pháp, giáo hóa mọi loài, an trụ đạo Niết-bàn.

Lúc giảng pháp này, có vô lượng chúng sinh tiêu trừ mọi nghiệp ác nơi quá khứ; vô số a-tăng-kỳ trời người đoạn mọi cấu uế, đạt mắt pháp thanh tịnh; vô lượng chúng sinh chứng quả Tu-đà-hoàn; trăm ngàn Tần-bà-la chúng sinh đạt quả A-la-hán, bảy mươi mốt na-do-tha chúng sinh thành tựu Đà-la-ni này, không thoái chuyển ba thừa, vô số a-tăng-kỳ trời người phát tâm Bồ-đề vô thượng; vô số chúng sinh an trụ không thoái chuyển nơi tâm Bồ-đề vô thượng; vô số chúng sinh an trụ không thoái chuyển nơi đạo quả giác ngộ; tám vạn chín ngàn chúng sinh đạt Nhẫn vô sinh. Hết thảy chúng sinh hiện có nơi các cõi thuộc thế giới Ta-bà được nghe bốn pháp Đà-la-ni này, tất có thể phá trừ mọi chướng ngại của tham về dục, sắc, lạc, xúc đạt căn lành nơi quán bất tịnh, hoặc đạt niệm nơi lục nhập, căn lành không mất, căn lành cùng khắp, căn lành A-na-ba-na, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, đạt bốn Thiền, bốn định không, nhẫn thuận bốn Đế, tánh nhân địa, bát pháp địa, căn lành hòa hợp Tiểu thừa, không hòa hợp Tiểu thừa, trí Nhất thiết biết căn

lành, căn lành Đà-la-ni, Tam-ma-đề nhẫn, người nữ thì chán ghét thân nữ, quán tội lỗi của thân nữ, tìm nguyên nhân thọ thân nữ và chê trách việc ấy, tu quán thân không vui, chín mươi mốt tần-bà-la người nữ chuyển thành nam, chín mươi chín trăm ức người nữ cõi trời, tám vạn bốn ngàn rồng nữ, tám trăm sáu mươi vạn Dạ-xoa nữ, tám mươi bốn vạn A-tu-la nữ, bảy vạn Ca-lâu-na nữ, mười hai tần-bà-la Khẩn-na-la nữ, một vạn Ma-hầu-la-già nữ, chín mươi tần-bà-la ngạ quỷ nữ, bốn mươi hai tần-bà-la Tỳ-xá nữ… đều chuyển thành thân nam. Tất cả chúng sinh có mang đều an ổn, các con sinh ra đều đủ các căn, thông minh xinh đẹp, không bị hoạn nạn, tu tập hạnh người, an lạc, thân tâm thong dong. Tất cả chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-đà-la, Ma-hầu-la-già, Bệ-lệ-đa, Tỳ-xá-già, Cưu-bàn-trà, Phú-đơn-na, Ca-trá phú-đơn-na, Nhân phi nhân… đều khen ngợi:

–Hay thay, hay thay! Pháp vi diệu của Đức Thế Tôn thật không thể nghĩ bàn, từ trước chúng ta chưa từng được nghe. Nhờ nghe pháp Như Lai, mọi nghiệp ác, chướng hoặc đều trừ, vượt sinh tử, được uống nước cam lồ, tịch tĩnh, giáo hóa bảo hộ mọi loài, bỏ năm trược, đạt trí thù thắng, vào cõi Phật, hưng thịnh Tam bảo. Hôm nay, Như Lai tuôn mưa pháp, chúng ta cần cúng dường theo khả năng của mình. Thế rồi tất cả cũng trỗi nhạc trời, tuôn bột vàng bạc, hương hoa, y phục cúng dường

Như Lai, tất cả chúng trời, người đều vân tập đông đủ, trừ những vị đang nhập định, dâng cúng mọi vật lên Phật.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 40

Phẩm 14: NHẬT TẠNG

Phần 6: HỘ TRÌ

Khi ấy, tất cả tám trăm sáu mươi chúng gồm Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-đà-la, Ma-hâu-la-già, Bệ-lệ-đa, Tỳ-xá-già, Cưu-bàn-trà, Phú-đơn-na, Ca-trá phú-đơn-na chúa và quyến thuộc đều đảnh lễ Phật, chắp tay thưa:

–Thế Tôn! Từ nay về sau, ở bất cứ nơi nào, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, thiện tín niệm Tam-muội Đà-la-ni mà Phật vừa giảng, chúng con sẽ luôn bảo hộ để người ấy an vui, chúng con và quyến thuộc sẽ cúng dường mọi vật dụng, để không còn lo ngại về mười lăm việc ác, chúng con sẽ bảo hộ người ấy. Mười lăm việc ác: ném đá, đánh đập bằng gậy, chặt bằng dao, đâm bằng giáo, thuốc độc, ném từ trên cao, kẻ ác, kẻ không tin, bốn đại dao động, cúng dường thức ăn bằng tâm ác, tham, sân, độc ác, ganh ghét, nói lời thô ác, nói hai lời, cúng dường y phục, thuốc men,

thức ăn, giường nằm bằng tâm ác *(tự làm hoặc bảo kẻ khác làm)*, kẻ thù, quỷ dữ, Thiên tử ác, giặc cướp trong và ngoài nước. Chúng con nguyện bảo hộ dù là hiện tại, vị lai, đến thời mạt thế. Thời mạt thế: người đọc tụng không nương hành Ba-la-đề-mộc-xoa; không ngồi thiền, không đạt Tam-ma-đề; không đạt quả thứ tư; không đạt Tam-muội tịch tĩnh. Chúng con nguyện bảo hộ người tụng đọc kinh, ngồi thiền vào đầu đêm cuối đêm, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, thiện tín ở bất cứ nơi chốn, không để mười lăm việc ác xảy ra. Ở nơi nào có người phước đức sống dù chỉ một ngày một đêm, chúng con cũng nguyện bảo hộ nơi đó. Chúng con nguyện bảo hộ tất cả Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, người già, trẻ con, không để việc ác xảy ra. Chúng con nguyện bảo hộ những tín thí biết lễ bái cúng dường phòng nhà, chùa, tịnh xá, rừng, vườn, y phục, thức ăn, thuốc uống, đồ nằm cho người siêng tu tập. Người nữ mang thai biết cúng dường siêng tu, chúng con sẽ bảo hộ, không để việc ác xảy ra. Đứa bé sinh ra sẽ luôn tu phước, niệm căn lành, được mọi người yêu thích, ngợi khen, bảo hộ, khuyên tu điều lành, bỏ việc ác, chúng con sẽ bảo hộ, không để việc ác xảy ra. Chúng con bảo hộ Nhân phi nhân biết tin kính và thực hành theo lời dạy của người siêng tu. Chúng con không bảo hộ kẻ ác hủy báng, mạ nhục, gây hại người tu phước. Mười lăm việc ác

không được bảo hộ: hoạn nạn ác; mất tự tại; mất của cải; thân bị chặt; mất vợ con; quyến thuộc yêu thương; mất địa vị; mất nhà cửa; bị kẻ thù tổn hại; tâm luôn lo sầu; tâm luôn làm ác; ghét bỏ Sát-lợi; chúng sinh trong nước độc ác; bị giặc cướp trộm mất của cải; người nữ trong nhà thường tranh chấp; giặc cướp ở nơi khác đến trộm vật; chết yểu.

Phú-già-la nói:

–Chúng sinh tuy tu phước, không nghe lời thiện, thường sân hận, làm mọi việc ác, đến cầu xin thần chú của con, dù trong thần chú có đủ mọi công dụng nhưng chúng con quyết không gia hộ, không ban cho thần lực, không cứu độ, không cho vật gì nếu những chúng sinh đó cầu xin. Chúng sinh nào sân hận, độc ác với người tu phước sẽ bị những quả ác trên. Loại ấy dù đời này đời sau luôn nhớ nghĩ thực hành đúng pháp, cũng thường bị các loài trời, rồng ác Phú-đơn-na, những loài không có tâm Từ bi, không thích quả tốt đời sau, không sợ quả báo ba cõi ác xâm hại. Người tu phước đức, thích ở nơi thanh tịnh, gieo căn lành dù ở giữa mộ địa, bên cội cây, trong chùa, rừng bỏ xác chết, vẫn luôn được hộ trì. Trời, Rồng, Phú-đơn-na, những loài độc ác, luôn đoạt tinh khí kẻ khác, không biết đền ân, không sợ quả báo nơi ba đường ác đều không tổn hại được người ấy. Trừ khi người ấy có tội ác lớn ở quá khứ thì không được bảo hộ. Nếu

chúng con không làm việc ấy là chúng con lừa dối chư Phật ba đời, chúng con sẽ không được gặp Thanh văn, Duyên giác, không có phước đức, không đạt đạo Niết-bàn.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Các ông đã phát tâm lành như thế. Ngày xưa, các ông từng cúng dường chư Phật trong ba đời, làm hưng thịnh Tam bảo, dựng cờ phướn, khiến cho chánh pháp mãi được trụ thế. Thiện nam, tín nữ siêng năng tu tập, bảo hộ pháp Phật sẽ được giàu sang, bà con đầy đủ, hòa thuận, luôn an vui, không khổ não, sớm đạt quả Bồ-đề vô thượng. Thiện nam! Các ông thích vui, không thích khổ, nên, thường siêng năng tạo căn lành.

Nghe vậy, chư Thiên thưa:

–Lành thay, lành thay! Hôm nay, chúng con được tu tập, phát tâm như vậy.

Lúc ấy, tất cả ngạ quỷ, loài thường hút tinh khí của người, uống máu thịt để sống, đều bạch Phật:

–Thế Tôn! Chúng con vì quả ác phải thọ thân quỷ, sống bằng tinh khí máu thịt của người. Hôm nay, chúng con xin an trụ trong pháp Phật, làm đệ tử Phật, không làm ác, không có tâm ác. Nếu đệ tử Phật siêng năng tu tập pháp quán bất tịnh như Phật dạy mà chúng con không bảo hộ như Phú-già-la thì chúng con sẽ luôn bị mù, bốn chi không cử

động được, không đủ năm căn. Chúng con nguyện bảo hộ những người phước đức và thí chủ xây cúng chùa, tinh xá, vườn, rừng, ao tắm, y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc men.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Các ông đã phát tâm lành, nên thường làm như vậy, chớ nên buông lung.

Địa Thiên Lao Cố đứng lên bạch Phật:

–Thế Tôn! Nếu đệ tử Phật giữ gìn năm căn ấy, hành pháp quán bất tịnh như Phật dạy, con nguyện ủng hộ những người, làm cho họ đầy đủ sắc lực, đầy đủ niệm, hỷ, tinh tấn, trí tuệ.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Các Đàn-việt phát tâm như vậy là đệ tử chân chánh của Phật, sinh từ kim khẩu Phật, từ pháp Phật. Nhờ việc làm có ích đó, các ông sớm viên mãn pháp Đại thừa.

Đại Đức Thiên đứng lên bạch Phật:

–Thế Tôn! Các Đàn-việt biết cúng dường vàng bạc, vật dụng, ngũ cốc, cho Tỳ-kheo hoặc đệ tử hành pháp, tu quán bất tịnh, nhập Tam-muội giải thoát, đi, đứng, nằm, ngồi luôn buộc tâm niệm pháp, không chạy theo ngoại cảnh, hoặc xây tinh xá, phòng ốc, vườn, rừng, bốn vật cần dùng để các vị không thiếu thốn, thân an, tâm lạc, là ruộng phước tốt, thành pháp khí. Bố thí như vậy

đời sau được quả báo tốt, thích pháp, không đọa nơi đường ác, không làm ác. Chúng con xin bảo hộ Đàn-việt ấy để tu tâm Từ, tăng trưởng căn lành tốt đẹp.

Phật khen:

–Hay thay, hay thay! Đại thí chủ! Các ông siêng năng như thế sẽ tăng trưởng oai lực, phước đức trong pháp Đại thừa.

Lực sĩ Kim Cang thưa:

–Thế Tôn! Như Lai giảng kinh này, các thí chủ và quyến thuộc đều phát tâm hộ trì pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh. Nhờ hộ thí như thế nên chánh pháp được trường tồn ở cõi Ta-bà.

Vì lợi ích cho đời sau, Bồ-tát Di-lặc hỏi lực sĩ Kim Cang:

–Thiện nam! Pháp Hư không là gì, ở đây có thấy không? Nếu không thấy thì vì sao? Thế nào là sự hòa hợp của các pháp?

Lực sĩ thưa:

–Bờ bến của thật tế là không thể thấy nên pháp lành hòa hợp này cũng không thể thấy.

–Thiện nam! Thế nào là pháp hư không chân thật không hòa hợp?

–Không có gì khác.

–Thiện nam! Thế nào là pháp hư không, pháp không hòa hợp?

–Không động, không sinh, pháp giới dung

nhập không khác.

–Thiện nam! Thế nào là pháp hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu?

–Chân thật, không khác tánh như, pháp hữu vô lậu như hư không, không khác.

–Thiện nam! Thế nào là pháp hữu lậu vô lậu chân thật như như?

–Hư không dung hợp nên chân thật như như, không phải pháp hữu lậu, không phải pháp vô lậu.

–Thiện nam! Thế nào là pháp hòa hợp hư không?

–Tất cả các pháp không chướng ngại, vì hòa hợp nên không, không phải tụ, tan. Vì sao? Vì không mất thể tánh. Trong không ấy không thấy có vật và không, nên là pháp không. Thiện nam! Trong các pháp, đây là phương tiện, nên biết thể tánh của tất cả là như như, thể tánh xưa nay là không nên không, vạn pháp hòa hợp nên không, không phải tưởng, không phải phi tưởng. Vì sao? Pháp hòa hợp không ấy là không thể nói. Thể tánh của các pháp vốn vậy. Pháp ấy không do Sa-môn, La-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Phật tạo ra. Nó như như chân thật. Pháp hòa hợp đó không phải lìa tướng, không phải khác. Lúc lực sĩ Kim Cang giảng nói pháp ấy, có vô số chúng sinh từng tu học, đoạn tất cả uế nhiễm nơi nghiệp ác, đạt mắt pháp thanh tịnh, chín mươi hai na-do-tha chúng

sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô lượng chúng sinh đạt đạo không thoái chuyển, hành đầy đủ pháp Bồ-đề vô thượng.

M

Phần 7: PHẬT HIỆN THẦN THÔNG

Nghe Phật giảng pháp Bất tịnh, thấy đại chúng phát tâm bảo hộ vua Tần-bà-ta-la hết sức vui mừng, đứng lên thưa Phật:

–Thế Tôn! Pháp môn ấy có nhiều phước đức thật không thể nghĩ bàn. Hiện ở cõi Ta-bà này có vô số Bồ-tát đạt sắc thân vi diệu từ xưa con chưa từng nghe thấy. Thế Tôn! Ánh sáng từ thân của các Bồ-tát chiếu khắp tam thiên đại thiên cõi nước, con không thể thấy hình sắc khác, chỉ thấy ánh sáng đó. Thế Tôn! Các Bồ-tát sắp đạt Bồ-đề vô thượng có ánh sáng ra sao? Ánh sáng khi Như Lai nhập Tam-muội phóng ra như thế nào? Con có thấy được hào quang của Phật không? Có thấy mọi việc ở cõi Phật khác qua ánh sáng đó không?

Phật nói:

–Đúng thế, Đại vương! Bồ-tát thành tựu đạo Bồ-đề vô thượng, hào quang sẽ chiếu khắp cõi nước mười phương. Vì sao? Vì có thể trang nghiêm mọi phước đức trong cảnh giới của Phật;

hành đầy đủ phước đức từ hạnh Bồ-tát quá khứ, tăng trưởng căn lành của Bồ-tát, đủ vô lượng phước sinh vào nhà Phật, gần đạo Bồ-đề vô thượng, trọn vẹn đạo ấy thành tựu trí lực không thể nghĩ bàn của Như Lai, vượt mọi chướng ngại đạt trí thù thắng trong cảnh giới Phật, nhập quả chánh pháp của trí Phật, phân biệt vô số kiếp quá khứ, nương tựa vô số cảnh giới Phật, xoay xe pháp vi diệu, tự tại hiện thân, phước đức không ngại, đạt pháp chân thật thanh tịnh, tu tập rốt ráo, đoạn hết nghiệp đời sau, hiểu rõ căn lành của chúng sinh, trừ hết tập khí phiền não, vượt chướng ngại, an trụ cõi nơi Phật. Đại vương! Nương vào ánh sáng đó, thấy mọi việc ở các cõi Phật mười phương.

–Thế Tôn! Hôm nay, con muốn thấy vô số Phật, Bồ-tát, Thanh văn, đại chúng mười phương.

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la và vô số chúng sinh cùng thưa:

–Thật vậy Thế Tôn! Xin thị hiện mọi việc tu tập trang nghiêm ở các cõi Phật quá khứ, chúng con thấy được sẽ rất vui mừng.

Đức Phật bảo:

–Kiều-trần-như! Các ông, xuất gia, tại gia đều chuyên tâm tư duy, nhập thiền định bằng sức căn lành của mình. Ta sẽ nhập Tam-muội Như Lai.

Nghe vậy, tất cả chúng trời, rồng, Nhân phi

nhân, người đạt đế, đạt Thuận nhẫn, không thoái chuyển ba thừa tin Tam bảo đều kiết già nhập định. Như Lai liền nhập định, làm cho tất cả chúng sinh ở mọi nơi đều an vui. Tam-muội của Phật là không thể xưng kể, không thể thấy, các Thanh văn, Bích-chi-phật và Bồ-tát một đời thành Phật ở mười phương đều không thể biết, chỉ chư Phật mới biết. Khi Phật nhập Tam-muội Cảnh giới của Như Lai, tất cả tam thiên đại thiên cõi nước, trăm ức núi Tu-di, trăm ức mặt trăng, mặt trời, chư Thiên, đều thuộc thân Phật. Chúng sinh, trời, người, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục ở thế giới Ta-bà và mười phương đều trừ hết khổ não, tự tại an vui như Tỳ-kheo nhập thiền thứ ba. Các Bồ-tát đã nhập định từ trước, giờ đây đều xuất định, thấy hào quang của Phật hiện hào quang của mình biến mất. Các Thanh văn, chúng trời, người đều xuất định, cảm nhận sự an lạc khắp thân tâm y như người nhập thiền thứ ba, thấy mình hiện trong thân Phật, đi đứng nằm ngồi trong đó, lại thấy từ mỗi mỗi lỗ chân lông trên thân Phật xuất hiện vô số hào quang, như ánh sáng của hằng hà sa mặt trời, mặt trăng, châu ma-ni, Đại Bồ-tát mười Địa. Hào quang đó chiếu sáng khắp các cõi nước mười phương. Chư Phật khắp mười phương đều tự tại trong cõi mình, bảo đại chúng:

Ông xem Như Lai vẹn công đức
Thương yêu tất cả mọi chúng sinh

Oai lực trí tuệ cứu hết thảy
Như Lai Thích-ca bậc Tối thắng.
Với lòng Từ bi Phật phóng ra quang
Chiếu soi cõi nước ở mười phương
Lại vì thương yêu chúng sinh ấy
Thâu tóm tất cả vào trong thân.
Ánh sáng chiếu khắp cõi mười phương
Chúng sinh thấy được rất vui sướng
Phát tâm thanh tịnh và kiên cố
Thành tựu Bồ-đề pháp chân thật.
Các ông những ai đạt thần thông
Hãy mau đến đó cõi Ta-bà
Cung kính, đảnh lễ Đức Thích-ca
Sư tử trong đời, Bậc Tối Thắng.
Nếu ai chưa đạt được thần thông
Thành tâm hướng về lạy Như Lai
Phát tâm Bồ-đề trí chân thật
Sẽ thấy Mâu-ni, thân chánh giác.

Vì lòng Từ bi thương yêu giáo hóa chúng sinh và vì nguyện lực từ xưa chư Phật khắp mười phương đều nói kệ khuyên chúng sinh cõi mình. Ở mỗi cõi Phật đó, mỗi Đức Phật đều có vô số đệ tử Bồ-tát, Thanh văn, Trời, Rồng Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già vây quanh nghe pháp. Nương vào thần thông Phật họ cùng vân tập đến cõi Ta-bà này. Đến nơi, họ lạy Phật, đi quanh Phật ba vòng, dâng cúng vật báu, y phục, ca-sa, cờ, phướn, lọng, hoa,

hương, nhạc lên Phật. Cúng dường xong, họ lại ra về. Chúng sinh ở cõi Ta-bà đều thấy rõ các việc đó, cảm nhận sự vui thích. Lại thấy chư Phật mười phương ngồi tòa Kim cang, giảng chánh pháp, nói về công đức, trí tuệ, việc giáo hóa của Phật Thích-ca cho đại chúng. Nghe vậy, vô số chúng sinh ở các cõi đó đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, được thọ ký, thấy được chúng sinh ở Ta-bà hiện trong thân Phật Thích-ca, dù chỉ là các chúng sinh được vui hay chịu khổ, chúng sinh ở cõi năm uế trược được mọi an ổn. Lại thấy có nơi các Bồ-tát mười Địa giáo hóa chúng sinh, giúp chúng sinh thấy Phật, phát khởi lòng tin, nghe chánh pháp, hóa hiện thân Phật, dùng âm thanh vi diệu để tán thán:

Chư Phật mười phương cùng một thừa
Thành tựu căn lành nên đến đây
Ngoài Phật và các chúng Bồ-tát
Không còn một ai đức hơn thế.
Các ông tất cả loài quần sinh
Sớm phát Bồ-đề đạo Vô thượng
Nếu không dũng mãnh và siêng năng
Trôi trong biển khổ không ngày thoát.
Tất cả các ông nên đến đây
Cùng ta nhanh chóng đến Ta-bà
Cúng dường Thích-ca Sư tử chúa
Đảnh lễ, đi quanh Đức Thế Tôn.

Sau khi hóa làm thân Phật nói kệ tán thán xong, các Bồ-tát cùng vô lượng hằng hà sa bậc đạt

thần thông, tất cả chúng sinh đều đến cõi Ta-bà. Thấy Đức Thích-ca Mâu-ni, họ đi quanh Phật ba vòng, dâng cúng các vật báu lên Phật, phát tâm Bồ-đề vô thượng, có chúng sinh ở thừa Bích-chi-phật phát nguyện, sớm đạt đạo không thoái chuyển mỗi chúng sinh đều đạt nhẫn, Đà-la-ni, căn lành rồi trở về cõi mình. Các Bồ-tát có người hóa làm Bích-chi-phật, người hóa làm A-la-hán, người hóa làm Phạm Thiên vương, Đế Thích, Tứ Thiên vương, Na-la-diên, Ma-hê-Thủ-la, Tự tại thiên, Tinh tú thiên, A-tu-la, Chuyển luân thánh vương, rồng, quỷ. Tùy sở thích của chúng sinh ở mỗi nơi, có chúng sinh thích A-la-hán nên khi thấy A-la-hán liền vui vẻ học pháp. Để giáo hóa chúng sinh các Bồ-tát liền hóa làm A-la-hán, giảng các pháp cho chúng sinh đó. Có chúng sinh thấy ánh sáng và Đức Thích-ca, nên tôn kính, vui vẻ, trọn vẹn sáu căn và thỏa nguyện, đoạn hết nghiệp ác, thích thọ sinh. Các Bồ-tát hóa làm A-la-hán, thuyết pháp độ sinh, thành tựu đầy đủ sức của căn lành. Các vị nói kệ khen ngợi:

Chúng sinh trôi mãi trong sinh tử
Ngu si không biết đạo giải thoát
Vì đã tạo nên các nghiệp nhân
Thọ thân khổ não trong sinh tử.
Vì thế nên sớm bỏ tâm ác
Tà kiến, điên đảo và phiền não
Sớm vượt biển khổ đến bờ giác

Cớ sao các ông không hay biết.
Đạo sư khó gặp giờ đã gặp
Thân người khó được nay đã được
Bạn lành khó có giờ đã có
Chánh pháp khó nghe nay được nghe.
Vì thế các ông nên chí tâm
Sớm phát đạo Bồ-đề vô thượng
Vượt thoát hết thảy ngục sinh tử
Chứng thân công đức vi diệu Phật.
Vĩnh viễn lìa hai thứ tài
Tức hai kiến chấp Thường và Đoạn
Biết rõ các hành không có ngã
Là đã an nhập pháp chánh quán.
Trừ tâm ái thủ dẫn đến sinh
Nước trí rửa hết, được thanh tịnh.
Cùng nhau đến cõi Ta-bà kia
Cung kính cúng dường Đức Thích-ca.

Sau khi hóa thân A-la-hán, nói kệ khen ngợi xong, các Bồ-tát cùng vô số hằng hà sa bậc đủ sức thần thông và chúng sinh đến cõi Ta-bà. Đến nơi, họ cúi lạy Phật, chào hỏi quyến thuộc, đi quanh Phật, dâng cúng hoa hương lọng phướn lên Phật, rồi trở về cõi mình. Về đến nơi, các vị đều khen ngợi Đức Thích-ca cho đại chúng của nước biết: "Đức Thích-ca thương yêu giáo hóa chúng sinh, tạo lợi ích cho mọi loài." Nghe vậy, đại chúng cũng khen ngợi Đức Thích-ca, có vô số chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, phát tâm Bích-chi-

phật, Thanh văn, đạt đạo không thoái chuyển, thành tựu nhẫn, Đà-la-ni thấy chúng sinh ở thế giới Ta-bà hiện trong thân Phật nên dốc phát tâm Bồ-đề vô thượng, Thanh văn, Bích-chi-phật, không thoái chuyển, hoặc thọ thân Chuyển luân thánh vương, được thọ ký.



KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 41

Phẩm 14: NHẬT TẠNG

Phần 8: TINH TÚ (1)

Thấy tất cả chúng sinh trời, người đều hiện trong thân Phật, Ma vương Ba-tuần lại gào khóc khổ não, ra vào tới lui, kinh sợ, tức giận, than thở, nhắm mắt, há miệng, bức tóc, cởi áo, lắc đầu, kéo tay. Tất cả quyến thuộc của ma cũng đau khổ như thế.

Thấy Ma vương khổ não như vậy, vị chủ quân là Giới Y Chỉ nói kệ:

Cớ sao khổ sầu riêng đi lại
Gào khóc than thở tựa kẻ điên
Ra ra vào vào tâm không an
Xin đại vương nói rõ duyên cớ.

Nghe hỏi Ba-tuần càng đau khổ, nói kệ:

Toàn thân của ta mồ hôi chảy
Trong tâm đau đớn như dao cắt
Gào khóc đến nỗi chảy máu mắt
Vì thấy Cù-đàm hiện thần thông.

Thân hình to lớn không thể lường
Tất cả cõi nước hiện trong bụng
Ta mất hết dân và quyến thuộc
Cảnh giới cung điện đều trống không.
Đại chúng các cõi nước mười phương
Hết thảy đều về cõi Ta-bà
Thiết vật cúng dường rất quý lạ
Lễ bái đi quanh rồi trở về.
Ta đây mất hết mọi thần lực
Bạn bè quyến thuộc đều nương Phật
Như Lai có đủ oai lực lớn
Làm sao ta lại không sầu não?

Đại chủ quân Giới Y Chỉ nói:

Quân lính dưới quyền tôi thống lãnh
Dũng mãnh cường tráng khó địch nổi
Phóng ra dao đâm kích hại Như Lai
Phút chốc thân kia thành tro bụi.

Ma Ba-tuần đáp:

Quân lính quyến thuộc của chúng ta
Từ lâu đã về nương tựa Phật
Nếu ta khởi tâm ác hại người
Tự nhiên gông cùm mang vào cổ.

Đại chủ quân Giới Y Chỉ nói:

Chúng ta tìm đủ mọi phương kế
Dẫn dụ Cù-đàm kẻ thù lớn
Giả hiện gần gũi, làm bạn tốt
Khi đã cơ duyên sẽ tiêu diệt.

Ma Ba-tuần đáp:

Nếu ta khởi tâm độc ác ấy
Tìm mọi phương cách để hại Phật
Dưới cổ tự nhiên mang xác chết
Hôi hám nhờm gớm khó chịu được.

Đại chủ quân Giới Y Chỉ nói:

Tất cả cõi Dục thuộc quyền ta
Chỉ có trời người tin kính Phật
Loài rồng độc ác đại vương quản
Hạ lệnh mau chóng hại Cù-đàm.

Ma Ba-tuần nói:

Nếu thấy loài rồng đủ thần lực
Ông hãy điều khiển, ta quá mệt
Quả như hại được Cù-đàm ấy
Ta về cõi mình tâm bình yên.

Nghe vậy, Đại chủ quân Giới Y Chỉ tự nghĩ: Ở thế gian có ba thứ khó địch đó là ba thứ độc hại: Thiên ma, Rồng ác, Tiên nhân đạt năm thông. Hiện nay cung điện của ma đã bị hủy hoại, riêng cảnh giới của rồng là còn kiên cố, ánh sáng của cõi này chiếu khắp biển lớn, cõi này đủ thế lực, quân lính đông không thể lường, một khi làm cho loài rồng trở về dưới quyền của ma, các binh lính khác sẽ dễ dàng điều phục. Tôi sẽ hạ lệnh để chúng kéo binh hại Cù-đàm. Ma Ba-tuần khen:

–Hay thay, hay thay! Tướng quân trí tuệ! Hãy mau đến cung trời, hạ lệnh cấp tốc tiến đánh Cù-

đàm.

Nghe vậy, Đại chủ quân Giới Y Chỉ cáo từ, đưa tay ra lệnh cho vô lượng trăm ngàn quân ma: Các ngươi mau chuẩn bị khí giới, ta sẽ đến cung rồng, ra lệnh cho đám rồng ác thổi gió độc sát hại Cù-đàm. Vừa ban lệnh xong, tất cả quân ma đều không thể cử động, Đại chủ quân Giới Y Chỉ và quân lính không sao tiến lên phía trước, nước mắt tuôn trào, lông tóc dựng đứng, chắp tay thưa với Ba-tuần:

–Chúng tôi không sao đi được. Sa-môn Cù-đàm khôn khéo, xảo quyệt, biết rõ mưu kế của ta nên đã dùng thần thông trói buộc chúng ta, làm cho thân thể nóng bức như bị thiêu đốt, chúng tôi không thể cử động được, làm sao có thể giả hiện để hại Cù-đàm. Nghe vậy, Ba-tuần càng thêm sầu khổ, bảo Giới Y Chỉ phải nói rõ mọi việc cho Long vương, hãy sát hại Cù-đàm cho ta.

Nghe lệnh các Long vương ác cùng quân lính định bay lên hư không, nhưng chúng không sao bay được, liền thưa lại với tướng quân Giới Y Chỉ:

–Chúng tôi được lệnh cấp tốc ra đi, nhưng chỉ vừa có ý định là không thể cử động. Nghe thưa như thế, tướng quân Giới Y Chỉ lo lắng tự nghĩ: Nếu ta dùng oai lực của ma làm cho loài rồng tức giận, chúng sẽ đích thân đến hại Sa-môn Cù-đàm. Ma Ba-tuần và Giới Y Chỉ liền biến hiện ra các

thứ ruồi, muỗi, trùng độc, xác chết, phân người đầy trong cung điện của loài rồng. Thấy vậy, loài rồng căm tức, không biết ai đã làm ra điều ấy. Chúng suy nghĩ mãi nhưng không sao biết được, càng tức giận, nên tất cả Long vương, quyến thuộc, quân lính… đều kéo nhau đi chỗ khác, tìm đến ở trên núi Khư-la-để dưới chân núi Tu-di. Núi này bằng phẳng, rộng bốn vạn do-tuần, được hình thành từ bảy báu. Ngay cả Long vương Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà cũng kéo vô lượng trăm ngàn quyến thuộc đến đó. Trên núi này có các Tiên nhân tu luyện. Loài rồng thân hình vốn to lớn như núi Tu-di, nhưng khi đến đây thân hình chúng lại bé nhỏ. Tuy biết và muốn đi tìm người cầu cứu nhưng chúng không sao đi được, do vậy, chúng càng tức giận, sầu khổ không thôi. Đến đó còn có các Long vương: Sa-già-la, Y-la-bát, Thiện Trụ, Đức-xoa-ca, A-na-bà-đạt-đa, Mục-chân-lân-đà, Hải Đức, Bà-lũ-na, Đại Đức, Na-sất-đạt-đô, A-bát-la-la, Sơn Đức, Ngưu Đầu, A-lam-phù, Y-la-bát-đa, Tước-xa-già-tí, Bà-la-na-na, Tư-la-ma-la, Ca-ca-sất-hành, Kê-la-ỷ, Thủy Hành, An-xà-na-thù-chí, Ca-na-ca-tân-xà-na, Xa-câu-xa-phục-ỷ, Bế Nhãn, Bạch Tượng Dịch, Thiên Lợi, Thiên-bà-bà-già-la, Thiên-ca, Y-la-khẩu, Thiên Nhãn Xích, Đoan Chánh, Quang Hạnh có tám mươi sáu ngàn Long vương nơi cõi Diêm-phù-đề, mỗi Long vương đem theo vô lượng trăm ngàn quyến thuộc, đến

cầu cứu các Tiên nhân. Lại còn có các loài rồng ở tám mươi bốn vạn châu, mỗi châu đều có vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn rồng, cũng bỏ cung điện mình đến cầu cứu Tiên nhân nên đến núi Khư-la-để. Hai Long vương ở châu Uất-đơn-la câu-lô là Tỳ-đảm-tỳ, Đại Biến cùng vô số ức na-do-tha quyến thuộc đều đến núi Khư-la-để cầu cứu Tiên nhân. Hai Long vương ở châu Phất-bà-tỳ-đề là Tô-ma-lâu-xoa và Bà-tư-mục-xoa, cùng vô số ức na-do-tha quyến thuộc; hai Long vương ở châu Cù-da-ni là Yết-lại-đa-na, Cù-ba-la-bà cùng vô số ức na-do-tha quyến thuộc tất cả loài rồng sinh bằng trứng, thai, ẩm thấp, biến hóa rồng cha, rồng mẹ, rồng trai, rồng gái ở trong tám mươi bốn ngàn châu thuộc tứ thiên hạ đều núi Khư-la-để nhằm kéo đến cầu cứu Tiên nhân. Chúng căm hận tự nghĩ: Thân ta vốn như núi Tu-di, cớ sao bây giờ lại nhỏ như vậy. Thấy tát cả loài rồng đều chịu thân nhỏ bé, đều kéo đến cầu cứu Thánh nhân, ma Ba-tuần càng buồn khổ, tức giận, kinh sợ, nói với quân lính và quyến thuộc:

–Các ngươi xem ta đã dùng ma lực làm cho cung điện của loài rồng đầy ruồi muỗi, phân nhơ, xác chết, trùng độc, khiến chúng tức giận kéo đến cầu cứu Thánh nhân, nhưng đến đó thân chúng trở thành thân nhỏ bé, mất hết thần lực, không thể sát hại Cù-đàm.

Nghe vậy, tướng quân Giới Y Chỉ tâu với Ba-

tuần:

–Đại vương! Xin chớ buồn khổ, hãy nghe tôi nói. Đại vương! Loài rồng chịu thân nhỏ bé ấy không phải do Sa-môn Cù-đàm làm nên, mà là tự chúng nô đùa nên biến thành như thế, để tìm cơ hội diệt trừ họ Thích kia.

Ba-tuần nói:

–Nếu vậy, phiền ngươi đến hỏi loài rồng chúng dùng lời gì, phương pháp nào để hại Cù-đàm. Nếu làm được, cõi ta chiến thắng, cõi rồng cũng được vẹn toàn.

Tướng quân Giới Y Chỉ liền cùng trăm ngàn vạn ức quyến thuộc kéo đến núi Khư-la-để.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn giảng nói rõ về tất cả hạnh nguyện của thời quá khứ, nào là tu tập thần thông, nào là chứng quả, giáo hóa chúng sinh, hiện cõi Phật, trang nghiêm cảnh giới. Các Bồ-tát chứng đạt thọ mạng như nhau; tất cả Rồng, Dạ-xoa, La-sát, Người, đều thấy rõ hết thảy cõi Phật, ánh sáng chiếu rọi, vui vẻ. Ánh sáng của Phật rực sáng vượt trên tất cả các ánh sáng khác trong mười phương, vì nó được hình thành từ phước trí thù thắng. Chúng sinh ở mười phương cùng đến cúng dường Phật Thích-ca. Đức Thích-ca hiện thần thông, đưa tất cả cõi Ta-bà và mười phương cõi vào trong thân mình.

Chúng sinh mọi nơi thấy thân Phật, hào quang

thù thắng của Phật, đều nói:

–Đức Phật Thích-ca thật không thể nghĩ bàn, đã biến hiện các việc hy hữu.

Sau đó thì cúng dường hoa, hương, y phục, anh lạc lên Đức Thế Tôn lễ bái, đi quanh Phật. Tất cả chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già, Khẩn-đà-la, Cưu-bàn-trà, Bệ-lệ-đa, Tỳ-xá-già, Phú-đơn-na, Ca-trá phú-đơn-na, Nhân phi nhân ở Ta-bà đều thiết lễ cúng dường Phật, lạy Phật, đi quanh Phật, lui ngồi một bên nghe pháp. Lúc đó tướng quân Giới Y Chỉ thống lãnh quân ma đi lại trên không.

Thấy vậy, Như Lai thâu thần, hiện thân bình thường, an tọa. Tướng quân Giới Y Chỉ nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm trước đây hiện thân to lớn, giờ lại hiện thân bình thường, an tọa ở nước Ma-già-đà, có lẽ vì thấy ta nên kinh sợ, mất thần lực, song Sa-môn Cù-đàm luôn mưu trí, có thể biết được kế hoạch của ta. Ta nên giả hiện đến chỗ Cù-đàm, xem xem thần lực của ông ta ra sao, giả vờ đàm đạo để thấy rõ sự gian trá của kia." Thế rồi tướng quân Giới Y Chỉ cùng quân ma kéo đến chỗ Phật. Đến nơi, đối diện với Như Lai, Giới Y Chỉ nói kệ:

Tự thân đã không đủ năng lực
Vượt thoát biển lớn sinh tử kia
Cớ sao dối gạt mọi quần sinh
Rằng sẽ độ chúng đạt Niết-bàn?

Như Lai nói kệ đáp lời Giới Y Chỉ:

Từ lâu đã vượt biển luân hồi
Không còn thọ thân trong các cõi
Từ bi thương xót mọi chúng sinh
Vì thế giảng dạy đạo giải thoát.
Trải vô số kiếp thuộc quá khứ
Ngươi đã phát khởi tâm Bồ-đề
Được gặp Nhiên Đăng, Đấng Chánh Giác
Tu hạnh bố thí và giữ giới.
Như vậy, ức ngàn Phật quá khứ
Đều đã từng cung kính, cúng dường
Nên đạt thừa thanh tịnh như thế
Ta nay quyết định thọ ký ông
Đời sau thành Phật sẽ như ta
Cớ sao lại nói ta dối gạt?
Ta sẽ ban cho mắt trí tuệ
Để nhớ mọi việc của đời trước
Y chỉ liền đạt trí túc mạng
Hiểu rõ phước nghiệp, hạnh tu tập.

Khi nhớ rõ nghiệp nhân nơi quá khứ, tướng quân Giới Y Chỉ quỳ lạy Như Lai, khóc than, thưa:

–Thế Tôn! Con rất hối hận, con rất hổ thẹn. Con thật là kẻ ngu si mê muội, suốt một a-tăng-kỳ kiếp thời quá khứ con từng siêng năng, phát tâm Bồ-đề vô thượng hành sáu pháp Ba-la-mật, tu tập đạo chánh, làm mọi việc phước, được gặp Phật, cúng dường chư Phật, nghe pháp vi diệu, phát

nguyện lớn. Trong thời Phật Ca-diếp, một Tỳ-kheo giảng pháp Thanh văn, một người tu Đại thừa giảng pháp Bồ-tát, lúc đó con đã hủy báng cho, họ nói lời ma, họ là quyến thuộc của ma, con chỉ trích họ. Vì thế Đức Ca-diếp không thọ ký cho con thành tựu quả Bồ-đề vô thượng. Vì nghiệp ác đó, sau khi chết con sinh trong cõi ma, thọ thân này đã năm mươi bảy ức ngàn năm. Thế Tôn! Thà chịu khổ nơi địa ngục suốt sáu trăm ngàn năm, con quyết không bao giờ để mất tâm Bồ-đề vô thượng, con quyết không để mất bốn phạm hạnh. Giới Y Chỉ sám hối như thế đến ba lần. Các quân ma cũng làm như vậy.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Phước đức của người đốt đèn sáng như núi Tu-di, dâng bảy báu và vô số vật cúng dường Phật trong vô lượng đời không bằng của người chí tâm Từ bi, phát tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì phát tâm Bồ-đề là cúng dường chư Phật mười phương. Phước này là phước đức thù thắng trong các phước đức quá khứ. Thiện nam! Ngày nay ngươi đã hết tội, đừng khởi tâm niệm khác, vì đã gặp được bậc đạo sư trong tất cả các cõi sinh tử của thân năm ấm.

Ngay lúc ấy, Đại Bồ-tát Giới Y Chỉ đạt pháp nhẫn thuận, rời tòa, lạy Phật, đi quanh Phật ba vòng dâng cúng y báu vô giá và trân châu, anh lạc lên Phật. Kế đó Bồ-tát nói kệ:

Bồ-tát tu tập như thế nào
Để hiểu tất cả đều rỗng lặng
Quán sát thế gian như bọt nước
Trừ hết vô minh của các cõi.
Tánh của tà chấp không chân thật
Đạt tâm thuận nhẫn, pháp vô sinh
Tu hành trong pháp Bồ-đề ấy
Giúp cho chúng sinh được giải thoát.

Đức Như Lai nói kệ đáp lời:

Bốn tâm kiên định như núi lớn
Người trí đầy đủ các pháp ấy
Vô lượng ức kiếp chịu khổ não
Thương yêu hết thảy mọi chúng sinh.
Giữ gìn trọn vẹn giới Phật chế
Không được hủy phá dù giới nhẹ
Thực hành đầy đủ pháp vi diệu
Chư Phật ba đời đã giảng dạy.

Nghe thấy tướng quân Giới Y Chỉ được thọ ký, tám vạn bốn ngàn quân ma và quyến thuộc đều vui mừng, thành tâm sám hối trước Phật, đều phát tâm Bồ-đề vô thượng. Tâm Bồ-đề này là tâm Bồ-đề thuận Tam-muội. Tất cả đều vui mừng, dâng cúng y báu của mình, an tọa một bên.

Biết tướng quân Giới Y Chỉ và quyến thuộc quy y Phật, Ba-tuần càng sầu khổ, lo sợ nói:

–Ta nay, đã ra khỏi bụng của Sa-môn Cù-đàm, giờ lại mất quyến thuộc. Nếu còn ở đây, không

biết bao nhiêu đệ tử của ta sẽ làm đệ tử Phật.

Nghĩ vậy, Ba-tuần liền đóng cửa thành, không cho một người nào ra khỏi, ở yên trong cõi ma.

Lúc này, Đức Phật lại giảng về ba phạm hạnh cho quyến thuộc của ma: Chúng sinh phan duyên, pháp phan duyên và lìa mọi phan duyên *(rõ như trong phẩm Hư Không Mục)*.

Tất cả các loài rồng buồn khổ vì thân hình nhỏ bé của mình nên đến thưa với Long vương Nan-đà-bạt-nan-đà:

–Đại vương! Cung điện của loài rồng chúng tôi hiện đầy những ruồi, muỗi, phân nhơ, xác chết. Tất cả đều do Sa-môn Cù-đàm làm nên. Vì thế chúng tôi đã bỏ cung điện, đến đây cầu cứu, lại chịu thân nhỏ bé này, tâm lại luôn kinh sợ. Bấy giờ nếu quy y Sa-môn Cù-đàm chắc sẽ thoát nạn.

Long vương Nan-đà-bạt-nan-đà nói:

–Sa-môn Cù-đàm đủ thần thông biến hóa, có thể đưa cả cõi Ta-bà và các cõi Phật vào trong thân mình. Có thể biến hiện những vật xấu ác trong cung điện của chúng ta, làm cho chúng ta kinh sợ, cầu cứu. Nay Sa-môn mất thần lực, thân trở lại như xưa, làm sao cứu được chúng ta, làm sao giúp chúng ta thoát nỗi lo sợ này. Tất cả cõi ma đều thuộc quyền Ba-tuần. Muốn tự tại trong cõi Dục này chỉ có oai lực của ma mới giúp được. Hãy lễ bái cầu ma cứu nạn, để được an ổn trở về.

Long vương Y-la-bà lại nói:

–Các ngươi có chớ buồn khổ. Vì sao? Sa-môn Cù-đàm đã có thể hàng phục được quyến thuộc quan dân của ma. Riêng Ma vương hiện mất hết bản tâm và thần lực, làm sao cứu được các ngươi.

Nghe nói vậy, các loài rồng hoặc lạy Tứ Thiên vương hoặc lạy Đế Thích, Dạ-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, Đại Phạm thiên. Long vương Bà-già-la lại nói:

–Các ngươi không thấy chư Thiên, Nhân phi nhân, Hiền thánh đều lễ bái, cúng dường quy y Sa-môn Cù-đàm sao?

Bấy giờ, các loài rồng còn quy y các Tiên thánh khác. Lúc đó, trên đỉnh núi ấy có sáu Thánh nhân: Tô-thi-ma, Na-trù, A-thâu-cầu-đa, Tỳ-lô-ha, Bà-yết-bổ, Thù-trí-a-la-bà. Các loài rồng cũng theo quy y lễ bái sáu Thánh nhân ấy. Sáu vị này đều là những Tiên nhân đã đạt năm thông, đều ở bên núi Tuyết, năm vị thường đến nghe pháp ở chỗ Thánh nhân Thù-trí-a-la-bà. Thù-trí-a-la-bà thường dùng mọi lời tốt đẹp, khen ngợi thần lực của Phật Thích-ca.

Nghe tiếng kêu cứu của các loài rồng, năm Thánh nhân thưa với Bồ-tát Thù-trí-a-la-bà:

–Đại đức! Có nghe tiếng cầu cứu của loài rồng không?

–Đã nghe!

–Đại đức! Nghe tiếng cầu cứu ấy chúng tôi hãy còn muốn đến cứu giúp huống gì là Đại đức. Xin Đại đức thương xót, cứu độ loài rồng.

–Các vị hãy đi, tôi chưa đi được. Vì sao? Hiện có trăm ngàn vạn ức chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa hỏi tôi về bốn Phạm hạnh, họ đang vui vẻ nghe pháp. Năm vị Thánh nhân đi quanh ba vòng rồi cáo từ Bồ-tát Thù-trí-a-la-bà, vận thần thông bay lên hư không, đến đỉnh núi Khư-la-để. Thấy năm Tiên nhân bay đến, các loài rồng vui mừng lễ bái, thưa:

–Các Đại tiên, bậc phước đức, trang nghiêm trí tuệ phương tiện, vượt biển sinh tử. Xin cứu thoát chúng con khỏi ngục khổ này.

Năm Tiên nhân nói:

–Chúng ta không thể cứu các ngươi. Vì sao? Hiện trên núi Tuyết có Đại Bồ-tát Thù-trí-a-la-bà là bậc trí tuệ, đủ phương tiện thù thắng nhất. Bồ-tát sẽ giải cứu các ngươi. Các ngươi hãy cầu vị ấy cứu độ.

Nghe nói như thế, các loài rồng chắp tay cung kính, lễ bái Bồ-tát Thù-trí-a-la-bà, thưa:

–Đại đức! Thánh nhân! Xin cứu chúng con. Xin thương xót chúng con.

Nghe tiếng kêu cứu, Bồ-tát Thù-trí-a-la-bà liền cùng các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Khẩn-na-la, bay lên hư không, đến chỗ các loài rồng bị nạn.

Thấy Tiên nhân đến, các loài rồng cung kính chắp tay, lễ bái, thưa:

–Xin Đại tiên cứu độ để chúng con thoát khổ, an ổn trở về chỗ mình.

Biết thời cơ đã đến, Tiên nhân Thù-trí-a-la-bà định giảng pháp tinh tú cho loài rồng:

–Mỗi tinh tú đều có thời gian vận hành. Nếu hợp thời thì dễ dàng, không hợp thời thì khó khăn. Cũng thế, cơ duyên chưa hợp, không thể giải thoát. Hãy lắng nghe, các loài rồng! Ta sẽ phân biệt rõ. Tháng này là Xa-bà-noa, tinh tú Phú-na-bà-tẩu thuộc về tháng năm. Tháng này lại thuộc về Nhật Thiên, loài rồng các ngươi chưa hợp thời.

Nghe vậy, Long vương Bà-già-la thưa:

–Đại sĩ! Ai nói về ngôi sao này. Ai làm ra sao lớn, sao nhỏ, mặt trời, mặt trăng. Vào ngày nào, sao nào mọc trước, trong hư không, ai đặt lịch một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng. Thế nào là thời tiết, thuộc họ tên gì, ai tốt ai xấu, ai ăn, ai cho, thế nào là ngày, là đêm. Sự vận hành của mặt trời, mặt trăng, sao như thế nào. Thế nào là mùng một, thế nào là tháng đủ. Thời gian được tính ra sao, sự vận hành như thế nào, thế nào là hợp, thế nào là không hợp, sức nhiều, sức ít, chỗ vận hành của nó ra sao, cái nào trên, cái nào dưới, khoảng cách, phương hướng được tính như thế nào?

Đại sĩ! Ông là Tiên nhân bậc nhất, xin nói cho loài rồng chúng tôi được rõ. Chúng tôi nguyện sẽ làm theo để thoát khỏi khổ nạn.

–Đại vương! Vào khoảng thời gian đầu của Hiền kiếp quá khứ, có một nước tên Chiêm-ba, nhân dân ở đó giàu có, thịnh an. Vua Đại Tam-ma-đa cai trị nước là vị vua thông minh, tài trí, dạy dân hành theo chánh pháp, thích sự tịch tĩnh, không tham đắm vinh hoa thế gian, được dân chúng tôn kính là một bậc vĩ đại. Nhà vua luôn sống thanh tịnh, Từ bi, thương yêu chúng sinh như con một, không tham vướng dục nhiễm, nhưng Hoàng hậu lại là người nhiều ái dục. Nhà vua không chiều lòng nên thường vào rừng ngự riêng mình vui chơi. Chợt thấy bầy lừa hiện tướng dương vật, hoàng hậu động tâm, cỡi y phục đến bên cạnh, ve vuốt giao hoan với chúng. Hoàng hậu mang thai, đầy tháng hạ sinh một người con đầu tai miệng mắt như lừa, thân hình như người nhưng thô xấu, lông lá đầy khắp y như súc vật. Thấy vậy, Hoàng hậu kinh sợ, sai người đem quăng, nhưng nhờ phước đức, đứa bé không bị rơi. Ngay lúc ấy, một La-sát nữ tên Lô Thần, thấy đứa bé thanh tịnh, biết là đứa con phước đức, La-sát đỡ đứa bé đưa về núi Tuyết nuôi dưỡng. Khi đứa bé dần lớn lên, La-sát cho uống thuốc tiên, vui chơi cùng đồng tử cõi trời. Lại còn có Thiên nhân đến chăm sóc, cho ăn uống trái tiên, cỏ thuốc theo ngày tháng đứa bé

trở thành người bình thường, có đủ tướng phước đức trang nghiêm, được chư Thiên tôn là Đại tiên Khư-lô-sắt-tra. Từ đó, trong núi Tuyết và các núi khác có nhiều hoa, trái, thuốc, hương, suối trong, chim quý. Vì ăn nhiều trái thuốc, Tiên nhân ngày càng đoan nghiêm, nhưng riêng cặp môi vẫn là hình lừa, vì thế, mang tên là Tiên nhân Lô Thần *(môi lừa)*. Tiên nhân học pháp Thánh hiền, suốt sáu vạn năm đứng co một chân, không nghỉ ngơi, không mệt mỏi. Thấy Tiên nhân kiên trì hạnh khổ, Phạm thiên, Đế Thích, Chư Thiên nơi cõi Dục đều đến lễ bái cúng dường. Kể cả các loài Rồng, A-tu-la, Dạ-xoa, người tu phạm hạnh đều đến lễ bái, cúng dường, cho là việc hy hữu, chưa từng được thấy.

Họ đến bên thưa:

–Đại tiên! Cần gì xin nói cho chúng tôi rõ. Nếu có khả năng, chúng tôi nguyện dốc sức làm, không hề hối tiếc.

Tiên nhân Lô Thần vui mừng, nói:

–Nếu vậy, ta sẽ nói: Ta nhớ về tiền thân trong một kiếp quá khứ, thấy mặt trăng, mặt trời, năm ngôi sao trong hư không, vận hành ngày đêm rất đúng thời, chiếu sáng khắp thế gian, ta muốn biết về chúng, song không thể biết được. Đến đầu Hiền kiếp này lại không có hiện tượng ấy. Nếu thương ta, các vị nói nó cho ta về mặt trăng, mặt trời và

năm sao.

Chư Thiên thưa:

–Đại đức! Việc này rất sâu xa, vượt ngoài khả năng của chúng tôi. Nếu thương xót hết thảy chúng sinh, như nguyện ở thời quá khứ xin hãy nói rõ. Tiên nhân Khư-lô-sắt-tra nói: Bàn về tinh tú thì sao mão đứng đầu. Các sao luân chuyển vận hành trong hư không. Vậy sao mão nên nói trước phải không?

Nhật Thiên đáp:

–Ngôi sao mão cao nhất luôn vận chuyển khắp nơi trong hư không, thường đem lại điều lành, lợi ích cho chúng tôi. Tôi biết ngôi sao ấy thuộc Hỏa thiên.

Thánh nhân Đại Oai Đức nói:

–Ngôi sao ấy là con của em tôi. Sao ấy có sáu hình như dao cắt, mỗi ngày đêm nó xoay quanh ở bốn thiên hạ ba mươi thời, thuộc Hỏa thiên, họ Bỉnh-da-ni. Cúng tế sao ấy cần dùng váng sữa.

Tiên nhân Lô Thần nói:

-Đúng vậy, như lời các vị nói, ngôi sao ấy, tôi cho là ngôi sao đầu tiên. Ngôi sao thứ hai thuộc Thủy thiên, họ Phả-la-đọa, gồm năm sao hình xòe ra, mỗi ngày đêm vận hành bốn mươi lăm thời, cúng tế sao này phải dùng thịt nai. Sao thứ ba thuộc Nguyệt thiên, con của mặt trăng, họ Tỳ-lê-già-da-ni, gồm ba sao hình như đầu nai, mỗi ngày

đêm vận hành mười lăm thời, cúng tế sao này dùng rễ và trái cây. Sao thứ tư thuộc Nhật thiên, họ Bà-tư-thất-hi, tánh độc ác, sân hận, chỉ có một sao hình như nốt ruồi, mỗi ngày đêm vận hành bốn mươi lăm thời, cúng tế sao này phải dùng đề hồ. Ngôi sao thứ năm thuộc Nhật thiên, họ Bà-tư-thất-hi, gồm hai sao, hình như vết chân, mỗi ngày đêm vận hành mười lăm thời, cúng tế sao này phải dùng hoa canh mễ hòa với mật. Ngôi sao thứ sáu thuộc Tuế tinh thiên, con của Tuế tinh thiên, họ Pháo-ba-na-tì, tánh ôn hòa thích làm lành, gồm ba sao như hình ngực Phật, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng tế sao này phải dùng hoa cánh mễ hòa mật. Sao thứ bảy thuộc Xà thiên, họ rắn, chỉ có một sao, hình như nốt ruồi, mỗi ngày đêm vận hành mười lăm thời, cúng bằng cháo sữa. Bảy ngôi sao này nằm ở cửa Đông.

Nơi phương Nam, ngôi sao thứ nhất là Thất tinh, thuộc Hỏa thiên, họ Tân-già-da-ni, gồm năm sao hình như bờ sông, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng cháo vừng đen và gạo cám. Ngôi sao thứ hai thuộc Phúc đức thiên, họ Cù-đàm-di, gồm hai sao hình như vết chân, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng trái Tỳ-la-bà. Ngôi sao thứ ba thuộc Lâm thiên, họ Kiều-trần-như, gồm hai sao, hình như vết chân, mỗi ngày đêm vận hành mười lăm thời, cúng bằng đậu xanh đun chín. Ngôi sao thứ bốn thuộc Sa-tỳ-lê đế

thiên, họ Ca-già-diên, con của Yết tiên, gồm năm sao hình như tay người, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng cơm Tú bại. Ngôi sao thứ năm thuộc Hỷ-lạc-thiên, họ Chất-đa-la-diên-ni, con của Càn-thát-bà, có một sao hình nốt ruồi, mỗi ngày đêm vận hành mười lăm thời, cúng bằng cơm hoa. Ngôi sao thứ sáu thuộc Ma-hậu-la thiên, họ Ca-chiên-diên-ni, gồm một sao hình nốt ruồi, mỗi ngày đêm vận hành mười lăm thời, cúng bằng đậu chưng với mật bơ. Ngôi sao thứ bảy thuộc Hỏa thiên, họ Ta-cát-lợi-đa-da-ni, gồm hai sao hình vết chân, mỗi ngày đêm vận hành bốn mươi lăm thời, cúng bằng cơm hoa.

Phương Tây, ngôi sao thứ nhất tên Sao phòng, thuộc Từ thiên, họ A-lam-bà-da-ni, bốn sao hình anh lạc, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng rượu thịt. Ngôi sao thứ hai thuộc Đế Thích thiên, họ Ca-la-diên-na, gồm ba sao, hình như hạt lúa mạch lớn, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng cháo cám. Ngôi sao thứ ba thuộc Lạp sư thiên, họ Ca-già-da-ni, gồm bảy sao, hình như đuôi bồ cạp, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, thuộc Vĩ tinh cúng bằng cơm trái. Ngôi sao thứ bốn thuộc Thủy thiên, họ Đặc-xoa ca-chiên-diên-ni, gồm bốn sao, hình sừng bò, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng nước vỏ cây Ni-câu-đà. Ngôi sao thứ năm thuộc Hỏa thiên, họ Mô-già-la-ni, gồm bốn sao hình như

người nâng đất, mỗi ngày đêm vận hành bốn mươi lăm thời, cúng bằng mật hòa với hoa canh mễ. Ngôi sao thứ sáu thuộc Phạm thiên, họ Phạm-lam-ma, gồm ba sao, hình đầu bò, mỗi ngày đêm vận hành sáu thời, cúng bằng cơm đề hồ. Ngôi sao thứ bảy thuộc Tỳ nữ thiên, họ Đế-lợi-ca già-da-ni, gồm bốn sao hình hạt lúa mạch lớn, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng thịt chim.

Phương Bắc, ngôi sao thứ nhất là Hư tinh, thuộc họ Đế Thích con của Ta-bà thiên, họ Kiều-trần-như, gồm bốn sao, hình như con quạ, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng nước đậu hầm quạ. Ngôi sao thứ hai thuộc Đa-la-ma-thiên, họ Đơn-na-di, gồm một sao, hình nốt ruồi, mỗi ngày đêm vận hành mười lăm thời, cúng bằng cháo cám. Ngôi sao thứ ba thuộc Xà-đầu-thiên, con của Hiết thiên, họ Xà-đô-ca-ni-câu, gồm hai sao, hình vết chân, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng thịt còn máu. Ngôi sao thứ bốn thuộc Lâm thiên, con của Ba-lâu-la, họ Đà-nan-xà, gồm hai sao, hình vết chân, mỗi ngày đêm vận hành bốn mươi lăm thời, cúng bằng thịt. Ngôi sao thứ năm thuộc Phú-sa thiên, họ A-phong-tra-bài-ni, gồm một sao, hình nốt ruồi, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng váng sữa. Ngôi sao thứ sáu thuộc Càn-thát-bà thiên, họ A-xá-bà, gồm ba sao, hình đầu ngựa, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng cơm lúa mạch, thịt.

Ngôi sao thứ bảy thuộc Diêm-ma-la-thiên, họ Bạt-già-ni, gồm ba sao, hình chân vạc, mỗi ngày đêm vận hành ba mươi thời, cúng bằng vừng đen và táo rừng. Trong hai mươi tám ngôi sao ấy, năm sao vận hành bốn mươi lăm thời là các sao: Tất, Sâm, Đê, Đẩu, Tịch nghĩa của các sao sâu xa khó nói hết, ta chỉ lược nêu. Nghe vậy, chư Thiên đều vui mừng.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 42

Phẩm 14: NHẬT TẠNG

Phần 8: TINH TÚ (2)

Bấy giờ, Tiên nhân Thù-trí-a-la-bà nói với chư Thiên:

–Tiên nhân Khư-lô-sắt-tra ở thời quá khứ cũng từng tạo nghiệp ác. Vì thế khi làm người, nửa người là hình thú. Song nhờ diệu lực của Từ bi, tội kia được tiêu, thọ thân đoan nghiêm như Đế Thích.

Lại nói với các loài rồng:

–Nhờ phước đức nên được làm thầy của chư Thiên như các Tiên nhân, có thể chỉ dạy những lời sâu xa chân thật. Các ngươi biết! Sau khi Khư-lô-sắt-tra, có thân đoan nghiêm như Đế Thích.

Các hàng trời, người đều vui mừng, chắp tay, thành kính thưa:

–Xin Thánh nhân nói rõ mọi việc nơi quá khứ cho chúng tôi biết, giảng rõ về sự vận hành, những việc có liên quan của các vì sao.

Tiên nhân đáp:

–Các ngươi hãy lắng tâm nghe! Nhờ sức Từ bi, ta được thân người đoan nghiêm. Nay vì lòng thương yêu, ta sẽ nói rõ mọi việc trong một năm, để các ngươi có được mắt sáng.

Thế rồi Tiên nhân nói rõ về các ngôi sao từ ngày đầu đến ngày cuối của một tháng:

–Theo các vị thì sao Mão là ngôi sao tối tôn phải không?

–Đúng vậy? Đúng vậy! Ngôi sao Mão là ngôi sao tối tôn, là cháu ngoại của Đại Oai đức thiên. Có sáu ngôi sao vận hành trong hư không, sao đó là hơn hết.

Tiên nhân Khư-lô-sắt-tra bảo: "Bắt đầu là sao Mão cuối cùng là sao Vị. Các sao đó cứ tuần tự vận hành không dừng. Ta sẽ nói về số lượng sát-na. Một ngàn sáu trăm sát-na là một ca-la. Sáu mươi ca-la là một mạc-hô-luật-đa. Ba mươi mạc-hô-lục-đa là một ngày đêm. Sao Vị xấu ác, phóng túng như trời Thủ-la nhưng lại có thể đem đến sự an ổn cho bốn phương. Trời, người các vị chớ hiềm trách. Vì hình pháp nghiêm là bảo hộ chúng sinh."

Các Tiên nhân thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Như Thánh nhân nói hình pháp nghiêm là để bảo hộ chúng sinh.

Vào tháng sao Vị hợp, người bệnh dù nặng dù

nhẹ đều khó điều trị, đứa bé sinh vào ngày này tánh tình sân, ác, bướng, khó điều phục, nhưng có địa vị hơn người. Vào các ngày có bốn sao Cang, Hư, Sâm, Vị không nên xuất trận, không được cắt tóc, cạo râu. Vào ngày của ba sao Tất, Ngưu, Chẩn thì nên chiến đấu, đi xa, cắt tóc, gội đầu. Ngày của các sao Liễu, Trương có thể làm mọi việc. Cầu của cải vật dụng nên chọn ngày của ba sao Mão, Dực, Đẩu. Cũng còn làm các việc như uống thuốc, giữ giới, bố thí, may y phục, làm đồ trang sức. Ngày của bốn sao Chủy, Giác, Nữ, Thất tinh nên đi lại an ổn. Ngày của ba sao Để, Nguy, Tỉnh có thể làm việc ác. Ngày của các sao Phóng, Liễu, Tâm lâu, Thất tinh, Trương nên tạo kiệu, làm giường, xe, y phục, cần nối kết sự hiểu biết. Ngày của sao Mão nên nhanh chóng làm mọi việc, vì sự vận hành của nó mau chóng như lửa. Nếu bị bệnh vào ngày này, nên cúng bằng váng sữa, sau bốn ngày bệnh sẽ khỏi. Người sinh vào ngày này sẽ giàu có. Ngày của các sao Đẩu, Phòng, Hư, Liễu, Thất không nên làm việc, chỉ có thể chiến đấu với kẻ địch. Mọi việc tốt xấu đều nên làm vào các ngày của ba sao Tỉnh, Đê, Dực. Ngày của sao Tất là ngày tự tại. Ngày của ba sao Tỉnh, Đê, Nguy mà có sao Mão mọc thì không nên đi xa, lâm trận, dù là việc gấp cũng không nên làm. Ngày của ba sao Nữ, Giác, Chủy cũng là ngày rất xấu. Tranh biện vào ngày của sao Dực sẽ được chiến thắng, dù cứng, mềm

đều được hòa hợp. Ngày của các sao Chẩn, Ngưu không tìm được bạn, có thể làm các việc như uống thuốc, chế thuốc, xuất gia, bố thí, may y phục, làm đồ trang sức, giường, ghế. Đi lại vào ngày của các sao Sâm, Hư, Cang được an ổn. Ngày của ba sao Quỷ, Vĩ, Thất nên cùng với kẻ khác làm việc xấu. Ngày của các sao Thất tinh, Tâm, Phòng, Liễu, Bích nên kết hôn, đóng xe, làm giường. Ngày của sao Sâm cũng rất tốt, nhưng làm việc cần có lòng từ, sao Tất thuộc tánh nước nên làm việc nhu hòa vào ngày sao thứ hai. Ai bệnh vào ngày này nên đốt hương khấn vái, năm ngày sau bệnh sẽ khỏi. Người sinh vào ngày này sẽ giàu có an ổn. Người đầu thai vào ngày của các sao Ngưu, Khuê, Thất tinh, Tâm sẽ là người ít đức, thường làm việc xấu. Vào ngày của các sao Vĩ, Quỷ, Thất không nên làm việc gì. Vào ngày của các sao Cang, Hư chỉ nên đấu tranh. Làm việc vào ngày sao Chẩn sẽ tốt. Ngày các sao Chủy, Giác, Nữ nên làm mọi việc. Đi lại chọn ngày của các sao Tỉnh, Đê, Nguy, làm ác nên làm vào ngày của các sao Phòng, Liễu, Bích. Kết bạn, cưới hỏi, làm giường, xe, đều nên chọn ngày của các sao Đẩu, Ky, Lâu, Vị, Thất, Dực. Vào ngày thứ bốn sao Chủy, nên làm mọi việc vì sẽ sớm thành tựu. Ai bệnh vào ngày này nên cúng vừng đậu, tám ngày sau sẽ hết bệnh. Người sinh vào ngày này sẽ mạnh mẽ, giàu có, người mẹ nên phòng hộ việc ác. Người đầu thai

vào ngày của các sao Nữ, Lâu, Đẩu, Trương sẽ là người ác. Không được chiến đấu, kiện quan, đi xa, dù là việc cần vào ngày các sao Mão, Phòng, Liễu. Làm ác nên chọn ngày của các sao Đê, Tỉnh, Nguy. Làm mọi việc dù cứng mềm đều nên chọn ngày sao Giác. Thành công sẽ chọn ngày sao Sâm, sự bất hòa sẽ đến vào ngày sao Cang, Hư. Đi lại nên chọn ngày các sao Quỷ, Vĩ, Thất. Làm ác nên chọn ngày của sao Tâm, Khuê, Thất tinh. Kết bạn, cưới hỏi, làm việc tốt nên chọn ngày của các sao Chẩn, Vị, Tất, Ngưu, Ky.

Ngày năm: Sao Sâm, nên làm mọi việc ác, ít thành công trong kinh doanh. Người bệnh vào ngày này nên dùng vừng bơ tươi cúng bốn phương, sau mười ngày bệnh sẽ khỏi. Người sinh vào ngày này thông minh, nhưng độc ác, chết vì tham tiền của, vì trộm cướp. Vào ngày các sao Hư, Tâm, Khuê, Dực, Đẩu, Vị, người sinh và người đầu thai đều khó khăn. Không nên làm việc gì vào các ngày của sao Quỷ, Vĩ, Thất. Ngày của sao Cang nên làm việc nhẹ nhàng, ngày của bốn sao Để, Nguy, Tỉnh, Khuê là ngày tự do làm.

Ngày sáu: Sao Tỉnh làm việc ác, phán quyết. Người bệnh vào ngày này nên sao hoa gạo cám để cúng Nhật thiên, sau tám ngày bệnh sẽ khỏi. Người sinh và đầu thai vào ngày này rất thích hợp việc cày cấy làm giàu, nuôi súc vật, voi, ngựa, dê. Ngày sao Bích không nên làm bất cứ việc gì. Làm

việc vào ngày sao Liễu, Phòng thì thường bị hao tổn. Chọn ngày của sao Để, Quỷ, Sâm, Vĩ để làm mọi việc thì sẽ được như ý. Đi lại nên chọn ngày sao Tâm, Tỉnh, Khuê. Kết bạn giao tình nên chọn ngày sao Đẩu, Dực, Khuê. Sẽ rất khó khăn nếu làm việc vào ngày sao Cang, Tất, Chủy, Hư.

Ngày thứ bảy: Sao Quỷ nên nhu thuận để không mất pháp lành. Người bệnh vào ngày nên cúng dường vàng lên Tuế tinh, năm ngày sau bệnh sẽ khỏi. Người sinh vào ngày này biết giữ giới, thích làm lành, sẽ làm quan lớn, thường khuyên nhà vua trị dân bằng pháp lành. Việc cưới hỏi rất khó cần sự kiên nhẫn mới thành. Người thọ thai vào ngày các sao Thất, Quỷ, Dực, Đẩu, Lâu sẽ rất tốt. Ngày của các sao Tất, Giác, Nữ là ngày nhiều trở ngại. Không nên làm việc vào ngày của các sao Thất tinh, Tâm, Khuê vì sẽ không thành, còn hao tài tốn của. Nên làm vào ngày sao Quỷ vì sẽ thành công. Ngày của sao Phòng là ngày có nhiều lợi ích. Không nên làm việc vào ngày các sao Bích, Liễu vì sẽ không như ý. Đi lại nên chọn ngày sao Trương. Ngày sao Lâu, Ky là ngày nhiều chướng ngại. Làm việc giao hảo nên chọn ngày sao Chẩn, Ngưu, Mão, Cang, Chủy, Sâm, Hư. Sẽ được nhiều lợi ích nếu làm việc vào ngày sao Cang, Nguy.

Ngày tám: Sao Liễu có thể làm mọi việc ác, đối với thế gian như Diêm-la vương. Người bệnh vào ngày này không thể cứu chữa. Người sinh vào

ngày này thường sân hận, không Từ bi, làm nhiều việc xấu, bị nhiều người ghét, hủy hoại pháp lành, thích săn bắn. Đầu thai nên chọn ngày sao Bích, Ngưu vì rất tốt. Đầu thai ngày sao Chẩn, Mão sẽ không tốt, không nên làm việc vào ngày các sao Chủy, Hư, Cang, Trương vì không thành. Nên làm vào ngày các sao Ky, Lâu, Phòng. Đi lại nên chọn ngày sao Tâm, Thất Tinh, Vị. Học nghề nên chọn ngày các sao Dực, Đẩu, Nữ. Kết bạn nên chọn ngày các sao Giác, Đẩu, Nguy, Vĩ, Tất, Đê, Sâm, Tỉnh, Thất.

Ngày chín: Thất tinh, nhu thuận, hòa nhã với mọi loài. Người bệnh vào ngày này nên cúng tổ tiên bằng dầu vừng hòa với cơm tấm, sau tám ngày bệnh sẽ khỏi. Người sinh vào ngày này rất nhiều phước đức, thích làm lành nhưng lại thích nói dối. Nếu muốn bảo vệ mình thì thận trọng không nên nói dối, thành công trong nhiều việc. Người đầu thai vào ngày các sao Tâm, Khuê, Đê sẽ nghèo khổ. Thọ thai vào ngày các sao Sâm, Nguy, Tất sẽ không tốt, thường làm ác. Thọ thai vào ngày các sao Dực, Vị, Đẩu sẽ tự tại, được nhiều của cải, không nên làm việc vào ngày các Sao Lâu, Trương, Ky vì ít thành công. Đi lại nên chọn ngày các sao Chẩn, Ngưu, Mão, Đê.

Ngày mười: Sao Trương, nhu thuận, an ổn ở thế gian. Người bệnh vào ngày này nên cúng thần bằng trái Tân-bà, bơ tươi, sau bảy ngày bệnh sẽ

khỏi. Người sinh vào ngày này thích trang sức, tham dục, say sưa, cần thận trọng trước đám đông. Người thọ thai vào ngày sao Lâu, Tỉnh, Hư, Cang, Chủy, sẽ rất độc ác. Ngày sao Mão, Chẩn, Ngưu là ngày có nhiều trở ngại. Sẽ không toại nguyện, nếu cần xin vào các ngày sao Vị, Đẩu. Thọ thai vào ngày sao Đê sẽ trừ chướng ngại. Đi lại nên chọn ngày các sao Cang, Sâm, Tất, Nữ. Không nên kết bạn vào ngày các sao Liễu, Khuê, Quỷ, Tâm, Phòng, Bích.

Ngày mười một: Sao Dực, làm hai việc: Dua nịnh, nhu thuận. Người bệnh vào ngày này nên cúng đậu xanh, đen, mười ngày sau sẽ khỏi. Người sinh vào ngày này ngu si, tham lam, keo kiệt.

Ngày mười hai: Sao Chẩn, làm ác sẽ thành. Người bệnh vào ngày này nên cúng váng sữa, sau năm ngày sẽ khỏi bệnh. Người sinh vào ngày này giàu có, dùng được năm thứ gươm dao, trộm cướp, hại người, hoặc tu thiện, bố thí, đi lại luôn được an ủi.

Ngày mười ba: Sao Giác, độc ác. Người bệnh vào ngày này nên cúng bằng đậu chưng, sau sáu ngày sẽ khỏi bệnh. Người sinh vào ngày này thích ca hát, biết bố thí, lại tham sắc, kính người có trí.

Ngày mười bốn: Sao Cang, làm ác. Người bệnh vào ngày này khó cứu trị, nên cúng tế thần bằng mật hoa, sau hai mươi lăm ngày sẽ khỏi

bệnh. Người sinh vào ngày này giỏi tính toán, giàu có, tham lam, không biết bố thí, hay sân hận.

Ngày mười lăm: Sao Đê làm ác, mọi người nể sợ. Người bệnh vào ngày này nên cúng hoa lên thần, sau mười lăm ngày sẽ khỏi. Người sinh vào ngày này có thế lực, giàu có, tham dục.

Kế đó Tiên nhân nói về sự hòa hợp giữa các sao trong các ngày của mười hai tháng. Ví như nửa cuối tháng chín, ngày một: Sao Tất; ngày hai: Sao Chủy; ngày ba: Sao Sâm; ngày bốn: Sao Tỉnh; ngày năm: Sao Quỷ; ngày sáu: Sao Liễu; ngày bảy: Sao Tỉnh; ngày tám: Sao Trương; ngày chín: Sao Dực; ngày mười: Sao Chẩn; ngày mười một: Sao Giác; ngày mười hai: Sao Cang; ngày mười ba: Sao Đê; ngày mười bốn: Sao Phòng; ngày mười lăm: Sao Tâm. Nửa đầu tháng chín, ngày một: Sao Vĩ; ngày hai: Sao Ky; ngày ba: Sao Đẩu; ngày bốn: Sao Ngưu; ngày năm: Sao Nữ; ngày sáu: Sao Hư; ngày bảy: Sao Ngụy; ngày tám: Sao Thất; ngày chín: Sao Tích; ngày mười: Sao Khuê; ngày mười một: Sao Lũ; ngày mười hai: Sao Vị; ngày mười ba: Sao Mão; ngày mười bốn: Sao Tất; ngày mười lăm: Sao Chủy. Mười bốn thời ban ngày, mười sáu thời ban đêm. Giữa ngọ, ánh mặt trời dài bằng tám bước chân người, thuộc sao Chủy. Khi mặt trời đi về phương Nam, sao Mão vận hành vào ba đêm, sao Vĩ ở vào lúc trước mặt trời mọc. Tháng chín là tháng tôn kính của chư

Thiên, mọi việc thành bại đều do đó, thần bắn làm chủ tháng này. Cứ thế tuần tự nêu rõ cả mười hai tháng trong năm.

Tiên nhân lại bảo chư Thiên:

–Mỗi tháng đều có một vị làm chủ, các vị có thể cứu bốn loài chúng sinh: Loài trên mặt đất: Người, rồng, Dạ-xoa, trùng. Vì tạo an lạc cho mọi loài nên đã bố trí mỗi sao đều có bộ phận riêng, tùy từng nơi mà có sự vận hành. Đó là các tháng trong năm. Về sáu thời, hai tháng một, hai: Huyên noãn thời mùa nắng ấm; hai tháng ba, bốn: Chủng tác thời (trồng trọt); hai tháng năm, sáu: Cầu mưa; hai tháng bảy, tám: Các vật sắp chín; hai tháng chín, mười: Rét; hai tháng mười một, mười hai: Tuyết lớn. Có tám ngôi sao lớn, hai mươi tám ngôi sao nhỏ. Theo các vị, cách sắp xếp của ta có hợp không? Các vị hãy nói rõ ý mình.

Nghe vậy tất cả Trời, Tiên, A-tu-la, Rồng, Khẩn-na-la đều chắp tay thưa:

–Đại tiên là Bậc tối tôn trong trời người, không ai hơn được, đủ cả trí tuệ Từ bi, trải qua vô số kiếp thương yêu chúng sinh, đủ phước báo, trọn nguyện, công đức như biển, biết rõ mọi việc ở ba đời. Trong trời người không ai có trí tuệ như vậy. Tất cả các pháp về sát-na, ngày đêm, thời, tháng đủ thiếu, sao lớn nhỏ, lịch cả năm không ai có thể làm được. Chúng tôi đều tùy thuận với cách sắp

xếp đó. Hay thay! Đại đức đã tạo an ổn cho chúng sinh.

Tiên nhân nói:

–Ta đã nói xong về các pháp đó.

Lại đặt bốn đại Thiên vương ở bốn phương của núi Tu-di để cai quản chúng sinh. Thiên vương Tỳ-sa-môn ở phương Bắc, trong cõi này phần nhiều là Dạ-xoa, Thiên vương Tỳ-lưu-trà câu ở phương Nam, cõi này phần nhiều là Cưu-bàn-trà; Thiên vương Tỳ-lưu-bác-xoa ở phương Tây cai quản các loài rồng; Thiên vương Đề-đầu-lệ-trá ở phương Đông cai quản loài Càn-thát-bà. Ở bốn góc và các thành ấp, xóm làng đều có quỷ thần bảo vệ.

Khi Tiên nhân nói pháp xong, các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, đều khen ngợi, vui mừng khôn xiết, ngày đêm cúng dường mọi vật cho Tiên nhân. Vô số kiếp sau, có một Tiên nhân ra đời tên Già-lực-già, lại nói về sự vận hành của sao, tháng đủ thiếu, thời tiết. Bấy giờ, các loài rồng dốc hết tâm lực cúng dường vật dụng cho Tiên nhân Quang Vị ở núi Khư-la-đề là trụ xứ của Thánh nhân.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 43

Phẩm 14: NHẬT TẠNG

Phần 9: ĐƯA SỨ GIẢ

Khi ấy, Long vương Ta-già-la thưa với Bồ-tát Quang Vị:

–Đại đức! Đã có thể nhớ rõ về vô số hành nghiệp nơi đời trước thuộc quá khứ, lại thuyết giảng sự vận hành, ứng dụng của các ngôi sao trong hư không. Đại sĩ là bậc tối tôn, thù thắng tài trí số một không ai hơn của ba cõi. Nhờ vậy các loài rồng chúng tôi mới thoát được khổ não nơi địa ngục. Đại sĩ là bậc trọn vẹn tâm Từ bi, công đức, trí tuệ, giới hạnh, trang nghiêm.

Bồ-tát Quang Vị nói:

–Ta không phải là Tiên nhân khổ hạnh Khư-la-sắt-tra. Những gì ta nói hôm nay là nhờ diệu lực nơi thần thông. Các ngươi chớ nói như vậy. Ta thật không có khả năng đó. Nhân duyên nơi quá khứ của Tiên nhân Khư-la-sắt-tra vẫn chưa được nói hết.

Lúc ấy Đế Thích và Phạm thiên, chắp tay hướng về Tiên nhân Khư-la-sắt-sất thưa:

–Chúng tôi thích nghe, xin nói tiếp. Chúng tôi là vua của chư Thiên, như ông là vua của các Tiên thánh. Trong số chư Thiên, người nào có phạm hạnh, có chú thuật, thần thông chúng tôi đều biết, đều nói lại.

Tiên nhân nói:

–Nếu thế thì nên chỉ dạy cho tất cả chúng sinh.

Khi ấy, Tiên nhân nói với Đế Thích Thanh nhãn:

–Thiên chủ! Tất cả pháp lành cần được đầy đủ, cần được lưu hành rộng khắp ở đời, hãy bảo hộ người tu pháp lành. Hãy cung cấp y phục, thuốc men, thức ăn, đồ nằm cho những chúng sinh biết siêng năng làm lành, giữ giới, học rộng, tu thiền, trau dồi trí tuệ. Ta đã nói xong về pháp tinh tú. Trong các phần đất của thế giới này, hiện có các loài rồng cai quản. Tám rồng chúa như Ta-già-la, Bà-lũ-na, Đức-xoa-ca bảo vệ biển cả để biển cả luôn bình yên, không tăng giảm. Bốn rồng chúa như A-nô hiến trí Tỳ-xương-già-tô-trí bảo vệ các dòng sông để các dòng sông được chảy mãi không dừng. Hai rồng chúa Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bảo vệ các ngọn núi nên rừng cây trên núi luôn tươi tốt. Các rồng Tỳ-lê-sa, Diêm-phù-già bảo vệ các dòng suối. Các rồng Tất-đà-ma-nô bảo vệ nơi

ở của Thánh nhân và các vùng cây thuốc, rồng Kiên Cố Khẩn Du bảo vệ mặt đất. Rồng Tối Thắng Quang Tỳ bảo vệ lửa rồng Động-ma-đô-liệt bảo vệ gió; rồng Ưu-la-bà-la bảo vệ cây; rồng Vu-lô-ha-trương bảo vệ hoa; rồng Hương-thường-bạt-đà bảo vệ cây trái; A-thi-lâm-bà bảo vệ nghề nghiệp. Bốn Dạ-xoa Ky-la-hầu-đà bảo vệ người tu bố thí, phước đức. Kim Cang Nhãn, Sư Tử Nhãn, Thiện Kiến Nhãn, Tam Sóc bốn loại đều bảo vệ tất cả rồng.

Lúc ấy, Bồ-tát Quang Vị, bậc Thánh tối tôn có thể cứu thoát khổ nạn cho các loài rồng nhưng lại nghĩ cách khiến chúng biết quy y Tam bảo nên bảo chúng rồng:

–Các ngươi hãy tin lời ta nói. Ta thật không thể cứu thoát các ngươi. Nay có bậc Đại thánh là bậc Nhất thiết trí mới có thể cứu giúp các ngươi đạt được an ổn, không còn lo sợ. Chỗ ta tán thán Tiên nhân Khư-la-sắt-tra là người có công đức, tài trí, vì nêu giảng pháp đã phân biệt rõ Thánh nhân đó, trải vô lượng kiếp tu tập phước đức, biết bố thí những gì khó bố thí, chúng sinh cần gì cho nấy dù là vợ con, vật báu, ngôi vua, thân thể, hành trì đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, Từ bi cứu độ đem lại an vui cho chúng sinh, vào địa ngục để cứu muôn loài, không chứng đạo, luôn tìm cách giúp chúng sinh thoát khỏi khổ sinh, già, bệnh, chết, lại nguyện độ thoát các loài đạt đạo Niết-bàn

trong vô lượng kiếp, thác sinh trong hoàng cung, vua cha là Tịnh Phạn, mẫu hậu là Ma-gia, khi chào đời, đưa tay lên trời tuyên bố: Ta là bậc tối tôn tối thắng trong ba cõi, phóng ra các loại hào quang, đem an lạc cho mọi loài. Ánh hào quang đó cảm động cả Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Nhân phi nhân đều đến cúng dường. Khi chào đời bước đi bảy bước trên những hoa sen, làm chấn động cả sông núi đại địa. Người có công đức ấy họ Thích-ca, là người cứu chúng sinh thoát khổ sinh, già, bệnh, chết, trừ lo sợ, đưa đến thành Niết-bàn, được tất cả Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân rải hoa, dâng hương cúng dường.

Lúc ấy, Bồ-tát Quang Vị nói kệ:

Vô lượng tăng-kỳ kiếp quá khứ
Tu tập bố thí cho tất cả
Thanh tịnh giới đức và nhẫn nhục
Tinh tấn, Thiền định và Bát-nhã.
Chỉ vì an lạc mọi quần sinh
Kham chịu hết thảy sự khổ cực
Sáu vạn cũng nữ ở trong cung
Nhưng quyết ra đi bỏ cả lại.
Riêng mình hành khổ suốt sáu năm
Mỗi ngày một hạt lúa hoặc vừng
Ngày đêm siêng năng không ngủ nghỉ
Thân thể chỉ còn da bọc xương.
An tọa tư duy cội Bồ-đề

Tám mươi vạn ma trời đều đến
Khắp hư không và cả đất liền
Tám mươi do-tuần đầy kín cả.
Quân ma và quyến thuộc như thế
Hàng phục hết thảy đều quy kính.
Thành tựu Bồ-đề, đạo thù thắng
Đạt quả chân thật Đệ nhất nghĩa.
Thấy nghe mọi pháp không kinh sợ
Tâm luôn tịch tĩnh như Niết-bàn
Đối với chúng sinh luôn bình đẳng
Không hề phân biệt, luôn thường nghĩ.
Đầy đủ trí tuệ pháp chân thật
Chỉ dạy hết thảy trời và người
Chúng sinh không thể khởi tà ác
Tâm đại Từ bi thấu muôn phương.
Với mọi chúng sinh lớn hay nhỏ
Không tổn hại, lại cứu thoát khổ
Cứu thoát mọi loài ở địa ngục
Đem lại an lạc cho tất cả.
Đại thánh giúp rồng trừ ác, khổ
Thương yêu, dạy pháp cứu tai nạn
Giúp được tự tại sống an ổn
Không sợ thú dữ, chim cánh vàng.
Về lại cõi mình hưởng an lạc
Vui vẻ như xưa chẳng buồn lo
Đại thánh từng tu nhiều số kiếp
Không hề não loạn chúng sinh nào.
Tai nạn các ngươi đang gánh chịu

Là do ma làm Phật không làm
Chớ có khởi tâm hủy báng Phật
Nghe lời ta dạy phát Bồ-đề.
Đừng tự chìm đắm trong nghi ác
Tất cả đều như lời ta nói.

Nghe lời ấy, tất cả các loài rồng chắp tay thưa:

–Nam-mô, Nam-mô, Đại thánh! Bậc tối thắng trong thế gian, đầy đủ các pháp giải thoát, giải thoát mọi quần sinh, tạo an lạc cho tất cả, khiến cho chúng sinh đạt trí tuệ, bình đẳng thương yêu mọi loài, giúp chúng sinh tu pháp lành, thành tựu nghiệp lành, sống trong cõi lành, đủ mắt pháp, làm ruộng phước cho các trời, rồng, là bậc tối tôn trong ba cõi, đáng được thế gian cúng dường. Loài rồng chúng con hiện đang mắc phải khổ nạn, xin cứu thoát.

Nói xong lời ấy, tất cả các loài rồng đều trở lại thân hình cũ, song vẫn chưa thoát khỏi núi ấy, chúng rồng lại thưa Bồ-tát Quang Vị:

–Theo lời Đại đức, bậc Đại thánh ấy không hề gây khổ não cho chúng sinh, luôn đem lại an lạc cho muôn loài. Nếu thật như vậy, chúng tôi đã tin thọ, không nghi ngờ, xin mau cứu thoát chúng tôi khỏi ngục ma.

Bồ-tát Quang Vị nói:

–Đại thánh ấy trí tuệ trọn vẹn, luôn thương yêu chúng sinh, tu pháp lành, bỏ pháp ác, siêng năng

vào sinh tử để độ sinh, làm cho chúng an ổn trong đạo Bồ-đề, thấy rõ nhân quả, thành tựu mắt Phật. Tất cả các Bồ-tát đều không sân hận, đầy đủ Từ bi, đủ bốn Phạm hạnh, làm thanh tịnh đạo quả Bồ-đề vô thượng, ở vô số cõi Phật, viên mãn sáu pháp Ba-la-mật, vượt biển sinh tử đến bờ Niết-bàn, diệt bốn ma, làm hưng thịnh Tam bảo, tắm chúng sinh bằng nước pháp, đoạn trừ hết mọi phiền não, thoát mọi nẻo duyên, hiểu rõ về tánh tướng của các pháp, năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, sự chấp nơi bốn đại, đoạn tham, sân, si, biết tánh phiền não vốn rỗng lặng, không cõi chúng sinh, không vui buồn, không hành, không vật, không tưởng, không chướng ngại, không nơi chốn, không tịnh nhiễm, không tối sáng, không sinh diệt, thông đạt mọi pháp, đủ trí vô ngại, trừ kiến chấp, tập khí.

Lúc Bồ-tát Quang Vị giảng nói pháp này, tất cả các loài rồng đều nguyện tu hạnh Bồ-tát, nhớ rõ kiếp trước, thành tựu Đà-la-ni quang minh soi sáng. Tám mươi na-do-tha rồng cũng nhớ lại tiền kiếp, phát tâm Bồ-đề, đạt Tam-muội. Bồ-tát Quang Vị hiện thân Thánh nhân, cùng chư Thiên vận dụng sức thần thông đến chỗ Như Lai.

M

Phần 10: TAM-MUỘI NIỆM PHẬT

Bấy giờ, tất cả các loài rồng đều tin lời Bồ-tát

Quang Vị, chí tâm quy y Phật, Pháp, Tăng. Thấy vậy, ma Ba-tuần càng khổ sầu, tức giận, bức tóc, nói:

Ha ha, trông ngươi thật đáng cười
Gian trá, hư dối Sa-môn kia
Dụ dẫn loài rồng quy y mình
Mê hoặc tất cả mọi quần sinh.
Giả hiện an ổn trong mê hoặc
Hư dối cho là pháp mình thật
Khi đã đạt pháp chân thật
Mãi mãi không hề để mất đi.

Nghe lời ấy, ma nữ Ly Ám, từng gieo trồng công đức nói:

–Sa-môn Cù-đàm là bậc Phước đức. Chúng sinh nào nghe tên Phật, chí tâm quy y thì không sợ ma hại, huống chi là con được thấy Phật, nghe pháp, trồng căn lành trí tuệ. Phụ vương muốn tổn hại Phật và người tu học Phật nhưng không thể làm được.

Ma vương nói:

–Sa-môn Cù-đàm hiểu thấu chân như, trí tuệ rộng lớn, an định trong pháp rỗng lặng, tự giải thoát và giải thoát chúng sinh ra khỏi biển sinh tử.

Ma nữ thưa:

–Như cha nói: Nếu người giác ngộ pháp rỗng lặng thì dù ngàn vạn ức quân ma vẫn không thể hại. Hiện nay Như Lai mở đạo Niết-bàn, con muốn

đến quy y Phật.

Liền nói kệ:

Tối thắng thế gian không chấp tướng
Như như an trụ, vua chư Thiên
Đạt đến bờ giác thành trí tuệ
Con muốn quy y Đức Như Lai.
Tu học chánh pháp ba đời Phật
Độ thoát chúng sinh kẻ khổ não
Tự tại thấu đạt tất cả pháp
Nguyện con đời sau sẽ như Phật.

Nghe lời ấy, năm trăm ma nữ đều phát tâm Bồ-đề. Thấy vậy, Ma vương càng sầu khổ, tức giận, lo sợ, tự nghĩ: Ta phải vận hết thần thông oai lực của một vị vua ma, tuôn đá lửa xuống nơi có các loài rồng đang tập hợp, làm cho chúng phải chạy tán loạn, nếu như vậy, cung ma của ta mới an ổn. Nghĩ thế rồi, Ma vương liền tuôn xuống vô số đá lửa. Như Lai dùng thần lực biến các thứ đá lửa ấy thành hoa trời, hoa tuôn đầy cả nơi Phật, Bồ-tát, trên núi khiến tất cả các loài rồng đều vui mừng khôn tả.

Thấy mưa đá tuôn xuống chỗ Thánh nhân, Ma vương nói với năm trăm ma nữ:

Các ngươi xem! Nơi tất cả loài rồng quy y Sa-môn Cù-đàm đều đã bị ta phá tan như bụi, huống gì là cung điện đây. Nếu người nào trong cung này muốn quy y Sa-môn Cù-đàm thì sẽ như loài rồng

kia. Nghe thế, năm trăm ma nữ nói kệ:

Những ai quy y Đức Thế Tôn
Không hề lo sợ trước ngàn ma
Huống gì người muốn thoát sinh tử
Đạt bờ Niết-bàn nơi an lạc.
Người dâng hoa hương lên Tam bảo
Tâm mạnh, kiên định, không bị hại
Huống gì người quyết cầu đạo Phật?
Siêng năng thành thật giữ một giới.
Hoặc là thành tâm đến bên Phật
Lắng nghe một câu pháp vi diệu
Sẽ không thoái chuyển đạo Bồ-đề
Nhất định thành tựu quả thù thắng.
Đạt thân Kim cang của chư Phật
Diệt trừ tất cả bốn quân ma
Phụ vương hãy xem các loài rồng
Hết thảy đều rải hương hoa quý.
Chỉ Phật Như Lai mới hiểu được
Vượt ngoài khả năng của Ma vương
Riêng một bậc thầy ở thế gian
Thuyết pháp vi diệu khó nghĩ bàn.
Mọi việc Phật làm đều tốt đẹp
Giúp mọi chúng sinh trừ nghiệp chướng
Vô số nghiệp ác của ta xưa
Đều được tiêu trừ không sinh khởi.
Thành kính chuyên tâm quy y Phật
Bồ-đề vô thượng nhất định đạt.

Ma vương nghe các ma nữ nói kệ lại càng tức giận, sầu khổ, một mình bực bội trong cung cấm.

Nghe Phật thuyết giảng bốn Phạm hạnh, đoạn các duyên, Bồ-tát Quang Vị từ hư không xuống chỗ Phật. Đến nơi, lạy Phật, đi quanh chỗ Phật ba vòng, lui đứng một bên, thưa Phật:

–Đà-la-ni mà vị tứ thiền nương tựa như Phật dạy có oai đức lớn. Con nhớ ngày xưa có hai Bà-la-môn phạm tội dâm dục, bị quan bắt, giam vào lao ngục đợi ngày xử trảm. Cứ mỗi nửa tháng, cai ngục cấp cho họ một bữa ăn. Họ bị trói cả chân tay, đói khát rất khó chịu, lại lo sợ đến cái chết nên thành tâm quy y Phật, mong Đức Như Lai Mạn-đà-la Hoa Hương cứu thoát. Lúc ấy, vì thương chúng sinh và đại chúng nên Phật hiện thần thông, biến cảnh giới Phật ngồi ngay tại tòa, nói Đà-la-ni An tâm của vị đạt tứ thiền, bảo:

–Ta dùng diệu lực của Phật, làm cho hai Bà-la-môn ở trong ngục kia nghe được Đà-la-ni này, nếu chuyên tâm hoan hỷ nhớ nghĩ thì mọi nghiệp ác của họ sẽ được tiêu trừ. Tất cả các chướng ngại của đời này hoặc nhiều đời như phiền não, pháp, chúng sinh, xả thí, trí tuệ, sự sống, tuổi thọ chưa hết nhưng lại chết, không toại nguyện, không được sinh về cõi Phật như lòng mong muốn. Nghe Đà-la-ni này, mọi gông cùm tự nhiên gãy, hai Bà-la-môn được an ổn nằm trên đất, đủ oai lực của Đà-la-ni, thoát khỏi lao ngục, bay lên hư không,

đến chỗ Phật Mạn-đà-la Hoa Hương, lễ bái, cúng dường, cho đến khi qua đời, được sinh về cõi Phật Sơn Quang, cầu xin xuất gia trong pháp của Phật Vân Sắc. Từ đó về sau không sinh vào cõi không có Phật, luôn được gặp Phật. Đức Phật lại giảng Đà-la-ni an tâm của vị đạt tứ thiền cho tất cả chúng sinh từ mặt đất đến hư không trong tam thiên đại thiên cõi nước, trừ hết ba nghiệp ác, diệt tội nơi ba đời, đạt Đà-la-ni Tam-muội nhẫn, sẽ được sinh về cõi Phật thanh tịnh như lòng mong mỏi, siêng năng hành mười điều lành, không đọa vào ba cõi ác, tu tập sáu pháp Ba-la-mật, bốn Nhiếp pháp, được gặp Phật, được nghe pháp, thường cúng dường chư Tăng, đạt bốn Thiền và năm Thần thông, hành trọn vẹn bốn phạm hạnh, đời đời sống trong chánh pháp cho đến khi đạt được Niết-bàn.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Vì đem lại lợi ích cho mọi loài ông đã giảng nói pháp ấy. Thiện nam! Hãy lắng nghe! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, thiện nam, tín nữ muốn sớm đạt Niết-bàn, thoát mọi khổ não, làm thanh tịnh ba nghiệp, đủ trí nhớ, bảo hộ pháp Phật, cầu lợi lạc, được mọi vật dụng, tự tại, đoan nghiêm, có uy lực, bà con đông, đất nước an ổn giàu có, chức vị cao được mọi người tôn kính, thông minh tài trí, đủ bốn oai nghi, thích tu thí, giới, thiền, đạt Tam-

muội, hành trì bốn Phạm hạnh trong ba thừa, nhưng vì bị các chướng như nghiệp ác, phiền não, không được sinh về cõi Phật thanh tịnh, không đủ pháp lành đúng như ý gây trở ngại, nếu muốn nhanh chóng trừ hết chướng ngại đó thì nên thanh tịnh thân tâm, ăn chay, niệm Phật, đến đạo tràng trang nghiêm, kinh hành hoặc thiền tọa quán thân tướng Phật, không loạn tâm. Chuyên tâm niệm Phật như thế suốt bảy ngày, nếu thích thấy ít, thấy nhiều, thấy vô số Phật thì đều được như ý. Thân tướng Phật có ba mươi hai tướng tốt, nên quán sát thấy rõ mỗi tướng của Phật, chuyên tâm không tán loạn trước mỗi tướng và hào quang.

Lại đọc chú:

–Đát điệt tha, tì thị lâm bà, tì thị lâm bà, uất đầu bà đà tị da tì thị lâm bà, tư na bà pha, la tư na bà đầu, la a nậu na đa tha di a nậu na đa tha, di phục hư đa câu trí tì thị lâm bà, tì thị lâm bà, ta ha.

Lại niệm tướng hào quang màu xanh của Phật, đi vào đỉnh đầu của hành giả. Hành giả nên an định tâm, chớ kinh sợ. Thấy ánh sáng lan tỏa khắp cơ thể, lại thấy lửa đốt trong thân, đốt xong chỉ còn lại tro bụi bị gió thổi đi. Quán như thế sẽ không còn thấy tướng nào của thân, chỉ có sự rỗng lặng. Mười phương cũng thế, tất cả đều rỗng lặng, không một sắc tướng. Thiện nam! Có chúng sinh chuyên tâm không tán loạn, học Đà-la-ni An tâm của vị đạt tứ thiền, nhưng tất cả chướng nghiệp,

phiền não, pháp, tội đều hết, riêng tội nghịch hủy báng chánh pháp, hủy báng Hiền thánh vẫn còn. Có chúng sinh lại chuyên tâm niệm Tam-muội của Phật, mỗi ngày đêm đọc tụng tất cả pháp Phật và tám mươi luận thuyết của ngoại đạo, nhớ rõ từng câu từng nghĩa, mỗi ngày đêm thành tựu bốn Thiền, bốn Thần thông, bốn Hạnh vô lượng, bốn Biện tài, bốn Tam-ma-bạt-đề của cõi Vô sắc; trong một khoảnh khắc có thể đến một cõi Phật hoặc vô lượng cõi Phật. Lại dùng một chân chuyển động vô số cõi nước; chỉ một thân an tọa thiền định nhưng lại hiện bày khắp bao nhiêu cõi nước; lại làm cho các cõi nước ấy ngập trong nước, biết rõ số bụi trong cõi nước mười phương, số bảy báu trang nghiêm nơi cõi nước, biết rõ nghiệp báo sinh tử, tâm tánh của chúng sinh trong ba đời, từ một thân hóa thành vô số thân Phật, các thân Đế Thích, Phạm thiên, Na-la-diên, Ma-hê-thủ-la, Tứ Thiên vương, Chuyển luân thánh vương. Lại biến hiện vô số hoa, hương, bảy báu, phướn, lọng, y phục, anh lạc đầy cả cõi nước. Có chúng sinh chuyên tâm tu tập Tam-muội Phật và Đà-la-ni an trụ tứ thiền, biết rõ sự khác biệt, trừ hết mọi nghiệp ác, sớm viên mãn phước đức, sức tinh tấn, Tam-muội, Đà-la-ni, nhẫn, năm Thần thông trong các thừa, nhanh chóng ra khỏi biển sinh tử, trừ hợp phạm năm tội nghịch. Suốt bốn mươi chín ngày đêm, chuyên tâm trong Tam-

muội ấy, tu tập không rời, tất cả tội chướng đều trừ hết. Nếu không chuyên tâm thì tội trừ trong hai lần, nếu chuyên tâm thì một lần là dứt hết. Người ấy, cần có tâm tinh tấn, thuần tín mới đoạn hết các nghiệp ác. Có chúng sinh giảng Đà-la-ni tứ thiền Tam-muội Phật này trong cõi trời, cõi người. Hàng trời, người nào chuyên tâm nghe học, tư duy, hoan hỷ, thì sẽ thoát khổ nơi địa ngục hoặc khổ lưu đày, trừ hết nghiệp kinh sợ như sinh kế, cầu tài vật, đánh, đốt, chìm, uống thuốc độc, kẻ thù xâm hại, huyễn hoặc, vua quan, tranh chấp, người hung dữ, sợ chết, sợ đọa vào cõi ác, sau đó được sinh vào cõi trời, người. Có chúng sinh nghe được Tam-muội ấy, chuyên tâm tin thọ, vì Tam-muội ấy có oai lực tạo lợi ích lớn, chỉ dụng tâm chút ít còn đạt quả tốt, huống gì là chuyên tâm không nghi ngờ.

Lúc giảng pháp này, có tám mươi sáu tần-bà-la na-do-tha trăm ngàn trời, người từng tu tập Đà-la-ni này trong quá khứ, giờ đều đạt quả như trên, tám mươi bốn na-do-tha chúng sinh đạt nhẫn biết khổ, vô lượng chúng sinh đạt Tam-muội hoặc đạt bốn quả Sa-môn, vô số chúng sinh phát tâm Bồ-đề, năm trăm ma nữ nương thần lực Phật, ngay trong cung ma đạt được Tam-muội ấy, bỏ thân nữ chuyển thành thân nam. Vì họ đã từng tu học Tam-muội ấy trong quá khứ. Sau đó, năm trăm vị này định đến chỗ Phật, hóa làm thân Đại phạm, mỗi vị

dắt theo vô số quyến thuộc, có vị hóa làm thân Đế Thích, trỗi các âm nhạc, đem vô số vật trang nghiêm, rời cung ma, đến chỗ Phật, thiết lễ cúng dường, lạy Phật, đi quanh ba vòng, lui ngồi một bên.

M

Phần 11: LÊN ĐỈNH TU-DI

Bấy giờ, Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Quang Vị:

–Thiện nam! Ông nay nên biết, nghiệp đọa vào cõi ác của các loài rồng đã bị tiêu diệt, vì họ quán niệm về sự rỗng lặng.

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Như Lai thanh tịnh, trọn vẹn giới hạnh, làm trang nghiêm cho các loài rồng.

–Quang Vị! Thật sự là ta muốn trình bày rõ về tất cả nghiệp báo sai khác cho loài rồng.

Khi ấy, chư Thiên nơi cõi Sắc, Dục, cho đến các Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà, rải vô số hoa, hương, y phục, lọng, phướn, bảy báu, anh lạc, trỗi nhạc hay cúng Phật, Nhân phi nhân đều cung kính Phật. Lúc đó, Đức Phật xuất định, nhìn xung quanh, lại nhìn về phương Bắc, thấy cõi Dục và cõi Sắc gần giáp núi Tu-di. Bấy giờ, Như Lai cùng với đại chúng Bồ-tát, Thanh văn, các hàng trời, người cùng tám bộ chúng hộ pháp vây quanh, lần lược trước sau đi đến chân núi, Như Lai bước từng bước lên đỉnh

núi.

Ngay lúc đó, Đại Phạm thiên liền hóa ra cầu thang bảy báu, rải hoa hương, vật trang sức, thưa Phật:

–Xin Như Lai đi trên cầu thang của chúng con.

Trời Tha hóa lạc làm cầu thang bằng vàng Diêm-phù, rắc bột chiên-đàn lên trên, thưa:

–Xin Như Lai đi trên cầu thang của chúng con.

Trời Hóa tự tại làm cầu thang bằng báu cõi trời, rắc bột chiên-đàn ngưu đầu lên trên, thưa:

–Xin Như Lai đi trên cầu thang của chúng con.

Trời Đâu-suất-đà dùng bạc làm cầu, rắc bột chiên-đàn đen tùy thời tỏa hương lên trên, thưa:

–Xin Như Lai đi trên cầu thang của con.

Trời Tu-dạ-ma làm cầu thang bằng lưu ly trời, rắc bột hương đa-ma-la lên trên, thưa:

–Xin Như Lai đi trên cầu thang của chúng con.

Trời Đế Thích làm cầu thang bằng trân châu đỏ, rắc bột chiên-đàn các báu lên trên, thưa:

–Xin Như Lai đi trên cầu thang của chúng con.

Tứ Thiên vương làm cầu bằng bảy báu vật đá quý, phủ vải đẹp cõi trời, thưa:

–Xin Như Lai đi trên cầu thang của chúng con.

Bốn A-tu-la vương và quyến thuộc làm cầu bằng báu Ma-sà-la, rắc bột vàng bạc lên trên, thưa:

–Xin Như Lai đi trên cầu thang của chúng con.

Vì thương xót họ, Như Lai hóa thành tám Đức Phật với đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, cùng bốn chúng đệ tử tám bộ chúng hộ pháp đi lên từ mỗi cây cầu đó. Mỗi Đức Phật đó phóng ra vô số hào quang sáng rực như ánh sáng của trăm ngàn ức mặt trăng, mặt trời cùng chiếu. Ngay lúc ấy, các loài rồng ở trên đỉnh núi Khư-la-để, nơi Thánh hiền sống, thấy rõ mọi hiện tượng, nên ngạc nhiên nói:

Vì sao tám Đại hộ thế lại lên đỉnh Tu-di này.

Long vương Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà nói:

–Đó là Phạm thiên của cõi Dục, Sắc, là vị tối thắng, đạt đến bờ trí tuệ, thương yêu chúng ta nên đến đây. Các loài rồng muốn thoát khổ này hãy lễ kính tám Đại hộ thế.

Long vương A-na-bà-đạp-đa nói:

–Đó không phải là Phạm thiên, mà là Ma vương. Ma vương là vua cai quản cõi Dục, vì thương chúng ta nên đưa cả quyến thuộc đến đây để cứu khổ nạn này.

Long vương Địa Lợi Trí Sắc nói:

–Đó không phải là Ma vương, mà là chư Thiên nơi cõi Dục, họ đến đây để giúp chúng ta giải thoát.

Nghe thế, tất cả loài rồng đều nói:

–Xin chư Thiên giải thoát chúng tôi khỏi ngục này.

Long vương Bà-già-la nói:

–Đó không phải là trời Đâu-suất, Hóa lạc, mà là Thích Đề-hoàn Nhân. Đế Thích phóng ra ánh sáng chiếu khắp cõi Dục, các vị hãy khởi tâm Từ bi, chớ sân hận, cầu xin Đế Thích cứu nạn.

Long vương Thiện Trụ nói:

–Đó không phải là Đế Thích, mà là chư Thiên cõi Sắc, bỏ pháp lạc thiền định, đến đây, định tuôn mưa pháp, đem an lạc cho chúng sinh, các vị hãy thành tâm, lễ bái, thỉnh cầu cứu nạn.

Long vương Tỳ-xương-già-tô-chi nói:

–Đó không phải là chư Thiên cõi Sắc mà là Tứ Thiên vương, vì bảo vệ bốn phương, các vị đưa quyến thuộc đến để trừ tội cho chúng sinh.

Long vương Bảo Hộ nói:

–Vị ấy không phải là Tứ Thiên vương. Tôi thấy người này cắt tóc, nhuộm áo, mặc ca-sa, tướng tốt trang nghiêm, tự tại, được trời người tôn kính cúng dường. Tám Đại thánh này thân sáng rực, đủ ba mươi hai tướng tốt, Từ bi, đáng nhận vật cúng dường của ba cõi. Đó thật là bậc thầy vĩ đại, có thể cứu khổ cho chúng sinh, đem lại an lạc cho mọi loài ở địa ngục, ngạ quỷ. Đại thánh đang ở trên đỉnh Tu-di.

Lúc ấy, với thần lực của Phật, núi Tu-di bỗng chốc rộng ra bằng tám mươi bốn trăm ngàn du-xà-na. Chư Thiên cõi Dục làm cầu thang báu xong,

lại cúng dường vô số vật báu, hoa, hương, lọng, phướn, âm nhạc.

Đức Phật bảo Đế Thích:

–Thiên chủ! Sau khi thọ dụng xong, chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Thánh hiền, người phước đức, chư Thiên, Dạ-xoa, Nhân phi nhân cõi Dục, Sắc trong tam thiên đại thiên thế giới cùng đến núi Tu-di này. Đời sau, chư Thiên các vị sẽ có nhiều uy lực lớn.

Đế Thích thưa:

–Thế Tôn! Nếu thương xót chúng con, xin thọ nhận vật cúng dường được làm bằng sức thần thông. Tất cả các Bồ-tát, Thanh văn, Đại phạm, Tha hóa lạc, Đế Thích, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Ma-hầu-la-già, người có phước đức, Thánh nhân trong cõi trời, Thánh nhân trong người đều đến cúng dường Phật, gặp Phật, lễ Phật, nghe pháp. Các vị ấy lại nhận vật cúng dường này. Như thế đời sau chúng con cùng được an lạc, bình ổn.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn nhận lời Đế Thích, an tọa với chánh niệm, mỉm cười. Từ kim khẩu Phật vô số ánh sáng xanh vàng đỏ trắng được phóng ra, chiếu sáng tất cả cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới. Các cung ma, cung Đế Thích, Phạm thiên, chư Thiên, A-tu-la, Thánh nhân. Ánh sáng chiếu soi, khiến cho tất cả Thánh hiền, ma,

chúng sinh đều kinh sợ, nương theo ánh sáng, cùng đến núi Tu-di. Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện thần biến rồi, liền nói với Đế Thích Thiên chủ:

Như vậy là nơi tam thiên đại thiên thế giới trong mỗi cõi Phật tức có trăm ức núi Tu-di chúa. Hiện giờ, trong số các núi Tu-di, núi này là hơn hết. Vì sao? Vì Như Lai và chư Thiên, đại chúng đã tập hợp về đây để cứu độ loài rồng.

Vô số Đế Thích, Phạm thiên nghe lời Phật dạy thảy đều vui mừng. Nhờ thần lực của Phật, bốn rồng chúa lớn đã ra khỏi chỗ ở của Thánh nhân, trở về cõi mình. Long vương Sà-già-la về lại biển phương Nam, thân hình to lớn như xưa, chỉ cần ngẩng đầu đã chạm đến cung Đế Thích nhìn thấy Phật. Long vương Hộ Bảo về phương Tây, Long vương Tỳ-xương-già-tô-chi về phương Bắc, Long vương Tô-ma-hô-hư-xoa về phương Đông, đều trở về cung cũ của mình, thân hình như xưa. Vô số na-do-tha rồng khác vẫn chưa thoát khỏi, liền hướng về bậc Đại thánh thưa:

–Xin cứu chúng con. Xin cứu chúng con, để chúng con sớm thoát khỏi ngục này.

Hai Long vương Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà từ nơi núi Khư-la-để dựa vào núi Tu-di hóa làm cầu lớn đến cung Đế Thích thưa:

–Xin Như Lai đi trên cầu này.

Từ đỉnh Tu-di, Đức Phật xuống trụ xứ của

Thánh nhân trên núi Khư-la-để này để thuyết pháp cho loài rồng. Đế Thích nghĩ: "Loài rồng thân thô xấu, đầy chất độc, e sợ sẽ tổn hại Như Lai."

Thế rồi, Đế Thích dùng áo trời phủ lên thân của chúng rồng, rắc hương Ngưu đầu chiên-đàn, Ưu-la-già-sa-la chiên-đàn, Đa-ma-bạt, bột hoa lên cầu thang che lấp cả thân rồng. Nhờ thần lực Phật, núi Khư-la-để càng rộng lớn hơn, bằng tám mươi bốn ức na-do-tha trăm ngàn du-xà.

Phạm thiên hóa hiện tòa Sư tử báu bằng vàng bạc với tất cả vật trang sức đẹp đẽ. Biết thế, các loài rồng bạch Phật:

–Thế Tôn! Xin thương xót, cứu độ chúng con thoát khổ.

Phật nói:

–Các ngươi hãy chí tâm niệm Phật, ta sẽ cứu độ.

Bây giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Kiều-trần-như:

–Kiều-trần-như! Nhờ uy lực của Phật, chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều được nghe, thọ pháp Phật. Kiều-trần-như! Tất cả các pháp đều vô thường. Vì sao? Vì do duyên sinh. Như nhãn thức sinh khởi, dừng trụ, niệm biết, sinh khởi cứ thế dẫn đến khổ, bệnh hình thành mười hai nhân duyên, sinh, già, bệnh, chết, sinh diệt trong từng sát-na. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Kiều-trần-như! Từ các nhân duyên ấy tạo nên

nghiệp, chịu quả báo, cứ thế sinh tử không cùng.

Kiều-trần-như! Khi mắt tịch tĩnh không phân biệt các sắc. Ví như mặt trời lặn, không thấy sắc nào. Khi nhân duyên diệt, mọi ưu sầu khổ não đều diệt. Kiều-trần-như! Tâm tịch tĩnh, các duyên đều diệt, tất cả các pháp đều thế. Đó là khổ diệt, tất cả hoạn nạn đều diệt, mười hai chi diệt, sinh tử không còn. Kiều-trần-như! Chúng sinh không biết rõ sự sinh diệt nên mãi chạy theo vọng tưởng, trôi lăn trong năm đường. Thánh pháp của ta có thể đưa mọi loài vượt biển sinh tử, đến bờ an lạc. Vì đoạn sự sinh diệt ấy Như Lai giảng nói pháp, lại nói về đoạn khổ. Như Lai đoạn hết khổ nên là Đại phạm trong Phạm thiên, Đại thiên trong chư Thiên, Đại nhân trong loài người, Đại Sa-môn trong Sa-môn, Đại Bà-la-môn trong Bà-la-môn, Tối thắng đại Từ bi trong Từ bi, là bậc Tối tôn, Đại trượng phu, đã vượt biển luân hồi, đã đến bờ giải thoát, là Đại thí chủ. Vì sao? Vì đã từng hành bố thí cả đầu mắt tay chân, mọi vật, là Đàm-ma tối tôn, vì giữ giới thanh tịnh, không sân giận khi bị đánh mắng, là Tăng Diệm-ma tối thượng, vì không bỏ sáu căn, chuyên tâm thiền định, nhớ rõ các pháp, bình đẳng với mọi chúng sinh, trải vô lượng kiếp tu tập đủ các pháp thiện, diễn giảng cho chúng sinh. Các ông hãy lắng lòng tin thọ, tu tập, hãy đến nơi thanh tịnh, hoặc rừng cây, hoặc mộ địa, hang cốc để tọa thiền, siêng năng hành trì nhằm đoạn sinh

tử, đừng lười biếng để khi mạng chung sẽ hối hận vì chưa thành tựu pháp nào.

Lúc Phật giảng pháp ấy, có vô lượng ức na-do-tha chúng sinh trong tam thiên đại thiên cõi nước đạt đầy đủ phước đức, căn lành, đạt Đà-la-ni, nhẫn, mắt pháp, bốn quả Sa-môn. Chúng sinh bị đọa ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đều được diệt trừ nghiệp báo, các loài Dạ-xoa nghèo cùng trở nên giàu có, chúng sinh làm người bị đói khổ cũng thoát khỏi nghiệp báo ấy, chúng sinh bệnh tật đều được an lành, chúng sinh bị gông cùm giờ được thoát nạn.

Lúc đó, Long vương Ta-già-la nói kệ:

Thân Phật rực sáng: Mặt trăng tròn
Ruộng phước tối thắng, hạnh thanh tịnh
Là Bậc Tối Tôn trong ba cõi
Trừ hết phiền não cho chúng sinh.
Thí, giới, nhẫn nhục cùng tinh tấn
Thành tựu tâm bình đẳng chân thật
Giải thoát, an lạc các loài rồng
Nhớ lại nguyện lực nơi ngày xưa.
Từ bi tu tập mọi hạnh nghiệp
Kiên định thù thắng vượt mọi loài
Nhận chịu bao khổ não như thế
Không quên khổ não của loài rồng.
Trôi lăn sinh tử giờ vượt thoát
Qua biển tử sinh, đến bờ giác

Tự thân giải thoát cứu muôn loài
Nước trí tẩy trừ, rồng thanh tịnh.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 44

Phẩm 14: NHẬT TẠNG

Phần 12: TAM QUY CỨU RỒNG

Bấy giờ, trong hư không tự nhiên tuôn xuống các loại hoa hương, vật báu, vô số tiếng nhạc vang khắp tất cả các chúng, Trời, Rồng, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, đều cung kính. Đức Phật cùng các Bồ-tát, Thanh văn từ đỉnh Tu-di xuống núi Khư-la-để bằng cầu thang của rồng. Đến nơi, Phật an tọa trên tòa báu của Phạm thiên. Chư Thiên, rồng, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Khẩn-na-la cúng dường hương, hoa, vật báu lên Phật, đi quanh Đức Phật ba vòng, lạy Phật, lui ngồi một bên.

Long vương Ta-già-la thưa Phật:

–Thế Tôn! Vì sao chúng con thọ thân rồng?

Phật nói:

–Hãy lắng nghe! Ta sẽ phân tích rõ. Có mười nghiệp để thọ thân rồng: Có chúng sinh hành sáu pháp Ba-la-mật, mong đạt quả Bồ-đề vô thượng, không chướng ngại xấu ác, tu bố thí, mong đời sau

làm thân rồng. Có chúng sinh tu hạnh bố thí trong pháp Đại thừa, mong được sinh trong loài rồng bằng phước báo ấy. Có chúng sinh vì quả vị Bồ-đề vô thượng nên hành bố thí, phước đức tuy nhiều nhưng không thanh tịnh, nguyện sinh trong loài rồng vì sợ khổ của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Có chúng sinh lúc hành trì các hạnh để đạt quả Bồ-đề vô thượng, luôn kiêu mạn, nguyện sinh vào loài rồng. Có chúng sinh phát tâm Bồ-đề hành hạnh Bồ-đề vô thượng nhưng lại sân hận, giận các chúng sinh khác, vì thế tạo nhân nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nên nguyện sinh vào loài rồng. Có chúng sinh tu pháp Tiểu thừa, cúng dường Thánh hiền để có phước báo, nên nguyện sinh vào loài rồng. Có chúng sinh thọ thân rồng vì nghiệp ganh ghét, ngã mạn. Có chúng sinh sinh vào cõi rồng vì nghiệp kiêu mạn, nhiều lời. Có chúng sinh sinh vào cõi rồng vì không biết cúng dường các bậc Hòa thượng, Thượng tọa, không tin Tam bảo, không phụng dưỡng cha mẹ, thường sân si, kiêu mạn, tạo nghiệp ác nhiều, nghiệp thiện ít, vì lo sợ nên nguyện sinh vào loài rồng; có chúng sinh nói dối, nói hai lời, nói thô ác, không Từ bi vì thế sinh vào cõi rồng. Long vương! Lại có ba nghiệp nhân nên vào loài rồng: Có chúng sinh tạo nghiệp ác bằng thân, khẩu, ý, khi nhân đến, phải chịu sinh vào địa ngục trong vô số kiếp chịu bao nhiêu khổ não, không thể giải thoát. Khi nghiệp lớn đã hết,

nghiệp nhỏ vẫn còn nên sinh vào loài rồng, súc sinh, ngạ quỷ.

Nghe Phật dạy, Long vương Ta-già-la thưa:

–Đúng vậy! Thế Tôn! Trong các loài rồng, có loài hưởng quả báo tốt như chư Thiên, loài hưởng quả vui như cõi người, có loài như ngạ quỷ, súc sinh, có loài chịu khổ như địa ngục.

Lúc đó, Thanh Liên Hoa Diện con của Long vương Ta-già-la thưa Phật:

–Thế Tôn! Vì nghiệp gì con sinh vào cõi rồng, thân đoan nghiêm nhưng khi thọ dụng mọi thứ y phục, giường nằm đều như bị lửa đốt, khiến con luôn phải chịu cảnh lõa lồ. Còn cha con lại hưởng quả tốt như Chuyển luân?

Phật nói:

–Hoa Diện! Hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ! Ta sẽ giảng nói về điều đó.

Ba mươi mốt kiếp ở thời quá khứ, có Đức Phật Thi-khí xuất hiện. Ở đời nhà vua nơi cõi ấy tên Bùi-đa-phú-sa. Suốt ba tháng nhà vua cúng dường Phật và vô số Thanh văn, Bồ-tát đủ bốn vật dụng, lại chuyên tâm nghe pháp, phát tâm Bồ-đề vô thượng. Cúng dường xong, nhà vua lại xây tinh xá dâng Phật và chư Tăng cùng mọi thứ vật dụng. Thái tử của vua là Bùi-đa-sa Thọ Đế thấy Phật, nghe pháp, sợ sự trôi lăn trong sinh tử, nên thưa hỏi pháp Phật, xin được xuất gia. Nhà vua cho

phép. Thái tử xuất gia, nhưng xin được ở trong tinh xá do vua cha xây: Nhà vua cũng đồng ý. Thấy Phật và Tăng chúng an hưởng mọi vật dụng, thái tử sinh tâm ganh ghét, thường tìm cách mắng nhiếc chư Tăng ở đó. Vì bị nhục mạ, chư Tăng rời chùa. Thấy vậy, Thái tử riêng hưởng mọi vật, không cho phép chư Tăng ở chỗ khác đến nghe pháp. Vì nghiệp ác đó, sau khi chết, Thái tử bị đọa vào địa ngục, suốt vô số ức na-do-tha kiếp phải chịu thiêu đốt. Hết nghiệp địa ngục, làm thân quỷ đói, chịu vô lượng khổ. Hết nghiệp quỷ lại bị đọa vào địa ngục, hết nghiệp địa ngục lại thọ thân quỷ. Cứ thế suốt ba mươi mốt kiếp chịu khổ. Hoa Diện! Thái tử Bùi-đa-sa Thọ Đế thời ấy, đâu phải là người nào lạ, chính là ngươi đó. Vì nghiệp ác, ngươi đã phải chịu khổ trôi lăn trong ba đường ác suốt ba mươi mốt đại kiếp. Vì nghiệp còn, nên sinh vào loài rồng, tiếp tục chịu quả báo.

Nghe Phật nói, Hoa Diện gào khóc, gieo mình sát đất, lạy Phật, thưa:

–Hôm nay, con xin thành tâm sám hối. Vì ngu si, kiêu mạn, không biết rõ về thiện ác con đã tạo nghiệp tội lỗi lớn, giờ đây con xin chắp tay, thành tâm bày tỏ mọi lỗi lầm. Thế Tôn! Con thành tâm quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng, suốt đời xin làm cư sĩ nam, hộ trì Phật pháp.

Phật nói:

–Hay thay! Thiện nam! Nhờ thành tâm quy y Tam bảo nên nghiệp ác kia đã hết. Sau khi mạng chung, sẽ được làm người ở cõi Phật Di-lặc, được xuất gia, chứng quả A-la-hán. Hoa Diện! Chớ nên nghi ngờ, nhà vua Bùi-đa-phú-sa thời ấy nay chính là Long vương Ta-già-la. Suốt ba mươi mốt kiếp, không sinh nơi cõi ác, luôn được sinh trong cõi trời, người, vì quả vị Bồ-đề vô thượng nên nguyện sinh vào loài rồng.

Nghe Phật dạy, tất cả loài rồng buồn khổ, hối hận, thành tâm cúng dường Phật.

Lúc đó, rồng mù Pha-la-cơ-lê-xà gào khóc, thưa Phật:

–Đại Thánh Thế Tôn! Xin cứu con, xin cứu vớt con! Chư Phật Từ bi thương xót tất cả. Con đang chịu vô số khổ não, ngày đêm các loài rắn, rết rúc rỉa da thịt con, con luôn sống trong nước sôi, không chút an lạc.

Phật dạy:

–Lê-xà! Về thời quá khứ, ngươi từng là Tỳ-kheo, nhưng do hủy hoại giới Phật, thường dối trá, bên ngoài hiện tướng lành, oai nghi, lại tham cầu có nhiều đệ tử, tiếng tốt được vang xa. Đệ tử của ngươi lại khoe thầy mình là A-la-hán nên được nhiều vật cúng dường, lại riêng hưởng một mình, hay hủy báng người giữ giới. Vì buồn khổ, nên nhưng người ấy đã nguyện đời đời sinh làm thân

trùng ăn thịt Tỳ-kheo kia. Sau khi chết, sinh trong loài rồng, đó là tiền thân của ngươi. Các kẻ kia đã nguyện như thế nên sinh làm các loài rắn rít luôn ăn thịt người. Vì gây tạo nghiệp ác nên chịu quả bị mù, sống trong nước sôi. Vô số kiếp trước người luôn phải sống trong nước đồng sôi của địa ngục, bị các loài trùng rúc thịt.

Nghe vậy, các loài rồng buồn khổ thưa:

–Chúng con đều xin thành tâm sám hối, mong sớm thoát khỏi khổ này.

Như Lai đưa tay kim cương xoa lên mặt các loài rồng:

–Các ngươi hãy lắng nghe! Thời xưa, ta từng làm vua, tên Thiện Nhãn. Khi đó một Bà-la-môn mù đến xin một con mắt của ta. Ta vui vẻ cho cả hai mắt. Nếu lời ta chân thật, nguyện cho Lê-xà được mắt thanh tịnh, trừ diệt hết tội ác.

Đức Phật nói chú:

–Đa điệt tha, chước sô khư bà, sa lan na khư bà, yết ma khư bà, a nan xà na, tì la xà khứ phá, lan đa nhược ma, ni bà la na đô dạ, a bỉnh chiên đà la, thọ đê tân đầu du đệ, ngật lợi ba thâu đệ pha la du đệ, a thệ, đa thệ, đa a lệ, đa lệ, bà tế đà sách kế đà sách kế, minh lô la tị, ma ha minh lô la tị, đế phúc a la đa na bà la đế, ta ha.

Phật nói chú xong, rồng Lê-xà liền được mắt thanh tịnh, năm vạn ba ngàn rồng khác cũng đạt

mắt tịnh, tám mươi bốn na-do-tha Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà, ngạ quỷ, Bệ-lệ-đa, Tỳ-xá-già, Nhân phi nhân dứt trừ hết các tội, được mắt thanh tịnh. Thiên tử Thiện Đức chắp tay hướng Phật, nói kệ:

Thế Tôn mười Lực, bậc thầy lớn
Giúp cho loài rồng có mắt tịnh
Đời này nếu không được gặp Phật
Những người không mắt luôn mù tối.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Kiều-trần-như:

–Ông hãy thọ trì Đà-la-ni nhãn tịnh này. Chúng sinh mù tối vì nghiệp ác nơi quá khứ, hiện tại, vị lai hay vì thân tứ đại bị bệnh, bị người xấu ác hại, bị thuốc độc nên đọc tụng Đà-la-ni tịnh nhãn này, sám hối tội lỗi, Từ bi với chúng sinh, chuyên tâm niệm Phật, suốt bốn mươi chín ngày, mỗi ngày sáu lần dùng tay lau mắt, nhờ thế sẽ được mắt thanh tịnh. Có chúng sinh hủy báng chánh pháp, Thánh nhân, gây trở ngại cho người thuyết pháp, hoặc bỏ bớt văn khi biên chép kinh, hại mắt người khác, che lấp người khác ở quá khứ nên chịu tội mù mắt. Chúng sinh này nên chuyên tâm sao chép Đà-la-ni, thọ trì, đọc tụng, sám hối suốt bốn mươi chín ngày, sau đó dùng năm loại thuốc bọt biển, cam thảo Ha-lê-lặc, A-ma-la, Tỳ-hê-la nghiền nát, hòa lẫn với mật chưng chín, trì một ngàn lẻ tám biến chú vào trong thuốc, dùng thuốc thoa lên mắt. Suốt bốn mươi chín ngày chuyên tâm niệm Phật, tạo tượng, phát nguyện.

Nhờ thế, nghiệp ác trừ hết, được mắt thanh tịnh. Nếu có tiền của thì xây chùa, tùy khả năng sắm vật bố thí. Nhờ vậy, nghiệp ác sẽ tiêu hết, vô số đời sau không bị mù.

Khi ấy, tất cả loài rồng đều niệm:

–Nam-mô, Nam-mô Đại Bi Thế Tôn, đem lại lợi ích cho chúng sinh ba đời, làm cho kẻ mù được sáng mắt, thanh tịnh các nghiệp.

Rồng Thanh Sắc nói kệ:

Thế Tôn diệt trừ mọi tội lỗi
Như nước sông rửa sạch tất cả
Biết rõ hạnh nghiệp của chúng sinh
Vì thế Phật là Bậc Tối Tôn.
Chúng con sống trong các chằm ao
Suối khô đồng trống không có nước
Gió nóng bức thân như lửa đốt
Thân thể, nhà cửa rất hôi thối.
Tám ngàn ức năm sống ở đó
Chưa từng được vui sướng một ngày
Luôn bị trùng độc rúc rỉa thân
Quyến thuộc lớn nhỏ đều như thế.

Đức Phật nói:

Những chúng sinh nào tạo tội lỗi
Lại còn tu tập các phước đức
Xây dựng chùa viện, đúc chuông khánh
Cúng dường chư Tăng mọi vật dụng.

Chính vì tội lỗi và phước đức
Sinh ở nơi đâu đều theo nghiệp
Tạo ác chịu khổ như địa ngục
Bố thí hưởng vui tợ cõi trời.
Hoặc được sinh trong các loài rồng
Là nhờ nhân duyên nghiệp thiện kia
Trên đầu của rồng tự nhiên hiện
Ngọc báu Như ý thật hy hữu.
Cầu muốn những gì đều toại nguyện
Đầy đủ tất cả các quả báo
Tuy ở suối khô, chằm ao cạn
Vẫn hiện nước mát, nước vi diệu.
Hư không thanh tịnh mà đầy mây
Mặt đất bằng phẳng vọt ao suối
Đi đứng nằm ngồi ở mọi nơi
Đều luôn nghĩ về khởi dòng nước.
Lại như có tất cả chúng sinh
Tuy đều được mang lấy thân người
Gây tạo vô số tội nghiệp ác
Không hề biết cúng dường Tam bảo.
Sau khi chết đi chịu khổ não
Địa ngục ngạ quỷ đều thọ cả.
Giả như được thọ thân loài rồng
Tất cả thân quyến và vợ con.
Nghèo cùng đói khát luôn bức bách
Đỉnh đầu không có ngọc như ý
Ở ao đồng trống nhiều trùng độc
Khô cạn nứt nẻ không có nước.

Tất cả đều do đời quá khứ
Từng là Tỳ-kheo trong pháp Phật
Thấy người hành khổ nơi thanh vắng
Ganh ghét keo kiệt tiếc vật dụng.
Tỳ-kheo nơi xa, lỡ đến đây
Sân giận ghét bỏ không vui vẻ
Tín thí bình đẳng cúng thức ăn
Lại còn ngăn cản rồi nhục mạ.
Phóng uế làm bẩn nguồn nước sạch
Nơi ở luôn luôn nồng mùi hôi
Thấy ai giữ gìn giới thanh tịnh
Ghét ganh nên muốn xa lánh họ.
Ham thích lui tới những nơi nào
Khen ngợi ca tụng danh tiếng tốt
Chính vì nhân ác nên khi chết
Đọa trong địa ngục vô số kiếp.
Vô lượng ức năm chịu khổ não
Thiêu đốt, vùi mình trong phân nhơ
Làm thân ngạ quỷ luôn đói khát
Chưa từng được nghe tiếng thấy nước.
Vì còn nghiệp báo thọ thân rồng
Trải vô số năm chịu khổ não
Tuy được làm rồng nhưng đói khát
Sống ở những nơi không có nước.
Hoặc ở ao khô núi cháy rụi
Không một giọt nước, không thức ăn
Bỏ thân lại vào trong địa ngục
Ngày đêm sống trong lửa thiêu đốt.

Cứ thế trải qua vô số năm
Rồi lại sinh vào loài quỷ đói
Chỉ khi nào biết tu tập định
Cúng dường lễ bái Đức Thế Tôn.
Giữ giới tu trí học hiểu nhiều
Siêng năng bố thí không kiêu mạn
Tâm ganh ghét kia ác độc nhất
Cần nên trừ diệt tâm xấu ấy.
Phải nhớ quả báo sau khi chết
Chắc chắn không nghi, sớm sám hối.

Nghe Phật nói kệ, hai mươi sáu ức rồng nhớ lại nghiệp quá khứ, khóc lóc thưa:

–Xin Đại Bi Thế Tôn! Thương xót cứu vớt chúng con. Con nhớ thời quá khứ, tuy xuất gia trong pháp Phật nhưng lại tạo những nghiệp ác ấy nên bị đọa trong ba đường dữ suốt vô số kiếp. Lại vì nghiệp chưa hết nên sinh vào loài rồng tiếp tục chịu khổ não. Chúng con chẳng khác rồng Thanh sắc.

Phật nói:

–Các ngươi hãy lấy nước rửa chân Như Lai, như thế các tội lỗi sẽ tiêu trừ hết. Các rồng liền đưa tay lấy nước, nhưng nước lại hóa thành lửa, thành đá, làm như vậy đến lần thứ bảy, tất cả rồng ấy đều kinh sợ, sầu khổ, khóc thương.

Phật nói:

–Vì làm ác nên chịu quả xấu. Người tạo nghiệp

lành sẽ được quả báo tốt. Ta nay sẽ chỉ dạy cho các ngươi phát lời thề chân thật: "Phật là Bậc Đạo Sư thương xót tất cả, đối với hết thảy chúng sinh luôn bình đẳng không hai. Lời này nếu không hư dối thì xin cho các rồng chúng con mọi thứ lửa dữ đều diệt. Phát lời thề ấy tức thì lửa dập tắt, loài rồng lấy được nước rửa chân Phật, thành tâm sám hối: Từ nay trở đi chúng con nguyện không làm ác nữa."

Phật nói:

–Nghiệp ác của các người chưa hết. Đến đời sau vào thời Đức Phật Di-lặc xuất thế, các ngươi sẽ được làm người, gặp Phật, xuất gia, siêng năng giữ giới, đạt quả A-la-hán.

Lúc này, các rồng có được tâm túc mạng, nhớ rõ nghiệp quả quá khứ, nên khóc lóc, thưa:

–Chúng con nhớ về quá khứ, ở trong pháp Phật, hoặc do nhân duyên làm người thế tục thân thuộc, hoặc là kẻ lui tới nghe pháp, đều có tín tâm, bố thí vô số các thứ thức ăn uống, hoa quả, rồi cùng với các Tỳ-kheo theo đó mà dùng. Hoặc có kẻ nói: Con từng dùng các thứ thức ăn uống, hoa quả của Tỳ-kheo Tăng bốn phương. Có người nói: Con đến chùa cúng dường chư Tăng, hoặc lễ bái rồi ăn các vật dùng của chư Tăng. Có kẻ nói: Con từng làm người thế tục ở trong pháp Phật Tỳ-bà-thi. Hoặc nói: Con từng làm người thế tục ở trong

pháp Phật Thi-khí. Hoặc nói: Con từng làm người thế tục ở trong pháp Phật Tỳ-diếp-bà. Hoặc nói: Con từng làm người thế tục ở trong pháp Phật Ca-la Câu-thôn-đà. Hoặc nói: Con từng làm người thế tục ở trong pháp Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp, Phật Thích-ca, hoặc đến thăm hỏi, hoặc đến nghe pháp, người có tín tâm cúng dường tăng, bố thí mọi thứ hoa trái, thức ăn uống... và được các Tỳ-kheo cho ăn uống. Vì các nhân duyên đó nên trải vô số kiếp bị đọa trong địa ngục, bị thiêu đốt, uống nước đồng sôi, ăn hòn sắt nóng. Hết nghiệp nơi địa ngục, làm thân súc sinh, ngạ quỷ lại chịu bao nhiêu thứ khổ nạn. Vì chưa hết nghiệp ác nên đọa làm thân rồng, chịu tiếp nạn về khổ thiêu đốt, đi lại nằm ngồi trong lửa đỏ, thức ăn vào miệng biến thành sắt nung, nuốt vào thì miệng, yết hầu, bụng tan rã, thân như hang thủng chịu khổ không thể nào kham nổi. Xin Như Lai thương xót cứu vớt.

Phật nói:

–Nghiệp ác đó như nghiệp trộm vật dụng của Phật, bằng một nửa tội nghịch của Tỳ-kheo, vì chưa hết nghiệp báo nên khó thoát khỏi. Các ngươi nay phải nên hết lòng thọ Tam quy y, tu tập đều lành nhờ đó, trong Hiền kiếp được gặp Phật sau cùng là Lâu-chí, lúc ấy tội lỗi mới trừ diệt hết: Các rồng nghe Phật dạy thảy đều chí tâm xin trọn đời thọ Tam quy. Lúc ấy, trong chúng rồng có một

rồng nữ mù thân hình xấu xí, hôi hám, bẩn thỉu, Đức Thế Tôn do tâm đại Bi, hỏi han chỉ dạy, khiến rồng nữ mù rửa sạch tội lỗi, xin thọ Tam quy. Lại có một rồng nam cũng hôi hám, bẩn thỉu như thế.

Đức Phật hỏi:

–Thiện nam! Vào đời quá khứ đã gây tạo nghiệp ác gì?

Nghe Phật hỏi, rồng ấy há miệng định nói nhưng trong miệng tuôn ra vô số trùng độc, hôi hám, không sao nói thành lời, nó lại ngậm miệng. Thấy thế, Phật nói kệ:

Ngày xưa người từng trộm các vật
Khinh khi Thánh hiền nên chịu quả
Thành tâm nghe lời Như Lai nói
Sẽ được giải thoát, trừ khổ não.

Nói xong, Phật lấy một ít nước tưới lên miệng rồng, mọi trùng độc đều biến mất, rồng thưa:

–Đại Thánh Như Lai! Con nhớ thời Phật Ca-diếp, có một Tỳ-kheo đến đám ruộng của con đang cày để xin năm mươi tiền. Con nói: "Đợi lúa chín rồi sẽ cho."

Tỳ-kheo nói: "Nếu không có năm mươi tiền, xin cho mười đồng." Nghe vậy, con tức giận nói: "Dù là mười hào cũng không cho." Tỳ-kheo ấy buồn bã ra đi. Lại một lúc khác, con đến trộm mười trái Am-la của chư Tăng. Vì thế, bị đọa vào địa ngục chịu vô số khổ não. Vì nghiệp ác chưa

hết nên sinh làm thân rồng đói, luôn bị trùng độc rúc rỉa thân, rất hôi hám, khổ sở. Còn Tỳ-kheo kia vì buồn giận nên sau khi qua đời sinh làm thân rồng nhỏ, hút máu dưới nách con.

Đại Bi Thế Tôn! Xin thương xót cứu vớt chúng con thoát khỏi khổ nạn này.

Đức Phật rảy nước, nói:

–Ngày xưa, vào thời khó khăn đói khát, ta từng nguyện làm một chúng sinh có thân hình to lớn. Nhờ sức thần thông, trong hư không vang tiếng nói: "Nơi chằm rồng kia có một con trùng lớn tên Bất sân, các ngươi hãy đến đó ăn thịt của nó." Nghe vậy, tất cả Nhân phi nhân đều kéo đến tranh nhau ăn thịt nhờ vậy khỏi bị chết đói.

Phật nói lời ấy xong, rồng nhỏ dưới nách của rồng kia hiện ra, cả hai đều thưa:

–Thế Tôn! Đến bao giờ chúng con mới thoát nạn này?

Phật nói:

–Nghiệp này rất nặng, đứng sau tội vô gián. Vì sao? Vì người tự lấy dùng hoặc mang cho cư sĩ, bạn bè những vật như thuốc men, thức ăn, đồ nằm, hoa trái của tín thí cúng dường cho chư tăng sẽ chịu quả báo bị đọa địa ngục A-tỳ. Các ngươi hãy thành tâm thọ tam quy, sau đó sẽ được ở nơi có nước mát. Hai rồng nghe lời, ba lần xin quy y tức thì thân được an ổn, vào nơi nước mát mẻ.

Đức Phật liền nói kệ:

Thà dùng dao sắc tự cắt thân
Thành trăm ngàn khúc rất đau đớn
Những vật cúng dường của tín thí
Là vật rất nặng vì khó được.
Thà nuốt sắt nóng, uống nước đồng
Làm cho miệng mồm đỏ tấy lên
Mọi vật cần dùng của chư Tăng
Không nên tự dùng hoặc đem cho.
Thà tự ăn nuốt núi lửa lớn
Chớ ăn vật cúng của tín thí
Thà dùng dao sắc tự cắt thân
Không nên lấy vật tín thí cúng.
Thà tự gieo mình trong lửa dữ
Không nên ngồi nằm giường chư Tăng
Thà tự tay nâng núi lửa lớn
Chớ ăn vật cúng của thí chủ.
Thà tự cắt thân thành trăm mảnh
Không nên giận tức người xuất gia
Thà tự móc mắt ném xuống đất
Không nên giận người làm pháp lành.
Thà quấn sắt nóng đi cùng khắp
Chớ tức giận, mặc y chư Tăng
Thà uống nước tro, mặn, nước sôi
Chớ tham uống thuốc của chư Tăng.

Nghe Phật nói kệ, một vạn bốn ngàn rồng nguyện quy y Tam bảo, thoát khỏi nghiệp báo khổ não của quá khứ, hiện tại, vững tin nơi Phật, Pháp,

Tăng. Lại có tám mươi ức rồng cũng chí tâm quy kính Tam bảo.

Phật bảo:

–Kiều-trần-như! Ông nên biết các chúng sinh ác này tự dối mình, hoặc vì sợ nghèo khổ, sợ bị đọa ba đường ác nên tu pháp lành, hoặc xuất gia cầu mọi vật dụng của tín thí dùng hoặc tự cho. Vì thế, bị đọa vào ba đường ác. Có chúng sinh vì nghèo khổ nên xuất gia, mong được sung túc, an vui nhưng lại lười biếng, không đọc tụng kinh, không tu thiền, thích dòm ngó việc Tăng. Có Tỳ-kheo siêng năng tu tập, ngày đêm đọc tụng kinh điển, tọa thiền nên được tín thí cúng dường nhiều vật dụng, kẻ kia lại lấy dùng riêng hoặc tự đem cho người thân. Vì thế cứ mãi bị đọa vào cõi ác. Vì kẻ ngu ấy không thấy quả báo ở đời sau. Ta khuyên các ông hành pháp không nên tự khoe mình, không được đem vật cúng của chư Tăng cho người thế tục, không nên nói đó là vật của mình rồi tự dùng riêng, không được đem vật dụng của Tăng chúng làm vật trao đổi, sinh lợi nhuận, bị thế gian chê cười, không tranh chấp với người đời, đừng vì vật dụng, Tăng chúng mà làm cho người khác bị đọa vào ba đường ác, nên khuyên người sống trong pháp lành, để chúng Tỳ-kheo vững tin nơi Tam bảo, giáo hóa chúng sinh, cho đến cha mẹ khiến họ được an ổn, đạt ba giải thoát.



KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 45

Phẩm 14: NHẬT TẠNG

Phần 13: BẢO VỆ THÁP

Khi ấy, Tôn giả Kiều-trần-như thưa Phật:

–Thưa Thế Tôn! Thế Tôn là mặt trời luôn soi sáng, xua tan đêm tối. Thế Tôn đã nói rõ về nghiệp báo khó lường của loài rồng và pháp chân thật của Bồ-tát.

Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Kiều-trần-như! Trong bốn cõi thiên hạ, nơi nào có Thánh nhân tu tập định tuệ, nơi ấy không trống vắng, luôn có Pháp bảo. Thế nào là xứ đại chi-đề: Là nơi ở của Thánh nhân thuộc thành Vương xá, cõi Diêm-phù-đề. Nơi đó từng là nơi tu tập của vô số chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn thời xưa. Chư Phật quá khứ từng giao cho các rồng chúa trông coi để nơi đó luôn có ánh sáng của chánh pháp. Chúng sinh nào siêng năng tu tập định tuệ, bảo hộ pháp Phật sẽ được các Phú-già-la cúng dường mọi vật.

Long vương Bà-lâu-na thưa:

–Đúng thế, đúng thế! Như lời Phật dạy. Đức Phật Ca-la Cưu-thôn-đà đã từng sai con trông coi nơi ấy, cúng dường mọi vật cho người siêng tu định tuệ, tu pháp lành. Con đã hành trì đến khi chánh pháp diệt. Các Đức Phật Câu-na-ca Mâu-ni, Ca-diếp cũng làm như thế. Con đã từng bảo vệ đệ tử siêng tu, không nhận nô tì, ruộng vườn, hành khổ hạnh, tinh tấn, thanh tịnh của các Đức Phật. Hôm nay, Như Lai lại giao việc này cho con.

Đức Phật lại giao cho các rồng trông coi Thánh địa Vân tận trong núi A-la-xà để la dưới chân núi Tu-di thuộc Tây Cù-da-ni. Các rồng trông coi thưa:

–Thế Tôn! Đúng vậy, như lời Phật dạy, Đức Phật Ca-la Cưu-thôn-đà cũng đã giao con trông coi nơi này, con đã giữ gìn, bảo vệ cho đến khi pháp diệt.

Đức Phật lại giao Long vương Tô-ma-hô-hư-xoa trông coi Thánh địa trong núi Thanh-ương-già-la dưới chân núi Tu-di thuộc Đông Phất-bà-đề.

Long vương thưa:

–Thế Tôn! Đúng vậy, xin như lời Phật dạy.

Đức Phật lại giao Thánh địa Hương phong mâu-ni cho Long vương Tỳ-xương-già-tô-chi trông coi. Thánh địa này ở núi Gian-hoa-xỉ phía

Bắc chân núi Tu-di.

Long vương thưa:

–Đúng vậy, xin như lời Phật dạy. Đức Phật Ca-la Cưu-thôn-đà và các Đức Phật Ca-diếp… đã từng giao cho con trông coi nơi này. Con đã bảo hộ, giữ gìn, các Tỳ-kheo hành pháp và nơi ấy cho đến khi pháp diệt.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay! Các Long vương! Các vị có thể bảo hộ được chánh pháp của ta. Các vị là bạn, là Thiện tri thức, là Đàn-việt hành pháp của ta. Tất cả chúng sinh đều nương nơi pháp ta, vì chánh pháp luôn đem lại lợi ích cho muôn dân, đất nước.

Đức Phật lại giao Thánh địa Na-diệm-mâu-ni trong châu Cù-da-ni phía Tây cho Long vương Cù-sà-lam-bà, để Long vương bảo vệ, ủng hộ các đệ tử, hành pháp. Lại giao Thánh địa Ni-ca-la-đà liên hoa mâu-ni trong châu Phất-bà-đề phía Đông cho Long vương Bà-tư-mạc-cực-xoa trông coi; giao Thánh địa Ma-ni tạng viêm mâu-ni thuộc cung điện Ta-già-la trong biển lớn cho Long vương Ta-già-la trông coi; giao Thánh địa Khai hoa tạng thuộc trụ xứ của Đế Thích trên đỉnh núi Tu-di cho Long vương Y-la-bạt-la trông coi; giao Thánh địa Nan-đà-bà-đà-na trong cõi Diêm-phù cho Long vương Diêm-phù-ca bảo hộ. Lại giao

Thánh địa Tỳ-xá-lợi thiện trụ thuộc cõi Diêm-phù-đề cho Long vương Bà-tu-cát; Thánh địa Thiện hương Ca-na-ca-đăng thuộc Ca-tỳ-la-bà trong cõi Diêm-phù cho Long vương A-na-bà-đạt-đa; Thánh địa Tì-phú-la-bằng-ca thuộc nước Ma-già-đà trong cõi Diêm-phù cho Long vương Sơn Đức; Thánh địa Ái-vân-diệm-đa-la thuộc nước Ma-thâu-la cõi Diêm-phù cho Long vương Xà-bà-ca-chất-đa-la; Thánh địa Xà-da-thủ-đà nước Kiều-tát-la thuộc cõi Diêm-phù cho Long vương Ngật-lợi-di-ca; Thánh địa Chi-lân-đà-la thuộc nước Tô-ba-lạc, cõi Diêm-phù cho Long vương Mâu-chi-lâu-đà-la; Thánh địa Đại-lợi-xá-na-nhược-ma-la thuộc nước Càn-đà-la, cõi Diêm-phù cho Long vương Y-la-bạt-đa-la; Thánh địa Ma-ni-khư thuộc nước Kế Tân nơi cõi Diêm-phù cho Long vương Vu-lưu-la. Thánh địa Ức tạng diệm thuộc nước Am-phù-lợi-ma cõi Diêm-phù, cho Long vương La-phù-la; Thánh địa Na-la-da-na Phất-na-bà-sa thuộc nước Chấn Đán Hán cõi Diêm-phù cho Long vương Hải Đức; Thánh địa Cù-ma-bà-la hương bên bờ sông và núi Ngưu đầu nước Vu Điền cõi Diêm-phù cho Long vương Ngật-lợi-ha Bà-đạt-đa.

Những Thánh địa đó đều là nơi tu tập hành hóa của chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, Tiên nhân đạt năm thông từ thời quá khứ. Chư Phật tuần tự giao phó để giúp chúng sinh trừ bỏ nghiệp ác,

tăng trưởng căn lành đạt được Bồ-đề. Nhận lời Phật, tất cả Long vương đều thưa:

–Thế Tôn! Loài rồng chúng con có nhiều hoặc chướng, tham ngủ nghỉ, như kẻ ngu si. Một đêm ngủ của chúng con là hai mươi mốt năm nơi cõi người. Như thế trong lúc chúng con ngủ nghỉ, ăn uống, vui chơi, kẻ ác, kẻ phi nhân gây mọi tổn hại Thánh địa, chúng con không thể ngăn được. Do vậy, chúng con trở thanh kẻ xấu trong pháp Phật ba đời.

Đức Phật lại bảo hai mươi tám tướng Dạ-xoa:

–Ta giao phó các Thánh địa này cho các ngươi, hãy siêng năng bảo vệ, giữ gìn.

Hai mươi tám tướng Dạ-xoa, cùng thưa:

–Xin vâng lời Phật dạy, song Thánh địa Cù-ma-sa-la hương sơn chúng con khó bảo vệ được.

Long vương Kỳ-lợi-ha Bà-đạt-đa thưa:

–Thế Tôn! Xin để Thánh địa ấy cho con trông coi. Cõi nước ấy, rộng vắng, nhân dân đều là những người đến từ nơi khác. Thế Tôn! Hai mươi tám Dạ-xoa không chịu trông coi Thánh địa này thật là đáng trách. Vì sao? Vì như thế loài rồng chúng con sẽ mang tiếng xấu.

Phật nói:

–Long vương! Chớ nói như vậy. Vì sao? Hiện có hai vạn người phước đức từ nước Sa-lặc đến sống ở đó. Vì oai lực của hai vạn người đó, Thánh

địa kia sẽ luôn có người đến cúng dường. Long vương nên biết, ở đó sẽ không có đói khổ. Thời Phật Ca-diếp, nước Vu Điền có tên là Ca-la-sa-ma, là một nước lớn, giàu mạnh, đầy đủ vật dụng. Nơi đó thường có trăm ngàn Tiên nhân đạt năm thông tu thiền, ưa thích quả Bồ-đề vô thượng. Chúng sinh ở đó phần nhiều là tham dục, sống buông lung, hủy báng Thánh nhân, tạt nước tro lên người Thánh nhân, vì thế các Thánh nhân đi đến nơi khác. Thấy vậy, chúng sinh ở cõi ấy lại vui mừng, làm cho Thủy thiên, Hỏa thiên đều giận dữ, nước lửa đều mất, chúng dân chết vì đói khát, đất nước trở thành gò đồi trống vắng. Không lâu, ta sẽ đến cõi đó bảy ngày ngồi thiền, thọ pháp lạc giải thoát. Sau khi ta diệt độ một trăm năm, nước này sẽ trở lại như xưa, xóm làng, thành quách mọc lên, dân chúng đông đúc, thích tu pháp Đại thừa, không đói khát.

Đại tướng Dạ-xoa Tăng-nhi-da thưa:

–Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy!

Đức Phật nói:

–Dạ xoa! Ngươi có nhớ việc quá khứ không?

–Con nhớ vào thời Phật Ca-diếp, Thế Tôn cũng đã tọa thiền thọ hưởng pháp lạc giải thoát ở cõi nước đó bảy ngày. Sau khi Phật xuất định, con đến cúng dường, Phật giao phó cho con giữ gìn Thánh địa, bảo vệ đệ tử, những người siêng tu định

tuệ, pháp lành.

Long vương Kỳ-lợi-na Bà-đạt-đa thưa:

–Thế Tôn! Con nguyện luôn bảo vệ Thánh địa này và các đệ tử hành pháp của Phật cho đến khi pháp diệt. Những việc xấu xảy ra như nước, lửa, rồng ác, Dạ-xoa ác, Cưu-bàn-tra ác vào thời Phật Di-lặc xuất hiện ở đời, không thuộc sự bảo vệ của con.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Long vương! Nếu bảo hộ pháp của ta để chánh pháp an trụ mãi trong đời, ông thật là bạn tốt, là Đàn-việt tốt của ta. Bấy giờ, có sáu mươi ức Đại Bồ-tát và vô số Bồ-tát từ mười phương vân tập đến nghe kinh này, đều thưa Phật:

–Thế Tôn! Từ nay về sau chúng con thường đến lễ bái, cúng dường ở những Thánh địa ấy, lại thuyết giảng Đà-la-ni trừ nghiệp ác này cho chúng sinh, vì người và mọi loài, chúng con nguyện thực hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Hiện có vô số a-tăng-kỳ các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già ở đây, xin Như Lai giao phó cho tất cả tám bộ chúng cùng bảo vệ hai mươi Thánh địa, đừng để chúng sinh tâm ác, không chịu giữ gìn, làm cho kẻ ác, hàng phi nhân xâm hại Thánh địa.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Các vị chớ

lo. Vì sao? Chư Phật thời quá khứ đã giao phó hai mươi Thánh địa này cho các chúng rồng, Dạ-xoa. Ta nay cũng vậy. Vì sao? Vì chúng sinh nơi đời sau phần nhiều bị tám nạn. Để giúp chúng diệt trừ nghiệp ác, bỏ tâm kiêu mạn, ưa thích Niết-bàn, luôn đầy đủ vật dụng, mưa thuận gió hòa, cây cối tươi tốt nên ta giao phó cho rồng và Dạ-xoa. Đời sau, chư Phật cũng sẽ kinh hành, tọa thiền, hành hạnh khổ, thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, chuyển xe pháp, nhập Niết-bàn, các đệ tử Phật tinh tấn tu tập, trời người lễ bái cúng dường, cầu phước, mong đạt giải thoát đều ở trên những Thánh địa này. Chư Phật vị lai cũng giao phó cho các chúng rồng, Dạ-xoa. Thiện nam! Ta sẽ nói Đà-la-ni làm cho chúng sinh tâm ý ác ấy sinh thuận hợp được chư Phật ba đời gia hộ, chuyển tâm ác của chúng sinh, khiến chúng tu pháp lành, được vui vẻ, thành tựu phước đức, được giải thoát, an trụ trong trí lớn, nhớ rõ về Đà-la-ni, viên mãn trí phương tiện kẻ thù bỏ tâm thù, trừ hết tai nạn, không còn lo sợ, làm được mọi việc, hiểu chân lý, thành tựu nhẫn, vào biển trí, đạt bốn Thần túc, trừ kiến chấp, thấu đạt pháp Bồ-đề vô thượng. Đức Phật nói chú:

Đa điệt tha a ma, a ma bà bà, a ma ba lợi bà bà tam xá da yết bà, ba lợi bà bà, mật đa la mật đa la xá la da, mật đa la ba lợi bà bà, mật đa la tam mị nhược da ni cù lô đa tam mị nhược da, mạc cực

xoa tam mị nhược da, thị lợi khổ già bà ưu bà hỉ la xà, tì na xá da, tam ma xá la da đế la a na, bạt ca lam ma, bà bà ca lam ma, thị lợi địa tì ca la bà na tam ma nhược na, a ba bà già, na la dạ na bạt già ma, tát bà đa, tha a già đa địa tất tha na bạt già, ta ha.

Nói chú xong, Phật nói:

–Đà-la-ni này còn có tên là Hiền diện, luôn được chư Phật gia hộ, phát sinh Tam-ma-đề, thiền định diệt, hết nghiệp ác, giúp đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng. Hiện tại hoặc vị lai, nếu các chúng ma, Trời, Rồng, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Cưu-bàn-trà, Nhân phi nhân xâm hại các Thánh địa, các vị nên niệm chư Phật ba đời, niệm tâm Từ bi của chư Phật, trì Đà-la-ni này. Nhờ thế, tâm ác sẽ tiêu diệt, thích cúng dường.

Do thần lực Phật, ma Ba-tuần được ở yên trong cung mình, được nghe Đà-la-ni này, vui thích nơi cõi Phật, phát lòng tin, nên khóc lóc, nói với quyến thuộc:

–Các ngươi lắng nghe! Ở Thánh địa đó ta thành tựu tâm nhẫn kiên định như núi. Đức Thế Tôn Từ bi bình đẳng, phóng ra ánh sáng chiếu soi tất cả hàng Rồng, Trời, Người, Tu-la, ta sao lại còn tạo nghiệp ác. Giờ đây, ta xin sám hối, quy y Tam bảo. Chúng ta hãy đến gặp Phật, lễ bái, cúng

dường, thành tâm nghe pháp, đoạn phiền não ma, vào đạo thanh tịnh, hết lo sợ, đạt đến thành Niết-bàn.

Nói xong ma Ba-tuần và tám mươi ức chúng kéo đến chỗ Phật. Đến nơi, chúng lạy Phật, nói kệ:

Tối thắng trong đời Lưỡng Túc Tôn
Tự đạt tịch diệt, độ chúng sinh
Nhẫn nhục, tinh tấn, thương chúng sinh
Chúng con ngu si luôn tạo ác.
Không tỏ hạnh nghiệp của quá khứ
Chỉ Phật Thế Tôn hiểu rõ được
Thân hình, nơi chốn cùng mọi việc
Dạy khuyên chúng con trừ mê hoặc.
Chư Phật ba đời đại Từ bi
Nhận lời hối lỗi của chúng con
Pháp, Tăng hai bảo cũng như vậy
Thành tâm nương tựa không đổi lòng.
Hôm nay chúng con xin cúng dường
Cung kính tôn trọng bậc thầy lớn
Đoạn hết nghiệp ác không sinh khởi
Suốt đời nương tựa pháp Như Lai.

Nói kệ xong, Ba-tuần bạch Phật:

–Thế Tôn! Như Lai bình đẳng với chúng sinh, luôn vui vẻ thương yêu.

Phật nói:

–Đúng vậy!

Ba-tuần vui mừng, phát tâm thanh tịnh, cúi lạy nơi chân Phật, đi quanh ba vòng, cung kính chắp tay ngồi lui một bên, chiêm ngưỡng Thế Tôn với lòng khao khát.

Lúc đó Gia-la-chi, con của ma cùng quyến thuộc đến lạy Phật, quỳ gối, thưa:

–Thế Tôn! Thế nào là mắt, mắt là duyên của sắc, sắc là duyên của mắt cho đến ý, pháp?

Phật nói:

–Thiện nam! Mắt không phải là nhân duyên của sắc, sắc không phải là nhân duyên của sắc ý pháp cũng thế. Thiện nam! Mắt, tánh của mắt rỗng lặng; nhãn thức, tánh của thức rỗng lặng.

Thiện nam! Mắt nhờ có nhãn thức nên thấy sắc ý nhờ có ý thức nên biết pháp. Không phải nhãn thức nắm bắt. Vì sao? Vì không đến đi, mắt không phải thường trụ. Trong ba đời tất cả là rỗng lặng. Mắt không phải là sự thấy trọn vẹn, sự thấy khiếm khuyết, hòa hợp, lìa tướng, tiếp xúc tướng, không nương dừng. Ví như mặt trời mọc, ánh sáng chiếu khắp nơi. Ánh sáng chiếu vào vách, vách không tự cho mình là sáng là tối. Ánh sáng đó không phải chỉ chiếu lên các vách. Khi đủ duyên ánh sáng hiện, vách và ánh sáng không phải hợp, tan. Ánh sáng không nghĩ mặt trời sinh ra ta, mặt trời cũng không nghĩ mình sinh ra ánh sáng. Vì sao? Khi mặt trời lặn, ánh sáng cũng mất.

Song không thể thấy nơi đến đi. Đủ duyên thì sáng, đủ ánh sáng thì thấy vật. Thức cũng thế. Sáu nhập bên trong dẫn sinh sáu nhập bên ngoài và ngược lại. Sáu nhập bên trong, sáu nhập bên ngoài không phải là điều kiện. Vì sao? Vì tánh của cả hai không phải lìa, không phải hợp, không hòa hợp, không nương dừng. Thức của cả hai cũng vậy. Vì sao? Vì không nắm giữ. Pháp, thức là do các duyên của trí tuệ, thấy biết. Do hành có thức. Thức sinh ra ba hành: Thân, miệng, ý.

Hành của thân: Hơi thở ra vào. Hơi thở ra vào không hề biết nhau, cái mới sinh, cái cũ diệt. Thể tánh vốn vậy, không phải tan hợp, giống khác, trong cái như như chúng không dựa nhau, hư không bình đẳng, gió thổi hư không như, gió không là như không, hư không không là gió. Vì sao? Cả hai không tiếp xúc, không phải cảnh giới của nhau, cả hai đều rỗng lặng, không thể nói. Vì sao? Tướng lìa tướng, không thêm bớt, không ở bờ này bờ kia, an trụ như như trong Nghĩa đế bậc nhất. Hành của thân không là nơi nương tựa của thức, không là bạn, không hòa hợp, không tụ tập, không nương dừng, tướng lìa tướng. Thức cũng vậy.

Hành của miệng có hai: Giác, quán. Từ hơi thở ra vào khởi tâm biết hai, tư duy, nghĩ nhớ là giác; hoặc dầu sinh diệt, nhưng tâm thanh tịnh. Vì giác nương theo hơi thở ra vào nên luôn sinh diệt.

Căn và trần không hay biết, kia đây không tách rời, tánh tướng không, không thể nói là ngắn, dài. Đó là giác. Quán: Quán hơi thở lạnh nóng lan tỏa trong thân như ngọn gió, nhờ quán nên biết gió, không tướng kia đây, không thể nói là ngắn, dài.

Hành của ý: Tư duy biết tất cả pháp, biết thời gian hơi thở ra vào hợp không hợp, biết hơi thở ra không phải là hơi thở vào, hơi thở vào không là hơi thở ra, biết tướng thuận, không thuận, nương tựa gió, không thể nói là tư duy, là tướng tâm, nhập đạo Niết-bàn, vượt phàm phu, ra khỏi sinh tử, trừ dứt hết trong thiền định. Gió đó không đến đi, thức nương trong tư, mắt như mắt, ý như ý không tiếp xúc nhau, đoạn hết ba thọ là Thánh nhân.

Thiện nam! Mắt không là duyên của sắc, sắc không là duyên của mắt ý pháp cũng vậy. Vì sao? Vì cả hai không phải gần, không phải xa, không hợp tan, không thể nghĩ, nói, không dừng ở đây kia, dừng ở sát-na chân thật.

Nghe Phật giảng, Gia-la-chi và hai vạn quyến thuộc từng tu tập trong quá khứ đạt nhẫn thuận, vô số chúng sinh đủ căn lành đạt bốn Thiền, bốn quả Sa-môn, gieo hạt giống phước vào pháp Tiểu thừa cho đời sau, hoặc là hạt giống Bích-chi-phật, hoặc phát tâm Bồ-đề vô thượng. Sáu mươi tần-bà-la rồng chưa từng gặp Phật, giờ được nghe pháp nên đều phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Ngay lúc ấy, tam thiên đại thiên cõi nước chấn động đủ sáu cách, vô số Bồ-tát, đến từ các nơi đều đạt Tam-muội Bồ-tát nên dâng cúng hoa hương, y báu lên Phật, thưa:

–Thế Tôn! Thật là không thể nghĩ bàn. Từ xưa đến nay chúng con chưa từng thấy nghe Đà-la-ni Tam-muội ấy. Đây là lần thứ hai Đức Như Lai Thích-ca chuyển xe pháp vi diệu. Chúng con nguyện thọ trì pháp này, giảng thuyết cho chúng sinh.

Tất cả Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Cưu-bàn-trà, Bệ-lệ-đa, Tỳ-xá-già đều nói:

–Như Lai thật không thể nghĩ bàn, luôn đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Thế rồi chúng trỗi nhạc, rải vật trang sức, đốt hương, tung hoa cúng dường Phật.

Long vương Ta-già-la bạch Phật:

–Thế Tôn! Xin thương xót con, Như Lai vào trong biển cả, đến trụ xứ của con, nhận vật cúng dường. Nếu Như Lai đến cung điện của con, tất cả quyến thuộc của con đều sẽ được nghe Đà-la-ni ấy. Thế Tôn! Nếu chúng thành tâm nghe Đà-la-ni này, chúng sẽ được bao nhiêu phước?

Phật nói:

-Long vương! Phước đức của người nghe chú này nhiều gấp trăm ngàn vạn lần phước đức của

người cúng dường bảy báu đầy cả tam thiên thế giới cho Như Lai. Phước đức của việc nghe kinh là khó nghĩ bàn.

Long vương thưa:

–Thế Tôn! Nếu Như Lai không đến cung điện của con, con sẽ sao chép Đà-la-ni này đem về cung, nhờ thế quyến thuộc con dược biết Đà-la-ni, được tăng phước đức.

–Long vương! Nơi nào có Đà-la-ni này, chúng sinh cúng dường đúng pháp sẽ được mười điều lợi: Người sao chép, cung kính kinh này, cả nhà luôn được yên ổn, tự tại, đủ mọi vật dụng, nơi nào có kinh này, người trong đó biết cúng dường đúng pháp, sáu mươi ức Bồ-tát sẽ thường đến đó để cúng dường kinh, mọi việc ác như tranh giành, bệnh dịch, lúa má khan hiếm, giặc cướp, mưa gió thất thường đều tiêu trừ.

Sáu mươi ức Bồ-tát thưa Phật:

–Chúng con sẽ gia hộ, cung cấp để được toại nguyện. Nơi nào có kinh này người tôn kính đúng pháp, Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, hai mươi tám Đại tướng Dạ-xoa và quyến thuộc, trời Đại đức và nam nữ, trời Sa-la-sa-đà, trời Lao cố địa, trời Thiện trụ lạc cùng hết thảy quyến thuộc đều đến nơi đó, ngày đêm bảo hộ, đem lại mọi sự an lành.

Nghe vậy Đế Thích thưa:

–Thế Tôn! Chúng con sẽ làm như lời Phật; chúng sinh từng trồng căn lành ở quá khứ, cúng Phật, bố thí, giữ giới sẽ sinh về nơi ấy; chúng sinh ở nơi có kinh này luôn siêng năng, dũng mãnh, không tham năm dục, thích bố thí, tu sáu Độ; chúng sinh có phước thường thích ở nơi đó; nơi ấy thường có những điềm lành; chúng sinh ở nơi ấy, biết tu mười nghiệp lành; chúng sinh nơi đó luôn tu Từ bi; chúng sinh ở nơi đó thường sinh vào cõi trời, người, không bị đọa vào đường ác.

–Long vương! Nơi nào có kinh này nơi đó sẽ có mười điều lành ấy. Vì sao? Phước đức của người thực hành đúng pháp trong kinh này dù trải qua trăm ngàn kiếp vẫn không nói hết.

Long vương! Kinh đó sâu xa, có thể làm toại nguyện chúng sinh, đem lại mọi lợi lạc.

Phật thuyết giảng kinh này xong, tất cả các Bồ-tát đến từ cõi Phật nơi mười phương, Bồ-tát trong tam thiên đại thiên cõi nước, Ma, Trời, Rồng, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Cưu-bàn-trà, Quỷ đói, Tỳ-xá-già, Phú đơn na, Nhân phi nhân đều tỏ ngộ tùy theo khả năng mình, đều vui mừng, thiết lễ cúng dường Phật, an nhiên tịch tĩnh.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 46

Phẩm 15: NGUYỆT TẠNG

Phần 1: THẦN CHỦ NGUYỆT TRÀNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Khư-la-đế, vốn là trú xứ thường xuyên của các vị Tiên tu hạnh tịch mặc, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm các bậc Hữu học và Vô học sáu trăm vạn người, đối với các thứ phiền não sâu dày từng buộc chặt lấy chúng sinh thảy đều được giải thoát, chỉ đang dốc sức với những phương tiện tu tập nhằm dứt sạch mọi tập khí. Chúng Bồ-tát Ma-ha-tát số lượng là vô lượng, vô biên, không thể tính toán hay nêu bày hết được, đều cùng đạt diệu lực của hạnh Nhẫn, hóa độ các chúng rồng.

Lúc này, Đức Phật đã thuyết giảng xong kinh Nhật Tạng, tức thì ở phương Đông hiện ra một mảng lớn hoa kết lại như mây gồm nhiều loại hoa như hoa Ưu-ba-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đà, hoa Phân-đà-lợi, hoa A-đề-mục-đa, hoa

Chiêm-ba-ca, hoa Bà-lợi-sư-ca. Mảng mây hoa có những thứ hoa quý như thế kết lại và hiện ra rõ dần. Ở giữa mảng mây hoa lớn ấy hiện ra một hình nửa vòng tròn rộng mười do-tuần, trong đó lại hiện rõ một giảng đường với nhiều lớp lầu gác thảy đều làm bằng vàng ròng hết sức vi diệu, trang nghiêm. Ánh sáng của ngôi giảng đường ấy vượt hơn trăm ngàn vạn ức ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tỏa chiếu khắp núi Khư-la-đế. Lại hiện ra đủ thứ, đủ loại các mảng mây hoa kỳ lạ đặc biệt, cũng gồm những hoa như hoa Ưu-ba-la, cho đến hoa Bà-lợi-sư-ca. Ánh sáng từ nơi các thứ hoa nầy thật rực rỡ, soi tỏ trú xứ nương tựa của vị tiên tu hạnh tịch mặc, với tòa giảng đường gồm năm lớp cột chống và lầu gác làm bằng bảy thứ châu báu hết sức vi diệu, lạ lùng, lấn át hẳn ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, khiến chúng không thể tỏa sáng được nữa. Giữa tòa giảng đường đó lại hiện ra một hình nửa vòng tròn, trong ấy có đóa hoa sen ngàn cánh màu sắc xanh tươi, trên đài sen lại có Đức Thế Tôn đang ngồi ngay thẳng thuyết pháp, ánh hào quang từ nơi Đức Thế Tôn tỏa chiếu khắp hết thảy đại chúng, trên mỗi đầu người đều hiện ra xâu chuỗi hoa quý giá hình bán nguyệt vô cùng vi diệu. Lại tuôn xuống như mưa vô số các vật báu, cùng đủ thứ, đủ loại hoa, hương.

Bấy giờ, Tôn giả Tuệ mạng Đại Mục-kiền-liên trông thấy mọi sự biến hóa của diệu lực thần

thông như vậy, nên sinh tâm cho là việc ít có, lại biết rõ chư vị trong đại chúng đang dấy tâm ngờ vực, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, để trần vai bên phải, đến trước Đức Phật, quỳ xuống, đầu gối bên phải chạm sát đất, chắp tay hướng về Phật và đọc kệ:

Chỉ Phật, dứt sạch mọi phiền não
Nơi chốn tăm tối được giác ngộ
Dốc vì quần sinh ngăn nẻo ác
Khiến cho muôn loài trụ đường lành.
Chỉ Phật hàng phục bao thứ ma
Khiến đám ngoại đạo phải im tiếng
Điều phục chúng sinh trụ thí, giới
Làm khô cạn biển lớn phiền não.
Nước tám công đức nhằm tẩy sạch
Đem báu Giác phần cứu chúng sinh
Vô lượng ức người đạt giải thoát
Nên chuyển pháp luân báu vô thượng.
Hết thảy mọi chúng rồng hiện có
Vì sân hận xui làm điều ác
Ái dục bức bách, không lòng Từ
Chỉ Phật mới khiến tin, quy ngưỡng.
Rồng bốn thiên hạ đều đến đủ
Một lòng quy kính Phật, Pháp, Tăng
Dứt sạch nghiệp chướng cùng phiền não
Hộ trì chánh pháp được an trụ.
Nay lại hiện rõ mây hoa diệu

Trong có hình bán nguyệt ngời tỏa
Mọi chuỗi hoa bán nguyệt hiện đó
Nay nhằm nêu bày Phật sự gì?
Các hoa tích chứa như núi cao
Lại mưa hương, hoa cùng vật báu
Đại chúng thấy điềm lạ sinh ngờ
Sẽ mưa xuống thứ pháp vũ nào?
Chốn ấy thật vi diệu bậc nhất
Đại chúng như vậy đều an trụ
Cúng dường tu nơi chư quá Phật
Bậc đó, đúng là Sư tử hiện.

Đức Phật nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Về phương Tây, có thế giới tên là Nguyệt thắng, Đức Phật ở thế giới ấy hiệu là Nhật Nguyệt Quang, có vị Bồ-tát Ma-ha-tát đồng chân tên Nguyệt Tạng, sẽ cùng với đám quyến thuộc gồm tám mươi ức na-da-tha người, cùng hàng trăm ngàn vị Bồ-tát Ma-ha-tát muốn đi đến cõi này là để được thấy ta và lễ bái, cúng dường, cùng với đại chúng đông đủ nơi đây nghe thuyết giảng nhằm đem lại sự tùy hỷ. Lại còn muốn giao phó, dặn dò chư vị Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà… nên có được sự nhìn nhận và hiểu biết đúng đắn về chánh pháp.

Lúc này, Bồ-tát Ma-ha-tát Nguyệt Tạng cùng với quyến thuộc tám mươi ức na-do-tha và trăm ngàn vị Bồ-tát Ma-ha-tát, từ thế giới đó đi tới chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ dưới chân Phật, đi

nhiễu quanh chỗ Phật theo hướng tay phải ba vòng rồi đứng yên nơi phía trước, thảy cùng chắp tay cung kính đọc kệ:

An lành vô số kiếp
Dốc tu vì chúng sinh
An lành thấy muôn loài
Sinh tử khổ bức bách.
An lành đem bố thí
Đại tiên tạo ích lớn
An lành luôn hành thí
Vượt hơn hẳn trời, người.
An lành giữ giới tịnh
Chúng sinh chẳng thể động
An lành khiến kẻ giận
Trụ nơi tâm Từ, lành.
An lành phát tinh tấn
Độ thoát kẻ biếng lười
An lành lìa đường ác
Yên vững nơi nẻo thiện.
An lành khéo tu nhẫn
Bao dung tâm xấu, giận
An lành việc ít có
Vì vậy thảy quy y.
An lành tu các thiền
Chư Thiên dấy tâm vui
An lành dốc làm cạn
Bao biển khổ chúng sinh.
An lành chuyên tu trí

Xoay ngược xe đường ác
An lành nẻo Bồ-đề
Đến chốn rất khó đến.
An lành hàng phục ma
Dựng vững cờ chánh pháp
An lành nơi chuyển ấy
Đích thực chuyển pháp luân.
An lành thương nẻo khác
Hàng phục đám ngoại đạo
An lành tuôn mưa pháp
Sung mãn khắp thế gian.
An lành tạo minh chứng
Trời, Người, Càn-thát-bà
An lành khắp chốn cõi
Ta là bậc tối thượng.
An lành bốn quả yên
Nên nhận lời cúng dường
An lành khiến muôn kẻ
An trụ nơi Niết-bàn.
An lành lúc trụ vững
Chốn tạo lập pháp nhãn
An lành luôn trụ thế
Thế gian không kẻ sánh
An lành quả Bồ-đề
Muôn loài được lợi lớn
An lành vì chúng sinh
Tuyên giảng pháp vô thượng.
An lành đem nước pháp

Tắm gội cho muôn loài
An lành khéo hóa độ
Chư Thiên, nhân bao lớp.
An lành luôn hiện rõ
Pháp chân diệu dứt nhiễm
An lành giúp chúng sinh
Trừ sạch mọi phiền não.
An lành chư chúng Tăng
Là bậc nhất ở đời
An lành khéo thị hiện
Đem lợi ích trời, người.
An lành khiến bốn phương
Ánh sáng trong lành tỏa
An lành khiến bốn chúng
Cùng tuân giữ giới luật.
An lành hành thí, xả
Giữ giới cùng tinh tấn
An lành tu nhẫn, thiền
Cùng dùng trí tuệ diệu.
An lành đại Phạm vương
Chủ thế giới Ta-bà
An lành Đại ma vương
Mọi dục hiện rõ đủ.
An lành Kiều-thi-ca
Đám quyến thuộc phò tá
An lành chúng chư Thiên
Cùng các thứ cung điện.
An lành Tỳ-sa-môn

Và các chúng Dạ-xoa
An lành Đề-đầu-lại
Quyến thuộc Càn-thát-bà.
An lành Tỳ-lâu-lặc
Cùng với Cưu-bàn-trà
An lành Tỳ-lâu-bác
Với các chúng quân rồng.
An lành Nhật Nguyệt thiên
Cùng tinh tú lớn nhỏ
An lành Đại tự tại
Con và chủ tạo cõi.
An lành Thần gió, lửa
Cùng chư vị Địa thần
An lành các chúng Rồng
Cùng với A-tu-la.
An lành chúng La-sát
Cùng chúng Khẩn-na-la
An lành Ca-lâu-la
Chúng Ma-hầu-la-gia.
An lành mưa nước ngọt
Đại thần vương làm mưa
An lành hộ trì quốc
Vua khắp cả cõi người.
An lành Bà-la-môn
Sát-lợi, Tỳ-xá-xà
An lành chốn cúng dường
Bậc Đạo sư tối thắng.
An lành kẻ nguyện nghe

Pháp chân chánh không lỗi
An lành kẻ có, chưa
Cúng dường ba ngôi báu.
An lành tất cả chúng
Diệt trừ mọi phiền não
An lành mọi chúng sinh
Cùng trụ nơi chánh pháp.
An lành thí, trì giới
Bờ giác của tinh tấn
An lành Thiền-na độ
Nhẫn nhục ba-la-mật.
An lành cho hết thảy
Kẻ đạt trí giải thoát
An lành khiến các bệnh
Thảy đều được giảm trừ.
An lành đều dừng dứt
Tất cả đời ác dục
An lành cho muôn loài
Nguyện khiến đều giải thoát.
An lành khiến hết thảy
Dứt sạch hết mọi lậu
An lành nơi đại địa
Mọi hạt giống nảy mầm.
An lành nơi đồng lúa
Dược thảo, quả cây rừng
An lành mọi thứ ấy
Theo thời cùng sinh trưởng.
An lành nơi đất quý

Sung mãn khắp mọi chốn
An lành tinh lực người
Tất cả đều an trụ.
An lành pháp tinh túy
Đầy dẫy hết thảy chúng
An lành đều dứt bỏ
Hết mọi thứ tội ác.
An lành khiến chúng sinh
Đều đạt quả Bồ-đề
An lành nơi các pháp
Đạt bờ giác tự tại.
An lành mưa chánh pháp
Nhuần thấm khắp muôn loài
An lành mọi chúng sinh
Thảy vượt qua ba cõi.
An lành khiến hết thảy
Đều chứng đại Niết-bàn.

Kính thưa Đại Đức Bà-già-bà! Con nay muốn nói đầy đủ chương cú về thần chú Đại lực đem lại sự an lành. Thần chú như thế là chư Tiên thời quá khứ thường tuyên thuyết. Nhờ vào thần chú ấy, hành giả sẽ kiến lập, giữ gìn nên có thể khéo làm tăng trưởng các sự việc an lành, có khả năng dứt trừ tất cả mọi tội lỗi cùng bao thứ ác kiến cấu nhiễm, hội nhập các căn lành, làm tăng trưởng tâm đại Bi. Do sử dụng đầy đủ thần chú đó, tất có thể đem lại nhiều lợi ích cho hết thảy chúng sinh, kể cả những loài hươu nai, chim thú, nếu được nghe

thần chú này, nói chung là tất cả các loài, tâm luôn được an ổn, xa lìa đời ô trược xấu ác với bao thứ chướng ngại, như chướng ngại của chúng sinh, chướng ngại của các pháp hết thảy các thứ chướng ngại như thế đều được dứt trừ. Tất cả căn lành tùy theo chỗ tiếp xúc với pháp mà có được sự hội nhập nơi tâm. Niệm, tuệ luôn được bền vững, khiến cho hành giả đạt được hình sắc tươi vui, dũng mãnh, dứt hết mọi thứ sợ hãi. Đối với mười nẻo nghiệp lành đều an trụ vững chắc. Từ pháp Bố thí ba-la-mật cho đến pháp Trí tuệ ba-la-mật, từ bốn Niệm xứ cho tới mười tám pháp Bất cộng cũng đều an trụ kiên cố. Từ tâm đại Từ, đại Bi, với diệu lực từ các phương tiện lớn lao của Nhất thiết chủng trí, cho tới cứu cánh là cảnh giới Niết-bàn vô thượng, thảy đều an trụ vững chắc. Dứt trừ mọi tạo tác của nghiệp về năm tội vô gián, phỉ báng chánh pháp, hủy diệt Thánh hiền cùng kiến chấp về hai nẻo đoạn thường, chính là diệt trừ hết các thứ nhân tội như trên. Những câu chú đem lại sự an lành ấy luôn được các bậc Thánh đời trước kiến lập, gia hộ. Như vậy, những câu chú đó lại cũng có thể khiến cho chư Thiên tin tưởng thọ nhận để gắn bó với mười nẻo nghiệp lành, cũng khiến hội nhập vào các pháp Ba-la-mật, từ Bố thí ba-la-mật cho đến Trí tuệ ba-la-mật, từ pháp bốn Niệm xứ cho tới mười tám pháp Bất cộng, từ tâm đại Từ, đại Bi, lực dụng của phương tiện lớn cho đến Nhất thiết

chủng trí, Niết-bàn vô thượng. Lại có thể khiến cho các thứ ma cùng quyến thuộc của chúng quy kính, tin tưởng nơi chánh pháp. Chư thần, Long vương, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già, Ngạ quỷ, Tỳ-xá-xà, các hàng Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà… thảy đều khiến đi vào con đường mười nghiệp lành, gắn bó với sáu pháp Ba-la-mật, với tâm đại Từ, đại Bi, lực dụng của phương tiện lớn, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí và cảnh giới Niết-bàn vô thượng, cũng nhằm diệt năm tội nghịch lớn, phỉ báng chánh pháp, hủy hoại Hiền thánh.

Nói xong những lời ấy, liền đọc chú:

Đa địa dạ tha, chiên đạt lê, chiên đạt la tỳ đề, chiên đạt la ma mị, chiên đạt la bà bà tê, chiên đạt la bạt đế, chiên đạt la bất lệ, chiên đạt la bà hê, chiên đạt la soa đế lệ, chiên đạt la xà di, chiên đạt la át ký, chiên đạt la để lệ, chiên đạt la phạt mị, chiên đột lâu, chiên đạt la bà la hê, chiên đạt la vật đạt lệ, chiên đạt la bà địa di, chiên đạt la bà mị, chiên đạt la khư kỳ, chiên đạt la nhân đạt lệ, chiên đạt la ố soa, chiên đạt la lê bỉ, chiên đạt la bả lợi bỉ, chiên đạt la bạt tỉ, chiên đạt la tất đế, chiên đạt la si thế, chiên đạt la át nê, chiên đạt la kỳ lệ, chiên đạt la bác soa, chiên đạt la tất nê hê, chiên đạt la lô mị, chiên đạt la cưu bế, chiên đạt la sa bế, chiên

đạt la thọ bà lệ, chiên đạt la tân trệ, chiên đạt la ố soa, chiên đạt la tẩu đế, chiên đạt la già nê, chiên đạt la thập bỉ, chiên đạt la tất bát thi, chiên đạt la ma nê, chiên đạt la bạt đế, mê đa lợi da bạt đế, ca lâu noa bạt đế, tát để da bạt đế, đa thế da bạt đế, soa da bạt đế, phiến đa bạt đế, để la bạt đế, chiên đạt la lô tý, tẩu bà ha.

Kính thưa Đức Thế Tôn! Thần chú ấy như vậy là luôn được chư Phật quá khứ và các bậc Tiên thánh tu hạnh tịch mặc tạo lập, giữ gìn. Thần chú đó tên là Nguyệt tràng nguyệt, có thể khiến cho mọi chúng sinh thảy đều đạt được an lành, quy kính tin tưởng nơi Tam bảo, diệt trừ tất cả các thứ trọng tội xấu ác, dẫn tới việc đạt được cảnh giới Niết-bàn vô thượng.

Lúc Bồ-tát Nguyệt Tạng đọc xong thần chú ấy thì khắp cõi Tam thiên đại thiên thế giới hiện ra đủ sáu thứ chấn động, khiến cho hết thảy chúng sinh nơi các cõi Dục và cõi Sắc kinh hoàng, run sợ chẳng yên. Cùng lúc, chư Thiên tung xuống như mưa đủ thứ, đủ loại các vật báu, các loại hoa, hương, hương bột, y phục, đồ nằm, xâu chuỗi ngọc. Trong khi tuông xuống như mưa các thứ vật ấy, chúng đã va chạm mạnh vào nhau làm phát ra vô vàn âm thanh nêu bày các pháp diệu. Đó là âm thanh nói về ba ngôi báu, âm thanh nêu giảng về ba loại luật nghi, âm thanh chỉ rõ về ba nẻo giải thoát, âm thanh nêu rõ về ba minh, ba học, âm

thanh thúc đẩy nên xa lìa tham dục trong ba cõi, âm thanh chỉ dẫn về ba thứ Bồ-đề, âm thanh nêu rõ về các pháp vô thường, khổ, vô ngã, không, âm thanh dứt mọi sự mong cầu lìa bỏ ái dục, âm thanh nêu bày về diệu lý vô sinh, âm thanh tuyên giảng về thể tánh Như của vạn pháp, về cõi thực tại, về pháp giới bao la, về tính Như Như, về tính chất không khứ, không lai của diệu hữu, âm thanh nêu bày về các diệu lý không trụ xứ, không tạo dựng, không thoái chuyển, không hành, không nơi chốn tích tụ, chất chứa, không chỗ nương tựa để dấy phát tinh tấn. Âm thanh chỉ rõ về sáu pháp Ba-la-mật, từ Bố thí ba-la-mật cho đến Trí tuệ ba-la-mật. Âm thanh nêu bày về bốn Tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả; về bốn Niệm xứ cho đến tám con đường của bậc Thánh. Âm thanh nói về các pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Âm thanh nói về bốn pháp Nhiếp phục, bốn Vô ngại. Âm thanh nói về việc thu nhận chánh pháp, về các pháp do nhân duyên sinh, về sự hộ trì chánh pháp. Âm thanh nêu bày chỉ rõ các pháp như huyễn, như mộng, như bóng hình, như tiếng vang, như bóng trăng trong nước, tùy theo các chúng sinh cần được hóa độ thì nên thâu nhận để hóa độ, khiến họ sinh tâm chán ghét xa lìa dòng chảy luân hồi hướng tới cảnh giới không tịch, chốn A-lan-nhã, vì kẻ khác mà thuyết giảng, rồi tự mình thực hành đúng nẻo, không hề sai trái, thảy đều đúng theo pháp, an trụ vững chắc

để mong đạt được hết thảy các căn lành. Lại còn có các âm thanh nói về mười Địa, âm thanh nói về pháp Nhẫn vô sinh, âm thanh nêu rõ mười tám pháp Bất cộng, âm thanh nói về Nhất thiết chủng trí, âm thanh nêu bày việc chuyển pháp luân, âm thanh chỉ rõ nẻo sinh tử lưu chuyển, khiến nên trụ nơi tám con đường của bậc Thánh giác ngộ để không còn bị cuốn theo dòng sinh tử nữa. Âm thanh nói về việc hàng phục bốn thứ ma, khiến nhập vào cõi Niết-bàn vô dư.

Được nghe những thứ âm thanh kể trên xong, hết thảy chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới này cùng với chúng sinh trong cảnh địa ngục, đối với tất cả các loại chúng sinh ấy, mỗi mỗi chúng sinh đều do từ dụng lực của nhân duyên gần gũi bậc Thiện tri thức nơi thân mình, tùy theo sự khác biệt ở chỗ vun trồng các căn lành như bố thí, như giữ giới, như tu tập thiền định, hoặc ở hàng Thanh văn, Duyên giác thừa mà phát tâm dấy nguyện. Hoặc ở nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng mà phát thệ nguyện rộng lớn. Đối với các loại chúng sinh này, tùy theo chốn gốc tu tập của mình đối trước các âm thanh kể trên thảy đều được nghe và lãnh hội trọn vẹn. Tùy theo nẻo căn lành đã được vun trồng cùng với chỗ đã tạo tác từ nghiệp duyên tu tập hành hóa mà thảy đều có thể nhớ nghĩ về các sự việc nơi thân mạng đời trước. Từ đó càng thêm yêu kính, tin tưởng ở ba ngôi báu Phật, Pháp,

Tăng, mau chóng tìm đến quy y. Trong số các loại chúng sinh kia nếu ai có những nghiệp chướng thì thảy được tận trừ. Đối với những chúng sinh ấy sau khi mạng chung, một thời được sinh nơi cõi trời, và sinh nơi nhân gian, đều cùng đi tới chỗ Phật để được lãnh hội chánh pháp. Các loại súc sinh, ngạ quỷ cũng thảy đều đi đến đông đủ, đều do nghiệp từ trước với sức mạnh của nhân duyên gần gũi bậc Thiện tri thức, vun trồng căn lành, hoặc bố thí, hoặc giữ giới, kể cả các nghiệp chướng cũng được dứt sạch. Trong số ấy, cũng có chúng sinh với thân hiện tại đi đến chỗ Phật để nghe pháp, cũng có chúng sinh mạng chung được sinh nơi cõi trời, người, đều đi đến chỗ Phật để được lãnh hội chánh pháp. Như thế là cả trời, người đều đi tới chỗ Phật. Chỉ trừ Ma vương cùng đám quyến thuộc, bốn vị vương của A-tu-la cùng với đám quyến thuộc mà thôi.

Lúc này, ở tam thiên đại thiên thế giới đất đều bằng phẳng như lòng bàn tay. Bấy giờ, các ngọn núi Tu-di, núi Thiết vi, núi Đen, những ngọn núi ấy cùng với biển lớn, rừng cây… tất cả đều không còn hiện ra nữa, chỉ trừ ngọn núi Khư-la-đế là hiện rất rõ. Núi ấy rộng lớn như mười lần bốn cõi thiên hạ, trong đó người cùng với chẳng phải người quây quần chen nhau không còn một khoảng trống nào. Cả phương trên cũng bao quát như mười, bốn cõi thiên hạ, vô lượng, vô biên không thể tính,

không còn có biên vực, giới mốc nữa. Nơi hư không, đại chúng đầy ắp cả, là vì để được chiêm bái Đức Phật, cung kính cúng dường. Những chúng sinh căn trí thuần thục, trông thấy đại chúng tập hợp đông đảo để nghe pháp nên cũng đi đến nơi chúng hội. Cả cõi tam thiên đại thiên thế giới, tùy theo chỗ có các cung điện, nhà cửa, rừng cây, dược thảo, với bao thứ cành lá hoa quả cùng các thứ vật báu khác, tất cả những thứ đó thảy đều biến thành hình bán nguyệt và hiện ra trông ấy. Trong mỗi mỗi hình bán nguyệt kia đều phát ra màu sắc, ánh sáng như ánh sáng của hàng ngàn mặt trời, mặt trăng hòa hợp lại tỏa chiếu khắp các cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới. Màu sắc và hình tướng như thế là hết sức rộng lớn và trang nghiêm. Lúc này, vô lượng, vô biên cõi Phật trong mười phương thảy đều hiện ra. Nơi các cõi Phật ấy, chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát, Thích Thiên vương, Phạm Thiên vương cùng với chư vị Thiên vương khác, Long vương, Dạ-xoa vương, Khẩn-na-la vương, hết thảy các Thần vương nhờ vào uy lực của Phật nên đều được trông thấy Đức Phật ở đây cùng với đại chúng tụ hội đông đảo, lại trông thấy ánh sáng cùng màu sắc vi diệu như thế nên đều dốc tâm muốn đi đến. Do uy thần của Phật nên chỉ trong khoảng một niệm, họ liền đi tới chỗ Phật cung kính lễ bái, cúng dường và chí tâm nghe pháp.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Nguyệt Tạng dùng các thứ vật báu quý mỏng nhẹ, các loại Thiên hoa, Thiên hương, Thiên y, các xâu chuỗi hoa quý giá tung rải lên chỗ Phật ba lần xong thì đi nhiễu quanh theo hướng tay phải ba vòng rồi đứng yên nơi trước Phật, chắp tay cung kính thưa:

–Kính thưa Đại Đức Bà-già-bà! Con thật có tội lớn vì không kịp cùng đến với đại chúng tụ hội đông đúc ở đây. Chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát hiện có trong mười phương thảy đều vân tập đủ cả. Con vì có chút nhân duyên nên phải đến sau. Kính thưa Đại Đức Bà-già-bà! Con ở nơi quốc độ mình là thế giới Nguyệt thắng, cùng với chư vị trong quyến thuộc, trải qua bảy ngày đã nhập pháp định A-phả-na-ca. Ra khỏi pháp định ấy, con liền thỉnh vấn Đức Như Lai Nhật Nguyệt Quang: "Kính thưa Đại Đức Bà-già-bà, chúng đệ tử quyến thuộc hôm nay nên đi đến nơi chốn nào?" Đức Phật Nhật Nguyệt Quang dạy: "Này thiện nam! Về phương Đông, cách xa cõi này hơn trăm ngàn ức thế giới chư Phật có thế giới tên là Ta-bà, cõi ấy có Đức Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, với các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri đang trụ thế thuyết pháp, chưa nhập Niết-bàn. Hiện nay nơi cõi ấy đại chúng đã tụ họp đông đủ. Chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát hiện có nơi các quốc độ của chư Phật trong mười phương thảy đều vân tập đến thế giới Ta-bà đó, là vì để được thấy Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và lễ

bái cúng dường, cùng được lãnh hội kinh Đại Tập. Đám quyến thuộc của ta cũng đã đi đến thế giới ấy. Bồ-tát nay cũng nên đi đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni để lễ bái, cúng dường và nói thần chú Nguyệt tràng nguyệt". Do vì nhân duyên ấy mà con đi đến đây sau chư vị Bồ-tát khác.

Lúc này, Bồ-tát Nguyệt Tạng đọc kệ:

Chỉ Phật chính là cha muôn loài
Nơi lửa phiền não nhằm dập, cứu
Con nay tạ lỗi Đấng Tối Thắng
Do chút nhân duyên nên đến chậm.
Chỉ Phật, nguồn sáng lớn trời, người
Chiếu khắp các quốc độ mười phương
Con nay tạ lỗi Đấng Pháp Vương
Vì chút nhân duyên nên đến trễ.
Chỉ Phật khai thị nẻo Niết-bàn
Kẻ theo đường ác khiến quay lại
Tạ tội Bậc Thương Chủ Mâu-ni
Con vì duyên cớ nên tới sau.
Chỉ Phật, Bậc Đại Y Sư ấy
Nơi kẻ mất mắt, trao mắt pháp
Tạ lỗi Đại Y Vương tối thắng
Con do duyên cớ nên tới chậm.
Chỉ Phật khai thị thuyền bè lớn
Khiến chúng sinh vượt bến sông mê
Tạ lỗi Đấng Tối Thượng cõi người
Vì chút nhân duyên con tới chậm.
Chỉ Phật mây từ tuôn mưa pháp

Rửa sạch phiền não nhiễm chúng sinh
Tạ lỗi Đấng Đại Thánh pháp thắng
Vì chút nhân duyên con đến trễ.
Chỉ Phật một mình nơi bốn dòng
Cứu độ chúng sinh biển ba cõi
Tạ lỗi Đấng Thế Tôn thật ngữ
Vì chút nhân duyên con đến trễ.
Chỉ Phật mở ra kho chánh pháp
Đem bảy Thánh tài cứu chúng sinh
Tạ lỗi Đấng Chủ Pháp Thí lớn
Con do nhân duyên nên tới sau.
Chỉ Phật trao mắt cho muôn loài
Nơi vô minh xua trừ tăm tối
Con vốn ngồi yên nhập Tam-muội
A-phả-na thiền, tâm an trụ.
Con chẳng thấy Phật hiện thần biến
Vì chút nhân duyên nên tới trễ.

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Bồ-tát đã thể hiện một sự tinh tấn lớn vì trong bảy ngày đã nhập pháp thiền định sâu xa. Với pháp định vi diệu như thế, Bồ-tát đã tạo được trú xứ của hàng trượng phu, trú xứ của Bậc Như Lai, là trú xứ Vô thượng. Này thiện nam! Bồ-tát cùng với chư vị quyến thuộc, trong bảy ngày đã an trụ nơi pháp thiền A-phả-na-ca. Do đạt được diệu nghĩa ấy mà nay thảy được thành tựu: Vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn chư Thiên, Long vương, Dạ-xoa, A-tu-

la, Khẩn-na-la, nhân và phi nhân, đã ở nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dứt trừ các chướng ngại của nghiệp, chướng ngại của chúng sinh, chướng ngại của các pháp, chướng ngại trong sự tu thiền định, chướng ngại từ phiền não, chướng ngại trong việc tu tập các giác phần. Nói chung là các chướng ngại kể trên thảy đều được diệt sạch không còn sót một thứ nào. Các loại chúng sinh ấy được xem là những người có được pháp Tam-muội không hề quên Bồ-đề, là những người không thoái chuyển đối với đạo Vô thượng. Lại có chúng sinh ở nơi tất cả các pháp Phật đạt được pháp nhẫn sáng suốt rộng lớn. Những hạng chúng sinh đó do từ căn lành ấy mà chẳng bao lâu đối với đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ thành tựu quả vị Chánh giác.

Này thiện nam! Do Bồ-tát đã dùng bảy ngày nhập pháp thiền định ấy nên trong một thời có thể diệt trừ được nỗi khổ lớn của chúng sinh, đem lại sự thành tựu là việc tích tụ được phước đức lớn lao.

Này thiện nam! Như có chúng sinh chỉ dốc nương vào đấy đọc tụng nhằm mong đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng người ấy lại quá tham đắm đối với thế tục, do vậy nên hãy còn chưa thể điều phục được phiền não nơi tâm mình, làm sao có thể điều phục được phiền não của người khác!

Như có hàng thiện nam, thiện nữ vui thích gắn bó với việc đọc tụng để mong cầu đạo quả Bồ-đề, liền dấy tâm ganh ghét, tham cầu danh lợi, phú quý, đem tâm cao ngạo, tự cho mình là đúng, khinh mạn, chê bai người khác. Do tính chất tự cao ấy nên hãy còn chẳng có thể đạt được căn lành nơi cõi Dục, huống hồ là có thể đạt được tất cả căn lành nơi cõi Sắc và cõi Vô sắc. Lại chẳng thể đạt được quả Bồ-đề Thanh văn, làm sao đạt được đạo quả Bích-chi-phật cùng đạo quả Bồ-đề vô thượng! Vì sao? Vì Đệ nhất nghĩa đế của quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã không cùng chung với đạo quả Thanh văn, Bích-chi-phật, vì thế, không thể dựa theo thế tục mà đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tối thắng, tạo được sự tích tụ phước đức lớn lao.

Này thiện nam! Ví như từng ngọn lửa nhỏ không thể làm khô cạn được biển lớn hết mực sâu rộng. Cũng đúng như vậy, này thiện nam, không thể dùng các pháp thế tục mà có thể dứt sạch được biển lớn phiền não nơi thân mình. Làm sao có thể dứt cạn được phiền não nơi những chúng sinh khác? Ví như chỉ một người dùng miệng thổi gió thì chẳng thể làm tổn hại gì đối với đại địa trong thế giới.

Này thiện nam! Cũng vậy, chẳng thể theo các pháp thế tục mà thành tựu được tâm đại Từ, đại Bi.

Này thiện nam! Ví như sợi tơ của ngó sen không thể làm lay động được núi Tu-di. Này thiện nam, như thế là không thể theo thế tục mà có thể làm viên mãn trí tuệ nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy thì làm sao khiến cho kẻ khác đạt được diệu nghĩa bậc nhất?

Này thiện nam! Như vậy là để thành tựu được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có trí tuệ viên mãn thì phải đi theo con đường khác với thế tục. Vậy thế nào là diệu nghĩa bậc nhất? Chỗ gọi là tu tập tạo nên tất cả những thứ phước đức, như về tu phước thì cũng thường xuyên tu tỉnh thân tâm. Như về tu thân thì ắt nên tu tâm. Đã dốc tu tâm thì phải tu tuệ, thế là có thể cùng tu tập về thân tâm và tu tuệ. Hành giả tu tập như vậy thì có thể mau chóng thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, có khả năng dùng bốn sự việc để thu phục các chúng sinh, thành tựu trọn vẹn đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành Bậc Đẳng Chánh Giác, tất cả đều không đi theo các pháp thế tục. Ở trong thế tục lại có chúng sinh dấy kiến chấp về hai nẻo đoạn-thường thì đấy chẳng phải là đúng nẻo diệu nghĩa bậc nhất.

Lại có những chúng sinh ở trong thế tục, đi theo các nẻo ngã kiến, biên kiến, thì cũng chẳng phải là đúng nẻo diệu nghĩa bậc nhất.

Lại có chúng sinh cũng ở trong con đường thế tục ấy, mong cầu sự an lạc cho đời này và đời sau,

thì cũng chẳng phải là đúng nẻo diệu nghĩa bậc nhất. Như đối với ta vì không còn thấy có thêm một pháp nào, từ đấy mới có thể trừ sạch các chướng ngại của nghiệp, cho đến những chướng ngại của phiền não, trong một ngày một đêm khiến vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh thảy có được lòng kính tin đối với Tam bảo Phật, Pháp, Tăng, thành tựu trọn vẹn cùng an trụ nơi pháp Đại thừa vô thượng.

Như có thiền giả, tuy vẫn giữ giới nhưng chưa đầy đủ, các pháp thiền cũng chưa chu toàn, chưa được các pháp Tam-muội. Vị hành giả ấy ở nơi thiền định, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, từ lúc đầu hôm đến cuối đêm, có được sự an trụ thích ứng với thiền định, có thể dứt trừ vô lượng các thứ nghiệp chướng, có thể khiến cho nhiều ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh thảy đều có được sự quy kính, tin tưởng, thành tựu đầy đủ đạo quả Bồ-đề với vô số căn lành phước đức được tích tụ, huống chi là thực hiện đủ việc giữ giới, đạt các pháp Tam-muội chân chánh, các pháp nhẫn, Đà-la-ni, đạt bốn Phạm trụ, an tọa trong cảnh giới thiền định tịch tĩnh. Đạt được như vậy thì ở trong bảy ngày, chỗ phước đức có được, phải nói là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng ví dụ để diễn đạt hết được. Huống nữa lại dứt trừ sạch hết các thứ chướng ngại của chúng sinh và chướng ngại từ phiền não, dẫn tới việc đem lại sự thành tựu trọn

vẹn cho vô lượng chúng sinh hướng tới đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như thế là cũng đã làm được việc tập hợp, tích chứa bao lớp phước đức lớn lao, lại có thể thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì người tu tập thiền đó, hoặc đi, hoặc ngồi, dứt trừ được các pháp chướng ngại khiến tâm thanh tịnh, ở nơi tất cả các hành đã rời bỏ tưởng vin dựa chạy theo đối tượng, đó là Bố thí ba-la-mật. Ở trong sự rời bỏ tưởng vin dựa ấy luôn tạo được sự liên tục không dừng dứt, đó là Trì giới ba-la-mật. Đối với mọi cảnh giới không hề dấy tâm thống khổ, oán trách, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật. Luôn có được tính chất không rời bỏ ấy chính là Tinh tấn ba-la-mật. Trong mọi sự việc, trường hợp, tâm không chút phóng túng, đó là Thiền định ba-la-mật. Thấu đạt được thể tánh của các pháp nên chứng được pháp Nhẫn vô sinh an lạc, đó gọi là Trí tuệ ba-la-mật.

Lại nữa, đối với cảnh giới không hề dấy khởi sự nhiễu loạn, vọng động, đó là Bố thí ba-la-mật. Nơi mọi cảnh giới đều không bị xâm phạm thương tổn, đó là Trì giới ba-la-mật. Đối với mọi cảnh giới chẳng hề bị nhiễm ô, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật. Như ở nơi cảnh giới đều an nhiên bất động, đó là Tinh tấn ba-la-mật. Hoặc ở mọi cảnh giới đều dứt sạch mọi vọng niệm vướng chấp, đó là Thiền định ba-la-mật. Như nơi cảnh giới đều dốc hướng tới các hành thanh tịnh, đó là Trí tuệ ba-la-mật.

Lại nữa, đối với các ấm luôn xả, đó là Bố thí ba-la-mật. Ở nơi các ấm không dấy niệm chấp trước, đó là Trì giới ba-la-mật. Đối với các ấm luôn mong đạt được tưởng vô ngã, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật. Ở nơi các ấm, khởi tưởng xem như kẻ thù nghịch, đó là Tinh tấn ba-la-mật. Đối với các ấm không hề khiến chúng bùng phát dữ dội, đó là Thiền định ba-la-mật. Ở nơi các ấm thảy đều lìa bỏ một cách rốt ráo, đó là Trí tuệ ba-la-mật.

Lại nữa, ở nơi các giới đều luôn xả, đó là Bố thí ba-la-mật. Đối với các giới không tạo sự nhiễu loạn, vọng động, đó là Trì giới ba-la-mật. Ở nơi các giới luôn rời bỏ mọi nhân duyên ràng buộc, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật. Đối với các giới phải luôn luôn lìa bỏ, đó là Tinh tấn ba-la-mật. Ở nơi các giới không hề làm chúng phát khởi, đó là Thiền định ba-la-mật. Đối với các giới luôn xem chúng là huyễn tưởng, đó là Trí tuệ ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát đối với mọi chúng sinh luôn khởi tâm Từ bi, đó là Bố thí ba-la-mật. Ở nơi mọi chúng sinh tâm luôn dứt mọi nẻo yêu ghét, đó là Trì giới ba-la-mật. Đối với các chúng sinh luôn dấy tưởng thương xót, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật. Ở nơi mọi chúng sinh luôn khởi tưởng cứu giúp, tế độ, đó là Tinh tấn ba-la-mật. Đối với các chúng sinh nên đem tưởng về vui vẻ để thu phục, đó là Thiền định ba-la-mật. Ở nơi mọi chúng sinh không

hề tạo các tưởng phân biệt bỉ-thử, tôi-ta, đó là Trí tuệ ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát đối với mọi chúng sinh, đem chánh pháp bố thí, không hề dấy tưởng ta-người, chủ-khách, đó là Bố thí ba-la-mật. Đối với các chúng sinh luôn thể hiện những ngôn ngữ yêu thương, nhu hòa, đó là Trì giới ba-la-mật. Đối với các chúng sinh không hề dấy khởi các điều ác, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật. Ở nơi mọi chúng sinh, sự thể hiện ngôn ngữ yêu thương không thoái chuyển, đó là Tinh tấn ba-la-mật. Đối với các chúng sinh luôn thương xót nhằm đem lại lợi lạc cho họ, đó là Thiền định ba-la-mật. Đối với mọi chúng sinh dốc tạo được cùng thực hiện các pháp tu tập giải thoát, đó là Trí tuệ ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát luôn đem lại cho chúng sinh các nơi chốn yên tịnh tốt đẹp, đó là Bố thí ba-la-mật. Ở nơi tất cả các pháp không hề có sự dựa cậy, bám víu, đó là Trì giới ba-la-mật. Đối với hết thảy các pháp đều dẫn về một đường chân chánh, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật. Đối với tất cả các pháp cùng hết thảy các nạn đều không dấy tưởng quấy động, vọng loạn, đó là Tinh tấn ba-la-mật. Đối với tất cả các pháp không hề có sự phân biệt, đó là Thiền định ba-la-mật. Có thể dùng một chữ từ đó đi vào tất cả các pháp, vì chúng sinh mà thuyết giảng, đó là Trí tuệ ba-la-mật.

Này thiện nam! Như thế là Bồ-tát Ma-ha-tát từ

pháp thiết yếu hết mực sâu xa của diệu nghĩa bậc nhất ấy có thể thực hiện viên mãn sáu pháp Ba-la-mật, hoàn toàn chẳng phải là các pháp thế tục. Thật đúng như vậy!

Này thiện nam! Chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát, từ chân đế với diệu nghĩa bậc nhất, với các phương tiện thiện xảo, đều đem pháp ấy tự mình thực hiện cùng khiến kẻ khác thực hiện, siêng năng tu tập khiến hoàn thành sáu pháp Ba-la-mật, mau chóng đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành bậc đại giác ngộ.

Như vậy là hiện tại nơi các thế giới còn lại trong mười phương, với chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát hiện có, từ chân đế diệu nghĩa bậc nhất, thông qua các phương tiện thiện xảo, tất cả thảy đều dùng đạo pháp ấy để tu tập, mau chóng đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng, thành Bậc Chánh Giác. Cả về thời vị lai, vô lượng a-tăng-kỳ thế giới chư Phật trong mười phương, với chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát hiện có, thảy đều dốc tu tập theo nẻo chân đế diệu nghĩa bậc nhất, hết mực sâu rộng như vậy thông qua các phương tiện thiện xảo, tu tập sáu pháp Ba-la-mật nên có thể ở nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng thành tựu quả vị Chánh giác, hoàn toàn chẳng phải theo các pháp thế tục. Chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát ấy chính là pháp nhãn an trụ lâu dài, đem lại sự tiếp nối liên tục và phát triển không ngừng của ba ngôi báu trong thế gian, khiến

không hề bị dứt đoạn. Chư vị đó luôn dốc tìm tòi tu học, vì tất cả chúng sinh mà cầm chắc lấy ngọn đuốc lớn sáng tỏ, tạo nên vầng sáng tỏa chiếu, khiến cho mọi nẻo phiền não, khổ nạn thảy đều được dừng dứt. Cùng với tuệ nhãn kia, nên có thể hóa độ hết thảy mọi chúng sinh đang bị trôi lăn theo dòng sinh tử trong ba cõi, đem họ đặt yên nơi đạo Bồ-đề vô thượng. Chư vị ấy ở nơi Thánh pháp luôn im lặng, từ đầu đêm đến cuối đêm luôn xả để có được sự tương ứng thích hợp nên có thể khéo tạo ra các pháp Tam-muội chánh thọ, cùng với ba cánh cửa giải thoát có được sự thích ứng để an trụ.

Này thiện nam! Bồ-tát vừa qua do trong bảy ngày với pháp thiền A-phả-na-ca đã nhập định, do tạo được sự thành tựu trọn vẹn cho vô lượng các chúng sinh, vì vậy khen ngợi và khuyến khích Bồ-tát cùng với chư vị thiện nam, thiện nữ, hoặc ở đời hiện tại, ở đời vị lai, đời sau rốt ở trong pháp của ta, từ đầu đêm đến cuối đêm nên luôn ở nơi xả để tạo được sự an trụ thích hợp. Từ đấy dùng Pháp nhãn chân chánh nhằm tạo nên nguồn ánh sáng tỏa chiếu. Do vậy mà Tam bảo luôn được nối tiếp, hưng thịnh, khiến không hề gián đoạn. Nhờ đấy đem lại sự thành tựu trọn vẹn cho chúng sinh trên con đường tu tập. Chư vị nên dốc tu tập theo nẻo chân đế diệu nghĩa bậc nhất như thế thì sẽ thực hiện viên mãn sáu pháp Ba-la-mật, luôn có được

sự an trụ.

Đức Phật nói với hết thảy chư Thiên, chúng nhân, chư Long thần, Dạ-xoa là phải nên nuôi dưỡng, cung cấp đối với chư vị ấy, như cung cấp về y phục, các thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men tùy theo chỗ cần dùng mà cung ứng hết sức đầy đủ. Lại phải nên giữ gìn, diệt trừ mọi thứ tai họa xảy đến hoặc đe dọa, lìa bỏ mọi nẻo xấu xa, suy kém, tai ương, ác độc, bệnh tật… nói chung là những thứ đó đều được trừ dệt. Vì sao? Vì người đã tạo được sự tương ứng với Thiền ấy, đích thực là con của ta, đã từ miệng Phật sinh ra, từ nơi chánh pháp hóa sinh. Như có các vị thí chủ là Thiên, Long, Dạ-xoa, nên ở nơi đời hiện tại và đời vị lai, đối với những người đã tạo được sự tương ứng với hạnh xả, dùng nẻo chân đế diệu nghĩa bậc nhất thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, nhằm dứt trừ bao lớp phiền não khổ hoạn của chúng sinh, làm pháp nhãn trụ thế lâu dài, nối dòng Tam bảo khiến luôn được phát triển không dứt, thì chư vị thí chủ Thiên, Long, Dạ-xoa đều nên ủng hộ, cúng dường, cung cấp các thứ y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men trị bệnh… tùy theo chỗ cần dùng mà dốc sức cung cấp đầy đủ. Lại cũng nên khuyến thỉnh, ca ngợi công đức tu tập của họ. Do được sự hỗ trợ của các thí chủ là: Thiên, Long, Dạ-xoa… mà chánh pháp của ta được giữ vững và phát huy, nhờ đấy chư vị kia đã làm được việc là

nhằm khiến cho pháp nhãn của ta trụ thế lâu dài, nối dòng Tam bảo luôn được phát triển không ngừng. Như thế là chư vị ấy đích thực là con của ta, từ miệng Phật sinh ra, từ chánh pháp hóa sinh. Do vậy, này chư vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng các vị thanh tín sĩ khác! Như các hàng thiện nam, thiện nữ ấy đã dựa vào diệu nghĩa bậc nhất trong quá trình tu tập mong đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng cùng với việc nuôi dưỡng và hộ trì chánh pháp, ta đem chư vị ấy ký thác cho Bồ-tát Di-lặc là người đứng đầu, cùng với các vị Bồ-tát trong Hiền kiếp, các vị sẽ dùng bốn sự việc để thu phục họ nhận lấy sự khuyến hóa, trao cho họ giới luật, lại khiến họ an trụ nơi bốn Tâm vô lượng, bốn Bậc thiền, bốn Pháp định nơi cõi Vô sắc, các dụng lực của những phương tiện lớn lao, tâm đại Từ, đại Bi, cho đến mười tám pháp Bất cộng, lại sẽ thọ ký đạo quả Vô thượng cho họ.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Di-lặc là bậc Thượng thủ, cùng với các vị Bồ-tát trong Hiền kiếp thưa với Đức Phật:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Thật đúng như vậy. Kính thưa Đại Đức Bà-già-bà! Con sẽ xin hộ niệm các hàng chúng sinh ấy, kể cả việc thọ ký cho họ đạo quả Bồ-đề vô thượng. Như ở đời hiện tại cùng đời vị lai, trong quá trình trụ thế của chánh pháp, các vị thí chủ kia quả đã tạo được ánh sáng lớn, con cũng sẽ thọ ký cho các vị đó đạo quả Vô

thượng. Các hàng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà ấy đối với các chốn A-lan-nhã là nơi tu hành tịch tĩnh mong đạt được diệu nghĩa bậc nhất, các vị sẽ luôn vui thích, tin tưởng, thọ trì, cúng dường, cung cấp các thứ y phục, đồ ăn uống, đồ nằm cho tới các thứ thuốc men, theo chỗ cần dùng.

Lúc này, Đức Thế Tôn nhằm làng sáng tỏ ý nghĩa trên nên nói kệ:

Thế gian này mặt trời đã mọc
Vô lượng ức hoa thảy đua nở
Một Bậc xuất thế gian như Phật
Chúng sinh cùng mong hoa phước hiện.
Như muốn mau đạt mười Lực thắng
Cùng vượt bao phiền não sâu dày
Lại nhằm mau đạt định hơn hết
Tịch tĩnh riêng trụ A-lan-nhã.
Muốn được trời, người tin kính nhận
Cùng dứt sạch phiền não nơi tâm
Muốn đoạn bao khổ hoạn chồng chất
Nẻo thánh Xa-ma-tha tâm an.
Như muốn xua trừ mọi nạn ác
Đem các công đức tự trang nghiêm
Nơi mọi biển khổ nhằm tự độ
Tâm phải nên an Bồ-đề diệu.
Như muốn đạt được bảy pháp tài
Cùng nhằm trụ nơi nhẫn phương tiện
Muốn vì chúng sinh thuyết pháp diệu

Thường nên vui trụ A-lan-nhã.
Sáu căn luôn cùng Tam-muội hợp
Phải nên trụ A-lan-nhã tịch
Ít dục, thanh tịnh, khéo biết đủ
Người ấy ắt nhập nẻo Thánh hiền.
Như dốc mau lìa năm dục lạc
Nên đạt năm Lực diệt phiền não
Như ở năm đường độ chúng sinh
Tự bỏ tội xấu trụ Tam-muội.
Như muốn đạt đủ bốn Vô lượng
Cùng với bốn Biện tài vô ngại
Nhằm đạt bốn Thiền, cập bờ giác
Người ấy nên tu nghĩa bậc nhất.
Như muốn mau biết về ba cõi
Biết rõ các pháp khổ vô thường
Cũng rõ các hành tánh tướng không
Phải nên vui trụ A-lan-nhã.
Nếu muốn chóng biết hai thứ pháp
Tỳ-bà-xá-na, Xa-ma-tha
Cũng muốn mau rõ lỗi hữu vi
Phải nên trụ nơi tâm Bồ-đề.
Riêng trụ tịch tĩnh không phóng dật
Nên mau xả bỏ nơi thế đế
Tinh tấn dốc cầu Đệ nhất nghĩa
Nên mau lìa bỏ các nẻo ác.
Nếu muốn làm khô biển sinh tử
Và nhằm làm khô biển phiền não
Như muốn mau khô biển ba cõi

Thường cùng Thánh chủng tâm tương ưng.
Như nhằm thành tựu biển chúng sinh
Như muốn viên mãn biển đại nguyện.
Như muốn biết được bờ sinh tử
Nơi vắng lặng cứu lửa cháy đầu.
Muốn biết bản sinh cùng nơi ở
Sâu xa vi tế từ xưa nay.
Lo các phương tiện ưa thanh vắng
Thâu giữ lấy tâm đạt Tam-muội.
Như muốn hiện bày biển thiền định
Như muốn tỏ ngộ biển thần thông
Nếu muốn vượt qua biển khát ái
Muốn đạt Bậc Tối Tôn trong trời.
Như muốn được uống biển chánh pháp
Như muốn thấy rõ cõi trang nghiêm
Hoặc muốn thấy rõ biển chư Phật
Nhằm hỏi biển các nghĩa thâm diệu.
Muốn đạt được công đức như vậy
Cùng chóng đạt Bồ-đề thù thắng
Nên lìa phiền não trụ Lan-nhã
Lo đấy đạt đạo cũng không khó.
Nếu người nơi trăm ức chư Phật
Với nhiều năm luôn dốc cúng dường.
Nếu nơi bảy ngày ở Lan-nhã
Giữ căn, đạt định, phước nhiều hơn.
Nếu người đọc tụng ngàn ức pháp
Cùng hiểu diệu nghĩa như Phật giảng

Nếu trong bảy ngày trụ Lan-nhã
Tam-muội phước đức càng nhiều hơn.
Như người nhiều năm dốc phụng Tăng
Lại không tạo tác những nghiệp khác
Như người bảy ngày trụ Lan-nhã
Người ấy phước chứa nhiều hơn trước.
Vì chúng thuyết pháp giảng nghĩa sâu
Trong nhiều năm tháng dốc một việc
Như nơi bảy ngày tâm trụ tịch
Phước đức ấy chứa chẳng thể tính.
Như người tôn tạo nhiều tháp Phật
Già-lam, ruộng vườn, cúng dường Tăng
Như dốc bảy ngày nơi Lan-nhã
Phước ấy thêm nhiều hơn hẳn trước.
Cảnh giới Phật tịch tĩnh vô vi
Nơi ấy đạt được Bồ-đề tịnh
Như kẻ chê bai người trụ thiền
Chính là hủy báng chư Như Lai.
Như kẻ phá hủy trăm ngàn tháp
Cùng thiêu đốt cả trăm ngàn chùa
Như có hủy báng người trụ thiền
Tội ấy càng nhiều, nặng hơn trước.
Như có cúng dường người trụ thiền
Thức ăn uống, y phục, thuốc men
Người ấy tâm trừ vô lượng tội
Cũng khỏi bị đọa ba nẻo ác.
Vì vậy ta nay nêu rộng khắp

Muốn thành Phật đạo thường tu thiền
Như chẳng thể trụ A-lan-nhã
Phải nên dốc cúng dường chốn ấy.
Như dốc trụ thiền, dứt phóng dật
Ắt chóng thành tựu đủ sáu Độ
Muốn cầu đạo Bồ-đề sáng tỏa
Dùng phương tiện ấy tất chóng đến.
Muốn cầu Bồ-đề trụ tịch tĩnh
Nên rời bỏ hết thảy nghiệp duyên
Cùng dứt phiền não lìa dục lạc
Ắt mau đạt Thí ba-la-mật.
Như rời cảnh giới ấm giới, nhập
Cùng bỏ tham, sân, ngu si, lỗi
Dứt mọi phiền não tu nẻo thiện
Nhờ vậy đạt Thí ba-la-mật.
Nên đem Từ bi thương chúng sinh
Dứt mọi phân biệt, không tự thị
Luôn nên thương tưởng đến muôn loài
Tức đủ Trì giới ba-la-mật.
Dốc bỏ nẻo tội tu các thiền
Cũng nên rời mọi ấm, giới, nhập
Yêu thích phương tiện luôn cầu thiền
Trừ chướng, đạt đến bờ tinh tấn.
Cảnh giới chẳng động, không đắm vị
Dứt bỏ nhân buộc, tu Bi, Hỷ
Một đường thanh tịnh, không động, dời
Như thế đạt đủ Nhẫn nhục độ.

Ở trong cảnh giới bặt niệm, lường
Lìa ganh ghét, chẳng vui, đạt hỷ
Các pháp lìa đổi không phân biệt
Chẳng nhiễm, chẳng sầu tức là xả.
Ấm giới như huyễn không dấy tạo
Tu tập liên tục không gián đoạn
Thông tỏ khéo tu pháp như thế
Nên đạt Trí tuệ ba-la-mật.
Vậy ta nay khuyên tất cả chúng
Như muốn dốc trừ các nẻo tội
Cầu Tam-muội Nhẫn Đà-la-ni
Nên biết trụ tịch tĩnh như vậy.
Như muốn vượt qua thừa Thanh văn
Cùng vượt luôn cả thừa Duyên giác
Lại nhằm chóng đạt thắng địa Phật
Phải nên mau trụ A-lan-nhã.
Nếu giữ tâm, trụ A-lan-nhã
Do vậy tức là cúng dường Phật
Nên phải quyết rời hết thảy tội
Đó chính là hành đủ sáu Độ.
Sẽ được làm Phật ba cõi quý
Dốc chuyển chánh pháp luôn thanh tịnh
Dứt sạch mọi nẻo ác chúng sinh
Độ thoát muôn loài biển ba cõi.
Nên rời ác kiến, mọi duyên buộc
Luôn phát tâm Bồ-đề tối thắng
Phải nên mau hướng chốn Lan-nhã

Nơi ấy thành tựu đức như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết giảng xong phần kinh này, hết thảy chư vị nơi chúng hội được nghe về pháp thiền Đệ nhất nghĩa hết mực thâm diệu ấy, có chín vạn hai ngàn người vốn đã khéo tu tập từ thời quá khứ, đều đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Bảy mươi ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh đạt được vô số pháp Tam-muội và pháp Đà-la-ni cũng Nhẫn vô sinh. Tám vạn một ngàn người được thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có hằng hà sa số chúng sinh chưa phát tâm cầu đạo Bồ-đề vô thượng, lúc này thảy đều phát tâm, đạt pháp không thoái chuyển đối với đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 47

Phẩm 15: NGUYỆT TẠNG

Phần 2: MA VƯƠNG BA TUẦN ĐI ĐẾN CHỖ PHẬT

Bấy giờ, nơi cung điện của Ma vương, hết thảy mọi vật hiện có từ ngoài vào trong như vườn cây với đủ loại cành lá, hoa quả, cho đến áo mão, các xâu chuỗi ngọc trang nghiêm thảy đều biến thành hình bán nguyệt và hiện rõ, đồng thời phát ra ánh sáng lớn tỏa chiếu khắp cung của Ma vương, trong ngoài đều sáng tỏ, không sót một chỗ nào. Tất cả các thứ nhạc khí như đàn cầm, đàn sắt, đàn không, hầu, cùng với những vật quý trang nghiêm không phải là nhạc khí và hết thảy các vật dụng khác, tự nhiên diễn phát ra những câu kệ như sau:

Đại Đạo sư thế gian khó sánh
Ở trong muôn pháp luôn tự tại
Nay trụ núi Khư-la-đế-ca
Vì chúng nêu rõ biển pháp Phật.
Giảng thuyết về nẻo pháp thanh tịnh

Người nghe tất đạt Bồ-đề thắng
Ba-tuần hung ác chẳng ai bằng
Khiến cõi Ma vương thảy trống không.
Ngươi gốc từng tạo chút ít thiện
Nay được phước báo tự tại ấy
Ngươi nay pháp đang dần sa sút
Sao chẳng mau đến gặp Đạo Sư.
Hết thảy chúng sinh nơi chốn ấy
Từng tạo thiện tà ngàn ức lần
Kho phước đại chúng đều tụ hội
Nghe nhận pháp tối thượng dứt bệnh.
Mỗi mỗi hướng Phật tâm ngưỡng kính
Chiêm bái Đạo Sư cùng cúng dường
Do tin kính tịnh diệt phiền não
Lại chẳng còn sinh nơi cõi Dục.
Dốc tin lễ bái Đạo Sư quý
Diệt phiền não buộc khổ ba cõi
Ức đời nhận phước báo thắng diệu
Chóng cùng ba cõi là bạn thân.
Lại nơi ba cõi làm Pháp Vương
Thuyết pháp chân thật độ chúng sinh
Hết thảy mọi pháp như bọt nước
Tướng hữu vi hiện giống như huyễn.
Phước báo vô thường thảy hết sạch
Nên mau xa rời ngã kiến, lỗi
Chóng phát tâm Bồ-đề vô thượng
Do định ấy nhận phước thắng diệu.

Lúc này, Ma vương Ba-tuần cùng đám quyến

thuộc trông thấy và nghe những sự việc như vậy nên hết sức kinh hoàng, hoảng sợ, từ nơi giường nằm rớt phịch xuống đất, hai tay bưng lấy hai tai và lẩm bẩm:

–Cứ xem Sa-môn tạo sự việc này tất đoạn hết thế lực của đám ma chúng ta, khiến cho các hình sắc thảy biến thành hình bán nguyệt cả. Lại còn làm phát ra vô số thứ âm thanh như vậy nữa. Sa-môn Cù-đàm đã hiện thần lực lớn nhằm thâu tóm tận cùng cõi Dục này để làm của riêng cho mình. Ta nên mau gióng trống tập hợp đám thuộc hạ để cùng đi tới chốn ấy!

Nói xong, ngay nơi cung mình liền gióng trống rầm rộ. Lúc Ma vương Ba-tuần thúc trống thì từ trong trống đó liền phát ra âm thanh với những câu kệ:

Các pháp không tịch luôn hòa hợp
Xa lìa chốn dựa mọi sắc tượng
Nơi tạo vô dụng dối chúng sinh
Sự tướng trú hiện khác nào huyễn.
Nhân duyên hòa hợp nên thành chữ
Như viết hư không chữ chẳng trụ
Ấm giới tịch tĩnh lìa mọi sắc
Nghĩa vô thường hiện chẳng tự thật.
Thanh trần vào nơi cửa nhĩ căn
Nghĩa vô thường hiện chẳng ngừng nghỉ
Thức ấy như huyễn nếu phân biệt

Hiện rõ vô ngã chẳng tự tại.
Nhãn căn nhanh nhạy nên không tịch
Tự tánh nghĩa tương ứng là khổ
Tỷ căn hương trần cùng vị lưỡi
Thân căn cùng với hết thảy xúc.
Tâm pháp đều cùng là vô thường
Chúng sinh mê lầm nên chẳng tỏ
Sáu cảnh như thế sinh mọi khổ
Còn khiến hư hoại nẻo Niết-bàn.
Do vậy phàm phu trôi năm cõi
Chẳng thể lìa buộc, đạt giải thoát
Nơi các cảnh giới trừ tham ái
Ắt mau chóng đến chốn thắng diệu.
Tâm ấy tự tánh vốn thanh tịnh
Xem xét thông tỏ đạo Bồ-đề
Nếu cảnh giới mình được tự tại
Thời nên thương xót đến muôn loài
Nơi ấy sẽ đạt Thí, Giới, Nhẫn
Công đức trí tuệ tự trang nghiêm
Đạt được trí giác ngộ tối thượng
Hóa độ vô lượng các chúng sinh.

Lúc những câu kệ trên được phát ra, hết thảy chúng nhân nơi cung điện của ma thảy đều kinh sợ chẳng an. Đám đàn ông, phụ nữ, trẻ con trai gái túa ra cùng nhau kêu gào, đi đến chỗ Ma vương đứng chen chúc nơi phía trước. Ma vương dùng kệ để nói với đám đông ấy:

Chúng bay thảy thấy cung ma này

Vô số xấu ác tệ như vậy
Các tiếng chẳng dứt, sinh khổ lớn
Nhằm đoạt thế lực ma chúng ta.
Sa-môn Cù-đàm tạo tiếng ấy
Muốn diệt sức mạnh ma cõi này
Khá mau đến thẳng chỗ Cù-đàm
Cùng nhau tán thán và quy y.

Bấy giờ, có ma tử tên là Ương-cù-la-yết liền dùng kệ tụng thưa với cha:

Con nay thắng xe, mặc giáp đồng
Cùng đám dũng sĩ giỏi chiến đấu
Cung, đao, mâu, giáo và xe đao
Mặt đao, mặt trống, nhiều mặt thú.
Quân ma, Dạ-xoa, Long, Tu-la
Cả đám quyến thuộc đây hư không
Mau tới chỗ Cù-đàm tâm ác
Diệt phá khiến chúng thành tro bụi.

Ma vương liền dùng kệ đáp:

Ta từ xưa nay nơi người ấy
Từng gây tạo vô số ác nạn
Ngươi cũng từng thấy cội Bồ-đề
Cù-đàm thắng ta cùng quân đông.
Chúng ta như thế luôn não loạn
Cù-đàm luôn hơn hẳn chúng ta
Chẳng thấy Thiên, Long, A-tu-la
Làm động được chân lông bậc ấy.

Lại có vị quan lớn của Ma vương tên là San-

lô-già-na, liền đọc kệ:

Chúng ta khá mau rời cõi Dục
Chỉ nên tự giữ cung điện mình
Cù-đàm xưa nay chưa tới đây
Nay đến, ta quyết sức chống cự.

Lúc này Ma vương vô cùng ưu sầu nên im lặng không đáp. Lại có một quan lớn nữa tên là Khởi Bố Úy, liền đọc kệ:

Chỉ có sức xảo khá phục oán
Nên đem lời ngụy trá làm thân
Chúng ta cùng nhau tới chốn ấy
Lừa dối ngợi khen Sa-môn kia.

Lại có một quan lớn tên là Tỳ-xiển-đà-hành, đọc:

Xưa cung điện này thật sung mãn
Sa-môn xâm đoạt nay giảm ít
Những người quy ngưỡng Phật quá đông
Chúng ta cũng nên đến quy y.

Ma vương nghe vị quan này nói như thế thì hết sức tức giận, giận rồi thì im lặng. Lại có một quan lớn nữa tên là Lão Trí, liền đọc kệ:

Cù-đàm sức khiến các cung điện
Phát vô số âm thanh lạ ấy
Chúng ta nếu chẳng mau đến đó
Sa-môn tất dốc đến nơi này.
Chốn này không người ngăn giữ nổi

Đem sức chận Tiên Cù-đàm kia
Chúng ta nên khá cùng tất cả
Chóng đến quy ngưỡng đại Sa-môn.

Bấy giờ, trong các cung điện của Ma vương, đám người đông đảo ở đấy nào là đàn ông, phụ nữ, quyến thuộc lớn nhỏ thảy đều chen chúc, nối nhau thành đàn và cùng thưa:

–Tâu đại vương, đại vương nay nên dẫn đám quyến thuộc mau chóng đến chốn đó. Chúng tôi sẽ xin lo việc giữ gìn thành ấp, cung điện này.

Ma vương nghe tâu như vậy, liền nói:

–Đúng thế! Ta cùng Tha hóa Thiên vương và đám quân binh quyến thuộc lớn nhỏ đi đến chốn ấy. Lại cùng với Hóa lạc thiên, Đâu-suất-đà thiên, Tu-dạ-ma thiên, Thích Đề-hoàn Nhân và đám quân binh đông đảo thảy đi tới nơi đó. Lại thêm Tỳ-sa-môn Thiên vương và đám quân binh, Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương và quân binh là đám Cưu-bàn-trà, Đề-đầu-lại-trá Thiên vương và đám quân binh là Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương cùng chúng rồng tất cả đều đi tới chỗ Sa-môn Cù-đàm.

Ma vương nói xong thì có vị đại thần phụ tá Ma vương tên là San-già-la-noa thưa:

–Tâu đại vương! Hiện nay nơi các cung điện hiện có của chư Thiên thảy đều vắng vẻ. Chư Thiên nơi cõi Dục cùng với các Thiên nữ và hết

thảy đám quyến thuộc đều có mặt nơi chỗ đại Sa-môn Cù-đàm để được nghe giảng pháp. Như thế là các chúng Khẩn-na-la, Long, Quỷ, Dạ-xoa, Già-lâu-la, Cưu-bàn-trà… thảy đều ở nơi ấy cúng dường vô số cho Sa-môn Cù-đàm và nghe cùng thọ nhận pháp đó.

Lúc này, Ma vương tự quan sát xong, nhận thấy tất cả các cung điện nơi cõi Dục thảy đều vắng vẻ. Mọi chư Thiên, Nhân phi nhân hiện có trong cõi Dục đều tụ tập nơi chỗ Sa-môn Cù-đàm, ngồi yên để nghe pháp. Chỉ có chúng A-tu-la là chưa đi đến nơi ấy. Ma vương bèn nói:

–Ta nay sẽ cùng với chúng A-tu-la đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, khiến cho chúng hội ở đấy thảy đều bị mê loạn không còn giữ được chánh tín. Chớ để cho Sa-môn Cù-đàm giảng dạy đại chúng về các pháp như huyễn, không đi không đến, chẳng hợp chẳng tan, chẳng sinh chẳng diệt, khiến cho cõi Dục giới của ta thảy đều trống vắng.

Lại nói tiếp:

–Ta nay sẽ cùng với chúng A-tu-la và đám quân binh mau chóng tới nơi ấy nhằm ngăn chận các chúng sinh, không khiến họ mau vượt qua được biển khổ, đến bờ giải thoát, do diệu lực của Sa-môn Cù-đàm với pháp mau dứt trừ sinh tử, khiến cho cảnh giới của ta thế lực hoàn toàn giảm sút. Vậy ta nay phải gấp đến đó để ngăn giữ chúng

nhân và phi nhân.

Bấy giờ, ma Ba-tuần liền dùng cảnh giới thần thông của ma, niệm bốn vị A-tu-la vương cùng đám quân binh và quyến thuộc gấp rút tụ tập tại đỉnh núi Tu-di, sau đó cùng xuống núi, tới chỗ Sa-môn Cù-đàm giả trá bày lời tốt đẹp khiêm tốn tán thán, tạo ra việc quy y, mong nhận biết nhân duyên, sẽ dùng các phương tiện khiến chư vị trong đại chúng thảy sinh sợ hãi, dứt bỏ chánh tín, lại chẳng khiến cho chúng hội nơi Sa-môn Cù-đàm sinh lòng tôn kính ông ta, do đấy sẽ làm cho Sa-môn đó chán ghét cõi đời, mau nhập Niết-bàn. Như thế là Ma vương hoàn toàn hy vọng vào chúng A-tu-la, nhưng chúng A-tu-la -do thần lực của Phật hỗ trợ nên chẳng hề hay biết gì về sự trong mong của Ma vương, khiến ma Ba-tuần tức thì dấy ý căm ghét đối với Phật và hết thảy chúng A-tu-la, bèn nói:

–Xem Sa-môn Cù-đàm chỉ là một người nơi cảnh giới của ta đã được giải thoát, chẳng thể nào quay trở lại được. Ta ở nơi Dục giới thế là được tự tại. Cái đám phàm phu hạ tiện súc sinh A-tu-la kia đã không nghe lời ta chỉ giáo, ta sẽ quyết làm cho chúng suy giảm, lo buồn nhiều, khiến chúng mau rời bỏ chốn cung điện đang cai quản. Sau đó ta sẽ dùng lực thần thông dẫn đám quyến thuộc đi đến để gặp Sa-môn Cù-đàm. Lại cũng cùng với các đại thần, dũng tướng, hai bên có quân binh,

đàn ông, phụ nữ chen chúc vây quanh ta, dùng năm âm thuộc loại bậc nhất để hòa tấu âm nhạc, ca múa vui thích. Tất cả y phục, vật dụng trang nghiêm, các vật báu, hoa hương, cờ phướn, lọng báu với những âm thanh hòa hợp, khiến mau chóng thực hiện đầy đủ, đàng hoàng để đi đến gặp Sa-môn Cù-đàm. Ta nay cũng dẫn theo phu nhân, thể nữ cùng dùng đông đảo chúng nam nữ vây quanh, dùng cảnh giới thần thông tối thắng của ma để vui thích với năm âm hòa hợp đi đến gặp Sa-môn Cù-đàm. Vì sao? Vì chỉ trừ Sa-môn Cù-đàm, còn lại các chúng Thiên, Long, Càn-thát-bà, người cùng A-tu-la… nói chung là mọi chúng ở thế gian, ta thảy khiến bị mê hoặc cả. Sẽ dùng lưới tham dục hết sức bền chắc mà phủ trùm lên, thì ở nơi biển lớn sinh tử khó vượt qua mau được. Vì vậy, ta đi đến chốn ấy, chỉ giữ lại số khác để bảo vệ cung điện này.

Bấy giờ, ma Ba-tuần dẫn theo chín trăm sáu mươi vạn vô số quyến thuộc, cả nam nhân, phụ nữ, trẻ con gái trai, đại thần hai bên, vận dụng cảnh giới thần thông của ma trợ lực, dùng năm âm bậc nhất để hòa tấu nhạc, ca múa vui thích. Tất cả mọi cái hiện có nhằm làm cho mọi người thêm ham thích, sinh tâm tham đắm ấy thảy được chuẩn bị đầy đủ. Lúc này, ma Ba-tuần đi tới nơi các cung gọi lớn:

–Thảy đều xuất phát đi đến chỗ Sa-môn Cù-

đàm!

Bản thân Ma vương lại chắp tay nói kệ:

Chỉ Phật trừ sạch mọi phiền não
Chỉ Phật hóa độ mọi thế gian
Chỉ Phật thắp sáng đèn chánh pháp
Ta quy y Bậc Tối Tôn ba cõi.

Khi ấy, Ma vương đã tạo xong sức mạnh nơi cảnh giới thần thông của ma, rồi từ cung điện ấy ra đi, dùng tay tung rải hoa. Chỗ hoa được tung rải đó nơi bốn cõi thiên hạ thảy đều tạo thành lọng hoa lớn trụ ở không trung. Nơi tất cả mọi xứ đều mưa vô số vật báu, vô số hoa kết như mây từ từ rơi xuống thấp. Chính vào lúc ấy, Đức Thế Tôn đang thuyết giảng về chân đế Đệ nhất nghĩa của sự an trụ nơi A-lan-nhã. Đức Phật nói với đại chúng:

–Tất cả chư vị phải nên giữ gìn, thu phục các căn, dốc tâm chuyên niệm, chớ khiến tâm giong ruổi, thất tán.

Còn ma Ba-tuần thì cùng với đám tay chân ca múa vui đùa, năm âm tấu nhạc hòa hợp với lời ca, tiếp tục dẫn đám phụ nữ, quyến thuộc lớn bé chen chúc vây quanh đi tới. Lúc này, Ma vương cùng đám quyến thuộc đã đi đến núi Khư-la-đế, là chốn nương trú của chư Tiên tịch mặc. Đến chỗ Phật rồi, tức thì trong hư không, bên trên chỗ Phật ngự, liền hóa ra chiếc lọng làm bằng bảy thứ châu báu,

rộng lớn đến bảy do-tuần, che trên đỉnh đầu Phật. Lại dùng thứ châu báu vô giá tạo thành xâu chuỗi, đặt một cách trang nghiêm bên trên Đức Phật. Rồi đem vô số các vật báu, hoa hương, các thứ hương xoa, hương bột, vòng hoa quý, cờ phướn, lọng báu, sợi tơ vàng, châu ngọc, cùng năm âm tấu ca nhạc để cúng dường Đức Thế Tôn. Ma vương Ba-tuần trông thấy cảnh tượng ấy liền đi nhiễu quanh chỗ Phật theo hướng phải ba vòng và đọc kệ:

Ta nay quy y Phật Thế Tôn
Từ nay trọn không dấy tâm ác
Cù-đàm tâm định, dung thứ ta
Ta sẽ giữ gìn chánh pháp Phật.
Nơi đời không ai như Thế Tôn
Thương xót chúng sinh đem lợi ích
Tự đạt giải thoát rồi độ người
Vậy ta quy y Bậc Tối Thắng.
Chỉ Phật Từ bi hết thảy chúng
Đã vượt núi sinh tử phiền não
Luôn ban vui độ mọi chúng sinh
Nên dốc quy y nơi Thế Tôn.
Thấu rõ hữu vi cùng vô vi
Lìa hai, như sen không vướng bùn
Chứa đức, phạm hạnh, chỗ thân nương
Vì vậy ta nay quy y Phật.
Đời không, định tịch, pháp dứt bệnh
Thanh tịnh luôn thắng dứt phiền não

Chỉ có chánh pháp cùng Niết-bàn
Vì vậy quy y pháp Vô thượng.
Nơi đời không gì như chúng Tăng
Hòa hợp giải thoát, tám trượng phu
Nên lìa hết thảy phiền não buộc
Vì vậy quy y Đại đức Tăng.
Sống nhàn, tịch tĩnh, ngày một bữa
Đệ nhất nghĩa, tâm luôn tưởng hợp
Từ bi thương nghĩ đến muôn loài
Ta cũng quy y nơi bậc ấy.
Nơi dòng Tam bảo làm rạng tỏ
Giữ nuôi Phật, Thanh văn hiện có
Ta khuyên hết thảy mọi chúng sinh
Y phục, thức ăn dốc cúng dường.

Lúc này, trong chúng hội, đông đảo chư vị từ nơi xa đến, hoặc chư Thiên, hoặc Người, Càn-thát-bà… đều cùng cất tiếng khen ngợi:

–Lành thay, lành thay!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ nói với Tôn giả Tuệ mạng Kiều-trần-như:

Ta đã nói với chúng Thanh văn
Mọi nẻo thích hợp cầu giải thoát
Thường vui chốn nương bốn Thánh chủng
Nhờ đấy đạt đủ đạo Bồ-đề.
Như cây trái quằng mau tự tại.
Tre, lau kết trái cũng như thế

Con la mang thai tự mất thân
Không trí cầu lợi nào khác gì.
Cũng như hạ bức, mưa càng dữ
Hủy hoại hết thảy bao hoa màu
Kẻ tham cầu lợi dưỡng như thế
Tất sẽ chóng mất nẻo Bồ-đề.
Lại như các cây hoa đua nở
Mà lại bị lửa dữ thiêu đốt
Kẻ tham cầu lợi dưỡng như thế
Cũng sẽ thoái mất nẻo Bồ-đề.
Như có Tỳ-kheo được cúng dường
Thích cầu lợi dưỡng càng tham vướng
Nơi đời có kẻ xấu như vậy
Nên khiến chẳng đạt đạo giải thoát.
Như thế, kẻ tham cầu lợi dưỡng
Đã được đạo rồi cũng lại mất.

Lúc này, Ma vương nghe xong kệ trên, liền tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm quả đã biết ta hư dối, ngụy tạo việc quy y". Nghĩ ngợi như thế nên Ma vương cảm thấy hổ thẹn, im lặng, thoái lui, ngồi yên qua một bên, chăm chú nghe pháp. Đám ma nữ với hình dáng, dung mạo, nhan sắc được tô điểm trước đó, bây giờ thảy đều khô héo, tiều tụy, trở thành xấu xí, lưng gù, chân thọt, thô lậu tệ hại. Còn hết thảy đám đàn ông ấy thì đều không thể ca múa, vui thích như trước nữa, năm thứ âm tấu nhạc cũng lại bị tắc nghẽn chẳng còn phát ra tiếng, nên chúng bỏ mặc đấy, đến ngồi qua một bên, im lặng nghe

pháp.

M

Phần 3: CHÚNG A TU LA ĐẾN CHỖ PHẬT

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Nguyệt Tạng, vì nhằm để thu phục, hóa độ các chúng sinh nên đã nói thần chú Nguyệt tràng nguyệt. Khi đó, ở nơi chốn ngự trị của bốn vị Đại vương A-tu-la, tất cả các thứ cây cỏ, hoa quả hiện có cùng với những vật báu, chuỗi ngọc, các vật dụng trang nghiêm, y phục, đồ nằm, thảy đều biến thành hình bán nguyệt mà hiện rõ. Các thứ sự vật kia như lần lượt va chạm vào nhau làm phát ra năm thứ âm thanh. Những trống, loa, ốc, đàn không, đàn hầu, đàn tranh, ống sáo đều cùng hòa tấu nhạc. Trong các thứ âm thanh đó lại cũng phát ra những câu kệ:

Chỉ Phật độ, dẫn đem an ổn
Cùng chúng trụ tại núi Khư-la
Nơi phiền não vây bủa muôn loài
Vì họ thuyết pháp trừ dứt sạch.
Phàm phu tất đọa biển sinh tử
Sông phiền não dồn dập sóng dữ
Ba cõi không người xót thương đến
Như Mâu-ni tôn, tâm từ thiện.
Nhiều chúng tụ hội ở một chốn
Trời, Người, Cưu-bàn, Rồng, Dạ-xoa
Thảy nương nơi núi Khư-la-đế
Nơi mọi khổ, sợ, cầu giải thoát.
Chúng ta cùng lúc mau đến đấy

Vì nhằm được lãnh hội chánh pháp
Ma vương không lâu cũng tới đây
Mà vì chúng ta tạo các nạn.
Nhất tâm nghe nhận pháp thắng diệu
Nơi ấy tâm tịnh đạt phước lớn
Nhờ phước dài lâu trừ các oán
Nơi đời luôn nhận uy đức vui.
Như đem phước ấy cầu giải thoát
Dứt các phiền não đắc La-hán
Cùng trừ các duyên đạt Bích-chi
Cũng được thành Phật đủ an lạc.
Như thế sẽ được không chút nghi
Nhờ vậy chúng rời mọi duyên buộc
Tất cả nên khởi tâm thanh tịnh
Mau đến chỗ Phật dốc cúng dường.
Từ Hiền kiếp này trở về sau
Chưa có đại chúng họp đông thế
Về sau lâu xa Di-lặc hiện
Chúng ta chẳng được gặp hội ấy.

Lúc này, ở nơi thành ấp, cung điện của bốn vị vương A-tu-la đã xảy ra sự việc như thế. Nhờ vào diệu lực trang nghiêm của Bồ-tát gia hộ nên họ nghe được ý nghĩa nơi các câu kệ kia đều sinh tâm tin tưởng. Tất cả nơi các thành ấp, cung điện, chúng A-tu-la đều cùng vân tập lại một chốn, cùng nhau bảo:

–Hôm nay, sự việc như thế là nhằm tạo ra cái gì? Vì sao? Vì chúng ta từ xưa đến nay chưa từng

thấy, nay mới được thấy, trước chưa hề nghe, nay mới được nghe.

Không một ai biết cả. Cùng lúc, ma Ba-tuần từ cung điện của mình đi xuống, muốn lễ bái Phật nên đi đến tung rải hoa. Chỗ hoa được tung rải đó, nơi bốn cõi thiên hạ, đều tạo thành mưa hoa. Đang lúc mưa hoa ấy, nơi thành ấp, cung điện của bốn vị vương A-tu-la, khắp thảy mọi chốn đều biến thành hôi nhớp, nhơ bẩn hết mực, cùng với khói, bụi, tro đất bẩn bốc lên mù mịt, lan ra như phủ trùm mọi nơi, mọi chỗ. Rồi nào ruồi, muỗi, rắn rít, mối mọt, các loài ruồi nhặng độc hại xuất hiện đầy khắp, khiến mọi chúng đều buồn bã, sầu não, rối loạn, chẳng còn vui thích gì cả.

Vào lúc này các thành ấp, cung điện của chúng A-tu-la đều mờ tối, ảm đạm. Tất cả chúng A-tu-la: Nam phu, phụ nữ, trẻ con, gái trai thảy đều vô cùng buồn rầu, lo phiền rối loạn, chẳng còn vui vẻ muốn ở nơi đấy. Ở các đường ngõ, họ đều chen chúc nhau tụ tập, kéo tới vương sở đứng yên nơi phía trước. A-tu-la vương nhận thấy mọi việc suy kém, hư hại như thế thì càng thêm ưu sầu. A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la cùng với đám quyến thuộc và hết thảy chúng A-tu-la nam phu phụ nữ, trẻ con trai gái nơi chốn mình cai trị; A-tu-la vương Ba-la-đà, A-tu-la vương Bạt-trì-tỳ-lô-già-na cùng với đám quyến thuộc và thần dân nam nữ, già trẻ của mình, tất cả cùng tìm tới cung điện,

thành ấp, xóm làng thuộc quyền cai quản của A-tu-la vương La-hầu-la, trông thấy cảnh tượng ở đấy cũng không khác gì chỗ mình. Thế là ba vị A-tu-la vương cùng nhau đi đến vương cung của A-tu-la vương La-hầu-la, đứng ở phía trước. A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la lên tiếng hỏi A-tu-la vương La-hầu-la bằng lời kệ:

Hết thảy cung điện A-tu-la
Giống như địa ngục đều không khác
Gió nóng bùng lên phủ trùm khắp
Cảnh tượng khác nào lửa thiêu đốt.
Mọi thứ cây cảnh, hoa quả tốt
Thảy đều rơi rụng hết xuống đất
Nơi các ao tắm đầy hoa sen
Cỏ mượt muôn hoa đều khô héo.
Khói bụi bốc đầy phủ chúng ta
Cung điện, thành ấp A-tu-la
Lại có ruồi, muỗi, nhặng, rệp hiện
Vô số loại sâu bọ độc hại.
Nay nghe âm thanh tệ như thế
Chúng sinh buồn phiền chẳng vui thích
Đám A-tu-la thọ khổ này
Tất bị đói khát bức bách dữ.
Khổ bức không có chốn nương tựa
Thảy đều hoảng sợ tâm nao núng
Những sợ sinh tử, ai uy lực?
Ngăn trời, rồng, giữ lợi ích mình.

Dùng phương tiện gì khiến dừng dứt
Vô số việc lo sợ như thế
Khác gì rồng ác đều chốn này
Hàng phục A-tu-la chúng ta!

A-tu-la vương La-hầu-la nói kệ đáp:

Chư vị A-tu-la lắng nghe
Chúng ta ngày trước đều an lạc
Năm dục chỗ cần đều hợp ý
Thần thông dũng mãnh thêm lực lớn.
Chỗ dùng cung đao cùng tên, mác
Quăng dây, huơ mâu kiếm, giong xe
Tất cả nay đều lùi mất hết
Thành ấp, đường ngõ thật vắng tanh.
Nam phụ, phụ nữ trước hùng mạnh
Thân sắc tươi đẹp thêm sức lực
Thảy cùng chư Thiên sánh ngang hàng
Nay thì thời ấy chắc sẽ hết.
Mạng hết, pháp lành chúng sinh hết
Xấu hổ, tủi thẹn, tâm rõ hết
Cùng kẻ thông minh hiểu biết, hết
Hành xảo cùng trí Thánh thiện, hết.
Lúa, nếp cùng bao hoa, thuốc hết
Quả non đều hết, các giới hết
Nẻo dục hợp ý, âm nhạc hết
Vật báu, y phục, thức ăn hết.
Việc vui mừng hết, trời người hết
Dạ-xoa, Càn-thát, Tu-la hết
Giòng Bà-la-môn, Sát-lợi hết

Cùng hạng Tỳ-xá, Thủ-đà hết.
Chỉ cùng bao loài chúng sinh ác
Chẳng Thánh, dua nịnh, giết, trộm, dâm
Vọng ngữ, hai lưỡi, thêu dệt, ác
Tham giận, xu nịnh, si, tà kiến.
Thiếu kém vùng đói khát thêm tăng
Yêu lìa, oán gặp cùng săn đuổi
Thấy người được lợi, sinh ganh ghét
Giết hại chém đâm, bao hủy diệt.
Dao mác, kiếm, xe độc hại tăng
Mặt mắt đẫm lệ sầu buồn khổ
Ruồi, muỗi, gió độc và khói bụi
Bao thứ cùng tới gây phiền loạn.
Địa ngục, súc sinh cùng ngạ quỷ
Đó là cảnh giới biển khổ lớn
Ấy chẳng nẻo thiện, thời thích hợp
Niệm niệm lùi mất nơi chánh kiến.
Xa nghiệp lành, việc ác thêm nhiều
Chúng ác như vậy càng dấy mạnh
Thời A-tu-la đến lúc tận
Chỉ thừa vô đẳng mới ngăn được.

A-tu-la vương Ba-la-đà thưa với A-tu-la vương La-hầu-la qua kệ:

Chỉ vương vì hết thảy chúng sinh
Thường dốc tinh tấn tu các pháp
Đủ phước đức lớn lực thần thông
Cùng dùng trí tuệ trang nghiêm thân.

Ấy là sức nào do ai tạo?
Muốn diệt A-tu-la chúng ta
Nay chúng ta ai cứu giúp được
Nên kính lễ, quy y bậc đó.

A-tu-la vương La-hầu-la dùng kệ đáp:

Đó chẳng sức Thích, Phạm, Thiên vương
Cũng không Tự tại, Na-la-diên
Lại chẳng Dạ-xoa cùng Long, Thần
Chỉ trừ Ma vương muốn mặc sức.
Trước các rồng quấy cũng như thế
Đại tiên Cù-đàm đã diệt trừ
Chúng ta lễ bái Tiên Cù-đàm
Đã cho chúng ta được an lạc.

Bấy giờ, A-tu-la vương Bạt-trì-tỳ-lô-già-na dùng kệ hỏi:

Đó là Trời, Rồng, Người, Dạ-xoa
Đã cho hết thảy sự an lạc
Ấy lực tinh tấn thần thông nào
Đã dùng phương tiện tạo huyễn hoặc.
Ở trong pháp nào được tự tại
Người nào nên nhận lời dạy bảo
Vì nơi lực ma được giải thoát
Hay với lực nào khiến đạt được?

A-tu-la vương La-hầu-la dùng kệ đáp:

Trước thấy đại Sa-môn đoan nghiêm
Ngồi yên dưới bóng cây Bồ-đề

Ma dẫn quân binh cùng đến đấy
Bị lực Từ bi hàng phục liền.
Bậc ấy thành tựu Bồ-đề thắng
Vượt hơn hết thảy chúng chư Thiên
Đủ Từ bi lớn nhập Niết-bàn
Nên làm khô cạn các biển khổ.
Trong các Tiên ấy, cờ tối thắng
Đầy đủ mười Lực, thuốc muôn loài
Thích, Phạm, Tự tại, Tu-la tiên
Ma Tự tại dục, Na-la-diên.
Thảy lễ bậc ấy làm chốn nương
Người đó chỉ rõ nẻo giải thoát
Nơi tất cả loài trong ba cõi
Vượt hơn chúng chư Thiên hiện có.
Điều phục các căn đạt tịch tĩnh
Vui tịch bảy Thánh tài trang nghiêm
An trụ bờ giải thoát Niết-bàn
Thảy làm cạn khô biển phiền não.
Vì thế hết thảy đám chúng ta
Nên quy y mới diệt hết khổ
Đều đem vô số hương hoa diệu
Mỗi mỗi chắp tay dốc thỉnh cầu.

Bấy giờ, bốn vị A-tu-la vương: La-hầu-la, Tỳ-ma-chất-đa-la, Ba-la-đà, Bạt-trì-tỳ-lô-già-na cùng đám A-tu-la nam phu phụ nữ, trẻ em gái trai, nói chung là hết thảy chúng A-tu-la hiện có, tập hợp đông đủ. Có người đem theo hương đốt để lễ bái cúng dường Phật mà thỉnh cầu, có vị mang vô số

các hoa quý đủ màu sắc, có kẻ cầm đủ loại ngọc báu ma-ni, có người đem theo nào cờ, phướn, lọng báu, sợi tơ vàng, ngọc báu, chuỗi ngọc, y phục dùng để dâng lên Phật mà thỉnh cầu. Có người đem theo đàn tranh, đàn sắt, đàn không, đàn hầu, ống tiêu, ống sáo, trống, gióng năm âm, tấu nhạc để cúng dường, lễ bái Phật mà thỉnh cầu, vận dụng lực của cảnh giới thần thông mình, thân tướng vui thích, ung dung, hai tay nắm chặt lấy chuỗi hoa làm bằng thứ ngọc báu ma-ni tên là Đế Thích Tỳ-lăng-già, đầu mặt cung kính, lễ bái, từ xa dâng lên Đức Thế Tôn, đọc kệ ca ngợi:

Phật vì chúng sinh lạc
Dốc tu các hạnh khổ
Thương xót khắp muôn loài
Mong cũng thương chúng con.
Nhẫn nhục như đại địa
Từ bi trùm chúng sinh
Dừng dứt mọi cõi ác
Thương che phủ chúng con.
Phật vượt dứt mọi sợ
Đạt trí tuệ vô thượng
Bốn tâm vì muôn loài
Mong thương A-tu-la.
Phật dùng thuyền tám Thánh
Độ thoát chúng sinh khổ
Vị Niết-bàn sung mãn
Từ niệm A-tu-la.

Phật ở nơi muôn loài
Tánh loài không ghét bỏ
Xem thảy là con đỏ
Vì thế quy y Phật.

Lúc này, A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la dùng hai tay giơ cao, nâng chuỗi hoa quý làm bằng ngọc báu ma-ni Nhất thiết chư thiên đăng tô sở trước, đầu mặt cung kính đảnh lễ, đọc kệ tán thán:

Thắng vượt chúng Trời, Rồng
Tu-la, Cưu-bàn-trà
Trừ sạch mọi phiền não
Chỗ tạo ác tâm ý.
Hàng phục đường nghiệp khổ
Đạt đến bờ giải thoát
Chóng lìa nơi tưởng hữu
Cùng chúng sinh vô tưởng.
Luôn thương tưởng muôn loài
Nên chẳng nhập Niết-bàn
Là vì mọi chúng sinh
Nên nhẫn hết thảy khổ.
Xem tất cả các loài
Như mẹ hiền thương con
Xin thương đến chúng con
Chốn khổ, rưới nước Bi.
Dứt trừ khổ não bức
Nẻo chìm biển phiền não
Phát khởi lòng bền, dũng
Nguyện cứu khổ bao loài.

Nay nghĩ khổ chồng chất
Vì lực ma nhằm hoại
Khổ bức A-tu-la
Xin rưới nước đại Bi.
Chúng sinh nếu nơi Phật
Dấy khởi tâm ác, giận
Mà chẳng làm Phật động
Dù chút ít thân tâm.
Như người có niềm vui
Nơi thân tâm, cảnh giới
Phật luôn hiện Từ bi
Ở đấy lại không khác.
Chỉ Phật nơi trời, người
Đem đến mọi an lạc
Chúng con vì ma quấy
Đơn độc không chốn nương.
Không một chúng sinh nào
Diệt được nơi nghiệp ma
Chỉ Phật chóng trừ dứt
Diệt sạch không chút sót.
Chư Thiên, Long chứng tri
Dạ-xoa, A-tu-la
Như Phật Bậc Tối Thượng
Dốc cứu vớt mọi khổ.
Ma muốn chóng diệt con
Các cung điện Tu-la
Xin mau phóng giới sáng
Cho chúng con an lạc.

Bấy giờ, A-tu-la vương Ba-la-đà dùng hai tay nâng cao chuỗi hoa quý làm bằng ngọc báu ma-ni hòa hợp Phạm thiên quang tràng, đầu mặt cung kính đảnh lễ Phật và đọc kệ ca ngợi:

Trôi nổi chốn ngục buộc
Lìa mọi thứ an lạc
Biển lớn rộng cực ác
Đắm chìm không chỗ nương.
Chỉ Phật hành tinh tấn
Nơi ba a-tăng-kỳ
Tự độ đến bờ giác
Diệt cạn biển não phiền.
Dốc vì mọi chúng sinh
Sáu năm hành hạnh khổ
Đạt được trí vô thượng
Trừ dứt mọi phiền não.
Chúng con vì ma quấy
Sức kém nhận bao khổ
Xin trừ nẻo ma lấn
Tẩy rửa cùng chúng con.
Tăng-kỳ chúng nơi ấy
Bị các khổ giày vò
Xin cứu vớt khổ kia
Nên đến gặp Thế Tôn.

A-tu-la vương Bạt-trì-tỳ-lô-già-na hai tay giữ chặt nâng cao chuỗi hoa làm bằng ngọc báu ma-ni Phạm thiên Diễm Quang, đầu mặt cung kính đảnh lễ Phật và đọc kệ tán thán:

Nay lễ Mâu-ni Tôn
Nơi pháp luôn tự tại
Vượt quá Thích, Phạm vương
Hàng phục thảy chúng ma.
Vượt hơn nhật nguyệt sáng
Cùng với Tứ Thiên vương
Từ bi sánh nhật nguyệt
Chiếu khắp nơi muôn loài.
Năm ngày cùng lúc hiện
Nước biển thảy khô cạn
Nhưng công đức cúng Phật
Không thể bị cạn khô.
Vượt qua khỏi ba cõi
Mà vào thành vô úy
Đại Bi che chúng sinh
Mọi khổ thảy trừ diệt.
Bốn tâm trùm muôn loài
Như mẹ thương con trẻ
Chúng con lo chướng lấp
Gió từ xin thổi tan.
Chỉ dốc quy y Phật
Nên cứu khổ chúng con
Như Phật công đức dày
Chớ bỏ cung Tu-la!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng tai Phật để lắng nghe, dùng mắt Phật để xem các cung điện, thành ấp của A-tu-la, do sức mạnh của ma lấn lướt nên hết thảy các nạn đều phủ trùm lên khắp chốn,

không còn sót nơi nào, khiến chúng A-tu-la phải chịu khổ não, mới chỉ dốc thỉnh cầu Như Lai che chở, cứu giúp, hướng về quy ngưỡng Như Lai. Vậy ta nên cứu giúp chúng A-tu-la, giờ thì thật là đúng lúc.

Khi ấy Đức Thế Tôn liền dùng uy lực đại Bi hiện ra tất cả sự an lạc và nhập pháp Tam-muội Bi phong quang minh. Do diệu lực của pháp Tam-muội ấy nên khiến cho bốn chốn cung điện của chúng A-tu-la hiện đang bị thần lực của ma quấy nhiễu gây nên bao nỗi khổ, chỉ trong khoảnh khắc một niệm, mọi sự quấy nhiễu kia thảy đều được dừng dứt. Cung điện, thành ấp của A-tu-la trở lại như cũ, cũng không khác gì các cung điện lớn trong cõi Tam thiên đại thiên. Ở nơi cung điện đó liền hiện ra sự an lạc vi diệu bậc nhất với các việc có thể tạo ra vui thích. Chúng A-tu-la trông thấy mọi sự diễn biến vừa rồi thì đều mừng rỡ, nhảy nhót, sinh tâm hoan hỷ, mắt miệng tràn đầy niềm vui, mỉm cười và cùng niệm.

–Nam-mô Phật-đà! Nam-mô Phật-đà!

Niệm Phật xong, liền dùng chuỗi hoa quý giá thuộc loại thắng diệu của chư Thiên, hướng về phía chỗ Đức Phật, từ xa tung cao lên phụng hiến. Từ chỗ A-tu-la vương La-hầu-la tung cao chuỗi hoa báu, liền bay đến chỗ Phật và đứng yên nơi không trung, bên trên đỉnh đầu Đức Thế Tôn.

Từ chỗ A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la tung cao chuỗi hoa báu, cũng liền bay tới chỗ Phật, trụ nơi không trung, bên trên vai phải Đức Thế Tôn.

Từ chỗ A-tu-la vương Ba-la-đà tung cao chuỗi hoa báu, cũng bay tới chỗ Phật, trụ nơi không trung, bên trên vai trái Đức Thế Tôn.

Từ chỗ A-tu-la vương Bạt-trì-tỳ-lô-già-na tung cao chuỗi hoa báu, cũng bay tới chỗ Phật, trụ nơi phía trước Đức Thế Tôn, phóng ra ánh sáng chiếu tỏa khắp.

Ngoài ra, chúng A-tu-la hiện có đều mang vô số hoa hương quý giá, cờ phướn, lọng báu, tơ vàng, châu ngọc, chuỗi hoa quý, ngọc trai, chuỗi báu và vô vàn y phục, hương xoa, hương bột, tất cả đều hướng về Đức Thế Tôn, từ xa tung cao phụng hiến, cung kính cúng dường.

Cùng lúc, ở núi Khư-la-đế, chỗ nương trú của chư Tiên tịch mặc lại tuôn xuống như mưa đủ thứ loại hoa quý với hương bột.

Bấy giờ, trong chúng hội có vị Bồ-tát Ma-ha-tát tên là Cầu Đoạn Nghi, rời chỗ ngồi đứng dậy, để trần vai bên phải, đến trước Phật, cung kính chắp tay lễ bái, dùng kệ thưa:

Đại Tiên Thế Tôn trí vô lượng
Trước từng đã tuôn mưa như thế
Hiện các thần thông cùng biến hóa
Bồ-tát Nguyệt Tạng đến nơi đây.

Nay lại mưa xuống vô số báu
Ai sẽ lại đến chốn này nữa?
Đó là chư Bồ-tát, đại đức
Hay là sứ chư Phật phương khác?

Đức Phật nói với Bồ-tát Ma-ha-tát Cầu Đoạn Nghi:

–Này thiện nam! Đó là Ma vương Ba-tuần, ở nơi cung điện, thành ấp của bốn vị A-tu-la vương, đã tạo ra bao thứ tro bụi, khói mù mờ mịt, tối tăm cùng ruồi nhặng, muỗi độc, vô số rắn rít, bò cạp độc hại. Ở chốn ấy, tất cả các thứ cây rừng, cây cảnh, cỏ, hoa, quả, suối, ao thảy đều bị khô cạn, khiến chúng A-tu-la vô cùng khốn khổ. Do vậy, chúng A-tu-la thảy cùng hướng về ta nhất tâm chắp tay cung kính, lễ bái quy y, dùng vô số đủ loại hoa hương, ở nơi thành ấp, trú xứ của chúng A-tu-la ấy, từ xa hướng về ta tung lên cao cúng dường. Nơi chỗ A-tu-la vương La-hầu-la tung cao chuỗi hoa báu đã bay tới trụ bên trên đảnh đầu ta đấy. Ở chỗ A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la tung cao chuỗi hoa báu đã bay tới trụ bên vai phải ta đấy. Nơi chỗ A-tu-la vương Ba-la-đà tung cao chuỗi hoa báu đã bay đến trụ bên trên vai trái ta đó. Còn chỗ A-tu-la vương Bạt-trì-tỳ-lô-già-na tung cao chuỗi hoa báu cũng bay tới và trụ nơi phía trước ta đó.

Lúc này, Ma vương Ba-tuần từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng về Phật chắp tay cung kính lễ bái và

thưa:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Chúng A-tu-la ấy đã được đội ơn của Đức Phật. Tôi nay cũng xin khiến cho chúng A-tu-la trở lại được đầy đủ sự an lạc, lợi ích lớn như trước.

Đức Phật nói với ma Ba-tuần:

–Ngươi nay khỏi phải nói đến chuyện ấy nữa. Ta đã khiến cho chúng A-tu-la lại có được đầy đủ sự an lạc như trước. Các cung điện, thành ấp của chúng A-tu-la bị quấy nhiễu, đe dọa ấy, ta sẽ chuyển đổi hoàn toàn trở lại như cũ với mọi vẻ an lành vi diệu hơn hẳn. Vì sao? Vì bốn vị đại vương A-tu-la ấy là chỗ quen thân cũ của ta. Như thế thì hết thảy chúng A-tu-la hiện có ấy, đối với ta luôn có sự tin tưởng, kính ngưỡng, tôn trọng, sinh tâm hy hữu. Hôm nay, chẳng bao lâu nữa họ sẽ tới đây để nghe pháp.

Ma vương Ba-tuần lại sinh tâm ác, bèn suy nghĩ: "Ta là kẻ được tự tại bậc nhất trong hết thảy các loài ở Dục giới, đối với mọi chúng sinh có thể tạo ra vui hay khổ. Sa-môn Cù-đàm ấy, sao có thể, huyễn hoặc, nhiều lời với bao thứ yêu tà, lại dám cùng ta cạnh tranh, muốn hơn thua với ta? Thích, Phạm, Tứ vương, Ma-hê-thủ-la, Na-la-diên thiên, Chuyển luân thánh vương… tất cả chúng sinh không một ai có thể cùng ta tranh hơn thua. Thảy đều e ngại ta cả! Nay Sa-môn Cù-đàm này đã dối

tạo khiến bao thứ cõi thiên hạ kéo nhau tới đây, chen chúc đầy cả nơi mặt đất cũng như nơi không trung, là thảy đều nhằm được thấy Sa-môn Cồ-đàm và nghe pháp của ông ta. Bây giờ đến cả loài súc sinh hạ tiện là đám A-tu-la cũng được đội ơn thu phục. Ta nay sẽ dốc tạo ra cảnh giới của ma, dựa vào uy lực thần thông để tăng thêm chỗ vui chơi thỏa thích. Lại tạo tác mọi sự huyễn làm não loạn Sa-môn Cù-đàm ấy, cũng nhằm hàng phục chúng hội đông đảo ở đây.”

Lúc này, ma Ba-tuần nhìn đám quyến thuộc và đọc kệ:

Các ma đều nên nhớ
Ta luôn hàng phục oán
Cùng quấy nhiễu hội này
Và ngăn A-tu-la!

Đức Thế Tôn bèn đọc kệ:

Các ngươi biết lực ta
Xưa nơi cội Bồ-đề
Thiên, thần làm minh chứng
Ta tu pháp chân chánh.
Theo sức ngươi hiện có
Mặc sức mà thi thố
Như não loạn được ta
Ta sẽ quy ngưỡng ngươi.

Ma vương Ba-tuần nghe xong kệ của Phật càng tăng thêm sự giận dữ, oán hận tột độ nên

dùng hết thảy sức mạnh của ma với cảnh giới thần thông nhằm gia tăng chỗ vui chơi thỏa thích, liền niệm bốn phương với thứ gió nóng bức hòng khiến cho đại chúng nơi pháp hội bị thứ gió nóng ấy áp đảo phải khuất phục. Ngay vào lúc này, Đức Thế Tôn liền nhập pháp Tam-muội Tồi phục ma lực. Do từ diệu lực của pháp Tam-muội đó nên tức thời khắp bốn phương lại nổi lên loại gió mát lành, mang theo hương thơm vi diệu bậc nhất thổi mạnh vào chúng hội, chạm nơi thân mọi người, khiến ai nấy đều sung sướng, thoải mái. Ma vương Ba-tuần biết rõ sự việc ấy, liền ở nơi trước Đức Phật hóa ra một khối lửa lớn. Đức Thế Tôn liền ở nơi đó hóa ra một ao lớn đầy nước trong lành, mát mẻ, nước từ trong ao tung vọt lên cao dập tắt khối lửa kia. Ma vương trông thấy vậy, lại ở nơi không trung tuôn xuống như mưa những tảng đá lớn. Đức Phật liền biến những tảng đá đang rơi ấy thảy đều trở thành vô số đủ loại thiên hoa tuôn rải xuống khắp chốn.

Ma vương Ba-tuần cùng với đám quyến thuộc lại dùng hai tay của chúng lay mạnh núi Khư-la-đế nhằm mau chóng làm chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới. Đức Phật liền biến đất nơi khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới này trở thành kim cương, khiến đám ma chẳng có thể làm lay động nổi một chút bụi nữa là lay động được gì! Ma vương lại dùng sức mạnh của sự nóng giận hướng

tới trú xứ của chúng A-tu-la, từ nơi miệng hà hơi phóng ra luồng khí tạo thành đám mây đen kịt khiến cho các cung điện, thành ấp ở đấy chìm trong màn tối tăm, u ám, nhằm làm cho chúng A-tu-la trở lại cảnh mê hoặc không thể đi lại được. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tức thì biến luồng khí kết nên mây đen kia trở thành vô số đám mây thiên hoa vi diệu.

Lúc này, ở nơi cung điện, thành ấp của bốn A-tu-la vương lại có những trận mưa tuôn xuống vô số các loại thiên hoa, và trong đám mưa hoa ấy đã phát ra trăm ngàn pháp môn vi diệu. Đó là âm thanh nói về ba ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng; âm thanh của sáu pháp Ba-la-mật: Từ Bố thí ba-la-mật cho đến Trí tuệ ba-la-mật; âm thanh ba hành thiện, âm thanh ba quy y, âm thanh ba luật nghi, âm thanh ba bất hộ, âm thanh ba y chỉ, âm thanh ba giống Bồ-đề, âm thanh ba thừa, âm thanh ba tu học, âm thanh ba thứ thiện căn, âm thanh vượt khỏi ba cõi, âm thanh ba thọ, âm thanh ba cửa giải thoát, âm thanh ba thị hiện, âm thanh bốn Niệm xứ, âm thanh bốn Chánh cần, âm thanh bốn Như ý túc, âm thanh bốn bất hoại tín, âm thanh bốn Thiền, âm thanh bốn phạm trụ, âm thanh bốn nhiếp, âm thanh bốn Trí vô ngại, âm thanh bốn Định vô sắc Tam-ma-bạt-đề, âm thanh bốn Thánh đế, âm thanh năm Căn, âm thanh năm Lực, âm thanh chi Tam-muội, âm thanh năm giải thoát

nhập, âm thanh sáu căn hiển thị, âm thanh sáu hòa kính, âm thanh sáu niệm, âm thanh sáu Thông, âm thanh bảy Thánh tài, âm thanh bảy thức trụ, âm thanh bảy Giác phần, âm thanh tám Thánh đạo, âm thanh chín định thứ lớp, âm thanh mười Thánh xứ, âm thanh mười Lực Phật, âm thanh đại Từ, âm thanh đại Bi, âm thanh nhân duyên sinh khởi, âm thanh tâm chẳng thể hoại, âm thanh lìa tất cả ác kiến, âm thanh không quên tâm Bồ-đề, âm thanh không thoái chuyển, âm thanh nhẫn nhục, âm thanh Tam-muội, âm thanh Đà-la-ni, âm thanh đạt được thọ ký, âm thanh Nhẫn vô sinh, âm thanh khổ hạnh, âm thanh mười Địa, âm thanh mười tám pháp Bất cộng của Phật, âm thanh đạt đến Bồ-đề, âm thanh chuyển pháp luân, âm thanh chẳng thể hoại Phật, âm thanh xả, âm thanh lìa chán, âm thanh định giải thoát, âm thanh diệt, âm thanh thành tựu chúng sinh, âm thanh thu nhận chánh pháp, âm thanh biện tài, âm thanh vô thường, âm thanh khổ, âm thanh vô ngã, âm thanh không, âm thanh vô sở tác, âm thanh tịch tĩnh, âm thanh vô sinh, âm thanh như, âm thanh thật tế, âm thanh nhập pháp giới, âm thanh không chúng sinh, không thọ mạng, không dưỡng dục, không kẻ thọ, như như, không sinh không diệt, không thường không đoạn, không đi không đến, không trụ không hành. Âm thanh đại thần thông biến hóa, âm thanh dốc giữ gìn giống Tam bảo, cho đến nhập đại Bát-

niết-bàn. Âm thanh về sự khổ của gánh nặng năm ấm nơi sáu cõi trời, người, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Âm thanh về sự lưu chuyển liên tục trong sinh tử cùng với ái biệt ly. Âm thanh về tính chất tù ngục của sự lưu chuyển nơi tất cả pháp hữu vi như huyễn, như thân cây chuối, như trăng trong nước, như tiếng vang. Âm thanh về tín, niệm, tinh tấn, nhẫn nhục, cùng với trí tuệ, mười nẻo nghiệp thiện, thọ trì. Âm thanh về sự ra khỏi dòng lưu chuyển tù ngục. Nói chung là nơi đám mưa hoa ấy đã phát ra trăm ngàn vô lượng thứ âm thanh như thế, và những âm thanh này đã khiến cho vô số a-tăng-kỳ chúng A-tu-la đối với Tam bảo càng có được sự kính tín sâu xa, tôn quý, quy y, sinh tâm hy hữu, khao khát mong muốn được chiêm bái Đức Thích-ca Mâu-ni, cùng lãnh hội chánh pháp, cúng dường chúng Tăng, hết sức kinh sợ về sự lưu chuyển trong cõi sinh tử cùng sự ái biệt ly, mong đạt đến Niết-bàn. Hết thảy chúng A-tu-la ấy đều cùng niệm lớn:

–Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Như Lai! Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Như Lai! Chúng con nay xin đến để chiêm ngưỡng Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, lễ bái cúng dường, nghe pháp cùng cung kính phụng sự chúng Tăng, nhằm được xem chúng hội tập họp đông đảo, nhằm cầu thừa Bồ-đề vô thượng, nhằm chứng kiến sự thoái lui, rơi rụng ngọn cờ của lũ ma ác và sự kiến lập ngọn cờ chánh

pháp, vì dòng giống Tam bảo không hề bị đoạn tuyệt, vì nhằm được lãnh hội pháp môn Thánh đế Đệ nhất nghĩa, vì nhằm dứt hẳn các phiền não khổ hoạn, vì nhằm đoạn trừ sạch mọi trói buộc của ma, vì nhằm là khô cạn sông ái dục, vì nhằm làm sung mãn biển lớn chánh pháp, vì dốc hội nhập được biển trí tuệ sâu rộng, vì muốn đem lại sự thành tựu trọn vẹn biển chúng sinh, vì nhằm để được cúng dường biển chư Phật giác ngộ. Vì vậy, chúng con cùng với hết thảy đám quyến thuộc cùng đi đến chỗ Phật, không còn bị đám ma ác đối với chúng con lấn lướt, nghênh ngang. Từ nay chúng con sẽ không còn gặp trở lại cảnh khổ như thế nữa.

A-tu-la vương Mâu-chân-lân-đà lại thưa:

–Con nay cũng cùng với các thê thiếp, cung nhân nam nữ, lớn nhỏ và đám A-tu-la phụ nữ, quyến thuộc gần đến tám vạn bốn ngàn người, tất cả thảy đều xin mặc y phục xanh với sắc xanh trang nghiêm, dùng các loại tán xanh, lọng xanh, cờ phướn xanh, xe xanh, hoa xanh, ngọc ma-ni sắc xanh làm các thứ đàn cầm, sắt, không hầu, vật báu xanh, trống xanh. Con nay sẽ dùng năm thứ âm để tạo nên âm nhạc ca múa đặc sắc hết sức trang nghiêm, cùng dẫn đám quyến thuộc đến chiêm ngưỡng Phật, cung kính lễ bái và lãnh hội pháp diệu, cung phụng chúng Tăng. Vì vậy mà chúng con xin đến chỗ Phật.

A-tu-la vương Tu-chất-đa-la lại thưa:

–Con nay cũng cùng với đám thê thiếp, cung nhân nam nữ quyến thuộc gồm chín mươi chín trăm ngàn A-tu-la phụ nữ, tất cả đều mặc y phục vàng trang nghiêm, dốc lo việc cung kính cúng dường chúng Tăng, nên cùng đi tới chỗ Phật.

Lúc này, A-tu-la vương Siểm-bà-la lại thưa:

–Con nay cũng cùng với đám thê thiếp, cung nhân nam nữ quyến thuộc, trăm ngàn ức A-tu-la phụ nữ, tất cả thảy đều mặc y phục màu xanh sẫm, với những xâu chuỗi ngọc trang nghiêm, xin dốc cúng dường chúng Tăng, nên cùng đi đến chỗ Phật.

A-tu-la vương Bạt-trì-tỳ-lô-già-na lại thưa:

–Con nay cũng cùng với đám thê thiếp, cung nhân nam nữ quyến thuộc gồm chín mươi chín Tần-bà-la A-tu-la phụ nữ, tất cả thảy đều xin mặc y phục màu đỏ với các chuỗi ngọc báu trang nghiêm, cùng đi tới chỗ Phật.

Lúc này, A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la cũng thưa:

–Con nay cũng cùng với đám thê thiếp, cung nhân nam nữ, quyến thuộc gần chín mươi chín Á-sơ-hỷ-ni A-tu-la phụ nữ, tất cả thảy đều xin mặc y phục màu pha lê với các chuỗi báu trang nghiêm, cùng đi đến chỗ Phật.

A-tu-la vương La-hầu-la cũng thưa:

–Con nay cũng cùng với phu nhân, thể nữ, nam

nữ quyến thuộc cùng Thể điền chủ Phụ Dung Vương và các Trưởng giả, thần tướng tả hữu, thành ấp xóm làng với mọi chúng nhân hiện có như: Hằng hà sa số A-tu-la phụ nữ, tất cả thảy đều xin mặc y phục màu mã não, cùng cờ phướn, lọng báu, tơ vàng, châu ngọc, chuỗi báu, ngọc báu ma-ni, hương hoa, hương xoa, xe cộ đều cùng một màu sắc mã não. Lại đem theo các thứ trống, tù và, đàn cầm, sắt, không hầu, ống tiêu, ống sáo, các loại kỹ nhạc, ca múa hay đẹp, hết mực trang nghiêm, thảy trụ nơi hư không, vì nhằm được thấy Phật để lễ bái, cúng dường, cùng được nghe pháp và cung phụng chúng Tăng, nên đi đến chỗ Phật như trước đã nêu, thảy đều thể hiện đầy đủ hình tướng, màu sắc trang nghiêm, đẹp đẽ vi diệu bậc nhất, thật ít có, chưa từng có, vì từ trước đến nay chưa từng được nghe các sự việc hết sức lớn lao, trang nghiêm như thế, nên từ chốn cư trú của chúng A-tu-la đi đến trụ nơi không trung.

A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la cùng với đám quyến thuộc dùng năm âm tấu nhạc, ca múa vui thích, đi đến vương sở của A-tu-la vương La-hầu-la để dẫn đầu.

A-tu-la vương Ba-la-đà cùng với đám quyến thuộc thảy đều hết sức trang nghiêm, đi tới chỗ A-tu-la vương La-hầu-la dàn rộng nơi phía tòa bên phải.

A-tu-la vương Bạt-trì-tỳ-lô-già-na cùng với

đám quyến thuộc, cũng lại có đủ sự trang nghiêm hết mực như thế, cùng đi tới chỗ A-tu-la vương La-hầu-la dàn rộng ra nơi tòa phía bên trái.

A-tu-la vương Siễm-bà-la cùng với đám quyến thuộc cũng giữ vững sự trang nghiêm cùng đi đến vương sở của A-tu-la vương La-hầu-la, ở nơi phía sau dàn rộng ra.

A-tu-la vương Mâu-chân-lân-đà cùng với đám quyến thuộc, xe cộ người vật cũng rất mực trang nghiêm chỉnh tề, cùng đi đến chỗ A-tu-la vương La-hầu-la, ở phía trên dàn bày ra.

A-tu-la vương Tu-chất-đa-la cùng với đám quyến thuộc cũng hết sức trang nghiêm như vậy, cũng đều đi đến vương sở của A-tu-la vương La-hầu-la, ở nơi phía dưới dàn bày ra.

Bấy giờ, trong vương sở của A-tu-la, vương La-hầu-la cùng với đám quyến thuộc với hình tướng, màu sắc vô cùng trang nghiêm như thế, năm âm kỹ nhạc cùng lúc hòa tấu, ca múa vui thích, âm thanh hòa quyện, dẫn đầu đám, đi tới chỗ Phật, lại dùng hai tay cầm vô số các thứ hoa tươi tốt, chuỗi hoa quý giá, hương xoa, hướng về Đức Phật từ xa tung rải lên cao để phụng hiến. Đi đến núi Khư-la-đế, ở trên cao tạo ra đám mây lớn nơi không trung và trụ ở đấy.

Lúc này, tại núi Khư-la-đế là chốn chư Tiên tịch mặc nương tựa an trú, từ trên cao tuôn xuống

như mưa vô số đủ loại nào vật báu, hoa tươi, chuỗi hoa quý, hương xoa… Cùng lúc trong chúng hội có nhiều chúng sinh suy nghĩ: "Như sắp có sự việc gì đấy, hay do từ những diệu lực nào mà hiện ra trước những điềm lạ như thế".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Tuệ mạng Da-xá:

–Chư Tỳ-kheo các vị phải nên tự chánh niệm thu tâm an trụ, chớ để tán loạn.

Đức Thế Tôn lại nói với Tôn giả Tuệ mạng Da-xá:

–Chư Tỳ-kheo các vị phải nên dùng tinh tấn thu tóm tâm an trụ, chớ để tán loạn. Nếu tạo được tinh tấn, khiến ý luôn được giữ gìn, không hề bị phân tán, loạn động thì có thể ngăn dứt mọi nẻo phiền não cùng trừ diệt bao lối khổ, có thể trụ nơi chân đế Đệ nhất nghĩa, có thể hoàn tất sáu pháp Ba-la-mật, chẳng bao lâu tất thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vào lúc này, chư vị A-tu-la vương cùng với tất cả đám quyến thuộc, kỹ nữ sắp sửa đến đây, cùng tấu năm âm kỹ nhạc, hòa hợp tạo nên sự trang nghiêm hết mực nhằm lễ bái cúng dường ta và lãnh hội chánh pháp. Vì vậy, chư vị chớ nên tán loạn, phải nên chuyên niệm an trụ.

Lúc này, hết thảy chúng A-tu-la cùng với đám quyến thuộc vừa kịp đi tới núi Khư-la-đế, nhiễu

quanh núi theo phía tay phải ba vòng, xong thì cả thảy cùng đi đến chỗ Đức Thế Tôn.

A-tu-la vương La-hầu-la hướng về Đức Thế Tôn cung kính đảnh lễ, đi nhiễu quanh ba vòng theo phía tay phải, xong thì đứng yên nơi phía trước, tay cầm lấy ngọc báu ma-ni màu sắc tuyệt đẹp, luôn tỏa sáng, thường được Phạm thiên cài nơi búi tóc mình, đem đặt ở phía trước Đức Phật. Lại dùng vô số hoa quý, hương bột, cờ phướn, lọng báu, tơ vàng, châu ngọc, chuỗi báu, thêm vào đấy là vô số điệu ca múa, tấu hòa nhạc để cúng dường. Rồi A-tu-la vương hướng về Phật chắp tay cung kính đọc kệ ca ngợi:

Bậc Đại sĩ tâm định
Đem đến mọi an lạc
Thường pháp thí đèn pháp
Trí tuệ pháp thêm tăng.
Thế Tôn đốt đuốc pháp
Người trời thảy đều biết
Pháp hy vọng thông đạt
An trụ nẻo Niết-bàn.
Chỉ Phật trùm mọi chúng
Như lọng phủ hết thảy
Dứt trừ các ma ấm
Ma tử, ma phiền não.
Hàng phục ma, chúng quân
Bao tâm ý xấu ác
Đảnh lễ nơi Thế Tôn

Dũng mãnh, thương muôn loài.
Ma ấy tâm cực ác
Thường tạo mọi việc ác
Điều đó chúng vui cười
Nhằm khiến chúng sinh khổ.
Nơi cung A-tu-la
Mây khổ thảy giăng phủ
Phật liền khởi tâm Từ
Giúp chúng A-tu-la.
Phật luôn vì chúng sinh
Tu tập nẻo khổ hạnh
Nhiều kiếp tu bố thí
Hành nhẫn cùng trí tuệ.
Thế Tôn lại chẳng tạo
Mọi thứ hành ác khác
Phật đem muôn việc lành
Khiến chúng con an lạc.
Chỉ Phật, Bậc Tinh Tấn
Ba cõi chẳng kẻ bằng
Lìa mọi phiền não buộc
Giải thoát khỏi ba cõi.
Phật luôn vì muôn loài
Từ bi mà luôn chuyển
Lễ Phật núi chẳng động
Tâm Từ bi mãi trụ.

Bấy giờ, A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la cùng với đám quyến thuộc của mình đầu mặt cung kính đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi đi nhiễu quanh chỗ

Phật theo hướng tay phải ba vòng xong, thì đứng yên nơi phía trước Phật, liền đem ngàn cân vàng Diêm-phù-đàn đặt ở trước Đức Thế Tôn. Lại dùng ngọc báu ma-ni Nhật ái bảo đặt bên trên chỗ Phật. Lại có vô số đủ loại vật báu, hương hoa, cùng với muôn ngàn các điệu ca múa, kỹ nhạc, tất cả là nhằm để cúng dường Phật. A-tu-la vương chắp tay cung kính đọc kệ tán thán:

Thích, Phạm đại tự tại
Luân vương, Na-la-diên
Hộ thế cùng Ba-tuần
Diệu lực không như thế.
Chúng Thiên, Long, Dạ-xoa
Người và A-tu-la
Cũng không như Thế Tôn
Từ bi diệu lực lớn.
Chỉ Phật vượt muôn loài
Như đất chẳng vui giận
Nhẫn vượt hết thảy ác
Cùng kẻ tạo nghiệp ác.
Luôn xem mọi chúng sinh
Như mẹ hiền thương con
Tâm bình đẳng hết thảy
Vì thế đảnh lễ Phật.
Xin giữ một pháp này
Chớ khiến ma trở lại
Chẳng cho chúng được thấy
Tạo mọi nẻo hại ác.

Tất cả sân nộ ác
Cùng bao thứ cực ác
Lời thật nguyện nói chú
Hàng phục mọi quân ma.
Như người thân không bệnh
Khỏi phải cầu thầy thuốc
A-tu-la như vậy
Vô sự không chấp Phật.
Con nay rất hoan hỷ
Đi đến nơi chốn Phật
Xin nói pháp thanh tịnh
Khiến đạt nẻo Bồ-đề.
Chỉ rõ như Thánh hiền
Định tịch như hư không
Xa lìa mọi đường ác
Cùng lìa ngã, ngã sở.
Chóng thông tỏ cõi Phật
Trừ sạch mọi phiền não
Mau đoạn mọi trói buộc
Tỏ được đạo Tối thượng.

Lúc này, A-tu-la vương Ba-la-đà cùng với đám quyến thuộc cung kính đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh theo hướng tay phải ba vòng, tay cầm vô số cây báu màu sắc xen nhau, hình dáng như cây Ba-trá-la làm bằng bảy thứ châu báu, đem đặt nơi phía sau chỗ Phật. Lại đem vô số là hoa, quả, tơ vàng, châu ngọc, chuỗi báu, chuỗi hoa thiên sinh bảo, y phục Thiên anh, vàng ngọc chỉ ấn, lọng

báu, cờ phướn, các thứ chuỗi báu dùng mang nơi tay, chân, cánh tay, tất cả để thể hiện đầy đủ sự trang nghiêm quý báu, đem đặt nơi không trung rủ xuống bên trên đỉnh đầu Đức Thế Tôn, nhất tâm cung kính chắp tay đọc kệ ca ngợi:

Chúng sinh thường tạo ác
Lửa phiền não thiêu đốt
Mong lạc luôn chẳng được
Chẳng gặp bậc Thí lạc.
Thảy đều trụ nẻo ác
Chỉ Phật: Thuốc muôn loài
An trụ đạo giải thoát
Cứu vớt bao kẻ khổ.
Chỉ Phật chủ khen người
Ba cõi nào có ai
Thương đem nước trí tuệ
Mọi đức đầy như biển.
Vì kẻ mù mất đường
An trụ nơi nẻo chánh
Dẫn dắt mọi chúng sinh
Trụ cảnh giới Niết-bàn.
Phàm phu đói chẳng đủ
Chỉ Phật đem no đầy
Thường rơi vực phiền não
Chỉ Phật mới cứu vớt.
Gặp khổ bệnh nhận chìm
Khổ bức mất chánh niệm
Bao khổ chồng chất ấy

Đạo sư dốc tâm cứu.
Những chúng sinh tâm ác
Rồng, quỷ, chúng La-sát
Thấy Phật được chánh niệm
An trụ tâm đại Bi.
Chỉ Phật nơi ba cõi
Làm Bậc cứu giúp đời
Chúng con đã cô độc
Tất bị mọi khổ bức.
Nên chúng con nhất tâm
Trụ nơi các pháp lạc
Mong thuyết nghĩa tối thượng
Khiến đạt nẻo Bồ-đề.
Do đạt nơi Phật nhãn
Trí chư Phật tối thượng
Chóng hàng phục ma oán
Xin tuôn mưa chánh pháp.

A-tu-la vương Bạt-trì-tỳ-lô-già-na hướng dẫn đám quyến thuộc của mình cung kính đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đi nhiễu quanh theo hướng tay phải ba vòng, ở nơi hai bên: bên phải, bên trái Đức Thế Tôn dâng đầy lên vàng Diêm-phù-đàn. Lại đem vô số đủ loại vật báu, hoa quý, hương quý, hương tán, lọng báu, cờ phướn cùng sợi vàng, châu ngọc, chuỗi báu và vô số các điệu ca múa, hòa tấu nhạc, tất cả là để cúng dường Đức Phật. A-tu-la vương cung kính chắp tay đọc kệ tán thán:

Ruộng phước, nước phước đức

Giống phước, mầm phước đức
Cây phước, cành phước đức
Nhánh phước, lá phước đức.
Hoa phước, vị quả phước
Nước vị phước tối thượng
Sắc phước, bóng hình phước
Hạt phước đức thành tựu.
Phước Phật lành, kiên cố
Lực phước thu phục người
Sắc phước bậc dũng mãnh
Núi phước đức chẳng động.
Hoa phước Bậc che phủ
Thuốc phước chốn thân nương
Núi phước đỉnh cao tột
Tung nước phước trí tuệ.
Biển phước đức rộng sâu
Chúng sinh nương phước đức
Phước diệu nguồn các báu
Vị phước như biển lớn.
Đồ phước đầy cam lộ
Nguyện phước đều viên mãn
Phước đổi trao luôn hướng
Cõi nước báu dứt lậu.
Chúng con các phước kém
Nay dốc quy y Phật
Thánh phước đức bình báu
Xin thương cho chúng con.

Bấy giờ, lại có vị tiên A-tu-la tên là Nhất Thiết

Bồ-đề Man gồm đủ phước đức, uy lực, trí tuệ lớn lao, tu tập khổ hạnh, dùng tâm Bồ-đề để tạo nên sự trang nghiêm cho mình, đạt được năm thứ thần thông, lìa bỏ năm thứ bụi bặm cấu nhiễm, đem lại sự thành tựu và an trụ cho hết thảy chúng sinh, thường giáo hóa tất cả chúng sinh A-tu-la nhận lãnh việc cúng dường, là bậc Đạo sư vô thượng của hàng A-tu-la, cùng với chín vạn năm ngàn vị tiên A-tu-la đạt được đầy đủ năm Thần thông, trước sau vây quanh, tất cả cùng đi đến chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ dưới chân Phật, đem bình bằng vàng ròng đựng đầy nước tám công đức đặt nơi phía trước Đức Phật, cùng dâng lên một chiếc gậy báu, lại cùng với đám quyến thuộc đông đảo kia, mỗi mỗi người đều cầm thứ lọng báu khác lạ, dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn, đi nhiễu quanh theo hướng tay phải ba vòng, rồi cùng chắp tay hướng về Đức Phật cung kính đọc kệ ca ngợi:

Nhẫn nhục như đại địa
Nước nhẫn luôn tràn trề
An trụ nơi nhẫn tịnh
Nên tâm không chốn mất.
Tham ái, phiền não dứt
An định nơi của tin
Phật trụ tâm Từ bi
Dẫn chúng đến đạo giác.
Thuyết pháp giống như trước
Nếu nghe pháp như thế

Yêu thích tâm Bồ-đề
Đạt được nghĩa bậc nhất.
Đại Bi mong điều phục
Bao hàng kẻ thấp kém
Xin nhận chúng Tu-la
Chỗ hiến cúng vật báu.
Ba cõi mọi dâng cúng
Lìa bỏ, không chút nhiễm
Chỉ Phật sạch phiền não
Nhận cúng dường thế gian.
Phật đem giác ngộ lớn
Chúng sinh ba cõi kính
Mong thuyết Đệ nhất nghĩa
Vì nhằm đạt giải thoát.
Con nơi Câu-lưu-tôn
Từng nghe Đệ nhất nghĩa
Câu-na-hàm Mâu-ni
Phật Ca-diếp cũng vậy.
Con đem sức tự nguyện
Ứng hiện A-tu-la
Nhằm hóa độ chúng ấy
Tu tập đạo Bồ-đề.
Nghe pháp đạt kho đức
Lại đem nêu dẫn người
Hàng phục đám ma ác
Thắp sáng đèn chánh pháp.
Nơi đời ô trược này
Khó có người công đức

Phật hiện mọi cảnh giới
Rõ thần lực Phật diệu.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 48

Phẩm 15: NGUYỆT TẠNG

Phần 4: NÓI VỀ SỰ VIỆC ĐỜI TRƯỚC CỦA CÁC VỊ ĐỆ TỬ PHẬT

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Di-lặc liền rời chỗ ngồi đứng dậy, để trần vai bên phải, sửa lại y phục, chắp tay hướng về Đức Phật cung kính thưa:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Ai cũng rõ Đức Thích-ca Mâu-ni từ một họ lớn thuộc chủng tộc Sát-lợi cao quý, là thái tử của vua Tịnh Phạn ở kinh thành Ca-tỳ-la. Nay bốn vị A-tu-la vương thống lãnh chúng A-tu-la kia là loài chúng sinh hết sức thấp kém. Vì sao Đức Thế Tôn cho họ là người thân của mình?

Đức Phật nói với Bồ-tát Ma-ha-tát Di-lặc:

–Thời quá khứ xa xưa thuộc kiếp thứ ba mươi mốt có Phật xuất hiện ở đời hiệu là Tỳ-xá-phù Như Lai, mười tôn hiệu gồm đủ. Đức Phật luôn vì bốn chúng thuyết giảng chánh pháp. Bấy giờ, có một vị Bà-la-môn danh tiếng tên là Phất-sa-da-nhã, đã

từng ở trong quá khứ vun trồng các căn lành nơi vô lượng chư Phật, không hề thoái chuyển đối với đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quy y Tam bảo và có được đầy đủ lòng tin tưởng sâu xa, thọ trì năm giới xa lìa hẳn mọi phóng dật. Vị Bà-la-môn Phất-sa Da-nhã có cả thảy tám người em trai. Người thứ nhất tên Phất-sa Kim Cương, người thứ hai tên là Phất-sa Na-tỳ, người thứ ba tên là Phất-xa Xá-lợi, người thứ tư tên là Phất-sa Bạt-ma, người thứ năm tên là Phất-sa Xa-đề, người thứ sáu tên là Phất-sa Thọ, người thứ bảy tên là Phất-sa Tỳ-ly, người thứ tám tên là Phất-sa Na-đề. Vị Bà-la-môn Phất-sa Da-nhã này luôn khuyến khích các người em mình:

–Này các hiền thủ! Các em nay nên quy y Tam bảo Phật, Pháp, Tăng, thọ trì năm giới, xa lìa mọi nẻo phóng dật cùng phát tâm dốc cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Mặc cho người anh khuyên bảo, các người em kia đều không chịu quy y Tam bảo cũng như phát tâm Bồ-đề dốc cầu đạo quả Vô thượng. Trong nhiều năm liền, người anh luôn tìm cách khuyến khích các em mình về chuyện quy y phát tâm, và hỏi:

–Này các em! Do đâu các em không chịu quy y Tam bảo cũng như chẳng chịu phát tâm Bồ-đề, hẳn là có ý gì hay có chỗ mong cầu gì chăng?

Các người em liền thưa:

–Anh như có thể trong ngàn năm tu tập hai uy nghĩ, chỉ đi chứ không ngồi không nằm, trải qua bảy ngày đêm chỉ ăn một ít. Tu tập hạnh khó khăn như thế đầy đủ trong hàng ngàn năm, nếu được như vậy thì sau đấy chúng em sẽ quy y Tam bảo thọ trì năm giới lìa hẳn mọi phóng dật, phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng.

Này Bồ-tát Di-lặc! Bấy giờ vị Bà-la-môn Phất-sa Da-nhã nghe các em mình nói như thế thì nhất tâm hoan hỷ, liền vì họ mà lập thệ nguyện:

–Các em! Như các em có thể quy y Tam bảo, cho đến có thể phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không hề thoái chuyển thì anh nay tất sẽ trong ngàn năm không ngồi không nằm, bảy ngày bảy đêm chỉ giới hạn ăn chút ít!

Ta lập thệ nguyện xong thì trong ngàn năm hoặc ngày hoặc đêm, cho đến chỉ khoảnh khắc một sát-na, không hề nghĩ đến việc nằm ngồi, cho tới trong bảy ngày đêm, nếu ăn uống vượt quá mức đã thệ nguyện kể trên, thì vĩnh viễn sẽ khiến xa lìa ba đời chư Phật, lìa sáu pháp Ba-la-mật, lìa mười đường nghiệp thiện, không thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ nơi không trung, có đến trăm ngàn ức na-do-tha vô lượng chư Thiên tán thán:

–Lành thay, lành thay! Bậc Đại sĩ! Đã quyết định dũng mãnh kiên cố với một sức mạnh vô cùng lớn lao. Đại sĩ ở nơi đời vị lai, trong cảnh chúng sinh còn mê lầm tăm tối tôi sẽ được thành Phật là bậc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, tiếng tăm vang động ở cõi trời.

Lúc này, Đức Phật Tỳ-xá-phù, do việc Bà-la-môn Phất-sa Da-nhã đã tạo được công đức Đầu-đà như thế nên khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Vị đại Bà-la-môn! Ngươi nay đã thực hiện những uy nghi khổ hạnh ấy, tu tập Bố thí ba-la-mật cho đến Trí tuệ ba-la-mật, nên ở đời vị lai trong đại Hiền kiếp thứ ba mươi mốt, thọ mạng của con người bấy giờ là một trăm năm, sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni với các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, tiếng tăm chấn động thế gian. Bấy giờ, người sẽ thọ ký cho tám người em mình đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Di-lặc! Vị Bà-la-môn Phất-sa Da-nhã ấy, đầy đủ trong ngàn năm đã không hề nằm, ngồi, trải qua bảy ngày đêm chỉ giới hạn mức ăn uống một ít, đã đủ một ngàn năm nên khiến cho tám người em của ông ta an trụ nơi ba quy y, thọ trì năm giới cùng phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Này thiện nam! Ông Phất-sa Da-nhã đó đã hóa

độ tám người em của mình cùng với vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha người khác nữa, gồm các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, nam nữ, trẻ em gái trai, đều có được sự hiểu biết trọn vẹn về chánh pháp, nên ở trong pháp của Đức Như Lai Tỳ-xá-phù xuất gia học đạo. Bấy giờ, mọi kinh luận được thuyết giảng giải thích cùng với các thứ sách vở bên ngoài ông ta thảy đều trì tụng không hề quên, lại vì người khác diễn nói, sau đấy mới đến trong khu rừng vắng vẻ thực hiện thành tựu pháp Thiền ba-la-mật thuộc chân đế Đệ nhất nghĩa, tạo được sự hòa hợp, an trụ trải qua năm vạn năm. Trong khoảng thời gian này, lại tạo được sự thành tựu trọn vẹn cho vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha a-tăng-kỳ Thiên, Long, Dạ-xoa, A-tu-la, Già-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Súc sinh, Ngạ quỷ, Tỳ-xá-già, Nhân và phi nhân, khiến thảy đều hướng cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không còn thoái chuyển.

Này Bồ-tát Di-lặc! Vị Bà-la-môn Phất-sa Da-nhã ấy há là một người xa lạ chăng? Chớ nên nghĩ vậy, vì đấy chính là ta. Vào thời bấy giờ ta vì nhằm đem lại sự thành tựu cho tám người em của mình, nên ở trong hàng ngàn năm không hề ngồi, nằm, chỉ đi hoặc đứng, trải qua bảy ngày đêm chỉ ăn lấy một ít thôi. Cũng chính vì nhằm có được sự thành tựu đó mà ta đã từng đến chốn rừng sâu vắng vẻ, an trụ nơi Đệ nhất nghĩa trải qua năm vạn năm, lại

giáo hóa khiến cho vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha a-tăng-kỳ Thiên, Long, Dạ-xoa, A-tu-la, Già-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Súc sinh, Ngạ quỷ, Tỳ-xá-già, nhân và phi nhân thảy đều hướng cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, không hề thoái chuyển. Còn tám người em thời đó, Phất-sa Kim Cương nay chính là A-tu-la vương La-hầu-la, Phất-sa Na-tỳ nay chính là A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la, Phất-sa Xá-lợi nay chính là A-tu-la vương Ba-la-đà, Phất-sa Bạt-ma nay chính là A-tu-la vương Bạt-trì-tỳ-lô-già-na, Phất-sa Xa-đế nay chính là Ma vương Ba-tuần, Phất-sa Thọ nay chính là Bồ-tát Di-lặc. Do nhân duyên ấy nên đạt được trí vô ngại, thành bậc Nhất sinh bổ xứ an trụ nơi pháp Đại thừa, Phất-sa Tỳ-ly nay chính là Tỳ-ma-la-cật, Phất-sa Nan-đề nay chính là Đề-bà-đạt-đa. Như thế là nên chú ý, ta từ xưa vì mong cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, vì nhằm tạo được sự thành tựu cho ma Ba-tuần, nên đã thực hiện vô lượng sự việc khổ não, rất khó làm, chỉ nghe thấy cũng đủ kinh hoảng ấy, do vậy hiện nay Ma vương Ba-tuần này nhờ vào phước đức trí tuệ hai thứ trang nghiêm, nên mới có được các thứ thần thông uy lực với công năng lớn lao, ở trong cõi Dục đạt được nhiều tự tại hơn hẳn. Ma vương Ba-tuần đó cùng với đám quyến thuộc của mình, hiện nay ở nơi chỗ ta thì dấy tâm hãm hại, đối với ngọn cờ chánh pháp thì khởi tâm làm cho gãy đổ, đối với

chốn Tăng bảo thì dấy tâm phá hoại, đối với tám con đường của bậc Thánh giác ngộ thì dấy tâm dứt trừ, đối với ngọn đèn chánh pháp thì khởi tâm hủy diệt, đối với hết thảy các pháp lành của mọi chúng sinh thì dấy tâm làm cho chìm mất đi, bày ra tâm gây trở ngại cho đạo pháp, tạo tâm gây nên kinh sợ, không khởi tâm thương xót, dấy tâm trái nghịch, khởi tâm khiến mọi chúng sinh thoái lui rời bỏ nẻo thiện rơi vào cõi ác, đối với các chúng rồng thì dấy tâm làm cho hoảng sợ, đối với cung A-tu-la thì dấy tâm phá hoại, đối với nơi chốn thuyết pháp với đông đảo đại chúng tụ hội như hiện nay thì dốc lòng ngăn ngại! Vì vậy mà đi đến đây, lại khởi tâm muốn hủy hoại đông đảo đại chúng, dấy ý xấu ác như thế nên dòm ngó quanh quất mới ngồi, nhằm xem có chúng sinh nào làm chướng ngại cho người khác, nhằm nhiễu loạn kẻ khác, chế ngự người khác, khinh thị lấn hiếp kẻ khác, mong cầu được khen ngợi, cầu được tiếng tăm, dựa nơi năm thứ dục lạc mà vui chơi mặc sức, nhằm cầu phú quý nên tu hành sáu pháp Ba-la-mật. Không vì giải thoát, không vì tin tưởng tôn kính, không nhằm xa lìa tham dục đạt được tịch tĩnh, mà chỉ dốc cầu năm thứ dục lạc cho bản thân mình nên tu hành các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Tạo ra những thứ kết sử như thế là nhằm buộc chặt mọi loài nơi vòng ngu si mê muội. Ở nơi cõi Dục quả báo đã

đưa đến trọn vẹn làm cho ma Ba-tuần khổ não như vậy. Ma Ba-tuần đó, do nhằm làm chướng ngại cho kẻ khác, nhằm quấy nhiễu kẻ khác, hàng phục, khinh thị lấn hiếp kẻ khác, nhằm mong được khen ngợi, mong có tiếng tăm, dựa vào năm thứ dục lạc để vui chơi mặc sức, mong cầu phú quý, mà ở trong pháp của Đức Như Lai Tỳ-xá-phù đã tu hành các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Do nhân duyên ấy nên hiện nay các pháp lành đã hết, ở đời xấu ác đầy năm thứ vẩn đục là thân Ma vương, đối với Tam bảo không sinh lòng kính tin, không dấy tâm tôn quý, quy ngưỡng. Như thế là ma Ba-tuần thường đối với chúng sinh tạo các điều xấu ác, chẳng nhằm đem lại lợi ích cho họ, chỉ nhằm khiến họ khổ não, khiến họ bị đọa lạc vào các đường ác. Đề-bà-đạt-đa cũng như thế. Còn các vị A-tu-la vương La-hầu-la, Tỳ-ma-chất-đa-la, Ba-la-đà, Bạt-trì-tỳ Lô-giá-na, Mâu-chân-lâu-đà, cùng với những A-tu-la khác, cũng ở trong pháp của Đức Như Lai Tỳ-xá-phù, kiêu mạn buông lung luôn dấy khởi, chẳng siêng năng tu tập, lại mang lòng nghi hoặc, lẫn lộn với bao thứ phiền não, tham dục, giận dữ, ngu si, tà kiến, vô minh dấy tâm chấp chặt vào nẻo đoạn thường, cho dù có tu tập các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Do từ nhân duyên ấy mà nay sinh ở loài thấp kém thuộc nẻo A-tu-la với thân hình súc sinh khổ não, bị bao thứ

ràng buộc trói chặt trong vòng ngu si nghi lầm. Vì thế mà họ hãy còn chẳng có thể phát khởi được chánh kiến ở thế gian, nói chi tới việc phát khởi được các căn lành vô thượng. Chỉ có Bồ-tát Ma-ha-tát Di-lặc, Tỳ-ma-la-cật, cùng A-tu-la Tiên Bồ-đề Man, ở nơi pháp của Đức Như Lai Tỳ-xá-phù, không hề tạo chướng ngại cho kẻ khác, kể cả việc không hề mong cầu phú quý, chỉ nhằm vui thích trong việc xa lìa tham dục, giáo hóa chúng sinh, dốc tu tập sáu pháp Ba-la-mật. Do nhân duyên đó mà các bậc Đại trượng phu Bồ-tát Di-lặc, Tỳ-ma-la-cật, A-tu-la Tiên Bồ-đề Man đạt được trí tuệ vô ngại, dùng các công đức trang nghiêm của Bồ-tát, khéo tạo thành thuốc trí tuệ đối với tất cả chúng sinh.

Do vậy mà nay ta mới nói rõ với chư vị. Nếu có người muốn chóng đạt trí tuệ vô thượng, thì người ấy phải nên tin tưởng sâu xa vào cảnh giới thanh tịnh, dùng chân đế Đệ nhất nghĩa mà cầu Bồ-đề, chớ nên theo nẻo thế tục đế. Ví như nước nơi năm con sông lớn đổ về mới có thể làm đầy biển rộng, không dùng các con sông nhỏ. Cũng thế, nhờ dựa vào Đệ nhất nghĩa mới nhanh chóng có thể làm sung mãn hết thảy biển trí tuệ, không dùng nẻo thế tục đế. Lại như núi chúa Tu-di nhờ dựa nơi đại địa mà đứng vững lâu bền không động, không do việc dựa vào nước. Cũng vậy, nhờ nương tựa vào chân đế Đệ nhất nghĩa, mà tất cả

căn lành đều được kiên cố, không phải nhờ vào thế tục đế. Lại như hết thảy các loài cỏ cây, nhờ nương nơi đại địa mà được sinh trưởng, không nhờ vào cỏ lá. Cũng như vậy, với các pháp bốn Niệm xứ, cho đến mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, nhờ nương tựa vào chân đế Đệ nhất nghĩa mà được sinh trưởng, không đi theo nẻo thế tục đế.

Lại như gió mạnh nhờ dựa vào nơi hư không nên có thể thổi tung bay các thứ khói mây bụi mù, không dựa vào nơi đất. Cũng vậy, vì nhằm đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng mà các thiện nam, thiện nữ đã dựa vào chân đế Đệ nhất nghĩa, nên có thể thổi tung dạt hết các thứ mây ác kiến, các thứ khói phiền não cùng các bụi bặm của mười nẻo ác, không nhờ vào Thế tục đế mà có được. Lại như, nhờ nương vào ánh sáng rộng lớn của mặt trời mà thấy được mọi chốn cao thấp cùng các thứ màu sắc hình tượng và vô số nẻo hành động, chẳng phải nhờ vào ánh sáng nhỏ nhoi của đèn dầu mà có được. Cũng như vậy, nhờ nương tựa vào chân đế Đệ nhất nghĩa mà nói với tâm Bồ-đề đã dứt sạch hết mọi mê lầm, tạo các nghiệp lành, không nhờ vào thế tục đế mà đạt được. Vì thế nên lìa bỏ mọi nẻo tác động của ái, thủ, an trụ nơi chốn lâm viên thanh vắng, không theo lối phóng dật mà dốc tu tập Đệ nhất nghĩa, chẳng dựa vào nơi Thế tục đế. Được như vậy nên có thể mau chóng tu tập đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, ở nơi đạo quả Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác thành Bậc Chánh Giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhằm làm sáng tỏ ý nghĩa đã nêu nên nói kệ:

Di-lặc, Nhất sinh xứ
Hỏi bậc Tôn đạo sư
Làm sao loài súc sinh
Bảo là thân với người.
Thế Tôn thấy lâu xa
Nói với Di-lặc
Chúng Tu-la từ xưa
Đều là anh em ta.
Kiếp thứ ba mươi mốt
Thời Phật Tỳ-xá-phù
Ta làm Bà-la-môn
Không tuệ tên Da-nhã.
Sáu độ luôn thích ứng
Chẳng thoái chuyển Bồ-đề
Thời ta có tám em
Bà-la-môn tà kiến.
Khuyên kính tin Tam bảo
Cùng phát tâm Bồ-đề
Chúng đều chẳng theo lời
Do ngu si tà kiến.
Đã trải qua nhiều năm
Căn độn tạo lời này:
Anh nên trong ngàn năm
Luôn lìa chuyện ngồi nằm.

Lại trải bảy ngày đêm
Cơm chỉ ăn một nắm
Đủ ngàn năm như thế
Em sẽ trụ Bồ-đề.
Ta thời một lòng vui
Thể trụ hai uy nghi
Trải qua ngàn năm đủ
Đạt trọn vẹn thệ ấy.
Lại hóa độ chúng sinh
Dốc xuất gia lìa dục
Lại cùng Đệ nhất nghĩa
Hòa hợp hàng vạn năm.
Đệ nhất nghĩa như vậy
Ta luôn an trụ gốc
Hóa chuyển chúng vô lượng
Vững trụ đạo vô thượng.
La-hầu, Tỳ-ma-chất
Bà-trĩ, Ba-la-đà
Ba-tuần, Tỳ-ma-cật
Di-lặc cùng Bồ-đề.
Tám người ấy hôm nay
Trước đều là em ta
Vì tu tập khổ hạnh
Thành tựu nẻo Bồ-đề.
Ta vì đạo vô thượng
Hành các việc khổ khó
Ba-tuần, Đề-bà-đạt
Luôn muốn mưa hại ta.

Ma nơi thời quá khứ
Chỗ tạo các nghiệp lành
Ban đầu không tin kính
Thường nhằm quấy muôn loài.
Chỉ dốc phú quý, dục
Cầu danh chẳng tôn trọng
Nơi pháp Tỳ-xá-phù
Hành hóa đủ sáu Độ.
Pháp lành đã dứt hết
Pháp ác liền tăng thêm
Nên làm ma Ba-tuần
Trong cõi Dục tự tại.
Lại nơi ba ngôi báu
Chẳng chịu sinh kính tin
Ba-tuần, Đề-bà-đạt
Luôn nhằm nhiễu chúng sinh.
Như thế Tu-la vương
Thêm kiêu mạn phóng dật
Nghi hoặc, dục cấu nhiễu
Cùng hành bao ganh ghét.
Nay tại loài súc sinh
Mà làm Tu-la vương
Nơi các pháp tối thượng
Không trí chẳng thể tường.
Di-lặc, Tỳ-ma-cật
Tiên Tu-la Đạo Man
Tin kính Tỳ-xá-phù
Tu hành đạo Vô thượng.

Luôn cùng sáu Độ hợp
Thường giáo hóa chúng sinh
Do vậy nay thù thắng
Thành tựu trí vô ngại.
Vậy ta nên nêu rõ
Nên lìa mọi nghi hoặc
Dốc tu Đệ nhất nghĩa
Chứng Bồ-đề chẳng khó.
Như biển luôn tràn đầy
Vô số loại vật báu
Tu chân đế như thế
Nên khiến trí viên mãn.
Lại như nương đại địa
Mọi hoa màu sinh, tăng
Hợp chân đế cũng vậy
Sinh, tăng Bồ-đề thắng.
Như gió nương cõi không
Thổi tung mọi bụi mù
Tu chân đế cũng vậy
Diệt hết các phiền não.
Như nương ánh mặt trời
Thấy rõ mọi hình sắc
Nhờ trụ Đệ nhất nghĩa
Nên thấy các pháp Phật.
Vì thế muốn nhằm cầu
Nơi đời chóng thành Phật
Nên lìa mọi kiến chấp
An trụ Đệ nhất nghĩa.

Lại đến chốn rừng vắng
Ngồi yên tu thiền định
Riêng mình dốc quyết chí
Cầu Bồ-đề vô thượng.
Tinh cần thu phục mình
Ngăn giữ nơi tâm ý
Dứt bỏ mọi tà kiến
Xa lìa nẻo đoạn thường.
Rồng, Dạ-xoa tâm giận
Cùng với mọi quỷ thần
Vô lượng trăm ngàn ức
Đem chân đế hóa độ.

M

Phần 5: CHÂN ĐẾ ĐỆ NHẤT NGHĨA

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Nguyệt Tạng liền rời chỗ ngồi đứng dậy, để trần vai bên phải, đến trước Đức Phật quỳ mọp, đầu gối bên phải chạm sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật cung kính thưa:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Con nay có chỗ muốn xin hỏi, kính mong Đức Như Lai ưng thuận theo đấy mà giải thích.

Đức Phật nói với Bồ-tát Ma-ha-tát Nguyệt Tạng:

–Này thiện nam! Như Lai là Bậc Chánh Biến

Tri, Bồ-tát cứ việc nêu bày chỗ mình hỏi, Như Lai sẽ theo đấy mà giải đáp khiến Bồ-tát tâm được hoan hỷ.

Bồ-tát Ma-ha-tát Nguyệt Tạng nghe Phật nói thế liền thưa:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Con xin vâng lời. Kính thưa Đại Đức Bà-già-bà! Bồ-tát Ma-ha-tát làm thế nào để trụ nơi A-lan-nhã tu tập theo nẻo chân đế đệ nhất nghĩ đạt được viên mãn như mặt trăng? Dùng bốn thứ vô ngại để đem lại sự thành tựu trọn vẹn cho chúng sinh, có thể thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Thật đã nêu hỏi ý nghĩa thú vị như vậy! Bồ-tát ở thời quá khứ nơi vô lượng chư Phật đã vun trồng các căn lành, tu tập các công đức với mọi nẻo hành hóa viên mãn, đã từng nêu hỏi về nhiều ý nghĩa sâu xa hết mực như thế. Bồ-tát hôm nay đích thực là nhằm vì những ai chưa từng tu tập cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, vì chư thiện nam, thiện nữ nên nêu câu hỏi như vậy. Này thiện nam! Hãy cố gắng lắng nghe và khéo suy nghĩ ghi nhớ! Ta sẽ vì Bồ-tát mà phân biệt giảng rõ. Này thiện nam! Như có các hàng thanh tín thiện nam, thiện nữ, mong cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải nên nhận thức như thế này. Tất cả chúng sinh

hiện có trong ba cõi đều vì tham dục giận dữ si mê ba thứ độc ấy như lửa dữ thiêu đốt cháy bùng, sinh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não cũng đều thiêu đốt cháy bùng như thế nên chẳng được giải thoát. Lúc quan sát và nhận thức như vậy, Bồ-tát đối với mọi chúng sinh nên khởi tâm đại Bi, lại suy nghĩ: Hết thảy chúng sinh không ai là không chán ghét khổ cầu an lạc, mọi loài ấy chính đã bị nẻo khổ xoay chuyển như năm lớp bánh xe xoay vần. Lại suy nghĩ tiếp: Do nhân duyên nào mà các chúng sinh kia với bao nỗi khổ cứ tăng trưởng không khi nào dừng dứt? Trong khi suy nghĩ như vậy thì sẽ nhận biết rõ là mọi chúng sinh đều bị nhân duyên ái thủ ràng buộc khống chế nên phải nhận lấy bao khổ luôn tăng trưởng không hề dứt. Vì thế phải nên dứt bỏ hẳn nhân duyên tạo nên chỗ buộc chặt của ái thủ. Nhân đấy, hướng đến chỗ lâm viên tịch tĩnh riêng lẻ một mình, ở nơi chân đế Đệ nhất nghĩa tư duy an trụ. Như thế để trước là tự trừ khổ cho chính mình, sau đấy thì mới có thể trừ khổ cho chúng sinh. Bồ-tát như vậy là đem tâm chân thật nhằm khiến cho chúng sinh khổ đạt an lạc. Nên biết tâm ấy từ nơi đại Bi dấy khởi. Bồ-tát Ma-ha-tát dứt bỏ sạch hết thảy nhân duyên trói buộc của ái thủ, đi tới chốn lâm viên tịch tĩnh, chỉ riêng mình như loài tê giác, ở nơi bốn Thánh chủng hoan hỷ an trụ, không niệm về địa, không niệm về địa thuộc ta, không niệm về ta thuộc địa.

Với ba đại thủy, hỏa, phong cũng như thế. Lại chẳng niệm về sắc, chẳng niệm sắc của ta, chẳng niệm ta thuộc về sắc. Bốn ấm, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Lại chẳng niệm về nhãn, chẳng niệm về nhãn của ta, chẳng niệm về ta là của nhãn thức. Như thế thì cũng chẳng niệm về nhãn xúc, chẳng niệm về nhãn xúc là của ta, chẳng niệm về ta là của nhãn xúc. Như vậy là từ nhân duyên nhãn xúc mà sinh thọ, hoặc khổ, vui, chẳng khổ chẳng vui. Chẳng niệm về lạc, chẳng niệm về lạc là của ta, chẳng niệm về ta là của lạc, cho đến đối với chẳng khổ chẳng lạc cũng niệm như thế. Các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng được niệm như vậy. Chẳng niệm về ý, chẳng niệm về ý là của ta, chẳng niệm ta là của ý, cho đến do nhân duyên ý xúc mà sinh thọ, hoặc khổ, vui, chẳng khổ chẳng vui. Lại chẳng niệm về lạc, chẳng niệm về lạc là của ta, chẳng niệm về ta là của lạc, cho tới chẳng niệm về không khổ không lạc cũng như thế. Lại chẳng niệm về bốn đại, chẳng niệm về bốn đại là của ta, chẳng niệm về ta là của bốn đại, cho đến chẳng niệm về ba thọ, chẳng niệm về sáu tưởng, chẳng niệm về ba hành, chẳng niệm về sáu thức, chẳng niệm về sắc, thanh, hương, vị, xúc cũng như vậy, chẳng niệm về xứ hư không, chẳng niệm về xứ thức, chẳng niệm về xứ vô sở hữu, chẳng niệm về xứ phi tưởng phi phi tưởng. Chẳng niệm về kiến, về văn, về giác, về tri. Chẳng niệm về sự thay đổi

nối tiếp, chẳng niệm về sự xem xét nhận biết, chẳng niệm về tâm, chẳng niệm về thế gian này thế gian kia. Chẳng niệm về quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng niệm về hai nẻo đoạn thường. Chẳng niệm về Tam-muội, về thiền, về xả, về tận, về dụng, về sinh, về diệt, về ngã, về số lượng, về đen trắng, về hơn kém, về hành trụ, về ngồi nằm, về tối sáng. Chẳng niệm về tạo tác, về ba cõi, về mỗi sát-na cũng như thế.

Ha ha ha ha ha ha! Đạt la mị, đạt la mị, đạp bà soa, đạp bà yết lặc xoa di, đà bà mộc xoa di, tô bà hạ.

Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi chốn lâm viên thanh vắng tu tập theo chân đế Đệ nhất nghĩa.

Lúc Đức Phật giảng nói xong về chân đế Đệ nhất nghĩa của cảnh giới A-lan-nhã, có tới tám mươi ức trăm ngàn tần-bà-la chư Thiên và người, dốc sức tu tập thêm đối với chân đế Đệ nhất nghĩa, đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Lại có hằng hà sa số chư Thiên, người, đạt được nhẫn nhu thuận, có tới số lượng chúng sinh nhiều hơn cả cõi hư không đạt được pháp Tam-muội không quên tâm Bồ-đề. Lại còn có tám vạn bốn ngàn vị Tỳ-kheo đạt được tâm vô lậu giải thoát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói:

–Này thiện nam! Như có chư vị Bồ-tát Ma-ha-

tát, như đã nêu trên, dứt bỏ mọi nhân duyên trói buộc của ái, thủ, cho đến như ta đã nói khi giảng về chân đế Đệ nhất nghĩa, làm sao Bồ-tát Ma-ha-tát đạt đến viên mãn như mặt trăng, dùng bốn thứ vô ngại đem lại thành tựu trọn vẹn cho các chúng sinh, thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Này thiện nam! Chư Bồ-tát Ma-ha-tát quan sát nơi mọi chúng sinh đều vì ba thứ độc hại làm ngọn lửa đốt cháy bùng lên, sinh lão bệnh tử lo buồn khổ não thiêu đốt cháy bùng lên nên chẳng được giải thoát. Lúc có được quan sát và nhận biết như thế, Bồ-tát đối với mọi chúng sinh kia khởi tâm đại Bi, đó là Bồ-tát Ma-ha-tát đã đạt được như mặt trăng, tỏa chiếu xua trừ mọi nẻo vô minh đen tối của chúng sinh khác nào lúc mặt trời, mặt trăng mới xuất hiện. Như Bồ-tát Ma-ha-tát vì nhằm dốc trừ mọi khổ não của chúng sinh nên lìa bỏ mọi nhân duyên trói buộc của ái, thủ, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã đạt được như mặt trăng, tỏa chiếu xua trừ mọi nẻo vô minh tối tăm của chúng sinh, cùng với nghĩa vô ngại tương ứng, làm cho mọi chúng sinh thành thục, thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật nên như là hai vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát đi đến chốn lâm viên tịch tĩnh, chỉ riêng một mình, như loài tê giác, vui vẻ an trụ nơi bốn Thánh chủng, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã đạt được như mặt trăng, tỏa chiếu xua trừ bao thứ vô minh tăm tối, cùng với pháp vô

ngại tương ứng đem lại sự thành tựu cho chúng sinh, thực hiện đủ sáu pháp Ba-la-mật nên như là ba vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập nẻo chân đế Đệ nhất nghĩa, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã đạt được như mặt trăng, tỏa chiếu xua trừ mọi nẻo vô minh tăm tối của chúng sinh, thực hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật nên như là bốn vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát, ở nơi cảnh giới trong ba cõi với hết thảy mọi thứ dục lạc, thảy đều dứt bỏ để dốc tu theo nẻo chân đế Đệ nhất nghĩa, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã đạt được như mặt trăng, tỏa chiếu xua tan bao nguồn ái dục của chúng sinh, cùng với lạc thuyết vô ngại tương hợp, đem đến cho chúng sinh mọi thành tựu trọn vẹn, thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật nên như là năm vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát từ bỏ mọi dục lạc trong cõi người hiện có, cũng không mong cầu nơi năm thứ dục lạc mà dốc tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã đạt được như mặt trăng, tỏa chiếu xua tan bao nẻo tối tăm giận dữ của chúng sinh, đem lại cho họ sự thành tựu trọn vẹn, có thể thực hiện đầy đủ pháp Bố thí ba-la-mật, do vậy Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi chúng sinh như là sáu vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi cảnh giới đạt được

pháp định Xa-ma-tha, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã đạt được như mặt trăng, tạo được sự thành tựu trọn vẹn cho chúng sinh, có thể thực hiện đầy đủ pháp Trì giới ba-la-mật, vì vậy Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi chúng sinh như bảy vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với mọi cảnh giới trong ba cõi, dừng dứt mọi sự kết hợp, không phân biệt sân giận, không phân biệt Từ bi, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã tạo được mọi thành tựu cho chúng sinh, có thể thực hiện đầy đủ pháp Nhẫn nhục ba-la-mật, vì vậy mà Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi chúng sinh như tám vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát, đối với tất cả các nẻo trong ba cõi đều dừng dứt mọi sự kết hợp ràng buộc, không còn các sự phân biệt về hướng, lối, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã tạo được mọi thành tựu cho chúng sinh, có thể thực hiện đầy đủ pháp Tinh tấn ba-la-mật, vì thế Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi mọi chúng sinh được xem như chín vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát, vì thương xót mọi chúng sinh nên dốc tu tập Đệ nhất nghĩa, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã tạo được mọi thành tựu cho chúng sinh, có thể thực hành đầy đủ pháp Thiền định ba-la-mật, vì vậy, Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi mọi chúng sinh được xem như là mười vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát, do vì mọi chúng sinh, nên đối với mọi nẻo ấm, giới, nhập, ba thọ trong ba cõi, đều không phân biệt, hoàn toàn dứt mọi phân biệt, an trụ nơi cõi thật đế dốc tu tập Đệ nhất nghĩa, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã tạo được mọi thành tựu cho chúng sinh, có thể thực hiện đầy đủ pháp Trí tuệ ba-la-mật, vì vậy Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi mọi chúng sinh được xem như là mười một vầng nhật nguyệt.

Này thiện nam! Như thế là chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát ấy đã ở nơi lâm viên tịch tĩnh tu nẻo Đệ nhất nghĩa đạt được như mặt trăng, dùng bốn thứ vô ngại đem lại mọi thành tựu cho chúng sinh có thể thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, này thiện nam! Làm thế nào để Bồ-tát Ma-ha-tát, trong lúc tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa, đem lại mọi thành tựu cho chúng sinh, lại đạt được như mặt trăng?

Này thiện nam! Như Bồ-tát Ma-ha-tát, trụ nơi lâm viên tịch tĩnh, hoặc đi đứng hoặc nằm ngồi, xa lìa mọi phân biệt về hết thảy các nẻo ấm giới nhập trong ba cõi, từ sự an trụ không phân biệt ấy tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa. Lúc này, các hàng địa hành Thiên, Long, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Cưu-bàn-trà, Ngạ quỷ, Tỳ-xá-già, Phú-đơn-na, Ca-trá Phú-đơn-na, đói khát lạnh nóng lại thêm kinh sợ, thân tâm luôn bị bức bách, thường mang lòng sân hận xấu ác, đối với mọi chúng sinh không hề có

lòng thương xót, không biết lo sợ về đời sau, hết thảy các hàng đó, từ Thiên, Long cho tới chúng Ca-trá Phú-đơn-na đi tới chỗ Bồ-tát, trông thấy thế thì cất tiếng cười lớn mà muốn đoạt lấy khí lực tinh túy của Bồ-tát, lại đem khí ác hà hơi thay vào, cùng muốn quấy động làm cho tâm Bồ-tát bị tán loạn. Các chúng quỷ thần đó tuy dấy ý xấu ác như thế, nhưng cách xa một do-tuần đã không thể đi tới chỗ Bồ-tát được, làm sao có thể thực hiện được những ý đồ xấu ác vừa kể?

Các chúng quỷ thần ấy sinh tâm cho là điều hết sức lạ lùng! Thế là lại hiện ra những hình sắc cực kỳ xấu ác nhằm khiến cho Bồ-tát tâm kinh sợ mà bị phân tán. Nhưng Bồ-tát vẫn ung dung đi đứng, thậm chí không thể làm lay động được một chút lông nơi chân tướng, nói chi tới việc có thể tạo được mọi thứ não loạn khác.

Đám Thiên, Long cho tới quỷ Ca-trá Phú-đơn-na ấy đã dùng hết thảy các phương tiện xấu ác nhưng chẳng thể làm não loạn được chút gì cả đối với chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa. Đám quỷ thần đông đảo đó, ở nơi chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa đế, liền sinh tâm kính tin tôn trọng ngưỡng mộ, cho là điều ít có. Do sinh lòng kính tin đối với Bồ-tát ấy, nên thân tâm của chúng quỷ thần kia dứt hết khổ, có được đầy đủ an lạc. Chúng quỷ thần đó lại thường lui tới chỗ Bồ-tát cung kính đảnh lễ, trở về lại nơi

chốn gốc của mình, mọi việc đi lại dừng trụ đều thư thái, lại đối với chúng sinh tạo được sự tương hợp kính trọng, thường sinh tâm Từ, không còn sinh tâm sợ hãi, chẳng còn sinh tâm xu nịnh, tâm não hại, dứt mọi tâm oán thù, tâm chống đối tranh giành, tạo được tâm bình đẳng, dừng dứt tâm sát hại sinh mạng, cho tới việc dứt trừ tâm tà kiến. Chúng quỷ thần ấy luôn luôn hướng về Bồ-tát bày tỏ sự kính trọng hết mực, đầu mặt cung kính đảnh lễ phát nguyện sám hối hết thảy tạo mọi tạo tác tội lỗi và thưa:

–Chúng tôi từ nay cho đến về lâu về dài, trong dòng lưu chuyển của sinh tử, dù trải qua bao thời gian cũng sẽ xin dốc lòng cung kính cúng dường Bồ-tát, xin được làm kẻ tả hữu, bạn thân, hàng tri thức, anh em, quyến thuộc cùng làm Đàn-na thí chủ, cho đến khi Bồ-tát ở nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng thành Bậc Chánh Giác, bấy giờ xin Bồ-tát, ở trong ba thừa thọ ký cho chúng tôi. Nhờ uy lực của Bồ-tát ấy chúng tôi sẽ ở nơi dòng sinh tử lưu chuyển đạt được giải thoát nhập vào được thành vô úy. Đấy chính là Bồ-tát Ma-ha-tát vào lúc tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa đã tạo được mọi sự thành tựu trọn vẹn cho chúng sinh, có thể thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, vì thế Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi mọi chúng sinh được xem là mười hai vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát, lúc an trụ nơi lâm viên

vắng vẻ tu tập Đệ nhất nghĩa, mọi chúng không hành hiện có như Thiên, Long, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Cưu-bàn-trà, Ngạ quỷ, Tỳ-xá-già, Phú-đơn-na, Ca-trá Phú-đơn-na, đối với mọi chúng sinh hết sức độc ác sân hận không chút thương xót, chẳng biết lo sợ về đời sau, chúng quỷ thần này dù đã tạo ra các thứ hình sắc xấu ác chẳng có chút uy nghi như thế, thậm chí chẳng có thể làm động đến một chút lông nơi thân tướng Bồ-tát Ma-ha-tát an trụ nơi lâm viên tịch tĩnh huống chi là tạo được những thứ não loạn khác! Như thế là chúng Thiên, Long kia liền đối với Bồ-tát Ma-ha-tát sinh tâm kính tin, dẫn đến việc dừng dứt mười nẻo đường bất thiện. Chúng quỷ thần đó luôn luôn tìm đến chỗ Bồ-tát phát nguyện: "Xin sám hối về tất cả mọi tạo tác tội lỗi, xin được làm kẻ tả hữu cho tới khi Bồ-tát ở nơi ba thừa thọ ký cho chúng tôi, chúng tôi ở nơi dòng sinh tử sẽ được giải thoát nhập vào thành vô úy". Đấy chính là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc tu tập ở nẻo Đệ nhất nghĩa đã tạo được mọi thành tựu cho chúng sinh, có thể thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, do vậy Bồ-tát Ma-ha-tát đối với mọi chúng sinh được xem như là mười ba vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát lúc an trụ nơi lâm viên tịch tĩnh tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa, chư Thiên, Long, Quỷ thần, cho đến quỷ Ca-trá Phú-đơn-na, tìm đến gần chỗ của Bồ-tát Ma-ha-tát xin sám hối mọi chướng của nghiệp, chướng của chúng sinh,

chướng của các pháp, chướng của phiền não cho đến việc Bồ-tát tạo được mọi thành tựu cho chúng sinh nên có thể thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, vì thế Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi mọi chúng sinh được xem như là mười bốn vầng nhật nguyệt.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát, lúc an trụ nơi lâm viên vắng vẻ tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa, chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà, Ngạ quỷ, Tỳ-xá-già, Phú-đơn-na, Ca-trá Phú-đơn-na hết sức độc ác sân hận, đối với mọi chúng sinh không có chút lòng thương xót, chẳng dốc kính tin, không hề biết sợ về đời sau cho tới việc chúng quỷ thần ấy, ở nơi chốn của Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa đế, có được lòng kính tin sâu xa tôn trọng quy ngưỡng đối với Bồ-tát, sinh tâm hy hữu, tất cả thảy đều rời bỏ nghiệp ác, cùng lìa bỏ nhà cửa, ngày đêm đi tới chỗ Bồ-tát tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa ấy, tu hành như trên, dứt bỏ sự giết hại sinh mạng, đối với chúng sinh dấy tâm Từ bi, tâm đem lại lợi ích, tâm thương xót mà an trụ, dừng dứt mọi nẻo trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ. Đấy chính là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa có thể thực hiện đầy đủ pháp Bố thí ba-la-mật. Như chúng quỷ thần đó dừng dứt nẻo nói hai lưỡi, đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thực hiện đầy đủ pháp Trì giới ba-la-mật. Như chúng quỷ thần kia dứt bỏ nẻo ác khẩu, đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thực hiện đầy đủ pháp Nhẫn nhục ba-la-mật. Như chúng quỷ

thần ấy đã dừng dứt lời nói thêu dệt, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã có thể thực hành đầy đủ pháp Tinh tấn ba-la-mật. Như chúng quỷ thần ấy dừng dứt tham dục giận dữ, thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thực hiện đầy đủ pháp Thiền định ba-la-mật. Như chúng quỷ thần đó đã từng dứt nẻo tà kiến đạt được chánh kiến, thường xuyên tạo nguyện: "Sẽ khiến cho chúng tôi đạt được trí vô thượng" thì đấy là Bồ-tát Ma-ha-tát đã có thể thực hiện đầy đủ pháp Trí tuệ ba-la-mật.

Như chúng Thiên, Long ấy, kể cả loài quỷ Ca-trá Phú-đơn-na, ở nơi chỗ Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa có được lòng kính tin sâu xa, lại cũng không hề sợ hãi đối với các hàng Sát-lợi, Sa-môn, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà; cũng chẳng kinh sợ đối với nam phu, phụ nữ, trẻ em, trai gái; cũng chẳng kinh sợ đối với các loài vật voi, ngựa, sư tử, cọp báo, chó sói, hươu nai, chim thú; lại cũng không kinh sợ đối với cõi nước, thành ấp, làng xóm nhà cửa; lại không kinh sợ đối với đất, nước, gió, lửa; lại cũng không kinh sợ đối với cây cỏ, cây thuốc, rừng cây, hoa quả, các thứ thực vật. Đấy chính là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc dốc tu tập Đệ nhất nghĩa đã tạo được mọi thành tựu cho chúng sinh dẫn tới có thể thực hiện trọn đủ sáu pháp Ba-la-mật, vì vậy, Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi mọi chúng sinh được xem như là mười lăm vầng nhật nguyệt hoàn toàn viên mãn.

Như thế là Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi lâm viên tịch tĩnh dốc tu tập nẻo chân đế Đệ nhất nghĩa nên mau chóng thực hiện trọn đủ sáu pháp Ba-la-mật. Ví như mười lăm vầng nhật nguyệt được chúng tinh tú vây quanh hết mực đẹp đẽ vi diệu; cũng như thế, Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Đệ nhất nghĩa đế, đã tạo được tâm kính tin cho chúng Thiên, Long cho tới loài quỷ Ca-trá Phú-đơn-na, được chúng ấy khéo tìm đến vây quanh hết mực vi diệu đáng quý mến. Ví như mười lăm vầng nhật nguyệt tỏa chiếu sáng xua trừ hết thảy mọi nẻo vô minh tăm tối, Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Đệ nhất nghĩa đế cũng như vậy, đã tỏa chiếu ánh sáng giác ngộ xua trừ mười nẻo bất thiện của chúng Thiên, Long cho tới loài quỷ Ca-trá Phú-đơn-na. Ví như thể tánh của ánh trăng là trong lành mát mẻ có thể khiến cho mọi chúng sinh bị phiền não nung đốt có được thân tâm an lạc; cũng vậy, Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Đệ nhất nghĩa, đã có thể khiến cho chúng Thiên, Long cho tới loài quỷ Ca-trá Phú-đơn-na thường bị sự sân hận não loạn, được trụ nơi tâm Từ, thân đạt được an lạc. Ví như ánh trăng khiến cho người mất đường đi thấy lại được đường mình đi, cũng như thế, Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Đệ nhất nghĩa đế, đã khiến cho chúng Thiên, Long, Dạ-xoa kể cả loài quỷ Ca-trá Phú-đơn-na đã bị mất đường đi về nẻo thiện, bấy giờ đối với cõi trời, người đều dấy khởi tâm thương quý giúp đỡ, dẫn tới việc nhận

biết về ba thừa của đạo pháp giác ngộ. Ví như mười lăm vầng nhật nguyệt hết thảy viên mãn tỏa chiếu nơi ngọc báu ma-ni nguyệt ái, thì ngọc báu ma-ni ấy, do nhờ ánh sáng mặt trăng chiếu vào, nên có thể là tuôn ra nhiều nước làm đầy nơi các sông nhỏ cùng các sông lớn dẫn tới làm đầy nơi biển rộng; cũng như thế, Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập nẻo chân đế Đệ nhất nghĩa, do diệu lực của những oai nghi từ nơi mình nên đã khiến cho, thậm chí cả loài quỷ Ca-trá Phú-đơn-na cũng có được lòng kính tin sâu xa, từ đấy chúng không còn sợ hãi các hàng Sát-lợi cho tới đám trẻ em gái trai, chẳng còn sợ hãi đối với thành ấp, xóm làng cho đến rừng cây hoa trái; nhờ vào nhân duyên ấy mà chúng Nhân phi nhân kể cả loài quỷ Ca-trá Phú-đơn-na, loài hươu nai chim thú kia thảy được đầy đủ đối với chỗ cần dùng của mình, do đấy chúng không còn não hại lẫn nhau, thân tâm được an lạc, đối với mười nẻo nghiệp lành có thể gắng sức dốc tu tập, dẫn tới việc ở nơi cõi trời, người được nhận lấy quả báo đầy đủ vui sướng. Nhờ nhân duyên ấy, đối với ba thừa của đạo giải thoát chúng đã đạt pháp không thoái chuyển. Chư Thiên, người như thế là cũng có thêm được lợi ích lớn lao.

Như Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi lâm viên tịch tĩnh tu tập Đệ nhất nghĩa, có thể khiến cho chư Thiên, người có được an lạc yên định, nhờ đấy mà Bồ-tát có thể mau chóng thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-

la-mật. Vì vậy mà chư Bồ-tát Ma-ha-tát nên trụ nơi lâm viên tịch tĩnh để tu tập Đệ nhất nghĩa, đối với tất cả các căn lành, các pháp Tam-muội, Đà-la-ni, luôn bền vững, nhẫn nhục, an trụ để tạo được mọi thành tựu trọn vẹn.

Như núi chúa Tu-di luôn được an trụ vững bền. Cũng như thế, Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập nẻo chân đế Đệ nhất nghĩa, ở nơi tất cả căn lành của pháp Bố thí ba-la-mật hàng phục các thứ phiền não. Như Na-la-diên, Bồ-tát dùng pháp Nhẫn nhục ba-la-mật điều phục tất cả mọi nẻo ác kiến trong ba cõi. Như cây Ba-lợi-chất-đa la bắt đầu nở hoa, Bồ-tát dùng pháp Tinh tấn ba-la-mật khiến cho vô số hoa căn lành được nở rộ. Như ánh sáng rực rỡ của vầng mặt trời, Bồ-tát dùng pháp Thiền định ba-la-mật có thể xua trừ mọi nẻo vô minh tăm tối. Như mười lăm vầng nhật nguyệt hoàn toàn viên mãn, Bồ-tát dùng pháp Trí tuệ ba-la-mật tạo nên mọi công đức trang nghiêm khiến mọi sở nguyện đều được thành tựu đầy đủ.

Như ngọc báu như ý có thể dứt trừ sự bần cùng, Bồ-tát dùng phương tiện của vô số căn lành không thể cùng tận, để tạo nên của cải trí tuệ không hề suy giảm đem đến sự sung mãn cho các pháp nguyện. Như đám mây lớn có thể tuôn xuống trận mưa lớn, cũng như thế Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi lâm viên tịch tĩnh tu tập diệu nghĩa bậc nhất nên có thể tuôn xuống đầy dẫy những trận mưa pháp

báu. Như Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Đệ nhất nghĩa, khéo có thể an trụ nơi hạnh Bồ-tát, khiến cho hết thảy các việc ma rốt cuộc không thể làm động được, đạt được pháp không thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng đạt được vô số các thứ hoa báu công đức trang nghiêm viên mãn, đạt đến tất cả các pháp trí tuệ sáng tỏa. Như ngọc báu ma-ni Tràng thượng có thể làm nên mọi ý nghĩa. Như chiếc bình đẹp của Tỳ-sa-môn vương có thể dẫn đến tất cả ngọc đuốc trí tuệ. Như có được ngọc báu ma-ni Nguyệt ái ở trên bàn tay, hết thảy mọi đối tượng nhận biết đều được viên mãn. Giống như biển rộng. Cũng như vào mùa Đông mặc lấy tấm áo hổ thẹn. Như người dũng mãnh khéo sử dụng vô số các thứ dao gậy bền chắc. Như khéo giáo hóa, ẩn tránh để nuôi dưỡng hết thảy chúng sinh. Như ao A-na-bà-đạt-đa, chúng Khẩn-na-la đều cùng được thọ nhận phước báo. Cũng như hoa sen đối với mọi thứ bùn đất phiền não không thể làm cho ô nhiễm. Như một khối lớn gồm nhiều hoa báu, vô số trăm ngàn pháp môn lớp lớp vây quanh. Cũng giống như chuỗi hoa báu, là chốn chiêm ngưỡng của hết thảy hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Giống như ao suối tràn đầy nước trong lành có thể rửa sạch các thứ phiền não cấu uế của chúng sinh. Như con sông lớn Tư-đà có thể trừ hết các thứ phiền não ác kiến cấu nhiễm nơi muôn loài. Như chiếc thuyền nơi dòng

sông lớn, có thể chở đưa chúng sinh với cả sông phiền não đạt tới bờ giác. Như Sư tử Chỉ-tát-lợi, hàng phục được hết thảy chúng tà kiến đạo khác. Như chày kim cương của Đế Thích có khả năng trấn áp tất cả mọi chúng A-tu-la đầy phiền não. Cũng giống như những lọng tán, có thể ngăn che cho chúng sinh đối với các trận mưa phiền não. Như đại Phạm vương, khiến cho mọi chúng sinh vượt qua khỏi dòng trôi chảy của cõi sinh tử mênh mông, chỉ rõ nẻo Niết-bàn giải thoát. Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi lâm viên tịch tĩnh tu tập nẻo Đệ nhất nghĩa, tạo được những thành tựu trọn vẹn về vô lượng công đức như thế.

Này thiện nam! Như thế thì diệu nghĩa bậc nhất của Chân đế đã được thể hiện nơi văn nghĩa như thế nào?

Diệu nghĩa bậc nhất của Chân đế là Cú nghĩa năm căn, là diệu nghĩa của Tam-muội căn, là diệu nghĩa của đại Từ, đại Bi, là diệu nghĩa của sự tin tưởng sâu xa nơi Nhất thiết trí, là diệu nghĩa của việc dùng bốn Nhiếp pháp để thu nhận hết thảy chúng sinh, là diệu nghĩa của việc hộ trì chánh pháp, là diệu nghĩa của sự dốc cầu tất cả pháp Phật, là diệu nghĩa của việc xa lìa các nạn, là diệu nghĩa trụ nơi công đức của Phật, là diệu nghĩa của nỗ lực vượt qua quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật, là diệu nghĩa của quá trình làm thanh tịnh ba nghiệp, là diệu nghĩa của việc dùng các pháp Tam-

muội trang nghiêm nơi tâm, là diệu nghĩa của việc gắng làm trong sạch ba nẻo ác khiến cho mọi chúng sinh lìa bỏ đạo tà, là diệu nghĩa tin hiểu về nhẫn, là diệu nghĩa đem lại thành tựu trọn vẹn cho chúng sinh đạt pháp Nhẫn vô sinh, là diệu nghĩa xa lìa mọi yêu ghét, là diệu nghĩa đối với các pháp luôn có sự quyết đoán, là diệu nghĩa phân biệt sự nhận rõ các pháp, là diệu nghĩa của quá trình dốc cầu Nhất thiết trí, là diệu nghĩa của sự đạt được mọi trợ duyên cho Bồ-đề, là diệu nghĩa của sự thấu đạt mười hai nhân duyên, là diệu nghĩa phân biệt thượng thủ, là diệu nghĩa của ba pháp bất hộ, là diệu nghĩa của bốn Vô úy, là diệu nghĩa của mười Lực, là diệu nghĩa của tâm đại Từ, đại Bi đem lại mọi thành tựu cho chúng sinh, là diệu nghĩa dùng phương tiện dốc cầu mười Lực Đệ nhất nghĩa đế của Như Lai, là diệu nghĩa của mười Địa, là diệu nghĩa của sự đạt được đạo quả cao tột, là diệu nghĩa của sự hàng phục chúng ma, là diệu nghĩa của kết quả đạt được Nhất thiết chủng trí, là diệu nghĩa chuyển bánh xe chánh pháp, là diệu nghĩa của việc tuôn các trận mưa chánh pháp, là diệu nghĩa của đại nguyện độ hết thảy chúng sinh, là diệu nghĩa tạo lập tám Thánh đạo. Nói chung là diệu nghĩa bậc nhất của chân đế hàm chứa vô lượng diệu nghĩa lớn lao như thế!

Này thiện nam! Diệu nghĩa bậc nhất của chân đế tẩy rửa sạch được mọi cấu nhiễm của kết sử,

tiêu diệt hết thảy mọi xấu ác, có khả năng hóa độ mọi chúng sinh bị ngập nơi bùn lầy phiền não, làm khô cạn mọi dòng sông tham ái, vượt qua được tất cả dòng lưu chuyển trong cõi mênh mông, có khả năng phá tan bao lớp lưới kiến chấp, chiếu tỏa xua trừ sạch vô minh, điều phục các oán, diệt trừ mọi lo sầu khiến cho các căn được thích ứng hoan hỷ để hội nhập chánh đạo, giác ngộ các pháp, tăng trưởng căn lành rời bỏ nẻo phàm ngu si đi vào con đường Hiền thánh đạt đến đạo Bồ-đề.

Này thiện nam! Như thế là với diệu nghĩa bậc nhất của chân đế thì hết thảy mọi thứ công đức đều viên mãn, thành tựu được trí tuệ vô thượng tối thắng, có thể khiến cho chúng sinh ở nơi mọi nẻo sinh tử vượt đến bờ giải thoát.

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Nguyệt Tạng thưa với Đức Phật:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Chỗ gọi là pháp Tam-muội, người thực hành pháp Tam-muội lấy cái gì làm thân, làm chỗ duyên dựa, làm tưởng, làm tướng, làm tánh? Diệu nghĩa bậc nhất của chân đế lấy cái gì làm thân, làm chỗ duyên dựa, làm tưởng, làm tướng, làm tánh?

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Bồ-tát đối với các pháp Tam-muội đã từng tu tập lâu dài, căn lành viên mãn, Bồ-tát này đã vì mọi chúng

sinh nên thỉnh vấn Như Lai những ý nghĩa như thế! Này thiện nam! Bồ-tát nay hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ ghi nhớ. Ta sẽ vì Bồ-tát mà phân biệt nêu giảng rõ.

Bồ-tát Ma-ha-tát Nguyệt Tạng thưa với Đức Phật:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Con xin vâng theo lời dạy.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Chư vị thuộc thừa Thanh văn thực hành pháp Tam-muội, tên là Tam-muội Bất thiện, thân là ba cõi, nơi duyên dựa là sự điên đảo, tưởng là bất tịnh, tướng là sự lìa chán, tánh là không vui mừng.

Tam-muội địa giới ấy, thân là chẳng phân ly, nơi duyên dựa là thủ, tưởng là sự nặng cứng, tướng là sự kiên cố, tánh là sự hủy hoại tan nát.

Tam-muội thủy giới ấy, thân là chẳng phân ly, nơi duyên dựa là sự tràn đầy, tưởng là sự nhuần thắm, tướng là sự thưa thớt mềm mại, tánh là sự khô cạn.

Tam-muội hỏa giới ấy, thân là chẳng phân ly, nơi duyên dựa là sự thành thục, tưởng là sự nóng đốt, tướng là sự thiêu cháy, tánh là sự tận diệt.

Tam-muội phong giới ấy, thân là chẳng phân ly, nơi duyên dựa là hơi thổi lên, tưởng là vô ngại, tướng là mau chóng gấp gáp, tánh là sự nhẹ nhàng

bay bổng.

Tam-muội phân biệt ấm ấy, thân là sự khao khát tham ái, nơi duyên dựa là duyên khởi, tưởng là lìa bỏ, tướng là sự khổ, tánh là vô ngã.

Tam-muội không ấy, thân là pháp thông lợi, nơi duyên dựa là Niết-bàn, tưởng là không có vật, tướng là sự khai mở trông thấy, tánh là không một cách rốt ráo.

Tam-muội vô tướng ấy, thân là sự lìa bỏ ba kiết, nơi duyên dựa là Niết-bàn, tưởng là không, tướng là sự dừng dứt, tánh là sự suy cứu tận cùng.

Tam-muội như thị tâm-tâm pháp, thân là năm thức, nơi duyên dựa là nhân duyên, tưởng là sự tu hành thường xuyên, tướng là sự mau chóng, tánh là không có nơi chốn nương tựa.

Đó là các Tam-muội của thừa Thanh văn. Tu tập pháp Tam-muội duyên khởi ấy thì gọi là pháp Tam-muội Duyên giác thừa.

Này thiện nam! Về nẻo an trụ nơi Đại thừa có các pháp Tam-muội:

Tam-muội Từ ấy, thân là sự nhớ nghĩ, nơi duyên dựa là chúng sinh, tưởng là không còn bị ngăn ngại, tướng là dứt mọi sân hận, tánh là không còn vẩn đục.

Tam-muội Bi ấy, thân là sự nhớ nghĩ, nơi duyên dựa là chúng sinh, tưởng là không hại, tướng là sự cứu vớt, tánh là lòng xót thương.

Tam-muội Hỷ ấy, thân là sự nhớ nghĩ, nơi duyên dựa là chúng sinh, tưởng là sự gắn bó với an lạc, tướng là sự yêu mến an lạc, tánh là không công dụng.

Tam-muội Xả ấy, thân là sự nhớ nghĩ, nơi duyên dựa là chúng sinh, tưởng là không giận dữ vui mừng, tướng là luôn lìa bỏ, tánh là không công dụng.

Tam-muội niệm Phật ấy, thân là pháp tánh, nơi duyên dựa là hình tượng, tưởng là xứ sắc, tướng là sự yêu mến kính trọng, tánh là hoan hỷ.

Tam-muội niệm A-na-ba-na ấy, thân là lấy thân làm thân, nơi duyên dựa là niệm, tưởng là chẳng trụ, tướng là nóng lạnh, tánh là sự sinh diệt.

Này thiện nam! Như thế là diệu nghĩa bậc nhất nơi Chân đế của pháp Tam-muội Tam-ma-bạt-đề tứ thiền diệt không đã dựa vào niệm A-na-ba-na. Thế nào gọi là niệm A-na-ba-na? A-na gọi là hơi thở vào, Ba-na gọi là hơi thở ra, niệm đó là tâm pháp.

Này thiện nam! Hành giả nên tu tập pháp dựa hơi thở vào, xuất hơi thở ra, đã tu tập thì thân nương tựa mà tâm cũng được nương tựa. Nên tu tập như thế nào? Một là đếm, hai là thuận theo, ba là dừng lại, bốn là quán tướng, năm là chuyển trở lại, sáu là đạt được sự trong lành khoan khoái. Về đếm có hai thứ động tác: Một là dựa vào đấy để

xua trừ mọi giác quan khác, hai là cùng giữ lấy hơi thở vào. Về thuận theo cũng có hai động tác: Một là dựa vào hơi thở ra để xua trừ các giác quan, hai giữ lấy hơi thở cùng vào. Về dừng lại cũng có hai động tác: Một là thể hiện rõ hơi thở ra vào dần dần giảm hết, hai là an trụ nơi pháp Tam-muội. Quán tưởng cũng có hai động tác: Một là thể hiện rõ hơi thở ra vào dần dần giảm hết hẳn, hai là quan sát tâm, các pháp của tâm, đủ thứ khác biệt cùng chốn chốn dừng lại. Về chuyển trở lại cũng có hai động tác: Một là dứt hẳn ba thứ thọ nhận, hai là làm dừng lại ba thứ hành. Nhờ đấy mà đạt được hoàn toàn pháp Tam-muội không. Những gì gọi là Tam-muội không? Đó là nhận thấy các pháp là không thọ mạng, xem các pháp là không chủ. Ở nơi đấy trụ được bảy thứ không. Những gì là bảy? Đó gọi là ấm không, giới không, nhập không, đế không, nhân duyên không, pháp không và tánh không, đấy là Tam-muội không. Trụ nơi pháp Tam-muội không ấy làm tăng trưởng sự dứt bỏ các nhân duyên ràng buộc. Từ sự tăng trưởng đó mà mọi sự việc được dừng dứt, mọi sự việc được dừng dứt nên mọi con đường cũng dừng dứt.

Này thiện nam! Đó là Bồ-tát Ma-ha-tát nơi đệ tứ thiền đạt diệu lý "Bất khả đắc", "Vô ngôn thuyết", đạt đến diệu nghĩa đệ nhất đế của pháp Tam-muội, chẳng phải là cảnh giới của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Bồ-tát Ma-ha-tát đạt

được xứ thiền định, nên rốt ráo không còn bị lui xuống hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, có thể thực hiện viên mãn sáu pháp Ba-la-mật, ở trong khoảng bảy ngày đêm tạo nên sự thành tựu trọn vẹn cho vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh, chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, kể cả loài quỷ Ca-trá Phú-đơn-na, huống chi là có thể hành hóa trong nhiều ngày đêm, nhiều thời gian. Tùy theo các quốc độ, thành ấp hiện có, nên có sự an trụ nơi Đệ nhất nghĩa Thiền như thế! Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi các quốc độ ấy tạo được mười hai thứ công đức đem lại nhiều lợi ích. Những gì là mười hai công đức ấy?

1. Ở nơi quốc độ ấy, quốc vương không hề giận dữ buồn phiền, các hàng Bà-la-môn, Sa-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, cũng không giận dữ buồn phiền, các tầng lớp nam phu phụ nữ, trẻ em trai gái cùng cả các loài súc sinh cầm thú cũng không dấy tâm giận dữ sầu não.

2. Ở nơi quốc độ đó, đám thù địch nơi phương khác không hề đến xâm phạm bờ cõi, nạn binh đao cũng không dấy khởi.

3. Ở nơi quốc độ ấy không có nạn giặc cướp trộm, không có tình trạng dối trá lừa gạt lẫn nhau.

4. Nơi quốc độ ấy, không có kẻ xấu ác lai vãng, không xảy ra các bệnh dịch, chỉ trừ khi bốn đại chống đối nhau tạo nên bệnh, rốt cuộc không có

những cái chết ngang trái oan uổng, trừ trường hợp quả báo tự thân đã hết.

5. Ở quốc độ ấy, cũng không xảy ra các hiện tượng gió mưa nóng lạnh trái thời tiết.

6. Ở nơi quốc độ đó hết thảy chúng sinh đều không sân hận, độc ác, hung bạo, nóng nảy, hay đảo điên kiến chấp vì bị si mê che lấp, chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Cưu-bàn-trà, Ngạ quỷ, Tỳ-xá-già, Phú-đơn-na, Ca-trá Phú-đơn-na, cả đến sư tử, voi trắng, hổ báo, chó sói, rắn rít độc hại đủ loại… cũng không gây nhiễu hại.

7. Ở nơi quốc độ ấy cũng không có các loài ruồi nhặng độc hại, các loài sâu bọ, chuột chồn cáo, các thứ chim dữ đều không xâm hại các loài khác, các thứ côn trùng cũng không phá hoại hoa màu.

8. Ở nơi quốc độ đó, những thứ hoa quả đều tươi đẹp mùi vị thơm ngon ngọt dòn, không hề có những vị cay đắng hôi chát, cũng không có cảnh đói khát vì mùa màng thất bát, các loài hoa trái dùng làm dược liệu cũng rất phong phú.

9. Ở nơi quốc độ ấy đất đai đều bằng phẳng, ngay ngắn, không có những vùng đất hoang rộng hay những gò nổng cao thấp, những chốn hiểm nạn. Đất đai không có những mảng đất mặn hay bị nước biển xâm thực, cũng không có hầm hố sâu, khe sâu, hoa quả cây cối luôn được xanh tươi,

chen chúc sầm uất. Vì thế dân chúng không hề bị thiếu đói về chuyện ăn mặc, mọi nhu cầu luôn được dồi dào, cuộc sống an lạc.

10. Ở nơi quốc độ đó, dân chúng không gây thù oán, tranh cãi, gây gỗ lẫn nhau, cũng không có cảnh kiện tụng tranh chấp, trái lại, thảy đều có tâm Từ bi, tâm đem lại lợi ích, tâm vui vẻ hòa đồng, tâm dốc tu tập các pháp bố thí giữ giới nhẫn nhục tinh tấn thiền định trí tuệ, tâm cầu pháp giác ngộ, tâm không sai trái phản bội, tâm siêng cầu ba thừa chánh pháp, tâm mong đạt giải thoát, tâm biết đủ, chỉ trừ những trường hợp đã tạo ra các nghiệp bất thiện, oán thù từ quá khứ.

11. Ở nơi quốc độ ấy sẽ được chư Phật trụ thế, nếu không có chư Phật thì có các các bậc Duyên giác trụ thế, nếu không có bậc Duyên giác thì có bậc Thanh văn trụ thế, nếu không có bậc Thanh văn thì có hàng Tiên đạt được năm thứ thần thông trụ thế. Nơi quốc độ này luôn có các bậc xứng đáng thọ nhận sự cúng dường như thế.

12. Ở nơi quốc độ đó không hề có các thứ âm thanh xưng gọi xấu ác hoặc chẳng đem lại sự vui thích. Đấy là âm thanh trách phạt, âm thanh tranh tụng kiện cáo, âm thanh của sự trói buộc tra khảo nơi ngục tù, âm thanh giết hại, âm thanh mặc áo giáp dày ra trận, âm thanh của sự săn bắn bắt bớ loài vật, âm thanh của việc trộm cắp cướp giật, âm thanh mắng chửi, âm thanh đố kỵ khắc nghiệt, âm

thanh của sự túng thiếu, đói kém vì mất mùa, âm thanh vì không đủ áo quần che thân, âm thanh khi đối nơi sự lăng nhục, âm thanh của sự tà dâm, âm thanh của sự nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô bỉ độc ác, nói thêu dệt, âm thanh của lòng tham dục, giận dữ, âm thanh của sự việc quy ngưỡng nơi Thiên thần xấu ác. Nơi quốc độ này không hề có các thứ âm thanh tà ác như thế. Trái lại, quốc độ này luôn có đầy đủ những thứ âm thanh tốt đẹp, đó là âm thanh của ba ngôi báu, âm thanh của ba thứ Luật nghi, âm thanh của bốn Phạm trụ, của bốn Pháp nhiếp phục, âm thanh của sáu pháp Ba-la-mật, âm thanh của pháp Nhẫn vô sinh, âm thanh của sự việc đạt được đạo quả cao, âm thanh không còn thọ nhận sinh tử ở đời sau, âm thanh hàng phục chúng ma, âm thanh của sự kiện chuyển pháp luân, âm thanh tuôn những trận mưa chánh pháp. Nói chung là ở nơi quốc độ này, những loại âm thanh tốt đẹp hướng thiện như thế luôn được thể hiện hết sức phong phú sung mãn. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Đệ nhất nghĩa Thiền, theo chỗ trú xứ của mình, đã khiến cho mọi chúng sinh nơi quốc độ ấy đều được hướng tới nẻo Bồ-đề vô thượng, ở trong ba cõi, tăm tiếng vang động khắp thế gian.

Như có chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát muốn mau chóng thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, cùng muốn đem lại sự thành tựu trọn vẹn cho vô số vô lượng vạn ức chúng sinh mau đạt đạo quả Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phải nên chọn nơi chốn lâm viên thanh vắng tịch tĩnh, tạo được sự tương ứng với bốn Thánh chủng mà an trụ. Như thế là chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát do sự tu tập chân đế Đệ nhất nghĩa nên đạt được trí tuệ của bậc chứng Địa thứ tám.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhằm làm sáng tỏ thêm những ý nghĩa vừa nêu giảng nên nói kệ:

Nguyệt Tạng hỏi bậc Thiên nhân sư
Nguyện vì con nói lời "Thượng Nguyệt"
Làm sao Bồ-tát trụ Lan-nhã
Làm sao tu tập Đệ nhất nghĩa?
Làm sao nơi ấy đạt Như Nguyệt
Cùng tương ứng nghĩa trí vô ngại
Khiến vô số chúng sinh thành tựu
Nhờ đấy mau đạt đủ sáu Độ.
Đoạn trừ phiền não cùng các hành
Phật dạy tu tập Đệ nhất nghĩa
Xem ba cõi: Lửa phiền não khổ
Già bệnh sầu buồn chết bức bách.
Nơi mọi chúng sinh dấy lòng thương
Chóng rời ái thủ nhân duyên buộc
Vui thích Thánh chủng trụ Lan-nhã
Nơi Đệ nhất nghĩa luôn tương hợp.
Người tu các Thiền rời sáu căn
Cũng lìa ái thủ ấm giới nhập
Ba cõi, cảnh giới trừ tận ái

Xa lìa ba đời nẻo đoạn thường.
Nơi thiền tổn giảm hết, chẳng niệm
Người ấy lìa được bụi trắng đen
Cũng lìa sáng tối mọi phân biệt
Luôn dốc tu tập Đệ nhất nghĩa.
Xa lìa ấm giới, trụ Bồ-đề
Nơi các thế gian được như nguyệt
Chúng sinh, cõi nước, dứt kinh sợ
Giống như trăng tròn chiếu thế gian.
Chúng sinh như thế được an lạc
Như trăng lánh lặng ánh sáng ngời
Nơi các quốc độ thanh ác dứt
Công đức như vậy cũng như nguyệt.
Nếu người tu tập Đệ nhất nghĩa
Thế gian đầy âm thanh vi diệu
Thiếu, bệnh, tranh cãi thảy dừng dứt
Khiến mọi chúng sinh hướng Bồ-đề.
Tin, thuận, nhẫn Đệ nhất nghĩa thành
Đạt Nhẫn vô sinh cũng như vậy
Cũng nhờ đấy đạt trí vô ngại
Nên chóng hành hóa đủ sáu Độ.
Cũng nhờ pháp ấy độ chúng sinh
Cũng chính pháp ấy chóng thành Phật.
Thanh văn xứ bất thiện
Điên đảo cũng nên lìa
Địa giới chẳng phân ly
Vững, nặng, tánh hủy hoại.
Thủy giới chẳng phân ly

Thưa, nhuận, thể khô cạn
Hỏa giới thiêu đốt cháy
Tưởng nóng, tánh diệt tận.
Các âm tánh ái ấy
Nhân duyên được dừng dứt
Không gồm có bảy thứ
Pháp, vật, khiến mở hiện.
Vô tướng dứt tham ái
Cũng dứt bỏ mọi kiết
Rời các nhân duyên tập
Đều từ lực vô nguyện.
Tu tập nhân duyên khởi
Chính là Duyên giác thừa
Đại thừa, mọi chúng sinh
Tu hành các Phạm trụ.
Tam-muội niệm an bát
Khai thị nơi thân tâm
Tâm an trụ tự tại
Dừng dứt ba thứ thủ.
Ngôn thuyết chẳng thể đạt
Đó là Đệ nhất nghĩa
Chẳng bậc hai thừa kia
An trụ cõi thật ấy.
Nếu dùng Tam-muội đó
Vô số chúng thành tựu
Danh xưng đầy trong ấy
Hành giả chóng thành Phật.
Vì thế, như muốn đủ

Các pháp Ba-la-mật
Cùng muốn thành Phật đạo
Thường vui A-lan-nhã.
Như luôn vui Lan-nhã
Tu đức hạnh các Thánh
Chóng lìa mọi duyên ngăn
Đạt quả Phật giác ngộ.

Bấy giờ, khi Đức Thế Tôn nêu giảng xong về diệu nghĩa bậc nhất, trong chúng hội có năm trăm bảy mươi vị Bồ-tát Ma-ha-tát cùng ở thời quá khứ tu tập pháp này, tất cả đều đạt pháp Nhẫn vô sinh. Lại có sáu mươi ngàn tần-bà-la Bồ-tát Ma-ha-tát từng tu tập pháp ấy, tất thảy đều ở nơi mười Địa hành đạt được trí tự nhiên. Lại còn có sáu mươi trăm ngàn na-do-tha tần-bà-la chúng sinh, từng ở nơi quá khứ tu tập bốn Phạm trụ cùng bốn Vô ngại, tất cả đều đạt được pháp Tam-muội Nguyệt tạng, tự nhiên thành tựu trọn vẹn được trí tuệ của bậc Bát địa. Còn có tám vạn bốn ngàn vị Tỳ-kheo, các lậu được dứt sạch, tâm được giải thoát. Lại thêm hằng hà sa số chúng sinh chưa phát tâm Bồ-đề vô thượng, lúc này đều ở nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đạt chẳng thoái chuyển.

❑